

BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ

KỶ YẾU
HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG



HÀ NỘI, NGÀY 24 THÁNG 11 NĂM 2021

KỶ YẾU
HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG



BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ

KỶ YẾU
HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG



HÀ NỘI, NGÀY 24 THÁNG 11 NĂM 2021

LỜI GIỚI THIỆU

Văn hóa có vai trò hết sức quan trọng, là nền tảng tinh thần, động lực phát triển của xã hội. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân ta đã xây dựng nên một nền văn hóa đặc sắc, kết tinh quá trình lao động sáng tạo, đấu tranh chống thiên tai, địch họa, mang đậm tâm hồn cốt cách dân tộc, thể hiện sâu sắc trình độ, nghệ thuật ứng xử với tự nhiên và xã hội. Chính nhờ có một nền văn hóa thấm đẫm bản sắc dân tộc làm bệ đỡ, dân tộc ta đã vượt qua được mọi thử thách cam go, không ngừng tiến lên theo dòng chảy của lịch sử.

Nhận thức đúng đắn tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của văn hóa, luôn coi văn hóa là một mặt trận đấu tranh cách mạng, là ngọn đuốc “soi đường cho quốc dân đi”. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng, trong những năm qua, đặc biệt là những năm đổi mới, lĩnh vực văn hóa đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, song vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém cần khắc phục.

Để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần xã hội, là mục tiêu, động lực của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới và hội nhập, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) đã xác định: “Tập trung khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, niềm tự hào, ý chí tự cường, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội và khát vọng phát triển đất nước của toàn dân tộc. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước của mọi người dân Việt Nam. Phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”.

Nhằm triển khai Nghị quyết Đại hội XIII, Ban Bí thư chỉ đạo tổ chức Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII

của Đảng. Đây là một hội nghị rất quan trọng nhằm tổng kết những thành tựu đã đạt được cũng như những hạn chế, yếu kém cần khắc phục trên lĩnh vực xây dựng, phát triển văn hóa, con người trong thời gian qua, nhất là qua 35 năm đổi mới và đề ra những định hướng, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới.

Ban Tổ chức Hội nghị đã nhận được gần 150 bài viết của các ban, bộ, ngành, các tỉnh, thành phố cũng như các nhà khoa học, nhà hoạt động văn hóa, người Việt Nam ở nước ngoài... Các bài viết đã tập trung làm rõ vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội, những thành tựu to lớn cũng như những hạn chế, yếu kém, những vấn đề còn tồn tại phải giải quyết, nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót và giải pháp khắc phục, như: quan điểm, nhận thức, cơ chế quản lý, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với văn nghệ sĩ, tuổi lao động đối với các ngành nghệ thuật đặc thù, cơ chế tự chủ của các đoàn nghệ thuật, cách thức phát huy nghệ thuật truyền thống, phát triển công nghiệp văn hóa - sáng tạo, hay những kinh nghiệm trong quản lý và phát triển văn hóa ở cơ sở... Những ý kiến tâm huyết của các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý, các văn nghệ sĩ, các nhà khoa học, các tổ chức văn hóa, nghệ thuật sẽ là cơ sở để lãnh đạo Đảng, Nhà nước đề ra các chủ trương, chính sách phù hợp xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Trên cơ sở các bài viết tham gia Hội nghị, Ban Tổ chức Hội nghị đã tập hợp in thành cuốn Kỷ yếu cùng tên. Nội dung kết cấu Kỷ yếu được chia làm ba phần:

Phần thứ nhất: Tham luận của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu và thực hành văn hóa.

Phần thứ hai: Tham luận của các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, liên hiệp hội, hội, học viện và nhà trường.

Phần thứ ba: Tham luận của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ban Tổ chức Hội nghị trân trọng ghi nhận và cảm ơn các cá nhân, tổ chức đã gửi tham luận đến Hội nghị. Tuy nhiên, một số tham luận chưa thật sự phù hợp với các yêu cầu về nội dung và thời gian của Hội nghị nên Ban Tổ chức Hội nghị xin phép chưa đưa vào Kỷ yếu phục vụ Hội nghị.

Mặc dù Ban Tổ chức Hội nghị đã rất cố gắng nhưng cuốn Kỷ yếu khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong được các đồng chí và quý vị độc giả góp ý, phê bình.

Xin trân trọng cảm ơn.

Tháng 11 năm 2021

BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ

PHẦN THỨ NHẤT



**THAM LUẬN CỦA CÁC CHUYÊN GIA,
NHÀ KHOA HỌC, NHÀ NGHIÊN CỨU
VÀ THỰC HÀNH VĂN HÓA**

VĂN HÓA - CON NGƯỜI NHÂN TỐ BẢO ĐẢM SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM

GS.TSKH. VŨ MINH GIANG*

Văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội. Cho đến nay, hàng trăm công trình nghiên cứu, trong đó có những tổng kết có giá trị về lý thuyết và những khám phá đặc sắc về các lĩnh vực và dạng thức văn hóa cụ thể đã được công bố trong và ngoài nước. Tuy nhiên, điều quan trọng hiện nay là làm thế nào để khai thác các giá trị văn hóa như một nguồn tài nguyên nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước. Với mong muốn góp phần vào việc phát huy sức mạnh mềm của văn hóa, bài viết này, trên cơ sở phân tích đặc trưng của văn hóa Việt Nam, sẽ đề xuất một số giải pháp cụ thể cho việc hiện thực hóa mục tiêu văn hóa được đặt ngang bằng với kinh tế, chính trị và xã hội.

1. Văn hóa là nền tảng của phát triển bền vững

Văn hóa là thuật ngữ được nhắc tới với tần số vô cùng lớn và được sử dụng hết sức linh hoạt. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có một sự nhất trí hoàn toàn về nội hàm của khái niệm này. Có thể liệt kê ra hàng trăm định nghĩa khác nhau về văn hóa. Hầu như mỗi tác giả khi nghiên cứu về văn hóa đều không thỏa mãn với những định nghĩa đã có nên thường đưa ra định nghĩa cho riêng mình. Điều này nói nên tính chất đa dạng và phong phú của văn hóa, nhưng nếu nghiên cứu kỹ các định nghĩa này thì kỳ thực chúng chỉ là cách diễn đạt khác nhau của hai quan niệm về văn hóa.

Thứ nhất, có một quan niệm từ khá lâu cho rằng, văn hóa chỉ là một lĩnh vực hoạt động của đời sống, tương ứng với những quan hệ xã hội, những sáng tạo tinh thần,... Trên ý nghĩa này, trong quan niệm hiện đại, về đại thể, văn hóa gần giống với những gì thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ở Trung ương và các cơ quan theo ngành dọc ở địa phương (sở, phòng,...).

* Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thứ hai, văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng, là tất cả những gì một cộng đồng người (lóp người, cư dân một phương, một dân tộc...) sáng tạo ra vì mục đích tồn tại và phát triển. Quan niệm này dựa vào định nghĩa của các nhà văn hóa học, theo đó, văn hóa được xem là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử¹. Quan niệm này được UNESCO tích hợp vào phạm trù di sản văn hóa, theo đó văn hóa được hiểu là tổng thể sống động các hoạt động và sáng tạo trong quá khứ và hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống và thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc.

Ở Việt Nam, từ năm 1943, khi nói về văn hóa, Hồ Chí Minh đã nêu lên quan điểm cho rằng “vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”². Đây có thể coi là một định nghĩa khá hoàn chỉnh và sát hợp với thực tế, đồng thời bao quát được cả những quan điểm hiện đại sau này về văn hóa.

Như vậy, văn hóa là tất cả những gì do một cộng đồng (dân tộc) sáng tạo nên trong quá trình lịch sử, nhưng không đồng nhất với lịch sử. Văn hóa là tổng hòa những giá trị đã được kết tinh, trở thành bản sắc, là nền tảng tinh thần của một cộng đồng, phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Đó là những giá trị trường tồn. Nếu như chủng tộc (race) hay giống nòi theo cách nói của người Việt là gene sinh học của một cộng đồng thì văn hóa có thể coi là gene xã hội của cộng đồng ấy.

Văn hóa là tạo nên ứng xử cộng đồng, phản ứng cộng hưởng tập thể trước một hiện tượng hoặc sự việc nào đó. Văn hóa chứa đựng cả những sở trường và sở đoản của một cộng đồng nên khó có thể đạt được kỳ vọng (như thường được nghe) là *phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực...* mà phải theo một triết lý phù hợp với thực tiễn khai thác tất cả những gì mình có để phục vụ phát triển.

Trên thế giới đã có không ít quốc gia thành công trong sự phát triển đất nước khi biết dựa trên nền tảng văn hóa. Kinh nghiệm Nhật Bản rất đáng đưa ra để phân tích. Vào cuối thế kỷ XIX, trước thực trạng đất nước lạc hậu, những nhà cải

1. Edward Burnett Tylor: *Primitive Culture V2: Researches Into the Development of Mythology, Philosophy, Religion, Language, Art and Custom*, Publisher Literary Licensing, London, UK, 2014; Pitirim A. Sorokin: *Social and Cultural Dynamics*, Oxford, UK, 1985; Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

cách tiên phong trong giai đoạn đầu đã đưa ra chủ trương “*thoát Á nhập Âu*” với tâm trạng đầy mặc cảm về sự tụt hậu của dân tộc Nhật. Họ coi mọi thứ của châu Âu đều là chuẩn mực của văn minh. Thậm chí, Bộ trưởng Giáo dục đầu tiên thời Minh Trị là Mori Arinori đã đưa ra đề xuất táo bạo là bãi bỏ tiếng Nhật và chuyển sang dùng tiếng Anh trong tất cả các trường học với suy nghĩ chỉ có giỏi tiếng Anh người Nhật mới có thể đuổi kịp châu Âu¹. Chủ trương này đã làm dấy lên làn sóng tranh luận quyết liệt trong giới trí thức và phản ứng dữ dội của xã hội. Kết cục sau đó là sự thắng thế của quan điểm “*Hòa thần, Dương khí*” (tinh thần Nhật Bản, phương tiện châu Âu) của Fukuzawa Yukichi² đã trở thành tư tưởng chủ đạo cho cuộc cải cách Minh Trị, đưa nước Nhật lên hàng cường quốc trên thế giới vào đầu thế kỷ XX. Văn hóa chính là nền tảng cho bước nhảy ngoạn mục này. Chính vì vậy, mặc dù là nước hiện đại song Nhật Bản là quốc gia đặc biệt coi trọng văn hóa truyền thống.

Bài học thứ hai cũng đến từ châu Á. Đó là “*Kỳ tích sông Hàn*” - một cụm từ khái quát sự biến đổi thần kỳ của Hàn Quốc, từ một đất nước nghèo đói, bị chiến tranh tàn phá nặng nề biến thành một “*con rồng*” và đến giữa thập niên 1990 trở thành thành viên OECD (Organization for Economic Cooperation and Development), tổ chức các quốc gia có nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới. Người Hàn đã có một khẩu hiệu nổi tiếng: *Hãy biến tất cả những gì người Hàn có thành lợi thế cạnh tranh quốc tế*. Người Hàn luôn coi văn hóa là sức mạnh trong thời đại toàn cầu hóa.

Như vậy, từ lý luận đến kinh nghiệm thực tế có thể thấy, chỉ có thể phát triển bền vững khi đứng vững trên nền tảng văn hóa, hay nói cách khác là phải biết mình, biết người và khai thác tối đa những gì mình có mới áp dụng được tối đa những gì mình học và vươn lên, sánh vai với thế giới. Để có thể đưa ra những đề xuất, giải pháp khai thác các giá trị văn hóa Việt Nam phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước, trước tiên cần làm rõ những nội dung cơ bản của văn hóa Việt Nam.

2. Nội dung của văn hóa Việt Nam

Có thể coi văn hóa là căn cước của một cộng đồng, nhưng bao giờ cũng có hai hợp phần nội sinh và ngoại sinh (tiếp thu được từ bên ngoài, biến thành cái của mình). Trước hết, thử xét đến những hợp phần nội sinh của văn hóa Việt Nam. Văn

1. Hall, Ivan Parker: *Mori Arinori*, Harvard University Press, Massachusetts, USA, 1973.

2. Fukuzawa Yukichi (1835-1901), ở Việt Nam ông còn được biết đến với tên gọi Phúc Trạch Dụ Cát, từng sáng lập Đại học tư thục Keio (Khánh ứng nghĩa thực) nổi tiếng. Hàng trăm lưu học sinh Việt Nam được đưa sang Nhật trong phong trào Đông Du đầu thế kỷ XX từng là sinh viên trường này. Ghi nhận công lao của ông với đất nước, chân dung của ông được vẽ trên đồng tiền có mệnh giá lớn nhất của Nhật Bản (1 vạn yên).

hóa thực chất là những sáng tạo của con người trong quá trình tương tác với điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái, môi trường xã hội và hoàn cảnh lịch sử.

Biểu hiện rõ nhất của những nội dung văn hóa chịu tác động của quá trình ứng phó (counteraction) và tương tác (interaction) với điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái là hoàn cảnh thuận lợi cho sự phát triển của nông nghiệp. Với tiềm năng dồi dào của đất và nước (độ phì của đất cao, diện tích canh tác lớn và có điều kiện phát triển nhờ lượng sa bồi khá lớn của hệ thống sông ngòi dày đặc), cùng khí hậu thuận lợi... không khó lý giải vì sao người Việt lựa chọn nông nghiệp làm nghề sống chính suốt mấy nghìn năm và đã từng tạo dựng nên một nền văn minh nông nghiệp có thời tỏa sáng khắp khu vực Đông Nam Á. Nhưng cũng vì thế mà người Việt bị trói chặt vào kinh tế nông nghiệp. Cho đến nay, ba hằng số lớn của lịch sử dân tộc: *kinh tế nông nghiệp, cư dân nông dân, xã hội nông thôn* vẫn là những chỉ số quan trọng để nhận diện người Việt Nam. Do đó, *những căn tính nông dân, những đặc trưng của một xã hội nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến tất cả mọi giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam.*

Trên một phương diện khác, môi trường sông - nước đã tạo nên một *nền văn hóa sông nước*. Tác động của môi trường sông - nước mạnh đến mức người Việt đồng nhất khái niệm quốc gia với NƯỚC. Cũng từ hoàn cảnh sống trong môi trường sông nước, người Việt có khả năng đối phó rất *linh hoạt với mọi tình thế và có lối ứng xử mềm dẻo, phù hợp với hoàn cảnh*. Điều này lý giải vì sao là cư dân nông nghiệp mà người Việt không thủ cựu, rất dễ thích ứng. Có thể coi đây là một đặc trưng nổi trội của văn hóa và con người Việt Nam.

Bên cạnh những thuận lợi, thiên nhiên Việt Nam luôn đặt ra cho con người muôn vàn những thử thách hiểm nghèo, hay gây ra thiên tai bất thường, nhất là các hiện tượng mưa theo mùa, tạo ra lũ lụt, bão tố, ẩm thấp gây sâu bệnh, tàn hại mùa màng... Cuộc đấu tranh vật lộn với thiên nhiên đã tạo nên *truyền thống không chùn bước trước khó khăn và biết cố kết cộng đồng, tạo nên sức mạnh để vượt qua thử thách.*

Một trong những đặc điểm nổi bật của Việt Nam là nằm ở vị trí giao tiếp có tầm chiến lược cực kỳ quan trọng, thường xuyên chịu ảnh hưởng của những toan tính từ bên ngoài. Chính vì vậy, Việt Nam luôn luôn bị xô đập bởi các biến cố khu vực và của thế giới. Tính cách dễ thích ứng và nhạy cảm phần nhiều được hình thành do tác động của yếu tố này. Điều này cũng góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Vị trí giao tiếp và sự phân bố địa lý đã khiến Việt Nam từ lâu đã là một quốc gia đa sắc tộc với những đặc trưng văn hóa khác nhau. Mặc dù vậy, người Việt (Kinh) luôn đóng vai trò chủ thể vì số lượng đông và trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn hẳn so với các cộng đồng dân tộc anh em khác. Đặc điểm trên đã tạo nên truyền thống đa dạng trong văn hóa nhưng hướng tâm vào văn hóa chủ thể - văn hóa Việt.

Văn hóa, tính cách của con người Việt Nam còn được hình thành do tác động của quá trình lao động sản xuất. Như đã nói ở trên, hoạt động lao động sản xuất chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa nước, một nghề rất cần tới sức mạnh tập thể. Làng, một loại hình công xã nông thôn là đơn vị tụ cư phổ biến của cộng đồng chủ thể (người Kinh). Sau lũy tre làng, hàng loạt những sáng tạo văn hóa mang tính cộng đồng đã hình thành. Mặt tích cực của nó là đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong lúc gặp khó khăn, hoạn nạn. Chứng cứ lịch sử cho thấy, người Việt đã khai phá ruộng đất theo phương thức tập thể và vì vậy, đất đai canh tác trong suốt một thời gian lịch sử rất dài thuộc về sở hữu công (cộng đồng). Đoàn kết, tương trợ nhau và nguyên tắc cá nhân tồn tại trong sự phụ thuộc vào cộng đồng dần trở thành một tập tục có cơ chế kinh tế - xã hội bảo đảm.

Trong văn hóa cộng đồng Việt Nam hầu như ít thấy quan hệ trực tiếp giữa cá nhân với các cộng đồng mà chủ yếu là quan hệ trách nhiệm giữa các cấp cộng đồng. Một gia đình (hay rộng ra là một gia tộc) có trách nhiệm với xóm làng, làng có trách nhiệm với nước và ngược lại. Do đó, suy cho cùng, một cá nhân bình thường chỉ có vai trò trong khuôn khổ gia đình họ mà thôi, còn ra đến cộng đồng lớn, cá nhân luôn luôn “không là cái gì”. Vì thế, họ nói đến truyền thống tương trợ, giúp đỡ nhau cũng thường thể hiện ở cấp gia đình trở lên. Cùng với đặc điểm này, tính chất của cộng đồng trong văn hóa Việt đã góp phần làm nên đặc trưng của văn hóa tâm linh. Nhiều tín ngưỡng của người Việt liên quan đến gia đình, dòng tộc mà tiêu biểu nhất là truyền thống thờ cúng tổ tiên. Không phải ngẫu nhiên mà Paul Ory, một học giả Pháp đã đưa ra nhận xét rằng, đối với người dân An Nam, đạo thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng truyền thống nhất và thiêng liêng nhất¹. Thờ vua Hùng là một hình thức thờ cúng tổ tiên ở tầm quốc gia.

Gắn liền với văn hóa cộng đồng là truyền thống dân chủ làng xã. Biểu hiện rõ nét là việc bầu chọn ra người đại diện tham gia bộ máy quản lý làng xã. Trong cơ chế này, “luật pháp” của làng là những phong tục, tập quán, tục lệ được hình thành trong một quá trình lâu dài (lệ làng). Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, dân chủ làng xã nói tới ở đây là một hình thức dân chủ sơ khai. Thực chất của thiết chế dân chủ này là một hình thức tự quản nên các thành viên giám sát lẫn nhau trở thành một yêu cầu tự nhiên và là biện pháp quan trọng để duy trì kỷ cương. Phương thức này chứa đựng tiềm tàng hai khuynh hướng cực đoan. Khuynh hướng thứ nhất là tạo ra tâm lý giám sát thái quá, biến thành sự can thiệp của tập thể vào quá trình phát triển của cá thể, nhất là trong hoàn cảnh chủ nghĩa bình quân chi phối mọi quan hệ trong

1. Paul Ory: *La commune annamite au Tonkin*, Maison d'édition Broché, Paris, 2013.

làng xã. Khuynh hướng thứ hai là khi dư luận không còn được coi trọng thì những hành vi tự do, tùy tiện (vô chính phủ) rất dễ nảy sinh. Chính trong cuốn sách đã dẫn, Paul Ory đã ví làng xã Việt nam như Protée, một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp có tài biến hóa thành bất cứ thứ gì¹.

Di tồn văn hóa dưới dạng tập quán của sản xuất nông nghiệp, một loại hình lao động tương đối tự do, còn được biểu hiện ở tác phong tùy tiện, kỷ luật không chặt chẽ. Sản xuất nông nghiệp truyền thống không cần tới những tính toán chuẩn xác và sự hiệp đồng thật chặt chẽ. Cho đến nay, dù đã có thay đổi rất nhiều, nhưng ảnh hưởng của lối sống nông nghiệp còn rất đậm nét trong mọi mặt của đời sống xã hội. Văn hóa cộng đồng làng xã còn là mảnh đất màu mỡ dung dưỡng tâm lý bình quân chủ nghĩa và một số hạn chế cố hữu khác.

Thói quen, một biểu hiện khác của đặc trưng văn hóa Việt được hình thành do tác động hằng xuyên của hoàn cảnh lịch sử. Vị trí địa lý chiến lược của Việt Nam vừa tạo điều kiện để Việt Nam có cơ hội giao lưu tiếp biến văn hóa, nhưng cũng đặt ra những thử thách hiểm nghèo. Trong tiến trình lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đương đầu với những kẻ thù lớn và mạnh hơn mình rất nhiều. Hoàn cảnh này đã tạo nên phẩm chất anh dũng quật cường, mưu trí sáng tạo, hun đúc cho mỗi người dân lòng *yêu nước nồng nàn, ý thức tự tôn dân tộc và tinh thần bất khuất, tự lập, tự cường rất cao*. Một trong những biểu hiện văn hóa truyền thống dễ thấy là tục sùng bái và thờ cúng anh hùng. Hầu như ở bất cứ đâu trên đất nước Việt Nam cũng có thể tìm thấy những đền thờ các nhân vật lịch sử có công lao với dân tộc. Cũng do tác động của truyền thống chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, ở Việt Nam đã hình thành nên *truyền thống thượng võ* - một truyền thống khá đặc sắc của dân tộc.

Văn hóa có một thuộc tính phổ quát là tiếp biến (acculturation). Theo đó, quá trình giao lưu, lan truyền ảnh hưởng, tiếp thu, thẩm thấu... các giá trị giữa các nền văn hóa diễn ra thường xuyên, liên tục, trên mọi bình diện. Người ta thường nói văn hóa không có biên giới chính là trên ý nghĩa này. Xét từ góc độ địa - văn hóa, Việt Nam là một quốc gia có vị trí giao tiếp, quá trình tiếp biến diễn ra có phần mạnh mẽ hơn so với nhiều quốc gia, khu vực khác. Chính vì vậy, các yếu tố ngoại sinh là một hợp phần hết sức quan trọng trong văn hóa Việt Nam.

Có quan hệ giao lưu từ lâu đời trong khu vực, cơ tầng văn hóa truyền thống Việt Nam rất gần gũi với các nước Đông Nam Á với một mẫu số chung là cấu trúc tổ chức xã hội tương đối lỏng và cởi mở. Điều này khiến cho tính chất dân chủ làng xã có điều kiện tồn tại và phát triển. Cũng bởi đặc điểm này mà Việt Nam là một dân tộc dễ thích nghi và hội nhập.

1. Protée (Proteus): Thần biển với hình tượng nửa người nửa rắn, tay cầm đinh ba.

Trong quá trình giao lưu, tiếp biến, Việt Nam đã chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi tác động của hai nền văn minh lớn của nhân loại là Trung Hoa và Ấn Độ. Dưới ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa, nhiều yếu tố văn hóa mới đã được du nhập vào Việt Nam, trong đó ảnh hưởng rõ nét nhất là Nho giáo. Những chuẩn mực Nho giáo được hoà trộn và điều chỉnh bởi các giá trị vốn có của người Việt đã tạo nên một số truyền thống, trong đó *hiếu học, trọng học* là một nội dung quan trọng. Trong các phẩm chất được đề cao, đối với người Việt Nam, đạo hiếu là quan trọng nhất. Cũng do ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa, ở Việt Nam đã hình thành truyền thống trọng tước, thích làm quan và coi *quan tước là một thang bậc đánh giá* sự tiến bộ của một cá nhân.

Đối với văn minh Ấn Độ, ảnh hưởng đáng kể nhất đối với Việt Nam là Phật giáo. Tuy nhiên, Phật giáo Việt Nam khác rất xa Phật giáo Ấn Độ. Sự truyền bá rộng rãi tư tưởng Phật giáo cùng với những tính cách của cư dân bản địa đã tạo nên truyền thống *nhân ái, vị tha và rộng lượng* của người Việt.

Trong thời kỳ cận - hiện đại, trong bối cảnh đầy biến động của lịch sử, Việt Nam đã có cơ hội cọ xát với văn hóa Âu - Mỹ. Kết quả là nền văn hóa vốn đã hết sức phong phú còn tiếp nhận thêm nhiều giá trị mới. Có thể nói, Việt Nam là một quốc gia có nền văn hóa đa dạng vào bậc nhất trên thế giới. Đây chính là một trong những lợi thế của sức mạnh mềm Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập.

Những nội dung được trình bày trên đây chưa thể coi là đầy đủ, bởi vì đi sâu vào những tác nhân tạo nên văn hóa Việt Nam còn phải nghiên cứu kỹ từng mặt, từng lĩnh vực của đời sống xã hội cũng như phải xem xét kỹ từng loại hình và cấp độ của tổ chức cộng đồng. Trên đây mới chỉ là những nét khái quát chủ yếu về những đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam, được hình thành bởi những tác động cơ bản và thường xuyên nhất. Những vấn đề nêu ra ở đây cũng không nhằm đánh giá, nhận định những mặt tích cực hoặc tiêu cực của văn hóa, mà chỉ nêu ra một số luận giải về nguồn gốc hình thành và nội dung chủ yếu của văn hóa Việt Nam.

Từ những “chất liệu gốc” trên đây, người Việt Nam đã sáng tạo nên hàng loạt các giá trị vật chất và tinh thần, để lại cho hôm nay và mai sau vô vàn những di sản dưới dạng vật thể và phi vật thể. Đó chính là nguồn tài nguyên vô tận và vô giá cần được khai thác để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đất nước đang chủ động hội nhập quốc tế.

3. Một số giải pháp

Để có thể biến văn hóa thành nguồn lực, khai thác các di sản như những tài nguyên, điều quan trọng đầu tiên là phải đổi mới tư duy nhận thức một cách căn bản. Trước hết phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm văn hóa không chỉ là một lĩnh

vực hoạt động thuộc phạm vi quản lý của ngành Văn hóa mà là nền tảng tinh thần của xã hội, là hồn cốt, khí chất của dân tộc.

Khi ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Trung ương đã nhận ra tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa, nhưng trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Chính vì vậy, khi đánh giá, Bộ Chính trị đã đưa ra những kết luận hết sức quan trọng, theo đó việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế chưa đạt được mục tiêu đề ra. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại. Môi trường văn hóa có những mặt chưa thực sự lành mạnh. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đạt hiệu quả chưa cao. Tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán, văn hóa đặc trưng của một số dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một dần. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa thực hiện tốt chức năng hướng dẫn, điều chỉnh và đồng hành với thực tiễn sáng tác. Một số chủ trương, quan điểm nêu trong Nghị quyết chậm được thể chế; chưa có những chiến lược, giải pháp đồng bộ để phát triển và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế về văn hóa. Chưa giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong quản lý văn hóa. Hệ thống thiết chế văn hóa chậm chuyển đổi sang phương thức tự chủ, xã hội hóa. Việc chỉ đạo phát triển công nghiệp văn hóa còn chậm. Các đặc trưng cơ bản của nền văn hóa là “dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học” cùng quan điểm xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp chưa được quán triệt thường xuyên; có dấu hiệu bị buông lỏng trong cả ba môi trường: gia đình, nhà trường và xã hội.

Bộ Chính trị cũng chỉ ra những hạn chế trên đây do nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội và một bộ phận nhân dân nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người đối với phát triển bền vững đất nước. Vị trí, vai trò của văn hóa chưa thực sự được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý chưa thực sự đổi mới, nhất là trong việc xây dựng, đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa. Việc thực hiện nêu gương của cán bộ, đảng viên ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hình thức, chưa tạo được sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa có mặt còn bất cập, chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn. Chưa phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp, sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ của các chủ thể văn hóa, khích lệ, động viên tích cực xã hội của nhân dân, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức trong tổ chức thực hiện Nghị quyết. Công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để hình

thành cơ sở lý luận, đúc kết hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam còn chậm, lúng túng, bị động¹.

Cùng với đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của văn hóa, cũng phải đánh giá đúng và thấy hết những khó khăn khi khai thác các nguồn lực văn hóa².

Trước hết, đó là những trở ngại trước các thói quen, tập tính và hạn chế của cư dân nông nghiệp khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa mà một trong những nhược điểm lớn, gây rất nhiều hậu quả tai hại là không có thói quen nhìn xa, là tâm lý “ăn xối”. Suy cho cùng, thói quen này cũng là biểu hiện của những tàn dư lịch sử, nằm trong di tồn văn hóa. Nếu không có nhận thức thật sâu sắc để có biện pháp khắc phục hữu hiệu thì đây là một cản trở lớn cho sự phát triển. Trong thời đại ngày nay, người ta trù liệu trước cho sự phát triển ít nhất là vài chục năm.

Một trong những hạn chế lớn khác của di tồn văn hóa có hại cho sự phát triển là tâm lý bình quân cào bằng. Đây là sản phẩm của cơ cấu kinh tế - xã hội nông nghiệp - công xã. Trong lịch sử, sự bình đẳng làng xã, sự phân hóa xã hội không mấy sâu sắc đã từng đóng vai trò quan trọng cho sự cố kết/đoàn kết cộng đồng. Quan niệm “*dàn hàng ngang mà tiến*” hay “*xấu đều hơn tốt lỏi*” đôi khi là những yếu tố cần thiết để điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, mặt trái chính là tâm lý ghét sự vượt trội - một biểu hiện của tâm lý bình quân. Trong phát triển nói chung, đây là yếu tố có sức cản vô cùng mạnh mẽ...

Một trong những điều quyết định thành công trong sự nghiệp phát triển, đưa đất nước đi tới phồn vinh là phải khơi dậy khát vọng của cả dân tộc, đặc biệt là giới trẻ như tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ ra. Giáo dục văn hóa, lịch sử cho mọi tầng lớp từ lãnh đạo đến nhân dân, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên cần được coi như một nhiệm vụ mang tầm chiến lược. Khát vọng sẽ dẫn tới tự tin và có thể biến những gì mình có thành lợi thế, thành sức mạnh.

Trong thời kỳ hội nhập, văn hóa không chỉ là tài sản để cất giữ, để tự hào mà phải được coi là sức mạnh mềm của đất nước để có thể mở rộng hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trên trường quốc tế. Trên ý nghĩa này, đẩy mạnh ngoại giao văn hóa không chỉ dừng ở những hoạt động giới thiệu hình ảnh Việt Nam ra bên ngoài mà phải có những tính toán dài hơi và hiệu quả, trong đó đặc biệt coi trọng thế mạnh của con người Việt Nam.

1. Báo điện tử của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33 xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam*, ngày 9/6/2020.

2. Vũ Minh Giang: *Lịch sử Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009.

Bên cạnh việc phát huy sức mạnh mềm, việc làm sống dậy các di sản, di tích cũng là một giải pháp quan trọng, cần được đặc biệt quan tâm. Việt Nam là một quốc gia có nền văn hiến lâu đời và rạch rỡ, có truyền thống dựng nước và giữ nước vô cùng vẻ vang. Lịch sử đã để lại cho chúng ta một truyền thống hào hùng và gắn với nó là vô vàn những di tích quý giá. Tuy nhiên, đến nay, những di sản này chưa được khai thác hiệu quả. Phần nhiều mới chỉ được giữ gìn theo cách bảo quản và đôi khi được tôn tạo bằng những khoản kinh phí rất hạn chế. Thế giới hiện đang có rất nhiều kinh nghiệm làm sống dậy di sản văn hóa, khai thác di sản như những tài nguyên góp phần vào sự nghiệp phát triển đất nước¹.

Kết luận

Nói đến văn hóa Việt Nam trước hết phải nói tới nền tảng tinh thần là ý thức tự tôn dân tộc, tinh thần độc lập, tự cường. Đây là nội dung cực kỳ quan trọng của văn hóa Việt Nam và là yếu tố cấu thành phẩm chất của con người Việt Nam. Nền tảng này đã được thể hiện rõ rệt trong những lần Việt Nam phải đối phó với họa xâm lăng từ bên ngoài. Tinh thần dân tộc cao sẽ là động lực và sức mạnh thúc đẩy một dân tộc vươn tới đỉnh cao. Vấn đề đặt ra hiện nay cho Việt Nam là làm thế nào để động viên được cao nhất sức mạnh này trong công cuộc xây dựng đất nước và cạnh tranh quốc tế. Thêm vào đó, trong văn hóa Việt Nam, truyền thống hiếu học và khả năng trí tuệ của người Việt đã và đang trở thành một yếu tố bảo đảm cho sự phát triển với tốc độ cao của đất nước và trở thành một thế mạnh khi cạnh tranh quốc tế trong tương lai.

Một trong những nét đặc sắc đồng thời cũng là thế mạnh của con người Việt Nam là tính cách mềm dẻo, cởi mở và dễ hội nhập. Đây là một yếu tố hết sức thuận lợi trong hoàn cảnh ngày nay, khi mà thế giới ngày càng phát triển theo xu thế hội nhập và chu kỳ thay đổi công nghệ ngày càng có xu hướng rút ngắn. Trong khi đó, văn hóa của chúng ta đa dạng, phong phú với bản sắc hết sức độc đáo. Đó là lợi thế lớn cho Việt Nam trong thời kỳ chủ động hội nhập.

Chúng ta đã nói nhiều tới sự phát triển chậm trễ, những món “nợ lịch sử” mà sớm muộn chúng ta phải trả (như công nghiệp hóa chẳng hạn). Nhưng xét về nhiều phương diện, trong hoàn cảnh thế giới ngày nay, sự chậm trễ đó đang tạo cho chúng ta một lợi thế: lợi thế của người đi sau. Ô nhiễm môi trường đang là mối lo của cả nhân loại vì trong quá trình công nghiệp hóa trước đây, nhiều quốc gia, dân tộc đã không có hiểu biết đầy đủ và kinh nghiệm cần thiết trong lĩnh vực

1. Italia, Trung Quốc, Pháp và gần Việt Nam như Thái Lan, Campuchia,... có rất nhiều kinh nghiệm cho Việt Nam tham khảo.

này. Những nước công nghiệp hóa sau không chỉ có điều kiện đi tắt, đón đầu về công nghệ hiện đại hóa mà còn có đầy đủ kinh nghiệm của các nước đi trước để học tập. Nhưng điều có ý nghĩa quan trọng hơn trên phương diện bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống là chúng ta vẫn còn kịp, nếu như có được sự nhận thức sáng suốt và đầy đủ về tầm quan trọng của việc xây dựng một nền văn hóa mang bản sắc dân tộc, xứng với tầm vóc lịch sử của dân tộc và biến tất cả những gì mình có thành lợi thế trong cạnh tranh quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo điện tử của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33 xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam*, ngày 9/6/2020.
- [2] Edward Burnett Tylor: *Primitive Culture V2: Researches Into the Development of Mythology, Philosophy, Religion, Language, Art and Custom*, Publisher Literary Licensing, London, UK, 2014.
- [3] Hall, Ivan Parker: *Mori Arinori*, Harvard University Press, Massachusetts, USA, 1973.
- [4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3.
- [5] Nguyễn Như Ý (Chủ biên): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998.
- [6] Paul Ory: *La commune annamite au Tonkin*, Maison d'édition Broché, Paris, 2013.
- [7] Pitirim A. Sorokin: *Social and Cultural Dynamics*, Oxford, UK, 1985.
- [8] Vũ Minh Giang: *Lịch sử Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009.

ĐỘNG LỰC CUỐI CÙNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC VẪN LÀ VĂN HÓA, CON NGƯỜI

GS.TS. TRẦN VĂN BÌNH*

Trong quá trình phát triển lâu dài, đất nước luôn trải qua những thời kỳ lịch sử khác nhau. Mỗi thời kỳ phải đặt ra những mục tiêu cụ thể, và để đạt được các mục tiêu đó cần tìm ra động lực cụ thể. Những mục tiêu và động lực đó là khẩu hiệu hành động cho các thời kỳ, phải là cơ sở của mỗi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Quên đi điều đó thì dễ đi chệch hoặc làm chậm sự phát triển lịch sử tất yếu mà các cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước trước đây đã khẳng định.

Trở lại những vấn đề của nước ta hiện nay. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế ngày càng sâu sắc, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu trên các mặt. Thế giới thừa nhận nước ta có an ninh chính trị tốt, kinh tế tăng trưởng có ấn tượng, xóa đói giảm nghèo đạt nhiều thành tựu to lớn... Tuy vậy, chính chúng ta cũng cảm nhận được nhiều khó khăn, yếu kém và thách thức lớn đang bủa vây. Mà quả vậy, thành tích thì có nhưng nguy cơ tụt hậu so với thế giới ngày càng rõ. Trước nguy cơ tụt hậu ngày càng rõ, chúng ta thường nghĩ phải dùng mọi tâm huyết và của cải vật chất cho lĩnh vực sản xuất kinh tế. Ai cũng nghĩ kinh tế phải phát triển thì mới có điều kiện cải thiện sinh hoạt cho nhân dân, đặc biệt ở những vùng khó khăn. Phải có kinh tế phát triển mới đủ ngân sách để đầu tư cho sự phát triển hạ tầng và cả kiến trúc thượng tầng. Lẽ thường thì ai cũng nghĩ vậy, nhưng cuộc sống thì không hẳn như vậy. Chính những người sáng lập chủ nghĩa duy vật biện chứng, C.Mác và Ph.Ăngghen, và sau này V.I. Lênin đã từng bác bỏ quan niệm coi kinh tế là nguyên tắc duy nhất. Trong thư gửi L. Blôkho ngày 22/9/1890, Ph.Ăngghen viết: “Mác và bản thân tôi là có lỗi khi một số bạn trẻ thỉnh thoảng quá nhấn mạnh mặt kinh tế. Trong khi đấu tranh chống lại kẻ thù, chúng tôi buộc phải nhấn mạnh nguyên tắc chủ yếu và nguyên tắc đó đang bị họ

* Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

bác bỏ và chúng tôi không phải lúc nào cũng có thời gian, điều kiện để chứng minh những tác động của những nhân tố còn lại". Ở chỗ khác, trong thư gửi V. Bácguix, ngày 25/1/1894, Ph.Ăngghen lại viết: "Sự phát triển của chính trị, luật pháp, tôn giáo, văn hóa và nghệ thuật... đều xây dựng trên cơ sở kinh tế. Nhưng tất cả chúng đều tác động lẫn nhau và tác động đến cơ sở kinh tế". Ph.Ăngghen đã rất tán thành quan điểm của nhà khoa học thiên tài M.Moócgăng khi Moócgăng viết: "Từ khi thời đại văn minh ra đời, của cải tăng lên rất nhiều. Hình thức của cải là muôn vẻ, việc sử dụng của cải thì rộng rãi và sự quản lý của cải vì lợi ích của những kẻ sở hữu thì rất khéo léo, đến mức là đối diện với nhân dân, của cải đó đã trở thành một lực lượng không sao khống chế nổi... Sự tan rã của xã hội đang sừng sững trước mắt ta một cách đe dọa như là sự kết thúc của một quá trình phát triển mà của cải là mục đích cuối cùng và duy nhất, vì một quá trình phát triển như vậy đang chứa đựng những yếu tố làm cho chính nó bị tiêu diệt. Dân chủ trong quản lý, hữu ái trong xã hội, bình đẳng về quyền lợi, giáo dục phổ thông, tất cả những thứ đó sẽ báo hiệu giai đoạn cao sắp tới của xã hội mà kinh nghiệm lý trí và khoa học đang không ngừng vươn tới".

Điều mà Moócgăng nói ra cách đây hơn 200 năm, phải chăng đang là vấn đề thực tiễn nóng bỏng đối với nhiều quốc gia, đặc biệt đối với nước ta. Các vấn đề dân chủ trong quản lý, hữu ái trong xã hội, bình đẳng về quyền lợi, giáo dục phổ thông... có liên quan đến sự phát triển kinh tế, nhưng chắc chắn đó không phải là sản phẩm tất yếu của kinh tế. Trái lại nó phải trở thành nguyên tắc chỉ đạo sự phát triển kinh tế. Đối với một số quốc gia, trong đó có nước ta, do điều kiện phát triển kinh tế còn thấp, bước vào xu thế toàn cầu hóa và kinh tế thị trường, nhu cầu phát triển nhanh về kinh tế là nhu cầu chính đáng và cấp thiết. Nhu cầu phát triển đó lại thường dừng lại ở GDP (tổng sản phẩm quốc dân), GNP (thu nhập bình quân đầu người), mà thường ít khi chú trọng đến điều kiện sống toàn diện của mỗi con người, ví dụ tài nguyên bị cạn kiệt, môi trường tự nhiên bị tàn phá, nguyên tắc công bằng xã hội bị xâm phạm. Những hiện tượng đó dẫn tới trạng thái bất an trong xã hội. Khi xã hội rơi vào trạng thái bất an, thì liệu người dân, người lao động có thể mang hết tâm lực, của cải, tiềm năng và sáng tạo của mình để tham gia phát triển kinh tế của đất nước không.

Hãy lấy một ví dụ cụ thể. Những năm gần đây, do nhu cầu đô thị hóa phát triển, nhiều cụm chung cư cao cấp cao tầng mọc lên nhiều nơi. Không chỉ người dân nông thôn mà cả những người ven đô, mỗi lần thức dậy đi làm qua các khu chung cư đó, hẳn đều trầm trồ, khâm phục các công trình đồ sộ ấy. Nhưng liệu chúng ta có am hiểu tâm trạng của các cư dân đang sống trong những căn hộ sang trọng đó không? Làm chủ những căn hộ cao cấp, nhưng nếu bị đe dọa bởi các sự cố

về điện, nước, về thang máy, về phòng chống hỏa hoạn, về an ninh và về an toàn xã hội, thì họ có cảm thấy bất an không? Các chung cư cao tầng sát liền kề nhau đã tạo ra sự cách biệt với môi trường tự nhiên, với không khí, ánh sáng, cây xanh. Nhiều khoảng trống vốn được dành để mở rộng giao thông, xây trường học, các khu dịch vụ, v.v. đã bị lấn chiếm, càng làm tăng sự ức chế của người dân. Như vậy, vấn đề ở đây không chỉ dừng lại ở diện mạo vật chất bên ngoài của đời sống kinh tế, mà phải nhìn sâu vào nội tình của nó, tức hiệu quả xã hội đối với người dân. Phải chăng vì lẽ đó trong “Báo cáo phát triển con người” xuất bản năm 1990 của Chương trình phát triển Liên hợp quốc ghi rõ: “Của cải đích thực của một quốc gia là con người của quốc gia đó. Và mục đích của phát triển là để tạo ra một môi trường thuận lợi cho phép con người được hưởng cuộc sống dài lâu, khỏe mạnh và sáng tạo”. Phải chăng tư tưởng đó cũng có nguồn gốc từ tư tưởng của nhà bác học L. H. Moóc-găng mà trong tác phẩm *Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước Ăngghen* đã trình trọng nhắc lại.

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, văn hóa các dân tộc đứng trước những thách thức rất nặng nề. Toàn cầu hóa đòi hỏi mở rộng thị trường, nhưng trong xu thế toàn cầu hóa đã xuất hiện sự thống trị của các thị trường cùng các ảnh hưởng xấu của chúng đối với con người. Sự cạnh tranh giữa các thị trường có thể là sự bảo đảm tính công bằng. Tự do hóa và tư nhân hóa có thể là một bước tiến tới thị trường cạnh tranh, nhưng không phải là sự bảo đảm cho một hiệu quả xã hội lành mạnh. Khi thị trường đã đi quá xa trong việc chi phối những lợi ích chính trị và xã hội, thì các cơ hội và những lợi ích toàn cầu hóa phân bố không đều và không công bằng. Khi những động cơ lợi nhuận của những tác nhân trên thị trường đã trượt khỏi vòng kiểm soát, chúng sẽ thách thức tất cả đạo đức con người. Tình hình đó đã và đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu, và gánh nặng chắc sẽ nghiêng về những nước chậm phát triển và đang phát triển. Điều này cũng dễ hiểu vì những nước chậm phát triển và đang phát triển thường là những nước chưa có đủ một hệ thống luật pháp và những nguyên tắc điều tiết chặt chẽ để chỉ đạo và quản lý các hoạt động kinh tế thị trường. Trong khi đó những nguyên tắc và đạo lý làm người vốn là sản phẩm của nền văn hóa dân tộc đang bị tấn công từ nhiều phía.

Không biết nguyên tắc “thương trường là chiến trường” ra đời từ bao giờ, nhưng cho đến nay, đã bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, nguyên tắc đó vẫn tồn tại và phổ biến. Chính cái nguyên tắc đó là nguyên nhân tạo nên những tiêu cực trong hoạt động kinh tế như gian lận thuế, hàng giả, hàng độc hại tràn lan, môi trường tự nhiên bị xâm hại nghiêm trọng v.v.. Những tác hại đó không những gây khó khăn cho sự phát triển bền vững của đất nước, gây thiệt hại cho người tiêu dùng, tệ hơn nữa, thói gian dối đó đã góp phần làm tha hóa nhân cách của toàn xã

hội, làm mất dần tính trung thực, lòng tin yêu và tinh thần hữu ái giữa con người với con người. Đạo đức xã hội bị tấn công cũng từ đó.

Hiện nay, đã xuất hiện một số hiện tượng đáng theo dõi. Ở một số nước đã phát triển cao, đã xuất hiện một ít người rất giàu có sớm nhận thức ra rằng toàn bộ của cải của họ, phần lớn là do xã hội mang lại. Đó là các thành tựu khoa học công nghệ, là đầu óc sáng tạo của đội ngũ quản lý, là trình độ tay nghề vững chãi của người lao động. Từ nhận thức đó họ rất quan tâm đến chất lượng sản phẩm của họ, và một số ít trong đó đã tuyên bố sẽ để lại cho xã hội phần lớn tài sản của mình sau khi qua đời. Họ cũng là những người đóng góp rất lớn cho các quỹ từ thiện trên phạm vi toàn cầu. Dù con số những người đó còn quá nhỏ bé trong thế giới tư bản, nhưng nên chăng phải coi đó như sự thức tỉnh của lương tri con người trong thời kỳ lịch sử mới.

Trong tình hình hiện nay khi đất nước đang đứng trước những thời cơ lẫn thách thức, khi sự nghiệp đổi mới nói chung đã thu được những thành tựu lớn nhưng trước mắt còn vô vàn khó khăn, việc tỉnh táo nhận thức ra những lực cản đang níu kéo chúng ta, hoặc đang có nguy cơ làm chệch hướng phát triển của đất nước, là cực kỳ quan trọng. Phải bằng kinh nghiệm, lý trí và khoa học chỉ ra được mặt mạnh, mặt yếu của chúng ta hiện nay. Việc tập trung nghiên cứu học tập kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước phát triển là rất cần thiết, đặc biệt việc đầu tư cho tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ đã nhanh chóng đưa công nghệ trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp. Việc phát huy tinh thần khởi nghiệp ở một số nước cũng đang có sức lan tỏa. Tuy vậy, điều không thể quên là điều kiện kinh tế - xã hội của họ khác của ta, mô hình kinh tế - xã hội của họ cũng khác của ta. Mặt khác, ở các nước đang phát triển, nền kinh tế thị trường cạnh tranh dữ dội thì nguy cơ thị trường sẽ đi quá xa trong việc chi phối những lợi ích chính trị và xã hội, sẽ tạo nên sự phân bố không đều và không công bằng. Khi thị trường trượt khỏi vòng kiểm soát, thì tính bất ổn định thể hiện ở những nền kinh tế bùng nổ và sụp đổ và như trên kia đã nói, nền kinh tế thị trường cạnh tranh đó sẽ thách thức tất cả đạo đức con người, và hy sinh cả sự tôn trọng của công lý và quyền con người. Nguy cơ khủng hoảng xã hội sẽ diễn ra từ đó.

Chúng ta chấp nhận kinh tế thị trường, nhưng đó là thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Có nghĩa là kinh tế thị trường lành mạnh, nằm trong sự điều tiết của xã hội, của các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, không vì lợi nhuận mà gây tổn hại cho xã hội. Đã có kinh tế thị trường thì phải có lợi nhuận, phải có cạnh tranh, nhưng tinh thần cạnh tranh không nhằm thôn tính và tiêu diệt lẫn nhau. Nếu các chủ doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân nhận thức được rằng đại bộ phận tài sản họ có được đều do xã hội trao cho họ, thì khi đó sự trung thực, chữ tín

đối với khách hàng và đối với các doanh nghiệp khác mới được hình thành, sự hợp tác giữa các doanh nghiệp với nhau và với khách hàng mới được xây dựng và củng cố. Có lẽ đó cũng là điều mà những nhà khai sáng nước Nhật từ thời Minh Trị thiên hoàng đã từng trần trờ khi họ quyết định xây dựng nền kinh tế hàng hóa đầu tiên ở Nhật Bản. Tác phẩm *Luận ngữ và bàn tính* vốn được ra đời từ đó, nhằm khuyến khích gắn đạo đức với kinh doanh.

Ở Việt Nam ta từ những năm 1930, đã có những nhà tư sản dân tộc, với lòng yêu nước thương dân, đã biết san sẻ lợi nhuận của mình cho những người thiếu thốn. Đặc biệt khi cách mạng bùng nổ, họ đã đóng góp phần rất đáng kể vào ngân sách của Nhà nước lúc bấy giờ. Đó là những tấm gương sáng cần tiếp tục được biểu dương.

Hiện nay trong số các ý kiến đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước, nhiều người đang nói đến vai trò kinh tế tư nhân, coi nó như một động lực cho sự phát triển. Về một phương diện nào đó, việc khuyến khích và tạo điều kiện cho các hộ kinh tế tư nhân ra đời ngày càng nhiều, sẽ góp phần kích thích tính năng động của hoạt động kinh doanh sản xuất toàn xã hội. Qua đó chúng ta sẽ huy động được nhân lực, tài lực và cả trí lực của người dân để tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Đó là điều hoàn toàn cần thiết. Nhưng về lâu dài, khi các cơ sở kinh tế tư nhân ra đời, xuất hiện ngày càng nhiều, thì hiệu quả xã hội sẽ ra sao khi mà ý thức tư hữu của người dân, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận xã hội còn chậm được khắc phục, khi công nghệ hiện đại chưa được sử dụng, nhân lực có trình độ cao còn thiếu, và đặc biệt khi sự điều hành và quản lý của xã hội đối với các hoạt động kinh doanh đó còn yếu, v.v.. Nếu các vấn đề đó chưa thực sự được giải quyết tốt thì vai trò động lực của các cơ sở kinh tế tư nhân đối với sự phát triển kinh tế của đất nước cũng chỉ có ý nghĩa nhất thời. Vì vậy, phải chăng cần đi tìm động lực cho sự phát triển kinh tế không phải trong kinh tế, mà ở ngoài kinh tế. Đó là vấn đề con người, vấn đề văn hóa.

Về vấn đề này, chúng ta có thể rút ra những bài học lớn mà lịch sử đã để lại. Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, giữa muôn trùng khó khăn về kinh tế, về xã hội, do nạn đói kém và kẻ thù gây ra, V.I. Lênin đã mạnh dạn đề xuất chính sách kinh tế mới (NEP). Thực chất của nền kinh tế đó là tôn trọng việc sản xuất hàng hóa. Song song với chính sách NEP, V.I. Lênin đề ra hàng loạt chủ trương chính trị và xã hội quan trọng, được thể hiện trong năm bài báo mà chúng ta thường gọi là di chúc chính trị của Người: “Những trang nhật ký”, “Bàn về chế độ hợp tác xã”, “Về cuộc cách mạng của chúng ta”, “Chúng ta phải cải tổ bộ máy thanh tra dân ủy công nông như thế nào”, “Thà ít mà tốt”. Vấn đề nổi lên hàng đầu trong các bài báo đó cũng là vấn đề văn hóa. Trong bài “Bàn về chế độ hợp tác xã”, V.I. Lênin viết: “Chúng ta buộc phải thừa nhận rằng toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản. Sự

thay đổi đó là ở chỗ: trước đây chúng ta đặt và không thể không đặt trọng tâm công tác của chúng ta vào đấu tranh chính trị, vào cách mạng, vào việc giành lấy chính quyền... Ngày nay trọng tâm ấy đã chuyển sang công tác hòa bình tổ chức văn hóa". Phải chăng điều V.I. Lênin muốn nói ở đây là phải nhanh chóng khắc phục những nghịch lý đang nảy sinh trong nước: năng suất lao động thấp, không thích ứng kịp thời với các tiến bộ khoa học - kỹ thuật thế giới, đời sống tinh thần của xã hội xuống cấp, các giá trị tinh thần bị đảo lộn, quyền dân chủ của nhân dân chưa được thực thi, công bằng xã hội bị vi phạm. Do có cách nhìn toàn diện về các vấn đề cấp thiết của đất nước đang xảy ra, cho nên dù chính sách kinh tế mới chưa được tiến hành (do chiến tranh xảy ra), nhưng với sức sáng tạo và những giá trị tinh thần của xã hội được phát huy, nhân dân Liên Xô đã tạo được những kỳ công toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần để chiến thắng oanh liệt kẻ thù. Những người Xô viết khi được giải phóng mọi năng lực tinh thần và sáng tạo, với ý thức người chủ thực sự của đất nước, họ đã trở thành người sáng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần giúp đất nước vượt qua những thử thách nghiệt ngã, trở thành một cường quốc rạng rỡ một thời.

Ở Việt Nam, tình hình cũng tương tự như vậy. Sau Cách mạng Tháng Tám, giữa bọn bề biết bao công việc: thù trong, giặc ngoài, nhân dân đói rét, đa số còn mù chữ, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn bình tĩnh chỉ ra trước mắt ta có ba thứ giặc cần tiêu diệt: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Theo Người, cả ba thứ giặc đều nguy hiểm như nhau, và tiêu diệt ba thứ giặc đó đều vinh quang như nhau. Việc tiến hành một cách đồng bộ cả ba mặt trận đó đã tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi hoàn toàn. Năm 1969, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang diễn ra ác liệt, trong bản *Di chúc* để lại, Người đã chỉ ra hàng loạt những nhiệm vụ cấp bách phải làm khi chiến tranh kết thúc. Nổi lên trong những lời căn dặn của Người vẫn là vấn đề văn hóa, vấn đề con người. Người viết: "Công việc đầu tiên là đối với con người". Đặt con người ở vị trí đầu tiên, có nghĩa là Đảng, Nhà nước phải quan tâm giúp các tầng lớp nhân dân vượt qua những khó khăn thiếu thốn do cuộc chiến tranh để lại. Việc quan tâm con người còn có ý nghĩa phải tạo mọi điều kiện để phát triển con người về mọi mặt, đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước trước mắt và lâu dài.

Có lẽ trong cảm nhận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vấn đề văn hóa, vấn đề con người luôn chiếm vị trí cực kỳ quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử, dù đó là giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc hay xây dựng chủ nghĩa xã hội. Khi chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Bác khẳng định: "Văn hóa soi đường cho quốc dân đi", "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Người cổ vũ chủ nghĩa yêu nước truyền thống, coi đó là báu vật của đất nước. Năm 1968, 1969, trước lúc đi xa, Người lại trăn trở nhiều về văn hóa, con người. Người đã trực

tiếp đề xuất chủ trương tổng kết và phổ biến các tấm gương người tốt việc tốt, đồng thời viết bài báo “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Hai tác phẩm, hai tư tưởng lớn đó của Bác cùng ra đời vào lúc Bác viết bản *Di chúc* để lại cho đời. Điều đó càng làm đậm thêm tư tưởng của Người trong *Di chúc*: “Công việc đầu tiên là đối với con người”.

Mấy chục năm qua, tuân theo lời dạy của Bác, đất nước ta đã có một sự phát triển khá ngoạn mục trên nhiều lĩnh vực. Tuy vậy, những khó khăn thách thức thì không ít, thậm chí khá nghiêm trọng. Khó khăn và thách thức đó bắt nguồn từ đâu? Có cả nguyên nhân khách quan do tác động của mặt trái của toàn cầu hóa, của kinh tế thị trường, của những thế lực xấu đang tìm cách gây mất ổn định cho đất nước. Nhưng chắc chắn nguyên nhân chủ quan vẫn là chính. Đó là sự xuống cấp về văn hóa và về con người. Trong chiến lược phát triển đất nước hiện nay, văn hóa và con người phải trở thành động lực. Từ nhiều năm trước Đảng ta đã khẳng định: Văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Đó là một tư tưởng lớn. Đáng tiếc, trong hoạt động thực tiễn, nhiều khi tư tưởng đó chưa được coi trọng, thậm chí bị bỏ quên.

Đại hội XIII của Đảng đã tập trung làm rõ hơn vai trò động lực phát triển kinh tế - xã hội của văn hóa. Trong quá trình đánh giá thực tiễn đất nước mấy chục năm qua, đặc biệt mấy năm gần đây, Đại hội đã khẳng định: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần, bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”¹. Tư tưởng đó thực ra đã được đề xuất trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), nhưng do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân nhận thức là chủ yếu, tư tưởng đó chưa thật sự được triển khai trong thực tiễn. Sự yếu kém về nhận thức đã dẫn đến những sai lầm thiếu sót trong các hoạt động, đặc biệt trên các lĩnh vực thuộc về xã hội, về con người. Đúng như Văn kiện Đại hội XIII viết: “Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước”². Để văn hóa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững, thì văn hóa phải gắn với con người. Văn hóa quan hệ chặt chẽ với con người như hai trang của một tờ giấy. Con người sáng tạo ra văn hóa, ra các giá trị văn hóa, và đến lượt mình, văn hóa, các giá trị văn hóa tạo nên con người. Không có giá trị văn hóa nằm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.II, tr.324.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.84.

ngoài con người, cũng như không có con người nằm ngoài các giá trị văn hóa. Xuất phát từ nhận thức đó, Văn kiện Đại hội XIII đã nêu bật việc tập trung xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam. Thêm một lần, chúng ta có điều kiện nhận thức sâu hơn tư tưởng trồng người của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Về tư tưởng trồng người trong tình hình mới, Nghị quyết Đại hội XIII nhấn mạnh: “xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”¹. Nghị quyết khẳng định: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”². Tất nhiên, cùng với việc phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc thì phải chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.143, 215-216.

TÌM HIỂU ĐỘNG LỰC VÀ SỨC MẠNH NỘI SINH CỦA VĂN HÓA TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

GS.TS. LÊ HỒNG LÝ*

C húng ta bàn nhiều về văn hóa trong quá trình phát triển của đất nước, nhất là ở vai trò lãnh đạo của Đảng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (năm 1943) đến bước chuyển quan trọng là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, sau đó là Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị và gần đây nhất được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, phần *Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030*: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”¹.

Trải qua những thử thách và thực tế thời gian qua cho thấy, sự phát triển kinh tế nhanh chóng đã đạt được rất nhiều thành tích quan trọng, song do phải tập trung giải quyết và phần nào đó có sự “say sưa” về các thành tích tăng trưởng mà chúng ta không lường đến những hệ lụy, những bất cập trong xã hội, mà nhiều những vấn đề trong đó là do chưa nhìn nhận đầy đủ về văn hóa. Vì thế, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định lại và làm sâu sắc hơn vai trò của văn hóa trong hoàn cảnh mới. Mới đây, ngày 16/5/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài viết quan trọng “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”², trong đó nhấn mạnh việc coi

* Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

2. Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, truy cập www.tapchicongsan.org.vn, ngày 16/5/2021.

văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thiết nghĩ, một mặt đây là sự coi trọng và chú ý của Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư, nhưng mặt khác, ở một góc nhìn nào đó tất cả chúng ta chưa nhìn nhận được một cách đầy đủ động lực và sức mạnh nội sinh của văn hóa trong sự phát triển. Ở tham luận này chúng tôi muốn đóng góp thêm một số ý kiến nhằm làm rõ những vấn đề này.

1. Văn hóa ở trong mọi khía cạnh của cuộc sống

Trước hết, cần nhắc lại một số vấn đề liên quan đến khái niệm văn hóa. Kể từ khi khái niệm này chính thức được E.B. Tylor đưa ra từ góc độ nghiên cứu, trong tác phẩm kinh điển *Văn hóa nguyên thủy* (1871): “Văn hóa theo nghĩa rộng gồm có tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập quán và một số những năng lực và thói quen khác được con người chiếm lĩnh với tư cách một thành viên của xã hội”¹. Đây là một định nghĩa được coi là chuẩn mực mà sau đó có hàng trăm định nghĩa khác cũng gần với nội dung đó, mở rộng hay thu hẹp, hoặc là một phần trong nội dung định nghĩa ấy tùy theo mục đích của người nghiên cứu. Năm 1988, nhân dịp lễ phát động Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa (1988-1997), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa thế giới (UNESCO) đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: “Văn hóa là tổng thể các hệ thống giá trị, bao gồm các mặt tình cảm, tri thức, vật chất, tinh thần của xã hội. Nó không thuần túy bó hẹp trong sáng tác nghệ thuật, mà bao gồm cả phương thức sống, những quyền cơ bản về con người, truyền thống tín ngưỡng”². Thời gian sau đó thống nhất một cách rõ hơn ở định nghĩa do Đại hội đồng UNESCO đưa ra năm 2002 là “văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin”³.

Thực tế ở Việt Nam định nghĩa về văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng bao hàm những nét cơ bản và mở rộng mà E. Tylor đã chỉ ra, Người viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm

1. E.B. Tylor: “Văn hóa nguyên thủy”, tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, 2000, tr.13.

2. Xem Công ước UNESCO 1988.

3. Xem Công ước UNESCO 2002.

thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹. Bách khoa toàn thư cũng đưa ra định nghĩa bao quát về văn hóa: “Là một hợp phần cơ bản tạo nên đời sống của con người và xã hội, văn hóa được hiểu theo cả hai nghĩa rộng và hẹp. Theo nghĩa hẹp, đó là các sản phẩm và các hoạt động trong lĩnh vực tinh thần như văn học, nghệ thuật, triết học, đạo đức... Còn theo nghĩa rộng, nó được hiểu là toàn bộ những giá trị, kể cả về vật chất và tinh thần, do con người sáng tạo ra, nó tiêu biểu cho những thành tựu mà nhân loại đã đạt được trong tiến trình lịch sử”². Ngày nay, càng ngày chúng ta càng nhận thức rõ sự hiện diện của văn hóa trong mọi khía cạnh của cuộc sống, bởi văn hóa chính là con người. Trở lại với định nghĩa nguyên thủy của văn hóa từ khái niệm của người Hy Lạp cổ đại văn hóa là gieo trồng, trồng cấy. Tức là khi tất cả mọi thứ từ tự nhiên có bàn tay con người can thiệp vào để thành những cái có ích cho họ, đó chính là văn hóa. Bên cạnh những cái đó, thì từ những cảm xúc, suy nghĩ, trí tuệ của con người sản sinh ra những loại hình nghệ thuật (bài thơ, áng văn, bản nhạc, bức tranh...), hay những nghi lễ, phong tục, tập quán trong đời sống con người, hoặc việc phát minh ra những sản phẩm kỹ thuật, công nghệ..., thì tất cả những sản phẩm, những thành tựu ấy là văn hóa. Bởi vậy, văn hóa chính là con người, gắn chặt với con người trong mọi khía cạnh cuộc sống, mọi thời điểm từ lúc họ sinh ra cho đến khi “nhắm mắt xuôi tay” và chi phối họ trong tất cả mọi hành vi, thái độ, ứng xử ở mọi nơi mọi lúc... Hiểu như vậy mới thấy rõ văn hóa là động lực, là sức mạnh nội sinh theo quan điểm này. Và như vậy, cũng phải thấy rằng, văn hóa có mặt tích cực và tiêu cực của nó, cái tiêu cực ta thường gọi là phản văn hóa, phi văn hóa hay vô văn hóa, nhưng xét cho cùng nó vẫn là một sản phẩm do con người làm ra. Bởi vậy, để đẩy mạnh sự phát triển của xã hội thì phải khuyến khích, cổ vũ, đề cao những phần tích cực của văn hóa và hạn chế, kiềm chế, hướng đến triệt tiêu (dù không bao giờ triệt tiêu hết) phần tiêu cực của văn hóa. Hay chúng ta thường nhắc đến phần “con” và phần “người” trong mỗi con người cụ thể. Khi phần “người” (văn hóa) lớn, mạnh lên thì phần “con” (phản văn hóa) sẽ bị giảm, mất đi. Nhiều người không gọi phần tiêu cực đó là văn hóa vì nói đến văn hóa là nói đến những điều tốt đẹp mà thôi. Song, thực tế chúng ta không thể làm ngơ, bỏ qua hay tránh khỏi những phần tiêu cực này, nhất là trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, phần này đang trở dậy một cách mạnh mẽ.

Như vậy, về mặt lý thuyết, chúng ta đều thống nhất với nhau và thực tế trên các giáo trình cũng như nội dung học tập, tuyên truyền của chúng ta khá thống nhất về vấn đề này. Tuy nhiên trong thực tế, đôi khi vì những lý do này hay lý do khác chúng ta lại quên đi sự nhìn nhận rộng về văn hóa và sự có mặt của nó trong mọi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

2. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam: *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, t.4.

khía cạnh của cuộc sống con người. Có thể điểm ra đây một vài chi tiết. Chẳng hạn, sau Cách mạng Tháng Tám (1945) chúng ta xây dựng một chế độ hướng đến một thế giới đại đồng mà C.Mác từng mong muốn, mọi người đều bình đẳng như nhau, có quyền lợi như nhau, ý tưởng thì hay và đúng. Tuy nhiên, nhiều khi sự bình đẳng, dân chủ thái quá đó đã dẫn tới tình trạng “cá mè một lứa”, thiếu tôn ti, trật tự. Do ảnh hưởng của chủ nghĩa vô thần có lúc quá mức, nên trong các hoạt động chống mê tín dị đoan đã phá đi nhiều thiết chế văn hóa (đình, đền, chùa...), phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống tâm linh, giá trị lễ nghĩa, trên dưới trong xã hội. Ở phương diện đào tạo văn hóa, chúng ta thấy, Đại học Văn hóa trước đây chỉ tập trung vào bốn mảng đào tạo theo chức năng quản lý của Bộ Văn hóa đó là: Bảo tàng, Thư viện, Văn hóa nghệ thuật và Văn hóa quần chúng... Gần như toàn bộ phần văn hóa tín ngưỡng như tên gọi phổ biến hiện nay không được nhắc đến hay nhắc đến với tâm lý kỳ thị. Nhiều loại hình văn hóa tín ngưỡng một thời bị cấm đoán, xóa bỏ đó ngày nay đã trở thành di sản văn hóa đại diện cho nhân loại như ta đã thấy, là minh chứng cho điều đó.

Một thực tế khác là chúng ta rất đúng đắn coi văn hóa là một mặt trận trong chiến đấu và xây dựng. Tuy nhiên, trong chiến đấu thể hiện động lực văn hóa này rõ hơn, một bài hát, bài thơ có thể thôi thúc hàng ngàn người xông ra tiền tuyến, như Tố Hữu viết “bốn mươi thế kỷ cùng ra trận” là sự thật. Trong thời gian chiến tranh, tất cả mọi nguồn lực vật chất và tinh thần được tận dụng để hướng tới mặt trận, vì chiến thắng cuối cùng. Điều này được thể hiện rất rõ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Tuy nhiên, trong xây dựng đời sống xã hội thì không phải lúc nào cũng nhìn được thật rõ động lực ấy của văn hóa. Trong khi đất nước còn nghèo thì kinh tế được ưu tiên phát triển là điều đương nhiên, song do không có sự nhìn nhận về vai trò của văn hóa nên vì tăng trưởng kinh tế mà nhiều giá trị văn hóa bị mất mát. Chẳng hạn như các dự án kinh tế làm nhiều di sản văn hóa bị phá hủy, đến khi kinh tế ổn định, có “của ăn của để” quay lại thì văn hóa đã mất (cả di sản vật thể lẫn phi vật thể), có nhiều cái không thể nào khôi phục được.

Tuy vậy, các di sản vật thể và phi vật thể bị mất đi đã là một sự mất mát to lớn, song điều mất mát lớn hơn chính là mất con người, trong đó có lẽ không nhỏ từ những vấn đề văn hóa liên quan đến nó. Đó là những khía cạnh văn hóa liên quan đến đạo đức, lối sống, tâm hồn..., những cái chi phối bên trong, như một động lực làm tha hóa con người. Những vấn đề văn hóa hết sức quan trọng này đã có lúc không được chú ý nhìn nhận một cách thấu đáo, vì thế tạo nên sự hư hỏng của một bộ phận cán bộ và trong xã hội, gây tổn thất rất đau đớn trong thời gian qua. Nhìn từ góc độ văn hóa đó chính là sự không nhìn nhận động lực của những khía cạnh văn hóa trong mọi hoạt động và hành vi cuộc sống. Đối với bộ phận cán bộ tha hóa, một khía cạnh văn hóa tiêu cực kiểu “một người làm quan, cả họ được nhờ” vẫn diễn ra, trong chừng mực nào đó lại còn mạnh hơn. Nhất là giai đoạn sau đổi mới, các cơ quan, xí nghiệp nhà

nước vẫn chiếm vai trò chủ đạo, nên “cơ hội” đưa người thân, họ hàng vào các vị trí cơ quan nhà nước một cách dễ dàng hơn. Đến giai đoạn cổ phần hóa các tài sản nhà nước thì những “kẻ hở” luật lệ trong hoạt động cổ phần bị khai thác để người ta chiếm đoạt lợi ích của nhà nước. Cùng với sự hội nhập quốc tế, nền kinh tế thị trường và các công ty nước ngoài vào làm ăn ở nước ta, khi luật pháp chưa chặt chẽ, khung pháp lý chưa được đáp ứng đầy đủ, thì những “kẻ hở” ấy càng được khai thác nhiều hơn. Từ đây tạo ra các nhóm lợi ích từ kinh tế rồi lan sang chính trị, tư tưởng mà cao nhất là sự tha hóa về quyền lực dẫn đến sự “kéo bè kéo cánh”, “mua bán” quyền lực, làm hư hỏng một bộ phận cán bộ, những vụ án gần đây đã chứng minh điều đó. Điều đau đớn nhất, như Tổng Bí thư đã từng nói, đó là chúng ta không chỉ mất cán bộ, mà còn mất niềm tin trong nhân dân, làm vui mừng các thế lực thù địch vì đúng như họ mong muốn. Đây chính là điều mà những nhà hoạch định chiến lược Mỹ - phương Tây suốt trong thời gian dài đã xây dựng một chiến lược mang tên “diễn biến hòa bình”, nhằm đẩy nhanh sự tan rã của Liên Xô trước đây. Họ đã đánh trúng vào khía cạnh tư tưởng của những con người để tạo ra sự tha hóa đó nhằm “loại bỏ Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản mà không tốn một viên đạn”.

Đối với xã hội, sự buông lỏng của văn hóa gia đình xuất phát từ sự phó mặc việc nuôi dạy con cái cho nhà trường, đoàn thể nên nhiều gia đình không quan tâm đến việc giáo dục con cái một cách sát sao. Nhiều khi vì công việc mưu sinh nên cha mẹ không có điều kiện chăm sóc con cái hoặc ỷ vào tâm lý “trăng đến rằm trăng tròn” nên khi biết được con cái hư hỏng thì đã muộn. Nói như các cụ ta xưa “dạy con từ thuở còn thơ”, đây lại chủ quan, phó mặc tất cả cho nhà trường, xã hội nên hậu quả là không thể lường hết được. Nhất là, bối cảnh xã hội hiện đại, bình đẳng giới và tác động của lối sống ích kỷ cá nhân nên nhiều gia đình xảy ra mâu thuẫn, ly dị, vợ chồng không thống nhất trong việc nuôi dạy con cái. Đứa trẻ mất đi tình cảm gia đình, mất đi tình yêu thương của bố, mẹ, không khí đầm ấm của gia đình với những sinh hoạt bên mâm cơm; những tâm tư, tình cảm của con cái với bố mẹ ít được chia sẻ nên đứa trẻ bị cô đơn, trầm cảm dẫn đến tự kỷ, phá phách. Đứa trẻ mất đi tình yêu thương, lòng vị tha, trác ẩn, không biết kính trên nhường dưới, phân biệt thứ bậc, bốn phận, tâm hồn bị chai sạn, nên khi lớn lên, ra đời mang trong mình những mối hận về gia đình, xã hội. Khi đó những thế lực thù địch muốn lợi dụng họ sẽ dễ dàng “nhuộm đen” họ một cách đơn giản. Nói như Allen Dalles, cựu Giám đốc CIA, “chúng ta sẽ nắm lấy vận mệnh của họ ngay từ khi còn trẻ thơ, niên thiếu, chúng ta sẽ đặt hy vọng chủ yếu vào lớp thanh niên này và sẽ làm cho họ tha hóa, phân rã và đòi trụ. Chúng ta sẽ biến họ thành kẻ trợ trên và đều giả”¹. Hệ quả của những vấn đề này dẫn đến những hội nhóm thanh thiếu niên bất cần hay thù ghét gia đình, hay

1. Ngọc Việt: “Tổng thống Putin bảo vệ nước Nga từ trong lòng nước Mỹ”, truy cập www.datviet.trithucucuocong.vn, ngày 18/8/2021.

những hiện tượng tranh giành quyền lợi giữa anh em trong nhà, rồi đẩy bố mẹ ra ngoài đường như chúng ta thấy. Từ những bức bối ấy ở gia đình, khi vào làm việc tại các cơ quan, công sở, xí nghiệp... không tránh khỏi những tác động xấu đến công việc mà họ đảm nhận. Tất cả những điều đó có nguyên nhân từ sự mất mát văn hóa gia đình gây nên và nó tạo thành những động lực ghê gớm cản trở sự phát triển của xã hội. Gần đây ở Trung Quốc, người ta đang có dự thảo luật xem xét trừng phạt bố mẹ nếu con cái có “hành vi sai trái” bởi họ cho rằng: “Có nhiều lý do khiến trẻ vị thành niên có hành vi sai trái, nhưng việc giáo dục trong gia đình hạn chế hoặc không phù hợp là nguyên nhân chính”¹.

Ra ngoài xã hội lại gặp những tiêu cực khác trong lối sống, cách ứng xử, mất kỷ cương xã hội, gặp những bất công trong thực tế..., tạo nên những suy nghĩ rồi dẫn đến hành động tiêu cực. Đó chính là những “động lực” phản văn hóa trong mỗi con người tạo nên những tiêu cực cho xã hội. Những cái đó cứ lớn dần trong những con người ấy, và đặc biệt là những ứng xử hay thực hành tiêu cực “ăn sâu” vào lối sống, cách suy nghĩ của mỗi người dần trở thành sự đương nhiên như một thói quen, một việc bình thường trong cuộc sống hằng ngày. Chẳng hạn, khi xảy ra chuyện cần giải quyết là người ta nghĩ ngay đến việc phải dùng tiền hối lộ, “chạy chọt” ở chỗ nào, “cửa” nào, tìm ai... Đó là một thói quen xấu, là hệ quả của một quá trình xuống cấp đạo đức xã hội. Gặp phải các “luồng gió ào ạt” từ khắp mọi phía tràn vào trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay thì những “động lực” ấy đã tạo nên sự cản trở không nhỏ trong mọi lĩnh vực cuộc sống của chúng ta, mà các nghị quyết của Đảng đã nhìn nhận một cách thẳng thắn.

Những giá trị gia đình, cộng đồng, dòng họ... không còn được như xưa nên sự thái quá của những hành động tiêu cực nhiều khi tăng lên do bị làm ngơ, vô cảm của xã hội. Xưa kia, khi con người định làm gì sẽ bị truyền thống gia đình, tiếng tăm với họ hàng, làng xóm, sự sấm soi, để ý của cộng đồng làm họ “chùn” bước. Vì nếu họ định làm gì trái với luân thường đạo lý thì trước hết bị cộng đồng chê cười, khinh rẻ, tẩy chay. Anh có thể bất chấp nhưng gia đình, người thân, họ hàng, bà con lối xóm của anh mang tiếng muôn đời vì có đứa con hư. Cho nên, chính cái áp lực (cũng là động lực văn hóa) ấy làm chùn bước trước khi quyết định. Hơn thế, khi con người có niềm tin vào tâm linh, điều đó lại càng có động lực mạnh mẽ, bởi khi người ta nghĩ làm việc này không có ai biết, nhưng có trời biết, thần linh biết, thì nỗi sợ hãi lại càng lớn, nên nó có tác dụng kiềm chế, ngăn cản cái sai, cái ác trong con người ta mạnh mẽ hơn. Ngày nay, khi động lực này không còn như trước nữa, thần thánh còn chẳng sợ thì việc gì mà con người không dám làm, đó là một nguy cơ khủng khiếp cho xã hội. Những vụ án tàn ác và man rợ mà chúng ta thấy báo chí nhắc đến khá nhiều trong thời gian vừa qua đã chứng minh cho điều đó.

1. Phương Đăng: “Trung Quốc xem xét trừng phạt bố mẹ nếu con cái có “hành vi sai trái””, truy cập www.danviet.vn, ngày 19/10/2021.

Từ những vấn đề trình bày trên đây, nếu nhìn nhận văn hóa ở trong mọi khía cạnh của cuộc sống, từ những hoạt động thuần túy văn hóa, nghệ thuật đến các hoạt động xã hội hay trong mọi lĩnh vực khác, thì sẽ thấy nó có mặt ở mọi nơi, mọi chỗ. Ví như chỉ một hoạt động kinh tế đơn thuần như chuyện làm ăn, buôn bán thì ngoài chuyện lời lãi được đặt lên hàng đầu, khía cạnh văn hóa của nó ở chỗ thái độ ứng xử, giữ niềm tin, chữ tín với bạn hàng, không lừa lọc, dối trá, không bất chấp lợi nhuận để hại người, bớt một phần làm từ thiện v.v.. Hoặc ở một lĩnh vực thuần túy kỹ thuật như chế tạo máy móc, khía cạnh văn hóa của nó là những suy nghĩ của người làm ra các máy móc đó, họ có một môi trường gia đình, xí nghiệp nơi làm việc thân thiện, nhân văn thì những sáng tạo của họ được khơi dậy triệt để. Trí tuệ, tài năng của họ được trọng dụng, tôn trọng, được đánh giá đúng thì động lực làm việc và sáng tạo của họ được nâng lên rất nhiều, đem lại những kết quả to lớn. Động lực văn hóa ở mọi khía cạnh đó của cuộc sống nếu biết khơi dậy đúng tính nhân bản, tính tích cực, hướng thiện sẽ là cái làm cho con người có một sức mạnh to lớn để vươn lên, vượt qua mọi thử thách, cam go, tạo ra sự sáng tạo vượt trội. Ngược lại, nếu bị chệch hướng sang tiêu cực thì cũng dễ dàng dẫn con người ta đến những kết cục đau đớn, vùi dập cuộc đời họ xuống “bùn đen”, đẩy họ sa ngã, dẫn đến đầu hàng, phản bội lại Tổ quốc, dân tộc, khi đó sẽ gây ra tác hại không hề nhỏ cho toàn xã hội, cho đất nước.

2. Làm gì để khơi dậy những động lực và sức mạnh văn hóa

Trước hết, phải tạo ra được một xã hội có môi trường văn hóa nhân bản, lành mạnh và tiến bộ, mọi thứ trong môi trường đó phải rõ ràng, minh bạch. Trong xã hội đó sự trung thực, lòng trắc ẩn, hướng thiện phải được đề cao. Bảo vệ và phát huy nền văn hóa truyền thống của dân tộc vốn được xây đắp hàng ngàn đời nay bằng máu xương và mồ hôi, nước mắt của biết bao thế hệ cha ông. Nền văn hóa đó phải bắt đầu từ “cái nôi” đầu tiên là gia đình với những truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam rồi tới cộng đồng và xã hội. Đó là những động lực văn hóa nâng con người ta lên trước những thử thách, khó khăn. Một thí dụ điển hình ở trường hợp Nghệ sĩ nhân dân Đặng Thái Sơn khi ông đi thi giải Chopin tại Ba Lan năm 1980. Một mình ông “đơn thương độc mã”, nhưng ông bộc bạch: “Không ai đi thi mà không người quen, không gia đình, không thầy, không bạn bè, không tiền bạc, không tiếng tăm, hoàn toàn zero như tôi năm đó. Thậm chí đơn dự thi của tôi gần như bị gạt vì gần như không có tiểu sử gì, chưa bao giờ đi thi các cuộc thi khác, chưa bao giờ biểu diễn độc tấu, chẳng có một thành tích gì. Chỉ có hai dòng vền vện là sinh ở Việt Nam năm 1958, đang học ở Nhạc viện Tchaikovsky”¹. Song khi “lên sân khấu tôi có cảm giác tự

1. Thiên Điểu: “NSND. Đặng Thái Sơn: “Nếu không thiên đù, tôi đã gục ngã trước scandal đó rồi””, truy cập www.tuoiitre.vn, ngày 02/10/2021.

dung mình có một sức mạnh gì đó ở đằng sau làm cho mình đánh một cách đầy tự tin”¹. “Lúc đó tôi chỉ hoàn toàn đơn thương độc mã, chính lòng kiêu hãnh đã cho tôi sức mạnh”². “Sức mạnh gì đó ở đằng sau” và “lòng kiêu hãnh” mà ông có chính là văn hóa giáo dục của gia đình và sức mạnh văn hóa của con người Việt Nam trước những gian nan thử thách mà ông được rèn giũa trong thời gian sống, với những trải nghiệm ở gia đình và đất nước khi đó.

Tiếp theo, cần hiểu động lực và sức mạnh nội sinh của văn hóa không phải tự dung hay ngày một ngày hai mà có được, mà động lực và sức mạnh ấy phải được nuôi dưỡng, giáo dục, vun đắp, “chăm bón” từng ngày, từng giờ, từ những công việc nhỏ bé, bình thường đến sự trải nghiệm, từng trải được hun đúc, trao truyền ngấm dần từ thế hệ này qua thế hệ khác trở thành căn tính, truyền thống, trở thành “gen di truyền” văn hóa trong mỗi con người. Có như vậy, động lực ấy mới không bị mai một, bị ảnh hưởng, lôi kéo trước bất cứ một cám dỗ vật chất hay tinh thần nào khiến nó bị vẩn đục, tha hóa mà hậu quả là dân tộc ấy bị tàn lụi, đúng như câu nói văn hóa mất là dân tộc mất.

Văn hóa là con người, mọi thứ cũng tạo nên và xuất phát từ con người, do vậy con người cần được coi trọng, được đặt lên hàng đầu, cần đưa tất cả về giá trị thực của nó, với đúng những gì nó có ở trong mỗi cá nhân đó. Tạo cho con người sự bình đẳng trước mọi cơ hội để họ phát triển và từ thực lực khả năng của họ đặt họ đúng vị trí trong cuộc sống, họ được nhìn nhận một cách khách quan, công bằng, có như vậy sẽ tạo nên động lực mạnh mẽ cho họ. Và như thế sẽ không còn chuyện chạy theo bằng cấp, danh hiệu, chức danh hay những thành tích ảo, tạo nên những “hàng giả”, “hàng nhái”, thiếu chất lượng trong xã hội. Để làm tốt những điều đó thì vấn đề pháp luật, kỷ cương phải được đề cao, đặt lên hàng đầu, được tôn trọng và phải thật nghiêm minh. Những vụ án chống tham nhũng do Đảng tiến hành thời gian gần đây đã làm nức lòng người dân mọi tầng lớp trong cả nước. Kỷ cương được tôn trọng, công minh; mọi người đều bình đẳng trước pháp luật như một động lực khuyến khích người ta dám nghĩ, dám làm vì đã được pháp luật bảo vệ họ khi họ làm đúng những gì mà luật pháp cho phép. Không còn phải sợ bị bóp méo, bị những áp lực không trong sáng từ một số kẻ thực thi biến chất. Như thế, động lực này sẽ khơi dậy sự sáng tạo cho con người. Và điều quan trọng hơn là tạo nên một xã hội lành mạnh, minh bạch, kỷ cương, có một môi trường tốt cho tất cả các cơ hội phát triển. Một môi trường như vậy sẽ tạo được tính chính danh của mỗi con người ở vị trí của mình, ngăn chặn được những tham vọng về quyền lực, sự tham lam về đồng tiền, vật chất làm lóa mắt con người, đẩy họ đến những việc làm bất chính.

1, 2. Thiên Điều: “Nghệ sĩ Đặng Thái Sơn: Lòng kiêu hãnh đã cho tôi sức mạnh”, truy cập www.tuoiitre.vn, ngày 20/01/2021.

Một vấn đề hết sức quan trọng khác trong bối cảnh hiện nay đó là văn hóa làm gương của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các vị trí cao cấp. Thực tế là “Thượng bất chính, hạ tắc loạn”, nếu người đứng đầu không là gương thì sẽ không tạo được sự nể phục, kính trọng đối với cấp dưới. Bản thân họ không gương mẫu thì mọi lời nói, việc làm đều không có giá trị trước cấp dưới. Ngoài mặt người ta có thể không nói ra, sợ bị trù dập, nhưng trong lòng không phục, coi thường. Người đứng đầu liêm chính, có đạo đức thì sẽ tạo được sự kính nể, yêu quý của cấp dưới, nể phục của anh em, bằng không sẽ chỉ là một sự tuân phục giả tạo và đến một lúc nào đó mọi sự sẽ được tung hô, hạ bệ một cách nhục nhã. Một điều quan trọng hơn, việc mất uy tín của người đó là một phần, song đau đớn hơn nữa là niềm tin của nhân dân vào tổ chức và rộng ra là Đảng và Nhà nước bị phai nhạt, thì sự nguy hiểm sẽ lớn biết chừng nào! Văn hóa làm gương của người đứng đầu được coi trọng thì không chỉ người lãnh đạo ấy được cấp dưới yêu mến, quý trọng, mà còn là một động lực mạnh mẽ cho cấp dưới sẵn sàng đem hết trí tuệ ra để xây dựng và phát triển cơ quan, đất nước. Giống như trong thời gian chiến tranh, biết bao những tấm gương sẵn sàng hy sinh để bảo vệ lãnh đạo, bảo vệ sự tồn tại của tổ chức, đó chính là động lực văn hóa đã tạo nên sức mạnh bất chấp hiểm nguy của một con người trong những tình huống khốc liệt nhất. Sự hy sinh ấy không phải vì mục đích danh vọng, tiền tài, địa vị hay một danh hiệu nào, mà từ niềm tin được hun đúc của con người đó như một động lực văn hóa nội sinh của họ.

Theo cách nhìn nhận như vậy, chúng ta còn có thể chỉ ra rất nhiều các khía cạnh có thể khơi dậy động lực và sức mạnh nội sinh của văn hóa trong rất nhiều hoạt động khác nhau của mỗi con người. Vấn đề là nhìn ra được để khơi dậy động lực ấy làm nó thúc đẩy sự phát triển cho đất nước.

*

* *

Như vậy, nếu nhìn văn hóa một cách đầy đủ ở mọi khía cạnh của cuộc sống chúng ta sẽ thấy, văn hóa có mặt ở tất cả những gì liên quan đến con người và trong tất cả mọi lĩnh vực. Một khi có những chính sách, cơ chế phù hợp với lòng người sẽ khơi dậy được triệt để nhất động lực văn hóa của con người trên mọi hoạt động, mọi khía cạnh của cuộc sống, mà không phải chỉ thuần túy ở một loại hình văn hóa, nghệ thuật hay kinh tế - xã hội nào khác. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, động lực văn hóa và sức mạnh nội sinh của nó có thể đem lại một sức mạnh vô biên và nguồn lực vật chất to lớn. Chẳng hạn như từ sự kêu gọi của những nhà văn hóa, nhà chính trị hay văn nghệ sĩ có uy tín, được yêu chuộng trong xã hội, chúng ta thấy hàng triệu người đã tham gia vào những chiến dịch từ thiện, những hoạt động yêu nước hay đóng góp cứu trợ, trong các hoạt động từ thiện, “giải cứu” giúp đồng bào trong những hoàn cảnh nhất định. Tinh thần đó lại được khơi dậy

như những năm tháng chiến tranh khi cả dân tộc “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước” hay “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”, “Lá lành đùm lá rách”,... như đợt chống dịch COVID-19 vừa qua.

Như vậy, hiểu động lực và sức mạnh nội sinh dưới góc độ văn hóa ở trong mọi khía cạnh của cuộc sống chúng ta sẽ thấy, bất kể lĩnh vực nào từ chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa đều có thể chỉ ra và khơi dậy động lực và sức mạnh nội sinh của văn hóa, mà không chỉ thuần túy ở trong một ngành nghề nào. Hiểu được như vậy, để mỗi ngành, mỗi lĩnh vực sẽ phát huy được tối đa những động lực văn hóa trong bối cảnh riêng của ngành mình. Nói như một vị lãnh đạo của Chính phủ Pháp trong một cuộc họp, đại ý là: văn hóa ở trong tất cả các vị bộ trưởng (với nghĩa lĩnh vực mà ông ta quản lý) đang ngồi đây, chứ không phải chỉ riêng của ngài Bộ trưởng Bộ Văn hóa. Thiết nghĩ sự hiểu biết về động lực và sức mạnh nội sinh của văn hóa ở chúng ta cũng cần phải được hiểu một cách thông suốt và nhuần nhuyễn như vậy không chỉ ở những người đứng đầu các bộ, ngành, mà phải lan tỏa sự hiểu biết ấy ra toàn xã hội. Có như vậy mới thấy được động lực và sức mạnh nội sinh thực sự của văn hóa đối với sự phát triển đất nước.

VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM SAU HƠN 35 NĂM ĐỔI MỚI

GS.TS. HỒ SĨ QUÝ

1. Văn hóa Việt Nam sau 35 năm đổi mới: Những chuyển biến tích cực

So với trước kia, văn hóa Việt Nam hiện nay, ở tất cả các dạng hoạt động và với tất cả các loại hình của nó, đều có những thay đổi, theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực. Ở chiều tích cực, những thay đổi đã đạt tới tầm một sự cải biến có ý nghĩa cách mạng. Nhưng ở chiều tiêu cực, những thay đổi lại rơi vào tình trạng được gọi là xuống cấp, khủng hoảng, tha hóa.

Cột mốc đánh dấu sự thay đổi để văn hóa Việt Nam có những bước phát triển đạt tới chất lượng mới và diện mạo mới so với trước kia là từ khi Việt Nam tham gia Thập kỷ quốc tế về phát triển văn hóa (1987-1996) do UNESCO đề xướng.

1.1. Vượt ra khỏi khuôn khổ phương pháp luận có phần cứng nhắc về văn hóa giai đoạn trước đổi mới, ngày nay, văn hóa không còn bị xem là sản phẩm thụ động của đời sống kinh tế, của cơ sở hạ tầng, mà đã thực sự trở thành nhân tố bên trong, quy định hành vi của con người, thậm chí quy định cả diện mạo sự phát triển, cả ở hoạt động quản lý, điều hành chính sách vĩ mô và cả ở phạm vi hoạt động thường ngày của mỗi con người.

Quan điểm coi văn hóa là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội, là mục tiêu và là động lực của sự phát triển, chủ trương xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được ghi trong các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước ngay từ cuối những năm 90 của thế kỷ XX. Mặc dù trên bề mặt xã hội đôi khi vẫn bị chê là sáo mòn, không mấy thực chất, nhưng thực tế thì khác: bằng lối đi riêng của văn hóa, quan điểm đó đã xoay chuyển nhận thức, tạo nền cho văn hóa khởi sắc, kích thích sự hồi sinh của phần lớn những giá trị truyền thống trước đó còn bị bỏ quên, thậm chí bị kỳ thị, làm cho văn hóa Việt Nam trở lại với diện mạo bình thường của nó, nối được với quá khứ và rời nhờ hội nhập mà bắt nhịp ngày càng sâu vào văn hóa thế giới, đóng góp được cho kho tàng văn hóa chung của cộng đồng thế giới.

1.2. Quan điểm đổi mới về văn hóa đem lại cho con người và các tổ chức xã hội khả năng can thiệp, giải quyết các vấn đề xã hội từ nguyên nhân văn hóa, điều mà

trước kia chưa được quan tâm. Chức năng điều tiết của văn hóa (Regulation, Self-Regulation) cũng được thực hiện một cách thầm lặng và đôi khi nằm ngoài sự tính toán.

Bằng cách thức độc đáo của “sức mạnh mềm”, văn hóa đã ngày càng làm sâu sắc hơn ý thức dân tộc - quốc gia, làm rõ thêm lịch sử dân tộc, khẳng định giá trị thiêng liêng của độc lập và chủ quyền quốc gia. Trên cơ sở “Chủ nghĩa dân tộc lành mạnh” (Healthy Nationalism, lời Joseph S. Nye, người đề xướng học thuyết về “sức mạnh mềm”, đánh giá về Việt Nam), văn hóa đã thực sự uốn nắn quan điểm cực đoan của một số chủ thể, làm xích lại gần nhau những quan niệm trước vốn xa nhau.

Không chỉ ở những hiện tượng bề ngoài thuộc hoạt động văn hóa, mà cả ở tầng sâu hơn, trong các nội dung thuộc phẩm chất nhân văn của phát triển, với các chiều cạnh thuộc về con người, về cộng đồng và về dân tộc, văn hóa Việt Nam cũng có những bước phát triển mà trước kia khó có thể đạt được.

1.3. Sau 35 năm, văn hóa truyền thống được tôn trọng và phục hồi rất căn bản (văn hóa truyền thống ở Việt Nam có bề dày lịch sử hàng nghìn năm, nhiều hơn lịch sử lập quốc của nhiều quốc gia, nghĩa là có độ bền vững và ảnh hưởng lớn hơn hình dung của không ít người). Quan điểm mới về văn hóa đã kích thích sự hồi sinh của phần lớn những giá trị truyền thống trước kia bị bỏ quên, thậm chí bị kỳ thị, làm cho văn hóa Việt Nam trở lại với diện mạo bình thường của nó, nổi được với quá khứ.

Các giá trị và bản sắc văn hóa, gồm cả bản sắc văn hóa các địa phương, các tộc người, chẳng hạn văn hóa Chăm-pa, văn hóa Phù Nam... được nghiên cứu ngày càng sâu và khơi dậy được ý nghĩa nhân văn khách quan của sự tồn tại của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong quốc gia độc lập, thống nhất. Các thành tựu văn minh của nhân loại từng có mặt tại Việt Nam, chẳng hạn văn minh Pháp tại Việt Nam, thành tựu của Vương triều Nguyễn... đã được đánh giá ngày càng hợp lý và là nhân tố được kế thừa của văn hóa người Việt. Nhận thức của xã hội, đặc biệt của các cơ quan có trách nhiệm về tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, được nhận thức và được triển khai ngày càng thực tế và có hiệu quả.

Truyền thống hiếu học, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước,... được chú ý phát huy và được đông đảo người dân ở mọi tầng lớp tôn trọng và chủ động thực hiện.

Giáo dục gia đình cơ bản là tốt, gia đình vẫn đóng vai trò là tế bào lành mạnh nhất của xã hội. Trong hệ thống các thiết chế xã hội, gia đình vẫn là thiết chế chứa đựng nhiều phẩm chất tốt đẹp nhất, đủ mạnh mẽ để bảo đảm cho xã hội phát triển trong ổn định và an toàn.

Khát vọng phát triển, ý chí làm người có ích cho xã hội, tâm huyết xây dựng đất nước giàu mạnh... được thể hiện mạnh mẽ ở nhiều tầng lớp cư dân, từ những người có trách nhiệm cấp cao đến người dân lao động bình thường.

1.4. Các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được xác định và đánh giá theo chuẩn quốc tế, nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di sản thiên nhiên và di sản ký ức thế giới được cộng đồng quốc tế ghi nhận¹. Đời sống văn hóa, hằng ngày, hằng giờ đang xác lập các khuôn mẫu văn hóa mới.

Ở khá nhiều loại hình thuộc hoạt động văn hóa, hệ giá trị văn hóa Việt Nam đã không còn lạc lõng, thu hẹp khoảng cách lạc hậu so với bên ngoài; giao lưu và tiếp biến văn hóa đặc biệt mở rộng; hầu hết các hoạt động văn hóa được hiện đại hóa; văn hóa công quyền, văn hóa thị trường, văn hóa ứng xử, văn hóa hội nhập... gần gũi hơn với khu vực và thế giới. Nhiều hoạt động văn hóa như văn hóa showbiz - tổ chức sự kiện, văn hóa thời trang, văn hóa hội thảo, văn hóa du lịch - khách sạn, văn hóa ẩm thực, văn hóa sử dụng công nghệ thông tin - mạng xã hội,... Việt Nam đã không còn thua kém nhiều so với các nền văn hóa có bề dày kinh nghiệm. Thậm chí với một số hoạt động văn hóa cụ thể, Việt Nam còn tỏ ra là có đẳng cấp và đã tạo ra được ấn tượng tích cực trên trường quốc tế, không thua kém bao nhiêu so với các hiện tượng tương đương ở các nền kinh tế phát triển. Hội nghị Cấp cao APEC Đà Nẵng 2017, Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều 2019, lực lượng quân đội tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc... là những hiện tượng văn hóa như vậy.

1.5. Về văn hóa chính trường, văn hóa công quyền, văn hóa đối ngoại (ngoại giao), văn hóa công an, văn hóa quân sự, văn hóa học đường..., hệ giá trị văn hóa Việt Nam cũng đã có không ít điểm sáng, với những chuẩn mực gần với thế giới, dù những lĩnh vực này hiện vẫn bị chê trách nhiều cả từ phía bên trong và bên ngoài.

Khoa học, giáo dục mặc dù còn rất nhiều hạn chế, bất cập, nhưng đã có những bước phát triển tương đối rõ theo hướng hội nhập. Người Việt Nam vẫn được đánh giá là năng động, thông minh. Trong các cuộc thi quốc tế về một số ngành khoa học cơ bản và công nghệ thông tin, học sinh Việt Nam vẫn liên tục đạt được thứ hạng rất cao. Ngoài ra, Việt Nam còn là một trong không nhiều quốc gia có số lượng khoảng 2/3 dân số sử dụng internet, mạng xã hội, điện thoại thông minh..., một nền tảng công nghệ rất mạnh cho phát triển văn hóa.

1.6. Như vậy, về phương diện văn hóa, bằng sự rũ bỏ nhiều quan niệm công thức và cứng nhắc, đánh thức các giá trị và bản sắc truyền thống, tiếp thu những nhân tố hợp lý từ bên ngoài, sau hơn 35 năm đổi mới và hội nhập, Việt Nam đã thoát ra khỏi nhiều hạn chế của cách tiếp cận cũ và nhanh chóng hòa vào dòng chảy chung của văn hóa, văn minh nhân loại. Nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể Việt Nam đã được công nhận là di sản thế giới, di sản ký ức thế giới. Người Việt đã có tên

1. Tính đến nay, Việt Nam có 5 di sản văn hóa, 2 di sản tự nhiên và 1 di sản hỗn hợp (duy nhất tại Đông Nam Á trong số 35 di sản hỗn hợp của thế giới); 12 di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho văn hóa nhân loại; 6 di sản ký ức thế giới được UNESCO công nhận. Xem <http://whc.unesco.org/en/statesparties/VietNam>.

trong Danh nhân văn hóa thế giới. Các tiêu chuẩn của hoạt động văn hóa thế giới đã được áp dụng phổ biến tại Việt Nam. Tình trạng “không giống ai” bớt dần. Các loại hình của văn hóa Việt Nam ngày càng được cộng đồng thế giới biết đến và đánh giá tích cực.

Đời sống văn hóa của đại đa số cư dân đều có những chuyển biến theo chiều tốt lên, kể cả những người ở vùng sâu, vùng xa. Từ một quốc gia nghèo đói, chậm phát triển, thu nhập và đời sống văn hóa của các tầng lớp dân được cải thiện cả về trình độ và chất lượng. Việt Nam đã trở thành nước có GDP trung bình, với quy mô nền kinh tế có thứ hạng trên thế giới và có dự trữ ngoại hối năm 2020 cao nhất từ trước tới nay. Việt Nam là một trong những nước có tiến bộ rõ rệt và liên tục về chỉ số phát triển con người (HDI). Xu hướng chỉ số phát triển con người cao hơn chỉ số kinh tế vẫn được giữ vững suốt 25 năm qua và vẫn đang tiếp tục. Năm 2020, lần đầu tiên Việt Nam được xếp hạng trong số 52 nước có chỉ số phát triển con người cao¹. Tuổi thọ bình quân khá cao, không thua kém các nước có chỉ số HDI cao và vẫn tiếp tục tăng. Trong ba thập niên qua, khoảng 50 triệu người đã được xóa đói giảm nghèo. Việt Nam về đích sớm hơn cam kết với Liên hợp quốc về thực hiện mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG) 10 năm, được cộng đồng quốc tế rất hoan nghênh².

Tuy nhiên, người nghèo ở vùng sâu vùng xa, người nghèo di tản vì mất việc làm trong các đợt dịch bệnh COVID-19 vừa qua... cũng là những chỉ báo phản ánh mức độ bất cập của văn hóa quản lý và đời sống văn hóa nói chung. Nhưng thực tế buộc phải chấp nhận này cũng mới chỉ làm cho bức tranh tổng thể về thực trạng văn hóa hiện ra sáng tối rõ hơn, chứ chưa làm thay đổi được xu hướng chung của đời sống văn hóa.

Thực chất là văn hóa đã thấm vào phương thức phát triển đất nước - từ chỗ cứng nhắc, sách vở, chủ quan, giáo điều... sang phương thức mới, mềm dẻo hơn, thực tế hơn, năng động hơn - giải phóng được các nguồn lực nội sinh, sử dụng được ngoại lực, tiếp thu được sức mạnh và tinh hoa văn hóa, văn minh bên ngoài, gần gũi hơn với xu hướng và chuẩn mực của cộng đồng thế giới.

Đánh giá về văn hóa Việt Nam sau 35 năm đổi mới, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Nhận thức về văn hóa, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu mới, nhiều mặt của đời sống xã hội. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hóa khởi sắc. *Phát triển*

1. Human Development Report 2020 (High Human Development Index: 0,700 - 0,800).

2. ADB: “Poverty in Vietnam”, 2019, <https://www.adb.org/countries/viet-nam/poverty>.

toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc phê phán, đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây hại đến văn hóa, lối sống con người được chú trọng¹.

2. Văn hóa Việt Nam sau 35 năm đổi mới: Những hạn chế, bất cập cản trở sự phát triển

Việt Nam hôm nay là một xã hội đang chứa đựng trong nó không ít mâu thuẫn. Đất nước hội nhập sâu và phát triển tương đối nhanh, kể cả trong khủng hoảng tài chính trước đây và trong đại dịch COVID-19 hiện nay. Nền kinh tế - xã hội có nhiều điểm sáng được nhiều tổ chức quốc tế và cộng đồng thế giới đánh giá cao. Với những tiến bộ khó phủ nhận, uy tín quốc tế của Việt Nam trên thực tế ngày càng rộng mở. Nhưng nhìn từ một phía khác, bức tranh giá trị của xã hội Việt Nam lại có nhiều mảng tối rất đáng quan ngại với một diện mạo không thiếu những hiện tượng kém giá trị, phi giá trị, thậm chí phản giá trị.

Chỉ số phát triển con người cao, nhưng con người vẫn tha hóa, đạo đức vẫn xuống cấp. Kinh tế tăng trưởng, tầng lớp trung lưu tăng, nhưng phân hóa giàu nghèo lại gay gắt thêm, tỷ lệ nghèo ở vùng sâu, vùng xa vẫn cao, nguy cơ tái nghèo rình rập. Chỉ số giáo dục và chỉ số y tế được cải thiện, nhưng chất lượng giáo dục vẫn yếu kém, quan hệ giữa người với người trong y tế vẫn quá nhiều vấn đề, người bệnh đôi khi là đối tượng bóc lột hơn là đối tượng phục vụ. Truyền thống được phục hồi, tinh hoa văn hóa thế giới được tiếp thu, nhưng giá trị lệch lạc, giả dối trong nhiều trường hợp được coi là bình thường. Chỉ số hạnh phúc tốt lên, nhưng số người hài lòng với cuộc sống của mình không tăng. Văn hóa du lịch, lễ hội, showbiz... phát triển, nhưng các hành vi ít văn hóa, phi văn hóa vẫn khá phổ biến. Đất nước phát triển năng động, nhưng thể chế, cơ chế vẫn tiềm tàng khả năng làm hỏng con người, làm suy giảm văn hóa. Niềm tin vẫn suy giảm nghiêm trọng...

Đánh giá về những hạn chế của văn hóa hiện nay, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần. Thiếu những tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật lớn phản ánh sinh động tâm vóc công cuộc đổi mới, có tác dụng tích cực đối với con người. Môi trường văn hóa, xã hội tiếp tục bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, tham nhũng, tiêu cực. Chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền còn lớn, đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.64-65.

vùng xa còn nhiều khó khăn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa còn nhiều lúng túng, chậm trễ trong việc thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về văn hóa. Đầu tư cho văn hóa chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp nghiêm trọng về một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống, gây bức xúc xã hội. Hệ thống thông tin đại chúng còn nhiều hạn chế; một số cơ quan báo chí xa rời tôn chỉ và có biểu hiện thương mại hoá; quản lý mạng xã hội còn bất cập. Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ văn hóa chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Việc giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài chưa mạnh; tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại có mặt còn hạn chế¹.

2.1. Tội phạm xã hội là dấu hiệu điển hình của tình trạng con người tha hóa, đạo đức xuống cấp. Trước năm 2020, gần như hằng ngày, tội phạm liên tục xảy ra và điều đáng nói là mức độ tội phạm hình sự ngày càng nhức nhối hơn. Trong các đợt dịch COVID-19, tội phạm hình sự có giảm bớt, nhưng một vài tội phạm loại khác lại gây “sốc” đối với xã hội. Tình trạng này thể hiện rõ trong các báo cáo của Bộ Công an, của Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng, của Ủy ban Tư pháp Quốc hội, hay trong các bản tin báo chí về an ninh trật tự xã hội... Không tách rời hiện tượng gia tăng về tội phạm hình sự là nạn nghiện hút và buôn bán ma túy. Mặc dù luật pháp Việt Nam thuộc loại nghiêm khắc nhất đối với dạng tội phạm này, nhưng tệ nạn vẫn tăng. Từ năm 2019, Quốc hội đã phải lên tiếng về nguy cơ Việt Nam trở thành điểm trung chuyển ma túy quốc tế. Tội phạm ma túy trực tiếp hủy hoại những cố gắng của xã hội trong xây dựng con người. Tính nghiêm trọng của vấn đề là ở chỗ, theo Bộ trưởng Bộ Công an tại phiên trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội ngày 4/6/2019, khi tội phạm ma túy gia tăng, các loại tội phạm khác cũng tăng theo; cứ mỗi bánh ma túy vào Việt Nam, 10 gia đình có người đi tù.

Chỉ báo thể hiện rõ nhất mức độ tha hóa con người và xuống cấp đạo đức là những trường hợp cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước vi phạm pháp luật. Từ vài năm gần đây, khi các vụ đại án được khởi tố, phần lớn người dân không khỏi ngạc nhiên khi biết rằng, trong số những tội phạm trọng án lại có cả những người đã từng là tướng công an, tướng quân đội, và cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước như Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị... Tình huống mới nhất là Kết luận của Ban Bí thư ngày 01/10/2021 xem xét, thi hành kỷ luật 9 cá nhân và Ban Thường vụ Đảng ủy Cảnh sát biển Việt Nam nhiệm kỳ 2015 - 2020 và từ ngày 2 đến ngày 4/11/2021, tại kỳ họp thứ tám, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đề nghị kỷ luật một số lãnh đạo Bộ Y tế và Ban Cán sự đảng Bộ Y tế nhiệm kỳ 2016 - 2021. Trước đây ít ai nghĩ rằng, những người có vị thế và trách nhiệm xã hội lại chính là những kẻ tội phạm thao túng trật tự xã hội và sẵn sàng gây hại cho đất nước...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.84-85.

2.2. Giáo dục và y tế trước đây được hình dung là những khu vực không thể có con người hư hỏng thì lâu nay tình hình đã đến mức nghiêm trọng. Trong hoạt động giáo dục, nhiều vấn nạn rất khó tháo gỡ xuất hiện cả trong quản lý, điều hành và cả trong hoạt động học đường. Từ chương trình sách giáo khoa, chế độ tự chủ của các cơ sở giáo dục, những bê bối ở một số trường đại học... đến gian lận thi cử, mua bán bằng cấp, bạo lực học đường, sự xuống cấp đạo đức nhà giáo, tệ nạn ấu dâm, quấy rối tình dục trong trường học... đã liên tục xảy ra. Bộ Giáo dục chưa kịp giải quyết vụ này thì đã xuất hiện vụ khác. Nhiều năm nay giáo dục luôn là điểm nóng của chương trình nghị sự Quốc hội. Tình trạng mua bán bằng cấp, gian lận trong công bố quốc tế, thiếu trách nhiệm trong biên soạn sách giáo khoa lớp 1... là những hiện tượng bức xúc của giáo dục năm 2020. Năm 2021, vấn đề đặt ra đối với giáo dục là “Học thật, thi thật, nhân tài thật” và chất lượng học trực tuyến (online). Khủng hoảng giáo dục dường như vẫn chưa có lối thoát.

Với y tế, mặc dù vài năm gần đây hoạt động này được đánh giá là có nhiều tiến bộ cả về trình độ nghiệp vụ và cả về tổ chức theo các chính sách mới. Tuy nhiên, vấn đề của y tế Việt Nam vẫn là chưa khắc phục được sự xuống cấp ở chính quan hệ giữa thầy thuốc với người bệnh. Chính sách về y tế có nhiều vấn đề rất khó tháo gỡ. Người bệnh vẫn là đối tượng “để quản lý” hơn là đối tượng “cần phục vụ”. Thái độ vụ lợi trong hoạt động y tế, lợi dụng kẽ hở của chính sách để vụ lợi. Giữa đại dịch COVID-19, một số cán bộ y tế vẫn không ngần ngại tìm cách kiếm lợi bất chính. Tính nhân văn “bẩm sinh” của y tế vẫn bị vi phạm.

2.3. Trong bảng giá trị cộng đồng, hiện tượng lệch lạc về giá trị đã được cảnh báo từ nhiều năm trước. Nhưng những năm gần đây, hiện tượng này ngày một nhức nhối hơn. Hiện nay, vị trí của danh và thực, của lao động và sự giàu có, của địa vị và tài năng, của tiền bạc và tình người, của thói phô trương và đức khiêm tốn, của sự vô cảm và lòng vị tha,... đã lệch lạc đến mức đáng ngại.

Trong tâm thức cộng đồng, vị trí của một số giá trị đã vô tình bị xếp sai, cả trong đời sống thường nhật và cả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhiều danh hiệu được tôn vinh rất xa thực tế; không ít danh hão vẫn được “háo danh”. Giàu có được sùng bái, nhưng lao động, kể cả lao động làm nên sự giàu có cũng bị xem nhẹ, rất ít được đánh giá đúng mức. Địa vị được tôn trọng, kể cả địa vị không xứng đáng, nhưng tài năng gắn liền với địa vị thì không mấy ai thật sự tôn vinh, thậm chí tài năng còn bị kỳ thị. Được coi là dân tộc trọng tình nghĩa, nhưng thói vô cảm lại rất phổ biến; lòng vị tha, đức khoan dung ngày càng trở thành của hiếm, nhất là ở cơ quan công quyền. Đã có quá nhiều trường hợp logic của tiền bạc phá vỡ giá trị của tình người; vì tiền bạc mà người thân sẵn sàng hãm hại lẫn nhau; tình người chủ yếu chỉ còn được thấy trong những khi hoạn nạn. Đức khiêm tốn rất ít khi thấy được tôn vinh, mà thường thấy rất dễ bị chèn ép; còn thói phô trương thì có ở khắp nơi, hàng ngày.

Nói cách khác, trong bảng giá trị hiện thời, thói háo danh vẫn được nuôi dưỡng, vì danh vẫn thường xuyên được cơ chế và được xã hội vô tình coi là quan trọng hơn thực. Lòng tham phi đạo đức vẫn tiếp tục tồn tại, vì vẫn không ít trường hợp lao động và giàu có chẳng phải là nhân quả của nhau, chủ nghĩa tư bản thân hữu ở Việt Nam không hề là chuyện bịa đặt, không ít doanh nghiệp quan tâm đến “đi đêm” nhiều hơn là quan tâm đến kinh doanh, sản xuất. Thói háo chức tước, quan lộc và địa vị vẫn có đất sống vì vẫn có nhiều người tài năng chẳng hề xứng với địa vị, ở Việt Nam địa vị gần như bao giờ cũng được trọng vọng, trong khi đó, việc khuyến khích và sử dụng tài năng thì lại thường xuyên phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Phát biểu của người có trách nhiệm mà như “trên trời rơi xuống” năm nào cũng gặp. Sức mạnh của tiền bạc gần như chỗ nào cũng thấy cao hơn tình người, nhiều giá trị vẫn không có “cơ chế” để thực hiện, nếu không được bảo đảm bằng tiền bạc. Thói phô trương vẫn thường lấn át đức khiêm tốn và đôi khi còn được tiếp tay bởi phương tiện thông tin đại chúng. Tri thức vẫn bị xem nhẹ hơn bằng cấp, học trò đi thi ở một số nơi bị chính ngành giáo dục đối xử chẳng khác gì kẻ cắp trước lúc hành nghề. Sự vô cảm vẫn rất phổ biến cả trên đường phố và cả ở nơi công sở. Và cái giả, sự giả dối vẫn hằng ngày có mặt khắp nơi, vẫn bị làm ngơ, vẫn được coi là bình thường, khi chưa bị truy tố trước pháp luật...

Vấn đề là ở chỗ, thói vụ lợi và thực dụng qua sự kích thích của mặt trái kinh tế thị trường đã làm cho không ít người lầm tưởng rằng “tiền bạc” và “quan lộc” là giá trị đỉnh cao của đời sống; danh vọng, công lý và uy tín là có thể mua được. Giả dối đã phổ biến trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, thậm chí giả dối trong không ít trường hợp đã công nhiên lấn át sự tử tế và chân thật. Một khi bảng giá trị cộng đồng bị lệch lạc thì tất yếu, một số giá trị sẽ bị truất khỏi vị trí thực của nó trong hệ thống giá trị; những giá trị ảo, phi giá trị, vô giá trị, thậm chí phản giá trị sẽ thế chỗ hoặc lên ngôi. “Lao động”, “trung thực” và “chân thiện” nếu vô tình bị “tiền bạc” và “quan lộc” trám chỗ, định hướng giá trị sẽ khó tránh khỏi kém tác dụng, “nhầm đường” hoặc mất phương hướng.

2.4. Khó mà phủ nhận được, lâu nay, đâu đâu trong đời sống xã hội người ta cũng bắt gặp cái giả dối. Giả dối đã phổ biến đến mức đã được coi là bình thường, làm nản lòng sự trung thực, tử tế. Bằng giả, danh hiệu giả, kiến thức giả, công bố (khoa học) quốc tế giả, chất lượng sản phẩm giả, thuốc chữa bệnh giả, tuổi tác giả, số liệu thống kê giả, thanh toán với chứng từ giả, biểu quyết giả, đạo đức giả,... gần như có mặt khắp nơi và không còn là điều xấu hổ nữa. Rất tiếc là xã hội lại thừa nhận bằng cách làm ngơ coi như không thấy.

Ở không ít công trình, dự án..., mục đích ghi trong văn bản thực tế chỉ là giả, vì đó chẳng qua chỉ là phương tiện, là công cụ cho bòn rút, tham nhũng. Làm bất cứ việc gì cũng nghĩ đến lách luật. Sẽ không còn động cơ hành động nếu công việc được

tiến hành một cách ngay thẳng, không có lợi ích gì có thể xà xẻo được. Mọi đề án quốc kế dân sinh đều có nguy cơ đổ vỡ nếu ở đó tham nhũng hay mục đích vụ lợi không thực hiện được... Từ năm 2016 đến nay, tình trạng này có phần giảm bớt do sự quyết liệt của công cuộc chống tham nhũng, kể cả trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 hiện nay. Người dân có căn cứ để tin rằng, xử lý tham nhũng sẽ không còn vùng cấm như trước, kẻ phạm pháp trước sau cũng phải trả giá. Mặc dù vậy, tham nhũng tài sản công đến nay vẫn khó phủ nhận không phải là “động cơ ngầm” của không ít cán bộ có chức quyền. Thật khó hình dung, cái gì sẽ là động cơ thực sự của những người làm các dự án kinh tế - xã hội, nếu không có tham nhũng.

Con người tha hóa chỉ là một nguyên nhân của tình trạng này. Cơ chế, thể chế không có chỗ cho con người cống hiến và lao động bình thường mới là nguyên nhân căn bản hơn.

Vấn đề tất yếu là do suy thoái phẩm chất làm người. Tuy vậy, nhìn xa hơn, vấn đề còn là ở chỗ, thể chế kinh tế, cơ chế xã hội từ quá lâu đã sinh ra tình trạng này với hầu hết các công việc, lao động đều không được trả thù lao tương xứng, đặc biệt ở khu vực nhà nước. Gần như ở khắp nơi, trong mọi dạng lao động, nếu làm thật, trách nhiệm thật, hưởng thù lao thật... thì chắc chắn là thiệt thòi hoặc không được thụ hưởng xứng đáng với công sức bỏ ra. Cơ chế này thuộc về thể chế bóc lột (Extractive Institutions). Xã hội mấy chục năm nay đã tự tìm đường đi cho mình bằng cách tòi tẽ nhất, đó là giả dối. Đến lượt mình, thói giả dối lại tìm sự bênh vực ở những thể chế có khiếm khuyết, những kẽ hở của luật pháp, những quy định cứng nhắc hoặc vụ lợi trong các chính sách... bênh vực cho những cái sai, cái dở trong xã hội.

2.5. Một hiện tượng xã hội khác có thể là hệ lụy của tất cả những vấn đề nói trên, là niềm tin - niềm tin của người dân vào Đảng, vào chế độ, vào tương lai của đất nước - đã suy giảm dẫn đến mai một dần. Từ lâu, hiện tượng này đã được báo chí và dư luận xã hội lên tiếng báo động. Nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ đã được chính Tổng Bí thư và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng cảnh báo. Các nhà khoa học thường tìm nguyên nhân của khủng hoảng niềm tin trước hết ở sự vận hành của thể chế, ở bộ máy công quyền, ở đội ngũ quan chức, ở hệ thống luật pháp. Điều đó dĩ nhiên là hợp lý. Nhưng nhìn từ phía văn hóa, nguyên nhân cơ bản làm cho niềm tin trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam mai một rồi mất dần, theo chúng tôi còn là đã quá lâu rồi ở Việt Nam lẽ phải ít được tôn trọng, thậm chí bị chà đạp.

Chủ yếu là vô tình, nhưng sự thật là thể chế đã tiếp tay, luật pháp đã tạo kẽ hở, bộ máy công quyền thường quan liêu, chính sách lại không sâu sát, đội ngũ cán bộ thì không ít người tham lam, vụ lợi, trong việc cư xử với lẽ phải nên lẽ phải đã bị coi thường, đôi khi bị chà đạp, làm cho niềm tin rơi vào tình trạng như hiện nay. Trong một số trường hợp, lẽ phải bị đối xử như là thứ vô nghĩa. Có những vụ việc

rất bức xúc nhưng người có trách nhiệm vẫn ráo hoảnh trả lời công luận rằng “đúng quy trình”. Lẽ phải trong những trường hợp như vậy hoàn toàn bị xem thường. Niềm tin dù ở dạng nào thì cũng khó có cơ sở để tiếp tục tồn tại.

Về phương diện giá trị, cần thiết phải nói rằng việc định hướng giá trị trong thực tế luôn có hai xu hướng không mấy khi trùng nhau. Trong khi những giá trị lý tưởng, những giá trị kỳ vọng được nồng nhiệt đề cao, được tôn vinh có chú ý nhằm định hướng tư tưởng và hành vi con người thường không đạt được kết quả bao nhiêu, thì ngược lại, các giá trị ngầm định của bản thân đời sống xã hội lại âm thầm thể hiện sức mạnh của nó. Dòng chảy bản năng mãnh liệt của đời sống xã hội nếu không được các thiết chế pháp lý đủ mạnh và nghiêm minh tạo hành lang đủ thông thoáng để vận động, thì sẽ luồn lách qua mọi kẽ hở để thỏa mãn nhu cầu chính đáng và không chính đáng của con người. Cái xấu, cái ác, cái bất hợp lý,... trong những trường hợp như vậy đôi khi không kiểm soát được. Thực trạng hệ giá trị văn hóa Việt Nam hiện nay ít nhiều rơi vào tình trạng như vậy.

Rất mừng là với những kết quả rõ rệt thể hiện thái độ kiên quyết hiếm thấy sau những năm thực thi công cuộc chống tham nhũng, chống xuống cấp đạo đức xã hội..., bầu không khí xã hội đã chuyển biến tích cực làm cho niềm tin của nhân dân đã được khôi phục một phần. Thành công của công cuộc chống tham nhũng cùng với những thành tựu kinh tế - xã hội khác cho phép hy vọng với một cơ thể đang phát triển tương đối mạnh như Việt Nam, những vấn đề bức xúc, gay gắt và nan giải về phương diện văn hóa như đã trình bày ở trên, dù có nghiêm trọng, cũng không cản trở được sự phát triển bình thường của xã hội. Thậm chí, nếu nhìn từ một góc độ khác, việc xử lý những ung nhọt còn là cơ hội để xã hội Việt Nam giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong lòng nó, để rồi đạt tới những giá trị cao hơn, tốt đẹp hơn.

*

* *

Nói đến văn hóa, thực chất là nói đến con người. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, nghĩa là trong tầm nhìn dài hạn hoặc theo lát cắt lịch đại, thì văn hóa làm ra con người, con người là sản phẩm của văn hóa. Nhưng khi được coi là mục tiêu, là động lực của sự phát triển, thì văn hóa lại được xem xét trong tầm nhìn ngắn hạn hoặc theo lát cắt đồng đại, nghĩa là văn hóa là sản phẩm sáng tạo của con người, con người là chủ thể sáng tạo ra văn hóa. Muốn sửa chữa, khắc phục những hạn chế, bất cập của văn hóa thì xuất phát điểm luôn phải bắt đầu từ con người, từ hành vi, hoạt động, kế sách của con người.

Với văn nghệ sĩ, người nắm vũ khí sáng tạo ra văn học, nghệ thuật, người có trách nhiệm tiên phong đánh thức và gọi mở cho xã hội hình dung con đường đi về tương lai, trước hết phải là người phản ánh trung thực đời sống văn hóa - xã hội; không nên tìm lý do để quay lưng lại với những số phận con người - từ người lao

động mất việc làm do dịch bệnh đến những chiến sĩ, bác sĩ, người hảo tâm... xả thân vì cộng đồng, chống lại kẻ thù vô hình và hữu hình; từ những người cố tình hay không may bị vướng vòng lao lý vì tham nhũng, biến chất đến những người dám chết để làm điều tử tế; từ những vị tướng dám hy sinh quyền lợi cá nhân, rũ bỏ những tư duy cứng nhắc giáo điều đến những người lính âm thầm nơi biên cương, hải đảo giữ bình yên cho Tổ quốc... Rất nhiều số phận cần phải có mặt nhưng lâu nay gần như vắng bóng trong văn học, nghệ thuật.

Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI khẳng định, văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Điều ấy có nghĩa là, đối với nhà quản lý, đối với doanh nhân, hay đối với các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu văn hóa phải được hoạch định ngay từ đầu bên cạnh mục tiêu kinh tế; các công trình không chỉ sinh lời về kinh tế, không chỉ tìm kiếm lợi nhuận mà còn phải bảo vệ được văn hóa, không làm hư hỏng con người, hoặc sinh lời về văn hóa.

Hiện nay, văn hóa làm người của “một bộ phận cán bộ, đảng viên”, như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XIII đã ghi, còn có vấn đề: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giám sát ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật”¹. Điều đó là nguyên nhân sâu xa làm tổn hại sự lành mạnh của các quan hệ xã hội, quan hệ giữa người với người, thầy thuốc với người bệnh, thầy giáo với học trò, công an với nhân dân, nhân dân với cơ quan công quyền, cấp trên với cấp dưới...

Trong sự nghiệp phát triển văn hóa, văn hóa làm người bao giờ cũng là mục tiêu sống còn của phát triển văn hóa. Nếu văn hóa làm người mờ nhạt hay cực đoan, thì xã hội giả dối hoặc bất an. Nếu văn hóa làm người lệch lạc hay méo mó, thì xã hội chệch hướng và hỗn loạn. Nếu văn hóa làm người lành mạnh, trung thực thì lẽ phải được tôn trọng, xã hội phát triển bình thường; con người không lo âu vì bất hạnh vô có; người giàu có niềm vui của sự giàu có; người thành đạt có hạnh phúc của sự thành đạt; kẻ nghèo, người lao động bình thường có niềm vui, điều dễ chịu của sự thanh bần, của người dân lương thiện.

Nhìn lại lịch sử phát triển hàng nghìn năm của xã hội Việt Nam, có thể thấy khả năng điều tiết của văn hóa Việt Nam ngay từ rất sớm đã tỏ ra là có đủ bản lĩnh và sức mạnh để đề kháng với những tác động tiêu cực từ bên trong và bên ngoài, tấn công lại và chiến thắng mọi cái xấu và cái ác. Trong số các dân tộc Bách Việt miền Nam sông Dương Tử, chỉ có Việt Nam là không bị đồng hóa bởi văn minh Hán,

1. “Toàn văn kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII”, <https://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/toan-van-ket-luan-hoi-nghi-lan-thu-tu-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-595400.html>.

dù phải trải qua hơn 1.000 năm Bắc thuộc. Không có ngoại lệ, trong tất cả các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc, Việt Nam đều chiến thắng, dù đó là Tần, Hán, Tống, Nguyên, Minh, Thanh hay Pháp, Mỹ. Trong khi cả châu Á không có truyền thống thám hiểm biển cả, thì từ rất sớm người Việt Nam đã chinh phục được Biển Đông, làm chủ được Hoàng Sa - Trường Sa. Giữ vị trí giao điểm của các luồng văn minh, Việt Nam xưa nay luôn là mảnh đất dừng chân, lập nghiệp và hội tụ của nhiều tôn giáo, nhiều phương thức sống, nhiều dạng văn minh. Văn minh Đông Sơn, văn hóa Sa Huỳnh, văn minh Đại Việt từ Đinh, Lê đến tận thế kỷ XX, trong tương quan với các nền văn minh, văn hóa bên ngoài đương thời, đều không thua kém bao nhiêu về trình độ phát triển.

Với nền văn hóa có bề dày truyền thống như vậy, các thế hệ con người Việt Nam hôm nay chắc chắn không hề thiếu những phẩm chất thông minh và sáng tạo, dũng cảm và bản lĩnh, hiếu học và cần cù, khoan dung và nhân hậu... cần thiết cho sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Có cơ sở để tin rằng, sau 35 năm đổi mới, văn hóa và con người Việt Nam đã có đủ điều kiện, tiềm năng và sức mạnh để thực hiện được các mục tiêu phát triển đất nước mà Đại hội XIII của Đảng đã xác định.

CẢM NHẬN HAY PHÁC THẢO VỀ HỆ GIÁ TRỊ QUỐC GIA

GS.TS. ĐÌNH XUÂN DŨNG

1. “Hệ giá trị quốc gia” là một “đại vấn đề”, vấn đề “khổng lồ” liên quan trực tiếp đến toàn quốc gia, đất nước, toàn dân tộc, vì vậy cần một quá trình nghiên cứu công phu, khoa học, một năng lực tổng kết thực tiễn sâu sắc, không chỉ thực tiễn hiện tại mà cả quá khứ lịch sử, truyền thống và một đề xuất, tổng hợp có tầm khái quát cao nhất, có ý nghĩa và giá trị định hướng tương lai. Và tất nhiên, vì vậy, đó không phải là kết quả nghiên cứu, đề xuất của một vài người mà là sự nối tiếp nhau suy nghĩ, là kết quả của trí tuệ nhiều người với sự đồng thuận của đa số quần chúng... Có lẽ vì thế, người viết bài này chỉ xin dùng hai từ: “Cảm nhận” và “phác thảo”, mà không phải là “nghiên cứu” và “đề xuất”. Tự biết phải giới hạn như vậy mới mạnh dạn viết những dòng tiếp theo, mong góp một cảm nhận và phác thảo ban đầu về vấn đề rất hệ trọng trên.

Nhóm từ “hệ giá trị quốc gia” này xuất hiện khi nào ở nước ta? Vì những năm qua, ở ta, có nhiều công trình, bài nghiên cứu về giá trị, hệ giá trị, giá trị văn hóa... nhưng lục tìm trong đó, chắc chắn không thể đầy đủ, song tôi chưa tìm thấy cụm từ này. (Tôi xin dùng từ “chưa”, chứ không phải từ “không” vì không dám đảm bảo đã đọc được nhiều công trình, bài viết đã xuất bản). Trong số tư liệu mà tôi có, đã có đến khoảng 15 công trình thành sách và khoảng 50-60 bài nghiên cứu về giá trị, giá trị văn hóa, chuẩn mực văn hóa... Rất nhiều những kết quả nghiên cứu đáng quý, sâu sắc trong các công trình trên, tạo thành một bước tiến về chất lượng khoa học trong nghiên cứu về văn hóa ở nước ta.

Tôi lại tìm đến các văn kiện, nghị quyết... của Đảng trong khoảng hơn 20 năm nay, bắt đầu từ Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa (1998), một văn kiện được đánh giá là một bước phát triển trong tư duy của Đảng và được coi là có tầm chiến lược. Khi xác định nhiệm vụ của văn hóa, “xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới”, Nghị quyết xác định 5 “đức tính” cần xây dựng. Mỗi đức tính lại chứa đựng rất nhiều nội dung, phẩm chất con người, vì vậy 5 đức tính được diễn đạt gần một trang sách. Tôi được biết trong quá trình thảo luận, có ý kiến dùng từ *giá trị văn hóa* thay cho “đức tính” nhưng vì dễ hiểu với đa số quần chúng nên Nghị quyết dùng từ “đức tính” (thông dụng này).

Trong Văn kiện Đại hội IX (2001) và Văn kiện Đại hội X (2006), khi xác định nhiệm vụ văn hóa và xây dựng con người Việt Nam, cả hai đại hội đều khẳng định “hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam” (Văn kiện Đại hội IX, trang 208 và Văn kiện Đại hội X, trang 213). Như vậy, khái niệm, “giá trị” đã được sử dụng trong 2 văn kiện. Đó là một bước tiến về mặt lý luận vì giá trị là một phạm trù cơ bản xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động sáng tạo văn hóa và trong nuôi dưỡng, xây dựng con người. Tuy vậy, cụm từ “hệ giá trị quốc gia” vẫn chưa xuất hiện. Trong 15 năm sau, từ 2006 đến 2020, qua 2 kỳ đại hội, tuy có nhấn mạnh và làm rõ hơn nhiệm vụ xây dựng con người thông qua việc đúc kết các giá trị, song vẫn xác định chủ yếu là giá trị của con người Việt Nam. Đại hội XI (2011) ghi: “Đúc kết và xây dựng *hệ giá trị chung* của con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” (Văn kiện Đại hội XI, trang 223). Đại hội XII (2016) làm rõ hơn về tính văn hóa và cụ thể về chuẩn mực của con người: “Đúc kết và xây dựng *hệ giá trị văn hóa* và *hệ giá trị chuẩn mực* của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” (Văn kiện Đại hội XII, trang 126-127). Như vậy, qua mỗi thời kỳ đại hội, vấn đề giá trị, giá trị văn hóa ngày càng được xác định rõ và cụ thể hơn, song tất cả tập trung nhấn mạnh đến hệ giá trị văn hóa của con người Việt Nam.

Đến Đại hội XIII vừa qua (tháng 1/2021), lần đầu tiên, 4 nội dung sau đây được đồng thời xác định trong một đoạn văn mở đầu phần VII trong Báo cáo chính trị: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng *hệ giá trị quốc gia*, *hệ giá trị văn hóa* và *chuẩn mực con người* gắn với giữ gìn, phát triển *hệ giá trị gia đình Việt Nam* trong thời kỳ mới” (Văn kiện Đại hội XIII, trang 143). Bốn phạm trù trên có quan hệ khăng khít, xuyên thấm vào nhau, đồng thời mỗi phạm trù có *nội hàm riêng, đặc thù*, đó là:

Hệ giá trị quốc gia lần đầu tiên được xác định trong văn kiện ở vị trí đầu tiên, giữ vai trò chi phối, bao trùm. Ba phạm trù sau (*Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam*; *Chuẩn mực văn hóa cụ thể của con người Việt Nam*; *Hệ giá trị gia đình Việt Nam*) đã được xác định trong văn kiện các Đại hội XI, XII, chỉ có *một phạm trù hoàn toàn mới* được đưa vào Văn kiện Đại hội XIII vừa qua, là *Hệ giá trị quốc gia*. Vì vấn đề trên còn rất mới, có lẽ “in chưa ráo mực” nên phần lớn các công trình, bài nghiên cứu trước đây đều tập trung lý giải, tổng kết, đề xuất về *hệ giá trị văn hóa* của con người Việt Nam, một số công trình, bài báo tìm hiểu, phân tích về *chuẩn mực* văn hóa cụ thể, về giá trị gia đình Việt Nam. Cũng có công trình, tách hệ giá trị con người Việt Nam với tư cách cá thể để nghiên cứu *hệ giá trị xã hội* chung, như công trình của GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm “*Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*”¹. Trong công trình này, tác giả cho rằng có 35 giá trị định hướng cốt lõi toàn diện,

1. Xem GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm: *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, Nxb. Văn hóa - văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.

trong đó tác giả chọn ra được 10 giá trị đưa vào “*hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm*”. Trong 10 giá trị đó, tác giả xác định 2 *giá trị xã hội* là *dân chủ* và *pháp quyền*, còn 8 giá trị khác thuộc *giá trị cá nhân* (yêu nước và nhân ái, trung thực và bản lĩnh, trách nhiệm và hợp tác, tính khoa học và sáng tạo). Tác giả đưa ra khái niệm giá trị xã hội là một bước tiến trong tư duy khoa học và khảo sát yêu cầu thực tiễn, nó đã gần tới phạm trù hệ giá trị quốc gia vì nó vượt qua hệ giá trị con người cụ thể đến với xã hội - cộng đồng, tuy vậy, nó chưa đạt tới yêu cầu và tầm khái quát, bao trùm của hệ giá trị quốc gia. Kết quả của đề tài khoa học cấp quốc gia (KX.04.19) “Hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” do TS. Nguyễn Ngọc Thiện làm chủ nhiệm đã đề xuất hai phạm trù: Hệ giá trị văn hóa Việt Nam và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam, mỗi phạm trù nêu ra hai phương án. Khái niệm “Hệ giá trị văn hóa Việt Nam”, theo cách đặt vấn đề của các tác giả, có lẽ được hiểu là Hệ giá trị văn hóa *của* Việt Nam (chứ không phải là hệ giá trị *của* văn hóa Việt Nam) và nếu như vậy đã tiệm cận đến phạm trù hệ giá trị quốc gia, song, phải chăng chưa thật rõ ràng, khi nêu phương án 1 của hệ giá trị văn hóa Việt Nam gồm 4 giá trị: *dân tộc, dân chủ, nhân văn, pháp quyền* lại gần như *trùng hợp* với 4 giá trị, 4 *đặc trưng* của nền văn hóa Việt Nam như Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) xác định là *dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học*. (Chỉ khác giá trị thứ 4: pháp quyền thay cho khoa học). Như vậy, vấn đề làm rõ nội hàm, sự khác biệt và sự gặp nhau, nếu có, giữa các phạm trù: Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị xã hội, hệ giá trị văn hóa Việt Nam, đến nay, vẫn chưa thật rõ ràng và còn những cách lý giải khác nhau. Chỉ có sự gặp nhau nhưng kết quả tìm tòi, đúc kết, đề xuất lại *rất khác nhau* xung quanh phạm trù: *Hệ giá trị và chuẩn mực con người Việt Nam*. Ngay trong các văn kiện của Đảng cũng dừng lại ở *kết luận mở*: “*Đúc kết và xây dựng*”, “*tập trung nghiên cứu, xác định*” có nghĩa là văn kiện chỉ nêu những giá trị đã được thảo luận và tổng kết để từ đó *gợi mở* việc tiếp tục nghiên cứu, xác định. Tôi được biết, trong quá trình thảo luận về vấn đề này tại Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI), một số ý kiến đề nghị chỉ cần ghi “*xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp là cốt lõi, trọng tâm*” là đủ, không cần ghi thêm các đặc tính của con người Việt Nam... Vì ghi như *vậy cũng vẫn chưa đủ* nên nhiều ý kiến khác lại đề nghị bổ sung thêm một số phẩm chất, các đặc tính cơ bản gồm 10 điểm: Yêu nước, cần cù, sáng tạo, đoàn kết, nghĩa tình, thủy chung, trung thực, trí tuệ, nhân văn, tự chủ... Từ các ý kiến đó, Nghị quyết Trung ương 9 đã xác định 7 đặc tính cơ bản: Yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Song, trong Báo cáo tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị trước Trung ương đã khẳng định: “*Khi triển khai thực hiện Nghị quyết, sẽ chỉ đạo tổ chức nghiên cứu làm rõ và đầy đủ hơn các đặc tính của con người Việt Nam* (xem *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, các trang 34, 35, 49). Rõ ràng, đó là *kết luận mở*, vừa định hướng vừa tạo cho sự nghiên cứu làm rõ và đầy đủ hơn. Đó là thái độ và tư duy khoa học cần thiết.

(Xin ghi chú thêm: năm 1998, trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII) đã chỉ ra “Những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”, “đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng tình nghĩa, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong cuộc sống...” (Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), trang 56). Đoạn văn này chia thành ba cụm nội dung, song mỗi cụm lại chứa đựng bao quát các giá trị khác nhau, nên có thể nhận thấy khoảng 12 giá trị tạo nên “bản sắc dân tộc”.

Những điều trình bày tóm tắt trên để nhận thấy rằng, khoảng hơn 20 năm qua, việc nỗ lực đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam đã được tiến hành công phu, song đến nay chưa đạt tới sự đồng thuận, đang tiếp tục mở ra các hướng đúc kết và xây dựng mới. Tất cả các kết quả nghiên cứu đang ở dạng đề xuất, gợi mở với nhiều phương án khác nhau. Có lẽ, đã đến thời kỳ cần đi tới xác định một hệ giá trị *được sự đồng thuận cao*, được khẳng định là những giá trị định hướng cho toàn xã hội và từ đó tổ chức triển khai đồng bộ, bài bản, thực tiễn, cụ thể và kiên trì trong thực tiễn đời sống. Với cảm nhận đó, tôi đặc biệt chú ý đến ba ý có tính chỉ đạo rõ ràng về vấn đề này trong Văn kiện Đại hội XIII (tháng 1/2021): Một là, “*tập trung nghiên cứu*”, hai là “*xác định*” và ba là “*triển khai xây dựng*” 4 hệ giá trị (như đã trình bày ở trên). Phải chăng, những năm qua, chúng ta đã và đang ở khâu thứ nhất là nghiên cứu và chưa đi tới được “*xác định*” và vì vậy, chưa thể “*triển khai xây dựng*” trong thực tiễn.

2. Trước những vấn đề quá lớn và mới mang tầm vĩ mô trên, trong khả năng có hạn, phần này, bài viết chỉ trình bày một số cảm nhận, suy nghĩ bước đầu về *hệ giá trị quốc gia*. Còn ba phạm trù sau: Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam, Hệ giá trị gia đình Việt Nam và chuẩn mực văn hóa (*Văn kiện Đại hội XIII*) xin không đề cập trong bài viết này.

Không phải quốc gia nào cũng đề xuất hệ giá trị quốc gia. Ví dụ, ở châu Âu, người ta khảo sát và đúc kết giá trị chung của cả châu Âu, còn đối với từng quốc gia, người ta tập trung xác định *giá trị chung* (về mặt xã hội) của con người của quốc gia đó. Và thông thường, khoảng hai năm/lần, người ta lại khảo sát để chỉ ra cái biến đổi hay xuất hiện giá trị mới. Năm 2012, trong “Báo cáo biểu mẫu thang đo giá trị châu Âu” của Ủy ban châu Âu về các giá trị châu Âu, qua khảo sát ở 34 nước, người ta đã đưa ra 5 giá trị được các nước đề cao, đồng thuận là: *Hòa bình, dân chủ, nhân quyền, tuân thủ pháp luật và tinh thần đoàn kết*. Phải chăng đó là giá trị “*liên quốc gia*”. Còn đối với từng nước, người ta quan tâm đến khảo sát và xác lập giá trị con người được cộng đồng đánh giá là quan trọng nhất, chiếm tỷ lệ % cao nhất. Ví dụ, ở Đức, khảo sát năm 2016, các giá trị sau đây được đề cao: Trung thực (79%), tự chủ (65%),

độ tin cậy (64%), tính hữu ích (64%), hành vi đúng đắn (61%), trách nhiệm và thân thiện (đều được 60%)...

Có lẽ, khác với châu Âu, do truyền thống và đặc điểm lịch sử, nhiều nước châu Á *nhấn mạnh giá trị quốc gia*, có ý thức sâu sắc khẳng định bản sắc, đặc sắc, “thương hiệu” của quốc gia - dân tộc mình, vì vậy, một số quốc gia châu Á dành nhiều trí tuệ và thời gian để đúc kết giá trị quốc gia riêng mà không chú ý tìm giá trị chung của cả châu Á như các nước châu Âu. Ta có thể sơ lược nêu một vài dẫn chứng. Từ năm 2013 đến nay, ở Trung Quốc, người ta đã tổ chức nghiên cứu về *Hệ giá trị cốt lõi xã hội chủ nghĩa*, trong đó, họ chia thành ba nhóm: nhóm 1 là hệ giá trị quốc gia, nhóm 2 là hệ giá trị xã hội và nhóm 3 là hệ giá trị cá nhân. Bốn giá trị sau đây được xác định là hệ giá trị quốc gia: *Thịnh vượng, dân chủ, văn minh, hài hoà*. (Ghi chú thêm: Bốn giá trị xã hội là tự do, bình đẳng, công bằng, pháp trị và 4 giá trị cá nhân là yêu nước, trọng nghề, thành tín, thân thiện).

Đối với Malaysia, một quốc gia có tới 24,6% dân số là người gốc Hoa và 50,4% người bản địa (Malaysia), xác định 5 giá trị sau đây là hệ giá trị quốc gia: Tin vào Thượng đế, trung thành với nhà vua và đất nước, tuân thủ hiến pháp, cai trị bằng pháp luật và hành vi tốt, đạo đức tốt. (Ghi chú thêm: Bốn giá trị cá nhân là chính trực, làm việc nhóm, trách nhiệm và chất lượng).

Các quốc gia khác như Philippines, Thái Lan, xác định các giá trị cốt lõi chung mà không xác định rõ, phân biệt rõ các hệ giá trị. Ví dụ, Philippines nêu 9 giá trị còn Thái Lan nêu 12 giá trị cốt lõi được công bố vào năm 2014.

Khác với các quốc gia trên, xác định mỗi giá trị bằng một từ, riêng Singapore dùng một cụm từ để diễn đạt các giá trị quốc gia và các cụm từ này thường có hai vế có liên hệ chặt chẽ với nhau. Ở ta, khi dịch ra tiếng Việt, có hai phương án dịch 5 giá trị này:

Phương án 1: - Dân tộc trước cộng đồng, xã hội trên cá nhân.

- Gia đình là đơn vị cơ bản nhất của xã hội.
- Hỗ trợ cộng đồng và tôn trọng cá nhân.
- Đồng thuận, không xung đột.
- Hòa hợp chủng tộc và tôn giáo.

Phương án 2: - Quốc gia trên hết, xã hội đầu tiên.

- Gia đình là gốc, xã hội là thân.
- Quan tâm giống nhau, đồng cam cộng khổ.
- Tìm cái đồng, gạt bất đồng, hiệp thương cùng hiểu biết.
- Chủng tộc hài hòa, tôn giáo khoan dung.

Tuy cách dịch có khác nhau, nhưng nhìn tổng thể, 5 giá trị (hay cụm giá trị) trên đây nhằm tạo ra sự hài hòa, gắn kết với nhau giữa cá nhân - gia đình - xã hội - quốc gia và giữa các chủng tộc - tôn giáo để tạo nên “*các giá trị chung Singapore*” mà năm 1991 Quốc hội Singapore đã thông qua.

Qua tham chiếu rất sơ lược kinh nghiệm xây dựng, đúc kết và xác lập hệ giá trị quốc gia của một số nước như trên, bước đầu có thể nêu ra một số *yêu cầu, đặc trưng* cần có của hệ giá trị quốc gia, từ đó như là một gợi mở, một tham khảo bổ ích cho việc xác lập hệ giá trị quốc gia Việt Nam.

- Trước hết đó phải là sự *khái quát cao nhất có tính bao trùm* cho cả nước, cho ý chí và nguyện vọng của cả dân tộc. Mặt khác, không thể tổng hợp, liệt kê được hầu hết các giá trị mà phải và chỉ có thể *khái quát cái cốt lõi, căn cốt nhất*. Đây là công việc cực kỳ khó khăn. Giáo sư Trần Ngọc Thêm nêu ra 35 giá trị định hướng cốt lõi nhưng rồi chỉ rút ra 2 giá trị xã hội là *dân chủ* và *pháp quyền* mà có thể chưa coi đó là giá trị quốc gia.

- Trong các giá trị phổ quát, bao trùm không chỉ đúng và cần với quốc gia mà có thể trùng khít với giá trị chung của nhân loại, song giá trị quốc gia đồng thời phải chứa đựng trong đó *cái đặc thù quốc gia - dân tộc*. Sự xác định đó là hoàn toàn cần thiết, vì cái đặc thù đó nằm chủ yếu ở hai lý do. *Một là*, nó thuộc về bản sắc, đặc trưng, truyền thống quốc gia - dân tộc; và *hai là*, cái mà quốc gia đó cần vươn tới, cần đạt được, là mục đích, mục tiêu cao nhất, là khát vọng của cả quốc gia, dân tộc. Không phải ngẫu nhiên hay vô cớ mà Trung Quốc xác định 4 giá trị quốc gia của họ, đó là khát vọng lớn lao của người Trung Hoa cho tương lai của đất nước mình: Thịnh vượng, dân chủ, văn minh và hài hòa. Singapore đặt lên hàng đầu và xuyên suốt 5 cụm giá trị quốc gia của họ là khát vọng hài hòa cá nhân - gia đình - xã hội - quốc gia, chủng tộc - tôn giáo, và đó là sự *khái quát cao độ* và cực kỳ “*thông minh*”.

- Cái đặc thù đó còn chứa đựng trong các giá trị sự gắn kết chặt chẽ giữa *truyền thống* và *hiện đại*. Hai giá trị đầu tiên trong hệ giá trị quốc gia Malaysia là tin vào *thượng đế* và *trung thành với nhà vua và đất nước* thể hiện rõ sự gắn kết, hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

- Toàn cầu hóa đòi hỏi mỗi quốc gia phải có bản lĩnh, trình độ, sự tự tin và năng lực hợp tác trong quá trình hội nhập, vì vậy, trong hệ giá trị quốc gia, yêu cầu trên cũng phải thể hiện sáng rõ. Năm giá trị của 34 nước châu Âu đã đưa giá trị *hòa bình* lên đầu và *tin thần đoàn kết* xếp thứ năm. Riêng đối với Nhật Bản, cùng với việc xác lập 8 giá trị chung của người Nhật, họ còn nêu ra 5 *giá trị cốt lõi để hội nhập*, đó là *cộng sinh, cộng tôn; biết điều chỉnh bản thân; tư duy độc lập; biết sáng tạo cái mới và tôn trọng sự khác biệt*. Nước Nhật đã chuẩn bị cho sự hội nhập một cách kiên quyết, bài bản và khoa học với mục tiêu hội nhập sâu, toàn diện với thế giới mà vẫn giữ được bản sắc, hồn cốt, căn cốt Nhật Bản trong quá trình tìm cách “*thoát Á và nhập Âu*”.

- Hệ giá trị quốc gia phải vừa là cái đang hình thành và phát triển trong thực tiễn (không phải, không thể chỉ là cái mong ước chủ quan, ảo tưởng viễn vông), đồng thời là những *giá trị định hướng* cho sự phát triển, trở thành mục tiêu chung của quốc gia, dân tộc phấn đấu vươn tới, đạt tới. Có nghĩa là nó không phải là cái đã định hình, bất biến mà là những cái *vừa đang có, vừa sẽ có* để tạo lập cái mới, cái hoàn thiện.

(Xin lưu ý thêm: *Văn kiện Đại hội XIII của Đảng* chỉ ra 3 khâu không thể tách rời nhau: Tập trung nghiên cứu + xác định + triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, nghĩa là chỉ ra một quy trình từ nghiên cứu đến xác định hệ giá trị quốc gia để đưa kết quả đó triển khai vào thực tiễn).

- Yêu cầu cuối cùng của việc xác lập hệ giá trị quốc gia là sự *đồng thuận cao* của nhân dân để từ đó nhân dân là người *trực tiếp và tự nguyện* thực hiện, làm theo các giá trị đó, tạo nên lòng tự tôn, tự hào dân tộc với những giá trị do chính mình xây đắp nên.

Một số cảm nhận trên đây về *yêu cầu và đặc trưng* của hệ giá trị quốc gia sẽ là cơ sở để thử mạnh dạn phác thảo hệ giá trị quốc gia Việt Nam. Hay có thể nghĩ giản dị hơn, đó là *hệ giá trị Việt Nam, “Thương hiệu văn hóa Việt Nam”* (chữ dùng trên, có thể chưa chuẩn, song cũng nhằm diễn đạt một cách đơn giản hơn một khái niệm, một phạm trù mới lần đầu tiên được đưa vào Văn kiện Đại hội XIII của Đảng mà chúng tôi đã trình bày ở phần đầu bài viết này).

3. Phác thảo (bước đầu) hệ giá trị quốc gia Việt Nam

Như đã trình bày ở trên, để có được những kết quả có độ tin cậy lớn, cần rất nhiều việc phải làm của nhiều người, nhiều kênh khác nhau và một thời gian dài cần thiết, có một quy trình điều tra xã hội học thực sự khoa học, khách quan và cần sự đầu tư trí tuệ để tổng hợp, chọn lọc, “chưng cất” công phu, và vì thế, như đã có lần trong một bài viết của tôi được đăng tải trên báo, phải chăng cần có một *tổ chức* tinh gọn, chất lượng, chuyên sâu, tâm huyết làm việc này, mà đến nay, chúng ta chưa có, cả ở cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa và ở cơ quan đảng có chức năng tham mưu, chỉ đạo lĩnh vực rất nhiều đặc thù này.

Với suy nghĩ đó, sự phác thảo này chỉ hoàn toàn như một cảm nhận từ quá trình tìm hiểu lịch sử, truyền thống, từ sự cố gắng hiểu biết nhu cầu thực tại và tổng hợp, chất lọc những kết quả nghiên cứu lâu nay của nhiều nhà khoa học và thử rút ra kinh nghiệm qua tham chiếu vấn đề này ở một số nước (như đã trình bày sơ lược ở phần trên). Từ sự “phi lộ” ít nhiều dài dòng đó, xin phác thảo hai phương án sau về hệ giá trị quốc gia, mà tôi mạn phép gọi một cách khác, nhưng nội dung là thống nhất: *Hệ giá trị quốc gia - dân tộc* hay *Hệ giá trị Việt Nam*.

- *Phương án 1*: Tất cả chúng ta đều thấu hiểu sâu sắc một thực tiễn và một khát vọng tuyệt đối của dân tộc ta qua hàng ngàn năm lịch sử là độc lập dân tộc. Hoàn toàn có thể nêu hàng trăm, hàng ngàn dẫn chứng từ quá khứ đến hiện tại để minh chứng cho giá trị căn cốt, sâu thẳm nhất này của dân tộc ta, Tổ quốc ta. Cha ông ta và các thế hệ kế tiếp đã trả bằng bao sự hy sinh cao cả, bằng bao xương máu để giành và giữ độc lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết giá trị và truyền thống đó bằng nhiều câu văn vô cùng cô đọng và sâu sắc, mà tiêu biểu, đi vào tâm khảm cả dân tộc, là chân lý sáng ngời: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”... Nhưng chính Người lại khẳng định rằng, có độc lập mà dân không được sống ấm no, hạnh phúc thì độc lập cũng chẳng có ý

nghĩa gì. Vì vậy, gắn liền với độc lập là khát vọng cháy bỏng thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, tụt hậu để vươn lên thịnh vượng, mạnh giàu. Lịch sử dân tộc luôn luôn là những cuộc vật lộn để chiến thắng cái nghèo, cái lạc hậu như vậy và từ hơn 20 năm nay, khát vọng giàu mạnh đã trở thành một trong những đặc trưng, yêu cầu và là nội hàm lớn nhất trong quan niệm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội “Dân giàu, nước mạnh”. Do vậy phải chăng cặp phạm trù đầu tiên của hệ giá trị quốc gia và dân tộc là *Độc lập - giàu mạnh*.

Để tiếp nhận những kết quả nghiên cứu công phu dựa trên sự điều tra xã hội học nghiêm túc, tương đối toàn diện của một số công trình đã công bố, tôi nghĩ rằng, các phạm trù *dân chủ - pháp quyền* do GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm đưa ra là hợp lý, khoa học. Tiếp nối kết quả đề xuất đó, công trình do TS. Nguyễn Ngọc Thiện cũng nêu trong hai phương án “hệ giá trị văn hóa Việt Nam” đều có hai giá trị này. Nếu có được bàn thảo thêm, tôi đề xuất đó là hai giá trị quốc gia, chứ không dùng thuật ngữ giá trị xã hội như tác giả Trần Ngọc Thêm xác lập. Hai giá trị đó *đã có ở mức độ, trình độ khác nhau trong lịch sử, đang có, đang hình thành* trong hiện tại, đồng thời lại đang thiếu, đang cần đầy đủ, thực chất hơn và đặc biệt đó là nhu cầu tất yếu, là khát vọng phải đạt được trong quốc gia thời kỳ hiện đại. Về phương diện này, các phạm trù dân chủ - pháp quyền cần được xác định là giá trị quốc gia.

Trong “Tuyên ngôn Độc lập” đọc tại Ba Đình ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh ngay từ đầu về quyền bình đẳng giữa con người và giữa các dân tộc và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người, của dân tộc, quốc gia. Dân tộc ta, từ trong chiều sâu thẳm của lịch sử dựng nước, giữ nước và của chính khát vọng con người, *bình đẳng và hạnh phúc* là mục tiêu cao nhất, nhân văn nhất, “người” nhất phải đạt tới. Vì ý nghĩa sâu xa đó, các phạm trù bình đẳng, hạnh phúc trở thành giá trị quốc gia Việt Nam. Như vậy, phác thảo của phương án một này là các giá trị sau đây: tạo nên hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị Việt Nam.

- Độc lập và giàu mạnh.
- Dân chủ và pháp quyền.
- Bình đẳng và hạnh phúc.

- *Phương án 2*: Nhiều quốc gia thể hiện hệ giá trị quốc gia bằng những hệ cấu trúc đơn giản, gọn, cô đúc, dễ hiểu, dễ ghi tạc trong trí nhớ và dễ thực hiện trong đời sống. Nếu trình bày hệ giá trị một cách toàn diện, muốn đủ tất cả theo tư duy cầu toàn thì khó đi vào đời sống. Trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) nêu 5 đức tính rất đầy đủ, nhưng không thể nhớ, đến Nghị quyết số 33 (khóa XI) nêu gọn các đặc tính cơ bản: “Yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo” của con người cần chăm lo xây dựng. Một ví dụ khác, năm 2014, Thái Lan công bố 12 giá trị cốt lõi (Thai Values) rất đầy đủ, toàn diện, cụ thể và mỗi giá trị lại chứa đựng nhiều nội dung, chuẩn mực cụ thể. Một ví dụ ở giá trị thứ 10: “Áp dụng chính sách kinh tế tự chủ của Đức Vua, biết tiết kiệm tiền cho những lúc khó khăn, biết chia

sẽ những giá trị thặng dư, hoặc mở rộng kinh doanh khi có khả năng”. Chúng ta không có quyền nhận xét gì về hướng tổng kết, chắt lọc đó, mà chỉ để tham chiếu kinh nghiệm cho mình.

Ở phần trên bài viết đã giới thiệu cách diễn đạt Hệ giá trị quốc gia Singapore bằng những cụm từ gắn chặt với nhau về nội dung và được thể hiện thành một hệ thống như một thang giá trị đi từ quốc gia - xã hội - chủng tộc - tôn giáo - gia đình - cá nhân và ngược lại, tạo thành thể thống nhất. Từ phương án 1 (đã trình bày ở trên) và nhìn hệ giá trị quốc gia như là một thể thống nhất bao gồm không chỉ là từng phạm trù riêng biệt mà là những cụm từ chứa đựng trong đó các giá trị “cùng bậc thang” giá trị, phải chăng, có thể biểu đạt hệ giá trị quốc gia Việt Nam bằng các cụm từ sau:

- *Vì Tổ quốc Việt Nam vững bền và cường thịnh* (chứa đựng trong đó các giá trị độc lập, lòng yêu nước, khát vọng giàu mạnh...);

- *Tất cả chúng ta là “đồng bào”* (chứa đựng trong đó tình đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình, truyền thống một ngàn năm “cùng một bọc” - đồng bào);

- *Cuộc sống hài hòa cá nhân và cộng đồng* (chứa đựng trong đó những giá trị mới như dân chủ, bình đẳng, phát triển nhân cách gắn kết với giá trị truyền thống - cộng đồng);

- *Tự tin nhịp bước cùng thời đại* (chứa đựng trong đó yêu cầu độc lập, tự chủ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa).

Tuy là lặp lại, song vẫn phải phi lộ lần nữa, những cảm nhận và phác thảo trên chỉ coi là một tiếng nói chân thành, một bước đi thận trọng trên con đường đi tới tìm nội hàm đích thực nhất cho một vấn đề hệ trọng: Hệ giá trị quốc gia Việt Nam. Hệ trọng không phải chỉ cho hiện tại và cho cả tương lai của dân tộc, đất nước. Đúng hay chưa đúng và đúng, trúng đến mức nào, chưa thể trả lời, phải chờ nhiều tiếng nói khác, nhiều lần trao đổi, thảo luận tiếp và nhiều sự tổng hợp và chắt lọc khác, song chỉ có thể xác tín rằng, những cảm nhận và phác thảo trên đây đều xuất phát từ một tình cảm chân thành, tâm huyết và một suy tư, trăn trở trung thực, nghiêm túc.

XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ VĂN HÓA CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CỦA ĐẢNG

PGS.TS. PHẠM VĂN DƯƠNG*

Mỗi một cộng đồng tộc người hay một dân tộc, quốc gia trong quá trình hình thành và phát triển nhất thiết phải tạo dựng cho mình những giá trị riêng. Những giá trị này được bồi đắp, kết tinh thành hệ thống tinh hoa văn hóa, từ đó tạo nên bản sắc tộc người, bản sắc dân tộc và quốc gia. Bản sắc này là nền tảng, điểm tựa cho phát triển ở mọi thời đại, tạo ra sự ổn định lâu dài cho quốc gia, dân tộc đó. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, đa văn hóa, có quá trình hình thành và phát triển gắn với các biến cố lịch sử như: bị xâm chiếm, đô hộ và âm mưu đồng hóa văn hóa... Lịch sử dân tộc và văn hóa Việt Nam đã chứng minh, trải qua hơn 1.000 năm Bắc thuộc và 100 năm cai trị của thực dân Pháp, dân tộc Việt Nam vẫn giành lại được độc lập, vẫn giữ được bản sắc riêng của mình. Đó chính là nhờ vào nền tảng hệ giá trị văn hóa của con người Việt Nam được tạo dựng qua nhiều thế hệ, trở thành “bản năng văn hoá” không chịu khuất phục, nô dịch và đồng hóa.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đương đại, dưới tác động của toàn cầu hóa và sức mạnh của công nghệ thông tin, Internet kết nối vạn vật, truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội... đã và đang đặt ra những thách thức lớn về kiến tạo và giữ gìn bản sắc. Nhằm tạo lập những giá trị riêng của con người Việt Nam làm hành trang cho hội nhập và phát triển, chống lại các biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa” về văn hóa dẫn đến tự nô dịch về văn hóa.

Bài viết này góp phần làm sâu sắc thêm nhận thức về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam, trên cơ sở những phân tích thực tiễn và chính sách phát triển văn hóa của Đảng và Nhà nước thể hiện trong các văn kiện của Đảng về văn hóa, từ khi Đảng ra đời lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến nay.

* Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Khái niệm hệ giá trị và hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam

- Thuật ngữ “Hệ giá trị” và “Hệ giá trị văn hoá” có thể được nhìn từ nhiều góc độ khác nhau, bao gồm trong nó nhiều loại giá trị khác nhau: có loại giá trị cốt lõi, có giá trị phổ quát, có loại giá trị chung nhân loại, có loại giá trị dân tộc - quốc gia, có loại giá trị cộng đồng tộc người, có loại giá trị cá thể, có loại giá trị xã hội, có loại giá trị con người,... Trong mỗi loại giá trị như vậy lại có nhiều giá trị nhỏ khác nhau. Bản thân mỗi giá trị phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, không cố định, có giá trị chỉ là giá trị trong một giai đoạn lịch sử nào đó.

- Hệ giá trị văn hóa phản ánh và thể hiện một cách sống động toàn bộ cuộc sống con người trong suốt quá trình lịch sử. Văn hóa tạo nên một hệ thống các giá trị truyền thống bao gồm thẩm mỹ và lối sống, từ đó từng dân tộc xây dựng nên bản sắc riêng của mình. “Văn hóa là hệ thống hữu cơ các giá trị tinh thần và vật chất do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội”.

Trong *Bách khoa toàn thư văn hóa học thế kỷ XX* của Nga xuất bản năm 1998 coi “giá trị” là những thành tố quan trọng nhất của văn hóa con người bên cạnh các chuẩn mực và các lý tưởng¹.

- Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam.

Theo cách tiếp cận con người là chủ thể, là trung tâm của văn hóa, và cũng từ bản chất và đặc trưng của con người mà hình thành giá trị văn hóa. Theo đó, giá trị văn hóa cũng là những phương diện thể hiện giá trị con người ở những lát cắt và bình diện khác. Trên thế giới, ở tất cả các nước, chính giá trị con người (và giá trị công dân) là nền tảng gốc rễ cơ bản để hình thành giá trị văn hóa và giá trị xã hội.

Hệ giá trị văn hóa con người nói một cách hình ảnh, có thể mô tả mối quan hệ của nó với hệ giá trị xã hội như ba vòng tròn đồng tâm, mà vòng trong cùng là hệ giá trị con người, vòng thứ hai là hệ giá trị văn hóa, còn vòng thứ ba ngoài cùng là hệ giá trị xã hội. Như vậy, trong mối quan hệ biện chứng mang tính bản chất đó, trên thực tế, ở tầm quốc gia (dân tộc) sẽ là các giá trị tổng hợp chứa đựng cả giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội đặc trưng của một quốc gia (dân tộc) trong một giai đoạn phát triển nào đó. Đối với nước ta, có thể gọi đó là hệ giá trị con người Việt Nam đặc trưng của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa².

Trong mỗi giai đoạn phát triển, hệ giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội được cấu trúc bởi ba cấu phần chủ yếu: những giá trị truyền thống được lưu giữ

1. Xem Trần Ngọc Thêm: *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr.27.

2. Xem PGS. TSKH. Lương Đình Hải: “Xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, <https://vass.gov.vn/nghien-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/xay-dung-he-gia-tri-viet-nam-trong-giai-doan-hien-nay-15>.

lại từ quá khứ; những giá trị hiện tại do điều kiện khách quan quy định và những giá trị định hướng cho sự phát triển trong giai đoạn mới (mà hiện thời chưa đóng vai trò chủ đạo chi phối sự phát triển).

Hình thức thể hiện giá trị văn hóa, giá trị xã hội của con người thường được khái quát dưới dạng trừu tượng như: đạo đức, phong tục - tập quán, tâm linh, pháp luật, thiết chế, lợi ích (lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần)...

2. Chính sách phát triển văn hóa của Đảng từ khía cạnh phát triển con người

Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943, do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo, trong bối cảnh xã hội Việt Nam lúc đó, khi “văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa” thống trị, thì sự ra đời của “Đề cương về văn hóa Việt Nam” là cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng chỉ lối và định hướng tư tưởng, nhận thức, phương châm hoạt động văn hóa, văn nghệ cho toàn Đảng, toàn dân và cuộc đấu tranh cách mạng ở Việt Nam. Khi đó, Đảng ta xác định xây dựng nền văn hóa Việt Nam: Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập); Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phả lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng); Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ). Trong đó, yếu tố dân tộc được ưu tiên số một, thể hiện tầm nhìn của Đảng đối với nguy cơ văn hóa dân tộc bị thực dân, đế quốc ngoại lai nô dịch, đồng hóa, bản sắc, bản lĩnh con người Việt Nam có thể bị xóa nhòa, từ đó tinh thần độc lập dân tộc suy yếu. Từ văn kiện này, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chính sách văn hóa của Đảng ngày càng được khẳng định tính xuyên suốt, hệ thống và sáng tỏ. Trong phát triển văn hóa, ở mọi giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng yếu tố con người làm then chốt, mọi nguồn lực kinh tế, văn hóa phục vụ cho mục tiêu phát triển con người Việt Nam, kiến tạo bản lĩnh, bản sắc văn hóa con người Việt Nam phục vụ cho phát triển đất nước hùng cường về kinh tế và văn hóa.

Yếu tố con người trong đường lối văn hóa của Đảng một lần nữa được khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 7/1998). Đây là giai đoạn đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, mở cửa giao lưu quốc tế toàn diện và mạnh mẽ. Ở thời kỳ này, nhiều yếu tố văn hóa, lối sống ngoại lai du nhập vào Việt Nam, trong đó có cả yếu tố độc hại. Nguy cơ ảnh hưởng xấu đến tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống của con người Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ đã hiện hữu. Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII là văn kiện có tính bao quát, hệ thống, khoa học, đã nhận diện, chỉ ra và xác định rõ mục tiêu phát triển văn hóa và con người Việt Nam. Nghị quyết cũng đã kịp thời điều chỉnh đường lối văn hóa của Đảng phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước

trong bối cảnh đổi mới toàn diện nền kinh tế, xã hội và văn hóa, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nghị quyết xác định, xây dựng con người Việt Nam:

“- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.

- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực”¹.

Đường lối văn hóa với trọng tâm là xây dựng con người Việt Nam tiếp tục được Đảng ta khẳng định và phát triển trong các văn kiện của Đảng tại các kỳ đại hội như: Đại hội Đảng lần thứ IX tiếp tục khẳng định: “... Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội”².

Đến Đại hội X của Đảng, với quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, những yêu cầu về tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và việc xây dựng, hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế,... Bước phát triển trong quan điểm của Đảng về văn hóa thời kỳ này là nhấn mạnh mục tiêu hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

Đại hội XI khẳng định phương hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.58-59.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.356-357.

thời là chủ thể phát triển, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Đại hội đề ra mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo là xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật.

Năm 2014, Đảng ta tiếp tục ban hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và một lần nữa khẳng định mục tiêu: xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Năm 2015, trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng ta tiếp tục khẳng định đường lối nhất quán: “Gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước; gắn xây dựng môi trường văn hóa với xây dựng con người; bước đầu hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, dân chủ, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên”¹. Mục tiêu được đề ra là: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, trong đó, “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện” phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) nhấn mạnh: “... tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”². Một lần nữa vai trò của con người Việt Nam được khẳng định là sức mạnh nội sinh quan trọng nhất để phát triển đất nước. Đây chính là nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ giữa văn hóa với con người, nhấn mạnh hơn đến vai trò của con người với tính chất là chủ thể, cũng là mục đích của phát triển văn hóa. Phát triển văn hóa chính là phát triển con người và ngược lại. Cùng với chủ trương gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, sự tăng cường, gắn kết xây dựng con người và nền văn hóa trong một thể thống nhất sẽ là cơ sở vững chắc để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển, không chỉ làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, mà còn trở thành sức mạnh nội sinh cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.

Xây dựng các hệ giá trị, chuẩn mực trong lĩnh vực văn hóa và con người, các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII không chỉ đặt ra vấn đề đúc kết, xây dựng hệ giá trị văn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.123.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, mà còn nhấn mạnh, làm rõ hơn yêu cầu về xây dựng “hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người” gắn với giữ gìn, phát triển “hệ giá trị gia đình Việt Nam” trong thời kỳ mới. Trong việc giáo dục, bồi dưỡng, xây dựng con người Việt Nam, Báo cáo chính trị nêu rõ một nội dung mới, đó là: “Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”¹. Đây là lần đầu tiên văn kiện của Đảng đặt vấn đề khắc phục các hạn chế trong mối quan hệ hữu cơ, không tách rời với việc giáo dục, phát huy những đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam đã được hình thành trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó chính là một bước nhận thức mới rõ hơn, sâu sắc và toàn diện hơn về văn hóa và con người Việt Nam, vừa khẳng định những giá trị tốt đẹp, tích cực, có ý nghĩa căn bản và quyết định làm nên bản sắc văn hóa và con người Việt Nam, vừa nhìn thẳng vào sự thật với tinh thần tự phê bình, phê bình nghiêm khắc.

3. Nhận diện hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam

Giá trị văn hóa là nguồn tài nguyên, nguồn lực vô cùng quan trọng của mỗi quốc gia, địa phương và mỗi tộc người trong quá trình xây dựng và phát triển. Tuy nhiên, trong đời sống thường nhật chúng ta không dễ dàng nhận diện được một cách toàn diện hệ thống các giá trị văn hóa của một dân tộc, một quốc gia. Vì thế, ở nhiều địa phương thường gặp không ít khó khăn trong xác định quy hoạch, phát triển gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa với các câu hỏi thường gặp như: Cái gì là giá trị? Cái gì phải bảo tồn? Phát huy cái gì?... Trong chiến lược phát triển văn hóa gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đặt ra vấn đề phương pháp, cách tiếp cận và một số quan điểm khoa học trong nghiên cứu nhận diện hệ giá trị của văn hóa hiện nay.

Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam gồm các giá trị do chính con người thuộc cộng đồng 54 dân tộc sáng tạo ra trong quá khứ và hiện tại (có tính lịch sử). Chuẩn mực (thường là về đạo đức: core values, code of ethics) là những giá trị mà con người hướng tới trong hiện tại và tương lai. Giá trị văn hóa con người Việt Nam theo thời gian kết tinh thành hệ thống các giá trị văn hóa, trong đó không chỉ biểu hiện ở khía cạnh vật chất là những di sản văn hóa đến từ quá khứ, mà còn là các sinh hoạt văn hóa mang hơi thở của cuộc sống hôm nay, là một bộ phận hữu cơ của đời sống các cộng đồng dân cư trong mỗi làng bản, mỗi gia đình. Giá trị văn hóa con người Việt Nam là yếu tố cấu thành bản sắc tộc người bao gồm: tri thức, tín ngưỡng, đạo đức, nghệ thuật, luật pháp, tập quán, sinh hoạt... là sự thể hiện bản chất năng lực con người với tính cách là thành viên của cộng đồng xã hội.

Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam ở đây được hiểu là bao gồm toàn bộ các giá trị vật thể và phi vật thể cốt lõi, được kết tinh từ các mối quan hệ xã hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.143.

của con người, mỗi tộc người được hình thành do quá trình cư trú, hoạt động của họ tác động vào thế giới tự nhiên cụ thể mà tạo ra, nhằm thỏa mãn các nhu cầu sống, nhu cầu tồn tại và phát triển của mình. Trên ý nghĩa đó, chúng ta có thể nhận thấy các giá trị văn hóa con người của 54 tộc người Việt Nam gồm: các loại hình văn hóa gắn với tập quán cư trú, kiến trúc nhà ở, làng bản gắn với môi trường, các tri thức dân gian về môi trường và tài nguyên; các luật tục quy định các nếp sống của cộng đồng; dân ca, dân vũ; hoạt động kinh tế của mỗi tộc người, của các cộng đồng tộc người với những mức độ khác nhau trong quá trình nông thôn hóa, đô thị hóa... Các yếu tố của các loại hình văn hóa trên biểu hiện rất đa dạng, phong phú, giàu bản sắc và là tài sản, là nguồn vốn hữu hình và vô hình của cộng đồng, dân tộc và địa phương, đây chính là nguồn tài nguyên cho phát triển.

Trước hết phải khẳng định, nhận diện giá trị văn hóa con người Việt Nam hiện nay là công việc khó khăn, phức tạp. Thực tế công tác nghiên cứu, đánh giá giá trị văn hóa ở Việt Nam nói chung và giá trị văn hóa con người Việt Nam nói riêng cho thấy thời gian qua chúng ta đã có các phương pháp khoa học để nhận diện giá trị. Tuy nhiên, những nghiên cứu nhận diện thường chỉ hiệu quả với các công trình, di sản văn hóa đã bảo tồn “tĩnh”, độc lập, ít liên đới đến đời sống đương đại như: các di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật..., còn với các di sản văn hóa “sống” liên quan đến bản sắc, bản tính, phẩm chất con người thì việc nhận diện chưa thật sự được nhìn nhận đầy đủ và còn nhiều tranh luận.

Đối với văn hóa con người Việt Nam, cần có quan điểm nhìn nhận giá trị theo hướng tích hợp của văn hóa. Trong bối cảnh văn hóa Việt Nam đương đại hiện hữu với đặc trưng di sản truyền thống và cuộc sống đương đại đan xen, tiếp nối và đang tiếp diễn, chúng ta có thể xác định nhận diện ba nhóm giá trị:

- Giá trị tự thân của văn hóa tộc người: Đó là các giá trị kiến trúc, nghệ thuật nhà cửa, làng bản, các công trình thủy lợi, công trình phòng thủ...

- Giá trị lịch sử: Giá trị về niên đại thể hiện sự hiếm có của di sản văn hóa còn lại qua thời gian, thể hiện sự tiêu biểu của hiện vật với một giai đoạn lịch sử, công trình hay không gian là chứng tích cho những sự kiện lịch sử...

- Giá trị kế thừa, tiếp biến trong đời sống đương đại: Nếu nhìn về thời gian, coi là gốc của di sản thì giá trị này chưa hình thành, mà được hình thành dần cho đến ngày hôm nay. Nó bao gồm giá trị cảnh quan sinh thái như: địa chất, địa mạo, cây xanh, mặt nước, địa hình... Các yếu tố này có sự biến đổi theo thời gian bởi sự tác động của con người trong quá trình sinh tồn.

- Giá trị dấu ấn nơi chốn tạo bản sắc, tính biểu tượng cho khu vực: Nó không hẳn là giá trị lịch sử bởi có thể được tái hiện, tái tạo hoặc phục dựng phần vỏ để giữ phần hồn. Một chiếc cổng vào bản được xây mới, không đặt ở vị trí cũ vẫn mang giá trị dấu ấn nơi chốn, tạo bản sắc cho mỗi thôn bản của mỗi cộng đồng tộc người vì nó đã

chuyển hóa thành giá trị biểu tượng về tính riêng của làng bản dân tộc trong đời sống đương đại.

- Giá trị tạo lập môi trường sống, sinh thái, sinh thái nhân văn: Giá trị này có tính động rất cao. Hệ thống sông, suối, hồ nước bao quanh làng bản truyền thống có vai trò tạo lập cân bằng hệ sinh thái nước, bảo đảm canh tác nương rẫy, ruộng bậc thang, tạo sự đa dạng sinh học.

- Giá trị văn hóa xã hội đương đại: Đã có sự chuyển biến của các giá trị truyền thống trong đời sống đương đại như các công trình kiến trúc nhà truyền thống đã được hoán cải một số kết cấu kiến trúc, được xây dựng bằng các vật liệu mới, được lắp đặt các thiết bị công nghệ tiện nghi, phục vụ nhu cầu của người dân trong đời sống đương đại. Vì vậy, nhận diện giá trị của chúng cho mục tiêu bảo tồn và phát triển cũng phải đặt trong câu hỏi, liệu chúng có giá trị gì trong đời sống đương đại, chúng có khả năng tiếp nhận, dung nạp thêm các chức năng mới, phù hợp với cuộc sống đương đại hay không.

- Giá trị tích hợp, phát triển: Không phải là phép cộng của hệ giá trị thứ nhất và thứ hai như phân tích ở trên. Giá trị văn hóa con người Việt Nam khi tích hợp lại sẽ được nhân lên gấp bội, vì vậy, rất cần nhìn nhận một cách đầy đủ, hệ thống. Nếu giá trị tự thân của văn hóa và di sản dễ dàng nhận diện và có thể bảo tồn, thì giá trị văn hóa con người như tập quán, phong tục, dân ca, dân vũ... đương đại lại có khả năng phát huy phục vụ mục tiêu phát triển gắn với bảo tồn, đây sẽ là thế mạnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Vì vậy, nhận diện các giá trị văn hóa tộc người sẽ giúp cho cộng đồng tích hợp đầy đủ, toàn diện của bức tranh văn hóa ở mỗi tộc người, là cơ sở để thực hiện cùng lúc hai mục tiêu bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nếu tách di sản văn hóa ra khỏi các giá trị của đời sống đương đại thì khó có thể thực hiện mục tiêu bảo tồn văn hóa tộc người thành công.

4. Xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam trong bối cảnh đương đại

4.1. Bối cảnh đương đại với văn hóa con người Việt Nam

Bối cảnh đương đại là xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ do sự phát triển vượt bậc của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0). Trong đó phải kể đến sức mạnh của công nghệ thông tin với internet kết nối vạn vật và trí tuệ nhân tạo... Những yếu tố công nghệ này dường như đã xóa nhòa một phần ranh giới quốc gia, ranh giới văn hóa. Mỗi công dân từ các quốc gia tham gia vào hệ thống kết nối này sẽ trở thành một phần của hệ thống. Từ đó tiếp cận, hội nhập, ảnh hưởng, thẩm thấu hệ giá trị chung của hệ thống đó, hình thành nên hệ giá trị công dân toàn cầu. Vấn đề bản sắc quốc gia, dân tộc, vùng

miền có thể sẽ mờ nhạt đi. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng tạo ra những thách thức về an ninh, văn hóa chưa từng có đối với mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng và với mỗi cá nhân. Đó là sự lệ thuộc vào công nghệ, bị nô dịch và dẫn dắt bởi công nghệ. Từ đó tạo lập các cộng đồng ảo, giá trị ảo nhưng hậu quả đối với an ninh và văn hóa của mỗi đất nước, mỗi cộng đồng và mỗi cá nhân lại là hiện hữu.

4.2. Xây dựng những giá trị chung mang bản sắc quốc gia

Con người vừa là chủ thể sáng tạo, thụ hưởng văn hóa nhưng cũng là sản phẩm của văn hóa. Vì vậy, văn hóa con người Việt Nam là nguồn lực quan trọng nhất, quyết định nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển đất nước Việt Nam phồn thịnh.

Văn hóa con người Việt Nam từ trước đến nay đã được nhận diện và khái quát thành hệ giá trị con người Việt Nam với những đặc tính ưu việt là: yêu nước, cần cù sáng tạo trong lao động, đoàn kết trong đấu tranh chống thiên tai, địch họa, khéo léo, dễ thích ứng trong lao động và hội nhập... Tuy nhiên, những giá trị trên mang tính phổ quát nhiều hơn, vì vậy chúng ta có thể nhận thấy ở mọi quốc gia, dân tộc trên thế giới. Tuy vậy, hệ giá trị chung, phổ quát mang bản sắc quốc gia vẫn rất cần thiết nhận diện, làm rõ những đặc điểm Việt Nam. Từ đó cụ thể hóa nó trong cuộc sống bằng những yêu cầu về chuẩn mực hành vi của mỗi công dân với trách nhiệm xây dựng đất nước, xây dựng hình ảnh văn hóa con người Việt Nam.

4.3. Xây dựng những giá trị riêng mang bản sắc tộc người, vùng miền

Để xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam trước hết cần nhận thức, nhận diện đầy đủ về nó. Từ trước đến nay chúng ta thường nhấn mạnh đề cao những giá trị chung, phổ quát mà chưa nhận diện, nhận thức đúng, đầy đủ về những giá trị riêng. Giá trị riêng của con người Việt Nam mang bản sắc tộc người, địa phương và vùng miền. Những giá trị riêng này đã giúp cho mỗi cộng đồng tộc người thể hiện, khẳng định bản tính của riêng họ. Bản tính đó được tạo lập từ nhiều thế hệ, được tôi luyện bởi quá trình sinh tồn, tương tác với tự nhiên và với con người, giữa các tộc người với nhau. Từ đó tạo lập những nét văn hóa riêng, khác biệt nhưng không dị biệt hay mâu thuẫn. Ví dụ, giá trị văn hóa con người của dân tộc Mông là nghị lực kiên cường, thích ứng hòa thuận với môi trường khắc nghiệt của cao nguyên đá khô cằn. Người Mông có câu "sống trên đá chết vùi trên đá" vì vậy họ không bỏ cuộc mưu sinh vất vả, bỏ miền đất mình sinh sống, gắn bó. Hay văn hóa con người miền Trung là nghị lực vượt qua thiên nhiên khắc nghiệt, gắn bó với quê hương, tạo lập những giá trị riêng về tình quê hương gắn kết, hỗ trợ nhau cùng phát triển...

Trong nguồn lực văn hóa thì nguồn lực con người phải được nhận diện là quan trọng nhất, quyết định nhất. Nguồn lực văn hóa con người chính là hàm lượng văn hóa trong hành vi của mỗi con người. Biểu hiện là những phẩm chất, thái độ, tính

cách, ý thức trách nhiệm... Như đã đề cập ở trên, những phẩm chất của con người Việt Nam ngoài những yếu tố mang tính phổ quát như chịu khó, khéo léo, dễ thích ứng..., thì cần chú trọng nhận diện những giá trị riêng của văn hóa con người Việt Nam mang nét địa phương, vùng miền và tộc người. Từ đó, xây dựng nên hệ giá trị văn hóa con người mang tính địa phương, vùng miền, tộc người trong tổng thể hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam.

Việc nhận diện những giá trị văn hóa con người Việt Nam, đồng thời song hành với nhận diện những thói xấu mang tập quán vùng miền, địa phương và tộc người... mà từ trước đến nay là vật cản cho sự phát triển. Vấn đề này hết sức nhạy cảm và còn nhiều bàn luận. Vì vậy, cần được tiếp cận nghiên cứu ở cả hai phương diện khoa học và văn hóa. Để rồi xây dựng những chiến lược giáo dục, rèn luyện tôn vinh cái đẹp, cái tích cực, hạn chế, loại bỏ cái xấu, cái tiêu cực trong văn hóa con người Việt Nam đương đại.

Kết luận

- Ở mọi thời đại, mọi quốc gia, dân tộc và mọi nền văn hóa, sự phát triển hay diệt vong đều có nguồn gốc từ yếu tố con người. Con người là chủ thể sáng tạo, là trung tâm, là yếu tố quyết định các giá trị do chính con người tạo lập và cũng chính con người là tác nhân huỷ hoại những giá trị đó. Vì vậy, xây dựng văn hóa con người Việt Nam là yếu tố then chốt, sống còn, lâu bền trong chiến lược xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

- Đảng và Nhà nước phải trở thành nhân tố then chốt - quyết định trong việc hình thành và phát triển hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam, làm động lực nội sinh mạnh mẽ cho việc thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển nhanh và bền vững đất nước.

- Xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam phải dựa trên nền tảng hệ giá trị chung của quốc gia; chất lọc, kế thừa phát triển và ngày càng hoàn thiện từ các giá trị văn hóa con người Việt Nam đã được tạo dựng, thử thách và được khẳng định qua thời gian.

- Xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam phải là sự kết tinh, hòa quyện từ các giá trị văn hóa chung, phổ quát của dân tộc, nhân loại với các giá trị văn hóa riêng có của mỗi cộng đồng, tộc người, địa phương, để từ đó khai thác, phát huy thế mạnh của những nét riêng.

- Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam phải được cụ thể hóa thành các tiêu chí, mục tiêu phấn đấu của mỗi con người, mỗi cộng đồng, tộc người, trở thành niềm kiêu hãnh, sức mạnh và khả năng “đề kháng, miễn dịch” trước những tác động của toàn cầu hóa và nô dịch văn hóa.

- Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam phải trở thành hệ giá trị công dân Việt Nam trong bối cảnh phát triển mới. Kiến tạo con người Việt Nam với những phẩm

chất, năng lực và bản lĩnh... có thể đối mặt, đương đầu với những thách thức, khó khăn trong xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước phồn vinh, sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.126.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, 2 tập.
- [5] *Đại Bách khoa toàn thư Xôviết* (tiếng Nga, 30 tập).
- [6] Phạm Minh Hạc: *Giá trị học*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2012.
- [7] Lương Đình Hải: “Những tiêu chí cơ bản của con người Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay”, Tạp chí *Thông tin khoa học xã hội*, số 10 và 11.
- [8] Mạch Quang Thắng: “Một số vấn đề về xây dựng con người Việt Nam”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 8.
- [9] Trần Ngọc Thêm: *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
- [10] *Từ điển Bách khoa triết học mới* (tiếng Nga, 4 tập), 2001.
- [11] Từ điển <http://www.Oxforddictionaries.com/value>, truy cập tháng 12/2014.
- [12] Từ điển <http://www.thefreedictionary.com/value>, truy cập tháng 12/2014.

ĐỂ VĂN HÓA THỰC SỰ LÀ NỀN TẢNG TINH THẦN, MỤC TIÊU VÀ ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

GS.TSKH. TRẦN NGỌC THÊM*

Quan điểm cốt lõi “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”¹ của Đảng Cộng sản Việt Nam phản ánh một thực tế có tính quy luật là mọi quốc gia phát triển đều xây dựng trên nền tảng tinh thần là văn hóa, đều hướng đến một xã hội có văn hóa cao; do vậy, mọi quốc gia muốn phát triển thành công đều phải bắt đầu từ việc xây dựng văn hóa.

Ngay sau khi bắt đầu thực hiện chính sách đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức được quy luật này. Nhờ vậy mà quan điểm cốt lõi về vai trò của văn hóa hình thành tại Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) năm 1993 đã được hoàn thiện trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) năm 1998 và được tái khẳng định trong Kết luận về việc “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII” tại Hội nghị Trung ương 10 khóa IX năm 2004. Quan điểm này luôn được duy trì và phát triển trong văn kiện của các đại hội Đảng. Tại Đại hội Đảng lần thứ XIII vừa qua (25/1 - 2/2/2021), Báo cáo chính trị có riêng một mục VII (trong 15 mục) nói về “Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam”.

Tuy nhiên, cũng trong Báo cáo chính trị này, phần đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, đã nhận định: “*Văn hóa* chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần”². Sự tồn tại của những hạn chế này không thể xem là việc bình thường mà cần được mổ xẻ, phân tích kỹ hơn. Có ba vấn đề đặt ra cần phân tích và giải quyết là: (1) Vấn đề

* Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, t.57, tr.303.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.84.

văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị; (2) Vấn đề văn hóa là nguồn động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước; (3) Vấn đề vai trò của văn hóa trong việc xây dựng con người.

1. Vấn đề văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị

1.1. Tìm lại cụm từ “*chưa tương xứng*” trong văn bản báo cáo chính trị của ba Đại hội Đảng XI (2011), XII (2016), XIII (2021) thì thấy trong cả ba đại hội, cách nói này đều đã được dùng cho cả hai lĩnh vực kinh tế và văn hóa. Tuy nhiên xem kỹ thì thấy có sự khác biệt: Cả ba đại hội đều cho rằng kinh tế phát triển *chưa tương xứng* với tiềm năng, yêu cầu, lợi thế của đất nước. Nhưng về văn hóa thì Đại hội XI cho rằng: “văn hóa phát triển *chưa tương xứng* với tăng trưởng kinh tế”¹; Đại hội XII cho rằng: “so với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ tầm mức để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh”²; “Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dãn trải”³; Đại hội XIII cho rằng: “*Văn hóa* chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị”⁴.

Vậy câu hỏi đặt ra là ai chưa quan tâm? Chắc hẳn không phải là người dân rồi. Chỉ có hai cấp chính: cấp Trung ương (Đảng và Chính phủ) và cấp địa phương. Cấp địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc thi hành các chủ trương của Trung ương thì có, nhưng tác hại không phải là quá lớn, vì còn có Trung ương kiểm tra nhắc nhở. Còn lại là cấp Trung ương.

1.2. Đảng và Chính phủ có mối quan hệ với nhau rất chặt chẽ; quan điểm coi “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” của Đảng cũng là của Chính phủ, cho nên nguyên nhân của việc văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế có thể nằm trong *đặc thù của đối tượng* văn hóa.

Quả vậy, kinh tế thuộc về *vật chất*, nó rất *cụ thể, rõ ràng*; còn văn hóa thuộc về *tinh thần*, rất *mơ hồ, khó nắm bắt*. Trong tiếng Việt, “văn hóa” được sử dụng với rất nhiều nghĩa khác nhau. Chẳng hạn, trong Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX), năm 2004 đã nêu: “Chú trọng xây dựng đời sống *văn hóa cơ sở, nhất là cộng đồng dân cư, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tốt đẹp, phong phú*. Thường xuyên nâng cao trình độ phổ cập văn hóa đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao và đa dạng của các tầng lớp nhân dân đi đôi với nhiệm vụ *bồi dưỡng các tài năng văn hóa, khuyến*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.169.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.124-125, 126.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.84.

*khích văn nghệ sĩ sáng tạo được nhiều công trình văn hóa - nghệ thuật tiêu biểu có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật*¹. Trong hai câu này, từ “văn hóa” được sử dụng tới sáu lần nhưng theo ba nghĩa khác nhau. Ở lần sử dụng thứ nhất, “văn hóa” được dùng để chỉ “lĩnh vực quản lý nhà nước”. Ở lần sử dụng thứ hai, thứ tư, thứ năm và thứ sáu, “văn hóa” được dùng để chỉ “phần giá trị tinh thần tinh hoa, không bao gồm văn học, nghệ thuật”. Ở lần sử dụng thứ ba, “văn hóa” được dùng để chỉ “lĩnh vực giáo dục, khoa học”.

Đó chính là lý do vì sao nói chung chung về văn hóa thì dễ, còn để cụ thể hóa những tư tưởng chung đó ra thì rất khó. Cùng với việc kinh tế thì cụ thể, rõ ràng còn văn hóa thì vừa mơ hồ vừa trừu tượng, còn có sự khác biệt quan trọng thứ hai: Trong khi văn hóa thì do mơ hồ và trừu tượng nên có vẻ xa xôi thì kinh tế lại là cái sát sườn, là cơm ăn áo mặc hằng ngày. Kết quả là trên thực tế, văn hóa thường chỉ được dùng làm vật trang trí cho kinh tế. Trên thực tế, kinh tế mới là cái nằm trong tâm điểm của sự chú ý. Trong 23 văn kiện cơ bản của Đảng giai đoạn 1991-2013, trong khi từ “văn hóa” được sử dụng 463 lượt (chiếm 28%), thì từ “kinh tế” được sử dụng tới 1.171 lượt (chiếm 72%), nhiều hơn “văn hóa” gấp trên 2,5 lần. Ngay trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII, trong khi từ “văn hóa” được sử dụng 97 lần, thì từ “kinh tế” được sử dụng tới 206 lần, nhiều hơn “văn hóa” gấp trên 2,1 lần.

Việc văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế thể hiện ngay trong cơ cấu của bộ máy tổ chức: Trong hệ thống các ban Đảng Trung ương, trong khi về kinh tế có riêng một Ban Kinh tế Trung ương làm nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong mọi việc về kinh tế thì văn hóa chỉ là hai chữ rất khiêm tốn trong một chuỗi 19 lĩnh vực mà Ban Tuyên giáo Trung ương đảm trách. Trong hệ thống các bộ thì lĩnh vực kinh tế bao trùm lên rất nhiều bộ/ngành: chuyên về kinh tế ít nhất có sáu bộ và cơ quan ngang bộ (Bộ Công Thương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính; Ngân hàng Nhà nước)². Trong khi văn hóa chỉ chiếm 1/3 công việc của một bộ (2/3 còn lại quản lý về thể chất và một lĩnh vực kinh tế). Như vậy, cách nói “văn hóa trong kinh tế” và “kinh tế trong văn hóa” trên thực tế chỉ mới thể hiện được một chiều.

1.3. Trong các văn bản của Trung ương không có một quan niệm thống nhất về các thành tố của văn hóa. Danh sách các thành tố của văn hóa mỗi lần mỗi khác. “Văn hóa” được giao bao gồm mọi thứ. Các lĩnh vực như “giáo dục, khoa học”, “báo chí (thông tin đại chúng)”, v.v. thường thì nằm ngoài “văn hóa”, nhưng có lúc được đặt nằm trong văn hóa (như ở Nghị quyết Trung ương 5).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.63, tr.392.

2. Ngoài ra Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế cũng đều liên quan nhiều đến kinh tế.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), năm 1998 đánh giá thực trạng văn hóa Việt Nam theo sáu thành tố: (1) Tư tưởng, đạo đức và lối sống; (2) Giáo dục, khoa học; (3) Văn học, nghệ thuật; (4) Thông tin đại chúng; (5) Giao lưu văn hóa với nước ngoài; (6) Thể chế và thiết chế văn hóa.

Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 (năm 2009) đánh giá thực trạng văn hóa Việt Nam theo sáu thành tố: (1) Tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa; (2) Di sản văn hóa; (3) Văn học, nghệ thuật; (4) Giao lưu văn hóa với nước ngoài; (5) Thể chế và thiết chế văn hóa; (6) Đội ngũ những người hoạt động văn hóa.

Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI), năm 2014 xác định nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa theo sáu lĩnh vực: (1) Xây dựng con người; (2) Xây dựng môi trường văn hóa; (3) Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; (4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa (bao gồm: di tích; ngôn ngữ; văn học, nghệ thuật; báo chí); (5) Phát triển công nghiệp văn hóa và hoàn thiện thị trường văn hóa; (6) Hội nhập quốc tế về văn hóa.

Cho dù văn hóa theo nghĩa rộng có liên quan đến mọi giá trị do con người sáng tạo ra, nhưng không thể coi nó là một phép cộng cơ giới của nhiều lĩnh vực khác nhau. Mà đây lại là vấn đề mang tính quyết định, vì văn hóa có mặt ở khắp mọi nơi, có rất nhiều biểu hiện đa dạng, nếu không kết nối chúng lại với nhau thành một hệ thống có cơ sở logic chặt chẽ thì sẽ không quản lý được; dẫn đến hậu quả là có lúc cái giá trị chung gọi là “văn hóa” đó được quy về “chức năng giải trí đơn thuần” là biểu hiện dễ nhận biết như Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII đã nêu.

2. Vấn đề văn hóa là nguồn động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước

2.1. Ở quy mô quốc tế, nếu như “văn hóa” là khái niệm nằm ở tâm điểm sự quan tâm của Liên hợp quốc trong những năm 1980¹ thì từ những năm 1990, sự quan tâm của Liên hợp quốc chuyển sang tập trung vào khái niệm “**phát triển bền vững**”. Thuật ngữ “phát triển bền vững” (Sustainable Development) xuất hiện năm 1987 trong báo cáo nhan đề “*Tương lai của chúng ta*” của Ủy ban quốc tế Môi trường và Phát triển do Thủ tướng Na Uy là bà Brundtland làm Chủ tịch.

Trong báo cáo “*Tương lai của chúng ta*”, “phát triển bền vững” được định nghĩa là “sự phát triển hài hòa giữa tăng trưởng *kinh tế*, công bằng *xã hội* và bảo vệ *môi trường* nhằm đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu của thế hệ tương lai”². Định nghĩa này xác định ba trụ cột của “phát triển bền vững” là *kinh tế*, *xã hội* và *môi trường*. Trong ba trụ cột này *không có “văn hóa”*.

1. “Thập kỷ phát triển văn hóa thế giới 1988-1997” được Đại hội đồng Liên hợp quốc phát động tại kỳ họp tháng 12/1986.

2. Kono N.: “Brundtland Commission (World Commission on Environment and Development)”, in: Michalos A.C. (eds): *Encyclopedia of Quality of Life and Well-Being Research*, Springer, Dordrecht, 2014, pp. 450-452.

Quan niệm ba trụ cột phát triển bền vững được chính thức ghi nhận trong “Chương trình Nghị sự 21” thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh về Trái đất họp ở Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992; tái khẳng định tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững họp tại Johannesburg (Nam Phi) năm 2002.

Lý do của việc chuyển hướng từ “văn hóa” sang “phát triển bền vững” và xác định ba trụ cột của “phát triển bền vững” coi trọng đặc biệt môi trường mà không có trụ cột “văn hóa” là ở chỗ: Các nước phát triển đặt ra nhiệm vụ *phát triển bền vững* khi họ đã có văn hóa - con người công nghiệp và đô thị, đã có một nền chính trị ổn định với truyền thống lâu đời, đã có một nền kinh tế phát triển cao, nhưng với một môi trường sinh thái bị tàn phá nặng nề sau nhiều năm phát triển công nghiệp. Bởi vậy mà trong chiến lược phát triển bền vững của mình, họ chủ yếu tập trung lo chuyện *môi trường* để duy trì và tiếp tục phát triển nền *kinh tế* ấy; vấn đề *xã hội* mà họ quan tâm chủ yếu chỉ tập trung vào việc giải quyết những vấn đề như thất nghiệp và công bằng xã hội.

Khi áp dụng “phát triển bền vững” cho những nước đang phát triển (như Ấn Độ), do thấy “xã hội” là một khái niệm quá rộng và chung chung, một số học giả mới đề xuất tách “xã hội” ra thành “*văn hóa*” và “*chính trị*”, tạo nên quan niệm *bốn trụ cột* về phát triển bền vững là *kinh tế, môi trường, chính trị và văn hóa*. Tuy nhiên, Liên hợp quốc vẫn tiếp tục duy trì quan điểm *ba trụ cột* trong những năm tiếp theo¹.

2.2. Ở Việt Nam, vấn đề môi trường cũng rất trầm trọng. Nhưng so với các nước phát triển, sự suy thoái môi trường ở Việt Nam có nguồn gốc khác: Trong khi môi trường ở các nước phát triển suy thoái do phát triển công nghiệp thái quá thì Việt Nam bây giờ mới tiến hành công nghiệp hóa, môi trường ở Việt Nam bị tàn phá chủ yếu là do cách ứng xử *thiếu văn hóa của con người* gây nên.

Điểm xuất phát của Việt Nam và các nước phát triển khi bước vào giai đoạn hội nhập khác nhau rất xa. Các nước phát triển (như phương Tây, Nhật Bản) bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế khi họ đã hoàn tất công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Họ hội nhập quốc tế khi đã bước vào *hậu công nghiệp* và *hậu hiện đại*, khi đã có những phẩm chất của con người đô thị và công nghiệp. Trong khi đó, Việt Nam bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế đồng thời với việc tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghĩa là, Việt Nam hội nhập quốc tế trong khi *chưa có được con người công nghiệp, con người đô thị* và từ đó, thực sự là *chưa có đầy đủ những điều kiện cần thiết cho việc hội nhập*. Đó chính là khó khăn chủ yếu và cũng là khó khăn lớn nhất của chúng ta.

Ở Việt Nam, nền kinh tế tiền công nghiệp không chỉ có các đặc điểm chung là mức độ tập trung tư bản ít, hiệu quả kinh tế thấp, mà điều quan trọng nằm ở chỗ đó là một nền *kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước, tâm lý tiểu nông rất mạnh*. Xã hội tiền đô

1. Ben Purvis, Yong Mao, Darren Robinson: “Three pillars of sustainability: in search of conceptual origins”, *Sustainability Science*, No 14, pp. 681–695. doi.org/10.1007/s11625-018-0627-5, 2019.

thị của Việt Nam không chỉ đặc trưng bởi mật độ dân số thấp, mà điều quan trọng nằm ở chỗ những *đô thị truyền thống của Việt Nam*, dù có quy mô cỡ nào, thậm chí là kinh đô, *vẫn mang tính chất của những làng lớn* (gọi là “Kẻ Chợ”) với *tính cộng đồng làng xã rất cao*. Con người tiên hiện đại của Việt Nam không hẳn là có hàm lượng khoa học - công nghệ thấp, mà cái chính là *việc thiếu tác phong khoa học, thiếu cách làm việc khoa học*; là *việc mang theo những tật xấu như tính tùy tiện, đại khái, hời hợt, lối làm việc kiểu phong trào, v.v..*

Tất cả những đặc điểm đó làm cho con người nông nghiệp làng xã tiên công nghiệp ở Việt Nam có sự khác biệt rất xa so với yêu cầu về những phẩm chất cần thiết mà một xã hội công nghiệp và đô thị hiện đại đòi hỏi, tạo nên sự *xung đột hệ giá trị* giữa truyền thống và hiện đại. Chỉ số HDI hoàn toàn không phản ánh được việc xây dựng con người công nghiệp và đô thị, văn hóa công nghiệp và đô thị.

Chính *tính đại khái, hời hợt* đã khiến cho trong thời gian qua, thay vì lo xây dựng những cơ sở cần thiết để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, nhiều địa phương có xu hướng chạy theo việc thành lập các khu công nghiệp, khu chế xuất để được coi là hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa. Chính *tính tùy tiện, lối làm việc kiểu phong trào* đã khiến nhiều địa phương, thay vì đi tìm thế mạnh phát triển riêng cho địa phương mình thì đã sao chép máy móc mô hình phát triển của các địa phương khác, gây ra sự phân tán và lãng phí cả tài nguyên lẫn nhân lực. Xa hơn, chính việc *xung đột hệ giá trị* này là nguồn gốc dẫn đến sự bùng nổ của các thói hư tật xấu hiện nay, tiềm ẩn tiền đề gây nên những bất ổn xã hội.

Bởi vậy, chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam cần được thiết kế trên nền tảng *bốn trụ cột* chứ không phải ba; và với thứ tự *ưu tiên hàng đầu phải là văn hóa*, là *việc xây dựng con người công nghiệp và đô thị, văn hóa công nghiệp và đô thị*, chứ không phải là *môi trường* như ở các nước phát triển.

2.3. Trong khi đó, “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 và “Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020” do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 đều được thiết kế trên nền tảng *ba trụ cột* với ưu tiên hàng đầu về môi trường giống hệt như ở các nước phát triển.

Nghị quyết số 136/NQ-CP do Chính phủ ban hành ngày 25/9/2020 về phát triển bền vững để thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững từ nay đến năm 2030 cũng vẫn đi theo hướng này. Trong ba mục “Đánh giá tình hình - Quan điểm chỉ đạo - Mục tiêu và chỉ tiêu” của Nghị quyết chỉ có duy nhất một từ “văn hóa”¹.

1. Từ “văn hóa” duy nhất này nằm trong “Quan điểm chỉ đạo” thứ tư: “Tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để... tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau”.

Như vậy, ba văn bản về phát triển bền vững do Chính phủ công bố vào các năm 2004, 2012 và 2020 đã không phù hợp rõ rệt với quan điểm coi “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” của Đảng, có sự vênh nhau rõ rệt với quan điểm của Đảng. Nguyên nhân của tình trạng này có lẽ đơn giản là nằm ở chỗ các văn bản này đã được xây dựng *theo cách sao phỏng* từ các văn kiện tương ứng của quốc tế mà *thiếu một tầm nhìn tổng thể trên một nền tảng khoa học tổng hợp, liên ngành xuất phát từ thực tế Việt Nam*. Trong khi đó thì quan điểm coi “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội” cũng chưa xây dựng trên một quan niệm đầy đủ về văn hóa. Quan niệm về văn hóa trong nhiều văn kiện trên thực tế không vượt thoát được ra khỏi các hoạt động mang tính nghiệp vụ của Bộ Văn hóa (như hoạt động văn hóa thông tin; hệ thống nhà văn hóa, thư viện, tủ sách cấp huyện, xã, thôn, bản; bảo tồn, tôn tạo, phục dựng các di tích lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể...).

3. Vấn đề vai trò của văn hóa trong việc xây dựng con người

3.1. Vai trò của văn hóa trong việc xây dựng con người đã được Đảng nêu lên khá sớm, ngay từ Đại hội VIII (1996) với nhiệm vụ “Hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại”¹. Tuy nhiên, “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020” ban hành theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 6/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ nhận định: “Nghiên cứu lý luận... chưa làm rõ nhiều vấn đề có liên quan đến văn hóa... trong việc xác định những giá trị truyền thống cũng như hệ giá trị mới cần xây dựng, trong việc xử lý các mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế, bảo tồn và phát triển, văn hóa và kinh tế”.

Văn bản gần đây nhất bàn về vấn đề này là Dự thảo “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” đang lấy ý kiến đóng góp của nhân dân. Dự thảo Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 xác định 12 “nhiệm vụ và giải pháp”, trong đó việc “Hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế văn hóa” được đặt ở vị trí đầu tiên; việc “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện” đứng ở vị trí thứ hai. Trong mọi việc thì xây dựng con người phát triển toàn diện phải là việc quan trọng nhất. So với “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020” công bố năm 2009 thì việc đặt xây dựng con người ở vị trí thứ hai là một bước thụt lùi.

3.2. Nội dung việc “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện” trình bày trong Dự thảo “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” là khá đầy đủ, song *thiên về miêu tả, thiếu khái quát hóa; cũng do vậy mà mang tính dàn trải, thiếu trọng tâm, thiếu điểm nhấn*. Để khái quát hóa, tìm ra trọng tâm, điểm nhấn, thì cần có sự *phân tích thực trạng* với việc đánh giá mặt mạnh, mặt yếu. Nhưng việc phân tích thực trạng, đánh giá

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.393.

mặt mạnh, mặt yếu lại là điều đã bị bỏ qua trong Dự thảo Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

Xem lại phần phân tích thực trạng trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 thì thấy những mặt yếu về vấn đề con người được xác định từ 10 năm trước đến nay về cơ bản vẫn chưa thay đổi được bao nhiêu. Đó là: *“Sự xuống cấp về đạo đức, lối sống của một bộ phận xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống tinh thần, môi trường văn hóa lành mạnh. Hiện tượng cần quấy, coi thường luật pháp, làm mất an toàn xã hội; bạo hành trong gia đình, trên sân cỏ; cách ứng xử thiếu văn hóa nơi công cộng; sử dụng ngôn từ thiếu chuẩn mực trong giao tiếp làm phương hại đến sự trong sáng của tiếng Việt; căn bệnh “vô cảm” đối với nỗi đau của con người; nạn tham nhũng, hối lộ, sách nhiễu dân, mất đoàn kết của một bộ phận cán bộ, đảng viên... đang làm nhụt nhôi dư luận xã hội”*.

Nguồn gốc của tình trạng này là sự *xung đột về hệ giá trị*, khi mà Việt Nam xuất phát từ một xã hội nông nghiệp - nông thôn - nông dân đang chuyển mạnh sang một xã hội công nghiệp - đô thị - công dân; từ một hệ giá trị lấy ổn định làm mục tiêu chuyển sang một hệ giá trị lấy phát triển làm đích đến. Một khi các hệ giá trị cũ - mới xung đột với nhau, sẽ có những cái xưa từng là giá trị hiển nhiên nay có thể trở nên lỗi thời, cần phải loại bỏ; lại có những cái xưa không được thừa nhận nay đang trở thành giá trị phải chấp nhận, không thể từ chối hoặc bỏ qua. Đây là lúc cái tốt cái xấu đang đan xen nhau; cái bảo thủ và cái tiến bộ đang cùng tồn tại, khó bề phân biệt. Bởi vậy nếu không sớm *chủ động* nhận thức, hoàn thiện và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực con người để *thúc đẩy việc chuyển đổi diễn ra một cách tích cực* thì quá trình này sẽ diễn ra khó khăn và chậm chạp, chúng ta sẽ sa lầy trong mớ bùng nhùng, bị nhốt dưới cái “trần thủy tinh” vô hình mà không biết và do vậy khó bề thoát ra.

Như thế, trong nhiệm vụ *“Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện”*, công việc chính phải là *xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam* thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Việc này được nhắc đến trong Dự thảo Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 nhưng hiện đang hòa lẫn vào nhiều nội dung khác, chưa được đưa lên thành điểm nhấn.

3.3. Mọi hệ giá trị mới xây dựng đều gồm hai bộ phận là những giá trị truyền thống tốt đẹp cần bảo tồn và những giá trị mới được bổ sung, thay thế cho những cái lỗi thời. Để xây dựng được hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người, điều quan trọng nhất là cần xác định được những giá trị truyền thống nào cần được bảo tồn và phát triển, những giá trị nào đang trong quá trình suy thoái, và những cái gì đang là thói hư tật xấu cần phải loại bỏ.

Trong ba việc ấy, *cần kíp và quan trọng nhất, và cũng khó khăn nhất*, luôn luôn là việc *xác định và thừa nhận các thói hư tật xấu* (phi giá trị). Cần kíp và quan trọng bởi sẽ không thể nói đến việc chữa bệnh nếu người bệnh không nhận ra và thừa nhận là mình có bệnh. Khó khăn là vì người Việt Nam vốn có truyền thống *“Tốt đẹp phô ra,*

xấu xa đây lại”, không *“Vạch áo cho người xem lưng”*. Trong khi đó, ở những giai đoạn chuyển mình, thì các tật xấu thường nổi lên, có khi còn rõ hơn cả những giá trị, cho nên sự cần kíp, quan trọng và khó khăn càng tăng lên gấp bội.

Về mặt này, có thể nói Đảng Cộng sản Việt Nam đã có cái nhìn thật sự dũng cảm, khách quan. Bên cạnh việc ghi nhận đúng mức những thành tích và cố gắng, trong nhiều năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rằng số lượng cán bộ, đảng viên suy thoái là *“một bộ phận không nhỏ”*, đã quyết liệt đấu tranh chống tiêu cực *“không có vùng cấm”*. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII vừa qua tiếp tục thẳng thắn thừa nhận: *“Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần”*; *“Chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp nghiêm trọng về một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống, gây bức xúc xã hội”*¹. Tuy nhiên, ở các văn bản triển khai, không phải lúc nào cũng có tinh thần này. Nếu không dám nhìn thẳng vào sự thật, không xác định được đúng những khuyết tật cần khắc phục thì mọi việc sẽ chỉ dậm chân tại chỗ, không đem lại kết quả gì.

3.4. Vai trò của văn hóa trong việc xây dựng con người phải bắt đầu từ giáo dục. Muốn xây dựng văn hóa - con người thì chương trình đào tạo phổ thông rất cần bổ sung môn học về *văn hóa dân tộc*. Không thể phát triển văn hóa mà học sinh lại không biết hoặc biết lơ mơ, hời hợt về văn hóa dân tộc. Cùng với môn học về *văn hóa dân tộc*, các môn học làm người gồm bộ ba truyền thống quốc văn - quốc ngữ - quốc sử và giáo dục công dân đều *phải được xem là những môn học bắt buộc* cho tất cả học sinh chứ không phải là môn phụ, môn lựa chọn hay tích hợp. Các môn học giáo dục giá trị, xây dựng văn hóa - con người cần được xây dựng và cải tạo một cách cơ bản từ sách giáo khoa cho đến phương pháp giảng dạy và học tập. Không thể chấp nhận được tình trạng các môn học về khoa học xã hội mà lại không thu hút được học sinh bằng các môn toán, lý, hóa.

Dự thảo Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030 chỉ có thể thành công khi hoàn thành được nhiệm vụ *“Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện”*. Mà nhiệm vụ *“Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện”* chỉ thực hiện được khi *hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam* thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế được đưa vào cuộc sống.

*

* *

Văn hóa có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển đất nước. Việc xây dựng văn hóa theo nghĩa rộng và nhất là xây dựng con người là *công việc mang tính tổng hợp rất cao*, không thể giao về cho bất cứ bộ nào thực hiện (huống hồ Bộ Văn hóa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.84-85.

còn phải đảm nhận thêm việc quản lý du lịch và thể dục thể thao), lại càng không thể là phép cộng những công việc hằng ngày của các bộ. Nếu không có những thay đổi cơ bản và quyết liệt mà vẫn tiếp tục cách làm này thì e rằng có nhiều khả năng phần về phát triển văn hóa trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng sẽ tiếp tục không thu được kết quả như tình hình đã xảy ra nhiều năm qua. Do vậy cần có một hình thức tổ chức bộ máy phù hợp với tính chất tổng hợp cao của công việc xây dựng và phát triển văn hóa, chí ít là tương đương với cách tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế. Vì xây dựng và phát triển văn hóa - con người là một nhiệm vụ mà tầm quan trọng của nó chỉ mới dần dần sáng tỏ trong thời gian gần đây cho nên, cho đến nay *chưa có một tổ chức nào đảm nhiệm công việc này* (trong khi Ban Kinh tế Trung ương thực hiện chức năng “xây”, tập trung vào một việc giúp cho kinh tế phát triển thì Ban Tuyên giáo Trung ương đảm nhiệm những công việc liên quan đến rất nhiều lĩnh vực, mà văn hóa chỉ là một trong số đó), trong lĩnh vực văn hóa thì trên thực tế lâu nay chủ yếu mới thiên về “quản lý”, “gác cổng”. Do đó là cần thành lập riêng một Ban Văn hóa Trung ương để tập trung lo cho việc xây dựng văn hóa, xây dựng con người. Nếu không có những con người chuyên trách lo việc này, thì không thể trông chờ gì ở những người kiêm nhiệm hiện đang làm việc ở các bộ, ngành mà công việc lâu nay của họ cũng đã quá bộn bề. Nếu có người chuyên trách mà không có cơ quan chuyên trách, thì cũng không thể có đủ tư cách và bộ máy để hoạt động. Việc coi “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội” sẽ rất khó thực hiện.

Ban Văn hóa Trung ương sẽ chỉ đạo xây dựng và phổ biến một quan niệm thống nhất về các thành tố của văn hóa; liên kết xuyên chuỗi các văn bản của Đảng, Chính phủ và các ban, ngành; điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông, v.v. bằng một sợi chỉ đỏ xuyên suốt là quan niệm coi “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Chỉ có khi đó chúng ta mới thoát được ra khỏi bức “trần thủy tinh” để phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam một cách bền vững.

MỘT VÀI NHẬN THỨC THÊM VỀ TƯ TƯỞNG “VĂN HÓA SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI” CỦA HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. PHẠM QUANG LONG

1. Các danh nhân thế giới thường để lại cho nhân loại nhiều di sản quý, đặc biệt là tư tưởng. Trải qua thời gian và những biến động thời cuộc, thường có một bộ phận của di sản ấy đã không còn thích hợp với cuộc sống, luôn vận động, biến đổi. Đó là sự biến đổi mang tính quy luật. Nhưng cũng có những di sản mà càng trải qua thời gian, người ta lại càng nhận ra chân giá trị của nó. Di sản văn hóa của Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa của nhân loại thuộc loại đó. Di sản văn hóa của Hồ Chí Minh đồ sộ, đa diện. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập tới hai nội dung thuộc di sản đó, là vấn đề con người với tư cách chủ thể văn hóa thuộc về bất kỳ thời đại nào và môi trường văn hóa - xã hội liên quan đến sự phát triển của nhân cách con người, điều làm cho xã hội nhân văn lên, hạnh phúc hơn.

*

* *

Có nhà nghiên cứu nổi tiếng đã cho rằng, có thời ông đã tin mệnh đề “làng còn, nước còn” như một sự thật hiển nhiên. Nhưng là nhà nghiên cứu lịch sử, nhìn vào lịch sử nước mình, ông nhận ra rằng, câu nói ấy chỉ như một biện pháp tu từ, mang tính chất tư biện chứ về bản chất thì chưa hẳn như vậy. “Dân là của nước, nước là của dân” thật đấy, nhưng khi nước nhà đã thuộc về ngoại tộc thì nước mất, làng cũng mất mà “nhà cũng tan”, con người cũng không còn có bất cứ quyền gì, kể cả quyền được sống như một con người trên chính xứ sở của mình¹. Đây không phải là nhận thức của riêng ông mà nhiều người trước ông đã nghĩ như vậy, chỉ có điều cách nói ra quan niệm của mỗi người khác nhau. Trước Hà Văn Tấn đúng 82 năm, nhà yêu nước lớn Phan Bội Châu đã nói đến điều ấy theo một cách khác trong bài thơ nhắn gửi bạn bè khi ra đi tìm đường cứu nước “Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế, Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si”,

1. Xem Hà Văn Tấn: “Làng, liên làng và siêu làng (Mấy suy nghĩ về phương pháp)”, tạp chí *Khoa học*, Đại học Tổng hợp, số 1, 1987.

nghĩa là “Non sông đã chết sống thêm nhục/hiền thánh còn đâu học cũng hoài”. Và năm 1918, một người thanh niên yêu nước thuộc thế hệ sau cụ Phan đã nói lên chính điều này khi gửi đến Hội nghị Versailles của các nước đế quốc vừa chiến thắng trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất đang bàn nhau phân chia quyền chiếm đóng thuộc địa rằng, “nếu trên đời này mà có một việc quái gở vừa thương tâm lại vừa lố bịch, thì đó hẳn là việc bắt một dân tộc vẫn đang còn chịu đựng đủ thứ bất công và không có bất cứ thứ quyền nào phải làm lễ mừng cuộc chiến thắng của thần “công lý” và “chính nghĩa”” (*Bản án chế độ thực dân Pháp*). Người đó là Hồ Chí Minh, lúc bấy giờ có tên Nguyễn Ái Quốc. Theo chính lời kể của Hồ Chí Minh thì từ khi còn rất trẻ, Người đã thấm thía nỗi nhục mất nước và giác ngộ sâu sắc rằng, “tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”¹. Đó là động lực, niềm tin và cũng là những hành động hằng ngày trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, kể cả khi còn lặn lội bốn ba khắp thế giới “đi tìm hình của nước” hay khi đã ở cương vị đứng đầu của một quốc gia độc lập. Trong những năm tháng ấy, Người đã sống nhiều cuộc đời, làm đủ nghề để hiểu về xã hội, đời sống, những vấn đề của các dân tộc, nghiên ngẫm với những gì mình đã biết chỉ để trả lời cho câu hỏi: Vì sao có sự bất công giữa người với người? Làm sao để mọi giống người trên thế giới có thể sống tự do, bình đẳng và hạnh phúc? Người cũng đã tiếp cận với nhiều phong trào yêu nước và cách mạng, đã nghiên cứu đủ thứ chủ nghĩa và nhận ra rằng, làm cách nào để giành lại độc lập cho dân tộc mình và các dân tộc thuộc địa, đem lại tự do hạnh phúc cho người lao khổ là chủ nghĩa có ý nghĩa nhất, cần thiết nhất, là thứ để Người đi theo. Cuối cùng, Người chọn chủ nghĩa ủng hộ phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức, đem lại tự do, bình đẳng cho con người. Người cũng hiểu, không có một “nước mẹ” nào lại tự nguyện trao những quyền sơ đẳng nhưng công bằng ấy cho các dân tộc thuộc địa mà cần phải tiến hành một cuộc đấu tranh toàn diện để giành lấy quyền sống cho nhân dân mình. Để làm được điều này, cần phải thức tỉnh nhân dân bị nô dịch đứng lên làm cuộc cách mạng tự giải phóng để thoát khỏi mọi áp bức bằng cách đồng thời phải dựa vào cả phong trào của nhân dân các nước, kể cả ở chính đất nước đang đô hộ mình, cần đến sự đồng tình và giúp đỡ của họ. Khi đã giành được độc lập lại phải bắt tay vào xây dựng một thể chế mới, bảo đảm cho mọi người dân đều được hưởng hạnh phúc của tự do và độc lập. Tất cả phải bắt đầu từ nhận thức, từ sức mạnh thức tỉnh, nhận thức đúng kẻ thù, đúng vấn đề của chính mình và cách giải quyết đúng đắn vấn đề đó. Để làm được điều này, phải dựa vào sức mạnh của văn hóa. Văn hóa không phải là sức mạnh trực tiếp nhưng

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

là tiền đề để tạo ra sức mạnh quật khởi của một dân tộc. Bài học về sự thức tỉnh ý thức dân tộc, kết hợp thành một khối như bài học vỡ lòng, bài học “nằm lòng”, rồi trở thành nguyên lý mở đường cho một cuộc vận động cách mạng. Từ *Bản án chế độ thực dân Pháp* cho đến *Đường cách mệnh* đều thấm đẫm tư tưởng này. Năm 1943, Người đã viết về đường hướng phát triển văn hóa của một quốc gia chính là phải xây dựng tâm lý dân tộc là tư tưởng độc lập, tự cường, là mọi người dân biết hy sinh mình làm lợi ích cho quần chúng; về mặt xã hội thì mọi sự nghiệp có liên quan đến quyền lợi của nhân dân và chính trị chính là dân quyền cùng với việc xây dựng một nền kinh tế mới phù hợp. Sau khi đã giành được chính quyền, trở thành người đứng đầu của một quốc gia có chủ quyền, khi đã có đủ điều kiện để bắt tay vào sự nghiệp ấy, người đã tuyên bố tư tưởng về “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, cụ thể hóa thêm một bước những suy nghĩ trước đó của mình trong tình hình mới. Tư tưởng ấy nhất quán, xuyên suốt toàn bộ các hoạt động chính trị của Người.

Nhân đây, cũng nên nhắc tới một trùng hợp khác của một nhà nghiên cứu văn hóa để thấy rằng, những tư tưởng lớn, ở những thời kỳ khác nhau hay cùng thời đều nhìn thấy sức mạnh to lớn của văn hóa đối với những cuộc vận động xã hội, hướng tới những thay đổi để tồn tại và phát triển ở một tâm thế khác. Cùng thời đại với nhà cách mạng Hồ Chí Minh viết ra những tư tưởng lớn về văn hóa ở trong nhà tù của Quốc dân Đảng (Trung Quốc), nhà nghiên cứu văn hóa Đào Duy Anh cũng cho rằng, “cái văn hóa của tổ tiên ta đã gây dựng trong hai nghìn năm... có sinh khí mạnh mẽ lắm...”, song, xã hội nước ta khi “gặp tình thế bất phải khai thông thì nó lộ ra ngay hết mọi nhược điểm”. Và “bi kịch hiện thời của dân tộc là sự xung đột của những giá trị văn hóa cũ ấy với những điều khác lạ của văn hóa phương Tây” và xung đột này “quan hệ đến cuộc sinh tử tồn vong của dân tộc ta vậy”¹. Do điều kiện xã hội - chính trị bấy giờ, cụ Đào không thể nói ra cái nguy cơ cụ thể của hiện tình văn hóa Việt Nam thế nào, nhưng trong một đánh giá gần với thực tế và khoa học nhất về văn hóa Việt Nam thời kỳ đó với mục đích văn hóa cứu quốc, bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng do Trường Chinh khởi thảo xác định: “Nhật lợi dụng văn hóa để tuyên truyền chính sách Đại Đông Á” để lừa mị dân tộc, còn thực dân Pháp thì “thực hiện chính sách văn hóa cực kỳ nguy hại và thâm độc” cho nên “Đảng cần có cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, đặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa thụt lùi”.

Như vậy, từ góc nhìn nghiên cứu khoa học thuần túy hay tư tưởng của một nhà cách mạng chuyên nghiệp thì cũng đều có một điểm chung là văn hóa có vai trò vô cùng to lớn, có tác dụng mạnh mẽ tới các cuộc vận động xã hội, tới sự tồn vong của

1. Xem Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000, tr.7.

một quốc gia, dân tộc. Và để hiểu, vận dụng thành công sức mạnh của văn hóa vào công cuộc chấn hưng dân tộc, phát triển đất nước cần có đường hướng và cách tổ chức thực hiện những bước đi của phong trào như thế nào?

Lướt qua đôi nét lịch sử như thế để thấy rõ tính cấp thiết của việc xây dựng một nền văn hóa mới có vai trò “mở đường cho quốc dân đi” là quan trọng trong mọi giai đoạn lịch sử. Và trong thực tế, *tư tưởng văn hóa cứu quốc, văn hóa kháng chiến kiến quốc* đã hình thành, phát triển từ những đòi hỏi của thực tiễn, đã giải quyết rất nhiều những vấn đề về mặt đường hướng lý luận ngay cả khi những lý thuyết về vấn đề này còn chưa được xác lập. Nó là những căn cứ quan trọng để hình thành nên một hệ thống nội dung quan điểm về văn hóa cứu quốc, văn hóa góp phần to lớn vào sự phục hưng dân tộc, vào công cuộc chiến tranh vệ quốc, xây dựng đất nước và là tiền đề cho sự thay đổi nhận thức trong nhiều lĩnh vực, trở thành yếu tố nội sinh cho sự phát triển, thành nền tảng tinh thần của xã hội và mục tiêu của sự phát triển.

2. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giữa bộn bề công việc của những ngày đầu giành chính quyền, Hồ Chí Minh đã quan tâm nhiều đến vấn đề văn hóa dân tộc. Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất tổ chức ở Hà Nội có hơn 200 nhà hoạt động văn hóa toàn quốc và đại biểu các ban, ngành của quốc gia. Tại Hội nghị này, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, mong muốn đem văn hóa lãnh đạo quốc gia để thực hiện độc lập, tự cường và sáng tạo, phải gắn với các phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng mà *Đề cương về văn hóa Việt Nam* đã chỉ ra. Rõ ràng, từ tư tưởng đến văn bản đều toát lên tinh thần văn hóa cứu quốc như tên gọi của tổ chức văn hóa tiến bộ nhất lúc này được Đảng tổ chức nhằm tập hợp lực lượng phục vụ nhiệm vụ cứu quốc. Hồ Chí Minh chỉ ra hai yếu tố quan trọng nhất để văn hóa thực sự “soi đường cho quốc dân đi” là yếu tố con người và môi trường văn hóa; thấy được tính chất tiên tiến, cách mạng của nền văn hóa mới nằm ở mỗi cá nhân và ở ý thức đối với cộng đồng, là nền tảng tinh thần của xã hội. Người nhìn thấy sức mạnh to lớn của văn hóa ở chỗ nó có thể cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, nên trong hầu hết những bài viết của mình, dù ở Hội nghị về văn hóa hay trong những dịp tiếp xúc với văn nghệ sĩ, Người đều nhấn mạnh đến sứ mệnh của văn hóa, coi đó là nhiệm vụ xã hội vì văn hóa góp phần đắc lực vào sự nghiệp “phò chính, trừ tà”, “kháng chiến, kiến quốc”. Nếu nhìn kỹ hơn về tư tưởng C.Mác và V.I.Lênin mà Hồ Chí Minh đã chịu ảnh hưởng sẽ thấy C.Mác trong các công trình của mình nghiên cứu rất kỹ về chủ nghĩa tư bản, chỉ ra những tội ác của chủ nghĩa tư bản đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, với sự phát triển đầy bất công, đầy “máu và nước mắt” mà chủ nghĩa tư bản từng quốc gia, chủ nghĩa tư bản thế giới gây ra cho nhân loại. Bởi vậy mà C.Mác suốt đời đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản trong học thuyết của mình. V.I.Lênin tập trung chống chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa tư bản, hiện thực hóa cuộc đấu tranh giai cấp bằng xây dựng nhà nước công - nông,

thực hiện chuyên chính bằng bạo lực cách mạng. Còn Hồ Chí Minh gần như suốt cuộc đời hoạt động chính trị của mình lại dồn tâm sức cho việc chống chủ nghĩa thực dân, đấu tranh giành độc lập cho các nước thuộc địa vì độc lập tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho con người. Đây cũng chính là những căn cứ để UNESCO tôn vinh Người là Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới. Điều này rất quan trọng bởi từ góc nhìn ấy sẽ thấy rõ điều gì đã chi phối toàn bộ ý chí, phương pháp và mục đích hoạt động của mỗi người. Năm 1941, trong thư *Kính cáo đồng bào* người khẳng định “trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”¹. Năm 1946, Hồ Chí Minh đã nói với các nhà báo nước ngoài là Người “chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”². Lập trường dân tộc, chủ nghĩa yêu nước như là nội dung căn cốt trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh với tư cách là nhà cách mạng chuyên nghiệp. Ở mục tiêu này, Người bắt gặp mục tiêu của những người cộng sản mong muốn xây dựng một thế giới không còn người bóc lột người, mọi dân tộc đều được tự do, độc lập, mọi người dân đều được sống hạnh phúc. Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc không phải do Hồ Chí Minh đề xuất nhưng đó là điều Người lựa chọn đầu tiên, là nhà “dân tộc chủ nghĩa” trước khi đến với “quốc tế chủ nghĩa” như chính Người tự nhận. Bởi vậy, điều Hồ Chí Minh đề cập gần như đầu tiên khi đã giành được chính quyền về tay nhân dân là thay đổi và nâng cao *dân khí* (Người gọi là lý cách dân tộc), phát triển *dân trí*, bởi yêu cầu của cuộc sống bây giờ đòi hỏi một tâm thế khác, tinh thần khác trong khi bản thân những con người cụ thể lại chưa đáp ứng được điều này “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”³. Trong hoàn cảnh đó, khó tìm thấy một lời đánh giá nào đúng đắn, nghiêm khắc và cũng đầy thực tế nhưng giàu ý nghĩa thức tỉnh như vậy. Bởi, hơn ai hết, Người hiểu rõ “nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân cũng là một việc cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước... dân chủ và giàu mạnh”³ và cần xúc tiến văn hóa để tạo con người mới và cán bộ mới cho cuộc kháng chiến, kiến quốc. Thay đổi tâm lý của một dân tộc là một công việc vừa trước mắt, vừa lâu dài; nâng tầm dân khí và ý thức dân tộc lên tầm cao mới là công việc gắn liền với nâng tầm của văn hóa chính trị. Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến điều này bởi Người quan niệm văn hóa có thể sửa đổi xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Người coi đó là một việc to lớn, vô cùng khó khăn nhưng không thể không bắt tay vào thực hiện ngay từ những ngày đầu xây dựng thể chế mới “sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.230.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.187.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.459.

biết cách đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó”¹. Thay đổi dân khí, sửa xã hội cũ, xây dựng xã hội mới về thực chất chính là xây dựng một môi trường văn hóa mới mà điều đầu tiên Hồ Chí Minh quan tâm chính là xây dựng một môi trường văn hóa chính trị, văn hóa - xã hội mới. Bây giờ chúng ta hay sử dụng thuật ngữ “văn hóa chính trị”, “văn hóa công sở” nhưng từ ngay sau khi giành được chính quyền về tay nhân dân, Hồ Chí Minh đã nói đến điều này ở cả phương diện lý thuyết và thực hành. Đó là việc Người sử dụng hiền tài, tập hợp mọi lực lượng hữu ích cho sự nghiệp đoàn kết dân tộc, kháng chiến, kiến quốc; đặt quyền lợi của quốc gia, dân tộc lên trên quyền lợi của mọi đảng phái, tầng lớp, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân để thực hiện cho được mục tiêu này. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ những tháng ngày tình trạng “thù trong, giặc ngoài” nguy hiểm như sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trước âm mưu chia rẽ của kẻ thù và tình trạng nhận thức, giác ngộ của quần chúng nhân dân chưa cao, Người nêu khẩu hiệu *Tổ quốc trên hết* để tập hợp lực lượng, lấy quyền lợi Tổ quốc làm căn cứ để nối kết mọi người dân, lực lượng lại thành một khối thống nhất vì mục tiêu bảo vệ độc lập dân tộc và thực hiện một loạt các chính sách khác nhằm đem lại cơm áo cho nhân dân. Bài học đoàn kết, bài học đồng lòng trở thành kinh nghiệm quý để vận dụng và lãnh đạo cách mạng. Đoàn kết không phải để vì quyền lợi của cá nhân, tổ chức, đảng phái mà đoàn kết vì những mục tiêu lớn lao hơn. Có thể nói, Hồ Chí Minh đã vượt lên trên những vấn đề mang tính nguyên tắc của tổ chức để đạt tới điều cao xa hơn, đem lại lợi ích cho dân tộc, đất nước hơn là “ôm” lấy những nguyên tắc cứng nhắc, chỉ vì lợi ích của một đảng phái mà không vì mục tiêu *Tổ quốc trên hết*. Phải thực hiện đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo và đoàn kết quốc tế. Đoàn kết phải thực sự tạo thành sức mạnh vật chất và tinh thần. Đoàn kết để giữ vững quyền tự do độc lập của chúng ta, “chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà”². Nguyên tắc này Người đề cao và bảo vệ trong suốt cuộc đời mình. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”³. Có nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, những lời dạy của Hồ Chí Minh sâu xa và giàu ý nghĩa. Người chỉ nói đến những thứ cần thiết, còn thiếu, nhiều người cũng thấy nhưng chưa được chú trọng đúng mức. Trong *Đường cách mệnh*, Người nói tới bài học thất bại “vì dân đoàn kết chưa sâu, cho nên thất bại trước sau mấy lần”⁴. “Đi vào dân chúng, thức tỉnh họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập”⁵. Ở *Di chúc*, Người nói đoàn kết trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr.288.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.55.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr.119.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.260.

5. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, *Sđd*, tr.49.

Đảng, đoàn kết quốc tế, giáo dục cách mạng cho thế hệ trẻ để giữ vững thành quả cách mạng. Người nhắc tới đoàn kết vừa như một bài học quý, vừa như một sự nhắc nhở vì Người nhìn thấy trong các tổ chức của bộ máy, trong tâm lý của mỗi con người luôn tồn tại những mầm mống của nguy cơ chia rẽ, nguy cơ mất đoàn kết, nguy cơ của tình trạng “bằng mặt mà không bằng lòng”. Bởi vậy mà từ *Sửa đổi lỗi làm việc* cho đến *Di chúc*, điều Người lo lắng đầu tiên luôn là nhắc nhở sự đoàn kết, nhất trí và mong muốn mọi đảng viên phải thực hiện điều này như “giữ gìn con người của mắt mình”¹. Có thể nói, Hồ Chí Minh là người mở đầu và cũng là người kiên trì tư tưởng nâng cao văn hóa chính trị, văn hóa quản trị của đội ngũ cán bộ. *Sửa đổi lỗi làm việc*, những bài phát biểu về đạo đức cán bộ là những tác phẩm như vậy, chỉ nhằm một mục đích ấy. Nhìn kỹ hơn vào bối cảnh ra đời của những bài viết đó cũng như những nội dung xuyên suốt những điều này trong tư tưởng Hồ Chí Minh thấy rõ, Người có hẳn một hệ thống căn cứ về vấn đề này, không cao xa về mặt lý thuyết mà từ những sự việc hàng ngày, công việc cụ thể mà đúc kết, tổng kết thành những vấn đề mang tính căn bản, nguyên lý của công tác đào tạo, sử dụng cán bộ, thu hút nhân tài phụng sự cho cách mạng, cho đất nước. Lâu nay, giới nghiên cứu và quản lý hay nói đến khía cạnh đạo đức của vấn đề mà chưa chú ý đúng mức đến những cơ sở xã hội của cách đặt vấn đề về văn hóa đạo đức, văn hóa chính trị Hồ Chí Minh. Hiểu sâu sắc cả hai nền văn hóa phương Đông và phương Tây, Hồ Chí Minh nói nhiều về “con người nghĩa vụ”, con người đạo đức, nhưng cũng đề cao vai trò của dân chủ, tự do, sáng tạo, ý thức về con người cá nhân như một nhân cách. Bởi vậy, suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn nói đến những điều này như những phẩm chất khác nhau cùng tồn tại, cùng đồng hành trong mỗi con người. Người nhìn thấy ở mỗi tính cách ấy có những mặt tích cực và cả những hạn chế cho nên Người đề cao đạo đức xả thân vì nghĩa, đạo đức coi trọng nghĩa vụ nhưng cũng luôn tạo điều kiện cho con người phát huy hết tự do sáng tạo của cá nhân, tôn trọng nguyện vọng cá nhân, định hướng những khát vọng ấy vào việc phục vụ đất nước, nhân dân; đồng thời tìm cách khuyến khích, vận động, nêu ra những quy định để khắc chế những thói xấu, lòng tham của con người. Hồ Chí Minh là người đầu tiên nói đến khả năng “sửa cái xấu, thói hủ hóa, chống tham nhũng” của văn hóa. Mọi mục đích hoạt động của Người đều hướng về đất nước, nhân dân. “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”². Người nói

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.372.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

đến bản chất vấn đề chứ không dừng lại ở hình thức “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹. Suốt thời gian tại thế, Hồ Chí Minh tập trung làm thay đổi quan niệm cũ về hai vấn đề quan trọng là con người và môi trường, coi đó là căn cốt để tạo nên một chữ *đông* cho toàn xã hội. “Nếu người này cũng xấu, người kia cũng xấu thì thành làng xấu, nước hèn. Nếu mỗi người đều tốt, thì thành làng tốt, nước mạnh. Người là gốc của làng nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định phú cường”². Nhìn vào lịch sử hàng nghìn năm của đất nước có thể thấy rõ điều này, cơ sở để cộng đồng làng, xã hoặc lớn hơn là quốc gia, dân tộc có thể nhân lên sức mạnh của tập thể để chiến thắng mọi kẻ thù, mọi áp lực từ giặc ngoại xâm, sự hà khắc của quan lại, sự áp đặt của chính quyền trung ương, đấu tranh chống thiên nhiên... là tinh thần cố kết cộng đồng. Sự cố kết này bắt nguồn từ nghĩa vụ và tình cảm của cá nhân trong cộng đồng, được cộng đồng ghi nhận. Mỗi cá nhân sống trong cộng đồng chỉ được cộng đồng tôn vinh hay đánh giá cao nếu cá nhân ấy hoàn thành tốt nhất chức phận của mình. Hồ Chí Minh khơi dậy ở mỗi cá nhân sự gắn bó và trách nhiệm với cộng đồng, Tổ quốc, không phân biệt họ thuộc tầng lớp, đảng phái, giai cấp nào, miễn là người ấy có ích cho sự nghiệp chung. Đây là một góc nhìn vừa thực tiễn, vừa nhân văn và chỉ có Hồ Chí Minh mới làm tốt được điều này. Hồ Chí Minh khai thác mọi yếu tố có thể trong mỗi con người, nhất là những giá trị tốt đẹp gắn với cộng đồng, đất nước, dân tộc, không coi yếu tố chính trị là cao nhất (các thỏa ước với các tổ chức, đảng phái, thu hút đội ngũ nhân sĩ, trí thức, trọng dụng nhân tài vì đất nước và nhân dân; các biện pháp chính trị hạn chế tối đa cái nhìn hẹp hòi về chính trị). Người nhìn mỗi cá nhân là một tập hợp của nhiều yếu tố, đa diện, rộng hơn cái nhìn khuôn cứng họ vào trong những lý lịch chính trị, công việc xã hội họ đảm nhiệm. Cái nhìn này rõ ràng cởi mở và sát thực tiễn hơn cái nhìn bó hẹp trong những khuôn mẫu, mô hình. Thêm nữa, cái nhìn nhân văn và đầy tinh thần thực tiễn của Hồ Chí Minh đã khắc phục được tư tưởng định kiến, giáo điều một thời đã gây ra những sai lầm lịch sử. Hồ Chí Minh nói đạo đức cao nhất của chính trị là cứu nước, vì nước, vì dân, nói đến mục tiêu chính trị nhưng ở những hành vi cụ thể lại thể hiện một tầm nhìn chiến lược về sử dụng con người cho những nhiệm vụ không có tổ chức chính trị hay cá nhân nào khác có thể làm được. Nhìn lại những ứng xử của Hồ Chí Minh ở tầm vĩ mô cho đến các quan hệ cụ thể với những người thuộc giới nhân sĩ, trí thức, quan lại, thân hào, kể cả những người thuộc các đảng phái đối lập trong những năm tháng trước và sau thời điểm Tháng Tám năm 1945, những năm kháng chiến, mới thấy hết tầm nhìn chiến lược trong văn hóa chính trị và ứng xử của người. Tư tưởng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.117.

Tổ quốc trên hết đã động viên nhân sĩ, trí thức, thân hào, doanh nhân, quan lại cũ, các tầng lớp nhân dân tạm xếp những bản khoán, do dự của riêng mình sang một bên, giúp họ dẫn thân vào cuộc kháng chiến giữ nước, hay nói như Nguyễn Tuân “đứng dưới lá cờ nghĩa của cách mạng”. Cách ứng xử của Hồ Chí Minh với đội ngũ trí thức, các nhà hoạt động xã hội có uy tín không chỉ là một sách lược của cách mạng trong một thời điểm mà nó mang ý nghĩa lâu dài, nhân văn, có xuất phát điểm từ chỗ đất nước là của chung, phải từ lợi ích của đất nước mà lựa chọn những người xứng đáng làm việc cho nước, cho dân chứ không vì lợi ích của một tổ chức, đảng phái nào. Người nói với các đồng chí trong Đảng của mình “Phong trào giải phóng sôi nổi, nảy nở ra rất nhiều *nhân tài ngoài Đảng*. Chúng ta không được bỏ rơi họ, xa cách họ. Chúng ta phải thành thật đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đem tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước”¹. Giáo sư Trần Quốc Vượng kể rằng, bác M. (bạn của thân phụ Giáo sư) và cả thế hệ những con người ấy đã “đi theo Hồ Chí Minh, nghe theo Hồ Chí Minh” dẫn thân vào con đường Hồ Chí Minh đi khi chưa hiểu gì về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Họ tin yêu và làm theo những gì Hồ Chí Minh làm bởi cuộc đời và con đường Hồ Chí Minh lựa chọn đã làm họ tin tưởng². Những tư tưởng về con người và văn hóa của Hồ Chí Minh là giải quyết những vấn đề thực tiễn, là “soi đường cho quốc dân đi” thực sự, đã tạo ra những thay đổi lớn, tích cực trong ý thức dân tộc, ý thức cộng đồng, đặc biệt ở sự tin yêu người đứng đầu, sự đồng lòng với những chủ trương lớn, kích thích tình yêu và khát vọng cống hiến. Tư tưởng này ở Hồ Chí Minh có nguồn gốc sâu xa từ những am hiểu sâu sắc về truyền thống văn hóa và con người Việt Nam. Đây không phải là những suy luận thiếu căn cứ mà nếu nhìn vào những ý kiến Hồ Chí Minh nói về tinh thần yêu nước, đoàn kết cộng đồng, sức mạnh dân tộc trước họa xâm lăng sẽ thấy rõ điều đó. Với Hồ Chí Minh, người Việt Nam thuộc bất cứ tầng lớp, dân tộc, tôn giáo nào cũng đều có sự gắn bó với quê hương, xứ sở, đất nước, cộng đồng, nhân dân. Nếu cách mạng biết khơi dậy ở họ tình cảm và nghĩa vụ ấy thì hầu hết mọi người dân sẽ đem “tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”³. Đó là con người yêu nước, dám hy sinh tất cả vì nước. Người ta hay nói đến câu nói của ông Võ Văn Kiệt như là một bài học rất đáng suy ngẫm về cách nhìn hẹp hòi của góc nhìn quá đề cao tiêu chí chính trị trong đánh giá con người: người cộng sản không nên “độc quyền” lòng yêu nước. Ở đây, có thể nói rằng, Hồ Chí Minh đặt vấn đề *Tổ quốc trên hết* không phải chỉ là một khẩu hiệu chính trị nhất thời mà là một tư tưởng xuyên suốt hoạt động chính trị của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.315.

2. Xem Trần Quốc Vượng: *Việt Nam, cái nhìn địa văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1998.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.3.

người. Tư tưởng này phát huy tác dụng to lớn trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ nền độc lập ấy. Người nhìn vấn đề dân tộc, đất nước cao hơn khía cạnh thái độ chính trị, quyền lợi của mỗi cá nhân, tầng lớp, đảng phái. Cách nhìn này không chỉ sáng suốt vào thời điểm đó mà nó cần phải trở thành một vấn đề mang tính căn bản cả trong lý luận và thực tiễn để xây dựng đất nước hiện nay vì nếu vận dụng tốt điều này có thể đoàn kết mọi lực lượng để nâng tầm sức mạnh dân tộc. Trong hồi ký của nhiều nhân vật nổi tiếng đều kể lại thời kỳ hoạt động sôi nổi của cả xã hội giai đoạn “nước sôi lửa bỏng”, đến những sáng kiến cá nhân có giá trị lớn vì tất cả đều bắt đầu từ sự tin yêu lãnh tụ, tin yêu chế độ mới. Ý nghĩa soi đường, mở đường, khai phóng của tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh là ở đó.

Về con người, Hồ Chí Minh đánh giá cao cốt cách, nhân cách ở họ. Người mời các cụ vốn là quan lại cũ như Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, Đặng Văn Hương... và giao cho họ những trọng trách lớn trong bộ máy Quốc hội, Chính phủ. Rất nhiều các trí thức ngoài Đảng được giao chức Bộ trưởng trong Chính phủ kháng chiến, nhiều tướng lĩnh người ngoài Đảng được giao cầm quân ở những địa bàn trọng yếu... và họ đã hoàn thành xuất sắc vai trò của mình với tinh thần tận hiến, chịu ơn tri ngộ của Hồ Chí Minh. Với họ, Hồ Chí Minh lúc này đồng nghĩa với thể chế mới, nhân dân, dân tộc. Vì cảm phục Hồ Chí Minh mà cụ Huỳnh Thúc Kháng nhận lời làm Bộ trưởng Nội vụ. Cũng chính Hồ Chí Minh đã lựa chọn cụ Huỳnh làm Quyền Chủ tịch nước khi người sang đàm phán với Chính phủ Pháp vì người nhận thấy cái *bất biến* ở cụ Huỳnh sẽ làm điểm tựa để cụ ứng phó với cái *vạn biến* của nước nhà trong hoàn cảnh ngặt nghèo. Đây là một ví dụ rõ nhất về văn hóa chính trị, văn hóa dùng người Hồ Chí Minh. Tiếc rằng sau này có nơi, có lúc nhiều người trong bộ máy đã không thấm được tinh thần *Tổ quốc trên hết* mà đặt lợi ích của tổ chức mình lên trên, đã bộc lộ sự hẹp hòi, thiển cận chính trị nên đã gây ra những đổ vỡ không đáng có.

3. Tư tưởng “văn hóa soi đường cho quốc dân đi” đến nay vẫn tiếp tục tỏa sáng. Tiếp thu tinh thần ấy, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán, kiên trì quan điểm coi văn hóa là một trong ba mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa mà Đảng phải nắm lấy, lãnh đạo, tổ chức để đi đúng đường hướng “phò chính trừ tà, kháng chiến, kiến quốc”. Nếu tính từ thời điểm tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất họp (năm 1946) ở Nhà hát Lớn tới Hội nghị lần thứ 2 (năm 1948) giữa lúc kháng chiến chống xâm lược đang bộn bề thì cũng có thể thấy, Đảng coi trọng vai trò của văn hóa như thế nào. Từ bấy đến nay, tuy chưa tổ chức thêm một hội nghị toàn quốc nào nhưng những văn kiện các kỳ đại hội, nghị quyết chuyên đề về văn hóa đều dành những vị trí thích đáng cho văn hóa) đã ngày càng nhận thức sâu hơn, thực hiện nhiều phong trào, nhiều cuộc vận động phát triển văn hóa, xây dựng con người hơn. Trong suốt mấy chục năm qua từ một nền văn hóa cứu quốc,

chuyển qua văn hóa kháng chiến kiến quốc, văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, thành mục tiêu và động lực cho sự phát triển... đã chứng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa ngày càng lan tỏa, ảnh hưởng trong đời sống. Đại hội XIII của Đảng đã nói về văn hóa với những nội dung cụ thể gắn với giai đoạn mới của lịch sử dân tộc như vấn đề hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới; đã coi yêu cầu khơi dậy sức mạnh dân tộc, khát vọng cống hiến để xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, hạnh phúc như là những nhiệm vụ hàng đầu của văn hóa. Đó là những nhận thức mới và yêu cầu mới để văn hóa tiếp tục “soi đường cho quốc dân đi”.

*

* *

Những bài học về văn hóa của Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị khoa học, còn nguyên ý nghĩa dẫn đường. Những việc làm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về xã hội, con người, đất nước, nhân dân, đạo đức cán bộ, ý thức công dân... vẫn còn “nóng hổi” tính thời sự. Chỉ cần nhìn vào bài học dùng người của Hồ Chí Minh đã thấy vì sao Người thành công còn chúng ta hiện nay đưa ra rất nhiều lý thuyết, rất nhiều tiêu chí, mở đủ các cuộc học tập, vận động... mà hiệu quả chưa như mong muốn? Phải chăng Hồ Chí Minh khi dùng người bao giờ cũng chú ý tới cốt cách con người, nhân cách văn hóa, tài năng và bản lĩnh của người đó rồi từng bước rèn luyện họ, đưa họ vào con đường mình mong muốn, qua công việc mà để họ nhận thức ra tư tưởng chính trị họ theo chứ không bắt đầu từ nguồn gốc chính trị, lý lịch chính trị. Người luôn nhìn văn hóa, con người trong sự vận động biện chứng của xã hội, lịch sử và bản thân mỗi cá nhân chứ không cứng nhắc, giáo điều. Nhiều năm qua, phải chăng trong công tác cán bộ, Đảng đã quá đề cao tiêu chí chính trị, trong đó coi trọng nguồn gốc chính trị, lý lịch chính trị, bằng cấp chính trị hơn bản lĩnh chính trị và năng lực làm việc. Do đánh giá văn hóa và con người chủ yếu từ góc nhìn tư tưởng hệ, chính trị hóa văn hóa, chính trị hóa con người mà chưa xem xét đúng bản chất vấn đề (về bản chất văn hóa là sự dung hợp, đa nguyên; trong mỗi con người là tổng hòa của nhiều con người như con người chính trị, con người kinh tế, con người văn hóa, con người bản năng, con người tôn giáo, con người đạo đức, v.v..). Mà một khi đã tuyệt đối hóa một khía cạnh nào đó, dù khía cạnh đó là quan trọng, cơ bản cũng sẽ dẫn đến nhận thức chưa đầy đủ về đối tượng. Do điểm xuất phát chưa đúng nên hệ tiêu chí để đánh giá con người cũng chưa đầy đủ, chưa khoa học và mỗi cá nhân sẽ hướng về những tiêu chí chưa đúng, đủ ấy mà lựa chọn ứng xử. Mấy chục năm gần đây, dù trong các văn bản chúng ta luôn nói đến những giá trị mang tính lý tưởng, tốt đẹp nhưng về thực chất, từ các cơ quan có trách nhiệm cho đến xã hội đều

đề cao giá trị chính trị, giá trị kinh tế, giá trị quyền lực mà xem nhẹ giá trị tri thức, nhân cách của con người. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng để nảy sinh sự tha hóa, xuống cấp của đạo đức xã hội, là nguồn gốc của dối trá và tham nhũng. Những sự giáo dục đạo đức bằng các cuộc vận động, thuyết phục, tuyên truyền ít hiệu quả. Không ít quan chức viết sách nói về tinh thần phục vụ nhân dân, về đạo đức cách mạng nhưng trong đời sống thực thì hủ hóa, tham nhũng, phạm pháp. Tư tưởng đức trị và nhân trị không thể trở thành nền tảng của một xã hội dân chủ công bằng, văn minh. Phải đề cao pháp trị nhưng trước hết phải thay đổi quan điểm đánh giá về con người và môi trường, về văn hóa nói chung theo tinh thần khai phóng Hồ Chí Minh. Tư tưởng khai phóng về văn hóa Hồ Chí Minh có điểm xuất phát bắt đầu từ chỗ vì đất nước, nhân dân, dân tộc và cái đích cuối cùng hướng đến cũng là độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc cho mỗi người. Nhưng Hồ Chí Minh thành công vì ở Hồ Chí Minh mục đích và phương thức hành động luôn nhất quán, nói và làm luôn song hành trên nền tảng yêu thương và tôn trọng con người, vì hạnh phúc con người.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHƠI DẬY KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM PHỒN VINH, HẠNH PHÚC; PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA, SỨC MẠNH CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

PGS.TS. PHẠM DUY ĐỨC*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm đó là: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”¹.

Đây là nhiệm vụ có vị trí đặc biệt quan trọng trong tổng thể các nhiệm vụ khác để thực hiện thành công mục tiêu Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Nhiệm vụ này hoàn toàn nhất quán với quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII khi khẳng định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”.

Khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc là khát vọng ngàn đời của dân tộc Việt Nam được phát triển lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh.

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, khát vọng xây dựng đất nước ta độc lập, tự chủ và cường thịnh đã được thể hiện trong quốc hiệu của các triều đại khác nhau; từ Văn Lang, Âu Lạc, Vạn Xuân đến Đại Cồ Việt, Đại Việt, Đại Nam, Việt Nam. Khát vọng đó đã được thể hiện trong bài Thơ thần “Nam quốc sơn hà” của thời Lý (Thế kỷ XI) được xem là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc; trong Thiên cổ hùng văn “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi thời Hậu Lê (thế kỷ XV) -

* Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.202.

bản “Tuyên ngôn độc lập” lần thứ hai. Và đặc biệt là trong bản Tuyên ngôn độc lập lần thứ ba do Hồ Chí Minh công bố ngày 2/9/1945, khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Khát vọng đó luôn luôn được nuôi dưỡng và vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử đấu tranh xây dựng và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, khát vọng đó chỉ được phát huy cao độ trong thời đại Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã có một đường lối chính trị đúng đắn và khoa học, dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành độc lập dân tộc từ hai đế quốc to là thực dân Pháp và phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Nhà nước này đã thực hiện sứ mệnh lớn lao, tổ chức nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện đấu tranh thống nhất đất nước. Sau khi thống nhất đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, nhân dân ta đã từng bước vượt qua thời kỳ khủng hoảng về kinh tế - xã hội, tiến hành hai cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc, tháo gỡ sự bao vây cấm vận của các thế lực thù địch quốc tế, thống nhất về thể chế và thiết chế chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên phạm vi cả nước, tạo những tiền đề quan trọng để bước vào sự nghiệp đổi mới đất nước.

Sự nghiệp đổi mới đất nước được khởi đầu từ Đại hội VI (1986) của Đảng đã mở ra một thời kỳ mới để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹.

Trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã xác định mô hình và đặc trưng của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”¹. Đường lối đổi mới đất nước của Đảng tiếp tục được bổ sung, phát triển qua các kỳ Đại hội VIII, IX, X, XI, XII, XIII là những định hướng cụ thể thể hiện chung cho khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn Đảng, toàn dân ta. Như vậy, có thể nói khát vọng chung của dân tộc Việt Nam hiện nay là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phấn đấu vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người dân Việt Nam.

Khát vọng đó không phải là mong muốn chủ quan, duy ý chí, mà phải dựa trên cơ sở hiện thực khách quan, dựa trên những tiền đề nhất định để trở thành hiện thực. V.I.Lênin đã nói rằng ước mơ là một phẩm chất vĩ đại của con người, tạo động lực và niềm tin để con người hành động hướng tới tương lai. Nếu không có ước mơ, không có khát vọng, không có hoài bão, con người không thể tiến lên phía trước. Mỗi dân tộc cũng cần có khát vọng, cần có niềm tin và mơ ước về tương lai để định hướng và định hình cho quá trình phấn đấu đi lên của mình. Những khát vọng, mong muốn đó có cội nguồn từ lịch sử và bằng bài học kinh nghiệm được rút ra từ lịch sử. Vì vậy, trong quá trình khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, Đảng ta đã đặc biệt nhấn mạnh đến phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam ở đây bao gồm cả những giá trị văn hóa truyền thống và giá trị văn hóa hiện đại mà tiêu biểu là giá trị dân tộc, dân chủ, khoa học và nhân văn. Trong Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Đảng ta đã xác định mục tiêu chung của nền văn hóa này là: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân, thiện, mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”².

Để khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến xây dựng phẩm chất, nhân cách của con người: “Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách của con người và trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc tính cơ bản là yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”³.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47, 48-49.

Giá trị văn hóa nổi bật, bao trùm và xuyên suốt lịch sử dân tộc, làm nên sức mạnh bất diệt của con người Việt Nam trước hết, trên hết là chủ nghĩa yêu nước. Yêu nước không chỉ là tình cảm thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam với quê hương, đất nước mà còn là lý trí, đạo lý, pháp lý của dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã được phát triển lên thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhấn chìm bọn cướp nước và bán nước, thực hiện sứ mệnh thống nhất đất nước, đưa đất nước đi vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa yêu nước cũng là cơ sở để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dân chủ là động lực quan trọng để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dân chủ cũng là cơ sở để sáng tạo các giá trị văn hóa mới, thể hiện được khát vọng của cá nhân và xã hội trong xây dựng và phát triển đất nước. Dân chủ ở đây là dân chủ xã hội chủ nghĩa, vừa đảm bảo quyền tự do của công dân, vừa tôn trọng kỷ cương và thực hành theo Hiến pháp và pháp luật. Giá trị khoa học của nền văn hóa là hướng tới nâng cao trình độ dân trí, trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ của dân tộc trong bối cảnh của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, nhất là công nghiệp 4.0. Nâng cao sức sáng tạo và khả năng ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất và tổ chức đời sống xã hội, góp phần thực hiện khát vọng đổi mới, sáng tạo, tăng trưởng kinh tế, tạo sự thịnh vượng, giàu có cho đất nước. Giá trị nhân văn mà nền văn hóa Việt Nam hướng tới là phấn đấu tất cả vì con người, vì tự do, ấm no, hạnh phúc của con người. Con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của phát triển, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện và hoàn thiện nhân cách của mình. Các giá trị dân tộc, dân chủ, khoa học và nhân văn gắn bó chặt chẽ, tác động biện chứng với nhau, tạo thành đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “*Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất*”¹.

Để “*Khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định những nhiệm vụ cơ bản và cấp thiết là: Tập trung khơi dậy mạnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.34.

mẽ tinh thần yêu nước, niềm tự hào, ý chí tự cường, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội và khát vọng phát triển đất nước của toàn dân tộc. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước của mọi người dân. Phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh lành mạnh; vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn lại 35 đổi mới, nhất là trong 5 năm gần đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia tích cực của toàn thể nhân dân, đất nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trong việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước đã ban hành chủ trương, chính sách để khơi dậy tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết, đồng thuận xã hội và khát vọng phát triển đất nước của toàn dân tộc.

Kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống đại đoàn kết dân tộc trong các giai đoạn lịch sử chống xâm lược, thống nhất đất nước, tại Đại hội VI (1986) Đảng ta đã khẳng định khát vọng lớn của đất nước: “Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”¹. Khát vọng đó luôn luôn được truyền lửa, tiếp nối trong các văn kiện đại hội Đảng qua các nhiệm kỳ đại hội từ đó đến nay. Khát vọng đó đã được thể hiện tập trung trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), được cụ thể hóa trong Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng các khóa VIII, IX, X, XI, XII, XIII cũng như các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Đảng ta đã tập trung đánh giá một cách toàn diện về thực trạng tình hình văn hóa Việt Nam sau 12 năm đổi mới, xác định phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.37

Có thể nói đây là nghị quyết mang tầm chiến lược về xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới. Các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết này nêu ra vẫn có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng đối với sự phát triển văn hóa, con người Việt Nam hiện nay. Đúc tính đầu tiên mà Nghị quyết nhấn mạnh đối với nhiệm vụ xây dựng con người là “có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”¹.

Giải pháp lớn quan trọng hàng đầu mà Nghị quyết này nêu ra là “*Mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*”. Nghị quyết này nhấn mạnh: Giáo dục chủ nghĩa yêu nước phải gắn với phong trào thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội, về nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu; làm cho mọi người thấm nhuần truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc, đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết này, các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội đã cụ thể hóa thành các chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết. Nhà nước đã thể chế hóa các chủ trương trên của Đảng thành hệ thống luật pháp và các chính sách cụ thể để đẩy mạnh giáo dục chủ nghĩa yêu nước và phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân... tích cực tổ chức các đợt thi đua gắn liền với các phong trào xây dựng người tốt, việc tốt; uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã, phường văn hóa, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở các khu dân cư... Tất cả các hoạt động đó đều hướng vào cuộc thi đua yêu nước: “Tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đại hội thi đua yêu nước được tiếp tục tổ chức từ năm 2000 và được tiến hành thường xuyên từ đó đến nay đã góp phần quan trọng vào cổ vũ, động viên, lan tỏa những tấm gương điển hình, những chiến sĩ thi đua, Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới đối với xã hội. Đây là những hoạt động có tầm chiến lược, có ý nghĩa lâu dài để phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW (2014)

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.58-59.

Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Trong Nghị quyết này, Đảng ta đã nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa xây dựng, phát triển văn hóa và phát triển con người, đặt vấn đề xây dựng con người vào vị trí trung tâm của phát triển văn hóa. Đồng thời, xây dựng văn hóa, phát triển con người phải hướng vào mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

Điểm mới trong Nghị quyết này là Đảng ta đã xác định một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu là thực hiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng xã hội và đất nước. Trong xây dựng văn hóa, Đảng ta nhấn mạnh trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với các đặc tính cơ bản, yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Để phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp 2013, khẳng định quyền của công dân, trong đó có quyền về văn hóa. Hàng loạt các bộ luật và chính sách liên quan đến lĩnh vực đổi mới, sáng tạo, khơi dậy khát vọng Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước được ban hành, từ lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, thông tin, an ninh, quốc phòng... Tinh thần của các bộ luật và các chính sách này là tôn trọng và đảm bảo quyền con người trong phát triển, khơi dậy mọi tiềm năng, mọi giá trị văn hóa, phát huy sức mạnh của con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hệ thống luật pháp và các chính sách nhằm khơi dậy tinh thần dân tộc trong đổi mới, sáng tạo, khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã có tác động tích cực, hiệu quả, đóng góp mạnh mẽ vào những thành tựu “to lớn”, “có ý nghĩa lịch sử” trong thời kỳ đổi mới vừa qua của dân tộc ta.

Thứ hai, nhiệm vụ xây dựng con người và môi trường văn hóa đã có bước tiến quan trọng

Trong thời kỳ đổi mới, nhiệm vụ xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh đã được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm và đã đạt được những thành tựu nổi bật. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã xác định đây là những nhiệm vụ trọng tâm. Quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ này được cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân đồng tình hưởng ứng. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh đã trở thành nhiệm vụ thường xuyên trong công tác của Đảng, Nhà nước và được nhân dân

ủng hộ làm theo. Các chuẩn mực về tư tưởng, đạo đức, tác phong của con người thời đại Hồ Chí Minh đã được xây dựng và đưa vào các văn bản pháp luật, vào quy ước, quy định, quy tắc ứng xử của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các quy ước của cộng đồng dân cư.

Những đức tính của con người Việt Nam thời đổi mới được nêu trong Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI như *yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo* được phổ biến rộng rãi trong xã hội, được nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều địa phương nhấn mạnh và cụ thể hóa vào trong các quy định của cộng đồng. Công tác giáo dục - đào tạo đã được đầu tư khá đồng bộ để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục ở tất cả các cấp, đặc biệt là trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân đã có nhiều bước tiến mới, nhất là xây dựng cơ sở khám, chữa bệnh ở tuyến cơ sở. Các chính sách xã hội đã góp phần quan trọng để đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, trợ giúp cho các đối tượng dễ bị tổn thương. Truyền thống đoàn kết, giúp đỡ nhau trong xóa đói, giảm nghèo, khắc phục hậu quả do thiên tai, dịch bệnh được tăng cường.

Dân chủ hóa xã hội được mở rộng. Con người Việt Nam đã chú trọng đổi mới tư duy, năng động, sáng tạo, tích cực và chủ động trong việc kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tiến bộ của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, đáp ứng với yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Phong trào thi đua yêu nước được triển khai sâu rộng trong xã hội đã khơi dậy truyền thống yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của các tầng lớp nhân dân. Tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là trong thanh niên gần đây đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Tinh thần dấn thân, hy sinh vì cộng đồng, vì sự nghiệp bảo vệ sức khỏe của nhân dân đã được thể hiện rõ trong cuộc chiến chống đại dịch COVID-19 hiện nay của đội ngũ tuyến đầu chống dịch như y bác sĩ, quân đội, công an, đội ngũ tình nguyện viên, sự đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, của doanh nghiệp, đội ngũ văn nghệ sĩ và những nhà hảo tâm cùng sự chung tay chống dịch của nhân dân.

Đảng và Nhà nước đã quán triệt sâu sắc quan điểm *con người là chủ thể, là mục tiêu, là động lực của phát triển*. Sự quan tâm đến xây dựng con người được thể hiện nhất quán trong mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, từ lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Sự phát triển con người toàn diện được chú trọng ở cả hai phương diện cơ bản là *nâng cao năng lực và mở rộng cơ hội tiếp cận các điều kiện để phát triển của con người*. Những vấn đề an ninh con người, bảo vệ quyền con người, an sinh xã hội, phát triển bền vững và bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau... đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và đem lại tự do, hạnh phúc cho con người.

Con người vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa, vừa là sản phẩm của môi trường văn hóa. Vì vậy, cùng với quá trình đặt trung tâm vào xây dựng con người, Đảng và Nhà nước đã chú trọng xây dựng môi trường văn hóa, trước hết là từ trong gia đình, cộng đồng dân cư tới cơ quan, doanh nghiệp, trường học. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc tại các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm thực hiện suốt một thời gian dài từ năm 1998 (khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII) đến nay đã thu được những kết quả tốt đẹp. Các tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới, trong xây dựng văn minh đô thị đã được triển khai thực hành trong đời sống. Vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng đã có bước chuyển biến tích cực, nhất là từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và Quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương và người đứng đầu cấp ủy. Công tác xây dựng môi trường văn hóa trong cơ quan nhà nước đã được cụ thể hóa bằng Quy định về xây dựng văn hóa công sở và gần đây là Đề án “Văn hóa công vụ” do Chính phủ ban hành.

Số lượng và chất lượng các cá nhân và đơn vị tiên tiến, được công nhận danh hiệu văn hóa ngày càng tăng. Đến tháng 8/2018, cả nước có 86,8% gia đình được công nhận là gia đình văn hóa; 71,1% làng, bản, ấp, tổ dân phố; 71,2% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Đến năm 2018, cả nước có 2.691 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (đạt 32%)¹.

Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc tổ chức đám cưới, đám tang, lễ hội có những chuyển biến tích cực. Các lễ hội được tổ chức và quản lý chặt chẽ hơn; môi trường văn hóa ở đa số các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng dần đi vào nền nếp, trật tự và lành mạnh hơn.

Nhiều phong trào và mô hình văn hóa mới đã xuất hiện, tiêu biểu là phong trào “3 không, 3 sạch” của Hội phụ nữ; “Sáng - xanh - sạch - đẹp” ở đô thị; “Tổ liên gia tự quản”; “Tổ hòa giải”; “Tổ tự quản” đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội ở nhiều địa bàn dân cư; “Ngày hội đoàn kết toàn dân”...

Hệ thống thiết chế văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được đầu tư, nâng cấp và xây dựng mới, đã được khai thác hiệu quả để đáp ứng nhu cầu của các tầng lớp nhân dân. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển rộng khắp. Nhiều sự kiện văn hóa, nghệ thuật, thể dục - thể thao được tổ chức ở quy mô quốc gia, quốc tế đã thu hút sự quan tâm của xã hội, góp phần cổ vũ tinh thần dân tộc, giới thiệu và quảng bá hình ảnh văn hóa và con người Việt Nam ra thế giới.

1. Theo Báo cáo số 420-BC/BTG TW của Ban Tuyên giáo Trung ương về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Những thành tựu về xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh đã góp phần quan trọng vào cố vũ, khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam thịnh vượng, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, các hoạt động văn hóa đã tập trung vào khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam thịnh vượng, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời kỳ vừa qua, các hoạt động văn hóa, nhất là lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; lĩnh vực văn học, nghệ thuật; lĩnh vực thông tin đại chúng đã có nhiều thành tựu trong việc khẳng định, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật và các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền, cố vũ, khơi dậy khát vọng về một Việt Nam hùng cường, hạnh phúc.

Nhận thức sâu sắc và toàn diện về vai trò của hệ thống di sản trong việc khẳng định bản sắc dân tộc, là cơ sở để sáng tạo các giá trị văn hóa mới, là điều kiện để giao lưu và hợp tác quốc tế, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, chính quyền các cấp đã tăng cường đầu tư các nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị của hệ thống di sản, chú trọng giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, tự cường, ý thức bảo vệ truyền thống văn hóa dân tộc cho nhân dân.

Hệ thống di tích lịch sử và di tích cách mạng thực sự đã trở thành tài sản vô giá của dân tộc, để khơi nguồn khát vọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong sự nghiệp đổi mới. Chính sách xã hội hóa đã tạo điều kiện cho việc huy động các nguồn lực xã hội trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, "xuất khẩu" văn hóa Việt Nam tại chỗ tới bạn bè quốc tế. Năm 2018, đã có 15,5 triệu lượt du khách quốc tế, trên 80 triệu lượt khách du lịch nội địa đến tham quan du lịch tại các địa điểm di sản này. Đến tháng 12/2018, Việt Nam có 27 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, tôn vinh. Cả nước có trên 4 vạn di tích được kiểm kê, trong đó có 105 di tích quốc gia đặc biệt, 3.491 di tích quốc gia; 1 vạn di tích cấp tỉnh; 62.383 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê, trong đó có 288 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hiện nay cả nước có 166 bảo tàng (127 bảo tàng công lập, 39 bảo tàng ngoài công lập) lưu trữ trên 3 triệu tài liệu, hiện vật. Nhà nước đã có chính sách tôn vinh những nghệ nhân, những báu vật nhân văn sống có công lao giữ gìn, trao truyền và quảng bá các di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc. Nhà nước đã đầu tư, hỗ trợ giữ gìn các di sản văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, duy trì các sinh hoạt văn hóa truyền thống, tổ chức tốt các ngày lễ hội các dân tộc ở một số vùng, miền, khơi dậy truyền thống đoàn kết, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp.

Trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị (khóa XI) về văn học, nghệ

thuật đã đem lại nguồn cảm hứng sáng tạo mới cho đội ngũ văn nghệ sĩ. Văn học nước nhà đã có nhiều khởi sắc, tiếp nối dòng tư tưởng chủ đạo là đề cao chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, khẳng định giá trị tốt đẹp của văn hóa và con người Việt Nam, tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống và lịch sử cách mạng, đề cao khát vọng phát triển đất nước phồn vinh và hạnh phúc, cổ vũ động viên nhân dân tích cực tham gia vào xây dựng và phát triển đất nước. Một loạt các sự kiện văn hóa, văn học, nghệ thuật được tổ chức trong nước và nước ngoài đã thu hút được sự quan tâm rộng rãi của công chúng trong nước và quốc tế, góp phần giới thiệu, quảng bá hình ảnh văn hóa, nghệ thuật Việt Nam ra nước ngoài, tăng cường sức mạnh mềm quốc gia, cổ vũ cho khát vọng phấn đấu vì một đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

Báo chí, truyền thông là vũ khí sắc bén của Đảng và Nhà nước trong thời gian vừa qua đã góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, động viên nhân dân thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hệ thống báo chí phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiếp cận thông tin của nhân dân. Đến tháng 11/2018, cả nước có 66 đài phát thanh, truyền hình, 1 hãng thông tấn quốc gia, 844 cơ quan báo chí với 184 báo in, 660 tạp chí, 24 cơ quan báo chí điện tử độc lập và khoảng 19.000 nhà báo được cấp thẻ. Các loại hình thông tin trên mạng internet đã hoạt động theo đúng định hướng chính trị, cổ vũ phát huy các giá trị văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam, đề cao khát vọng phát triển đất nước cường thịnh của các tầng lớp nhân dân, nêu những tấm gương điển hình của tổ chức và cá nhân đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời các phương tiện thông tin đại chúng đã bám sát vào thực tiễn đổi mới đất nước, phản ánh được những thành tựu to lớn trong phát triển các lĩnh vực khác nhau của xã hội, lan tỏa và truyền cảm hứng tích cực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh kiên quyết chống lại các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa.

Nhìn một cách khái quát, trong thời gian tiến hành sự nghiệp đổi mới, các hoạt động văn hóa đã tham gia tích cực vào bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, khơi dậy sức sáng tạo của con người Việt Nam, cổ vũ khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo Cương lĩnh của Đảng đã đề ra. Sức mạnh của các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin đại chúng là tác động sâu sắc vào đời sống tinh thần, tình cảm của xã hội, truyền dẫn niềm tin và khát vọng tới xã hội, tạo sự đoàn kết và đồng thuận xã hội trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thành tựu to lớn trong xây dựng con người, xây dựng môi trường văn hóa, phát triển các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin đại chúng đã góp phần quan trọng vào xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội, làm nên sức mạnh nội sinh của dân tộc trong sự nghiệp phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Để đẩy mạnh khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong thời gian tới, chúng ta cần chú ý một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức cho toàn Đảng, toàn dân về vai trò của việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước.

Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”¹.

Mục tiêu tổng quát mà Đại hội XIII nêu ra là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”², đến năm 2045 “trở thành nước phát triển, thu nhập cao”, “sánh vai với các cường quốc năm châu” như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những năm đầu xây dựng chế độ mới.

Để thực hiện khát vọng đó, phải “khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh”³. Chính vì vậy, Đại hội XIII đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm của toàn bộ nhiệm kỳ là “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế”⁴.

Như vậy, vấn đề xây dựng niềm tin, nâng cao lòng tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước trên cơ sở giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh văn hóa và con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước là một nhiệm vụ cơ bản, vừa lâu dài, vừa cấp bách. Nhiệm vụ này phải được quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, để chuyển hóa thành sức mạnh tinh thần và vật chất của dân tộc trong công cuộc chấn hưng đất nước hiện nay.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.215-216.

2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.35-36, 116, 202.

Thứ hai, tiếp tục thể chế hóa nhiệm vụ khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam thành những quy định cụ thể, gắn liền với luật pháp, chính sách và các quy định, quy chế để tổ chức triển khai trong thực tiễn.

Nhà nước cần tập trung thể chế hóa nhiệm vụ khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam thành các quy định có tính pháp quy, đồng thời tiếp tục hoàn thiện các chính sách ưu tiên đầu tư để phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng các cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến của mọi người dân. Các bộ, ngành và địa phương cần xây dựng chương trình, kế hoạch hành động để khơi dậy khát vọng phát triển; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người ở cơ quan, đơn vị, xây dựng các chỉ tiêu, tiêu chí phấn đấu cụ thể để thực hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ở các cấp cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, gắn với khơi dậy khát vọng của các tầng lớp nhân dân, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh của con người ở các giai cấp, dân tộc, các miền tập trung vào phát triển kinh tế - xã hội, phát triển quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ ba, phát huy vai trò của các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, báo chí, phát thanh và truyền hình trong việc tuyên truyền, giáo dục, cổ vũ động viên nhân dân nâng cao khát vọng phát triển đất nước phồn vinh; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Vai trò của văn hóa nói chung, của các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, truyền thông đại chúng nói riêng có vị trí đặc biệt trong việc tuyên truyền, cổ vũ, lan tỏa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc thông qua các kênh thông tin và truyền thông khác nhau. Các hoạt động này vừa tác động theo phổ rộng thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, vừa có khả năng thuyết phục sâu sắc thông qua con đường tình cảm, truyền cảm hứng về niềm tin, về khát vọng tạo động lực để mỗi người, mỗi cộng đồng quyết tâm phấn đấu vì sự hưng thịnh của quê hương, đất nước.

Vì vậy, Nhà nước cần tăng cường đầu tư, phát huy vai trò của các hoạt động này trong việc cổ vũ khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh. Đồng thời, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin - Truyền thông cần xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ này, đặc biệt là tạo nên những bước đột phá, đổi mới các nội dung, chương trình hoạt động để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, kể cả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và truyền thông đại chúng ở Trung ương và địa phương.

Thứ tư, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong hệ thống giáo dục quốc dân

Chú trọng giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng, giáo dục khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc cho các thế hệ thanh, thiếu niên, đề cao tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, giáo dục ý chí, nghị lực, tinh thần độc lập, tự chủ của mỗi người dân trong xây dựng và phát triển đất nước. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để xây dựng đội ngũ lao động tham gia vào làm việc trong môi trường Cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuẩn bị các tiền đề cần thiết để họ có thể làm việc trong môi trường “đa văn hóa” trong hội nhập quốc tế.

Cần tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đặc biệt là xây dựng chương trình để thực hiện nhiệm vụ khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam thịnh vượng, hạnh phúc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp hiện nay.

Thứ năm, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và công nghệ cho nhiệm vụ khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam thịnh vượng; phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam.

Nhà nước cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và công nghệ cho các nhiệm vụ khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam. Đặc biệt là tăng nguồn lực đầu tư vào xây dựng con người, trước hết là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ và phát triển văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tạo ra nền tảng tinh thần cho quá trình phát triển bền vững đất nước. Bên cạnh việc tăng ngân sách đầu tư của Nhà nước vào lĩnh vực văn hóa và xây dựng con người, cần đẩy mạnh chính sách xã hội hóa nhằm thu hút các nguồn lực trong nước và nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực này. Nhà nước chú trọng xây dựng một số công trình văn hóa, nghệ thuật trọng điểm tầm cỡ khu vực và quốc tế, ưu tiên phát triển một số lĩnh vực nghệ thuật đỉnh cao, khắc phục tình trạng nghiệp dư hóa các hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp. Phát huy vai trò của dòng văn hóa, nghệ thuật chủ lưu để nâng tầm định hướng về tư tưởng, thẩm mỹ, đạo đức, lối sống và lan tỏa vào đời sống xã hội.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội XIII. Vì vậy, việc tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát của tổ chức đảng từ Trung ương tới cơ sở. Trước hết, các cơ quan hữu quan cần xây dựng, chương trình, kế hoạch triển khai việc thực hiện nhiệm vụ này. Quốc hội và Chính phủ cần cụ thể hóa chủ trương này thành các đề án xây dựng và hoàn thiện luật pháp, chính sách, quy định, quy chế để tổ chức thực hiện. Các tỉnh ủy, thành ủy cần xây dựng chương trình, kế hoạch hành

động để khơi dậy khát vọng phát triển của mỗi địa phương. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành thường xuyên, định kỳ và đột xuất. Cần phải tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua yêu nước, phong trào đổi mới, sáng tạo để thực hiện khát vọng phát triển đất nước ở các cấp, các ngành: phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào này để nêu gương, lan tỏa khát vọng này vào trong đời sống xã hội. Đồng thời kiên quyết đấu tranh, xử lý kịp thời những vi phạm cản trở tới sự phát triển của đất nước, đặc biệt là tình trạng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực và tệ nạn xã hội, củng cố và xây dựng niềm tin của nhân dân vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.

Trên đây là một số giải pháp có ý nghĩa quan trọng để khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc: Phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước. Việc thực hiện các giải pháp này phải được tiến hành đồng bộ, toàn diện và thường xuyên sơ kết, tổng kết để rút ra những bài học kinh nghiệm để nâng cao chất lượng hiệu quả của việc thực hiện nhiệm vụ này.

NHẬN THỨC RÕ QUY LUẬT ĐỂ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN VĂN HÓA, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG TIẾN TRÌNH GIAO LƯU VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

PGS.TS. PHAN TRỌNG THƯỜNG*

Từ năm 1827, trước những biến chuyển sâu sắc của thế giới, với con mắt tinh tường, đại thi hào, nhà tư tưởng lớn của dân tộc Đức Johann Wolfgang Goethe (1749-1832) đã đưa ra nhận xét: “Văn học dân tộc giờ đây càng trở nên ít ý nghĩa. Thời của văn học thế giới đang đến gần chúng ta cần phải nỗ lực để cho nó đến nhanh hơn”. Với nhận xét trên, J.W.Goethe tuy chưa thật thấu đáo khi nhìn nhận ý nghĩa của văn học dân tộc nhưng ông đã đúng khi tiên đoán trước viễn cảnh của văn học thế giới. Chỉ sau đó 16 năm, vào năm 1848, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, thêm một lần nữa, C.Mác và Ph.Ăngghen nhận xét: “Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc... Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới”¹.

Từ đó đến nay, sau ngót hai thế kỷ, thực tiễn vận động và phát triển của tiến trình văn học thế giới đã kiểm chứng tính chính xác lời tiên đoán của J.W.Goethe và các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác. Cùng với sự hình thành một trật tự thế giới mới, một diện mạo văn học mới, một hệ giá trị nghệ thuật - thẩm mỹ mới đã được thiết lập. Có thể xem lịch sử hình thành và phát triển của văn học thế giới hiện đại từ nửa sau thế kỷ XIX đến nay như là kết quả của quá trình giao lưu, tiếp xúc có lúc cường bức, có lúc tự giác diễn ra giữa các quốc gia, các khu vực, các nền văn hóa và văn học khác nhau trên thế giới. Chính quá trình đó đã làm xích lại gần nhau, xóa đi những dị biệt giữa phương Đông và phương Tây, giữa các quốc gia châu Âu già nua với các quốc gia trẻ trung ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh để hướng tới tạo lập một *hệ giá trị* văn học phổ quát mang ý nghĩa toàn nhân loại, khiến cho mệnh đề nổi

* Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.602.

tiếng một thời của R. Kipling “*Phuong Đông là phuong Đông, phuong Tây là phuong Tây*” trở nên thiếu chỗ dựa trên thực tế. Qua giao lưu, tiếp xúc, văn học và văn hóa các dân tộc vừa có cơ hội để phát huy ảnh hưởng, tiếp thu, tiếp biến, làm giàu thêm gia tài tinh thần của dân tộc mình; vừa có cơ hội để gia nhập, đồng hành với tiến trình chung của văn học và văn hóa thế giới.

Cũng chính quá trình đó, ý thức tự tôn và mặc cảm tự ti thái quá dần được điều chỉnh, tạo ra những quan hệ tương thích, hài hòa, khiến cho diện mạo văn học và văn hóa thế giới ngày càng có xu hướng đạt được sự thống nhất trong đa dạng. Có thể xem văn học và văn hóa vừa như là tài sản riêng mang giá trị tinh thần độc đáo của mỗi quốc gia; vừa như là tài sản chung mang giá trị toàn nhân loại. Từ lâu, trong lịch sử phát triển thế giới, thông qua văn học và văn hóa, con người ở mỗi quốc gia, trên mọi châu lục, không phân biệt chủng tộc và màu da, có thể hiểu biết lẫn nhau, đồng cảm và sẻ chia lẫn nhau cả niềm hạnh phúc lẫn nỗi đau khổ, cả niềm vui và nỗi buồn, cả những rung động của tâm hồn trước cái đẹp, cái thiện, trước lẽ được - mất của con người.

Nhìn lại lịch sử văn học và văn hóa Việt Nam có thể thấy, chính quá trình tiếp xúc và giao lưu đã mang đến những thay đổi và biến đổi lớn lao về cấu trúc cũng như phẩm chất của nền văn học và văn hóa. Nếu từng có lúc, trong đưng độ lịch sử lâu dài và khốc liệt, do khả năng *biết chôi từ* mà chúng ta giữ được cốt cách văn hóa dân tộc, thì cũng đã có lúc, do khả năng *biết không chôi từ* mà chúng ta tiếp thu được từ đối tượng những giá trị, tinh hoa ưu việt để thực hành tiếp biến trên tinh thần thâm thái, khoan dung. Sau hàng nghìn năm tiếp xúc với phương Bắc, hàng trăm năm tiếp xúc với phương Tây, văn hóa và văn học Việt Nam đã chứng tỏ khả năng thanh lọc và thích ứng, *khả năng không thay đổi* (tĩnh) và *khả năng tự biến đổi* (động) để tồn tại và phát triển. Với phẩm chất đó, văn hóa và văn học Việt Nam vừa bám rễ sâu vào mảnh đất dân tộc, vừa không ngừng vươn rộng theo những nguồn ánh sáng và dưỡng chất mới để không ngừng nảy nở và phát triển theo hướng ngày càng hiện đại, chủ động gia nhập với tiến trình chung của văn học thế giới.

Trong suốt chiều dài thế kỷ XX, văn học và văn hóa Việt Nam không chỉ tiếp thu từ các nước láng giềng trong khu vực những truyền thống độc đáo, mà còn tiếp thu từ phương Tây những thành tựu văn chương tiêu biểu để tiến hành cuộc cách mạng trong thi ca vào những năm ba mươi của thế kỷ. Thông qua các cuộc tiếp xúc cả trong trạng thái chiến tranh lẫn trong trạng thái hòa bình, văn học Việt Nam hiện đại đã có cơ hội tiếp nhận những nguồn ảnh hưởng tích cực từ các nền văn học của các quốc gia thuộc các khu vực: Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Đông Âu, Tây Âu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ. Nhiều thành tựu văn học ưu tú thực sự trở thành chiếc cầu nối các thời đại, các quốc gia và các châu lục trên hành tinh. Với thành tựu của văn học so sánh, văn học Việt Nam cũng như văn học các nước trong khu vực và trên thế giới đã không ngừng được khảo sát, phân tích để tìm ra điểm tương đồng, những mối

liên hệ chung có ý nghĩa phổ biến trong văn học thế giới; đồng thời chỉ ra những dị biệt, những đặc thù dân tộc làm nên bản sắc độc đáo không lặp lại của mỗi nền văn học. Mỗi quy luật được phát hiện trong lĩnh vực nghiên cứu này sẽ là căn cứ khoa học xác đáng để khẳng định thêm quá trình giao lưu và ảnh hưởng diễn ra như một quy luật phổ biến trong văn học thế giới.

Vào những năm cuối cùng của thế kỷ XX và những năm đầu tiên của thế kỷ XXI, thế giới đang chứng kiến những sự kiện trọng đại. Xu hướng chuyển từ đối đầu sang đối thoại và sự hình thành các tổ chức, các liên minh chính trị, kinh tế quốc tế lớn đã và đang tạo ra những cơ hội thuận lợi để các quốc gia mở cửa và hội nhập, tăng cường quan hệ giao lưu và hợp tác quốc tế, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về sự phát triển, gắn kết sức mạnh của các quốc gia trước nhiệm vụ giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu như: vấn đề tài nguyên và môi trường, vấn đề sắc tộc và tôn giáo, vấn đề chống khủng bố, vấn đề chống đói nghèo và bệnh tật... Trong xu hướng này, các quốc gia không chỉ tận dụng được các lợi thế quốc tế để phát triển kinh tế mà còn tận dụng được cơ hội giao lưu để giới thiệu, phát huy các ảnh hưởng về văn hóa và văn học của dân tộc mình đến các dân tộc khác và ngược lại, giúp cho việc tăng cường hiểu biết lẫn nhau. Ngay từ năm 1957, khi diễn thuyết về *Sứ mệnh của văn nghệ hiện đại* tại giảng đường Đại học Upsal Thụy Điển, A. Camus đã xác nhận chúng ta đang sống trong một thời đại mà “*nó không chịu cho phép chúng ta không chú ý đến nó*”; một thời đại đang buộc “*chúng ta xúc cảm như nhau trước những điều cùng trông thấy và trong những cảnh ngộ cùng phải chịu đựng*”. Thời đại đó không chỉ là thời đại thăng trầm của lịch sử quân sự, chính trị, kinh tế đang diễn ra trước mắt toàn nhân loại, mà như một tất yếu, còn là thời đại thăng trầm của mỗi nền văn hóa và văn học đang không ngừng vận động và biến chuyển theo những quy luật chung và số phận riêng của nó. Nhưng cũng chính trong quá trình đó đang tiềm ẩn nguy cơ làm nhòe mờ các đường biên văn hóa, xáo trộn các giá trị tinh thần thuần khiết của mỗi dân tộc. Nhu cầu đối thoại giữa các nền văn hóa đang ngày càng có xu hướng gia tăng. Điều đó có nghĩa là quá trình giao lưu và hội nhập quốc tế vừa tạo ra thời cơ, vừa tạo ra các thách thức cho mỗi nền văn hóa và văn học của các dân tộc.

Đây không chỉ là kết quả của quá trình phát triển, của tiến bộ khoa học và kỹ thuật mà còn là kết quả của quá trình nhận thức các giá trị, nhận thức các kinh nghiệm lịch sử được đúc rút từ thực tiễn văn học và văn hóa thế giới.

Có thể nói, chính xu thế hội nhập và mở cửa diễn ra trên phạm vi toàn cầu trong thập kỷ qua đã tạo ra những tiền đề, những cơ hội để các quốc gia có những nền văn hóa khác nhau, ở những khu vực khác nhau của thế giới thực hiện được các cuộc giao lưu, mang nền văn hóa đặc sắc của dân tộc này đến với các dân tộc khác. Và ngược lại, cũng chính trong quá trình giao lưu đó, văn hóa mỗi nước có dịp được trao đổi, chọn lọc, tiếp thu những giá trị mới, tích cực, tiến bộ từ các nước khác để

làm phong phú, đa dạng thêm cho nền văn hóa nước mình. Quá trình đó sẽ dẫn các quốc gia đến chỗ gặp gỡ nhau ở những giá trị nhân bản, chân chính với tinh thần tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, cùng hướng tới mục tiêu dân tộc và hiện đại.

Nhưng thực tế cho thấy quá trình hội nhập còn làm nảy sinh những nghịch lý ở chỗ nó không chỉ tạo ra cho sự phát triển văn hóa mỗi nước những thời cơ thuận lợi mà còn ẩn chứa ngay trong nó những nguy cơ lớn. Một trong số những nguy cơ đó chính là sự mai một các giá trị văn hóa truyền thống trước sự du nhập, tấn công của các yếu tố văn hóa mới lạ từ bên ngoài vào; sự hòa tan bản sắc riêng độc đáo vốn có của mỗi nền văn hóa thành một sản phẩm lai tạp, hỗn loạn, không còn có cơ sở để nhận diện, mất đi những yếu tố làm nên căn cước văn hóa của mỗi dân tộc.

Do nhận thức rõ tính tất yếu và tính hai mặt của quá trình hội nhập nên Đảng ta đã kịp thời ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Mặc dù cho đến nay, về mặt câu chữ, các nhà văn hóa vẫn còn tiếp tục trao đổi để đi đến thống nhất cách hiểu thế nào là “đậm đà bản sắc”? Cần phải *định tính* và *định lượng* nó như thế nào? Hoặc quan hệ giữa hai khái niệm “tiên tiến” và “đậm đà bản sắc” trong mệnh đề trên ra sao? Có phải chúng là hai phạm trù riêng biệt không liên quan gì tới nhau hay không?... Nhưng về quan điểm chung, hầu như đã đạt đến sự thống nhất ở tinh thần coi trọng văn hóa dân tộc, coi trọng những giá trị truyền thống, coi trọng lịch sử - văn hóa được hình thành, chung đúc nên trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực hoạt động văn hóa trong thời kỳ đổi mới vừa qua cho thấy ý thức chủ động, tích cực của chúng ta trong quá trình giao lưu và hội nhập. Chúng ta đã tận dụng được khá nhiều cơ hội thuận lợi để giới thiệu nền văn hóa đặc sắc của dân tộc ta với nhiều nước khác nhau trên thế giới và ngược lại. Đồng thời, bằng sự trợ giúp của các phương tiện thông tin, của khoa học và công nghệ, của các phương tiện vật chất và kỹ thuật, trình độ sáng tạo cũng như trình độ hưởng thụ văn hóa của chúng ta đã tiến những bước dài trên con đường hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới. Nhìn lại các lĩnh vực văn hóa như: âm nhạc, điện ảnh, thời trang, phát thanh - truyền hình, sách báo, các ấn phẩm văn hóa và những phương tiện kỹ thuật làm nền tảng cho nó, có thể dễ dàng nhận thấy chúng ta đã đạt đến một mặt bằng văn hóa khá khả quan so với thế giới.

Song, cũng chính ở những lĩnh vực này, chúng ta bắt đầu nhận thấy các dấu hiệu thiên về *du nhập* hơn là *hội nhập*. Xung quanh các hiện tượng này còn có rất nhiều vấn đề đặt ra cho những người quản lý văn hóa.

Chẳng hạn, trên lĩnh vực âm nhạc, sự thịnh hành của các loại hình âm nhạc giải trí đang làm cho cả một thế hệ nhạc sĩ và ca sĩ lên ngôi; kèm theo đó là cả một thế hệ thính giả chìm đắm trong những giai điệu, những lời ca thiếu sức truyền cảm, sao lãng những ca khúc truyền thống mạnh mẽ và hào hùng, trữ tình và lãng mạn từng

tạo nên nhiệt huyết công dân, tạo nên tình yêu cao cả đối với Tổ quốc, quê hương. Thực ra, việc thuộc tên một ngôi sao nhạc nhẹ nước ngoài, thuộc những bài hát hay của thế giới đang thịnh hành thì không những không có hại mà còn có lợi ở chỗ được mở mang tầm nhìn, tầm hiểu biết, được chia sẻ với bạn bè quốc tế những xúc cảm mạnh mẽ, những niềm vui, nỗi buồn thánh thiện do âm nhạc đem lại. Có thể xem đó là kiến thức, là cái “phông” văn hóa cần thiết của mỗi người, nhất là đối với các bạn trẻ. Nhưng nếu chỉ chạy theo nhạc nước ngoài như một “mốt” thời thượng, không cần hoặc không biết đến những giá trị âm nhạc trong sáng của dân tộc, thậm chí coi thường nó thì lại hoàn toàn không đúng. Có thể xem đó là sự “què quặt” của thị hiếu âm nhạc.

Ở nghệ thuật sân khấu còn nguy hại hơn khi phần lớn thế hệ thanh thiếu niên hiện nay quay lưng lại với nghệ thuật truyền thống, coi đó là cổ hủ, lỗi thời. Họ như không còn khả năng cảm nhận được cái hay của những làn điệu dân ca, những làn điệu chèo thắm đượm hồn phách dân tộc. Họ có biết đâu rằng phải đạt đến một bản lĩnh văn hóa nào đó, một trình độ văn hóa nào đó mới có thể cảm nhận được cái hay, cái đẹp ẩn chứa trong mỗi làn điệu. Càng nguy hại hơn khi một số đoàn nghệ thuật, một số nghệ sĩ được một số phương tiện thông tin đại chúng vô tình hay hữu ý tiếp sức đã nhân danh đổi mới để cải biến nghệ thuật dân tộc thành một thứ nghệ thuật lai căng, chiều nịnh những thị hiếu thấp kém, làm mai một truyền thống nghệ thuật, truyền thống văn hóa đẹp đẽ của cha ông. Vẫn biết, chúng ta không chủ trương áp đặt về mặt sở thích, tôn trọng thiên tư của mỗi cá nhân, nhưng với điều kiện không làm phương hại đến các giá trị. Hơn nữa, thị hiếu nghệ thuật lành mạnh chỉ có thể được hình thành thông qua môi trường giáo dục chứ không thể tự phát, a dua hoặc bắt chước.

Trong tình hình trên, nếu thị hiếu âm nhạc không được giáo dục; truyền thống nghệ thuật dân tộc không được bảo lưu và phát huy thì hậu quả đương nhiên sẽ là một sự nghèo nàn về tinh thần, một sự mất gốc về văn hóa, còn nói gì đến việc giữ gìn bản sắc dân tộc nữa.

Trong thị trường sách có phần xô bồ của chúng ta hiện nay cũng có hiện tượng tương tự. Sách cho trẻ em là một vấn đề đáng lưu tâm. Những truyện tranh kích thích bạo lực, kích thích những dục vọng cá nhân cực đoan không những không có giá trị về nghệ thuật mà còn làm hỏng khiếu cảm thụ văn chương, làm hỏng sự phát triển lành mạnh của ngôn ngữ trẻ em bằng những phụ đề thiếu tính chuẩn xác về văn chương và ngôn ngữ. Rất tiếc là cho đến nay, thị trường sách này vẫn tỏ ra không được kiểm soát chặt chẽ. Một vài phóng sự truyền hình gần đây đã lên tiếng báo động về tình trạng này.

Qua một số vụ án những năm gần đây có thể thấy sự lưu hành băng đĩa hình và phim hành động nước ngoài cũng là nguyên nhân góp phần dẫn đến tội phạm nghiêm trọng ở tuổi thanh thiếu niên. Nhiều loại hình tội phạm mới như cướp cửa

hiệu, cướp ngân hàng, bắt cóc con tin vốn có nguồn gốc từ phim ảnh nước ngoài đã xuất hiện.

Trên phương diện lối sống, do ảnh hưởng của những triết lý sống thực dụng, tâm lý hưởng thụ cá nhân, nhiều thanh thiếu niên đã sa ngã vào các tệ nạn xã hội, hủy hoại nhân cách, làm vẩn đục cuộc sống, vẩn đục môi trường xã hội-đạo đức của chúng ta. Đặc biệt là vấn đề tín ngưỡng hiện nay đang có xu hướng bị lạm dụng và tự phát. Bên cạnh việc khôi phục lại những di tích lịch sử, những phong tục tập quán, những lễ hội truyền thống tốt đẹp, ở không ít địa phương, nhiều hủ tục đã có nguy cơ phục hồi. Lợi dụng tự do tín ngưỡng và tâm linh, nhiều kẻ xấu đã hành nghề mê tín dị đoan, buôn thần bán thánh, làm ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của nhân dân lao động.

Từ khi mạng internet được đưa vào khai thác và sử dụng phổ biến ở Việt Nam, bên cạnh những ưu việt hiển nhiên do nó mang lại cũng còn không ít những điều mà thực tế cho thấy là đã trở thành nỗi lo chung của toàn nhân loại. Đó là những thông tin không dễ dàng kiểm soát, có thể gây tác hại ở những mức độ khác nhau cho người sử dụng.

Tất cả những hiện tượng trên đây có thể xem là những biểu hiện tiêu cực, những mặt trái nảy sinh trong quá trình giao lưu và hội nhập. Tuy chúng ta đã chủ động nhìn nhận trước, chủ động đối mặt với những khó khăn và thách thức đặt ra trong quá trình phát triển, nhưng dẫu sao đó vẫn là những hiện tượng đáng lo ngại, đòi hỏi toàn xã hội, trước hết là ngành Văn hóa phải có đối sách kịp thời.

Trên phương diện lý luận, trong những năm qua, Nhà nước đã đầu tư kinh phí để tiến hành những chương trình, đề tài nghiên cứu có tính chất trọng điểm quốc gia về văn hóa và phát triển; văn hóa, con người và lối sống; văn hóa trong kinh doanh,... Với những đề tài này, nhiều phương diện quan trọng của văn hóa, nhiều quan điểm lớn của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa đã được nghiên cứu, triển khai và làm sáng tỏ. Trong đó, các quan điểm xung quanh vấn đề tiếp thu có chọn lọc các yếu tố tích cực, tiến bộ của văn hóa nhân loại; vấn đề giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; vấn đề giáo dục thị hiếu văn hóa cho thanh thiếu niên,... đã được quán triệt bước đầu.

Song, trong hoạt động thực tiễn, nhất là thực tiễn chỉ đạo và quản lý văn hóa còn tồn tại nhiều vấn đề.

Về nguyên tắc, cần phân biệt sự khác nhau giữa hội nhập và mở cửa ở lĩnh vực kinh tế với hội nhập và mở cửa ở lĩnh vực văn hóa. Bởi vì văn hóa là một lĩnh vực đặc thù. Trong khi phân biệt hai lĩnh vực này, đương nhiên thái độ cần tránh là bảo thủ, tự tôn hoặc tự ti quá mức hoặc thiếu hiểu biết về cả hai lĩnh vực. Còn thái độ cần có là thái độ bình tĩnh khoa học để gạt bỏ những yếu tố tiêu cực và phát huy những yếu tố tích cực trong quá trình hội nhập và giao lưu cũng như trong quá trình phát triển.

Để đạt được mục tiêu xây dựng nền văn hóa theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, vấn đề trau dồi bản lĩnh văn hóa cho mỗi cá nhân và cho cả cộng đồng là vô cùng cần thiết. Nó phải được coi là điều kiện, là tiền đề cho sự giao lưu và phát triển. Thiếu bản lĩnh văn hóa thì *nguy cơ* sẽ lấn át *thời cơ*, những giá trị đích thực sẽ không được phát hiện và nuôi dưỡng trong khi những mầm mống tiêu cực lại tự do lây lan, tự do nảy nở mà không được kiềm chế.

Kinh nghiệm lịch sử của nước ta cho thấy trong giao lưu văn hóa, dù dưới hình thức áp đặt hay tự nguyện, khi ý thức dân tộc được đề cao thì việc tiếp thu hay loại bỏ một yếu tố nào đó bao giờ cũng được thực hiện trên tinh thần vì lợi ích dân tộc. Vì vậy, đối với những biểu hiện sốc nổi trong các ứng xử văn hóa hiện nay, nếu chỉ giải quyết bằng biện pháp hành chính thì hiệu quả có thể nhanh nhưng không cơ bản và lâu dài. Vấn đề là ở chỗ áp dụng giải pháp giáo dục nào để đạt được hiệu quả mong muốn trong ý thức văn hóa của mỗi người. Đó chính là cách *tạo ra và bảo vệ các giá trị văn hóa bằng chính văn hóa*.

Từ năm 1986 đến nay, công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và văn học, nghệ thuật. Thành tựu đó được lý giải bởi nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng được biết đến là tinh thần chủ động hội nhập, tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế. Trong bối cảnh đó, văn học và văn hóa Việt Nam tự cho thấy là một thực thể năng động vừa hướng tới giá trị dân tộc bền vững, vừa hướng tới các giá trị quốc tế và khu vực có tính phổ biến để xác định nguyên lý cho sự phát triển.

Trong quá trình này, dịch thuật khoa học và dịch thuật văn hóa, văn chương đang thực sự đóng vai trò là công cụ trí tuệ để hiểu biết về thế giới, rút ngắn các khoảng cách và nâng cao vị thế của văn học, văn hóa dân tộc. Với tư cách là thành tố quan trọng trong cấu trúc tổng thể văn hóa, văn học (bao gồm cả văn học dân gian và văn học viết) luôn luôn có mối quan hệ hữu cơ, bền chặt với các ngành nghệ thuật khác như sân khấu, điện ảnh, hội họa... Trong lịch sử phát triển của mình, các bộ môn nghệ thuật này vừa được sáng tạo *theo ý thức văn hóa* với các đặc trưng, đặc thù riêng, vừa được thừa hưởng những giá trị văn học độc đáo, coi đó như một nguồn cảm hứng, một miền đất hứa của sáng tạo nghệ thuật. Hiện đang có không ít những giá trị văn học của dân tộc này được các dân tộc khác biết đến và lĩnh hội thông qua các tác phẩm sân khấu và điện ảnh chuyển thể và dàn dựng từ tác phẩm văn học. Trong các trường hợp đó, hiệu ứng giao lưu văn học được khuếch đại lên nhiều lần.

Vào những thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, khi quá trình hội nhập quốc tế diễn ra như một xu thế không thể đảo ngược, một mặt nó chi phối sâu sắc đến tiến trình vận động và phát triển của văn hóa, văn học, nghệ thuật ở các quốc gia, các khu vực của thế giới; mặt khác, nó dẫn đến nguy cơ rạn vỡ, tan biến của những nền

văn hóa thiếu bản lĩnh... thì vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc được đặt ra như một yêu cầu sống còn của nền văn hóa. Dường như sau nhiều thế kỷ nỗ lực để hội nhập, đến lúc này các quốc gia mới thức tỉnh để nhận biết nguy cơ bị hòa tan về văn hóa.

Mặc dù cho đến nay, trước các câu hỏi: Có hay không có văn hóa toàn cầu? Có hay không có toàn cầu hóa văn hóa?... vẫn đang còn nhiều cách lý giải khác nhau xuất phát từ thực tế ở mỗi quốc gia và mỗi nền văn hóa vẫn luôn luôn được các nhà nghiên cứu ở các quốc gia quan tâm lý giải. Tuy trong văn hóa nhân loại có những *hằng số chung*, những giá trị chung, nhưng nó sẽ trở nên đơn điệu và nghèo nàn khi mất đi dấu ấn của mỗi nền văn hóa riêng biệt. Trong các báo cáo thường niên của các tổ chức quốc tế như UNDP, UNESCO,... luôn có những chỉ số và cảnh báo các nguy cơ về văn hóa. Nhất là từ sau khi cuốn sách nổi tiếng *Sự va chạm giữa các nền văn minh* của tác giả Mỹ S. Huntington ra đời, gây nên những phản ứng khác nhau từ nhiều phía thì giới nghiên cứu văn hóa và chính trị hiện đại càng quan tâm nhiều hơn đến những diễn biến tư tưởng chính trị có nguồn gốc từ văn hóa đang diễn ra tại nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Qua trao đổi, tranh luận có thể thấy thái độ dân tộc cực đoan và thái độ cực đoan văn hóa đã được dành cho một sự phê phán thoả đáng cũng giống như thái độ sô vanh văn hóa từng xuất hiện ở một số nơi trên thế giới vào các hoàn cảnh nhất định.

Trong một bối cảnh quốc tế như vậy, vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc ở Việt Nam được đặc biệt quan tâm. Vốn là một quốc gia đa dân tộc, mỗi dân tộc có một nền văn hóa riêng độc đáo, làm thế nào để vừa giữ gìn, phát huy được sắc thái văn hóa riêng của từng dân tộc, vừa đạt được sự thống nhất hài hòa trong tổng thể văn hóa chung của quốc gia là vấn đề hết sức khó khăn và phức tạp, đòi hỏi không chỉ trình độ nhận thức lý luận, trình độ am hiểu văn hóa mà còn đòi hỏi khả năng quản lý và hoạt động thực tiễn cao.

Quan sát các lĩnh vực khác nhau của đời sống văn hóa và văn học, nghệ thuật những năm qua, có thể dễ dàng nhận thấy những dấu hiệu lúng túng, va vấp xung quanh việc xử lý mối quan hệ giữa *tính dân tộc* và *tính hiện đại* trong thực tiễn và tư duy sáng tạo, biểu hiện ở ba dạng thức sau:

- Dạng thức thứ nhất là sự đối lập giữa *dân tộc* và *hiện đại*, xem đó là hai khái niệm ngược nghĩa, hai hướng tìm tòi, khám phá không thuận chiều. Từ nhận thức này dẫn đến hiện tượng để hiện đại hóa thì phải phản bác lại truyền thống, xao lãng các giá trị dân tộc, thậm chí công kích hoặc khước từ cả hai. Thực ra, thái độ này có thể phù hợp trong một thời điểm cụ thể nào đó chứ không thể phù hợp trong cả quá trình. Lịch sử văn học Việt Nam hiện đại từng xảy ra hiện tượng để cổ xúy cho *Thơ mới* ra đời vào năm 1932, các nhà cách tân đã tấn công vào Tản Đà, xem ông là thành trì cuối cùng của thơ truyền thống dân tộc. Nhưng chỉ sau đó ít năm, khi cuộc cách tân bỗng bật qua đi, với tư cách là người đại diện cho phong

trào Thơ mới, Hoài Thanh đã phải cảm khái đọc *Cung chiêu anh hồn Tản Đà* để tạ lỗi với tiên sinh về những lầm tưởng của các thi hữu khi phong trào đột khởi. Nhìn vào văn học dân tộc thời kỳ 1932-1945 có thể thấy quá trình hiện đại hóa không phải là quá trình phân giải, tan rã mà là quá trình trở lại của các giá trị truyền thống của văn học dân tộc. Như vậy, *hiện đại* và *dân tộc* không phải là phạm trù ngược nghĩa, bài xích, loại trừ nhau, mà là các phạm trù có khả năng dung nạp nhau để cùng tồn tại và phát triển.

Trong văn học Việt Nam những năm gần đây, đặc biệt là ở lĩnh vực sáng tác thơ cho thấy có những biểu hiện nhân danh hiện đại, nhân danh lý thuyết, mượn có hiện đại để phản ứng lại truyền thống bằng cách đưa ra những sản phẩm thơ phá cách, đọc lên không ai hiểu gì cả. Có người tán tụng như thế mới là tân kỳ, là mới, là tránh đi lại lối mòn... Thực chất đó là sản phẩm của trường phái *cấu trúc hình thức* và các trường phái hiện đại chủ nghĩa khác đã xuất hiện từ những thập niên đầu của thế kỷ XX.

- Dạng thức thứ hai là sự đồng nhất *hiện đại* với *quốc tế*. Dạng thức này giống dạng thức thứ nhất ở chỗ xem *hiện đại* là hướng ngược chiều với *dân tộc* nên chỉ chú trọng hướng ra quốc tế, tìm ở bên ngoài những cái có thể vay mượn, tiếp thu hoặc bắt chước. Kết quả mang lại phần nhiều giống như một thứ cây lai ghép không thuần chủng. Phương châm này chỉ đúng với những gì không có hoặc có một cách chưa hoàn chỉnh như opera hoặc nhạc giao hưởng chẳng hạn. Còn đối với các loại hình nghệ thuật dân tộc như chèo và tuồng thì sự vay mượn bên ngoài không phải là hướng tìm kiếm có hiệu quả. Thật khó tưởng tượng một diễn viên mặc quần bò hay mặc comle để diễn chèo! Mặc dù vào đầu thế kỷ XX, chèo tiến từ sân đình làng quê ra sân khấu hộp ở *Sân Nhiên đài* - Hà Nội được xem là một cuộc cách mạng theo hướng hiện đại hóa, nhưng tôi nghĩ, ngày nay mang chèo vào diễn ở những sân khấu như sân khấu Nhà hát lớn Hà Nội là không hợp. Nó cần một sân khấu phù hợp với bản chất phóng khoáng, cởi mở của nó để diễn, để thưởng thức, giao lưu và tiếp nhận.

Thực ra, *hiện đại* không phải là cái nằm ngoài *hệ giá trị dân tộc*. Trong không ít lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật hiện nay, càng khai thác, tìm tòi càng khơi lại nguồn mạch dân tộc bao nhiêu thì càng đáp ứng được nhu cầu tinh thần của con người hiện đại bấy nhiêu.

- Dạng thức thứ ba là đồng nhất *dân tộc* với *truyền thống*. Trong một nền văn hóa có lịch sử lâu đời và đa dạng như nước ta, có những *giá trị truyền thống* đồng thời là *giá trị dân tộc*, nhưng cũng có những *giá trị truyền thống* không đồng thời là *giá trị dân tộc*. Không thể phủ nhận được rằng trong suốt chiều dài lịch sử, ảnh hưởng tư tưởng học thuật và văn hóa từ trung tâm lớn là Trung Hoa và Ấn Độ hết sức sâu sắc, hình thành nên *dấu ấn truyền thống* trong đời sống văn hóa Việt Nam mà nhìn từ góc độ dân tộc không dễ nhận ra.

Vì vậy, đồng nhất dân tộc với truyền thống, trên một phương diện cụ thể nào đó là không phù hợp. Trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng ngày nay, nhiều hiện tượng chỉ có thể giải thích bằng *đặc điểm truyền thống* chứ không thể giải thích bằng *đặc điểm dân tộc*.

Trên đây là một vài suy nghĩ xung quanh mối quan hệ giữa phạm trù *dân tộc* và *hiện đại* của văn hóa và văn học, nghệ thuật trong xu thế giao lưu và hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ ba dạng thức đã nêu, tôi đề nghị nên có sự cân nhắc, điều chỉnh lại các cặp khái niệm: *dân tộc và hiện đại, truyền thống và hiện đại* mà lâu nay ta vẫn dùng thành *dân tộc và quốc tế, truyền thống và hiện đại*. Như vậy vừa chính xác hơn, vừa dễ xử lý hài hòa các mối quan hệ giữa các cặp khái niệm trong quá trình tư duy sáng tạo.

PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

PGS.TS. NGUYỄN DUY BẮC*

1. Văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu, khách quan, ngày càng gia tăng mạnh mẽ, nhất là khi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bùng nổ. Đây là quá trình hợp tác, đấu tranh để phát triển; đòi hỏi vừa phải tăng cường đối thoại, hợp tác với những nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế vừa phải đấu tranh kiên quyết, kiên trì nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế dẫn đến toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về văn hóa, đòi hỏi cơ bản và cấp thiết là vừa phải bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc vừa coi trọng và bảo vệ sự đa dạng văn hóa trên phạm vi toàn thế giới. Việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; giữa phát triển văn hóa dân tộc và hội nhập quốc tế về văn hóa sẽ làm phong phú cho văn hóa đất nước, thúc đẩy văn hóa dân tộc phát triển.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, “Chúng ta có dịp tiếp xúc rộng rãi với những thành tựu văn hóa nhân loại, đồng thời giới thiệu với nhân dân các nước những giá trị tốt đẹp, độc đáo của văn hóa Việt Nam”¹. Chúng ta có điều kiện tiếp thu và vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới về văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới, các kinh nghiệm của quốc tế trong quản lý văn hóa, xã hội để phát triển bền vững đất nước. Tuy nhiên, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng đang đặt văn hóa dân tộc trước những thách thức, những “nguy cơ bất ổn”. Đó là khuynh hướng phổ biến các mô típ văn hóa chung toàn cầu. Khuynh hướng đó có thể sẽ dẫn đến sự “đồng nhất” các giá trị văn hóa, san bằng, “đồng hóa” các nền văn hóa của các dân tộc. Quá trình toàn

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.45.

cầu hóa sẽ có nguy cơ đe dọa xóa bỏ sự khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia, dân tộc, giữa các vùng, các khu vực, làm nghèo sự đa dạng của bức tranh văn hóa nhân loại. Nguy cơ đồng nhất hóa các hệ thống giá trị và truyền thống dẫn đến việc tự xóa bỏ ý thức dân tộc, đe dọa làm cạn kiệt khả năng sáng tạo của các nền văn hóa - nhân tố được coi là hết sức quan trọng đối với sự tồn tại lâu dài của các dân tộc và nhân loại. Tổng Giám đốc UNESCO đã cảnh báo: “Xu hướng toàn cầu hóa có thể gây phương hại tới tính sáng tạo và đa dạng văn hóa của thế giới, tạo ra sự đồng nhất nghèo nàn về văn hóa”¹.

Văn hóa là yếu tố chính trong lý thuyết “Quyền lực mềm” của GS. Joseph Nye. Giá trị văn hóa quốc gia sẽ trở thành sức mạnh mềm phổ quát, khi thúc đẩy các giá trị và lợi ích chung mà các quốc gia, dân tộc cùng chia sẻ. Từ đó, cho thấy phát triển văn hóa dân tộc không chỉ là bảo tồn những giá trị truyền thống mà còn là phát huy giá trị, tinh hoa của văn hóa dân tộc ra thế giới, cũng như cần thiết phải định hình được vị trí, vai trò, đóng góp của văn hóa dân tộc trong dòng chảy lịch sử văn hóa nhân loại hiện tại và tương lai. Vì vậy, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã yêu cầu: “Khẩn trương (...) xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam (...) từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới”². Đồng thời cần nhận thức sâu sắc quan điểm “Bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay là bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc”³ để chủ động ứng phó với sự xâm lăng văn hóa, đồng hóa văn hóa có nguy cơ ngày càng thâm độc và tinh vi hơn. Bởi với tiềm lực kinh tế, quân sự, công nghệ và truyền thông hiện đại, một số thế lực cường quyền vẫn đang ra sức thực hiện âm mưu xâm lược, chuyển hóa chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa ở những quốc gia, dân tộc khác bằng “quyền lực mềm”, khi mà việc sử dụng “quyền lực cứng” tỏ ra không thành công như mong đợi.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự hội tụ giữa vật lý, công nghệ thông tin, công nghệ số và công nghệ sinh học mang lại cơ hội lớn cho các nước đang phát triển nói chung, trong đó có Việt Nam để có thể rút ngắn quá trình phát triển bằng cách “đi tắt, đón đầu”, phát triển nhảy vọt lên công nghệ cao hơn. Đây là cơ hội để nước ta nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh của các ngành, nghề truyền thống cũng như việc tiếp cận thị trường thế giới trên nền tảng số/Internet để tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững với giá trị gia tăng cao trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang và sẽ

1. Dẫn theo Báo *Nhân Dân*, ngày 4/4/1998.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.145-147.

3. Lê Khả Phiêu: “Diễn văn kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam”, Báo *Nhân Dân*, ngày 3/2/2000.

mang lại cơ hội cho phát triển nền kinh tế số, xã hội số, văn hóa số, sản xuất và dịch vụ thông minh; các loại hình kinh tế, công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa, du lịch, dịch vụ, tài chính, ngân hàng, logistics, robotics... thông minh hóa. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn giúp tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất, quản lý, mang lại lợi ích to lớn cho Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Cần “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”¹.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, con người. Kết nối Internet vạn vật, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây,... giúp hình thành nền kinh tế số, xã hội số và văn hóa số; mọi người được tiếp cận và khai thác lượng thông tin đồ sộ của toàn nhân loại. Các phương tiện truyền thông xã hội (Facebook, Twitter, YouTube, Instagram, Tiktok,...) đã trở thành hiện tượng văn hóa mới, diễn ra các hoạt động thông tin, văn hóa đa dạng và phong phú, chứa đựng nhiều giá trị và cả phản giá trị, lan tỏa sức mạnh mềm văn hóa và hạn chế, phá hoại sức mạnh mềm văn hóa quốc gia...

Việc hình thành các phương tiện truyền thông xã hội, các phương thức mới liên kết xã hội trong môi trường mạng đang đặt ra những vấn đề mới trong công tác quản lý, phát triển văn hóa, thông tin. Cần chủ động sử dụng và phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông truyền thống và các phương tiện truyền thông hiện đại trong tổ chức các hoạt động văn hóa để thích ứng sự thay đổi nhanh chóng của khoa học công nghệ.

Ngày nay, chúng ta nói nhiều đến phát triển công nghiệp sáng tạo, “công nghiệp văn hóa” trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bùng nổ. Phát triển ngành “công nghiệp văn hóa” đang là xu thế lớn và quan trọng trong chính sách văn hóa của các nước trên thế giới và nước ta hiện nay. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã xác định: “Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa”². Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nêu lên yêu cầu mới là: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.214.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.130.

manh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới”¹. Tuy nhiên, cần nhận thấy mặt trái của công nghệ, những thay đổi về cách thức giao tiếp, thông tin và văn hóa trên Internet cũng đặt con người và văn hóa xã hội gặp nhiều nguy hiểm, bất trắc, khó lường... Chúng ta sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, nhất là trong các lĩnh vực an ninh mạng, an ninh văn hóa, an ninh con người, an ninh phi truyền thống, quyền sở hữu trí tuệ, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia... Các phương tiện truyền thông xã hội, mạng viễn thông, Internet tạo thuận lợi cho giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời cũng là nơi diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt để bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ thể chế chính trị, an ninh quốc gia, an ninh văn hóa, an ninh con người... Mặt trái của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn có thể gây ra sự bất bình đẳng về văn hóa, xã hội. Nó có thể phá vỡ thị trường lao động truyền thống, có thể làm gia tăng mức chênh lệch về cơ hội tiếp cận công nghệ và phúc lợi xã hội về văn hóa của các nhóm dân cư; nó có thể làm gia tăng sự xâm nhập của các hiện tượng phản văn hóa, phi văn hóa, phi nhân tính không phù hợp với nền tảng tinh thần của chế độ xã hội chủ nghĩa; âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đòi hỏi cần gia tăng sức đề kháng và sự chủ động ứng phó, kiểm soát tốt.

2. Phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Việt Nam là đất nước có nền văn hóa, văn hiến lâu đời, có bề dày truyền thống hàng nghìn năm. Nền văn hóa đó có hệ giá trị và bản sắc riêng và không bị đồng hóa bởi bất kỳ kẻ thù xâm lược nào. Hệ giá trị và bản sắc đó đã tạo nên sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam. Trong một thế giới đa dạng về văn hóa, bản sắc quốc gia (*National Identity*), bản sắc văn hóa của từng quốc gia, dân tộc có vai trò quan trọng trong việc phát triển và xây dựng đất nước đó từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Bản sắc văn hóa tuy rất sâu sắc nhưng cũng không phải là bất biến, nó có thể vận động, bổ sung, phát triển để phù hợp hơn với thực tiễn sống động, bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Vì vậy, cần coi trọng việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại; cân nhắc, lựa chọn, tiếp thu những giá trị khoa học, hợp lý, nhân văn, tiến bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn, lịch sử truyền thống văn hóa dân tộc, phù hợp với thể chế chính trị và nền tảng tinh thần của chế độ xã hội chủ nghĩa.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.145.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, bên cạnh việc phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia (về chính trị, kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, con người, nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...) thì nguồn lực văn hóa đang được nhiều quốc gia coi là một “sức mạnh mềm” quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị trí, vai trò trên trường quốc tế. Thuật ngữ “sức mạnh mềm”, “phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam” lần đầu tiên xuất hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam và sức mạnh con người Việt Nam đã trở thành cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa dân tộc, là sức mạnh nội sinh, là nguồn lực và động lực to lớn của đất nước trong phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Trong thời gian tới, để “tích cực, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa”, “phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam”, “từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới”, như tinh thần Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra, cần quan tâm thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Một là, quan tâm chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã xác định: “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa”¹. Cần đặc biệt coi trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa truyền thống (bác học và dân gian) đã được cha ông ta sáng tạo và gìn giữ qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Đó là “vẻ đẹp tự nhiên đặc biệt và có tầm quan trọng về mặt thẩm mỹ” của các di sản thiên nhiên, công viên địa chất, công viên sinh thái trên mọi miền của Tổ quốc... Tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa và di sản thiên nhiên thế giới đã được Tổ chức UNESCO công nhận trong những năm qua, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, trình UNESCO xem xét, công nhận di sản văn hóa và di sản thiên nhiên thế giới cho những di sản văn hóa và di sản thiên nhiên Việt Nam “có giá trị phổ quát nổi bật”, “là minh chứng độc đáo cho truyền thống văn hóa hoặc một nền văn minh đang tồn tại, đã biến mất, hoặc có nguy cơ bị biến mất”... là con đường ngắn nhất để lan tỏa sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam ra bên ngoài, đồng thời cũng sẽ tạo ra nguồn lực trực tiếp cho

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Sđd, tr.63.

phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch, dịch vụ ở nhiều địa phương nước ta. Cần có cơ chế và giải pháp nhằm xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc với việc xây dựng nền văn hóa và con người mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Hai là, sáng tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa mới có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao trên nền tảng văn hóa truyền thống và cách mạng Việt Nam

Đây là một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu để tiếp tục gia tăng thêm cơ tầng sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam và lan tỏa sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam ra thế giới. Khuyến khích tìm tòi, thể nghiệm mọi phương pháp và phong cách sáng tạo văn hóa vì mục đích đúng đắn và lành mạnh. Quan tâm phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa đương đại phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh. Phấn đấu có nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần yêu nước, tiến bộ, dân chủ, nhân văn, làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam đương đại trong giao lưu và hội nhập quốc tế. Tạo động lực cho các văn nghệ sĩ, nhà văn hóa, khoa học, giáo dục sáng tạo nhiều hơn những công trình văn hóa, nghệ thuật, khoa học, công nghệ,... mang dấu ấn vượt thời gian, có tầm ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế, thể hiện những mối quan tâm chung của nhân loại, góp phần giải quyết các vấn đề có tính toàn cầu và thực hiện mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc; đấu tranh với các hành vi, hoạt động chống lại loài người, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình, hợp tác phát triển, bảo đảm an ninh mạng, an ninh văn hóa, an ninh con người, bảo đảm quyền con người, phòng chống biến đổi khí hậu, dịch bệnh,... Đồng thời kiên quyết phê bình, đấu tranh với những sản phẩm “sáng tạo” phản văn hóa, mất gốc, sùng ngoại... nhân danh “đổi mới”, “hội nhập quốc tế”; chủ động nâng cao sức đề kháng của các tầng lớp nhân dân đối với các văn hóa phẩm ngoại lai, độc hại.

Khẩn trương nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời đại mới, làm cơ sở, định hướng cho sáng tạo văn hóa thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, khi mà “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”¹.

Ba là, lan tỏa giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các danh nhân văn hóa Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, là biểu tượng sáng ngời của sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trong kỷ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.25.

nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta (...) Người là tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, cho ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam suốt bốn nghìn năm lịch sử (...) Hồ Chủ tịch là tượng trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản”¹. Cần tổ chức tuyên truyền, giới thiệu sâu rộng, thường xuyên, liên tục và có hệ thống bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng các nội dung chủ yếu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta và nhân dân thế giới; làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ngày càng thâm nhập sâu rộng, bền chặt trong đời sống tinh thần của xã hội, trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế. Có thêm nhiều hình thức tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nước ngoài (xây dựng tượng đài, công viên, bảo tàng, nhà lưu niệm, viện nghiên cứu... mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh; tổ chức triển lãm, hội thảo quốc tế, xuất bản ấn phẩm, phim ảnh, sáng tác thơ ca về cuộc đời, sự nghiệp của Người). Tổ chức tuyển chọn, biên dịch, xuất bản các tác phẩm tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra tiếng nước ngoài (Trung Quốc, Anh, Nga, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Lào,...). Tiếp tục đẩy mạnh giới thiệu tiểu sử, sự nghiệp và trước tác của các danh nhân tiêu biểu của dân tộc Việt Nam như Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi; Đại thi hào Nguyễn Du; Danh nhân văn hóa, Nhà giáo Chu Văn An; Đại tướng Võ Nguyên Giáp và nhiều danh nhân lịch sử, văn hóa, chính trị, quân sự, tiêu biểu của dân tộc ta..., làm lan tỏa, củng cố giá trị văn hóa Việt Nam trong lòng nhân dân thế giới.

Bốn là, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và ngoại giao văn hóa, tích cực chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại (...) Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế (...) Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia (...) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực xã hội, môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, du lịch và các lĩnh vực khác”²; “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Việt Nam thành địa chỉ

1. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất, đọc tại Lễ truy điệu trọng thể Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 9/9/1969.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.161-164.

hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa quốc tế phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đồng thời chủ động nâng cao sức đề kháng của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên đối với các văn hóa phẩm ngoại lai độc hại¹. Cần tích cực triển khai thực hiện các quan điểm chỉ đạo nói trên bằng các kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân; các hoạt động văn hóa nói chung và ngoại giao văn hóa nói riêng để lan tỏa tinh thần cởi mở, chân thành, thân thiện, yêu hòa bình, hòa hiếu, hữu nghị, hợp tác, tình nghĩa, trong sáng, thủy chung với bạn bè, đối tác, trách nhiệm với cộng đồng quốc tế của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam. Cần nhận thức sâu sắc, công tác đối ngoại và ngoại giao văn hóa không chỉ là nhiệm vụ riêng của ngành ngoại giao, ngành Văn hóa mà phải là nhiệm vụ của tất cả các bộ, ban, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, của tất cả các tổ chức và cá nhân trong nước, cơ quan đại diện và người Việt Nam ở nước ngoài. Thông qua hoạt động đối ngoại và ngoại giao văn hóa để phổ biến và lan tỏa hình ảnh đất nước, văn hóa, lịch sử, con người Việt Nam trong lịch sử, nhất là về thời đại Hồ Chí Minh, thời đại vinh quang, vẻ vang nhất của dân tộc Việt Nam; giúp các nước, các tổ chức quốc tế và nhân dân thế giới hiểu biết, yêu mến, ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ Việt Nam phát triển; ủng hộ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam; tăng cường mở rộng đầu tư, kinh doanh, du lịch vào Việt Nam... Đồng thời các hoạt động đối ngoại và ngoại giao văn hóa cũng giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta có hiểu biết nhiều hơn về các nền văn hóa trên thế giới; tiếp thu, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm quốc tế, nâng cao năng lực làm việc trong môi trường quốc tế.

Năm là, tập trung đầu tư phát triển mạnh ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa

Theo Tổ chức UNESCO: “Công nghiệp văn hóa xuất hiện khi các hàng hóa và dịch vụ văn hóa được sản xuất và tái sản xuất, được lưu trữ và phân phối trên dây chuyền công nghiệp và thương mại, tức là trên quy mô lớn”². Vì vậy, ở nhiều quốc gia trên thế giới, công nghiệp văn hóa đã trở thành một trong những ngành kinh tế - văn hóa mũi nhọn, góp phần to lớn vào việc phát triển kinh tế, văn hóa và quảng bá sức mạnh mềm quốc gia.

Các sản phẩm công nghiệp văn hóa (quảng cáo, kiến trúc, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, thiết kế, điện ảnh, báo chí, xuất bản, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, truyền hình và phát thanh,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.147.

2. Dẫn theo PGS.TS. Vũ Đức Thanh - TS. Hoàng Khắc Lịch: “Công nghiệp văn hóa”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 7/2016.

du lịch văn hóa...) khi ra khỏi biên giới quốc gia sẽ không chỉ đơn thuần là những sản phẩm, hàng hóa văn hóa thông thường mà còn là biểu tượng, bản sắc, hình ảnh, thương hiệu quốc gia, thể hiện sức mạnh mềm của văn hóa quốc gia trong giao lưu và hội nhập quốc tế. Do đó, cần có chiến lược, kế hoạch phát triển có trọng điểm, trọng tâm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa. Đổi mới công tác quản lý nhà nước, hoàn thiện hành lang pháp lý cho ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa. Nhà nước cần hỗ trợ, đầu tư, tài trợ mạnh mẽ cho các sản phẩm công nghiệp văn hóa mang bản sắc dân tộc và xem đó như là loại hàng hóa xuất khẩu đặc biệt làm nên giá trị quốc gia trên trường quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng các hình thức hợp tác, đối tác công - tư trong đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa. Tạo điều kiện để các nhà văn hóa, các doanh nghiệp đẩy mạnh sáng tạo công nghiệp văn hóa Việt Nam; thể hiện sâu sắc, tinh tế tinh thần dân tộc, lòng tự hào, tự tôn dân tộc để lan tỏa ra với thế giới; sớm khắc phục tình trạng “nhập siêu” các sản phẩm công nghiệp văn hóa nước ngoài. Tiếp thu, vận dụng có hiệu quả các kinh nghiệm quản trị và thành tựu mới của các ngành công nghiệp văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới để phát triển mạnh mẽ ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, gia tăng sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong quá trình giao lưu và hội nhập quốc tế hiện nay.

Sáu là, phát triển mạnh du lịch - ngành kinh tế - văn hóa mũi nhọn

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh, một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chính sách phát triển bền vững đất nước là: “Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, phấn đấu đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn”¹. Phát triển du lịch cũng chính là cách thức, là con đường để phát huy sức mạnh mềm văn hóa mà nhiều quốc gia đã và đang lựa chọn hiệu quả. Du lịch, nhất là du lịch văn hóa góp phần rất quan trọng trong việc khai thác và phát huy giá trị văn hóa dân tộc cho tăng trưởng và phát triển bền vững; làm cho du khách quốc tế đến tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng, đầu tư, kinh doanh,... hiếu và yêu mến hơn đất nước, văn hóa và con người Việt Nam. Cần đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài để phát triển mạnh các loại hình và sản phẩm du lịch, nhất là du lịch văn hóa. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch để có thể sản xuất và chuyển tải được tối đa hàm lượng văn hóa dân tộc vào trong các loại hình và sản phẩm du lịch. Làm tốt hơn nữa công tác quảng bá du lịch, các chiến lược truyền thông du lịch phải hướng tới việc xây dựng thương hiệu, biểu trưng quốc gia với hình ảnh đất nước, văn hóa và con người Việt Nam - điểm đến tươi đẹp, thân thiện, hấp dẫn và an toàn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.145-146.

Để phát triển du lịch bền vững, thúc đẩy giao lưu và hội nhập quốc tế, cũng cần quan tâm bảo đảm an ninh du lịch, “bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau”¹; xây dựng hạ tầng du lịch văn minh, hiện đại, đồng bộ và tương xứng với hạ tầng kinh tế - xã hội; gắn kết chặt chẽ với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Có thể nhận thấy, sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam là một thành tố quan trọng cấu thành nên sức mạnh tổng hợp quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu. Vì vậy, cần có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất với các giải pháp toàn diện, đồng bộ để lan tỏa sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trong hợp tác, giao lưu, hội nhập quốc tế. Các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là các ngành Văn hóa, giáo dục, đối ngoại cần đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, chân thực và sâu sắc, sinh động, thuyết phục về đất nước, văn hóa và con người Việt Nam trong truyền thống lịch sử, trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong công cuộc đổi mới vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.146.

CÔNG DÂN SỐ VÀ VĂN HÓA SỐ

GS.TS. PHẠM TẮT DONG*

Ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình “Chuyển đổi số quốc gia. Thời gian triển khai chương trình tuy chưa nhiều, nhưng nhiều bộ, ban, ngành và đoàn thể đã có nhiều hoạt động cụ thể về chuyển đổi số trong lĩnh vực chuyên sâu của mình.

Là người có trách nhiệm trong việc xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo Kết luận 49-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (10/5/2019) và Quyết định 1373/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, chúng tôi thấy trong mối quan hệ “công dân số - văn hóa số” đang có nhiều điều cần quan tâm giải quyết. Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là một cơ hội thuận lợi để chúng tôi trình bày vấn đề đang nghiên cứu nhằm góp phần khiêm tốn vào nội dung của Hội nghị quan trọng này.

1. Không gian mạng

Trong các loại hình không gian công cộng, không gian mạng (Cyberspace) có kích thước vượt trội, có những đặc điểm kết nối riêng biệt, thuật ngữ “mạng” (Cyber) ở đây là một tiền tố chỉ những hoạt động liên quan tới điện tử và máy tính. Do vậy, không gian mạng được hiểu là *một lĩnh vực hoạt động được dựng lên bởi việc sử dụng các thiết bị điện tử nhằm khai thác thông tin thông qua các hệ thống được kết nối với nhau và cơ sở hạ tầng có liên quan của chúng.*

Khái niệm không gian mạng còn được dùng để chỉ mạng lưới toàn cầu của các cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phụ thuộc lẫn nhau gồm các mạng viễn thông và hệ thống những máy tính.

Chúng ta đã từng làm quen với thuật ngữ “không gian mạng” từ những năm 90 của thế kỷ XX khi tiếp cận với Internet, một thành quả kỹ thuật có ý nghĩa quyết định chuyển nền kinh tế công nghiệp (Industrial Economy) sang nền kinh tế tri thức (Knowledge Economy) do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba mang lại, và kết

* Hội Khuyến học Việt Nam.

quả là xã hội công nghiệp (xã hội 2.0) được thay thế bằng xã hội thông tin (xã hội 3.0). Đến nay, vào đầu thập kỷ thứ ba của thế kỷ XXI, không gian mạng đã phát triển mạnh dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xã hội thông minh (Smart Society) đang dần hình thành rõ nét.

Tham gia vào không gian mạng là một trải nghiệm xã hội, trong đó các cá nhân có thể tương tác, trao đổi ý kiến, chia sẻ thông tin, cung cấp các hỗ trợ xã hội, tranh luận và đánh giá những hiện tượng, những sự kiện có liên quan đến đạo đức, chính trị, giáo dục, kinh doanh, những xung đột quân sự, chiến tranh cục bộ hay chiến tranh lạnh, những va chạm về chính kiến và những đối đầu về văn hóa...

Không gian mạng mở rộng phạm vi ra toàn cầu, do đó, phương thức ứng xử của con người trong không gian mạng hoàn toàn phải tuân thủ những nghi thức, những luật định riêng, không như phương thức ứng xử trong những không gian thực tế. Sự khác biệt trong cách ứng xử này chính là ở chỗ, không gian mạng là không gian xã hội trên Internet, là không gian hiện thực - ảo.

Không gian mạng đã, đang và sẽ ngày càng phát triển nhanh và mạnh nhờ những kết nối không dây 3G, 4G và 5G của các thiết bị ngày càng thông minh và của các dịch vụ điện toán đám mây. Trong các mối quan hệ xã hội, con người tương tác với các cá nhân, các tổ chức và với các dịch vụ thiết yếu ngày càng đa dạng hơn, tức thời hơn, đa chiều hơn. Các hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, vui chơi giải trí, chữa bệnh, mua bán, kinh doanh, v.v. đều có thể thực hiện được trong mọi lúc, mọi nơi. Là một không gian ảo, không gian mạng không có những rào cản đối với con người khi họ thực hiện những hành vi xã hội như trong không gian thực. Đó là một ưu thế của không gian ảo.

2. Cấu trúc của không gian mạng

2.1. Các mạng xã hội lớn nhất ở Việt Nam

Mạng xã hội (Social Networking Service), hay còn gọi là dịch vụ mạng xã hội, là một dịch vụ trên Internet, có tác dụng và tính năng lớn là kết nối người sử dụng có cùng sở thích với nhau với nhiều mục đích như trò chuyện, việc làm, kết bạn, chia sẻ ý kiến, kinh doanh hoặc trò chuyện trực tuyến (chat).

Các mạng xã hội thường được sử dụng nhiều ở Việt Nam là:

Facebook: Là một website mạng xã hội do công ty Facebook, Inc¹ điều hành và quản lý. Công ty này do Mark Zuckerberg và đồng sự thành lập.

1. Facebook, Inc: Công ty truyền thông xã hội và công nghệ Mỹ, trụ sở ở Menlo Park, California. Ngày 28/10/2021, CEO Mark Zuckerberg thông báo đổi tên Công ty Facebook thành Công ty Meta. Ứng dụng Facebook với gần 3 tỷ người dùng vẫn được giữ nguyên.

Instagram: Là phần mềm chia sẻ ảnh miễn phí, cho phép người dùng chụp ảnh trên điện thoại, thêm các bộ lọc hình ảnh, sau đó chia sẻ trên nhiều mạng xã hội.

Youtube: Là nền tảng chia sẻ video phổ biến, là nơi người dùng có thể tải lên hoặc tải video về máy tính, điện thoại và chia sẻ các video clip. Người dùng không đăng ký có thể xem được hầu hết các video ở trang, còn người dùng đăng ký được phép tải lên số lượng video vô hạn.

Zalo: Là ứng dụng đa chức năng hoạt động trên nền tảng di động và máy tính, được sử dụng tại Việt Nam, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Myanmar, Đài Loan, Hàn Quốc, Malaysia, Ả-rập Xê-út, Angola, Sri Lanka, Cộng hòa Séc, Nga.

Twitter: Là dịch vụ mạng xã hội trực tuyến miễn phí, cho phép người sử dụng đọc, nhấn tin và cập nhật các mẫu tin nhỏ gọi là tweets, một dạng tiểu blog. Những mẫu tweet được giới hạn tối đa 280 ký tự được lan truyền nhanh chóng trong phạm vi nhóm bạn của người nhận hoặc có thể được trưng rộng rãi cho mọi người.

Lotus: Là mạng xã hội đa nền tảng được phát hành bởi tập đoàn VCCorp¹, với mong muốn mạng đến một mạng xã hội dành cho người Việt.

Clip.vn: Là website chia sẻ video clip trực tuyến đầu tiên, được đánh giá là website chia sẻ video lớn nhất của Việt Nam, ra mắt sử dụng vào năm 2007. Clip.vn do Vega Corporation² sở hữu.

Flickr: Là trang mạng và bộ dịch vụ web chia sẻ hình ảnh, một nền tảng cộng đồng trực tuyến như một kiểu mẫu cho ứng dụng web 2.0. Flickr còn được nhiều người coi là một kho hình.

Nhaccuatui: Là ứng dụng nghe nhạc giải trí thuần túy. Các thao tác trên Nhaccuatui rất đơn giản, dễ sử dụng cho bất kỳ người nào dùng nó.

2.2. Trình duyệt web

Trình duyệt web là một ứng dụng phần mềm để truy cập thông tin trên World Wide Web³. Mỗi trang web, hình ảnh và video riêng lẻ được xác định bằng một URL⁴ riêng biệt, cho phép các trình duyệt truy xuất và hiển thị chúng trên thiết bị của người dùng.

Các trình duyệt được nhiều người sử dụng là:

Google: Là một công cụ trên Internet tại địa chỉ google.com, có chức năng phân phối thông tin. Muốn truy cập thông tin của Google, ta phải nạp các cụm từ hoặc các từ,

1. VCCorp là công ty CP VCCorp được thành lập vào năm 2006, đi tiên phong trong lĩnh vực công nghệ và thông tin số.

2. Vega Corporation: Nhà phát hành game uy tín với hơn 20 games hấp dẫn trên thị trường.

3. World Wide Web (www) là mạng lưới thông tin toàn cầu (hay một không gian thông tin toàn cầu).

4. URL (Uniform Resource Locator) được gọi thông thường là một địa chỉ web.

đôi khi nạp cả một đoạn văn mà mình muốn biết thêm thông tin vào Google. Từ đó, Google sẽ liệt kê các nguồn mà nó cho là có liên quan đến truy vấn của mình.

Chrome: Là một trình duyệt web miễn phí, được phát triển bởi Google (Google Chrome) sử dụng nền tảng V8engine¹. Dự án mã nguồn mở đứng sau Google Chrome được biết với tên là Chromium.

Firefox (gọi đầy đủ là Mozilla Firefox) là một trình duyệt web mã nguồn mở tự do, xuất phát từ gói ứng dụng Mozilla² Firefox là trình duyệt web phổ biến thứ hai trên thế giới.

Safari: Là một trình duyệt web được phát triển bởi tập đoàn Apple. Nó được cài đặt mặc định trên các máy Iphone, Ipad và Ipod touche.

2.3. Trang web tin tức

Trang web tin tức (website tin tức) là trang báo điện tử, được thiết kế chuyên biệt dùng để truyền tải những thông tin mới nhất của một lĩnh vực cụ thể nào đó hoặc đa dạng lĩnh vực trong cuộc sống hiện nay.

Các website tin tức thường được sử dụng nhiều là:

Yahoo: Là một tập đoàn đại chúng Hoa Kỳ, có một mạng lưới dịch vụ thông tin như Yahoo Mail, Yahoo Search, Yahoo New. Mạng lưới toàn cầu các website của Yahoo rất rộng lớn, hàng ngày có đến 3 tỷ lượt người truy cập.

Zing: Là cổng thông tin điện tử, Báo điện tử Zing là hệ thống dịch vụ, game online, thanh toán trực tuyến và thông tin giải trí đồng bộ trên Internet, được quản lý và vận hành bởi VNG (Công ty công nghệ Việt Nam), có 4 mảng sản phẩm chính: Trò chơi trực tuyến, nền tảng kết nối, thanh toán điện tử và dịch vụ điện toán đám mây³.

VnExpress: Một trang báo điện tử (còn gọi là TinnhanhVietnam. Đây là báo đầu tiên ở Việt Nam chỉ có báo điện tử, không có bản giấy in).

VTC: Đài Truyền hình kỹ thuật số Việt Nam, đài truyền hình đầu tiên tại Việt Nam phát sóng truyền hình kỹ thuật số và truyền hình kỹ thuật số mặt đất.

VTVNews: Báo điện tử của Đài Truyền hình Việt Nam đem đến cho người dùng những trải nghiệm ấn tượng và tiện ích.

VOV: Đài Tiếng nói Việt Nam (Radio The Voice of Vietnam) là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền về đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đài có kênh truyền hình VOV (VOVtv).

1. Chrome V8 hay gọi đơn giản là V8, là nguồn mở được phát triển bởi Chromium Project cho trình duyệt web Google Chrome hay Chromium (Thuật ngữ Engine có nghĩa là máy động cơ).

2. Tập đoàn Mozilla (Mozilla Corporation - MOCO) là một tập đoàn thuộc quyền sở hữu của Quỹ Mozilla, điều phối và thống nhất việc phát triển các ứng dụng Internet như Mozilla Firefox và các email khác.

3. Dịch vụ điện toán đám mây (Cloud computing) là các nguồn điện toán khổng lồ như phần mềm, dịch vụ nằm tại máy chủ ảo (đám mây) trên Internet thay vì trong máy tính gia đình và văn phòng.

2.4. Các công cụ tra cứu

Hệ thống phần mềm được truy cập trên Internet, có chức năng tìm kiếm, tra cứu cơ sở dữ liệu thông tin theo truy vấn của người dùng.

Bing: Công cụ tìm kiếm do Microsoft phát triển và điều hành, có trong 40 ngôn ngữ, trong đó không có tiếng Việt.

Google Maps: Một dịch vụ lập bản đồ do Google phát triển. Nó cung cấp hình ảnh vệ tinh, chụp ảnh từ trên không, bản đồ đường phố, chế độ xem toàn cảnh tương tác 360° của các đường phố, điều kiện giao thông, thời gian thực hiện, lập tuyến đường cho người đi bộ, đi xe đạp, đi ô tô, đường hàng không, v.v..

Google Docs: Một ứng dụng hỗ trợ soạn thảo văn phòng trực tuyến được cung cấp miễn phí bởi Google. Bất kỳ văn bản hoặc trình chiếu nào được tạo bằng Google Docs đều được lưu trữ trên máy chủ của Google bằng tài khoản của người dùng.

Yandex: Công ty web của Nga, có chủ đích trả lời các truy vấn đa dạng của người dùng.

Baidu: Công ty hữu hạn kỹ thuật mạng trực tuyến (công ty Bách Độ) của Trung Quốc, chuyên cung cấp dịch vụ tìm kiếm dữ liệu trên mạng.

2.5. Các tiện ích trên mạng Internet

Các tiện ích (Utilities) trên mạng có phần mềm (Utility Software) rất phong phú. Các tiện ích phổ thông trên Internet mà ta thường dùng là thư điện tử (Email), trò chuyện trực tuyến (Chat), máy truy tìm dữ liệu (Search engine), các dịch vụ thương mại, chuyển ngân, các dịch vụ giáo dục, y tế, việc làm, bưu thiếp điện tử...

2.6. Cơ sở hạ tầng của không gian mạng

Cơ sở hạ tầng của không gian mạng là hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để tạo lập, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên không gian mạng, bao gồm:

- Hệ thống truyền dẫn quốc gia, hệ thống truyền dẫn kết nối quốc tế, hệ thống vệ tinh, hệ thống truyền dẫn của các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet.

- Hệ thống các dịch vụ lõi: Hệ thống phân luồng và điều hướng thông tin, hệ thống phân giải tên miền quốc gia, hệ thống chứng thực quốc gia, hệ thống cung cấp dịch vụ kết nối, truy cập Internet.

- Dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin: Dịch vụ trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, điều hành cơ quan, tập đoàn kinh tế, tài chính.

- Dịch vụ trực tuyến: Chính phủ điện tử, thương mại điện tử, trang thông tin điện tử, diễn đàn trực tuyến, blog.

Hình vẽ dưới đây cho ta hình ảnh khái quát cấu trúc của không gian mạng:



3. Cư dân mạng và công dân số

Sống trong không gian mạng là một trải nghiệm xã hội. Con người trong không gian mạng có thể tương tác với nhau về rất nhiều vấn đề xã hội như chính trị, đạo đức, khoa học, nghệ thuật, kinh doanh, quan điểm sống thông qua việc sử dụng mạng lưới thông tin toàn cầu.

Về phương diện kỹ thuật, không gian mạng được hiểu là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin..., vì thế, tham gia vào không gian mạng, con người đi vào một hệ thống xã hội ảo, vô cùng rộng lớn. Họ thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn về không gian và thời gian.

Những người tham gia không gian mạng được gọi là những *cư dân mạng* (Cybernaut). Số lượng cư dân mạng ngày càng đông, đối tượng tương tác của con người trên không gian mạng ngày càng nhiều. Nhìn chung, khi tham gia trải nghiệm, nhiều người có văn hóa, có đạo đức, có uy tín xã hội thường giữ một thái độ đúng mực trong bình luận, nhận xét, đánh giá, thực hiện các mối quan hệ đúng với những quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức. Tuy nhiên, trong cuộc sống thực hằng ngày, không ít người đã có những biểu hiện không đúng mực như:

- Thể hiện sự thiếu tôn trọng người khác khi thấy họ có những bất đồng quan điểm, những khác biệt văn hóa, v.v.. Nhiều khi sự thiếu tôn trọng đó xúc phạm nhân cách người khác, không tôn trọng quyền riêng tư của họ, không đồng cảm với hoàn cảnh của họ.

- Thể hiện sự thiếu văn hóa trong cách nói năng, thiếu lịch sự trong giao tiếp, có khi còn nói tục, chửi bậy...

- Thấy trái ý mình thì nói xấu, bới móc, kích động người khác cùng “ném đá” vào “nạn nhân” của vụ việc.

- Nguy hại hơn cả là khi vào mạng đã có lời nói và hành vi không tuân thủ Hiến pháp, không bảo đảm quyền và lợi ích quốc gia hoặc thể hiện sự bất mãn của mình trong việc nói xấu chế độ, nói xấu Đảng và các nhà lãnh đạo, không giữ bí mật nhà nước, vi phạm những điều làm tổn hại đến an ninh mạng.

Vì vậy, với các cư dân mạng, họ cần thấy tham gia mạng là quyền dân chủ, nhưng đã là con người của quốc gia thì phải bảo vệ lợi ích của nhân dân, chủ quyền của quốc gia - dân tộc...

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay đòi hỏi đất nước phải có sự chuyển mình theo xu thế phát triển của thời đại. Chương trình chuyển đổi số quốc gia là bước tiếp cận đầu tiên của đất nước với cuộc cách mạng này.

Ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg, phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Mục tiêu chính của Quyết định là đưa Việt Nam thành một quốc gia số mà những năm đầu tiên của Chương trình này là *xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số*, đồng thời phát triển các doanh nghiệp công nghệ số có đủ năng lực đi ra thế giới.

Theo chương trình, đến năm 2025, trình độ chung mà nhân dân phải đạt được là:

- 80% hộ gia đình và 100% cấp xã có hạ tầng băng mạng rộng cáp quang.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- 50% dân số có tài khoản thanh toán điện tử.

- 100% dịch vụ công trực tuyến đạt mức 4¹ được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

Như vậy, bất cứ công dân nào cũng phải có kỹ năng số (Digital Skills) để sống, làm việc đáp ứng các yêu cầu kể trên, tức là những kỹ năng cần để thích ứng với môi trường số giai đoạn 2021-2025.

Trên thế giới hiện nay, người ta lưu ý đến 9 kỹ năng cơ bản của người dân sống trong môi trường số, và gọi người đó là công dân số (Digital Citizen), tức là người am hiểu, thích nghi với việc sử dụng công nghệ thông tin, tiến bộ khoa học kỹ thuật

1. Dịch vụ công trực tuyến có các mức sau:

- Mức 1: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện, thanh toán trực tiếp tại nơi cung cấp dịch vụ.

- Mức 2: Dịch vụ công trực tuyến mức 1 + cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo. Hồ sơ được gửi trực tiếp tới nơi tiếp nhận.

- Mức 3: Dịch vụ công trực tuyến mức 2 + cho phép người sử dụng điền và gửi mẫu văn bản trên mạng.

- Mức 4: Dịch vụ công trực tuyến mức 3 + việc trả hồ sơ và thanh toán lệ phí hoàn toàn trực tuyến.

để gắn kết, kết nối với những người xung quanh. 9 kỹ năng ấy là 9 tiêu chí ứng xử trong môi trường số, gồm:

1. Truy cập số (Digital Access);
2. Thương mại số (Digital Commerce): Mua bán điện tử;
3. Truyền thông số (Digital Communication): Trao đổi thông tin điện tử;
4. Kiến thức số (Digital Literacy): Dạy và học về công nghệ và sử dụng công nghệ số;
5. Nghi thức số (Digital Etiquette): Tiêu chuẩn hành vi sử dụng dữ liệu số;
6. Luật lệ số (Digital Law): Đạo đức và hành vi tuân thủ luật lệ trên mạng;
7. Quyền và trách nhiệm số (Digital Rights & Responsibilities);
8. Sức khỏe thể chất và tâm lý số (Digital Health & Wellness);
9. An ninh số (Digital Security);

4. Văn hóa số

Mạng xã hội có những đặc trưng sau:

- Con người có thể chia sẻ trên mạng xã hội những câu chuyện, bài viết, ý tưởng cá nhân, đăng ảnh và video, thông báo các sự kiện, các hoạt động trên mạng cũng như trong thế giới thực.

- Tùy từng nền tảng mạng xã hội mà mỗi thành viên tham gia mạng có thể liên hệ với bất kỳ thành viên nào khác, hoặc họ có thể liên hệ với bất kỳ ai mà họ đã có sẵn mối quan hệ. Chẳng hạn, mạng xã hội nghề nghiệp (LinkedIn) thì các thành viên phải quen biết nhau trong đời thực mới có thể kết nối với nhau trên mạng.

- Mạng xã hội từ khi xuất hiện đã mang lại cho con người những lợi ích thiết thực và không nhỏ, nhất là trong những công việc mua bán, kinh doanh, trao đổi tri thức và kinh nghiệm, tự học và truy cập thông tin mới, tuyển dụng lao động và các hình thức tương tác xã hội khác. Tuy nhiên, trên thực tế, tham gia vào mạng xã hội, người ta thấy có nhiều bất cập như bị xâm phạm quyền riêng tư, xúc phạm và bôi nhọ danh dự, bảo mật, thư rác (spam), tin giả (fake news). Có khi, kẻ xấu đã bịa đặt, vu khống... làm sập cả một doanh nghiệp qua Facebook chẳng hạn. Những thông tin thất thiệt có thể loang khắp xã hội trong vài phút đồng hồ.

Văn hóa số là một nền văn hóa đang trên đà phát triển, và với Việt Nam, nó còn khá mới mẻ. Chương trình chuyển đổi số quốc gia vừa mới được phê duyệt với mục tiêu xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu này thì vấn đề quan trọng nổi lên là xây dựng được mô hình công dân số và những quy tắc ứng xử chuẩn mực đạo đức mà công dân số phải tuân thủ để sống, làm việc, hoạt động xã hội, giao lưu... trong môi trường số. Đó chính là yếu tố cốt lõi được gọi là văn hóa số.

Ở trên chúng tôi đã nói đến những kỹ năng, những phẩm chất của công dân số. Nhưng đây chỉ là những tiêu chí khung của công dân số. Trên thực tế, người lao động

trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ sẽ có những yêu cầu riêng biệt trong từng kỹ năng và phẩm chất của công dân số. Nói cách khác, cũng là công dân số nhưng giữa giáo viên với một kỹ sư hay với một chiến sĩ công an sẽ có những yêu cầu riêng về từng kỹ năng như kỹ năng an ninh số (Digital security) hoặc kỹ năng truy cập số (Digital access). Do vậy, sẽ cần có quy định riêng về những quy tắc ứng xử, những chuẩn mực đạo đức, những trách nhiệm công dân khi tham gia mạng xã hội.

Thực hiện Đề án “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021-2030” theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (30/7/2021), Hội Khuyến học Việt Nam có trách nhiệm soạn thảo Bộ tiêu chí đánh giá công nhận danh hiệu công dân học tập. Bộ tiêu chí đó bao gồm những kỹ năng và phẩm chất của năng lực số như những số đo cần thiết đối với công dân học tập trong giai đoạn chuyển đổi số quốc gia. Các bộ, ban, ngành, đoàn thể sẽ theo sự chỉ đạo của Chính phủ vận dụng Bộ tiêu chí khung về đánh giá mô hình công dân học tập đương nhiên phải tính đến những kỹ năng và phẩm chất thuộc năng lực số phù hợp với công việc trong lĩnh vực mình phụ trách. Do đó, phải xây dựng những quy định về văn hóa số cho công dân của mình.

Công việc đó có quan hệ mật thiết đến việc xây dựng mục tiêu hình thành và phát triển, nhân cách theo Chương trình đào tạo nhân lực của từng chuyên ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, an ninh, quốc phòng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quyết định số 874/QĐ-BTTTT về việc ban hành: Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, ngày 17/6/2021.
- [2] Quyết định số 489/QĐ-TTg, Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.
- [3] Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020, phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
- [4] Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030.
- [5] Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021, phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.
- [6] Phạm Tất Dong: *Xây dựng mô hình xã hội học tập ở Việt Nam*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2012.
- [7] Phạm Tất Dong: “Xây dựng mô hình công dân học tập, giai đoạn 2021-2030”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: *Những năng lực cốt lõi của công dân học tập - Hội đồng Quốc gia giáo dục và Phát triển nhân lực*, Hà Nội.

VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII VÀ VĂN HÓA BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

GS.TS. NGUYỄN CHÍ BÈN*

1. Việt Nam là quốc gia biển

Việt Nam là một quốc gia ven biển, có chiều dài đường bờ biển trên 3.260km, đứng thứ 27 trong số 156 quốc gia có biển trên thế giới. Vùng ven biển của Việt Nam rộng lớn và đặc thù, trải dài trên 13 vĩ độ, thuộc phạm vi lãnh thổ hành chính của 28 tỉnh, thành phố, là vùng thềm lục địa, chưa kể các đảo của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, với 2.773 đảo lớn nhỏ.

Trong lịch sử, các nhà nước quân chủ chuyên chế từ thời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Lê sơ, nhà Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, nhà Tây Sơn, vương triều Nguyễn và các cộng đồng cư dân đã có những hình thức quản lý văn hóa biển đảo hết sức đặc biệt và có hiệu quả.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, Việt Nam đã có hơn 500 văn bản quy phạm pháp luật ở Trung ương liên quan đến biển, đảo. Trong đó, có các văn bản quan trọng như: *Tuyên bố về lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa ngày 12/5/1977; Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam ngày 12/11/1982, Luật biển Việt Nam năm 2012*. Về tổng thể, Việt Nam đã xây dựng được một khung pháp lý cơ bản cho việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, quyền và lợi ích biển để từ đó có thể hoạch định được những chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng biển, đảo. Năm 1997, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW *Về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa* với chủ trương “xây dựng Việt Nam trở thành nước mạnh về kinh tế biển”¹, phát triển “kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo và ven biển phải gắn kết với yêu cầu bảo vệ kinh tế, bảo vệ đất nước”².

Năm 2007, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 *Về Chiến lược biển Việt Nam đến*

* Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.

năm 2020. Ngay sau đó, Chính phủ đã có Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 30/5/2007 ban hành *Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X*.

Đến năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 23/3/2010 *Phê duyệt Đề án Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam*; và Kết luận số 60-KL/TW của Bộ Chính trị về *Chiến lược phát triển kinh tế biển, tập trung phát triển sáu nhóm ngành kinh tế biển* theo Điều 43 Luật biển Việt Nam năm 2012.

Năm 2018, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, đã ra Nghị quyết số 36-NQ/TW về *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, trên cơ sở đánh giá quá trình thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X và thực tiễn nước ta vào thời điểm ấy. Năm quan điểm của Nghị quyết là định hướng cho phát triển kinh tế biển Việt Nam. Tháng 3/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển. Nghị quyết này là sự thể chế hóa Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Nghị quyết chia quá trình thực hiện thành hai giai đoạn, chú trọng tổng thể các ngành kinh tế biển và mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững.

Năm 2021, Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng ghi rõ: “Thực hiện tốt Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tài nguyên, môi trường biển; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Tổ chức tốt việc xây dựng và quản lý thống nhất quy hoạch không gian biển quốc gia, hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và chuyên ngành về biển, đảo. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật trên biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả các ngành kinh tế biển, các khu kinh tế, khu công nghiệp và các đô thị ven biển. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển, nhất là nhân lực chất lượng cao. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; xây dựng cơ sở dữ liệu số về biển, đảo, nâng cao năng lực giám sát môi trường biển, dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu vùng biển, ven biển”¹.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 nhấn mạnh nội dung phát triển kinh tế biển: “Phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.125-126.

bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khẩn trương xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia. Hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trên biển. Ưu tiên phát triển các ngành kinh tế biển, nhất là du lịch, dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, công nghệ trong đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân trong quá trình khai thác thủy sản trên các vùng biển. Tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển gắn với hình thành phát triển đô thị và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh. Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển, đặc biệt là các rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên biển. Mở rộng diện tích, thành lập mới các khu vực bảo tồn biển. Thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần, quan trắc, giám sát môi trường biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Có biện pháp phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển. Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm đáng kể ô nhiễm môi trường biển; tiên phong trong khu vực về giảm thiểu chất thải nhựa đại dương. Phấn đấu đến năm 2030, quy mô kinh tế của 28 tỉnh, thành phố ven biển bằng 65 - 70% GDP cả nước. Các đảo có người dân sinh sống có hạ tầng kinh tế, xã hội cơ bản đầy đủ, nhất là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục”¹.

Như thế, là một quốc gia biển nên các nhà nước quân chủ từ nhà Đinh đến nhà Nguyễn trong lịch sử và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam rất quan tâm đến biển đảo. Cộng đồng người dân, nhất là những cộng đồng sống gần biển, ven biển, trên các đảo, quần đảo đều quan tâm đến biển đảo. Vậy, cần xem xét tác động của Văn kiện Đại hội XIII với văn hóa biển đảo Việt Nam.

2. Không gian văn hóa biển đảo Việt Nam

Nếu chia Việt Nam thành các không gian văn hóa khác nhau, thì chúng tôi nghĩ rằng Việt Nam có ba không gian văn hóa, đó là: Không gian miền núi và trung du; không gian châu thổ và đồng bằng; không gian biển, đảo.

Nói đến không gian văn hóa biển đảo phải đề cập khái niệm văn hóa biển đảo. Nhiều nhà khoa học trong nước và nước ngoài đã trình bày nội hàm của khái niệm văn hóa biển đảo. Trong tham luận này, chúng tôi lựa chọn cách hiểu về văn hóa biển đảo là tổng thể những sáng tạo hữu hình và vô hình của con người vùng biển

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.258-259.

đảo trong quá trình sống, khai phá, thích ứng với môi trường biển đảo Việt Nam; giao lưu, tiếp biến với văn hóa biển đảo của các quốc gia khác, được trao truyền từ thế hệ trước qua thế hệ sau, thể hiện bản sắc của con người vùng biển đảo.

Là một quốc gia ven biển, dù rằng trong tiến trình lịch sử, biển có thể tiến sâu vào đất liền, hoặc biển lùi xa đất liền nhưng chủ thể văn hóa biển đảo Việt Nam đã sáng tạo một văn hóa biển của Việt Nam. Thông qua các sáng tạo văn hóa ấy, thế hệ hôm nay có thể thấy lịch sử dân tộc Việt Nam từng giai đoạn phát triển. Trong tâm thức người Việt (Kinh) và những tộc người sống ven biển, biển cả và đại dương là môi trường sống, là không gian sinh tồn, phát triển. Bởi vậy, sáng tạo văn hóa của chủ thể văn hóa biển luôn lấy biển cả, loài vật nơi biển cả làm không gian thiêng, linh vật, đất nước - quê hương luôn có khái niệm “nước”. “Hồn nước” là khái niệm linh thiêng, nơi gắn kết cộng đồng. Giáo sư Keith Weller Taylor ở Đại học Cornell (Hoa Kỳ) từng có nhận xét thú vị: “Ý tưởng về một thủy thần từng là ngọn nguồn của quyền lực chính trị và tính chính thống đã góp phần tạo dựng cơ sở cho sự hình thành dân tộc Việt Nam vào thời tiền sử, chính là chỉ dẫn sớm nhất về ý niệm của người Việt như một dân tộc riêng biệt và tự ý thức được mình”. Văn hóa biển đảo Việt Nam là nơi thể hiện hệ giá trị Việt Nam, hệ giá trị văn hóa Việt Nam một cách rõ ràng. Là một quốc gia ven biển, nơi hàng ngày hàng giờ đối mặt với biển cả, là những sáng tạo văn hóa của con người trong quá trình sống, thích ứng với biển khơi, nên văn hóa biển đảo thể hiện giá trị Việt Nam là lẽ đương nhiên. Nơi ven biển, trên biển khơi, cư dân biển luôn thể hiện những phẩm giá Việt Nam rõ ràng nhất.

Trải qua quá trình khai thác biển, cha ông ta đã có một kho tàng tri thức bản địa phong phú, đa dạng về biển đảo. Các nhà nhân học trên thế giới thường cho rằng những tri thức bản địa ấy tồn tại song song với tri thức chính thống lưu truyền trong sử sách, giảng đường của các trường đại học. Các tri thức bản địa được trao truyền từ đời này qua đời khác, vì thế phản ánh nhận thức về biển, kinh nghiệm khai thác biển của rất nhiều thế hệ cư dân biển đảo.

Với người Việt, trước mặt là biển, vì thế, chủ quyền quốc gia trên biển là vấn đề được ngư dân, các vương triều quân chủ trước năm 1945 và nhà nước sau 1945 đến nay quan tâm. Văn hóa biển, với các loại hình, thành tố của nó có giá trị thể hiện chủ quyền quốc gia trên biển. Khi xem xét giá trị thể hiện chủ quyền quốc gia trên biển, phải nhìn ở cả hai phương diện: tầng lớp cai trị, quản lý xã hội và người dân sinh sống tại các vùng ven biển, trên các đảo ven bờ, các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Mặt khác, nghiên cứu khẳng định văn hóa biển Việt Nam đã có một quá trình lịch sử mấy trăm năm. Việc ghi chép về văn hóa biển đảo Việt Nam đã từ Nguyễn Trãi (thế kỷ XV) đến Lê Quý Đôn, Phan Huy Ích (thế kỷ XVII-XVIII), v.v., của Quốc sử quán triều Nguyễn (thế kỷ XIX-XX), việc nghiên cứu của nhiều thế hệ nhà nghiên cứu về các loại hình, các thành tố của văn hóa biển đảo Việt Nam sau

năm 1954 phát triển nhanh chóng. Nhìn theo từng góc độ tiếp cận có thể thấy, lĩnh vực khảo cổ có: cố GS. Trần Quốc Vượng, cố PGS. Cao Xuân Phổ, PGS.TS. Nguyễn Khắc Sửu, v.v.; lĩnh vực lịch sử, dân tộc học có cố GS.TS. Ngô Đức Thịnh, GS.TS. Nguyễn Văn Kim, PGS.TS. Đỗ Văn Ninh, PGS.TS. Phan Thị Yến Tuyết, PGS.TS. Nguyễn Duy Thiệu, PGS.TS. Trần Hồng Liên, v.v.; lĩnh vực văn hóa dân gian có tác giả Lê Quang Nghiêm, cố PGS. Ninh Viết Giao, PGS.TS. Trần Thị An, v.v.; lĩnh vực văn hóa bảo vệ chủ quyền quốc gia với tác giả Võ Long Tê, TS. Nguyễn Nhã, TS. Trần Đức Anh Sơn, tác giả Phạm Hoàng Quân, v.v.; lĩnh vực văn hóa biển đảo gắn với phát triển bền vững như GS.TS. Đỗ Hoài Nam, PGS.TS. Trần Nam Tiến, v.v..

Văn hóa biển đảo Việt Nam cũng là đối tượng nghiên cứu của nhiều tác giả nước ngoài. Từ thế kỷ XVII, nhà truyền giáo Alexandre de Rhodes đã ghi chép về chủ thể văn hóa biển đảo Việt Nam ở vùng Nam Định của nhà Lê - Trịnh; Borri viết về người dân ở Đàng Trong của các chúa Nguyễn; Thích Đại Sán có *Hải ngoại ký sự*; các nhân viên của Công ty Đông Ấn của Hà Lan, Anh đều có những ghi chép chân thực về người dân vùng biển mà họ giao tiếp. Các công trình nghiên cứu thật sự về thuyền buồm, về văn hóa Óc Eo, về văn hóa cư dân vùng Huế, người An Nam và biển, v.v.. phải kể tới J. B. Piestri, L. Cadriere, L. Malleret, J. I. Claeys, v.v.. Từ sau năm 1945, nhất là những thập niên 80, 90 của thế kỷ XX, nhiều học giả có tên tuổi ở nước ngoài như Momoki Shiro (Nhật Bản), Li Tana (Singapore), Charles Wheelles (Hoa Kỳ), Edyta Rosko (Đan Mạch), v.v. đều công bố những công trình có giá trị về văn hóa biển đảo Việt Nam.

Nhìn ở phương diện loại hình, văn hóa biển Việt Nam như một tổng thể gồm ba loại hình: văn hóa khai thác biển cả; văn hóa thích ứng biển cả; văn hóa bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển cả. Mỗi loại hình lại gồm những thể loại khác nhau. Nói đến văn hóa khai thác biển cả là đề cập văn hóa đóng tàu thuyền, sửa chữa tàu thuyền, đan lưới, v.v.; văn hóa chế biến hải sản: phơi hải sản, buôn bán hải sản, làm nước mắm, v.v.; văn hóa tận dụng biển cả: làm muối, nuôi cấy ngọc trai, v.v.. Nói đến văn hóa thích ứng biển cả là nói đến việc người dân biển sáng tạo những nhân vật thiêng làm chỗ dựa tâm linh cho mình khi ra khơi, khi sống trên bờ, trên đảo. Các loài vật nơi biển khơi đều được thiêng hóa thành linh vật thiêng của các tín ngưỡng. Và ngư dân lại xây dựng các thiết chế văn hóa - tín ngưỡng để các nhân vật thiêng trú ngụ, ngụ nơi đất liền, trên đảo. Cá voi/cá ông thiêng hóa thành Đại càn quốc gia Nam Hải, hư ảo nơi biển khơi, nhưng xuất hiện vừa vô hình, vừa hữu hình trong làng, với xương cá ông, với sắc phong của triều đình. Cá voi/cá ông không còn là loài vật nơi biển khơi, mà là nhân vật thiêng thay mặt nhà vua, "bảo vệ dân đen của vua". Bởi vậy, lễ hội Nghinh Ông xuất hiện trong làng chài, làng của ngư dân sống bằng nghề đánh bắt hải sản nơi biển khơi. Ngoài ra, còn nhiều loài vật khác nơi biển khơi được thiêng hóa như vậy. Cùng với việc thiêng hóa các loài vật nơi biển khơi, cư dân biển còn thiêng hóa các nhân vật lịch sử như Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tảng,

Lê Khôi, Nguyễn Trung Trực, v.v., các nhân vật văn hóa như Mẫu Thoải... thành nhân vật thiêng, để làm chỗ dựa tâm linh cho mình.

Nói đến văn hóa bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển là nói đến văn hóa chính trị của các vương triều quân chủ của Đại Việt từ nhà Đinh, Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, trải qua thời Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, đến nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn là nói đến sự ủng hộ của người dân qua lịch sử. Đặc biệt nhất là văn hóa chính trị của các vương triều quân chủ với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của nước ta, từ mấy trăm năm qua. Ngư dân đã thể hiện văn hóa bảo vệ chủ quyền quốc gia bằng hành động của người dân với đất nước, quê hương, với biển khơi.

Vì thế có thể khẳng định, Việt Nam có một không gian văn hóa biển đảo, một nền văn hóa biển đảo có lịch sử lâu đời.

3. Bảo tồn và phát huy văn hóa biển đảo - Thành tựu và những vấn đề đặt ra

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về *chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, nhiều công việc liên quan đến văn hóa biển đảo từ phương diện bảo tồn và phát huy đã được thực hiện bởi nhiều cơ quan và tổ chức khác nhau. Thành tựu của bảo tồn, phát huy văn hóa biển đảo Việt Nam những năm qua là rất lớn, chúng tôi xin lược phân tích một vài hoạt động tiêu biểu.

Năm 1999, Viện Văn hóa dân gian nay là Viện Nghiên cứu văn hóa thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã thực hiện dự án điều tra văn hóa dân gian các làng biển Việt Nam. Kết quả, dự án đã xuất bản thành cuốn sách *Văn hóa dân gian làng ven biển* do GS.TS. Ngô Đức Thịnh (1944-2018) chủ biên, xuất bản năm 2000.

Những năm qua, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã tổ chức hội thảo quốc gia về văn hóa biển Trung Bộ. Nhiều hội viên của Hội Văn nghệ dân gian đã nghiên cứu về các thành tố của văn hóa biển đảo và xuất bản phục vụ cộng đồng. Đáng lưu ý nhất là Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch cùng với việc tổ chức hội thảo khoa học quốc tế về bảo tồn, phát huy văn hóa biển đảo Việt Nam, còn cho tiến hành chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ *Bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam* trong hai năm 2015-2016 với 8 đề tài khoa học cấp Bộ. Năm 2017, các đề tài nghiên cứu đã được nghiệm thu. Ban Tuyên giáo Trung ương đã chấp thuận đề nghị của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản bộ sách này thành 9 tập, 3.500 trang khổ 16x24 với nhan đề *Văn hóa biển đảo Việt Nam* vào năm 2018, 2019.

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật những năm qua đã công bố nhiều công trình có giá trị về biển đảo Việt Nam.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam không phải không có. Trước hết là bảo tàng văn hóa biển. Việc tập trung trưng bày các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể độc đáo, đa dạng của các cộng đồng cư dân biển đảo trong bảo tàng sẽ góp phần cho công chúng, các nhà nghiên cứu văn hóa tiếp cận được những giá trị văn hóa truyền thống do cộng đồng cư dân biển đảo từ bao đời đã sáng tạo, gìn giữ và phát huy giá trị qua thời gian dài. Bên cạnh đó, đây cũng sẽ trở thành những điểm đến thú vị cho du khách trong và ngoài nước, giúp họ hiểu biết thêm về truyền thống văn hóa biển đảo của Việt Nam. Trong số 138 bảo tàng trong cả nước, hiện không có bảo tàng văn hóa biển, mà chỉ có 1 bảo tàng tư nhân ở đảo Phú Quốc, 4 bảo tàng nhỏ tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (gồm Bảo tàng lịch sử - văn hóa, Bảo tàng Gốm sứ mật dịch, Bảo tàng Văn hóa dân gian; Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh) và Viện Hải Dương học tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Mặt khác là giáo dục tri thức về văn hóa biển đảo cho học sinh trong nhà trường các cấp. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có quy định về chương trình giáo dục địa phương. Đến nay, 28 tỉnh, thành phố giáp biển của nước ta chưa xây dựng hoàn chỉnh tài liệu hướng dẫn giáo dục địa phương.

Đồng thời, việc công bố những công trình về văn hóa biển đảo Việt Nam của các nhà khoa học trong nước ra nước ngoài chưa được chú trọng, giúp bạn đọc nước ngoài hiểu văn hóa biển đảo Việt Nam.

4. Mấy suy nghĩ về giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam thực hiện văn kiện Đại hội XIII

Bối cảnh đất nước thực hiện các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và văn hóa biển đảo đứng trước thời cơ lớn và thách thức không nhỏ. Có nhiều vấn đề đặt ra, trước mắt, chúng tôi xin đề xuất một số các giải pháp:

Thứ nhất là, chú trọng nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam trong phát triển bền vững, trong bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển cho đảng viên, công chức, viên chức các cơ quan từ Trung ương đến địa phương, cũng như người dân các vùng gắn với biển đảo, trong đồng bằng và châu thổ, trên vùng trung du và miền núi. Nhận thức này phải được nâng lên ở tầm cao mới, bởi các quốc gia có biển trên thế giới đều tranh thủ khai thác biển với quy mô lớn. Việt Nam là quốc gia biển, không thể để nhận thức về biển, văn hóa biển tụt hậu so với các nước, nhất là các nước trong khu vực. Nhận xét của GS.TS. Phạm Hồng Tung: “Trên tất cả các phương diện, chỉ có thể nói rằng, Việt Nam đang trở thành một dân tộc hướng biển chứ chưa thật sự trở thành một dân tộc hướng biển”¹ là nhận xét đúng, cần phải thay đổi nhận

1. GS.TS. Phạm Hồng Tung: “Biển trong tâm thức người Việt Nam”, tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 9/2006, tr.66.

thức về biển đảo của tất cả mọi tầng lớp, mọi người dân. Nói cách khác, phải đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục về biển đảo Việt Nam, văn hóa biển đảo Việt Nam bằng mọi phương pháp, để nhận thức của mọi người dân Việt Nam đổi mới, thực sự trở thành “một dân tộc hướng biển”.

Thứ hai là, ban hành chủ trương, chính sách, văn bản pháp quy để phổ biến, quảng bá kết quả nghiên cứu văn hóa biển đảo của các cơ quan nghiên cứu công lập, ngoài công lập, của cá nhân các nhà khoa học trong và ngoài nước tới người dân, bạn đọc trong nước, nước ngoài bằng các hình thức và phương pháp thích hợp. Nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc sẽ thấy nhiều bài học. Ở Trung Quốc, việc nghiên cứu, phổ biến kết quả nghiên cứu về văn hóa biển, chủ quyền biển đảo được triển khai trên cả ba cấp: Trung ương; Địa phương tỉnh, thành và Hệ thống các trường đại học. Tại tỉnh Quảng Đông, họ đã thành lập Bảo tàng Con đường tơ lụa trên biển, đào tạo chuyên gia lặn để phát triển khoa khảo cổ học biển đảo, thực hiện khai quật khảo cổ các tàu đắm, v.v.. Các công trình nghiên cứu văn hóa biển đảo của các tác giả Trung Quốc được xuất bản bằng tiếng Anh. Ví dụ, Đại học Hạ Môn trong hai năm 1975-1976, xuất bản một bộ 6 cuốn *Tổng hợp sử liệu các đảo Nam Hải nước ta*, Đại học Sư phạm Hoa Nam năm 1983 xuất bản cuốn *Nghiên cứu địa danh các đảo Nam Hải*. Chắc chắn, trong những công trình ấy chứa nhiều tư liệu bịa đặt, sai trái về khoa học, thể hiện tư duy “độc chiếm Biển Đông” của Trung Quốc, không có lợi cho dân tộc ta, nhưng cách làm, kinh nghiệm thực hiện của họ, chúng ta nên tham khảo và vận dụng. Các công trình của các tác giả Việt Nam như của GS. Đào Duy Anh về lịch sử, họ đều cho dịch sang tiếng Trung để phục vụ cho các nhà nghiên cứu trong nước Trung Quốc. Đây cũng là biện pháp mà chúng ta nên học tập kinh nghiệm. Làm sao để các học giả Việt Nam nắm bắt thường xuyên, cập nhật các công trình về văn hóa biển đảo Trung Quốc do các nhà khoa học Trung Quốc công bố, từ đó có ứng xử khoa học kịp thời.

Thứ ba là, Chính phủ cho chủ trương để Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch thực hiện hai nhiệm vụ: sưu tầm, bảo tồn, lưu giữ văn hóa làng biển ở các làng có nguy cơ biến mất do sự biến đổi khí hậu những năm sắp tới; bổ sung ngân sách cho công tác bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, các danh lam thắng cảnh ven biển. Hiện tại, trong số 28 tỉnh, thành phố ven biển có 467 di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh (theo thống kê của Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), mà lượng ngân sách cho công tác bảo vệ, trùng tu không có nhiều. Nguy cơ xuống cấp, tàn tạ các di sản vật thể này rất lớn. Chúng tôi cho rằng, phải xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia với hai nội dung: sưu tầm, bảo vệ, phát huy di sản văn hóa phi vật thể của các làng, khu vực bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu hiện tại và những năm sắp tới; bảo vệ, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, các di sản văn hóa vật thể ven biển, trên đảo ở 28 tỉnh,

thành phố, trong đó có di sản văn hóa vật thể trên 12 huyện đảo trong cả nước. Đây là công việc không thể để chậm trễ hơn. Theo bà Jenty Kirsch Wood, cố vấn về thích ứng biến đổi khí hậu của Tổ chức phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam cho rằng, biến đổi khí hậu có thể làm cho 200-250 triệu người dời khỏi nhà cửa, nhiều khu vực dọc bờ biển không còn trồng trọt được nữa. Việt Nam là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, trong đó đồng bằng sông Cửu Long là một trong ba đồng bằng trên thế giới dễ bị tổn thương do nước biển dâng. Theo các kịch bản biến đổi khí hậu, vào cuối thế kỷ XXI, sẽ có khoảng 40% diện tích đồng bằng sông Cửu Long, 11% diện tích đồng bằng sông Hồng, 3% diện tích các tỉnh khác thuộc vùng ven biển sẽ bị ngập; trong đó Thành phố Hồ Chí Minh sẽ ngập trên 20% diện tích, 10-12% dân số Việt Nam bị ảnh hưởng trực tiếp với tổn thất ước tính khoảng 10% GDP¹. Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đánh giá Thành phố Hồ Chí Minh là một trong mười thành phố trên thế giới bị đe dọa nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu. Với các vùng chịu tác động của biến đổi khí hậu, khi nước biển dâng sẽ nhấn chìm cả làng xã, di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật tại các vùng nằm trong khu vực nước biển dâng. Rõ ràng, công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể lẫn phi vật thể ở đây rất cần thiết.

Thứ tư là, thành lập Viện Nghiên cứu quốc gia về văn hóa biển đảo Việt Nam, tăng cường nguồn lực cho nghiên cứu văn hóa biển đảo cả về nhân lực lẫn nguồn lực tài chính cho viện nghiên cứu này². Nhiều nước trên thế giới đã có viện nghiên cứu văn hóa biển đảo, chẳng hạn Hàn Quốc là một bán đảo, đã có Viện Văn hóa Biển đảo (the Institute for Marine and Island Culture, viết tắt là MIC) thuộc Trường Đại học Mokpo (Mokpo National University). Tạo điều kiện cho thành phố Đà Nẵng nghiên cứu, sớm thành lập Bảo tàng văn hóa biển đảo Việt Nam. Hiện tại, ngoài bảo tàng tư nhân ở đảo Phú Quốc về văn hóa đảo Phú Quốc và Viện Hải dương học tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, ngoài 4 bảo tàng tại thành phố Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam thì trong hệ thống bảo tàng nước ta chưa có một bảo tàng văn hóa biển đảo quốc gia. Ở Trung Quốc, chỉ riêng về thuyền đã có Bảo tàng Thuyền tại thành phố Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến và Bảo tàng thuyền Nam Hải tại đảo Hailing, Yangjiang, tỉnh Quảng Đông. Ở Cộng hòa Liên bang Đức, ở Vương quốc Hà Lan, Cộng hòa Pháp, v.v. đều có bảo tàng hàng hải. Ở Việt Nam, ngoài hệ thống bảo tàng chung, đã có bảo tàng liên quan đến giới (Bảo tàng Phụ nữ), liên quan đến dân tộc (Bảo tàng Văn hóa các dân tộc; Bảo tàng Dân tộc học) nhưng chưa có bảo tàng văn

1. Xem Hạnh Nguyễn: “Biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng trực tiếp 10-12% dân số cả nước”, truy cập www.vietnamplus.vn, ngày 1/4/2019.

2. Xem thêm Lưu Trần Tiêu: “Tổng kết hội thảo khoa học “Văn hóa biển đảo, bảo vệ và phát huy giá trị”, in trong Kỷ yếu Hội thảo Văn hóa biển đảo, bảo vệ và phát huy giá trị, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2015, tr.496.

hóa biển đảo. Đây là một việc làm rất cần thiết, không chỉ có tác dụng với phát triển hệ thống bảo tàng, mà còn có tác dụng phát triển văn hóa, qua đó góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ năm là, xây dựng tạp chí *Văn hóa biển đảo Việt Nam* để công bố đều đặn, thường xuyên các nghiên cứu về văn hóa biển đảo Việt Nam với bạn đọc trong và ngoài nước bằng tiếng Việt, Anh, Pháp, Trung v.v.. Các quốc gia có biển trên thế giới đều chú trọng xuất bản tạp chí nghiên cứu về biển đảo, văn hóa biển đảo. Ví dụ, Viện Văn hóa biển đảo (MIC) của Hàn Quốc đã hợp tác với Trung tâm Cambridge về Cảnh quan và con người (The Cambridge Centre for Landscape and People) thuộc Trường Đại học Cambridge, Anh (University of Cambridge) xuất bản *Tạp chí văn hóa biển và đảo (Journal of Marine and Island Cultures - IMIC)* định kỳ ấn bản hai số một năm (vào tháng 6 và tháng 12). Hoặc Trung tâm Văn hóa Đảo (the Island Cultures Research Centre - ICRC) thuộc Trường Đại học Macquarie, Sydney, Úc xuất bản *Tạp chí quốc tế về nghiên cứu văn hóa đảo (The International Journal of Research into Island Culture)* vào năm 2007, định kỳ xuất bản hai số một năm. “Trên thế giới cộng đồng khoa học quốc tế có hẳn một *Tạp chí Văn hóa biển đảo (Journal of Marine and Island Cultures)* do Nhà xuất bản Elsevier ấn hành với một Hội đồng biên tập bao gồm các nhà khoa học của 15 nước”¹. Nước ta là quốc gia biển, văn hóa biển đảo đa dạng, phong phú, nhìn trên cả hai chiều lịch đại lẫn đồng đại, cả loại hình lẫn thành tố, có thể có nhiều lý do về biên chế, về số lượng tạp chí khoa học để biện luận, nhưng không lẽ không có *Tạp chí Văn hóa biển đảo Việt Nam*?

Thứ sáu là, các viện, trường đại học thuộc Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch mở các ngành đào tạo liên quan đến văn hóa biển, nhân học văn hóa biển; kiểm tra, giám sát quá trình triển khai, thực hiện nội dung đào tạo này. Kinh nghiệm của các trường đại học ở các quốc gia có biển đều có chuyên ngành về biển và văn hóa biển đảo. Chẳng hạn, Australia có trường Đại học Queensland, trường này có khá nhiều các môn học về biển như: Marine Environment; Mariners skills; Marine studies; Marine studies crossworks: A publication to support the text book. An introduction to Marine studies; hoặc Nhật Bản có Trường Đại học Công nghệ biển Tokyo, đây là trường đại học mà GS. Iwabuchi Akifumi giảng dạy và nghiên cứu với các chuyên ngành Quản lý về biển, nhân học biển như: Marine Anthropological Studies in Southeast Asia (Nghiên cứu nhân học biển ở Đông Nam Á); Cross - Cultural Studies of Marine Culture (Nghiên cứu xuyên văn hóa về văn hóa biển), Maritime Security Policy as Ocean Management (Chính sách an ninh về biển như là sự quản lý đại dương), v.v.. Trong khi đó, các trường đại học của nước ta hiện nay chưa có các chuyên ngành này, từ bậc đại học đến bậc thạc sĩ và tiến sĩ.

1. Vũ Minh Giang: “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam”, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Văn hóa biển đảo, bảo vệ và phát huy giá trị*, Sđd, tr.9-10.

Thứ bảy là, lập data bank, tiến tới lập big data về nghiên cứu văn hóa biển đảo Việt Nam. Công việc chưa hẳn là muộn, nhưng cũng không là sớm; phục vụ cho công tác nghiên cứu văn hóa biển đảo Việt Nam, góp phần vào bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển. Đến nay, đã có nhiều nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về văn hóa biển đảo Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử với các thứ tiếng Anh, Pháp, v.v.. Tập hợp, phân tích, đánh giá các công trình này, lưu trữ để phục vụ cho nghiên cứu khoa học về văn hóa biển đảo rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Có thể thấy, chỉ với một đề tài về thuyền bè ở nước ta mà người Pháp trong những năm cai trị và khai thác thuộc địa nước ta đã công bố nhiều công trình khoa học, từ Jean Poujade với *Thuyền ở Đông Dương* (1940), Pierre Paris với *Phác thảo dân tộc học về ghe thuyền của các xứ trong nước An Nam* (1942), đến J.B. Piétri với *Thuyền buồm Đông Dương* (1943)... Những công trình như thế rất cần tập hợp thành một data bank, rồi tiến tới một big data về nghiên cứu biển đảo Việt Nam. Hàng trăm công trình về văn hóa biển đảo Việt Nam đã công bố trong các năm qua bằng nhiều thứ tiếng ở trong và ngoài nước hiện tồn tại rải rác, cần tập hợp, phục vụ cho công tác phát triển bền vững kinh tế biển hôm nay và sau này.

*

* *

Tựu trung, các văn kiện của Đại hội lần thứ XIII đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn với văn hóa biển đảo Việt Nam cho các nhà quản lý, các nhà khoa học và cộng đồng. Là người nghiên cứu văn hóa biển đảo, tham luận của tác giả chỉ là một tiếng nói nhỏ trước một công việc to lớn của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

ĐỂ VĂN HÓA LÀ ĐỘNG LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

PGS.TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU*

Văn hóa và kinh tế là hai lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội. Nếu kinh tế được xem là nền tảng vật chất của xã hội thì văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Hơn thế, giữa văn hóa và kinh tế có mối quan hệ mật thiết, quy định lẫn nhau. Kinh tế phát triển sẽ tạo nguồn lực hỗ trợ, thúc đẩy cho văn hóa phát triển; và ngược lại, văn hóa phát triển cũng sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển. Mọi quá trình phát triển của các quốc gia đều phải chú ý đến cả hai yếu tố này; nếu chỉ chú ý đến một trong hai yếu tố thì sẽ khó đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Hay nói cách khác, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế là cách thức tối ưu để các quốc gia đạt được mục tiêu phát triển.

Trong mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, vai trò của kinh tế đối với sự phát triển văn hóa đã được nhận thức sâu sắc và khẳng định cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Nhưng ở chiều cạnh còn lại, về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế thì mới được quan tâm nhiều hơn trong thời gian gần đây.

Trên cơ sở tiếp cận những thành tựu trong nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn phát triển đất nước, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định quan điểm phát triển của Việt Nam là “phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu”¹; trong đó, nhấn mạnh cần xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để văn hóa thực sự là động lực đột phá phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Để phát huy vai trò của văn hóa với tư cách là động lực đột phá cho sự phát triển kinh tế, chúng ta cần phải làm gì? Bài viết này sẽ tập trung làm rõ mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế và đề xuất một số giải pháp để phát huy vai trò của văn hóa với tư cách là động lực đột phá cho phát triển kinh tế.

* Viện trưởng Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.214.

1. Nhận thức lý luận về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế

Trước đây, khi đề cập mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, quan điểm phổ biến được nhiều người đồng thuận là: văn hóa là lĩnh vực tinh thần thuần túy, phi sản xuất, phi lợi nhuận. Với quan điểm như vậy, khi bàn về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, đương nhiên sẽ chỉ nhìn thấy một chiều, kinh tế phát triển sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển. Còn về chiều ngược lại, tác động của văn hóa đối với kinh tế, nếu có, sẽ chỉ giới hạn ở vai trò văn hóa cổ vũ cho sự phát triển kinh tế, văn hóa là thứ hoa lá cành trang trí cho cỗ máy công nghiệp.

Tuy nhiên, từ khi Đảng lãnh đạo tiến hành công cuộc đổi mới, tư duy về văn hóa, về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế đã có sự thay đổi. Vai trò của văn hóa đối với sự phát triển nói chung, đối với phát triển kinh tế nói riêng đã được nhìn nhận một cách toàn diện và thấu đáo hơn. Văn hóa được xem là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển kinh tế. Bản chất của văn hóa là sự sáng tạo hướng tới các giá trị nhân văn, vì con người. Vì con người, vì ấm no, hạnh phúc của con người và sự thịnh vượng của quốc gia - đây cũng chính là mục tiêu của phát triển nói chung và phát triển kinh tế nói riêng. Phát triển kinh tế bền vững phải hướng tới những giá trị văn hóa, thể hiện qua những chuẩn mực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, bảo đảm cho mọi người đều được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế, không ai bị bỏ lại phía sau. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nhân chính là những thực thể sinh động của sự thẩm thấu những giá trị văn hóa vào hoạt động kinh tế. Với tư cách là động lực của phát triển, văn hóa góp phần tạo dựng môi trường lành mạnh để phát triển kinh tế. Ở đó, con người có điều kiện và cơ hội để phát huy năng lực sáng tạo, chủ động tham gia tích cực vào đời sống kinh tế. Đồng thời, một môi trường văn hóa lành mạnh sẽ là mảnh đất màu mỡ để phát triển nền kinh tế thị trường văn minh, đẩy lùi các tiêu cực và tệ nạn xã hội. Văn hóa không chỉ là động lực gián tiếp mà văn hóa còn là động lực trực tiếp cho sự phát triển kinh tế. Sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa đã và đang mang lại kỳ vọng vào một hướng phát triển nhanh, bền vững của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Công nghiệp văn hóa là một tập hợp các ngành phát triển dựa trên sự khai thác tổng hợp các yếu tố: sáng tạo, khoa học - công nghệ, thị trường và vốn văn hóa. Thay vì khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên hữu hạn như nhiều ngành nghề khác, ngành công nghiệp văn hóa khai thác nguồn tài nguyên vô hạn là sức sáng tạo của con người. Công nghiệp văn hóa chính là một biểu hiện tập trung của sự gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa và kinh tế trong phát triển.

Những nhận thức lý luận về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế đã được thể hiện trong Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới.

Trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm khóa VIII về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (1998),

Đảng ta đã xác định: “Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế, đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế”¹. Cũng trong Nghị quyết này, lần đầu tiên Đảng ta đã xác định sự cần thiết phải xây dựng chính sách kinh tế trong văn hóa và chính sách văn hóa trong kinh tế. Đảng ta khẳng định: “Chính sách văn hóa trong kinh tế bảo đảm cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh tế tạo điều kiện nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Việc xây dựng các mục tiêu, giải pháp kinh tế phải gắn với các mục tiêu, giải pháp văn hóa, chăm lo con người, nêu cao đạo đức trong sản xuất kinh doanh, xây dựng văn minh thương nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa kinh doanh”².

Từ sau Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về văn hóa, Đảng ta đã bổ sung những quan điểm lý luận mới về văn hóa trong kinh tế. Nổi bật là luận điểm: “Đảm bảo sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước”³. Như vậy, sự phát triển bền vững đất nước không chỉ bao gồm 3 nhân tố: kinh tế, xã hội, môi trường, mà còn bao hàm cả nhân tố văn hóa. Luận điểm này thể hiện bước phát triển mới trong tư duy lý luận về văn hóa trong kinh tế của Đảng. Đại hội XI của Đảng đã tiếp tục khẳng định: “Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước về chính sách phát triển thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ ta”⁴. Đây là luận điểm cốt lõi phản ánh tính chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI của Đảng về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã xác định vấn đề văn hóa, con người phải gắn liền với yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết đã nêu lên nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong kinh tế, gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế. Đảng ta đã nhấn mạnh: “Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sự

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55, 74.

3. Kết luận số 30-KL/TU ngày 20/7/2004. Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.40.

là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016) tiếp tục khẳng định: “Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”².

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh hơn nữa vai trò động lực của văn hóa trong phát triển kinh tế: “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế”³ và “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”⁴.

Những quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế là những vấn đề lý luận rất mới, có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn sâu rộng để đảm bảo sự hài hòa trong phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế, vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

2. Thực tiễn phát huy vai trò động lực của văn hóa trong phát triển kinh tế ở Việt Nam

Sự hiện diện và thâm thấu của văn hóa trong các hoạt động kinh tế ngày càng sâu rộng hơn. Với tư cách là động lực cho sự phát triển kinh tế, văn hóa đã tham gia điều tiết và thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở nhiều phương diện, tiêu biểu là các phương diện sau:

Thứ nhất, hệ giá trị văn hóa điều tiết các hoạt động kinh tế theo hướng nhân văn.

Hệ giá trị văn hóa của mỗi quốc gia, dân tộc được hình thành trong suốt chiều dài lịch sử, dưới tác động của các điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội,... Hệ giá trị ấy quy định sự lựa chọn, thế ứng xử của cả cộng đồng và của từng cá nhân

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.53.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.128.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.II, tr.134.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.47.

thuộc về cộng đồng ấy. Khi các giá trị văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trong đó có hoạt động kinh tế, nó sẽ có tác dụng định hướng, điều chỉnh các hoạt động của các chủ thể kinh tế theo hướng nhân văn, vì cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Lúc này, các chủ thể kinh tế không chỉ quan tâm đến lợi nhuận, mà còn quan tâm đến lợi ích của người lao động, trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường, với quốc gia. Các hành vi sản xuất, kinh doanh đi ngược lại các giá trị chân - thiện - mỹ bị phê phán, bị khước từ. Trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân... đã có sự chuyển dịch từ phong trào đi vào thực chất, đi vào chiều sâu, trở thành nhu cầu tự thân của mỗi doanh nghiệp. Khi văn hóa tham gia điều tiết các hoạt động kinh tế, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp gia tăng, khi đó, không chỉ doanh nghiệp được lợi mà cộng đồng, xã hội và người dân cùng được chia sẻ lợi ích. Như vậy, văn hóa là đường dẫn để kết nối giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đây chính là một trong các tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Thứ hai, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc trong phát triển kinh tế.

“Khát vọng và ý chí phát triển là động lực hết sức quan trọng để đưa mọi dân tộc đi tới thịnh vượng và thành công”¹. Khát vọng về một đất nước độc lập, hòa bình, phồn vinh, hạnh phúc đã hun đúc nên ý chí, dẫn dắt các thế hệ người Việt Nam vượt thoát khỏi bao cuộc thử thách hiểm nghèo của lịch sử, giành lại độc lập và chung tay xây dựng đất nước. Lịch sử đã chứng minh rằng những giá trị văn hóa được khơi dậy đúng mức sẽ biến thành sức mạnh to lớn.

Có thể nói, cơ đồ dân tộc khát vọng phát triển đất nước đã tạo nên sự chuyển động của nền kinh tế quốc dân trong cả mục tiêu và phương thức phát triển. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ kết hợp với đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế quốc tế không chỉ là phương châm phát triển kinh tế quốc gia mà còn thể hiện rõ trong định hướng phát triển của các doanh nghiệp. Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã không ngừng đổi mới, sáng tạo, bằng ý chí, nỗ lực, khẳng định được uy tín, vị thế trên thương trường. Từ các slogan đến các kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp này đã thể hiện được khát vọng phát triển, ý chí tự cường, lòng tự hào dân tộc. Không giới hạn mình trong phạm vi biên giới lãnh thổ, rất nhiều doanh nghiệp đã vươn ra thị trường quốc tế và khẳng định thương hiệu.

Trong hoạt động tiêu dùng hàng hóa, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ phát động đã thu hút được sự quan tâm, hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương và đông đảo người tiêu dùng trong

1. GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng: *Tư tưởng, lý luận với đổi mới và phát triển đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.673.

cả nước. Cuộc vận động lớn này chính là một cách làm sáng tạo nhằm khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc trong mỗi người dân. Kết quả là hệ thống phân phối hàng “made in Việt Nam” đã được phát triển rộng khắp trên cả nước. Nhiều thương hiệu hàng hóa do các doanh nghiệp trong nước sản xuất đã tạo được chỗ đứng trên thị trường, tạo được uy tín với người tiêu dùng. Tỷ lệ các doanh nghiệp và người tiêu dùng biết đến Chương trình quốc gia “Tinh hoa Việt Nam”, “Tự hào hàng Việt Nam” không ngừng gia tăng. Có thể thấy rằng, sau hơn 10 năm triển khai, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đã góp phần thay đổi nhận thức và hành vi tiêu dùng của người Việt Nam. Điều đó tạo nên sự kích lệ to lớn để các doanh nghiệp trong nước tiếp tục sản xuất nhiều sản phẩm chất lượng tốt, giá thành hợp lý.

Thứ ba, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

Vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế không chỉ dừng lại ở vị thế của những nguồn lực tinh thần, tham gia điều tiết, định hướng, thúc đẩy phát triển kinh tế, mà văn hóa còn là động lực trực tiếp cho sự phát triển kinh tế. Thực tế đã chứng minh rằng rất nhiều các lĩnh vực văn hóa nếu được khai thác hợp lý sẽ có khả năng đóng góp trực tiếp cho nền kinh tế quốc dân. Phát triển công nghiệp văn hóa chính là sự lựa chọn hiệu quả cho hướng phát triển này.

Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự ra đời của *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030,...* đã bước đầu tạo được nhận thức của xã hội về vai trò, vị trí các ngành công nghiệp văn hóa cũng như sự cần thiết phải đầu tư các nguồn lực cho công nghiệp văn hóa. Dù ra đời muộn hơn các nước trong khu vực và trên thế giới, nhưng ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam cũng đã có những đóng góp nhất định đối với nền kinh tế quốc dân. Một số lĩnh vực công nghiệp văn hóa như điện ảnh, mỹ thuật và quảng cáo, phần mềm kỹ thuật số và trò chơi điện tử, du lịch văn hóa,... đã có những bước phát triển đáng ghi nhận. Theo *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, thì đến năm 2020, các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 3% GDP và ước tính đến năm 2030, con số đó sẽ là 7% GDP.

3. Những vấn đề đặt ra và giải pháp phát huy vai trò động lực đột phá của văn hóa đối với phát triển kinh tế

3.1. Những vấn đề đặt ra

Nhìn lại 35 năm đổi mới có thể thấy việc phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế đã được quan tâm cả về phương diện chủ trương, đường lối, chính sách và triển khai trong thực tế. Những cố gắng đó, mức độ nhất định đã mở đường để các giá trị văn hóa thâm nhập vào trong đời sống kinh tế, góp phần tạo nên sự tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua. Tuy nhiên, nhìn một cách toàn diện cả về phương diện lý luận và thực tiễn, có thể thấy còn rất nhiều những vấn đề đặt ra.

Về phương diện lý luận: Cho đến nay, khung lý thuyết chung về văn hóa trong kinh tế vẫn còn chưa được xác lập và các tiêu chí để đánh giá vai trò văn hóa trong kinh tế chưa rõ ràng. Văn hóa trong kinh tế bao hàm những nội dung cốt lõi nào? Xây dựng văn hóa trong kinh tế chỉ tập trung vào xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân hay cần mở rộng sang cả hệ thống tầm nhìn, xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế, tháo gỡ về thể chế, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh sáng tạo và ứng dụng khoa học, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, chống các rào cản đối với sự phát triển kinh tế nhìn từ góc độ văn hóa? Hàng loạt các câu hỏi vẫn đang cần những lời giải đáp từ phía các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý.

Về phương diện thực tiễn: Chủ trương xây dựng chính sách văn hóa trong kinh tế được Đảng ta nêu ra trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) nhưng chậm được cụ thể hóa, thể chế hóa nên chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động kinh tế.

Tầm nhìn về sự phát triển kinh tế bền vững của các bộ, ngành, địa phương nói riêng còn yếu, không nhất quán, thiếu đồng bộ, nên để xảy ra hậu quả nghiêm trọng về quy hoạch, về môi trường, làm thất thoát tài nguyên, tài sản của Nhà nước và nhân dân, tạo nhiều kẽ hở cho tham nhũng, lãng phí hoành hành. Hàng loạt vụ đại án kinh tế trong thời gian qua chứng tỏ vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế chưa được phát huy, những giá trị văn hóa, đạo đức trong hoạt động kinh tế không được coi trọng.

Việc xây dựng văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh, văn hóa lao động, văn minh thương mại, dịch vụ chưa thực sự đi vào đời sống kinh tế. Văn hóa chưa đủ sức lan tỏa, vun trồng, bồi đắp những nhân tố mới, những giá trị mới tích cực, tiến bộ, chưa đẩy lùi được những nhân tố tiêu cực, độc hại trong hoạt động kinh tế. Chính vì vậy, tình trạng làm ăn phi pháp như buôn lậu, lừa đảo, trốn thuế, hàng giả, hàng độc hại, tệ tham nhũng, lãng phí... ngày càng gia tăng, làm tiêu phí nguồn lực phát triển kinh tế, gây nên những bức xúc trong xã hội.

Thị trường các sản phẩm và dịch vụ văn hóa đã hình thành, nhưng còn nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ, còn mang nhiều yếu tố tự phát. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ văn hóa chưa có sự kết nối, phần lớn là hoạt động khó khăn, nguồn lực hạn chế, sức cạnh tranh thấp. Các sản phẩm văn hóa tuy nhiều nhưng ít các sản phẩm có giá trị tư tưởng, thẩm mỹ cao. Việc xây dựng các ngành công nghiệp văn hóa còn nhiều lúng túng, chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

Nhìn chung tác động của văn hóa vào trong kinh tế còn hạn chế, chưa đủ sức mạnh để tạo nên quá trình “văn hóa hóa kinh tế”, nhằm xây dựng một nền kinh tế nhân văn, kinh tế vì con người và bảo vệ môi trường sinh thái.

3.2. Giải pháp

Để văn hóa trở thành “động lực đột phá” cho sự phát triển kinh tế như tinh thần Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, thiết nghĩ, cần phải tập trung vào các giải pháp sau:

Một là, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về vai trò của văn hóa trong phát triển nói chung, trong phát triển kinh tế nói riêng. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nguyên nhân của cả thành công hay thất bại của các quốc gia liên quan mật thiết đến thể chế của quốc gia đó. Như đã trình bày ở trên, hệ thống quan điểm của Đảng về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế thời kỳ đổi mới đã được nêu rõ trong Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng. Nếu những quan điểm này đi vào cuộc sống, chắc chắn sẽ tạo được sự chuyển động trong phát triển kinh tế theo mục tiêu đề ra. Chính vì vậy, trước hết và trên hết, cần tập trung thể chế hóa các quan điểm của Đảng về vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế thành luật pháp, thành các chiến lược, thành các quy định cụ thể. Cần xây dựng chế tài về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, xác định được trách nhiệm pháp lý của các chủ thể kinh tế trong việc tuân thủ các giá trị, chuẩn mực văn hóa cũng như khai thác nguồn vốn văn hóa để phát triển kinh tế. Có như vậy mới tạo động lực cho các doanh nghiệp tìm tòi, đổi mới mô hình hoạt động theo hướng coi trọng các giá trị văn hóa trong sản xuất, kinh doanh.

Hai là, cần xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá năng lực điều hành, quản lý nhà nước của các chính quyền địa phương trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người. Đối với các lĩnh vực khác như kinh tế, xã hội, để đo lường được sự phát triển đã có thước đo là các bộ chỉ số. Đối với lĩnh vực văn hóa, cho đến nay, vẫn chưa có công cụ đo lường hiệu quả. Điều này làm hạn chế việc huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển văn hóa con người. Vì thiếu đi những bộ công cụ đo lường sẽ không thấy được tính hiệu quả của các dự án, các kế hoạch phát triển văn hóa. Dư luận xã hội luôn quan ngại đầu tư cho văn hóa là lãng phí, không thiết thực, một phần cũng vì sự thiếu hụt này. Mặc dù văn hóa là lĩnh vực rộng lớn, phức tạp, không phải lúc nào cũng có thể định lượng được sự phát triển của văn hóa, nhưng với quyết tâm chính trị của những nhà lãnh đạo quản lý và các nhà khoa học, việc xây dựng bộ chỉ số phát triển văn hóa, con người là khả thi.

Ba là, cần xây dựng báo cáo thường niên về phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Mặc dù văn hóa được “đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”, nhưng trong hệ thống số liệu thống kê quốc gia hằng năm, số liệu về văn hóa luôn là khiêm tốn nhất. Điều này có nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân từ phía cung cấp thông tin và có nguyên nhân từ việc tiếp nhận, xử lý thông tin. Nhưng dù là nguyên nhân nào thì cũng dẫn đến kết quả là khó khăn trong tiếp cận các thông tin, số liệu về văn hóa. Việc tổ chức nghiên cứu, xây dựng và công bố báo cáo thường niên về văn hóa sẽ khắc phục những hạn chế nêu trên, cung cấp một cái nhìn toàn diện về

các lĩnh vực văn hóa, thấy được điểm mạnh, điểm yếu để kịp thời có những giải pháp phù hợp thúc đẩy văn hóa phát triển.

Bốn là, tập trung phát triển ngành công nghiệp văn hóa và hoàn thiện thị trường các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Đây là ngành kinh tế mới, hứa hẹn nhiều tiềm năng, đặc biệt là đối với một quốc gia sở hữu nguồn vốn văn hóa phong phú như Việt Nam. Tuy nhiên, để biến tiềm năng thành hiện thực, thành những nguồn lực, động lực để phát triển thì đòi hỏi cần phải có sự thay đổi cả về tư duy và hành động. Nhà nước nên lựa chọn để đầu tư, hỗ trợ một số lĩnh vực công nghiệp văn hóa cũng như ban hành chính sách để thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp văn hóa. Các chính quyền địa phương cũng phải quyết liệt hơn nữa cùng với Chính phủ trong việc đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, xây dựng và phát triển ngành công nghiệp văn hóa dựa trên khai thác các lợi thế so sánh của địa phương mình.

*

* *

Văn hóa, trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, đã khẳng định vị trí của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay, văn hóa tiếp tục phát huy vai trò của mình với tư cách là nền tảng tinh thần, là nguồn lực nội sinh quan trọng, là động lực cho sự phát triển đất nước. Mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế ngày càng gắn bó. Đây là một trong những mối quan hệ lớn của đất nước, của thời đại, mà nếu được giải quyết tốt, sẽ góp phần làm gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Hà Nội, 2019.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Phần II (Đại hội X, XI, XII), Hà Nội, 2019.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, II.
- [4] PGS.TS. Phạm Duy Đức - PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu (đồng chủ biên): *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.
- [5] GS.TS. Phạm Xuân Nam (chủ biên): *Triết lý phát triển ở Việt Nam. Mấy vấn đề cốt yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
- [6] GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng: *Tư tưởng, lý luận với đổi mới và phát triển đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VỚI KHÁT VỌNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

GS.TS. TỪ THỊ LOAN*

Đất nước ta đang đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vai trò của các doanh nghiệp với tư cách là trụ cột của nền kinh tế ngày càng được đề cao. Để thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra, việc quan tâm đến doanh nghiệp và nhất là văn hóa doanh nghiệp càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ký Quyết định số 1846/QĐ-TTg lấy ngày 10/11 hằng năm là Ngày Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam và phát động “Cuộc vận động Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam” trên cả nước. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng cũng nhấn mạnh nhiệm vụ: “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh”¹. Điều đó cho thấy sự chú trọng của Đảng và Nhà nước ta đối với vấn đề xây dựng văn hóa doanh nghiệp, sự đề cao nhân tố văn hóa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp trong sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế đất nước

Nếu doanh nghiệp là xương sống của nền kinh tế, thì văn hóa doanh nghiệp là linh hồn của doanh nghiệp. Trên thế giới có rất nhiều định nghĩa về văn hóa doanh nghiệp tùy theo quan niệm rộng, hẹp khác nhau về văn hóa, góc độ tiếp cận và mục đích nghiên cứu và quản lý, tuy nhiên, về cơ bản đa số các ý kiến đều thống nhất cho rằng, văn hóa doanh nghiệp là toàn bộ các giá trị văn hóa được gây dựng trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp, trở thành các giá trị, chuẩn mực, quan niệm, truyền thống ăn sâu vào hoạt động của doanh nghiệp. Văn hóa doanh nghiệp sẽ chi phối tình cảm, nếp suy nghĩ và hành vi của mọi thành viên

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.144.

doanh nghiệp trong việc theo đuổi và thực hiện các mục đích đề ra, tạo nên sự khác biệt giữa các doanh nghiệp.

Trong bài viết này, tác giả xin sử dụng khái niệm “Văn hóa doanh nghiệp là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, quan niệm và hành vi chi phối hoạt động của mọi thành viên trong doanh nghiệp, được chia sẻ bởi các thành viên và tạo nên bản sắc riêng của doanh nghiệp”¹.

Theo Edgar Schein, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp bao gồm: (1) Các cấu trúc hữu hình: Kiến trúc đặc trưng, biểu tượng, logo, slogan, ngôn ngữ, trang phục, ấn phẩm, nghi lễ, cơ cấu tổ chức, văn bản quy định, sản phẩm...; (2) Những giá trị được chấp nhận, chia sẻ: Tâm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu chiến lược, triết lý kinh doanh, chuẩn mực hành vi, quy tắc ứng xử...; (3) Những giá trị nền tảng: Niềm tin, nhận thức, suy nghĩ, tình cảm... trở thành truyền thống, ăn sâu vào tiềm thức của mỗi thành viên trong doanh nghiệp².

Nhìn chung, văn hóa doanh nghiệp chính là “trụ cột tinh thần” làm nên cốt cách của doanh nghiệp, là chất keo gắn kết các thành viên hướng tới những mục tiêu chung và cung cách hành động chung. Trong các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp lớn, thường tập hợp nhiều thành viên là những người khác nhau về trình độ, quan hệ xã hội, năng lực, tính cách... tạo nên một môi trường làm việc đa dạng và phức tạp. Muốn tồn tại và phát triển bền vững, doanh nghiệp cần là nơi tập hợp, phát huy mọi nguồn lực con người, xây dựng và duy trì một môi trường văn hóa mà ở đó các thành viên đều có những giá trị chung để chia sẻ và cùng đồng thuận để hướng đến mục tiêu chung.

Văn hóa doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các doanh nghiệp, về cơ bản có thể quy về một số ý chính như sau:

- *Văn hóa doanh nghiệp tạo ra sự ổn định, bền vững cho doanh nghiệp.* Các yếu tố của văn hóa doanh nghiệp như: Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, tác phong làm việc, cung cách ứng xử... được định hình trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp sẽ tạo nên uy tín, hình ảnh, sự nổi tiếng của doanh nghiệp trên thương trường. Uy tín càng cao, hình ảnh càng gây thiện cảm, có sức lôi cuốn thì càng đưa tới sự ổn định và phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Như vậy, văn hóa doanh nghiệp chính là tài sản vô hình quý giá của doanh nghiệp và trở thành động lực tinh thần giúp cho doanh nghiệp phát triển bền vững.

- *Văn hóa doanh nghiệp góp phần xây dựng và phát triển thương hiệu của doanh nghiệp.* Không một thương hiệu mạnh nào lại không dựa trên một nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững chắc. Thương hiệu là kết quả hội tụ của toàn bộ quy trình

1. Dương Thị Liễu: *Văn hóa doanh nghiệp*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2020, tr.64.

2. Xem Edgar H.Schein: *Organizational Culture and Leadership*, Fourth Edition, Jossey - Bas Publisher, San Francisco, USA, 2010.

tạo ra sản phẩm, sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược kinh doanh, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và phong cách ứng xử với đối tác, khách hàng. Văn hóa doanh nghiệp góp phần xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp trong tâm trí công chúng và cũng là yếu tố tích cực thúc đẩy thương hiệu phát triển. Xây dựng thương hiệu trên nền tảng văn hóa là cơ sở cho sự phát triển lâu bền. Sở dĩ người tiêu dùng tin tưởng sử dụng sản phẩm của các thương hiệu Nhật Bản là bởi người Nhật nổi tiếng là kinh doanh trung thực, có trách nhiệm và tận tâm. Trong văn hóa doanh nghiệp, những giá trị văn hóa hữu hình và vô hình luôn đan xen và bổ trợ lẫn nhau để tạo nên thương hiệu cả ở nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

- Văn hóa doanh nghiệp tạo động lực làm việc, thúc đẩy tính sáng tạo của các thành viên, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, tích cực chính là tác nhân quan trọng để các ý tưởng sáng tạo nảy sinh. Trong môi trường đó, các cá nhân luôn được khuyến khích đề xuất các sáng kiến, sáng chế; những ý kiến tranh luận, phản biện được tôn trọng, lắng nghe; các cải tiến, sáng tạo, làm mới luôn được xem xét, ủng hộ; những thành công, đóng góp được ghi nhận và đãi ngộ xứng đáng... Tất cả những điều đó sẽ tạo động lực làm việc cho nhân viên, kích thích không khí đổi mới và sáng tạo, tăng cường sức mạnh của doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thương trường.

- Văn hóa doanh nghiệp giúp thu hút nhân tài, nâng cao lòng trung thành của nhân viên. Văn hóa doanh nghiệp tốt sẽ tạo ra môi trường làm việc tốt, khơi gợi cảm hứng khiến cho các cá nhân cố gắng phấn đấu vì mục tiêu chung, tạo nên lực hướng tâm chung cho toàn doanh nghiệp. Văn hóa doanh nghiệp cũng tạo nên tác phong làm việc tích cực, tự giác, năng động, giúp gia tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Một môi trường làm việc có văn hóa sẽ có sức hút cao hơn đối với những người có tài, có năng lực chuyên môn. Nhiều khi người lao động làm việc không chỉ vì tiền lương, mà còn vì môi trường làm việc trong lành, dễ chịu, họ cảm thấy được đối xử bình đẳng và tôn trọng, có cơ hội thăng tiến và hoàn thiện bản thân. Môi trường và điều kiện làm việc tốt cũng tạo nên sự gắn bó lâu dài của nhân viên với doanh nghiệp, nâng cao lòng trung thành của họ đối với tổ chức, tình trạng bỏ việc, “nhảy việc” ít diễn ra.

- Văn hóa doanh nghiệp giúp tạo dựng lòng tin và thu hút khách hàng, đối tác. Văn hóa doanh nghiệp cũng chính là thứ tạo nên sự khác biệt giữa các doanh nghiệp. Sự khác biệt này được bộc lộ không chỉ qua chất lượng các sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp, mà còn qua quá trình tiếp xúc, giao dịch, hợp tác, thái độ nhiệt tình phục vụ khách hàng, tinh thần trách nhiệm, ý thức giữ chữ tín, tôn trọng đối tác, đem lại sự hài lòng, tin tưởng và kết quả là dẫn đến sự hợp tác lâu dài, sự trung thành, gắn bó của đối tác và khách hàng.

Như vậy, có thể thấy, từ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi doanh nghiệp, văn hóa doanh nghiệp cũng có đóng góp lớn cho sự phát triển chung của đất

nước. Càng có nhiều doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có văn hóa, nền kinh tế của đất nước càng phát triển mạnh và bền vững. Hiện nay, phát triển bền vững được xác định dựa trên 3 trụ cột chính: bền vững về kinh tế, bền vững về văn hóa - xã hội và bền vững về môi trường. Do vậy, vai trò của trụ cột văn hóa rất cần được quan tâm xây dựng.

2. Thực trạng xây dựng văn hóa doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm gần đây, môi trường kinh doanh ở Việt Nam đã được cải thiện, nhiều doanh nghiệp sau một giai đoạn làm ăn chộp giật trong tích lũy tư bản đầu đã nhận thấy vai trò quan trọng của nhân tố văn hóa và bắt đầu quan tâm xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Đã xuất hiện nhiều doanh nghiệp không chỉ đạt được các thành tựu lớn trong sản xuất, kinh doanh, mà còn quan tâm xây dựng văn hóa doanh nghiệp như: Vingroup, SunGroup, Viettel, Vinamilk, Thaco, FPT, TH trueMilk, Kinh Đô, Vietcombank...

Từ khi đất nước bước sang thời kỳ đổi mới, công cuộc xây dựng văn hóa doanh nghiệp đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Nhiều doanh nghiệp đã bước đầu gia nhập môi trường kinh doanh của thế giới, thích ứng được với môi trường cạnh tranh toàn cầu. Các chiến lược, mục tiêu kinh doanh được xác định rõ ràng, chuẩn xác, phù hợp. Triết lý kinh doanh được đúc rút sâu sắc, có bề dày văn hóa. Các nguyên tắc, quy định của doanh nghiệp được xây dựng rõ ràng, tương đối dân chủ, gắn với thực tế và dễ thực hiện. Các giá trị cốt lõi dần dần được hình thành, tạo nên bản sắc riêng cho nhiều doanh nghiệp, tạo dấu ấn và dành được thiện cảm của đối tác và khách hàng. Những nội dung của văn hóa doanh nghiệp có tính linh hoạt, có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi của môi trường và hoàn cảnh. Nhiều doanh nghiệp đã bước đầu áp dụng chế độ làm việc dựa trên hiệu quả công việc và sự hiện thực hóa những giá trị văn hóa, chuẩn mực văn hóa của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận lớn doanh nghiệp, công ty, tổ chức chưa quan tâm đến xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thể hiện ở những điểm yếu như sau: Chiến lược, mục tiêu kinh doanh chưa rõ ràng và thiếu tầm nhìn dài hạn. Triết lý kinh doanh chưa hài hòa giữa “hướng nội và hợp tác” hay “hướng ngoại và khác biệt”. Vấn đề quản lý nhân sự còn yếu, chưa nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Việc đánh giá năng lực nhân viên còn mang tính chủ quan, chưa có tiêu chí rõ ràng, không khuyến khích nhân tài. Chính sách khen thưởng có, nhưng việc thực hiện chưa đồng bộ, nhất quán. Nhiều doanh nghiệp thiếu tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, lẩn tránh các nghĩa vụ giúp đỡ, hỗ trợ cộng đồng. Đạo đức kinh doanh còn nhiều biểu hiện tiêu cực, không ít doanh nghiệp vẫn đề cao lợi ích, lợi nhuận của công ty trên hết, hy sinh quyền lợi của khách hàng, xâm hại môi trường thiên nhiên. Kỹ năng quản trị, khả năng xử lý rủi ro, vượt qua khủng hoảng còn nhiều hạn chế, nhất là trong bối cảnh đại dịch, thiên tai, xung đột. Vai trò và lợi

ích của người lãnh đạo được đặt quá cao, tạo khoảng cách giữa lãnh đạo và nhân viên, chưa tạo nên sự đoàn kết, gắn bó trong nội bộ. Tác phong và lễ lối làm việc chưa chuyên nghiệp, chưa bảo đảm kỷ cương, chưa tuân thủ an toàn lao động...

Theo khảo sát của Công ty Blue C về hiện trạng thực thi văn hóa doanh nghiệp trong 113 doanh nghiệp trên cả nước thì hầu hết các doanh nghiệp mới triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp ở mức trung bình¹. Kết quả khảo sát cho thấy, trong 6 cấp độ trưởng thành của văn hóa doanh nghiệp thì cấp độ 2 và 3 là phổ biến nhất với tỷ lệ hơn 60%, nghĩa là trong số 10 doanh nghiệp Việt Nam thì có tới 6 doanh nghiệp đang thực thi văn hóa doanh nghiệp ở mức trung bình. Đa số các doanh nghiệp đều nhận thấy vai trò quan trọng của văn hóa doanh nghiệp, nhưng chưa có sự đầu tư phù hợp và chưa coi trọng việc đo lường hiệu quả văn hóa doanh nghiệp. Sự quan tâm của lãnh đạo doanh nghiệp chưa được chuyển hóa thành các đầu tư về ngân sách hay nguồn lực chuyên trách. Mặc dù có tới 66,36% lãnh đạo nhận thấy vai trò của văn hóa doanh nghiệp là quan trọng hoặc rất quan trọng, nhưng hơn một nửa doanh nghiệp (56,64%) không có ngân sách dành riêng cho văn hóa hoặc chỉ có ngân sách theo sự vụ. Chỉ có 2 trong số 10 doanh nghiệp (23,01%) là có nguồn lực chuyên trách cho văn hóa doanh nghiệp với các mô tả công việc rõ ràng.

Hầu hết doanh nghiệp (90%) đã thiết lập các yếu tố nền tảng của văn hóa doanh nghiệp như: tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi và cụ thể hóa thành các ý tưởng và khái niệm đơn giản, áp dụng một số hình thức truyền thông nội bộ. Tuy nhiên, chưa đến một nửa số doanh nghiệp (45%) xác lập được các bộ chuẩn hành vi rõ ràng và áp dụng vào quy trình tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân sự. Chỉ có 24% doanh nghiệp đưa những tiêu chuẩn về văn hóa bắt buộc vào quy trình tuyển dụng. Việc đánh giá nhân sự, khen thưởng nhân viên chủ yếu dựa trên kết quả công việc, chứ chưa theo các tiêu chí của văn hóa doanh nghiệp. Khá nhiều doanh nghiệp còn xem nặng yếu tố truyền thông mà coi nhẹ việc định hướng hành vi với nhân viên. Việc đo lường và đánh giá văn hóa doanh nghiệp chưa được coi trọng, thường được lồng ghép vào các khảo sát chung định kỳ hằng năm. Đặc biệt có gần một nửa số doanh nghiệp (46,02%) chưa từng có các khảo sát, đo lường văn hóa doanh nghiệp.

Như vậy, có thể thấy công cuộc xây dựng văn hóa doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay mới đang ở những bước đi ban đầu. Việc triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại nhiều đơn vị, tổ chức còn mang nặng tính hình thức, bề nổi, chạy theo phong trào, thiên về các hoạt động giải trí, văn hóa, thể thao và truyền thông,

1. "Khảo sát về hiện trạng thực thi văn hóa doanh nghiệp: Hầu hết các doanh nghiệp ở Việt Nam mới triển khai ở mức trung bình", <https://cafebiz.vn/khao-sat-ve-hien-trang-thuc-thi-van-hoa-doanh-nghiep-hau-het-cac-doanh-nghiep-o-viet-nam-moi-trien-khai-o-muc-trung-binh-20211013160235489.chn>.

chứ chưa tập trung vào việc hiện thực hóa tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi và chuẩn hành vi.

3. Giải pháp phát triển văn hóa doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc

3.1. Các giải pháp từ phía Nhà nước

3.1.1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh

Chúng ta không thể đòi hỏi các doanh nghiệp thực thi văn hóa doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, trong khi các vấn đề về thể chế, cơ chế còn nhiều bất cập; các thủ tục hành chính còn rườm rà, phiền nhiễu; các vấn đề pháp lý còn chưa minh bạch, công khai.

Hiện nay, đất nước ta đang tiến hành xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xu thế chung của hầu hết các quốc gia trên thế giới là phát triển kinh tế thị trường như một phương thức tất yếu và hữu hiệu để đạt tới sự giàu có, văn minh. Ngày nay, kinh tế thị trường hiện đại đã đạt tới trình độ phát triển cao của nó và vận động theo chiều hướng tiến bộ chứ không phải ngược lại. Thị trường càng văn minh thì tính chất nhân đạo của nó càng tăng và mục tiêu phục vụ con người càng có khả năng thực hiện. Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện; cơ chế, mô hình quản lý đang trên con đường củng cố; còn rất nhiều bất cập, hạn chế và lúng túng..., do vậy đã tạo ra nhiều kẽ hở về quản lý, về sở hữu và phân phối, khiến cho tình trạng tham nhũng, hối lộ, tiêu cực có cơ hội phát triển, các quan hệ lợi ích nhóm, tập đoàn lan rộng, tạo điều kiện cho những hành vi, biểu hiện suy thoái về đạo đức kinh doanh, văn hóa kinh doanh. Do vậy, đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để nền kinh tế vận hành theo đúng các quy luật của cung cầu, cạnh tranh, lợi ích và giá trị là một yêu cầu cấp thiết.

Theo các chuyên gia kinh tế, bốn trụ cột của kinh tế thị trường là “luật chơi”, “sân chơi”, “người chơi” và “cách chơi”¹. Nếu chúng vận hành bình đẳng, đúng quy luật thì sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh lành mạnh, bền vững.

Luật chơi là chính sách và pháp luật, hay đó chính là cơ chế, bao gồm những thể lệ có tính pháp lý hoặc những chính sách, quy định của Nhà nước làm nền tảng cho hoạt động doanh nghiệp. Luật chơi phải bảo đảm quyền và lợi ích của các bên tham gia, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và mọi chủ thể kinh tế có thể kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh công bằng, tránh những ưu đãi, bất bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Các cơ chế, thể lệ này phải bảo đảm tính

1. Nguyễn Việt Lộc (Chủ biên): *Doanh nhân và văn hóa doanh nhân Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.200.

đúng đắn, minh bạch, nhất quán, tránh chòng chéo, bất nhất, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Người chơi chính là các doanh nghiệp. Thị trường sẽ chi phối rất nhiều đến quyết định của họ nên sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai. Quá trình này chịu sự chi phối rất lớn của môi trường thể chế, bởi môi trường thể chế sẽ quyết định sự minh bạch, tính trung thực, những hành vi và ứng xử đạo đức trong kinh doanh.

Sân chơi chính là thị trường và môi trường kinh doanh. Nếu sân chơi không đạt chuẩn, luật chơi không rõ ràng, trọng tài không khách quan, các bộ phận liên quan thực hiện vai trò và chức năng kém, thì trận đấu sẽ diễn ra không sòng phẳng, các cầu thủ sẽ không chơi đẹp, các biểu hiện lệch lạc, “xấu chơi” sẽ có cơ hội diễn ra.

Cách chơi là phương thức và biện pháp kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ trong một thị trường thực sự đúng nghĩa thì các phương thức, biện pháp kinh doanh mới lành mạnh, tinh thần tôn trọng đạo lý, đạo đức mới được đề cao, góp phần hạn chế những tác động tiêu cực, mặt trái của kinh tế thị trường ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp.

Theo một nghiên cứu mới đây, các doanh nghiệp Việt Nam đã tổng kết những yếu kém về thể chế kinh tế hiện nay là “thể chế 6 không”: không minh bạch, không nhất quán, không ổn định, không đồng bộ, không khả thi và không tiên liệu được¹. Do vậy, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý lành mạnh, minh bạch chính là một trong những giải pháp căn cốt, tiên quyết để xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

3.1.2. Hoàn thiện thể chế pháp luật, giữ nghiêm kỷ cương xã hội

Nhà nước chính là “trọng tài” điều hòa lợi ích chính đáng giữa các cá nhân và nhóm xã hội. Nhà nước phải quản lý kinh tế, xã hội bằng luật pháp thông qua các công cụ minh bạch, công bằng, nhất quán để giúp các tổ chức, doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh, phát triển bình đẳng, phục vụ trung thực. Nếu thể chế pháp luật không phù hợp, không công bằng và chính xác sẽ tạo nên môi trường kinh doanh thiếu lành mạnh, thiếu văn hóa, kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp hoặc tạo nên sự phát triển lệch lạc.

Hệ thống pháp luật phải chặt chẽ, rõ ràng, chính xác, bám sát thực tiễn, quy định “những điều pháp luật không cấm” để các doanh nghiệp có căn cứ thực hiện. Mặt khác, việc thực thi pháp luật phải công bằng, nghiêm minh, không có vùng cấm, không tạo điều kiện cho những thế lực đứng trên pháp luật, đứng ngoài pháp luật.

Đất nước ta bước vào xã hội hiện đại với một hành trang thiếu truyền thống pháp quyền và mặt bằng dân trí chưa cao, ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân nói chung, các doanh nghiệp nói riêng chưa nghiêm. Do vậy, rất cần quản

1. Nguyễn Việt Lộc (Chủ biên): *Doanh nhân và văn hóa doanh nhân Việt Nam*, Sđd, tr.202.

lý xã hội, quản lý hoạt động kinh doanh chặt chẽ bằng pháp luật, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, mọi công dân, tổ chức, doanh nghiệp phải sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3.1.3. Nâng cao hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước

Do hệ thống cơ chế, chính sách, luật pháp còn nhiều kẽ hở, một bộ phận doanh nghiệp lợi dụng sự yếu kém của các cơ quan quản lý đã lách luật, làm ăn gian dối, phi pháp để làm giàu bất chính. Còn các doanh nghiệp làm ăn chân chính, tuân thủ nghiêm pháp luật thì lại chịu thiệt thòi, giảm sức cạnh tranh.

Do vậy, rất cần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường sự giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm, biểu hiện sai trái về đạo đức kinh doanh, bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan đến môi trường sinh thái, an toàn thực phẩm, khai thác tài nguyên...

Đẩy nhanh quá trình cải cách hành chính theo hướng dân chủ, trong sạch, chuyên nghiệp, hiện đại, loại bỏ các rào cản gây phiền hà, những nhiều doanh nghiệp, chính đốn bộ máy hành chính sao cho doanh nghiệp và chính quyền “ngày càng thân thiện hơn”.

Không ít doanh nghiệp đã phải lên tiếng bức xúc: “Không thể đòi hỏi doanh nghiệp trong sạch nếu như bộ máy nhà nước tham nhũng, cũng như không thể đòi hỏi doanh nhân phải có văn hóa trong khi viên chức nhà nước ứng xử tư lợi và thiếu văn hóa”¹. Do vậy, cần phải chống tiêu cực ngay từ trong bộ máy công quyền một cách quyết liệt, thực chất và hiệu quả.

3.1.4. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa doanh nghiệp

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Việc tham khảo, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, các mô hình xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tấm gương văn hóa doanh nhân thành công trên thế giới là rất cần thiết. Vì thế, cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, đúc rút các vấn đề lý luận và thực tiễn ở các nước tiên tiến, tìm ra những bài học và gợi mở cho Việt Nam, giúp các doanh nghiệp Việt Nam thích ứng nhanh hơn với môi trường kinh doanh toàn cầu và đa văn hóa. Đồng thời cần tổng kết, đánh giá thực tiễn Việt Nam, nhân rộng những mô hình hiệu quả, thúc đẩy cả về nhận thức và hành động trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa doanh nghiệp. Trong xã hội cũ, tư tưởng “trọng nông, ức thương” từng đưa tới nhiều hệ lụy, khiến nghề kinh doanh không được coi trọng. Từ khi đất nước đổi mới, vai trò của doanh nghiệp và doanh nhân ngày càng được đề cao, các ngành học về quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, thương mại ngày càng hấp dẫn. Tuy nhiên, bề dày kinh nghiệm về đào tạo văn hóa doanh nghiệp trong các nhà trường Việt Nam vẫn

1. Nguyễn Việt Lộc (Chủ biên): *Doanh nhân và văn hóa doanh nhân Việt Nam*, Sđd, tr.204.

còn khá khiêm tốn so với thế giới. Cần nâng cao chất lượng các môn học về văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, hình thành một thế hệ trẻ có tinh thần khởi nghiệp, ước muốn kinh doanh có văn hóa ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, trang bị cho họ hệ thống kiến thức, kỹ năng của văn hóa ngành nghề, đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng và phát triển mô hình “vườn ươm doanh nhân”, “hãng ươm tạo doanh nghiệp” trong các trường đại học và doanh nghiệp. Đẩy mạnh các khóa tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo, tọa đàm về văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh để nâng cao nhận thức trong toàn xã hội.

3.2. Các giải pháp từ phía doanh nghiệp

3.2.1. Phát huy tính tích cực, chủ động của các doanh nghiệp

Bản thân các doanh nghiệp trước hết phải nhận thức được đầy đủ, sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp đối với sự phát triển bền vững của họ. Nhiều doanh nghiệp hiện nay còn mãi chạy theo lợi nhuận, lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Thậm chí không ít chủ doanh nghiệp còn cho đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp là những khái niệm “xa xỉ” trong môi trường mà “thương trường là chiến trường”, “cá lớn nuốt cá bé”, “khôn sống, dại chết”...

Các doanh nghiệp phải có sự đầu tư thực sự vào xây dựng văn hóa doanh nghiệp, từng bước hiện thực hóa trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp. Bản thân các doanh nghiệp cần tích cực, chủ động học hỏi kinh nghiệm từ các doanh nghiệp khác thành công hơn, cũng như tham khảo kinh nghiệm quốc tế, từ đó kịp thời có những điều chỉnh, bổ sung trong quá trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

3.2.2. Nâng cao vai trò đầu tàu, dẫn dắt của lãnh đạo doanh nghiệp

Các nhà lãnh đạo doanh nghiệp không chỉ là người xây dựng nên doanh nghiệp, quyết định cơ cấu tổ chức, ngành nghề kinh doanh, chiến lược kinh doanh, bộ máy nhân sự, kỹ thuật - công nghệ của doanh nghiệp, mà còn là linh hồn, thủ lĩnh tinh thần của doanh nghiệp. Họ chính là những biểu hiện cụ thể, trực quan, sống động về những tiêu chuẩn của văn hóa doanh nghiệp.

Qua quá trình xây dựng và quản lý doanh nghiệp, triết lý sống, nhân sinh quan, niềm tin, tính cách của lãnh đạo doanh nghiệp sẽ phản chiếu lên văn hóa của doanh nghiệp. Vì thế, văn hóa doanh nghiệp chính là sự mô hình hóa hoặc chịu tác động rất lớn của các giá trị cá nhân của lãnh đạo doanh nghiệp. Bản thân người lãnh đạo là những tấm gương thực hành các giá trị cốt lõi, các hành xử đạo đức, tạo niềm tin và nguồn cảm hứng cho cấp dưới và nhân viên.

Ý chí của lãnh đạo doanh nghiệp, quyết tâm của họ trong việc xây dựng và thực thi văn hóa doanh nghiệp sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của công việc này. Nếu những người lãnh đạo nói một đằng, làm một nẻo, không đi đầu gương mẫu trong các hoạt động, các quyết định, hành xử, thì đương nhiên sẽ dần dần làm

xói mòn niềm tin ở cấp dưới, những gì họ đề ra sẽ chỉ là hình thức, hô hào suông và phản tác dụng.

Nhìn chung, các doanh nhân chân chính thường không quá đề cao lợi ích của riêng mình. Khi đã đạt được mục đích kinh tế, họ sẽ chuyển sang những mục đích phi kinh tế, sẽ tự tìm câu trả lời về ý nghĩa, lẽ sống của đời mình để từ đó có những hành xử mang tính nhân văn, chia sẻ những khó khăn, nghèo đói, bất hạnh với người khác, xây dựng trường học, bệnh viện, công trình công cộng để giúp ích cho đời. Những tấm gương như tỷ phú Bill Gates hiện nay không phải là hiếm.

3.2.3. Phát huy ý thức tự giác và nỗ lực phấn đấu của đội ngũ nhân viên

Trong công cuộc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, một mình lãnh đạo doanh nghiệp mong muốn là chưa đủ, nếu không muốn nói là duy ý chí. Bất cứ nhân viên nào cũng muốn doanh nghiệp mình phát triển tốt và bền vững. Tuy nhiên, mục tiêu đó có đạt được hay không lại phụ thuộc rất nhiều vào nỗ lực thực thi văn hóa doanh nghiệp của từng cá nhân.

Để hình thành nên hệ thống quan niệm, giá trị, niềm tin, chuẩn mực trong toàn doanh nghiệp đòi hỏi một quá trình lâu dài, thông qua nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên, một khi văn hóa doanh nghiệp đã được định hình, nó trở thành một thứ nền tảng đặc biệt, những giá trị định hướng, điều chỉnh mọi hoạt động của toàn thể nhân viên trong doanh nghiệp. Chúng khơi gợi nguồn cảm hứng trong họ, kích thích những khát vọng và hoài bão, nuôi dưỡng và vun đắp những giá trị văn hóa chung.

Do vậy, nhiều khi các thế hệ lãnh đạo thay đổi, chiến lược kinh doanh thay đổi, sản phẩm và cung cách quản trị có thể thay đổi, nhưng những giá trị nền tảng trong doanh nghiệp không hề thay đổi. Và chính thứ văn hóa đó quay lại cảm hóa, lôi cuốn, thay đổi văn hóa của các vị lãnh đạo mới, cũng như những nhân viên mới gia nhập tổ chức. Đó là thứ văn hóa tạo nên truyền thống, bản sắc, đặc trưng của doanh nghiệp, như trường hợp các công ty cha truyền con nối ở Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Thông qua bầu không khí làm việc, các hoạt động tập thể, những giá trị, niềm tin, phương châm, triết lý, quy tắc ứng xử được trao truyền từ cá nhân này tới cá nhân khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

3.3. Các giải pháp từ phía xã hội

3.3.1. Tăng cường vai trò của dư luận xã hội

Dư luận xã hội, phản biện xã hội có vai trò rất quan trọng để giám sát, điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp. Tiếng nói của các chuyên gia, những nhân vật có uy tín đối với những vấn đề, sự kiện nóng trên thương trường có tác dụng định hướng dư luận rất lớn. Dư luận xã hội góp phần phê phán, lên án những cái xấu, cái ác trong hoạt động kinh doanh, tôn vinh, ca ngợi những cái tốt trong cộng đồng doanh nghiệp.

Hiện nay, đây là một kênh quan trọng để định hướng, điều tiết hành vi ứng xử của giới kinh doanh, lan truyền hệ giá trị của văn hóa doanh nghiệp, đồng thời

cũng thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát của công luận, có tác dụng điều chỉnh, răn đe rất lớn.

Về phía người dân cũng cần có một thái độ phản kháng mạnh mẽ trước những hành vi sai trái, xâm hại quyền và lợi ích của người tiêu dùng như: sản xuất thực phẩm bẩn, gây ô nhiễm môi trường, hành xử vô đạo đức, thiếu văn hóa trong kinh doanh...

3.3.2. *Nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội, hiệp hội doanh nghiệp*

Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, hội, hiệp hội nghề nghiệp trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Hiện nay, cả nước có trên 300 hội và hiệp hội doanh nghiệp, tập hợp được hàng vạn hội viên, đặc biệt là có Hiệp hội Phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam. Các tổ chức này ngày càng khẳng định vai trò, uy tín và trở thành tác nhân không thể thiếu cho sự phát triển của hệ thống doanh nghiệp Việt Nam.

Các hội, hiệp hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp với Nhà nước trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách; góp ý phản biện trong công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo, hội nghị về xây dựng văn hóa doanh nghiệp; cung cấp các kiến thức, thông tin tư vấn cho doanh nghiệp về kinh tế, pháp luật, kinh nghiệm xây dựng văn hóa kinh doanh; đàm phán, hợp tác, chia sẻ lợi ích, tạo sự cân bằng giữa các nhóm lợi ích trong cộng đồng doanh nghiệp và doanh nhân.

3.3.3. *Phát huy sức mạnh của các định chế truyền thông*

Truyền thông được coi là “quyền lực thứ tư” có thể mạnh to lớn trong hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức. Cần tận dụng sức mạnh của truyền thông đại chúng trong việc phổ biến, giáo dục, trang bị kiến thức, khơi nguồn cảm hứng về xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh.

Các kênh thông tin đại chúng thường có sức lan truyền và ảnh hưởng rất lớn, góp phần điều chỉnh, đả phá những biểu hiện tiêu cực, lan truyền những hành động cao đẹp của các doanh nghiệp, biểu dương những tấm gương doanh nhân tốt đẹp, qua đó góp phần đắc lực xây dựng đạo đức kinh doanh, văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp.

Trong kỷ nguyên của Internet và công nghệ, bên cạnh các hình thức truyền thông truyền thống (báo chí, phát thanh, truyền hình) cũng cần khai thác thế mạnh, sự ưu trội của các phương tiện truyền thông mới (mạng xã hội, website, forum...) trong tuyên truyền phổ biến pháp luật, giáo dục và nâng cao nhận thức về xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

*

* *

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp là một quá trình khó khăn, lâu dài, kiên trì, bền bỉ, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và

người dân. Các nước phương Tây phải mất hàng trăm năm, các “con rồng châu Á” cũng phải mất hàng chục năm để xây dựng văn hóa doanh nghiệp của mình.

Tuy nhiên, dù có khó khăn đến đâu thì đó vẫn là sự nghiệp chúng ta nhất thiết phải tiến hành, bởi chỉ khi xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp, các doanh nghiệp nước ta mới có thể tiến tới phát triển bền vững, nền kinh tế Việt Nam mới có cơ hội chuyển mình cất cánh và chúng ta mới có thể đạt được mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I.
- [2] Edgar H.Schein: *Organizational Culture and Leadership*, Fouth Edition, Jossey - Bas Publisher, San Francisco, USA, 2010.
- [3] “Khảo sát về hiện trạng thực thi văn hóa doanh nghiệp: Hầu hết các doanh nghiệp ở Việt Nam mới triển khai ở mức trung bình”, <https://cafebiz.vn/khao-sat-ve-hien-trang-thuc-thi-van-hoa-doanh-nghiep-hau-het-cac-doanh-nghiep-o-viet-nam-moi-trien-khai-o-muc-trung-binh-20211013160235489.chn>, đăng ngày 13/10/2021.
- [4] Dương Thị Liễu: *Văn hóa doanh nghiệp*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2020.
- [5] Từ Thị Loan (Chủ biên): *Văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2017.
- [6] Nguyễn Việt Lộc (Chủ biên): *Doanh nhân và văn hóa doanh nhân Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015.

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 33-NQ/TW CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 9 (KHÓA XI)

PGS.TS. HUỖNH VĂN TỚI*

1. Con người dù cá thể hay tập thể đều không thể sống tách rời môi trường. Tách rời môi trường tự nhiên, con người không bằng một con vật. Tách rời môi trường xã hội, con người không thể thành NGƯỜI. Môi trường tự nhiên tạo ra sự sống. Môi trường xã hội tạo ra cách sống. Trong môi trường xã hội, môi trường văn hóa là bộ phận cấu thành quan trọng nhất, bao hàm và tích hợp trong các bộ phận khác (chính trị, kinh tế, lịch sử, y tế, giáo dục,...), đến mức nhiều khi người ta tưởng, đó chính là môi trường xã hội.

Môi trường văn hóa được hiểu là “tổng hòa những thành tố vật chất và tinh thần tương đối ổn định trong bối cảnh không gian và thời gian cụ thể do con người tạo nên đồng thời con người được tạo nên bởi nó”. Theo cách hiểu này, môi trường văn hóa do chủ thể con người tạo ra và chính môi trường văn hóa tác động, tạo ra chất lượng sống của con người trong làm việc, cống hiến, hưởng thụ và giao tiếp.

Nói môi trường văn hóa là nói đến những giá trị, những chuẩn mực trong hành vi, ứng xử, lao động, tổ chức, lãnh đạo và quản lý xã hội đang tồn tại quanh ta, thường xuyên tác động trực tiếp đến mỗi chúng ta nhằm thiết lập mối quan hệ gắn bó giữa con người với con người, nhằm phát huy sức mạnh nội sinh trong mỗi con người, hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội¹.

Các thành tố cấu thành nên môi trường văn hóa bao gồm: sản phẩm và hoạt động văn hóa, thiết chế văn hóa, cảnh quan văn hóa, ứng xử văn hóa, nếp sống văn hóa nơi công cộng, tại nơi con người sinh sống và làm việc: gia đình, trường học, tổ chức, cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp. Bài viết này đề cập môi trường văn hóa trong doanh nghiệp.

* Ủy viên Hội đồng trường Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Theo GS.TS. Trần Văn Bính: “Xây dựng môi trường và hoàn thiện các chuẩn mực văn hóa”, <https://nhandan.vn/van-nghe/xay-dung-moi-truong-va-hoan-thien-cac-chuan-muc-van-hoa-359563>.

2. Ông bà ta xưa đã nhận ra môi trường văn hóa tạo nên nhân cách con người: “Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”, “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, “Thời thế tạo anh hùng”... Nhận thức ấy, kinh nghiệm ấy đã được vận dụng, thực hiện trong sản xuất, chiến đấu, xây dựng gia đình; nay, trong thời đại mới, trong điều kiện sản xuất công nghiệp vẫn không hề xưa cũ.

Đảng ta, Nhà nước ta, nhân dân ta luôn quan tâm đến việc xây dựng môi trường văn hóa. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) xem việc xây dựng môi trường văn hóa là một trong mười nhiệm vụ quan trọng: “Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội...), các vùng dân cư (đô thị, nông thôn, miền núi...) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng những nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân”¹.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 khóa XI đánh giá: “Tuy nhiên, so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. (...) Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng”.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI) đã xác định xây dựng môi trường văn hóa là một trong năm mục tiêu chung: Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Trong nhiệm vụ cụ thể, Nghị quyết xác định: “Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh”. Như vậy, doanh nghiệp được xem là đơn vị cơ sở cần phải xây dựng môi trường văn hóa.

Một trong năm quan điểm lớn của Nghị quyết số 33-NQ/TW là: “Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế”.

Vấn đề đặt ra ở đây: Làm sao để xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa trong doanh nghiệp ở Việt Nam?

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.307.

3. Nói đến doanh nghiệp, người ta thường quan tâm đến các con số: Đến cuối năm 2017¹, cả nước có 610.637 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, trong đó, có 269.169 doanh nghiệp kinh doanh có lãi, chiếm 44,1%; có 45.737 doanh nghiệp kinh doanh hòa vốn, chiếm 7,5%; có 295.731 doanh nghiệp kinh doanh lỗ, chiếm 48,4%; với tổng số là 14,82 triệu lao động, chiếm khoảng 15% dân số; đem lại lợi ích xã hội to lớn, riêng tổng lợi nhuận trước thuế năm 2018 là hơn 895 nghìn tỷ đồng, chưa kể tổng số tiền trả lương để giải quyết đời sống cho người lao động. Như vậy, doanh nghiệp có đóng góp lớn, có vai trò quan trọng, là mạch máu của nền kinh tế quốc dân. Nhưng doanh nghiệp Việt Nam cần được quan tâm không chỉ ở những con số mà ở đặc điểm và môi trường kinh tế - xã hội mà nó đang tồn tại.

Mỗi doanh nghiệp và loại hình doanh nghiệp Việt Nam có sắc thái riêng trong mẫu số chung về đặc điểm:

- Doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ là chủ yếu. Thực lực và tiềm lực mỏng, sức cạnh tranh còn yếu.

- Nền kinh tế ở Việt Nam còn trẻ, hội nhập kinh tế thị trường thế giới còn chậm.

- Môi trường kinh doanh chưa hoàn thiện, còn nhiều trở ngại trong phát triển (tàn dư tư tưởng phong kiến, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, phong tục tập quán sản xuất nhỏ lẻ phổ biến).

- Đội ngũ doanh nhân mỏng, nặng tính tự phát, thiếu chuyên nghiệp.

- Nền tảng dân trí của người lao động chưa cao, mức sống thấp, thiếu đội ngũ công nhân kỹ thuật trình độ cao.

4. Với hệ thống đặc điểm như thế, việc xây dựng môi trường văn hóa không chỉ là vấn đề văn hóa, mà còn có ý nghĩa là xây dựng nền tảng tinh thần, nền móng trụ cột, động lực phát triển và sức mạnh nội sinh để doanh nghiệp vượt khó, tăng trưởng, cạnh tranh lành mạnh, phát triển bền vững.

Về lý luận, môi trường văn hóa là chỉnh thể thống nhất trong đa dạng, luôn vận động phát triển, có biến đổi theo hướng tiếp thu và đào thải, vừa thể hiện bản sắc, truyền thống của đơn vị, vừa hội nhập với văn minh, tiến bộ của dân tộc và nhân loại. Vì vậy, xây dựng môi trường văn hóa không chỉ là xây dựng những con số nhảy múa, vài mặt hoạt động nhất thời, những mỹ hiệu rực rỡ cho doanh nghiệp mà phải là xây dựng hệ thống giá trị, hành lang pháp lý, chuẩn mực đạo lý cho doanh nghiệp, của doanh nghiệp, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Về cấu trúc, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp không phải chỉ ở nội bộ của mỗi đơn vị doanh nghiệp, mà ở cả hệ thống bên ngoài, bên trong và phía trước của doanh nghiệp, nói cách khác là xây dựng *môi trường của môi trường văn hóa*.

1. Theo số liệu điều tra và cập nhật của ngành Thống kê tại thời điểm 31/12/2018.

Hệ thống bên ngoài tác động đến môi trường văn hóa doanh nghiệp chính là đường lối, chính sách về kinh tế, hệ thống pháp luật và vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước, tạo được thị trường cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm cho doanh nghiệp được phát huy nội lực, dựa trên nền tảng văn hóa dân tộc, hướng đến mục tiêu phát triển và hội nhập bền vững, làm giàu giá trị tăng thêm về văn hóa.

Hệ thống bên trong của doanh nghiệp chính là những thiết chế và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp do doanh nghiệp tạo ra trong hành lang pháp lý và dòng chảy của thị trường vì mục tiêu phát triển của doanh nghiệp mình, bao gồm các nhân tố: xác định chỗ đứng trong thị trường, sản phẩm tạo ra, phương pháp quản trị, quy tắc ứng xử và nhất là nhân tố con người.

Hệ thống phía trước của doanh nghiệp chính là mục tiêu phát triển, điểm đến của doanh nghiệp. Không phải đến là dừng, mà phải để vượt qua và đi tiếp. Điểm đến của doanh nghiệp trong môi trường văn hóa là lợi nhuận, nhưng không chỉ có thế, còn là vấn đề bản sắc, thương hiệu và vị thế của doanh nghiệp trong xã hội, nhất là trong lòng người.

5. Nói thế để cùng nhận thức rằng, việc xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp không phải là việc riêng của doanh nghiệp, do chỉ doanh nghiệp thực hiện và chỉ vì lợi ích của doanh nghiệp. Vậy, ai sẽ có trách nhiệm, và trách nhiệm như thế nào trong xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp? Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động; điều tiết, định hướng, thúc đẩy kinh tế phát triển, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường. Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp

luật”¹. Đó là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, hệ thống quản lý, các tổ chức đoàn thể toàn xã hội trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng có nghĩa là, thiết lập môi trường phát triển để xây dựng môi trường văn hóa cho doanh nghiệp.

6. Đường lối, chủ trương, pháp luật, chính sách đã rõ, nhưng rõ trên giấy, vấn đề là làm sao để sự rõ trên giấy ấy bước ra thực tế, tỏa sáng trong đời. Có mấy vấn đề từ thực tế đang mong chờ các bước tiếp theo để tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa trong doanh nghiệp Việt Nam:

Thứ nhất, về nhận thức, cần làm rõ để cùng nhận thức đủ - đúng về vai trò, ý nghĩa của xây dựng môi trường văn hóa cho doanh nghiệp và trong doanh nghiệp. Nghị quyết số 33-NQ/TW yêu cầu xây dựng môi trường văn hóa trong tất cả các loại đơn vị đều có môi trường văn hóa tốt. Trước kia thường chỉ nhắc đến các đơn vị gia đình, trường học, cơ quan, nhà máy; doanh nghiệp được nhắc đến muộn hơn, nhưng có vai trò quan trọng, vì đây là cộng đồng người lao động có ý nghĩa riêng: hiện thân của nhân tố mới trong xã hội, hiện đại trong sản xuất, có tính tổ chức và kỷ luật cao, tạo ra nhiều giá trị, đóng góp lớn cho đất nước; nhưng là cộng đồng lỏng lẻo trong kết nối văn hóa.

Nhận thức đúng về tầm quan trọng của môi trường văn hóa trong doanh nghiệp, thực tế đã giúp nhiều doanh nghiệp vượt qua khó khăn, cạnh tranh hiệu quả, tạo được bản sắc và vị thế trong xã hội. Có nhiều chủ doanh nghiệp hiểu và làm hiệu quả, rút ra kinh nghiệm: Cái gì níu giữ được công nhân, duy trì được sản xuất khi doanh nghiệp khó khăn?. Đó không phải là tiền lương mà là văn hóa ứng xử và môi trường làm việc có văn hóa. Trong thử thách phòng chống dịch COVID-19, điều này thấy rất rõ, nhưng chỉ rõ đây đó trong vài doanh nghiệp, chưa đúc kết thành lý lẽ phổ quát.

Thứ hai, cũng thuộc về nhận thức và quan hệ tương tác: Xây dựng môi trường văn hóa trong doanh nghiệp có tác động nhiều chiều, trước hết, cho “sức khỏe” của chính doanh nghiệp, tiếp đến là cho tiến bộ của xã hội và cho sự cường thịnh của đất nước. Ví như ở Đồng Nai, chủ doanh nghiệp và công nhân lao động tin và thích liên đối hay dùng như là phương châm hành động và là sự đánh giá động viên doanh nghiệp: “Doanh nghiệp phát tài: đa, cát, lợi. Quốc gia hưng thịnh: phú, lạc, cường”.

Theo đó, doanh nghiệp và quốc gia là sự tương tác máu thịt, là quan hệ văn hóa cộng tồn, đạt đến phẩm chất ấy phải bằng con đường văn hóa chứ không phải chỉ là thu nộp ngân sách.

Thứ ba, về vấn đề đổi mới cách tổ chức thực hiện, đánh giá và đầu tư phát triển. Thực tế, lâu nay, các doanh nghiệp đã có phong trào xây dựng đời sống văn hóa.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.131-132.

Nhưng phong trào này thường theo khuôn mẫu chung của ngành Văn hóa, nặng về hình thức, mang tính biểu diễn, ràng buộc bởi các con số chỉ tiêu không đủ đánh giá thực chất; cho nên, rất nhiều doanh nghiệp được bình xét đạt chuẩn, thậm chí được khen thưởng về xây dựng nếp sống văn hóa nhưng vẫn còn tình trạng trốn thuế, nợ thuế, đình công, lãng công, thiếu an toàn vệ sinh lao động.

Việc xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp đang mong muốn và chờ đợi bộ quy chuẩn và quy tắc ứng xử về văn hóa cho doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, mỗi doanh nghiệp và loại hình doanh nghiệp được hướng dẫn xây dựng nội dung thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị mình. Cách giám sát, đánh giá, bình chọn cũng theo đó đạt mục đích thực chất. Căn cứ vào Nghị quyết số 33-NQ/TW, nhiều ngành, nhiều cấp đã ban hành bộ quy tắc ứng xử. Với doanh nghiệp, cần ban hành bộ quy chuẩn/quy tắc phù hợp, có sự tham gia góp ý xây dựng của doanh nghiệp. Nội dung quy chuẩn bao hàm các nội dung hữu hình và tàng ẩn thuộc môi trường văn hóa, bao quát và quát hơn là những chỉ tiêu hình thức hiện hành. Có địa phương đã đưa vào hệ thống thi đua đánh giá các doanh nghiệp gồm 5 nội dung:

- Một là, mức độ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch và nộp thuế.

- Hai là, mức độ bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

- Ba là, mức độ thực hiện đúng chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, quyền và lợi ích của người lao động.

- Bốn là, mức độ, hiệu quả tham gia công tác an sinh xã hội với chính quyền địa phương.

- Năm là, có thiết chế văn hóa, phong trào hoạt động văn hóa và quy chế về chăm lo cho đời sống của người lao động thuộc doanh nghiệp, động viên và phát huy nhân tố con người.

Năm nội dung này suy cho cùng đều là các thành tố môi trường văn hóa đặc thù của doanh nghiệp, được các doanh nghiệp hưởng ứng và xây dựng chương trình hành động, được các ngành chức năng xây dựng tiêu chí, quy trình thực hiện, phối hợp việc kiểm tra, đánh giá, đề xuất khen thưởng. Nội dung thi đua đều là văn hóa, cách đánh giá rất văn hóa, hình thức biểu dương, khen thưởng bằng văn hóa. Mức khen thưởng theo hạn định chung nên không nặng chữ “bao nhiêu”, giá trị nhất là sự động viên tinh thần và danh dự, vị thế của từng doanh nghiệp được đánh giá. Cách làm này đang được ủng hộ, hoan nghênh, góp ý, rút kinh nghiệm. Do đó cần được tổng kết, nhân rộng, trở nên thống nhất, đồng bộ.

Thứ tư, là phát huy nhân tố con người. Theo Nghị quyết số 33-NQ/TW, con người là sản phẩm cao nhất của nền văn hóa; con người được giáo dục, hình thành nhân cách từ gia đình, rèn luyện kỹ năng từ nhà trường, thực hành đạo đức trong xã hội. Vậy, trong doanh nghiệp, con người cần được phát huy cao nhất nhân cách, phẩm chất, đạo đức, kỹ năng đã được hình thành. Con người trong doanh nghiệp bao gồm CEO, lãnh đạo, quản lý theo tầng bậc và người lao động gắn với

công việc. Tất cả đều là chủ thể của doanh nghiệp, cần phải được tôn trọng, bảo vệ, được phát huy hết khả năng hiện có, được học tập, bồi dưỡng nhằm đạt đến khả năng cần có và có thể có.

Con người có thể không làm giỏi kỹ thuật bằng rôbốt, nhưng cảm xúc, tâm hồn và sự sáng tạo thì không rôbốt nào có thể thay thế được. Chăm sóc cho con người không thể khấu hao như đối với máy móc, ngoài việc trả lương còn là việc chăm sóc tinh thần, tạo điều kiện giao lưu, hưởng thụ và phát huy tài năng. Người lao động trong doanh nghiệp Việt Nam là người làm việc có tổ chức chính trị - xã hội, có hội nhóm cùng chung sở thích, có hội nhóm chia sẻ các vấn đề xã hội. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp, theo điều kiện của mình cần xây dựng các quy định và tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động được học tập, rèn luyện kỹ năng, được chăm sóc và động viên tinh thần, được giao tiếp và ứng xử với nhau bằng giá trị văn hóa, theo chuẩn mực văn hóa.

Nội dung này đã được rất nhiều doanh nghiệp làm được, làm rất tốt: môi trường doanh nghiệp sạch sẽ, vệ sinh, an toàn cho người lao động, người bệnh được chữa trị, việc hiếu hỉ được thăm viếng, Tết được hỗ trợ, khó khăn được chia sẻ; có doanh nghiệp quan tâm đến nơi trọ, chỗ ở cho công nhân, hỗ trợ việc học tập, giải trí, sáng tạo. Tuy nhiên, những hoạt động này còn nặng ý nghĩa tự phát, từ thiện, chưa đều khắp, chưa thành quy định; nếu tất cả đều phải làm vậy, làm bằng tình thương và trách nhiệm thì mới đạt được phần nào yêu cầu về môi trường văn hóa. Tiếc là, trong thực tế, bên cạnh cái tốt chưa được đánh giá đầy đủ, vẫn còn tình trạng phi văn hóa như: nợ bảo hiểm, chậm lương, thiếu chia sẻ tinh thần, thiếu tính nhân văn trong kiểm tra, xử lý an toàn nội bộ...

Thứ năm là xây dựng thương hiệu và văn hóa kinh doanh. Thương hiệu là giá trị đặc biệt của doanh nghiệp, siêu lợi nhuận, không thể mua bằng tiền, được xây dựng bằng tâm sức của toàn doanh nghiệp trong thời gian dài. Nó là sức sống, niềm tin, lòng tự hào và nhịp cầu nối người lao động với doanh nghiệp, với xã hội; thực sự là sản phẩm của môi trường văn hóa của doanh nghiệp. Cần lưu ý không nhầm lẫn giữa thương hiệu của doanh nghiệp với thương hiệu của sản phẩm từ doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp cần có chiến lược và từng bước xây dựng được thương hiệu của doanh nghiệp mình. Thương hiệu của doanh nghiệp góp lại hình thành quốc hiệu. Xây dựng được thương hiệu doanh nghiệp tức là đã có được văn hóa trong kinh doanh.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa, Nhà nước đang khuyến khích, động viên, và cần tạo điều kiện tốt hơn nữa để nhiều sản phẩm văn hóa Việt Nam được ra đời từ môi trường văn hóa của doanh nghiệp Việt Nam, làm rạng danh đất nước Việt Nam. Hiện nay, chúng ta còn thiếu về công trường văn hóa và công nghệ sản xuất hàng hóa văn hóa. Doanh nghiệp cũng cần có được môi trường thông tin đầy đủ, cập nhật kịp thời để xác định mục tiêu và phương thức

kinh doanh; cũng cần minh định về môi trường pháp lý, về những gì được làm và những gì không được làm để sáng tạo, sản xuất và lưu thông sản phẩm hàng hóa văn hóa; rất cần chính sách bảo hộ, bảo hiểm cho những hàng hóa văn hóa hiếm và khó cạnh tranh trên thị trường bình thường.

Thứ sáu là vấn đề môi trường hội nhập quốc tế. Văn hóa là con đường hội nhập quốc tế rộng mở nhưng còn nhiều chông gai. Việt Nam đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhiều doanh nghiệp làm ăn với nhiều quốc gia, môi trường hội nhập về kinh tế, khoa học kỹ thuật khá tốt, nhưng môi trường hội nhập về văn hóa quá không dễ dàng. Nhiều sự cách biệt về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo còn tạo trở ngại cho giao tiếp để hội nhập. Nhiều doanh nghiệp đã dừng bước các dự án trước sự ngăn cách về văn hóa. Thậm chí, có doanh nghiệp gặp rắc rối vì bất đồng về văn hóa ứng xử. Một bài học kinh nghiệm ở Đồng Nai cách đây hơn hai mươi năm đến giờ còn thấm thía. Một doanh nghiệp ở Đài Loan hoạt động ở Biên Hòa, mọi thứ vận hành khá tốt, nhưng có việc phải kéo nhau ra tòa, vì hành vi quản lý người Đài Loan xử phạt trái phép công nhân người Việt. Nguyên nhân là do doanh nghiệp Đài Loan cúng động thổ, cúng xong, công nhân lấy trái cây ăn, làm sụp đổ tháp trái cây như là sụp đổ niềm tin của người cầu cúng. Vậy là người quản lý truy xét ai gây ra, công nhân bí mật bảo vệ đồng đội, dẫn đến người quản lý Đài Loan xử phạt nhóm công nhân bị nghi ngờ chạy nhiều vòng đến ngắt xi. Sự việc đưa ra tòa. Tòa xét xử hành vi phạt chạy trái phép, người quản lý Đài Loan lãnh án, về nước, nhưng vẫn còn hậm hực, bất an. Công nhân và dư luận hả hê vì cảm thấy thỏa đáng. Nhưng, doanh nghiệp và các nhà quản lý ở địa phương phải nhiều lần rút kinh nghiệm. Việc ấy, cốt lõi là do thiếu hiểu biết về văn hóa của nhau. Đài Loan và Việt Nam đều có tục cúng động thổ; nhưng người Đài Loan cúng xong, tháp trái cây để nguyên vẹn, bất khả xâm phạm; người Việt Nam cúng xong thì thụ lộc, thậm chí còn có tục giắt lấy mà ăn. Nguyên nhân sâu xa là ở cùng môi trường văn hóa phương Đông mà không trao đổi với nhau về sự tương đồng và dị biệt. Bài học này đặt ra vấn đề lớn trong quan hệ đối ngoại và giao tiếp, môi trường văn hóa, sự thông hiểu về văn hóa của nhau là quan trọng và cần thiết; doanh nghiệp cần được hướng dẫn, giúp đỡ trong hành trình hợp tác và hội nhập quốc tế; cùng với việc tạo thị trường văn hóa, đối ngoại văn hóa gắn với quảng bá hình ảnh đất nước, dân tộc.

Thứ bảy, cũng là vấn đề nhân lực, nhưng là nguồn nhân lực CEO, lãnh đạo quản lý doanh nghiệp. Thực tế, các nhà lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp đều đã được đào tạo về chuyên môn, có người rất cao, rất sâu; nhưng ít có dịp tiếp cận với nội dung về cơ sở văn hóa, giá trị văn hóa, quản lý văn hóa ở Việt Nam. Vậy nên, trong chương trình đào tạo các ngành kinh tế, khoa học, quản lý, để đào tạo ra người lãnh đạo quản lý doanh nghiệp, cần có chương trình khung về văn hóa và quản lý văn hóa để hàm lượng văn hóa thấm sâu vào tâm trí người học cùng với hệ thống tri thức về chuyên môn khác. Đội ngũ ngày, trong thực tiễn làm lãnh đạo quản lý doanh nghiệp

cũng cần được bồi dưỡng, cập nhật về các vấn đề văn hóa liên quan đến doanh nghiệp, nhất là lịch sử văn hóa địa phương. Trong mỗi doanh nghiệp, ở bộ phận văn phòng, nhân sự, đối ngoại cũng nên có người am hiểu về văn hóa để tham mưu và điều hành việc xây dựng môi trường văn hóa.

Tóm lại, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp là việc hệ trọng và cấp thiết; về chủ trương Nghị quyết đã nêu rõ nhưng trong thực tế, việc thực hiện đang tự phát và rời rạc, cần có sự nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu lực và phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo cáo của Tổng cục Thống kê ngày 31/12/2018.
- [2] Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
- [3] GS.TS. Trần Văn Bính: “Xây dựng môi trường và hoàn thiện các chuẩn mực văn hóa”, <https://nhandan.vn/van-nghe/xay-dung-moi-truong-va-hoan-thien-cac-chuan-muc-van-hoa-359563/>
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998.
- [5] Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

PGS.TS. ĐINH THỊ VÂN CHI*

Văn hóa đóng vai trò hết sức quan trọng trong xã hội. Điều này đã được nhận thức rõ ràng và đầy đủ, thể hiện trong đường lối phát triển đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam: Từ Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng đã xác định “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”¹. Các Đại hội Đảng cũng đều khẳng định vai trò quan trọng mang tính thúc đẩy của văn hóa đối với xã hội. Đến Đại hội XII, Đảng nhấn mạnh rằng, xây dựng “văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”². Đại hội XIII tiếp tục định hướng đó: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”³. Bên cạnh những vai trò to lớn đã được chỉ rõ đó, thực tế lịch sử đất nước cũng cho thấy, văn hóa thực sự là hệ điều tiết xã hội, và là công cụ thúc đẩy kinh tế phát triển.

Tựu trung lại, về vai trò của văn hóa đối với xã hội, có thể nói: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực của sự phát triển, là hệ điều tiết của xã hội.

1. Văn hóa là mục tiêu của sự phát triển

Mục tiêu của con người là đạt được một cuộc sống hạnh phúc. Hạnh phúc có thể được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, nhưng nếu hiểu với nghĩa đầy đủ nhất,

* Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, t.57, tr.303.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.126.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.115-116.

thì đó là trạng thái sung túc về vật chất, giàu có về tinh thần, thoải mái trong tâm trạng, tích cực trong cảm nhận.

Thứ nhất, sự sung túc về vật chất tuy được bảo đảm bằng các sản phẩm vật chất - kết quả của nền sản xuất vật chất, nhưng với mức sống ngày càng được nâng cao, thì điều được quan tâm ở những sản phẩm vật chất này không chỉ đơn thuần là những phẩm chất như bền, chắc nữa, mà còn là đẹp, trang nhã, sang trọng, lịch lãm..., nghĩa là phải có sự hiện diện của những giá trị văn hóa, giá trị thẩm mỹ trong các sản phẩm đó. Ví dụ, không ai chọn mua một bộ salon cục mịch, thô kệch, nhưng vững chắc và bền, mà sẽ chọn những bộ lịch lãm, sang trọng, làm tôn vẻ đẹp của căn phòng. Nghĩa là, những giá trị thẩm mỹ ngày càng được quan tâm, đôi khi còn được chú ý nhiều hơn độ bền chắc của sản phẩm. Điều đó chứng tỏ những giá trị văn hóa ngày càng hiển hiện rõ nét và được coi trọng trong các sản phẩm vật chất.

Thứ hai, giàu có về tinh thần: Con người giàu có về tinh thần là con người có hiểu biết, có mong muốn, có mơ ước, dự định... Những mong muốn, ước mơ, dự định này không thể là gì khác ngoài những điều tốt đẹp, được con người đề cao và hướng tới. Những điều này - về thực chất - chính là những giá trị xã hội, nằm trong hệ giá trị của một nền văn hóa.

Con người giàu có về tinh thần còn là con người có tâm hồn nghệ thuật, có nhu cầu thưởng thức nghệ thuật, như nghe nhạc, xem phim, đọc sách, hoặc ca hát, làm thơ... Về khía cạnh này, không gì có thể đáp ứng tốt nhu cầu tinh thần của con người bằng những tác phẩm nghệ thuật - một bộ phận cấu thành quan trọng của văn hóa.

Thứ ba, tâm trạng thoải mái, cảm nhận tích cực là những trạng thái tâm lý ổn định, an lành và cân bằng. Những tâm trạng này chỉ có được khi chúng ta hoàn thành được những công việc cần làm, không phải lo lắng về những bất trắc nào đó có thể xảy đến, không phải trần trối nghĩ cách đối phó với ai đó, không phải đề phòng ai đó sẽ làm điều xấu với mình... Nghĩa là không phải bận tâm lo sợ những điều xấu, tiêu cực hoặc tệ hại có thể xảy đến với mình. Những tâm trạng tích cực đó chỉ có thể có được ở những con người có tâm hồn trong sáng, có cuộc sống lành mạnh, lương thiện... Nghĩa là con người đó có một văn hóa cá nhân tích cực và tốt đẹp.

Tựu trung lại, trong các khía cạnh của hạnh phúc, trong các yếu tố tạo cho con người cảm xúc hạnh phúc, đều có sự hiện diện của những thành tố cấu thành văn hóa theo nghĩa đầy đủ nhất của nó.

Ngay cả khi văn hóa được hiểu theo nghĩa hẹp, chỉ bao gồm các giá trị tinh thần thì nó vẫn là mục tiêu của sự phát triển, bởi lẽ: Khi xã hội phát triển, đời sống đã được nâng cao thì nhu cầu tinh thần, hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí sẽ tăng cao. Điều này dẫn tới đòi hỏi ngày càng cao về số lượng và chất lượng của các tác phẩm văn hóa, các hoạt động văn hóa, các giá trị văn hóa nói chung.

Như vậy, sự hướng tới của con người đến những giá trị văn hóa ngày càng rõ nét hơn, mạnh mẽ hơn, khiến cho văn hóa được đặt vào trung tâm chú ý của xã hội. Nghĩa là văn hóa trở thành mục tiêu của sự phát triển.

2. Văn hóa là động lực của sự phát triển

Một xã hội muốn phát triển được, cần có những nguồn lực thúc đẩy. Những nguồn lực đó rất đa dạng, nhưng thông thường chúng được quy về ba nhóm chính: Nguồn vật lực, nguồn tài lực và nguồn nhân lực.

Trước hết, nói về nguồn vật lực. Đây là toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật; trang thiết bị, máy móc, công nghệ... phục vụ sản xuất và đời sống của con người. Thuộc về nhóm này còn có thể kể đến cả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật đều là những sản phẩm vật chất, kết quả của nền sản xuất vật chất. Nhưng ngày nay nguồn vật lực không chỉ có xuất xứ từ những sản phẩm vật chất như trước đây nữa. Trong thời đại hậu công nghiệp, thời đại của máy tính và mạng Internet, khoa học công nghệ (một bộ phận cấu thành của văn hoá) đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và được ứng dụng vào cuộc sống, đóng góp vào nguồn vật lực của xã hội.

Từ những kết quả nghiên cứu khoa học, từ những phát minh, sáng chế, đã xuất hiện rất nhiều vật liệu mới, công nghệ mới, ngành sản xuất mới, làm phong phú thêm các ngành kinh tế. Ví dụ: Công nghệ di truyền, công nghệ tế bào,... dẫn tới cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp với những giống cây trồng mới năng suất cao, chịu bệnh tốt. Công nghệ này đồng thời giúp giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận và góp phần giải quyết những vấn đề nổi cộm về nhu cầu lương thực của nhân loại. Rôbot không chỉ thay thế con người trong những khâu sản xuất nặng nhọc hoặc độc hại, mà đã trở thành các hộ lý chăm sóc bệnh nhân, các hiệp sĩ cứu nạn. Một chiếc ổ cứng nhỏ xíu có thể lưu trữ được lượng thông tin tương đương cả một thư viện truyền thống cỡ nhỏ...

Thứ hai, nguồn tài lực. Nguồn lực tài chính của một đất nước được tạo nên trước hết bởi nguồn vốn, từ giá trị gia tăng của nền sản xuất hàng hóa. Các giá trị văn hóa (không kể các bộ môn nghệ thuật), trước đây hầu như không sinh lời, không tạo ra được lượng tiền đáng kể nào đóng góp vào nguồn vốn này.

Ngày nay mọi chuyện đã thay đổi, lợi ích kinh tế của văn hóa không còn là điều khó nhận thấy đối với mọi người. Các giá trị văn hóa do con người tạo ra không chỉ thuần túy đáp ứng nhu cầu tinh thần của công chúng, mà đã trở thành nguồn tài nguyên du lịch nhân văn, thu hút khách du lịch, mang lại nguồn thu lớn cho đất nước. Nguồn tài nguyên du lịch nhân văn này bao gồm không chỉ những giá trị văn hóa vật thể như các di tích, các công trình kiến trúc... mà còn cả các giá trị văn hóa phi vật thể như truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội, nghệ thuật dân gian... Những giá trị văn hóa này đã và đang trở thành những sản phẩm du lịch hấp dẫn, mang lại nguồn lợi kinh tế không nhỏ cho nhiều quốc gia. Nếu biết cách khai thác tốt nguồn tài nguyên này, thì không chỉ quảng bá được văn hóa tới bạn bè gần xa, mà còn tạo được nguồn thu dồi dào để phát triển xã hội. Năm 2019 (trước khi

bùng phát dịch COVID-19), ngành Du lịch Việt Nam đã đón hơn 18 triệu lượt khách quốc tế và 85 triệu lượt khách nội địa, tổng thu đạt khoảng 720.000 tỷ đồng, được đánh giá là một trong 10 quốc gia có mức tăng trưởng du lịch nhanh nhất thế giới¹. Tuy không phân chia doanh thu theo các loại hình du lịch, nhưng chắc chắn trong đó có phần đóng góp không nhỏ của du lịch văn hóa, du lịch tâm linh và những cuộc tham quan các bảo tàng, làng nghề..., nghĩa là những loại hình dựa trên nguồn tài nguyên du lịch nhân văn.

Thứ ba, nói về nguồn nhân lực của xã hội thì nguồn lực này chỉ có thể đạt chất lượng cao khi người lao động có học vấn, được đào tạo tay nghề chuyên môn, có đạo đức và những phẩm chất tốt đẹp. Những điều này chỉ có thể đạt được nhờ văn hóa, bởi lẽ giáo dục, đào tạo và những giá trị đạo đức... đều là những thành tố của văn hóa.

Trong thời đại kinh tế tri thức ngày nay, chất lượng nguồn nhân lực càng mang yếu tố quyết định. Một nước có khả năng phát triển đến đâu, không chỉ phụ thuộc vào chỗ có nhiều hay ít lao động, vốn, kỹ thuật và tài nguyên thiên nhiên, mà chủ yếu ở chỗ có khả năng phát huy đến đâu tiềm năng của nguồn lực con người. Tiềm năng này nằm trong các yếu tố cấu thành văn hóa (khả năng sáng tạo, ý thức trách nhiệm, lòng nhiệt tình...); trong tâm hồn, đạo lý, lối sống, trình độ thẩm mỹ của mỗi người lao động. Nguồn nhân lực chất lượng cao, ngoài trình độ chuyên môn vững vàng, còn phải đề cao những giá trị, chuẩn mực, thói quen tích cực, tiến bộ, văn minh, có khả năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững. Đặc biệt trong những giá trị này là sự coi trọng động cơ làm giàu hợp pháp, thượng tôn pháp luật và đề cao dân chủ, khoa học, công nghệ - những yếu tố quan trọng kích thích tăng trưởng kinh tế. Đề cao những giá trị trên cũng gắn liền với quá trình đào thải, xóa bỏ những thói quen xấu, tiêu cực, lạc hậu cản trở, kìm hãm sự tăng trưởng kinh tế, như tính thụ động, khép kín, bảo thủ, trì trệ, tự ti, xuề xòa, tùy tiện, cào bằng, “bình quân chủ nghĩa”, ý lại, hẹp hòi, ích kỷ, bè phái, sĩ diện, háo danh... Vì thế, những người làm ăn gian dối, tham lam và bảo thủ, không chịu đổi mới để áp dụng khoa học - công nghệ hiện đại đều có nguy cơ bị thua lỗ, thậm chí phá sản. Trong khi đó, những người làm ăn có trách nhiệm, cần cù, chịu khó và liên tục tìm tòi, nghiên cứu và áp dụng khoa học - công nghệ hiện đại, đều có cơ hội làm giàu².

1. Thanh Giang: “Năm 2019, du lịch Việt Nam đạt kỳ tích “vàng” tăng trưởng”, Trang tin Tin Tức của Thông tấn xã Việt Nam. <https://baotintuc.vn/du-lich/nam-2019-du-lich-viet-nam-dat-ky-tich-vangtang-truong-20200101080716990.htm>, ngày 1/1/2020, truy cập ngày 25/10/2021.

2. Lê Ngọc Hùng: Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghệ số. https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/822112/moi-quan-he-giua-tang-truong-kinh-te-va-phat-trien-van-hoa-trong-thoi-ky-cong-nghe-so.aspx, ngày 24/5/2021, truy cập ngày 21/10/2021.

Không phải ngẫu nhiên mà Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) từng khuyến cáo các nước trên thế giới: “Từ nay trở đi văn hóa cần coi mình là một nguồn bổ sung trực tiếp cho phát triển, và ngược lại, phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội”¹. F.Mayor - Tổng Thư ký UNESCO khi đó - cũng từng nhấn mạnh: “Phải coi văn hóa là động lực, là nền tảng của sự phát triển”.

Văn hóa là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội còn bởi các giá trị và chuẩn mực văn hóa luôn ẩn chứa trong kinh tế, định hướng kinh tế phát triển bền vững. Đối với doanh nghiệp, đó là văn hóa doanh nghiệp với những mục tiêu hướng tới lợi ích kinh tế song hành với thực hành các giá trị văn hóa, xã hội; sự ứng xử chuyên nghiệp với doanh nghiệp khác, góp phần xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh; sự ứng xử có văn hóa với người lao động, với cộng đồng, với môi trường; có trách nhiệm với đất nước (thực hiện nghĩa vụ thuế, tham gia tích cực vào các lĩnh vực Nhà nước kêu gọi xã hội hóa...). Đối với doanh nhân, đó là văn hóa doanh nhân (tự trau dồi kiến thức, kỹ năng, trình độ về mọi mặt để đủ tài, đủ đức dẫn dắt doanh nghiệp, từng bước tiến ra thị trường quốc tế...)². Khi các doanh nghiệp, doanh nhân làm ăn có văn hóa, sẽ nhiều cơ hội thành công, góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội.

3. Văn hóa là hệ điều tiết của xã hội

Xã hội muốn tồn tại phải luôn có một hệ thống chuẩn mực làm kim chỉ nam cho hành vi của các cá nhân. Hệ thống chuẩn mực này chính là sự cụ thể hóa của các giá trị - thành tố cấu thành văn hóa. Nếu một cá nhân hoặc một nhóm nào đó không tuân thủ các chuẩn mực của xã hội, họ sẽ bị coi là lệch chuẩn và những chuẩn mực này sẽ tác động tới họ, điều chỉnh và hướng hành vi của họ về đúng quỹ đạo mà xã hội đã quy định.

Văn hóa dựa vào những chuẩn mực của mình để điều chỉnh hành vi của con người theo hướng không ngừng phát huy sự chủ động, sáng tạo của họ nhằm hoàn thành công việc với chất lượng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu không ngừng tăng lên của xã hội.

Sự điều tiết của văn hóa đối với xã hội còn thể hiện ở chỗ: Mọi vấn đề của xã hội đều do con người quyết định. Nếu con người có học thức, có văn hóa thì sẽ có những quyết định đúng đắn, sáng suốt, thúc đẩy xã hội phát triển. Ngược lại, nếu con người kém hiểu biết, kém văn hóa thì các quyết định sẽ thiếu hợp lý, thiếu sáng tạo, thậm

1. Ủy ban quốc gia về Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa: *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1992, tr.23.

2. Nguyễn Thị Mai Anh: “Văn hóa - nguồn lực cho phát triển bền vững”, Tạp chí Cộng sản Online, ngày 30/11/2020. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/820538/van-hoa---nguồn-lực-cho-phát-trien-ben-vung.aspx, truy cập ngày 21/10/2021.

chí sai lầm, gây hậu quả cho xã hội. Có thể nói, văn hóa là cái cốt lõi sâu xa ở bên trong mỗi quyết định của con người khi điều hành xã hội.

Một xã hội sẽ tốt đẹp và phát triển nếu các lĩnh vực hoạt động của nó đều được điều chỉnh và dẫn dắt bởi văn hóa. Không chỉ lối sống, nếp sống, ứng xử... mới cần đến văn hóa, mà ngay cả sản xuất, tiêu dùng, quản lý, tham gia giao thông... cũng cần phải có văn hóa. Ngày nay chúng ta thường nghe những cụm từ “văn hóa sản xuất”, “văn hóa tiêu dùng”, “văn hóa quản lý”, “văn hóa giao thông”... chính là vì thế. Tuy cách dùng từ như vậy có phần lạm dụng thuật ngữ “văn hoá”, nhưng nó thể hiện một thực tế rằng, từ cuộc sống, sinh hoạt của mỗi cá nhân, đến những hoạt động của xã hội, tất thảy đều cần được điều tiết bởi văn hóa. Các lĩnh vực này càng được văn hóa thấm sâu vào bao nhiêu, xã hội càng tốt đẹp và phát triển lành mạnh bấy nhiêu.

Nhà văn hóa Nguyễn Ngọc đã từng khẳng định “Văn hóa là chân thắng, kinh tế là chân ga” với hàm ý rằng, trong khi kinh tế là nguồn động lực lớn tạo đà cho xã hội phát triển thì văn hóa sẽ là dây cương, là chiếc thắng (phanh) giữ cho cỗ xe xã hội đi đúng hướng, không bị chân ga kinh tế đẩy lao đi quá đà.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, khi việc sử dụng và tiếp nhận vốn, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài đã trở thành điều bình thường thì văn hóa càng có vai trò quan trọng trong việc điều tiết sự chọn lọc và chuyển hóa các yếu tố ngoại sinh thành động lực bên trong của sự phát triển. Bởi lẽ, những yếu tố ngoại sinh đó chỉ mang lại lợi ích thực sự, nếu chúng được vận dụng phù hợp và trở thành các yếu tố nội sinh của con người Việt Nam với truyền thống văn hóa, đạo đức, tâm hồn, lối sống của dân tộc Việt Nam. Nếu không làm được như vậy thì chúng ta sẽ bị biến thành kẻ đi vay nặng lãi, thành nơi cung cấp nguyên liệu và nhân công giá rẻ, thành nơi tiêu thụ hàng hóa ế thừa và tiếp nhận những công nghệ lạc hậu... Ví dụ điển hình là những vụ nhập rác thải từ nước ngoài về Việt Nam dưới danh nghĩa phế liệu trong thời gian qua (riêng năm 2018 nhập hơn 9,2 triệu tấn)¹, trong đó có cả những chất thải nguy hại, như rác thải kim loại, nhựa, sẫm lớp cao su, ắc quy chì, sản phẩm điện tử cũ... Điều này cho thấy, nếu không có sự điều tiết của “chân thắng” văn hóa, mà để “chân ga” kinh tế tự do lao đi, thì xã hội có thể sẽ phải hứng chịu nhiều hậu quả nặng nề.

Với các giá trị văn hóa nước ngoài cũng vậy: Nếu không có sự can thiệp của văn hóa dân tộc thì những biểu hiện của lối sống nước ngoài, những trào lưu văn hóa xa lạ sẽ dễ dàng được tiếp nhận một cách thiếu chọn lọc, với sự ngộ nhận rằng giá trị của phương Tây là hay, là đẹp, là phù hợp dù ở bất cứ đâu.

1. Anh Tú: “Hơn 9,2 triệu tấn phế liệu đổ về Việt Nam năm ngoái”, <https://vnexpress.net/hon-9-2-trieu-tan-phae-lieu-do-ve-viet-nam-nam-ngoai-3927260.html>, ngày 22/5/2019, truy cập ngày 21/10/2021.

Cần phải có một truyền thống văn hóa vững mạnh và bản lĩnh, có sức đề kháng cao, mới có thể định hướng cho các thành viên xã hội (nhất là giới trẻ) chọn lọc tiếp thu những giá trị văn hóa đích thực, chứ không phải là dễ dãi tiếp nhận bất cứ cái gì mới lạ và để chúng lấn át văn hóa bản địa.

4. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội

Hệ giá trị văn hóa có tính ổn định và bền vững, tồn tại lâu dài theo thời gian. Chúng có thể tồn tại hàng trăm năm, thậm chí hàng ngàn năm, ví như hệ giá trị Nho giáo xuất hiện từ cách đây khoảng 2.500 năm, tới nay vẫn còn sức ảnh hưởng. Với sự trường tồn như vậy, những giá trị văn hóa thấm sâu trong nhận thức, tâm tưởng của mỗi thành viên cộng đồng, theo họ suốt cuộc đời, hiển hiện trong suy nghĩ, hành động và quyết định của họ.

Vì những giá trị văn hóa được lưu giữ, bảo tồn, được thực hành trong cuộc sống của con người, nên rất tự nhiên, chúng được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nối tiếp nhau, những thế hệ sau học tập và tiếp nhận những kinh nghiệm, niềm tin, chuẩn mực... của thế hệ trước, khiến cho văn hóa ngày càng được củng cố và lưu truyền. Dựa trên những giá trị văn hóa đó mà con người tổ chức cuộc sống của mình và của cộng đồng, xây dựng hệ thống chính trị - xã hội, quản lý và kiểm soát xã hội. Nghĩa là, văn hóa đóng vai trò nền tảng tinh thần của xã hội.

Lịch sử phát triển thế giới cho thấy, những cộng đồng, những dân tộc có nhiều điểm tương đồng hoặc gần gũi về văn hóa thì sẽ dễ thấu hiểu nhau, dễ chia sẻ và dễ tìm được tiếng nói chung với nhau. Vì thế mà những cộng đồng này dễ thông cảm, gắn bó và đoàn kết với nhau. Đối với một quốc gia cũng vậy, khi nền tảng tinh thần bền vững và thống nhất sẽ có tác dụng cố kết cộng đồng mạnh mẽ, kết nối các thành viên trong một khối đoàn kết, tạo nên sức mạnh phi thường, mà sự hòa hợp chung sống của 54 dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam, cùng chung tay xây dựng nên những kỳ tích lịch sử, là một minh chứng sáng rõ. Trong lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam, nếu không có sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc như vậy thì đất nước nhỏ bé và nghèo đói này không thể làm nên những chiến công khiến thế giới phải kinh ngạc như vậy. Thậm chí, ngay cả khi các tầng lớp trong xã hội có mâu thuẫn với nhau, nhưng đứng trước nguy cơ mất nước thì sức mạnh văn hóa (lòng yêu nước, sự gắn bó với gia đình, sự sẵn sàng hy sinh vì những người thân yêu...) đã cố kết họ, xóa nhòa những mâu thuẫn riêng, để tất cả các giai tầng xã hội cùng nhau hợp sức vì sự sống còn của dân tộc. Điều kỳ diệu đó chỉ có được khi văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội.

Khi các thành viên của một cộng đồng cùng có chung một niềm tin, cùng hướng tới một mục tiêu, cùng đoàn kết xây dựng cuộc sống chung, họ sẽ tạo nên nguồn sức mạnh to lớn, đạt được những thành tựu khó tin. Ví như những người nông dân Việt Nam, khi đã tin tưởng và đồng lòng chung tay xây dựng nông thôn mới thì hàng vạn

gia đình đã tự nguyện dỡ rào, chặt cây, hiến đất (tổng cộng là 24,7 triệu m², trong đó có những gia đình hiến hàng nghìn mét vuông) để mở đường, xây dựng các công trình công cộng; đóng góp trên 2.000 tỷ đồng, 29 triệu ngày công lao động để sửa chữa và làm mới cả triệu kilômét đường giao thông nông thôn, xây dựng đường điện hạ thế, phòng học, nhà trẻ, trường mầm non, trạm y tế và hàng ngàn nhà văn hóa xã, thôn, ấp...¹.

Ngược lại, nếu những khác biệt văn hóa bị đẩy tới mức trái ngược nhau thì dễ nảy sinh mâu thuẫn, khiến các cộng đồng nghi ngại nhau, dè chừng nhau, thậm chí có thể nảy sinh xung đột, thù hận, dẫn tới những hậu quả nặng nề. Người ta đã thống kê được rằng, có tới khoảng 70% những xung đột lớn, nhỏ trên thế giới có nguồn gốc từ xung đột sắc tộc, nghĩa là xung đột về văn hóa. Hậu quả của nó thậm chí có thể dẫn tới những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn “nồi da nấu thịt”, gây tan vỡ cả một chính thể, một quốc gia thống nhất đã từng tồn tại nhiều thập kỷ. Sự sụp đổ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và sự tan rã của nhiều nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu là minh chứng rõ nét cho điều này.

*
* * *

Có thể thấy, vai trò quan trọng mang tính quyết định và định hướng của văn hóa đối với phát triển xã hội là một thực tế không thể phủ nhận. Điều đó được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng, được vận dụng vào các chính sách, chủ trương và đường lối phát triển đất nước và đang được hiện thực hóa dần trong cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, 2 tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [4] Nguyễn Thị Mai Anh: “Văn hóa - nguồn lực cho phát triển bền vững”, Tạp chí Cộng sản Online, ngày 30/11/2020. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/820538/van-hoa---nguồn-lực-cho-phát-triển-bền-vững.aspx, truy cập ngày 21/10/2021.

1. “Nông dân Việt Nam năng động trong sản xuất, trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới”, trang tin của Hội Nông dân Việt Nam. <http://hoinongdan.org.vn/sitepages/news/45/88159/nong-dan-viet-nam-nang-dong-trong-san-xuat-trach-nhiem-trong-xay-dung-nong-thon-moi%22>, ngày 11/9/2019, truy cập ngày 21/10/2021.

- [5] Thanh Giang: “Năm 2019, du lịch Việt Nam đạt kỳ tích “vàng” tăng trưởng”, Trang tin Tin Tức của Thông tấn xã Việt Nam. <https://baotintuc.vn/du-lich/nam-2019-du-lich-viet-nam-dat-ky-tich-vangtang-truong-20200101080716990.htm>, ngày 1/1/2020, truy cập ngày 25/10/2021.
- [6] Lê Ngọc Hùng: “Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghệ số”, https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/822112/moi-quan-he-giua-tang-truong-kinh-te-va-phat-trien-van-hoa-trong-thoi-ky-cong-nghe-so.aspx, ngày 24/5/2021, truy cập ngày 21/10/2021.
- [7] “Nông dân Việt Nam năng động trong sản xuất, trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới”, trang tin của Hội Nông dân Việt Nam. <http://hoinongdan.org.vn/sitepages/news/45/88159/nong-dan-viet-nam-nang-dong-trong-san-xuat-trach-nhiem-trong-xay-dung-nong-thon-moi%22>, ngày 11/9/2019, truy cập ngày 21/10/2021.
- [8] Anh Tú: “Hơn 9,2 triệu tấn phế liệu đổ về Việt Nam năm ngoái”, <https://vnexpress.net/hon-9-2-trieu-tan-phe-lieu-do-ve-viet-nam-nam-ngoai-3927260.html>, ngày 22/5/2019, truy cập ngày 21/10/2021.
- [9] Ủy ban quốc gia về Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa: *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1992.

ĐẶC ĐIỂM VÀ SỰ PHỨC HỢP CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HIỆN ĐẠI HÓA VÀ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA

PGS.TS. TRẦN THỊ MINH THỊ*

1. Quan niệm giá trị gia đình truyền thống và giá trị gia đình hiện đại ở Việt Nam

Việt Nam hiện nay mang đặc điểm phức hợp của nhiều giai đoạn hiện đại hóa khác nhau. Những đặc trưng của hiện đại hóa giai đoạn đầu (như khuyến khích tham gia thị trường lao động mức cao, gia đình hạt nhân, hay tính tập thể cao), hậu hiện đại (như công nghiệp hóa, nền kinh tế thị trường, và toàn cầu hóa về văn hóa) (theo định nghĩa về hiện đại hóa của Beck, 1992) và hiện đại nén (theo định nghĩa của Chang, 2014), hoàn cảnh xã hội ở châu Á, trong đó những thay đổi về kinh tế, chính trị và văn hóa diễn ra một cách cực kỳ nhanh chóng theo cả thời gian và không gian, và có sự tồn tại đồng thời các yếu tố lịch sử và xã hội khác biệt tạo nên việc hình thành và tái cấu trúc hệ thống xã hội phức tạp và linh hoạt. Những làn sóng hiện đại hóa này có những tác động cực kỳ lớn tới gia đình Việt Nam với những đặc điểm phức hợp của các giai đoạn khác nhau của hiện đại hóa, của mô hình xã hội chủ nghĩa, và cả tàn dư của chế độ phong kiến.

Giá trị gia đình là niềm tin, thái độ, quan điểm, chuẩn mực, một hệ thống trật tự các ưu tiên định hướng cho suy nghĩ và hành động của con người về các lĩnh vực đời sống hôn nhân, gia đình dưới ảnh hưởng của bình đẳng giới, văn hóa, hệ tư tưởng, hiện đại hóa,... của cá nhân trong xã hội. Vì thế, giá trị gia đình Việt Nam có thể được nhìn nhận từ chiều cạnh truyền thống và hiện đại, tính cá nhân và tính tập thể, bình đẳng giới và tính gia trưởng, v.v..

Gia đình truyền thống đề cập hình thức gia đình chiếm ưu thế trong giai đoạn trước xã hội xã hội chủ nghĩa, thường là trước những năm 1950. Gia đình thời kỳ

* Viện trưởng Viện Nghiên cứu gia đình và giới, Tổng Biên tập Tạp chí *Nghiên cứu gia đình và giới*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

này đánh giá cao chủ nghĩa gia đình, coi gia đình là một thiết chế được đặt trên tự do cá nhân, tạo cơ sở cho văn hóa tập thể của Việt Nam. Những quan điểm đề cao giá trị hôn nhân, ý nghĩa quan trọng của gia đình, của con cái, quan hệ cha mẹ - con cái, vai trò lao động giới truyền thống, không ủng hộ nạo hút thai, v.v. có thể là tiêu biểu cho các giá trị gia đình truyền thống.

Giá trị gia đình hiện đại và hậu hiện đại với nhiều đặc trưng. Gia đình và các quan hệ gia đình mang tính linh hoạt, biến đổi qua các mối quan hệ lịch sử và văn hóa trong và ngoài gia đình. Giá trị gia đình hiện đại tiêu biểu như mức độ ủng hộ cao với bình đẳng giới, các hình thái hôn nhân gia đình mới như sống chung không kết hôn, hôn nhân đồng giới, quan điểm cởi mở về ly hôn, tính cá nhân tăng lên, hôn nhân tự do tự nguyện, sự độc lập của thế hệ trẻ cao, quy mô gia đình nhỏ, mức sinh thấp, v.v..

Nhìn chung, các giá trị truyền thống dần dần bị thế chỗ bởi các giá trị hiện đại, ví dụ như vai trò của người cao tuổi đã giảm sút, ngay cả ở những quốc gia có nền tảng Nho giáo coi trọng đạo hiếu. Đồng thời, sự bền vững của các giá trị văn hóa truyền thống dưới tác động của thay đổi kinh tế, chính trị. Theo đó, khó có thể có sự thống trị hoàn toàn của giá trị hiện đại, mà các giá trị truyền thống sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến biến đổi văn hóa dưới tác động của phát triển kinh tế, chẳng hạn, những di sản văn hóa lớn của Khổng giáo, Nho giáo để lại những dấu ấn khá bền vững trong hiện đại hóa, chi phối khá rõ nét các mối quan hệ gia đình hiện đại như quan hệ giới trong gia đình. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng, vun đắp được các giá trị gia đình tốt đẹp, phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, con người Việt Nam là rất cần thiết để xây dựng xã hội phát triển bền vững.

Bài viết này phân tích tính đa dạng và phức tạp của các cặp giá trị truyền thống và hiện đại của gia đình Việt Nam hiện nay¹ trong quá trình vừa giữ gìn văn hóa truyền thống vừa tiếp thu các giá trị mới trong hội nhập quốc tế, nhằm chỉ ra được những vấn đề cần quan tâm trong việc vun đắp, xây dựng các giá trị gia đình cốt lõi phù hợp với đặc điểm văn hóa, xã hội và yêu cầu phát triển của Việt Nam trong thời gian tới.

1. Bài viết sử dụng kết quả của đề tài “Các giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam”, do tác giả là chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện năm 2017-2018, với mẫu khảo sát 1.759 cá nhân, tuổi từ 16-70, được chọn theo đại diện các vùng, giới tính, nông thôn/đô thị, dân tộc, mức sống, và tuổi, tại 6 tỉnh/thành phố đại diện cho các vùng miền trên cả nước gồm: Yên Bái, Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh và Cà Mau.

2. Xu hướng bảo lưu giá trị truyền thống đồng thời và tiếp nhận giá trị hiện đại của gia đình có khác biệt theo mức độ hiện đại hóa

2.1. Bảo lưu giá trị truyền thống của gia đình

Người dân Việt Nam nhìn chung vẫn ủng hộ các quan điểm truyền thống về hôn nhân và gia đình với đại đa số coi gia đình là ưu tiên quan trọng hàng đầu trong cuộc sống. Người dân tiếp tục coi hôn nhân là một giá trị quan trọng, theo đó, thanh niên đến tuổi trưởng thành nhất thiết cần lập gia đình. Kết hôn tiếp tục mang tính phổ biến.

Mô hình tuổi truyền thống trong hôn nhân khá quan trọng, theo đó, người dân mong muốn chồng lớn tuổi hơn vợ như một sự kỳ vọng xã hội vào vai trò trụ cột của nam giới về suy nghĩ, kinh tế, tình cảm, thể hiện vai trò thứ bậc, gia trưởng khá rõ trong quan hệ vợ chồng.

Người dân chưa hoàn toàn cởi mở với các hiện tượng hôn nhân, gia đình mới như hôn nhân đồng giới, sống độc thân không kết hôn, không sinh con khi kết hôn, chung sống không đăng ký kết hôn.

Những giá trị phân công lao động mang dấu ấn gia trưởng còn khá đậm nét, ví dụ, các gia đình đều có xu hướng chấp nhận cao với những quan điểm mang tính gia trưởng, định kiến giới như ủng hộ vợ chồng đi làm nhưng nhấn mạnh hơn vai trò chăm sóc gia đình của phụ nữ, nhất là khi đã có con. Trong nghề nghiệp, các gia đình cũng có xu hướng cho rằng người chồng nên được tạo điều kiện trong nghề nghiệp hơn người vợ. Với con cái, cha mẹ thường đặt nhiều kỳ vọng ở con trai hơn con gái dù mức chênh không lớn.

Một quan niệm mang tính ngược lại với vai trò giới truyền thống, như chồng chỉ ở nhà làm nội trợ chỉ có khoảng gần 1/4 số người ủng hộ. Một mặt, họ mong đợi sự gánh vác của người vợ với người chồng trong việc tạo nguồn thu nhập cho gia đình và thừa nhận ý nghĩa của việc làm cho phụ nữ đối với bình đẳng giới trong gia đình. Mặt khác, việc làm được cho là có ý nghĩa, quan trọng hơn đối với người chồng. Gia đình Việt Nam tiếp tục bảo lưu giá trị con cái. Các giá trị đạo đức như chung thủy, yêu thương, chia sẻ, hiếu thảo tiếp tục được các gia đình Việt Nam đánh giá cao.

2.2. Bảo lưu mạnh giá trị truyền thống của gia đình ở nhóm có đặc điểm kinh tế, xã hội thấp hơn

Nhóm nhân khẩu xã hội mang đặc điểm truyền thống hơn, thuộc các khu vực có mức độ hiện đại hóa muộn hơn như lớn tuổi, có trình độ học vấn thấp, mức sống thấp, là người dân tộc thiểu số, cư trú ở nông thôn, vùng kinh tế - xã hội kém phát triển hơn, thì có xu hướng ủng hộ, bảo lưu các quan điểm truyền thống trong gia đình hơn so với nhóm mang các đặc điểm hiện đại.

Theo đoàn hệ, những người lớn tuổi hơn thì có xu hướng ủng hộ hay chấp nhận các giá trị truyền thống cao hơn nhóm trẻ tuổi ở các khía cạnh thể hiện sự ủng hộ

đậm nét các vai trò giới truyền thống về vai trò của người chồng và người vợ đối với công việc gia đình và sự nghiệp, theo đó người vợ nên ưu tiên cho gia đình hơn và người chồng nên được tạo điều kiện trong nghề nghiệp hơn.

Nhóm lớn tuổi thể hiện mức đánh giá cao vai trò quan trọng của con cái trong duy trì bền vững hôn nhân và không chấp nhận không có con. Họ đông con hơn. Họ coi trọng giá trị kinh tế và giá trị xã hội của con cái. Nhóm lớn tuổi duy trì quan niệm bất bình đẳng/gia trưởng về khác biệt con trai, con gái. Họ mong muốn “sống cùng con trai cả”, hoặc “bất kỳ người con trai đã kết hôn”. Đồng thời, nhóm lớn tuổi hơn chấp nhận mức độ cao về mối quan hệ gắn kết của gia đình với dòng họ và có sự gắn kết cộng đồng cao hơn và cùng thể hiện xu hướng giữ gìn nền nếp gia phong cho con cháu cao hơn các nhóm trẻ tuổi.

Theo học vấn, càng học vấn thấp, mức ủng hộ với các giá trị gia đình truyền thống càng rõ nét. Chẳng hạn, những người có học vấn thấp hơn coi trọng chung thủy của phụ nữ, ủng hộ việc phụ nữ tập trung nhiều hơn cho gia đình, con cái và chồng nên được ưu tiên trong việc làm hơn. Họ đánh giá tầm quan trọng của giá trị truyền thống trong hôn nhân như gia đình tương đồng về hoàn cảnh và kết hôn với người cùng địa phương/dân tộc cao hơn. Những người có học vấn thấp mong muốn nhiều con, thực tế cũng nhiều con hơn. Nhóm này coi trọng giá trị kinh tế và giá trị xã hội của con cái. Với họ, giá trị an sinh vẫn là một giá trị quan trọng của con cái. Nhóm có học vấn thấp hơn cho thấy mức độ gắn kết cao hơn của gia đình với dòng họ và có sự gắn kết cộng đồng cao hơn.

Theo vùng, khu vực có trình độ kinh tế - xã hội phát triển chậm hơn có xu hướng bảo lưu các quan điểm truyền thống mạnh hơn. Cụ thể, người dân ở gia đình thuộc khu vực miền núi và trung du phía Bắc có đông con hơn so với các khu vực khác. Khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thể hiện quan điểm ít chấp nhận chung sống không kết hôn. Khu vực ảnh hưởng mạnh của Nho giáo (đồng bằng sông Hồng) đánh giá cao giá trị con cái trong duy trì bền vững hôn nhân, mong muốn nhiều con và bảo tồn cách nhìn truyền thống nhất về con cái so với các vùng khác trên cả nước. Khu vực này coi trọng giá trị xã hội của con cái, cho thấy mức ảnh hưởng của trọng nam khinh nữ khá mạnh mẽ ở vùng này do ảnh hưởng của Nho giáo. Gia đình ở đồng bằng sông Hồng cũng cho thấy mức độ ủng hộ với việc giữ gìn nền nếp gia phong cho con cháu cao, có sự gắn kết cộng đồng cao hơn, ví dụ sẵn sàng hy sinh một phần lợi ích cá nhân nếu điều đó mang lại lợi ích cho cộng đồng, và mức độ sẵn sàng cho con cháu mình/bản thân tham gia quân đội khi Tổ quốc cần. Trong khi đó, các gia đình thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng chấp nhận hiện tượng sống độc thân với tỷ lệ thấp nhất. Các gia đình ở khu vực này thực tế nhiều con, coi giá trị kinh tế, giá trị an sinh (có con để có người chăm sóc khi về già) của con cái là những giá trị quan trọng. Họ có sự gắn kết cộng đồng cao, sẵn sàng hy sinh một phần lợi ích cá nhân nếu điều đó mang lại

lợi ích cho cộng đồng, và mức độ sẵn sàng cao cho con cháu mình/bản thân tham gia quân đội khi Tổ quốc cần.

Các gia đình cư trú ở khu vực Tây Nguyên cho thấy xu hướng chấp nhận hôn nhân đồng giới thấp nhất. Khu vực này đánh giá cao nhất tầm quan trọng của giá trị nội hôn trong hôn nhân như gia đình tương đồng về hoàn cảnh và kết hôn với người cùng địa phương/dân tộc. Điều này khá tương đồng với đặc điểm văn hóa bản địa của khu vực này. Với con cái, họ coi trọng giá trị kinh tế, giá trị an sinh của việc có con để có người chăm sóc khi về già, có thể do điều kiện kinh tế còn nghèo nên vẫn có quan điểm nương tựa vào con cái khi về già. Gia đình khu vực này có sự gắn kết cộng đồng cao, sẵn sàng hy sinh một phần lợi ích cá nhân nếu điều đó mang lại lợi ích cho cộng đồng, và mức độ sẵn sàng cho con cháu mình/bản thân tham gia quân đội khi Tổ quốc cần.

Theo khu vực cư trú nông thôn và đô thị, người dân nông thôn thể hiện sự bảo lưu đậm nét các giá trị hôn nhân, gia đình truyền thống. Chẳng hạn, gia đình nông thôn vẫn chấp nhận những giá trị hiện đại như cả vợ và chồng đều phải đóng góp thu nhập cho gia đình, phụ nữ có việc làm để có vị trí bình đẳng nhưng đồng thời vẫn cho rằng, phụ nữ cần gia đình hơn việc làm, người chồng nên được tạo điều kiện trong nghề nghiệp hơn người vợ, khi có con phụ nữ nên lui về chăm sóc gia đình.

Gia đình nông thôn Việt Nam hướng nhiều vào giá trị con cái theo các giá trị cũ, ví dụ, coi trọng giá trị con cái trong duy trì bền vững hôn nhân, coi trọng việc có con để làm hài lòng bố mẹ và coi trọng giá trị an sinh, đồng thời, duy trì quan niệm bất bình đẳng/gia trưởng về khác biệt con trai, con gái trong thừa kế tài sản, chăm sóc, nuôi dạy. Nhóm gia đình này mong muốn nhiều con và thực tế nhiều con hơn các gia đình ở khu vực đô thị. Về mô hình chung sống, gia đình nông thôn ưa thích cách sắp xếp truyền thống, tức là kỳ vọng sống cùng con trai cả, hoặc bất kỳ con trai đã kết hôn. Trong lựa chọn bạn đời, gia đình nông thôn hướng nhiều hơn đến những giá trị cũ, như nội hôn - mong muốn lựa chọn gia đình tương đồng về hoàn cảnh và kết hôn với người cùng địa phương/dân tộc cao hơn. Về mức gắn kết với dòng họ, gia đình nông thôn chấp nhận mức độ cao về mối quan hệ gắn kết của gia đình với dòng họ, có quan điểm giữ gìn nền nếp gia phong cho con cháu cao và có sự gắn kết cộng đồng cao hơn.

Theo mức sống, nhóm có mức sống nghèo bảo lưu nhiều giá trị cũ, giá trị truyền thống hơn các nhóm mức sống khá giả hơn. Nhóm này cũng hướng tới giá trị nội hôn trong lựa chọn bạn đời, tức là đánh giá tầm quan trọng của giá trị truyền thống trong hôn nhân như gia đình tương đồng về hoàn cảnh và kết hôn với người cùng địa phương/dân tộc cao hơn. Về con cái, các gia đình nghèo đông con hơn, và coi trọng giá trị kinh tế và giá trị xã hội của con cái. Họ cũng duy trì quan niệm bất bình đẳng/gia trưởng về khác biệt giới trong đầu tư, chăm sóc và giáo dục con cái.

Theo dân tộc, dân tộc thiểu số bảo lưu một số giá trị truyền thống đậm nét hơn dân tộc Kinh. Các gia đình dân tộc thiểu số có xu hướng ủng hộ, bảo lưu các quan điểm hôn nhân, gia đình truyền thống hơn. Ví dụ, họ ủng hộ vai trò giới truyền thống như phụ nữ nên ưu tiên gia đình hơn, khi có con phụ nữ nên lui về chăm sóc gia đình cao hơn dân tộc Kinh. Gia đình dân tộc thiểu số hướng nhiều vào giá trị con cái theo các giá trị cũ, ví dụ, coi trọng giá trị con cái trong duy trì bền vững hôn nhân, mong muốn nhiều con và thực tế nhiều con. Bên cạnh đó, gia đình dân tộc thiểu số không chịu ảnh hưởng nhiều của văn hóa liên quan đến Nho giáo, phong kiến nên những quan điểm về con cái theo giá trị phong kiến, gia trưởng là thấp. Ví dụ, gia đình nhóm này không chấp nhận có con ngoài hôn nhân để nối dõi. Vì thường cư trú ở những khu vực kém phát triển như miền núi, nên xu hướng dựa vào an sinh xã hội con cái khá rõ nét, họ coi trọng giá trị kinh tế và giá trị an sinh. Đồng thời, họ kỳ vọng nhiều hơn về khả năng kiếm tiền của con cái hơn các giá trị kỳ vọng khác.

Mức độ đánh giá tầm quan trọng của giá trị truyền thống trong hôn nhân như gia đình tương đồng về hoàn cảnh và kết hôn với người cùng địa phương/dân tộc cao hơn ở các gia đình dân tộc thiểu số. Gia đình dân tộc thiểu số cũng cho thấy mức độ chấp nhận khá cao về quan hệ gắn kết của gia đình với dòng họ, sẵn sàng hy sinh một phần lợi ích cá nhân nếu điều đó mang lại lợi ích cho cộng đồng, và mức độ sẵn sàng cho con cháu mình/bản thân tham gia quân đội khi Tổ quốc cần.

2.3. Chấp nhận, ủng hộ các giá trị gia đình hiện đại ở nhóm mang đặc điểm hiện đại và tầng xã hội cao

Định hướng giá trị hôn nhân và gia đình ở Việt Nam vẫn đang tuân thủ truyền thống, tuy nhiên đã có sự biến chuyển giữa các nhóm xã hội khác nhau. Bên cạnh những giá trị truyền thống, hôn nhân và gia đình Việt Nam cũng đã và đang tiếp thu thêm những giá trị hiện đại và nó cũng có sự khác biệt khi phân tích theo các nhóm xã hội với những đặc trưng khác nhau. Gia đình đang có những chuyển biến mạnh mẽ. Gia đình ít thế hệ, gia đình đơn thân, gia đình sống chung không kết hôn... đang hình thành và có xu hướng ngày càng rõ nét. Số con trung bình cũng đã giảm dần và trong một vài thập niên gần đây ở quanh mức sinh thay thế. Gia đình chuyển dần từ đơn vị sản xuất sang đơn vị tiêu dùng, với nhiều áp lực kinh tế hơn. Ly hôn tăng đều trong hơn 20 năm qua. Những giá trị gia đình hiện đại như bình đẳng giới, chấp nhận các hình thức hôn nhân - gia đình mới, cởi mở với vấn đề ly hôn được chấp nhận khá cao. Những giá trị thể hiện rõ vai trò của phụ nữ như có đóng góp quan trọng vào kinh tế hộ gia đình và chăm sóc con cái cũng được khẳng định qua nhiều nghiên cứu. Bạo lực gia đình có giảm nhưng còn phức tạp hơn trong nhóm trẻ em, người cao tuổi. Quan hệ cha mẹ - con cái đã có những biến chuyển nhất định về cách thức biểu hiện sự hiếu thảo, dù hiếu thảo luôn được khẳng định là một giá trị.

Các kết quả nghiên cứu ủng hộ mạnh mẽ lý thuyết hiện đại hóa, theo đó, trong bối cảnh hiện đại hóa, công nghiệp hóa, sự mở rộng của các cơ hội giáo dục giúp cho thế hệ trẻ có nhiều khả năng đạt được trình độ học vấn cao và được sống ở các khu vực đô thị sẽ có cách nhìn nhận bình đẳng hơn về vai trò của nam và nữ trong gia đình. Những giá trị này không xóa bỏ những giá trị hôn nhân và gia đình truyền thống nhưng nó làm cho những giá trị truyền thống vốn là một khuôn mẫu và chuẩn mực duy nhất phổ biến trong xã hội nông nghiệp giờ đây là một trong những giá trị tồn tại song song với những giá trị khác trong xã hội công nghiệp. Đó là tính liên tục và biến đổi của những hệ giá trị hôn nhân và gia đình.

Chia sẻ việc nhà là một giá trị của xã hội hiện đại, hơn nữa là một giá trị thuộc về chất lượng cuộc sống. Nhóm mang đặc điểm hiện đại như sống ở đô thị quan tâm đến giá trị này hơn. Điều này thể hiện sự phân công lao động công việc gia đình ở khu vực nông thôn vẫn mang tính bất bình đẳng vì thế họ vẫn bảo lưu giá trị truyền thống và cho rằng điều đó là bình thường trong mỗi gia đình.

Một số giá trị cơ bản vẫn được giữ gìn từ xã hội truyền thống đến xã hội hiện đại, như: quan niệm về sự chung thủy vợ chồng, về giá trị hạnh phúc gia đình, về tiêu chuẩn chọn người yêu (nhấn mạnh đến tính cách, đạo đức của đối tác trong hôn nhân, v.v.). Bên cạnh đó, cũng đã và đang hình thành những giá trị mới về tình yêu, tình dục và hôn nhân (sống chung trước hôn nhân, sống độc thân, sự chủ động trong đời sống tình dục của nữ giới, v.v.). Với những giá trị hiện đại về gia đình, mặc dù tỷ lệ người chấp nhận hay ủng hộ thấp hơn so với số người không chấp nhận và không ủng hộ, nhưng số người chấp nhận các hiện tượng này cũng đáng suy ngẫm.

Các hiện tượng hôn nhân và gia đình mới như kết hôn mà không sinh con, tình trạng độc thân không kết hôn được một bộ phận người dân ủng hộ. Mức độ ủng hộ hôn nhân đồng giới chiếm khoảng trên 1/4 số người trả lời. Mức ủng hộ làm mẹ đơn thân (phụ nữ không kết hôn nhưng có con) khá cao, chiếm gần một nửa số người trả lời, cho thấy mức chấp nhận xã hội khá rộng rãi cho hiện tượng này. Kết quả này phù hợp với mức độ chấp nhận của xã hội thể hiện qua hệ thống luật, chính sách bảo vệ quyền làm mẹ của phụ nữ, giúp tạo ra sự thay đổi và cởi mở về hiện tượng làm mẹ đơn thân hiện nay.

Đồng thời, gia đình Việt Nam đang chứng kiến cả những biểu hiện đáng lo ngại. Chủ nghĩa cá nhân phát triển, giúp cá nhân tự chủ, và thụ hưởng, nhưng cũng đi đôi với lối sống ích kỷ, ít hy sinh và chia sẻ, chẳng hạn như tỷ lệ ly hôn trong nhóm trẻ ở những năm đầu của kết hôn là cao hơn. Một tỷ lệ thanh niên kết hôn muộn, sinh con muộn, cố sự yếm thế sống một mình và tận hưởng. Trong các nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng, điều quan trọng giúp hình thành gia đình, duy trì sự gắn kết và bền vững gia đình là tình yêu thương và chia sẻ, nền tảng gia đình nền nếp, tạo nên văn hóa gia đình. Gia đình sẽ mất dần đi ý nghĩa của mình nếu mất đi sự gắn kết giữa các thành viên.

Mức độ hiện đại hóa, tự chủ, tính cá nhân hóa cao hơn sẽ làm giảm nhu cầu gắn kết với dòng họ của mỗi cá nhân và gia đình. Phần lớn các gia đình cho rằng cả chồng và vợ đều phải đóng góp thu nhập cho gia đình và phụ nữ có việc làm sẽ có vị trí bình đẳng trong gia đình.

Ảnh hưởng của yếu tố hiện đại hóa theo đoàn hệ là rõ nhất. Nhóm trẻ hơn thường có quan niệm hiện đại hơn, cởi mở/thoáng hơn những người nhiều tuổi về các giá trị gia đình, tính cá nhân trong các giá trị gia đình cũng rõ nét hơn.

Về tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời, mức độ đề cao tiêu chí về phẩm chất đạo đức có sự suy giảm theo thế hệ và hướng đến giá trị mới như “biết làm ăn”. Xu hướng chấp nhận hiện tượng sống độc thân, hôn nhân đồng giới của nhóm trẻ cao và rõ nét so với các nhóm lớn tuổi hơn. Việc ủng hộ hiện tượng kết hôn mà không sinh con cao dần ở những đoàn hệ gần đây. Những người trẻ tuổi có sự cởi mở hơn đối với giá trị chung thủy trong hôn nhân, đánh giá tầm quan trọng của trinh tiết thấp hơn, đánh giá tầm quan trọng của tình yêu thấp hơn nhóm lớn tuổi. Việc chấp nhận quan hệ tình dục trước khi kết hôn có xu hướng tăng lên theo năm kết hôn gần đây.

Về các giá trị kinh tế, nhóm trẻ cũng đặt mục tiêu gia đình giàu có cao hơn nhóm lớn tuổi. Cũng như nhóm có học vấn cao, hay sống ở đô thị, nhóm người dân sinh trong giai đoạn 1986 trở lại đây ít ủng hộ quan niệm trụ cột kinh tế gia đình thuộc về một cá nhân nào đó (cho dù là người vợ hoặc người chồng) mà ủng hộ quan niệm cả hai vợ chồng cùng là trụ cột kinh tế gia đình hoặc người có cơ hội kiếm tiền nhiều hơn (nghĩa là không đặt gánh nặng kinh tế cho riêng cá nhân nào).

Về nhóm giá trị con cái, những người trẻ tuổi đề cao giá trị tình cảm của con cái, kỳ vọng nhiều ở con cái về sự thành đạt, học vấn cao. Họ dễ chấp nhận việc không có con và không muốn có nhiều con. Càng nhóm trẻ, mô hình gia đình hạt nhân (bố mẹ và con cái) cao hơn. Về mức độ gắn kết cộng đồng, mức độ sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì xã hội có xu hướng giảm dần theo đoàn hệ tuổi.

Học vấn cũng là một yếu tố thể hiện mức độ hiện đại hóa và có ảnh hưởng lớn đến giá trị gia đình. Trong lựa chọn bạn đời, người dân có học vấn cao, mức sống cao, ở khu vực thành thị và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển hơn thì đánh giá tầm quan trọng của những giá trị mới cao hơn. Học vấn càng cao, mức độ chấp nhận càng cao với các giá trị hiện đại của gia đình như làm mẹ đơn thân, không sinh con khi kết hôn, sống độc thân, hôn nhân đồng giới. Nhóm có học vấn cao hơn đề cao giá trị tình cảm của con cái, đánh giá giá trị an sinh thấp hơn. Họ cũng đánh giá trinh tiết ít quan trọng hơn. Càng học vấn cao, càng quan tâm đến việc có thu nhập trong bảo đảm bền vững gia đình.

Nghiên cứu này cho thấy sự khác biệt khá rõ nét về các giá trị gia đình theo khu vực cư trú. Nhóm các gia đình ở đô thị có mức độ ủng hộ với các giá trị hiện đại như không sinh con khi kết hôn, sống độc thân, hôn nhân đồng giới, làm mẹ đơn thân, chung sống không kết hôn cao hơn nông thôn. Các gia đình ở đô thị cũng cho thấy

xu hướng coi mờ hơn đối với giá trị chung thủy trong hôn nhân và ít đánh giá tầm quan trọng của tình yêu trinh tiết và quan tâm đến khía cạnh thỏa mãn tình cảm của tình dục hơn, trong khi nông thôn quan tâm nhiều đến những khía cạnh thực tế của tình dục hơn.

Các gia đình ở đô thị đề cao giá trị tình cảm của con cái, đánh giá giá trị an sinh thấp hơn. Người dân thành thị cũng ưa thích các giá trị của cuộc sống vợ chồng riêng tư trong bảo đảm sự bền vững gia đình và mong muốn sống riêng khi về già cao hơn nhiều so với các gia đình nông thôn.

Nhằm duy trì cuộc hôn nhân bền vững, người dân thành thị có xu hướng đề cao những giá trị hiện đại, liên quan đến chất lượng cuộc sống. Ngược lại, người dân nông thôn có xu hướng đánh giá tầm quan trọng của những giá trị truyền thống cao hơn.

Theo khu vực sinh sống, các gia đình ở khu vực Đông Nam Bộ (Thành phố Hồ Chí Minh) có đặc điểm cao nổi bật so với các khu vực khác về mức độ chấp nhận các giá trị hiện đại của hôn nhân và gia đình. Mức độ hiện đại hóa và chủ nghĩa cá nhân thể hiện mạnh nhất so với các khu vực khác. Chẳng hạn, gia đình ở khu vực này có điểm số trung bình cao nhất trong ủng hộ các giá trị chia sẻ, lắng nghe. Mức độ chấp nhận các hiện tượng mới, trong đó có sống độc thân, ủng hộ không sinh con khi kết hôn, hiện tượng làm mẹ đơn thân, hôn nhân đồng giới, chung sống không kết hôn, ít coi trọng tình yêu cao hơn so với các khu vực khác. Gia đình khu vực này cũng đề cao giá trị tình cảm của con cái và đánh giá giá trị an sinh thấp nhất. Đồng thời, mức độ ủng hộ quan điểm bình đẳng trai gái rõ ràng nhất ở các gia đình thuộc Đông Nam Bộ. Trong khi đó, các gia đình thuộc đồng bằng sông Hồng cho thấy sự giằng co giữa các giá trị truyền thống và hiện đại.

3. Một số thảo luận và khuyến nghị chính sách

Giá trị gia đình Việt Nam hiện nay cho thấy rõ nét sự phức hợp theo các cặp giá trị gia đình truyền thống và giá trị gia đình hiện đại, sự bền vững và sự tiếp biến văn hóa trong hiện đại hóa của xã hội đang chuyển đổi, bao gồm các đặc trưng về xu hướng bảo lưu các giá trị gia đình truyền thống; xu hướng chấp nhận/ủng hộ các giá trị gia đình hiện đại/hậu hiện đại; những khác biệt rõ nét trong giá trị gia đình, theo từng nhóm xã hội mang những đặc điểm khác nhau của hiện đại hóa và văn hóa, dưới những tác động phức hợp của tính đa dạng văn hóa, đa tộc người, định hướng xã hội chủ nghĩa, giá trị phương Tây của quá trình hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học công nghệ, và cả những tàn dư của thời kỳ phong kiến trong lĩnh vực gia đình.

Văn kiện Đại hội XIII đặt ra nhiều mục tiêu cần quan tâm trong xây dựng gia đình và quan tâm tới các thành viên gia đình. Văn kiện nêu rõ tầm quan trọng của xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; xây dựng con người giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý, cần cù, chăm chỉ, tiết

kiệm, sáng tạo, hiện đại, qua đó xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư là văn bản chỉ đạo rất quan trọng về công tác gia đình trong tình hình mới. Chỉ thị tiếp tục khẳng định công tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước. Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Chỉ thị đặt ra yêu cầu xây dựng, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới.

Từ những đặc điểm thể hiện mức độ đang chuyển đổi nhanh, phức tạp, đa dạng của giá trị gia đình Việt Nam từ truyền thống sang hiện đại và hậu hiện đại, cũng như mức độ tồn tại đồng thời các giá trị gia đình thuộc các giai đoạn hiện đại hóa khác nhau ở gia đình Việt Nam đương đại, việc xây dựng được hệ giá trị gia đình Việt Nam để định hướng sự phát triển của xã hội là cực kỳ cần thiết.

Do nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình đang được bảo lưu đậm nét ở các nhóm có mức độ hiện đại hóa chậm hơn, các chính sách xây dựng gia đình cần quan tâm để giữ được bản sắc dân tộc và phát huy được những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, tạo điều kiện cho sự ổn định và phát triển lâu dài của đất nước. Đồng thời, với nhóm mang đặc điểm hiện đại, đặc biệt là nhóm trẻ đang có xu hướng theo những giá trị gia đình mới, việc truyền thông giáo dục về vai trò và ý nghĩa của hôn nhân, gia đình, con cái, cũng như cung cấp những kiến thức cần thiết về tình bạn, tình yêu, tình dục, sức khỏe sinh sản, luật hôn nhân gia đình, điều kiện kết hôn, lựa chọn bạn đời, quan hệ vợ chồng, v.v. trước, trong và sau hôn nhân cần đặc biệt chú ý để vừa phát huy sự tự do cá nhân, cởi mở trong quan niệm, vừa hạn chế được những tác động tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân, lối sống hưởng thụ, ích kỷ có thể ảnh hưởng đến sự bền vững của thiết chế hôn nhân và gia đình.

Những vấn đề gia đình cần quan tâm trong thời gian tới là xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam vừa tiếp thu được giá trị nhân văn, tiến bộ trong hội nhập, vừa giữ được bản sắc dân tộc và những giá trị gia đình truyền thống tốt đẹp. Những vấn đề về xây dựng hệ thống dịch vụ hỗ trợ gia đình, xây dựng định hướng giá trị và hành vi đạo đức, lối sống cho trẻ em, phát triển kinh tế gia đình, quan tâm các nhóm gia đình đặc thù, cải thiện hệ thống an sinh xã hội cho gia đình, tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến hôn nhân và gia đình,... cần được quan tâm trong giai đoạn hiện nay.

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

PGS.TS. CHU VĂN TUẤN*

Tín ngưỡng, tôn giáo là một phần quan trọng của văn hóa Việt Nam, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ góp phần thỏa mãn đời sống tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo của đông đảo người dân và xã hội mà còn góp phần phát triển đất nước. Đây là quan điểm đã được Đảng thừa nhận và khẳng định. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới đã khẳng định đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 2/7/1998 đã khẳng định cần phát huy giá trị đạo đức, văn hóa của các tôn giáo; Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục khẳng định quan điểm tôn trọng và phát huy giá trị văn hóa, đạo đức của tín ngưỡng, tôn giáo “khuyến khích ý tưởng, công bằng, bác ái, hướng thiện... trong tôn giáo, đồng thời tuyên truyền giáo dục khắc phục tệ mê tín dị đoan, chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện ý đồ chính trị xấu”¹. Gần đây nhất, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thêm một lần nữa khẳng định “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước”².

Mặc dù văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo có đóng góp cho sự phát triển đất nước, nhưng trên thực tế, việc đóng góp của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo lại phụ thuộc rất nhiều vào những chính sách, cơ chế và những quy định cụ thể. Chính vì thế, có thể nói hiện nay chúng ta vẫn chưa phát huy được một cách đầy đủ vai trò, giá trị của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo cho sự phát triển đất nước, điều đó khiến cho chúng ta đang lãng phí “nguồn tài nguyên” hết sức có giá trị. Mặt khác, để có thể phát huy vai

* Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.66-67.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.I, tr.171.

trò của văn hóa nói chung, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng, chúng ta cần phải xây dựng nền văn hóa lành mạnh, ngăn chặn, xóa bỏ những khía cạnh tiêu cực, hạn chế, thậm chí là phản văn hóa đang diễn ra hiện nay như tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII. Đây là những vấn đề, nội dung mà bài tham luận này muốn đề cập đến với mong muốn mang đến một nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo, về giá trị, vai trò, đóng góp của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo đối với sự phát triển đất nước, đồng thời nêu ra những hạn chế, bất cập, những vấn đề đặt ra đối với văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay. Do chủ đề văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo rất rộng, nên bài viết chỉ tập trung trình bày ở khía cạnh giá trị di sản của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo.

Giá trị văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo

Hiểu một cách chung nhất, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo là toàn bộ những giá trị mà các tín ngưỡng, tôn giáo đã tạo ra trong quá trình hình thành, phát triển trong mối tương quan với văn hóa nói chung, với các lĩnh vực của đời sống con người nói riêng. Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo phản ánh nhu cầu, nguyện vọng, những nguyên tắc ứng xử của con người với đấng thiêng, với thần, thánh, đồng thời cũng chính là những mong cầu của con người trong cuộc sống hằng ngày. Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo phản ánh tầng sâu trong đời sống tinh thần của con người.

Nói đến văn hóa nói chung, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng, chúng ta thường đề cập tới hai phương diện cơ bản là văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, tuy nhiên, đây cũng là cách phân chia mang tính tương đối. Trên phương diện văn hóa vật thể, các tín ngưỡng, tôn giáo đã tạo ra nhiều công trình là những di sản văn hóa quốc gia và thế giới. Những công trình này có những công trình đã tồn tại hàng trăm năm, thậm chí hàng nghìn năm, trải đều trên khắp các địa phương, vùng miền trên cả nước. Chẳng hạn như di tích chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc, chùa Hương, chùa Thầy, đền Quán Thánh, đền Kim Liên, Phủ Tây Hồ, chùa Phật Tích, chùa Dâu, chùa Vĩnh Nghiêm, khu di tích Đền Hùng (Phú Thọ), nhà thờ đá Phát Diệm, Chùa Thiên Mụ, điện Hòn Chén (Huế), chùa Thập tháp Di Đà (Bình Định), chùa Chúc Thánh (Quảng Nam), di tích Phật học viện Đồng Dương (Quảng Nam), Khu di tích Mỹ Sơn, nhà thờ lớn Hà Nội, nhà thờ đá Sapa, nhà thờ La Vang (Quảng Trị), nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam, Thánh thất Cao Đài Tây Ninh, Thánh đường Islam giáo Mubarak (An Giang), các đền tháp Chăm ở các tỉnh miền Trung¹, v.v.. Hiện nay, ở Việt Nam có khoảng 30.000 cơ sở thờ tự của các tôn giáo khác nhau, cùng hàng chục ngàn cơ sở tín ngưỡng trải dài trên khắp các vùng miền cả nước².

1. Tháp Po Klaong Garai, Tháp Bà Ponagar, Tháp Bánh Ít, Tháp Hòa Lai, v.v..

2. Chu Văn Tuấn, Nguyễn Thành Trung: "Xây dựng sản phẩm du lịch gắn với khai thác di sản tôn giáo, tín ngưỡng trong bối cảnh công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 11-2018, tr.61.

Điều đáng lưu ý là, các di tích tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ tồn tại một cách độc lập mà còn tạo ra không gian văn hóa, quần thể văn hóa mang tính rộng lớn như quần thể di tích danh thắng Yên Tử (bao gồm cả Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Giang) mang đậm chất tín ngưỡng tôn giáo, chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc. Đây cũng là quần thể di tích thu hút đông đảo khách tham quan, du lịch.

Không chỉ có những di tích nổi tiếng, tín ngưỡng, tôn giáo còn tạo ra và để lại nhiều những di vật có giá trị như bia ký, các pho tượng cổ, các chuông, khánh cổ, mộc bản, các bức hoành phi, câu đối, những bức phù điêu, các mảng chạm khắc, các tác phẩm, kinh sách cổ có giá trị... Chẳng hạn, Bia Thanh Mai (chùa Thanh Mai), Bia Sùng Thiện Diên Linh, tượng Phật chùa Phật tích, tượng Phật nghìn mắt nghìn tay (chùa Bút Tháp), Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, tượng Phật Đồng Dương, v.v., rất nhiều các di vật này đã trở thành bảo vật quốc gia, được thế giới ghi nhận như Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà đã được UNESCO công nhận là di sản ký ức của nhân loại, v.v..

Bên cạnh văn hóa vật thể, tín ngưỡng, tôn giáo cũng góp phần tạo ra văn hóa phi vật thể, đó là những giá trị đạo đức, nhân văn, những triết lý trong ứng xử với con người, với tự nhiên và xã hội, những loại hình nghệ thuật, những lễ hội, những nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo, v.v.. Có thể nêu ra đây rất nhiều lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo đã tồn tại từ lâu đời, được giữ gìn, bảo tồn phát triển từ thế hệ này sang thế hệ khác như lễ hội chùa Hương, lễ hội Yên Tử, lễ hội Phú Dầy, Lễ hội Katé, Lễ hội núi Bà Đen, v.v.. Theo thống kê của ngành Văn hóa, cả nước có khoảng 8.000 lễ hội, trong đó có 600 lễ hội tôn giáo¹, số còn lại đa phần gắn liền với tín ngưỡng.

Trong tín ngưỡng, tôn giáo có nhiều tư tưởng, đạo đức, nhân văn, hướng con người tránh ác, làm lành như tư tưởng từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha của Phật giáo, tư tưởng kính Chúa, yêu người của Công giáo, Tin lành, tư tưởng về tứ đại trọng ân của Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo, v.v.. Tôn giáo nào cũng đưa ra những quy định để con người thực thành để trở thành một con người tốt: Phật giáo đưa ra ngũ giới: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Trong số 10 điều răn của Công giáo, thì có tới 7 điều khuyên răn con người làm việc thiện: Hãy thảo kính cha mẹ, chớ giết người, chớ làm sự dâm dục, chớ lấy của người, chớ làm chứng dối, chớ muốn vợ chồng người, chớ tham của người. Những tư tưởng, triết lý, đạo đức cao đẹp của các tín ngưỡng, tôn giáo đã góp phần xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam bao nhiêu thế hệ. Và trong bối cảnh hiện nay, khi đạo đức xã hội đang có dấu hiệu khủng hoảng, việc phát huy những giá trị đạo đức, tinh thần nhân văn, hướng thiện của các tôn giáo có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng xã hội Việt Nam hiện nay trên phương diện tinh thần.

1. Chu Văn Tuấn, Nguyễn Thành Trung: “Xây dựng sản phẩm du lịch gắn với khai thác di sản tôn giáo, tín ngưỡng trong bối cảnh công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay”, *Sđd*, tr.61.

Có thể nói, hàng chục ngàn di tích tín ngưỡng, tôn giáo, hàng ngàn lễ hội tín ngưỡng tôn giáo là những giá trị di sản vật thể, phi vật thể vô cùng quý giá của dân tộc. Những di sản này là những minh chứng rõ ràng về nền văn hóa dân tộc, về lịch sử dân tộc, phản ánh truyền thống lao động sản xuất, truyền thống đấu tranh với thiên tai địch họa, đồng thời phản ánh sự phong phú, đa dạng trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc cũng như sự sáng tạo của bao nhiêu thế hệ trong lịch sử. Đây chính là nguồn tài nguyên vô giá để chúng ta có thể khai thác, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước nói chung, các địa phương, vùng miền nói riêng.

Nói tóm lại, giá trị văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo là tổng hòa, là sự kết tinh của các yếu tố vật thể, phi vật thể như đã trình bày ở trên, đó là sản phẩm của quá trình hình thành tín ngưỡng, tôn giáo, phát triển và gắn với lịch sử dân tộc. Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho nền văn hóa dân tộc, nó không chỉ thoả mãn đời sống văn hóa của xã hội ở mỗi một giai đoạn lịch sử, mà còn có nhiều ý nghĩa cho sự phát triển của đất nước nói chung, sự phát triển của văn hóa nói riêng trong các giai đoạn kế tiếp.

Giá trị văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo với sự phát triển đất nước

Đã có thời kỳ, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo không những không được xem là yếu tố đóng góp cho sự phát triển mà ngược lại, đây là nhân tố cản trở sự phát triển xã hội, hoặc tác động tiêu cực đến đời sống xã hội. Đó là thời kỳ mà tín ngưỡng, tôn giáo được xem là mê tín dị đoan, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bị hạn chế và ngăn chặn, nhiều công trình tín ngưỡng, tôn giáo bị phá bỏ. Tuy nhiên, điều đó đã được thay đổi cùng với quá trình đổi mới đất nước. Đảng ta xác định, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần này thì sẽ không có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Vậy thì văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo có đóng góp gì cho sự phát triển của đời sống xã hội? Phải chăng tín ngưỡng, tôn giáo chỉ có đóng góp trên lĩnh vực đạo đức, tinh thần? Tôn giáo có góp gì cho phát triển kinh tế - xã hội hay không?

Để có thể giải đáp câu hỏi này, chúng ta cần xem văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo như một nguồn lực. Để phát triển đất nước, chúng ta cần rất nhiều nguồn lực, tổng thể các nguồn lực như nguồn lực tự nhiên (tài nguyên, khoáng sản, đất đai, biển, v.v.), nguồn lực con người (lực lượng lao động, đội ngũ trí thức, nhân tài...), nguồn lực nhân văn (tư tưởng, triết lý, kinh nghiệm, đạo đức, tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước của con người, v.v.). Nói cách khác, để phát triển đất nước, chúng ta cần đến nguồn lực vật chất và nguồn lực tinh thần. Văn hóa nói chung, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng không chỉ đóng góp vào nguồn lực vật chất mà cả nguồn lực tinh thần cho sự phát triển xã hội.

Như trên đã trình bày, các tín ngưỡng, tôn giáo góp phần tạo ra các di tích văn hóa, các di vật là những bảo vật quốc gia, những quần thể di tích, danh lam thắng

cảnh chứa đựng nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, v.v.. Đây chính là nguồn “tài nguyên” quý giá cho sự phát triển đất nước. Đáng chú ý, nguồn “tài nguyên” này có thể vừa bảo tồn, vừa khai thác một cách bền vững mà không lo “cạn kiệt” như nguồn tài nguyên thiên nhiên. Cốt lõi của phát triển bền vững, theo chúng tôi đó chính là cần khai thác nhiều hơn nguồn lực văn hóa, nhân văn, nguồn lực con người, chứ không phải là nguồn lực tự nhiên. Cơ cấu hợp lý của phát triển bền vững có lẽ nên là: khai thác nguồn lực tự nhiên từ 20-30%, khai thác nguồn lực văn hóa, nhân văn, con người: từ 70-80%. Nếu như nhìn vào cơ cấu, tỷ lệ này ở Việt Nam hiện nay thì có thể thấy, chúng ta đang khai thác quá nhiều tài nguyên thiên nhiên, mà đang khai thác ít (hoặc khai thác thiếu hiệu quả) nguồn lực văn hóa, nguồn lực nhân văn. Phải chăng chúng ta chưa nhìn thấy, chưa đánh giá đúng mức vai trò của nguồn lực văn hóa, nguồn lực nhân văn? Hay chúng ta đã nhìn thấy, nhưng chúng ta chưa biết cách khai thác?

Hiện nay, các giá trị của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo cũng đã bước đầu được khai thác phục vụ mục đích du lịch. Như chúng ta đã biết, Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đã cho thấy tầm quan trọng của du lịch trong phát triển đất nước. Trong những năm qua, du lịch tâm linh đã trở thành một xu hướng thu hút đông đảo khách tham quan trong và ngoài nước. Các địa điểm du lịch và lễ hội nổi tiếng như chùa Hương, Yên Tử, Miếu bà Chúa Xứ Núi Sam, Núi Bà Đen Tây Ninh, Lễ hội Katé ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Thánh địa La Vang (Quảng Trị), Di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam), v.v., thu hút hàng triệu lượt khách tham quan du lịch mỗi năm. Nhiều địa phương đã khai thác các di sản tín ngưỡng, tôn giáo (vật thể, phi vật thể) để xây dựng các điểm tham quan, du lịch nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước. Nhiều địa phương không chỉ khai thác, phát triển từ những di sản sẵn có, còn xây dựng mới các công trình tín ngưỡng, tôn giáo mới. Trước thành công và hiệu quả mang lại của một số mô hình du lịch tâm linh, đã thúc đẩy nhiều địa phương đề xuất kế hoạch phát triển hình thức này, thậm chí đã có kế hoạch đầu tư, xây dựng dự án du lịch tâm linh với quy mô rất lớn. Cách đây vài năm, báo chí đã thông tin về một số dự án du lịch tâm linh “khủng” như Dự án tâm linh Chùa Hương, Khu du lịch sinh thái Hồ núi Cốc ở Thái Nguyên với nguồn vốn đầu tư dự kiến hàng chục ngàn tỷ đồng, v.v..

Các địa phương quan tâm đến phát triển du lịch tâm linh không chỉ bởi nguồn thu cho ngân sách hằng năm, mà còn mong đợi du lịch tâm linh sẽ mang lại tác động tích cực khác cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Thông qua phát triển du lịch tâm linh, một lực lượng lao động không nhỏ tại địa phương có công ăn việc làm bằng việc tham gia vào rất nhiều dịch vụ đi kèm như các hàng hóa, sản phẩm phục vụ khách du lịch, dịch vụ giao thông, vận tải, dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi, giải trí. Thông qua phát triển du lịch, khi lượng khách trong và ngoài nước đến tham

quan, du lịch đông, các ngành kinh tế khác của địa phương cũng được kích thích phát triển như các ngành nghề nông nghiệp, thủ công nghiệp (như các ngành nghề truyền thống: mây tre đan, dệt, gốm sứ, mộc, v.v.). Sản phẩm của các ngành nghề tại địa phương có dịp quảng bá rộng rãi hơn, tiêu thụ được nhiều hơn, có cơ hội để ký kết, hợp tác trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm với các đối tác trong và ngoài nước, v.v.. Như vậy, nếu các địa phương biết khai thác các di sản tín ngưỡng, tôn giáo để phát triển du lịch một cách có chiến lược, có mục tiêu rõ ràng và hướng đến phát triển bền vững ở địa phương thì có thể kích thích phát triển kinh tế - xã hội của địa phương rất hiệu quả. Không chỉ là các ngành nghề liên quan đến du lịch mới được phát triển mà tất cả các ngành, lĩnh vực khác cũng được kích thích phát triển. Thông qua đó, hạ tầng cơ sở của địa phương cũng được xây dựng và phát triển, những cơ hội đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đối với địa phương cũng vì thế mà được mở rộng. Lấy một ví dụ để chúng ta dễ hình dung, nếu như 1 địa phương thu hút được 1 triệu du khách đến với địa phương 1 năm, và mỗi du khách chỉ chi tiêu 1 triệu/1 người thì địa phương đó đã thu được 1.000 tỷ đồng/năm. Nếu như số du khách tăng lên, số tiền mà du khách bỏ ra chi tiêu khi đến địa phương tham quan tăng lên thì có thể nói con số sẽ gấp nhiều lần. Ngoài số tiền thu được như trên, các địa phương còn thu được những lợi ích khác cho phát triển kinh tế - xã hội như đã phân tích ở trên.

Những vấn đề đặt ra đối với văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

Thứ nhất, đó là sự suy thoái của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo.

Văn hóa nói chung suy thoái là điều đáng lo, nhưng văn hóa tín ngưỡng tôn giáo thì lại càng đáng lo hơn bởi đây là phương diện thiêng liêng, trân quý và ở tầng sâu trong đời sống tinh thần con người. Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo có những biểu hiện suy thoái thể hiện ở chỗ: lệch lạc trong nhận thức, trong niềm tin; có những hành vi, thực hành mang tính chất thái quá, mù quáng. Không gian tín ngưỡng, tôn giáo là nơi để con người thức tỉnh lương tâm, sám hối những việc làm sai trái, là nơi để khơi gợi những mầm thiện trong mỗi con người, là nơi lan tỏa những giá trị nhân văn cao đẹp, là nơi để con người tìm được sự thanh thản, trong sạch trong tâm hồn, v.v.. Thế nhưng, rất nhiều người đến nơi đây để cầu xin danh lợi, cầu xin thăng quan tiến chức, cầu mong giàu sang phú quý, buôn may bán đắt, cầu cho người khác bị hại để mình được lợi, thậm chí những người làm ăn phi pháp, tội lỗi cũng đến để cầu cho công việc của mình may mắn. Nhiều người nhận thức rằng, chỉ cần làm lễ dâng sao giải hạn là có thể hóa giải được mọi vận hạn, có những người tin vào “oan gia trái chủ” và tin rằng chỉ cần bỏ ra một số tiền và nhờ thầy cao tay sẽ giúp hóa giải...

Trong nhận thức có sự lệch lạc như vậy, còn trong thực hành cũng có tình trạng tương tự. Có những người sẵn sàng bỏ ra một số tiền rất lớn để chi cho các cuộc lễ. Theo khảo sát thực tế của chúng tôi, có những cuộc lễ người ta đốt hàng trăm triệu

vào tiền vàng mã. Chính những nhận thức, thực hành lệch lạc của một bộ phận không nhỏ người dân như trên đã làm cho văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo bị suy thoái. Đáng tiếc là, vấn đề này lại được sự “tiếp tay” của một bộ phận nhà tu hành thiếu phẩm hạnh, có lối sống thực dụng, trái với tinh thần, tôn chỉ của các tôn giáo. Trong số các nhà tu hành hiện nay, có một số không phải là nhà tu hành thực thụ mà là những người coi đây là một nghề kiếm sống. Chính vì vậy, họ luôn phải dựa vào sự mê muội của người dân và tín đồ để trục lợi.

Thứ hai, đó là những bất cập trong khai thác, phát huy giá trị văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo đóng vai trò không nhỏ trong phát triển kinh tế - xã hội như đã nói ở trên, nhiều địa phương cũng đã phát huy tốt được việc này. Tuy nhiên, chúng ta “chưa kịp mừng thì đã vội lo” bởi cách làm thiếu bài bản, chộp giật, bất chấp tất cả chỉ nhằm mục đích thu lợi mà không chú ý đến phát triển bền vững. Muốn phát huy văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo cho sự phát triển đất nước, chúng ta cần phải giữ gìn, bảo tồn tốt văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo. Muốn phát huy tốt, chúng ta phải có cách làm khoa học, phải có mục đích bền vững, không thể phát huy văn hóa mà lại hóa thành phá hủy văn hóa. Thực tế đang tồn tại rất nhiều vấn đề đáng lo ngại xung quanh câu chuyện này.

Một trong những vấn đề đáng lo ngại là, không gian tín ngưỡng, tôn giáo đang bị xâm lấn bởi những dịch vụ “ăn theo”. Vì lợi nhuận và sự quản lý yếu kém của chính quyền mà các dịch vụ chen nhau bủa vây không gian di tích, lễ hội, thậm chí có cả những dịch vụ, mặt hàng không phù hợp với không gian văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo như bán thịt thú rừng (như tại chùa Hương), khiến cho không gian nơi đây không khác gì cái chợ. Lượng du khách đến đông, sự quản lý thiếu chặt chẽ, ý thức khách tham quan du lịch chưa tốt, hạ tầng cơ sở còn thiếu, v.v., đã khiến cho những vấn nạn như xả rác bừa bãi, hủy hoại môi trường, di tích bị phá hoại, những hành động phản cảm như tranh cướp, đánh nhau để giành lộc, những hoạt động như bói toán, cúng thuê, các nghi lễ mê tín dị đoan cũng đua nhau phát triển. Những vấn nạn này đã khiến cho không gian tín ngưỡng, tôn giáo trở nên xô bồ, hỗn loạn, mất đi nét đẹp của không gian thiêng, không gian văn hóa truyền thống. Nếu tình trạng này vẫn cứ diễn ra, liệu du khách có muốn quay trở lại thêm một lần nữa?

Ngoài ra, vì lý do lợi nhuận và chỉ quan tâm đến lợi nhuận, mà nhiều địa phương đã biến các di tích là công cụ kiếm tiền, nói cách khác là lợi dụng di tích tín ngưỡng, tôn giáo để thu tiền của người dân. Họ đặt nặng vấn đề lợi ích mà không chú ý một cách tương xứng với việc giữ gìn, bảo tồn các giá trị của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo. Đây là một vấn đề rất cần được ngành Văn hóa quan tâm, cần chính quyền các cấp chú ý trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình. Có thực tế nữa là, ở một số địa phương, lợi ích từ việc khai thác các giá trị tín ngưỡng, tôn giáo đang rơi vào doanh nghiệp. Nhà nước giao đất cho doanh nghiệp khai thác,

đầu tư ngân sách để xây dựng hạ tầng cơ sở, nhưng thu ngân sách không đáng kể. Đây là hiện tượng cần được đánh giá, xem xét một cách đầy đủ để tránh lãng phí nguồn lực nhà nước, lãng phí nguồn lực văn hóa nói chung, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng.

*

* *

Bài viết với một mong muốn giản dị là văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo cần được nhận thức một cách đầy đủ hơn, đúng đắn hơn để từ đó có thể phát huy những giá trị tích cực của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo trong sự nghiệp phát triển đất nước. Thông qua bài viết này, chúng tôi cũng mong muốn những biểu hiện suy thoái trong văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cần được nhận diện đầy đủ và có biện pháp khắc phục. Đồng thời, những bất cập trong khai thác giá trị văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều địa phương cũng cần được nhìn nhận, đánh giá một cách đầy đủ để có những giải pháp khắc phục.

Thực tiễn đã minh chứng quan điểm của Đảng về vai trò nền tảng và động lực tinh thần của văn hóa. Ngày càng, chúng ta càng nhận ra, sự phát triển kinh tế - xã hội phải song hành và hướng đến mục tiêu văn hóa. Ngày càng chúng ta càng thấy rõ, nếu chỉ đạt được chỉ số tăng trưởng cao, nhưng chỉ số về phát triển văn hóa thấp kém thì sự tăng trưởng đó cũng không có nhiều ý nghĩa. Sự phát triển của văn hóa phải được xem là tiêu chí quan trọng cho sự phát triển toàn diện và bền vững đất nước.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy, việc đưa ra những quan điểm, chủ trương, đường lối đúng đắn là vô cùng quan trọng, nhưng việc triển khai những quan điểm đó cũng quan trọng không kém. Chúng ta cũng cần phải đặt ra câu hỏi: Chúng ta đã thực sự quan tâm đến phát triển văn hóa hay chưa? Chúng ta đã thực sự nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của văn hóa đối với sự phát triển hay chưa? Chúng ta có đang nhận thấy văn hóa nói chung, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng đang có những tồn tại, hạn chế, bất cập, thậm chí là suy thoái và khủng hoảng?

Cuối cùng, hãy nhận thấy những giá trị to lớn của văn hóa nói chung, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng đối với phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, bởi đây là một nguồn lực quý giá của đất nước. Trong tương lai, cần thay đổi tỷ lệ khai thác các nguồn tài nguyên, tránh tỷ lệ khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên quá lớn như hiện nay. Cần xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch một cách khoa học để có thể phát huy nguồn lực này một cách bền vững. Phát huy vai trò, giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo cho phát triển đất nước theo chúng tôi cũng chính là giữ gìn, bảo tồn giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo.

Phát huy vai trò, giá trị của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo cho sự phát triển đất nước, theo chúng tôi, đây không chỉ là câu chuyện của Nhà nước, mà còn là câu chuyện của các địa phương, của các tổ chức tôn giáo và của cả cộng đồng, xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, 2 tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.
- [3] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng: *Nguồn lực tôn giáo - Kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2020.
- [4] Tổng cục Du lịch, Trung tâm thông tin Du lịch: *Di sản thế giới ở Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2012.
- [5] Chu Văn Tuấn, Nguyễn Thành Trung: “*Xây dựng sản phẩm du lịch gắn với khai thác di sản tôn giáo, tín ngưỡng trong bối cảnh công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 11-2018.
- [6] Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ nhiệm): *Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*, Đề tài cấp Nhà nước, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 2016.

PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG*

1. Đánh giá hiệu quả đổi mới thể chế trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa

1.1. Hình thành khung thể chế có khả năng thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế

Chính sách công¹ ở Việt Nam trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa trong thời gian qua đã có nhiều đổi mới theo hướng xây dựng, hoàn thiện, bổ sung, đề xuất những nguyên tắc, quy định, có khả năng hình thành môi trường thể chế cho phép các ngành công nghiệp văn hóa khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa giàu tiềm năng thành sức mạnh mềm văn hóa. Trong đó, thành công mang tính nền tảng đối với ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam là sự thay đổi trong nhận thức của Đảng và Nhà nước về vai trò và vị trí của ngành trong nền kinh tế. Trong *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020* do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã khẳng định: Công nghiệp văn hóa “đang là xu thế lớn và quan trọng trong chính sách văn hóa của các nước trên thế giới”². Từ đó, Chiến lược đề xuất giải pháp tạo điều kiện, môi trường thuận lợi về mặt cơ chế, chính sách và kinh doanh để phát triển ngành công nghiệp văn hóa, thể hiện chủ trương gắn kết phát triển văn hóa và phát triển kinh tế. Đặc biệt, năm 2016, Việt Nam đã ban hành *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*. Việc hệ thống lại các chính sách văn hóa của Nhà nước trong thời gian qua cho thấy, Việt Nam đã hình thành được khung chính

* Phó Viện trưởng phụ trách Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Chính sách văn hóa nằm trong hệ thống chính sách công và theo cách định nghĩa của Tổ chức UNESCO của Liên hợp quốc: “Chính sách văn hóa là một tổng thể các nguyên tắc hoạt động quyết định các cách thực hành, các phương pháp quản lý hành chính và phương pháp ngân sách của nhà nước dùng làm cơ sở cho các hoạt động văn hóa”, dẫn theo Nguyễn Văn Kiều, Trần Tiến: *Tổng thuật chính sách văn hóa của một số nước trên thế giới*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1993, tr.12.

2. *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, Ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 6/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

sách tạo môi trường thể chế tương đối thuận lợi để các ngành công nghiệp văn hóa có khả năng khai thác và chuyển hóa hiệu quả các thành tố sức mạnh mềm văn hóa nằm trong các trụ cột tài nguyên văn hóa thành sức thu hút, hấp dẫn văn hóa thông qua các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Cụ thể: Các bộ, ngành đã tập trung triển khai công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ” số 42/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 14/6/2019 tại Kỳ họp thứ 7 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/11/2019, trong đó có nội dung về quyền tác giả, quyền liên quan. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan, tạo hành lang pháp lý quan trọng khuyến khích phát triển sáng tạo, phát triển công nghiệp văn hóa; Trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Tờ trình số 3503/TTr-BKHCN ngày 31/10/2019; Báo cáo đánh giá tác động số 3502/BC-BKHCN ngày 31/10/2019; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp số 3501/BC-BKHCN ngày 31/10/2019), trong đó có nội dung quyền tác giả, quyền liên quan; Các quy định pháp luật chuyên ngành: Luật Điện ảnh, Luật Du lịch, Luật Quảng cáo và các nghị định hướng dẫn chuyên ngành: nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh từng bước được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Luật Thư viện được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 21/11/2019 tại Kỳ họp thứ 8 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2020. Luật Thư viện gồm 6 chương, 52 điều, quy định về thành lập, hoạt động thư viện; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thư viện; quản lý nhà nước về thư viện. Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 tại Kỳ họp thứ 7 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2020. Luật Kiến trúc được bố cục gồm 5 chương và 41 điều, quy định các nội dung về quản lý kiến trúc và hành nghề kiến trúc. Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/2/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Nghị định gồm 4 chương và 20 điều, quy định về hoạt động tổ chức, phối hợp tổ chức triển lãm không vì mục đích thương mại thực hiện tại Việt Nam và đưa ra nước ngoài. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, xây dựng Kế hoạch hành động 5 ngành: điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; du lịch văn hóa; quảng cáo. Hằng năm, thông qua nguồn ngân sách nhà nước, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tài trợ, đặt hàng, tổ chức các cuộc thi,

triển lãm, hội chợ, lễ hội... góp phần đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo, tổ chức đào tạo tài năng ở nước ngoài các ngành, chuyên ngành nghệ thuật để bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ xây dựng các ngành công nghiệp văn hóa; tuyển chọn tài năng ở các ngành, chuyên ngành nghệ thuật thuộc lĩnh vực điện ảnh, sân khấu, mỹ thuật, âm nhạc, múa, xiếc, văn hóa nhằm đào tạo chất lượng cao, tạo nguồn nhân lực nghệ sĩ biểu diễn phục vụ xây dựng các ngành công nghiệp văn hóa. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ phối hợp với Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tổ chức thu thập số liệu thống kê ngành điện ảnh; thu thập bước đầu số liệu thống kê của các ngành nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, du lịch văn hóa và quảng cáo. Có thể thấy, đường lối, chủ trương chiến lược, hệ thống luật pháp, chính sách của nước ta cũng từng bước quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh chức năng, hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nằm trong chuỗi giá trị sản xuất, kinh doanh, phân phối các sản phẩm công nghiệp văn hóa theo hướng tiến tới xác lập đồng bộ với các yếu tố thị trường, các loại thị trường hiện đại.

1.2. Giảm thiểu tình trạng thị trường phát triển manh mún và tăng cường khả năng kết nối quốc tế của các ngành công nghiệp văn hóa

Từ năm 2016 đến nay, nhìn chung, các chính sách liên quan đến công nghiệp văn hóa Việt Nam đều hướng đến việc xem xét các sản phẩm và dịch vụ văn hóa trong nền kinh tế thị trường, chú ý đến nhu cầu văn hóa của người dân, quan tâm nhiều hơn đến vai trò của các tổ chức xã hội, đặc biệt là các tổ chức NGO trong việc hỗ trợ sáng tạo và bảo vệ quyền lợi cho các nghệ sĩ.

Trên bình diện hợp tác quốc tế, bảo vệ các sản phẩm và dịch vụ văn hóa cũng luôn được Việt Nam coi trọng như là một ưu tiên chính sách trong khi ký kết các văn bản hợp tác trong khuôn khổ các hiệp định tự do thương mại như TPP cũng như giữa Việt Nam và các nước, tổ chức đối tác khác.

Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, đến năm 2020, tầm nhìn 2030 dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, các địa phương cũng có các chương trình hành động riêng nhằm phát triển công nghiệp văn hóa, gia tăng sức sản xuất và cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ văn hóa của địa phương mình. Nhiều hội thảo quốc tế và trong nước đã lấy chủ đề phát triển công nghiệp văn hóa là nội dung chính. UNESCO, Hội đồng Anh, Viện Goethe, các đại sứ quán Đan Mạch, Thụy Điển... đã có nhiều tư vấn giúp Việt Nam nâng cao hiểu biết,

nhận thức về phát triển công nghiệp văn hóa trong đời sống xã hội. Nếu như trước năm 2016, công nghiệp văn hóa còn là một khái niệm gây nhiều tranh cãi ở Việt Nam, thì đến năm 2018, kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu cho thấy, tại Việt Nam, ngành được nhiều người biết đến nhất là truyền hình - phát thanh và điện ảnh (85%)¹. Tiếp đến là những ngành quảng cáo, kiến trúc, du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, thủ công mỹ nghệ, xuất bản, thiết kế, thời trang. Với những thay đổi thể chế mang tính tích cực, Việt Nam đã từng bước gắn các thành tố sức mạnh mềm văn hóa với tiến trình các ngành công nghiệp văn hóa để tái cơ cấu nền kinh tế sang hướng kinh tế tri thức, từ đó chuyển hóa nguồn tài nguyên mềm văn hóa thành năng lực cạnh tranh, sức thu hút, hấp dẫn và hội nhập quốc tế về Việt Nam.

1.3. Các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội và trở thành một kênh gia tăng sức mạnh mềm văn hóa

Những thay đổi tích cực về thể chế chính sách, đặc biệt là các chính sách kinh tế trong văn hóa và khuyến khích sự tham gia của các thành phần sở hữu, sự đầu tư nguồn vốn trong và ngoài nước vào các ngành công nghiệp văn hóa đã thúc đẩy thị trường công nghiệp văn hóa Việt Nam có những bước tiến mới, mang lại những đóng góp nhất định vào tăng trưởng GDP của cả nước. Theo thống kê chưa đầy đủ của nhóm nghiên cứu, so với mức GDP chiếm 2,68% năm 2015², các ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam ước đạt 3,42% GDP cả nước năm 2019³. Sự thay đổi này cho thấy, công nghiệp văn hóa Việt Nam đang phát huy tương đối hiệu quả các thành tố sức mạnh mềm văn hóa thông qua hoạt động của các ngành công nghiệp văn hóa, dần rút ngắn khoảng cách cạnh tranh với các nền công nghiệp văn hóa trên thế giới, góp phần gia tăng sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Một số đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam

		<p>Tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm đạt trung bình 6,81% từ 2016 đến 2019.</p> <p>GDP bình quân đầu người: 2.786 USD, thuộc nhóm thu nhập thấp.</p>
--	--	--

1. Khảo sát của tác giả và nhóm nghiên cứu năm 2017, 2018.

2. Số liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2015.

3. Số liệu chưa đầy đủ do nhóm chuyên gia phân tích số liệu Vicas thực hiện.

Đóng góp GDP của các ngành Công nghiệp văn hóa ¹ 2010: 2,44% GDP 2015: 3,5% GDP 2018: 3,61% GDP (8.081 tỷ USD)	Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực văn hóa 2009: 1,72% 2015: 3,45% 2018: 3,51%	2018: 437.167 lao động làm việc trong các ngành công nghiệp văn hóa
Không gian văn hóa sáng tạo ngoài công lập: 2017: 40 không gian 2021: 198 không gian ²	Cả nước hiện có: 115 đơn vị văn hóa nghệ thuật công lập (12 đơn vị Trung ương và 103 đơn vị địa phương) 108 cơ sở đào tạo tham gia đào tạo văn hóa - nghệ thuật...	Xuất khẩu sản phẩm văn hóa: ³ 2013: 493.342.938,00 (USD) 2016: 912.981.417,00 (USD) 2019: 2.494.075.077,00 (USD)
Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa sáng tạo thường niên 2003-2015 ⁴ : 17,9%	Giá trị xuất khẩu hàng hóa sáng tạo Việt Nam 2002-2015 (UNCTAD Statistic) 2002: 608.125,90 triệu USD 2010: 793.852,03 triệu USD 2015: 837.014,65 triệu USD	
Thị phần của xuất khẩu hàng hóa sáng tạo Việt Nam trong tổng xuất khẩu hàng hóa sáng tạo thế giới (2002 - 2015) (UNCTAD Statistic) 2002: 0,29% 2010: 1,38% 2014: 0,99%		

Nguồn: Nguyễn Thu Hà, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tổng hợp.

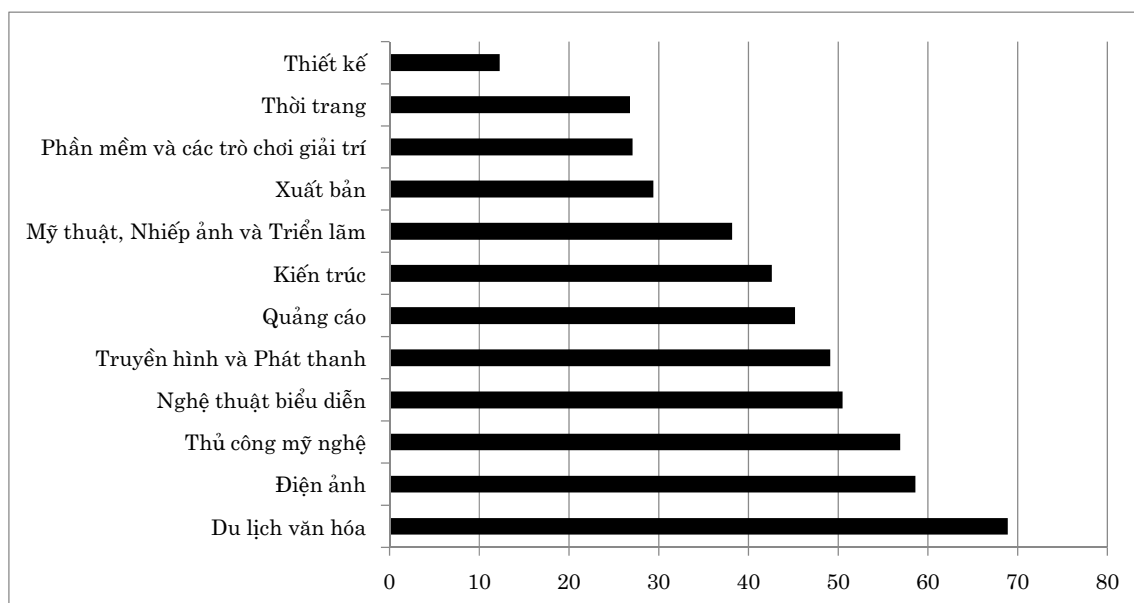
1. Số liệu của Tổng cục Thống kê và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với TS. Nguyễn Cao Đức, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu châu Mỹ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thực hiện phục vụ cho Báo cáo định kỳ 2016-2019 Công ước về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa.

2. <https://creativehubs.vn/hubs>.

3. Số liệu truy cập từ UIS.Stat ngày 11/8/2021: http://data.uis.unesco.org/index.aspx?DatasetCode=CTRD_DS.

4. Hàng hóa sáng tạo bao gồm: thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nghe nhìn, thiết kế, truyền thông mới (new media), nghệ thuật biểu diễn, xuất bản và nghệ thuật thị giác. Số liệu truy cập từ UNCTAD ngày 11/8/2021.

Biểu đồ 1: Các ngành công nghiệp văn hóa có thể mạnh cạnh tranh của Việt Nam



Nguồn: Kết quả khảo sát của Nguyễn Thị Thu Phương và nhóm nghiên cứu năm 2017, 2018.

Đối với ngành điện ảnh: Doanh thu của ngành điện ảnh Việt Nam liên tục gia tăng. Theo thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2016, doanh thu khu vực doanh nghiệp điện ảnh đạt 1.073 tỷ đồng. Năm 2017, doanh thu ngành này đạt 3.228 tỷ đồng (tương đương khoảng 140 triệu USD). Năm 2018, doanh thu ngành điện ảnh đạt 3.353 tỷ đồng (tương đương khoảng 145 triệu USD). Số liệu 6 tháng đầu năm 2019 cho thấy, doanh thu ngành điện ảnh đạt khoảng 200 tỷ đồng; phát hành 15 phim truyện Việt Nam chiếu rạp, 80 phim truyện nước ngoài; số đội chiếu phim lưu động là 264 đội, phục vụ khoảng 9.096.206 lượt người xem¹.

Đối với ngành nghệ thuật biểu diễn: Đây là một ngành truyền thống của ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam với nhiều loại hình biểu diễn như: ca - múa - nhạc hiện đại, giao hưởng, opéra, balê, kịch hát dân ca, tạp kỹ,... Cùng với sự phát triển về loại hình biểu diễn, doanh thu ngành cũng liên tục gia tăng. Theo thống kê của Cục Nghệ thuật biểu diễn, năm 2018, doanh thu ngành này đạt khoảng 104.165.240.400 đồng (doanh thu bán vé), với 2.118 buổi biểu diễn. Doanh thu năm 2018 gần gấp 1,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Riêng 6 tháng đầu năm 2019, số kinh phí tính từ các buổi biểu diễn có bán vé đạt 42.697.665.000 đồng².

Đối với ngành quảng cáo: Năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, doanh thu quảng cáo trên các phương tiện truyền hình là 64.104.908.921 đồng; trên báo in: 1.067.129.234 đồng; trên tạp chí: 762.907.174 đồng; trên radio: 1.462.066.374 đồng. Số lượng doanh

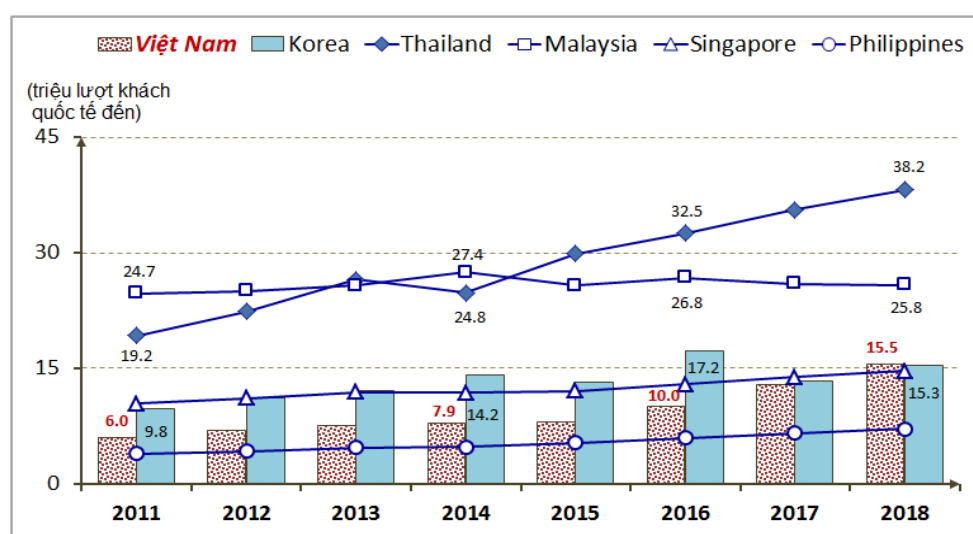
1. Số liệu Cục Điện ảnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp.

2. Cục Nghệ thuật biểu diễn cung cấp.

ngành của ngành quảng cáo đến năm 2017 có 2.963. Đến nay, đã có 54/63 tỉnh, thành phố ban hành quy hoạch quảng cáo và đi vào triển khai thực hiện¹.

Đối với ngành du lịch: Trong những năm gần, khách quốc tế đến thăm Việt Nam có xu hướng ngày càng tăng không chỉ về quy mô du khách (đạt trên 1,8 triệu lượt khách năm 2019) mà còn cả về tốc độ tăng trưởng du khách (đạt mức bình quân 23%/năm trong giai đoạn 2016-2019).

**Biểu đồ 2: Lượng khách quốc tế đến thăm Việt Nam
giai đoạn 2011-2019**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, GSO (2019); và Cơ sở dữ liệu CEIC (2019).

Năm 2019, tổng thu từ ngành du lịch của Việt Nam đạt 700.000 tỷ đồng tạo bước đột phá về năng lực cạnh tranh. Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) đã công bố Báo cáo năng lực cạnh tranh du lịch toàn cầu năm 2019. Theo đó, năng lực cạnh tranh du lịch Việt Nam cải thiện đáng kể, từ hạng 67/136 lên hạng 63/140, tăng 4 bậc so với năm 2017. Xếp hạng của du lịch Việt Nam tăng đáng kể so với Thái Lan (tăng 3 bậc), Campuchia (tăng 3 bậc), Indonesia (tăng 2 bậc), Singapore (giảm 4 bậc), Malaysia (giảm 3 bậc) và Lào (giảm 3 bậc)². Những số liệu này cho thấy, du lịch đã trở thành một ngành công nghiệp văn hóa khai thác, chuyển hóa hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam.

Từ đó đến nay, phát triển công nghiệp văn hóa đang được nhìn nhận như một ngành kinh tế có khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh của thị trường trong và ngoài nước của Việt Nam. Dựa trên việc rà soát thể chế, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua có thể thấy, Việt Nam đang hình thành cơ chế

1. Số liệu do Cục Bản quyền tác giả cung cấp.

2. Du lịch Việt Nam ước đạt 700.000 tỷ đồng tổng thu từ khách du lịch năm 2019, <https://vtv.vn/trong-nuoc/du-lich-viet-nam-uoc-dat-700000-ty-dong-tong-thu-tu-khach-du-lich-nam-2019.0916144644268.htm>.

chuyển hóa tài nguyên mềm văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa trong các chiều tương tác quyền lực. Các kết quả nghiên cứu gần đây của Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam phối hợp với Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, các chuyên gia trong nước, quốc tế đã bước đầu mang đến một cách hình dung phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như sau:

Kế thừa những nhận thức sâu sắc tài nguyên văn hóa là nguồn vốn quý giá phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế du lịch, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn (Nghị quyết số 08). Văn bản này đã xác định trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, của toàn xã hội trong phát triển du lịch bền vững, đưa ngành này trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vừa phát huy các di sản văn hóa và giá trị truyền thống tốt đẹp, vừa bảo vệ môi trường thiên nhiên, bảo đảm sự hài hòa cả xã hội, việc làm, an ninh và quốc phòng.

1.4. Các ngành công nghiệp văn hóa chưa phát huy tiềm năng, lợi thế về nguồn tài nguyên mềm văn hóa

Mặc dù đổi mới về thể chế đã tạo nên sự thay đổi tích cực trong nhận thức xã hội, giảm thiểu tình trạng manh mún, tăng cường kết nối quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của một số ngành công nghiệp văn hóa trong quá trình chuyển hóa các tài nguyên di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di sản thiên nhiên thành những thành tố tạo sức thu hút, hấp dẫn văn hóa, nhưng với một số ngành, việc chuyển đổi từ tài nguyên mềm thông qua lựa chọn các thành tố phù hợp tạo nên chuỗi giá trị sáng tạo, sản xuất sản phẩm và dịch vụ văn hóa có khả năng thu hút thị trường văn hóa trong và ngoài nước vẫn chưa đạt được hiệu quả cao.

Việt Nam có quy mô dân số gần 100 triệu người là một thị trường tiềm năng các sản phẩm công nghiệp văn hóa nội địa, nhưng các khảo sát thực tế cho thấy, sức tiêu dùng của người Việt đối với các sản phẩm công nghiệp văn hóa vẫn ưu ái hàng “ngoại” nhiều hơn “nội”. Có thể thấy, các sản phẩm công nghiệp văn hóa Việt Nam thiếu đi sự độc đáo, tính ứng dụng và cách thể hiện sống động bản sắc văn hóa. Do đó, chưa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và tiêu dùng văn hóa ngày càng cao người dân trong nước. Điều này dẫn đến thị trường văn hóa trong nước đang bị xâm lấn bởi các sản phẩm công nghiệp văn hóa đến từ các cường quốc văn hóa cùng khu vực châu Á với Việt Nam như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc.

Hạ tầng cơ sở phong phú giàu bản sắc và 198 không gian sáng tạo đa dạng các biểu đạt phân bố trên toàn quốc là một lợi thế để Việt Nam khai thác chuyển hóa thành sức mạnh mềm văn hóa ở sức hấp dẫn, khả năng kết nối. Tuy nhiên, đổi mới thể chế chưa quyết liệt trong việc mở cửa cho việc đầu tư mạnh vào khu vực tư nhân, các rào cản thể chế chưa được phá vỡ hướng tới sự kết hợp công tư trong khai thác và phát huy hiệu quả kết cấu hạ tầng và các không gian sáng tạo văn hóa.

Mặt khác, việc chưa xem công nghiệp văn hóa là một lĩnh vực có sự kết hợp chặt chẽ giữa sáng tạo, công nghệ và bản quyền đã làm cho nguồn tài nguyên này chưa tạo được ấn tượng thu hút đối với cảm nhận của người nước ngoài. Các kết quả khảo sát cho thấy, đánh giá về mức độ phát huy giá trị của những cơ sở vật chất và không gian văn hóa của nước ta phần lớn những người nước ngoài tham gia trả lời phỏng vấn đều đánh giá ở mức trung bình. Chỉ có hai cơ sở vật chất và không gian văn hóa là Bảo tàng Hồ Chí Minh và phố đi bộ Hồ Gươm được đánh giá ở mức phát huy khá tốt với mức điểm trung bình là 4,2 và 4,1 (trong thang điểm từ 1 đến 5, trong đó, 1 là chưa được phát huy và 5 là phát huy rất tốt). Điều này cho thấy, những người được hỏi chưa đánh giá cao việc nước ta phát huy giá trị của những cơ sở vật chất và không gian văn hóa này¹.

1.5. Việt Nam chưa tạo được cơ chế phối hợp đồng bộ hiệu quả trong phát triển công nghiệp văn hóa

Trong thời gian qua, một số chính sách đã bám sát thực tiễn đất nước, địa phương, ngành trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Nhờ đó, bước đầu đã tạo lập và hoàn thiện được một hệ thống chính sách có khả năng chuyển đổi hiệu quả một số tài nguyên mềm văn hóa thông qua các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp văn hóa, đặc biệt là ở lĩnh vực du lịch văn hóa. Tuy vậy, việc phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam thông qua công nghiệp văn hóa vẫn còn là một chuỗi liên kết yếu trong phát huy sức mạnh tổng thể quốc gia. Nguyên nhân là do năng lực xây dựng thể chế, quản lý, điều hành, tổ chức thực thi pháp luật, năng lực dự báo, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn yếu... Có thể thấy những hạn chế, bất cập đó trên các khía cạnh chủ yếu sau đây: Hệ thống quản lý phân tách khó mang lại một phương thức tiếp cận tổng thể có thể phát huy hiệu quả cho tất cả các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên sự kết nối giữa sáng tạo và công nghệ. Cụ thể, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh, điện ảnh, bản quyền tác giả, du lịch văn hóa; Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý công nghệ, khoa học, tài sản trí tuệ, Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản; Bộ Xây dựng quản lý kiến trúc, Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý giáo dục và đào tạo liên ngành. Các ngành công nghiệp văn hóa khó chuyển mình trong sự phân tách, cộng thêm những rào cản về thể chế làm chậm quá trình biến văn hóa thành một lĩnh vực đầu tư, mở rộng cửa cho khu vực tư nhân và tạo điều kiện cho giải phóng sức sáng tạo, đa dạng hóa các biểu đạt thể hiện bản sắc và tính ứng dụng trong các sản phẩm, dịch vụ và không gian sáng tạo khiến cho công nghiệp văn hóa chưa là một ngành kinh tế mũi nhọn. Đây chính là điểm yếu cốt tử trong việc

1. Khảo sát của tác giả và nhóm nghiên cứu năm 2017, 2018.

hiện thực hóa mục tiêu coi công nghiệp văn hóa là kênh truyền dẫn mũi nhọn phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam hiện nay.

2. Một số đề xuất về quan điểm, mục tiêu, giải pháp

Những phân tích ban đầu trong công trình này đã từng bước giúp nhận rõ hơn vai trò của thể chế trong việc hỗ trợ, khuyến khích các ngành công nghiệp văn hóa vươn lên thoát khỏi tình trạng manh mún để trở thành một kênh truyền dẫn chủ lực phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam ở cả trong và ngoài nước. Tuy nhiên, những hạn chế mà chúng tôi đề cập cũng chỉ ra, các ngành công nghiệp văn hóa hiện nay chưa tạo được sự phát triển đột phá, chưa thu hút, hấp dẫn thị trường do chưa khai thác hiệu quả tiềm năng thế mạnh đến từ nguồn tài nguyên văn hóa vốn rất dồi dào của Việt Nam. Dựa trên tình hình thực tiễn của Việt Nam, cũng như căn cứ vào kinh nghiệm quốc tế, chúng tôi cho rằng, trong thời gian tới, muốn phát huy hiệu quả sức mạnh mềm văn hóa thông qua chuyển hóa các tài nguyên văn hóa thành các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa, từ góc độ thể chế Việt Nam cần xác định hệ thống quan điểm, mục tiêu, giải pháp phát triển công nghiệp văn hóa như sau:

2.1. Quan điểm định hướng

- Phát triển công nghiệp văn hóa theo hướng hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. Xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và các công nghệ mới, hiện đại.

- Chủ động hợp tác, xúc tiến thương mại và quảng bá các sản phẩm công nghiệp văn hóa của Việt Nam ra thế giới nhằm mở rộng thị trường, phát huy sức mạnh mềm văn hóa, nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

2.2. Mục tiêu

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế thị trường văn hóa gắn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa có tiềm năng, lợi thế.

2.3. Các nhóm giải pháp

- **Kiện toàn khung khổ thể chế, chính sách:** Hoàn thiện khung thể chế, chính sách, tháo gỡ kịp thời những rào cản, vướng mắc, khó khăn, hình thành khung khổ pháp lý, thể chế nhằm phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo động lực cho công nghiệp văn hóa phát triển theo hướng đáp ứng yêu cầu thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập quốc tế; Tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về: điện ảnh, di sản văn hóa, sở hữu trí tuệ, quảng cáo... Hoàn thiện, bổ sung các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan đáp ứng yêu cầu bảo hộ và thực thi quyền trong

nước và hội nhập quốc tế; thúc đẩy phát triển văn hóa và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

- *Hoàn thiện thị trường văn hóa, ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa*: Chú trọng hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế thị trường văn hóa gắn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo hệ sinh thái thuận lợi để huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa nhằm thúc đẩy đầu tư, sáng tạo, sản xuất, phân phối, tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ văn hóa; Xây dựng, đề xuất các chính sách ưu đãi về vốn, thuế, đất đai, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Có cơ chế ưu đãi, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; Hoàn thiện chính sách đặt hàng, ưu đãi khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế, tiềm năng như: điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa...; Thúc đẩy khả năng tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ văn hóa của công chúng thông qua việc hình thành cơ chế khuyến khích doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, ứng dụng công nghệ tiên tiến để tăng cường sáng tạo, sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Khuyến khích xã hội hình thành các quỹ phát huy sáng kiến quy mô vừa và nhỏ trong hoạt động sáng tạo công nghiệp văn hóa; Nâng cao ý thức thực thi pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội. Củng cố, tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý, cơ quan thực thi quyền tác giả từ Trung ương đến địa phương; Xây dựng cơ sở dữ liệu văn hóa quốc gia; Bộ chỉ số văn hóa quốc gia vì sự phát triển bền vững, bảo đảm kết nối, tích hợp đồng bộ với hệ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa; Phát triển những sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa độc đáo, sáng tạo; Tạo cơ chế phối hợp tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa, từng bước xây dựng và phát triển thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước; Xác định một số sản phẩm cụ thể, chủ lực làm tiền đề phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa có tiềm năng, lợi thế, như: điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, du lịch văn hóa...; Thúc đẩy phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp văn hóa.

- *Đổi mới cơ chế đầu tư tài chính trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa*: Hiện nay, cơ chế đầu tư tài chính trong lĩnh vực văn hóa chỉ chú trọng tới đầu tư của Chính phủ mà xem nhẹ vấn đề thu hút vốn. Đầu tư tài chính trong lĩnh vực văn hóa, thực chất bao gồm hai khái niệm là *đầu tư* và *thu hút vốn*. Là nước có nguồn lao động dồi dào nhưng vốn đầu tư phát triển lại tương đối eo hẹp trong lĩnh vực văn hóa. Sự đầu tư tài chính thường tập trung cho các hoạt động thuộc về các đơn vị làm văn

hóa, trong khi vấn đề thu hút lại bị xem nhẹ. Do đó, muốn đổi mới cơ chế đầu tư văn hóa, xây dựng một cơ chế đầu tư tương xứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam buộc phải giải quyết hiện tượng “thắt cổ chai” về vốn đầu tư. Ngoài ra, đổi mới cơ chế đầu tư còn có lợi rất lớn trong việc thúc đẩy quá trình điều chỉnh kết cấu trong chế độ sở hữu và kết cấu ngành công nghiệp văn hóa thông qua việc “tăng lượng” thu hút vốn trong đầu tư. Việc này đồng thời cũng có thể kích hoạt được nguồn vốn tồn đọng của Nhà nước, ưu việt hóa cơ cấu vốn trong các doanh nghiệp văn hóa Nhà nước, có lợi cho việc bố trí sắp xếp nhân lực thông qua nguồn vốn văn hóa, giải quyết vấn đề mối quan hệ hữu cơ giữa hai yếu tố của sản xuất là nguồn vốn và nhân lực trong quá trình phát triển sự nghiệp văn hóa. Đây là giải pháp quan trọng để phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam hiện nay đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam đưa ra các quyết sách có tính chiến lược. Song vấn đề cơ bản để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đòi hỏi phải có chính sách đầu tư và đào tạo nguồn nhân lực. Hơn nữa cần có chính sách cởi mở để có thể phát huy tiềm năng văn hóa của mình, thu hút bên ngoài hướng tới “sức hấp dẫn” - văn hóa của đất nước ngay tại chỗ. Vấn đề tạo ra “không gian sáng tạo” hay môi trường sáng tạo cũng là một giải pháp quan trọng cho việc phát huy sức mạnh mềm văn hóa nước ta hiện nay. Việc bồi dưỡng năng lực sáng tạo và tạo môi trường sáng tạo cho những tài năng văn hóa (văn nghệ sĩ, trí thức khoa học công nghệ) cũng là giải pháp rất căn bản của sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa bên cạnh các giải pháp khác.

Tăng cường cơ chế hợp tác công - tư trong quá trình đa dạng hóa các sản phẩm - dịch vụ văn hóa nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các đối tượng thụ hưởng khác nhau: Việt Nam cần có những thay đổi mang tính chiến lược về chính sách phát triển công nghiệp văn hóa nhằm tạo môi trường thể chế thuận lợi cho việc hợp tác công tư (sự kết hợp giữa các chủ thể tư nhân với các thể chế văn hóa do Nhà nước dẫn dắt và khuôn khổ pháp lý của Nhà nước) dựa trên hiệu quả thị trường nhằm phát triển được các sản phẩm văn hóa vừa có khả năng đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của các đối tượng thụ hưởng văn hóa trong nước, vừa hướng tới việc thu hút ngày một mạnh mẽ hơn tới thị trường khách du lịch đến Việt Nam tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp văn hóa và từng bước quảng bá hình ảnh quốc gia, nâng cao vị thế quốc tế.

- *Đầu tư phát triển hạ tầng các ngành công nghiệp văn hóa:* Do tính hấp dẫn của văn hóa đại chúng và nhu cầu phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có nội dung số vừa phục vụ thị trường nội địa vừa hướng ra nước ngoài, nên việc phát triển các kết cấu hạ tầng cho các ngành công nghiệp này vô cùng quan trọng, mang tính quyết định đến sự thành công của quá trình chuyển hóa nguồn tài nguyên văn hóa thành các sản phẩm văn hóa từ đó làm nên sức mạnh mềm văn hóa. Kinh nghiệm quốc tế

đã cho thấy, các quốc gia phát triển (Mỹ và phương Tây) và mới phát triển (Nhật Bản, Hàn Quốc) đều phát triển các ngành điện ảnh, âm nhạc, games... trên cơ sở hệ thống ICT phát triển. Bởi chính sự phát triển của hệ thống này bảo đảm chất lượng truyền tải, kênh tiếp cận và đánh giá nhu cầu thị trường để có những chiến lược tiếp cận hiệu quả mang lại sức cạnh tranh của ngành công nghiệp văn hóa trong nước. Vì vậy, việc phát triển các hạ tầng cơ sở sẽ giúp Việt Nam bảo đảm nền tảng số hóa thuận lợi cho sự phát triển các nguồn lực quyền lực mềm, gia tăng khả năng và cách thức tiếp cận đến đối tượng, mang lại năng lực thích ứng nhanh trước các xu hướng thị trường trong ngành công nghiệp văn hóa.

- Đổi mới phương thức khai thác, tăng cường kết nối truyền thống với hiện đại trong sáng tạo, sản xuất, phân phối các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa: Trong phát triển công nghiệp văn hóa, chỉ dựa vào văn hóa truyền thống sẽ không thực sự giúp ích cho sự gia tăng sức cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường văn hóa từ đó gia tăng sức mạnh mềm văn hóa của bất cứ quốc gia nào. Vì vậy, việc phát huy sức mạnh mềm văn hóa hiện nay đang ngày càng hướng đến tạo dựng bản sắc quốc gia vừa gắn với truyền thống vừa mang tính mới tương thích với các giá trị chung của toàn cầu trong một thế giới đa văn hóa, dung hợp văn hóa, ngày càng mở và đa dạng. Sở dĩ Việt Nam chưa thể tạo nên được ngành công nghiệp văn hóa với các sản phẩm văn hóa đại chúng có sức thu hút trên toàn cầu là do chúng ta đổi mới phương thức khai thác nguồn tài nguyên văn hóa truyền thống và chưa thực sự tạo được sự liên kết giữa truyền thống với các giá trị chung mới hiện đại toàn cầu.

*

* *

Kết quả nghiên cứu trong tham luận đã từng bước chỉ ra, trong những năm gần đây, đổi mới thể chế đã tạo nên sự tích hợp giữa những sáng tạo và biểu đạt đa dạng về văn hóa nghệ thuật trong nguồn tài nguyên văn hóa dồi dào của Việt Nam với khả năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ, kỹ năng kinh doanh trong hoạt động của các ngành công nghiệp văn hóa. Sự thay đổi này đã tạo nên những chuyển biến tích cực của một số ngành, đặc biệt là du lịch văn hóa, điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn,... trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và phát huy sức hấp dẫn, thu hút thế giới về văn hóa. Nhưng hiện nay, dù có nhiều tiềm năng lợi thế, con đường vươn tầm thương hiệu công nghiệp văn hóa, định vị sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam ở các sản phẩm - dịch vụ công nghiệp văn hóa ra thế giới còn rất khó khăn. Công nghiệp văn hóa đang là một kênh liên kết yếu trong cơ chế chuyển hóa nguồn tài nguyên mềm văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam và đây chính là thách thức lớn đòi hỏi chúng ta cần tập trung triển khai những giải pháp có tính thực tế và đột phá hơn về thể chế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Văn Kiền, Trần Tiến: *Tổng thuật chính sách văn hóa của một số nước trên thế giới*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1993.
- [2] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Báo cáo quốc gia định kỳ của Việt Nam giai đoạn 2016-2019*, 2019.
- [3] Từ Thị Loan, Nguyễn Thị Thu Phương, Đỗ Thị Thanh Thủy (Chủ biên): *Phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2017.
- [4] Euny Hong: *Giải mã Hàn Quốc sành điệu*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2016.

VĂN HÓA TRONG TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH TẾ: TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

TS. NGUYỄN THỊ THANH HOA*

Về bản chất, các khu công nghiệp¹ chính là một công cụ kinh tế được vận dụng nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất hàng hóa vì mục tiêu cốt lõi là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển cho các địa phương, vùng và quốc gia. Có thể khẳng định chắc chắn rằng, sau 35 năm đổi mới, các khu công nghiệp đã dần trở thành một nhân tố quen thuộc, hiện hữu trong đời sống của đa số người dân nước ta. Tính đến tháng 6 năm 2020, cả nước có 336 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên đạt gần 97,8 nghìn ha, trong đó diện tích đất công nghiệp đạt gần 66 nghìn ha; trong đó có 261 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động (chiếm 77,6%). Quan trọng hơn cả, các khu công nghiệp đang vận hành như một mô hình quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa nói riêng và trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung. Rất nhiều tác động tích cực về kinh tế - xã hội đã được tạo ra từ các khu công nghiệp ở nước ta, như chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, tạo công ăn việc làm cho người lao động và tăng nguồn thu ngân sách...

Với ý nghĩa quan trọng như trên, việc tiếp tục phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam là một nhiệm vụ mang tính tất yếu. trong thời gian tới. Tuy vậy,

* Ban Nghiên cứu văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Theo Tổ chức Phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc (United Nation Industrial Development Organization - UNIDO), khu công nghiệp (industrial park) là một khu đất được xây dựng và chia thành các phân khu theo một quy hoạch tổng thể với hệ thống đường xá, các dịch vụ giao thông và dịch vụ công cộng, đôi khi cũng có những cơ sở chung, dành cho một nhóm các nhà sản xuất (UNIDO, 1997). Định nghĩa cơ bản này được ứng dụng ở nhiều quốc gia khác nhau, trong đó có Việt Nam. Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế định nghĩa khu công nghiệp là “khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục theo quy định của Chính phủ Việt Nam”. Từ khuôn khổ chung này, trên thực tế, các khu công nghiệp tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thái và tên gọi khác nhau như khu thương mại tự do, khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt, khu công nghệ cao, v.v..

nhiệm vụ này chỉ có thể đạt được kết quả tốt nếu chúng ta có thể khắc phục những hạn chế hiện nay ở các khu công nghiệp. Những vấn đề như: sự nghèo nàn trong đời sống văn hóa của công nhân, xung đột lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động, xung đột văn hóa giữa công nhân Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài, ô nhiễm môi trường... còn tồn tại dai dẳng và gây ra những tác động tiêu cực đến vị thế và vai trò của các khu công nghiệp. Việc giải quyết những mặt trái về văn hóa - xã hội là một thách thức mang tính cấp bách, cần được chú trọng trong thời gian tới bên cạnh những nỗ lực để duy trì và củng cố vai trò kinh tế của mô hình khu công nghiệp ở Việt Nam. Chính vì vậy, định hướng xây dựng và hoàn thiện môi trường văn hóa ở các khu công nghiệp như một phần của chủ trương phát triển môi trường văn hóa chung mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã đề ra cần được triển khai có hệ thống và dựa trên những cơ sở khoa học cần trọng.

Xuất phát từ bối cảnh này, chúng tôi sẽ cung cấp một đánh giá tổng quan về các công trình nghiên cứu có liên quan đến vấn đề môi trường văn hóa tại các khu công nghiệp, nhằm đóng góp vào việc hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc triển khai nhiệm vụ quan trọng trên. Ngoài các nghiên cứu trong nước, chúng tôi sẽ đề cập đến các công trình do các nhà khoa học nước ngoài thực hiện, từ đó nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng môi trường văn hóa tại các khu công nghiệp ở Việt Nam phù hợp với xu thế và các yêu cầu quốc tế.

1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

Ngoài việc khẳng định tính tất yếu của các khu công nghiệp trong tiến trình phát triển kinh tế của xã hội hiện đại¹, các nghiên cứu hiện có đều nhấn mạnh động năng

1. Ngay từ cuối thế kỷ XIX, trong bối cảnh công nghiệp hóa được đẩy mạnh ở các quốc gia phương Tây, các nhà nghiên cứu kinh tế bắt đầu dành sự lưu tâm tới việc phân tích, lý giải những động lực đằng sau sự tập trung các công ty, nhà máy tại những vị trí địa lý nhất định. Vào năm 1920, trong tác phẩm *Principles of Economics* (Các nguyên lý kinh tế học), Alfred Marshall đã đưa ra khái niệm khu công nghiệp (industrial district) và định nghĩa đây là “một khu vực tập trung ổn định của các công ty”. Theo ông, có nhiều yếu tố đưa tới việc tập trung công nghiệp ở những vị trí nhất định, một quá trình mà ông gọi là địa phương hóa sản xuất công nghiệp, bao gồm: nhu cầu ở gần các nguồn tài nguyên của các nhà sản xuất; ưu tiên của giới cầm quyền về việc sản xuất các loại hàng hóa nhất định; vị trí gần gũi của nơi tập trung công nghiệp với các đô thị lớn. Quá trình địa phương hóa công nghiệp có thể diễn ra ở nhiều nơi nhưng chỉ khi quá trình này đủ lâu dài và trở nên ổn định thì các khu công nghiệp mới ra đời. Chính vì vậy, theo Marshall, quá trình tập trung hóa hay địa phương hóa sản xuất công nghiệp có thể diễn ra tự phát nhưng sự hình thành của các khu công nghiệp đòi hỏi sự can thiệp có kế hoạch của con người.

Ngoài lý thuyết của Marshall, việc xây dựng và phát triển các khu công nghiệp như một hiện tượng phổ quát trên thế giới còn được lý giải thông qua học thuyết về cụm công nghiệp (cluster theory) do Michael Porter đề xuất. Trong công trình với nhan đề *The Competitive Advantage of Nations*

của mô hình tổ chức kinh tế này. Các khu công nghiệp ra đời, vận hành và phát triển gắn với các bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội nhất định. Chúng vừa chịu ảnh hưởng của các bối cảnh này và đồng thời cũng là những tác nhân tạo ra sự thay đổi nhằm hướng tới các mục tiêu phát triển cụ thể mà các quốc gia hay các địa phương đặt ra. Chính vì vậy, so với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận phổ biến trong giai đoạn hình thành các khu công nghiệp tự phát dưới ảnh hưởng của học thuyết kinh tế tân cổ điển vào đầu thế kỷ XX, việc phát triển các khu công nghiệp như một công cụ chính sách vào cuối thế kỷ XX lại hướng đến các mục tiêu tăng trưởng về chiều sâu gắn với kinh tế tri thức. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, khi phát triển bền vững trở thành một khuôn khổ bao trùm các chương trình nghị sự toàn cầu cũng như các chiến lược phát triển quốc gia, vùng và địa phương, việc phát triển các khu công nghiệp được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với khuôn khổ này.

Những thảo luận về phát triển bền vững (sustainable development) bắt đầu nổi lên từ đầu thập niên 1970 trên các diễn đàn thế giới. Hơn 10 năm sau, năm 1987, thuật ngữ phát triển bền vững lần đầu tiên được định nghĩa chính thức trong báo cáo của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển với tên gọi *Our Common Future* (Tương lai chung của chúng ta). Theo đó, Báo cáo khẳng định rằng, “nhân loại có khả năng tạo ra sự phát triển bền vững nhằm đảm bảo việc thỏa mãn các nhu cầu của hiện tại mà không đe dọa khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” (WCED 1987, 16). Từ nền tảng này, việc vận động cho một khuôn khổ chính sách và các nghiên cứu về phát triển bền vững trở thành trọng tâm quan trọng của nhiều cơ quan, tổ chức, các nhà nghiên cứu và giới học thuật. Đặc biệt, với vai trò chủ chốt của Liên hợp quốc, Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững đã được ban hành vào năm 2015 và được 193 quốc gia thông qua. Với 17 mục tiêu lớn, Chương trình nghị sự 2030 nhấn mạnh ba trụ cột cần được giải quyết hài hòa để đạt được phát

(Lợi thế cạnh tranh của các quốc gia) xuất bản vào năm 1990, Porter đã phát triển “mô hình kim cương” để xác định các yếu tố tạo nên sức mạnh cạnh tranh của các quốc gia trên thị trường quốc tế. Theo ông, lợi thế và khả năng thành công của các quốc gia sẽ được nâng cao thông qua việc thúc đẩy sự liên kết của các ngành công nghiệp có tính cạnh tranh của quốc gia đó. Đặc biệt, ngoài việc áp dụng ở cấp độ quốc gia, mô hình kim cương và lý thuyết cụm công nghiệp của Porter còn có thể áp dụng ở cấp vùng và địa phương.

Quan trọng hơn cả, hệ thống lý thuyết liên quan đến các khu công nghiệp được phát triển trong suốt những thập niên qua đã và đang trở thành một nền tảng khoa học quan trọng cho việc hoạch định chính sách trên thực tiễn ở nhiều quốc gia, khu vực và quốc tế. Việc các nhà quản lý chủ động can thiệp vào quá trình tập trung công nghiệp nhằm phát triển các khu công nghiệp theo kế hoạch và quy hoạch kỹ lưỡng (industrial park) thay vì để quá trình này diễn ra tự phát và chờ đợi thời gian để chúng chuyển đổi thành các khu công nghiệp (industrial district) như những gì Marshall mô tả đã trở thành một xu thế phổ biến. Hơn thế nữa, so với lý thuyết của Marshall, lý thuyết cụm công nghiệp của Porter thu hút được nhiều sự chú ý hơn và được cho là phù hợp hơn với bối cảnh kinh tế - xã hội hiện tại. Chính vì vậy, những nghiên cứu về hệ thống chính sách phát triển các khu công nghiệp ở các quốc gia dưới ảnh hưởng của lý thuyết cụm công nghiệp cũng trở thành một chủ đề thu hút nhiều học giả.

triển bền vững, bao gồm: tăng trưởng kinh tế, hòa nhập xã hội và bảo vệ môi trường. Cả ba yếu tố này có mối liên hệ mật thiết và đóng vai trò thiết yếu đối với sự phát triển của các cá nhân và toàn xã hội.

Trước những yêu cầu mới được đặt ra từ bối cảnh nêu trên, với vai trò là những công cụ quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các khu công nghiệp được kỳ vọng sẽ trực tiếp đóng góp vào việc hiện thực hóa mục tiêu thứ 9 - công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng - của Chương trình nghị sự 2030. Tuy vậy, vượt ra khỏi phạm vi của mục tiêu cụ thể này, làm thế nào để phát huy vai trò của các khu công nghiệp trong việc giải quyết hài hòa ba trụ cột của phát triển bền vững và gắn kết các mục tiêu thành một tổng thể là một vấn đề rất phức tạp và đòi hỏi những suy xét cẩn trọng. Rất nhiều nghiên cứu và thảo luận đã được thực hiện trong thời gian qua nhằm đưa ra lời giải đáp cho câu hỏi này.

Nổi bật trong số những nghiên cứu liên quan đến chủ đề này chính là việc xác lập một cơ sở lý luận và mô hình tổ chức khu công nghiệp mới, phù hợp hơn với bối cảnh phát triển bền vững. Trong khi đánh giá mô hình công nghiệp truyền thống có thể tạo ra những tác động tiêu cực đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các nhà khoa học đề xuất việc tái cấu trúc các khu công nghiệp theo hướng sinh thái công nghiệp (industrial ecology), một thuật ngữ được dùng như một ẩn dụ nhằm thể hiện sự mô phỏng các đặc trưng của hệ sinh thái tự nhiên vào lĩnh vực công nghiệp. Các nghiên cứu nổi bật như *Industrial Ecology: the problem of coordination* (Sinh thái công nghiệp: Vấn đề hợp tác) của Frank Boons và Leo Baas (1997), *Self-organization and sustainability: The emergence of a regional industrial ecology* (Tự tổ chức và tính bền vững: sự xuất hiện của hệ sinh thái công nghiệp cấp vùng) của Frank Boons (2008), *Further efforts to clarify industrial ecology's hidden philosophy of nature* (Tiếp tục làm rõ triết lý tự nhiên tiềm ẩn trong mô hình sinh thái công nghiệp) của Ralf Isenmann (2002), *A walk on the human side of industrial ecology* của Edward Cohen-Rosenthal (2000), v.v. đã xác lập những khuôn khổ cơ bản của cách tiếp cận này. Theo đó, bản chất của sinh thái công nghiệp chính là sự kết nối giữa những quá trình vốn trước đây được thực hiện rời rạc, giữa con người và các chủ thể tổ chức có liên quan đến các dòng chảy nguyên liệu và năng lượng tạo nên khía cạnh vật chất của nền kinh tế.

Từ khuôn khổ chung của cách tiếp cận sinh thái công nghiệp với những kết nối chặt chẽ này, một yếu tố đặc biệt đã nảy sinh và được các học giả mô tả với thuật ngữ cộng sinh công nghiệp (industrial symbiosis). Theo Chertow, cộng sinh công nghiệp là việc “đưa các ngành công nghiệp vốn tách biệt nhau vào một tiếp cận chung hướng đến lợi thế cạnh tranh liên quan đến việc trao đổi các nguyên liệu, năng lượng, nước và các sản phẩm phụ. Yếu tố cốt lõi của quá trình cộng sinh công nghiệp chính là sự hợp tác và các khả năng đồng vận được tạo ra từ sự gắn gũi về địa lý” (Chertow 2007, 12). Ngoài ra, Chertow có thêm nhiều công trình tập trung vào việc lý giải các đặc trưng và động năng của cộng sinh công

nghiệp như *Industrial symbiosis: Literature and taxonomy* (Cộng sinh công nghiệp: tổng quan và phân loại) (2000) và *Organizing selforganizing systems - towards a theory of industrial symbiosis* (Tổ chức hệ thống tự tổ chức - hướng tới lý thuyết cộng sinh công nghiệp) (2012). Một số tác giả khác cũng tập trung nghiên cứu chủ đề này như Peter Laybourne và Rachel Lombardi với *Industrial symbiosis in European policy* (Chính sách cộng sinh công nghiệp ở châu Âu) (2012) và *Redefining industrial symbiosis - crossing academic-practitioner boundaries* (Định nghĩa lại cộng sinh công nghiệp - vượt qua ranh giới học thuật - thực hành) (2012).

Được thúc đẩy bởi nền tảng lý thuyết và những nghiên cứu cơ bản này, quá trình chuyển đổi mô hình khu công nghiệp trên thực tiễn đang dần trở thành ưu tiên ở nhiều quốc gia. Mục tiêu của quá trình chuyển đổi này nhằm tách tăng trưởng kinh tế khỏi việc tiêu thụ tài nguyên, từ đó đảm bảo việc thỏa mãn các mục tiêu xã hội lớn hơn. Các chiến lược phát triển và quy hoạch khu công nghiệp được triển khai gần đây cũng đề cao vai trò của quản lý hiệu quả nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường. Một mô hình nổi bật được nhắc tới trong nhiều nghiên cứu gần đây chính là khu công nghiệp sinh thái (eco-industrial park). Ernest Lowe định nghĩa trong cuốn sách của ông với tiêu đề *Eco-Industrial Park Handbook for Asian Developing Countries* (Cẩm nang về khu công nghiệp sinh thái dành cho các nước đang phát triển tại châu Á) xuất bản năm 2001, các khu công nghiệp sinh thái là “một cộng đồng các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ nằm trên cùng một khu đất. Các doanh nghiệp thành viên cố gắng nâng cao hiệu quả môi trường, kinh tế và xã hội thông qua việc hợp tác quản lý các vấn đề tài nguyên và môi trường” (Lowe 2001/1). Phát triển các khu công nghiệp sinh thái có thể được coi là hướng tới nhiều lợi ích khác nhau từ các hoạt động kinh tế, như hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển cơ hội kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và giảm thiểu các rủi ro.

Nhìn chung, sự chuyển đổi của mô hình công nghiệp truyền thống sang các khu công nghiệp sinh thái cho thấy một cơ hội quý giá nhằm đạt được sự phát triển công nghiệp bền vững và toàn diện. Qua đó, các khu công nghiệp không chỉ đóng góp trực tiếp vào mục tiêu thứ 9 của Chương trình nghị sự 2030 mà còn có thể giúp hiện thực hóa các mục tiêu khác như: phát triển cộng đồng và thành phố bền vững (SDG 11), giảm nghèo (SGD 2), việc làm thỏa đáng và tăng trưởng kinh tế (SDG 8), v.v..

Đặc biệt, dưới khuôn khổ của cách tiếp cận sinh thái công nghiệp và thông qua vai trò tiên phong của Tổ chức Phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO), việc phát triển các khu công nghiệp sinh thái (eco-industrial park) đang được thúc đẩy mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu. Vào năm 2017, UNIDO đã phối hợp với Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (German Development Corporation) xuất bản *Khung quốc tế về các khu công nghiệp sinh thái* (An International Framework for Eco-Industrial Parks). Bộ khung này nêu rõ các yêu cầu dành cho việc

phát triển các khu công nghiệp sinh thái hoặc cho chuyển đổi các khu công nghiệp hiện tại thành các khu công nghiệp sinh thái. Tiếp đó, vào năm 2018, UNIDO tiếp tục xuất bản cuốn *Cẩm nang triển khai khung quốc tế về khu công nghiệp sinh thái dành cho các những người trực tiếp liên quan* (A Practitioner's Handbook for Eco-Industrial Parks: Implementing the International EIP Framework). Ngoài việc xây dựng các chỉ dẫn và khuôn khổ kỹ thuật, UNIDO cũng trực tiếp triển khai các nghiên cứu nhằm đánh giá và phân tích việc ứng dụng mô hình khu công nghiệp sinh thái trên thực tiễn ở các quốc gia thành viên. Trong vòng hai năm 2018 và 2019, UNIDO đã đánh giá việc triển khai *Khung quốc tế về các khu công nghiệp sinh thái* tại 50 khu công nghiệp ở 8 quốc gia đang phát triển và chuyển đổi, bao gồm: Colombia, Egypt, Indonesia, Nigeria, Peru, South Africa, Ukraine và Việt Nam (Dick van Beers et al 2020).

Mặc dù tập trung chủ yếu vào việc lý giải quá trình tập trung công nghiệp và hình thành các khu/cụm công nghiệp qua lăng kính của các lý thuyết kinh tế học, những tác phẩm quan trọng đánh dấu sự khởi đầu của phá hệ lý thuyết về khu công nghiệp của Marshall và Porter đều chứa đựng những hàm ý về các khía cạnh văn hóa của mô hình tổ chức kinh tế này. Với việc dùng khái niệm “bầu không khí công nghiệp” để mô tả đặc trưng của các khu công nghiệp, Marshall cho thấy rằng, các khu công nghiệp không đơn giản chỉ là tổng số các nhà máy, công ty, xí nghiệp được đặt vào một đơn vị địa lý nhất định. Quan trọng hơn cả, giữa các thực thể này tồn tại sự kết nối và cùng nhau tạo ra một “bầu không khí” chung nhằm khuyến khích việc đề xuất các ý tưởng và sáng kiến mới nhờ vào quá trình cộng tác. Bên cạnh đó, như ông đã nhấn mạnh qua thuật ngữ “địa phương hóa công nghiệp” (localization of industry), các khu công nghiệp ra đời gắn với các địa phương cụ thể và chịu ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, xã hội, chính trị cũng như văn hóa của địa phương đó. Do vậy, các khu công nghiệp chứa đựng cả các giá trị riêng biệt, được tạo nên từ sự kết nối của các doanh nghiệp bên trong nó, và cả hệ thống các yếu tố ngoại tác đến từ vị trí địa lý của nó.

Đối với Porter và lý thuyết cụm công nghiệp, sự kết nối, bao gồm cả cạnh tranh và hợp tác, giữa các doanh nghiệp là nhân tố cốt lõi tạo ra động năng và sự vận hành của các khu công nghiệp. Trong khi Porter đề cao vai trò của các chính quyền trong việc trong việc định hình các mô thức vận hành và hiệu quả của các khu công nghiệp, ông chưa đề cập đến vai trò của văn hóa. Đây chính là điểm mà các nhà nghiên cứu sau này như Van Den Bosch và Van Prooijen đã phê phán ở lý thuyết của Porter. Để bổ sung cho khoảng trống này, Van Den Bosch và Van Prooijen khẳng định rằng, chính ngôn ngữ chung và văn hóa là các tiền đề cho việc duy trì mối liên kết giữa các công ty trong cùng một cụm và tạo điều kiện cho các hoạt động học hỏi lẫn nhau như là chia sẻ, trao đổi và tiếp nhận kiến thức và ảnh hưởng lớn đến các hành vi như sự tin tưởng, hợp tác và cạnh tranh (Frans Van Den Bosch & Arno Van Prooijen, 1992).

Gần đây, dưới khuôn khổ của chính sách phát triển bền vững, các nỗ lực quốc tế, quốc gia và địa phương hướng tới việc xây dựng các khu công nghiệp như là các “cộng đồng” theo mô hình sinh thái công nghiệp càng làm cho hàm ý về văn hóa như một thành tố không thể thiếu ở các khu công nghiệp hiện đại trở nên rõ ràng hơn. Cụ thể, trong tài liệu của UNIDO, để đánh giá và bảo đảm hiệu quả xã hội của các khu công nghiệp sinh thái, các tiêu chí đã được xây dựng và chia thành 3 nhóm: hệ thống quản lý xã hội, cơ sở hạ tầng xã hội và tiếp cận cộng đồng địa phương. Trong khi các chỉ báo quan trọng về hiệu quả xã hội của các khu công nghiệp sinh thái như phúc lợi cho tất cả mọi người, cơ hội bình đẳng, bình đẳng giới... được thể hiện thông qua các tiêu chuẩn cụ thể về sự hiện diện của hệ thống cơ sở hạ tầng, chính sách quản lý, số lượng nhân viên phụ trách..., các yếu tố văn hóa như việc tổ chức các sự kiện văn hóa, khả năng gắn kết và đối thoại với cộng đồng địa phương... cũng được lồng ghép và trở thành một thang đo quan trọng về hiệu quả xã hội của các khu công nghiệp (UNIDO, 2017).

Về cơ bản, các nghiên cứu về khu công nghiệp đã phần nào khẳng định sự tồn tại của một hệ giá trị hay một kiểu văn hóa đặc trưng gắn với tổ chức kinh tế này. Các giá trị này giúp kết nối và duy trì mối quan hệ giữa các doanh nghiệp và tổ chức bên trong các khu công nghiệp, từ đó đảm bảo sự vận hành ổn định và phát triển của các khu công nghiệp như một tổng thể. Ngoài các yếu tố nội tại này, một số nghiên cứu, điển hình như của Sergey Sosnovskikh về các khu công nghiệp ở Nga, còn nhấn mạnh sự tác động của môi trường văn hóa vĩ mô, đặc biệt là văn hóa quốc gia, đến sự tồn tại và phát triển của từng doanh nghiệp bên trong các khu công nghiệp cũng như tổng thể các khu này (Sergey Sosnovskikh, 2017). Một bài viết khác của Jie Zhen với tiêu đề *Research on the soft environment of industrial park in China: function, contonation and optimizing countermeasure* (Nghiên cứu về môi trường mềm trong các khu công nghiệp ở Trung Quốc: chức năng, nội hàm và tối ưu hóa các biện pháp đối phó) đã đề xuất thuật ngữ “môi trường mềm” (soft environment) để mô tả tổng thể các nhân tố và điều kiện tạo ra các dịch vụ bổ sung và hỗ trợ cho hoạt động sản xuất và đời sống tại các khu vực nhất định của khu công nghiệp (Jie Zhen, 2018, 186). Theo Jie Zhen, môi trường mềm được tạo nên từ 4 thành tố: kết nối công nghiệp, hệ thống trí tuệ, dịch vụ đời sống và hệ thống văn hóa. Trong khi hai thành tố đầu tiên tạo ra các hiệu ứng hỗ trợ cho chức năng sản xuất, hai thành tố sau tạo ra hiệu ứng bổ sung cho chức năng đời sống của các khu công nghiệp. Với cách tiếp cận này, Jie Zhen không chỉ nhìn nhận các khu công nghiệp đơn thuần như những tổ hợp sản xuất mà ông còn đánh giá cao chức năng đời sống và văn hóa của chúng. Việc phát triển các dịch vụ đời sống cho nhân viên và người lao động trong các khu công nghiệp bao gồm hệ thống giáo dục, các công trình sinh thái, trung tâm đào tạo, trung tâm giải trí... sẽ góp phần vào việc duy trì niềm “hạnh phúc” của cá nhân và từ đó giúp họ gắn kết hơn với cộng đồng khu công nghiệp, đưa tới hiệu quả sản xuất cao

hơn. Đối với hệ thống văn hóa, theo Jie Zhen, hệ thống này nhằm tạo ra một môi trường nhân văn và một không khí làm việc nhất quán với sự phát triển bền vững của các khu công nghiệp. Hệ thống văn hóa bao gồm văn hóa sáng tạo, văn hóa xanh và văn hóa nhân văn.

2. Các công trình nghiên cứu trong nước

Trong khi các nghiên cứu nhằm xác lập hệ thống lý luận về môi trường văn hóa dường như chưa thực sự phổ biến trong giới học thuật quốc tế, ít nhất là ở Tây Âu và Bắc Mỹ, chủ đề này lại thu hút khá đông đảo các nhà nghiên cứu Việt Nam và đưa tới nhiều thảo luận sôi nổi trong suốt hai thập niên qua. Ở góc độ nhất định, có thể nói rằng, những nỗ lực của giới nghiên cứu Việt Nam được thúc đẩy bởi những định hướng phát triển văn hóa nêu ra trong hệ thống văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam như Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) hay Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (2014). Trong các văn kiện này, khái niệm môi trường văn hóa chưa được định nghĩa một cách cụ thể, nhưng việc nhấn mạnh yêu cầu và sự cần thiết phải xây dựng môi trường văn hóa nhằm đảm bảo các mục tiêu phát triển của đất nước chính là động lực quan trọng thúc đẩy các nhà nghiên cứu đến với chủ đề này.

Thành quả từ các nghiên cứu kể trên chính là sự ra đời của các cuốn sách *Xây dựng môi trường văn hóa ở nước ta hiện nay từ góc nhìn giá trị học* của GS.TS. Đỗ Huy được xuất bản vào năm 2001; *Môi trường văn hóa với việc xây dựng lối sống và con người Việt Nam* của tác giả Nguyễn Hồng Hà xuất bản vào năm 2005; *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về đời sống văn hóa, môi trường văn hóa* do PGS.TS. Đinh Thị Vân Chi chủ biên vào năm 2015. Ngoài ra, một số bài viết về chủ đề này cũng đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành, trong đó phải kể đến *Về môi trường văn hóa và môi trường văn hóa ở Việt Nam* của GS. Hồ Sĩ Quý (Tạp chí *Triết học*, 2008).

Trong các tác phẩm này, môi trường văn hóa được bàn thảo từ nhiều góc độ khác nhau và các thành tố của nó từng bước được xác định. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng của hai thập kỷ nghiên cứu và tranh luận của các nhà khoa học vẫn chưa đưa tới một khái niệm thống nhất về môi trường văn hóa. Chính vì khoảng trống học thuật này, một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Bộ “Nghiên cứu môi trường văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” là xác lập một khuôn khổ lý thuyết về môi trường văn hóa, trong đó xác định rõ nội hàm của các khái niệm môi trường văn hóa và xây dựng môi trường văn hóa. Trong khuôn khổ của Chương trình, một hội thảo khoa học đã được tổ chức vào tháng 4 năm 2021 với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu. Kết quả của hội thảo đã thống nhất xác định xây dựng môi trường văn hóa gồm 3 yếu tố: vật chất, tinh thần và quan hệ giữa con người với con người trong môi trường đó.

Từ góc độ quản lý nhà nước, các nhà nghiên cứu khẳng định rằng, hệ thống chính sách vĩ mô chính là yếu tố then chốt tác động đến sự ổn định, phát triển và hiệu quả vận hành của các khu công nghiệp. Các nghiên cứu như: *Vấn đề quy hoạch các khu công nghiệp ở nước ta hiện nay* của Lê Dương Quang (2007); *Hoàn thiện chính sách và mô hình tổ chức quản lý nhà nước đối với việc phát triển khu công nghiệp Việt Nam* của Lê Hồng Yến (2007); *Phát triển các khu công nghiệp ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa* của Trần Thị Trang (2013); *Chính sách quy hoạch phát triển khu công nghiệp ở Việt Nam: Nhìn từ góc độ phát triển bền vững* của Nguyễn Thị Thom (2009)... là những ví dụ điển hình trong xu hướng nghiên cứu này. Ở đây, thông qua việc phân tích, đánh giá hệ thống chính sách hiện có ở Việt Nam liên quan đến các khu công nghiệp, các tác giả khẳng định vai trò của Nhà nước trong việc sử dụng các công cụ vĩ mô để tạo ra một môi trường mà ở đó các khu công nghiệp vận hành như các đơn vị sản xuất với mục tiêu đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của đất nước. Hệ thống chính sách không chỉ tác động đến những điều kiện chung của các khu công nghiệp, như thủ tục và điều kiện thành lập, mà còn quy định và điều chỉnh các vấn đề cụ thể có liên quan như quan hệ lao động, bảo vệ môi trường, phát triển công nghệ, phúc lợi xã hội... Ngoài việc đánh giá những thành tựu và tác động tích cực của hệ thống chính sách hiện có, các nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế còn tồn tại và đề xuất một số những thay đổi hay điều chỉnh nhằm hoàn thiện môi trường vận hành cho các khu công nghiệp ở Việt Nam.

Đi cùng với những nghiên cứu về hệ thống chính sách vĩ mô, việc đánh giá thực trạng hoạt động của chính các khu công nghiệp cũng là một chủ đề thu hút các học giả Việt Nam trong vòng hai thập niên qua. Một số các nghiên cứu thực hiện việc đánh giá ở cấp độ tổng thể như *Đánh giá tình hình hoạt động các khu công nghiệp - khu chế xuất của Việt Nam trong giai đoạn 1991-2005* của Đặng Đình Đào (2006); *Vai trò của khu công nghiệp, khu chế xuất với phát triển kinh tế Việt Nam* của Phan Tiến Ngọc (2006); *Sự phát triển các khu công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ - Thực trạng và giải pháp* của Lê Thị Lệ (2016). Một số khác tập trung vào từng khía cạnh cụ thể của các khu công nghiệp, trong đó nổi bật nhất là các vấn đề môi trường và xã hội. Hàng loạt các nghiên cứu đã được thực hiện, như *Tác động xã hội vùng của các khu công nghiệp ở Việt Nam* do Nguyễn Bình Giang chủ biên (2012); *Phúc lợi xã hội - Hiện trạng và mức độ tiếp cận của công nhân nhập cư tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương* do Nguyễn Đức Lộc chủ biên (2015); *Nhà ở cho lao động các khu công nghiệp trên địa bàn một số tỉnh Bắc Trung Bộ* của Bùi Văn Dũng (2016); *Lao động, việc làm của công nhân trong các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Thực trạng và những hàm ý chính sách* của Tạ Thị Đoàn (2011); *Một số vấn đề xã hội trong các khu công nghiệp Việt Nam* của Trần Việt Tiến (2009); *Quan hệ lao động tại các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội và một số đề xuất* của Hoàng Thị Thu Thủy (2016); *Vấn đề nhà ở cho người lao động trong các khu công nghiệp hiện nay* của Phan Minh Toàn Thư (2016).

Nhìn chung, các nghiên cứu kể trên đều khẳng định sự đúng đắn của việc phát triển mô hình khu công nghiệp ở nước ta. Những đóng góp của các khu công nghiệp vào tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm, phát triển cơ sở hạ tầng, chuyển giao công nghệ và lan tỏa tri thức là rất rõ ràng và đáng được ghi nhận. Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu, các nghiên cứu cũng chỉ ra những bất cập trong hoạt động và phát triển của các khu công nghiệp như ô nhiễm môi trường, xung đột về giá trị giữa các nhóm xã hội, nhất là công nhân và chủ doanh nghiệp, sự bất bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội và sự nghèo nàn về dịch vụ đời sống...

Trong những nghiên cứu đánh giá nêu trên, các tác giả cũng đã đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề còn tồn tại ở các khu công nghiệp. Bên cạnh đó, để định hướng phát triển các khu công nghiệp trong tương lai, nhiều nghiên cứu chuyên sâu cũng được thực hiện nhằm đề xuất sự chuyển đổi mô hình khu công nghiệp theo hướng phát triển bền vững, phù hợp hơn với xu thế quốc tế. Điển hình trong số này là các công trình của Nguyễn Đình Chúc và Trần Duy Đông (2020) đề xuất việc phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam theo lý thuyết sinh thái học công nghiệp và bài viết về phát triển khu công nghiệp bền vững của Lại Ngọc Thanh (2015). Ngoài ra, còn có một số nghiên cứu đề xuất đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ hay áp dụng khoa học kiến trúc vào việc nâng cao hiệu quả quy hoạch và vận hành của các khu công nghiệp.

Khía cạnh văn hóa của các khu công nghiệp đã thu hút một số nghiên cứu ở Việt Nam trong thời gian qua. Năm 2006, nhóm nghiên cứu do GS. Đinh Quang làm trưởng nhóm đã cho ra mắt cuốn sách với tiêu đề *Đời sống văn hóa đô thị và khu công nghiệp Việt Nam*. Trong đó, các tác giả dựa trên kết quả khảo sát tại Bình Dương để dựng lại bức tranh về thực trạng đời sống văn hóa tại các khu công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam. Các động thái văn hóa được phân tích trong cuốn sách gồm 5 nhóm chính: tín ngưỡng - tôn giáo, biến đổi hộ gia đình, các hình thức giải trí tại gia, các hình thức hưởng thụ văn hóa tại các địa điểm công cộng và biến đổi nhân cách văn hóa. Ở đây, các tác giả không coi các khu công nghiệp là phạm vi giới hạn khảo sát của mình mà coi đó là một đặc trưng kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương. Các vấn đề văn hóa, do vậy, không liên quan trực tiếp đến chức năng chính của các khu công nghiệp mà thể hiện sự tiếp cận tương đối rộng và đa dạng.

Bài viết của Nguyễn Văn Quyết, xuất bản vào năm 2004, lại tập trung trực tiếp vào việc xác định các nội dung và giải pháp nhằm *Xây dựng đời sống văn hóa trong các khu công nghiệp ở Đồng Nai*. Với việc coi các khu công nghiệp là một phần trong kết cấu xã hội của địa phương, tác giả phân tích đời sống văn hóa trong phạm vi khu công nghiệp với hàm nghĩa là kết quả của sự tương tác giữa công nhân, người lao động làm việc tại đây với các cư dân của cộng đồng địa phương. Đời sống văn hóa trong các khu công nghiệp được thể hiện qua những thực hành tín ngưỡng, các hoạt động giải trí, tiêu dùng văn hóa, tác phong và lối sống của cả những người công

nhân trực tiếp làm việc tại các khu công nghiệp và những cư dân sống xung quanh đó. Theo tác giả, việc xây dựng đời sống văn hóa, nhất là lối sống, nếp sống văn minh, cho cá nhân, gia đình và cộng đồng sẽ giúp bảo đảm môi trường văn hóa lành mạnh tại các khu công nghiệp (Nguyễn Văn Quyết, 2004, 40). Để làm được điều này, tác giả đề xuất một số giải pháp cụ thể như: *một là*, tổ chức quản lý (ban hành các quy định về văn hóa trong các khu công nghiệp); *hai là*, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu văn hóa của công nhân làm việc tại các khu công nghiệp; *ba là*, động viên người dân tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa.

Tương tự như cách tiếp cận của tác giả Nguyễn Văn Quyết, nhiều nghiên cứu khác cũng tập trung vào việc đánh giá thực trạng đời sống văn hóa ở các khu công nghiệp được thể hiện qua các thực hành của những công nhân, nhóm xã hội đồng đảo nhất tại đây. Các bài viết điển hình như *Đời sống văn hóa tinh thần của nữ công nhân tại khu công nghiệp Hòa Phú, Vĩnh Long* của Nguyễn Thị Minh Trang (2016); *Đời sống văn hóa tại các khu công nghiệp ở Nam Định hiện nay* của Trần Thùy Linh (2017); *Đời sống văn hóa của nữ công nhân tại các khu công nghiệp* của Vũ Hồng Tú (2017); *Tiêu dùng văn hóa của công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh: Lý luận và thực tiễn* do Lê Thị Thanh Thủy chủ biên (2020).

Nhìn chung, dù phần lớn các nghiên cứu về khu công nghiệp từ khía cạnh văn hóa không trực tiếp đề cập đến môi trường văn hóa, chúng ta vẫn có thể nhận thấy những hàm ý về việc coi các hoạt động văn hóa, các sản phẩm văn hóa, các giá trị văn hóa và hệ thống cảnh quan, thiết chế văn hóa như là những thành tố quan trọng của môi trường văn hóa. Tuy nhiên, điểm hạn chế của các nghiên cứu này nằm ở việc tập trung chủ yếu vào nhóm công nhân và người lao động thay vì nghiên cứu tổng thể các nhân tố của khu công nghiệp như một cộng đồng xã hội. Hơn nữa, các nghiên cứu hiện nay tiếp cận khu công nghiệp như một không gian nơi diễn ra các hoạt động sản xuất và các thực hành khác của con người, thay vì là một thực thể có những đặc trưng văn hóa riêng biệt. Trong khi chúng ta có thể thấy rất nhiều nghiên cứu về văn hóa đô thị, văn hóa nông thôn hay văn hóa doanh nghiệp, chưa có nghiên cứu nào đề cập đến văn hóa khu công nghiệp.

Bên cạnh đó, như đã trình bày, các học giả Việt Nam đã ít nhiều thực hiện những nghiên cứu nhằm phân tích và đánh giá vai trò của môi trường chính sách vĩ mô đến các khu công nghiệp; tuy vậy, lại chưa có nghiên cứu nào tập trung vào việc phân tích ảnh hưởng của môi trường văn hóa ở cả cấp độ quốc gia, vùng và địa phương đến sự vận hành và phát triển của các khu công nghiệp như một tổng thể cũng như đến các hoạt động diễn ra bên trong phạm vi của các đơn vị không gian này.

3. Kết luận

Như vậy, có thể thấy, khoảng 4 thập niên qua, giới nghiên cứu quốc tế và trong nước đã dành mỗi quan tâm đáng kể cho việc phân tích và lý giải các vấn đề quan

trọng của lịch sử hình thành, bản chất, ý nghĩa và vai trò của các khu công nghiệp dưới cả góc độ kinh tế học và nghiên cứu văn hóa. Trong khi đó, những thảo luận lý thuyết về môi trường văn hóa cũng giúp hình thành những hiểu biết chung về nội hàm và các thành tố kiến tạo nên khái niệm này. Sự kết hợp của hai luồng tri thức này, thông qua việc phân tích tổng quan các nghiên cứu đã có, đưa tới một nhận thức rằng, khu công nghiệp như một giới hạn không gian và các hoạt động nằm trong ranh giới của nó chịu sự tác động của môi trường văn hóa bao quanh như các phong tục, tập quán, ngôn ngữ, lối sống... đặc trưng của địa phương, vùng hay quốc gia. Quan trọng hơn cả, chính các khu công nghiệp lại tồn tại như một cộng đồng với những giá trị và biểu đạt vật chất tạo thành môi trường văn hóa bên trong, đặc trưng của nó. Cả hai môi trường văn hóa này đều tác động và chi phối hành vi và các hoạt động của các cá nhân, các nhóm xã hội là thành viên của cộng đồng khu công nghiệp. Thêm vào đó, cả hai môi trường văn hóa này đều nằm dưới ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, xã hội và chính trị rộng lớn hơn của cấp quốc gia và quốc tế.

Ở Việt Nam, định hướng xây dựng và hoàn thiện môi trường văn hóa ở các khu công nghiệp được coi là một nội dung quan trọng của chủ trương phát triển môi trường văn hóa chung mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã đề ra. Yêu cầu này đòi hỏi chúng ta phải đổi mới tư duy, cách tiếp cận và xây dựng những phương thức mới phù hợp hơn với tình hình hiện tại. Trước hết, trong bối cảnh hiện nay, nhất là khi nguyên tắc phát triển bền vững trở thành một mục tiêu bao trùm, việc phát triển các khu công nghiệp không thể chỉ tập trung vào yếu tố tăng trưởng kinh tế. Thay vào đó, đảm bảo sự hài hòa và gắn kết giữa các thành tố kinh tế, xã hội và văn hóa phải được đặt ra như một mục tiêu và một giải pháp chủ chốt. Xuất phát từ cách tiếp cận trên, các khu công nghiệp không đơn thuần tồn tại như là những cơ sở sản xuất hay cơ sở kinh tế mà còn là những thiết chế xã hội, văn hóa được định hình và phát triển bởi các mối quan hệ giữa con người với con người. Với hàm nghĩa này, việc nghiên cứu và xây dựng môi trường văn hóa - được hiểu là bao gồm các yếu tố phi vật thể như giá trị, tập quán, tôn giáo, phong tục, v.v. và các biểu hiện vật chất của chúng tồn tại xung quanh cộng đồng xã hội gắn với các khu công nghiệp - đóng vai trò rất quan trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Văn Dũng: *Nhà ở cho lao động các khu công nghiệp trên địa bàn một số tỉnh Bắc Trung Bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
- [2] Dick van Beers, Klaus Tyrkko, Alessandro Flammini, César Barahona and Christian Susan: “Results and Lessons Learned from Assessing 50 Industrial Parks in Eight Countries against the International Framework for Eco-

- Industrial Parks”, *Sustainability*, 12, 611: <https://www.mdpi.com/2071-1050/12/24/10611>
- [3] Đinh Quang (Chủ biên): *Đời sống văn hóa đô thị và khu công nghiệp Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2005.
- [4] Đinh Thị Vân Chi (Chủ biên): *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về đời sống văn hóa, môi trường văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2015.
- [5] Đỗ Huy: *Xây dựng môi trường văn hóa ở nước ta hiện nay từ góc nhìn giá trị học*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2001.
- [6] Edward Cohen-Rosenthal: “A walk on the human side of industrial ecology”, *American Behavioral Scientist*, 44(2), 2000, 245-264.
- [7] Ernest Lowe: *Eco-Industrial Park Handbook for Asian Developing Countries*, Asian Development Bank: Manila. Philippines, 2001.
- [8] Frank Boons & Leo Baas: “Industrial Ecology: the problem of coordination”, *Journal of Cleaner Production*, 5(1-2), 1997, 79-86.
- [9] Frank Boons: “Self-organization and sustainability: The emergence of a regional industrial Ecology”, *E:CO Emergence: Complexity and Organization*, 10(2), 2008, 41-48.
- [10] Frans Van Den Bosch & Arno Van Prooijen: “The competitive advantage of European nations: The impact of national culture-A missing element in Porter’s analysis?”, *European Management Journal*, 10(2), 1992, 173-177.
- [11] Hồ Sĩ Quý: “Về môi trường văn hóa và môi trường văn hóa ở Việt Nam”, Tạp chí *Triết học*, số 3/2008, tr.20-28.
- [12] Hoàng Ngọc Hòa: “Khu công nghiệp, khu chế xuất đối với sự phát triển bền vững ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp”, Tạp chí *Kinh tế và phát triển*, số 91/2005, tr.19-21.
- [13] Jie Zhen: “Research on the soft environment of industrial park in China: function, contonation and optimizing countermeasure”(Nghiên cứu về môi trường mềm trong các khu công nghiệp ở Trung Quốc: chức năng, nội hàm và tối ưu hóa các biện pháp đối phó), *Advances in Economics, Business and Management Research (AEBMR)*, 2018, volume 54, 185-188.
- [14] Lại Ngọc Thanh: “Phát triển các khu công nghiệp bền vững: những vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Tài chính*, tháng 10/2015, kỳ 2, tr.55-58.
- [15] Lê Dương Quang: “Vấn đề quy hoạch các khu công nghiệp ở nước ta hiện nay”, Tạp chí *Quản lý nhà nước*, số 135, 2007, tr.20-24.
- [16] Lê Hữu Nghĩa: “Bàn về vai trò thúc đẩy tăng trưởng và phát triển theo hướng bền vững của các khu chế xuất, khu công nghiệp ở Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, số 14, 2006, tr.12-17.
- [17] Lê Thị Lệ: *Sự phát triển các khu công nghiệp cùng Bắc Trung Bộ - Thực trạng và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

- [18] Lê Thị Thanh Thủy (Chủ biên): *Tiêu dùng văn hóa của công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2020.
- [19] Marian R. Chertow & John Ehrenfeld: "Organizing self-organizing systems - towards a theory of industrial symbiosis", *Journal of Industrial Ecology*, 16(1), 2012, 13-27.
- [20] Marian R. Chertow: "Industrial symbiosis: Literature and taxonomy", *Annual Review of Energy and Environment*, 25, 2020, 313-337.
- [21] Nguyễn Bình Giang (Chủ biên): *Tác động xã hội vùng của các khu công nghiệp ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.
- [22] Nguyễn Đình Chúc, Trần Duy Đông: *Phát triển khu công nghiệp ở Việt Nam theo lý thuyết sinh thái học công nghiệp*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.
- [23] Nguyễn Đức Lộc (Chủ biên): *Phúc lợi xã hội - Hiện trạng và mức độ tiếp cận của công nhân nhập cư tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
- [24] Nguyễn Hồng Hà: *Môi trường văn hóa với việc xây dựng lối sống và con người Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2005.
- [25] Nguyễn Hữu Thức: "Về vấn đề xây dựng môi trường văn hoá", *Tạp chí Tư tưởng văn hóa*, số 5, 2004, tr.40-43.
- [26] Nguyễn Ngọc Dũng: "Một số vấn đề xã hội trong xây dựng và phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số 3, 2005, tr.25-27.
- [27] Nguyễn Thị Minh Trang: "Đời sống văn hóa tinh thần của nữ công nhân tại khu công nghiệp Hoà Phú, Vĩnh Long", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 381, 2016, tr.37-40.
- [28] Nguyễn Văn Quyết: "Xây dựng đời sống văn hóa trong các khu công nghiệp ở Đồng Nai", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 4, 2004, tr.37-42.
- [29] Peter Laybourne & Rachel Lombardi: "Industrial symbiosis in European policy", *Journal of Industrial Ecology*, 16(1), 2012, 11-12.
- [30] Phạm Thanh: "Vai trò động lực của khu công nghiệp, khu chế xuất trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá", *Toàn cảnh Sự kiện - Dư luận*, số 174, 2005, tr.7-17.
- [31] Phan Ngọc Tiến: "Khu công nghiệp, khu chế xuất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam", *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 9, 2006, tr.17-21.
- [32] Philip Cooke: "Regional Innovation Systems, Clusters, and the Knowledge Economy", *Industrial and Corporate Change*, 2001, Vol. 10, No. 4, 945-974
- [33] Rachel Lombardi & Peter Laybourn: "Redefining industrial symbiosis - crossing academic-practitioner boundaries", *Journal of Industrial Ecology*, 16(1), 2012, 28-37.

- [34] Sergey Sosnovskikh: "Industrial Clusters in Russia: The Development of Special Economic Zones and Industrial Parks", *Russian Journal of Economics*, 3 (2017), 174-199.
- [35] Tạ Thị Đoàn: *Lao động, việc làm của công nhân trong các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: thực trạng và những hàm ý chính sách*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2011.
- [36] Trần Khắc Nhuồng: "Tổng kết 15 năm xây dựng và phát triển khu công nghiệp và khu chế xuất ở Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số 7, 2006, tr.10.
- [37] Trần Thu Hiền: "Giải quyết vấn đề văn hóa - xã hội ở khu công nghiệp, khu chế xuất", *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 3, 2005, tr.61-64.
- [38] Trần Thuỳ Linh: "Đời sống văn hóa tại các khu công nghiệp ở Nam Định hiện nay", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 395, 2017, tr.20-22.
- [39] Trần Việt Tiến (Chủ biên): *Một số vấn đề xã hội trong các khu công nghiệp Việt Nam*, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2009.
- [40] United Nations Industrial Development Organization (UNIDO): *Guidelines for Establishment of Industrial Estates in Developing Countries*, Vienna, Australia, 1997.
- [41] United Nations Industrial Development Organization (UNIDO), World Bank Group (WB), Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit: *An International Framework for Eco-Industrial Parks*. World Bank, Washington, 2017.
- [42] United Nations Industrial Development Organization (UNIDO), World Bank Group, Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit, Ministry of Trade, Industry and Energy of the Republic of Korea: *A Practitioner's Handbook for Eco-Industrial Parks: Toolbox*. World Bank, Washington, 2019.
- [43] Vũ Hồng Tú: "Đời sống văn hóa của nữ công nhân tại các khu công nghiệp", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 398, 2017, tr.124-126.
- [44] Vũ Thị Hồng Tú: "Đáp ứng nhu cầu giải trí cho công nhân ở khu công nghiệp", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 382, 2016, tr.112-113.
- [45] World Commission on Environment Development (WCED): *Our Common Future*, Oxford University Press, 1987.

ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NGHỆ THUẬT VIỆT NAM: MỘT VÀI NHẬN THỨC VÀ CÁCH TIẾP CẬN

PGS.TS. ĐỖ THỊ THANH THỦY*

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn nhận nghệ thuật như một bộ phận quan trọng của văn hóa. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ xâm lược (1954-1975), nghệ thuật đã đồng hành cùng dân tộc và được coi như một mặt trận cốt yếu về tư tưởng, với vai trò tiên phong của người nghệ sĩ - chiến sĩ. Khi đất nước đã hòa bình, thống nhất, độc lập, tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, kinh tế thị trường, trong kỷ nguyên số hóa và khoa học công nghệ hiện nay, phát triển thị trường nghệ thuật lại là xu thế tất yếu, khách quan, đáp ứng yêu cầu chiến lược về phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam. Để nghệ thuật trở thành một “vườn hoa” muôn sắc, ngát hương, tiếp tục sáng tạo, bồi đắp thêm cho nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta cần tiếp tục nhận thức đúng những vấn đề lý luận về thị trường nghệ thuật, đánh giá thực trạng và có những cách tiếp cận phù hợp để phát triển thị trường nghệ thuật ở Việt Nam trong bối cảnh đương đại.

1. Một số vấn đề lý luận về thị trường nghệ thuật

Về khái niệm thị trường nghệ thuật

Theo nghĩa hẹp, thị trường nghệ thuật là nơi diễn ra quá trình tương tác giữa người bán và người mua, là nơi lưu thông, phân phối, trao đổi quyền sở hữu các sản phẩm, dịch vụ nghệ thuật, nhằm thỏa mãn nhu cầu của bên cung và bên cầu. Thị trường được xem như một động lực có khả năng tạo ra những dàn xếp hiệu quả, nhằm đáp ứng các nhu cầu và phân phối nguồn lực dưới góc nhìn của các nhà kinh tế. Trong hàm nghĩa rộng, thị trường còn là các thể chế, các bên liên quan, các thành tố phức hợp khác có mối quan hệ tác động đến sự hình thành và lưu thông của hàng hóa nghệ thuật. Thị trường nghệ thuật có nhiều cấp độ như: thị trường sơ cấp, thị

* Trưởng Ban Nghiên cứu văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

trường thứ cấp, trong đó thị trường sơ cấp là thị trường mà người sáng tạo và người tiêu dùng trao đổi mua bán trực tiếp, còn thị trường thứ cấp là thị trường mà trao đổi mua bán được diễn ra thông qua các trung gian. Hai loại thị trường này có những đặc trưng riêng và góp phần làm nên sự hoàn chỉnh của thị trường, trong đó thị trường nghệ thuật thứ cấp có xu hướng phát triển mạnh, có phạm vi rộng trong bối cảnh ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng phổ biến.

Mặc dù thị trường nghệ thuật có thể đã xuất hiện từ lâu đời trong lịch sử loài người, bởi bất cứ khi nào nghệ thuật trở thành hàng hóa, dịch vụ, được mua bán, trao đổi dựa trên các quy luật về giá trị, cung, cầu, cạnh tranh thì sẽ có thị trường. Tuy nhiên, về mặt học thuật, lý luận về thị trường nghệ thuật mới chỉ manh nha xuất hiện trên thế giới vào thập niên 60 của thế kỷ XX, bắt đầu với phạm trù lý thuyết về *kinh tế học nghệ thuật* và sau này được mở rộng thành kinh tế học văn hóa tại các nước phương Tây¹. Các nhà nghiên cứu kinh tế và quản lý nhận thấy nghệ thuật không chỉ là một bộ phận quan trọng của đời sống tinh thần, thẩm mỹ, chuyển tải nhiều giá trị vô hình khác, mà nghệ thuật cũng là một phần của hoạt động kinh tế. Mối quan tâm nghiên cứu của giới học thuật về thị trường nghệ thuật được đánh dấu chính thức với sự ra đời của Hiệp hội Kinh tế Văn hóa vào năm 1973. Tiếp đó, Tạp chí Kinh tế Văn hóa đã phát hành số đầu tiên vào năm 1977. Trong suốt quãng thời gian hơn 40 năm từ thời điểm đó cho đến nay, nhận thức về kinh tế học nghệ thuật ngày càng được chú ý và hoàn thiện, với các công trình nghiên cứu của các học giả từ nhiều chuyên ngành như kinh tế, quản lý, xã hội học, tâm lý học, nhân học². Sự xuất hiện và tầm quan trọng của thị trường nghệ thuật cùng với các ngành công nghiệp giải trí và trải nghiệm khác được xem là hệ quả tất yếu của những thay đổi về bối cảnh, như: quá trình đô thị hóa, cách mạng công nghiệp và tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là sự gia tăng thời gian rỗi - điều mà công chúng hiếm khi có được cho đến tận thời điểm cách đây hai, ba trăm năm.

Tính chất lưỡng lai của hàng hóa nghệ thuật như một loại hàng hóa kinh tế - văn hóa, “giá trị” của hàng hóa nghệ thuật và “nghịch lý giá trị”

Các công trình nghiên cứu về kinh tế học nghệ thuật được viết bởi các học giả vốn là các nhà kinh tế học văn hóa “chính thống” (những người áp dụng các công cụ lý thuyết của kinh tế học tân cổ điển) và các nhà kinh tế văn hóa “không chính

1. Công trình của Baumol và Bowen viết năm 1966 về: “Nghệ thuật biểu diễn - một nan đề kinh tế” lần đầu tiên đánh dấu các công cụ kinh tế học được áp dụng một cách hệ thống vào lĩnh vực nghệ thuật. Xem Towse, Ruth: *A textbook of Cultural Economics*, New York and Cambridge: Cambridge University Press, 2010, p.376.

2. Tiêu biểu như các công trình nghiên cứu của Klamer (1996), Caves (2000), Throsby (2001), Hutter và Throsby (2008), Snowball (2008), Zorloni (2013), Agust Einarsson (2016). Một số nhà nghiên cứu từ chuyên ngành xã hội học cũng bắt đầu quan tâm đến chủ đề này, chủ yếu về các khía cạnh như: giá trị và nhu cầu, thị hiếu của công chúng (Velthuis (2007), Lind và Velthuis (2012), Velthuis và Baia Curioni (2015)).

thống” (những người sử dụng các phương pháp tiếp cận kinh tế từ góc độ chuyên ngành khác như xã hội học, triết học, chính trị và quản lý văn hóa) đều thống nhất cho rằng: Thị trường nghệ thuật vừa có những điểm tương đồng với thị trường hàng hóa thông thường, lại có những đặc thù riêng¹. Trong kinh tế học, giá trị của hàng hóa và dịch vụ được phản ánh trong giá cả, một chỉ báo về tiện ích mà các cá nhân thu được một cách chủ quan từ hàng hóa hoặc dịch vụ. Giá cả quyết định mức độ phân phối hàng hóa trên thị trường và tạo thành mối liên hệ trao đổi giữa người tiêu dùng và người sản xuất. Tuy nhiên, giá trị của hàng hóa nghệ thuật không đơn thuần chỉ là giá cả (hay giá trị kinh tế) mà còn bao gồm nhiều giá trị vô hình khác, không mang tính trao đổi như giá trị tinh thần, biểu tượng. Trong thị trường nghệ thuật, giá cả của hàng hóa nghệ thuật có thể có ý nghĩa kép: nó hoạt động như một chỉ số về giá trị của hàng hóa và có thể là một tín hiệu thông tin về chất lượng. Việc định giá của hàng hóa nghệ thuật chịu ảnh hưởng bởi những tác nhân trong thị trường mua bán nó và thường là kết quả của sự thương thảo giữa các nhân tố này. Ví dụ giá của một tác phẩm nghệ thuật thị giác có thể xác định bên dưới tác động của sự phê bình, thẩm định, đánh giá của các chuyên gia trong lĩnh vực này, hoặc mức độ phổ biến và thuyết phục của các thông tin truyền thông về tác phẩm, hoặc là các yếu tố cụ thể khác như danh tiếng của người nghệ sĩ và sự yêu thích tác phẩm của công chúng, người tiêu dùng nghệ thuật. Chính vì vậy Throsby - một nhà nghiên cứu nổi tiếng về kinh tế học văn hóa đã nhận định rằng, giá trị của nghệ thuật là “đa chiều, không ổn định, mang tính xung đột, thiếu đơn vị tính chung và có thể chứa các yếu tố không thể dễ dàng thể hiện được theo bất kỳ thang đo định lượng hoặc định tính nào”.

Hạt nhân của kinh tế học nghệ thuật là sự thừa nhận “nghịch lý giá trị” của hàng hóa nghệ thuật và vì vậy khái niệm “giá trị sử dụng”, giá thị trường có thể có những hạn chế nhất định để lý giải toàn diện về giá trị của hàng hóa nghệ thuật. Nói cách khác, giá trị kinh tế không phải lúc nào cũng trùng khớp với các giá trị khác của hàng hóa nghệ thuật, như: giá trị thẩm mỹ, giá trị tinh thần, giá trị xã hội, giá trị lịch sử, giá trị biểu tượng, giá trị xác thực. Chính những giá trị này làm cho hàng hóa nghệ thuật khác với các hàng hóa thông thường và giá thị trường đôi khi chỉ là một chỉ báo không hoàn hảo về giá trị tổng thể của hàng hóa nghệ thuật.

Nhận thức được *nghịch lý giá trị* trong lý thuyết kinh tế học nghệ thuật có ý nghĩa quan trọng đối với quan điểm, cách tiếp cận về phân tích cung, cầu, cũng như chính sách công đối với thị trường nghệ thuật. Hơn nữa, việc xác định giá trị và giá cả của hàng hóa nghệ thuật thường không thể tách rời khỏi bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa nơi mà các quá trình này xảy ra. Kinh tế học nghệ thuật chính là nghiên cứu về *sự lựa chọn hợp lý dựa trên khái niệm giá trị nghệ thuật*, và sự lựa chọn

1. Klammer, A. (1996); Throsby, D. (2001); Hutter, M. và Throsby, D. (2008).

hợp lý này trong kinh tế học dòng chủ lưu đã được mở rộng để bao hàm thêm các biến số khác như văn hóa và xã hội, chứ không chỉ giới hạn trong việc tối đa hóa giá trị kinh tế của hàng hóa nghệ thuật (theo Klammer 2004). Việc đạt được một quan điểm toàn diện về thị trường nghệ thuật, xem xét khái niệm giá trị của hàng hóa nghệ thuật từ cả hai quan điểm: kinh tế và văn hóa, sẽ giúp bảo đảm được các hệ thống chính sách về thị trường nghệ thuật được cân bằng và phù hợp hơn, trong đó tầm quan trọng của việc tạo ra giá trị kinh tế và các giá trị khác ngoài kinh tế của thị trường nghệ thuật đều được coi trọng như nhau, mục tiêu lớn nhất là hướng tới sự phát triển bền vững và đa dạng của thị trường nghệ thuật.

Mặc dù vậy, các quy luật và phương pháp kinh tế học truyền thống vẫn có thể được áp dụng vào trong nghiên cứu thị trường nghệ thuật ở mức độ nhất định, cùng sự điều chỉnh cho phù hợp với những đặc điểm riêng của thị trường nghệ thuật. Vì thế, các mô hình lý thuyết của kinh tế học vẫn được sử dụng để giải thích và phân tích về các khía cạnh như: cung, cầu, sản xuất, kinh doanh và marketing... đối với các mục tiêu học thuật và quản lý thị trường nghệ thuật trong thực tiễn. Các mô hình phân tích này ngày càng trở nên toàn diện hơn, ví dụ, trong việc ước tính các tác động kinh tế của thị trường nghệ thuật, các nhà nghiên cứu đã chú ý cân nhắc tới nhiều loại tác động khác nhau như: tác động trực tiếp, gián tiếp, tác động phát sinh, tác động bổ sung. Các tác động trực tiếp về kinh tế có thể bao gồm: thu nhập từ bán sản phẩm nghệ thuật, thu nhập từ bản quyền, số lượng công ăn việc làm được tạo ra. Các tác động gián tiếp có thể xem xét nghệ thuật như một khoản đầu tư mang lại phúc lợi cho cộng đồng, góp phần tạo nên sức sống cho các đô thị và vùng nông thôn, thúc đẩy các doanh nghiệp và người lao động có tay nghề cao đến địa phương làm việc, thúc đẩy sự phát triển du lịch, dịch vụ và tăng trưởng chung của một địa bàn cụ thể.

Hàng hóa trong thị trường nghệ thuật bao gồm nhiều loại như: hàng hóa công, tư hoặc hỗn hợp

Trong kinh tế thị trường, hàng hóa nghệ thuật có thể bao gồm nhiều loại đa dạng như công, tư hoặc hàng hóa hỗn hợp. Nhưng dù thuộc loại nào thì hàng hóa nghệ thuật vẫn thường có những hiệu ứng công vượt ra ngoài phạm vi sở hữu của nó: Chúng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành lối sống cũng như bản sắc văn hóa của cá nhân và cộng đồng, củng cố sự đa dạng văn hóa, giúp tăng cường hòa nhập xã hội, làm gia tăng niềm tự hào của công dân, đóng góp vào ưu thế cạnh tranh, là nguồn lực căn bản của sức mạnh mềm của mỗi quốc gia trong xã hội hiện đại. Như đã nói ở trên, nghệ thuật cũng đem những lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp, như tạo công ăn việc làm cho người dân, thúc đẩy du lịch và dịch vụ, v.v.. Nhìn chung hàng hóa nghệ thuật có ý nghĩa quan trọng và những lợi ích của nó sẽ được gia tăng và tích lũy thêm nếu lĩnh vực tư nhân được củng cố bởi hỗ trợ công và ngược lại. Nhiều học giả cho rằng về cơ bản hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong lĩnh vực

nghệ thuật vẫn là hàng hóa công, tức là hàng hóa được chính phủ cung cấp trực tiếp hoặc hỗ trợ gián tiếp thông qua các hệ thống thuế¹.

“Chuỗi giá trị sản xuất” hay “chu trình sản xuất” của hàng hóa nghệ thuật

Các ngành công nghiệp nghệ thuật chính là một phần cốt lõi, hay còn được coi là các ngành gốc của công nghiệp văn hóa², cụ thể hơn, có thể kể đến các ngành như: nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, âm nhạc, văn học, nghệ thuật thị giác... Nghệ thuật còn là yếu tố được lồng ghép trong nhiều ngành công nghiệp văn hóa khác như: truyền thông và dịch vụ sáng tạo, ví dụ: trong kiến trúc và quảng cáo, thiết kế, xuất bản, phát thanh truyền hình, phần mềm, truyền thông đa phương tiện, thủ công nghiệp, trò chơi máy tính (UNCTAD 2008).

Đặc biệt, với tư cách là ngành công nghiệp văn hóa, sự hình thành và phát triển của thị trường nghệ thuật đòi hỏi phải có sự kết nối giữa những mắt xích trong chu trình sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Theo Throsby, chu trình sản xuất này bao gồm có sáu công đoạn, đó là (1) Sáng tạo; (2) Sản xuất; (3) Truyền bá, trưng bày/ tiếp nhận; (4) Tiêu dùng /tham dự; (5) Lưu trữ / bảo quản; và (6) Giáo dục / đào tạo³. Chu trình sản xuất này có thể được tóm tắt thành bốn công đoạn chính gồm có: (1) *Sáng tạo*, (2) *Sản xuất*, (3) *Phổ biến* (4) *Tiêu dùng*⁴.

Lý luận về “chu trình sản xuất” giúp chúng ta nhận thức rằng, để phát triển được thị trường nghệ thuật, cần phải đặc biệt chú ý đến sự liên nối và lưu thông giữa các công đoạn hay mắt xích cụ thể của chuỗi giá trị sản xuất. Chuỗi giá trị này được bắt đầu bằng việc sáng tạo, sản xuất ra các sản phẩm cụ thể, chẳng hạn như một bức

1. Theo Agust Einarsson (2016).

2. Công nghiệp văn hóa, hay còn được gọi là “ngành công nghiệp sáng tạo”, “công nghiệp bản quyền”, “công nghiệp nội dung”, “công nghiệp trải nghiệm”... là những ngành cung cấp sự hội tụ về mặt nghệ thuật, văn hóa và sự sáng tạo trong nền kinh tế theo định hướng của người tiêu dùng (Nissim Otmazgin, 2011, tr.310). Với khái niệm các ngành công nghiệp văn hóa, nghệ thuật có thể được coi là một phần của lĩnh vực hoạt động kinh tế rộng hơn và năng động hơn, với các liên kết thông qua các nền kinh tế thông tin và tri thức, thúc đẩy sự sáng tạo, nắm bắt các công nghệ mới và nuôi dưỡng sự đổi mới (Throsby 2008, tr.229). Khái niệm các ngành công nghiệp văn hóa - sáng tạo, mặc dù được phát triển ở các nước Tây Âu từ những thập niên 90 của thế kỷ XX, đã được gia nhập vào các nước khác muộn hơn, ví dụ khái niệm công nghiệp văn hóa lần đầu tiên được sử dụng ở Bulgaria vào năm 2001, ở Hungary vào năm 2002, ở Slovakia vào năm 2005 và tại Việt Nam vào năm 2014 (với Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước). Khái niệm các ngành công nghiệp văn hóa phản ánh một tầm nhìn mới về chủ đề kinh tế nghệ thuật (và sau đó là kinh tế văn hóa) đã tồn tại từ thập niên 60 của thế kỷ XX. Throsby chỉ ra ba đặc điểm chính của hàng hóa nghệ thuật/văn hóa, đó là, “các hoạt động liên quan đến một số hình thức sáng tạo trong quá trình sản xuất của chúng, liên quan đến việc tạo ra và truyền đạt các ý nghĩa biểu tượng, và kết quả của chúng, hoặc ít nhất là có khả năng, thể hiện một số dạng tài sản trí tuệ”.

3. David Throsby: *Modelling the cultural industries*, International Journal of cultural Policy, 2008, p.226.

4. UNCTAD: *Creative Economy Report*, 2008, p.13.

tranh, một vở kịch hoặc một bộ phim, dựa trên các tài nguyên, công nghệ và các thiết bị cần thiết, được truyền thông, quảng bá, phân phối và kết thúc bằng việc các sản phẩm được tiêu thụ bởi các nhóm hay những cá nhân cụ thể. Các công đoạn mở rộng của quy trình này bao gồm lưu trữ và giáo dục/đào tạo. Tuy nhiên hai công đoạn này cũng có thể được diễn ra trên bốn công đoạn sản xuất đầu tiên.

Nhận thức về tầm quan trọng của chuỗi giá trị sản xuất hay “chu trình sản xuất” của hàng hóa nghệ thuật có ý nghĩa quan trọng. Bởi nếu các công đoạn trong chuỗi giá trị hoặc quy trình này bị đứt quãng, thì khó có thể tạo ra giá trị gia tăng của sản phẩm, cũng như hàng hóa nghệ thuật và sản phẩm không đến được với người tiêu dùng. Để thị trường nghệ thuật phát triển, cần phải nhận diện được các điểm nghẽn, các rào cản cho sự liên nối của các công đoạn này trong chu trình sản xuất, từ đó có các biện pháp quản lý phù hợp ở cấp độ vi mô hoặc vĩ mô nhằm giúp hàng hóa hoặc sản phẩm nghệ thuật tối đa hóa được giá trị gia tăng. Ví dụ, về mặt pháp lý, để tạo ra giá trị kinh tế bền vững, các sản phẩm nghệ thuật phải được pháp luật bảo vệ về quyền sở hữu trí tuệ. Hoặc trong bối cảnh của khoa học công nghệ phát triển và toàn cầu hóa, phải chú ý hơn đến khâu truyền thông và phân phối các sản phẩm nghệ thuật, bởi đây là một khâu quan trọng kết nối giữa sáng tạo và tiêu dùng.

“Chuỗi giá trị sản xuất” hay “chu trình sản xuất” của hàng hóa nghệ thuật cũng đặt ra yêu cầu cần có sự phối hợp của nhiều chủ thể khác nhau để có thể hình thành nên thị trường, ví dụ như: Người sáng tạo/nghệ sĩ, nhà kinh doanh, người môi giới, các chuyên gia thẩm định, phê bình, các chuyên gia truyền thông, công chúng... Cùng với các chủ thể đó là sự tham gia của nhiều thiết chế đa dạng về giáo dục, truyền thông, lưu trữ, kinh doanh, quảng bá... trong đó có nhiều thiết chế hoặc chủ thể đóng vai trò trung gian, hoạt động như những nhân tố xúc tác, điều hướng, tác động đến sự hình thành của thị trường nghệ thuật. Tất cả những thành phần này sẽ góp phần tạo nên một hệ sinh thái sản xuất hiệu quả cho sự vận hành của các ngành công nghiệp nghệ thuật¹. Đây cũng là thách thức cho các nhà hoạch định chính sách, bởi nếu muốn phát triển thị trường nghệ thuật, thì cần phải xây dựng những cơ chế và chính sách năng động, nhạy bén, tạo điều kiện thúc đẩy thương mại hóa sáng tạo nghệ thuật trên quy mô lớn và tạo dựng môi trường thuận lợi cho sự phát triển của hệ sinh thái sản xuất như đã nêu ở trên.

1. Ví dụ trong lĩnh vực nghệ thuật thị giác (hoặc mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm) cần phải có những nhân lực cơ bản như: họa sĩ, nhà phê bình nghệ thuật, nhà quản lý nghệ thuật, giám tuyển (người tổ chức và tư vấn nghệ thuật), người môi giới, nhà kinh doanh nghệ thuật, công chúng nghệ thuật. Ngoài ra cũng cần có các thiết chế như: gallery (phòng trưng bày tranh), nhà đấu giá, hội chợ, các tạp chí chuyên ngành, báo chí, các kênh thông tin truyền thông mới trong thông tin, phê bình nghệ thuật, các tổ chức bảo vệ bản quyền và quyền tác giả, tác phẩm nghệ thuật, các tổ chức về nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, lưu trữ, các quỹ và thiết chế khác để hỗ trợ phát triển nghệ thuật...

Tầm quan trọng ngày càng gia tăng của công nghệ đối với thị trường nghệ thuật

Bối cảnh số hóa và khoa học công nghệ phát triển, tự do hóa kinh tế và toàn cầu hóa đã làm cho cách thức phân phối, tham dự hay tiêu dùng sản phẩm nghệ thuật ngày càng trở nên đa dạng hơn. Sự hội tụ của công nghệ đa phương tiện và viễn thông đã dẫn đến sự tích hợp của các phương tiện, thông qua đó nghệ thuật được sản xuất, phân phối và tiêu thụ, song song với sự phá vỡ các rào cản đối với dòng chảy tự do về vốn và lao động trên thế giới tạo ra thị trường toàn cầu và các sản phẩm nghệ thuật/văn hóa có thể được mua bán trên toàn thế giới¹. Điều này dẫn đến kết quả là mặc dù việc sản xuất sản phẩm nghệ thuật có thể được diễn ra tại một vị trí địa lý nhất định, nhưng nhờ có công nghệ thông tin mà sản phẩm được phân phối rộng rãi cho sự tiếp cận của công chúng. Điện ảnh hay âm nhạc số hóa là những ví dụ điển hình với nhiều cách khai thác tài sản trí tuệ trong các sản phẩm này nhằm mang lại nguồn thu kinh tế (ví dụ người sáng tạo nội dung video âm nhạc được kênh truyền thông trả tiền thông qua việc trích lại phí quảng cáo hoặc người xem phải mua quyền truy cập để tiêu dùng sản phẩm). Khi các sản phẩm nghệ thuật được mở rộng phân phối thì tiềm năng và doanh số bán hàng sẽ lớn hơn. Tuy nhiên, để có thể khai thác được tiềm năng này của hàng hóa nghệ thuật, cần phát triển các thị trường bán lẻ và phân phối kỹ thuật số của sản phẩm nghệ thuật qua internet², đi kèm với việc triển khai và thực thi tốt luật pháp về bảo vệ bản quyền.

Công nghệ không chỉ thúc đẩy cho việc trao đổi thông tin nhanh chóng, tiện lợi và hỗ trợ cho quá trình tương tác giữa bên cung và bên cầu, mà cũng làm cho việc tiêu thụ, thụ hưởng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật trực tiếp có xu hướng phân cấp nhiều hơn và có khả năng góp phần vào một số khía cạnh trong quá trình sáng tạo của các sản phẩm nghệ thuật³. Nhờ có công nghệ mà công chúng có thể tham gia vào quá trình sáng tạo và định hình sản phẩm bằng các phản hồi và tương tác của họ với nhà sản xuất, sáng tạo nội dung. Công nghệ cũng thúc đẩy khả năng thương mại ngày càng lớn hơn ở tầm mức khu vực, quốc tế. Các nước phát triển trên thế giới đang chuyển nhanh sang nền kinh tế tri thức, kinh tế sáng tạo, công nghệ số hóa và sự số hóa các nội dung nghệ thuật, văn hóa. Nhiều chính phủ coi công nghệ như một chiến lược quan trọng để thúc đẩy, mở rộng kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ hàng hóa nghệ thuật của họ ra bên ngoài biên giới quốc gia, làm chủ làn sóng của nền kinh tế thông tin mới, qua đó mở rộng thị trường nghệ thuật, góp phần tăng trưởng kinh tế⁴. Điều này thường đem lại lợi ích cho những quốc gia, cũng như tập đoàn, tổ chức lớn và có ưu thế cạnh tranh, nhưng cũng đe dọa các tổ

1, 4. Xem David Throsby: *Modelling the cultural industries*, Sđd, 2008, tr.229.

2, 3. Xem Craig, Samuel: *Creating cultural products: Cities, context and technology*, *Culture and Society*, 2013, tr.198-200.

chức nghệ thuật nhỏ và thiếu thốn nguồn lực, cũng như gây ra sức ép lớn đối với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

2. Thực trạng thị trường nghệ thuật Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Trong khoảng hơn ba thập niên từ khi đổi mới đến nay (1986-2021), thị trường nghệ thuật Việt Nam đã bước đầu phát triển sôi động, đa sắc và đa diện hơn với nhiều loại hình, sản phẩm, dịch vụ phong phú, đã bước đầu tham gia tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhiều sản phẩm, hàng hóa nghệ thuật có vừa chuyển tải được bản sắc văn hóa dân tộc, vừa đổi mới về cách thức biểu đạt mang tính hiện đại, tiên tiến, có sức hấp dẫn với công chúng trong nước và quốc tế. Chưa bao giờ hoạt động trao đổi, mua bán tác phẩm nghệ thuật lại diễn ra sôi nổi, quy mô và thu hút nhiều tầng lớp xã hội tham gia như trong giai đoạn hiện nay, đã có sự tăng trưởng sức tiêu dùng và đa dạng hóa các hình thức tiêu dùng đối với sản phẩm nghệ thuật trong bối cảnh số hóa. Bắt đầu hình thành một số sản phẩm nghệ thuật có thương hiệu, trong đó có nhiều sản phẩm, dịch vụ nghệ thuật do tư nhân đầu tư hoặc phối hợp công - tư liên doanh. Một số thị trường như hội họa, sân khấu, điện ảnh đã đạt được những thành tựu nhất định.

Tuy nhiên, nhìn chung thị trường nghệ thuật Việt Nam vẫn còn khá nhỏ bé, chưa thực sự tạo ra sự bứt phá ngoạn mục, chưa có sức ảnh hưởng và chi phối mạnh mẽ trong tiêu dùng của người dân Việt Nam. Chất lượng dịch vụ, sản phẩm nghệ thuật nhìn chung chưa cao và đồng đều, năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa và thị trường quốc tế còn thấp, thiếu các thương hiệu ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế, chưa có nhiều sản phẩm nghệ thuật có chất lượng cao, góp phần bồi bổ tâm hồn, xây dựng nhân cách, giáo dục đạo đức. Tình trạng nhập khẩu, nhập siêu sản phẩm nghệ thuật nước ngoài vào Việt Nam còn vượt trội so với xuất khẩu hàng hóa nghệ thuật.

Tình trạng phát triển sơ khai, tự phát, vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ vẫn diễn ra phổ biến. Mặc dù Việt Nam đã thông qua Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (có hiệu lực từ ngày 1/1/2010), cũng như đã gia nhập các công ước quốc tế có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, tuy nhiên mức độ thực thi luật bản quyền và các quyền liên quan còn thấp. Tổ chức Liên minh quốc tế về tài sản trí tuệ ước tính rằng Việt Nam nằm trong danh sách những nước vi phạm bản quyền cao nhất thế giới (đứng ở vị trí thứ 8 năm 2010 và vị trí thứ 11 vào năm 2020). Vi phạm bản quyền chính là một lực cản cho phát triển thị trường nghệ thuật, là một trở ngại cho các động lực sáng tạo, đầu tư vào các ngành công nghiệp nghệ thuật của Việt Nam (Phạm Thị Kim Oanh, 2018).

Đặc biệt, nguồn lực đầu tư cho sự phát triển của thị trường nghệ thuật vẫn còn hạn chế do chính sách xã hội hóa chưa được triển khai thành những cơ chế, biện

pháp cụ thể. Nguồn vốn và các mô hình đầu tư tài chính cho nghệ thuật còn thiếu sự đa dạng, một phần là do chưa có các chính sách ưu đãi thuế một cách đầy đủ, toàn diện làm cơ sở pháp lý để khơi thông các nguồn lực như đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho nghệ thuật. Nhà nước vẫn là nhà đầu tư chính với mức độ hạn hẹp, dàn trải, chưa thực sự đem lại hiệu quả. Đối với các hàng hóa nghệ thuật công, vẫn tồn tại nhiều bất cập về cơ chế, chính sách, cách thức quản lý hành chính hóa, ví dụ như: hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng với hàng hóa, dịch vụ công do Nhà nước mua, đặt hàng còn chưa cập nhật với thực tiễn nhưng vẫn được sử dụng (trả chi phí tác phẩm nghệ thuật tượng đài tính theo kích thước, tranh tính theo mét vuông, bản nhạc tính theo trang...) vì vậy chưa thực sự phát huy được sức sáng tạo của các chủ thể liên quan. Đầu tư của các doanh nghiệp và nguồn đầu tư hỗn hợp bắt đầu được vận hành nhưng còn trong tình trạng manh mún, nhỏ lẻ. Một số yêu cầu thiết yếu của thị trường như: tính minh bạch, tính cạnh tranh, sự bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và tư nhân vẫn chưa thực sự được bảo đảm. Sự hợp tác của nhiều chủ thể, thành phần chính trong quy trình sản xuất còn rời rạc, tự phát. Hệ thống luật pháp liên quan tới mô hình kinh doanh, đầu tư, kiểm duyệt, chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cần được Nhà nước tiếp tục hoàn thiện.

Bên cạnh khó khăn về thiếu hụt nguồn vốn, mô hình đầu tư, các ngành công nghiệp văn hóa - nghệ thuật Việt Nam vẫn phải đối mặt với những thiếu hụt đáng kể các kiến thức và kỹ năng cần thiết để vận hành hiệu quả trong cơ chế thị trường (như các kỹ năng, kiến thức về sáng tạo, kinh doanh, marketing, gây quỹ, truyền thông...). Trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, kế hoạch hóa sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều tổ chức công lập vẫn bị ảnh hưởng bởi nền tảng "phục vụ", cơ chế "xin - cho", quá trình tạo lập các sản phẩm, dịch vụ văn hóa còn nặng tính bao cấp, thụ động, vai trò của thị trường với các quy luật cung cầu, cạnh tranh vẫn chưa phát huy được tác dụng đầy đủ. Tồn tại nhiều điểm nghẽn trong các công đoạn của quy trình sản xuất và hệ sinh thái sản xuất, sáng tạo cho nghệ thuật chưa được xây dựng, phát huy, vận hành đầy đủ.

3. Đẩy mạnh cách tiếp cận mới để phát triển thị trường nghệ thuật

Mặc dù có rất nhiều tranh luận xung quanh chủ đề làm thế nào để phát triển thị trường nghệ thuật, đặc biệt khi mà thị trường nghệ thuật Việt Nam vẫn trong tình trạng phát triển sơ khai, tự phát, cần có những giải pháp tổng thể, hệ thống, mang tính tích hợp, liên ngành, đa chiều cạnh về nhiều vấn đề khác nhau: từ việc cần phát triển nguồn nhân lực sáng tạo, kinh doanh, đến xây dựng các thể chế, chính sách phù hợp, tăng cường ứng dụng công nghệ, đầu tư vào hạ tầng cơ sở, gây dựng được các thể hệ công chúng yêu thích và hiểu biết về nghệ thuật thông qua giáo dục nghệ thuật và marketing nghệ thuật để thúc đẩy "cầu" cho nghệ thuật, cùng với việc nâng cao chất lượng về "cung", cũng như thực hiện nhiều giải pháp đa dạng khác như tăng cường

hội nhập quốc tế, gắn nghệ thuật với du lịch và đô thị hóa. Tuy nhiên trong bài viết này, tôi muốn tập trung nhấn mạnh tầm quan trọng của cách tiếp cận về mối quan hệ tương quan giữa tam giác ba cạnh: Nhà nước, thị trường và xã hội trong việc góp phần phát triển thị trường nghệ thuật Việt Nam.

Trước hết, để có thể thúc đẩy cho sự phát triển sôi động, bền vững của thị trường nghệ thuật, cần phải huy động sự tham gia của nhiều bên liên quan, nhiều chủ thể khác nhau, xây dựng hệ sinh thái sản xuất, sáng tạo và thúc đẩy sự liên thông, kết nối giữa các công đoạn cơ bản trong chuỗi quy trình sản xuất. Nói cách khác, để phát triển được thị trường nghệ thuật thì không chỉ chú trọng vào thị trường với người kinh doanh, người bán, người mua, các hoạt động trao đổi, mua bán, giao dịch của các bên tham gia thị trường, mà cần mở rộng khuôn khổ tiếp cận để “giải bài toán” về phát triển thị trường nghệ thuật từ mối quan hệ ba bên giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Bởi sự xuất hiện và phát triển của thị trường nghệ thuật luôn đi cùng với việc gia tăng của các lợi ích và tác nhân. Nếu như với mô hình tập trung, bao cấp cho nghệ thuật, Nhà nước chịu trách nhiệm toàn bộ từ quá trình sản xuất, phân phối, tiêu dùng sản phẩm nghệ thuật, người sáng tạo, người tiêu dùng thường chỉ đóng vai trò thụ động và tách biệt thì trong thị trường nghệ thuật, các tác nhân, chủ thể tương tác sẽ tăng lên, có mối quan hệ phức tạp hơn, tương tác đa chiều hơn. Cần thúc đẩy sự cộng hưởng và hiệp lực của các tác nhân và thành phần có liên quan đến thị trường, chú trọng huy động nguồn lực từ xã hội và lĩnh vực tư nhân cùng với vai trò của Nhà nước. Có thể hiểu “khu vực thứ ba” nằm cạnh Nhà nước và thị trường, có thể bao gồm các tổ chức phi lợi nhuận, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các cộng đồng, các nhóm xã hội và người dân (trong đó có thể bao gồm các cộng đồng trên không gian mạng, cộng đồng khởi nghiệp, cộng đồng của những người di chuyển và làm việc trên internet...). Điều này xuất phát từ thực tế là thị trường nghệ thuật không chỉ được hình thành và phát triển bởi các tổ chức kinh doanh vì lợi nhuận mà có rất nhiều tổ chức, thiết chế, tác nhân khác cùng tham gia cung cấp các dịch vụ, hàng hóa nghệ thuật, ví dụ như các tổ chức phi lợi nhuận, các tổ chức xã hội, các nhóm, cá nhân... đóng góp cho nhiều khía cạnh khác nhau của chuỗi quy trình sản xuất như: như đồng sáng tạo, truyền thông, đào tạo, lưu trữ... Về cơ bản, khu vực này có thể đóng góp những nguồn lực đa dạng cho sự phát triển của thị trường nghệ thuật như: nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và các nguồn lực phi vật thể quan trọng khác như: kiến thức, thông tin, chuyên môn, danh tiếng, sự tin cậy, kinh nghiệm, mạng lưới làm việc, ý tưởng. Trong bối cảnh hiện nay, cần chú trọng đổi mới và huy động vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, của các nhóm xã hội như các nhóm chuyên gia, công chúng, các tổ chức phi lợi nhuận... trong việc tham gia tích cực vào chuỗi chu trình sản xuất (ví dụ sự ra đời của các không gian sáng tạo ở Việt Nam gần đây). Cần xây dựng các cơ chế thúc đẩy phát huy nguồn lực, tạo nên sự hiệp lực, hợp tác chặt chẽ giữa Nhà nước, thành

phần tư nhân và xã hội để hỗ trợ cho sự phát triển bền vững, tăng trưởng, cạnh tranh và cải tổ trong lĩnh vực văn hóa, góp phần nuôi dưỡng hệ sinh thái sáng tạo cho thị trường nghệ thuật.

Mặc dù vậy, nghệ thuật là một lĩnh vực rộng lớn và đa dạng. Đặc điểm này khiến cho việc nhận diện và lý giải mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý và phát triển nghệ thuật trở nên phức tạp và cần có sự cân trọng cần thiết. Trong từng ngành nghệ thuật cụ thể, từng thành tố của bộ ba (Nhà nước, thị trường, xã hội) có thể nắm giữ các vị trí khác nhau và mối quan hệ cơ cấu quyền lực giữa các thành tố này có thể không đồng nhất hoặc không hoàn toàn cân xứng. Chẳng hạn, việc sản xuất, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm điện ảnh thương mại có thể dễ dàng thích ứng hơn với cơ chế thị trường, bởi loại hình này có khả năng thu hút nguồn lực khá lớn từ xã hội và tạo ra lợi nhuận, thì các loại hình nghệ thuật khác như: sân khấu truyền thống hay văn học lại đòi hỏi sự cân nhắc cần trọng của Nhà nước vì những loại hình này có thể khó tạo được nguồn thu tài chính trong cơ chế thị trường với các quy luật cung, cầu, cạnh tranh khắc nghiệt. Hay nói cách khác sự phân bổ, điều tiết về vai trò giữa Nhà nước¹, thị trường và xã hội trong quản lý và phát triển đối với mỗi loại hình, mỗi ngành của thị trường nghệ thuật là không đồng nhất và cần sự điều chỉnh linh hoạt, phù hợp trong các trường hợp khác nhau.

Tương ứng với điều này, mô hình can thiệp của Nhà nước với lĩnh vực thị trường nghệ thuật cần là một mô hình hỗn hợp và thích ứng linh hoạt. Nhà nước có thể đóng những vai trò khác nhau, từ vai trò người “chèo lái”, “chỉ đạo”, “định hướng”, đến vai trò của “tạo điều kiện”, “kiến tạo” nhằm tạo môi trường xúc tác để giải phóng các lực lượng thị trường và điều tiết các quan hệ bằng chính sách và pháp luật. Trong các trường hợp cần thiết, Nhà nước vẫn cần là chủ thể chính trong bảo hộ, hỗ trợ, đầu tư cho những sản phẩm, loại hình nghệ thuật nhất định (ví dụ đối với nghệ thuật truyền thống mang bản sắc của dân tộc hay đối với nghệ thuật đương đại thể hiện năng lực sáng tạo của nghệ thuật Việt Nam hòa vào dòng chảy của nghệ thuật thế giới).

Mặt khác, Nhà nước không chỉ đơn thuần chỉ dựa vào “bàn tay vô hình” của thị trường, mà phát huy tác dụng điều khiển, thúc đẩy và tạo “luật chơi” thông qua các công cụ chính sách như: tạo dựng các khuôn khổ pháp lý nhằm thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân, cải thiện các quy tắc và luật lệ chi phối môi trường kinh doanh sản phẩm nghệ thuật, sử dụng các đòn bẩy tài chính và ưu đãi thuế nhằm thúc đẩy đầu tư tư nhân vào thị trường nghệ thuật, tạo thuận lợi cho sự phát triển của các công ty khởi nghiệp sáng tạo, cải tổ bộ máy quản trị hướng đến hiệu quả thực chất,

1. Nhà nước ở đây có ý nghĩa như một hệ thống tổ chức nhà nước gồm các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương để thực hiện quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

phân bổ nguồn lực công sao cho hiệu quả... Nhà nước cũng đóng vai trò cân đối và điều chỉnh những sai lầm của thị trường, chẳng hạn vấn đề thông tin bất cân xứng như một thất bại của thị trường tự do, cân đối giữa quyền lợi của các bên liên quan, cân đối giữa các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn, giữa lợi nhuận và các mục tiêu về nhân văn, phúc lợi, công bằng, từ đó giúp thị trường nghệ thuật phát triển bền vững và lành mạnh hơn.

*

* *

Việt Nam vẫn đang trong tiến trình chuyển đổi mạnh mẽ, đó là sự chuyển đổi đa chiều cạnh từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, từ nông nghiệp, nông thôn sang đô thị hóa, công nghiệp hóa, số hóa. Trong bối cảnh đó, đời sống văn hóa tinh thần, nhu cầu, thị hiếu nghệ thuật của các tầng lớp dân cư Việt Nam đang có những biến chuyển đa dạng hòa vào những chuyển động chung của đất nước và thời đại. Phát triển thị trường nghệ thuật là xu hướng tất yếu, góp phần thúc đẩy tiến trình dân chủ hóa về văn hóa và củng cố sức mạnh mềm của đất nước trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Để nâng cao năng lực cạnh tranh và lợi thế so sánh của thị trường nghệ thuật Việt Nam, hướng tới mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục có các giải pháp toàn diện hơn nữa. Đặc biệt, cần thúc đẩy cách tiếp cận về mối quan hệ tương quan giữa Nhà nước, thị trường và xã hội như một cách tiếp cận phù hợp và thiết yếu trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Angelini, Francesco: *Essays on Economics of the Arts* (Bài luận về kinh tế của nghệ thuật) (PhD Program in Economics), IMT School for Advanced Studies, Lucca, Italy, 2017.
- [2] Baumol, William J. & Bowen, William G.: *Performing Arts: The Economic Dilemma: A Study of Problems Common to Theater, Opera, Music and Dance* (Nghệ thuật biểu diễn: Những nan đề về kinh tế: Nghiên cứu các vấn đề chung phổ biến của sân khấu, nhạc kịch, âm nhạc và vũ đạo). The M.I.T. Press, 1966.
- [3] Craig, Samuel: *Creating cultural products: Cities, context and technology, City, Culture and Society* (Sáng tạo các sản phẩm văn hóa: Các thành phố, bối cảnh và công nghệ, thành phố, văn hóa và xã hội), 4 (2013), tr.195-202.
- [4] David Throsby: *Modelling the cultural industries* (Mô hình hóa các ngành công nghiệp văn hóa), *International Journal of Cultural Policy* (Tạp chí quốc tế về chính sách văn hóa), 14:3, 2008, tr.217-232.

- [5] Đinh Tuấn Minh và Phạm Thế Anh: *Từ Nhà nước điều hành sang Nhà nước kiến tạo phát triển*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2016.
- [6] Đỗ Thị Thanh Thủy: “Để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 6(16), 2014, tr.3-21.
- [7] Đỗ Thị Thanh Thủy: “Một số biện pháp huy động nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa - bài học từ các nước trên thế giới”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 4(20), 2015, tr.24-34 và số 5(21), 2015, tr.38-47.
- [8] Eva Kuti: *The possible rote of the non-profit sector in Hungary* (Khả năng có thể có của khu vực phi lợi nhuận ở Hungary Eva Kuti), *Voluntas Voluntas: International Journal of Voluntary and Nonprofit Organizations* volume 1, 1990, tr.26-40.
- [9] Klamer, A., ed.: *The Value of Culture* (Giá trị của văn hóa), Amsterdam: Amsterdam, University Press, 1996.
- [10] Mai Hải Oanh: “Xây dựng ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 6/2006.
- [11] Mai Hải Oanh: *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011.
- [12] Medolago Albani, Francesca and Bettelli, Barbara and Boccardelli, Paolo and Priante, Alessandra, *Italian Tax Incentives for Film Industry: The Impact on the Domestic Sector and on the State* (Ưu đãi thuế của Ý đối với ngành điện ảnh: Tác động đối với khu vực trong nước và Nhà nước), (October 15, 2010). ESA Research Network Sociology of Culture Midterm Conference: Culture and the Making of Worlds.
- [13] Nguyễn Thị Thu Phương: “Đổi mới thể chế văn hóa trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, 2016”, *Tạp chí Cộng sản*, số 887, 2016, tr.80-86.
- [14] Nye, J.: *The Future of Power* (Tương lai của quyền lực), New York: PublicAffairs Books, 2011.
- [15] Nye, J. S.: “Public Diplomacy and Soft Power” (Ngoại giao công và quyền lực mềm), *The ANNALS of the American Academy of Political and Social Science*, 616(1), 2008, tr.94-109.
- [16] Phạm Thị Kim Oanh: *Bảo hộ quyền tác giả tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng - nhìn từ khía cạnh pháp lý và thực tiễn*, 2018.
- [17] Sharron Dickman: *Arts marketing - The Pocket Guide* (Sách hướng dẫn bỏ túi về marketing nghệ thuật): Tài liệu dịch, Hà Nội, 2006.
- [18] Throsby, D.: *The Economics of Cultural Policy* (Kinh tế của Chính sách văn hóa), Cambridge University Press, New York, 2010.
- [19] Throsby, D.: *Economics and culture* (Kinh tế và văn hóa), Cambridge, UK: Cambridge University Press, 2001.

- [20] Throsby, D., and Hutter, M. eds: *Beyond price: Value in culture, economics, and the art* (Ngoài giá cả: Giá trị trong văn hóa, kinh tế và nghệ thuật), New York: Cambridge University Press, 2008.
- [21] Towse, Ruth.: *A Textbook of Cultural Economics* (Giáo trình Kinh tế Văn hóa), New York and Cambridge: Cambridge University Press, 2010.
- [22] Từ Thị Loan (Chủ biên): *Phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, 2017.
- [23] UNCTAD: *Creative Economy Report* (Báo cáo kinh tế sáng tạo), 2008.
- [24] Weber, Cameron: *Dissertation Concerning a Political Economy of Art With Emphasis on the United States of America* (Kinh tế chính trị của nghệ thuật với sự nhấn mạnh vào Hợp chúng quốc Hoa Kỳ), the Degree of Doctor of Philosophy New York University, 2015.

THỊ TRƯỜNG VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT

Nhà phê bình PHAN CẨM THƯỢNG

1. Khi xóa bỏ bao cấp, năm 1988, những bao cấp trong các ngành Văn hóa, nghệ thuật cũng từng bước được xóa bỏ, đến nay chỉ còn kinh phí lương của hội nghề nghiệp và chút ít tài trợ sáng tác. Trong quá trình này có ngành sống được nếu tìm được chỗ đứng trong thị trường như nhạc trẻ và hội họa, còn hầu hết các ngành khác thì gặp rất nhiều khó khăn, như sân khấu truyền thống, sân khấu hiện đại, nhạc cổ điển, phim, và phần nào là văn học. Những ngành có liên quan như phê bình, nghiên cứu cũng tương tự. Hầu hết các nhà phê bình lớn tuổi đã qua đời không có người thay thế ở tất cả các lĩnh vực, nghiên cứu rất cầm chừng, chủ yếu phụ thuộc vào việc đào tạo tiến sĩ và dự án các loại, thực chất rất ít giá trị thực tiễn (nói trong khoa học nhân văn), hoặc chỉ có thể dùng được trong các dự án đặt hàng trực tiếp. Tất nhiên không thể quay lại thời bao cấp, thời kỳ mà Nhà nước đặt hàng, chi tiền, lo xuất bản, lo thị trường như xưa, mà cần làm thế nào đưa hoạt động văn hóa, nghệ thuật vào thị trường, hay theo đúng con đường của thế giới là chính văn hóa, nghệ thuật cũng là một thị trường. Thời kỳ thông tin, Internet phát triển, phim ảnh, văn học, nghệ thuật, đều có thể tìm xem, đọc trên mạng, nên những trình diễn và xuất bản phẩm theo kiểu bao cấp dù được hỗ trợ kinh phí cũng không có chỗ đứng. Cuối cùng là xã hội cần tạo ra thị trường ấy, và văn nghệ sĩ, nhà nghiên cứu tự chiếm lĩnh thị trường ấy.

Việc bãi bỏ kiểm duyệt trưng bày, xuất bản tạo điều kiện cho trí thức sáng tạo và tự tìm đường trong thị trường, cũng như khán giả, độc giả tự lựa chọn. Thay vì cơ chế kiểm duyệt là những nguyên tắc chung về đạo đức và tập tục, một ủy ban đánh giá chất lượng và kỷ luật sẽ đưa ra những hạn chế nào đó đối với người vi phạm. Hầu hết các nước Đông Nam Á đã thực hiện theo cách thức này và có thể nói, hoạt động nghệ thuật luôn nhân văn, tự tìm đến lẽ phải và điều thiện, không ai đi kiểm duyệt lẽ phải và điều thiện, còn nếu ta chưa hài lòng thì cần phải xem xét về những phản biện mặt trái của xã hội mà văn nghệ luôn hướng tới cho xã hội tốt đẹp hơn. Thị trường sản xuất và hàng hóa đã tự do, cũng chỉ cần kiểm định về chất lượng và

thuế, nhưng trong thị trường nghệ thuật sự kiểm soát tư tưởng chính là hạn chế khả năng sáng tạo của nó.

Văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng là tất cả những sinh hoạt tinh thần và tiếp xúc vật chất hằng ngày. Ở mức độ sinh hoạt, văn hóa chính là ứng xử, đạo đức xã hội, ở mức độ đỉnh cao, văn hóa là các hoạt động nghệ thuật và tôn giáo. Cái nọ điều chỉnh cái kia. Thời cổ tôn giáo - triết học - nghệ thuật là ba mặt đỉnh cao của văn hóa xã hội, cái nọ bổ sung cho cái kia. Tôn giáo đem lại tính siêu hình cho nghệ thuật và triết học; triết học đem lại nhận thức và tâm linh cho tôn giáo và nghệ thuật. Nghệ thuật đem lại mỹ cảm và biểu tượng hóa tôn giáo và triết học. Mô hình này tan vỡ vào thời hiện đại, mỗi hình thái ý thức đi theo con đường của mình và đôi khi vu vơ, không hiệu quả với cùng chính một xã hội. Ví dụ như nghệ thuật tôn giáo hiện nay. Xã hội hiện đại hình thành lối sống và lý tưởng trên cơ sở của sản xuất, kinh doanh trí tuệ và công nghệ, hơn bao giờ hết vai trò của văn hóa, nghệ thuật lại vô cùng cần thiết đối với sáng tạo của khoa học, công nghệ, chứ không đơn thuần là lĩnh vực giải trí. Mối quan hệ giữa sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo khoa học, thậm chí cả kinh doanh cũng mật thiết, dù rất khó chứng minh, nhưng điều đó là có thật, dù mối quan hệ ấy rất siêu hình. Một xã hội được coi là thành công bao gồm cả thành công về kinh tế và văn hóa song hành. Chỉ có thành công về văn hóa mới làm cho công nghệ phục vụ nhân văn và kinh tế hữu hiệu, chỉ có thành công về kinh tế mới bảo tồn được các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển văn hóa đương đại.

Xuất bản sách và biểu diễn ca nhạc trẻ là hai lĩnh vực sớm gia nhập thị trường. Khi các nhà xuất bản bao cấp không có khả năng hạch toán, thì những nhà sách đón lõng được thị trường, tự ký hợp đồng với tác giả và xác định số lượng độc giả, số lượng xuất bản. Tuy vậy, việc chống sách lậu vẫn khó khăn, và các nhà sách thực chất vẫn phải mua giấy phép xuất bản, trong khi nhà xuất bản hết chức năng thì tồn tại lay lắt bằng cấp phép. Trung tâm bản quyền âm nhạc của Hội Nhạc sĩ đã cơ bản bảo vệ tác quyền của nhạc sĩ mỗi lần tác phẩm được biểu diễn có tính thương mại. Ngành hội họa gia nhập thị trường sớm nhất, ngay trước khi thực hiện kinh tế thị trường, nhưng sự kinh doanh của ngành này còn thiếu ổn định và trù tượng, mang tính cá nhân nhiều hơn, cũng như rất khó tính được thuế, vì họa sĩ sống bằng tranh không phải là một thu nhập ổn định. Thị trường mỹ thuật bao cấp, hoặc có phần xã hội hóa, cụ thể là các công trình nghệ thuật công cộng, tiêu tốn rất nhiều tiền, ảnh hưởng rất nhiều đến cảnh quan, chiếm rất nhiều diện tích đất, nhưng hiệu quả thẩm mỹ và giáo dục không cao. Tất cả các tượng đài trong nước rất giống nhau, mang tính kỷ niệm, chất lượng nghệ thuật và xây dựng đều thấp, dù tiêu tốn nhiều tiền. Tỷ lệ tượng đài so với diện tích và dân số quốc gia có lẽ Việt Nam đứng đầu thế giới và ngược lại với giá trị nghệ

thuật. Nghệ thuật có chức năng giáo dục và nhận thức xã hội, nhưng nó không thể hiện được, hiện mang tính khẩu hiệu, và trực diện như những cục bê tông cứng nhắc không nhận diện được nhân vật lịch sử. Khu vực trùng tu di sản cũng là một thị trường lớn, tiêu tốn nhiều tiền, nhưng bấy lâu nay, bảo tồn thì ít mà làm biến dạng di sản thì nhiều.

Những vấn đề cơ bản trên cho thấy, về thực chất, thị trường văn hóa đã có, đã hình thành, nhưng nó không xác định được khuôn mặt, không đánh giá được lợi ích tinh thần và khả năng kinh doanh. Các câu lạc bộ thể thao mới tiêu tốn, chứ chưa tự nuôi được cầu thủ. Các bộ phim, các đoàn kịch không có khán giả, ngay cả khi biểu diễn miễn phí, khiến chúng không vào được thị trường. Nghệ sĩ hiện không được xác định là một hoạt động hành nghề chuyên nghiệp đặc biệt. Các trường đào tạo nghệ thuật hằng năm đều ở tình trạng ăn đong về tuyển sinh, vì sinh viên nghệ thuật ra trường căn bản bị thất nghiệp. Trình độ sinh viên nghệ thuật xuống thấp đến mức, có thể nói rằng có lúc giảng viên cảm thấy như đang dạy đại học cho những học sinh lớp một. Kinh ngạc hơn, là có những sinh viên kiểu như vậy nhanh chóng trở thành “giáo sư”, “tiến sĩ”, khi khu vực này đang bị thị trường hóa một cách hỗn loạn. Những năm gần đây ngành design có cơ hội, thì rất nhiều trường nghệ thuật mở thêm khoa design để có sinh viên và thu nhập. Thị trường sách giáo khoa mang tính bắt buộc với người đi học, do đó khả năng xuất bản cao, tuy nhiên còn nhiều vấn đề bất cập về sách giáo khoa cũng như gánh nặng hỗn loạn và không cần thiết đối với học sinh.

2. Như vậy, hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong nền kinh tế thị trường, có những lĩnh vực không thể và không nên thị trường hóa, có những lĩnh vực cần thúc đẩy nhanh để gia nhập thị trường, như là những ngành nghề chuyên nghiệp, có đóng thuế, những ngành này chính là nền công nghiệp sạch, đem lại lợi ích kinh tế, niềm vui và nhận thức xã hội, mà không phá hủy môi trường sinh thái.

Bảo tồn di sản luôn là ngành cần bao cấp, vì nó chính là vốn liếng vật chất và tinh thần của một dân tộc. Đất nước với 54 dân tộc, với vô vàn di sản văn hóa, thế nhưng việc bảo tồn không hề có đào tạo, mà hoàn toàn sử dụng lao động tự do không chuyên nghiệp, hoặc thợ làng nghề, trong đó vai trò của các nhà nghiên cứu và nghệ sĩ cần thiết tham gia bảo tồn di sản rất hạn chế. Ví dụ như việc trùng tu tượng Phật bà Quan âm nghìn mắt nghìn tay, chùa Bút Tháp không thể chỉ giao cho thợ làm. Đó là tác phẩm của nghệ sĩ lớn thế kỷ XVII, cần một nghệ sĩ lớn hiện nay đứng đầu công việc tu tạo. Kết quả của việc giao cho thợ xử lý bức tranh Vườn xuân Bắc Trung Nam của Nguyễn Gia Trí là bài học đắt giá, khi phá hủy hơn là bảo tồn tác phẩm này. Tuy nhiên, thu nhập từ tham quan, hành lễ, nghiên cứu di sản lại chính là khu vực thị trường hóa, khi người xem phải mua vé để chiêm ngưỡng tác phẩm.

Theo một ý nghĩa nào đó, việc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ cũng bị thị trường hóa, dẫn tới hệ lụy tai hại, là chúng ta đang có một đội ngũ có bằng cấp, nhưng ít giá trị về sáng tạo, và cũng không trở thành trí thức, Nhà nước phải trả một khoản lương bậc cao cho những người này. Do đó, nên để các trường đại học tự đào tạo, tự quyết định đội ngũ giáo sư, tiến sĩ của mình như các nước trên thế giới đã làm. Chất lượng tri thức của họ chính là chất lượng giáo dục đại học mà họ đang tiến hành trên thị trường giáo dục. Đội ngũ giáo sư, tiến sĩ có sẵn là sự mặc định về nền tảng tri thức, mà chưa chắc đó là nền tảng thực sự và cấp tiến, vì hầu hết sau bản luận án tiến sĩ đã buông bỏ nghiên cứu khoa học. Trong khi nhân tài thực sự xuất hiện theo con đường khác của bất cứ xã hội nào không phụ thuộc vào đào tạo và không thể đào tạo. Chúng ta không thể đào tạo ra Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Trịnh Công Sơn, Bùi Xuân Phái... những người này có thể không có bằng cấp, nhưng đó mới là những tài năng, trí thức mà cần mặc nhiên công nhận. Hiện tại thị trường văn hóa và khoa học đang đón nhận những nhân tài âm nhạc, hội họa và công nghệ theo cách đó, trong khi các cơ quan nhà nước hầu như không biết gì về những con người này. Năng suất lao động, sự sáng tạo trong thị trường đem lại những mối lợi lớn, và chỉ có chính thị trường tìm đúng người, làm đúng việc.

Vậy làm thế nào để xác định và thiết lập một thị trường văn hóa, nghệ thuật thực sự và làm thế nào để thúc đẩy văn hóa, nghệ thuật đúng chỗ với những đầu tư của xã hội và Nhà nước. Trên thực tế, từ lâu, các công ty kinh doanh trên thế giới nhìn ra vai trò của nền công nghiệp sạch và văn hóa công ty đem lại lợi ích gì cho sự phát triển của khoa học và lao động công ty. Những câu lạc bộ thể thao dần trở thành các công ty kinh doanh thể thao độc lập, ví dụ như bóng đá Anh. Những bảo tàng, viện nghiên cứu trở thành các trung tâm hoạt động tri thức có chiều sâu và truyền thống, hệ thống đều có khả năng kinh doanh trực tiếp. Sự phát triển của công nghệ với chế độ bảo vệ bản quyền tốt, rất cần đến văn hóa và sáng tạo design, mà nền tảng của design chính là văn hóa, nghệ thuật được sinh ra từ các trí thức và nghệ sĩ. Các mối liên hệ gián tiếp của nghệ thuật và sản xuất, kinh doanh xã hội cũng là một vấn đề được mặc nhiên công nhận và đưa vào các công ty như là nhu cầu thiết yếu, hơn là chỉ biết sản xuất vài mặt hàng và bán ra xã hội. Các công ty đều có giám đốc văn hóa, mở gallery nhằm dần dần xây dựng bảo tàng nghệ thuật, cũng như bảo trợ nghệ sĩ đưa nghệ thuật vào giáo dục cho nhân viên.

Trên những cơ sở này, thị trường nghệ thuật dần trưởng thành, tất nhiên nó chủ yếu trưởng thành với sự phát triển đô thị và giai tầng trung lưu - những khách hàng chủ yếu của sách báo, phim ảnh, tranh tượng. Sự phát triển của các căn hộ trung lưu và giai tầng trung lưu ở nước ta cũng đã kích thích thị trường hội họa, mặc dù ta chưa bao giờ tổng kết. Nghệ thuật đang có thị trường ở mức độ toàn cầu,

và nó liên thông tự nhiên với mọi đất nước ở khu vực buôn bán cổ vật hợp pháp và buôn bán mỹ thuật của các nghệ sĩ từ cao nhất đến thấp nhất. Như thị trường tranh Đông Dương có mối liên hệ chặt chẽ với thị trường hội họa quốc tế và trong nước hiện nay. Mức độ thấp nhất chính là cơ sở xác định một người được gọi là nghệ sĩ hành nghề chuyên nghiệp, thu nhập bằng bán tác phẩm của mình, và nuôi được mình ở mức độ bằng người lao động phổ thông. Nhưng người lao động phổ thông có sự tăng tiến chậm về nghề nghiệp và lương, còn nghệ sĩ có thể tăng tiến đột biến do quy luật nghề nghiệp riêng và thị trường nghệ thuật cũng hết sức bất ngờ. Nghệ thuật cũng trở thành một hàng hóa giá cả ổn định, và hầu như chỉ có tăng mà không có giảm giá trị, có thể thay thế cho những cách gìn giữ tài sản khác, như tiền. Nghệ thuật cũng là khu vực đáng đầu tư.

Những năm 1990, thị trường hội họa Việt Nam rất phát triển, nhưng chủ yếu là thị trường cho người nước ngoài. Tình hình này cũng giống như ở nhiều nước Đông Nam Á, nhưng dần dần, thị trường nội địa lấy lại sức mua do sự phát triển của doanh nhân và trí thức trung lưu nội địa. Vào những năm 2010, ở Thái Lan, Ấn Độ, Malaixia, thị trường nghệ thuật nội địa đã đạt đến 90%, tức là nghệ sĩ có thể sống bằng hoạt động nghệ thuật và bán tác phẩm trong nước. Ở Trung Quốc, thị trường nghệ thuật nội địa đã là truyền thống. Những nước trên bắt đầu tiến hành nâng giá nghệ thuật, và đã đạt đến tầm 1 triệu USD cho tác phẩm (với những tên tuổi nhất định). Việc nâng giá này không thể trông đợi vào thị trường phương Tây mà các nước phải tự làm, buộc bên ngoài phải nâng theo. Tình hình thị trường nghệ thuật Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2020, sức mua trong nước tăng dần từ 50% đến 80%, nhưng sự điều chỉnh giá trong nước hoàn toàn thả lỏng. Tuy thị trường nội địa cũng có cơ hội phát triển, nhất là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, thị trường nghệ thuật Đông Dương cũng đã nâng lên đến tầm 1 triệu USD, nhưng do các nhà đấu giá bên ngoài, và tự nó cũng có tác động đến giá nghệ thuật trong nước. Như vậy, người Việt đã mua tranh của người Việt, thay vì như những năm 1990-1996, hoàn toàn phụ thuộc vào người nước ngoài. Thế nhưng những thiết chế về luật kinh doanh, về thuế xuất nhập khẩu, bảo vệ bản quyền và luật về các tổ chức nghệ thuật hoàn toàn sơ khai, nhiều vấn đề, không có bất cứ căn cứ luật nào để xem xét. Sự hồi hương của hội họa Đông Dương hiện nay, lẽ ra phải khuyến khích, thì chính sách thuế nhập khẩu không tính đến ý nghĩa của việc này.

Thị trường nghệ thuật được coi là đỉnh cao của thị trường văn hóa nói chung. Bán sách, bán thông tin mạng là phổ thông, bán tranh tượng là đặc biệt với mức giá là cao so với thu nhập hàng tháng của người lao động, vì thế nó không phổ thông và không phải ai cũng chơi được tranh tượng. Nhưng sự phát triển của nhà ở tư nhân - biệt thự, căn hộ chung cư cao cấp, và sự ổn định của thu nhập ở giai tầng trung lưu, dẫn đến nhu cầu về thị trường nghệ thuật nội địa. Bản thân mua tác phẩm nghệ

thuật cũng có ý nghĩa là đầu tư, để dành vốn, dù khả năng xác định sự quay vòng khá mơ hồ đối với người sưu tập. Cũng đã hình thành những người môi giới nghệ thuật, những nhà sưu tập, những nhà buôn tranh, và cả những người ban đầu chỉ có ý định chơi một vài bức tranh, sau đó vừa chơi vừa kinh doanh ở dạng nghiệp dư. Tại các trường đại học trong nước chưa có ngành học quản trị kinh doanh nghệ thuật (Management of Art), nhưng tất cả những người làm việc liên quan đến kinh doanh nghệ thuật thế giới đều cần phải có bằng cấp, kiến thức liên quan, như: kiến thức nghệ thuật và kiến thức kinh doanh nghệ thuật, hiểu biết nghề này ở mức độ luật nghệ thuật, bảo vệ bản quyền và quyền sáng tác của nghệ sĩ và nghệ thuật, cũng như quyền lợi của kinh doanh và người mua tác phẩm nghệ thuật. Các gallery trong nước từng phát triển rồi lụi tàn theo tình hình cụ thể, hiện tại thì kinh doanh nghệ thuật trong nước vẫn đang nảy nở, nhưng gallery lại không thành công, cũng do những nguyên nhân đặc thù của thị trường nghệ thuật Việt Nam.

Mặc dù thị trường văn hóa, nghệ thuật Việt Nam còn rất non trẻ, và hầu như không có quy định về kinh doanh nghệ thuật, tương ứng với các thị trường văn hóa, nghệ thuật thế giới khác. Nhưng trong nền kinh tế thị trường, nó cũng sẽ phải hình thành, nếu để phát triển tự nhiên thì những mặt hàng thấp kém, câu khách, xa rời văn hóa truyền thống và vi phạm bản quyền sẽ tràn lan. Do đó cần chủ động tạo hình hài cho thị trường này hướng đến những giá trị nhân văn, tiếp nối tinh hoa truyền thống, bảo vệ tác quyền, và từ mặt mạnh này của thị trường sẽ đẩy những văn hóa phẩm kém chất lượng, kém thẩm mỹ, đồi trụy hoặc hơn nữa là phản văn hóa vào khu vực không thể kinh doanh được, hoặc chỉ trong phạm vi nghiên cứu tâm lý học con người. Bản chất của văn hóa, nghệ thuật mọi dân tộc đều hướng đến cái chọn lọc này, và sự chọn lọc cũng diễn ra tự nhiên như là bản chất và sức mạnh của văn hóa, nghệ thuật chân chính, mà bất chấp khu vực phản chiều. Vấn đề là sự non trẻ của văn hóa, nghệ thuật khi bước vào thị trường cần có những chế tài nâng đỡ, cho đến khi nó tự cân bằng và sinh lãi về tài chính, ví dụ như sự hình thành của bảo tàng tư nhân, các viện nghiên cứu tư nhân, các sáng tạo cá nhân, và thị trường nghệ thuật nội địa khi đối diện với thị trường lâu năm bên ngoài.

Việc đầu tư cho giáo dục ở các gia đình và mua các chương trình văn hóa, thể thao từ bên ngoài diễn ra từ lâu, trong đó nhiều nguồn chúng ta có thể làm ngay từ nội địa, nhưng hằng năm mất rất nhiều tiền ra nước ngoài. Cũng như vậy hàng triệu USD hằng năm trả cho các bản quyền thể thao, phim và văn hóa, trong khi đó các chương trình tương tự trong nước lại không bán được. Mỹ thuật Việt Nam bao nhiêu năm bán rẻ ra nước ngoài, nay phải mua về giá đắt... Những điều đó có thể được điều chỉnh bằng sự phát triển của thị trường văn hóa, nghệ thuật trong nước, quan trọng đó cũng là cách xác lập vị thế của nền văn hóa, nghệ thuật Việt Nam với thế giới, mà nó đang chịu sự bất bình đẳng nặng nề.

Tất cả những vấn đề trên cần có chương trình văn hóa tầm quốc gia, và chiến lược xây dựng thị trường này cụ thể, không duy ý chí tiếp tục áp đặt các thể chế văn hóa từ thời bao cấp. Bước đầu là hình thành thiết chế lao động nghệ thuật chuyên nghiệp như một nghề tự do có đóng thuế. Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp như là một hoạt động bắt buộc đối với các công ty kinh doanh. Thừa nhận và đầu tư cho các cá nhân tài năng, ngoài bằng cấp và Nhà nước. Xây dựng các gallery như là phòng văn hóa và sưu tập của doanh nghiệp và địa phương. Đưa ngành quản trị kinh doanh nghệ thuật vào chương trình của một vài trường đại học. Xây dựng luật kinh doanh nghệ thuật và bảo vệ bản quyền cho từng ngành nghệ thuật cụ thể... Hệ quả kinh tế và giá trị tinh thần của văn hóa, nghệ thuật không bao giờ hiện ra ngay, dẫn đến người ta đánh giá thấp vai trò của nghệ thuật với xã hội, có hay không cũng được, nhưng nếu nhìn nhận mọi dân tộc đã tồn tại và phát triển chính là nhờ nền tảng văn hóa mà dân tộc ấy sáng tạo ra, và khi nó cũng trở thành một động lực kinh tế thì nền văn hóa ấy rất mạnh mẽ.

VẤN ĐỀ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐA DẠNG HOẠT ĐỘNG Ở CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA XÃ

PGS.TS. VÕ VĂN THẮNG*
TS. NGUYỄN TRUNG HIẾU**

Xác định vai trò quan trọng của văn hóa, trong suốt quá trình xây dựng, phát triển đất nước sau thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều nghị quyết, chiến lược, đề án, kế hoạch,... xây dựng, bảo tồn và phát triển đời sống văn hóa tinh thần cho người dân, nhất là ở vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số. Trong thời gian qua, lĩnh vực văn hóa, việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho người dân đạt được những thành tựu to lớn. Tuy nhiên, còn một số hạn chế cần phải có sự điều chỉnh chính sách, kế hoạch,... về văn hóa cho kịp thời, phù hợp với xu thế phát triển bền vững.

Từ thực địa nghiên cứu ở địa phương, chúng tôi nhận thấy, hoạt động văn hóa phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số thông qua các thiết chế văn hóa - nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, điểm sinh hoạt văn hóa,... ở một số địa phương thời gian qua có những bất cập. Các thiết chế và hoạt động văn hóa cấp cơ sở chưa phát huy hết vai trò, chức năng như mong muốn. Hạn chế này do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân căn bản nhất là vấn đề nguồn nhân lực phụ trách văn hóa xã và vận hành các thiết chế văn hóa, chính sách đối với nguồn nhân lực, mô hình và kế hoạch hoạt động... Thiết nghĩ, trong thời gian tới, nếu không giải quyết tốt vấn đề nguồn nhân lực, chế độ chính sách đối với nguồn nhân lực và đa dạng hóa mô hình hoạt động văn hóa ở cơ sở thì việc xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số gắn với xây dựng nông thôn mới sẽ còn nhiều khó khăn, bất hợp lý; gây lãng phí rất nhiều các thiết chế văn hóa (nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, điểm sinh hoạt văn hóa,...) đã được đầu tư xây dựng.

* Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

** Giảng viên Khoa Du lịch và Văn hóa - Nghệ thuật, Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Vấn đề nguồn nhân lực và chính sách đối với nguồn nhân lực

Vấn đề quan tâm nhất hiện nay đối với việc xây dựng chiến lược nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân nói chung, người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số nói riêng là vấn đề nguồn nhân lực. Đây là khâu then chốt để vực dậy các hoạt động văn hóa, tạo ra “đời sống văn hóa tinh thần” ở các thiết chế văn hóa và quan trọng hơn là gìn giữ được các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của người dân nông thôn, dân tộc thiểu số.

Vấn đề nguồn lực con người trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã được nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, triết học, xã hội học, chính trị... đề cập. Tất cả đều khẳng định rằng, nguồn nhân lực văn hóa - con người cá nhân và cộng đồng là chủ thể của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nguồn lực con người không chỉ thúc đẩy việc giữ gìn, phát triển văn hóa rất hiệu quả mà còn là nguồn gốc của sự phát triển kinh tế - xã hội: “Động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội đã, đang và ngày càng chủ yếu là tiềm năng sáng tạo to lớn của nguồn lực con người - đó là tiềm lực văn hóa”¹. Một quan điểm khác cũng khẳng định vai trò quan trọng của nguồn nhân lực trong vấn đề phát triển văn hóa - xã hội: “Khi coi văn hóa là giải pháp quan trọng nhất trong sự phát triển xã hội ta ngày nay, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc rằng, giải pháp văn hóa hội đủ cả sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, quan hệ xã hội, các vấn đề của hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến trúc mà trung tâm là các vấn đề của con người”². Những vấn đề mang tính lý luận này hoàn toàn sát hợp, cấp thiết với thực trạng giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc hiện nay nói chung, xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số nói riêng.

Tuy nhiên, thông qua một số nghiên cứu và thực tế, thời gian qua chúng tôi nhận thấy đúng như một số nhà nghiên cứu khác khẳng định: “trình độ lãnh đạo và quản lý văn hóa ở nông thôn còn rất thấp”³. Căn cứ trên nghiên cứu điền dã, quan sát trong nhiều năm qua trên địa bàn tỉnh An Giang và một số địa phương vùng Nam Bộ, chúng tôi nhận thấy thực trạng về nguồn nhân lực đảm nhiệm các hoạt động văn hóa ở các thiết chế văn hóa cấp xã như nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng... còn nhiều hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ.

Qua khảo sát, phỏng vấn của chúng tôi, cán bộ văn hóa cấp xã ở vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa để đảm nhận công tác chuyên môn còn hạn chế. Trước đây, phần lớn cán bộ phụ trách văn hóa xã chưa đạt trình độ bậc cao đẳng hay đại học; một số địa phương cán bộ đạt

1. Văn Đức Thanh (Chủ biên): *Giáo trình triết học văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.200.

2, 3. Đỗ Huy: *Văn hóa Việt Nam trên con đường giải phóng, đổi mới, hội nhập và phát triển*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2013, tr.361, 222.

trình độ cao đẳng, đại học nhưng không đúng chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực văn hóa. Với thực trạng như vậy nên không thể tạo ra nhiều hoạt động văn hóa ở các thiết chế văn hóa xã nhằm tạo sân chơi, thưởng thức văn hóa cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số.

Theo thống kê của Nguyễn Hồng Ân (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai), năm 2016, toàn tỉnh Đồng Nai có 742 cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng cấp xã, trong đó: Thạc sĩ có 1 người (chiếm 0,13%); trình độ đại học có 459/742 người (chiếm 61,85%), trong đó trình độ đại học ngành quản lý văn hóa có 71/742 người (tỷ lệ 9,56%), đại học ngành khác có 388/742 người (tỷ lệ 52,29%).

Trình độ cao đẳng có 57/742 người (tỷ lệ 7,6%), trong đó tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành quản lý văn hóa có 16/742 người, đạt tỷ lệ 2,15%; cao đẳng ngành khác có 41/742 người, đạt tỷ lệ 5,52%.

Trình độ trung cấp có 117/742 người, đạt tỷ lệ 15,56%, trong đó trung cấp ngành quản lý văn hóa có 15/742 người, đạt tỷ lệ 2,02%; trung cấp ngành khác có 102/742 người, đạt tỷ lệ 13,74%.

Trình độ sơ cấp có 3/742 người, chiếm tỷ lệ 0,4%, trong đó sơ cấp ngành quản lý văn hóa có 1/742 người, chiếm tỷ lệ 0,13%; sơ cấp ngành khác có 2/742 người, đạt tỷ lệ 0,26%, trình độ phổ thông có 105/742 người, chiếm tỷ lệ 14,15%.

Đi vào thống kê cụ thể hơn, đối với các vị trí giám đốc trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng ở phường, xã, thị trấn, có 117/124 người có trình độ đại học, đạt tỷ lệ 94,35% nhưng đúng chuyên ngành quản lý văn hóa chỉ có 10/117 người, đạt tỷ lệ 8,54%. Tương tự như vậy, ở vị trí phó giám đốc (cán bộ, công chức văn hóa - xã hội xã, phường) có 87/119 người có trình độ đại học, đạt tỷ lệ 73,10%, tuy nhiên trình độ đại học chuyên ngành quản lý văn hóa có 54/87 người, đạt tỷ lệ 62,06%¹. Qua số liệu thống kê sơ bộ cho thấy, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ văn hóa cơ sở còn hạn chế. Chính vì vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động trên lĩnh vực quản lý và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí tại các trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai².

1. Theo Nguyễn Hồng Ân: “Thực trạng và giải pháp nâng cao hoạt động trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016, tr.15.

2. Theo Nguyễn Hồng Ân: “Thực trạng và giải pháp nâng cao hoạt động trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016, tr.18.

Tuy không thống kê cụ thể, nhưng vấn đề nguồn nhân lực còn yếu và thiếu trong hoạt động văn hóa cơ sở cũng là thực trạng đã diễn ra ở tỉnh Bình Dương: “Về công tác tổ chức cán bộ, trong thực tế hầu hết cán bộ phụ trách các thiết chế văn hóa cơ sở đều là kiêm nhiệm, cộng tác viên nghiệp vụ chuyên môn còn thiếu và yếu, nguồn nhân lực tại chỗ không đáp ứng yêu cầu. Vấn đề đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa cơ sở hiện nay còn nhiều bất cập”¹.

Tương tự các tỉnh vùng Đông Nam Bộ, một số địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng tồn tại hạn chế về nguồn nhân lực có chuyên môn, nghiệp vụ, gây khó khăn cho các hoạt động văn hóa ở thiết chế văn hóa xã. Theo tác giả Lư Quang Bình, ở tỉnh Hậu Giang, một trong những khó khăn quan trọng dẫn đến tình trạng các thiết chế văn hóa xã, phường, thị trấn hoạt động không hiệu quả là: “Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ và cộng tác viên của trung tâm văn hóa thông tin xã còn hạn chế, nên việc tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng trung tâm văn hóa thông tin xã gặp nhiều khó khăn và lúng túng”².

Theo thống kê vào năm 2016, tỉnh Tiền Giang có 106 thiết chế văn hóa - thể thao cấp xã, trong đó có 50 trung tâm văn hóa - thể thao và 56 nhà văn hóa. Tuy nhiên, hoạt động của các trung tâm văn hóa - thể thao và nhà văn hóa xã trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, trong đó, nguyên nhân do đội ngũ cán bộ chuyên môn còn thiếu và yếu, đặc biệt là còn lúng túng trong phương thức hoạt động, mô hình hoạt động. Từ đó dẫn đến nhiều trung tâm văn hóa - thể thao, nhà văn hóa xã hoạt động còn mang tính thời vụ, phong trào, không tổ chức được các hoạt động mang tính định kỳ hằng tuần, hằng tháng, hằng quý nhằm tạo thói quen sinh hoạt văn hóa - thể thao của nhân dân tại địa phương³.

Là người trực tiếp phụ trách trung tâm văn hóa - thể thao xã, Huỳnh Tất Đạt, công tác tại xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cho biết: “Sau khi thành lập trung tâm văn hóa - thể thao, Ủy ban nhân dân xã ra quyết định kiện toàn Ban Chủ nhiệm gồm 7 thành viên đều kiêm nhiệm. Trong đó, một số thành viên chưa qua đào tạo các lớp về quản lý văn hóa mà chủ yếu chỉ qua đào tạo các lớp tập huấn về quản lý nhà nước hoặc trung cấp, đại học các chuyên ngành khác theo yêu cầu của

1. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Dương: “Nâng cao chất lượng hoạt động thiết chế văn hóa - thể thao cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển cộng đồng”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Sđd, tr.59.

2. Lư Quang Bình: “Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng trung tâm văn hóa - thể thao xã trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Sđd, tr.34.

3. Theo Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Tiền Giang: “Mô hình hoạt động trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, nhà văn hóa cấp xã”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Sđd, tr.73.

từng ngành, lĩnh vực¹. Chính điều này đã dẫn đến thực trạng: “cán bộ nghiệp vụ có chuyên môn về văn hóa thể thao hiện gặp khó khăn về số lượng và chất lượng, các cộng tác viên thường xuyên cũng hạn chế”².

Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, tính đến tháng 9/2016 có 25 trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng cấp xã và 83 nhà văn hóa - khu thể thao ấp. Quá trình vận hành các thiết chế văn hóa này còn tồn tại nhiều khó khăn, trong đó: “lực lượng cộng tác viên mỏng nên chưa phát huy được hiệu quả hoạt động; đội ngũ cán bộ điều hành, quản lý văn hóa kiêm nhiệm, thiếu chuyên sâu”³.

Theo thông tin của trung tâm văn hóa - thể thao xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ về thực trạng công tác văn hóa ở xã thì: “đội ngũ cán bộ Trung tâm trình độ còn hạn chế, chưa được đào tạo hay tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ”⁴. Tương tự như xã Trường Xuân, xã Trí Phải (huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau) cũng trong tình trạng như vậy: “Một yếu tố mâu thuẫn nữa là tiêu chuẩn Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là quy định có nhiều phòng chức năng nhưng không có cơ chế bố trí cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ thì vấn đề phát huy công năng, hiệu quả là một việc rất khó có thể thực hiện”⁵.

Qua những dẫn chứng điển hình ở một số địa phương, chính tiếng nói của người trong cuộc từ tỉnh đến xã đã cho thấy rõ tình trạng thời gian qua, việc thiếu nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn vận hành các thiết chế văn hóa ở xã dẫn đến hệ quả chưa thể tạo ra nhiều hoạt động văn hóa tinh thần phục vụ người dân.

Bên cạnh thực trạng cán bộ phụ trách văn hóa cấp xã không được đào tạo đúng chuyên môn, nghiệp vụ thì ở một số địa phương còn có tình trạng cán bộ phụ trách lĩnh vực văn hóa không chuyên trách mà là kiêm nhiệm. Chính vì không có cán bộ chuyên trách, chỉ kiêm nhiệm, cán bộ làm quá nhiều việc mang tính hành chính... nên không thể chủ động đề ra kế hoạch hoạt động văn hóa phục vụ tốt đời sống người dân địa phương trong thời gian dài. Điều đó dẫn đến tình trạng nhiều năm qua, các

1, 2. Huỳnh Tất Đạt: “Trung tâm văn hóa - thể thao xã Long Thuận - một chặng đường hình thành và phát triển”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Sđd, tr.86, 91.

3. Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Đồng Tháp: “Những giải pháp và kiến nghị để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị của thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Sđd, tr.150.

4. Trung tâm văn hóa - thể thao xã Trường Xuân (huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ): “Nâng cao chất lượng hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Sđd, tr.155.

5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Trí Phải (huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau): “Nâng cao chất lượng thiết chế ở cơ sở đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa cộng đồng”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Sđd, tr.165.

thiết chế văn hóa (nhà văn hóa; trung tâm văn hóa; sân khấu biểu diễn; sân bóng đá, bóng chuyền)... ở cấp xã được đầu tư xây dựng bị xuống cấp nghiêm trọng, một số nơi “chuyển đổi công năng” nhà văn hóa thành “nhà kho”, thành sân phơi nông sản,... Ngoài ra, nhiều thiết bị phục vụ văn hóa mà ngành Văn hóa các cấp đầu tư mua sắm hỗ trợ cho địa phương trong nhiều chương trình đã bị hư hỏng, không còn khả năng sử dụng. Thực tế cho thấy, ở một số xã, các nhạc cụ dân tộc độc đáo của loại hình nghệ thuật như Dì kê, Ngũ âm,... của người Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang và một số địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long được đầu tư mua sắm phục vụ các hoạt động nghệ thuật đã bị hư hỏng vì không được bảo quản tốt khi lưu giữ ở nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng do thời gian dài không hoạt động. Một số sản phẩm văn hóa vật thể của các dân tộc thiểu số vùng Đông Nam Bộ cũng tương tự như vậy.

Thực trạng trên xuất phát từ nguyên nhân không có nguồn nhân lực chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa đảm trách nên không thiết lập được các hoạt động văn hóa thường xuyên phục vụ người dân nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số. Việc thiếu nguồn nhân lực để tạo ra kế hoạch hoạt động còn là tác nhân khiến nhiều loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian của người Việt, đồng bào dân tộc thiểu số bị mai một; những người lưu truyền các loại hình nghệ thuật dân gian một thời gắn liền với đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng hiện nay không còn hoạt động. Điển hình cho sự mai một của nghệ thuật dân gian xuất phát từ nguyên nhân nguồn nhân lực và do thiếu các hoạt động văn hóa là loại hình nghệ thuật Dì kê của đồng bào Khmer ở xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Theo chị Néang K. Th. - một diễn viên truyền thừa của nghệ nhân dân gian nghệ thuật Dì kê (ông Chau Mon Sa Rây và bà Néang Osk), cha mẹ chị là những người từ lâu giữ gìn nghệ thuật dân gian của dân tộc Khmer ở An Giang. Nghệ thuật dân gian này cách nay 10 năm vẫn còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người Khmer thông qua nhiều buổi biểu diễn trong phum, sóc,... Nhưng đến nay, tất cả mấy chục diễn viên của đội nghệ thuật dân gian này và chính bản thân bà Néang Osk, chị Néang K. Th đành phải bỏ nghề, vì không có nơi diễn, không có hoạt động văn hóa để diễn xuất phục vụ bà con Khmer¹. Các bài ca, đạo cụ,... của nghệ thuật Dì kê đến nay đã “chết” hẳn, muốn phục hồi lại phải tốn rất nhiều chi phí và thời gian.

Tương tự như Dì kê, nhạc Ngũ âm của người Khmer ở An Giang và một số địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng không có điều kiện để biểu diễn phục vụ đời sống tinh thần cho người dân. Bà con Khmer đành cất những đạo cụ nhạc Ngũ âm ở những ngôi chùa, với điều kiện lưu giữ không được tốt.

Ở một trường hợp khác, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng người Mạ, Cho-ro, X’Tiêng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhiều năm qua đã và đang

1. Nguyễn Trung Hiếu, trích tư liệu điền dã ngày 13/12/2020.

đứng trước nguy cơ mai một. Người Mạ, Chơ-ro, X'Tiêng ở tỉnh Đồng Nai có nhiều văn hóa vật thể và phi vật thể rất độc đáo. Chẳng hạn như: Kiến trúc nhà dài, trang phục truyền thống, công cụ lao động - vật dụng sinh hoạt, âm nhạc, nhạc cụ truyền thống (cồng, chiêng, đàn tre, kèn, sáo...), dân ca,... Những sản phẩm văn hóa này một thời đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng dân tộc nơi đây. Tuy nhiên, thời gian qua, công tác bảo tồn các giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai còn những hạn chế nhất định, mà nguyên nhân là do thiếu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ am hiểu về văn hóa tộc người và vận hành các thiết chế văn hóa trong cộng đồng dân tộc đã được Nhà nước đầu tư xây dựng. Do vậy mà: "Thế hệ trẻ người Mạ, Chơ-ro, X'Tiêng biết đến điển xướng nhạc cụ rất ít. Riêng cồng, chiêng, nhiều buôn làng người Mạ, Chơ-ro, X'Tiêng không còn, chỉ một số buôn làng hiện có loại nhạc cụ này từ sự hỗ trợ của nhà nước"¹. Sợ dĩ các sản phẩm - giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc Mạ, Chơ-ro, X'Tiêng ngày càng mất mát lớn như vậy một phần là do không có nơi cho nó tồn tại và trình diễn: "Nhiều thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng như nhà văn hóa dân tộc, nhà dài, nhà sinh hoạt cộng đồng... Một số địa bàn, các thiết chế hoạt động không hiệu quả, không thu hút người dân tham gia vì nhiều nguyên do từ cơ chế, nhân lực đến nội dung, phương thức sinh hoạt"².

Ngày nay, nghệ thuật dân gian của đồng bào dân tộc thiểu số không có "đất sống" và dần mai một do nhiều nguyên nhân, trong đó, nguyên nhân quan trọng nhất là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn vận hành các hoạt động văn hóa ở cơ sở. Do vậy mà không thể tạo ra nhiều hoạt động văn hóa ở các thiết chế văn hóa (nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng dân tộc Khmer như thala³, chùa, nhà dài,...) để phục vụ người dân. Sau một thời gian dài dẫn đến các loại hình nghệ thuật dân gian vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số không còn tồn tại, trong khi người dân chưa có nhiều cơ hội thụ hưởng các hoạt động văn hóa tinh thần gần gũi nơi họ sinh sống.

Bên cạnh vấn đề hạn chế nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn phục vụ các hoạt động văn hóa ở cơ sở thì một vấn đề khác liên quan cần phải quan tâm, chúng

1. Phan Đình Dũng: "Bảo tồn và phát huy loại hình âm nhạc truyền thống của người Mạ, Chơ-ro, X'Tiêng ở Đồng Nai - một góc nhìn", kỷ yếu Hội thảo khoa học *Giáo dục và truyền thông với việc phát huy văn hóa dân gian Đông Nam Bộ*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai và Hội Văn học, nghệ thuật Đồng Nai đồng tổ chức, Đồng Nai, 2013, tr.159.

2. Phan Đình Dũng: "Bảo tồn và phát huy loại hình âm nhạc truyền thống của người Mạ, Chơ-ro, X'Tiêng ở Đồng Nai - một góc nhìn", kỷ yếu Hội thảo khoa học *Giáo dục và truyền thông với việc phát huy văn hóa dân gian Đông Nam Bộ*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai và Hội Văn học, nghệ thuật Đồng Nai đồng tổ chức, Đồng Nai, 2013, tr.162.

3. "Thala" là một nhà trạm dừng nghỉ chân trong phum, sóc của người Khmer. Một số thala được xây cất rộng rãi, trở thành nơi sinh hoạt văn hóa của người Khmer ở Nam Bộ.

tôi cho rằng, nó có mối quan hệ chặt chẽ với tinh thần, trách nhiệm của cán bộ phụ trách văn hóa ở cơ sở. Đó là chính sách đối với cán bộ văn hóa cấp xã.

Theo điều tra sơ bộ của chúng tôi trong nhiều năm qua bằng cách thức phỏng vấn sâu, tìm hiểu qua các mối quan hệ công tác giữa cán bộ văn hóa cấp xã,... nhận thấy rằng, chính sách tiền lương của Nhà nước đối với cán bộ văn hóa cấp xã thời gian qua và hiện nay còn thấp, thậm chí có những bất cập. Với mức thu nhập thấp như vậy thì khó có thể vực dậy tinh thần, trách nhiệm, sự sáng tạo của người phụ trách các hoạt động văn hóa ở cơ sở. Trong quá trình điền dã, chúng tôi còn chứng kiến nhiều thực trạng, bản khoản đối với chế độ tiền lương dành cho cán bộ văn hóa xã. Nhiều cán bộ văn hóa xã ở nông thôn, vùng dân tộc thiểu số cho chúng tôi biết, họ phải làm thêm nhiều công việc như: xạ phân mướn, phun thuốc mướn,... để tăng thu nhập cho cuộc sống, vì thu nhập từ tiền lương của cán bộ hợp đồng không thể nuôi sống được gia đình và bản thân họ. Dù rằng, về chuyên môn, nghiệp vụ của họ có thể đảm bảo được chất lượng hoạt động văn hóa ở cơ sở.

Với chế độ tiền lương dành cho cán bộ phụ trách văn hóa xã thấp thì không thể nào tạo ra được các hoạt động văn hóa thường xuyên, đem lại sự phong phú về đời sống tinh thần cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số. Do vậy, thiết nghĩ thời gian tới, trong quá trình xây dựng, phát triển xã hội lấy: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”¹ thì trước nhất, chúng ta cần phải có những chính sách phù hợp về chế độ tiền lương đối với cán bộ văn hóa cấp xã để góp phần quan trọng vực dậy tinh thần, trách nhiệm, tạo ra nhiều hoạt động văn hóa ở cơ sở. Như C.Mác đã nói: “Con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và v.v. được”².

Bên cạnh việc thực hiện các chính sách tiền lương phù hợp đối với cán bộ văn hóa cấp xã là việc thực hiện công tác đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ văn hóa ở cơ sở. Có như vậy mới vực dậy được các hoạt động văn hóa, đa dạng hóa đời sống tinh thần của người dân nông thôn, dân tộc thiểu số gắn với Chương trình Xây dựng nông thôn mới hiện nay; phát huy chức năng của các thiết chế văn hóa cơ sở mà Nhà nước đã đầu tư xây dựng.

Ngoài ra, còn có một thực tế là ở một số địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, cán bộ phụ trách văn hóa xã không phải là người dân tộc thiểu số. Điều này gây nhiều khó khăn cho việc thực hiện các hoạt động văn hóa để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân cũng như bảo tồn các giá trị văn hóa tộc người trên địa bàn. Đây cũng là vấn đề cần phải quan tâm, vì nguồn nhân lực hoạt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, t.57, tr.303.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t.19, tr.500.

động văn hóa phải phù hợp với đặc thù vùng dân tộc, tôn giáo,... mới có thể thực hiện tốt các hoạt động văn hóa, am hiểu và giữ gìn được các giá trị văn hóa của cộng đồng, xa hơn, qua đó làm “cầu nối” tuyên truyền chính sách của Đảng, Nhà nước với đồng bào dân tộc, tôn giáo...

Tiếp cận từ thực trạng nguồn nhân lực, chúng tôi cho rằng, trong thời gian tới, để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số thì cần phải “chất lượng hóa” nguồn nhân lực hoạt động văn hóa cấp xã. Bên cạnh việc tăng cường đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chúng ta cần phải tính toán đến việc thu hút nguồn nhân lực được đào tạo đúng chuyên môn, chuyên ngành phù hợp đảm nhiệm công tác văn hóa ở xã. Hằng năm, lượng sinh viên các trường đại học tốt nghiệp các ngành như: Việt Nam học, Sử học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Văn hóa các dân tộc thiểu số,... là khá lớn. Nguồn lực này hoàn toàn có thể đảm trách tốt các hoạt động văn hóa cấp xã. Có như vậy mới có thể cải thiện, nâng cao được chất lượng về đời sống văn hóa tinh thần cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số hiện nay và thời gian tới. Bên cạnh đó, nguồn lực này sẽ thực hiện được công tác giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số trước nguy cơ mai một như hiện nay.

2. Vấn đề đa dạng hoạt động ở các thiết chế văn hóa xã

Việc xây dựng các thiết chế văn hóa (nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, sân bóng đá, bóng chuyền, điểm sinh hoạt văn hóa,...) ở vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số để nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe cho người dân là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn. Các thiết chế văn hóa này cũng phù hợp với Chương trình Xây dựng nông thôn mới hiện nay. Tuy nhiên, thời gian qua, khi hoàn thành các thiết chế văn hóa này thì việc quản lý, hoạt động ở các thiết chế đó không hiệu quả như mong đợi. Trong nhiều năm, chúng tôi có dịp thực địa về các địa bàn vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và ngay cả nơi đô thị, nhiều nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, điểm sinh hoạt văn hóa,... mà Trung ương và tỉnh, huyện đầu tư xây dựng đã bị xuống cấp, hư hại nghiêm trọng. Bên cạnh việc hư hại về cơ sở vật chất, nhiều trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động văn hóa được đầu tư từ nguồn kinh phí nhà nước cũng bị hư hỏng.

Sở dĩ có thực trạng như vậy, bên cạnh nguyên nhân thiếu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho các hoạt động văn hóa là thiếu một mô hình, kế hoạch hoạt động cụ thể, thường xuyên, lâu dài và hiệu quả ở các thiết chế văn hóa này.

Qua thực tế điền dã, phỏng vấn sâu, quan sát, theo dõi của chúng tôi thời gian qua và hiện nay, nhận thấy, các thiết chế văn hóa ở vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số chưa đặt ra được một mô hình, kế hoạch hoạt động cụ thể, hiệu quả theo từng năm hoặc về lâu dài. Những nội dung như: nhà văn hóa, trung tâm văn hóa,...

hoạt động như thế nào, cần có sự kiện gì,... trong tháng, trong quý, trong năm,... để cộng đồng tham gia, thưởng thức chưa được quan tâm, thực hiện. Như đã đề cập, sở dĩ có những hạn chế về hoạt động như vậy do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân căn bản nhất vẫn là nguồn nhân lực có chuyên môn và chưa có sự quan tâm sâu sát của các cấp lãnh đạo địa phương, của ngành Văn hóa từ tỉnh đến cơ sở.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, hoạt động văn hóa ở các thiết chế văn hóa vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang và một số địa phương vùng Nam Bộ chỉ tập trung vào thời điểm Tết Nguyên đán hoặc các ngày lễ lớn trong năm (nhưng phần lớn không và ít hoạt động). Với tần suất hoạt động ít như vậy nên các thiết chế văn hóa xã xuống cấp, chuyển đổi công năng thành “nhà kho”, sân phơi nông sản,... là điều tất yếu xảy ra. Vì vậy, vấn đề xây dựng mô hình, kế hoạch hoạt động cụ thể, thường xuyên ở các thiết chế văn hóa cấp xã trong thời gian tới là rất cần thiết, nhằm đảm bảo đời sống văn hóa tinh thần cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số về lâu dài; qua đó cũng góp phần làm “sống dậy” các thiết chế văn hóa cơ sở như đúng chức năng của nó. Việc xây dựng mô hình, kế hoạch hoạt động này cần phải gắn với đặc thù địa phương và đặt trong sự liên kết chặt chẽ với các kế hoạch hoạt động văn hóa ở cấp huyện và tỉnh.

Theo chúng tôi, trong chiến lược xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới hiện nay và về lâu dài, địa phương và ngành Văn hóa các cấp cần phải xây dựng cụ thể mô hình, kế hoạch hoạt động cho các thiết chế văn hóa cấp xã. Chẳng hạn như: Xây dựng các hoạt động giải trí hằng tháng, hằng quý hoặc vào các ngày lễ lớn trong năm; thành lập và tăng cường hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật như: Đờn ca tài tử (người Việt), hát Dì kê, nhạc Ngũ âm (người Khmer); các câu lạc bộ thể dục - thể thao; những hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật của huyện, tỉnh,... thường xuyên về vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số biểu diễn; xã hội hóa các hoạt động văn hóa để hằng tháng, hằng quý có thể diễn ra các hoạt động... Những hoạt động này nhằm mục đích vừa làm “sống lại” các thiết chế văn hóa cơ sở vừa giữ gìn các loại hình nghệ thuật dân gian của người Việt, các tộc người khác để bản thân nó và chủ thể kế thừa không bị phai nhạt, mai một - thực trạng đã từng diễn ra trước đây và hiện tại. Nếu không có các mô hình, kế hoạch hoạt động cụ thể thì mọi ý muốn làm “sống lại” các thiết chế văn hóa cấp xã, hay tạo ra sự hưởng thụ văn hóa tinh thần cho người dân nông thôn, dân tộc thiểu số trong xây dựng đời sống văn hóa hiện nay gắn với Chương trình Xây dựng nông thôn mới khó có thể đạt được kết quả, chất lượng thật sự.

*

* *

Xây dựng đời sống văn hóa nói chung, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân vùng nông thôn, dân tộc thiểu số nói riêng, trước tiên cần phải xây dựng được nguồn nhân lực có chuyên môn, nghiệp vụ. Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sẽ tạo ra nhiều hoạt động văn hóa phù hợp. Có như vậy thì đời sống văn hóa tinh thần của người dân vùng nông thôn, dân tộc thiểu số mới được nâng cao, giữ gìn được các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc trước nguy cơ mai một. Thông qua các hoạt động văn hóa thường xuyên, các thiết chế văn hóa sẽ tận dụng hết công năng, tránh xuống cấp, hư hỏng; các dụng cụ, nhạc cụ và giá trị văn hóa truyền thống của người Việt và đồng bào dân tộc thiểu số sẽ được bảo tồn và phát huy. Việc xây dựng nguồn nhân lực có chuyên môn cho hoạt động văn hóa cơ sở cần phải đảm bảo được chính sách đối với cán bộ văn hóa. Căn cứ trên chế độ tiền lương, chính sách biên chế trong giai đoạn vừa qua và hiện nay, việc đòi hỏi chất lượng cho các hoạt động văn hóa ở cơ sở là rất khó.

Bên cạnh đó, để tăng cường hoạt động văn hóa ở các thiết chế văn hóa cơ sở, đòi hỏi phải thiết lập được mô hình, kế hoạch hoạt động cụ thể, thường xuyên, bền vững, phù hợp với đặc thù văn hóa ở mỗi địa phương như dân tộc, tôn giáo... Đây là vấn đề lớn, cần có sự quan tâm chặt chẽ của lãnh đạo cơ sở, của ngành Văn hóa các cấp chứ không thể cá nhân cán bộ văn hóa xã có thể thực hiện tốt. Thiết nghĩ, trong thời gian tới, ngành Văn hóa cần phải nghiên cứu xây dựng được mô hình, kế hoạch hoạt động cụ thể và có sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể các cấp. Cụ thể như: Kế hoạch hoạt động hằng năm của trung tâm văn hóa tỉnh, trung tâm văn hóa huyện, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... phải đặt ra hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật ở các xã nông thôn, dân tộc thiểu số, gắn với các câu lạc bộ văn hóa, thể dục - thể thao ở địa phương... Có như vậy mới đem lại đời sống văn hóa tinh thần thật sự cho người dân vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số gắn với Chương trình Xây dựng nông thôn mới hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Phú Hiệp (Chủ biên): *Cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2012.
- [2] Đỗ Huy: *Văn hóa Việt Nam trên con đường giải phóng, đổi mới, hội nhập và phát triển*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2013.
- [3] Huỳnh Tất Đạt: “Trung tâm văn hóa - thể thao xã Long Thuận - một chặng đường hình thành và phát triển”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016.

- [4] Lư Quang Bình: “Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng trung tâm văn hóa - thể thao xã trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016.
- [5] Nguyễn Hồng Ân: “Thực trạng và giải pháp nâng cao hoạt động trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016.
- [6] Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu điền dã từ năm 2012 đến năm 2020.
- [7] Phạm Minh Hạc và Thái Duy Tuyên (chủ biên): *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012.
- [8] Phan Đình Dũng: “Bảo tồn và phát huy loại hình âm nhạc truyền thống của người Mạ, Chơ-ro, X’Tiêng ở Đồng Nai - một góc nhìn”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Giáo dục và truyền thông với việc phát huy văn hóa dân gian Đông Nam Bộ*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai và Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai đồng tổ chức, Đồng Nai, 2013.
- [9] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Dương: “Nâng cao chất lượng hoạt động thiết chế văn hóa - thể thao cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển cộng đồng”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016.
- [10] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tiền Giang: “Mô hình hoạt động trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, nhà văn hóa cấp xã”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016.
- [11] Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Đồng Tháp: “Những giải pháp và kiến nghị để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị của thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016.

- [12] Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Trường Xuân (huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ): “Nâng cao chất lượng hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016.
- [13] Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Trí Phải (huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau): “Nâng cao chất lượng thiết chế ở cơ sở đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa cộng đồng”, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa cộng đồng*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Công tác phía Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Vũng Tàu, 2016.
- [14] Văn Đức Thanh (chủ biên): *Giáo trình triết học văn hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.

MÃY SUY NGHĨ VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ HOẠT ĐỘNG VÀ SÁNG TẠO VĂN HÓA

GS.TS. ĐINH XUÂN DŨNG

1. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, văn hóa Việt Nam là thành quả sáng tạo của cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã trực tiếp góp phần hun đúc, nuôi dưỡng, phát triển bản lĩnh, trí tuệ, tâm hồn con người Việt Nam. Trong thời đại Hồ Chí Minh, văn hóa Việt Nam tiếp tục góp phần quyết định vào những thành tựu và kết quả mang tầm vóc lịch sử của nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ, thống nhất Tổ quốc và trong công cuộc đổi mới 35 năm qua. Thấu hiểu sâu sắc vai trò đó của văn hóa Việt Nam, cách đây 75 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Từ luận điểm đó, có người hình dung văn hóa như một ngọn đuốc sáng - *ngọn đuốc văn hóa*. Nhân dân với năng lực sáng tạo vô biên của mình đã thắp sáng mãi ngọn đuốc đó. Và người cầm ngọn đuốc đó, bằng trí tuệ, tài năng, tâm huyết, sức sáng tạo của mình, chính là những người làm công tác văn hóa, hoạt động và sáng tạo văn hóa. Họ đã làm một cuộc “chạy tiếp sức” giữ vững ánh sáng và làm sáng thêm mãi ngọn đuốc đó. Bác Hồ, nhân dân, Đảng và Nhà nước luôn luôn đánh giá cao và ghi nhận sự đóng góp của các thế hệ người làm công tác văn hóa từ hơn 90 năm qua. “Các văn nghệ sĩ, các nhà hoạt động văn hóa trở thành những chiến sĩ của Đảng trên mặt trận văn hóa...”, sáng tạo “được nhiều tác phẩm có giá trị, có sức động viên cổ vũ to lớn đối với nhân dân...” (Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị). Gần 10 năm sau, trong Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1988 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Đảng tiếp tục khẳng định: “Số đông văn nghệ sĩ được rèn luyện và thử thách trong thực tiễn cách mạng, có vốn sống, giàu lòng yêu nước, trước những biến động của thời cuộc và những khó khăn của đời sống vẫn giữ gìn được phẩm chất, kiên định quan điểm sáng tác phục vụ nhân dân, làm sứ mệnh người nghệ sĩ - chiến sĩ”. 16 năm sau, trong Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Đảng nhấn mạnh, mặc dầu trải qua nhiều biến động phức tạp và thử thách gay gắt nhưng “đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước trưởng thành”. Sự trưởng thành đó không chỉ về số lượng, loại hình mà còn thể hiện rõ về chất lượng, đặc biệt đối với đội ngũ sáng tạo

văn hóa, văn học, nghệ thuật (cả chuyên nghiệp và không chuyên) và đội ngũ công tác văn hóa ở cơ sở. Sau 35 năm đổi mới, chưa bao giờ ở nước ta, các loại hình, loại thể, lĩnh vực cụ thể của văn hóa lại phát triển đa dạng, toàn diện và nhanh như vậy. Gắn liền với đặc điểm đó là sự hình thành và phát triển kế tiếp nhau đội ngũ có mặt và thay nhau “gánh vác” nhiệm vụ trên từng lĩnh vực cụ thể của sự phát triển văn hóa. Trong sự hiểu biết có hạn của mình, sự “liệt kê” ra đây chắc chắn không thể đầy đủ các loại hình cán bộ văn hóa từ Trung ương đến cơ sở: những người hoạt động văn hóa nói chung (lý luận, nghiên cứu, phê bình, tổ chức triển khai...); những người sáng tạo (sáng tác, nghiên cứu, phê bình, đạo diễn, diễn viên, tổ chức biểu diễn...) văn học, nghệ thuật; những người hoạt động trên lĩnh vực thông tin - truyền thông, xuất bản di sản văn hóa, bảo tàng, thư viện...; các thầy, cô giáo đào tạo, giảng dạy trong các nhà trường văn hóa, văn nghệ; những nhà sản xuất, sáng tạo các ngành công nghiệp văn hóa đang bắt đầu phát triển ở nước ta; đội ngũ cán bộ văn hóa các dân tộc thiểu số và hoạt động đối ngoại; đội ngũ lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tham mưu trên lĩnh vực văn hóa; các chuyên gia đầu ngành và đông đảo những người hoạt động và sáng tạo văn hóa trong tương lai đang được đào tạo, bồi dưỡng... Thật khó đầy đủ và chính xác, đến nay, có thể đến hàng triệu người đang hoạt động trên lĩnh vực văn hóa (chưa kể đến đội ngũ của ngành giáo dục - đào tạo và khoa học - kỹ thuật cũng được khẳng định là những lĩnh vực thuộc văn hóa hiểu theo nghĩa rộng và toàn diện của nó). Có thể không khó khi nhận ra những bất cập, khiếm khuyết của đội ngũ này, song, họ là những người đang giữ ánh sáng của ngọn đuốc văn hóa, đang bảo vệ, củng cố nền tảng tinh thần của xã hội, đang tâm huyết, tận tâm, lo lắng góp phần nuôi dưỡng những giá trị trong nhân cách con người Việt Nam thời kỳ mới. Vâng, họ không làm ra của cải vật chất cho xã hội và con người như sản xuất vật chất, nhưng chính họ đang “sản xuất”, bằng và qua các sản phẩm văn hóa có chất lượng về tư tưởng và nghệ thuật, họ đang sản xuất theo cách mà C.Mác gọi là sự sản xuất tinh thần, tạo ra các giá trị trong nhân cách. Có những giá trị trong nhân cách chính là góp phần nuôi dưỡng và tạo ra “CON NGƯỜI” viết hoa. Phải chăng, vì vậy, những người cầm ngọn đuốc văn hóa, giữ mãi ánh sáng cho ngọn đuốc đó cần được xã hội thấu hiểu và đồng cảm hơn, cần được chăm lo sự phát triển về nhiều mặt hơn, cả tinh thần và trí tuệ, cả chính trị và nghề nghiệp, cả bản lĩnh và tấm lòng, cả chính sách và đãi ngộ với một sự trân trọng đúng mực, không cần một sự “chiếu cố” nào.

Cũng như các đội ngũ đang công tác, hoạt động trên các lĩnh vực khác, song, có lẽ, nét *đặc thù nổi trội* của đội ngũ làm công tác văn hóa được thể hiện rõ hơn ở ba yếu tố: *sống hết mình* với cuộc đời, *tấm lòng thấu hiểu con người* và *tài năng, năng khiếu* trên lĩnh vực văn hóa mà họ say mê, đúng như nhà văn hóa lớn Phạm Văn Đồng cảm nhận rằng, không có nó không thể sáng tạo được các sản phẩm văn hóa, văn nghệ đích thực. Tính đa dạng và tính sáng tạo là nhu cầu tự thân của hoạt động văn hóa để từ đó “tạo ra những giá trị văn hóa, những công trình nghệ thuật... làm giàu đẹp

thêm cuộc sống con người” (Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987). Hơn ai hết, người làm công tác văn hóa thấu hiểu và say mê thực hiện sứ mệnh đó.

2. Đóng góp vào sự phát triển của đội ngũ làm công tác văn hóa đã được khẳng định, nhưng ngay trong sự phát triển đó và trong thực trạng của nó hiện nay đã và đang đặt ra nhiều vấn đề mới, đặc biệt khi chúng ta đặt văn hóa và người làm văn hóa trước những yêu cầu ngày càng cao và phức tạp của giai đoạn sắp tới với nhiều thách thức và cơ hội mới. Những yêu cầu mới đồng thời là những câu hỏi lớn đặt ra cho những người làm công tác văn hóa là làm sao, làm gì để văn hóa thực sự là *sức mạnh nội sinh quan trọng* đảm bảo cho sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, để văn hóa trở thành một nội dung trong *ba đột phá chiến lược* thời kỳ mới “*khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*” và “*phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam*” trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Và để văn hóa là *nguồn lực, động lực* của toàn xã hội và từng con người vì sự phát triển. Tự nhiên, câu trả lời trước hết là nằm ở công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, trọng dụng, đãi ngộ, sàng lọc để phát triển đội ngũ làm công tác văn hóa đủ phẩm chất và năng lực, tri thức và tài năng đảm đương tốt lĩnh vực mang nhiều đặc thù này trong những năm tới.

Nhận thức sâu sắc thực tiễn và với tầm nhìn xa, Đại hội XIII của Đảng (1/2021) đã báo động rằng: “Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ văn hóa chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ mới”¹. Bất cập trên không chỉ xảy ra trong vài năm gần đây mà thực chất đã kéo dài, không được khắc phục trong nhiều năm trước đó, từ sau năm 1975. Nghị quyết số 05-NQ/TW của Bộ Chính trị (1987) đã thẳng thắn chỉ ra: “Nhiều cấp ủy đảng chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo và ít được bồi dưỡng kiến thức về lĩnh vực quan trọng nhưng phức tạp này... Cơ chế, chính sách quản lý, việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý sự nghiệp văn hóa, văn nghệ có trình độ ngang tầm với nhiệm vụ chưa được coi trọng” trong khi đó, một bộ phận những người trực tiếp sáng tạo văn hóa, văn nghệ sĩ “chưa tích cực phấn đấu tu dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, nghệ thuật, chưa đi sâu vào thực tế, một số người đã giảm sút ý chí chiến đấu, sống buông thả, chạy theo khuynh hướng không lành mạnh trong hoạt động văn học, nghệ thuật”. Đến năm 1998, Nghị quyết số 03-NQ/TW tiếp tục đánh giá “Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ làm công tác văn hóa còn nhiều bất hợp lý”.

Trong những năm đổi mới, chúng ta đã phát triển được một hệ thống các nhà trường văn hóa, văn nghệ có thể đáp ứng nhiệm vụ đào tạo các loại hình cán bộ trên lĩnh vực rất đa dạng này. Song, trong thực tiễn, sự chậm đổi mới toàn diện về chương trình, nội dung, phương pháp và sự thiếu thốn, lạc hậu về cơ sở vật chất kỹ thuật đã kìm hãm, hạn chế hiệu quả đào tạo trong nhiều năm qua. Mặc dầu đã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.85.

xây dựng Chiến lược phát triển, song, đến nay, mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết số 33-NQ/TW (6/2014) vẫn khó hoàn thành: “*Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng và quy mô đào tạo. Hình thành một số cơ sở đào tạo đại học, trên đại học trọng điểm, đạt chuẩn khu vực và quốc tế*”.

Đào tạo, bồi dưỡng gắn liền với bố trí, sử dụng cán bộ văn hóa, văn nghệ. Bác Hồ căn dặn thật giản dị mà sâu sắc: “Cán bộ ở môn nào phải học cho thạo công việc của môn ấy” và “Đảng yêu cầu cán bộ và đảng viên *chẳng những thạo về chính trị, mà còn phải giỏi về chuyên môn, không thể lãnh đạo chung chung*”¹. Người ví von thật là dễ hiểu, mà trong thực tiễn, có lúc, có nơi, cả ở Trung ương và địa phương, chúng ta chưa làm được: “*Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người. Ví dụ: thợ rèn thì bảo đi đóng tù, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng*”². Bác còn yêu cầu: “Cán bộ chuyên môn phải hiểu chính trị, cán bộ chính trị phải hiểu chuyên môn. Nếu chỉ hiểu một chuyện là cán bộ què”³. Ở ta, có nơi, cán bộ trúng cấp ủy, dù được đào tạo ngành nghề gì cũng có thể điều động sang lãnh đạo, chỉ đạo văn hóa, văn nghệ. Điều đó không đúng với căn dặn của Bác Hồ.

Những khiếm khuyết trên kéo dài, không khắc phục kịp thời để ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa.

3. Từ thực tiễn lãnh đạo văn hóa, Đảng và Nhà nước đã đúc kết và xây dựng được một hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách ngày càng hoàn thiện và phù hợp với các quy luật đặc thù của văn hóa, của hoạt động và sáng tạo các sản phẩm văn hóa. Song, bằng kinh nghiệm lãnh đạo vô cùng sâu sắc và mang tính thực tiễn, Bác Hồ đã đúc kết: “*Có chính sách đúng thì sự thành công hay thất bại do cách tổ chức công việc, lựa chọn cán bộ, kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài thì chính sách đúng mấy cũng vô ích*”⁴. Từ sự căn dặn đó của Bác, ta thấy tầm quan trọng của công tác lựa chọn cán bộ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa. Xin bày tỏ một vài đề xuất nhỏ. Có lẽ, việc đầu tiên là rà soát lại các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược, chương trình... đã ban hành từ năm 1986 đến nay về văn hóa để đánh giá cái gì đã làm, cái gì làm còn dang dở và cái gì đã có trong các văn bản mà chưa làm. Chắc chắn sẽ liệt kê được rất nhiều công việc phải làm. Phải chăng nếu có nghị quyết mới sẽ có phần quan trọng trong việc chỉ ra những việc phải hoàn thành mà các văn bản trước đã yêu cầu. Ở đây là thực hiện lời căn dặn của Bác: “*Cách tổ chức công việc*”.

Để có một quy hoạch cán bộ văn hóa thật khoa học và mang tính thực tiễn, việc rà soát lại toàn bộ đội ngũ và dự báo sự phát triển của các ngành trong lĩnh vực văn hóa những năm tới là công việc hết sức cần thiết và công phu. Không nên làm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.13, tr.69.

2, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.314, 636.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.142.

theo cảm tính hay lãnh đạo chung chung như Bác Hồ căn dặn. Kết quả của sự rà soát, khảo sát đó sẽ cho ngành Văn hóa những chỉ số quan trọng và có căn cứ thực tiễn về xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa, trong đó đặc biệt là yêu cầu về *cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu, về cán bộ chuyên môn* trên các lĩnh vực cụ thể của văn hóa, về đội ngũ *chuyên gia đầu ngành, về đội ngũ trẻ*, về các tài năng... mà lâu nay, chúng ta còn thiếu và chưa có sự quan tâm đúng mức cần thiết.

Gắn liền với công việc trên là công tác đào tạo trong các trường văn hóa. Có lẽ, không nên bàn dài dòng về vấn đề này vì Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII vừa qua đã xác định quá rõ ràng, chỉ còn là việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện: “Rà soát toàn bộ hệ thống các trường đào tạo văn hóa, văn nghệ, đổi mới và hiện đại hóa quá trình, nội dung, phương thức đào tạo để trong 5 - 10 năm tới khắc phục về cơ bản sự thiếu hụt đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa”¹. Sẽ là nhắc lại, nhưng có lẽ, không hề cũ về vấn đề chính sách, chế độ đối với đội ngũ này. Phải chăng cần phải tiếp tục làm tan một số quan niệm, cách nhìn cũ đã đóng băng lâu nay để *xây dựng lại, xây dựng mới* các chính sách, chế độ đào tạo, bồi dưỡng, chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện để đội ngũ những người hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật như Văn kiện Đại hội XI (2011) đã khẳng định và yêu cầu. Đã đến lúc, chuyển lý thuyết “đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển, đầu tư cho con người” thực sự thành hiện thực sinh động trong cuộc sống những năm tới.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sdd*, t.I, tr.147.

TƯ TƯỞNG VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS.TS. NGUYỄN THẾ NGHĨA*

ThS. TRẦN THỊ CHÂU**

Chủ tịch Hồ Chí Minh được UNESCO tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của nhân loại, bởi chính Người đã khởi xướng phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, giải phóng dân tộc thuộc địa, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Đó không chỉ là sự nghiệp chính trị phi thường, mà còn là một sự nghiệp văn hóa cao cả. Người đã sớm nhận thấy vai trò và sức mạnh của văn hóa, đã sớm đưa văn hóa vào chiến lược phát triển của đất nước. Hơn nữa, Hồ Chí Minh cũng là người đầu tiên đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, lấy đó làm cơ sở thế giới quan và phương pháp luận cho việc xây dựng văn hóa mới Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là kiến trúc sư vĩ đại của công cuộc cải cách và xây dựng nền văn hóa Việt Nam. Bản thân Người cũng là một nhà hoạt động và sáng tạo văn hóa lớn, mẫu mực bởi tinh thần khoan dung văn hóa, hiện thân rực rỡ của văn hóa hòa bình. Đúng như đồng chí Phạm Văn Đồng khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một kho tàng đầy của báu, là di sản chứa đựng bao giá trị, giá trị đó, nói cho cùng, là giá trị văn hóa mà chúng ta khai thác chưa được bao nhiêu”¹.

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh đóng vai trò nền tảng trong mọi chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa. Nhờ có đường lối đúng đắn, chúng ta đã tiếp thu nhiều giá trị tiến bộ của nhân loại để không ngừng phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho người dân... Tuy nhiên, còn rất nhiều vấn đề liên quan đến văn hóa, đời sống văn hóa cần được nghiêm túc phân tích với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật để thấy rõ những hạn chế, khuyết điểm; xác định cho được các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng phát triển văn hóa của đất nước như văn hóa chưa được quan tâm tương

*, ** Khoa Chính trị Hành chính, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Phạm Văn Đồng: *Văn hóa và đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.126.

xứng với kinh tế và chính trị, chưa thực sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam bị mai một. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Môi trường văn hóa đứng trước nhiều thách thức, chịu tác động mạnh của yếu tố ngoại lai, đe dọa đến thuần phong mỹ tục.

Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa để vận dụng sáng tạo, phù hợp với thực tiễn hiện nay. Chỉ trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước mới có được tầm nhìn, năng lực của chủ thể hoạch định đường lối, chính sách và thực hiện tốt công tác lãnh đạo, quản lý, xây dựng văn hóa đạt hiệu quả cao trên thực tế. Quán triệt tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng văn hóa hiện nay là một yêu cầu cấp thiết, một vấn đề có ý nghĩa lớn cả về lý luận và thực tiễn.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa

1.1. Văn hóa là toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử

Văn hóa là một khái niệm rộng, đã có nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa. Vào tháng 8/1943, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từng ghi lại cách hiểu của mình về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Từ cách hiểu của Hồ Chí Minh, có thể rút ra kết luận khái quát về văn hóa: Văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra nhằm đáp ứng như cầu sinh tồn và phát triển của mình trong quá trình lịch sử.

Tính hiện đại trong quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa là ở chỗ đã khắc phục được tính phiến diện lâu nay của chúng ta về văn hóa. Văn hóa không chỉ là *một hiện tượng tinh thần* mà còn bao gồm *toàn bộ những giá trị vật chất*. Văn hóa tinh thần được phản ánh trong hoạt động ý thức, hoạt động sản xuất tinh thần cùng với toàn bộ kết quả của nó như: đạo đức, pháp luật, văn học, nghệ thuật, phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng... Văn hóa vật chất biểu hiện lĩnh vực hoạt động vật chất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

và toàn bộ kết quả của hoạt động này như công cụ lao động, công cụ sinh hoạt cần thiết cho đời sống hằng ngày như ăn, mặc, đi lại, thông tin... Như vậy, văn hóa không chỉ thu hẹp trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, trình độ học vấn mà văn hóa bao trùm lên toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Kết luận của khái niệm văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra nguồn gốc của văn hóa là do con người tạo ra, gắn với sinh hoạt, hoạt động của con người nên văn hóa mang tính lịch sử - xã hội cụ thể. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, những thứ do con người sáng tạo ra, phát minh ra luôn luôn được quy định bởi những điều kiện tự nhiên xã hội, "xã hội nào văn hóa ấy". Nghĩa là văn hóa không thể tách rời quốc gia, dân tộc. Văn hóa trước hết là văn hóa của một dân tộc. Theo cách tiếp cận đó, văn hóa Việt Nam trước hết là thành quả mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước kiên cường, sáng tạo đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất đỗi hào hùng của dân tộc ta.

Kết luận trên còn chỉ ra mục tiêu, chức năng của văn hóa là *cơ sở tồn tại của đời sống con người, xã hội loài người*, nhằm thỏa mãn các nhu cầu của sự phát triển. Theo Hồ Chí Minh, văn hóa như một hiện tượng xã hội bao trùm mọi mặt cuộc sống của con người, do con người và vì con người. Con người sáng tạo ra văn hóa là vì cuộc sống của mình; và chính sự sinh tồn trên Trái đất cũng đòi hỏi con người sáng tạo ra văn hóa. Điều đó chứng tỏ rằng, con người là chủ thể của văn hóa, vừa nhận thức vừa cải tạo thế giới, đồng thời cải tạo chính bản thân mình.

Như vậy, ta thấy trong quan niệm của Hồ Chí Minh toát lên một cái nhìn vừa toàn diện, vừa sâu sắc về nguồn gốc lịch sử của văn hóa, về phạm vi rộng lớn của văn hóa, về mặt biểu hiện của văn hóa trong lối sống và toàn bộ sinh hoạt của con người. Quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh có ý nghĩa vô cùng lớn lao trong sự nghiệp xây dựng văn hóa của dân tộc ta ngày nay.

1.2. Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng

a) Văn hóa là mục tiêu của cách mạng

Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cùng với chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nằm trong mục tiêu chung của toàn bộ tiến trình cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, văn hóa xã hội chủ nghĩa là văn hóa của nhân dân, toàn bộ thành quả của nền văn hóa đó đều là tài sản của nhân dân và trở lại phục vụ nhân dân. Vì thế, văn hóa giữ một vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Mục tiêu cách mạng của văn hóa là giành độc lập dân tộc, đấu tranh bảo vệ quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của nhân dân và định hướng nhân dân hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ; xây

dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Vì thế, trong cuộc đấu tranh để giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã rất chú trọng vai trò của văn hóa, đấu tranh văn hóa. Đó là, tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, đế quốc; thức tỉnh tinh thần nhân dân, giáo dục nhận thức xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, phục vụ nhiệm vụ và yêu cầu chính trị, tất cả đều không ngoài mục đích phục vụ nhân dân. Người bày tỏ trước các nhà văn hóa lòng “thiết tha mong muốn nền văn hóa nước nhà hãy lấy hạnh phúc của đồng bào, của dân tộc làm cơ sở”¹. Đây chính là sứ mệnh cao cả của văn hóa.

Việc vạch ra các mục tiêu, hay thực chất là các chức năng mà văn hóa phải đảm nhiệm, là chỉ đạo hết sức quan trọng quyết định tới các tính chất mà nền văn hóa mới cần phải có, cũng như những biện pháp xây dựng nền văn hóa mới này.

b) Văn hóa là động lực phát triển kinh tế - xã hội

Văn hóa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, bởi “vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống”, loài người mới tạo ra hàng loạt yếu tố cấu thành văn hóa cả vật chất lẫn tinh thần. Văn hóa là động lực còn được nhìn nhận từ chức năng của văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, tạo ra sức mạnh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Tuy nhiên, nếu tiếp cận các lĩnh vực cụ thể của văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh thì động lực của văn hóa được nhận thức ở nhiều phương diện:

Văn hóa chính trị là một trong những động lực có ý nghĩa “soi đường cho quốc dân đi”, là yếu tố định hướng cho cả toàn xã hội. Theo Người, một nền văn hóa tiến bộ phải hướng mục tiêu phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Văn hóa kinh tế, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, văn hóa ở trong kinh tế và văn hóa - tư tưởng và phải đi trước một bước để thúc đẩy cho kinh tế, xã hội phát triển. Người nói: “Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân cũng là một việc cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”².

Văn hóa, nghệ thuật góp phần nâng cao lòng yêu nước, tinh thần độc lập tự cường, tự tôn dân tộc, ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý... tạo ra sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước và chống giặc nội xâm, ngoại xâm.

1. GS. TS. Hoàng Chí Bảo: *Văn hóa và con người Việt Nam trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.162.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.459.

Văn hóa giáo dục là động lực thể hiện ở tính hướng đích, định hướng giá trị và chức năng giáo dục. Đó là “diệt giặc” dốt, xóa nạn mù chữ, giúp con người hiểu biết về quy luật phát triển của xã hội. Đào tạo ra con người mới, cán bộ mới, nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp cách mạng.

Văn hóa đạo đức bồi dưỡng tư tưởng tình cảm cách mạng, bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức và phong cách tốt đẹp, lành mạnh, định hướng các giá trị chân, thiện, mỹ, nâng cao dân trí...

Với quan điểm trên của Hồ Chí Minh, có thể nói văn hóa là hệ thống động lực tác động cùng chiều cùng hướng đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

c) “*Văn hóa soi đường quốc dân đi*”

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tổ chức tháng 11/1946, Hồ Chí Minh đưa ra luận điểm “*Văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”, và luận điểm này đã trở thành nguyên tắc cơ bản, lâu dài, xuyên suốt quá trình phát triển văn hóa Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Theo Người, văn hóa là một trong những động lực “*soi đường cho quốc dân đi*”, lãnh đạo quốc dân để thực hiện “*dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc*”.

Với nội dung rất phong phú của văn hóa trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... (với các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận), đặc biệt là định hướng giá trị chân, thiện, mỹ của văn hóa, nghệ thuật và với bản chất nhân văn của mình, văn hóa thực sự trở thành tiêu chí để cho kinh tế, chính trị, xã hội tham chiếu vì sự phát triển, tiến bộ của con người. Đó là nhân tố và tiêu chí định hướng cho mọi mô hình phát triển xã hội đi đúng hướng.

Muốn “*soi đường*”, chỉ lối cho quốc dân thì văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Đồng thời, phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung và quên lợi ích riêng... Văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình được hưởng. Văn hóa còn góp phần bồi dưỡng những tình cảm tốt đẹp của con người Việt Nam trong xã hội mới. Người chủ trương, *văn hóa phải loại trừ tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ*... Đó chính là những yêu cầu rất cao đối với chức năng của một nền văn hóa mới mà Người đã đặt ra.

Văn hóa soi đường cho quốc dân đi cũng đồng thời văn hóa nâng cao trình độ dân trí, làm cho công cuộc xây dựng nền văn hóa mới thực sự là sự nghiệp sáng tạo của quần chúng. Người nói: “*Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh,*

nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình,... phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà"¹. Nền tảng của văn hóa là học vấn, học thức của mỗi con người và cả cộng đồng dân tộc. Do vậy, theo Hồ Chí Minh, nâng cao dân trí là nhiệm vụ quan trọng, một biện pháp căn bản để xây dựng văn hóa, đem văn hóa soi đường cho quốc dân đi.

Để hiện thực hóa vai trò "soi đường cho quốc dân đi" của văn hóa, từ năm 1943, Hồ Chí Minh đã đưa ra năm điểm lớn cho việc xây dựng nền văn hóa dân tộc: "1) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường; 2) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng; 3) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội; 4) Xây dựng chính trị: dân quyền; 5) Xây dựng kinh tế"². Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người đưa ra phương châm xây dựng một nền văn hóa mới có tính chất *dân tộc, khoa học và đại chúng*. Bước sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người chủ trương xây dựng nền văn hóa có *nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc*.

Rõ ràng, văn hóa giữ trung tâm và vai trò cực kỳ quan trọng trong việc điều tiết, định hướng hành động con người theo hệ chuẩn chân - thiện - mỹ, với ý thức công dân của xã hội mới theo hướng dân chủ, nhân văn, tiến bộ.

2. Đảng ta vận dụng tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới

Từ Đại hội VI đến Đại hội XIII, Đảng ta đã hình thành từng bước nhận thức mới về đặc trưng của nền văn hóa mới mà chúng ta cần xây dựng; về chức năng, vai trò, vị trí của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) đã mở đầu công cuộc đổi mới. Đại hội VII (1991) tiếp tục chủ trương đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để nhằm đưa đất nước đi vào thế ổn định và phát triển. Sau một thời gian khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nên hai kỳ Đại hội trên ưu tiên tập trung xác định đường lối phát triển kinh tế, ổn định xã hội; văn hóa mặc dù được quan tâm phát triển, nhưng chưa được xem là vấn đề trọng tâm. Tuy nhiên, bắt đầu từ Đại hội VII cho đến Đại hội XIII và nhiều nghị quyết Trung ương đã xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một tầm nhìn mới về văn hóa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta coi giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam là "quyền lực mềm, năng lực nội sinh" của dân tộc Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.114.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.458.

a) Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội

Sau Đại hội VI, nhận thức mới trong quan điểm của Đảng ta về văn hóa được khẳng định tại Nghị quyết số 05 (1988) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về văn hóa - văn nghệ. Nghị quyết chỉ rõ rằng, “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta”¹; rằng, văn hóa là nhu cầu thiết yếu trong đời sống tinh thần của xã hội, thể hiện trình độ phát triển chung của một đất nước, một thời đại, là lĩnh vực sản xuất tinh thần tạo ra những giá trị văn hóa, những công trình nghệ thuật được truyền từ đời này qua đời khác, làm giàu thêm cuộc sống con người. Văn hóa là một bộ phận trọng yếu của cách mạng tư tưởng văn hóa, là một động lực mạnh mẽ đồng thời là mục tiêu lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội, Đại hội Đảng VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII và Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI tiếp tục xác định *văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội*. Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là *nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) nhấn mạnh: “Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thụ tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc”². Các giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam làm nên bản sắc, cốt cách, bản lĩnh riêng của dân tộc. Đó chính là nền tảng tinh thần của xã hội vì nó được thấm nhuần trong mỗi con người và trong cả cộng đồng, được lưu truyền lại, tiếp nối và phát huy qua các thế hệ; đồng thời tác động hằng ngày đến cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của mọi thành viên trong xã hội bằng môi trường xã hội - văn hóa.

Vì vậy, Đảng ta chủ trương phải làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để các giá trị văn hóa trở thành nền tảng tinh thần bền vững của xã hội, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Vì “chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững”³.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, t.57, tr.250.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.57, tr.293, 303.

Đó cũng chính là con đường xây dựng con người mới, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh đủ sức “đề kháng” đẩy lùi các tiêu cực xã hội, đẩy lùi sự xâm nhập của tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ.

b) Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội

** Văn hóa là mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội*

Từ thực tế xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Văn kiện Đại hội VI của Đảng (1986) chỉ rõ: trong thời kỳ mới, đồng thời với việc xây dựng kinh tế, phải xem trọng các vấn đề văn hóa; giải quyết tốt các vấn đề kinh tế, văn hóa để tạo môi trường văn hóa thích hợp cho sự phát triển. Văn hóa và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau. Mục tiêu phấn đấu cao nhất của văn hóa là vì con người. Phát triển hướng tới mục tiêu văn hóa - xã hội mới đảm bảo sự bền vững và trường tồn.

Tiếp tục phát triển quan điểm trên của Đảng, trong Cương lĩnh năm 1991 (được Đại hội VII thông qua) chủ trương xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra “đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ và sáng tạo”¹.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII cho rằng: “Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội”².

Đại hội IX (4-2001) của Đảng tiếp tục khẳng định: “Hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội”³. Bước phát triển trong quan điểm của Đảng về văn hóa thời kỳ này là nhấn mạnh mục tiêu hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa.

Đến Đại hội X (4/2006), Đảng đề ra mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây cũng chính là mục tiêu chiến lược của văn hóa. Với quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, Đảng đặt ra yêu cầu phải làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và việc xây dựng, hoàn thiện giá

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.50, tr.225.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.55, tr.391.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.60, tr.143.

trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế,... được khẳng định lại, tiếp nối quan điểm về văn hóa từ kỳ Đại hội trước.

Đại hội XI (1/2011) khẳng định phương hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển, coi “con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển”.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1-2016) của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra mục tiêu: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, trong đó, “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện”¹ phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển.

Gần đây, Nghị quyết Đại hội XIII (1/2021) của Đảng quán triệt sâu sắc định hướng phát triển văn hóa: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”².

Tóm lại, văn hóa Việt Nam đã và đang phấn đấu tạo điều kiện để cho con người phát triển theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa với tư cách con người là chủ thể sáng tạo văn hóa và con người được hưởng thụ, thưởng ngoạn một cách hợp lý những thành quả văn hóa do chính mình tạo ra.

** Văn hóa là động lực phát triển bền vững của đất nước*

Nguồn lực nội sinh của sự phát triển của một dân tộc thấm sâu trong văn hóa. Sự phát triển của một dân tộc phải vươn tới cái mới, tiếp nhận cái mới, tạo ra cái mới, nhưng không thể tách khỏi cội nguồn. Phát triển dựa trên cội nguồn bằng cách phát huy cội nguồn. Cội nguồn đó của mỗi quốc gia, dân tộc là văn hóa. Giá trị văn hóa dân tộc - một nguồn lực to lớn, là một phần quan trọng trong tổng thể sức mạnh nội sinh của mỗi dân tộc, quốc gia.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.60, tr.143.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng xác định nhiệm vụ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện. Báo cáo chính trị của Đại hội XIII không chỉ dừng lại ở đó, mà còn nhấn mạnh yêu cầu về phát triển con người gắn kết chặt chẽ với xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây chính là một bước nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ giữa văn hóa và con người, nhấn mạnh hơn đến vai trò của con người với tính chất là chủ thể và cũng là mục đích của phát triển nền văn hóa.

Để thực hiện được mục tiêu, Nghị quyết Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII (1/2021) nêu nhiệm vụ của văn hóa là “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế”¹.

Cùng với chủ trương gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; sự tăng cường và gắn kết xây dựng con người và nền văn hóa trong một thể thống nhất sẽ là cơ sở vững chắc để “khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”², không chỉ làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần mà còn trở thành động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

c) Văn hóa là “quyền lực mềm”, là “sức mạnh nội sinh” của dân tộc

Trong đường lối đổi mới xây dựng, phát triển đất nước, Đảng xác định ba trụ cột quan trọng nhất; trong đó, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm và xây dựng văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Trên cơ sở ấy, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 nhấn mạnh tầm quan trọng của văn hóa với vai trò không chỉ là “nền tảng tinh thần vững chắc” của xã hội, mà còn là “sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”. Sau đó, văn hóa còn được Đảng đánh giá là sức mạnh mềm, quyền lực mềm trong sự phát triển. Việc coi văn hóa như một sức mạnh nội sinh, quyền lực mềm là một nhận thức mới về vai trò văn hóa của Đảng. Hiện nay, sức mạnh kinh tế không còn là yếu tố mạnh nhất chi phối quyền lực quốc gia, thực tế cho thấy, sức mạnh văn hóa mới bảo đảm các yếu tố cho phát triển bền vững, là con đường ngắn nhất để đưa Việt Nam vươn ra thế giới.

Sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam được tạo dựng từ những giá trị văn hóa tinh thần, hệ tư tưởng, nền văn hiến, những tinh hoa của văn hóa dân tộc, là năng lực nội sinh, là nền tảng tạo nên sức hấp dẫn, sự lôi cuốn đối với các quốc gia khác. Tuy

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.202, 116.

nhiên, sức mạnh mềm, quyền lực mềm Việt Nam không chỉ là sự kế thừa và phát huy nền tảng vốn có từ lịch sử dân tộc hào hùng, nền văn hiến, chính sách đối ngoại hòa bình... mà còn là sự phát triển, tận dụng cả những vị thế mới, lợi thế mới.

Nhận thức sâu sắc vai trò của văn hóa, Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh định hướng phát triển con người toàn diện và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, con người đóng vai trò chủ thể, đồng thời là mục đích của việc phát triển văn hóa. Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ: Cần đẩy mạnh và phát huy trụ cột ngoại giao văn hóa, khai thác nguồn tài nguyên vô giá, bất tận, quảng bá hình ảnh đất nước, nền văn hiến, các giá trị truyền thống nhân văn dân tộc, tạo nền tảng phát huy sức mạnh mềm, đóng góp cho công cuộc phát triển đất nước.

Như vậy, văn hóa là một dạng quyền lực mềm và cần phải được tăng cường đầu tư để trở thành một bộ phận có ý nghĩa trong “kho công cụ” tạo nên sức sống trường tồn và sức mạnh thường ngày, làm nên sức mạnh tổng hợp từ bên trong của dân tộc, của đất nước, thúc đẩy xã hội không ngừng tiến lên.

*

* *

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà văn hóa kiệt xuất. Toàn bộ di sản tư tưởng văn hóa của Người là một kho báu giá trị của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động cách mạng của Đảng và dân tộc.

Dấu mốc đặc sắc trong sự phát triển nhận thức của Đảng được thể hiện cụ thể qua việc ra đời Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI và quan điểm văn hóa của Đảng qua các kỳ Đại hội tiếp sau đổi mới năm 1986. Văn hóa dần được coi là lĩnh vực then chốt bên cạnh kinh tế, trong đó con người được nhìn nhận là trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững. Việc nhấn mạnh đến con người trong nhận thức này của Đảng phù hợp với quan điểm tiến bộ về văn hóa trên thế giới hiện nay.

Sau 35 năm đổi mới, bên cạnh những thành tựu đạt được thì thực tiễn xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam trong giai đoạn mới đang đặt ra nhiều thách thức, hạn chế, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Để giải quyết, phải có một hệ thống giải pháp đồng bộ cả về cơ chế, chính sách, pháp luật... trong đó có vấn đề học tập quán triệt, vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng văn hóa hiện nay. Đó là một yêu cầu cấp thiết, một vấn đề có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, 2 tập.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, 2 tập.
- [3] Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.3.
- [4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, 4, 8,
- [5] Hoàng Chí Bảo: *Văn hóa con người Việt Nam trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [6] Phạm Văn Đồng: *Văn hóa và đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
- [7] Nguyễn Văn Huyền: *Văn hóa là mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ VĂN HÓA, TIẾP THU TINH HOA VĂN HÓA NHÂN LOẠI

PGS.TS. NGUYỄN HỮU THỨC*

1. Tính tất yếu khách quan của hội nhập quốc tế về văn hóa

Các nhà nghiên cứu có nhiều cách tiếp cận để định nghĩa về hội nhập quốc tế. Chúng tôi đồng tình với định nghĩa sau: “*Hội nhập quốc tế* là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức, thiết chế, cơ chế, hoạt động hợp tác quốc tế vì mục tiêu phát triển của bản thân mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ đó và nhằm tạo thành sức mạnh tập thể giải quyết những vấn đề chung mà các bên cùng quan tâm. Hội nhập quốc tế theo đúng nghĩa đầy đủ là hội nhập trên tất cả lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Về bản chất, hội nhập quốc tế chính là một hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế nhằm đạt được một mục tiêu hoặc lợi ích chung nào đó”¹.

Hội nhập quốc tế về văn hóa được hiểu là sự chủ động của một quốc gia liên kết, xây dựng các mối quan hệ văn hóa với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực để giao lưu, hợp tác thông qua các thể chế (cam kết, nghị định, công ước...) song phương và đa phương, tôn trọng, học hỏi lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhằm chia sẻ các giá trị văn hóa của nhau làm nền tảng cho các loại hình hội nhập quốc tế khác.

Các nhà lý luận mácxít đưa ra luận điểm về tính dân tộc và tính quốc tế trong sự phát triển văn hóa của mỗi dân tộc. Không có một dân tộc nào mà văn hóa của mình lại phát triển cô lập với văn hóa dân tộc khác. Sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các nền văn hóa của các dân tộc là quy luật của lịch sử văn hóa. Vấn đề đặt ra là văn hóa ở mỗi quốc gia chủ động giao lưu, hợp tác, hội nhập quốc tế về văn hóa như thế nào.

Cuối thế kỷ XX, nhiều nước trên thế giới gia tăng việc tận dụng và phát huy “sức mạnh mềm” của quốc gia trong chiến lược phát triển, hội nhập quốc tế, trở

* Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

1. https://tuyengiao.vn/tu-lieu/huong-dan-chi-dao/huong-dan-chi-tiet-chuyen-de-hoi-nhap-quoc-te-105840_truy-cập-ngày-31/10/2021.

thành trào lưu phát triển trên thế giới. “Sức mạnh mềm” là một khái niệm do Giáo sư Joseph Samuel Nye (người Mỹ) đưa ra trong một cuốn sách xuất bản năm 1990. Sau đó, khái niệm này được sử dụng rộng rãi ở các nước. Sức mạnh mềm được thực hiện thông qua sự hấp dẫn và thuyết phục, không phải là áp đặt, cưỡng chế, nghĩa là việc gây ảnh hưởng để khiến người khác làm theo những thứ mình muốn. Sức mạnh mềm văn hóa là các giá trị văn hóa, con người, thể chế của quốc gia, tạo nên sự hấp dẫn, sức lan tỏa có khả năng ảnh hưởng, thu hút của một quốc gia này đối với quốc gia khác nhằm đạt được lợi ích thông qua các hoạt động văn hóa. Di sản văn hóa dân tộc ngày càng được coi trọng, là tài sản vô giá của mỗi quốc gia. Các quốc gia ngày càng đề cao việc bảo vệ và phát huy tính đặc thù, bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời với tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại trong quá trình toàn cầu hóa.

Thế giới đang diễn ra quá trình toàn cầu hóa trên mọi lĩnh vực, trong đó có toàn cầu hóa về văn hóa, mức độ tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày một gia tăng, thu hút các quốc gia tham gia vào các hoạt động do các tổ chức quốc tế và khu vực khởi xướng. Toàn cầu hóa tạo nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức, đòi hỏi mỗi quốc gia phải tiên liệu những vấn đề mới xuất hiện để tranh thủ cơ hội, hóa giải thách thức, tích cực, chủ động tham gia hội nhập quốc tế. Đây là xu hướng có tính tất yếu khách quan nhằm tranh thủ tối đa sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại cho lợi ích và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Từ chối hội nhập quốc tế đồng nghĩa với cản trở phát triển, dẫn đến sự tụt hậu của quốc gia trong sự phát triển chung của nhân loại.

Trước năm 2013, trong các văn kiện của Đảng mới nói đến hội nhập kinh tế quốc tế, còn đối với văn hóa, các văn kiện dùng cụm từ giao lưu, hợp tác văn hóa với nước ngoài. Đến khi Bộ Chính trị khóa XI ra Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế, đã đề cập đến việc hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực, nêu rõ quan điểm chỉ đạo: “Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội; hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước”.

Quan điểm trên là cơ sở để năm 2014, Đảng ta ban hành Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” chính thức đưa ra nhiệm vụ chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, phù hợp với xu hướng tất yếu, khách quan của thời đại.

2. Định hướng của Đảng chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Thực hiện công cuộc đổi mới, để chuẩn bị cho hội nhập quốc tế về văn hóa, từ năm 2004, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, với tinh thần: “Xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử do quá khứ hay thành phần giai cấp; xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai. Mọi người Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội, lý do ra nước ngoài, mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu trên đều được tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc”.

Định hướng chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại được thể hiện rõ trong các văn kiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI, Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng, gồm các nội dung cụ thể dưới đây:

Một là, Nghị quyết Trung ương 9 nêu tư tưởng chỉ đạo chung là: “Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc”. Đại hội XIII chỉ rõ mục tiêu cần đạt được là: “Xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế”. Giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước để học hỏi, tiếp nhận làm giàu văn hóa dân tộc trên tinh thần: “Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam”¹.

Hai là, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa cần phát huy mọi nguồn lực văn hóa để nâng tầm, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, lấy nhân tố văn hóa của các tầng lớp nhân dân ở trong nước làm sức mạnh nội sinh quyết định chiều hướng phát triển kết hợp nhân tố văn hóa của Việt kiều ở ngoài nước, khuyến khích Việt kiều hội nhập, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI xác định nhiệm vụ: “Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam”.

Ba là, truyền bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài là để người nước ngoài hiểu đầy đủ về đất nước, con người Việt Nam, nhất là công cuộc đổi mới đất nước, “đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”² dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.147, 101.

nước. Hiện nay, chúng ta có trên 5 triệu người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài, chủ trương của Đảng là cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn được truyền thống văn hóa của dân tộc, trọng tâm là tiếng nói và chữ viết. Càng nhiều Việt kiều biết tiếng Việt, càng nhiều người nước ngoài sinh sống và làm ăn tại Việt Nam biết tiếng Việt, đó là nguồn vốn quý giá và là điều kiện, cơ hội để họ tham gia vào việc quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đề ra nhiệm vụ: “Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài”.

Bốn là, quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa, nước ta có nhiều cơ hội tranh thủ được nguồn lực của các nước, trong đó có Việt kiều yêu nước, luôn hướng về Tổ quốc, tiếp nhận công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý, cách thức hoạt động sáng tạo... nhưng cũng phải đối diện với nhiều thách thức như truyền bá quan điểm sai trái, thù địch chống phá Đảng, Nhà nước; ảnh hưởng của lối sống thực dụng, đòi trụy, cá nhân cực đoan, tự do “vô chính phủ”; nguy cơ biến dạng, lai căng, mất bản sắc văn hóa dân tộc; tụt hậu công nghệ... Những năm sau đổi mới, chúng ta đã kiên định phương châm: “Đổi mới không đổi màu”, “Hòa nhập không hòa tan”. Việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc có ý nghĩa sống còn đối với nền văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Mặt khác, phải chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, làm giàu nền văn hóa dân tộc, đưa văn hóa dân tộc lên tầm cao mới hòa vào dòng chảy văn minh nhân loại. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI yêu cầu: “Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa”. Các thế lực thù địch luôn tìm mọi thủ đoạn tác động nhằm chuyển hóa tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống con người Việt Nam. Văn hóa, con người Việt Nam có bị chuyển hóa theo ý đồ thâm độc của các thế lực thù địch chống phá chế độ ta hay không phụ thuộc vào bản lĩnh chính trị, khả năng “tự miễn dịch”, năng lực tự vệ của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Do vậy, chúng ta phải tiên liệu trước những vấn đề nảy sinh trong quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII chủ trương: “Chủ động nâng cao sức đề kháng của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên đối với các văn hóa phẩm ngoại lai độc hại”¹.

Năm là, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI nêu ra quan điểm: “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.147.

dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”. Hội nhập quốc tế về văn hóa chỉ có thể mang lại hiệu quả cao khi Nhà nước thực sự trở thành “Bà đỡ”, với tư cách là chủ thể đại diện cho nhân dân quản lý xã hội, phát triển văn hóa, trong đó có văn hóa đối ngoại. Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tạo cơ chế, chính sách và cung cấp, hỗ trợ nguồn lực vật chất, con người cho hoạt động văn hóa đối ngoại phát triển. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đề xuất nhiệm vụ: “Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại; hỗ trợ quảng bá nghệ thuật quốc gia và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa ra nước ngoài”, từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới.

Những chủ trương, tư tưởng chỉ đạo nêu trên của Đảng là cơ sở để Nhà nước chủ động ban hành các chính sách, pháp luật về giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế trên lĩnh vực văn hóa.

3. Đánh giá việc chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

3.1. Một số kết quả

Trung ương và địa phương đã chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, thu được kết quả nhất định cả bề rộng lẫn chiều sâu, song phương và đa phương, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam trên thế giới.

Ngay sau khi Đảng có chủ trương chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, Thủ tướng Chính phủ đã ký một số văn bản quản lý quan trọng. Đó là: Quyết định số 1984/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án cung ứng dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng internet phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2015-2020 (31/10/2014); Quyết định số 210/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (8/2/2015). Chiến lược văn hóa đối ngoại là một bản kế hoạch lớn đề ra quan điểm, mục tiêu, những nhiệm vụ trọng tâm cần phải làm với những đầu việc cụ thể. Chiến lược xác định 4 quan điểm chỉ đạo, trong đó có quan điểm: “Văn hóa đối ngoại là một bộ phận quan trọng đặc biệt của nền văn hóa quốc gia, thể hiện sức mạnh nội sinh của dân tộc, có vai trò tích cực trong việc nâng cao vị thế của đất nước, con người và văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc hội nhập quốc tế của đất nước”.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết Trung ương 9, năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1755/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với

quan điểm: “Phát triển công nghiệp văn hóa gắn liền với việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, góp phần bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế”.

Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định, chương trình giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước trên nguyên tắc tin cậy, tăng cường hiểu biết văn hóa của nhau, tuân thủ pháp luật của mỗi nước, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, công nhận toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, bầu trời, biển đảo và chế độ chính trị xã hội. Thông qua các hiệp định, chương trình văn hóa, Việt Nam đã tổ chức Ngày văn hóa, Tuần văn hóa, Lễ hội văn hóa – du lịch Việt Nam... ở nhiều nước nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, nhiều nước trên thế giới cũng đã chủ động tổ chức Ngày văn hóa, Tuần văn hóa của nước họ ở Việt Nam, nhằm tăng cường sự hiểu biết về văn hóa, đất nước, con người của nhau. Một số nước liên tục tổ chức sự kiện văn hóa thường niên ở Việt Nam như Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, Nga... Xuất hiện chức danh mới trên lĩnh vực văn hóa, là đại sứ văn hóa của mỗi nước. Những sứ giả này có vai trò kết nối, lan tỏa các giá trị văn hóa của mỗi quốc gia.

Việt Nam đã chủ động tổ chức các sinh hoạt văn hóa ở một số trung tâm văn hóa ở nước ngoài như Trung tâm văn hóa Việt Nam ở Pháp, Lào..., đồng thời cho phép nước ngoài mở trung tâm văn hóa ở Việt Nam như Trung tâm văn hóa Pháp, Viện Gót (Đức), Viện Khổng Tử (Trung Quốc)... Nhiều tổ chức sản xuất, kinh doanh văn hóa phẩm; tổ chức nghiên cứu văn hóa, hoạt động xã hội về văn hóa phi lợi nhuận của nước ngoài được đặt văn phòng đại diện ở Việt Nam.

Việt Nam chủ động tham gia là thành viên và tích cực thực thi các công ước quốc tế liên quan đến văn hóa, con người do Liên hợp quốc, Tổ chức Giáo dục, Khoa học, Văn hóa (UNESCO) của Liên hợp quốc đề xướng như Công ước về quyền con người, Công ước quyền trẻ em, Công ước về việc bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể... Tham gia các sự kiện văn hóa, thể thao lớn do tổ chức khu vực và quốc tế tổ chức. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức quốc tế tổ chức các sự kiện văn hóa ở Việt Nam, như: Liên hoan phim quốc tế; các trận giao lưu, đấu bóng đá quốc tế; Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc (VESAK)... Nhiều lễ hội văn hóa du lịch có sự tham gia của các nước trên thế giới như: Lễ hội pháo hoa quốc tế ở Đà Nẵng; Lễ hội hoa quốc tế ở Đà Lạt; Festival Huế; Lễ hội cồng chiêng quốc tế ở Gia Lai; Lễ hội cà phê quốc tế ở Buôn Ma Thuột; Lễ hội trà quốc tế ở Thái Nguyên...

Nhiều cơ quan tổ chức nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp đã chủ động tham gia và là thành viên có trách nhiệm trong nhiều tổ chức quốc tế. Ví dụ: Cục Di sản văn hóa và các bảo tàng: Hồ Chí Minh, Cách mạng Việt Nam, Lịch sử

Việt Nam, Mỹ thuật Việt Nam, Dân tộc học Việt Nam, Địa chất Việt Nam, Chứng tích chiến tranh, Hải dương học Việt Nam là thành viên của ICOM (Hội đồng Bảo tàng quốc tế). Thư viện quốc gia Việt Nam gia nhập và trở thành thành viên của Liên hiệp quốc tế các hội và cơ quan thư viện thế giới (IFLA) và Hiệp hội Thư viện Đông Nam Á (CONSAL)...

Hợp tác với các nước đào tạo, bồi dưỡng tài năng văn hóa, nghệ thuật có khởi sắc. Các cơ sở giáo dục đào tạo về văn hóa ở Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thư, chương trình hợp tác, biên bản ghi nhớ về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập sâu rộng quốc tế.

Trên tinh thần “khép lại quá khứ hướng tới tương lai”, Nhà nước có chính sách thu hút Việt kiều ở các nước mang tài năng, trí tuệ, công sức đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều trí thức, văn nghệ sĩ Việt Nam ở nước ngoài đã về nước đầu tư và tham gia vào các dự án phát triển văn hóa.

Ban hành chính sách về thuế, về trợ giá cước vận chuyển giúp các doanh nghiệp khắc phục khó khăn, chủ động hơn trong việc đưa các sản phẩm văn hóa tốt của nước ta đến các thị trường văn hóa các nước trên thế giới, nhất là đến các thị trường trọng điểm ở các nước lớn, các nước có đông người Việt sinh sống. Sử dụng chính sách thuế hạn chế các sản phẩm văn hóa không khuyến khích lưu hành ở Việt Nam.

Hoạt động thông tin đối ngoại nhanh nhạy, tin bài phong phú, đa dạng, phản ánh kịp thời các sự kiện và quan hệ quốc tế về văn hóa, giới thiệu tinh hoa văn hóa nhân loại¹, phản bác quan điểm, thông tin sai trái, khẳng định thành tựu đổi mới đất nước, góp phần tích cực xây dựng văn hóa và con người.

Ý thức của người dân bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời với việc tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam được nâng lên. Cấp ủy, chính quyền nhiều địa phương quan tâm hoạt động giao lưu văn hóa nhân dân ở vùng biên giới, góp phần giữ gìn an ninh chính trị.

Tích cực cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian kiểm duyệt, làm thủ tục khai báo và cấp phép xuất, nhập khẩu sản phẩm văn hóa. Phối hợp cùng các cơ quan chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các sản phẩm văn hóa độc hại, không phù hợp thuần phong mỹ tục của dân tộc, xuất nhập khẩu trái phép.

Phát huy vai trò của các Đại sứ quán Việt Nam thúc đẩy hội nhập quốc tế về văn hóa. Vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo môi trường hòa bình, ổn định, thân thiện thu hút khách du lịch.

1. Đài Truyền hình Việt Nam đã xây dựng được mạng lưới trao đổi tin bài quốc tế với gần 40 đài truyền hình thuộc hơn 30 quốc gia trên thế giới.

3.2. Một số hạn chế, yếu kém

Tuy đạt được một số kết quả nêu trên nhưng việc tổ chức thực hiện Chiến lược văn hóa đối ngoại Việt Nam kết quả còn khiêm tốn. Nhập siêu văn hóa kéo dài. Mức đầu tư của Trung ương và địa phương cho văn hóa đối ngoại còn thấp. Nhìn chung, sản phẩm văn hóa, nghệ thuật Việt Nam chất lượng chưa cao nên khó hội nhập vào thị trường văn hóa thế giới. Việc quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài mới ở một số địa bàn, khu vực. Việc quản lý khách du lịch và hoạt động văn hóa nghệ thuật của một số tổ chức, trung tâm văn hóa nước ngoài còn bị động. Nhiều cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương giới thiệu, quảng bá phim ảnh, chương trình, sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật thiếu chọn lọc. Công tác quản lý xuất nhập khẩu văn hóa phẩm chưa chặt chẽ dẫn đến để lọt sản phẩm văn hóa nước ngoài du nhập vào nước ta chưa phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa của dân tộc, tác động tiêu cực đến nhận thức thẩm mỹ của công chúng, làm cho một số hoạt động văn hóa, văn nghệ bị lai căng, mất bản sắc. Một số sự kiện văn hóa quốc tế bị “thương mại hóa”, chưa coi trọng chất lượng nội dung và nghệ thuật. Một bộ phận cán bộ, nhân dân có tâm lý sính ngoại, tiêu dùng sản phẩm văn hóa cũng như tiếp nhận lối sống thiếu chọn lọc, ảnh hưởng đến giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc và xây dựng con người trước thách thức toàn cầu hóa. Chưa có những giải pháp hữu hiệu, kịp thời phát triển văn hóa đối ngoại trong ứng phó và thích nghi với đại dịch COVID-19.

4. Một số đề xuất tiếp tục chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Thứ nhất, đại dịch COVID-19 diễn ra trên phạm vi toàn cầu, đe dọa tính mạng của người dân, ảnh hưởng đến mọi quốc gia, làm đảo lộn phương thức sản xuất, kinh doanh, học tập, hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí. Cho dù Nhà nước đang nói lòng giãn cách xã hội nhằm thực hiện mục tiêu kép, vừa chống dịch vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhưng văn hóa vẫn là một lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề khi mà mọi hoạt động tụ tập đông người phải tạm dừng ở nơi có dịch. Từ đầu năm 2000 đến nay, hầu hết các đơn vị văn hóa, nghệ thuật đã nỗ lực tìm kiếm cách thức hoạt động mới, nhất là tận dụng công nghệ số, không gian mạng để giới thiệu, quảng bá tác phẩm, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của nhân dân, nhưng hiệu quả xã hội còn rất khiêm tốn. Tình hình trên dẫn đến hoạt động văn hóa đối ngoại, hội nhập quốc tế về văn hóa gặp rất nhiều khó khăn. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, chúng ta vừa phải chống dịch vừa phải từng bước thích nghi chung sống với dịch bệnh để tồn tại, phát triển. Do vậy, Đảng cần khảo sát nắm tình hình,

tổng kết thực tiễn hoạt động văn hóa nghệ thuật trong bối cảnh đại dịch để sớm có văn bản chỉ đạo, định hướng hoạt động văn hóa đối ngoại, hội nhập quốc tế về văn hóa cho phù hợp.

Đã đến lúc Đảng cần đúc rút đưa ra một số quan điểm mới chỉ đạo sự hội nhập quốc tế về văn hóa để văn hóa Việt Nam tận dụng thời cơ, hóa giải thách thức, chủ động thích ứng, hòa vào dòng chảy văn minh nhân loại và thích nghi với đại dịch COVID-19.

Thứ hai, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt rất kịp thời Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 để chủ trương chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại đi nhanh vào cuộc sống. Tuy nhiên, do đại dịch COVID-19 nên nhiều hoạt động văn hóa ở trong nước và ra nước ngoài đều bị chững lại. Nhiều công việc cần phải làm trong các Chiến lược nêu trên chưa thể triển khai nên không đạt được tiến độ đề ra. Ví dụ: Nhiệm vụ thành lập một số trung tâm văn hóa ở một số địa bàn trọng điểm trên thế giới và xây dựng trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài. Vì vậy, Thủ tướng cần sớm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát bổ sung, điều chỉnh các đầu việc và tiến độ thực hiện cho phù hợp với tình hình hiện nay.

Với kinh phí đầu tư còn hạn hẹp, công nghệ chưa tân tiến, trình độ chuyên môn thiếu tính chuyên nghiệp, nên một số ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta rất khó khăn hội nhập vào thị trường văn hóa thế giới. Cho nên, Nhà nước cần tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện để có sự chuyên biến mạnh mẽ một số ngành công nghiệp văn hóa mà Việt Nam có ưu thế như du lịch văn hóa, thủ công mỹ nghệ, xuất bản, phần mềm và các trò chơi giải trí, truyền hình, điện ảnh... để có thể từng bước hội nhập với thế giới, thiết thực quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

Thứ ba, phát huy sức mạnh mềm văn hóa, coi trọng nhân tố con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Thời gian tới, Đảng cần chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trong hệ thống chính trị khẩn trương đầu tư công sức, trí tuệ hoàn thiện, bổ sung quan điểm về con người. Trước mắt, nhanh chóng đúc kết và xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế làm cơ sở hoàn thiện, bổ sung quan điểm về con người. Hệ giá trị chuẩn con người Việt Nam chính là nguồn vốn và là hình ảnh của dân tộc, quốc gia Việt Nam trong các quan hệ quốc tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị - xã hội, giữ gìn môi trường và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Lịch sử đã chứng minh, bất luận một chế độ chính trị nào cũng đều cố gắng xây dựng một hệ giá trị con người của chế độ ấy làm chuẩn mực giá trị điều chỉnh hành vi của con

người trong xã hội. Nếu không tạo dựng được hệ giá trị chuẩn con người trong xã hội sẽ dẫn đến loạn chuẩn, cản trở phát huy sức mạnh mềm của văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa.

Thứ tư, với sứ mệnh là “Bà đỡ” cho văn hóa, trong đó có văn hóa đối ngoại phát triển, Nhà nước cần nhanh chóng thể chế hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật các quan điểm, nhiệm vụ của Đảng về chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Rà soát những chính sách đã có và chủ động xây dựng, ban hành những chính sách mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Ưu tiên cho các chính sách: ưu đãi đưa sản phẩm văn hóa Việt Nam ra nước ngoài; thu hút tài lực của Việt kiều, tạo điều kiện thuận lợi để họ và các tổ chức quốc tế đầu tư trí tuệ, nguồn vốn phát triển văn hóa, quảng bá hình ảnh đất nước đổi mới, con người Việt Nam thân thiện, năng động, trách nhiệm; tôn vinh những tổ chức, cá nhân có đóng góp công sức, tài năng, trí tuệ, tài chính thúc đẩy hội nhập quốc tế về văn hóa.

Thứ năm, xử lý kịp thời những thách thức nảy sinh trong quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa, bảo đảm an ninh tư tưởng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tăng sức đề kháng của mỗi người dân để ngăn chặn, tẩy chay các sản phẩm văn hóa, thông tin độc hại từ bên ngoài xâm nhập vào nước ta, nhất là trên mạng internet, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, làm cho văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh, “quyền lực mềm” của quốc gia trong các quan hệ quốc tế.

Thứ sáu, nắm bắt xu hướng phát triển văn hóa trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng thành tựu công nghệ số để chủ động đổi mới các hoạt động văn hóa đối ngoại, tăng cường tiềm lực phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thương hiệu quốc gia và các trung tâm, thành phố sáng tạo, tạo tiền đề vững chắc cho hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

*

* *

Những quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại đã trang bị nhận thức, tạo cơ sở pháp lý vững chắc phát huy mọi năng lực sáng tạo, tranh thủ mọi nguồn vốn trong và ngoài nước cho phát triển văn hóa đối ngoại, để văn hóa thực sự là “sức mạnh mềm” của quốc gia trong các quan hệ quốc tế, đóng góp có hiệu quả vào công cuộc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chỉ đạo Trung ương phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa: *Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2015.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I.
- [3] file:///C:/Users/Administrator/Downloads/Quyetdinh210.pdf, truy cập ngày 30/10/2021.
- [4] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/quyen-dan-su/nghi-quyet-36-nq-tw-cong-tac-nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai-66727.aspx?v=d>, truy cập ngày 1/11/2019.
- [5] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyet-dinh-1755-QD-TTg-chien-luoc-phat-trien-nganh-cong-nghiep-van-hoa-Viet-Nam-den-2020-2016-322023.aspx>, truy cập ngày 29/10/2021.
- [6] <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-22-nqtw-ngay-1042013-cua-bo-chinh-tri-ve-hoi-nhap-quoc-te-26480>, truy cập ngày 31/10/2021.
- [7] <https://tuyengiao.vn/tu-lieu/huong-dan-chi-dao/huong-dan-chi-tiet-chuyen-de-hoi-nhap-quoc-te-105840>, truy cập ngày 31/10/2021.

ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TS. TRẦN HỮU SON

1. Khái niệm phát triển bền vững và vai trò của văn hóa

Phát triển bền vững là một khái niệm mà nội hàm của nó không ngừng được mở rộng cùng với nhận thức ngày càng tăng của nhân loại về ý nghĩa và tầm quan trọng của nó đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, các hoạt động kinh tế, văn hóa, thể chế, con người,... Xuất phát điểm của khái niệm này là quan niệm của phong trào môi trường về việc cân bằng giữa nhu cầu của con người với việc bảo vệ môi trường tự nhiên. Lần đầu tiên mối liên hệ giữa môi trường và phát triển được đề cập đến một cách chính thức vào năm 1980 trong *Chiến lược Bảo vệ thế giới* của Liên minh Quốc tế bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên. Và kể từ khi công bố Báo cáo của Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới, còn gọi là Ủy ban Brundtland, do cựu Thủ tướng Na Uy Gro Harlem Brundtland phụ trách, khái niệm phát triển bền vững đã được sử dụng rộng rãi. Trong báo cáo này, khái niệm phát triển bền vững đã được định nghĩa là “thỏa mãn nhu cầu của hiện tại nhưng không gây hại cho các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng các nhu cầu của họ”. Phát triển bền vững không chỉ là các vấn đề môi trường, mà nó còn bao gồm hàng loạt lĩnh vực liên quan khác.

Các trụ cột bảo đảm tính tất yếu của phát triển bền vững bao gồm: sản xuất và tiêu dùng bền vững phải bảo đảm cân bằng các mục đích kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường, văn hóa, thể chế, con người, giới,... Các tài liệu quốc tế thường chú trọng tới việc ứng dụng khung lý thuyết vào các lĩnh vực hoạt động thực tiễn sau:

Môi trường bền vững: Môi trường bền vững đòi hỏi sản xuất và tiêu dùng phải bảo đảm: (1) không khai thác quá mức có nguy cơ làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên; (2) giảm thiểu và thanh toán tất cả các vật chất thải ra trong quá trình tìm kiếm, khai thác, chế biến, sản xuất, tiêu dùng và thải bỏ các sản phẩm; (3) phải bảo đảm thiết kế và sản xuất hàng hóa một cách hiệu quả với một lượng vật chất tối thiểu và sử dụng tối đa các sản phẩm không độc hại, có thể tái chế, làm mới và có tính bền vững; (4) việc thiết kế sản phẩm phải bảo đảm tính lâu bền và có thể sửa chữa, nâng cấp, tái chế, tái sử dụng ở giai đoạn sử dụng cuối cùng của sản phẩm;

(5) phải bảo đảm tạo ra các hệ thống sản xuất không hủy hoại hoặc có nguy cơ gây ra các thảm họa môi trường.

Xã hội bền vững: Một xã hội phát triển bền vững phải bảo đảm cho con người có một mức sống khá trở lên và các điều kiện sản xuất phải an toàn cho sức khỏe, và tính mạng của họ; phải bảo đảm xây dựng được một xã hội với các cộng đồng, các hộ gia đình, các giới, các cá nhân an lạc, hạnh phúc và bảo đảm cung cấp một cách công bằng cho họ mọi cơ hội cải thiện đời sống vật chất và tinh thần; bảo đảm mọi cơ hội tham gia vào các hoạt động của cộng đồng và xã hội; tránh phân hóa giàu nghèo; tăng cường bình đẳng xã hội, nhất là bình đẳng về cơ hội có việc làm; củng cố bình đẳng sắc tộc, tôn giáo; tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho người dân; bảo đảm mọi cơ hội tham gia vào các hoạt động của cộng đồng và xã hội. Tính bền vững xã hội phản ánh mối quan hệ giữa phát triển và các chuẩn mực xã hội hiện thời. Các chuẩn mực xã hội có cơ sở ở niềm tin tôn giáo tín ngưỡng, các truyền thống, phong tục tập quán; chúng bắt rễ sâu trong các giá trị gắn liền với sức khỏe và hạnh phúc của mọi người. Các chuẩn mực có thể có hoặc không thể được luật pháp hóa. Vì vậy, các chuẩn mực và mô thức xã hội liên quan đến phát triển phải được xem xét một cách cẩn trọng khi xây dựng các kế hoạch phát triển bền vững, và việc xác định các giới hạn xã hội liên quan đến tính bền vững phải có sự hợp tác chặt chẽ với các nhóm người, các cộng đồng có liên quan.

Kinh tế bền vững: Kinh tế đòi hỏi phải bảo đảm việc sản xuất các hàng hóa và dịch vụ đem lại lợi ích một cách công bằng và hợp lý cho các bên tham gia, bao gồm các cá nhân, các hộ gia đình, các nhóm lợi ích, các công ty, các chủ sở hữu, người sản xuất, người phân phối,... Nói một cách đơn giản, tính bền vững kinh tế đòi hỏi các lợi ích kinh tế phải lớn hơn, hoặc tối thiểu cũng ngang bằng với các chi phí đã bỏ ra. Tính bền vững về kinh tế dễ đo đếm hơn nhiều so với tính bền vững về xã hội và sinh thái, vì các yếu tố kinh tế cơ bản có thể được lượng hóa bằng tiền. Tính bền vững kinh tế thường được khuôn trong mối quan hệ cung và cầu: mức độ có sẵn và chi phí cho các đầu vào (trước hết là các nguyên vật liệu) và việc vận chuyển các đầu vào đó; các chi phí khai thác, xử lý, chế biến, bao gồm cả năng lượng, lao động, máy móc; và mức cầu đối với sản phẩm. Về phương diện cung, tính bền vững kinh tế ngày càng phụ thuộc vào việc sử dụng các nguồn không thể tái tạo cũng như phụ thuộc vào việc giảm bớt mức tiêu hao năng lượng và các nguyên vật liệu trên một đơn vị sản xuất. Vì vậy, có thể khẳng định rằng bất cứ hoạt động phát triển nào không hỗ trợ cho các dòng thu nhập liên tục ở mọi cấp độ mà xã hội có thể chấp nhận thì sẽ không bền vững về phương diện kinh tế.

Phát triển bền vững về văn hóa: Phát triển bền vững về văn hóa là một khái niệm xã hội học do Pierre Bourdieu đề xuất, sau đó đã được sử dụng rộng rãi, Bourdieu và Jean-Claude Passeron là những người đầu tiên sử dụng thuật ngữ vốn văn hóa.

Đối với Bourdieu, vốn văn hóa là các loại hình tri thức, kỹ năng, giáo dục, hoặc bất cứ lợi thế nào khiến cho vị thế xã hội của người sở hữu nó cao hơn, kể cả một tương lai hứa hẹn hơn. Cha mẹ cấp vốn văn hóa cho con cái bằng tri thức, các thái độ, phong cách sống và làm cho hệ thống giáo dục trở thành một vị trí thân thuộc, thuận tiện giúp chúng có thể dễ dàng thành công. Bourdieu chia vốn văn hóa thành ba phụ loại: (1) phụ loại vốn tự thân; (2) phụ loại vốn vật thể hóa; (3) phụ loại thể chế hóa.

Phát triển bền vững về thể chế: Thể chế là các cấu trúc và cơ chế của trật tự và sự hợp tác xã hội được tạo ra để kiểm soát và điều phối các hành vi của các cá nhân, các nhóm, các cộng đồng trong mỗi xã hội. Trong các xã hội truyền thống, khái niệm thể chế thường được áp dụng cho các mô hình hành vi, các nguyên tắc ứng xử, quy định các trật tự vị thế của các cá nhân, các cấu trúc xã hội, các nhóm xã hội. Trong các xã hội phức hợp, đặc biệt là các xã hội hiện đại, nội hàm của khái niệm thể chế đã trở nên rất đa dạng, với nhiều quy mô, nhiều cấp độ, nhiều lĩnh vực, nhiều hình thức rất khác biệt nhau của các tổ chức xã hội, kể cả chính thức và không chính thức. Về phương diện xã hội học, các nhà nghiên cứu thường sử dụng mô hình năm nhóm thể chế chủ yếu sau: (1) các thể chế kinh tế được xây dựng cho việc tìm kiếm, khai thác các nguồn; cho sản xuất, phân phối, cho việc tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ; (2) các thể chế chính trị được thiết lập nhằm điều chỉnh và kiểm soát các con đường tiếp cận quyền lực; (3) các thể chế phân tầng xã hội được sử dụng để điều chỉnh và kiểm soát các con đường tiếp cận với uy tín và vị thế xã hội; (4) các thể chế thân tộc, hôn nhân và gia đình được sử dụng để kiểm soát quá trình sinh sản; (5) các thể chế văn hóa liên quan đến các thực hành tôn giáo, hệ thống biểu tượng, hệ thống giá trị, và các hoạt động văn hóa đa dạng khác. Vì vậy tính bền vững của thể chế là cái bảo đảm cho các loại thể chế trong một xã hội có cấu trúc và cơ chế vừa ổn định để tồn tại lâu dài. Như vậy, tính bền vững của thể chế cũng chính là tính bền vững của xã hội.

Phát triển bền vững con người: Phát triển con người là vấn đề trung tâm của phát triển bền vững. Các chỉ tiêu phản ánh tính bền vững trong phát triển con người bao gồm: (1) nhóm chỉ tiêu thứ nhất: phản ánh mức sống được đo bằng tổng thu nhập quốc dân GNI; (2) nhóm chỉ tiêu thứ hai: phản ánh mức độ giáo dục và trình độ dân trí; (3) nhóm chỉ tiêu thứ ba: phản ánh tuổi thọ bình quân và việc chăm sóc sức khỏe; (4) nhóm chỉ tiêu thứ tư: phản ánh về dân số và việc làm; (5) chỉ số phát triển con người HDI (Human Development Index): bao gồm ba yếu tố cơ bản là tuổi thọ bình quân được phản ánh bằng số năm sống; trình độ giáo dục được đo bằng cách kết hợp tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ đi học đúng độ tuổi; mức thu nhập bình quân trên đầu người tính theo sức mua tương đương; (vi) chỉ số phát triển giới: phát triển bền vững con người còn được đo bằng chỉ số phát triển giới, bao gồm các chỉ

tiêu phản ánh mức độ phân biệt đối xử về giới, đặc biệt là với phụ nữ; vấn đề bạo lực gia đình, mà người chịu thiệt thòi nhiều là phụ nữ và trẻ em; tỷ lệ tham gia và ra quyết định của phụ nữ đối với các công việc gia đình, cộng đồng và xã hội; quyền lực theo giới đo bằng GEM (Gender Empowerment Measure).

Như vậy, phát triển bền vững đề cao vai trò của văn hóa. Văn hóa không những là một trụ cột trong phát triển bền vững mà còn là một bộ phận trong các trụ cột khác (con người, thể chế). Thời kỳ đầu, khi quan niệm phát triển bền vững mới ra đời, các nhà khoa học ít chú ý đến văn hóa, chủ yếu tập trung vào phát triển bền vững môi trường, kinh tế. Nhưng hơn một thập kỷ qua, vấn đề phát triển bền vững về văn hóa được đề cao. Văn hóa thực chất là một trụ cột quan trọng và xuyên suốt của khái niệm phát triển bền vững.

2. Đặc điểm văn hóa vùng dân tộc thiểu số với phát triển bền vững

Ở nước ta có 54 dân tộc, ngoài người Kinh (Việt) thì có 53 dân tộc (tộc người) thiểu số. Vùng dân tộc thiểu số được định nghĩa tại khoản 4, Điều 4 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/1/2011 của Chính phủ về *Công tác dân tộc* như sau: ““Vùng dân tộc thiểu số” là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Văn hóa vùng dân tộc thiểu số và miền núi có một số đặc điểm khác biệt với vùng người Kinh.

2.1. Tính đa dạng văn hóa

Ở Việt Nam, 53 tộc người thiểu số, mỗi tộc người đều có nhiều ngành, nhóm địa phương khác nhau. Do đó, xét về mặt văn hóa tộc người, Việt Nam là đất nước đa văn hóa. Tính đa dạng về văn hóa không chỉ phổ biến ở các tộc người mà còn phản ánh đậm nét ở các vùng miền khác nhau. Người Dao ở vùng cao khác với người Dao ở vùng thấp. Người Tày ở phía Đông sông Hồng khác với người Tày ở phía Tây sông Hồng. Ngay người Thái ở vùng Tây Bắc cũng khác với người Thái ở Mai Châu (Hòa Bình) và miền Tây Thanh - Nghệ. Sự đa dạng về địa hình, sự giao lưu văn hóa là những yếu tố tạo nên sự đa dạng về văn hóa. Sự đa dạng văn hóa đóng một vai trò rất quan trọng trong sự làm giàu kho tàng văn hóa các dân tộc; đồng thời đa dạng văn hóa cũng là đặc trưng của xã hội loài người. Năm 2001, tổ chức UNESCO đã ra tuyên ngôn toàn cầu về đa dạng văn hóa. Điều 1 của bản tuyên ngôn này nhấn mạnh: “Là một nguồn trao đổi, cải tiến và sáng tạo, sự đa dạng văn hóa đối với nhân loại cũng cần thiết như sự đa dạng sinh học trong trật tự cơ thể sống vậy. Với ý nghĩa đó, đa dạng văn hóa là di sản chung của nhân loại và phải được thừa nhận và khẳng định vì lợi ích của các thế hệ ngày nay và mai sau”. Tính đa dạng văn hóa không chỉ góp phần làm giàu kho tàng văn hóa

Việt Nam mà còn là nòng cốt để phát triển bền vững văn hóa. Không thể phát triển bền vững mà không có tính đa dạng văn hóa.

2.2. Cơ chế văn hóa dân gian là cơ chế vận hành quan trọng của văn hóa tộc người

Ở vùng dân tộc thiểu số, ngoại trừ những đô thị, còn đa số cư dân sống ở nông thôn. Người dân đều sống trong cộng đồng, trong các phum, sóc, bản, làng. Mối quan hệ cộng đồng là quan hệ chủ đạo trong xã hội. Tính cộng đồng được đề cao và chi phối các quá trình sáng tạo, phổ biến, tiêu dùng văn hóa. Mỗi sản phẩm văn hóa đều do cộng đồng sáng tạo. Một bản nhạc, điệu múa lúc đầu có thể do một nghệ nhân sáng tác, nhưng sau đó được cả cộng đồng trau chuốt. Mặt khác, nghệ nhân sáng tác trong thị hiếu và quan điểm của cộng đồng. Do đó, tác phẩm văn hóa là của chung của cộng đồng. Tính cộng đồng này được thể hiện nổi bật trong các thể chế phi chính thức, tạo ra vô số các chuẩn mực, thói quen, khuôn mẫu ứng xử, luật tục, hương ước... Các chuẩn mực đóng vai trò rất quan trọng trong việc quản lý xã hội, quản lý tài nguyên thiên nhiên, định hướng các hành vi ứng xử của mỗi cá nhân.

Cơ chế văn hóa dân gian còn quy định mọi hoạt động văn hóa quy mô lớn, mọi sự kiện văn hóa ở mỗi cộng đồng, mỗi tộc người đều phụ thuộc vào thời vụ sản xuất. Nền kinh tế của đồng bào các dân tộc thiểu số chủ yếu là kinh tế nông nghiệp mang đậm tính chất thời vụ. Các hoạt động nghi lễ đều xoay quanh thời vụ của cây trồng chính (lúa, ngô,...). Mỗi loại cây trồng đều có thời vụ khác nhau nhưng đều có thời gian mang tính *nông nhàn* và *tiểu nông nhàn*. Với cư dân trồng lúa, khi gieo trồng xong đến thời kỳ cây lúa phát triển thì họ có thời gian nhàn rồi gọi là *tiểu nông nhàn*; nhưng đến khi thu hoạch xong thì đó là thời gian *nông nhàn*. Đây là thời gian tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, nghi lễ cộng đồng, nghi lễ gia đình. Tính mùa vụ quy định rất chặt chẽ đời sống của người dân. Do đó mọi hoạt động tuyên truyền văn hóa của Nhà nước muốn đến với người dân đều phải tuân theo *cơ chế mùa vụ*. Ở các bản làng không thể tổ chức các cuộc thi hát hay biểu diễn văn nghệ quần chúng trái với mùa vụ.

Cơ chế văn hóa dân gian còn chi phối toàn bộ các thành tố văn hóa của cộng đồng. Mỗi phong tục tập quán, nghi lễ, các sinh hoạt văn hóa đều mang *tính chính thức*. Một bài hát then luôn gắn với sinh hoạt thực hành nghi lễ then. Bài dân ca đám cưới bao giờ cũng được tổ chức trong môi trường diễn xướng, lễ cưới. Một nền văn hóa của tộc người không phải là số cộng của các thành tố văn hóa với nhau, mà các thành tố văn hóa đều có sự liên kết chặt chẽ mang tính quan hệ hữu cơ¹. Mỗi một

1. Xem Hoàng Cầm, Nguyễn Trường Giang: *Đa dạng văn hóa - Bài học từ những câu chuyện*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr.13.

thành tố đều có giá trị, chức năng, công dụng khác nhau, gắn kết với nhau. Từ đặc điểm này chi phối rất nhiều đến nhận thức và tổ chức các hoạt động văn hóa gắn với phát triển.

Trong các thành tố văn hóa tộc người, tri thức dân gian (tri thức bản địa, tri thức tộc người) đóng vai trò rất quan trọng đối với phát triển bền vững. Tri thức dân gian là cả một kho tàng kinh nghiệm được đúc kết qua nhiều năm trong lịch sử, trở thành các ứng xử của tộc người với mối quan hệ xã hội, quan hệ với môi trường, bảo vệ các tài nguyên đất, rừng, nước,... Ngày 8/2/2010, Vườn Quốc gia Hoàng Liên bùng cháy dữ dội, thiêu rụi trên 1.000ha, lực lượng quân đội Quân khu 2 và dân quân tỉnh Lào Cai đã huy động hơn 3.000 người đến dập lửa nhưng ngọn lửa vẫn bùng cháy dữ dội. Bộ Tư lệnh Phòng không Không quân huy động trực thăng chữa cháy, nhưng do địa hình phức tạp nên việc dập lửa bằng máy bay không hiệu quả. Ba ngày sau, tỉnh Lào Cai đã huy động gần 500 người Mông, người Dao lên núi dập lửa bằng kinh nghiệm dân gian. Đồng bào người Mông, Dao đã nghiên cứu hướng gió, đặc điểm địa hình núi đá, đặc điểm cây rừng để làm đường ranh cản lửa, tổ chức vận chuyển nước và đã dập tắt được ngọn lửa sau 6 giờ. Trong trường hợp này, tri thức dân gian của đồng bào dân tộc thiểu số đã chiến thắng được thiên tai.

Cũng trên địa bàn tỉnh Lào Cai, từ năm 1992 đến những năm gần đây thường xuyên xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở núi (40 vụ), nhưng ở vùng người Hà Nhì cùng trên một địa bàn như người Dao ở huyện Bát Xát thì không xảy ra thiên tai. Nguyên nhân chủ yếu là tri thức dân gian, ứng xử với rừng, nước của người Hà Nhì hiệu quả, trong đó nổi bật là cơ chế thiêng hóa các loại rừng tạo thành mô hình bảo vệ môi trường bền vững ở vùng cao.

Như vậy, tri thức dân gian đóng vai trò quan trọng trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu, xây dựng các mô hình phòng chống thiên tai. Đồng thời, nhờ có tri thức dân gian đã tạo nên hàng loạt các sản phẩm OCOP. Phong trào “Mỗi xã, phường, thôn bản có một sản phẩm” đang góp phần xóa đói giảm nghèo đều bắt nguồn từ tri thức dân gian.

2.3. Mạng xã hội phát triển

Chỉ một thời gian ngắn, khoảng từ năm 2010 đến nay, mạng xã hội đã phát triển mạnh mẽ ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Trước hết là hạ tầng cơ sở của mạng xã hội trong những năm qua đã bùng nổ, hệ thống phủ sóng Internet phát triển mạnh mẽ ở khắp các tỉnh, cả khu vực đô thị cũng như nông thôn. Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, mạng Internet đã phủ kín từ 80% - 98% số thôn, bản. Điển hình như tỉnh Lào Cai năm 2019 đã có hơn 98% số thôn có hạ tầng bảo đảm kết nối Internet bằng rộng di động tại trung tâm, khu vực tập trung dân cư của thôn. Thuê bao Internet ở bản Vàng Pheo (xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu)

những năm qua phát triển nhanh, đặc biệt là thuê bao Internet tốc độ cao ADSL và thuê bao cáp quang FTTH. Bản Vàng Pheo đã được phủ sóng điện thoại; có cáp quang đi qua; phủ sóng 3G. Toàn bộ các nhà hàng ăn uống ở Mường So đều có Wifi miễn phí, nhiều quán hàng ăn uống bình dân cũng phục vụ Wifi miễn phí. Toàn bản có 118 hộ nhưng đã có khoảng 230 thuê bao Internet (di động và cố định).

Thuê bao Internet phát triển mạnh ở các tỉnh miền núi phía Bắc, tốc độ phát triển rất nhanh ở nhiều tỉnh như Phú Thọ, Lào Cai, Bắc Giang...

Thống kê thuê bao truy cập Internet ở một số tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn 2015-2018

Đơn vị tính: Thuê bao

Địa phương	Số lượng thuê bao Internet											
	Tổng số				Di động				Cố định			
	Năm 2015	Năm 2018	Tăng cả giai đoạn	Tăng bình quân/năm	Năm 2015	Năm 2018	Tăng cả giai đoạn	Tăng bình quân/năm	Năm 2015	Năm 2018	Tăng cả giai đoạn	Tăng bình quân/năm
Phú Thọ	319.827	854.780	167,26%	38,78%	250.723	691.380	175,75%	40,23%	69.104	163.400	136,46%	33,22%
Hòa Bình	155.229	271.208	74,71%	20,44%	120.125	221.522	84,41%	22,63%	35.104	49.686	41,54%	12,28%
Lào Cai ¹	15.862	37.639	137,29%	33,38%					15.862	37.639	137,29%	33,38%
Lạng Sơn	604.700	472.195	-21,91%	-7,91%	577.000	401.573	-30,40%	-11,38%	27.700	70.622	154,95%	36,61%
Bắc Giang	484.194	894.433	84,73%	22,70%	396.131	692.577	74,84%	20,47%	88.063	201.856	129,22%	31,85%
Tuyên Quang	748.810	752.088	0,44%	0,15%	722.200	709.520	-1,76%	-0,59%	26.610	42.568	59,97%	16,95%

Nguồn: Niên giám thống kê Phú Thọ, Hòa Bình, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Giang, Tuyên Quang.

Mạng xã hội chỉ xuất hiện ở vùng dân tộc thiểu số chưa đến một thập kỷ, nhưng có tác động mạnh mẽ đến quan hệ xã hội của tộc người. Trước hết là hình thành ý thức cố kết cộng đồng tộc người cao, mang tính chất xuyên biên giới, phạm vi toàn cầu. Theo thống kê sơ bộ vào ngày 10/10/2020, người Mông đã có 20 trang mạng xã hội lớn, mang tính chất quốc tế như: *HMOOB PUV NTIAJ TEB* (39.239 người thích, 129.320 người theo dõi); *Hmoob kev lom zem* (11.024 người thích, 45378 người theo dõi); *Txujci Hmoob* (15.560 người thích, 45.378 người theo dõi); *HMOOB PUV NTIAJ* (36.240 người thích, 129.330 người theo dõi), v.v.. Người Dao có 27 trang mạng, trong đó có nhóm *Cộng đồng dân tộc Dao* mới xuất hiện từ ngày 8/8/2018 nhưng có số người tham gia rất đông, khoảng 149.500 thành viên; nhóm *Bản sắc dân tộc Dao Áo dài* xuất

1. Năm 2019, số thuê bao Internet của tỉnh Lào Cai là 64.051 thuê bao cố định; 399.425 thuê bao di động.

hiện khá sớm (ngày 26/10/2014) với tổng số thành viên là 21.000 người, nhóm *Hội dân tộc Dao toàn quốc* có 11.000 thành viên,... Người Thái cũng có khoảng hơn 30 nhóm; trong đó lớn nhất là nhóm *Facebook người Thái* với 720.000 thành viên, nhóm *Bản Thái* với 73.000 thành viên, nhóm *Vẻ đẹp dân tộc Thái* với 54.000 thành viên... Các trang và nhóm Facebook của người Mông, Thái, Dao đều có mối quan hệ xuyên quốc gia. Số người tham gia đông đảo mang tính chất cộng đồng, tộc người. Họ là cư dân các nước Đông Nam Á, Pháp, Mỹ. Các nhóm Facebook này đề cao các bản sắc tộc người, ý thức cố kết tộc người mang tính chất toàn cầu, “đánh thức” và lan tỏa rộng khắp ý thức tộc người trong cộng đồng.

Nhờ mạng xã hội phát triển, mối quan hệ tộc người về văn hóa cũng phát triển khá mạnh. Ngôn ngữ là một thành tố của văn hóa phi vật thể các tộc người, đồng thời cũng là một tiêu chí để xác định thành phần tộc người. Các trang mạng xã hội đã góp phần hình thành và thống nhất chữ viết chung của cộng đồng. Năm 1959, chữ Mông Latinh hóa ra đời. Vào những năm 1960 - 1970, chữ Mông phát triển khá mạnh, trở thành công cụ xóa nạn mù chữ trong cộng đồng tộc người này ở miền núi phía Bắc; nhưng trong khoảng 10 năm gần đây, chữ Mông Latinh hóa kiểu mới (nhiều người gọi là chữ Mông quốc tế) đã chiếm lĩnh không gian mạng. Từ việc truyền đạo Tin Lành cho đến các chương trình âm nhạc, phim, sinh hoạt văn hóa truyền thống, giao tiếp trên mạng... đều sử dụng chữ Mông Latinh hóa mới (chữ Mông quốc tế). Chữ Mông quốc tế trở thành chữ viết của người Mông (dù được chính quyền thừa nhận hay không thừa nhận). Thanh niên Mông học chữ Mông quốc tế ngay trên các trang mạng. Người Mông tiếp cận với các thông tin qua mạng xã hội đều thông qua chữ Mông quốc tế. Chữ Mông quốc tế cũng xóa nhòa những đặc điểm riêng trong ngôn ngữ của từng ngành Mông, trở thành một chữ viết thông dụng và phổ cập.

Người Thái có hai xu hướng sử dụng chữ viết. Một số nhóm người Thái ở Thái Lan và các vùng Mường Lò, Mường Thanh, Lai Châu, miền Tây Thanh Hóa - Nghệ An sử dụng chữ viết người Thái cổ đã được các trí thức Thái cải tiến. Nhiều trang mạng của cộng đồng người Thái Việt Nam giao tiếp với người Thái ở Thái Lan thông qua chữ Thái này. Một số trang mạng xã hội cũng tăng cường dạy chữ Thái cổ cải tiến. Tuy nhiên, hiện nay một số trang mạng xã hội của người Thái ở Việt Nam vẫn sử dụng chữ phổ thông (chữ Việt) làm chữ viết trên mạng; đồng thời xuất hiện xu hướng người Thái tự Latinh hóa tiếng Thái thành chữ viết đơn giản. Kiểu chữ viết này không phát âm đúng theo từng vùng nhưng lại được một bộ phận trong cộng đồng người Thái giao dịch với người Thái ở nước ngoài yêu thích vì tính thuận lợi. Điều đó phản ánh nhu cầu muốn Latinh hóa chữ Thái. Một số nhóm trao đổi ngôn ngữ Thái phát triển khá mạnh như nhóm *Diễn đàn ngôn ngữ Thái - The Forum of Tai*, trang *Lịch sử văn hóa Thái*, nhóm *Giao lưu văn hóa Thái Việt Nam*...

Tương tự như vậy, người Dao có xu hướng Latinh hóa tiếng Dao thành chữ viết. Một số trang mạng xã hội do các nhà nghiên cứu chữ Dao quản trị đã giảng dạy, phổ biến loại chữ Latinh trên mạng. Một số trang mạng bước đầu xây dựng bộ từ điển tiếng Dao qua hệ thống chữ Latinh. Chữ viết Dao Latinh bước đầu trở thành ngôn ngữ giao tiếp chính trên các mạng của giới trẻ và trí thức Dao. Sự trao đổi thông tin trên mạng đã góp phần chuẩn hóa dần chữ viết Dao. Chữ viết Dao Latinh dần dần hình thành theo cơ chế dân gian. Một tác giả trao đổi chữ viết trên mạng thì cả cộng đồng tham gia, sửa lại các âm cho phù hợp, tức là tham gia sáng tạo chữ viết. Theo thời gian và cường độ giao tiếp, có thể chữ Dao Latinh sẽ ra đời. Các chữ viết của các dân tộc được hình thành trên mạng có một môi trường sử dụng hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng, nó khác hẳn với việc học chữ viết kiểu truyền dạy truyền thống. Tốc độ lan truyền của chữ viết mới, môi trường sử dụng chữ viết mới cũng như số lượng người biết chữ viết sẽ lan tỏa nhanh chóng. Có chữ viết, sự cố kết của cộng đồng tộc người, sự giao tiếp giữa các thành viên càng tạo ra sự củng cố và phát triển quan hệ tộc người.

Mạng xã hội còn hình thành nhiều trang, nhóm tuyên truyền, quảng bá về phong tục tập quán, ẩm thực, lễ hội, di sản văn hóa, văn nghệ các tộc người. Trong cộng đồng người Dao ở Lào Cai đã xuất hiện những Youtuber nổi tiếng như Đặng Văn Giáo, Hoàng Quốc Vinh... Họ vừa mở các trang giới thiệu, quảng bá về văn nghệ người Dao, vừa đưa lên youtube các phong tục tập quán, lễ hội độc đáo của người Dao. Ẩm thực Thái đã được các nhóm cộng đồng người Thái Mường Lò, Mường La thường xuyên giới thiệu trên mạng xã hội. Đặc biệt, trên Youtube xuất hiện nhiều kênh do các bạn trẻ người Thái yêu ca hát lập nên với hàng trăm nghìn lượt theo dõi và hàng triệu lượt xem.

Nhờ có mạng xã hội, một số tộc người đã tham gia hoặc đứng ra tổ chức các sự kiện văn hóa có quy mô quốc gia, quốc tế. Sự kiện “Giao lưu văn hóa Thái Việt Nam lần thứ nhất” được tổ chức tại Hà Nội vào ngày 16/7/2017 đã quy tụ được đông đảo cộng đồng người Thái ở Việt Nam, nhưng đồng thời cũng có sự tham gia của các đoàn người Thái đến từ Thái Lan, Lào... Bên lề các sự kiện như “Ngày hội văn hóa Thái toàn quốc” năm 2019 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, “Lễ hội Xòe Mường Lò” các năm 2018, 2019... đều có sự tham gia của cộng đồng người Thái Đông Nam Á. Lễ hội Gầu Tào của người Mông ở Pha Long, tỉnh Lào Cai cũng thu hút được nhiều người Mông ở Mỹ, Thái Lan, Trung Quốc tham dự. Nhờ mạng xã hội đã kết nối cộng đồng người Thái, Mông chung tay tổ chức các hoạt động văn hóa có quy mô lớn, sự liên kết tộc người qua các sự kiện văn hóa ngày càng có xu hướng phát triển.

3. Kiến nghị và đề xuất xây dựng các chính sách văn hóa ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số

3.1. Nhận thức và quan điểm

Cần đổi mới nhận thức và quan điểm chỉ đạo về văn hóa vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Tính đa dạng văn hóa là đặc điểm nổi trội của văn hóa các tộc người. Vì vậy, cần tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong nhận thức và quan niệm của người xây dựng chính sách và thực hiện chính sách ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Đồng thời, chú trọng đề cao tính đa dạng văn hóa. Văn hóa các tộc người đều được tôn trọng, bình đẳng như nhau, không có loại văn hóa cao và văn hóa thấp, không coi văn hóa của tộc người này là “lạc hậu”. Mọi văn hóa của các tộc người đều có giá trị như nhau, đều được tôn trọng ngang nhau¹.

Văn hóa các tộc người đều có đặc trưng *chính thể, nguyên hợp*. Mỗi thực hành văn hóa (nghĩ lễ, tín ngưỡng, phong tục, tập quán...) đều có nhiều bộ phận (thành tố) có những giá trị, chức năng khác nhau, nhưng đều có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, khi thay đổi một thành tố của văn hóa thì sẽ thay đổi cả hệ thống văn hóa. Vì thế, không thể áp dụng máy móc các quan điểm ấu trĩ tả khuynh hoặc bài trừ tràn lan cái gọi là hủ tục mê tín dị đoan trong thực hành văn hóa của các tộc người. Trong những năm 1970-1980 của thế kỷ trước, hầu hết các khu rừng thiêng của đồng bào dân tộc bị giải thiêng vì bài trừ mê tín. Các di sản văn hóa như lễ cấp sắc của đồng bào Dao, Sán Dìu, Cao Lan... đều bị cấm, không được tổ chức. Các lễ hội Gầu Tào của người Mông; lễ hội Cúng rừng của người Phù Lá, người Nùng; các lớp truyền dạy chữ Nôm Dao,... bị xóa bỏ, dẫn đến tình trạng đứt gãy văn hóa, thậm chí do mất rừng thiêng nên lũ quét, lũ ống thường xuyên tràn về. Tính chính thể, nguyên hợp xuyên suốt mọi thực thể, mọi di sản văn hóa.

Các bộ phận của di sản quan hệ với nhau khăng khít. Mỗi di sản mang đặc trưng nghệ thuật đều bao gồm các thành tố nghĩ lễ, tín ngưỡng, âm nhạc, múa, nghệ thuật tạo hình... Do đó, không thể cắt xén từng bộ phận để bảo tồn hoặc phát huy. Vì vậy, khi nghiên cứu các yếu tố phát triển bền vững về văn hóa phải chú trọng đến các yếu tố tự nhiên, chính trị, môi trường, kinh tế, xã hội của chủ nhân văn hóa tộc người. Có quan điểm nghiên cứu toàn diện mới đề xuất được các giải pháp hiệu quả.

Hiện nay, vấn đề văn hóa mạng đang phát triển mạnh mẽ ở khắp vùng đồng bào dân tộc. Các mạng xã hội như Facebook, Youtube, Tiktok,... đã đổ bộ đến khắp các bản làng. Người Mông ở một làng hẻo lánh tại huyện Mù Cang Chải (Yên Bái) hay

1. Xem Hoàng Cầm, Nguyễn Trường Giang: Đa dạng văn hóa - Bài học từ những câu chuyện, Sdd, tr.15.

Mường Tè (Lai Châu) có thể kết nối, trao đổi thường xuyên với cộng đồng người Mông ở Mỹ, Pháp. Chính vì vậy, ta cần có các giải pháp quản lý nhưng cũng không nên có quan điểm cực đoan, cấm đoán, hạn chế. Đồng thời cũng cần chú ý đến quan hệ tộc người xuyên biên giới.

3.2. Về xây dựng chính sách và thực hiện chính sách

Trong mấy thập kỷ qua, Quốc hội nước ta đã xây dựng các bộ luật về văn hóa và liên quan đến lĩnh vực văn hóa như Luật Di sản văn hóa, Luật Tín ngưỡng tôn giáo, Luật Du lịch, Luật Bình đẳng giới. Đây là thành tựu nổi bật về chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Mặt khác, Chính phủ cũng đề ra các chương trình, mục tiêu quốc gia, mà mới nhất là Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*. Tuy nhiên, với quan điểm về đa dạng văn hóa, về tính chỉnh thể, nguyên hợp trong văn hóa dân gian, về các yếu tố mạng xã hội... cũng cần xem xét lại các bộ luật và các chương trình mục tiêu, các thể chế chính sách. Trước hết, chúng tôi thấy cần sửa đổi, bổ sung một số điều cụ thể của các luật và chương trình như sau:

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa

Trong Luật Di sản văn hóa (Văn bản hợp nhất 10/VBHN-VPQH năm 2013 hợp nhất Luật Di sản văn hóa do Văn phòng Quốc hội ban hành) cần sửa đổi, bổ sung Điều 26 với nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, về chính sách tôn vinh. Cần mở rộng đối tượng được tôn vinh, không chỉ là nghệ nhân (khoản 1 Điều 26) mà còn tôn vinh những người thực hành, người có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Thứ hai, về chính sách truyền dạy (bổ sung mới): Có chính sách khuyến khích việc truyền dạy trực tiếp tại cộng đồng, chính sách nghệ nhân tham gia truyền dạy tại các cơ sở của ngành giáo dục, đưa nội dung di sản văn hóa phi vật thể vào giảng dạy tại các trường phổ thông, trường nghề, trường văn hóa nghệ thuật.

Thứ ba, về chính sách hỗ trợ sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (bổ sung mới): Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân tham gia vào việc hỗ trợ nghệ nhân tham gia thực hành, sáng tạo văn hóa.

- Sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng

Đề nghị bổ sung đối tượng, hình thức tôn vinh, khen thưởng khác bên cạnh việc tôn vinh bằng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú. Việc bổ sung đối tượng, hình thức tôn vinh này cần sửa đổi ở Điều 65 của Luật Thi đua, khen thưởng cho thống nhất với Luật Di sản văn hóa.

- Điều 21 Luật Di sản văn hóa (Văn bản hợp nhất 10/VBHN-VPQH năm 2013 hợp nhất Luật Di sản văn hóa do Văn phòng Quốc hội ban hành): Nhà nước bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc Việt Nam thông qua các biện pháp sau đây:

+ Nghiên cứu, sưu tầm, lưu giữ tiếng nói, chữ viết của cộng đồng các dân tộc; ban hành quy tắc phiên âm tiếng nói của những dân tộc chưa có chữ viết; có biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với tiếng nói, chữ viết có nguy cơ mai một.

+ Dạy tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo yêu cầu công việc; dạy tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số cho học sinh người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Giáo dục; xuất bản sách, báo, thực hiện các chương trình phát thanh, truyền hình, sân khấu bằng tiếng dân tộc thiểu số.

- Trong “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025” có nhiều điểm mới phù hợp với đặc điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên có một số điểm chưa thấm đẫm đặc trưng dân tộc, tôn trọng cái riêng của dân tộc trong lĩnh vực văn hóa. Ví dụ vấn đề xây dựng nhà văn hóa, vấn đề xây dựng quy ước, hương ước, xây dựng câu lạc bộ... chủ yếu chú ý đến đặc điểm chung, ít chú ý đến các đặc điểm riêng của từng tộc người. Nhà văn hóa của người Mông, Dao cũng giống như nhà văn hóa của người Chăm, Khmer; đường đến các làng du lịch đều được bê tông hóa, không khác gì các làng ở vùng đồng bằng... Nội dung, hình thức truyền thông, tuyên truyền đồng bào các dân tộc thiểu số trong Chương trình mục tiêu vẫn tồn tại các hình thức, nội dung như thế kỷ trước, không thấy đề cập văn hóa mạng và không gian mạng xã hội trong công tác tuyên truyền. Riêng lĩnh vực tuyên truyền, vận động cần nghiên cứu, đổi mới một cách toàn diện, phù hợp với điều kiện của toàn cầu hóa, số hóa hiện nay.

Như vậy, phát triển bền vững về văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số là vấn đề quan trọng và cấp bách. Tuy nhiên, muốn thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này, đòi hỏi phải nắm vững đặc điểm văn hóa vùng dân tộc thiểu số. Từ đó xây dựng những quan niệm chỉ đạo phù hợp, đề xuất các giải pháp hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Quỳnh Anh và cộng sự: *Thanh niên dân tộc thiểu số trong không gian mạng: Hiện thực và trải nghiệm của một số nhóm cộng đồng tại khu vực miền núi tỉnh Bắc Kạn*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2018.
- [2] Hoàng Cầm, Nguyễn Trường Giang: *Đa dạng văn hóa - Bài học từ những câu chuyện*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014.
- [3] Trần Hữu Sơn: *Xây dựng đời sống văn hóa ở vùng cao*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2004.

- [4] Trần Hữu Sơn: *Văn hóa dân gian ứng dụng*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2017.
- [5] Niên giám thống kê của các tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Giang, Tuyên Quang, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2019.
- [6] The State of the Environment 1980: Selected Topics, United Nations Environment Programme.
- [7] Bergqvist, A., Å. Persson and L. Segnestam: *Indicators for Sustainable Development. Analysis and Suggestions for Further Work* (Các chỉ số cho phát triển bền vững: phân tích và đề xuất cho công việc tiếp theo) (in Swedish), Ministry of Environment, Stockholm, 2002.
- [8] Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025”.

VĂN HÓA LÀ SỨC MẠNH NỘI SINH, ĐỘNG LỰC ĐỂ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. TRƯƠNG THỊ MAI*

Hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã hình thành những giá trị tốt đẹp trong văn hóa, văn hiến Việt Nam. Từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đến nay, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng Việt Nam. Để Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa ngày càng tăng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

*

* *

Cách mạng là văn hóa, văn hóa là cách mạng

Các thế lực đế quốc khi xâm lược, thống trị Việt Nam luôn coi văn hóa là một mục tiêu, một nội dung cơ bản trong chính sách cai trị. Bên cạnh các chính sách về chính trị, kinh tế, quân sự... là chính sách ngu dân, nô dịch về văn hóa. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đang nổi lên hàng đầu ở nước ta. Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trên tất cả các mặt trận: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa. Năm 1943, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng ta đã xác định văn hóa là một mặt trận, trong đó người cộng sản phải tham gia hoạt động với tư cách là một người chiến sĩ văn hóa. Quan điểm của Đảng hướng tới một nền văn hóa với các nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng là mục tiêu, phương hướng để xây dựng nền văn hóa cách mạng sau này. Nhiều đảng viên, lãnh tụ của Đảng vừa là chiến sĩ cách mạng, vừa là nhà văn hóa như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Tố Hữu... Những tuyên ngôn về văn hóa đã xuất hiện. “Nay ở trong thơ nên có thép. Nhà thơ cũng phải biết xung phong”¹. “Lấy cán bút làm đòn xoay chế độ. Mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền” (Trường Chinh). “Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ. Mặt trời chân lý chói qua tim” (Tố Hữu)... Thắng lợi của Cách mạng

* Khoa Chính trị - Hành chính, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.451.

Tháng Tám năm 1945 không chỉ là thắng lợi về chính trị, quân sự đã đem lại nền độc lập cho Việt Nam, mà còn là thắng lợi về văn hóa khi văn hóa cách mạng tiến bộ, chiến thắng văn hóa ngu dân nô dịch mà các thế lực thực dân phong kiến áp đặt cho nhân dân ta. Thắng lợi này mở ra kỷ nguyên phát triển mới cho dân tộc Việt Nam trong đó có văn hóa.

Ngay sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* (ngày 2/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 3/9/1945). Trong phiên họp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra các công việc cấp bách của chính quyền mới là chống “giặc dốt”, chống “giặc đói”, chống giặc ngoại xâm. Như vậy, chống “giặc dốt” là một trong ba kẻ thù của chế độ mới ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”¹. Vì vậy phải đem ánh sáng văn hóa soi đường cho quốc dân đi, phải “thực hành đời sống mới là một điều cần kíp cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc”².

Các phong trào “bình dân học vụ”, “xây dựng đời sống mới” được phát động để chống “giặc dốt”, góp phần xây dựng nền văn hóa mới. Chỉ có cách mạng mới làm được điều kỳ diệu trong 16 tháng (từ tháng 9/1945 - 12/1946), khi xóa mù chữ cho khoảng 2,5 triệu người trưởng thành. Nhìn lại 87 năm (1858-1945) xâm lược, thống trị của thực dân Pháp bằng chính sách ngu dân, nô dịch về văn hóa, làm cho hơn 90% dân số Việt Nam mù chữ thì mới thấy ý nghĩa to lớn của thành quả này. Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, đánh lâu dài dựa vào sức mình là chính. Một lần nữa, quan điểm văn hóa là mặt trận được khẳng định trong sự nghiệp “kháng chiến, kiến quốc”. Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954, đánh dấu mốc son lịch sử, lần đầu tiên một dân tộc nhược tiểu, đất không rộng, người không đông đã giành thắng lợi trước quân đội nhà nghề của một đế quốc hàng đầu thế giới. Đây không những là võ công chói lọi, mà còn là chiến thắng của văn hóa cách mạng nhân đạo, tiến bộ đối với “văn hóa” xâm lược thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân cũ. Chiến thắng Điện Biên Phủ phát huy cao độ truyền thống của dân tộc Việt Nam “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn. Lấy chí nhân để thay cường bạo” (*Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi), được nâng lên tầm cao mới của thời đại, đã góp phần cùng các dân tộc thuộc địa trên thế giới vùng lên lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn cầu toàn.

Từ năm 1954 đến năm 1975, đất nước bị chia cắt làm hai miền. Miền Bắc được giải phóng và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam nằm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân. Cách mạng Việt Nam có chung nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.7.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.111.

nước để đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội với đường lối tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng là cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa đã đem lại những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa mới và con người mới ở miền Bắc. Y tế, giáo dục phát triển; văn hóa văn nghệ rục rịch; môi trường văn hóa tinh thần cao đẹp “người với người sống để yêu nhau”, “tiếng hát át tiếng bom”, “người tốt, việc tốt”, “thanh niên ba sẵn sàng”, “phụ nữ ba đảm đang”, “tay búa, tay súng”, “tay cày, tay súng”, “tay bút, tay súng”... Không thể kể hết những phong trào thi đua văn hóa sôi nổi trong chiến tranh đã góp phần hình thành con người yêu nước cách mạng ở miền Bắc. Đây thực sự là nhân tố quyết định thắng lợi của các cuộc kháng chiến. Hàng triệu lượt thanh niên miền Bắc đã vì đồng bào miền Nam ruột thịt “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước. Mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Nhân dân miền Nam anh dũng đấu tranh chống sự xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ và tay sai không chỉ về mặt quân sự, chính trị mà còn đấu tranh bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc trước văn hóa lai căng, đồi trụy mà kẻ thù ra sức du nhập vào Việt Nam. Những phong trào như “hát cho đồng bào tôi nghe”, “ký giả đi ăn mày”, “đốt cờ và xe Mỹ” ở các đô thị miền Nam... là những biểu hiện sinh động của cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa. Chủ nghĩa yêu nước cách mạng Việt Nam đã lan tỏa trên khắp chiến trường để ở đâu trên khắp miền Nam “ra ngõ gặp anh hùng, vào nhà gặp dũng sĩ”, quyết tâm chiến thắng giặc Mỹ và tay sai.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là chiến công chói lọi nhất trong lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam. Đây là thắng lợi của văn hóa cách mạng tiến bộ, thấm đẫm các giá trị nhân văn vì con người đối trọng với “văn hóa” phản động, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân mới. Văn hóa là dòng chảy xuyên suốt cách mạng Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người ở nước ta. Văn hóa là cách mạng, cách mạng là văn hóa.

2. Đổi mới là văn hóa, văn hóa là đổi mới

Năm 1975, đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội được xác định tại Đại hội lần thứ IV (1976), lần thứ V (1982), văn hóa được khẳng định là một trong ba cuộc cách mạng ở Việt Nam: cách mạng về quan hệ sản xuất (đi trước một bước); cách mạng về khoa học - kỹ thuật (là then chốt); cách mạng về tư tưởng - văn hóa (nhằm mục tiêu xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa và con người mới xã hội chủ nghĩa). Trong quan niệm giản đơn, duy ý chí về chủ nghĩa xã hội nói chung, dẫn tới nhận thức giản đơn, duy ý chí về văn hóa nói riêng. Văn hóa thời kỳ này mang nặng tính giai cấp (xã hội chủ nghĩa),

“tả” khuynh nhất định (trong biện pháp, cách thức thực hiện). Văn hóa chủ yếu được coi là các lĩnh vực như: ca múa nhạc, sân khấu điện ảnh, văn học, nghệ thuật; các biểu hiện nhất định trong đời sống sinh hoạt cơ bản của con người như ăn, ở, mặc... Thậm chí, văn hóa còn được hiểu là trình độ học vấn ghi trong lý lịch của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Do phải tập trung chặn đứng, đẩy lùi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nên lĩnh vực văn hóa chưa được quan tâm tương xứng để đổi mới về chất so với thời kỳ bao cấp trước đó. Đại hội lần thứ VII của Đảng (1991) đề ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, làm cơ sở khoa học cho sự nghiệp đổi mới. Lần đầu tiên, sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được xác định; trong đó, đặc trưng thứ ba là có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cột mốc này đánh dấu sự đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng ta về văn hóa với phạm vi, nội hàm rộng lớn và bao quát hơn. Kể từ năm 1943, với *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, đến năm 1998, Đảng mới ban hành Nghị quyết chuyên đề về văn hóa, tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*). Nghị quyết đã chỉ ra một hệ thống giá trị văn hóa trên các lĩnh vực, lần đầu tiên được xác lập ở Việt Nam bao gồm: văn học, nghệ thuật; môi trường văn hóa; tư tưởng, đạo đức lối sống; giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ; thông tin truyền thông đại chúng; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc Việt Nam; chính sách văn hóa đối với tôn giáo; hoàn thiện thể chế văn hóa; mở rộng hợp tác giao lưu quốc tế về văn hóa. Như vậy, quan niệm về văn hóa đã được đổi mới một cách toàn diện, khái quát hơn và đây là cơ sở khoa học để Đảng ta xác định văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực để thúc đẩy đất nước và xã hội phát triển. Văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Văn hóa phải gắn với chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Văn hóa phải được thể hiện trong sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; quản lý của Nhà nước, được thể chế hóa thành hệ thống pháp luật; trong dân chủ hóa xã hội và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (1998), đã tạo ra sự phát triển mạnh mẽ của văn hóa ở nước ta. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong sáu đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. “Tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” hoàn toàn không phải là hai tính chất, hai yêu cầu tách rời nhau hay đứng cạnh nhau, mà xuyên thấm vào nhau để tạo nên phẩm chất chung của nền văn hóa. Về nhận thức, với tính chất tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc giúp chúng ta hiểu văn hóa một cách sâu sắc, toàn diện hơn. Các quan niệm cũ như: “nội dung xã hội chủ nghĩa”, “hình thức dân tộc”, “văn hóa xã hội chủ nghĩa”, “tính chất dân tộc”, được thay thế bằng các tính chất nêu trên. Nền văn hóa Việt Nam với hai tính chất cơ bản “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trở thành một trong những đặc

trung của cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Hai tính chất này có tính độc lập tương đối nhưng không biệt lập, không đối lập mà gắn bó, hòa quyện chặt chẽ với nhau, tạo nên giá trị bền vững cho văn hóa Việt Nam.

“Tiên tiến” là thẩm chuẩn quan điểm lập trường giai cấp công nhân, nắm vững nguyên lý, giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam, gắn với thời cuộc, thời đại ngày nay. Tiên tiến là không xa rời mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. “Tiên tiến” là nền văn hóa phải vì con người, lấy con người làm trung tâm, là mục tiêu, là động lực để phát triển. Con người phải được sống trong tự do và phát triển toàn diện, hưởng hạnh phúc, có mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân với gia đình, cộng đồng, xã hội và tự nhiên. “Tiên tiến” là biết cầu thị, học tập, tiếp thu những thành tựu văn minh nhân loại, kể cả trong chủ nghĩa tư bản phát triển để làm giàu có hơn tiềm năng, tiềm lực văn hóa của nhân dân và dân tộc Việt Nam. “Tiên tiến” là phải biết gắn kết với thời cuộc, thời đại các giá trị nhân loại để tăng tính nhân văn trong văn hóa Việt Nam, không chỉ là cộng hưởng mà còn cộng đồng trách nhiệm đối với những vấn đề văn hóa chung mang tính toàn cầu của thế giới ngày nay.

“Đậm đà bản sắc dân tộc” là giữ gìn, bảo vệ, phát huy những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa, được hình thành qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn; lao động cần cù thông minh sáng tạo; nhân ái, bao dung, đoàn kết; tự trọng, tự tôn dân tộc; yêu quý con người với những giá trị chân - thiện - mỹ; truyền thống hiếu học, khiêm tốn, giản dị... Mặt khác, phải biết “từ chối” những hạn chế trong văn hóa của cha ông với những hủ tục lạc hậu, những “căn bệnh” gắn với xã hội tiểu nông, chịu ảnh hưởng tiêu cực trong hệ tư tưởng phong kiến; sự áp đặt văn hóa phản động, nô dịch do các thế lực thực dân đế quốc đưa vào Việt Nam. Tinh thần “gạn đục khơi trong”, “cố cựu tri tân”, lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa mang tính bản sắc của dân tộc Việt Nam đang trở thành yêu cầu cấp bách khi Việt Nam chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng vào thế giới ngày nay. Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc phải hướng đến xây dựng con người Việt Nam yêu nước, cách mạng, văn minh, hiện đại và ở góc độ đòi hỏi của thực tiễn là bên cạnh “gen” dân tộc, phải tiếp biến với “gen” nhân loại, thời đại. Không chỉ là công dân Việt Nam mà còn là công dân toàn cầu, “công dân số” khi thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

“Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trở thành định hướng để giải quyết các mối quan hệ phức tạp, rộng lớn luôn xuất hiện trong quá trình đổi mới giữa văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại; xây dựng chính đốn Đảng và hệ thống chính trị. Văn hóa phải đi trước một

bước để mở đường cho chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Văn hóa phải là sức mạnh mềm, quyền lực mềm của đất nước và chế độ. Văn hóa phải là nhịp cầu kết nối giữa Việt Nam với bạn bè trong khu vực và trên thế giới. Văn hóa không chỉ là dấu hiệu nhận diện mang tính bản sắc của Việt Nam trong thế giới ngày nay, mà còn là lĩnh vực mà Việt Nam có tiềm năng, thế mạnh lớn nhất để kết nối, hội nhập, hòa nhập vào khu vực và thế giới mà không bị “hòa tan” giá trị văn hóa của chính mình.

Đổi mới tư duy, nhận thức về văn hóa là điều kiện để các loại hình văn hóa mang tính truyền thống, đã định hình từ trước đến nay được phát triển; đồng thời nhiều loại hình văn hóa mới được xác lập và từng bước hình thành ở Việt Nam như quan niệm về xây dựng môi trường văn hóa là tiền đề, là điều kiện phát triển văn hóa toàn diện. Từ quan niệm này đã xuất hiện các phong trào sôi nổi, rộng lớn trong nhân dân, đem lại những kết quả thực tiễn đáng khích lệ như xây dựng gia đình văn hóa; toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn dân cư; xây dựng công sở văn hóa... Quan niệm về “công nghiệp văn hóa” xuất hiện, từng bước được Nhà nước và cộng đồng quan tâm, đầu tư nguồn lực và đã có sự chuyển biến, khởi sắc trên các lĩnh vực như: du lịch; bảo vệ phát huy các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; xuất bản, giải trí, thời trang, tổ chức sự kiện... Lĩnh vực thể chế hóa văn hóa được coi là điểm mạnh trong thời gian vừa qua khi nhiều đạo luật liên quan tới lĩnh vực văn hóa đã được xây dựng, ban hành và đi vào cuộc sống như Luật xuất bản, Luật di sản văn hóa, Luật sở hữu trí tuệ,... Các đạo luật này có ý nghĩa to lớn trong xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam; trong quá trình hội nhập văn hóa Việt Nam với văn hóa khu vực và thế giới.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI bổ sung thêm giá trị mới khi gắn con người với văn hóa, (Nghị quyết số 33-NQ/TW Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Thực hiện các nghị quyết trên, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực. Đó là: “Nhận thức về văn hóa, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu mới, nhiều mặt của đời sống xã hội. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng, phát huy hiệu quả thiết thực. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc. Phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Việc phê phán, đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây hại đến văn hóa, lối sống con người được chú trọng”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.64-65.

3. Tiếp tục khơi nguồn, mở lối để văn hóa mãi là ngọn đuốc soi đường cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc

Đại hội lần thứ XIII của Đảng (2021), khẳng định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”¹.

Trải qua 35 đổi mới, lĩnh vực văn hóa đã có bước phát triển mạnh mẽ. Văn hóa đã chuyển hóa trở thành “sức mạnh mềm” của đất nước. Nhiều thành tựu văn hóa đã góp phần tạo ra môi trường văn hóa gắn kết với thực tiễn của đất nước, phù hợp với quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế ngày càng phong phú, đa dạng, đa phương. Giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc được bảo tồn, gìn giữ, phát huy, đồng thời tiếp thu được những giá trị văn minh, tiến bộ của văn hóa thế giới. Nhiều lĩnh vực về quản lý văn hóa đang được thể chế hóa, từng bước được hoàn thiện về quản lý nhà nước với hành lang pháp lý phục vụ cho các hoạt động văn hóa trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ những lĩnh vực chỉ mang ý nghĩa về tuyên truyền, tư duy bao cấp, nay đã ngày càng thích ứng với điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoạt động văn hóa, sản phẩm văn hóa đã trở thành lĩnh vực có giá trị kinh tế, tạo ra lợi nhuận. Bước đầu hình thành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam, đặc biệt những lĩnh vực liên quan tới thể mạnh ở Việt Nam như du lịch, xuất bản, văn học, nghệ thuật, tổ chức sự kiện, truyền thông, báo chí,... Sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động mạnh mẽ đến văn hóa. Nhiều lĩnh vực mới xuất hiện dưới tác động của Internet, trí tuệ nhân tạo, kết nối không dây toàn cầu tốc độ cao, dữ liệu lớn,... đã cung cấp một khối lượng thông tin, tri thức khổng lồ của nhân loại với những thành tựu văn minh mới, “một ngày bằng cả trăm năm”. Yếu tố này đã làm thay đổi mang tính bùng nổ về thông tin, tri thức góp phần mở mang trí tuệ của con người, nâng cao dân trí và năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân. Có những lĩnh vực trước đây là lao động mang tính đặc thù như văn nghệ sĩ, truyền thông báo chí... thì hôm nay mỗi người dân có thể tự mình trở thành nhà sáng tạo, người sáng tác. Mạng xã hội bùng nổ ở Việt Nam đã tạo ra nhiều diễn đàn có lượng người tham gia tương tác khổng lồ mà các hoạt động truyền thống trước đây không thể thực hiện được. Việc hưởng thụ văn hóa của người dân được mở rộng và nâng cao, làm cho

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.115-116.

người dân tăng thêm tính sáng tạo, tự chủ, tiếp cận nhanh tri thức nhân loại, nâng hiệu suất hoạt động của con người Việt Nam ngày càng phù hợp với kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập sâu rộng vào thế giới ngày nay.

Bên cạnh những thành tựu, văn hóa Việt Nam đứng trước nhiều thách thức. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Quy mô và trình độ phát triển kinh tế tồn tại những hạn chế. Nguồn lực đầu tư cho văn hóa chưa tương xứng với vị thế, vai trò là nền tảng tinh thần xã hội. “Tư duy bao cấp, cơ chế xin - cho” vẫn tồn tại; quản lý nhà nước về văn hóa ở các cấp chủ yếu vẫn là dừng lại ở những “sự vụ văn hóa” cụ thể. Chưa đặt văn hóa trong chính trị, trong kinh tế một cách nhuần nhuyễn... Những hạn chế này đã đưa tới các yếu kém, khuyết điểm trong văn hóa hiện nay. Văn hóa chính trị xuất hiện những thách thức của đảng cầm quyền như sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; bệnh quan liêu, tham nhũng, tiêu cực vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi và thậm chí có những mặt còn phức tạp, tinh vi, khó nhận diện và đấu tranh để phòng chống hơn trước. Thể chế văn hóa còn chậm đổi mới, chưa đồng bộ. Việc ban hành và thực thi pháp luật trên lĩnh vực văn hóa còn nhiều bất cập. Chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa vừa thiếu, vừa yếu lại chưa được cơ cấu, phân bố một cách hợp lý. Bộ máy quản lý về văn hóa từ Trung ương đến địa phương chưa đồng bộ; lúng túng, lạc hậu trong điều kiện kinh tế thị trường mở cửa hội nhập. Các lĩnh vực như dịch vụ, sản phẩm văn hóa chất lượng còn hạn chế. Công nghiệp văn hóa chưa hình thành một cách đồng bộ để cung cấp những sản phẩm văn hóa chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu hưởng thụ của người dân. Đáng lo ngại là sự xuống cấp về đạo đức, lối sống đang ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường lành mạnh của xã hội, sự ổn định của đất nước. Sự “tấn công văn hóa” của các thế lực thù địch từ bên ngoài là một thách thức trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa Việt Nam, đi liền với tiếp thu những thành tựu văn minh của nhân loại trong điều kiện mới. Chúng ta phải nói đến mặt trái của mạng xã hội đang có những tác động ảnh hưởng bất lợi đến đời sống tinh thần xã hội ở nước ta. Việc ban hành Luật an ninh mạng (năm 2018) là cần thiết nhưng tổ chức thực thi để đạo luật này đi vào cuộc sống mới là điều quyết định và đây là một biểu hiện mới cần chú ý trong hoạt động văn hóa ở nước ta. Một trong những hạn chế của văn hóa hiện nay là thiếu những công trình, tác phẩm văn hóa tiêu biểu, phản ánh đúng tầm sự phát triển đời sống văn hóa ở nước ta trong thời kỳ đổi mới; thiếu những cuộc vận động, những hoạt động văn hóa mang tính “đòn bẩy”, tạo ra sự phát triển đột phá là bước ngoặt kích hoạt một cách tích cực đời sống văn hóa tinh thần ở nước ta.

Tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời gian trước mắt phải chú trọng một số yêu cầu từ thực tiễn đời sống như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo ra cơ sở pháp lý cho sự phát triển ngang tầm của văn hóa với vai trò là nền tảng tinh

thần xã hội ở nước ta. Văn hóa là mục tiêu, là động lực góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Từ thành tựu phát triển kinh tế - xã hội mới tạo ra nguồn lực để đầu tư đồng bộ, chiều sâu, hiệu quả cho phát triển của văn hóa. Phát huy những mặt tích cực của văn hóa và con người Việt Nam để góp phần xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa văn minh, tiến bộ.

Thứ hai, tập trung chăm lo bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển văn hóa, con người ở Việt Nam. Có chính sách đồng bộ để tôn vinh và khuyến khích nhân lực chất lượng cao tham gia sự nghiệp phát triển văn hóa ở Việt Nam, vì đây là nhân tố mang tính chủ thể sáng tạo nhằm tạo ra những tri thức, kiến thức văn hóa, công trình, tác phẩm văn hóa tiêu biểu cho trình độ và thành tựu của văn hóa ở nước ta.

Thứ ba, xây dựng chiến lược phát triển văn hóa con người Việt Nam một cách đồng bộ, khả thi nhằm huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế, các giai cấp tầng lớp trong xã hội, các dân tộc anh em trong cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam, các tôn giáo tín ngưỡng, các giới đồng bào, kể cả cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài... cùng chung sức, chung lòng, chung tay vun đắp cho nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ tư, có giải pháp đồng bộ, bước đi hợp lý để phát triển nhanh chóng “công nghiệp văn hóa” ở Việt Nam. “Công nghiệp văn hóa” không chỉ góp phần gia tăng các giá trị văn hóa trong điều kiện mới của kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập mà “công nghiệp văn hóa” phải thực sự là một lĩnh vực kinh tế có giá trị gia tăng cao, đóng góp xứng đáng vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Thứ năm, tạo môi trường văn hóa cao đẹp làm “bà đỡ” cho sự thăng hoa và phát triển các giá trị tinh thần cao quý của con người Việt Nam yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có tri thức hiện đại, lối sống tiên tiến, kỹ năng, phong cách sinh hoạt, hoạt động phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Đặc biệt, hội tụ đỉnh cao những giá trị nhân ái, nhân đạo, bao dung, tiếp biến những giá trị tốt đẹp trong văn hóa truyền thống của cha ông, đồng thời lĩnh hội được trình độ văn minh mới của nhân loại. Đây là nhân tố cơ bản, quan trọng hàng đầu, giữ vai trò quyết định để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Hơn thế nữa, đây cũng là nhân tố góp phần xây dựng Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI.

Thứ sáu, tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và sự tham gia, đóng góp của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Phát huy cao độ lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, ý chí quật cường vươn lên của con người Việt Nam để thoát khỏi thực trạng nghèo nàn, lạc hậu, vươn tới những đỉnh cao trong sự phát triển của văn minh nhân loại. Đây là cách tốt nhất làm cho các giá trị

văn hóa Việt Nam ngày càng tỏa sáng và trở thành động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

*

* *

Thực tiễn lịch sử hơn 91 năm kể từ ngày thành lập Đảng đã chứng minh, văn hóa là cách mạng, cách mạng là văn hóa. Xu thế chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng vào thế giới ngày nay càng cho thấy giá trị của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực. Dòng chảy văn hóa đó vận động không ngừng cùng với sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam sẽ là sức mạnh nội sinh giữ vai trò quyết định đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vươn lên những tầm cao mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, 2 tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [3] Phạm Văn Đồng: *Văn hóa và đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

PHẦN THỨ HAI



**THAM LUẬN CỦA CÁC BAN, BỘ, NGÀNH,
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM,
CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI,
LIÊN HIỆP HỘI, HỘI, HỌC VIỆN
VÀ NHÀ TRƯỜNG**

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM THÔNG QUA TRIỂN KHAI CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC, CÁC CUỘC VẬN ĐỘNG, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã được tổ chức thành công rất tốt đẹp, là sự kiện chính trị trọng đại của Đảng ta, đất nước ta và dân tộc ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước.

Để sớm đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống, biến những quyết định của Đại hội thành hiện thực sinh động trong thực tế, đáp ứng niềm mong mỏi, tin tưởng và kỳ vọng của nhân dân, trong Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Ngay sau Đại hội, tất cả các cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung làm tốt việc phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về kết quả Đại hội; nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết và các văn kiện Đại hội; khẩn trương xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch hành động, phát động phong trào thi đua yêu nước sâu rộng, tinh thần đổi mới sáng tạo, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để sớm đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống, biến những quyết định của Đại hội thành hiện thực sinh động trong thực tế”¹. Chính vì vậy, chúng tôi đánh giá cao việc Ban Tuyên giáo Trung ương sớm tham mưu Ban Bí thư triển khai “Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng” nhằm đánh giá việc triển khai đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ thời gian qua; kết quả xây dựng văn hóa, con người Việt Nam sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước; đặc biệt là kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và việc tiếp tục quán triệt sâu sắc,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.352.

triển khai các quan điểm, chủ trương về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Trước sự vận động, phát triển của thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều khó khăn, thách thức mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội, thực sự là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; hiệp thương phối hợp và thống nhất hành động của các tổ chức thành viên. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên luôn quán triệt đường lối, chủ trương lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thường xuyên đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, thể hiện trách nhiệm trong việc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tích cực đổi mới cơ chế, phương thức thực hiện giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền vững mạnh; các phong trào thi đua, cuộc vận động của Mặt trận đã góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

I. MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TÍCH CỰC CHỈ ĐẠO NỘI DUNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM

Những năm qua trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phát động đã đạt được những kết quả chính như sau:

1. Về tuyên truyền, vận động xây dựng văn hóa, con người Việt Nam trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Ngày 9/6/2014, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” với mục tiêu chung là: *“Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*.

Thực hiện Nghị quyết, Đảng đoàn Mặt trận đã lãnh đạo Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên. Phát huy vai trò, trách nhiệm của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tổ chức vận

động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, ứng xử văn minh, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các vùng miền, bảo vệ các công trình văn hóa lịch sử; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, khuyến khích học nghề và phát triển nguồn nhân lực, tích cực xây dựng xã hội học tập; vận động nhân dân luyện tập thể dục, thể thao, phòng chống các dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội; tích cực xây dựng gia đình hạnh phúc, nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn gắn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc với Nghị quyết Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp và Nghị quyết Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII, IX, các chương trình phối hợp và thống nhất hành động hằng năm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã xây dựng Đề án số 04/ĐA-MTTW-BTT về việc tổ chức thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”¹ gắn với việc cụ thể hóa Nghị quyết số 33-NQ/TW trên cơ sở kế thừa kết quả 20 năm thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

Hàng năm, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức các cuộc tọa đàm, khảo sát, kiểm tra, giám sát thực hiện về nội dung xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; biên soạn và phát hành tài liệu phục vụ cho công tác tuyên truyền, vận động ở cơ sở và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư. Trong 5 năm qua, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức hơn 30 cuộc, Mặt trận Tổ quốc các địa phương tổ chức hàng nghìn cuộc tọa đàm, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng đời sống văn hóa thông qua Cuộc vận động. Triển khai Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ về “Xây dựng mô hình Trung tâm hoạt động cộng đồng ở xã, phường, thị trấn”, trên cơ sở đó đề xuất Chính phủ tích hợp các thiết chế văn hóa gắn với các hoạt động ở cộng đồng nhằm tránh sự chồng chéo, lãng phí trong phát huy công năng của các thiết chế văn hóa tại cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, vận động

1. Các nội dung Cuộc vận động: (1) Đoàn kết tham gia phát triển kinh tế, tích cực giúp nhau giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống, khuyến khích làm giàu chính đáng; (2) Đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, chăm lo sự nghiệp giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân; xây dựng gia đình văn hóa; phát huy truyền thống đên on, đáp nghĩa, tương thân, tương ái; (3) Đoàn kết tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp; (4) Đoàn kết chấp hành pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; (5) Đoàn kết phát huy dân chủ, tích cực tham gia giám sát và phản biện xã hội, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh.

các tầng lớp nhân dân ở trong nước, kiều bào ta ở nước ngoài biết và ủng hộ các chủ trương, đường lối của Đảng, chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh đất nước; nâng cao tinh thần trách nhiệm trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Tiếp tục đổi mới phương thức vận động, tập hợp, đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số. Kịp thời phát hiện, đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số; tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, giúp đỡ người nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đa dạng, linh hoạt các phương thức vận động, tập hợp, đoàn kết đồng bào các tôn giáo. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đúng pháp luật và phù hợp truyền thống văn hóa của dân tộc.

Hàng năm, Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc được tổ chức sôi nổi đều khắp ở các khu dân cư trong cả nước nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam - Ngày truyền thống của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11). Trung bình hàng năm, tỷ lệ khu dân cư tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc đạt trên 90% trong tổng số hơn 11.000 khu dân cư trong cả nước. Ngày hội đã khơi dậy những truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc như tình đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, sự gắn kết chia sẻ của cộng đồng..., tạo nên những nét đặc trưng riêng của người Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển. Với những nội dung thiết thực, Ngày hội đã đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân, qua đó động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước từ mỗi cộng đồng dân cư. Các hoạt động trao tặng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, thăm hỏi, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho học sinh nghèo vượt khó, tổ chức bữa cơm đại đoàn kết... đã để lại dấu ấn đậm nét trong Ngày hội ở mỗi địa phương. Thông qua các hoạt động trong dịp tổ chức Ngày hội này đã góp phần giữ gìn bản sắc và làm phong phú thêm đời sống văn hóa tại mỗi cộng đồng dân cư; tăng cường tình làng, nghĩa xóm và mối quan hệ gắn bó của nhân dân ở cộng đồng dân cư. Nhiều nơi đã khôi phục lại các hoạt động văn hóa truyền thống đặc trưng của vùng miền để lồng ghép tổ chức trong Ngày hội, qua đó giới thiệu di sản văn hóa của địa phương đến bạn bè trong nước và quốc tế. Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc là dịp để tôn vinh, khen thưởng các gia đình văn hóa, gia đình tiêu biểu trong thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động ở cơ sở, qua đó đã góp phần thúc đẩy, động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng cộng đồng.

2. Về xây dựng đời sống văn hóa gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”

Cuộc vận động lớn có tính toàn dân, toàn diện và toàn quốc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam này được triển khai trong nhiều năm qua đã góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cán bộ và nhân dân trong xây dựng chuẩn mực đạo đức, lối sống và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở mỗi cộng đồng dân cư, góp phần giữ gìn thuần phong mỹ tục, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang được nhân dân đồng tình và triển khai hiệu quả; nhiều địa phương đã xóa bỏ được các tập tục lạc hậu mê tín dị đoan; hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng ngày càng được chú trọng; các thiết chế văn hóa tiếp tục được củng cố, hoàn thiện và phát triển, góp phần nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân ở cộng đồng. Tính đến tháng 12/2020, cả nước có 20.405.542 hộ (86,87%) đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, 56.528 khu dân cư (90,3%) đạt danh hiệu Khu dân cư văn hóa. Toàn quốc hiện có 6.102/11.027 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa (55,3%); 68.222/113.607 thôn, ấp, bản và tương đương có nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng (60%), bảo đảm nơi sinh hoạt giao lưu văn hóa cho nhân dân, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân ở nông thôn.

Phong trào xây dựng xã hội học tập được phát triển mạnh. Hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng được xây dựng ở các xã, phường, thị trấn đã đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là ở địa bàn nông thôn. Cả nước hiện có hơn 11.000 Trung tâm học tập cộng đồng được xây dựng ở các xã, phường, thị trấn, qua đó đã góp phần quan trọng trong việc xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, tạo tiền đề để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giúp người lao động biết cách xóa đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống. Các mô hình “Gia đình, dòng họ hiếu học”, “Quỹ khuyến học, khuyến tài” được nhân rộng ở nhiều địa phương đã giúp cho nhiều học sinh có cơ hội đến trường, tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở ngày càng cao. Theo tổng hợp chưa đầy đủ đến tháng 12/2020, có 87.842 khu dân cư không có trẻ em bỏ học¹, tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học và trung học phổ thông cơ sở đều đạt ở mức cao.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được quan tâm thực hiện tốt. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia mua thẻ bảo hiểm y tế. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân giữ gìn, chăm sóc sức khỏe; phòng và chống dịch bệnh lây lan; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; tỷ lệ trẻ em

1. Điển hình là các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Đắk Lắk, Hòa Bình, Lâm Đồng, Nghệ An, Quảng Ninh, Quảng Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Tuyên Quang... tỉnh Quảng Trị có 827 dòng họ, 647 cộng đồng khuyến học, 61.757 gia đình hiếu học.

bị suy dinh dưỡng giảm, số trẻ em được tiêm chủng đầy đủ ngày càng tăng; vận động nhân dân thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Đặc biệt, năm 2020, khi đại dịch COVID-19 bùng phát, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, đã nỗ lực kiểm soát, phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã vào cuộc hết sức chủ động, tích cực thông qua các hoạt động tuyên truyền, vận động và giám sát công tác phòng, chống dịch từ cơ sở, phát huy hiệu quả vai trò của các “Tổ COVID cộng đồng” với tinh thần “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng”. Để kết nối sự chung tay, huy động sự vào cuộc của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia phòng, chống đại dịch COVID-19, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã hai lần ra Lời kêu gọi “Toàn dân ủng hộ phòng, chống dịch COVID-19” và “Toàn dân đoàn kết, ra sức phòng, chống dịch bệnh COVID-19”, ban hành Nghị quyết số 06/NQ-ĐCT về “Đẩy mạnh vận động toàn dân phát triển kinh tế - xã hội và tiếp tục phòng, chống, khắc phục tác động của đại dịch COVID-19”. Ban Thường trực đã ban hành Hướng dẫn việc phối hợp giám sát hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Tiếp tục chỉ đạo tổ chức tiếp nhận nguồn lực ủng hộ công tác phòng, chống dịch COVID-19. Tính đến ngày 21/10/2021, theo tổng hợp của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương các tổ chức thành viên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố và Quỹ Vắcxin phòng COVID-19, tổng số kinh phí và hiện vật đã vận động được trị giá **20.875,6** tỷ đồng, trong đó, qua hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là 12.087,1 tỷ đồng (tiền mặt là 5.158,2 tỷ đồng, hiện vật ủng hộ trị giá 6.928,9 tỷ đồng); qua Quỹ Vắcxin phòng COVID-19 là 8.788,5 tỷ đồng. Đã phân bổ, hỗ trợ các tỉnh, thành phố và mua vắc xin phòng COVID-19 là **17.861,3** tỷ đồng, trong đó đã phân bổ 3.882.904 phần quà Đại đoàn kết và túi quà an sinh, hỗ trợ mua thiết bị vật tư y tế, hỗ trợ lực lượng tuyến đầu tham gia phòng, chống dịch..., với tổng trị giá 10.798,3 tỷ đồng; Quỹ Vắcxin phòng COVID-19 đã chi 7.063 tỷ đồng theo chỉ đạo của Chính phủ. Lời kêu gọi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đáp ứng được mong mỏi, nguyện vọng của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, truyền thống văn hóa “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách”, “bầu ơi thương lấy bí cùng” của dân tộc Việt Nam, huy động được sức mạnh vật chất và tinh thần của toàn dân chung tay cùng Đảng, Nhà nước phòng, chống và đẩy lùi đại dịch.

Phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, tương thân, tương ái, hàng năm, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã phát động, kêu gọi sự đóng góp của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, các cơ quan, đơn vị, cá nhân, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”. Hoạt động của Quỹ đã góp phần chăm lo cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình

chính sách và người có công với cách mạng. Đã có hơn 94% số xã, phường được công nhận là làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ; hầu hết các gia đình chính sách và người có công đều có mức sống từ trung bình trở lên.

3. Về xây dựng đời sống văn hóa thông qua vận động nhân dân đoàn kết tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp

Phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường” đã được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp triển khai thực hiện đến địa bàn khu dân cư trong cả nước với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng... Các mô hình bảo vệ môi trường tiếp tục được triển khai và nhân rộng như “Khu dân cư tự quản môi trường”, Khu dân cư “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh”; “Khu dân cư thực hiện hài hòa xóa đói, giảm nghèo và bảo vệ môi trường” và Mô hình điểm vận động nhân dân ở khu dân cư tổ chức việc tang văn minh, tiến bộ và bảo vệ môi trường (hỏa táng)... Có thể kể tên một số mô hình tiêu biểu cụ thể như: “Khu dân cư Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp” ở ấp Hòa Ngãi, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, tỉnh Long An; mô hình khu dân cư “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” ở xã Hà Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; mô hình “Khu dân cư không rải vàng mã khi đưa tang” được thực hiện tốt ở nhiều huyện của tỉnh Quảng Nam; mô hình thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; Phong trào “Tuyên Quang chung tay xử lý rác thải và chống rác thải nhựa”: sử dụng các sản phẩm tái chế từ rác thải nhựa để trồng hoa, cây cảnh tại các hộ gia đình và tại nhà văn hóa thôn; thu gom phế liệu nhựa để bán tạo nguồn quỹ giúp đỡ những người nghèo có hoàn cảnh khó khăn; đổi rác thải nhựa lấy đồ dùng học tập... Giai đoạn 2017-2020, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã hỗ trợ 50/63 tỉnh, thành phố triển khai xây dựng mới, duy trì, nhân rộng 344 mô hình điểm bảo vệ môi trường. Từ các mô hình điểm, đến nay các tỉnh, thành phố đã xây dựng mới, duy trì và nhân rộng được 40.626 mô hình¹ trong toàn quốc. Để cụ thể hóa cam kết của các tổ chức tôn giáo đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường bằng các hoạt động cụ thể, nhiều linh mục, mục sư, tăng, ni trong các buổi lễ tôn giáo đã nhắc nhở, rao giảng, vận động tín đồ... thực hiện nếp sống văn minh, không đốt tiền, giấy áo, vàng mã, hạn chế sử dụng túi nilon, chai nhựa. Hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tôn giáo được triển khai tích cực, đã có 41 tổ chức tôn giáo hưởng ứng tham gia bảo vệ môi trường; xây dựng được 322 mô hình tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Các tổ chức tôn giáo đã cùng Mặt trận Tổ quốc và các

1. Tiêu biểu như: Hưng Yên: 3.527 mô hình, Bắc Giang: 2.517 mô hình, Tuyên Quang: 1.797 mô hình, Quảng Nam: 3.590 mô hình, Bến Tre: 1.891 mô hình, Long An: 997 mô hình và Trà Vinh: 905 mô hình...

tổ chức đoàn thể các cấp thực hiện các phong trào “Ngày Chủ nhật xanh, khu dân cư tự quản về bảo vệ môi trường”, tổ chức tổng vệ sinh trên các tuyến đường như ở Nhà thờ Thạch Hãn, Niệm Phật đường Thạch Hãn, “Đường hoa yêu thương” ở các chùa và Niệm Phật đường của huyện Cam Lộ; mô hình “Đường hoa xóm đạo” ở Niệm Phật đường Đạo Đầu, xã Triệu Trung; mô hình “Nước sạch cho người dân” ở giáo xứ Ngô Xá, xã Triệu Trung, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị... Công tác bảo vệ môi trường đã được nhân dân tích cực, tự giác tham gia xây dựng và thực hiện tốt các quy ước, hương ước tại cộng đồng dân cư...

Những kết quả trên khẳng định, Đảng đoàn, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tập trung quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa trong thời gian qua, tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ Mặt trận Tổ quốc các cấp đối với nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa. Vai trò của người dân trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được khẳng định; công năng của các thiết chế văn hóa được phát huy, các hoạt động văn hóa truyền thống được duy trì thông qua Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, qua đó đã phát huy được những giá trị bản sắc văn hóa thiết thực của từng vùng miền, từng địa phương. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã cụ thể hóa việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị thông qua các phong trào thi đua, các cuộc vận động góp phần động viên nhân dân phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương; kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc và những yêu cầu thiết yếu của cộng đồng dân cư, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở địa bàn dân cư.

II. MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM QUÁN TRIỆT, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM

Đại hội XIII của Đảng xác định: “Lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”¹. Điều đó đòi hỏi phải kế thừa và phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam, truyền thống lịch sử của dân tộc đã được vun đắp qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...

Quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 9/3/2021 của Bộ Chính trị về việc “Nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.216.

và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, với trách nhiệm của mình, nhằm đáp ứng những yêu cầu mới đặt ra trong Nghị quyết Đại hội về xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phối hợp với các cơ quan trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, trong thời gian tới Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tập trung quán triệt và thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục triển khai các nội dung Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo tinh thần Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 15/12/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”” và Nghị quyết liên tịch số 88/NQLT/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 7/10/2016 giữa Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Vận động nhân dân phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phối hợp ban hành bộ tiêu chí và thực hiện xây dựng đô thị văn minh gắn với quá trình phát triển đô thị hóa và bảo đảm bền vững. Quan tâm xây dựng nếp sống văn hóa, ứng xử văn minh, hướng tới phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

2. Tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên về hiệp thương phối hợp thống nhất hành động trong triển khai thực hiện Cuộc vận động, nhất là việc phân công giúp đỡ hộ nghèo, người nghèo ở từng địa phương, cơ sở; tiếp tục duy trì thực hiện các mô hình đã đảm nhiệm, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tạo sức lan tỏa của mô hình, các phong trào thi đua yêu nước, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, trọng tâm là đời sống văn hóa ở từng địa bàn dân cư.

3. Vận động toàn dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở các khu vực địa bàn nông thôn, đô thị gắn với giảm nghèo bền vững. Phối hợp thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng được hỗ trợ. Tiếp tục thực hiện phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, tập trung tổ chức tốt các hoạt động chăm lo cho người nghèo theo hướng giúp đỡ thoát nghèo bền vững, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện nhân đạo, chăm lo cho các đối tượng, gia đình chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn.

4. Tăng cường thực hiện có hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội về xây dựng đời sống văn hóa: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân hướng dẫn, tổ chức cho nhân dân phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội. Tổ chức giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Tham gia phản biện dự thảo

các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án liên quan đến đời sống văn hóa ở cơ sở, cộng đồng dân cư.

5. Phối hợp xây dựng và nhân rộng những mô hình hiệu quả trong thực hiện xây dựng đời sống văn hóa gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Tích cực vận động xã hội hóa các nguồn lực thực hiện trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiếp tục hướng dẫn việc rà soát, hoàn thiện các tiêu chí liên quan đến lĩnh vực văn hóa trong thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, trên cơ sở đó tập trung nguồn lực, vận động nhân dân thực hiện các tiêu chí chưa đạt, tăng cường tính tự giác, tự quản ở khu dân cư.

7. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác Mặt trận Tổ quốc các cấp và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư nhằm nâng cao năng lực của cán bộ về kỹ năng tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân; cách thức giám sát, phản biện chủ trương, chính sách và cơ chế chính sách về xây dựng văn hóa ở cơ sở. Thường xuyên củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư đáp ứng yêu cầu, nội dung của các phong trào, các cuộc vận động trong giai đoạn mới.

8. Định kỳ sơ kết, tổng kết phong trào và biểu dương các điển hình có thành tích xuất sắc trong Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng, chú trọng biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu trong dịp tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc hằng năm.

III. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ban Bí thư

Sau khi tổ chức sơ kết 5 năm đánh giá triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 15/12/2016 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh””, đề nghị Ban Bí thư có văn bản chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện Cuộc vận động phù hợp với điều kiện, tình hình mới.

2. Đối với Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan khẩn trương hoàn thiện và ban hành tiêu chí đô thị văn minh theo đúng tinh thần Nghị quyết liên tịch số 88/NQLT/CP-ĐCTUBTWMTTQVN; thống nhất việc rà soát đánh giá lại các danh hiệu thi đua ở cơ sở tránh sự chông chéo, khó khăn cho việc triển khai thực hiện ở cơ sở.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức sơ kết 5 năm đánh giá việc triển khai Nghị quyết Liên tịch số 88/NQLT/CP- ĐCTUBTWMTTQVN ngày 7/10/2016 về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, qua đó đề xuất các giải pháp phù hợp cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong giai đoạn mới.

3. Đối với Quốc hội

Đề nghị Quốc hội sớm sửa đổi và ban hành Luật Thi đua - Khen thưởng, trong đó sửa đổi việc quy định khen thưởng các danh hiệu thi đua Gia đình văn hóa, thôn, làng, ấp bản, tổ dân phố văn hóa thành các danh hiệu Gia đình tiêu biểu, thôn, làng, ấp bản, tổ dân phố tiêu biểu nhằm đảm bảo sự tích hợp tất cả các danh hiệu thi đua của các phong trào, cuộc vận động đang diễn ra ở cơ sở hiện nay.

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

NGUYỄN VĂN HÙNG*

Ngày hôm nay, tại Phòng họp Diên Hồng - nơi đại diện cho tinh thần *Dân chủ, ý chí Độc lập, Tự cường* của dân tộc Việt Nam, trong thời điểm đất nước đang đối diện với những cơ hội và thách thức mới chưa từng có, sự có mặt của các đại biểu chính là minh chứng rõ ràng nhất cho phẩm chất, tài năng và ý thức trách nhiệm và tinh thần tiên phong của những chiến sĩ văn hóa trong tình hình mới và ở những trận tuyến mới.

“Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước cho thấy, vào những thời điểm cam go nhất, những thời điểm có ý nghĩa bước ngoặt, văn hóa và con người Việt Nam luôn là động lực vĩ đại giúp dân tộc ta lập nên những kỳ tích”, lời phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ tầm quan trọng của văn hóa trong lịch sử dân tộc, cũng như vai trò là “ngọn đuốc soi đường cho quốc dân đi”, là động lực khơi dậy khát vọng xây dựng Việt Nam thành quốc gia phát triển, phồn vinh, hạnh phúc của văn hóa.

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đang đặt ra những khó khăn to lớn và đòi hỏi hệ thống chính trị, nền kinh tế, đời sống xã hội và phát triển văn hóa phải có những bước đi kiên quyết, đúng đắn nhằm kiểm chế sự lây lan của bệnh dịch, tiếp tục thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước, chúng tôi nhận thức rất rõ, trong thời khắc lịch sử này, văn hóa phải giữ vững vai trò tiên phong, phải hoàn thành tốt sứ mệnh là một trong bốn trụ cột quan trọng để khơi dậy tinh thần đoàn kết, đồng lòng chung sức vì một Việt Nam vượt qua đại dịch, phát triển phồn vinh. Chính vì vậy, chúng tôi ý thức sâu sắc, đây là Hội nghị hết sức quan trọng nhằm quy tụ, phát huy trí tuệ, tâm huyết, ý thức cống hiến của đội ngũ các chiến sĩ văn hóa trên mặt trận mới nhằm xác định tầm nhìn chiến lược, giải pháp khả thi có khả năng triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII phát triển văn hóa trong mối quan hệ mật thiết với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Là cơ quan tham mưu, hoạch định chính sách về phát triển văn hóa, thể thao và du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có nhiều đóng góp quan trọng vào việc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong phát triển văn hóa, đặc biệt trong công cuộc đổi mới suốt 35 năm qua. Mặc dù, đổi mới trong lĩnh vực văn hóa diễn ra muộn hơn so với đổi mới về chính trị, kinh tế, song ngành Văn hóa đã nỗ lực tiến hành đổi mới thể chế nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và tích cực hội nhập quốc tế. Hiện thực hóa Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, ngành Văn hóa, thể thao và du lịch đã tăng cường *“củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa”*¹ tháo gỡ các rào cản chính sách, chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế tự chủ tự hạch toán có sự tài trợ một phần của Nhà nước nhằm giải phóng *sức sáng tạo, khai thác các nguồn tài nguyên văn hóa và khuyến khích sự tham gia tích cực của xã hội tạo động lực phát huy sức mạnh nội sinh văn hóa*. Trên tinh thần coi tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa, văn nghệ² và thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, trong nhiều năm qua, ngành Văn hóa, thể thao và du lịch đã triển khai nhiều chính sách, biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt; Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng xã hội hóa các hoạt động văn hóa - thông tin; Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người. Các hoạt động của ngành đã *tạo điều kiện cho sức hấp dẫn, lôi cuốn về văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội*.

Bước sang thế kỷ XXI, quá trình tăng tốc của toàn cầu hóa văn hóa trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư một mặt góp phần thúc đẩy sự chuyển dịch của các trung tâm công nghiệp văn hóa trên toàn thế giới, mặt khác còn làm gia tăng cạnh tranh về tính đa dạng của các biểu đạt văn hóa thể hiện trong các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ văn hóa trên địa bàn của các nước phát triển, đang phát triển và chậm phát triển. Bên cạnh cơ hội quảng bá bản sắc văn hóa của các dân tộc, toàn cầu hóa văn hóa, mạng Internet, công nghệ số cũng đang hình thành nên một thế giới phẳng, theo đó, một hệ giá trị chung đại diện cho nhân loại sẽ dần được xác lập trên phạm vi toàn cầu, đồng thời cũng gia tăng tính ngoại lai, hoặc những tác động phức tạp đến sự đa dạng của các hình thức biểu đạt văn hóa. Trong bối cảnh đó, Công ước năm 2005 bảo vệ phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa của UNESCO đã được bỏ phiếu thông qua. Việt Nam được đánh giá là thành viên có trách nhiệm của UNESCO và có đóng góp thiết thực trong công việc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.48, tr.484.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.114.

của Tổ chức. Trong thời gian qua, nhiều chính sách phát triển văn hóa Việt Nam được xây dựng dựa trên Công ước 2005. Đặc biệt quan trọng là sự ra đời của Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương về “Xây dựng, phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Mục tiêu của Nghị quyết là “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹. Nhằm hiện thực hóa Nghị quyết số 33/NQ-TW, Quốc hội, Chính phủ và các cấp có thẩm quyền đã ban hành một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương đối đồng bộ, tạo hành lang pháp lý để ngành Văn hóa hoạt động một cách thuận lợi. Bên cạnh các luật có vai trò quan trọng trong việc định hướng chính sách và hỗ trợ pháp lý cho sự phát triển của ngành công nghiệp sáng tạo/văn hóa như Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có những đóng góp tích cực vào việc hoàn thiện khung thể chế có khả năng bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, khai thác có hiệu quả giá trị văn hóa, xã hội và kinh tế của các biểu đạt văn hóa thông qua tham gia xây dựng Luật Điện ảnh, Luật Di sản văn hóa...

Tuy nhiên, so với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ.

Trước những thay đổi mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, trước những yêu cầu cấp thiết đặt ra trong quá trình phát triển, tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ 29 (22/8/2016), đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “Với văn hóa, không có sự cao thấp, chỉ có sự đa dạng. Sức mạnh mềm của Việt Nam được thể hiện trước hết ở sức hấp dẫn, tỏa ra từ các giá trị văn hóa bao gồm các giá trị vật thể và phi vật thể, giá trị tinh thần và giá trị con người Việt Nam. Chúng ta phải phát huy được những giá trị đó để tạo nên “thương hiệu” cho quốc gia, có sức thu hút thế giới bên ngoài, góp phần nâng cao tinh thần tự tôn dân tộc, sự tự tin trong giao tiếp và quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa của Việt Nam ra thế giới”². Đây chính là bước đột phá trong tư duy nhận thức của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.46-47.

2. Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ 29. http://www.Mofahcm.gov.vn/mofa/bng_vietnam/nr160815142901/ns160822220156

Đảng và Nhà nước Việt Nam về sức mạnh mềm và phát huy sức mạnh mềm văn hóa. Đột phá này là kết quả của chặng đường đổi mới tư duy phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam, đặc biệt là trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay và được thể hiện rõ trong chiến lược quảng bá hình ảnh, thương hiệu Việt Nam ra thế giới thông qua việc triển khai *Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020* ban hành năm 2011 và *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* ban hành năm 2016. Trong quá trình triển khai các chiến lược, ngành Văn hóa, thể thao và du lịch đã có sự phối hợp tương đối hiệu quả với các ngành liên quan để phát huy mạnh mẽ sức mạnh nội sinh và năng lực cạnh tranh quốc tế của văn hóa Việt Nam. Trong đó, du lịch được xác định như một ngành tiên phong trong việc thu hút và quảng bá những giá trị của đất nước, văn hóa và con người Việt Nam ra thế giới, phát huy vai trò của nhân tố con người - chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn của cải vật chất và văn hóa, chủ thể của sức mạnh mềm Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. *Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”* cho thấy những quan điểm cốt lõi góp phần phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Kế thừa những nhận thức sâu sắc tài nguyên văn hóa là nguồn vốn quý giá phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế du lịch, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về “Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”. Văn bản này đã xác định trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, của toàn xã hội trong phát triển du lịch bền vững, đưa ngành này trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vừa phát huy các di sản văn hóa và giá trị truyền thống tốt đẹp, vừa bảo vệ môi trường thiên nhiên, bảo đảm sự hài hòa cả xã hội, việc làm, an ninh và quốc phòng.

Có thể thấy, trong 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực, Đảng và Nhà nước Việt Nam đang ngày càng dành mỗi quan tâm nhiều hơn đối với vấn đề phát huy nguồn tài nguyên văn hóa, gia tăng sức mạnh mềm văn hóa, biến văn hóa thành sức mạnh nội sinh, mục tiêu và động lực phát triển đất nước. Về cơ bản, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta đã có sự thống nhất trong việc xác định văn hóa là: sức mạnh thu hút, lôi cuốn Việt Nam với thế giới bên ngoài; là sức mạnh nội sinh nâng cao tinh thần dân tộc, sự tự tin trong giao tiếp và quảng bá giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới; là thương hiệu quốc gia trong quan hệ quốc tế. Đây cũng là căn cứ quan trọng để Đại hội XII và Đại hội XIII của Đảng đề ra nhiệm vụ xây dựng văn hóa chính trị, văn hóa kinh tế, phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu

có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

Nhìn lại chặng đường phát triển văn hóa trong thời gian qua, có thể thấy, ngành Văn hóa, thể thao và du lịch đã có những đóng góp tích cực trong việc:

- *Phát huy sự đa dạng văn hóa, tăng cường sức mạnh nội sinh của văn hóa.* Như chúng ta đều biết, sức mạnh nội sinh của văn hóa nằm ở chiều sâu văn hóa của dân tộc, trong bề dày truyền thống lịch sử, nuôi dưỡng tâm hồn và bồi dưỡng nhân cách, phẩm giá con người Việt Nam. Trong thời gian qua, ngành đã từng bước phát huy sức mạnh nội sinh thông qua triển khai công tác bảo tồn, nuôi dưỡng, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp kết hợp với chủ động tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới để văn hóa dân tộc làm giàu thêm và hòa nhập với văn hóa thế giới; quảng bá và truyền dẫn văn hóa dân tộc vào đời sống văn hóa thế giới, góp phần hội nhập quốc tế vì hòa bình, hợp tác, hữu nghị và phát triển; chăm lo không ngừng tới đời sống vật chất, tinh thần của người dân, của cộng đồng và dân tộc; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ để họ khởi nghiệp sáng tạo, sống có lý tưởng, có đạo đức, có nghị lực, có bản lĩnh đưa đất nước tới phát triển, văn minh, hiện đại; tạo dựng đời sống xã hội, môi trường xã hội lành mạnh, đủ sức ngăn chặn, đẩy lùi những tha hóa và phản văn hóa trên các trụ cột: Dân chủ, công bằng, bình đẳng, tự do, sáng tạo. Giáo dục tình thương - kỷ cương - trách nhiệm - tự trọng, tự tin, vị tha, nhân ái, bao dung cho con người Việt Nam từ gia đình, nhà trường đến xã hội. Những nỗ lực trong các chính sách phát triển văn hóa đã góp phần tăng cường sức mạnh nội sinh nâng cao tinh thần dân tộc, sự tự tin trong giao tiếp và quảng bá giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới.

- *Hình thành khung chính sách có khả năng chuyển hóa tài nguyên mềm văn hóa và thành tố văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam thông qua các kênh ngoại giao văn hóa, công nghiệp văn hóa truyền thông, mạng xã hội và các hình thức khác.* Xuất phát muộn hơn các nước trên thế giới trong cuộc đua sức mạnh mềm văn hóa, Việt Nam dù chưa nằm trong danh sách xếp hạng 30 quốc gia đứng đầu về sức mạnh mềm (Soft Power 30), nhưng lại là quốc gia có thế mạnh về tài nguyên mềm văn hóa phong phú. Nhận thức rõ về thế mạnh này, trong những năm gần đây, ngành đã tích cực khai thác các thành tố văn hóa nằm trong các trụ cột tài nguyên văn hóa để quảng bá hình ảnh quốc gia, bản sắc dân tộc, nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế về văn hóa, từ đó góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia. Nhìn chung, hoạt động của ngành Văn hóa, thể thao và du lịch đang từng bước hình thành cơ chế chuyển hóa nguồn lực mềm văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa. Nhờ sự phối hợp của các kênh chuyển hóa, truyền dẫn như truyền thông, Internet..., các di sản văn hóa phi vật thể, vật thể, cũng như di sản thiên nhiên đã trở thành sức hấp dẫn, thu hút, góp phần gia tăng sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Nhờ có nguồn tài nguyên văn hóa và tài nguyên thiên nhiên phong phú (nhất là những tài nguyên

được UNESCO vinh danh) nên ngành du lịch có nhiều tiềm năng trong thúc đẩy phát triển du lịch theo hướng bền vững. Trên thực tế, đây là một trong những lý do hàng đầu hấp dẫn du khách quốc tế đến với Việt Nam.

- *Tạo môi trường văn hóa lành mạnh.* Ngành đã nỗ lực tạo môi trường văn hóa lành mạnh nhằm lưu giữ ký ức, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, thúc đẩy đa dạng các biểu đạt văn hóa, nâng cao nhận thức về văn hóa, về con người, tạo chuyển biến tích cực về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, hình thành hệ sinh thái thúc đẩy sáng tạo và tăng cường khả năng giao lưu, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa. Hệ thống chính sách, pháp luật về văn hóa đang được tích cực hoàn thiện, tạo điều kiện để nhân dân chủ động tham gia vào hoạt động sáng tạo, hưởng thụ văn hóa. Quá trình đổi mới thể chế theo hướng hội nhập quốc tế đã từng bước hình thành khung chính sách có khả năng chuyển hóa các trụ cột tài nguyên văn hóa vốn vô cùng giàu có, phong phú như: di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di sản thiên nhiên, lễ hội mới và sự kiện, các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, các danh nhân văn hóa, các cơ sở vật chất và không gian văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam thông qua sự tích hợp công tác bảo tồn, phát huy di sản gắn với phát triển du lịch và các ngành công nghiệp văn hóa cùng hoạt động văn hóa đối ngoại, xúc tiến thương mại văn hóa, đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, gắn với truyền thông quảng bá. Với những đổi mới không ngừng, sự chuyển động mạnh mẽ của 12 ngành công nghiệp văn hóa đã đóng góp 3,61% GDP vào năm 2018. Các sản phẩm và dịch vụ văn hóa đang ngày càng chứng tỏ khả năng, tiềm lực trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

- *Trong giao lưu, hợp tác quốc tế văn hóa Việt Nam đang trở thành “tấm danh thiếp” về vẻ đẹp, sức hấp dẫn, khả năng lôi cuốn của con người, đất nước Việt Nam đối với bạn bè quốc tế.* Điều đặc biệt hơn, trong thời điểm đất nước đang gặp muôn vàn trở ngại, khó khăn từ đại dịch COVID-19 cũng là lúc các giá trị văn hóa tốt đẹp nhất của dân tộc ta được khơi dậy và phát huy mạnh mẽ: đó là lòng yêu nước, tinh thần tương thân tương ái, sống có nghĩa có tình; là nương tựa, sẻ chia; là tất cả những gì nhân văn, ấm áp, bản lĩnh, linh hoạt, sáng tạo và khắc sâu cốt cách con người, bản lĩnh dân tộc, bản sắc văn hóa Việt Nam được tỏa sáng như ngọn đuốc soi đường, như liều “vaccine tinh thần” giúp cho toàn dân đồng lòng, chung sức cùng với Đảng và Nhà nước vượt qua đại dịch.

Mặc dù phát triển văn hóa trong thời gian qua đã đạt được những thành quả rất đáng tự hào, từ nông thôn đến thành thị, miền núi hay hải đảo, những người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa vẫn luôn kề vai, sát cánh cùng dân tộc chiến đấu để chiến thắng dịch bệnh, nhưng, phải thẳng thắn thừa nhận, phát triển văn hóa còn nhiều bất cập, chưa phát huy kịp thời yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển và những thách thức đặt ra. Những bất cập của phát triển văn hóa đến từ nhiều nguyên nhân, hạn chế khách quan và chủ quan như: đầu tư tài chính cho văn hóa còn hạn chế, thiếu tập trung, chưa tương xứng với vai trò, vị trí là một trong bốn trụ cột phát triển của đất

nước; xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa còn nhiều vướng mắc chưa được giải quyết; khung thể chế còn nhiều hạn chế trong việc thúc đẩy môi trường văn hóa lành mạnh; trong đời sống xã hội vẫn còn xuất hiện các hiện tượng văn hóa tầm thường, dễ dãi, và những biểu hiện lệch chuẩn trong thụ hưởng văn hóa, đạo đức xã hội, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, văn minh công cộng chưa được xây dựng theo hướng văn hóa; đời sống văn hóa tinh thần ở một số nơi đang còn đơn điệu; Khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền chưa được rút ngắn; xã hội đang thiếu các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao, có sức lan tỏa mạnh; việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa còn gặp nhiều điểm nghẽn trong quá trình kết nối, tích hợp với các lĩnh vực liên quan; cơ chế chuyển hóa hiệu quả nguồn tài nguyên văn hóa vốn rất phong phú, giàu có của Việt Nam thành sự đa dạng, giàu bản sắc và có khả năng cạnh tranh quốc tế của sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa còn thiếu đồng bộ. Một hệ sinh thái thực sự để các ngành công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, cũng như tạo ra sự cân bằng, đa dạng và bền vững hơn cho nền kinh tế chưa đủ điều kiện cần và đủ để hình thành.

Văn hóa hiện diện ở các cấp độ vô cùng đa dạng, các nền văn hóa khác nhau sẽ có những cách thức khác nhau nhằm đạt được mục tiêu khác nhau trong chiến lược phát triển văn hóa. Nhưng có một mẫu số chung trên bản đồ văn hóa thế giới là những quốc gia chuyển hóa tốt nhất nguồn tài nguyên văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa trong mối liên kết với các trụ cột phát triển luôn là các quốc gia có những tiền đề vững chắc cho sự phát triển và hội nhập quốc tế, đồng thời có khả năng ứng phó hiệu quả trước những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống đặt ra trong quá trình phát triển.

Trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc rõ ràng đang gặp phải nhiều thách thức trong tiến trình hiện thực hóa. Nhưng thách thức mang tính lịch sử của ngày hôm nay, cũng chính là động lực để chúng ta - những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa hơn lúc nào hết phải nỗ lực tìm ra sự kết nối logic giữa nguồn tài nguyên văn hóa dồi dào với quyết tâm chính trị đã được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII để tìm ra các giải pháp mang tính chiến lược nhằm biến văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh, động lực khơi dậy khát vọng cống hiến vì một Việt Nam phồn vinh, bền vững, tự cường, tự chủ và chiến thắng đại dịch COVID-19.

Với ý thức trách nhiệm của Bộ trong công tác tham mưu, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, chúng tôi đã thể hiện quyết tâm của ngành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua việc tập trung thực hiện những công việc mà Đảng và Chính phủ giao phó. Hiện nay Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang chủ trì xây dựng dự thảo *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*, trong đó xác định ba trụ cột quan trọng tạo động lực bứt phá cho phát triển văn hóa giai đoạn tới. Đó là *tăng cường đầu tư, đổi mới sáng tạo và*

đột phá thể chế nhằm phát huy vai trò của trụ cột văn hóa liền với trụ cột kinh tế, chính trị, xã hội theo hướng phát triển bền vững. Dự thảo Chiến lược cũng đã xác định tăng mức đầu tư ngân sách hằng năm của Nhà nước cho văn hóa tối thiểu 2% kết hợp xã hội hóa đầu tư văn hóa chính là điều kiện tiên quyết nhằm phát huy mọi nguồn lực văn hóa để phát triển văn hóa thực sự có những bước chuyển tiên quyết, vững chắc có trọng tâm, trọng điểm. Mặt khác, chú trọng đổi mới sáng tạo nhằm khuyến khích, phát huy tối đa các nguồn tài nguyên văn hóa, năng lực sáng tạo của toàn dân nhằm biến văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh, “vaccine tinh thần”, “ngọn đuốc soi đường cho quốc dân đi” vượt qua khó khăn, thách thức; Đặc biệt đột phá thể chế theo hướng gắn văn hóa với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội chính là giải pháp căn cốt để hình thành hệ sinh thái có khả năng thúc đẩy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, tạo sự chủ động hợp tác và quảng bá các giá trị văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của Việt Nam ra thế giới, nhằm gia tăng sức mạnh mềm văn hóa, định vị “thương hiệu quốc gia”, nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, tạo dựng môi trường hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của Tổ quốc. Để hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược trên, ngành Văn hóa, thể thao, du lịch xác định, cần triển khai các giải pháp cụ thể sau: (1) Tiếp tục nâng cao nhận thức, đẩy mạnh tuyên truyền về phát triển văn hóa; (2) Hoàn thiện thể chế, chính sách, khung khổ pháp lý tạo bước chuyển đột phá góp phần nâng cao vai trò, vị thế của văn hóa trong phát triển bền vững, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; (3) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế; (4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; (5) Bảo vệ phát huy hiệu quả di sản văn hóa dân tộc; (6) Hoàn thiện cơ chế thị trường trong lĩnh vực văn hóa, ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa; (7) Chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hóa; (8) Tạo đột phá trong phát triển nguồn nhân lực; (9) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ; (10) Phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa.

Mối quan tâm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước dành cho văn hóa, cùng sứ mệnh là “ngọn đuốc soi đường cho quốc dân đi” đã được trao cho ngành Văn hóa trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, không chỉ là niềm vinh dự, tự hào đối với mỗi trí thức, văn nghệ sĩ, nhà văn hóa, nhà quản lý, những người thực hành văn hóa mà còn khắc sâu hơn ý thức trách nhiệm của mỗi chúng ta trên hành trình thể hiện vai trò tiên phong, vị trí then chốt tạo động lực và mục tiêu phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt là trong bối cảnh trong nước và quốc tế đang trải qua những thách thức chưa từng có tiền lệ như hiện nay. Chính vì vậy, muốn văn hóa thực sự trở thành “vaccine tinh thần”, động lực khơi dậy khát vọng xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, phồn vinh, hạnh phúc như tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đề ra, chúng ta cần phải có một tư duy mới, một tầm

nhìn mới, một quyết tâm mới và một hành động thực sự thiết thực vì sự phát triển văn hóa.

Với đường lối đúng đắn của Đảng, tầm nhìn và sự quyết liệt của Chính phủ, chúng tôi tin tưởng rằng 2021 là năm đánh dấu sự khởi đầu của một bước chuyển mới về phát triển văn hóa Việt Nam. Đây sẽ là thời điểm văn hóa Việt Nam được đầu tư đúng mức, được phát triển có trọng tâm, có những đột phá mạnh mẽ trong việc thúc đẩy năng lực sáng tạo, giải phóng sức sản xuất, hình thành những giá trị tốt đẹp, có khả năng kết nối mạnh mẽ với các trụ cột kinh tế, chính trị, xã hội và khoa học công nghệ để trở thành động lực, mục tiêu của sự phát triển bền vững.

Tôi mong rằng, tại Hội trường Diên Hồng nơi biểu tượng cho tinh thần *Độc lập, Dân chủ, ý chí Tự cường* của dân tộc, tất cả chúng ta sẽ trao đổi, thảo luận thẳng thắn và tích cực về những vấn đề trọng tâm, cốt yếu để tìm ra các giải pháp cụ thể, khả thi nhằm phát huy tối đa vai trò, vị trí và sứ mệnh của văn hóa trong phát triển đất nước. Tôi tin tưởng rằng, khi trong tim mỗi chúng ta luôn có một ngọn lửa khát vọng, một quyết tâm hành động, một thôi thúc sáng tạo, một ý chí cố gắng, văn hóa Việt Nam sẽ lại là “ngọn đuốc soi đường cho quốc dân đi” và mỗi chiến sĩ trên mặt trận văn hóa sẽ góp phần tạo nên một Việt Nam “Tự cường” vượt qua đại dịch và phát triển phồn vinh, bền vững.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NGÀY CÀNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN

HOÀNG ĐĂNG QUANG*

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội và thực dụng”¹. “Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các giá trị đạo đức cách mạng theo tinh thần “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Xây dựng các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày”². Trước yêu cầu của tình hình mới, việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về văn hóa trong Đảng và xây dựng Đảng về đạo đức nhằm phát huy giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức cách mạng, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện là vấn đề hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng.

1. Tầm quan trọng của xây dựng văn hóa và đạo đức trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Trong suốt quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Đảng ta luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn và ngày càng lớn mạnh.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr.144, 184.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn căn dặn: “Đảng ta là con nòi”¹, “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”². Trong *Di chúc*, Người đặc biệt nhấn mạnh vấn đề đạo đức: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³.

Thấm nhuần lời dạy của Bác, Đảng ta luôn nhận thức rõ tầm quan trọng phải gắn phát triển văn hóa với xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội; phải xây dựng văn hóa trong Đảng, trong hệ thống chính trị, trọng tâm là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống; không ngừng củng cố và phát huy các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức cách mạng; bảo vệ bản chất và tính tiên phong của một đảng cách mạng. Qua hơn 90 năm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Đảng ta đã xây dựng nên truyền thống, những giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức tốt đẹp. Hệ giá trị làm nên bản chất cách mạng của Đảng ta là sự trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp và dân tộc, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; là sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân, luôn lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu; là truyền thống đoàn kết, thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình cùng tình thương yêu đồng chí. Đó còn là những phẩm chất tốt đẹp của đội ngũ cán bộ, đảng viên cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, tận tụy phục vụ nhân dân.

Qua hơn 35 năm đổi mới, cùng với sự phát triển trong tư duy kinh tế và chính trị, Đảng ta cũng đã có những đổi mới quan trọng trong tư duy lý luận về vai trò của văn hóa, đạo đức trong chính trị và kinh tế. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết nhằm tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; trong đó, xây dựng văn hóa trong tổ chức Đảng và hệ thống chính trị, xây dựng Đảng về đạo đức là những nội dung luôn được coi trọng, đó là “nền tảng”, là “cái gốc” cho Đảng trong sạch, vững mạnh.

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” nhấn mạnh: “Trọng tâm của xây dựng văn hóa trong chính trị là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 12, tr.400, 403.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 15, tr.611-612.

máu thịt với nhân dân, có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân”. “Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”.

Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 27/11/2006 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” nhấn mạnh: “Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội...; nâng cao đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống”. Mười năm sau, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tiếp tục làm sâu sắc và cụ thể hóa hơn nữa việc toàn Đảng, toàn dân, toàn quân noi gương Bác Hồ vĩ đại, coi việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là “một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu”. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay nhấn mạnh: “Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”. Nghị quyết xác định 4 nhóm giải pháp, trong đó nhóm giải pháp đầu tiên là về “*tự phê bình và phê bình, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu*”. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Ban Bí thư ban hành Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7/6/2012 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng lần đầu tiên đưa nội dung xây dựng Đảng về đạo đức thành nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng, nhấn mạnh: “*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*”; “*Tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng*”¹. Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ: “Xây dựng và thực hiện tốt các

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.202.

quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối công tác của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp”¹.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã nhận diện 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đồng thời, xác định: “Nhận thức sâu sắc về nguy cơ, nhận diện đúng những biểu hiện và đề ra các giải pháp phù hợp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Kiên quyết khắc phục những yếu kém trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, trách nhiệm, năng lực và động cơ đúng đắn, thực sự tiên phong, gương mẫu, luôn đặt lợi ích của tập thể, quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, thực sự là cán bộ của dân, phục vụ nhân dân. Củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng”.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, để cụ thể hóa vai trò tiên phong, gương mẫu, thể hiện cam kết chính trị của Trung ương đối với chính mình và đối với toàn Đảng và toàn dân, ngày 25/10/2018, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Quy định số 08-QĐi/TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục xác định “Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức”², “làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bốn phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng. Tăng cường đấu tranh chống các quan điểm, hành vi phản đạo đức, phi đạo đức. Cổ vũ, biểu dương các gương sáng đạo đức, tạo ảnh hưởng sâu rộng trong Đảng và ngoài xã hội”³.

Tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII, Đảng ta nhấn mạnh bên cạnh phải tiến hành đồng bộ, quyết liệt hơn nữa 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.203.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t. I, tr.183, 184.

Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã đề ra, cần bổ sung và thực hiện quyết liệt nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Như vậy, xây dựng văn hóa và đạo đức trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được Đảng ta ngày càng coi trọng, nhất là trong mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

2. Kết quả của công tác xây dựng Đảng về đạo đức và xây dựng văn hóa trong Đảng thời gian qua

Thực hiện các Nghị quyết Trung ương và các quyết định, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời gian qua được triển khai thực hiện nghiêm túc, toàn diện, đồng bộ, có nhiều bước đột phá, đạt được nhiều *kết quả* rất quan trọng, tạo chuyển biến rõ rệt, được toàn Đảng, toàn dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chỉ đạo ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên; quy tắc ứng xử của cán bộ, đảng viên với nhân dân phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm cụ thể của ngành, cơ quan, đơn vị, làm cơ sở để cán bộ, đảng viên tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trong công tác và sinh hoạt. Chính phủ đã phê duyệt Đề án văn hóa công vụ¹, chỉ đạo tổ chức triển khai sâu rộng trên cả nước. Nhiều cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đã ban hành quy định, quy chế về văn hóa công sở và đạo đức công vụ; đẩy mạnh cải cách hành chính, chấn chỉnh đạo đức công vụ, hành vi giao tiếp, ứng xử; khắc phục tình trạng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, tiêu cực đối với người dân và doanh nghiệp.

Trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên có tiến bộ. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã đề cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; gương mẫu đi đầu, tận tụy với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; đã có nhiều cách làm mới, sáng tạo, đạt kết quả tích cực. Các cấp ủy, tổ chức đảng coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết, tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương “người tốt,

1. Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án văn hóa công vụ.

việc tốt” bằng nhiều hình thức phong phú, có tác dụng lan tỏa sâu rộng trong Đảng và trong xã hội.

Công tác kiểm tra, giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên được đẩy mạnh. Việc xử lý kỷ luật nghiêm những đảng viên vi phạm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, cả cán bộ đương chức và nghỉ hưu đã giúp mỗi cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi, tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong công tác.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức đã góp phần củng cố và phát huy những giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức tốt đẹp trong tổ chức và sinh hoạt đảng; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả và xử lý nghiêm tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trách nhiệm và động cơ đúng đắn, tiên phong, gương mẫu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được, vẫn còn một số hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở một số nơi còn thiếu quyết liệt, chưa tạo được chuyển biến rõ nét, vẫn còn tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, né nang, né tránh, ngại va chạm.

Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên; vẫn còn tình trạng nói không đi đôi với làm; không tuân thủ nguyên tắc của Đảng, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cá nhân chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ, chưa nêu cao ý thức và trách nhiệm trước nhân dân. Việc thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên chưa trở thành nền nếp, hiệu quả chưa cao. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi một cách căn bản, thậm chí có mặt, có lúc, có bộ phận còn diễn biến phức tạp, tinh vi hơn. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, thậm chí vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ý thức tự phê bình và phê bình ở không ít nơi còn hình thức; tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tự giác nhận khuyết điểm và trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ được giao. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên còn thụ động, hiệu quả thấp.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, thông qua kiểm điểm tự phê bình, phê bình, qua phản ánh của báo chí, nhân dân, dư luận và kiểm tra, giám sát, các cấp ủy đã phát hiện, xử lý kỷ luật 25.104 đảng viên suy thoái hoặc có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, chiếm 0,5% tổng số đảng viên toàn Đảng, trong đó: số đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống chiếm tỷ lệ cao nhất (15.101 đảng viên, chiếm 60,1% tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật)¹.

Những tồn tại, hạn chế trên đây bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Đó là do một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới; việc quán triệt các nghị quyết của Đảng ở một số nơi chưa kịp thời, sâu sắc. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa chủ động, sâu sát, thiếu quyết liệt; chưa coi trọng việc tự kiểm tra, xử lý vi phạm. Một số nơi, người đứng đầu chưa phát huy hết trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, chưa gương mẫu, còn thụ động, né tránh, trông chờ vào chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Một số nhiệm vụ được đề ra trong các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương chậm được thể chế hóa, cụ thể hóa. Công tác cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ chậm được đổi mới, còn bộc lộ nhiều sơ hở, bị lợi dụng; ý thức tu dưỡng, rèn luyện của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn yếu kém.

3. Một số giải pháp nhằm tăng cường phát huy giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức cách mạng, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện

Hiện nay, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta bước sang một giai đoạn mới với nhiều thời cơ, thuận lợi và không ít khó khăn, thách thức đan xen. Trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền, hoạt động trong môi trường phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập quốc tế sâu rộng, chúng ta càng phải chú trọng phát huy truyền thống tốt đẹp, những giá trị văn hóa và chuẩn mực

1. Báo cáo số 18-BC/BCĐ, ngày 27/9/2021 của Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án Trung ương 4.

đạo đức tốt đẹp; chăm lo giữ vững bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng. Bởi vì, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”¹; “Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”².

Nhằm tăng cường phát huy giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức cách mạng, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện, cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện nghiêm, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

Phải tiếp tục xác định nhất quán quan điểm xây dựng và chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, đường lối, quy định, quy chế của Đảng. Đồng thời, đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế; kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng theo hướng đồng bộ, liên thông, nhất quán trong hệ thống chính trị và sát với tình hình thực tế. Trong đó trọng tâm là thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII “Về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”” và Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII “Về những điều đảng viên không được làm”.

Thứ hai, thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả việc tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng; coi trọng việc bồi dưỡng nâng cao kiến thức, bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; tăng cường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc, kết hợp giáo dục qua trường lớp với rèn luyện cán bộ trong thực tiễn. Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr.672.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr.122.

chính trị và cập nhật kiến thức mới đối với cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý; chú trọng chất lượng, hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng. Coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng, để mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức sâu sắc hơn trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân, luôn vững vàng trước khó khăn, thử thách, không bị cám dỗ bởi vật chất, quyền lực; có lối sống trong sạch, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân; trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với nhân dân, nói đi đôi với làm.

Cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, đảng viên phải coi học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị; học tập và làm theo tấm gương của Bác bằng việc làm cụ thể, thiết thực, phù hợp với chức trách, nhiệm vụ được giao, tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vấn đề còn tồn tại, yếu kém của cơ quan, đơn vị, địa phương. Gắn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” với việc triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng sinh hoạt đảng bộ, chi bộ, sinh hoạt cấp ủy, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của từng tổ chức đảng và đảng viên.

Thứ ba, thực sự đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương.

Sự gương mẫu của các tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu, của từng cán bộ, đảng viên đóng vai trò quyết định đến việc tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Do vậy, từng tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp, các ngành phải nhận thức sâu sắc và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương. Cấp trên và người đứng đầu phải thực sự làm gương cho cấp dưới và nhân dân trong tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, cán bộ, đảng viên giữ cương vị càng cao càng phải tiên phong, gương mẫu. Mỗi cán bộ, đảng viên cần nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, có biện pháp để phòng ngừa và tự giác khắc phục khuyết điểm; khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình. Kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng những mô hình, điển hình và tấm gương tốt, tạo sức lan tỏa trong Đảng và trong xã hội. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức quần chúng, cơ quan báo chí về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Thứ tư, tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng trong quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ theo phân cấp và quản lý đảng viên trong tình hình mới. Tập thể lãnh đạo, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ cần rà soát, hoàn thiện các quy định, quy chế nội bộ để quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị mình.

Tiếp tục coi trọng công tác kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường kiểm tra, giám sát về tư tưởng chính trị, động cơ, thái độ, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra vi phạm, lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực. Chú trọng kiểm tra, kịp thời đấu tranh có hiệu quả với hành vi sai trái, các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tập trung giải quyết dứt điểm những vụ việc tồn đọng, kéo dài, nổi cộm, bức xúc mà dư luận cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm.

Thứ năm, tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Thực hiện nghiêm các nguyên tắc trong công tác cán bộ, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; kết hợp chặt chẽ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; bảo đảm đúng quy trình, quy định, công bằng, khách quan, chặt chẽ, thận trọng trong công tác cán bộ. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, thi tuyển, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch. Không sử dụng, bổ nhiệm, giới thiệu tái cử đối với cán bộ suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, không hoàn thành nhiệm vụ và uy tín giảm sút, kiên quyết không để lọt những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Kết hợp chặt chẽ việc xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ với đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; gắn với đấu tranh đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Thứ sáu, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm phòng ngừa tiêu cực và các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân một cách hiệu quả.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, ban hành mới và hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm tạo động lực phấn đấu, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng

yêu cầu của giai đoạn mới. Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; sàng lọc, xử lý cán bộ, đảng viên làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức; có chế tài xử lý nghiêm hành vi vi phạm; cơ chế bảo vệ, khuyến khích nhân dân phản ánh, tố giác, tích cực đấu tranh phòng, chống suy thoái về đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; thực hiện nghiêm quy định của Bộ Chính trị về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ. Các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế, nội quy công tác của cơ quan, đơn vị; xây dựng chuẩn mực đạo đức trong thi hành công vụ, trong quan hệ công tác và tiếp xúc với tổ chức và nhân dân; tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình; xiết chặt kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng về ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị các cấp ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện, xứng đáng với niềm tin yêu và mong đợi của nhân dân.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM

TS. TRẦN TUẤN ANH*

Như chúng ta đã biết, văn hóa là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế ngày càng được các quốc gia đề cao, coi trọng. Văn hóa trở thành một trong các trụ cột của phát triển bền vững, là động lực của quá trình phát triển, là nhân tố phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Đối với nước ta, các quan điểm, nhận thức, hoạt động về văn hóa trong phát triển kinh tế đã được khẳng định trong các văn kiện của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tổ chức tháng 11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra luận điểm “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” và luận điểm này đã trở thành nguyên tắc chi phối, có ý nghĩa cơ bản, lâu dài và là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt quá trình xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam.

Trong thời kỳ đổi mới, quan điểm của Đảng về xây dựng văn hóa trong kinh tế ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện. Hội nghị Trung ương 4 khóa VII (năm 1993) xác định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội”¹. Đến Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, văn hóa được xem “là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của phát triển kinh tế”². Quan điểm này đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển, hoàn thiện lý luận về văn hóa của Đảng. Tiếp đó, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng không chỉ nhấn mạnh “tính văn hóa” trong hoạt động kinh tế, mà còn yêu cầu phát triển văn hóa về chiều sâu, thiết thực, hiệu quả

* Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII* về một số nhiệm vụ văn hóa văn nghệ những năm trước mắt, nguồn: <http://dangcongsan.vn>, ngày 12/10/2016.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55.

trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh khi đưa ra nhiệm vụ “xây dựng nếp sống văn hóa”¹ trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI có sự phát triển mạnh mẽ lý luận về văn hóa của Đảng trên nhiều phương diện, trong đó có quan hệ giữa văn hóa với kinh tế: “Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế... Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc”². Tiếp nối quan điểm trên, Đại hội XII của Đảng xác định: “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”³. Tại Đại hội XIII, một lần nữa Đảng ta nhấn mạnh nhiệm vụ “xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh”⁴ và đưa ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là “phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”⁵.

Gần đây, trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã trả lời về những giá trị đích thực, mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đó là: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu - nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.223.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.53.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.128.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.144.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

chỉ cho một thiểu số giàu có”¹. Phải chăng đây cũng chính là mục tiêu, con đường để phát triển văn hóa nói chung và văn hóa trong phát triển kinh tế Việt Nam thời gian tới nói riêng. Trên tinh thần đó, bài viết này sẽ làm rõ hơn mối quan hệ giữa văn hóa với phát triển kinh tế, tình hình xây dựng văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam thời gian qua và đề xuất một số giải pháp để xây dựng văn hóa trong kinh tế vì sự phát triển bền vững đất nước ta thời gian tới.

1. Mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế

Văn hóa hay văn hóa trong kinh tế không ở bên ngoài, mà là yếu tố bên trong, là nguồn nội lực của quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Ở góc độ vi mô, văn hóa có tác động quan trọng đến hành vi kinh tế của con người, ở góc độ vĩ mô văn hóa đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển kinh tế. Văn hóa và kinh tế gắn bó với nhau, phát triển văn hóa có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, chất lượng văn hóa quyết định chất lượng kinh tế. Nghiên cứu văn hóa trong kinh tế là nghiên cứu vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế, xã hội, là nghiên cứu sự tác động qua lại giữa văn hóa và kinh tế. Đây là mối quan hệ biện chứng và đóng vai trò quan trọng trong duy trì sự ổn định kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... của mỗi quốc gia. Về mặt lý luận, nhận thức chung về mối quan hệ này của các nhà nghiên cứu thể hiện ở một số điểm sau:

1.1. Văn hóa phát triển trên nền tảng kinh tế

Theo lý luận của C. Mác về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, các yếu tố kinh tế là bộ phận quan trọng của cơ sở hạ tầng, quyết định trạng thái của kiến trúc thượng tầng, như chính trị, pháp luật, tư tưởng, văn hóa, đạo đức,... C. Mác cho rằng, phương thức sản xuất đời sống vật chất quy định những quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị, tinh thần nói chung. Như vậy, với C. Mác, hoạt động kinh tế là nền tảng, đóng vai trò quyết định, chi phối các mặt hoạt động khác, trong đó có văn hóa. Quan điểm kinh tế tác động tới sự thay đổi về văn hóa của mỗi quốc gia đã được minh chứng qua nghiên cứu theo dõi sự biến đổi giữa các nền văn hóa trong suốt giai đoạn 1981-2015².

1.2. Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển kinh tế

Mục tiêu của phát triển kinh tế suy cho cùng là vì con người. Con người luôn mong muốn hướng tới, được sống trong một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ,

1. GS.TS Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Báo Nhân Dân điện tử, truy cập tại <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-646305/>.

2. Ronald Inglehart, Christian Welzel: *Modernization, Cultural Change, and Democracy: The Human Development Sequence*, Cambridge University Press, 2005.

công bằng, văn minh, được ấm no, hạnh phúc, phát triển toàn diện. Do đó, văn hóa đóng vai trò là mục tiêu trước mắt và lâu dài của phát triển kinh tế. Hơn nữa, văn hóa không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực của sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Điều này thể hiện ở chỗ nhờ có văn hóa mà con người trở thành nhân tố chủ đạo của quá trình sản xuất và sáng tạo ra các giá trị của nhân loại. Văn hóa không nằm ngoài kinh tế, các giá trị văn hóa chuẩn mực luôn ẩn chứa trong kinh tế. Đối với quốc gia, đó là các hoạt động chính trị, thể chế chính trị, nghệ thuật chính trị nhằm làm cho các giá trị văn hóa bao gồm cái đúng, cái tốt, cái hữu ích thấm sâu vào hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao trách nhiệm và sự tham gia chính trị của mọi tầng lớp nhân dân¹... Đối với doanh nghiệp, đó là văn hóa doanh nghiệp với những mục tiêu hướng tới lợi ích kinh tế của bản thân doanh nghiệp nhưng cũng song hành với việc thực hành các giá trị văn hóa, xã hội trong quá trình quản trị doanh nghiệp. Đối với doanh nhân, đó là văn hóa doanh nhân thể hiện qua kiến thức, kỹ năng, trình độ, đạo đức kinh doanh.

1.3. Văn hóa thúc đẩy phát triển bền vững

Phát triển bền vững, an toàn là mục tiêu ngày càng được con người quan tâm bởi sự phát triển không chỉ được xét trên mặt vật chất đơn thuần, mà còn phải bao hàm cả về mặt tinh thần của xã hội mà con người tạo ra, tức là phải tính đến vấn đề văn hóa và phát triển. Phát triển và văn hóa có mối quan hệ tương hỗ, có cùng một mục tiêu tồn tại và vươn tới của nhân loại. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với mở rộng cơ hội tạo việc làm, với thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, bất bình đẳng trong xã hội, với việc tăng cường dân chủ trong xã hội, với đa dạng hóa đời sống tinh thần, với sử dụng tiết kiệm những nguồn lực môi trường và tài nguyên thiên nhiên, hài hòa với thiên nhiên. "Mọi sự tăng trưởng không gắn với văn hóa đều là sự phát triển què quặt, mang nặng tính kỹ thuật và tất yếu dẫn đến bất công xã hội, dẫn đến phân hóa giàu - nghèo, phân hóa xã hội"².

2. Thực trạng văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay

2.1. Văn hóa kinh doanh

2.1.1. Môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh của Việt Nam ngày càng năng động và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Một số dấu mốc quan trọng trong 15 năm trở lại đây

1. PGS.TS. Phạm Duy Đức, PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu: *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.90.

2. GS.TS. Chu Văn Cấp: "Xây dựng văn hóa trong kinh tế vì sự phát triển bền vững đất nước Việt Nam", *Tạp chí Công sản*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te//2018/811102/xay-dung-van-hoa-trong-kinh-te-vi-su-phat-trien-ben-vung-dat-nuoc-viet-nam.aspx>.

như: năm 2007, chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO); năm 2015 gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), năm 2018 ký kết Hiệp ước Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), năm 2020 ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - châu Âu (EVFTA)... Tính đến nay, Việt Nam đang tham gia 14 hiệp định thương mại tự do có hiệu lực, 1 hiệp định sắp có hiệu lực, 2 hiệp định đang đàm phán. Như vậy, các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang bước vào sân chơi toàn cầu, có rất nhiều cơ hội mở ra nhưng kèm theo đó cũng đầy những khó khăn, thử thách trong môi trường cạnh tranh đa văn hóa.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, đường lối, các chính sách nhằm khai thác có hiệu quả các cam kết đã thỏa thuận, cũng như cải thiện môi trường kinh doanh của nước ta. Tuy nhiên, môi trường văn hóa kinh doanh của Việt Nam còn gặp phải một số hạn chế, như: sự xuống cấp của đạo đức kinh doanh dẫn đến chỉ chạy theo lợi nhuận bất chấp sức khỏe của người tiêu dùng; tư duy ngắn hạn, tầm nhìn còn hạn hẹp; thói quen, cung cách kinh doanh còn nhỏ lẻ, manh mún và tùy tiện; thiếu tính liên kết, hợp tác và chia sẻ; chưa thực sự đặt được chữ tín lên hàng đầu; môi trường kinh doanh vẫn còn một số điểm thiếu tính công bằng. Mặc dù vậy, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng như ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã góp phần làm cho môi trường kinh doanh được mở rộng, sôi động, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được phát huy hết khả năng, nâng cao trình độ cũng như khơi dậy lòng tự hào dân tộc của người Việt Nam, giúp các doanh nhân gắn kết hơn, cùng hợp tác để phát huy và bảo vệ thương hiệu, uy tín của quốc gia.

2.1.2. Văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân

Doanh nghiệp, doanh nhân là cốt lõi, sức mạnh của nền kinh tế quốc gia. Ở nước ta, sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, số lượng doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân không ngừng gia tăng, trưởng thành và phát triển, có nhiều đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế, an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân cũng như bảo đảm ổn định tình hình chính trị, xã hội. Vai trò của kinh doanh nói chung và doanh nhân nói riêng đã được cải thiện đáng kể trong xã hội. Xã hội đang dần thay đổi quan điểm về kinh doanh, nhiều người đã nhận thấy kinh doanh thực sự có ích cho xã hội, trân trọng, coi trọng và tôn trọng những người biết làm giàu chân chính.

Về văn hóa doanh nghiệp, không ít doanh nghiệp Việt Nam đã có những thay đổi nhất định từ nhận thức đến hành động trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Với việc gia nhập môi trường kinh doanh quốc tế, các doanh nghiệp đã ngày càng chú trọng khẳng định văn hóa doanh nghiệp, thể hiện cả ở các yếu tố vô hình, như: triết lý kinh doanh, chiến lược phát triển, sứ mệnh, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi, lẫn các yếu tố hữu hình: biểu trưng (logo), khẩu hiệu (slogan), bộ nhận diện thương hiệu, kiến

trúc nội, ngoại thất, mẫu mã sản phẩm,... Nhờ tập trung phát triển có văn hóa công ty mà nhiều doanh nghiệp đã tạo dựng được môi trường làm việc thân thiện, công bằng, tạo cơ hội cho nhân viên phấn đấu, từ đó thu hút được nhân lực có chất lượng. Nhiều doanh nghiệp cũng đã tìm tòi, hiện tại hóa các nhân tố văn hóa truyền thống, bản sắc dân tộc vào hoạt động kinh doanh, vào các sản phẩm dịch vụ. Đây cũng là biểu hiện của xu hướng kinh doanh có văn hóa đang được hình thành trong các doanh nghiệp của Việt Nam, điều này được thể hiện rất rõ qua việc Việt Nam là một trong các quốc gia có mức tăng trưởng giá trị thương hiệu quốc gia nhanh nhất thế giới khi năm 2020 tăng 29% so với năm 2019 lên mức 319 tỷ USD, đứng ở vị trí thứ 33 trong “Top 100” thương hiệu quốc gia giá trị nhất thế giới... Mặc dù vậy, cũng còn không ít doanh nghiệp chưa quan tâm, chú trọng đến nhân tố văn hóa trong kinh doanh. Còn doanh nghiệp có tư tưởng kinh doanh “chộp giật”, đặt lợi nhuận lên trên hết, cạnh tranh không lành mạnh, thiếu chữ tín... Một số doanh nghiệp không quan tâm đến triết lý kinh doanh, trách nhiệm xã hội, thậm chí kinh doanh bất hợp pháp, làm hàng giả, trốn lậu thuế, tàn phá môi trường, ứng xử thiếu văn hóa, chưa tạo nên sự gắn bó trong nội bộ doanh nghiệp...

Về văn hóa doanh nhân, cùng với sự phát triển của kinh tế và môi trường kinh doanh, đội ngũ doanh nhân Việt Nam bước đầu có những thay đổi cả về lượng và chất. Trình độ chung của doanh nhân đã được cải thiện đáng kể, độ tuổi cũng ngày càng được trẻ hóa. Đã xuất hiện nhiều tấm gương doanh nhân thành đạt với những phẩm chất tốt đẹp: khát vọng vươn lên làm giàu cho bản thân và đất nước; kết hợp những giá trị văn hóa Đông - Tây; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng quản trị tiên tiến; có trí tuệ, thông minh, chịu khó học hỏi; có bản lĩnh văn hóa vững vàng; trọng tình nghĩa, giữ chữ tín; có ý thức và trách nhiệm ngày càng cao,... Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, cũng còn một số doanh nhân chỉ chạy theo lợi nhuận của mình, doanh nghiệp mình, bất chấp đạo lý, vi phạm đạo đức kinh doanh, không giữ chữ tín, thiếu ý thức công dân và trách nhiệm xã hội,...

2.2. Văn hóa tiêu dùng

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra với tốc độ cao, các sản phẩm sản xuất trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các sản phẩm nhập khẩu. Người tiêu dùng Việt Nam có thể mua và tiêu dùng vô số thương hiệu đến từ mọi quốc gia. Giá trị văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi các mức độ biểu hiện, tính kế thừa văn hóa, tác động môi trường xã hội đến hành vi tiêu dùng, các yếu tố khách quan và chủ quan. Xu hướng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam dưới tác động của xu hướng văn hóa hành vi tiêu dùng thế giới trong bối cảnh hội nhập, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, sự đa dạng hóa trong nguồn cung cấp hàng hóa trên thị trường. Theo hướng đó, các nhà nghiên cứu cho rằng, sự biến đổi và hình thành giá trị văn hóa tiêu dùng trong thời gian tới sẽ

chịu tác động bởi các nhân tố: (1) Tính tương đồng trong hành vi tiêu dùng trên phạm vi toàn cầu; (2) Xu hướng tiêu dùng xanh; (3) Xu hướng tiêu dùng sản phẩm an toàn cho sức khỏe; (4) Xu hướng mua sắm sản phẩm mới; và (5) Xu hướng mua sắm trực tuyến¹. Mặt khác, do những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng ở một số quốc gia cũng như đà suy trầm của kinh tế toàn cầu khiến cho xu hướng tiêu dùng đang chuyển sang thúc đẩy việc mua sắm có kế hoạch, chủ đích và chuyển sang tiêu dùng bền vững, hợp lý, văn hóa tiêu dùng ở Việt Nam cũng không tách khỏi xu hướng này².

Trong bối cảnh như vậy, hướng tới nền kinh tế phát triển bền vững rất cần có sự tiêu dùng bền vững, đồng thời cần chú trọng quá trình kế thừa và phát triển các giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc. Văn hóa tiêu dùng sẽ là cơ sở duy trì tiêu dùng bền vững bởi giá trị định hướng và vai trò kiểm soát hành vi. Văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam cần được định hướng rõ ràng thông qua chủ chương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước để phát huy tốt nhất tính hiệu quả và vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế của văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

2.3. Đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp

Đổi mới sáng tạo chính là quá trình biến các ý tưởng thành giá trị được chấp nhận trên thực tiễn. Nói đến văn hóa là nói đến sáng tạo. Đổi mới mang tính văn hóa là thay đổi có sự tiến bộ về chất và đem lại giá trị. Tổng Giám đốc UNESCO Federico Mayor cho rằng: Văn hóa là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo (của các cá nhân và các cộng đồng) trong quá khứ và hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên các giá trị, các truyền thống và các thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc.

Theo Báo cáo về xếp hạng chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2021 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố ngày 20/9/2021, Việt Nam xếp thứ 44/132 quốc gia/nền kinh tế (so với thứ hạng 42 của năm 2020) và được đánh giá nằm trong số 50 nền kinh tế có GIÍ tiến bộ đáng kể nhất trong xếp hạng đổi mới sáng tạo theo thời gian. Việc Chính phủ sử dụng GIÍ như một công cụ đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động đổi mới sáng tạo của quốc gia là ví dụ rõ ràng nhất cho thấy Việt Nam nhận thức được tầm quan trọng của đổi mới sáng tạo đối với sự phát triển quốc gia³.

1. PGS.TS. Phạm Duy Đức, PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu: *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Sđd, tr.295.

2. Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại, Bộ Công thương: *Xu hướng tiêu dùng hiện đại làm thay đổi mô hình kinh doanh của doanh nghiệp trong tình hình mới*, 2021, truy cập tại: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/bo-cong-thuong-voi-doanh-nghiep/xu-huong-tieu-dung-hien-dai-lam-thay-doi-mo-hinh-kinh-doanh-.html>.

3. Bích Liên: *Việt Nam xếp thứ 44 về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu 2021*, truy cập tại: <https://dangcongsan.vn/khoa-hoc/viet-nam-xep-thu-44-ve-chi-so-doi-moi-sang-tao-toan-cau-2021-591653.html>.

Trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nền kinh tế, thúc đẩy việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu thì yêu cầu nâng cao hơn nữa vai trò của sáng tạo, khoa học kỹ thuật, công nghệ trong thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế lại càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Để thực hiện được điều này, Việt Nam cần nhanh chóng có các chính sách để thúc đẩy gia tăng số lượng các nhà khoa học, nguồn nhân lực có khả năng thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển; lựa chọn hướng phát triển, nghiên cứu để tập trung nguồn lực đầu tư cũng như có các chính sách thu hút nguồn lực của xã hội cho nghiên cứu khoa học; khắc phục tình trạng vi phạm, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong các lĩnh vực hiện nay.

Môi trường khởi nghiệp Việt Nam còn rất non trẻ so với thế giới. Chúng ta có tiềm năng để khơi dậy tinh thần khởi nghiệp do dân số nước ta vẫn đang trong thời kỳ dân số vàng, với nền kinh tế năng động và có nhiều trường đại học, trung tâm nghiên cứu trên khắp cả nước. Tuy nhiên, chỉ khi tinh thần khởi nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo nở rộ trong các tầng lớp dân cư, đặc biệt là trong thế hệ trẻ thì sẽ thực sự trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, chúng ta cần có những giải pháp căn cơ trong xây dựng Hệ giá trị Việt Nam mới, về đổi mới nền giáo dục, về giải pháp chính sách, cách thức triển khai thực hiện chủ trương từ Trung ương đến các cấp chính quyền địa phương về việc tạo dựng văn hóa khởi nghiệp.

2.4. Phát triển công nghiệp văn hóa

Nhận thức về phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam là một quá trình lâu dài, liên tục. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã đánh dấu bước phát triển mới, sâu sắc và toàn diện hơn về phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam.

Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định 12 lĩnh vực phát triển công nghiệp văn hóa, bao gồm: quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa. Chiến lược cũng xác định mục tiêu cụ thể là phần đầu doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 3% GDP năm 2020, 7% năm 2030 và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội¹.

1. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, 2016, truy cập tại http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=186367.

Theo xu hướng chung của thế giới, công nghiệp văn hóa của Việt Nam cũng sẽ theo hướng hiện đại hóa và tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn có tính cạnh tranh cao, năng động, đó là: du lịch văn hóa, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp âm nhạc và giải trí công cộng. Bên cạnh đó, cũng phát triển theo hướng đa dạng hóa và liên kết đa lĩnh vực các ngành thuộc công nghiệp văn hóa để đáp ứng nhu cầu phát triển nội ngành và phục vụ văn hóa đại chúng của xã hội. Theo tiến trình hội nhập quốc tế, xu hướng mở rộng liên doanh, hợp tác với các nước để phát triển ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam sẽ diễn ra ngày càng sâu rộng hơn, đem lại nhiều cơ hội để phát triển, tạo ra sự kết hợp giữa văn hóa dân tộc và quốc tế.

3. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp, kiến nghị

3.1. Một số vấn đề đặt ra

Nội dung quan trọng đang đặt ra ở nước ta hiện nay là nhận thức về văn hóa trong kinh tế chưa toàn diện và đầy đủ. Trong suốt quá trình đổi mới, chúng ta chưa xác định được hệ giá trị văn hóa cốt lõi của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để thông qua đó định hướng cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Chúng ta nhấn mạnh vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững đất nước nhưng chưa có khung để đánh giá, xác định tác động của văn hóa tới phát triển kinh tế. Chưa làm rõ khái niệm, nội hàm, quá trình hình thành vốn văn hóa, vốn xã hội và vốn con người cũng như mối quan hệ của các loại vốn này với nhau. Chưa định lượng được độ lớn, mức đóng góp của những nguồn vốn này trong tổng thể các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Những hạn chế này dẫn đến xây dựng văn hóa trong kinh tế đang đặt ra một số vấn đề sau:

Thứ nhất, về giá trị và chuẩn mực văn hóa trong kinh tế. Một trong những vấn đề cơ bản để xây dựng văn hóa trong kinh tế là phải xác định rõ các hệ giá trị và chuẩn mực văn hóa của con người Việt Nam và hệ thống giá trị xã hội trong thời đại mới để làm cơ sở chung cho tất cả các hoạt động có liên quan đến tạo lập, xây dựng văn hóa như giáo dục đào tạo, hệ thống pháp luật,... Việc chưa có một Hệ giá trị Việt Nam mới gây khó khăn cho quá trình xây dựng các hệ giá trị khác (văn hóa tổ chức, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân...) cũng như quá trình xây dựng lòng tin trong xã hội... là những giá trị cốt lõi để nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và bao trùm. Vấn đề phát huy các lĩnh vực hoạt động văn hóa để phát triển kinh tế - xã hội còn thiên về các yếu tố hữu hình, thực dụng, ngắn hạn, phát triển không bền vững và xuất hiện nhiều yếu tố phản văn hóa, phản thẩm mỹ, chưa gắn chặt với xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh.

Thứ hai, trách nhiệm xã hội và đạo đức trong kinh tế. Vấn đề trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh tế - xã hội phản ánh chất lượng của

tăng trưởng kinh tế, tác động trực tiếp đến năng lực cạnh tranh, năng suất lao động và uy tín của nền kinh tế đối với người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Điều này thường được phản ánh qua đánh giá của xã hội về lương tâm và trách nhiệm thực hành luật pháp trong kinh tế của người sản xuất và kinh doanh dịch vụ, nền tảng tinh thần cho các liên kết trong kinh tế, tinh thần dân tộc trong phát triển kinh tế, cụ thể:

(1) *Đối với vấn đề lương tâm và trách nhiệm thực hành luật pháp trong kinh tế.* Trạng thái lương tâm của người sản xuất hàng hóa ở Việt Nam có nhiều dấu hiệu tiêu cực, việc sản xuất hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, sản xuất theo hình thức “rau hai luống, lợn hai chuồng”, sử dụng công nghệ gây ô nhiễm, xả thải chất độc hại ra môi trường,... ngày càng phổ biến. Đây là vấn đề thực sự đáng báo động về trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp và ý thức tự giác chấp hành luật pháp trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

(2) *Về vấn đề nền tảng tinh thần cho sự liên kết trong kinh tế.* Trong nền kinh tế thị trường, sự liên kết để sản xuất, kinh doanh và dịch vụ là nhu cầu bắt buộc để tồn tại và phát triển sản xuất. Văn hóa Việt Nam xưa đã luôn quan niệm “buôn có bạn, bán có phường”, quá trình hội nhập và chuyển đổi sang xã hội hiện đại thì các hoạt động kinh tế vẫn luôn có xu hướng dựa trên lòng tin từ các mối quan hệ gia đình, bạn bè thân thích. Như vậy, bản sắc văn hóa Việt Nam vẫn in đậm dấu ấn trong phát triển nền kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Vấn đề đặt ra ở đây là làm thế nào để vừa kế thừa được các giá trị tích cực, tốt đẹp của văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu được tinh hoa văn hóa của thời đại để phát triển kinh tế. Kết hợp hài hòa được các giá trị này cũng như vận dụng được các nền tảng công nghệ của kinh tế chia sẻ sẽ củng cố niềm tin trong các mối quan hệ truyền thống, đồng thời cũng gia tăng niềm tin trong các mối quan hệ ngoài gia đình, niềm tin vào thể chế, chính sách và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từ đó tạo động lực tinh thần quan trọng cho kinh tế Việt Nam phát triển bền vững. Khi niềm tin trong xã hội được nhân rộng, các hoạt động kinh tế, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo sẽ diễn ra nhanh chóng với chi phí giao dịch thấp, làm gia tăng hiệu quả đồng vốn cũng như năng suất lao động, tối ưu hóa việc sử dụng tài sản, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Đây cũng là một vấn đề đặt ra rất cấp thiết để phát huy vai trò của các giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

(3) *Về vấn đề tinh thần dân tộc trong phát triển kinh tế.* Tinh thần dân tộc là một động lực quan trọng để liên kết các chủ thể kinh tế, nâng cao sức sáng tạo và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tinh thần dân tộc trong phát triển kinh tế phải được thể hiện bằng hành động và việc làm cụ thể, thiết thực, trong đó phát triển thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế, chấp nhận cạnh tranh bình đẳng trên thương

trường, liên kết chặt chẽ trên cơ sở pháp luật quốc tế để tạo các chuỗi sản xuất cung ứng hàng hóa và dịch vụ với thương hiệu của Việt Nam thông suốt, hiệu quả trên toàn cầu. Việc Đảng, Nhà nước và các doanh nghiệp Việt Nam đang tập trung xây dựng thương hiệu mạnh cho hàng hóa Việt Nam là yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp thiết để khẳng định tinh thần dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, nhận thức về tác động giữa phát triển văn hóa và kinh tế. Mối quan hệ giữa phát triển văn hóa và kinh tế thường được một số nhà nghiên cứu chỉ ra, như: văn hóa phát triển trên nền tảng kinh tế; văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển kinh tế hay văn hóa thúc đẩy phát triển bền vững... mà chưa được nhìn nhận dưới góc độ nguồn lực, là vốn văn hóa phục vụ cho phát triển. Kinh tế học cổ điển cũng chưa chỉ rõ cách mà văn hóa tác động vào các hoạt động kinh tế. Chỉ đến khi các nhà nghiên cứu thuộc “ngành kinh tế học thể chế mới” xác định văn hóa là một phần trong các thể chế không chính thức (bất thành văn, như: những tục lệ, truyền thống và chuẩn mực ứng xử trong xã hội) thì mối liên hệ giữa văn hóa và kinh tế mới được chỉ ra rõ ràng. Theo quan điểm của kinh tế học thể chế mới, văn hóa là một hệ thống quy tắc mà chủ yếu là ngầm định, được củng cố bằng những biểu tượng và dấu hiệu hữu hình khác về nội dung và thể chế của nó. Những người thuộc cùng một dân tộc, một quốc gia sẽ dễ chia sẻ nền tảng văn hóa chung dẫn đến việc tương tác diễn ra dễ dàng hơn do sự thân thuộc với các thể chế văn hóa, từ đó giúp giảm chi phí giao dịch, giảm bớt được các rủi ro, chi phí chìm, chi phí cơ hội,... Các khoản chi phí này chiếm tỷ lệ không nhỏ trong nền kinh tế thị trường. Vấn đề đặt ra là khi không có đầy đủ các lý thuyết, khái niệm nền tảng hay các học thuyết kinh tế hiện đại chỉ rõ các quan hệ giữa văn hóa với phát triển kinh tế sẽ khiến chúng ta “loay hoay” trong chính sách thúc đẩy, phát huy văn hóa trong phát triển kinh tế.

Thứ tư, về nhận thức đối với quá trình hình thành vốn con người. Vốn con người là kiến thức, kỹ năng, năng lực và sức khỏe thể hiện trong mỗi con người¹, do đó quá trình hình thành vốn con người phụ thuộc rất nhiều vào quá trình giáo dục. Trong quá trình đó thì văn hóa đóng một vai trò quan trọng. Chính nhờ giáo dục mà trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, nhân cách, lối sống, ý chí, nghị lực, tài năng và sự thành thạo công việc tạo thành nguồn vốn con người của mỗi cá nhân và cộng đồng. Văn hóa cấu thành một bộ phận quan trọng trong nguồn vốn con người của xã hội, có ý nghĩa quan trọng đối với mức độ hiệu quả trong việc chuyển hóa các nguồn lực vật chất của lao động, tư bản và tự nhiên nhằm đáp ứng nhu cầu và khát vọng của con người². Các nội dung trên lý giải cho việc thực tế trên thế giới, không ít

1. OECD: *Giá trị của con người*, 2001, truy cập tại: <https://www.oecd.org/insights/37967294.pdf>.

2. Coleman, J. S.: “Các tổ chức và thể chế: Các cách tiếp cận kinh tế và xã hội học để phân tích cấu trúc xã hội, vốn xã hội trong việc tạo ra nguồn vốn nhân lực”, *Tạp chí Xã hội học Mỹ*, 1988, tr.95-120.

quốc gia có nhiều tài nguyên thiên nhiên nhưng rất nghèo đói, trái lại, một số nước nghèo về tài nguyên thiên nhiên nhưng lại rất giàu về kinh tế, bởi nhờ coi trọng nâng cao dân trí, phát triển giáo dục và đào tạo, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài,... nghĩa là rất coi trọng văn hóa. Vấn đề nhận thức chưa đầy đủ, chưa có cơ sở lý luận khoa học về quá trình hình thành vốn văn hóa, văn hóa trong hình thành vốn con người... dẫn đến chúng ta chưa có những giải pháp từ “gốc rễ” để đưa yếu tố văn hóa vào gia tăng nguồn vốn con người thông qua các kênh giáo dục từ gia đình - nhà trường - xã hội. Hoạt động thúc đẩy, giáo dục văn hóa thường chỉ được đặt bên cạnh hoạt động giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân mà không được thiết kế một cách đầy đủ, tổng thể từ nội dung đến phương pháp giảng dạy từ bậc phổ thông đến đại học và các chương trình giáo dục thường xuyên.

Thứ năm, xây dựng môi trường văn hóa trong kinh tế. Nội dung này được thể hiện ở hai phương diện cơ bản là luật pháp và đạo đức trong kinh tế. Vấn đề xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, hiệu quả, thông suốt, từ đó thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư phát triển kinh tế. Quá trình tạo dựng hệ thống thể chế chính thức và không chính thức ở nước ta trong thời gian qua đã tạo ra môi trường kinh doanh, cạnh tranh tự do, bình đẳng cho các chủ thể và các thành phần kinh tế tham gia. Tuy nhiên, trên thực tế, hiệu quả của việc thực thi các thể chế chính thức còn gặp nhiều khó khăn, tình trạng “trên nóng dưới lạnh”, có quy định trong luật nhưng không được thực thi trong cuộc sống, nhiều vi phạm pháp luật không được xử lý rất ráo dẫn đến làm giảm hiệu quả và niềm tin vào pháp luật. Các thể chế không chính thức dựa trên văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán kinh doanh của các thế hệ trước đang dần bị thay đổi bởi sự tiến bộ, phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế nhưng chưa được quan tâm điều chỉnh, thiết lập mới cũng đang làm giảm đi nguồn vốn văn hóa và vốn xã hội phục vụ phát triển kinh tế. Vấn đề đặt ra là cần có biện pháp để thiết lập và nâng cao hiệu quả của hệ thống thể chế, giúp giảm chi phí giao dịch, rủi ro trong kinh doanh cho doanh nhân, nhà đầu tư trong và ngoài nước¹.

3.2. Một số kiến nghị, giải pháp

Trước một số vấn đề đặt ra như trên, để thực hiện thành công các chủ trương, đường lối của Đảng trong thời gian tới cần nghiên cứu đồng bộ một số giải pháp như sau:

1. PGS.TS. Phạm Duy Đức, PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu: *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Sđd, tr.362, 382.

Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức lý luận về xây dựng văn hóa trong kinh tế, mối quan hệ hữu cơ giữa xây dựng văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế, các nội dung cơ bản để xây dựng văn hóa trong kinh tế, từ đó xác định rõ các nội dung công việc, vai trò và chủ thể trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này trong thực tiễn. Xây dựng văn hóa trong kinh tế là làm cho các giá trị văn hóa, hiểu biết về tầm quan trọng của phát triển văn hóa đối với kinh tế thấm sâu, lan tỏa vào hoạt động kinh tế - chính trị, tạo nên con người văn hóa mới, văn hóa tổ chức mới để phát triển bền vững đất nước trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Việc nâng cao nhận thức về xây dựng văn hóa trong kinh tế cần phải tiến hành đồng bộ và toàn diện, đặc biệt chú trọng giáo dục con người, nâng cao vai trò giáo dục của gia đình, tạo dựng niềm tin trong xã hội, tăng cường sự tham gia của quần chúng nhân dân, doanh nhân trong việc xây dựng văn hóa trong kinh tế để thay đổi văn hóa của tổ chức, doanh nghiệp. Song hành với quá trình trên là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng công tác kiểm tra, giám sát để từ đó nâng cao trách nhiệm và hiệu quả, hiệu lực của quản lý nhà nước đối công tác xây dựng văn hóa trong kinh tế.

Thứ hai, cần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu để xác định Hệ giá trị Việt Nam mới, khung đánh giá, tác động của việc phát triển văn hóa tới phát triển kinh tế. Hệ giá trị Việt Nam mới sẽ là cơ sở định hướng cho việc xây dựng các hệ giá trị khác như hệ giá trị văn hóa của doanh nghiệp, hệ giá trị văn hóa trong quản trị quốc gia... Những giá trị cần thiết để kinh tế Việt Nam phát triển, được xã hội quan tâm hướng tới trong quá trình hội nhập quốc tế là đề cao giá trị sáng tạo, tinh thần dân tộc, hội nhập, tuân thủ quy luật thị trường, thực thi pháp luật, trung thực, cạnh tranh quốc tế, hợp tác, chiếm lĩnh công nghệ cao. Điều này phản ánh một quá trình chuyển đổi định hướng giá trị văn hóa trong kinh tế phù hợp với xu thế phát triển chung của quốc tế, góp phần tạo nên sự năng động, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong hội nhập. Đây là những giá trị tích cực cần được cổ vũ, phát huy để kinh tế Việt Nam phát triển nhanh, vững chắc. Việc xây dựng hệ giá trị Việt Nam mới cần phát huy những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội và dựa trên nền tảng văn hóa truyền thống của dân tộc cũng như những giá trị trong điều kiện hội nhập. Ở cấp độ quốc gia và xã hội, cần nhấn mạnh tới những giá trị về thịnh vượng, dân chủ, văn minh, hài hòa, tự do, bình đẳng, công bằng và pháp quyền, ở cấp độ công dân cần tập trung tính trách nhiệm, liêm chính, tận tụy, tính khoa học. Đối với những giá trị truyền thống cần điều chỉnh nội hàm cho phù hợp điều kiện mới. Ví dụ như, yêu nước không chỉ thể hiện trong chống ngoại xâm mà còn thể hiện trong xây dựng và phát triển kinh tế, giữ gìn thương hiệu Việt Nam; sáng tạo không chỉ là linh hoạt,

biến báo mà phải nâng tầm sáng tạo phát minh¹. Hệ giá trị Việt Nam mới sẽ là một tập hợp các giá trị cốt lõi sâu sắc nhất của văn hóa, mang tính thời đại với một nền tảng đạo đức chung, tương thích với nền tảng kinh tế, hệ thống chính trị, là sợi dây tinh thần gắn kết và tạo ra sự đồng thuận xã hội rộng rãi trong toàn thể nhân dân. Hệ giá trị Việt Nam mới sẽ tạo ra mục tiêu theo đuổi chung của mọi người, mọi tổ chức, nâng cao phẩm chất, đạo đức của công dân, đề cao chân, thiện, mỹ, tố cáo cái giả, cái xấu, cái ác, rèn luyện đức tính cần kiệm, có liêm sỉ, nêu cao lẽ phải, sự cống hiến và hòa đồng giữa con người và thiên nhiên.

Thứ ba, chính sách tác động đến văn hóa là chính sách lâu dài, chỉ khi có con người tốt, có văn hóa tốt thì mới xây dựng và thực thi được chính sách tốt, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tức có nguồn vốn con người đủ lớn để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nhanh, bền vững và bao trùm. Do đó, nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên hàng đầu để xây dựng văn hóa trong kinh tế là xây dựng con người có đủ năng lực phẩm chất, kỹ năng lao động, đạo đức nghề nghiệp, ý chí và bản lĩnh trong xây dựng và phát triển kinh tế thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế. Điều này có nghĩa là cần tập trung vào các nền tảng văn hóa, chuẩn mực cốt lõi của cá nhân con người Việt Nam, hay nói cách khác là văn hóa cá nhân, để từ đó có ảnh hưởng, tác động tới văn hóa gia đình và văn hóa xã hội thay vì chỉ tập trung tác động vào văn hóa xã hội như hiện nay. Đối với đội ngũ cán bộ, do đây là lực lượng đi đầu trong công tác xây dựng văn hóa trong kinh tế, cần tập trung thực hiện các giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”, trong đó chú trọng giáo dục nội dung về tư tưởng, đạo đức, lối sống, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, các giá trị cốt lõi, nền tảng đạo đức của quốc gia. Đối với đảng viên, cần tập trung thực hiện tốt Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/1/2019 của Ban Bí thư về “Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng”, Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 9/2/2018 của Ban Bí thư về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”. Đối với nguồn nhân lực nói chung, cần tập trung tổng kết, đánh giá hiệu quả, tác động của việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” để có những bổ sung, điều chỉnh kịp thời, trong đó chú trọng các nội dung liên

1. GS.TS. Trần Ngọc Thêm: *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.541.

quan đến giáo dục trẻ em. Tổ chức thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới”, trong đó chú trọng các nội dung liên quan đến xây dựng văn hóa gia đình trong thời kỳ mới và chức năng giáo dục của gia đình. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết về giáo dục và chỉ thị về gia đình cần quan tâm đến nội dung, chức năng liên quan đến giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục gia đình về giáo dục văn hóa, Hệ giá trị Việt Nam mới. Nghiên cứu để có chủ trương đưa nhiều hơn nội dung về văn hóa dân tộc vào chương trình học ở bậc trung học, chỉ khi học sinh có hiểu biết đầy đủ về văn hóa dân tộc, yêu thích văn hóa dân tộc thì văn hóa mới trở thành nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Đây cũng chính là giải pháp gốc rễ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, doanh nhân và người lao động, đáp ứng yêu cầu xây dựng văn hóa trong kinh tế nói riêng và nguồn nhân lực quốc gia nói chung.

Thứ tư, đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công sở... bằng các biện pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao trình độ văn hóa, đạo đức của doanh nhân, cán bộ, công chức, người lao động. Cần thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3/6/2017, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “Hoàn thiện thể chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, trong đó chú trọng bảo đảm giữ vững mối quan hệ, vai trò giữa nhà nước, thị trường và xã hội. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ các quyền về tài sản, quyền sở trí tuệ, quyền kinh doanh, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động; điều tiết, định hướng, thúc đẩy phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, đi liền với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam; thúc đẩy phát triển thị trường khoa học công nghệ. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng hệ thống thể chế chính thức, tạo điều kiện để các hệ thống thể chế phi chính thức vận hành, đề ra các yêu cầu, tiêu chuẩn về đạo đức xã hội trong kinh doanh phù hợp với yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính minh bạch, công khai, trách nhiệm giải trình trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả; phân bổ nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự gắn kết, phối hợp hoạt động; đại diện, cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Đảng và Nhà nước; tham gia đóng góp ý kiến đối với chủ trương, đường lối của Đảng; phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong thực thi pháp luật, thực hành đạo đức

công vụ. Qua đó tạo dựng niềm tin giữa các chủ thể tham gia thị trường, giúp các hoạt động kinh tế diễn ra thuận lợi, nhanh chóng, tiết kiệm chi phí, hạn chế rủi ro, nâng cao giá trị thương hiệu quốc gia.

Thứ năm, nghiên cứu xây dựng thể chế, các vấn đề liên quan đến vốn văn hóa, vốn xã hội và vốn con người, chuỗi giá trị hàng hóa, dịch vụ văn hóa, như: về nội hàm quá trình hình thành, các phương pháp định lượng các loại vốn, ảnh hưởng của các loại vốn này đến phát triển kinh tế - xã hội... đặt trong tổng thể mối quan hệ giữa văn hóa với phát triển kinh tế, để việc ban hành và thực thi các chính sách phát huy văn hóa trong kinh tế mới có hiệu quả tích cực hơn.

Nắm vững, thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp đã nêu ở trên cùng với quyết tâm, kiên trì theo đuổi các mục đích, giá trị mà Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ ra trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” sẽ tạo ra môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, đồng thời sẽ đặt tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển, giúp đất nước ta vững vàng trên con đường hướng tới tương lai thịnh vượng trong giai đoạn phát triển mới.

XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG VỤ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THEO HƯỚNG CHUYÊN NGHIỆP, HIỆN ĐẠI, LIÊM CHÍNH, PHỤC VỤ NHÂN DÂN

PHẠM THỊ THANH TRÀ*

1. Tầm quan trọng và cơ sở chính trị, pháp lý của xây dựng văn hóa công vụ

Xây dựng văn hóa công vụ là một nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa vô cùng to lớn trong công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, Liêm chính, phục vụ nhân dân. Xây dựng văn hóa công vụ nhằm đảm bảo kỷ luật, kỷ cương hành chính và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời góp phần hình thành thái độ, phong cách ứng xử chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức. Văn hóa công vụ chính là những giá trị để tạo nên niềm tin, niềm tự hào, lòng yêu nghề, sự gắn kết đội ngũ cán bộ, công chức; phản ánh tầm nhìn, sứ mệnh, các mục tiêu chính của nền hành chính là phục vụ lợi ích của Nhà nước, nhân dân và xã hội.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó có xây dựng văn hóa công vụ trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Nghị quyết nêu rõ phải: “Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân”. Tiếp theo đó, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW” của Bộ Chính trị yêu cầu: “Xác định rõ xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên

* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

của cả hệ thống chính trị”; “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; “Khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” ...

Chủ trương, chính sách trên đã được thể chế hóa trong các văn bản pháp luật của nhà nước: Luật cán bộ, công chức năm 2008 đã quy định về “Văn hóa giao tiếp nơi công sở” (Điều 16) và “Văn hóa giao tiếp với nhân dân” (Điều 17). Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ, xác định rõ mục tiêu là “nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ; đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, xã hội”. Gần đây nhất, Chính phủ đã ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 (kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021), trong đó nêu rõ quan điểm “cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại”. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 2/9/2021 về “Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030”, trong đó chỉ đạo rõ cần phải “xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ nhân dân”.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, những chủ trương, chính sách, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nêu trên đã tạo cơ sở chính trị, pháp lý căn bản, cần thiết góp phần triển khai thực hiện văn hóa công vụ trong các cơ quan, tổ chức. Nhà nước ta luôn nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng to lớn của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, trong đó có xây dựng, nâng cao văn hóa công vụ hướng tới mục tiêu “xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân” mà Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đã đề ra.

2. Đánh giá tình hình xây dựng văn hóa công vụ thời gian qua

2.1. Những kết quả đã đạt được

Trong thời gian qua, các bộ, ngành và địa phương đều tích cực triển khai thực hiện chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật về xây dựng văn hóa công vụ và đã đạt được những kết quả bước đầu nhất định:

- Lề lối, phương thức làm việc trong các cơ quan, tổ chức từng bước được đổi mới theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt, hiện đại và hiệu quả. Các cơ quan, tổ chức đã rà soát, sửa đổi hoặc ban hành Quy chế làm việc, quy

định rõ nguyên tắc làm việc, chế độ trách nhiệm, quan hệ công tác, cách thức và quy trình giải quyết công việc. Tăng cường quản lý đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động; nghiêm cấm lợi dụng chức năng, nhiệm vụ để gây nhiễu, phiền hà khi xử lý, giải quyết công việc liên quan đến người dân và doanh nghiệp. Đến nay, hầu hết các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, xử lý, ký số văn bản trên môi trường điện tử. Đặc biệt, trong thời gian phòng, chống dịch COVID-19 vừa qua, nhiều cơ quan, tổ chức đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành công sở, giao ban, hội nghị, hội họp... để đảm bảo công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành được duy trì bình thường, thông suốt.

- *Kỷ luật, kỷ cương hành chính có những chuyển biến nhất định.* Các bộ, ngành, địa phương đã chú trọng nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, kết hợp với tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Đa số cán bộ, công chức giữ vững phẩm chất đạo đức công vụ, gương mẫu, đoàn kết trong nội bộ; tuân thủ quy định về thời gian làm việc, nghiêm túc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Việc nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính đã góp phần đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc trên các lĩnh vực công tác; khắc phục một bước tình trạng chậm trễ, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

- *Tác phong làm việc, giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức đã có nhiều tiến bộ.* Trong giao tiếp với người dân cũng như quan hệ hợp tác, hỗ trợ với đồng nghiệp, phần lớn cán bộ, công chức luôn giữ tinh thần, thái độ lịch sự, hòa nhã. Nhiều cơ quan đã bố trí hòm thư góp ý tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả và công khai số điện thoại để người dân, doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị về thái độ phục vụ của cán bộ, công chức. Một số cơ quan, tổ chức còn thường xuyên mở lớp tập huấn về kỹ năng giao tiếp cho cán bộ, công chức nhằm nâng cao khả năng giao tiếp, ứng xử trong thực thi công vụ, đặc biệt là các công chức trực tiếp thực hiện các giao dịch hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Qua đó, bước đầu nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc, mang lại sự hài lòng cho người dân.

- *Công sở, trụ sở làm việc từng bước được xây dựng văn minh, lịch sự, hiện đại.* Nhiều công sở được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp khang trang, có cảnh quan, môi trường làm việc tốt. Nhiều bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, triển khai xây dựng nhiều phần mềm, cơ sở dữ liệu nền tảng phục vụ xây dựng và phát triển chính phủ điện tử. Tính đến ngày 15/7/2020, có 97% số bộ, cơ quan ngang bộ và 91% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã kết nối với mạng diện rộng (WAN); có 86,36% số bộ, cơ quan ngang bộ và 93,65% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trung tâm dữ liệu¹... Các địa phương trong cả nước đã

1. Báo cáo số 128/BC-CP ngày 19/4/2021 tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và định hướng giai đoạn 2021-2030.

tích cực thành lập, triển khai vận hành Bộ phận Một cửa để tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; giúp công dân, tổ chức giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính được thuận lợi, nhanh chóng.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, các giá trị của văn hóa công vụ đã từng bước hình thành, phát triển; lan tỏa và tác động mạnh mẽ, sâu rộng đến nhận thức và hành động của các cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Xây dựng văn hóa công vụ đã được gắn với nội dung cải cách hành chính nhà nước, cải cách chế độ công chức, công vụ; đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người dân, xã hội và sự phát triển của đất nước.

2.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, xây dựng văn hóa công vụ ở nước ta trong thời gian qua vẫn còn những hạn chế nhất định:

- *Nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của xây dựng văn hóa công vụ trong một bộ phận cán bộ, công chức chưa thật sự đầy đủ.* Công tác tuyên truyền, giáo dục về văn hóa công vụ trong các cơ quan nhà nước chưa được thực hiện thường xuyên; có lúc, có nơi còn thiếu nghiêm túc, mang tính đối phó, chưa mang lại hiệu quả thiết thực. Chính vì vậy, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của một bộ phận cán bộ, công chức còn chuyển biến chậm; còn thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng; bộc lộ yếu kém trong giao tiếp, ứng xử, chưa có thái độ tôn trọng, hòa nhã với nhân dân, có biểu hiện thiếu thân thiện, thiếu hợp tác với đồng nghiệp; ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh, uy tín của cán bộ, công chức cũng như các cơ quan công quyền trước người dân và xã hội.

- *Phương thức, lề lối làm việc ở một số cơ quan, tổ chức chưa thay đổi mang tính căn bản;* quy trình giải quyết công việc còn kéo dài; sự phối hợp còn thiếu chặt chẽ; việc sử dụng thời gian làm việc chưa hợp lý, hiệu quả chưa cao. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trong Hội nghị triển khai nhiệm vụ công tác năm 2019 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã thẳng thắn chỉ ra một số tồn tại, bất cập, trong đó có tình trạng một số cơ quan, bộ, ngành, địa phương còn xảy ra tình trạng “trên bảo, dưới không nghe”, “trên nóng, dưới lạnh”, đùn đẩy, sợ trách nhiệm. Một bộ phận cán bộ có thái độ phục vụ, nhất là cán bộ tiếp xúc với dân còn bất cập, chưa tận tụy và thuyết phục¹.

- *Kỷ luật, kỷ cương tuy bước đầu được tăng cường nhưng thực tế có lúc, có nơi còn lỏng lẻo, tùy tiện,* chưa chấp hành nghiêm mệnh lệnh của cấp trên. Công tác kiểm tra, đôn đốc nhiệm vụ chưa được quan tâm đúng mức; trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, kiểm tra kỷ luật, kỷ cương từng nơi, từng lúc còn hạn chế. Tình trạng

1. <http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/39272702-thu-tuong-chu-tri-hoi-nghi-cua-ban-chi-dao-cai-cach-hanh-chinh-cua-chinh-phu.html>.

tham nhũng, tiêu cực, những nhiều nhân dân vẫn xảy ra trong một bộ phận cán bộ, công chức. Việc phát hiện một số vụ việc tiêu cực chưa kịp thời, công tác xử lý cán bộ, công chức vi phạm chưa triệt để, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Thực trạng bất cập trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân cơ bản như hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về văn hóa công vụ chưa thành nền nếp. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong triển khai thực hiện văn hóa công vụ ở một số nơi chưa được đề cao. Đặc biệt, hiện nay, chưa có các hình thức xử lý, biện pháp chế tài nghiêm khắc đối với những cán bộ, công chức vi phạm văn hóa công vụ; nhiều hành vi vi phạm quy định văn hóa công vụ chưa được xử lý nghiêm, kịp thời. Chưa chú trọng xây dựng những tấm gương điển hình tiên tiến; chưa có hình thức khuyến khích, chế độ khen thưởng thỏa đáng đối với những tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng và triển khai thực hiện văn hóa công vụ.

3. Giải pháp tiếp tục xây dựng và nâng cao văn hóa công vụ trong thời gian tới

Trong thời gian tới, để góp phần tiếp tục xây dựng văn hóa công vụ đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, phục vụ nhân dân, chúng ta cần thực hiện tốt những giải pháp cụ thể sau:

Một là, nghiêm túc quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và các chủ trương lãnh đạo của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó có văn hóa công vụ đáp ứng yêu cầu bối cảnh của tình hình mới. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó có: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”¹; “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức”². Những tư tưởng chỉ đạo trên phải được thể chế hóa trong các văn bản quản lý của các cơ quan nhà nước, phải được quán triệt sâu rộng trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động; làm cho các giá trị tốt đẹp của văn hóa công vụ thấm sâu và trở thành nền tảng vững chắc, thực sự là sức mạnh nội sinh quan trọng của một nền hành chính chuyên nghiệp, trách nhiệm, vì nhân dân phục vụ.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116, 118.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các văn bản quy định về văn hóa công vụ trong các cơ quan nhà nước. Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện quy định về văn hóa công vụ trong Luật cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm phù hợp với yêu cầu của bối cảnh, tình hình mới. Đồng thời, các bộ, ngành và địa phương cần rà soát, sửa đổi các quy định liên quan đến văn hóa công vụ trong phạm vi thẩm quyền để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực, địa phương mình; góp phần đưa những quy định về văn hóa công vụ được triển khai đồng bộ, có hiệu quả trong thực tế đời sống hoạt động công vụ từ trung ương đến địa phương. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện văn hóa công vụ và kiên quyết xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm.

Ba là, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tăng cường bồi dưỡng cho cán bộ, công chức về văn hóa công vụ. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống; hình thành nhân cách, rèn luyện thái độ, hành vi ứng xử của cán bộ, công chức theo chuẩn mực quy định, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, xứng đáng là “công bộc” của dân. Đồng thời cần coi trọng các giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại. Những giá trị truyền thống như tinh thần yêu nước; lòng tự tôn dân tộc; tình đoàn kết, tôn trọng nhân phẩm, cần cù trong lao động,... là những giá trị trường tồn làm nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Những giá trị đó cũng phải được thấm nhuần trong quá trình xây dựng văn hóa công vụ Việt Nam thời kỳ mới.

Bốn là, chú trọng nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, kết hợp với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Cán bộ, công chức phải có ý thức tổ chức kỷ luật; sử dụng hiệu quả thời giờ làm việc; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức; không được gây khó khăn, phiền hà, vòi vĩnh, kéo dài thời gian xử lý công việc; không thờ ơ, vô cảm trước những khó khăn của người dân. Đồng thời, cần thường xuyên thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên tất cả các lĩnh vực công tác của bộ, ngành, địa phương để phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm cũng như tuyên dương những tập thể, cá nhân có thành tích điển hình để nhân rộng, khen thưởng, động viên kịp thời.

Năm là, đề cao vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu trong xây dựng, tổ chức thực hiện văn hóa công vụ. Kết quả thực hiện văn hóa công vụ phụ thuộc nhiều vào sự nhận thức, năng lực tổ chức, điều hành của người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Người đứng đầu phải thật sự quan tâm, là tấm gương mẫu mực về văn hóa và đạo đức công vụ, giữ vững chuẩn mực trong đạo đức lối sống, giao tiếp, ứng xử,... Đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu không chỉ để cho cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức noi theo, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, mà còn góp phần tôn vinh những giá trị tốt đẹp của văn hóa công vụ,

tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội, tăng cường niềm tin yêu của nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, công chức.

Sáu là, ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung triển khai xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số theo lộ trình nhằm đổi mới mạnh mẽ phương thức chỉ đạo điều hành, quản lý từ thủ công truyền thống chuyển sang điện tử và dựa trên dữ liệu số, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân. Tăng cường xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, giảm hội họp, giấy tờ hành chính và chế độ báo cáo; giảm chi phí và thời gian xử lý công việc. Đồng thời, chú trọng phát triển các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước. Có thể coi đây là khâu đột phá nhằm đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức trong nền hành chính theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Như vậy, xây dựng văn hóa công vụ mà trọng tâm là đảm bảo kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trung thành với Nhà nước; bảo vệ danh dự, lợi ích quốc gia; tôn trọng và tận tụy phục vụ nhân dân chính là nhân tố quan trọng góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Xây dựng văn hóa công vụ luôn là một quá trình lâu dài và phải làm từng bước, chính vì vậy phải kiên trì, không nôn nóng, dần dần hình thành các giá trị văn hóa tốt đẹp trong hoạt động thực thi công vụ. Cần xây dựng, phát triển, tạo môi trường thuận lợi nhất để phát huy những giá trị truyền thống, phẩm chất tốt đẹp của dân tộc; khơi dậy niềm tin, khát vọng cống hiến, tài năng, trí tuệ và phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức, coi đó là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển của nền hành chính Việt Nam trong thời gian tới.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ CỦA VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở VIỆT NAM

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Quán triệt thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương (Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn), Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 nhằm mục tiêu xây dựng nông thôn mới, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... Xây dựng nông thôn mới hướng đến mục tiêu toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, xã hội nông thôn, trong đó bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, động lực quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

1. Quan điểm, định hướng về phát triển văn hóa trong xây dựng nông thôn mới

1.1. Vấn đề phát triển văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới

Ngày 16/4/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 491/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, theo đó văn hóa được thể hiện cụ thể qua 2 tiêu chí (tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa; tiêu chí số 16: Văn hóa), vừa thể hiện yêu cầu đạt chuẩn về kết cấu hạ tầng, các thiết chế cứng về văn hóa, vừa đặt ra yêu cầu đạt chuẩn các nội dung mềm - giá trị cốt lõi của văn hóa. Nội dung này tiếp

tục được duy trì trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được ban hành theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, tiêu chí văn hóa còn có mối quan hệ hữu cơ, hỗ trợ và thúc đẩy các tiêu chí khác trong bộ tiêu chí quốc gia. Cụ thể là vai trò của văn hóa trong việc thực hiện thành công và bền vững các tiêu chí về môi trường, an ninh trật tự, hệ thống chính trị... Ngược lại, việc thực hiện tốt các tiêu chí về thu nhập, cơ sở hạ tầng, an ninh trật tự cũng góp phần thực hiện tốt các nội dung về phát triển văn hóa bền vững. Do vậy, hoàn toàn có thể khẳng định, sẽ không có nông thôn mới đạt chuẩn bền vững nếu như không thực hiện thành công và hiệu quả nội dung về văn hóa.

1.2. Cụ thể hóa các giải pháp về phát triển văn hóa trong xây dựng nông thôn mới

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 là giải pháp trọng tâm nhằm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, xây dựng nông thôn mới gắn với Bộ tiêu chí quốc gia theo hai nhóm nội dung về phát triển văn hóa dưới đây:

- Hoàn thiện cơ sở vật chất về văn hóa: Nhà văn hóa và Khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, nhằm mục tiêu là tạo không gian sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao cho các tầng lớp nhân dân.

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn, trong đó tập trung xây dựng, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân nông thôn tham gia xây dựng đời sống văn hóa, thể thao; góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân. Tập trung nghiên cứu, nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng, miền, dân tộc.

Đồng thời, đầu năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 22/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Phát triển văn hóa nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”. Đề án hướng đến việc nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, thực hiện các tiêu chí phát triển văn hóa nông thôn mới cấp xã, tạo nền tảng vững chắc để phát triển văn hóa nông thôn mới trên địa bàn xã; nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng con người, gia đình, cộng đồng nông thôn và môi trường văn hóa nông thôn lành mạnh, phong phú, giàu bản sắc, tạo động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Đề án đưa ra 7 tiêu chí phát triển văn hóa nông thôn mới cấp xã, bao gồm: (1) nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (2) có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa; (3) 100% thôn có nhà văn hóa và khu thể thao đạt quy định; (4) môi trường đạt chuẩn theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; (5) thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, giữ vững

an ninh trật tự, an toàn xã hội, xã đạt danh hiệu lành mạnh không có tệ nạn xã hội; (6) bảo vệ tốt di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và các di sản văn hóa dân tộc; (7) làm tốt công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

2. Kết quả phát triển văn hóa trong xây dựng nông thôn mới

2.1. Một số kết quả chung sau 10 năm xây dựng nông thôn mới

Với sự chỉ đạo quyết liệt, sự vào cuộc mạnh mẽ, đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của người dân, xây dựng nông thôn mới đã trở thành một phong trào sôi nổi, rộng khắp trên cả nước. Sau 10 năm tích cực triển khai, bộ mặt nông thôn đã có những khởi sắc rõ rệt, hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện, cơ cấu lại ngành nông nghiệp đã phát huy hiệu quả, kinh tế nông thôn đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân nông thôn. Vai trò chủ thể của người dân nông thôn ngày càng được thể hiện rõ.

Kinh tế nông thôn liên tục tăng trưởng khá và chuyển mạnh theo hướng công nghiệp - dịch vụ, ngành nông nghiệp đang chuyển đổi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn và từng bước thu hẹp khoảng cách với đô thị. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2020 đạt 41,7 triệu đồng/người, gấp 1,7 lần so với năm 2015 và gấp 3,25 lần so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn năm 2020 còn khoảng 7,1%, giảm 4,7% so với năm 2016;... Đến nay, cả nước đã có 64,8% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân cả nước đạt 16,7 tiêu chí/xã; có 201 đơn vị cấp huyện thuộc 52 tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 30,3%); có 12 tỉnh, thành phố đã có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 4 tỉnh¹ được công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2.2. Những giá trị văn hóa được phát huy trong xây dựng nông thôn mới

2.2.1. Phát triển cơ sở hạ tầng văn hóa trong nông thôn

Các địa phương đã quan tâm đến xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất văn hóa bằng nhiều biện pháp chủ động, linh hoạt và sáng tạo; kết hợp vừa xây mới, vừa nâng cấp, cải tạo và tận dụng sử dụng những thiết chế cơ sở hạ tầng có sẵn như đình, chùa, hội trường ủy ban, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà truyền thống ở vùng đồng bào dân tộc... đã tác động trực tiếp đến đời sống tinh thần của người dân, tạo sự gắn bó đoàn kết cộng đồng. Tỷ lệ xã có nhà văn hóa tăng nhanh nhờ huy động các nguồn lực đầu tư để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là sự đóng góp của người dân bằng nhiều phương thức (ngày công, hiến đất, tiền, trang, thiết bị...).

1. Nam Định, Đồng Nai, Hưng Yên và Hà Nam.

Hệ thống thiết chế văn hóa được quy hoạch tạo không gian học tập, sinh hoạt, vui chơi giải trí, luyện tập thể dục, thể thao cho người dân. Từ các thiết chế văn hóa thể thao này, nhiều địa phương đã phát huy, khai thác hiệu quả, đa dạng hóa các hoạt động để phục vụ và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần, rèn luyện thân thể của các tầng lớp nhân dân.

Đến nay, đã có trên 79% số xã có nhà văn hóa, trung tâm thể thao xã, trong đó 71% xã đạt chuẩn. Cả nước có trên 72.952 thôn có nhà văn hóa, khu thể thao thôn (chiếm khoảng 79,2%), trong đó có 65% thôn đạt chuẩn. Đã có 6.460 xã (chiếm 78,5%) đạt tiêu chí về Cơ sở vật chất văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (tăng 43,4% so với năm 2015, vượt 3% so với mục tiêu 5 năm giai đoạn 2016-2020).

Song song với xây dựng nông thôn mới, nhiều địa phương đã phát triển hoạt động du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn, với các mô hình du lịch mới như du lịch trang trại đồng quê, trải nghiệm làm nông, du lịch sinh thái,...

2.2.2. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Xác định người dân là chủ thể trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa, công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở luôn gắn bó mật thiết với cộng đồng dân cư. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả đã tạo dựng được môi trường văn hóa lành mạnh, đa màu sắc trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân nông thôn, góp phần quan trọng nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; nhiều lễ hội truyền thống lành mạnh được phục hồi và phát triển, nhất là các hoạt động văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc, góp phần gìn giữ, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời thúc đẩy du lịch phát triển.

Việc xây dựng gia đình văn hóa, làng, bản, khối phố văn hóa đã phát huy được vai trò hạt nhân của mỗi gia đình trong xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới, như: giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, thực hiện nếp sống văn minh nơi công cộng, tích cực tham gia vào các phong trào của địa phương nơi cư trú, đặc biệt là thúc đẩy sự đồng thuận cao trong việc huy động nguồn lực xã hội, phát huy hiệu quả từ trong dân.

Các địa phương đã quan tâm hơn đến nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở hoặc theo mô hình xã hội hóa các khu trung tâm thể thao - giải trí, hoặc theo hướng giao cho cộng đồng quản lý, vận hành. Đã hình thành được một số mô hình du lịch làng nông thôn mới, kết hợp hài hòa giữa giá trị văn hóa, du lịch và kinh tế. Những phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Gia đình văn hóa”,... và gần đây là phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” đang tạo ra một cuộc sống tinh thần mang tính cộng đồng cao trong làng, xã trên phạm vi cả

nước. Đồng thời, đã xuất hiện nhiều mô hình điển hình về xây dựng đời sống văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở nhiều địa phương (mô hình “Dòng họ văn hóa” của tỉnh Quảng Nam; mô hình “Nụ cười công sở” trong thực hiện tiếp công dân, giải quyết thủ tục hành chính ở cấp xã của tỉnh Đồng Tháp, Bình Dương,...; câu lạc bộ “gia đình hạnh phúc”, “gia đình văn hóa” của tỉnh Vĩnh Phúc;...).

Có thể khẳng định, văn hóa không chỉ bảo tồn để duy trì truyền thống, bản sắc của dân tộc, mà còn trở thành nhân tố tích cực, là động lực và nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong xây dựng nông thôn mới. Đến nay, cả nước đã có 7.495 xã (91%) đạt tiêu chí về Văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (tăng 24,5% so với năm 2015 và vượt 15,1% so với mục tiêu 5 năm giai đoạn 2016-2020).

Bên cạnh sự phát triển về hạ tầng thiết chế văn hóa, hoạt động văn hóa ở nông thôn, các hoạt động kinh tế cũng đã phát triển và khai thác được các giá trị văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là chương trình về phát triển kinh tế khu vực nông thôn, là giải pháp, nhiệm vụ trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Khai dậy tiềm năng về đất đai, sản vật, lợi thế so sánh, đặc biệt là các giá trị văn hóa vùng, miền để hình thành các sản phẩm OCOP “đa giá trị”, phù hợp với nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của thị trường (ngoài vấn đề lương thực, dinh dưỡng... còn khía cạnh về văn hóa, trách nhiệm với cộng đồng, môi trường sống). Chương trình đã khơi dậy tinh thần của các chủ thể OCOP trên nhiều khía cạnh, đặc biệt là nâng cao vai trò của chủ thể với cộng đồng như: tạo công ăn việc làm; bảo vệ các giá trị văn hóa, đặc sản địa phương; bảo vệ môi trường sinh thái...

2. Một số khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả nổi bật, việc phát huy các giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới trong thời gian qua vẫn còn một số khó khăn, hạn chế, cụ thể như:

- Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa quan tâm đầy đủ đến phát triển văn hóa trong xây dựng nông thôn mới, chưa coi trọng đúng mức vai trò của văn hóa, nên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chưa thật sự quyết tâm, quyết liệt, thường quan tâm đến xây dựng cơ sở vật chất văn hóa hơn là nâng cao đời sống văn hóa (lối sống, tình làng nghĩa xóm, truyền thống tốt đẹp...).

- Một số địa phương, hệ thống thiết chế văn hóa ở nông thôn được đầu tư xây dựng các công trình, trang thiết bị hiện đại nhưng việc khai thác và phát huy hiệu quả hoạt động nâng cao, chỉ mang tính thời vụ, phong trào; không tổ chức được các hoạt động thường xuyên để tạo thói quen, sở thích sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của nhân dân.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao ở một số địa phương chưa đa dạng về hình thức, chưa phong phú về nội dung nên chưa thu hút được nhiều người dân nông thôn tham gia. Một số giá trị văn hóa truyền thống của gia đình, dòng họ, cấp làng thôn,... có nguy cơ bị phá vỡ, tình làng nghĩa xóm mai một, tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến cộng đồng, làm xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa vào các hoạt động kinh tế còn hạn chế, đặc biệt là các hoạt động du lịch cộng đồng gắn với văn hóa, làng nghề nông thôn.

3. Định hướng phát triển văn hóa trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

3.1. Định hướng phát triển văn hóa trong bối cảnh mới

Quán triệt thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, theo đó “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng của đất nước”¹; Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; kết nối nông thôn với đô thị; tiếp tục đẩy mạnh Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới kiểu mẫu và bảo vệ môi trường sinh thái. Cùng với đó là Quyết định số 357/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch triển khai Kết luận số 54/KL-TW ngày 7/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương bảy khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xác định một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục thực hiện thắng lợi các mục tiêu đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 là: Thực hiện xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện bền vững, đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn.

Trên cơ sở định hướng đó, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xác định nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới “toàn diện, nâng cao và bền vững”,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

với nguyên tắc “Cơ cấu lại nền nông nghiệp là động lực, nông thôn mới là nền tảng, nông dân là chủ thể”. Mục tiêu là xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Ngoài những mục tiêu, nội dung cơ bản thì xây dựng nông thôn mới phải chú trọng bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, các giá trị tốt đẹp về văn hóa, con người Việt Nam được bảo tồn và phát huy. Bên cạnh đó, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng các chuỗi liên kết giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, hình thành các sản phẩm “đa giá trị”, phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vùng, miền, góp phần nâng cao thu nhập của người dân nông thôn.

3.2. Một số nội dung và giải pháp phát triển văn hóa trọng tâm trong giai đoạn 2021-2025

Phát huy kết quả đạt được trong hơn 10 năm xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tiếp tục duy trì và tập trung vào hai nội dung chính về văn hóa như sau:

- Về hạ tầng cơ sở: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, hỗ trợ trang thiết bị và kinh phí hoạt động cho thiết chế văn hóa - thể thao. Xây dựng các Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, thiết chế văn hóa tỉnh đạt chuẩn và có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã một cách hiệu quả. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa trên địa bàn xã gắn với phát triển du lịch nông thôn.

- Phát triển đời sống văn hóa nông thôn theo hướng: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn. Tập trung vào hai nhóm nhiệm vụ chính, gồm:

+ Tiếp tục xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với tổ chức cộng đồng, kết nối các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân, nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi. Phát động các phong trào rèn luyện thể dục - thể thao phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương. Tăng cường nghiên cứu, mở rộng mô hình về phát huy, kết nối thiết chế văn hóa truyền thống và thiết chế văn hóa mới bảo đảm sự đa dạng về văn hóa vùng, miền, dân tộc.

+ Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống. Khai thác mô hình

bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống phục vụ phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn.

Bên cạnh đó, các giải pháp trọng tâm nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, đưa văn hóa trở thành một trong những động lực quan trọng trong xây dựng nông thôn mới bao gồm:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa nông thôn, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển văn hóa nông thôn giữa các cấp, các ngành, đoàn thể ở địa phương. Cần quán triệt nhận thức: cùng với xây dựng cơ sở vật chất cho văn hóa và thể thao, phải đồng thời xây dựng đời sống văn hóa, thay đổi tư duy, nếp sống của người dân nông thôn trên cơ sở phát huy các giá trị tốt đẹp về văn hóa, con người Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục tập trung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về văn hóa và phát triển văn hóa nông thôn, ý thức chấp hành pháp luật và các quy định về văn hóa, thể thao của người dân ở nông thôn.

- Xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; nâng cao chất lượng tổ chức, hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thông tin và thể thao ở nông thôn; tạo điều kiện để người dân ở nông thôn nâng cao mức hưởng thụ, tham gia hoạt động và sáng tạo văn hóa. Huy động sự vào cuộc, sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

- Xây dựng con người, gia đình, cộng đồng nông thôn và môi trường văn hóa nông thôn lành mạnh, phong phú, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; tạo chuyển biến về xây dựng nếp sống văn hóa, xây dựng môi trường xã hội, bảo vệ di sản văn hóa và môi trường sinh thái nông thôn nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn mới.

- Tiếp tục đẩy mạnh và gắn xây dựng nông thôn mới với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, thông qua phong trào này để nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, từ đó động viên, thu hút được nhiều nguồn lực cho phát triển văn hóa. Đặc biệt, phải giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống để phục vụ phát triển kinh tế du lịch, coi đây là trách nhiệm, nhưng cũng là cách thức để phát triển kinh tế, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

- Tập trung triển khai hiệu quả các chương trình gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, trong đó có các chương trình phát triển kinh tế nông thôn như: Chương trình OCOP, Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, hình thành các sản phẩm “đa giá trị” gắn với các giá trị văn hóa, góp phần phát triển kinh tế nông thôn bền vững.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động bảo tồn, phát triển và tổ chức hoạt động văn hóa, đặc biệt là các hoạt động về du lịch văn hóa, du lịch nông thôn nhằm lan tỏa mạnh mẽ những giá trị văn hóa và tác động toàn diện đến đời sống người dân trong xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở bảo tồn những giá trị văn hóa và con người Việt Nam không chỉ thay đổi bộ mặt nông thôn mà còn nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, giàu bản sắc dân tộc. Đây là định hướng để Ban Chỉ đạo Trung ương, các bộ, ngành và các địa phương ưu tiên và tập trung nguồn lực để thực hiện thành công và bền vững tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới, để văn hóa thực sự trở thành động lực, đóng góp trực tiếp vào phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới hiệu quả và bền vững.

LÀM TỐT CÔNG TÁC CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ TRẺ EM, TẠO NỀN TẢNG XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN*

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành tất cả tình yêu thương cho đồng bào, đồng chí, đặc biệt là cho các cháu thiếu niên, nhi đồng. Người khẳng định: “Thiếu niên, nhi đồng là người chủ tương lai của nước nhà”¹, “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”². Xác định trẻ em là tương lai của đất nước, là đối tượng cần được ưu tiên chăm sóc, giáo dục, bảo vệ, nên Người luôn căn dặn “chăm sóc và giáo dục tốt các cháu là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Công tác đó phải làm kiên trì, bền bỉ”³. Nói chuyện tại Hội nghị cán bộ phụ trách thiếu nhi toàn miền Bắc ngày 19/2/1959, Người căn dặn các cán bộ phụ trách thiếu nhi: “Công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng rất quan trọng, đó là nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho Tổ quốc”⁴.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thiếu niên, nhi đồng, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương giáo dục thiếu niên, nhi đồng và ban hành nhiều chính sách, văn bản pháp luật bảo vệ các quyền trẻ em. Sau khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 5/11/2012 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”, nhấn mạnh: “Chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em là vấn đề có tính chiến lược, lâu dài, góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”; “Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em”; “Tổ chức thực hiện tốt Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em

* Đầu đề do Ban Biên tập đặt.

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.579.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.35.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.76.

và các công ước, điều ước quốc tế khác có liên quan mà Nhà nước Việt Nam ký kết hoặc tham gia”, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực trẻ em ở Trung ương và cấp ủy, chính quyền các địa phương đã kịp thời thể chế hóa và triển khai tổ chức thực hiện tích cực, hiệu quả. Điển hình như: Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em” (Khoản 1, Điều 37). Luật Trẻ em năm 2016 quy định về quyền và bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; có chương riêng về trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Ngoài ra còn có: Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em; Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 về việc “Tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em”; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 4/12/2019 về “Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên”; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 về việc “Tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em”; Quyết định số 1235/QĐ-TTg ngày 3/8/2015 phê duyệt “Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 phê duyệt Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020”; Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 phê duyệt “Đề án Chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025”; Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 7/1/2021 phê duyệt “Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030”;

Mới đây, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xác định xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng, Đảng ta chỉ rõ: để tiếp tục thực hiện tốt mục tiêu “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện”, cần phải “Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên... Đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.143.

Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về trẻ em, quyền trẻ em và công tác chăm sóc trẻ em, đồng thời đã tạo khung pháp lý quan trọng trong việc bảo đảm quyền trẻ em.

1. Những kết quả đạt được

Trong công tác chăm sóc, bảo vệ và thực hiện quyền trẻ em những năm qua, Việt Nam chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, cụ thể như sau:

1.1. Về công tác bảo vệ trẻ em

Công tác bảo vệ trẻ em ngày càng được quan tâm và bước đầu đã được củng cố, kiện toàn về tổ chức, nhân lực và tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em 3 cấp độ, trợ giúp nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại và có nguy cơ bị xâm hại. Hầu hết các địa phương đã hình thành mạng lưới bảo vệ trẻ em theo ba cấp độ: phòng ngừa, can thiệp và hỗ trợ phục hồi nhờ đó cải thiện rõ rệt công tác bảo vệ trẻ em ở cộng đồng; bảo đảm quyền sinh tồn và quyền được bảo vệ của trẻ em. Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em được phát triển mạnh ở cộng đồng và mở rộng về số cơ sở và loại hình dịch vụ. Trẻ em dưới 6 tuổi, trẻ em thuộc các hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn đặc biệt khó khăn đều được cấp hoặc hỗ trợ một phần kinh phí để mua thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ về giáo dục.

Lao động trẻ em cũng có xu hướng giảm mạnh, theo kết quả khảo sát của Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng ILO tại Hà Nội thì số lao động trẻ em từ 5 đến 17 tuổi năm 2012 là 1.754.782 em, chiếm 9,6% trẻ em trong độ tuổi này, trong đó số lao động trẻ em dưới 16 tuổi là 1.543.082 em. Theo kết quả khảo sát quốc gia về lao động trẻ em năm 2018, số lao động trẻ em từ 5 đến 17 tuổi là 1.031.944 em, chiếm 5,36% trẻ em trong độ tuổi này, trong đó số lao động trẻ em dưới 16 tuổi là 790.518 em, giảm 4,24% so với năm 2012.

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau đạt 90% (2020).

Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 55% theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 3/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Về công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em

Công tác chăm sóc trẻ em trong lĩnh vực y tế đã phát huy được những thành quả đạt được trong giai đoạn 2001-2010 và đạt được kết quả khá ấn tượng trong vòng 10 năm qua về giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống); giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi (năm 2020

là 12,4%) và chiều cao theo tuổi (năm 2020 là 19,9%); tăng tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin.

Công tác phòng, chống tai nạn, thương tích ở trẻ em: Việc xây dựng môi trường sống an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích ở trẻ em đã được các địa phương quan tâm. Theo đó, toàn bộ 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích ở trẻ em, trong đó chú trọng phòng, chống đuối nước. Nhờ đó, tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích (năm 2020 là 600/100.000) và tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích (năm 2020 là 17/100.000) tính trên 100.000 trẻ em đã giảm xuống đáng kể qua các năm.

1.3. Về công tác phát triển trẻ em

a) Về giáo dục: Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên cả nước đã đạt kết quả tốt, nếu như ở năm học 2011-2012, tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đi học đạt trên 80% thì đến năm học 2019-2020 đã đạt trên 95%. Năm học 2011-2012, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt trên 98%, năm học 2019-2020 đạt trên 98,9%. Cơ sở vật chất giáo dục mầm non được cải thiện, trình độ chuyên môn của giáo viên được nâng cao.

63/63 tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở.

Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học bậc mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đến năm 2020 đều đạt trên 95%, tỷ lệ học sinh bậc trung học phổ thông đi học đúng tuổi đạt trên 70%. Số lượng học sinh bỏ học có xu hướng giảm, cụ thể: cấp tiểu học năm học 2011-2012: 0,22%, năm học 2018-2019: 0,12%; cấp trung học cơ sở: năm học 2011-2012: 1,7%, năm học 2018-2019: 1,63%.

b) Vui chơi, giải trí: Cả nước có 67 thiết chế văn hóa cấp tỉnh (Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Thông tin - Triển lãm, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật,...); 683/713 quận, huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 95,8%; 7.194/10.184 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, đạt 70,6% và có 75.966/101.732 thôn, bản có nhà văn hóa, đạt 74,7%; 164 nhà thiếu nhi hoặc trung tâm văn hóa thanh thiếu nhi, đạt 23%; 465 điểm vui chơi, giải trí dành cho trẻ em, đạt 65,21%.

Theo số liệu báo cáo của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tính đến tháng 5/2020, cả nước có 68 cung, nhà thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh, thiếu nhi cấp tỉnh (đạt 100%) và 112 nhà thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi cấp huyện do Đoàn Thanh niên quản lý, đạt 15,84%.

1.4. Về sự tham gia của trẻ em

Thông qua việc hoàn thiện văn bản hướng dẫn và thực hiện các mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em, quyền được tham gia của trẻ em được quan tâm chú trọng hơn và có bước phát triển vượt bậc.

a) Mô hình Diễn đàn trẻ em

Trong giai đoạn vừa qua, trẻ em nước ta được tham gia Diễn đàn ASEAN, các diễn đàn trẻ em khu vực, diễn đàn trẻ em quốc gia và diễn đàn trẻ em gái.

Các tỉnh, thành phố cũng chủ động tổ chức Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Theo đó, trong cả nước có **17.511** diễn đàn trẻ em các cấp (Trung ương: 2, cấp tỉnh: 232, cấp huyện: 4.647, cấp xã: 12.630) với **1.767.875** lượt trẻ em tham gia, một số tỉnh có 100% cấp huyện tổ chức diễn đàn trẻ em. Hầu hết các địa phương đã quan tâm, tạo điều kiện để trẻ em tham gia Diễn đàn trẻ em quốc gia, trong đó, có 13 tỉnh, thành phố tham gia đầy đủ 6 kỳ Diễn đàn trẻ em quốc gia; 7 tỉnh, thành phố tham gia 5 kỳ Diễn đàn trẻ em quốc gia.

b) Mô hình Hội đồng trẻ em

Đến nay, cả nước đã thành lập được 14 mô hình Hội đồng trẻ em cấp tỉnh, 11 mô hình Hội đồng trẻ em cấp huyện, trong đó Hội đồng trẻ em tại các tỉnh Hà Giang, Lai Châu, Quảng Bình, Quảng Trị được tổ chức Plan hỗ trợ về kinh phí, kỹ thuật để triển khai thực hiện.

Hội đồng trẻ em cấp tỉnh, cấp huyện đã tổ chức được tổng số **65** kỳ họp với gần **1.000** lượt thiếu nhi tham gia. Thông qua các kỳ họp, qua báo cáo tổng hợp của các tỉnh, thành phố, đã có hơn **5.000** ý kiến của các em được tổng hợp từ cấp cơ sở, trong đó có gần **1.000** ý kiến của trẻ em được gửi tới các cơ quan có liên quan.

Bên cạnh các kỳ họp định kỳ, Hội đồng trẻ em các tỉnh, thành phố đã tích cực tham mưu với lãnh đạo Hội đồng nhân dân và lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tổ chức thành công các hội nghị, các buổi gặp mặt, đối thoại trực tiếp giữa Hội đồng trẻ em với lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh. Thông qua các buổi gặp gỡ, các em đã trực tiếp đề xuất ý kiến, kiến nghị tới các đồng chí lãnh đạo tỉnh về những bất cập trong học tập, sinh hoạt, vui chơi, giải trí.

c) Mô hình thăm dò ý kiến trẻ em

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức lấy ý kiến của trẻ em trong quá trình xây dựng 1 nghị định, 1 quyết định, 3 thông tư thông qua một số hình thức phù hợp. Các ý kiến của trẻ em đã được Ban soạn thảo, Tổ biên tập nghiên cứu, tiếp thu vào dự thảo văn bản trình cấp có thẩm quyền ban hành và đưa vào báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hồ sơ trình ban hành văn bản. Hệ thống Đoàn, Đội trong cả nước đã tổ chức 5.632 hoạt động lấy ý kiến trẻ em; tiếp nhận 93.163 lượt ý kiến của trẻ em. Ở cấp địa phương, trong giai đoạn 2016-2020, cả nước có gần 6.000 cuộc thăm dò ý kiến của trẻ em, thu hút trên 606.764 nghìn lượt trẻ em tham gia, có ý kiến. Việc lấy ý kiến trẻ em cũng được lồng ghép trong các hoạt động đối thoại với lãnh đạo Ủy ban nhân dân và các ban, ngành, đoàn thể.

d) Mô hình câu lạc bộ quyền trẻ em

Tính đến năm 2019, cả nước có 9.461 câu lạc bộ quyền trẻ em với 640.469 lượt trẻ em tham gia và 35.118 câu lạc bộ trẻ em do Đoàn Thanh niên thành lập và chỉ đạo hoạt động, thu hút khoảng 1.756.000 lượt trẻ em tham gia. Câu lạc bộ quyền trẻ em cấp xã, phường được duy trì hoạt động thường xuyên.

đ) Mô hình chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện

Trong giai đoạn 2016-2020, có **33.610** chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện với **4.975.331** lượt trẻ em tham gia, bình quân có **995.066** lượt trẻ em tham gia mỗi năm; các tổ chức quốc tế và các Văn phòng Làng trẻ em SOS Việt Nam đã tổ chức 970 các chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện với 199.202 trẻ em tham gia.

2. Một số tồn tại, hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em và quyền trẻ em vẫn còn một số hạn chế như sau:

- Việc bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em còn chưa được một số bộ, ngành, địa phương quan tâm đúng mức.

- Ngân sách, đặc biệt ngân sách địa phương bố trí để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của các chương trình, đề án, kế hoạch liên quan đến trẻ em còn chưa được ưu tiên; nhân lực, đặc biệt là người làm công tác bảo vệ trẻ em ở cơ sở còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực.

- Công tác phối hợp ở một số nơi chưa thường xuyên, chưa hiệu quả.

- Cơ sở dữ liệu về trẻ em còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu trong theo dõi, đánh giá tình hình trẻ em và công tác chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt là về phòng, chống xâm hại trẻ em chưa được tiến hành thường xuyên, kịp thời.

3. Một số giải pháp

Để bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em nhằm đáp ứng yêu cầu “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện”, xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; tạo lập môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện, góp phần hoàn thành các mục tiêu của “Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững”, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch đảm bảo các nhóm quyền của trẻ em: về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em; về bảo vệ trẻ em; về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em; về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.

Đồng thời, sẽ tiếp tục tập trung giải quyết các vấn đề về:

Một là, tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp của các bộ, ngành, địa phương;

Hai là, hoàn thiện pháp luật, chính sách bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em;

Ba là, phát triển hệ thống dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em có sự lồng ghép và phối hợp giữa các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội; ưu tiên hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em;

Bốn là, tăng cường truyền thông, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em;

Năm là, bảo đảm nguồn lực thực hiện quyền trẻ em và các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em; ưu tiên bố trí nguồn lực về bảo vệ trẻ em;

Sáu là, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế về quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em mang tính toàn cầu và khu vực;

Bảy là, vận động nguồn lực và sự tham gia của xã hội;

Tám là, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I.
- [2] Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.
- [3] Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 5/11/2012 của Bộ Chính trị về việc “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”.
- [4] Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- [5] Luật Trẻ em năm 2016.
- [6] Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.
- [7] Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.
- [8] Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

- [9] Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.
- [10] Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 4/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.
- [11] Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em.
- [12] Quyết định số 1235/QĐ-TTg ngày 3/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2016-2020.
- [13] Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020”.
- [14] Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025.
- [15] Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 7/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.
- [16] Công văn số 2772/LĐTBXH-TE ngày 20/8/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG TRONG XÂY DỰNG VĂN HÓA GIAO THÔNG CHO THANH, THIẾU NIÊN - MỤC TIÊU VÀ ĐỘNG LỰC TRONG BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG TẠI VIỆT NAM

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Nhận thức chung về việc đưa văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội theo các Nghị quyết của Đảng trong ngành giao thông vận tải

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã đạt được nhiều kết quả rất đáng khích lệ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó phải kể đến những thành tựu về văn hóa.

Cụ thể, các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc không những được cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp và nhân dân gìn giữ, phát huy, mà còn có những hình thức phát triển phù hợp với xu thế hội nhập toàn cầu của đất nước; văn hóa và giá trị văn hóa đã trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, kết hợp với du lịch, dịch vụ, đóng góp to lớn vào sự phát triển chung của đất nước.

Tuy nhiên, văn hóa và đời sống văn hóa vẫn còn những điểm cần nghiên cứu, suy xét trong đời sống thực tế của xã hội. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa có nhiều đột phá, hiệu quả chưa cao; đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn”¹.

Trên thực tế, trong lĩnh vực giao thông vận tải, hạn chế lớn nhất chính là việc chưa hình thành được văn hóa tham gia giao thông tương xứng với sự phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là trong các đối tượng thanh, thiếu niên.

Chính vì vậy, trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.320.

niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”¹.

Bộ Giao thông vận tải cho rằng, đây là định hướng rất đúng và trúng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, nhưng đồng thời là một trong những nhiệm vụ hết sức nặng nề, cần quyết tâm cao với những giải pháp đồng bộ và thể hiện rõ trách nhiệm chính trị của mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp và từng cán bộ, đảng viên, trong đó có ngành giao thông vận tải.

Trong thời gian vừa qua, Bộ Giao thông vận tải đã bám sát và triển khai tích cực Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Cụ thể, tháng 6/2021, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị và Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành giao thông vận tải đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, phát triển toàn diện con người Việt Nam, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của ngành, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ đổi mới với các nhóm giải pháp sau:

Một là, tăng cường vai trò của các cấp ủy Đảng, người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, triển khai, thực hiện; tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa gắn với nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ phải xác định xây dựng và phát triển văn hóa, phát triển toàn diện con người Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên gắn liền với nhiệm vụ chuyên môn. Nâng cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người; tăng cường sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chính sách về văn hóa, con người.

Hai là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.II, tr.330.

Điểm nhấn trong giải pháp này là việc tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo, trong đó có thể nghiên cứu lồng ghép với nhiệm vụ chuyên môn, đặc biệt là công tác tuyên truyền về văn hóa giao thông, văn hóa con người phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

Ba là, tăng cường xây dựng văn hóa chính trị, môi trường văn hóa lành mạnh phù hợp với từng đơn vị. Tiếp tục phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu như: Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về “Một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên” nhằm xây dựng hệ thống chính trị trong toàn ngành trong sạch, vững mạnh, xây dựng nền văn hóa công vụ vì nhân dân phục vụ.

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng môi trường, đời sống văn hóa tại cơ quan, đơn vị lành mạnh, trong đó tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục đối với cán bộ, công chức, viên chức trong ngành về ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên; có thái độ và hành vi ứng xử đúng đắn với môi trường, vì mục tiêu phát triển bền vững.

Những giải pháp này được Bộ Giao thông vận tải đúc kết từ quá trình triển khai phong trào thi đua thực hiện văn hóa ứng xử giao tiếp “4 xin” - “Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép” và “4 luôn” - “Luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn thấu hiểu, luôn giúp đỡ” tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong ngành giao thông vận tải; phong trào “Văn hóa giao thông với bình yên sông nước”; cũng như kinh nghiệm thực tế từ quá trình xây dựng văn hóa giao thông trong hơn 10 năm qua.

Bộ Giao thông vận tải tin tưởng rằng, nếu thực hiện tốt các giải pháp được đề ra trong Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị và Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ, kết hợp với những quan điểm, định hướng tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, thì sẽ sớm đưa văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, khơi dậy khát vọng vươn lên mãnh liệt và ý chí quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

2. Xây dựng văn hóa giao thông cho thanh, thiếu niên - Mục tiêu và động lực trong bảo đảm an toàn giao thông tại Việt Nam

Theo các chuyên gia, văn hóa giao thông là một bộ phận của văn hóa nơi công cộng, là tập hợp các cách thức xử sự, ứng xử, chấp hành các quy định của pháp luật về giao thông, là tuân thủ các chuẩn mực đạo đức khi tham gia giao thông. Văn hóa giao thông bao gồm văn hóa của người tham gia giao thông, văn hóa của những người quản lý, hoạch định giao thông. Trong những yếu tố đó thì người trực tiếp tham gia giao thông đóng một vai trò quan trọng tạo nên văn hóa giao thông. Bức tranh văn hóa giao thông Việt Nam thời kỳ hội nhập rất đa dạng, phong phú, nó

không thể tách rời khỏi văn hóa nói chung vì đó là nền tảng để tạo ra môi trường xã hội phát triển. Văn hóa giao thông vừa là động lực, vừa là mục tiêu tạo nên một hệ thống giao thông hiện đại, văn minh, hiệu quả, một môi trường giao thông an toàn, nhân ái, thân thiện.

Chính vì vậy, theo nghĩa chung nhất, văn hóa giao thông là việc người tham gia giao thông tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan, có thái độ và hành vi hợp lý đối với các tình huống phát sinh trong quá trình tham gia giao thông.

Từ kinh nghiệm thực tế, Bộ Giao thông vận tải nhận thấy văn hóa giao thông được xây dựng trên bốn yếu tố cốt lõi, gồm (1) xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật, trong đó bao gồm cả quy định và hướng dẫn về hành vi và cách ứng xử với các tình huống mà người tham gia giao thông có thể gặp trong cuộc sống; (2) tuyên truyền giáo dục về các quy định pháp luật, nâng cao nhận thức và ý thức tự giác; (3) xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và môi trường tham gia giao thông để người dân có thể thực hiện được các quy định pháp luật một cách thuận tiện; và (4) kiểm tra giám sát và xử lý vi phạm.

Hệ thống quy định pháp luật có tác dụng định hướng hành vi của các cá nhân theo một chuẩn mực chung. Nếu không có đủ quy định cụ thể, người tham gia giao thông có thể sẽ ứng xử theo quan điểm cá nhân. Có quy định pháp luật nhưng môi trường kết cấu hạ tầng giao thông không phù hợp thì việc thực hiện quy định pháp luật sẽ gặp khó khăn và đây là một lý do dẫn tới thực trạng một số người tham gia giao thông chưa tuân thủ quy định pháp luật một cách triệt để (ví dụ như việc yêu cầu người đi bộ phải đúng quy định, nhưng khi vỉa hè bị chiếm dụng cho mục tiêu đỗ xe và kinh doanh thì người dân khó có thể thực hiện hành vi đi bộ trên vỉa hè mà pháp luật yêu cầu).

Trên thực tế, nếu chỉ kiểm tra xử phạt mà không tuyên truyền thì không thể xử phạt hết các trường hợp vi phạm, trong khi nếu chỉ tuyên truyền, nâng cao ý thức mà không xử phạt nghiêm thì hiệu quả tuyên truyền sẽ thấp... Có thể thấy bốn yếu tố trên hòa quyện và có quan hệ thống nhất chặt chẽ với nhau. Thiếu một trong bốn yếu tố thì không hình thành văn hóa giao thông.

Là một bộ phận đông đảo, đại diện cho tuổi trẻ của dân tộc, lực lượng đoàn viên, thanh niên Việt Nam luôn kiên định ý chí, họ đã và đang chứng tỏ bản lĩnh, sức trẻ, sự sáng tạo và tinh thần dám nghĩ, dám làm của mình; luôn xung kích trong mọi nhiệm vụ chính trị mà Đảng, Nhà nước phát động, trong đó có thực hiện nếp sống văn hóa giao thông.

Tuy nhiên, do tác động bởi nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nhất là do thiếu nghiêm túc trong rèn luyện, phấn đấu, đã dẫn đến có nơi, có lúc còn một bộ phận đoàn viên, thanh niên chưa chấp hành nghiêm pháp luật khi tham gia giao thông, gây ra không ít hậu quả nghiêm trọng cho bản thân cũng như cộng đồng, xã hội. Điều này được biểu hiện ở một số hiện tượng cụ thể như: điều

khiến xe mô tô phóng nhanh, vượt ẩu, lạng lách, đánh võng, chở quá số người quy định, đi vào đường cấm, đường ngược chiều gây cản trở giao thông; không đăng ký biển số, không có giấy phép lái xe; dán nhãn mác, màu sắc kỳ lạ, lắp hệ thống đèn chiếu sáng quá kích cỡ, gắn còi ô tô, còi hú trái quy định; không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông,...

Điều đáng báo động là một bộ phận đoàn viên, thanh niên khi vi phạm luật an toàn giao thông, bị lực lượng chức năng nhắc nhở, xử phạt, thì có hành vi nài nỉ, thậm chí “nhờ người can thiệp”, thể hiện thái độ thách thức, chống đối lại các lực lượng chức năng thi hành nhiệm vụ.

Để xây dựng văn hóa giao thông trong lực lượng thanh, thiếu niên, một trong những nội dung quan trọng nhất là xác định rõ đối tượng thanh, thiếu niên và những đặc điểm nổi bật của nhóm đối tượng này, qua đó có giải pháp phù hợp để triển khai hiệu quả bốn nhóm giải pháp trên trong xây dựng văn hóa giao thông cho thanh, thiếu niên.

Theo thống kê, Việt Nam có tỷ lệ dân số trẻ cao. Số liệu tổng điều tra dân số năm 2011 cho thấy số người dưới 30 tuổi chiếm xấp xỉ 50% tổng dân số. Các quy định về thanh, thiếu niên được đề cập ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Luật thanh niên Việt Nam quy định đây là nhóm người có độ tuổi 16-30. Luật trẻ em bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/6/2017 quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi. Điều lệ đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh quy định thiếu niên là những người có độ tuổi 9-15. Độ tuổi thiếu niên diễn ra nhiều thay đổi cả về thể chất và tâm lý, hạn chế về quyền và trách nhiệm công dân, là giai đoạn cá nhân phát triển các kiến thức, kỹ năng, học hỏi việc kiểm soát các cảm xúc và các mối quan hệ, hình thành các tính cách, tố chất, sự tự lập cũng như khả năng để chuyển sang giai đoạn tiếp theo là thanh niên/người trưởng thành.

Mặc dù giai đoạn đầu của thanh niên có những đặc điểm tương tự như giai đoạn cuối của thiếu niên, song thanh niên có sự thay đổi về chất so với thiếu niên. Tại Việt Nam, khi tròn 16 tuổi, cá nhân sẽ chịu trách nhiệm hình sự với hành vi của mình.

Tuy nhiên, cần lưu ý sau độ tuổi 16, các kiến thức, kỹ năng, tố chất, tính cách, kinh nghiệm, khả năng kiềm chế, độ bình tĩnh và chín chắn còn tiếp tục phát triển nhanh. Thanh, thiếu niên là nhóm đối tượng đã trực tiếp tham gia giao thông, có thể còn ngồi trên ghế nhà trường hoặc đã bắt đầu làm việc, tuy nhiên còn cần tích lũy các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm về luật pháp trật tự an toàn giao thông, bởi vậy, đây chính là nhóm người có xác suất gặp tai nạn giao thông cao hơn. Đây là những đặc điểm, nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi, ứng xử của thanh, thiếu niên và an toàn giao thông nói chung.

Bởi vậy, để xây dựng văn hóa giao thông trong thanh, thiếu niên, theo Bộ Giao thông vận tải, cần quan tâm tới một số giải pháp sau:

2.1. Về quy định pháp luật

Cần nghiên cứu xem xét các hoạt động tham gia giao thông của thanh, thiếu niên, xác định các quy tắc, quy định hoặc hướng dẫn về cách ứng xử trong từng trường hợp, trên cơ sở đó luật hóa chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Thanh, thiếu niên là đối tượng tham gia giao thông hằng ngày với nhiều hình thức đa dạng như: được đưa đón, tự đi bộ, tự đi xe đạp, xe buýt, xe đạp điện, xe máy điện và khi lớn hơn 18 tuổi, nếu có bằng lái xe hợp pháp, hoàn toàn có thể độc lập điều khiển xe mô tô có phân khối lớn hơn 50cc, thậm chí là ô tô.

Chính vì các hoạt động rất đa dạng như vậy nên các nội dung như ngồi sau xe, đội mũ bảo hiểm, các quy định về xe đạp và điều khiển xe đạp như đèn, áo phản quang ban đêm và mũ bảo hiểm xe đạp, quy chuẩn điểm đỗ xe đạp, chính sách hỗ trợ và bảo vệ người đi xe đạp và đi bộ qua đường, chờ và lên xuống xe buýt, tiêu chuẩn điều kiện và kỹ năng điều khiển các loại phương tiện với từng độ tuổi,... đều cần những quy định rất cụ thể. Những nội dung này phần lớn đã có trong văn bản pháp luật nhưng ở mức độ chi tiết thì cần được hoàn thiện, bổ sung.

2.2. Về kết cấu hạ tầng và môi trường tham gia giao thông

Việc tạo nên môi trường cho thanh, thiếu niên tham gia giao thông thuận tiện, an toàn, phù hợp với quy định pháp luật có vai trò rất quan trọng trong việc giúp họ thực hiện các quy định pháp luật. Với một tỷ lệ khá lớn thiếu niên (độ tuổi 10-16) đi bộ và đi xe đạp khi tới trường hoặc nơi giải trí, chúng ta cần đặc biệt quan tâm tới kết cấu hạ tầng để bảo đảm an toàn cho những chuyến đi của thiếu niên.

Để tạo nên một môi trường tham gia giao thông cho người đi bộ, việc bảo đảm không gian vỉa hè là việc rất cần, nhưng chưa đủ. Cùng với đó, cần rà soát các quy chuẩn thiết kế vỉa hè để bảo đảm chất lượng vỉa hè, duy trì chiếu sáng và cây xanh, loại bỏ các miệng hố ga lộ thiên, triển khai các kết cấu hạ tầng/thềm dốc để bảo đảm thuận lợi khi sang đường, đồng thời trong tổ chức giao thông cần bố trí đèn qua đường, pha đèn dành riêng và ưu tiên cho người đi bộ, đảo nghỉ tại các tuyến đường rộng... Việc tạo nên môi trường giao thông an toàn để thiếu niên tự tham gia giao thông có hiệu ứng xã hội lớn và tích cực vì điều này sẽ khuyến khích hình thành tính tự lập vốn rất quan trọng đối với thế hệ trẻ, giúp giảm bớt những chuyến đi đưa đón của cha mẹ, qua đó giảm ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, giải phóng sức lao động của xã hội, nâng cao GDP của quốc gia,...

Tương tự, để thanh, thiếu niên đi xe đạp an toàn, cần những kết cấu hạ tầng hỗ trợ người đi xe đạp, như làn đường xe đạp (tại những nơi có thể), điểm đỗ và trông giữ xe đạp, không gian và pha đèn ưu tiên người đi xe đạp tại các nút giao thông... Các cách tiếp cận chi tiết và cụ thể như vậy cũng cần được thực hiện với các chuyến đi xe buýt, xe đạp điện, xe máy điện... Ví dụ, muốn thanh, thiếu niên có văn hóa đi

xe buýt, cần xây dựng một hệ thống xe buýt đủ sức hấp dẫn, an toàn với thanh, thiếu niên, đồng thời có những quy định cụ thể để hướng dẫn cách thức sử dụng loại hình vận tải này, như trên xe cần nhường ghế cho người già, phụ nữ, hoặc đơn giản là không nên nghe nhạc ồn ào, ảnh hưởng tới những người xung quanh, hoặc cách xử sự khi nhìn thấy những việc sai trái trên xe, tuyên truyền cũng như giám sát việc thực thi các quy định trên.

Môi trường kết cấu hạ tầng bất cập có thể dẫn tới nhiều vi phạm mà lực lượng chức năng không thể xử lý hết. Điều này có thể dẫn tới tâm lý tiêu cực trong thanh, thiếu niên: hoài nghi về lực lượng thực thi công vụ, hoặc chấp nhận hành vi sai trái như một thực tế trong cuộc sống. Những vấn đề này hoàn toàn có thể được cải thiện đáng kể nếu hệ thống hạ tầng được hoàn thiện.

Kết cấu hạ tầng giao thông là lĩnh vực liên quan tới ngành giao thông vận tải cả ở Trung ương và địa phương. Kết cấu hạ tầng giao thông địa phương phục vụ nhu cầu đi lại hằng ngày của người dân phần lớn do chính quyền địa phương cung cấp và duy trì, trong khi các quy định, hướng dẫn, quy chuẩn, tiêu chuẩn về kết cấu hạ tầng giao thông do ngành giao thông vận tải Trung ương phụ trách.

2.3. Về tuyên truyền giáo dục

Để thanh, thiếu niên có nền tảng kiến thức tốt về văn hóa giao thông, cần giáo dục về văn hóa giao thông ngay từ khi các em bắt đầu đến trường ở tuổi mẫu giáo, thậm chí là sớm hơn, khi các em vừa bắt đầu nhận thức (giáo dục tại nhà). Có được những kiến thức nền tảng vững chắc ngay từ sớm như vậy thì những hành vi của thanh, thiếu niên sẽ ổn định và phát triển theo xu hướng tích cực trong tương lai.

Trong nhà trường, cần nghiên cứu đưa nội dung giáo dục về văn hóa giao thông vào chương trình chính khóa với thời lượng hợp lý, đồng thời có hàm lượng thực hành ở các cấp học. Trong giảng dạy về văn hóa giao thông, thay vì việc dùng những khẩu hiệu khô cứng, có thể giải thích lý do của quy định, hậu quả khi vi phạm, lợi ích của việc tuân thủ cũng như hình phạt đối với các hành vi vi phạm một cách trực quan sinh động, dễ nhớ, dễ hiểu, dễ làm theo. Để làm được việc này, cần tăng cường trang thiết bị, thông tin, kiến thức cho đội ngũ giáo viên giảng dạy về an toàn giao thông, văn hóa giao thông trong các cơ sở đào tạo các cấp.

Do đây là nhóm đối tượng còn trẻ, khả năng tập trung và chuyên nghiệp chưa cao nên việc giáo dục tuyên truyền cần được thực hiện một cách kiên trì, lặp đi lặp lại nhưng không nhàm chán. Cũng cần tuyên truyền cho cộng đồng hiểu về đặc điểm, hành vi tham gia giao thông của thanh, thiếu niên, qua đó giúp sự hòa nhập và thông cảm giữa thanh, thiếu niên với cộng đồng và ngược lại.

Cần tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - chính quyền địa phương trong việc giáo dục, nhắc nhở, vận động thanh, thiếu niên chủ động học

hỏi và chấp hành các quy định pháp luật khi tham gia giao thông. Trong đó, việc phát huy vai trò của gia đình trong giáo dục thanh, thiếu niên về văn hóa giao thông có tác dụng rất lớn. Muốn vậy, các bậc cha mẹ phải chủ động tìm tòi để nâng cao kiến thức, kỹ năng và thực sự là tấm gương cho các em về ứng xử khi tham gia giao thông.

Trong điều kiện xã hội Việt Nam, người phụ nữ có vai trò rất quan trọng trong việc nuôi dưỡng và giáo dục con cái, ngoài ra, họ là những người dành thời gian nhiều nhất với thanh, thiếu niên. Bởi vậy, nâng cao nhận thức, vai trò và vị trí của người phụ nữ trong xã hội sẽ hỗ trợ tốt cho việc giáo dục thiếu niên về văn hóa giao thông. Điều này giúp cho những người mẹ, người chị, người bạn có tiếng nói mạnh mẽ và hiệu quả hơn trong việc giáo dục và thuyết phục thiếu niên, thanh niên tuân thủ các quy định của pháp luật khi tham gia giao thông trong cuộc sống hằng ngày.

Đồng thời, cần có những chiến dịch truyền thông với các cá nhân, tổ chức có ảnh hưởng tới thanh, thiếu niên để tạo sự cảm hứng cho thanh, thiếu niên về lĩnh vực an toàn giao thông.

Trong nhóm hoạt động này, ngành giao thông vận tải, ngành giáo dục đào tạo, chính quyền địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội là những đơn vị có liên quan trực tiếp.

2.4. Về kiểm tra, xử lý vi phạm

Thanh, thiếu niên nhìn người lớn như những tấm gương. Nếu người lớn vi phạm pháp luật mà không bị xử lý thì đây sẽ là hình ảnh có ảnh hưởng tiêu cực tới nhận thức và hành vi của giới trẻ. Bởi vậy, để tuyên truyền giáo dục thanh, thiếu niên một cách hiệu quả thì người lớn phải là nhóm thực sự gương mẫu, đi đầu, tuân thủ quy định của pháp luật, và những hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông của người lớn cần được xử lý nghiêm.

Trong vấn đề này, hình ảnh lực lượng thực thi công vụ càng trở nên quan trọng. Hành vi gương mẫu, tuân thủ quy định, nghiêm minh của lực lượng thực thi công vụ, phát huy vai trò giám sát của nhân dân... là nhân tố rất quan trọng giúp xây dựng văn hóa giao thông tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, cũng cần nhanh chóng rà soát lại toàn bộ các văn bản luật pháp liên quan đến an toàn giao thông để kịp thời bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế. Những điều không còn phù hợp cần được thay thế bằng những nội dung mới. Yêu cầu các văn bản quy định phải được biên soạn ngắn gọn, dễ hiểu, không chồng chéo, hình thức thưởng phạt nghiêm minh, rõ ràng, đủ sức răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho đoàn viên, thanh niên thực hiện thuận lợi.

Do thanh, thiếu niên là nhóm đối tượng còn trẻ, nên xử phạt cần được thực hiện một cách kiên trì, khoan dung nhưng kiên quyết theo truyền thống của Việt Nam: những nguyên tắc “giơ cao đánh khẽ”, “yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”, “quá tam ba bận”,... cho thấy cần có sự nghiêm khắc mới tạo nên những con người có đạo đức tốt, có ích cho xã hội. Bởi vậy, các hình phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông đối với thanh, thiếu niên tuyệt đối không nên hà khắc với lỗi vi phạm không nghiêm trọng lần đầu tiên, thay vào đó nên nhắc nhở, hướng dẫn, nhưng cần xử lý nghiêm khắc nếu có dấu hiệu tái phạm hoặc cố tình vi phạm. Trong vấn đề này, lực lượng cảnh sát giao thông, các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương, nhà trường có vai trò hết sức quan trọng.

Cần phải nói thêm rằng, quy định pháp luật và thực thi mặc dù rất quan trọng nhưng đôi lúc sẽ trở nên lạc hậu, đặc biệt trong điều kiện một quốc gia đang phát triển rất nhanh chóng như Việt Nam. Do vậy, văn hóa giao thông trong thanh, thiếu niên cần được xây dựng trên nền tảng kiến thức và văn hóa của dân tộc, kết hợp với những tinh hoa trong văn hóa giao thông của nhân loại, trên cơ sở đó hình thành những giá trị văn hóa mạnh mẽ trong thanh, thiếu niên để thậm chí có thể tự điều chỉnh, khống chế, thuần hóa những hành vi sai trái mới phát sinh mà quy định pháp luật hiện hành chưa kịp thời điều chỉnh.

Cuối cùng, cần đặc biệt chú trọng sự tự lập và tính chủ động sáng tạo, dám nghĩ dám làm và tri thức của thanh, thiếu niên. Việc khuyến khích thanh, thiếu niên bắt tay vào thực hiện những công việc, những dự án nhỏ nhất nhằm nâng cao an toàn giao thông, phát triển giao thông vận tải bền vững,... có thể khơi dậy những tiềm năng to lớn của lực lượng này, tạo nên cảm hứng cho cả xã hội, giúp xây dựng thành công nền văn hóa giao thông hiện đại, đậm đà bản sắc của Việt Nam.

Với số lượng đông đảo và tầm quan trọng đặc biệt của thanh, thiếu niên trong cộng đồng, ở bất cứ xã hội nào và vào bất cứ thời điểm nào, việc xây dựng văn hóa giao thông cho thanh, thiếu niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội. Việc xây dựng một văn hóa giao thông tiên tiến sẽ góp phần bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phát triển bền vững. Đồng thời, một xã hội có nền văn hóa giao thông tốt sẽ góp phần đắc lực trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

Vì vậy, xây dựng văn hóa giao thông nói chung và văn hóa giao thông trong thanh, thiếu niên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Đảng, Quốc hội và Chính phủ đặc biệt quan tâm, là vấn đề liên ngành, đòi hỏi cả hệ thống chính trị và từng người dân kiên trì cùng vào cuộc, nhận thức, thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong xây dựng văn hóa giao thông cho thanh, thiếu niên.

Xây dựng nếp sống văn hóa giao thông cho đoàn viên, thanh niên không những góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông mà còn tôn thêm vẻ đẹp của đất nước, con

người Việt Nam trong thời đại mới. Giao thông là bộ mặt văn hóa của một đất nước, tham gia giao thông chính là sinh hoạt cộng đồng thường xuyên hằng ngày với quy mô rộng lớn. Ở môi trường ấy, mỗi cá nhân sẽ bộc lộ phẩm chất văn hóa, ý thức cộng đồng của mình. Do đó, với tư cách là chủ nhân tương lai của đất nước, đoàn viên, thanh niên là thế hệ tiên phong trong nhiều lĩnh vực, cần có những suy nghĩ, hành động đúng đắn và gương mẫu thực hiện những biện pháp thiết thực nêu trên để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

Để có thể phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra đòi hỏi những nỗ lực to lớn, kiên trì của toàn bộ hệ thống chính trị và của cộng đồng. Trong đó, việc xây dựng văn hóa giao thông cho thanh, thiếu niên phải được coi là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trong những năm tới.

TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA

ỦY BAN DÂN TỘC

Theo số liệu điều tra thống kê năm 2019, nước ta có 53 dân tộc thiểu số với 14,123 triệu người, chiếm 14,7% dân số cả nước. Quy mô dân số không đồng đều: có 6 dân tộc trên 1 triệu người (Tày, Thái, Mường, Mông, Nùng, Khmer); 16 dân tộc dưới 10.000 người, trong đó có 5 dân tộc dưới 1.000 người là O'Đu, Brâu, Rơ Măm, Pu Péo và Si La. Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thành cộng đồng, đan xen với nhau và sống cùng dân tộc Kinh. Đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 70% dân số ở 9 tỉnh; 50-70% dân số ở 3 tỉnh; 30-50% dân số ở 4 tỉnh; trên 10% dân số ở 14 tỉnh. Hầu hết các dân tộc thiểu số sinh sống ở miền núi cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa và tập trung chủ yếu ở một số tỉnh khu vực miền núi phía Bắc (khoảng 6,7 triệu người), Tây Nguyên (khoảng 2 triệu người), Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (1,9 triệu người), Tây Nam Bộ (1,4 triệu người).

Các dân tộc thiểu số nước ta cư trú xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Mỗi dân tộc có sắc thái văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam thống nhất. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, cùng với quá trình đặt trọng tâm vào đổi mới về kinh tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã xác định đường lối xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đối với văn hóa các dân tộc thiểu số, Đảng ta đã ban hành những nghị quyết, chỉ thị, kết luận cụ thể. Theo đó, trong những năm qua, Ủy ban Dân tộc đã tổ chức triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa.

1. Tình hình văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số

1.1. Đặc điểm văn hóa các dân tộc thiểu số

- Văn hóa các dân tộc thiểu số ở nước ta vừa thống nhất vừa đa dạng. Tính thống nhất biểu hiện ở quá trình đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm và phát triển kinh tế,

mở mang bờ cõi, ở ý thức quốc gia và trong lối sống và cách ứng xử, đặc biệt là tinh thần yêu nước của các dân tộc Việt Nam mà nguyên nhân sâu xa, trực tiếp tạo nên tính thống nhất của văn hóa Việt Nam chính là ở bản lĩnh, bản sắc văn hóa dân tộc - quốc gia Việt Nam.

Tính đa dạng văn hóa biểu hiện ở sắc thái văn hóa vùng¹ với những đặc điểm riêng được sáng tạo nên bởi các nhóm cư dân, các thành phần tộc người trên vùng lãnh thổ; ở những biểu hiện theo nhóm ngôn ngữ² ở những góc độ riêng của các giá trị văn hóa vật thể (trang phục, kiến trúc, ẩm thực,...) và văn hóa phi vật thể (tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội,...) mang tính lịch sử và giao thoa văn hóa, tạo nên một cá tính riêng trong bức tranh văn hóa chung của quốc gia; ở ngay trong từng tộc người, nhất là những tộc người có nhiều nhóm địa phương³.

- Văn hóa các dân tộc thiểu số ở nước ta được hình thành và phát triển từ một nền văn hóa dân gian. Các kết quả nghiên cứu khoa học về lịch sử, khảo cổ học, dân tộc học, văn học dân gian (folklore), nhân chủng học, địa chất học, địa danh học... đã cung cấp nhiều bằng chứng cụ thể về một quốc gia Việt Nam có lịch sử hàng nghìn năm, phát triển liên tục từ thời đồ đá - đồ đồng - đồ sắt... cho đến ngày nay cho thấy sự phát triển liên mạch về chính trị - xã hội và văn hóa mang đặc điểm riêng của một quốc gia sớm ra đời do nhu cầu trị thủy với nền văn minh lúa nước và nhu cầu chống ngoại xâm. Trong các làng xã, mừng bản, phum sóc, plây... của các dân tộc Việt Nam qua nhiều thế kỷ đã tồn tại một giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cư dân nông nghiệp trồng trọt, của một thiết chế xã hội công xã nông thôn, với một hệ thống các triết lý và quan niệm với nhiều hình thức sinh hoạt gắn với chu kỳ đời người, chu kỳ trồng trọt, chu kỳ thời tiết... Đó là những giá trị văn hóa dân gian. Văn hóa dân gian của các dân tộc là mạch nguồn chảy suốt quá trình hình thành và phát triển của dân tộc và quốc gia, là "nguyên liệu" chính cùng với các giá trị văn hóa bác học... đã tạo nên bản sắc văn hóa của các dân tộc và của quốc gia.

- Văn hóa các dân tộc thiểu số ở nước ta là sự phản ánh quá trình tiếp xúc và thích ứng văn hóa trong lịch sử và hiện tại trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Các dân tộc ở nước ta có một quá trình lịch sử lâu dài cùng chung sống sáng tạo và tụ hội nhiều giá trị văn hóa. Đó là diễn trình văn hóa được thể hiện, vận động và định hình trong một thời gian dài của văn hóa tộc người với nhiều thăng trầm để định hình một diện mạo văn hóa Việt Nam với sắc thái văn hóa đa dạng của 54 tộc người trong tính thống nhất của văn hóa quốc gia. Đó là quá trình giao thoa và tiếp biến văn hóa

1. Vùng văn hóa Tây Bắc, Vùng văn hóa Đông Bắc, Vùng văn hóa đồng bằng Bắc Bộ, Vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên, Vùng văn hóa duyên hải miền Trung, Vùng văn hóa Nam Bộ...

2. Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái, Môn - Khmer, Nam đảo, Hán - Tạng.

3. Thái, Dao, Mông, Lô Lô,...

phản ánh tiến trình lịch sử; phản ánh sức sống mãnh liệt với những yếu tố nội sinh được thử thách, tôi luyện và không bị đồng hóa trước nhiều âm mưu của các thế lực xâm lược ngoại bang. Đó không chỉ là quá trình tiếp xúc và giao thoa văn hóa giữa các dân tộc trong nước mà còn với các dân tộc cư trú ở các nước láng giềng.

1.2. Nhận diện những vấn đề đặt ra đối với văn hóa các dân tộc thiểu số

- Hiện nay, nhiều hủ tục, tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại trong đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, thậm chí ở một số nơi còn rất nặng nề, như: thách cưới quá cao, tảo hôn, hôn nhân cận huyết, hủ tục trong tang ma, mê tín dị đoan, tin vào bùa ngải, thầy mo, thầy cúng khi ốm đau..., đã tác động tiêu cực đến đời sống của người dân, ảnh hưởng đến tình hình lao động sản xuất, gây mất an ninh trật tự trong xã hội.

- Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có nguy cơ tiếp tục bị mai một, đứt gãy mà hệ quả là vai trò của già làng, tính cộng đồng làng bản, những tri thức luật tục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, các mối quan hệ truyền thống, cách đối nhân xử thế trong cộng đồng đã bị mai một, biến đổi theo xu hướng tiêu cực. Nhiều yếu tố văn hóa truyền thống đang dần mất đi, biểu hiện rõ nhất là sự mai một của ngôn ngữ mẹ đẻ, trang phục truyền thống và các tập tục tốt đẹp trong ứng xử hàng ngày.

- Văn hóa các dân tộc thiểu số có những biến đổi theo chiều hướng tiêu cực đang diễn ra mạnh mẽ, biểu hiện khá rõ về mặt kiến trúc, lễ hội, trang phục. Các yếu tố văn hóa ở bên ngoài càng có điều kiện để thâm nhập, nhiều trường hợp chủ nhân văn hóa các dân tộc thiểu số choáng ngợp trước cái hiện đại, mới lạ bên ngoài và kết quả tất yếu là họ tiếp nhận một cách ồ ạt, xô bồ, miễn cưỡng, quên đi hoặc quay lưng lại với các giá trị truyền thống, tạo nên sự lai căng, kệch cỡm, nhiễu loạn trong đời sống văn hóa. Nhiều hoạt động trò chơi dân gian đã không còn và thay vào đó là các hoạt động ăn uống linh đình. Một số lễ hội, sự kiện văn hóa đã biến tướng với mục đích kinh doanh thu lợi nhuận. Sự biến đổi của không gian văn hóa làng bản cũng đang diễn ra mạnh mẽ ở các vùng dân tộc và miền núi.

2. Về việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa

2.1. Văn hóa các dân tộc thiểu số được quan tâm chỉ đạo trực tiếp thông qua các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng

Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó, văn hóa các dân tộc thiểu số được xác định là một bộ phận quan trọng cấu thành nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc. Điều đó được cụ thể hóa trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng.

- Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã xác định những nhiệm vụ cụ thể để xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong đó, nhiệm vụ thứ bảy về bảo tồn và phát huy, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số đã chỉ rõ những thành tựu văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số là một bộ phận tạo nên nền văn hóa Việt Nam đa dạng và phong phú trong sự thống nhất; bổ sung và hỗ trợ, tạo điều kiện để mỗi dân tộc phát triển bình đẳng trong cộng đồng quốc gia Việt Nam. Vì vậy, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không thể không chú ý tới nhiệm vụ hết sức quan trọng là bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số.

- Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh: “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; khai thác các kho tàng văn hóa cổ truyền. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại. Đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hóa độc hại”¹. Theo đó, cần nâng cao trình độ dân trí, trình độ khoa học, kỹ thuật, công nghệ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng xây dựng đội ngũ trí thức và những nhà quản lý người dân tộc, khuyến khích họ công tác tại địa phương mình. Tăng cường công tác điều tra, sưu tầm, tôn tạo, bảo vệ và phát huy các công trình văn hóa mới, xây dựng lối sống, tác phong, phong tục và tập quán mới phục vụ yêu cầu phát triển hiện nay, mở rộng hợp tác giao lưu, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc để cùng tiến bộ.

- Ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc. Trong đó, quan điểm chỉ đạo của Đảng nêu rất rõ: “gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội... giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất”. Mục tiêu cụ thể đến năm 2010 được xác định: “Nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc sức khỏe, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào... Phấn đấu 90% đồng bào được xem truyền hình; 100% được nghe đài phát thanh; các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát triển”. Một trong những nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách đã được xác định: “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình; tăng cường các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền hướng về cơ sở; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng các tiếng dân tộc thiểu số; làm tốt công tác nghiên cứu, sưu tầm, giữ gìn và phát huy các giá trị, truyền thống tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc”.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.115.

- Tháng 10/2019, Bộ Chính trị đã chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc. Trên cơ sở đó ban hành Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới. Trong đó, nhiệm vụ thứ năm trong 8 nhiệm vụ có nêu: “Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở từng vùng, từng địa phương; quan tâm tu bổ, bảo tồn các công trình di tích lịch sử, văn hóa; sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò làm chủ của đồng bào trong xây dựng đời sống văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu. Có biện pháp quyết liệt để xóa bỏ tình trạng tảo hôn, chấm dứt sớm hôn nhân cận huyết thống”.

2.2. Kết quả sau 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW

Việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số về tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội, phong tục, tập quán, các loại hình nghệ thuật truyền thống... được quan tâm. Hiện có 3 bảo tàng Trung ương và 65 bảo tàng cấp tỉnh thực hiện sưu tầm, kiểm kê, trưng bày các giá trị di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc Việt Nam. Giai đoạn 2006-2012, tu bổ, tôn tạo 1.280 di tích vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Giai đoạn 2016-2018, có 4 di tích quốc gia đặc biệt, 8 di tích lịch sử - văn hóa - danh lam thắng cảnh liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số đã được xếp hạng di tích quốc gia. Đến nay đã thực hiện được 407 dự án sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Việt Nam; có 145 di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Sau hai đợt xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước (năm 2015 và 2019), đã có 559 nghệ nhân là người dân tộc thiểu số được Chủ tịch nước phong tặng/truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước. Công tác bảo tồn, phát triển một số môn thể thao dân tộc, như: Võ cổ truyền, Vovinam, Đẩy gậy, Vật dân tộc... cơ bản đã đạt mục tiêu; một số vận động viên là người dân tộc thiểu số được tuyển chọn tham gia thi đấu tại các giải thể thao quốc gia, khu vực và thế giới.

Các lễ hội văn hóa dân tộc được quan tâm bảo tồn và phát huy; một số hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan từng bước được hạn chế, loại bỏ dần trong đời sống. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới đã góp phần xây dựng được môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú cho đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đến tháng 7/2018, cả nước đã có 6.829 xã (76,5% số xã) đạt tiêu chí văn hóa.

Việc gìn giữ tiếng nói, chữ viết của đồng bào các dân tộc thiểu số được thực hiện thông qua các hình thức như tổ chức các ngày lễ hội, giao lưu văn hóa cấp vùng, miền, khu vực và của từng dân tộc; mở các lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể; các

thư viện địa phương đã có bộ tài liệu phù hợp với đặc điểm dân cư, phong tục, tập quán của các dân tộc trên địa bàn; các xuất bản phẩm phục vụ trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số được khuyến khích, hỗ trợ đầu tư; tủ sách cho các thư viện công cộng và tủ sách văn hóa dân tộc ở cơ sở được tăng cường các xuất bản phẩm song ngữ bằng tiếng dân tộc và tiếng phổ thông.

2.3. Việc triển khai Chương trình phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Với tinh thần tích cực và quyết tâm, việc triển khai thực hiện Chương trình phối hợp công tác bảo tồn văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, như: phối hợp tổ chức thực hiện các dự án thành phần của Đề án số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”; ban hành Kế hoạch triển khai chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; triển khai Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2021” góp phần nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật, chuyển đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số về bình đẳng giới; tiến tới dần xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới, định kiến giới và các quan niệm lạc hậu về giới trong cộng đồng các dân tộc thiểu số; xây dựng Đề án “Bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Đề án “Tổ chức định kỳ Ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch vùng đồng bào các dân tộc thiểu số theo khu vực và toàn quốc giai đoạn 2021-2030”, Đề án “Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030”; thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Ủy ban Dân tộc chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch”.

Các ngày lễ hội, giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số đã thu hút đông đảo nghệ nhân, diễn viên, vận động viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dân gian truyền thống đặc sắc, góp phần phục hồi, phát triển các làn điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ, trò chơi dân gian và lễ hội truyền thống của mỗi địa phương, khơi nguồn sáng tạo trong cộng đồng các dân tộc.

Tổ chức thành công nhiều sự kiện văn hóa có ý nghĩa thiết thực cùng hàng ngàn hoạt động văn hóa truyền thống, như dân ca, dân vũ, trò chơi dân gian, nghề thủ công truyền thống với nội dung phong phú, đặc sắc của 53 dân tộc thuộc 63 tỉnh/thành,

nhằm tái hiện đời sống sinh hoạt, lao động, sản xuất của các dân tộc. Bên cạnh đó, tổ chức hội nghị - hội thảo gặp mặt già làng, trưởng bản, nghệ nhân, người có uy tín của 5 dân tộc thiểu số có số dân dưới 1.000 người tại Hà Nội (bao gồm các dân tộc: Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu) và hội nghị - hội thảo gặp mặt già làng, trưởng bản, nghệ nhân, người có uy tín của 16 dân tộc thiểu số có số dân dưới 10.000 người tại Hà Nội (bao gồm các dân tộc: Pà Thẻn, Cơ Lao, Lô Lô, Ngái, La Hủ, Lự, Mảng, Cống, La Ha, Bố Y, Chứt, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu); từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực để từng bước có cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh từng địa bàn dân tộc nhằm gìn giữ và phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đạt được kết quả đáng ghi nhận, đến năm 2020, tiếp tục công nhận 4 di tích quốc gia đặc biệt, 8 di tích lịch sử văn hóa quốc gia; phong tặng, truy tặng 559 nghệ nhân dân gian là người dân tộc thiểu số; hằng năm đã tổ chức tốt các ngày lễ hội văn hóa của các dân tộc thiểu số, đã tạo được sức lan tỏa lớn, kết nối tình thân ái giữa các dân tộc với nhau.

3. Thực trạng công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa

3.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương về chính sách dân tộc của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó đặc biệt có chính sách “Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn”, gần đây nhất là Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 9/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2019-2021 đã huy động sự vào cuộc của 19 đơn vị báo, tạp chí nhằm thông tin, tuyên truyền có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, về đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền bình đẳng trong tiếp cận, thụ hưởng thông tin, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Với trách nhiệm là cơ quan thường trực thực hiện chính sách, Ủy ban Dân tộc đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan và địa phương trong công tác chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quyết định số 45/QĐ-TTg; chủ động phối hợp xây dựng kế hoạch, quản lý, định hướng và hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện chính sách kịp thời; công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả các ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho các đối tượng thụ hưởng được thực hiện hằng năm. Qua nhiều năm triển khai, chính sách này đã đáp ứng đáng kể nhu cầu tiếp nhận thông tin của bà con vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Chương trình đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo đạt kết quả tốt. 95% số xã được phủ sóng phát thanh, truyền hình; xây dựng được hơn 16.000 điểm bưu điện văn hóa xã, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, đa dạng của người dân. Đã phát sóng được 22 thứ tiếng dân tộc phù hợp với từng vùng, miền. Hàng triệu tờ báo được cấp miễn phí..., góp phần chuyển tải chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào.

Các chương trình phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông... được ký kết và đánh giá hằng năm đã tích cực thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Các nội dung tuyên truyền vừa thông tin, phổ biến kinh nghiệm, mô hình hay, vừa phản ánh sinh động mọi mặt đời sống xã hội, góp phần nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số về các mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời, thông qua các hoạt động thông tin, tuyên truyền, nhằm định hướng, đấu tranh chống âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Năm 2021, tiếp tục thực hiện Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc và tôn giáo, Ủy ban Dân tộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ phê duyệt kế hoạch triển khai 8 nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ phát hành cuốn sách *Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng trong đồng bào dân tộc thiểu số* (chữ Việt - chữ Thái).

3.2. Những hạn chế, khó khăn

- Một số hủ tục, tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại trong đời sống đồng bào, nhất là ở các bản, làng vùng sâu, vùng xa, vùng cao, tác động tiêu cực đến đời sống của người dân, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình lao động, sản xuất, gây mất an ninh trật tự xã hội; các chương trình, đề án về xóa bỏ tập tục lạc hậu đã được triển khai cụ thể ở nhiều địa phương song tình trạng này ở một số nơi chậm được khắc phục.

- Trong số 54 dân tộc Việt Nam, có 16 dân tộc với dân số dưới 10.000 người, thậm chí 5 dân tộc chỉ có số dân dưới 1.000 người là những dân tộc khó có khả năng và điều kiện tự bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc mình. Thách thức đầu tiên phải kể đến là khả năng đánh mất ngôn ngữ truyền thống, linh hồn của văn hóa dân tộc, cũng là phương tiện để truyền tải, trao truyền nghệ thuật, phong tục, tập quán của các tộc người. Việc đào tạo, truyền dạy, bảo tồn và khôi phục văn hóa truyền thống đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và triển

khai sâu, rộng trong thực tế, song trước sự giao lưu, tiếp biến văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số đã và đang bị mai một, lãng quên.

- Ở một số địa phương, giao thông đi lại khó khăn, cơ sở hạ tầng thiết yếu còn nhiều hạn chế, cán bộ cơ sở vừa thiếu về số lượng vừa yếu về chất lượng nên chưa đủ khả năng định hướng và điều hành các hoạt động văn hóa, dẫn đến nhiều hoạt động trò chơi dân gian đã bị biến tướng thành các hoạt động ăn uống linh đình; hay lễ hội, sự kiện văn hóa truyền thống đã biến tướng với mục đích kinh doanh thu lợi nhuận.

- Một số báo, tạp chí phục vụ mục đích thông tin, tuyên truyền tới vùng dân tộc thiểu số và miền núi còn chậm đổi mới, một số tin, bài, ảnh phản ánh chưa sát với thực tế; còn dùng từ ngữ đa nghĩa, khó hiểu, chưa phù hợp với trình độ nhận thức, tâm lý và nguyện vọng của đồng bào các dân tộc và vùng, miền; vẫn còn tình trạng trùng lặp tin, bài trong một số ấn phẩm, nội dung còn chung chung, dài dòng, chưa phản ánh đa dạng, sát thực nhu cầu, nguyện vọng của đồng bào.

4. Phương hướng tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa trong thời gian tới

4.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025” theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án “Hỗ trợ bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025” theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4.2. Tổ chức Ngày hội giao lưu văn hóa thanh niên, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số xuất sắc; gặp mặt, biểu dương người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tiêu biểu, các nghệ nhân dân gian ưu tú là người dân tộc thiểu số trong bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

4.3. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trọng tâm là Dự án “Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” và các dự án, tiểu dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì.

4.4. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, các cơ quan thông tấn, báo chí để triển khai thực hiện một số nhiệm vụ:

- Triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân trong các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, gia đình truyền thống các dân tộc thiểu số; tổ chức các sự kiện giới thiệu, quảng bá về văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam, góp phần thu hút, phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức các sự kiện: Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam (19/4); Ngày Di sản văn hóa Việt Nam (23/11) với quy mô phù hợp với điều kiện thực tế hằng năm.

- Tổ chức các ngày hội, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch theo vùng, miền, khu vực và từng dân tộc; các chương trình văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số; hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc và công tác văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình; tập huấn nâng cao năng lực trong công tác văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình cho các nghệ nhân, người có uy tín, trưởng các thôn, bản là người dân tộc thiểu số.

- Xây dựng một số mô hình hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số: gia đình văn hóa; thôn, bản, buôn văn hóa; câu lạc bộ văn hóa, thể thao; mô hình du lịch cộng đồng; tú sách cộng đồng...; triển khai bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động truyền dạy và bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số thông qua hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, các nhóm cùng sở thích trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, các cơ sở giáo dục có đông học sinh là người dân tộc thiểu số.

5. Đề xuất, kiến nghị

Đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết đánh giá về các chuyên đề liên quan đến lĩnh vực văn hóa.

Đề xuất với Chính phủ

- Dành đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực văn hóa trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Tổ chức rà soát tổng thể về văn hóa trên tất cả các chiều cạnh để đánh giá mặt được, mặt hạn chế, tìm ra giải pháp triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng trên lĩnh vực văn hóa.

Đề xuất với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Triển khai thực hiện tốt Chương trình phối hợp giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2021-2030.

*

* *

Văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số là những giá trị vật chất, tinh thần được tích tụ, gìn giữ trong toàn bộ quá trình lịch sử phát triển các dân tộc thiểu số. Trong

dòng chảy toàn cầu hóa, bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số nhằm lưu giữ tính đa dạng của văn hóa Việt Nam, làm phong phú kho tàng văn hóa thế giới; giúp tăng cường khai thác nguồn tài nguyên văn hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Bên cạnh đó, làm tốt công tác này còn góp phần nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc; chống lại những âm mưu phá hoại, chia rẽ của các lực lượng thù địch.

Ủy ban Dân tộc sẽ tiếp tục nỗ lực hơn nữa, tham mưu cho Chính phủ, Quốc hội, Đảng và Nhà nước các chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số. Đồng thời, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm đạt mục tiêu nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở từng vùng, từng địa phương; quan tâm sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể; kiên quyết xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, sớm chấm dứt tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống...; thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng trên lĩnh vực văn hóa để phát huy giá trị văn hóa, trí tuệ con người Việt Nam, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc.
- [2] Kết luận số 65/KL-TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.
- [3] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Báo cáo số 246/BC-BVHTTDL ngày 1/10/2021 về Kết quả thực hiện Chương trình phối hợp giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2017-2021.
- [4] Đỗ Văn Chiến: “Một số kết quả chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2021: mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu giai đoạn 2021-2026”, Bài Tham luận tại Đại hội lần thứ XIII.
- [5] Phạm Duy Đức: “Quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 7/2020.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ - BỘ QUỐC PHÒNG

Văn hóa là tổng thể các giá trị tinh thần và vật chất mà con người sáng tạo ra để thích ứng với hoạt động sống, sinh tồn, phát triển của con người. Văn hóa có mặt trong mọi hoạt động của con người và xã hội với vai trò là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh, quyền lực mềm của phát triển bền vững. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực văn hóa, coi đó là một mặt trận có vai trò quan trọng như kinh tế và chính trị. Bàn về vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của dân tộc đã chỉ ra rằng “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”; “Văn hóa văn nghệ cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”; “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”¹.

Ngày nay, trên cơ sở xác định chiến lược phát triển tổng thể của đất nước là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững, Nghị quyết Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII nêu rõ: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030”².

Có thể nói, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy về mối quan hệ giữa kinh tế - chính trị - văn hóa - quốc phòng - an ninh. Đó là các mặt thống nhất trong mục tiêu chiến lược bảo đảm cho sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước. Phát triển kinh tế là trung tâm nhằm mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển văn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.246.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

hóa, con người, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh bảo đảm môi trường hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững đất nước. Phát triển văn hóa không chỉ là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội mà còn là nền tảng vững chắc, giải pháp cơ bản đấu tranh ngăn ngừa sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và những tiêu cực trong đời sống xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, Quân đội nhân dân Việt Nam đang được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng theo hướng “*tinh, gọn, mạnh*”. Đó vừa là sự nhất quán, vừa là sự phát triển quan điểm của Đảng về xây dựng quân đội nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Việc phát huy các giá trị văn hóa quân sự, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội tiến lên hiện đại là khâu đột phá chiến lược và có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho quân đội hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Văn hóa của Quân đội nhân dân Việt Nam (văn hóa quân sự) là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần được hình thành, phát triển, gắn liền với quá trình xây dựng, trưởng thành và phát triển của quân đội, là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc, đó là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết toàn quân, toàn dân. Đặc trưng văn hóa quân đội ta mang bản chất giai cấp công nhân - quân đội nhân dân, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, được biểu hiện là quân đội cách mạng, thực hiện các chức năng: đội quân chiến đấu, công tác, lao động sản xuất phát triển kinh tế - xã hội. Giá trị văn hóa của quân đội là tổng thể các giá trị đặc sắc, tiêu biểu trong các hoạt động văn hóa mang bản sắc, âm hưởng hào hùng của lực lượng vũ trang, chiến tranh cách mạng, của đội quân cách mạng từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, viết nên trang sử anh hùng, bất khuất về người lính Bộ đội Cụ Hồ, với truyền thống vẻ vang: “Trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”¹.

Giá trị văn hóa quân sự ngày càng được bổ sung và phát huy trong quá trình xây dựng quân đội cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; có đặc trưng riêng, độc đáo, đồng thời mang bản sắc chung, thể hiện tư tưởng, triết lý, nghệ thuật quân sự bảo vệ Tổ quốc; phản ánh trong đời sống tinh thần, xu hướng thẩm mỹ, nhân cách, ý thức, tinh thần “bách chiến, bách thắng” của quân đội; được biểu hiện kỷ luật tự giác, nghiêm minh, tình đồng chí, đồng đội, cấp trên, cấp dưới; tinh thần nhân văn, nhân đạo, mục tiêu, lý tưởng, chức năng, nhiệm vụ của quân đội.

Trước tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, các thế lực thù địch tăng cường chống phá, nhất là trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, trên cơ sở nhận

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.435.

thức sâu sắc về văn hóa và vai trò của văn hóa trong thời kỳ mới, Quân ủy Trung ương - Bộ Quốc phòng mà trực tiếp là Tổng cục Chính trị đã tập trung chỉ đạo, xác định việc phát huy giá trị văn hóa quân sự là vấn đề có ý nghĩa chiến lược với nội dung chủ yếu là:

- *Phát huy nhân tố văn hóa quân sự trong việc nâng cao nhận thức về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.* Theo tư duy mới của Đảng, mục tiêu bảo vệ Tổ quốc hiện nay không chỉ là bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ về mặt tự nhiên - lịch sử, bảo vệ Tổ quốc về mặt chính trị, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội mà còn phải bảo vệ nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc hiện nay không phải chỉ là sức mạnh của lực lượng vũ trang mà là sức mạnh tổng hợp của quốc gia và chế độ; được xây dựng bằng mọi nguồn lực của đất nước và con người Việt Nam; là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, sức mạnh của nội lực kết hợp với ngoại lực. Điều đáng chú ý là phương thức bảo vệ Tổ quốc hiện nay cũng đã có sự nhận thức mới. Vấn đề bảo vệ Tổ quốc bằng phương thức phi vũ trang ngày càng nổi bật, nhất là khi các thế lực thù địch tăng cường chống phá. Chiến lược “diễn biến hòa bình” nhìn từ góc độ văn hóa, là một chiến lược hết sức nguy hiểm, bởi nó sử dụng phương thức “phi vũ trang” là chủ yếu, hoặc bằng “sức mạnh mềm” (thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, viện trợ kinh tế, liên doanh, liên kết) để len lỏi vào từng lĩnh vực đời sống xã hội, dần thâm thấu vào tư tưởng, nhận thức của mọi người; từ đó, làm chuyển hóa quan niệm của cả hệ thống chính trị về hệ giá trị tư tưởng chính trị - văn hóa dân tộc, từng bước đưa hệ giá trị văn hóa phương Tây vào đời sống xã hội của nhân dân ta. Do vậy, trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhiệm vụ quan trọng là phải phát huy giá trị của văn hóa quân sự, góp phần tích cực vào các hoạt động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch từ bên ngoài và những nguy cơ, mâu thuẫn từ bên trong.

- *Phát huy vai trò của văn hóa quân sự trong giáo dục tinh thần yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thống nhất ý chí, hành động trong toàn quân.* Lòng yêu nước là phẩm chất hàng đầu mang tính truyền thống của con người Việt Nam, được hun đúc, một phần thông qua tác động giáo dục của văn hóa quân sự. Trong lịch sử đấu tranh của dân tộc, những câu thơ bất hủ của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược, hay tuyên bố của Quang Trung - Nguyễn Huệ trước lúc xuất quân đại phá quân Thanh,... đã góp phần khích lệ lòng yêu nước của quân và dân ta, khẳng định tinh thần tự tôn dân tộc; hai tiếng “đồng bào” được Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng thường xuyên, đã chứa đựng một tố chất văn hóa sâu nặng như một “vũ khí” sắc bén, một “sức mạnh mềm” trong suốt quá trình cách mạng. Bởi vậy, văn hóa quân sự có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa yêu nước cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ ở mọi thời kỳ. Trong tình hình hiện nay, để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược (xây dựng và bảo

vệ Tổ quốc) lại càng cần phải phát huy giá trị văn hóa quân sự; trong đó, hướng vào bồi đắp lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập trung giáo dục truyền thống quân sự, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống yêu nước, đoàn kết chống kẻ thù xâm lược, tinh thần gắn bó, sẻ chia, tương thân, tương ái, tình đồng chí, đồng đội..., trong quá trình thực hiện, tập trung đổi mới giáo dục cả về nội dung và hình thức, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn cụ thể, với những biện pháp phong phú, đa dạng, nhằm góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, xây dựng "thế trận lòng dân", bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- *Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng.* Một trong những nét văn hóa độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong chiến tranh giải phóng dân tộc là kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương điển hình trong việc sử dụng văn hóa quân sự để đấu tranh ngoại giao bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước. Phương châm "Dĩ bất biến ứng vạn biến" của Người như "ngọn đèn pha" soi rọi trên mặt trận ngoại giao trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Trong các cuộc đàm phán với đối phương, văn hóa quân sự Việt Nam đã tỏa sáng bằng việc kết hợp chặt chẽ, đúng đắn giữa ý chí kiên cường, bất khuất với nhân quan nhìn xa thấy rộng và tinh thần yêu nước sâu sắc, yêu hòa bình cao cả. Bằng sức mạnh văn hóa, chúng ta đã tạo được sự đồng thuận, đoàn kết, ủng hộ rộng rãi trong các mối quan hệ quốc tế. Do đó, sự nghiệp cách mạng chính nghĩa của nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi của nhiều quốc gia, dân tộc, của nhiều tổ chức quốc tế và của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

Trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng hiện nay, luôn có sự đan xen, vừa hợp tác, vừa đấu tranh (có sự phát triển cả về tính chất, quy mô trên tất cả các lĩnh vực) đặt ra với yêu cầu mới cao hơn, phức tạp hơn. Vì vậy, nhiệm vụ phát huy vai trò của văn hóa quân sự đòi hỏi phải: xác định rõ đối tác, đối tượng trong các thời điểm, hoàn cảnh khác nhau; thực hiện đúng quan điểm "sách trắng quốc phòng", chăm lo giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; kiên trì giữ vững nguyên tắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế; đồng thời, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước về lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa". Cũng cần nhận thức rõ xu hướng chung của mọi quốc gia, dân tộc trên thế giới hiện nay là hòa bình, hợp tác và phát triển; giải quyết xung đột, bất đồng thông qua đối thoại, đàm phán hòa bình là chính. Xu thế đó hoàn toàn phù hợp với dòng chảy văn hóa của dân tộc Việt Nam - một dân tộc yêu chuộng hòa bình và luôn có một ước nguyện chính đáng là muôn đời "tắt lửa chiến tranh".

Những năm qua, quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa quan điểm đường lối văn hóa của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị đã đề ra

nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác văn hóa trong quân đội; đã ban hành nhiều chỉ thị, hướng dẫn triển khai thực hiện, như: (Chỉ thị số 47/CT-ĐUQSTW “Về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản, in và phát hành sách báo trong quân đội”; Chỉ thị số 355-CT/QUTW ngày 20/4/2017 của Quân ủy Trung ương “Về việc tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật trong quân đội giai đoạn hiện nay”; Quy chế số 199/2007/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng về “Quản lý báo chí trong Quân đội nhân dân Việt Nam”; Thông tư số 138/2020/TT-BQP ngày 10/11/2020 của Bộ Quốc phòng về “Quy định chế độ, định mức, tiêu chuẩn đời sống văn hóa tinh thần trong Quân đội nhân dân Việt Nam”; Quyết định số 3672/QĐ-BQP ngày 24/11/2020 của Bộ Quốc phòng về “Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”; Chỉ thị số 353/CT ngày 9/11/1996 của Tổng cục Chính trị “Về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị quân đội”;...). Tiếp tục thực hiện các nghị quyết của Đảng, chỉ thị, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, quyết định của Bộ Quốc phòng, ngày 19/1/2021, Tổng cục Chính trị đã ban hành Kế hoạch số 136/KH-CT về “Tổ chức hoạt động trọng điểm về văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí quân đội giai đoạn 2021-2025”. Kế hoạch đã xác định rõ nội dung, mục tiêu, biện pháp hoạt động của các loại hình văn hóa, nghệ thuật, báo chí trong quân đội; đồng thời Kế hoạch còn chỉ rõ phương thức, phương pháp, quy trình, cách thức, biện pháp, các khâu, các bước từ quán triệt, triển khai các văn bản nghị quyết, quy chế, quy định đến tổ chức các hoạt động quản lý, hội diễn, liên hoan văn hóa, văn nghệ, xây dựng môi trường văn hóa, sơ kết, tổng kết, xét trao giải thưởng, nghiên cứu thành lập các hội chuyên ngành Văn hóa, nghệ thuật, giáo dục đào tạo đội ngũ văn nghệ sĩ quân đội; tổ chức thực hiện các cuộc vận động,... Có thể nói, kế hoạch hoạt động trọng điểm về văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí quân đội là một bước cụ thể hóa, hiện thực hóa quan điểm, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa trong quân đội; thể hiện tính chủ động, “tiên phong, gương mẫu đi đầu” trong công tác văn hóa và phong trào hoạt động văn hóa của quân đội, góp phần quan trọng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của bộ đội, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, công tác văn hóa và hoạt động văn hóa, văn nghệ đã phát huy tốt vai trò là “mũi nhọn” xung kích trên mặt trận tư tưởng văn hóa của Đảng trong quân đội. Công tác văn hóa đã bám sát quan điểm nghị quyết của Đảng, hoạt động có chất lượng, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của bộ đội. Làm tốt công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết phong trào văn hóa và hoạt động văn hóa trong quân đội. Phương thức, hình thức tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ phong phú, đa dạng, phát huy tốt giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, phù

hợp với từng địa bàn, đơn vị đóng quân. Trang bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động văn hóa được đầu tư xây dựng, bảo đảm tốt hơn đời sống văn hóa tinh thần của bộ đội. Công tác giáo dục, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ được các cấp ủy đảng, chỉ huy quan tâm, chăm lo xây dựng, với số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng hiệu quả hoạt động ngày càng cao. Đội ngũ văn nghệ sĩ quân đội đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm và có đóng góp quan trọng vào việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của bộ đội và nhân dân.

Công tác quy hoạch tổ chức thiết chế văn hóa trong quân đội được quan tâm; hệ thống bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ, phòng Hồ Chí Minh, phòng đọc, thư viện, tủ sách được đầu tư xây dựng, bảo đảm chính quy, cơ bản, hệ thống và có sự thống nhất chặt chẽ, phát huy tốt vai trò, chức năng, hoạt động có chất lượng, hiệu quả, trở thành nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ phong phú, đa dạng, hấp dẫn, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của cán bộ, chiến sĩ.

Xây dựng môi trường văn hóa trong quân đội gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã thu hút được đông đảo cán bộ, chiến sĩ tham gia, tạo được cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp ở các đơn vị, tạo ấn tượng tốt, lan tỏa đến các khu dân cư; tổ chức các cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”, gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Xuất hiện nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, có sức lan tỏa, hấp dẫn, lôi cuốn bộ đội và công chúng trong toàn xã hội. Thông qua hoạt động văn hóa, nghệ thuật, báo chí quân đội đã góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Hoạt động văn hóa, văn nghệ trong quân đội trở thành “vũ khí” sắc bén của công tác tư tưởng văn hóa, góp phần đấu tranh vạch trần âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; phê phán những biểu hiện tiêu cực, bảo vệ cái đúng, cái tiến bộ, xây dựng thế trận lòng dân, mối quan hệ đoàn kết gắn bó máu thịt với nhân dân. Trong “cuộc chiến” phòng, chống đại dịch COVID-19 vừa qua, toàn quân đã chủ động ứng phó và triển khai kịp thời nhiều biện pháp hiệu quả trong phòng, chống dịch; 100% cán bộ, chiến sĩ, y, bác sĩ sẵn sàng lên đường vào vùng dịch với tinh thần, quyết tâm cao “không một đồng chí nào thoái thác nhiệm vụ”; đồng hành cùng với lực lượng tuyến đầu, đội ngũ văn nghệ sĩ, cán bộ, chiến sĩ quân đội đã sáng tác được nhiều tác phẩm nghệ thuật, bài viết tuyên truyền, cổ vũ, động viên, ca ngợi những tấm gương điển hình, xây dựng ý chí quyết tâm, củng cố niềm tin vào sự tất thắng trong cuộc chiến phòng, chống đại dịch COVID-19.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác quản lý văn hóa trong quân đội còn có mặt hạn chế. Nhận thức của một số cấp ủy, chỉ huy, cán bộ, chiến sĩ về vai trò

của văn hóa chưa đầy đủ. Hoạt động của một số thiết chế văn hóa ở cơ sở chưa phát huy hết vai trò, chức năng, còn hình thức, thiếu chiều sâu; chưa có nhiều công trình nghiên cứu văn hóa, tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí tương xứng với truyền thống lịch sử hào hùng chưa phản ánh hiệu quả vai trò của quân đội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; trong hoạt động sáng tác nghệ thuật, tính định hướng tư tưởng, thẩm mỹ còn chung chung, chưa gắn chặt với hiện thực cuộc sống của quân đội, có biểu hiện chạy theo thị hiếu xã hội.

Hiện nay, trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và trước bối cảnh “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”¹, đó là điều kiện thuận lợi để phát huy giá trị văn hóa trong xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của bộ đội. Với nhiều công trình văn hóa đặc sắc của dân tộc được UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc) công nhận là “Di sản văn hóa thế giới”, Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách quốc tế bởi những cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, lịch sử văn hóa lâu đời, phong phú và đa dạng. Song bên cạnh những thời cơ, thuận lợi rất cơ bản, chúng ta cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch tăng cường chống phá cách mạng nước ta, với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, thâm độc, xảo quyệt. Lĩnh vực văn hóa, văn nghệ trở thành mũi nhọn chống phá; nguy cơ “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa diễn biến phức tạp, khó lường; tình hình đó đặt ra những yêu cầu mới cao hơn đối với công tác văn hóa và hoạt động văn hóa trong quân đội.

Để phát huy các giá trị văn hóa trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn hiện nay cần tiếp tục quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa các quan điểm nghị quyết của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, nhất là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 87, Chỉ thị số 855-CT/QUTW của Thường vụ Quân ủy Trung ương về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đẩy mạnh Cuộc vận động Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới. Đặc biệt quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm được nêu trong Nghị quyết đại hội XIII của Đảng, là “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, và hội nhập quốc tế”². Định hướng, quản lý chặt chẽ các

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.25, 202.

thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa, văn nghệ trong toàn quân thực sự chất lượng, hiệu quả; mở rộng quan hệ hợp tác về văn hóa với quân đội và nhân dân các nước trên thế giới; lan tỏa, quảng bá giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc, góp phần tạo dựng “sức mạnh mềm”, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam thân thiện, yêu chuộng hòa bình, hợp tác và phát triển.

Một số nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện là:

Thứ nhất, thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Quan điểm nhất quán của tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng ta trong chiến tranh cách mạng, cũng như trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc hiện nay là “người trước, súng sau”, sự nghiệp cách mạng là của quần chúng. Quan điểm đó quy định cơ cấu tổ chức xây dựng lực lượng, khơi dậy khát vọng, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người. Công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải khơi dậy sức mạnh tổng hợp, trong đó phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người là một nhiệm vụ trọng yếu, vừa là mục tiêu vừa là động lực to lớn. Để thực hiện xây dựng quân đội “tinh, gọn, mạnh”, đòi hỏi trước hết mọi cán bộ, chiến sĩ phải thấu suốt quan điểm, tư tưởng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phải được giáo dục nâng cao nhận thức, đó là một trong những nhiệm vụ của văn hóa. Mặt khác, văn hóa, văn học và nghệ thuật, báo chí lại có vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần định hướng tư tưởng và hành động, xây dựng lối sống, lý tưởng, niềm tin, nuôi dưỡng tâm hồn và hình thành nhân cách của người quân nhân cách mạng, là cơ sở hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, bản lĩnh chính trị, nâng cao sức đề kháng phòng, chống “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, phòng, chống âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” quân đội; xây dựng môi trường lành mạnh, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thế giới, đồng thời đấu tranh với tư tưởng văn hóa xấu, độc, phản động, tiêu cực,... do vậy, các cơ quan, đơn vị trong quân đội cần tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò của văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ. Đề cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện, bảo đảm cho các hoạt động văn hóa luôn giữ vững định hướng chính trị, tư tưởng, sáng tác nhiều tác phẩm hay, có giá trị chân - thiện - mỹ, phản ánh trung thực cuộc sống người chiến sĩ.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tuyên truyền các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc; truyền thống anh hùng bất khuất, mưu trí, dũng cảm, bách chiến, bách thắng của quân đội trong chiến tranh cách mạng.

Thứ hai, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng; cơ quan chính trị; đội ngũ chính ủy, chính trị viên, cán bộ chủ trì các cấp đối với các hoạt động văn hóa trong quân đội

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, cơ quan chính trị, chính ủy, chính trị viên, cán bộ chủ trì các cấp giữ vai trò quyết định đến việc nâng cao chất lượng,

hiệu quả hoạt động. Các cấp ủy đảng, cán bộ các cấp cần phải quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa quan điểm nghị quyết của Đảng về văn hóa, văn học và nghệ thuật, báo chí để xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, xác định rõ phương hướng, mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ của công tác văn hóa phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, tập trung triển khai một số nội dung chính: thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; quyết định của Chính phủ về Đề án phát triển Văn hóa đọc trong cộng đồng; quyết định của Bộ Quốc phòng về Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam, cụ thể là tổ chức hoạt động trọng điểm về văn hóa, văn học và nghệ thuật, báo chí quân đội; xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhằm phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của mỗi cán bộ, chiến sĩ trong huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, tham gia lao động sản xuất, phòng, chống bão lũ, thiên tai, dịch bệnh,...

Thứ ba, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, văn nghệ sĩ quân đội phấn đấu xứng danh "Bộ đội Cụ Hồ", đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ văn hóa trong tình hình mới

Tập trung bồi dưỡng, giáo dục cán bộ, chiến sĩ, văn nghệ sĩ toàn quân tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, động cơ trong sáng, trách nhiệm cao, tâm huyết, tận tụy với công việc, đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, nói đi đôi với làm, dám nhận và chịu trách nhiệm; có văn hóa, tri thức khoa học, trình độ quân sự, năng lực, phương pháp, tác phong công tác và sức khỏe tốt, gắn bó máu thịt với nhân dân; có tinh thần quốc tế trong sáng; gắn bó xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện, khắc phục khó khăn, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích của Nhân dân, quốc gia - dân tộc và đơn vị; sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; sắp xếp, bố trí và sử dụng đội ngũ văn nghệ sĩ quân đội, bảo đảm đủ về số lượng, có chất lượng cao, cơ cấu hợp lý. Đặc biệt chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa, văn nghệ sĩ trong quân đội có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, nhất là đội ngũ sáng tác, chỉ đạo hoạt động văn hóa, văn nghệ; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên hoạt động văn hóa, văn nghệ cho các đơn vị cơ sở đóng quân ở các vùng biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đây là lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng đời sống văn hóa ở đơn vị cơ sở, góp phần lan tỏa giá trị văn hóa đến với đồng bào trên địa bàn đóng quân. Nghiên cứu đánh giá tổng thể các hoạt động văn hóa trong quân đội, trên cơ sở đó tham mưu đề xuất các chủ trương, biện pháp phát huy giá trị văn hóa trong xây dựng quân đội giai đoạn hiện nay.

Thứ tư, đổi mới nội dung, hình thức hoạt động văn hóa, văn nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả đời sống văn hóa tinh thần ở các đơn vị quân đội

Đổi mới nội dung, phương thức, hình thức hoạt động văn hóa, văn nghệ là đòi hỏi khách quan trong thời kỳ toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số. Theo đó, đổi mới nội dung, hình thức, phương thức hoạt động văn hóa, văn nghệ phải bảo đảm phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của quân đội; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tuyên truyền, giáo dục của hệ thống thiết chế văn hóa trong toàn quân, bảo đảm cho hoạt động các thiết chế luôn gắn sát với thực tế huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, lao động, học tập và công tác của các đơn vị cơ sở, thực sự trở thành nơi sinh hoạt văn hóa tinh thần, vui chơi, giải trí, góp phần bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm tốt đẹp cho bộ đội.

Tổ chức tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các cuộc thi, liên hoan, hội diễn, giao lưu văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, hướng vào đề tài lực lượng vũ trang, chiến tranh cách mạng, tuyên truyền hình ảnh Bộ đội Cụ Hồ trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục nghiên cứu, phục dựng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, truyền thống quân đội; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ tài năng tham gia hội nhập nền văn hóa thế giới.

Thứ năm, tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

Tập trung phê phán những khuynh hướng văn hóa, văn học và nghệ thuật, báo chí trái với quan điểm, đường lối của Đảng, xa rời hiện thực, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; ngăn chặn, đẩy lùi sự thâm nhập của các sản phẩm văn hóa xấu, độc, phản động. Phát huy hiệu quả của các lực lượng trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ sáu, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cho hoạt động văn hóa, văn nghệ

Trong kỷ nguyên công nghệ kỹ thuật số phát triển mạnh mẽ, thông tin tri thức được truyền tải trên mạng internet hết sức nhanh chóng, rộng lớn, do đó trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa nhanh chóng bị lạc hậu. Mặt khác, quân đội ta đang trong quá trình tiến lên chính quy, từng bước hiện đại; sức mạnh của quân đội là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó văn hóa là một bộ phận không thể thiếu để nâng cao sức mạnh chính trị tinh thần. Để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động văn hóa, đòi hỏi phải huy động mọi nguồn lực, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ tốt cho hoạt động văn hóa trong quân đội.

*

* *

Quan điểm coi văn hóa là một mặt trận phải được đặt ngang hàng với kinh tế - chính trị là quan điểm nhất quán, xuyên suốt và được bổ sung phát triển trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng, là cơ sở lý luận cơ bản để đề ra đường lối, chủ trương phát triển bền vững đất nước, gắn với bảo đảm công bằng, bình đẳng xã hội. Thời gian qua, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị đã quán triệt, triển khai cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề ra nhiều chủ trương, biện pháp, cùng hàng loạt các quy chế, quy định và quyết định và hướng dẫn hoạt động văn hóa trong quân đội. Công tác văn hóa, văn nghệ trong quân đội đã đạt được những thành tựu nổi bật; các hoạt động văn hóa trong quân đội có chất lượng, hiệu quả, góp phần hình thành nhân cách quân nhân, xây dựng con người mới, củng cố niềm tin, lý tưởng chiến đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Văn hóa quân sự Việt Nam được kết tinh từ lịch sử đấu tranh anh dũng của dân tộc với bao giá trị đặc sắc, là một trong những nội dung cốt lõi tạo nên sức mạnh văn hóa tinh thần của người Việt Nam; đồng thời, là đầu mối gắn kết tinh thần yêu nước, khơi dậy mạch nguồn của trí tuệ, tư tưởng, tình cảm và ý chí trong mỗi con người, là chìa khóa để giải mã sức sống trường tồn của dân tộc, của Quân đội. Do vậy, cần phải tiếp tục phát huy những giá trị văn hóa quân sự Việt Nam vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Quốc phòng: *Thông tư số 138/2020/TT-BQP ngày 10/11/2020, Quy định chế độ, định mức, tiêu chuẩn, đời sống văn hóa tinh thần trong Quân đội nhân dân Việt Nam.*
- [2] Cục Tư tưởng Văn hóa (nay là Cục Tuyên huấn), Tổng cục Chính trị: *Hướng dẫn số 290/TT-VH ngày 4/12/1996 “Về thực hiện tiêu chuẩn “Đơn vị có môi trường văn hóa tốt””.*
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ IX*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [8] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.14.

- [9] Tổng cục Chính trị: *Chỉ thị số 143/CT ngày 12/5/1992 “Về thực hiện cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị quân đội”*.
- [10] Tổng cục Chính trị: *Chỉ thị số 353/CT ngày 9/11/1996 “Về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị quân đội”*.
- [11] Tổng cục Chính trị: *Quyết định số 1840/QĐ-CT ngày 21/11/2012 “Về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động chiếu phim, băng, đĩa hình trong Quân đội nhân dân Việt Nam”*.
- [12] Tổng cục Chính trị: *Hướng dẫn số 934/HD-CT ngày 15/11/2000 “Về việc đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong quân đội, thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*”.
- [13] Thường vụ Quân ủy Trung ương: *Chỉ thị số 355-CT/QUTW ngày 20/4/2017 “Về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác văn hóa, văn học và nghệ thuật trong Quân đội giai đoạn hiện nay”*.

VĂN HÓA LÀ NỀN TẢNG, ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG, CHÍNH QUY, TINH NHUỆ, HIỆN ĐẠI

Trung tướng TRẦN QUỐC TÒ*

Từ khi *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943* ra đời đến nay, các quan điểm, nhận thức về văn hóa trong phát triển đất nước đã được khẳng định trong các văn kiện của Đảng, chính sách cụ thể của Nhà nước và tại Đại hội XIII của Đảng, quan điểm chỉ đạo về văn hóa đã được Nghị quyết Đại hội xác định: “Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”¹. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, song song công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh thì thực hiện hiệu quả định hướng phát triển văn hóa của Đảng thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ngay từ những đầu ngày đầu được thành lập, lực lượng Công an nhân dân luôn xác định cùng với nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, thì công tác xây dựng văn hóa trong Công an nhân dân đã là nền tảng, động lực thúc đẩy xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và có một vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng hình thành giá trị nhân cách chân - thiện - mỹ của người cán bộ, chiến sĩ Công an “*Vì nước quên thân, vì dân phục vụ*” góp phần thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Đảng, Tổ quốc và nhân dân giao cho với những dấu ấn, nổi bật trong thời gian qua, đó là:

Đảng ủy Công an Trung ương và toàn lực lượng Công an nhân dân đã quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác văn hóa;

* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.110.

đồng thời, ban hành một số nghị quyết, chỉ thị, thông tư và hàng trăm kế hoạch¹ quan trọng có tính chiến lược về nâng cao công tác văn hóa trong Công an nhân dân; từng bước xây dựng tác phong người chiến sĩ Công an nhân dân gương mẫu chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật, điều lệnh, lễ tiết tác phong; xây dựng “Đơn vị văn hóa, gương mẫu chấp hành điều lệnh Công an nhân dân”; văn hóa ứng xử của người chiến sĩ Công an nhân dân, đặc biệt văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử trên không gian mạng; xây dựng tiêu chí trong thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy; tiêu chí bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ; đoàn kết, thân ái giúp đỡ gắn kết các lực lượng Công an nhân dân thành một khối đoàn kết, thống nhất trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Thường xuyên tổ chức buổi sinh hoạt chính trị, giáo dục truyền thống, nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực văn hóa; nâng cao ý thức tự giác trong tu dưỡng rèn

1. **Nghị quyết** số 05-MQ/ĐUCA ngày 28/9/2021 của Đảng ủy Công an Trung ương về “Nâng cao chất lượng công tác văn hóa, văn nghệ trong Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”; **Chỉ thị** số 14/CT-BCA ngày 11/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an về “Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác văn hóa, văn nghệ Công an nhân dân trong thời kỳ mới”; **Thông tư, quyết định**, gồm: (1) Thông tư số 41/2021/TT-BCA ngày 15/4/2021 quy định về “Chế độ, mức chi tổ chức các hoạt động văn nghệ quần chúng trong Công an nhân dân” và Công văn số 3805/X03-P4 ngày 10/6/2021 của Cục X03 hướng dẫn thực hiện Thông tư số 41; (2) Quyết định số 1340/QĐ-BCA ngày 04/3/2021 ban hành “Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; **Kế hoạch** gồm: (1) Kế hoạch số 187/KH-BCA-X03 ngày 4/5/2021 tổ chức cuộc vận động sáng tác Truyện ngắn và ký với chủ đề “Người chiến sĩ Công an cơ sở vì bản, làng bình yên, vì nhân dân phục vụ”; (2) Kế hoạch số 43/KH-BCA-X03 ngày 02/02/2021 tổ chức Trại sáng tác mỹ thuật về chủ đề “Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống”; (3) Kế hoạch số 98/KH-BCA-X03 ngày 15/3/2021 tổ chức dàn dựng, in và phát hành đĩa CD nhạc phục vụ một số nghi lễ trong Công an nhân dân; (4) Kế hoạch số 137/KH-BCA-X03 ngày 05/4/2021 tổ chức chương trình “Giai điệu bình yên” tuyên truyền, giới thiệu tác giả, tác phẩm nghệ thuật về đề tài Công an nhân dân phát sóng định kỳ trên kênh truyền hình Công an nhân dân (ANTV); (5) Kế hoạch số 142/KH-BCA-X03 ngày 07/4/2021 tổ chức tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, văn nghệ cho cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân; (6) Kế hoạch số 143/KH-BCA-X03 ngày 8/4/2021 triển khai “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong lực lượng Công an nhân dân; (7) Kế hoạch số 125/KH-BCA-X03 ngày 30/3/2021 tham gia Liên hoan cán bộ thư viện tuyên truyền giới thiệu sách năm 2021; (8) Kế hoạch số 103/KH-BCA-X03 ngày 16/3/2021 tổ chức Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc trong Công an nhân dân năm 2021; (9) Kế hoạch số 34/KH-BCA-X03 ngày 26/1/2021 tổ chức Lễ phát động phong trào đọc sách và phát triển văn hóa đọc trong Công an nhân dân hướng đến kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước 5/6/1911 - 5/6/2021, hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam 21/4 lần thứ 8; (10) Kế hoạch số 518/KH-BCA-X03 ngày 23/12/2020 tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ thư viện và phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới trong lĩnh vực thư viện trong Công an nhân dân; (11) Kế hoạch tổ chức Hội thảo “Chuyển đổi số hoạt động thư viện trong Công an nhân dân. Thực trạng và giải pháp”; (12) Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” lần thứ 10 - năm 2021 trong Công an nhân dân.

luyện, học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với phương châm “trên trước, dưới sau”, “nói đi đôi với làm”... từng bước tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động, xây dựng hình ảnh người chiến sĩ Công an nhân dân “bản lĩnh, nhân văn vì nhân dân phục vụ”.

Thành lập Ban Chỉ đạo 35 của Bộ Công an và Ban Chỉ đạo 35 của Công an các địa phương tổ chức các biện pháp triển khai thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng văn hóa của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch góp phần “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”¹. Đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền gương chiến đấu dũng cảm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; tích cực trong tham gia cứu hộ, cứu nạn; thực hiện tuyến đầu, tham gia các chốt phòng, chống dịch bệnh với phương châm: “*đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người*” tại khu dân cư²... đã để lại nhiều tình cảm, mối quan hệ gần gũi, gắn bó với nhân dân.

Không ngừng đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ tại đơn vị cơ sở; xây dựng nhiều chương trình nghệ thuật, biểu diễn phục vụ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, đặc biệt phục vụ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn như: Mường Nhé (Điện Biên); Mường Lát (Thanh Hóa) và vùng đồng bào

1. Tích cực tham gia Ban Chỉ đạo 94 về đấu tranh chống âm mưu và hoạt động diễn biến hòa bình trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa; Ban Chỉ đạo 609 về đấu tranh chống quan điểm sai trái trong văn học nghệ thuật. Phối hợp các bộ, ngành liên quan xây dựng, triển khai các văn bản hướng dẫn trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia trên lĩnh vực văn hóa như: Phối hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BCA-BVHTTDL ngày 04/5/2016 về hướng dẫn, phối hợp công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch; phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện Chỉ thị số 82/CT-TTTH ngày 24/12/2014 về “Ngăn chặn tin rác, tin nhắn lừa đảo và tăng cường quản lý thông tin trên mạng”; phối hợp với các bộ, ban, ngành đề xuất xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật trên lĩnh vực văn hóa như: Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Điện ảnh, Luật Thể dục, thể thao, Luật Di sản văn hóa...

2. Trong 04 đợt bùng phát bởi dịch bệnh COVID-19, lực lượng Công an nhân dân đã triển khai nghiêm túc lời kêu gọi của đồng chí Tổng Bí thư, chỉ đạo của Chủ tịch nước, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia; thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua đặc biệt “*Lực lượng Công an nhân dân - Lá chắn phòng, chống dịch COVID-19 - Thanh bảo kiếm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội*” thể hiện bản lĩnh chính trị, kiên định, vững vàng, gương mẫu, trách nhiệm tuyệt đối, tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng phát huy tốt vai trò là lực lượng xung kích, nòng cốt trên tuyến đầu phòng, chống dịch và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, an dân, phục vụ và bảo vệ cuộc sống an toàn của mọi người dân. Niềm tin của nhân dân vào lực lượng Công an ngày càng được khẳng định với hơn 1.163 cán bộ y tế tăng cường cho các địa phương có diễn biến dịch phức tạp, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn, hơn 8.000 cán bộ, chiến sĩ các đơn vị trực thuộc Bộ và học viên các trường Công an nhân dân tham gia ở hầu hết các hoạt động phòng, chống dịch; đã có 11 đồng chí đã hy sinh, hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ bị lây nhiễm COVID-19.

Tây Nguyên, Tây Nam Bộ¹,... Đoàn Nghi lễ Công an nhân dân tổ chức biểu diễn nhiều chương trình nghệ thuật đặc sắc phục vụ nhân dân và khách quốc tế tại phố đi bộ Hồ Gươm. Đoàn Nghệ thuật Trống hội tuy mới được thành lập nhưng đã biểu diễn nhiều chương trình phục vụ các hoạt động của Đảng, Nhà nước. Hoạt động sáng tác, quảng bá, lan tỏa hình ảnh người chiến sĩ Công an nhân dân tận tụy, bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ thông qua các cuộc vận động, cuộc thi, trại sáng tác và triển lãm các tác phẩm văn học và nghệ thuật về đề tài Công an nhân dân đã thu hút nhiều văn nghệ sĩ, trí thức có uy tín ngoài Công an nhân dân hưởng ứng và tham gia góp phần nâng cao chất lượng văn học và nghệ thuật Công an nhân dân từng bước tương xứng nền văn học và nghệ thuật nước nhà.

Hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa, văn nghệ giữa Công an nhân dân Việt Nam với lực lượng An ninh, Cảnh sát các nước được tăng cường, mở rộng, tạo được ấn tượng tốt đẹp về truyền thống văn hóa Việt Nam và hình ảnh Công an nhân dân Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

Quá trình triển khai, thực hiện các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên đã góp phần xây dựng lực lượng Công an nhân dân có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; có ý thức tổ chức kỷ luật chặt chẽ, ý thức trách nhiệm cao trong công tác. Tuy nhiên, so với yêu cầu xây dựng và phát triển văn hóa Công an nhân dân trước bối cảnh hội nhập toàn cầu hóa hiện nay và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lĩnh vực văn hóa trong Công an nhân dân vẫn còn một số mặt chưa phát triển tương xứng, như: Vai trò của văn hóa trong xây dựng người Công an văn hóa và môi trường văn hóa trong Công an nhân dân chưa được xác định đúng tầm, có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần. Môi trường văn hóa, đời sống tinh thần của cán bộ, chiến sĩ ở nhiều đơn vị, địa phương chưa được cải thiện, bị ô nhiễm, tác động bởi các tệ nạn xã hội, mặt trái cơ chế thị trường và những thông tin độc hại trên không gian mạng.

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu là do cấp ủy, lãnh đạo Công an một số đơn vị, địa phương chưa quan tâm, thiếu sâu sát, quyết liệt. Việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về lĩnh vực văn hóa, văn nghệ chưa sát với tính chất, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa trong Công an nhân dân có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng với thực tiễn về sự thay đổi của thời đại số hóa. Năng lực tham mưu, quản lý và

1. Đoàn Nghệ thuật Công an nhân dân đã không ngừng khắc phục khó khăn trong đợt dịch COVID-19 lần thứ 4 để duy trì tập luyện, biểu diễn chương trình nghệ thuật "Giai điệu bình yên" với chủ đề "Niềm tin nơi tuyến đầu"; phối hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch biểu diễn tiết mục với chủ đề "Bài ca những chiến sĩ trên tuyến đầu chống dịch" phát trên các nền tảng số, mạng xã hội đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong thời gian giãn cách theo Chỉ thị số 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ...

tổ chức các hoạt động văn hóa của một số đơn vị Công an cơ sở chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ phát triển văn hóa của lực lượng Công an nhân dân.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Đảng ủy Công an Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/ĐUCA ngày 28/9/2021 về “Nâng cao chất lượng công tác văn hóa, văn nghệ”; trong đó đã nêu rõ năm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, như sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy và cán bộ, đảng viên trong lãnh đạo và thực hiện công tác văn hóa, văn nghệ

- Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động và phát triển văn hóa, văn nghệ. Qua đó giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa, văn nghệ đối với việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Tăng cường cung cấp thông tin, định hướng tư tưởng; thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên nêu cao trách nhiệm tu dưỡng, rèn luyện về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, ý thức chấp hành điều lệnh và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Cấp ủy, người đứng đầu Công an các cấp phải thực sự gương mẫu, nêu gương về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và văn hóa ứng xử.

- Chủ động tuyên truyền, nâng cao cảnh giác cho cán bộ, đảng viên trước âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, phản động trên lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật; ngăn chặn triệt để sự xâm nhập của lối sống thực dụng, các ấn phẩm văn hóa độc hại và các tệ nạn xã hội vào Công an nhân dân. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức quần chúng trong Công an nhân dân, nhất là các đơn vị truyền thông Công an nhân dân trong tuyên truyền, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, phản động.

Thứ hai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, văn nghệ Công an nhân dân

- Rà soát, bổ sung sửa đổi các văn bản quy định về hoạt động văn hóa, văn nghệ trong Công an nhân dân bảo đảm đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phù hợp với tính chất, nhiệm vụ và yêu cầu xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong tình hình mới.

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút, tuyển chọn các chuyên gia trên lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật, các văn nghệ sĩ, diễn viên tài năng, đội ngũ làm công tác sáng tác, biên kịch, đạo diễn, biên đạo chuyên nghiệp về công tác lâu dài trong lực lượng Công an nhân dân.

- Rà soát, củng cố, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có để duy trì và phát triển sâu rộng các hoạt động sinh hoạt chính trị, văn hóa, văn nghệ quần chúng thiết thực. Xây dựng và triển khai Đề án Quy hoạch tổng thể hệ thống thiết chế văn hóa trong Công an nhân dân giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Sử dụng hiệu quả kinh phí, tăng cường huy động mọi nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đề án tổng thể về Nhà hát Công an nhân dân, cơ chế vận hành hoạt động của Nhà hát Hồ Gươm bảo đảm hiệu quả, chuyên nghiệp và uy tín, xứng tầm là trung tâm hưởng thụ văn hóa tinh thần của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

- Kiện toàn các đơn vị tham mưu về công tác văn hóa, văn nghệ trong Công an nhân dân theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp, hiện đại. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, văn nghệ thực sự am hiểu về văn hóa, văn nghệ, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, chính trị được giao.

Thứ ba, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong Công an nhân dân

- Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả của các loại hình văn hóa, văn nghệ. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng tổ chức các hội diễn, hội thi, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp và nghệ thuật quần chúng trong toàn lực lượng.

- Chú trọng phát triển, duy trì thường xuyên phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng ở Công an các đơn vị, địa phương, nhất là trong dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, Nhà nước, của lực lượng Công an nhân dân, của đơn vị, địa phương và trong sinh hoạt, hoạt động của các tổ chức quần chúng.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các đội văn nghệ xung kích, các loại hình câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, khiêu vũ nghệ thuật... phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tính chất và yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị, địa phương; ưu tiên và hướng tới các đơn vị trực tiếp chiến đấu, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

- Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, chiến sĩ Công an các cấp. Xây dựng môi trường văn hóa ở các cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; kiên quyết đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội và thực dụng.

Thứ tư, tăng cường, nâng cao hiệu quả các hoạt động sáng tác, quảng bá về đề tài Công an nhân dân

- Tổ chức tốt các trại sáng tác, các cuộc thi sáng tác văn học và nghệ thuật về đề tài Công an nhân dân. Chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật trong các tác phẩm, đồng thời bảo đảm tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học và nghệ thuật; khuyến khích những tìm tòi mới làm phong phú thêm hình ảnh của lực lượng Công an trong lòng nhân dân; hạn chế các ấn phẩm lệch lạc, chạy theo thị hiếu tầm thường.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các chi hội văn học và nghệ thuật trong Công an nhân dân nhằm tập hợp đông đảo văn nghệ sĩ trong và ngoài lực lượng tham gia; khuyến khích tự do sáng tạo, thực thi quyền tác giả. Phấn đấu có những tác phẩm văn hóa, văn học và nghệ thuật chất lượng, có giá trị thẩm mỹ cao phản ánh sinh động về lực lượng Công an nhân dân, từng bước đưa nền văn học và nghệ thuật Công an nhân dân phát triển tương xứng với các hoạt động nghệ thuật nước nhà và có vị trí xứng đáng trong lòng nhân dân.

- Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch, sắp xếp hợp lý hệ thống báo chí, truyền thông để xây dựng nền báo chí, truyền thông Công an nhân dân thực sự chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại. củng cố các đơn vị xuất bản, in và phát hành trong Công an nhân dân theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiện đại hóa. Tăng cường phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trong Công an nhân dân trên Internet.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác phối hợp, hợp tác quốc tế về lĩnh vực văn hóa, văn nghệ trong Công an nhân dân

- Duy trì thường xuyên công tác phối hợp với các cấp, các ngành, với các cơ quan chức năng để nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong Công an nhân dân.

- Chủ động mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu quốc tế nhằm học tập nâng cao chất lượng nghệ thuật; có kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ của nghệ sĩ, diễn viên trong các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp phù hợp với sự phát triển của Công an, Cảnh sát các nước trong khu vực và trên thế giới. Đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa, nghệ thuật đi vào chiều sâu, đặc biệt là các nước láng giềng có chung đường biên giới, có quan hệ hữu nghị truyền thống với Việt Nam, góp phần phát triển và quảng bá hình ảnh của người cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân và văn hóa Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

- Định kỳ tổ chức các hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật tại các nước có người Việt Nam sinh sống, học tập và định cư để tuyên truyền, quảng bá về văn hóa con người Việt Nam, tăng cường sự đoàn kết toàn dân tộc và sự ủng hộ của quốc tế.

Phát huy truyền thống anh hùng vẻ vang hơn 76 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lực lượng Công an nhân dân nguyện tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân; luôn luôn ghi nhớ chân lý: *"Vi nước quên thân, vì dân phục vụ; danh dự là điều thiêng liêng cao quý nhất"*. Quyết tâm bảo vệ nền tảng tư tưởng văn hóa của Đảng, trong đó mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ Công an nhân dân chung tay xây dựng văn hóa Công an nhân dân thực sự trở thành một nền tảng, động lực góp phần xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng đất nước ta hùng cường, phát triển và phồn vinh.

VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Thực tiễn phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới đã khẳng định vị thế quan trọng của văn hóa trong chiến lược phát triển quốc gia. Văn hóa không chỉ giới hạn tầm vóc của mình trong chiều sâu những phẩm giá tinh thần mà còn là nguồn lực trực tiếp cho sự phát triển đất nước. Nếu như trước đây, văn hóa được xem là lĩnh vực tinh thần thuần túy, phi sản xuất thì ngày nay, sự phát triển của một số ngành Văn hóa đã bổ sung những nhận thức mới về vị trí, vai trò, chức năng của văn hóa trong phát triển. Văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa còn là mục tiêu, là nguồn lực nội sinh, là động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Văn hóa không chỉ là những giá trị tinh thần cổ vũ cho các kế hoạch phát triển mà văn hóa đã hiện diện và thấm thấu vào các hoạt động của đời sống xã hội, trực tiếp tham gia vào quá trình ổn định và phát triển của các lĩnh vực, từ kinh tế đến chính trị, xã hội.

1. Quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng đã luôn quan tâm đến vấn đề xây dựng, phát triển văn hóa. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước, Văn kiện các kỳ đại hội Đảng đã nhất quán khẳng định tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò của văn hóa trong phát triển đã được làm sáng tỏ, trở thành những định hướng chính trị quan trọng để xây dựng, phát triển văn hóa dân tộc nói riêng, phát triển nhanh và bền vững đất nước nói chung.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã khẳng định: “*Văn hóa là nền tảng*

tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội"¹. "Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương,... biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển"². Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là điều kiện để thực hiện lý tưởng cao đẹp của dân tộc ta là xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh, con người được ấm no, hạnh phúc.

Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 khóa IX đã khẳng định những tư tưởng cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và bổ sung một nhận định mới phản ánh bước phát triển về tư duy lý luận của Đảng: "Bảo đảm sự gắn kết giữa *nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chính đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội*; tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững đất nước"³.

Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị Trung ương 9 khóa XI "Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước" tiếp tục nhấn mạnh đến mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và phát triển bền vững đất nước: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội"⁴ và "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"⁵. Như vậy, trong Nghị quyết này, những nhiệm vụ đặt ra để phát triển văn hóa, con người không chỉ tập trung vào các nội dung liên quan đến lĩnh vực hoạt động văn hóa cơ bản mà còn mở rộng tới các lĩnh vực khác trong tổng thể đời sống xã hội, đó là xây dựng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế, phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nếu văn hóa thấm sâu vào trong đời sống chính trị và đời sống kinh tế thì tất yếu tạo nên sự lành mạnh trong đời sống văn hóa - xã hội. Rõ ràng, Nghị quyết số 33 của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã kế thừa quan điểm của Chủ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.63, tr.390.

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014, tr.48, 46-47.

tịch Hồ Chí Minh về văn hóa, như Người đã khẳng định từ năm 1946: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”¹.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam là nguồn lực nội sinh quan trọng góp phần làm nên sức mạnh tổng hợp quốc gia: “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”². Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam được xác định vừa là nhiệm vụ trọng tâm, vừa là khâu đột phá có ý nghĩa chiến lược để đẩy mạnh quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời gian tới. Văn kiện Đại hội XIII lần đầu tiên nêu yêu cầu phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới. Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau”³.

Như vậy, từ việc tổng kết thực tiễn, Đảng ta đã phát triển lý luận về phát triển văn hóa, xây dựng con người trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội gắn với yêu cầu, nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng. Càng bước vào đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tích cực chủ động hội nhập sâu rộng vào đời sống quốc tế, vai trò của phát triển văn hóa, xây dựng con người càng nổi lên như một mục tiêu, một nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển đất nước. Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định “*Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”⁴.

1. Báo Cứu quốc, số ra ngày 8/10/1945.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.47, 145-146.

4. <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-646305/>.

2. Thực tiễn phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước

2.1. Thành tựu

Trong 35 năm đổi mới đất nước, sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển cùng với sự tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài đã tạo nên sự chuyển động trong xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc. Các giá trị văn hóa đã thấm thấu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, hình thành các chuẩn mực trong phát triển kinh tế, chính trị, xã hội. Thực tiễn phong phú và sinh động đã chứng minh tầm quan trọng của văn hóa trong phát triển.

Văn hóa trong chính trị là việc xác lập và thực hành các giá trị văn hóa (chân, thiện, mỹ) trong bộ máy tổ chức và hoạt động chính trị, đặc biệt là trong hoạt động lãnh đạo và quản lý. Văn hóa trong chính trị trước hết thể hiện ở cương lĩnh, đường lối, chủ trương của đảng cầm quyền. Bên cạnh đó, văn hóa trong chính trị còn biểu hiện tập trung ở việc xây dựng tư tưởng đạo đức, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh trong các tổ chức đảng, nhà nước, trong các đoàn thể chính trị - xã hội, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Hơn nữa, xây dựng văn hóa trong chính trị đã được triển khai gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện nghiêm các nghị quyết, quy định, quy chế, chỉ thị của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; về phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Trong thời gian qua, Trung ương đã ban hành nhiều văn bản góp phần cụ thể hóa chủ trương xây dựng văn hóa trong chính trị¹. Chính phủ chủ động hơn trong xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động phục vụ nhân dân. Việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, quy chế văn hóa công sở, cải cách thủ tục hành chính, đề án văn hóa công vụ, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước... chính là những khía cạnh cụ thể của văn hóa trong chính trị. Cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu...

1. Đó là: Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII “Về tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị “Về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”; Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”; Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương “Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”; Quyết định 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc Phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ”; Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương, “Về những điều đảng viên không được làm” (thay thế Quy định số 47-QĐ/TW ngày 1/11/2011).

có chuyển biến tích cực. Bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, ý thức phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên từng bước được nâng lên. Chuẩn mực văn hóa chính trị từng bước được hình thành.

Văn hóa trong kinh tế là quá trình xây dựng và thực hành các giá trị văn hóa trong tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động kinh tế nhằm nâng cao tính sáng tạo, tính nhân văn trong kinh tế, khắc phục những mặt trái do kinh tế thị trường tạo ra. Văn hóa trong kinh tế là khẳng định cái đúng (chân), cái tốt (thiện), cái đẹp (mỹ) của sự phát triển kinh tế, chú trọng các giá trị khoa học, pháp lý và giá trị đạo lý trong hoạt động kinh tế, phấn đấu làm giàu vì sự phồn vinh của đất nước, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao năng lực sáng tạo và cạnh tranh, đề cao tinh thần chia sẻ, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp. Văn hóa trong kinh tế được biểu hiện ở tư duy chiến lược về phát triển kinh tế quốc gia, về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện trong đường lối phát triển kinh tế, trong văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân và sự tham gia của người dân vào hoạt động kinh tế¹. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định lấy ngày 10/11 hằng năm là Ngày Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam, ngày 13/10 hằng năm là Ngày Doanh nhân Việt Nam và phát động “Cuộc vận động xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam” trong cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội. Hội Văn hóa doanh nghiệp đã ra đời và được thành lập ở 63 tỉnh, thành. Nhận thức về xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân từng bước định hình ở một số đơn vị kinh tế và phát huy tác dụng. Nhiều doanh nghiệp trong xây dựng chiến lược phát triển đã đưa ra triết lý kinh doanh, giá trị văn hóa cốt lõi, quy tắc văn hóa ứng xử, quy chế văn hóa doanh nghiệp, bảo đảm cho doanh nghiệp phát triển bền vững; quan tâm hơn đến quyền lợi vật chất và tinh thần của người lao động. Nhiều hoạt động tôn vinh doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu có đức, có tài đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương được tổ chức. Điều này đã khích lệ, cổ vũ các doanh nghiệp, doanh nhân tích cực sản xuất, kinh doanh, chấp hành tốt chính sách, pháp luật, tham gia các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

Văn hóa với tư cách là hệ giá trị đã thấm thấu vào các hoạt động xã hội, gia tăng sự cố kết cộng đồng, khơi dậy ý chí, sức mạnh của con người Việt Nam. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã khơi dậy được nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng, có ảnh hưởng lan tỏa rộng khắp đến đời sống văn hóa của cả nước, được mọi tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Việc tham gia vào phong trào xã hội rộng lớn này đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo, tăng tỷ lệ hộ khá, giàu theo tiêu chí mới. Tổng kết

1. PGS.TS. Phạm Duy Đức, PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu (Đồng chủ biên): *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.15.

20 năm thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cho thấy, đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao, việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang có chuyển biến tích cực, nhiều tấm gương người tốt, việc tốt được tôn vinh và nhân rộng,...

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, đã xuất hiện nhiều tấm gương người tốt, việc tốt, nhiều giá trị văn hóa đạo đức mới gắn kết cộng đồng. Đội ngũ y, bác sĩ, các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cùng đông đảo cán bộ và nhân dân đã không quản hiểm nguy xung phong lên tuyến đầu chống dịch. Nhiều người trong số họ đã hy sinh vì nghĩa cả. Chủ nghĩa anh hùng được thắp sáng ở những con người bình dị. Hơn bao giờ hết, trong hoàn cảnh khó khăn, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, bao dung, lá lành đùm lá rách được khơi dậy, biến thành sức mạnh vật chất to lớn. Ngay khi Đảng, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc kêu gọi các đơn vị, tổ chức, cá nhân ủng hộ cho quỹ vắc xin, quỹ phòng chống COVID-19 là ngay lập tức, đồng bào, chiến sĩ cả nước, kiều bào Việt Nam hiện đang sinh sống ở nước ngoài không tiếc công sức, tiền của hưởng ứng nhiệt thành, chung tay khắc phục khủng hoảng do dịch bệnh gây ra.

Có thể nhận thấy, văn hóa trong xã hội hiện đại không chỉ đảm nhiệm vai trò là hệ giá trị thâm thấu, điều tiết các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, mà văn hóa còn là nguồn lực trực tiếp cho sự phát triển đất nước.

Theo thống kê của Cục Di sản văn hóa, tính đến cuối năm 2020, Việt Nam có 28 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, trong đó có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên, 13 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, 7 di sản tư liệu; 3.560 di tích được xếp hạng cấp quốc gia (119 di tích cấp quốc gia đặc biệt); 215 bảo vật quốc gia; 364 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia¹. Hệ thống di sản văn hóa phong phú này chính là những tài nguyên quý giá, là nguồn lực để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn như tinh thần Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị². Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện, trong giai đoạn 2015-2019, doanh thu của ngành du lịch Việt Nam hàng năm đều có sự tăng trưởng. Năm 2015, ngành du lịch đóng góp 6,33% GDP, năm 2016 là 6,96% GDP, năm 2017 là 7,91% GDP...³.

Cùng với việc đóng góp vào phát triển kinh tế du lịch, sự xuất hiện của các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, quảng cáo, thiết kế

1. Báo cáo số 883/BC-DSVH ngày 15/12/2020 của Cục Di sản văn hóa.

2. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị “Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

mỹ thuật, phần mềm trò chơi giải trí,... cũng mang lại doanh thu đáng kể cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia vào những ngành nghề khá mới này và đóng góp vào sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân. Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã xác định “Các ngành công nghiệp văn hóa là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân” và doanh thu đến năm 2020 của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 3% GDP. So với các nước trong khu vực và trên thế giới, công nghiệp văn hóa của Việt Nam còn khá non trẻ. Chính vì vậy, việc đóng góp 3% GDP cũng là con số đáng ghi nhận và hứa hẹn những tiềm năng trong tương lai. Đồng thời, sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa cũng mang lại công ăn việc làm cho nhiều lao động, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

2.2. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, việc phát huy vai trò của văn hóa đối với sự phát triển đất nước cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế.

Thứ nhất, không ít các cấp ủy đảng, chính quyền và xã hội chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của văn hóa trong phát triển. Đúng như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã thẳng thắn chỉ rõ: “Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần”¹.

Thứ hai, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa còn nhiều lúng túng, chậm trễ trong việc thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về văn hóa. Nghị quyết của Đảng đã xác định rất rõ vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển. Những quan điểm, nhiệm vụ về phát triển văn hóa đã được làm rõ trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI,... Tuy nhiên, việc thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng thành hệ thống luật pháp, chính sách, chiến lược và các kế hoạch cụ thể còn chậm trễ. Vì thiếu hành lang pháp lý và cơ chế thực hiện nên dẫn đến những lúng túng trong chỉ đạo thực tiễn, những yếu kém trong triển khai.

Thứ ba, đầu tư cho văn hóa chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 thì nguồn ngân sách nhà nước hằng năm được Quốc hội giao về các địa phương và hội đồng nhân dân cấp tỉnh sẽ phân bổ, do đó Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không nắm bắt được số liệu chính xác về tổng chi ngân sách dành cho văn hóa của từng địa phương. Kết luận số 30-KL/TW ngày 20/7/2004 của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã xác định phấn đấu đến năm 2010, ít nhất đầu tư cho văn hóa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.84.

đạt 1,8% tổng chi ngân sách. Tuy nhiên, theo số liệu mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp từ các tỉnh, thành phố trong cả nước, đến năm 2019, tỷ lệ chi cho các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch đạt 1,72% tổng chi ngân sách nhà nước cấp về các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Như vậy, sau gần 10 năm, nhưng tổng chi ngân sách cho lĩnh vực văn hóa vẫn chưa đạt được mục tiêu của năm 2010. Điều này cũng tương tự như tổng chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, chưa đạt 20% như Nghị quyết của Đảng đã đề ra.

Bên cạnh chi ngân sách, kinh phí đầu tư cho lĩnh vực văn hóa còn được phân bổ từ nguồn vốn đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa các năm 2014-2015 và Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020. Các chương trình này có tính chất “vốn môi” để thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch và nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân, nhất là đồng bào tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, kinh phí của chương trình ngày càng hạn hẹp nên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hóa của các địa phương.

Chính vì việc đầu tư chưa đúng mức và dàn trải nên hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu. Rất nhiều địa phương, hệ thống thiết chế văn hóa ở trong tình trạng xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền còn lớn; đời sống văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

Thứ tư, việc phát huy vai trò của văn hóa đối với sự phát triển chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Tại Hội nghị văn hóa toàn quốc tổ chức ngày 24/11/1946 tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề phát huy vai trò của văn hóa đối với sự phát triển quốc gia: Phải làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Đồng thời văn hóa phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích mình. Văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu cái nhiệm vụ của mình và biết hưởng cái hạnh phúc của mình nên được hưởng. Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi. Từ đó đến nay, vai trò của văn hóa vẫn tiếp tục được làm sâu sắc thêm nhưng trong thực tế, văn hóa vẫn chưa thực sự phát huy được hết vai trò của mình. Tình trạng suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống trong xã hội, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn diễn ra ngày càng nghiêm trọng, nhức nhối. Chính sự suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên này đã làm suy giảm niềm tin xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng, đe dọa đến sự tồn vong của chế độ. Bên cạnh đó, việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh chưa được quan tâm đúng mức. Chính vì vậy, nhiều lúc, nhiều nơi đã diễn ra tình trạng “ô nhiễm”

môi trường văn hóa. Khi môi trường văn hóa bị ô nhiễm, cái xấu, cái ác sẽ hoành hành. Điều này không chỉ phương hại đến mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà còn là rào cản trong phát triển bền vững đất nước. Sự đóng góp của văn hóa đối với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội cũng chỉ giới hạn trong những phạm vi nhất định. Những giá trị văn hóa chưa thực sự thấm thấu và điều tiết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tính chất vượt trước, “soi đường” của văn hóa cho phát triển chưa rõ nét.

3. Giải pháp phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước

Đứng trước yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn cách mạng mới, giai đoạn chứa đựng nhiều dấu mốc lịch sử trọng đại, giai đoạn cả nước tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng với nhiều quan điểm, chủ trương lớn, mang tính đột phá để đưa đất nước ngày càng phát triển, trong bối cảnh quốc tế vừa có những thời cơ, vừa có những thách thức, vấn đề phát triển văn hóa cần phải được chú trọng cả về tầm nhìn, về ưu tiên đầu tư các nguồn lực để xứng đáng với vai trò, vị trí và tầm quan trọng của lĩnh vực này. Muốn vậy, cần chú ý các vấn đề sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của toàn xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển con người, xã hội, đối với sự phát triển quốc gia. Phát triển văn hóa, xây dựng con người phải được chú trọng tương xứng, hài hòa với phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa phải giữ vai trò điều tiết, định hướng sự phát triển đất nước trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế bằng mục tiêu nhân văn, hệ thống giá trị, chuẩn mực văn hóa. Cần phải đổi mới việc giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng, giáo dục văn hóa, thẩm mỹ trong xã hội; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức theo hướng thiết thực, hiệu quả, tôn trọng đối thoại, phân biện xã hội. Trong việc nâng cao nhận thức của xã hội về văn hóa, cần phát huy tốt hơn nữa vai trò của các ban, bộ, ngành, đặc biệt là vai trò của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Với tư cách là trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trung, cao cấp, cán bộ khoa học lý luận chính trị của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng trong việc trang bị các vấn đề lý luận và thực tiễn về vị trí của văn hóa trong phát triển cho cán bộ trung, cao cấp của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Vì xét cho đến cùng, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”¹.

Hai là, đẩy mạnh thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về vấn đề phát huy sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam thành hệ thống luật pháp, thành các chiến

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309, 280.

lược, các chương trình, các kế hoạch cụ thể. Hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng về vấn đề văn hóa, con người ngày càng được hoàn thiện. Công việc trọng tâm hiện nay là triển khai hệ thống, quan điểm này trong đời sống thực tiễn. Muốn vậy, đòi hỏi phải có sự vào cuộc, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, bộ, ngành chứ không đơn thuần chỉ là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trước hết, Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến 2030, cũng như các chiến lược phát triển khác phải thể hiện được sứ mệnh lớn lao của văn hóa như tinh thần các văn kiện của Đảng đã khẳng định. Các chiến lược, kế hoạch phát triển văn hóa phải được đặt trong mối quan hệ với các chiến lược, kế hoạch phát triển của các lĩnh vực khác, đặt trong sự phát triển tổng thể của quốc gia. Hệ thống luật pháp về văn hóa cũng cần được rà soát để tiến tới xây dựng hoặc điều chỉnh, bổ sung cập nhật với tình hình mới.

Ba là, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa truyền thống. Văn hóa Việt Nam là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần mà cha ông đã sáng tạo trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Đó là kết quả của quá trình tương tác với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội cũng như giao lưu, tiếp biến với nhiều nền văn hóa trên thế giới. Chính vì vậy, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa không chỉ là vấn đề đạo lý mà là một tất yếu khách quan. Bảo tồn tốt để làm cơ sở cho việc khai thác, phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa và ngược lại, phát huy tốt di sản văn hóa sẽ tạo nguồn lực để bảo tồn tốt. Hơn thế, việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển của lĩnh vực văn hóa, mà còn là nguồn lực để thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và công tác đối ngoại. Di sản văn hóa chính là yếu tố cấu thành sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam.

Bốn là, tập trung nguồn lực phát triển có trọng tâm, trọng điểm một số lĩnh vực văn hóa. Văn hóa là một lĩnh vực phong phú, rộng lớn nhưng cũng hết sức tinh tế, nhạy cảm. Chính vì vậy, công tác quản lý văn hóa, cụ thể là tập trung nguồn lực phát triển văn hóa cũng cần phải có những nhận thức, những kế hoạch hành động vừa mang tầm chiến lược nhưng cũng phải hết sức cụ thể. Để phát huy sức mạnh văn hóa, năng động hóa nền văn hóa dân tộc nhưng đồng thời giảm thiểu sự phân tầng trong sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân, cần phân định rõ những lĩnh vực văn hóa cần sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước và những lĩnh vực có thể để cho thị trường điều tiết dưới sự định hướng của Nhà nước. Cần thực sự đổi mới nội dung, phương thức đầu tư phát triển văn hóa, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả cũng như tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo, quản lý lĩnh vực này.

Năm là, phát triển ngành công nghiệp sáng tạo. Công nghiệp sáng tạo hay công nghiệp văn hóa là sự khẳng định mối quan hệ ngày càng sâu sắc giữa kinh tế và văn hóa. Việc phát triển ngành công nghiệp văn hóa từ khi có Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam (2016) đến nay đã có những kết quả bước đầu. Hà Nội được UNESCO công nhận là thành phố sáng tạo (2019) là một minh chứng

cho thấy Việt Nam có khả năng khai thác nguồn lực văn hóa phục vụ cho sự phát triển của các địa phương và quốc gia. Để phát triển công nghiệp văn hóa, trước mắt, cần tập trung xây dựng các không gian sáng tạo, các thành phố sáng tạo để tạo môi trường thuận lợi cho sự ra đời các ý tưởng, hoạt động sáng tạo. Ở đó, văn hóa trở thành nguồn tài nguyên vô hạn để khai thác, phát triển thành các sản phẩm, các chuỗi giá trị. Bên cạnh đó, cần khẩn trương nghiên cứu, ban hành các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp văn hóa. Có lẽ phù hợp nhất trong bối cảnh hiện nay chính là Nhà nước sử dụng các phương pháp kinh tế để điều tiết sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa.

Văn hóa là một lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội, có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong sự hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân, sự vững chắc của mỗi cộng đồng và rộng hơn là sự phát triển của mỗi quốc gia. Sẽ không thể có một sự phát triển nhanh và bền vững nếu không phát huy được chính nội lực của quốc gia. Mà nội lực quan trọng nhất của mỗi một quốc gia chính là con người, là văn hóa của quốc gia đó.

Các quan điểm của Đảng về vai trò của văn hóa, từ văn hóa là “nền tảng tinh thần”, là “mục tiêu”, là “động lực” đến văn hóa là “nguồn lực nội sinh”, là “động lực đột phá”, là “sức mạnh mềm” cho sự phát triển bền vững đất nước đã thể hiện sự đổi mới tư duy lý luận của Đảng về vai trò của văn hóa. Các quan điểm này đã tiếp cận được những quan điểm hiện đại, tiến bộ trên thế giới về vai trò của văn hóa, đồng thời cũng hoàn toàn phù hợp với chiều sâu văn hóa dân tộc và thực tế phát triển văn hóa Việt Nam. Vấn đề cấp thiết hiện nay chính là đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, trở thành những chương trình hành động cụ thể, thiết thực của các cấp, các ngành. Có như vậy mới khơi dậy được sức mạnh của văn hóa, đóng góp vào sức mạnh tổng hợp quốc gia để phát triển đất nước cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) Về văn hóa, xã hội, khoa học - kỹ thuật, giáo dục, đào tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, II.
- [5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5.

- [6] Ban Tuyên giáo Trung ương: Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [7] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI).
- [8] Cục Di sản Văn hóa: Báo cáo số 883/BC-DSVH ngày 15/12/2020.
- [9] PGS.TS. Phạm Duy Đức, PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu (Đồng chủ biên): *Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.

VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

1. Những tiền đề lý luận

Trong những năm gần đây, sự suy giảm đa dạng văn hóa, suy thoái môi trường, gia tăng bất bình đẳng và xung đột xã hội,... ở nhiều quốc gia cũng như ở phạm vi toàn cầu đã khiến các nhà khoa học cũng như hoạch định chính sách quan tâm hơn đến việc xây dựng các mô hình phát triển mới. Sau một thời gian dài thảo luận với sự tham gia của nhiều tổ chức và cơ quan hữu quan, tháng 9/2015, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua “Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững” (*2030 Agenda for Sustainable Development*) với 17 mục tiêu phát triển bền vững mang tính phổ quát đến năm 2030 để thay thế cho “Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ” của Liên hợp quốc (*UN Millennium Development Goals*) trước đó. Các mục tiêu phát triển bền vững của Chương trình nghị sự 2030 được coi là chìa khóa để đạt được một tương lai tốt đẹp và bền vững hơn cho tất cả mọi người; được kỳ vọng sẽ góp phần “giải quyết các thách thức mang tính quốc tế mà chúng ta đang phải đối mặt, bao gồm các vấn đề liên quan đến đói nghèo, bất bình đẳng, suy thoái môi trường, sự thịnh vượng, hòa bình và công lý”.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) với vai trò là một tổ chức duy nhất phụ trách về mặt văn hóa của Liên hợp quốc xác định, văn hóa đóng vai trò then chốt và mang tính quyết định để đạt được các mục tiêu bền vững này. Văn hóa, bao gồm văn hóa vật thể, phi vật thể và các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo, không chỉ đóng vai trò mang tính quyết định trong việc đem lại sự phát triển kinh tế bao trùm (*inclusive*), giúp xóa đói giảm nghèo, tạo ra sự thịnh vượng về mặt kinh tế, mà còn là nền tảng tạo ra sự gắn kết xã hội (*social cohesion*), bảo đảm sự phát triển bình đẳng (*equity*), nhân văn (*humanity*), có bản sắc (*identity*) và bền vững về mặt môi trường. Văn hóa là nhân tố có sự ảnh hưởng mang tính mấu chốt đến tất cả các bước trong quá trình phát triển bền vững của một quốc gia, dân tộc. Đặc biệt, di sản văn hóa và các ngành công nghiệp sáng tạo, một khía cạnh khác của văn hóa, đang được minh chứng là có sự đóng góp

thiết thực để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững như: “công việc xanh”, dạng thức sản xuất và tiêu thụ bền vững hơn, tạo ra các cộng đồng đoàn kết, có khả năng đối phó với thảm họa thiên nhiên, tiếp cận an toàn đối với nguồn nước và lương thực, thực phẩm, xóa đói giảm nghèo,...

Ở Việt Nam, nhận thức được tầm quan trọng này của văn hóa trong phát triển của quốc gia, dân tộc, sau năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những đổi mới quan trọng trong tư duy về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thể hiện và được khẳng định liên tục trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng từ năm 1987. Chẳng hạn, Nghị quyết số 05-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VI (năm 1987) về “Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới” khẳng định “văn hóa là nhu cầu thiết yếu trong đời sống tinh thần của xã hội, là một động lực mạnh mẽ, đồng thời là một mục tiêu lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹ và tầm quan trọng của văn hóa được tái khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (năm 1993). Tiếp theo đó, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (năm 1998) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” xác định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội... Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương... biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển”². Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đại hội XI nhấn mạnh việc xây dựng nền văn hóa, “thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”³. Văn kiện Đại hội XII của Đảng cũng nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.48, tr.479.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 2015, t.57, tr.303-304.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.73-74.

quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: “phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”². Trên cơ sở đó, Nghị quyết đã chỉ ra những định hướng căn bản cho phát triển giai đoạn này là: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”³. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra chiến lược phát triển văn hóa và con người toàn diện, theo đó cần phát triển văn hóa để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về thể chất, đạo đức, trí tuệ, chính trị, tư tưởng, năng lực sáng tạo, có lòng nhân ái, khoan dung, thượng tôn pháp luật, có ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, xuyên suốt các kỳ Đại hội Đảng ta luôn khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội và ở giai đoạn này, Đảng đã nhấn mạnh cách nhìn cụ thể hơn về văn hóa, khẳng định văn hóa là sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Từ đó, chỉ ra định hướng tăng cường đầu tư cho văn hóa. Đây là những tiền đề vô cùng quan trọng đưa văn hóa vào trung tâm của phát triển, tạo ra sự phát triển xã hội hài hòa, nhân văn và có bản sắc. Đảng đã chọn con đường phát triển bền vững đất nước trên cơ sở của các nguồn lực kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa, trong đó văn hóa xuyên suốt như một nguồn tài nguyên nhân văn, đảm bảo “phát triển mà không ai bị bỏ lại phía sau”.

2. Những vấn đề từ thực tiễn

Với quan điểm, định hướng đó và để đưa tinh thần của các nghị quyết vào thực tế phát triển của đất nước, Chính phủ và các cơ quan hữu quan đã có nhiều chính sách, chương trình, dự án thiết thực, đưa lại một số kết quả bước đầu. Các

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.126.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.33-34, 115-116.

co quan hữu quan của Nhà nước đã quan tâm hơn đến vai trò và giá trị của các thực hành văn hóa, sinh kế cũng như hệ tri thức bản địa phong phú và đa dạng của các tộc người thiểu số trong thiết kế và triển khai các chính sách phát triển. Biểu hiện rõ của sự quan tâm này là sự ra đời của các chính sách, văn bản luật và dưới luật của Chính phủ về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, di sản văn hóa của các tộc người, cách tiếp cận phát triển coi trọng đặc trưng, sự khác biệt vùng miền, dân tộc, coi trọng chủ thể văn hóa (được nhấn mạnh trong Chương trình 135, Chương trình Xóa đói giảm nghèo, Chương trình Xây dựng nông thôn mới,...). Thêm vào đó, các di sản văn hóa được vinh danh, bảo tồn, du lịch văn hóa vùng miền và tộc người ngày càng phát triển,... dẫn đến nội lực văn hóa được phát huy ở các mức độ nhất định. Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Việt Nam đã có 25 di sản được UNESCO ghi danh, trong đó có 4 di sản thiên nhiên và văn hóa vật thể, 13 di sản văn hóa phi vật thể và 4 di sản tư liệu, 40.000 di tích được thống kê, 112 di tích được công nhận cấp quốc gia đặc biệt, 3.560 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và 10.109 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, cùng khoảng 127 di tích lịch sử và bảo vật quốc gia. Ngoài ra, còn có 4 triệu hiện vật của 179 bảo tàng cũng được xem là một phần của kho tàng di sản văn hóa đang được trưng bày, lưu giữ. Điều đáng chú ý là hệ thống di sản văn hóa này đã và đang đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế của các địa phương có di sản. Những di sản văn hóa và thiên nhiên thu hút đông khách du lịch (phố cổ Hội An, Vịnh Hạ Long, Danh thắng Tràng An, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng,...); di sản văn hóa phi vật thể thu hút số lượng lớn người tham dự và trải nghiệm (Nghĩ lễ thờ Mẫu Tam phủ, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Hội Gióng, Dân ca Quan họ Bắc Ninh, Đờn ca tài tử,...) đã mang lại lợi ích kinh tế rõ rệt và góp phần quan trọng vào phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra, việc khai thác và vận hành nguồn lực di sản văn hóa còn kéo theo sự phát triển của nhiều yếu tố khác như cơ sở hạ tầng, dịch vụ, sự mở rộng giao lưu và gia tăng các dòng chảy hàng hoá, lao động,...góp phần tạo ra sự phát triển kinh tế - xã hội bao trùm, hài hòa và bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh một số kết quả đạt được, nhiều nghiên cứu, báo cáo đánh giá trong những năm gần đây cũng chỉ ra rằng, trên thực tế, việc thực hiện tinh thần của các văn kiện, nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước về văn hóa trong thực tiễn triển khai các chương trình bảo tồn và dự án phát triển chưa thực sự hiệu quả như mong muốn, chưa tạo ra sự bứt phá trong phát triển bền vững cho quốc gia. Ở một mức độ nào đó, sự khẳng định về tầm quan trọng của văn hóa trong nghị quyết mới chỉ là khát vọng và “khẩu hiệu”, chưa được thực hiện, triển khai đầy đủ và hiệu quả trong thực tế cuộc sống xã hội. Sự bất cập này không chỉ làm giảm vai trò của văn hóa trong phát triển mà còn tạo ra nhiều thách thức cho sự phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay (khoảng cách giàu nghèo, bất bình

đảng xã hội còn cao, suy thoái môi trường ở mức báo động, các chương trình xóa đói giảm nghèo tuy có kết quả nhưng chưa bền vững, suy giảm giá trị đoàn kết, tương trợ, tương hỗ và hệ thống tri thức bản địa trong cộng đồng,...).

Xuất phát từ quan điểm, cách hiểu về văn hóa chưa được cập nhật và chưa được nhận thức đúng, đặc biệt là trong các cơ quan xây dựng và triển khai chính sách phát triển, trên truyền thông, cũng như trong các nhà quản lý văn hóa ở cả cấp trung ương và địa phương, nên văn hóa, một nội hàm khái niệm rộng, hàm chứa tất cả những gì con người có, nghĩ và làm, lại được hiểu theo nghĩa hẹp. Thêm vào đó, đa dạng văn hóa của các cộng đồng, tộc người (bao gồm tri thức địa phương trong quản lý tài nguyên, thực hành tín ngưỡng tôn giáo, mô hình sinh kế cổ truyền gắn với đa dạng sinh thái, quản lý xã hội, thực hành tương trợ, tương hỗ) - nền tảng quan trọng nhất cho sự phát triển bền vững - còn được đánh giá, nhìn nhận chủ yếu theo quan điểm tiến hóa luận đơn tuyến (coi đa dạng văn hóa là sản phẩm của sự phát triển không đồng đều mà không nhìn đa dạng văn hóa như là sản phẩm của sự thích ứng trong thực hành với điều kiện tự nhiên, kinh tế và văn hóa của các cộng đồng), chủ quan, từ đó dẫn đến việc hiểu sai, thiên kiến và mang tính áp đặt về vai trò, chức năng và giá trị của các truyền thống văn hóa cũng như năng lực chủ thể của các cộng đồng tộc người. Hệ quả của sự hiểu sai, cách nhìn định kiến về đa dạng văn hóa đã làm cho nhiều cộng đồng, tộc người đánh giá thấp về giá trị văn hóa cổ truyền, đặc biệt là hệ tri thức địa phương cũng như nội lực tiềm tàng của họ (ví dụ: nhiều tộc người bỏ giống lúa bản địa cổ truyền, không thích mặc trang phục truyền thống, không chủ động trong làm ăn,... bởi họ cho rằng văn hóa truyền thống của họ là "lỗi thời"). Thêm vào đó và quan trọng hơn, sự định kiến, hiểu sai cũng làm cho các nhà xây dựng và thực thi chính sách không tìm cách phát huy nội lực của các cộng đồng (do không tin tưởng) mà thiên về làm thay, áp đặt, và vì vậy tạo ra các chương trình, dự án phát triển vừa không đáp ứng và phù hợp với nhu cầu và điều kiện cụ thể, vừa không tận dụng được nguồn lực tiềm tàng của người dân. Cũng do chưa hiểu đúng về bản chất của văn hóa nói chung và sự đa dạng văn hóa nói riêng ở khía cạnh lý luận nên các chương trình bảo tồn, bảo vệ di sản còn tiếp cận theo hướng "bảo tồn có chọn lọc", từ đó làm cho tính nguyên hợp của văn hóa bị phá vỡ.

Nhiều mô hình và chính sách phát triển được thực hiện trong những năm gần đây đã làm suy giảm sự đa dạng văn hóa, đặc biệt là đa dạng sinh kế và quản lý tài nguyên, dẫn đến sự phụ thuộc của các cộng đồng, tộc người vào bên ngoài (sản phẩm đầu ra và đầu vào) cũng như bất bình đẳng trong tiếp cận tài nguyên. Ví dụ, mô hình độc canh các loại nông nghiệp hàng hóa (dưa hấu, cà phê, ngô lai,...) không tận dụng được tri thức, nguồn lực địa phương nên tạo ra sự phụ thuộc (được mùa mất giá, được giá mất mùa, sản phẩm đầu ra không đủ bù cho chi phí đầu vào, dẫn đến nợ cũng như tạo khoảng cách giàu nghèo giữa các thành viên của một cộng

đồng. Việc xóa bỏ luật tục trong quản lý tài nguyên (đặc biệt là sở hữu cộng đồng) làm cho nhiều gia đình trở thành “vô sản”, nhiều thành phần yếu thế trong xã hội bị gạt ra ngoài việc sử dụng và sở hữu tài nguyên, vốn trước đây là chung của cộng đồng. Thêm vào đó, việc không coi trọng, thậm chí là bỏ quên việc duy trì và phát huy đa dạng văn hóa cũng tạo ra những thách thức lớn về môi trường sinh thái.

Bên cạnh đó, do chưa hiểu đúng và đủ về vai trò của văn hóa nên các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước và địa phương chưa coi trọng đúng mức quyền văn hóa của cộng đồng, chưa thực sự công nhận và tôn trọng sự đa dạng và biểu đạt văn hóa truyền thống tộc người, ví dụ như việc xây nhà văn hóa trong Chương trình Xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế miền núi... được thực hiện theo kiểu “một mô hình cho tất cả”, làm mất bản sắc và không phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế của các cộng đồng. Cũng chính vì vậy, sự tham gia chủ động và tích cực của người dân sở tại trong quá trình ra quyết sách, hệ thống tri thức địa phương trong quản lý tài nguyên và phát triển sinh kế,... chưa được sử dụng đúng mức và chưa phát huy được hiệu quả.

Nhiều bộ, ngành, đoàn thể có liên quan đến lĩnh vực văn hóa mới chỉ chủ yếu quan tâm đến bảo vệ di sản văn hóa mà chưa quan tâm đúng mức đến sản phẩm, sự trao đổi và tiêu thụ văn hóa như các hoạt động kinh tế. Do vậy, các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (bao gồm cả du lịch văn hóa) chưa phát triển đúng tầm, văn hóa chưa trở thành nguồn lực để tạo ra cú hích cho phát triển bền vững (tăng việc làm, tăng thu nhập,...).

Phát triển du lịch dựa trên nguồn lực di sản văn hóa đã mang lại nhiều sự thành công song cũng có rất nhiều thách thức đặt ra từ đó, như: sân khấu hóa di sản, sáng tạo, làm mới di sản một cách quá đà, ngoài lề hóa cộng đồng chủ nhân di sản, nhà nước hóa, hành chính hóa, thương mại hóa di sản,... khiến cho các di sản văn hóa trở nên đồng dạng và được sử dụng vào nhiều mục đích chưa hợp lý.

3. Những gợi ý chính sách

Để có thể triển khai một cách hiệu quả tinh thần và định hướng về tầm quan trọng của văn hóa trong Nghị quyết Đại hội XIII vào các chính sách và thực hành phát triển, từ đó phát huy hiệu quả vai trò của văn hóa, tạo bước đột phá mới cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam, chúng tôi cho rằng, cần thiết phải cập nhật, đổi mới về nhận thức cũng như hệ thống lý luận về vai trò, giá trị của văn hóa, tạo ra khuôn khổ pháp lý để đưa văn hóa vào đúng trọng tâm của quá trình phát triển trong giai đoạn hiện nay.

Định hướng và quyết tâm đưa văn hóa vào đúng vai trò và vị trí trong phát triển là định hướng đúng đắn, các chính sách đi theo định hướng này đều đã được xây dựng và triển khai sâu rộng trong xã hội song điều quan trọng nằm ở việc thực thi hay nói cách khác là việc thực tiễn hóa các chính sách này trong cuộc sống thì còn

nhiều hạn chế. Chính vì vậy, các cơ quan hữu quan nên rà soát để xem lại vì sao các chính sách thường gặp vấn đề và có nhiều bất cập khi thực hiện trong thực tế. Cần hiểu rõ điều đó và nắm bắt được tình hình từ thực tế, từ dưới lên để nhìn lại chính sách và xây dựng chính sách bám sát thực tiễn, khả thi trong thực hiện và khắc phục được tính khẩu hiệu, hô hào, hình thức.

Văn hóa trong bối cảnh hiện nay cần được hiểu theo nghĩa rộng để bao quát được tất cả tư tưởng, cảm xúc, niềm tin cũng như thực hành văn hóa đa dạng của con người. Theo đó, cũng cần thay đổi cách nhìn nhận và đánh giá về vai trò, giá trị và chức năng của thực hành văn hóa ở các cộng đồng tộc người, cả văn hóa của các tộc người thiểu số cũng như văn hóa của tộc người đa số. Tôn trọng và đề cao tiếng nói của các chủ thể văn hóa, đánh giá đúng năng lực của họ, tin tưởng họ và xây dựng các chính sách kinh tế - xã hội và văn hóa dựa trên nhu cầu và hiểu biết của họ thì sẽ phát huy được nội lực và tạo ra sự phát triển bền vững.

Văn hóa chỉ có thể trở thành nguồn lực của phát triển khi là một nền văn hóa đa dạng. Chính vì vậy, gìn giữ, duy trì và làm giàu đa dạng văn hóa được xem là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của tất cả mọi người. Hiểu văn hóa trong sự đa dạng và tôn trọng đa dạng văn hóa, chúng ta sẽ lựa chọn đa dạng mô hình phát triển, các cộng đồng địa phương, các tộc người không nhất thiết phải đi theo một mô hình phát triển chung mang tính định hướng sẵn có mà hoàn toàn có thể lựa chọn những mô hình phát triển khác dựa trên nội lực và sự đa dạng nhu cầu, đa dạng tri thức, đa dạng mục đích,... Gần đây, ở một số vùng miền, tộc người, mô hình “phát triển cộng đồng dựa trên nội lực” trong đó đề cao tính chủ động, sáng tạo, phát huy truyền thống tương trợ của người dân trong phát triển sinh kế và bảo tồn văn hóa đã được một số tổ chức áp dụng triển khai, đạt hiệu quả cao. Mô hình này nên được áp dụng rộng rãi nhằm phát huy tối đa năng lực chủ thể cũng như các giá trị văn hóa - xã hội của các cộng đồng trong phát triển bền vững.

Năng lực của các chủ thể văn hóa cùng nội lực văn hóa sẽ được đảm bảo hơn khi định kiến văn hóa được giảm thiểu. Những định kiến trong nghiên cứu, trong chính sách và truyền thông về các thực hành văn hóa truyền thống, đặc biệt là định kiến giới, định kiến vùng miền và định kiến văn hóa các tộc người thiểu số còn khá phổ biến hiện nay. Xóa bỏ những định kiến này sẽ làm cho mọi người, dù ở đâu, dù tộc người nào, giới tính nào cũng đều tự hào về văn hóa và bản sắc của mình, đem lại cho họ sự tự tin và từ đó chủ động trong việc lựa chọn bảo tồn cũng như phát huy những giá trị văn hóa và tri thức một cách phù hợp. Không còn định kiến, người dân sẽ tham gia chủ động và tích cực trong quá trình ra quyết sách, thực thi chính sách, gìn giữ hệ thống tri thức địa phương, bảo vệ môi trường, duy trì bền vững các giá trị văn hóa. Hơn nữa, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc chỉ có thể có được trên cơ sở mọi người đều được công bằng trong sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, công bằng trong các cơ hội và trong các thực hành văn hóa mà mình lựa chọn.

Không phát triển bằng mọi giá, không hy sinh văn hóa, môi trường cho phát triển kinh tế, phát triển du lịch là khẩu hiệu xuất hiện nhiều trên truyền thông và các diễn đàn, song trong thực tế, sự gia tăng nhanh và nóng của đô thị hóa và công nghiệp hóa ở khắp các vùng miền, tộc người đã dẫn đến nhiều hệ lụy không mong muốn, làm suy giảm đa dạng sinh thái và đa dạng văn hóa. Vì thế, cần cân nhắc và tính toán kỹ lưỡng quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa hiện nay để không đánh đổi những vùng đất nông nghiệp màu mỡ, những khu vực ổn định về sinh kế, bền vững về môi trường cho công cuộc công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Khắc phục tối đa cách nhìn một chiều trong sử dụng nguồn tài nguyên văn hóa, khai thác, sử dụng tối đa nguồn tài nguyên văn hóa vào mục đích duy nhất là tăng trưởng kinh tế. Cách nhìn một chiều này rất nguy hiểm vì khi tài nguyên văn hóa nào không đem lại giá trị kinh tế để có nguy cơ bị loại bỏ hoặc thay đổi chức năng sử dụng. Trong khi đó, tài nguyên văn hóa là nguồn lực quan trọng đóng góp vào sự phát triển bao trùm, đa chiều, nhân văn và bền vững.

Bản chất của văn hóa là một hệ thống mang tính tổng thể, trong đó các yếu tố luôn có sự gắn kết chặt chẽ, bổ trợ cho nhau để cùng tồn tại và phát triển. Một thành tố văn hóa mất đi sẽ làm mất cân bằng và dẫn đến sự biến dạng của các thành tố văn hóa khác trong cùng hệ thống. Vì vậy, trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, không nên chỉ chọn lọc, lưu giữ bản sắc văn hóa có giá trị tiêu biểu mà không quan tâm hay loại bỏ các thành tố văn hóa khác trong cùng một hệ thống bị coi là lạc hậu. Theo đó, cần bảo vệ và phát huy tất cả các thành tố của một loại hình văn hóa, một di sản văn hóa hay một thực hành văn hóa để đảm bảo tính tổng thể, hệ thống vốn có.

Công tác tuyên truyền, tập huấn về văn hóa, về phát triển cũng như việc làm thế nào để văn hóa được hiểu đúng, nhìn nhận đúng vai trò quan trọng trong phát triển bền vững nên được tổ chức thường xuyên và đa dạng cho các đối tượng, trong đó có các lãnh đạo, những nhà làm chính sách, nhà quản lý, nhà nghiên cứu, giảng dạy và người dân.

Phát triển bền vững chỉ có thể được hiện thực hóa khi chúng ta quan tâm đúng mức và đầy đủ đến các khía cạnh khác nhau của văn hóa, đặc biệt là đặc tính văn hóa địa phương và tộc người trong chiến lược, chính sách và chương trình phát triển ở cấp vĩ mô và vi mô. Vì vậy, cần tích hợp yếu tố văn hóa vào các chính sách và chương trình phát triển nhằm đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của các chương trình, chiến lược và chính sách phát triển đó.

Việt Nam đang nỗ lực để hiện thực hóa giấc mơ “Phát triển nhưng không bỏ lại ai phía sau”. Giấc mơ phát triển mang tính bền vững, giàu bản sắc và nhân văn này chỉ có thể trở thành hiện thực khi chúng ta dành sự quan tâm thực sự, đúng mức đến văn hóa và đưa văn hóa vào trọng tâm của các chiến lược, chính sách, chương trình phát triển ở cấp vĩ mô và vi mô.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Avigail Eisenberg: *Diversity and equality: the changing framework of freedom in Canada*, Vancouver: UBC Press, 2006.
- [2] Phạm Xuân Nam: *Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa - một góc nhìn từ Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.
- [3] Peter L. Berger and Samuel P. Huntington: *Many globalizations: cultural diversity in the contemporary world*, Oxford; New York: Oxford University Press, 2002.
- [4] Salemink, O. (ed.): *Viet Nam's Cultural Diversity: Approaches to Preservation*, UNESCO Publishing, Mayenne, 2001.
- [5] Servaes, J.: *One world, multiple cultures. A new paradigm on communication for development*, Acco, Leuven, 1989.
- [6] Ngô Đức Thịnh: *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
- [7] Thủ tướng Chính phủ: *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*.
- [8] United Nation Vietnam: *Culture and Development in Vietnam*, Discussion No.4, 2003.
- [9] Văn phòng Thủ tướng Chính phủ và tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam: *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*, 2017.
- [10] Wiktor-Mach, D.: *Cultural heritage and development: UNESCO's new paradigm in a changing geopolitical context*, *Third World Quarterly*, 2019, Vol. 40.

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM VỚI CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VỀ CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của văn hóa, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã đề ra đường lối, chủ trương, chính sách về văn hóa, được thể hiện thông qua các chỉ thị, nghị quyết, nhất là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Đến Đại hội lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục chủ trương: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”¹. Đại hội XII cũng xác định rõ văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện kết quả phát triển văn hóa sau 35 năm đổi mới, đặc biệt là sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Đại hội XIII tiếp tục chủ trương “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.126.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

Thực hiện các nghị quyết của Đảng, Nhà nước ta đã cụ thể hóa đường lối phát triển văn hóa thành thể chế và nhiều chính sách phát triển. Về chính sách vĩ mô phát triển văn hóa, Hiến pháp năm 2013 nêu rõ:

- Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển văn hóa Việt Nam: dân tộc, hiện đại, nhân văn; kế thừa, phát huy những giá trị của nền văn hiến các dân tộc Việt Nam, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phát huy mọi tài năng sáng tạo trong nhân dân.

- Nhà nước thống nhất quản lý sự nghiệp văn hóa; nghiêm cấm truyền bá tư tưởng và văn hóa phản động, đồi trụy, bài trừ mê tín, hủ tục.

- Nhà nước đầu tư phát triển văn hóa, văn học và nghệ thuật; tạo điều kiện để nhân dân được thưởng thức những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị; bảo trợ để phát triển các tài năng sáng tạo văn học, nghệ thuật. Nhà nước phát triển các hình thức đa dạng của hoạt động văn hóa, nghệ thuật; khuyến khích hoạt động nghệ thuật văn hóa, nghệ thuật quần chúng.

- Nhà nước và xã hội bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa dân tộc; chăm lo công tác bảo tồn, bảo tàng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy tác dụng của di tích lịch sử, cách mạng, di sản văn hóa, công trình nghệ thuật, danh lam, thắng cảnh. Nghiêm cấm các hành động xâm phạm đến các di tích lịch sử, cách mạng, công trình nghệ thuật, danh lam, thắng cảnh.

Cùng với chính sách vĩ mô, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa cũng đã được Nhà nước cụ thể hóa thành luật pháp và nhiều chính sách cụ thể cùng nhiều chương trình mục tiêu, chiến lược phát triển văn hóa.

- Về pháp luật, xây dựng và hoàn thiện các luật về văn hóa, như: Luật sở hữu trí tuệ; Luật di sản văn hóa; Luật xuất bản; Luật điện ảnh; Luật quảng cáo; Pháp lệnh thư viện;...

- Về các chương trình mục tiêu phát triển văn hóa, nhà nước cũng đề ra nhiều chương trình, như: Chương trình mục tiêu bảo tồn và tôn tạo di tích, danh thắng; Chương trình mục tiêu chấn hưng điện ảnh; Chương trình mục tiêu xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở;...

- Để phát triển văn hóa theo chủ trương của Đảng, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phát động Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Chủ trương phát triển văn hóa cũng đã được lồng ghép gắn kết trong nhiều chương trình phát triển khác như Chương trình 135; Chương trình xóa đói giảm nghèo; Chương trình xây dựng Nông thôn mới;...

Đài Truyền hình Việt Nam với vị trí và vai trò là Đài Truyền hình quốc gia, một trong những cơ quan truyền thông chủ lực của Chính phủ, đã nhận thức, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối, văn bản của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa. Nhiều năm qua, Đài Truyền hình Việt Nam đã triển khai tuyên truyền tích cực, cụ thể, thiết thực với nhiều cách tiếp cận, góp phần đưa chủ trương,

đường lối, văn bản của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa vào cuộc sống.

Với từng nghị quyết về văn hóa, Đài Truyền hình Việt Nam luôn có kế hoạch tuyên truyền bài bản, trước, trong và sau khi nghị quyết được ban hành. Rất nhiều chủ trương quan trọng về phát triển văn hóa được đề cập trong các nghị quyết của Đảng như “Phát triển văn hóa gắn với phát triển con người”, “Văn hóa - sức mạnh nội sinh để phát triển bền vững”, “Văn hóa - là mục tiêu và động lực phát triển”, “Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa”, “Thu hẹp sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa”, “Đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người”, “Xây dựng công nghiệp văn hóa”,... và các chính sách phát triển văn hóa đã được Đài Truyền hình Việt Nam tập trung thông tin và phân tích trên các bản tin thời sự cũng như hệ thống chuyên mục trên kênh VTV1. Các chương trình chính luận như “Vấn đề hôm nay”, “Sự kiện bình luận”, “Đối diện” đã xây dựng nhiều nội dung với các góc độ tiếp cận đa dạng mà gần gũi, góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về các nội dung này.

Đặc biệt, các chuyên mục chuyên sâu về văn hóa như Câu chuyện văn hóa, Văn học - Nghệ thuật phát sóng đều đặn hằng tuần đã xây dựng nhiều chương trình hấp dẫn, chương trình nhiều kỳ đi sâu phân tích các vấn đề được các nghị quyết về văn hóa đặt ra, cụ thể hóa bằng nhiều chủ đề, nội dung cụ thể, gần gũi, với sự phân tích của các chuyên gia đến từ các bộ ngành, địa phương, người dân. Trong đó, nhiều chương trình đã nhận được sự quan tâm rất lớn của dư luận như: Văn hóa đã được đặt xứng tầm?, Đầu tư cho văn hóa của các địa phương, Phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa, Sức mạnh mềm quốc gia, Xây dựng thương hiệu văn hóa quốc gia, Văn hóa công vụ, Văn hóa ứng xử trong xã hội và trên không gian mạng, Những giá trị của gia đình Việt, Làm sao để có những tác phẩm sân khấu đỉnh cao; Công nghiệp văn hóa - hướng đi nào cho Việt Nam?...

Trong tuyên truyền về văn hóa, Đài Truyền hình Việt Nam cũng tích cực lan tỏa những hình ảnh đẹp về văn hóa ứng xử, lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước, khát vọng cống hiến, nhất là với thế hệ trẻ thông qua nhiều chương trình, mà nổi bật là mục “Hình ảnh và cuộc sống” phát sóng khung giờ buổi tối trên kênh VTV1.

Đài Truyền hình Việt Nam đã kịp thời phản ánh, phát hiện nhiều vấn đề còn nổi cộm trong lĩnh vực văn hóa. Nhiều vấn đề đã được phản ánh trực diện trong mục Tiêu điểm của bản tin 19 giờ và được đánh giá cao, có tác động xã hội mạnh mẽ như Thay đổi văn hóa sống hậu COVID-19; Văn hóa ứng xử trong dịch bệnh, trong bão lũ; Vấn nạn tin giả, clip rác độc hại trên mạng xã hội và giải pháp; Khát vọng cống hiến - tư duy của người Việt trong tình hình mới;...

Cùng với các vấn đề đã được tuyên truyền đậm nét trên, Đài Truyền hình Việt Nam cũng thường xuyên thực hiện nhiều phóng sự, chương trình tuyên truyền về bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa dân tộc; chăm lo công tác bảo tồn, bảo tàng,

tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy tác dụng của di tích lịch sử, cách mạng, di sản văn hóa, công trình nghệ thuật, danh lam, thắng cảnh; tuyên truyền về phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và các chương trình mục tiêu phát triển văn hóa...

Dưới góc độ tiếp cận, phản ánh, thông tin và quan sát của một cơ quan tuyên truyền, Đài Truyền hình Việt Nam nhận thấy sau 35 năm đổi mới, đặc biệt là sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng về phát triển văn hóa, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong lĩnh vực này. Nhờ vậy, công tác thông tin, tuyên truyền được triển khai đa dạng, toàn diện với sức lan tỏa và những tác động đáng khích lệ.

Tuy nhiên, trên thực tế, quá trình thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về văn hóa của Đài Truyền hình Việt Nam cũng còn gặp một số khó khăn, vướng mắc. Sự đầu tư cho văn hóa tại nhiều địa phương còn chênh lệch, nên thực tế có những chương trình gặp khó ngay từ khi liên hệ hay mời phỏng vấn. Đặc biệt, số lượng các nhà nghiên cứu chuyên sâu về nghị quyết văn hóa của Đảng, về các vấn đề văn hóa chưa nhiều, hoặc đã cao tuổi, đội ngũ các nhà nghiên cứu trẻ còn ít ỏi nên nhiều chương trình tọa đàm chuyên sâu mong muốn làm mới, đa dạng hóa khách mời để chuyển tải nội dung cũng gặp nhiều khó khăn. Ở góc độ chủ quan, việc xây dựng và phát triển đội ngũ phóng viên văn hóa chuyên sâu, có kinh nghiệm, tâm huyết và có góc nhìn cũng là một vấn đề khó mà Đài Truyền hình Việt Nam đang phải đối mặt và nỗ lực khắc phục.

Đại hội XIII của Đảng bên cạnh việc xác định rõ chủ trương “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” thì cũng đề ra các giải pháp, trong đó nhấn mạnh tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai “Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới... Thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội... Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam... Đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”¹.

Đại hội XIII cũng xác định cần “có cơ chế, chính sách, giải pháp để xây dựng môi trường văn hóa thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Phát huy ý thức tự giác của toàn dân xây dựng và thực hiện các

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.143.

chế tài, quy định, quy ước xã hội, bảo đảm công bằng về cơ hội và thụ hưởng văn hóa. Khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và đời sống văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, các khu công nghiệp... Khắc phục bệnh thành tích, bệnh hình thức, thực hiện các chuẩn mực văn hóa gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh. Đề cao vai trò của gia đình trong nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ. Phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng. Phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội và thực dụng. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh¹.

“Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới. Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau. Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại. Thực hiện tốt quy hoạch, phát triển hệ thống báo chí, truyền thông. Sắp xếp ngành xuất bản, in và phát hành theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiện đại hóa. Tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên Internet. Kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, phản động, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong mỹ tục”².

Để đưa Nghị quyết Đại hội XIII về phát triển văn hóa vào cuộc sống, phải triển khai đồng bộ các khâu, từ nâng cao nhận thức, xây dựng chương trình hành động, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện để kịp thời phát hiện những nhân tố mới cũng như những mặt hạn chế cần chấn chỉnh, khắc phục...

Phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là mục tiêu xuyên suốt quá trình phát triển của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bởi vậy, việc quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về phát triển văn hóa là cơ sở rất quan trọng để biến mục tiêu thành hiện thực, góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng tinh thần xã hội vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Để thực hiện nhiệm vụ này, Đài Truyền hình Việt Nam xác định:

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.I, tr.144, 145-146.

- Phải tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về những quan điểm mới, nội dung mới về phát triển văn hóa được đề cập trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Nhất là các chủ trương: xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam, ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội, xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý, bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa, quy hoạch, phát triển hệ thống báo chí, truyền thông, tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên Internet” ,...

- Tiếp tục tuyên truyền về công tác lập pháp, hoàn thiện thể chế, góp phần tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho văn hóa phát triển. Trước mắt sẽ tập trung tuyên truyền đậm nét quá trình xây dựng, hoàn thiện các dự án luật đang được Quốc hội khóa XV xem xét tại kỳ họp thứ 2 như Luật sở hữu trí tuệ (sửa đổi), Luật điện ảnh (sửa đổi)...

- Tiếp tục đổi mới và có kế hoạch tuyên truyền hiệu quả những nội dung nổi bật trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cũng như kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, làm cho những giá trị cao đẹp trong tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống xã hội; Gắn tuyên truyền về nội dung này với đẩy mạnh tuyên truyền đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Bám sát các Chương trình hành động của Chính phủ và các địa phương về phát triển văn hóa để thực hiện tuyên truyền hiệu quả, thiết thực. Thông qua tuyên truyền, đã góp phần tạo ra sự thống nhất về nhận thức và hành động của toàn xã hội trong tổ chức thực hiện, quyết tâm thực hiện có hiệu quả việc đưa các chủ trương về phát triển văn hóa được đề cập trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào cuộc sống.

- Phát huy hơn nữa vai trò của truyền thông trong việc đoàn kết, tập hợp đội ngũ các nhà văn hóa, trí thức, văn nghệ sĩ thực hiện trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Tiếp tục tuyên truyền đấu tranh với những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, nhất là các hành vi lệch chuẩn đang được phát tán trên môi trường mạng.

- Tích cực đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực văn hóa. Các thế lực thù địch đang hằng ngày, hằng giờ sử dụng con bài tư tưởng, văn hóa làm đòn tấn công phủ đầu, dọn đường thực hiện các thủ đoạn khác để chống phá cách mạng nước ta. Chúng tuyên truyền và đưa các loại hình văn hóa độc hại, lối sống cơ hội, thực dụng, ích kỷ, hẹp hòi, vô cảm xâm nhập đời sống xã hội, với mục đích hình

thành lối sống tiêu cực, đi ngược lại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, v.v.. Tất cả những điều đó có tác động không nhỏ đến đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân và sự đồng thuận xã hội cũng như sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bởi vậy, Đài Truyền hình Việt Nam xác định hơn lúc nào hết, cần tiếp tục đấu tranh mạnh mẽ đối với với quan điểm sai trái và mưu đồ đen tối của các thế lực thù địch lợi dụng văn hóa để chống Đảng và chế độ ta.

- Tạo ra kênh thông tin hai chiều thường xuyên hơn, chặt chẽ hơn giữa Đài Truyền hình Việt Nam với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cũng như đẩy mạnh phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí khác để đồng bộ thực hiện những chiến dịch truyền thông hiệu quả về lòng yêu nước, nghĩa đồng bào về việc tử tế, những sự kiện hay câu chuyện truyền cảm hứng mạnh mẽ.

*

* *

Văn hóa là sự tiếp biến, là dòng chảy xuyên suốt, sẽ ngấm dần vào tư tưởng, tình cảm, tư duy, suy nghĩ của mỗi người, từ đó thay đổi hành vi, lối sống, và sâu sắc hơn là văn hóa sống của mỗi người, nhất là các bạn trẻ. Bởi thế, công tác tuyên truyền về đường lối, chủ trương, chính sách về văn hóa của Đài Truyền hình Việt Nam cũng phải liên tục và ngày càng hấp dẫn, hiệu quả hơn.

Trong giai đoạn phát triển sắp tới, Đài Truyền hình Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực để làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền về văn hóa trên cả hệ thống truyền hình và không gian mạng. Đài Truyền hình Việt Nam hướng đến việc tạo ra những chiến dịch tuyên truyền hiệu quả hơn, thiết thực hơn nhằm giáo dục niềm yêu nước, niềm tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, xây dựng môi trường văn hóa, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động qua các hệ thống bản tin, chuyên mục của Đài Truyền hình Việt Nam.

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN VÀ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

Cách đây gần 80 năm, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng ra đời năm 1943 là một văn kiện lịch sử quan trọng, tạo nền tảng ban đầu cho sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa mới và được xem là cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa. Đề cương vạch rõ: văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó, người cộng sản phải hoạt động, do đó, phải làm cách mạng văn hóa và có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền mới có hiệu quả.

Kể từ đó, tư duy lý luận của Đảng về văn hóa ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh hơn. Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 7/1998) ban hành nghị quyết chuyên đề *Về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW tháng 6/2014) *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* đã thể hiện chuyển biến hết sức mạnh mẽ trong nhận thức của Đảng về tầm quan trọng của văn hóa bên cạnh kinh tế, chính trị, xã hội; văn hóa là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và khẳng định mục tiêu xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng con người có bước chuyển biến quan trọng, đó là gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước; gắn xây dựng môi trường văn hóa với xây dựng con người; bước đầu hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, dân chủ, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên.

Đại hội XIII của Đảng mới đây đã xác định các quan điểm, chủ trương mới, toàn diện và sâu sắc về phát triển văn hóa, con người Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu

xây dựng đất nước cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc. Nghị quyết Đại hội XIII xác định một trong mười hai định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Có thể nói, trải qua quá trình phát triển theo dòng chảy của thời đại và đất nước, việc khẳng định văn hóa là lĩnh vực then chốt bên cạnh kinh tế, chính trị, xã hội và con người được nhìn nhận là trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững là kết quả của tư duy lý luận và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nước ta.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người, đặc biệt với Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII *Về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* (năm 1998), từ Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ VIII (nhiệm kỳ 1997-2002) đến nay, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã phát động các phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” nhằm xây dựng người phụ nữ có tinh thần chủ động vươn lên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước cũng như phát huy vai trò người vợ, người mẹ trong gia đình. Bên cạnh đó, nhiều cuộc vận động, các chương trình trọng tâm, đề án hướng đến xây dựng người phụ nữ Việt Nam gắn với các tiêu chí về văn hóa và phù hợp với định hướng của Đảng, với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn.

Đặc biệt, Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X đã xác định nhiệm vụ quan trọng là xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những tiêu chí: có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu; đồng thời xây dựng Đề án Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2010-2015 (Đề án 343). Phấn đấu thực hiện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam chính là góp phần thực hiện chiến lược xây dựng, phát triển con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* và xây dựng người phụ nữ Việt Nam theo tiêu chí được xác định trong Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị *Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Đến nhiệm kỳ 2012-2017, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam vận động hội viên phụ nữ tích cực tham gia phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; đồng thời triển khai

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

sâu rộng hai cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và phấn đấu rèn luyện các phẩm chất đạo đức “Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang”, không những góp phần hỗ trợ xây dựng người phụ nữ phát triển về mọi mặt mà việc rèn luyện các phẩm chất đạo đức càng được chú trọng.

Nhiệm kỳ 2017-2022, dưới ánh sáng Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị Trung ương 9 khóa XI *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, một trong ba nhiệm vụ trọng tâm mà các cấp Hội đặt ra trong nhiệm kỳ là tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình hạnh phúc, qua đó đã đề ra những giải pháp cụ thể để xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện gắn với phát triển văn hóa.

1. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị *Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*; trong đó xác định xây dựng người phụ nữ Việt Nam “có lòng yêu nước; có sức khỏe; có tri thức, có kỹ năng nghề nghiệp; năng động, sáng tạo; có lối sống văn hóa và lòng nhân hậu”, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã nghiên cứu, xây dựng Đề án *Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2010-2015* được Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 343/QĐ-TTg.

Trên cơ sở phẩm chất đạo đức chuẩn mực được lựa chọn và các mô hình thí điểm của Đề án giai đoạn 2010-2015 triển khai tại một số tỉnh, đến năm 2012, Trung ương Hội phát động Cuộc vận động *Rèn luyện phẩm chất đạo đức: Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang* tại Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI (nhiệm kỳ 2012-2017). Kết quả này được xem là một thành công lớn của Đề án, góp phần xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với những phẩm chất đạo đức phù hợp.

Sau 5 năm triển khai thực hiện Đề án, các tiêu chí về phẩm chất đạo đức: Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang đã được các tầng lớp phụ nữ hưởng ứng, tạo nên sự thay đổi tích cực về các hành vi đạo đức. Từ năm 2016, Hội chỉ đạo mỗi xã/phường chọn ít nhất một hành vi đạo đức cụ thể, là vấn đề mới, khó hoặc gây bức xúc ở địa phương để tuyên truyền, giáo dục tạo sự chuyển biến rõ nét ở cán bộ, hội viên phụ nữ.

Bước sang nhiệm kỳ 2017-2022, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chỉ đạo các cấp Hội thực hiện cuộc vận động *Rèn luyện phẩm chất đạo đức: Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang* gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng thay đổi hành vi. Hằng năm mỗi cơ sở Hội lựa chọn ít nhất một hành động cụ thể quyết tâm tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ thực hiện. Các hành vi được lựa chọn để thực hiện là những vấn đề bức xúc, nổi cộm tại

địa phương như: an toàn thực phẩm; bảo vệ môi trường; phòng, chống bạo lực học đường, bạo lực gia đình; phòng ngừa xâm hại phụ nữ và trẻ em...

Để việc rèn luyện bốn phẩm chất đạo đức lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp phụ nữ, hằng năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã tổ chức triển khai học tập về các phẩm chất đạo đức với hình thức phù hợp với địa phương và đặc điểm của nhóm đối tượng hội viên, phụ nữ; lồng ghép trong các cuộc vận động, phong trào phụ nữ và những nhiệm vụ trọng tâm mà cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị đang tập trung chỉ đạo. Bên cạnh đó, hướng tới mục tiêu tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong các tầng lớp hội viên, phụ nữ và nhân dân; đưa các nội dung rèn luyện phẩm chất đạo đức trở thành công việc tự giác, thường xuyên; đã phát huy nội lực và sức sáng tạo của phụ nữ, giữ gìn và phát huy các phẩm chất đạo đức truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam; củng cố niềm tin, xây dựng nền tảng tinh thần để chống lại sự suy thoái về đạo đức, lối sống; xây dựng, củng cố tổ chức hội phụ nữ ngày càng phát triển vững mạnh, đóng góp tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; từng bước đưa phong trào đi vào chiều sâu, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

Trong quá trình triển khai, các cấp Hội đã kịp thời biểu dương và nhân rộng các mô hình hay, phong trào hoạt động tốt, gương sáng góp phần phát triển bền vững gia đình, xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới; xây dựng những nhân tố mới, điển hình mới trong các phong trào thi đua tại địa phương, nhất là những tấm gương phụ nữ *Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang*. Nhờ đó, Cuộc vận động đã có sức lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp phụ nữ¹.

Từ thực tiễn triển khai có thể khẳng định, cuộc vận động *Rèn luyện phẩm chất đạo đức Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang* đã đạt được những hiệu quả nhất định, tác động đến cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước trong việc phấn đấu, rèn luyện, giữ gìn những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam, qua đó định hướng lối

1. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Thuận năm 2019 tổ chức cuộc thi viết về giải pháp nâng cao nhận thức, chuyển biến về hành động của hội viên, phụ nữ trong cuộc vận động *Rèn luyện phẩm chất đạo đức: Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*. Kết quả có 642 bài dự thi. Thông qua cuộc thi đã phát hiện được nhiều cách làm hay, những gương điển hình trong cuộc vận động rèn luyện các phẩm chất đạo đức và các giải pháp nâng cao nhận thức, hành động của các tầng lớp phụ nữ.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Vĩnh Phúc thành lập các câu lạc bộ "*Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang*", học tập noi gương Bác, gắn với rèn luyện bốn phẩm chất đạo đức của người phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thực hiện tốt phong trào *Phụ nữ Vĩnh Phúc cử chỉ đẹp sống nhân văn*; mô hình *Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc*, mô hình *Tổ phụ nữ không có hội viên, chồng con nghiện ma túy và vi phạm pháp luật*; địa chỉ *Mái nhà hạnh phúc*...

Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội triển khai nhiều mô hình tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên phụ nữ gắn với cuộc vận động rèn luyện phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam "*Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang*", "*Phụ nữ Thủ đô ứng xử đẹp*" giai đoạn 2018-2021, với việc thực hiện hai bộ Quy tắc ứng xử của Thành phố.

sống đẹp, sống tích cực trong cán bộ, hội viên, góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển toàn diện của phụ nữ Việt Nam.

Tiếp đó, thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành Chương trình hành động số 54/CTr-BCH ngày 20/3/2015 về thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-TW. Chương trình hành động xác định rõ mục tiêu, yêu cầu của việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-TW; đồng thời nêu rõ trách nhiệm của các cấp Hội với năm nhóm nhiệm vụ và giải pháp căn bản.

Xác định xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã nghiên cứu nội hàm của nội dung “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện”, cụ thể hóa thành nội hàm về “tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện” và đưa vào là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp Hội trong nhiệm kỳ 2017-2022. Theo đó, tuyên truyền, vận động, hỗ trợ “người phụ nữ phát triển toàn diện” là vận động, hỗ trợ, tạo điều kiện để phụ nữ phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật.

Người phụ nữ phát triển toàn diện ở đây được xác định ở cả vai trò là người công dân và người phụ nữ, người mẹ trong gia đình, vì vậy nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo... không chỉ là trong lao động sản xuất mà cả trong nuôi dưỡng, giáo dục con em trong gia đình. Việc phát huy trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật phải được hiểu cả ở trong hoạt động xã hội lẫn trong mối quan hệ gia đình.

Từ Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ XII đến nay, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh các phong trào, cuộc vận động và các mô hình đa dạng ở các cấp Hội, các địa phương. Tất cả các hoạt động đều hướng tới việc xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển về mọi mặt, ngày càng khẳng định được vai trò, vị thế của người phụ nữ trong gia đình, trong cộng đồng và xã hội, hòa nhịp với sự phát triển nhanh chóng của đất nước.

Theo đó, Cuộc vận động *Rèn luyện các phẩm chất đạo đức Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang* được lồng ghép trong các Đề án: “Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027” (Đề án 938), “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” (Đề án 939). Trung ương Hội chỉ đạo “Hàng năm, mỗi cơ sở Hội lựa chọn được ít nhất một hành động cụ thể để quyết tâm tuyên truyền, giáo dục, vận động chị em và gia đình cùng thực hiện tạo chuyển biến trong rèn luyện phẩm chất đạo đức gắn với nhiệm vụ xây dựng người phụ nữ phát triển toàn diện và học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Những hoạt động trên đã tạo điều kiện để các cấp Hội tổ

chức triển khai các hoạt động rèn luyện các phẩm chất đạo đức, phát triển kinh tế, xây dựng gia đình hạnh phúc, góp phần xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện.

Bên cạnh đó, Hội Liên hiệp Phụ nữ quan tâm vận động phụ nữ tham gia tích cực hơn nữa vào công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập nhằm nâng cao tri thức, kỹ năng cho chị em. Vận động cán bộ, hội viên, phụ nữ tích cực học tập suốt đời ở mọi nơi, mọi lúc, dưới nhiều hình thức, phương thức và các phương tiện khác nhau; tham gia xây dựng “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”; tích cực tham gia, hỗ trợ công tác khuyến học và tổ chức khuyến học ở cơ sở nhằm góp phần xây dựng xã hội học tập trên địa bàn. Các cấp Hội thực hiện nhiều hình thức hỗ trợ phụ nữ học tập như tổ chức sinh hoạt Hội, xây dựng tủ sách, in ấn, phát hành tài liệu, tham quan mô hình, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu kiến thức, các hội thảo, hội nghị chuyên đề... thu hút đông đảo chị em tham gia¹.

Sáng tạo trong cách thức tuyên truyền, vận động và đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ phụ nữ học tập, một điểm mới là các cấp Hội chú trọng nghiên cứu đề xuất và thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ tiếp cận thông tin, kiến thức, nhất là đối tượng phụ nữ đặc thù. Trung ương Hội thực hiện Đề án “Cấp báo *Phụ nữ Việt Nam* miễn phí cho Hội Liên hiệp Phụ nữ xã và Chi hội phụ nữ xã đặc biệt khó khăn”; Đề án “Cấp báo *Phụ nữ Việt Nam* không thu tiền cho 59 trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng”; Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức kỹ năng hội nhập đô thị trong nữ công nhân lao động nhà trọ và khu lưu trú công nhân giai đoạn 2017-2021”; nhiều tỉnh đã xây dựng chuyên mục về bình đẳng giới bằng tiếng dân tộc.

Thực hiện chủ trương “Mỗi cơ sở Hội duy trì một hình thức văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao” do Trung ương Hội phát động; các cấp Hội khuyến khích, tạo điều kiện, chỉ đạo, triển khai thành lập nhiều loại hình câu lạc bộ thể dục - thể thao phù hợp với các độ tuổi như câu lạc bộ bóng chuyền hơi, đi bộ dưỡng sinh, thể dục buổi sáng, khiêu vũ thể thao, thể dục thẩm mỹ, cầu lông, yoga, aerobic... 100% cơ sở Hội đã lựa chọn ít nhất một loại hình thể dục, thể thao để vận động hội viên, phụ nữ tham gia. Qua đó, chị em đã tự lựa chọn cho mình một bộ môn yêu thích để rèn luyện sức khỏe thể chất.

1. Đã có 11.621 cơ sở Hội xây dựng tủ sách từ việc thu thập sách trong hội viên, phụ nữ và cộng đồng; đồng thời phát triển phong trào đọc sách rộng rãi, góp phần không nhỏ đến việc cung cấp và cập nhật thông tin, kiến thức cho hội viên, phụ nữ. Trong năm năm từ 2015 đến 2020, Trung ương Hội đã cấp phát miễn phí 1.280.065 tờ báo; biên soạn và phát hành 6.200 cuốn *Sổ tay hỏi đáp* dành cho cán bộ Hội cơ sở và 32.000 tờ rơi tuyên truyền về phụ nữ cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới; 99.000 cuốn sách lật, 32.000 cuốn tài liệu phổ biến mô hình hiệu quả, cách làm hay về thực hiện xây dựng nông thôn mới; 3.450 poster hướng dẫn xử lý nước và vệ sinh môi trường sau bão, lũ, lụt; 1.300 bộ tranh về phân loại rác thải; 600 sách lật, 600 sổ tay về công tác bảo vệ môi trường...

2. Thực hiện xây dựng đời sống văn hóa trong gia đình, cộng đồng và xã hội

Để góp phần xây dựng đời sống văn hóa, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ chú trọng hoạt động giáo dục truyền thống gia đình; xây dựng nếp sống văn hóa trong cộng đồng, góp phần gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, triển khai các phong trào văn hóa, văn nghệ và thể hiện sự đóng góp của phụ nữ với đất nước qua việc tôn vinh nhiều tấm gương phụ nữ trên các lĩnh vực.

- Các cấp Hội đẩy mạnh hoạt động giáo dục truyền thống gia đình:

Xác định giáo dục truyền thống gia đình là quan trọng nhất trong xây dựng môi trường văn hóa trong cộng đồng vì đây là nơi hình thành nhân cách đầu tiên của con người, trong những năm qua, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ và các thành viên trong gia đình gìn giữ và phát huy các giá trị của gia đình, giá trị văn hóa truyền thống; chú trọng xây dựng gia đình văn hóa, làng, ấp, khu phố văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh; phát huy vai trò làm gương của ông bà, cha mẹ trong giáo dục văn hóa cho con cái, qua đó góp phần xây dựng gia đình văn hóa, ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Bên cạnh đó, phong trào *Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch* với các mục tiêu cụ thể: “Không đói nghèo; Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; Không có bạo lực gia đình; Không sinh con thứ ba trở lên; Không có trẻ em suy dinh dưỡng và trẻ em bỏ học; Sạch nhà; Sạch bếp; Sạch ngõ” đã đem đến những kết quả tích cực, góp phần xây dựng nông thôn mới, xây dựng môi trường sống lành mạnh từ gia đình đến làng xã, cộng đồng.

100% các tỉnh/thành xây dựng, duy trì, nhân rộng các mô hình hỗ trợ xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc hiệu quả¹. Bên cạnh đó, mô hình giáo dục kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ được triển khai, nhân rộng, thu hút sự tham gia của các ông bố, bà mẹ có con dưới 16 tuổi. Tiêu biểu là các câu lạc bộ: “Cha mẹ nuôi dạy con tốt”, “Người mẹ mẫu mực, bàn tay yêu thương của cha”, “Nhóm cha mẹ có con từ 0-8 tuổi”, “Ông bố có con tuổi vị thành niên”,... Thông qua hoạt động của các mô hình đã góp phần tăng tỷ lệ hộ gia đình đạt gia đình văn hóa hằng năm; gần 11 triệu gia đình hội viên đạt *gia đình 5 không, 3 sạch*, góp phần ngăn ngừa và giảm tình trạng bạo lực gia đình, xây dựng cộng đồng văn hóa, bình yên, hạnh phúc.

Mặt khác, các cấp Hội còn phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và phát huy các mô hình gia đình, dòng họ, cụm dân cư, các mô hình quản lý trẻ em lang thang cơ nhỡ; xây dựng “Gia đình không có bạo lực, con em, người thân phạm tội và mắc các tệ nạn xã hội”; mô hình “Dòng họ, giáo họ an ninh - văn hóa”, “Tổ liên

1. Tiêu biểu là 18.239 câu lạc bộ *Xây dựng gia đình hạnh phúc* với 623.259 thành viên, 18.602 mô hình câu lạc bộ *Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch* với 492.678 thành viên là mô hình phổ biến nhất ở các địa phương, có ý nghĩa tích cực, là cầu nối truyền tải thông tin, giao lưu, chia sẻ vấn đề về giao tiếp ứng xử, giáo dục đời sống gia đình, kỹ năng tổ chức cuộc sống, kỹ năng làm cha mẹ, nuôi dạy, giáo dục con và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình...

gia tự quản”, “Tổ hòa giải”, “Trường học an toàn - Thân thiện” ...; vận động gia đình chị em hội viên thực hiện bốn không với ma túy (không sử dụng, không sản xuất, không buôn bán, không vận chuyển), phối hợp xây dựng xã, phường, thị trấn không có ma túy và tệ nạn xã hội, góp phần giáo dục đạo đức, lối sống trong xây dựng môi trường văn hóa.

- Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ xây dựng, thực hiện nếp sống văn hóa trong cộng đồng:

Hội phụ nữ các cấp thường xuyên tuyên truyền hội viên, phụ nữ tham gia giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, nghệ thuật dân tộc, bảo vệ các di tích lịch sử, giá trị văn hóa truyền thống, thực hiện các hương ước, quy ước của làng xã; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống tại địa phương, kiên quyết đấu tranh chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa xấu, độc hại, ngoại lai... góp phần làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Các mô hình câu lạc bộ “Phụ nữ với văn hóa du lịch” (tỉnh Ninh Bình), mô hình “Phụ nữ với văn hóa du lịch, dịch vụ” (tỉnh Đồng Tháp), mô hình “Du lịch cộng đồng” (tỉnh Lào Cai) tạo sự chuyển biến trong giữ gìn môi trường, bảo vệ cảnh quan du lịch, góp phần bảo tồn và xây dựng hình ảnh các khu, điểm du lịch ngày càng thân thiện và văn minh.

Bên cạnh đó, đã tích cực tuyên truyền hội viên thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Nhiều cơ sở Hội đã thành lập được Tổ phụ nữ giúp việc hiếu, hỷ. Việc cưới, việc tang đã được thực hiện gọn nhẹ hơn, giảm những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng địa phương được phát huy; đã có những gia đình, dòng họ ở một số địa phương thực hiện hỏa táng cho người chết, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, xã hội văn minh góp phần thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Thực hiện tiêu chí “Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội” của cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, các cấp Hội tiếp tục thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/TW giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Bộ Công an về “Quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội”; tổ chức tuyên truyền, vận động, hỗ trợ cán bộ, hội viên, phụ nữ nâng cao nhận thức pháp luật phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; tổ chức các sự kiện truyền thông về bảo vệ an toàn cho phụ nữ và trẻ em, quan tâm đến đối tượng là phụ nữ, trẻ em vùng dân tộc thiểu số.

Trong công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, hành vi tiêu cực ảnh hưởng xấu đến nền văn hóa, làm tha hóa con người, các cấp Hội đã thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội về các hoạt động: văn hóa, trò chơi điện tử, kinh doanh băng đĩa hình... ở địa bàn dân cư, kịp thời góp ý với chính quyền địa phương chấn chỉnh, ngăn ngừa các sản phẩm văn hóa độc hại ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư; góp phần cùng với các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm xây dựng

môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh cho hội viên, phụ nữ, không để các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào nhà trường, cộng đồng xã hội, đặc biệt là xâm nhập vào thế hệ trẻ.

- Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ và góp phần gìn giữ, phát huy giá trị của Áo dài - Di sản văn hóa Việt Nam:

Việc duy trì hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao được các cấp Hội quan tâm tổ chức. Hầu hết các cơ sở Hội đều có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ thu hút đông đảo phụ nữ tham gia, góp phần gìn giữ, truyền bá các giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, nâng cao đời sống tinh thần của cán bộ, hội viên, phụ nữ ở cơ sở; đóng góp tích cực vào phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở các địa phương.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Hội “mỗi cơ sở Hội duy trì một hình thức văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao”, các cấp Hội đã vận động hội viên, phụ nữ tham gia thông qua việc thành lập, duy trì và nhân rộng các mô hình, loại hình câu lạc bộ, tổ nhóm văn hóa văn nghệ, sinh hoạt định kỳ hằng ngày, hằng tuần, tháng, quý (theo từng loại hình), đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tầng lớp phụ nữ tham gia; góp phần nâng cao hiệu quả việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cũng như đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa cho cán bộ, hội viên, phụ nữ. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ đã tạo sân chơi, cơ hội cho hội viên, phụ nữ giao lưu, học hỏi lẫn nhau, đồng thời cũng chính là góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc của từng vùng, miền trong cả nước¹.

Nắm bắt xu hướng phát triển phong trào dân vũ trong hội viên, phụ nữ, Trung ương Hội đã tiến hành Đề tài “Nghiên cứu đề xuất xây dựng và phát triển phong trào dân vũ trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam”. Từ đó, nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các giải pháp cụ thể, định hướng phát triển phong trào dân vũ trong hệ thống Hội thời gian tới nhằm góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, rèn luyện sức khỏe và đa dạng hóa hình thức tập hợp, thu hút hội viên, phụ nữ. Ngoài ra, Trung ương Hội đã nghiên cứu xây dựng clip mẫu các bài nhảy dân vũ nhằm định hướng phát triển trong hệ thống Hội thời gian tới.

Đặc biệt, để tôn vinh nét đẹp, giá trị của áo dài trong đời sống xã hội, khơi dậy niềm tự hào, trách nhiệm gìn giữ và phát huy di sản văn hóa Việt Nam, từ năm 2020, Hội tổ chức chuỗi sự kiện “Áo dài - Di sản văn hóa Việt Nam” với nhiều hoạt động: Tuần lễ áo dài nhân dịp kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; triển khai tổ chức và trao giải “Cuộc vận động thiết kế áo dài Việt”; tổ chức trình diễn áo dài tại Văn Miếu; tổ chức Triển lãm áo dài, Hội thảo “Áo Dài - Di sản văn hóa Việt Nam”; hướng dẫn Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành làm việc với các nhà thiết kế áo dài địa phương vận

1. Các mô hình văn hóa, văn nghệ tiêu biểu ở các địa phương như: Câu lạc bộ “Văn nghệ phụ nữ dân tộc”, “Văn nghệ truyền thống”, “Đòn ca tài tử” (tỉnh Cần Thơ), “Gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường” (tỉnh Ninh Bình), Câu lạc bộ “Phụ nữ với văn hóa công chiêng” (tỉnh Gia Lai),...

động, hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký bản quyền tác giả và đăng ký bảo hộ quyền tác giả về áo dài. Trung ương Hội tiếp nhận bản quyền tác giả đối với hình thức thể hiện trên mẫu áo dài Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam từ nhà thiết kế Minh Hạnh và tổ chức nhiều hoạt động có sự phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành địa phương, triển khai rộng rãi đến đông đảo đối tượng phụ nữ công chức viên chức, lao động nữ qua đó, đã lan tỏa và tạo hiệu ứng tích cực trong xã hội.

Hoạt động “Tuần lễ áo dài” qua hai năm tổ chức đã nhận được sự hưởng ứng sôi nổi của các tầng lớp phụ nữ trong cả nước. Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh/thành hưởng ứng “Tuần lễ áo dài” với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng như: thi ảnh “Ảnh đẹp áo dài online”, “Duyên dáng áo dài” kết hợp huy động kinh phí để hỗ trợ sinh kế cho hội viên, phụ nữ nghèo, biểu diễn trang phục áo dài, sinh hoạt chi hội, đối thoại, tọa đàm, hội thảo tìm hiểu về áo dài; vận động quyên góp ủng hộ áo dài cho học sinh và phụ nữ nghèo; phối hợp với các đài truyền hình, báo địa phương xây dựng phóng sự chuyên đề; biên soạn tờ rơi; thường xuyên đăng tải hình ảnh áo dài trên các phương tiện truyền thông của Hội và mạng xã hội nhằm quảng bá hình ảnh áo dài Việt Nam, tạo được hiệu ứng tốt trong xã hội... Các hoạt động đã tôn vinh nét đẹp, giá trị của áo dài trong đời sống xã hội, khơi dậy niềm tự hào, trách nhiệm giữ gìn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam.

- Tích cực tôn vinh những tấm gương phụ nữ trên các lĩnh vực bằng các giải thưởng danh giá, qua đó thể hiện sự đóng góp to lớn của phụ nữ trong xây dựng đất nước:

Hàng năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì xét và trao tặng Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam và Giải thưởng Kovalevskaia nhằm tôn vinh, khen thưởng, biểu dương và tuyên truyền về những tấm gương phụ nữ tiêu biểu trong học tập suốt đời, làm kinh tế giỏi, tự học thành tài, nghiên cứu khoa học, tạo sức lan tỏa và truyền cảm hứng cho các tầng lớp phụ nữ rèn luyện phấn đấu vươn lên, hăng say học tập, nghiên cứu, sáng tạo vì cộng đồng...

Qua 19 năm thành lập và phát triển, Giải thưởng phụ nữ Việt Nam đã trao tặng cho 93 tập thể và 164 cá nhân phụ nữ tiêu biểu nhất có thành tích đặc biệt xuất sắc trong gần 1.000 hồ sơ đề cử trao giải. Những thành tựu trong nghiên cứu, lao động, sáng tạo của các chị mang lại lợi ích lớn lao cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội và có ý nghĩa quan trọng góp phần vào sự phát triển và bình đẳng của phụ nữ Việt Nam.

Giải thưởng Kovalevskaia mang tên nhà nữ toán học Nga lỗi lạc thế kỷ XIX Sophia Kovalevskaia ra đời từ năm 1985. Qua 35 năm phát triển, Ủy ban Giải thưởng Kovalevskaia Việt Nam đã xét chọn và trao Giải thưởng cho 20 tập thể và 49 cá nhân nhà nữ khoa học có thành tích nghiên cứu khoa học tự nhiên xuất sắc và có ứng dụng nổi bật trong các lĩnh vực toán học, hóa học, sinh học, y tế, giáo dục, nông nghiệp... Qua đó tôn vinh, khuyến khích phụ nữ tiếp tục nỗ lực, đam mê trên con đường nghiên cứu khoa học, có được nhiều công trình nghiên cứu giá trị, ý nghĩa, đóng góp xứng đáng vào nền khoa học của nước nhà, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.

Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa, con người Việt Nam được nêu trong văn kiện Đại hội Đảng XIII, trong đó nhấn mạnh xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới, nhằm góp phần đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống, trong năm 2021, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp với Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia “Đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống - Vun đắp giá trị gia đình Việt Nam: Nhận diện và giải pháp”. Hội thảo đã trao đổi, thảo luận kết quả nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm thực tiễn về các giá trị gia đình Việt Nam; nghiên cứu, chỉ ra những giá trị gia đình cốt lõi, phù hợp với mong muốn, nguyện vọng của phụ nữ cũng như phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; đồng thời, đề xuất, triển khai trong toàn hệ thống Hội Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, góp phần vun đắp giá trị gia đình Việt Nam” và phong trào thi đua “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới” với những tiêu chí cụ thể, phù hợp: có kiến thức, có đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm với gia đình và Tổ quốc để triển khai trong nhiệm kỳ tới.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai công tác văn hóa của Đảng thời gian qua, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam gặp một số hạn chế, khó khăn:

- Định kiến giới là một trong những khó khăn trong triển khai xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện. Những định kiến về giá trị, cách suy nghĩ truyền thống của xã hội; về vai trò và công việc được coi là “phù hợp” với nam giới và phụ nữ gây cản trở đến tiềm năng và cơ hội phát triển của phụ nữ, khiến nhiều phụ nữ bị hạn chế trên con đường học tập, lao động, phấn đấu và vươn lên trong sự nghiệp và thụ hưởng những thành quả và giá trị trong cuộc sống.

- Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ khiến cho các hoạt động giao lưu văn hóa ngày càng được đẩy mạnh, góp phần nâng tầm vị thế, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam với bạn bè quốc tế, tuy nhiên cùng với đó, các yếu tố văn hóa ngoại lai du nhập ngày càng nhiều vào nước ta. Việc xây dựng những giá trị văn hóa hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc để định hướng cho các hoạt động văn hóa và xây dựng con người trong thời gian tới là điều hết sức cần thiết.

- Hiện nay, chưa có hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị chuẩn mực con người, hệ giá trị gia đình Việt Nam để làm nền tảng định hướng cho việc xây dựng người phụ nữ trong thời kỳ mới.

- Tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trước sự bùng nổ thông tin bởi công nghệ hiện đại, giao lưu văn hóa diễn ra nhanh và mạnh trong khi những người hiểu rõ và lưu giữ các vốn văn hóa cổ truyền ngày càng ít, khiến văn hóa truyền thống của các dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Trong khi đó, phụ nữ là lực lượng quan trọng để bảo tồn, phát huy và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống nhưng chưa có chương trình, đề án đặc thù để hỗ trợ họ trong lĩnh vực văn hóa.

- Công tác văn hóa ở một số địa phương chưa thường xuyên, chưa tạo được sức lan tỏa trong cộng đồng. Bên cạnh đó, hoạt động tuyên truyền về văn hóa trên các phương tiện thông tin đại chúng tuy được duy trì nhưng phần lớn mới chỉ tập trung vào các dịp, sự kiện của Hội, của đất nước.

- Công tác tuyên truyền ở một số cơ sở chưa được thường xuyên, liên tục, chưa tác động nhiều đến những đối tượng phụ nữ ít có cơ hội tiếp cận thông tin nên chưa thực sự tạo được những chuyển biến rộng về phát triển văn hóa trong các tầng lớp phụ nữ.

- Đội ngũ cán bộ Hội cơ sở vùng sâu, vùng xa, biên giới còn gặp khó khăn trong việc phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ; công tác kiểm tra đôn đốc việc thực hiện đôi khi chưa được sát sao.

- Một số cuộc thi, sự kiện văn hóa, văn nghệ quan trọng chưa có điều kiện để triển khai rộng ở khắp các vùng, miền, nhất là trong bối cảnh bị giới hạn về số lượng, quy mô bởi đại dịch COVID-19.

Nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế nêu trên, đồng thời nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, thời gian tới, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng tiêu chí người phụ nữ Việt Nam thời đại mới, đưa vào nội hàm của phong trào thi đua và tổ chức thực hiện phong trào thi đua, cuộc vận động, nhiệm vụ trọng tâm nhằm hỗ trợ xây dựng người phụ nữ Việt Nam phù hợp với bối cảnh mới.

- Khơi dậy tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam. Phát huy vai trò của phụ nữ trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tuyên truyền, vận động phụ nữ nâng cao nhận thức chính trị, ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm công dân; khắc phục các biểu hiện an phận, thực dụng, suy thoái đạo đức, lối sống... của một bộ phận phụ nữ.

- Khuyến khích các tầng lớp phụ nữ chủ động học tập, nâng cao năng lực, trình độ mọi mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Triển khai các chương trình hỗ trợ phụ nữ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số.

- Giáo dục thẩm mỹ, kỹ năng sống, rèn luyện thể chất, nâng cao đời sống tinh thần, hỗ trợ phụ nữ tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phù hợp.

- Phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ, nhất là phụ nữ lãnh đạo, quản lý, trí thức, phụ nữ tài năng trên các lĩnh vực. Kết nối, thúc đẩy hiện thực hóa các ý tưởng sáng tạo của phụ nữ; phát hiện, bồi dưỡng, tôn vinh tài năng nữ thông qua Giải thưởng Kovalevskaia, Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam.

- Tham gia giám sát phản biện xã hội, đề xuất những chính sách liên quan đến việc xây dựng, phát triển văn hóa và xây dựng người phụ nữ phát triển toàn diện.

3. Một số kiến nghị, đề xuất

- Sớm nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới và xây dựng tài liệu tuyên truyền, tài liệu giáo dục kỹ năng về các nội dung này.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa và gia đình.

- Tạo điều kiện, tăng cường các hoạt động tập huấn, truyền thông về giáo dục truyền thống đạo đức gia đình; các kiến thức về chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, quyền và nghĩa vụ của các thành viên gia đình nhằm thay đổi nhận thức, hành vi về bạo lực gia đình, góp phần tiến tới xóa bỏ bạo lực gia đình và nâng cao nhận thức về truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM VỚI PHONG TRÀO XÂY DỰNG GIA ĐÌNH NÔNG DÂN VĂN HÓA, GÓP PHẦN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, các cấp Hội Nông dân Việt Nam đã vận động cán bộ, hội viên, nông dân triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng gia đình nông dân văn hóa cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Phong trào đã từng bước đưa văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào mỗi người dân, gia đình, từng tập thể, cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt, quan hệ con người và đã góp phần tích cực thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

1. Kết quả đã đạt được

Thực hiện phong trào xây dựng gia đình nông dân văn hóa, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã chỉ đạo các cấp Hội chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc các cấp để triển khai. Công tác tuyên truyền, phổ biến được các cấp Hội thực hiện thường xuyên, nghiêm túc thông qua các hội nghị cán bộ chủ chốt, hội nghị Ban Chấp hành và các hội nghị giao ban thường kỳ cũng như thông tin qua phát hành tài liệu nội bộ, báo, tạp chí, website... Đây được coi là một trong những khâu quan trọng bởi phần đông đối tượng nông dân còn nghèo cả về đời sống vật chất và đời sống văn hóa. Hội Nông dân các cấp luôn ý thức được thực tế đó nên đã và đang coi trọng và tăng cường vận động, hướng dẫn, giúp đỡ nông dân nhằm nâng cao nhận thức và thấy được trách nhiệm, nghĩa vụ của nông dân là chủ thể trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, trong gìn giữ, bảo tồn bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của địa phương, đất nước. Qua đó phát huy hiệu quả vai trò của các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong quá trình vận động cán bộ, hội viên, nông dân thực hiện có hiệu quả.

- Về xây dựng gia đình nông dân văn hóa

Hàng năm, các cấp Hội đã tuyên truyền vận động được trên 10 triệu lượt hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, tích cực tham gia xây dựng làng, xã, thôn, ấp, bản văn hóa, thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan; thay đổi những hủ tục, tập quán sinh hoạt lạc hậu, thực hiện ăn, ở hợp vệ sinh, phòng, chống dịch bệnh, tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện sản xuất sạch và an toàn.

Trong xây dựng nông thôn mới, bên cạnh việc phát huy quyền làm chủ của nông dân, chú trọng phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng... thì việc thực hiện các tiêu chí về văn hóa giữ vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao đời sống tinh thần của người dân, bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc (tiêu chí số 6 về văn hóa và tiêu chí số 16 về cơ sở vật chất văn hóa); Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” xác định rõ: xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Công tác tuyên truyền vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổ động trực quan được chú trọng, nội dung, hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng như: Thông qua các cuộc thi phát động sáng tác tranh cổ động với các chủ đề về tuyên truyền xây dựng đời sống văn hóa nông thôn, xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, xây dựng nông thôn mới..., các cuộc thi ảnh “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới”; bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế du lịch trong xây dựng đời sống kinh tế văn hóa nông thôn mới; xây dựng mô hình khai thác du lịch nông nghiệp, du lịch nông thôn trong Chương trình xây dựng nông thôn mới; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường tổ chức các hoạt động phục vụ sách, báo tại các điểm Bưu điện văn hóa xã thông qua các hình thức phục vụ sách, báo truyền thống; sách, báo điện tử qua mạng internet. Sản xuất và cung cấp cho các tỉnh trong cả nước Chương trình băng hình miền núi thông qua các đội chiếu bóng lưu động, nội dung chương trình có 7 chuyên mục, gồm: phim truyện, phổ biến kiến thức pháp luật, khuyến nông, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, chuyên mục thiếu nhi, chuyên mục ca múa nhạc, chuyên mục phóng sự chuyên đề, đã có nhiều chương trình, chuyên mục mang lại hiệu quả cao trong xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn như: “Dàn nhạc Ngũ âm trong đời sống Khmer Nam Bộ”; “Kỹ thuật nuôi cá lăng trong lồng bè”; “Người phụ nữ đưa thổ cẩm Mông ra thế giới” ...

Công tác tổ chức tập huấn nghiệp vụ xây dựng đời sống văn hóa nông thôn được các ngành và các địa phương triển khai, phối hợp có hiệu quả, hằng năm đã xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo thông qua đó góp phần nâng cao kỹ năng xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn cho các cán bộ, hội viên, nông dân như: tổ chức các lớp tập huấn dành cho nông dân thể dục thể thao cấp xã theo “Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới”; tổ chức các lớp tập huấn trang bị các kỹ năng, nghiệp vụ về công tác tuyên truyền cổ động trực quan; công tác xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước; việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; công tác xây dựng làng văn hóa, thôn văn hóa, tổ dân phố văn hóa, xây dựng gia đình văn hóa, nghiệp vụ về quản lý thiết chế văn hóa cấp huyện, xã, thôn; tổ chức các hội nghị, hội thảo về phát triển du lịch.

Nhằm xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho nông dân ở các vùng nông thôn nói chung và khu vực đồng bào dân tộc miền núi nói riêng, thông qua chương trình phối hợp giữa Trung ương Hội Nông dân Việt Nam với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong những năm qua việc tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ, đại hội thể dục thể thao được quan tâm, chỉ đạo và tổ chức triển khai theo đúng kế hoạch đề ra.

Thực hiện Chương trình phối hợp giai đoạn 2015-2020, đến nay, đã có 11.114.162 xã, phường, thị trấn tổ chức Đại hội thể dục thể thao cấp xã, có 710/713 quận, huyện, thị xã, thành phố tổ chức Đại hội cấp huyện và 63/63 tỉnh, thành phố tổ chức Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh; có trên 36.000 giải thể thao ở các bộ môn được tổ chức ở cấp xã mỗi năm.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng ở cơ sở được duy trì và phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Nội dung chương trình bám sát nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Các chương trình văn nghệ, ngày hội, giao lưu văn hóa, thể thao, du lịch... được đổi mới cả về hình thức và nội dung, kết quả là đã tổ chức được 16 ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao, du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc.

Với tư cách là chủ thể của cộng đồng nông thôn, tầng lớp nông dân trong cả nước đã và đang thể hiện ngày càng tốt hơn vai trò của mình trong việc duy trì và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, nhất là trong bối cảnh kinh tế - xã hội ở nông thôn có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, kéo theo đó là những thay đổi các giá trị văn hóa, sự chuyển đổi từ văn hóa truyền thống sang văn hóa hiện đại của thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Nông dân nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc bảo lưu những giá trị quý báu của văn hóa làng xã

như ý thức trách nhiệm cao với cộng đồng; tôn trọng trật tự, kỷ cương; tinh thần tương thân tương ái, đùm bọc “tắt lửa tối đèn có nhau”... Đồng thời cũng chủ động, tích cực tiếp cận những giá trị mới đến từ bên ngoài như tinh thần thượng tôn pháp luật, thực hành tự do dân chủ, bảo đảm quyền con người, tôn trọng sự khác biệt, tinh thần khoan dung, vị tha, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội; hình thành và phát triển vốn văn hóa làng để nhanh chóng rút ngắn khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị.

Nông dân ý thức được vai trò của mình trong bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị làng nghề truyền thống như đồ gỗ mỹ nghệ, đồ gốm sứ, vẽ tranh dân gian, tạc tượng dân gian...; bảo tồn và phát huy các trò chơi dân gian truyền thống như võ vật cũng như thơ ca, văn nghệ dân gian truyền thống như: hát chèo, hát tuồng, hát quan họ, hát chầu văn, hát ví dặm, hát xoan, đờn ca tài tử, dân ca vọng cổ... Trên khắp cả nước, nông dân sôi nổi tham gia phong trào khôi phục văn hóa cổ truyền, các công trình văn hóa như đình, đền, miếu và nghi lễ văn hóa; xây dựng thiết chế hạ tầng như nhà văn hóa... Người nông dân không chỉ khôi phục các khuôn mẫu văn hóa cổ truyền mà còn sáng tạo ra những khuôn mẫu, mô hình văn hóa nông thôn mới.

Hiện nay, các hình thức văn hóa sinh hoạt cộng đồng cổ truyền như lễ hội, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng... đang được người dân nông thôn với chủ thể chính là nông dân khôi phục và trở thành một hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu trong đời sống cộng đồng nông dân. Nông dân vừa là chủ nhân của các lễ hội vừa là người tham gia lễ hội. Các lễ hội này không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần cho nông dân, mà còn góp phần quảng bá hình ảnh, hàng hóa, đặc sản của địa phương đến khách du lịch, mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người nông dân. Ngoài ra, ở nhiều vùng nông thôn, phong trào khôi phục các di tích tâm linh như đình, chùa, đền, miếu... diễn ra sôi động trong những năm gần đây. Đồng thời, những khuôn mẫu tâm linh cũng được phục hồi mạnh mẽ, chi phối hành động trong cuộc sống hằng ngày của nông dân. Một số nghiên cứu cho thấy, hầu hết nông dân đều mong muốn duy trì và phát triển các lễ hội truyền thống, bởi nó là biểu tượng cho tính cố kết cộng đồng của nông dân Việt Nam.

Việc bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống là nhu cầu tất yếu trong bối cảnh nông thôn hiện nay. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương, một số lễ hội truyền thống đang có dấu hiệu thương mại hóa, hiện đại hóa, mất đi bản sắc vốn có. Nhận thức lệch lạc của nông dân trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống dẫn đến những hành động khiến xã hội phải phàn nàn nhiều như hiện tượng giắt tiền lên tay tượng Phật, đặt tiền lẻ không chỉ ở nơi quy định mà hầu như ở bất cứ vị trí nào trên ban thờ, trên bệ tượng, chuông, khánh, dưới giếng nước... Đồ hàng mã (voi, ngựa, hình nhân thế mạng, xe cộ, nhà cửa, điện thoại...) đều làm to hơn hoặc

to bằng đồ thật; dịch vụ sắm lễ, đội lễ, khấn thuê trở nên phổ biến, tồn tại công khai và thậm chí còn trở thành một trong những dịch vụ tâm linh hút khách. Xin xăm, xóc thẻ, giải quẻ thẻ là hiện tượng không hiếm gặp ở các lễ hội. Đồng thời, quá trình đô thị hóa cùng sự bùng nổ của thông tin công nghệ hiện đại, giao lưu văn hóa diễn ra rất nhanh và mạnh khiến văn hóa truyền thống nhiều nơi, đặc biệt là ở các vùng dân tộc thiểu số đang đứng trước những thách thức lớn do chưa giải quyết thật tốt mối quan hệ giữa giữ gìn, bảo tồn nét đẹp văn hóa truyền thống với hội nhập và phát triển.

Phong trào thực hiện 6 chuẩn mực gia đình nông dân văn hóa đã và đang là động lực thúc đẩy phong trào xây dựng Gia đình văn hóa trong cả nước. Các cấp Hội đã bám sát tiêu chuẩn gia đình văn hóa để tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo sự chuyển biến sâu rộng về nhận thức trong cán bộ, hội viên, nông dân đối với vai trò, vị trí của xây dựng gia đình nông dân no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Tính đến nay, trên cả nước đã có khoảng 6-7 triệu gia đình nông dân đạt danh hiệu Gia đình văn hóa.

Trong việc thực hiện phong trào xây dựng gia đình nông dân văn hóa, các cấp Hội Nông dân đã làm chuyển biến nhận thức, thay đổi nếp sinh hoạt, nếp sống của hội viên, nông dân theo hướng văn minh, hiện đại, coi trọng giá trị lao động, tích cực học tập, nâng cao năng lực, trình độ sản xuất, phát huy, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, xây dựng các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thực hiện dân chủ trong gia đình và xã hội, thi đua làm giàu tri thức, kinh tế để mua sắm tiện nghi, xây dựng nhà ở, góp phần xây dựng nông thôn mới ngày càng văn minh, giàu đẹp; đã góp phần khơi dậy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của hội viên, nông dân; duy trì và phát huy những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc, tinh thần tương thân, tương ái, tình làng, nghĩa xóm, đùm bọc nhau trong sản xuất và đời sống...

Với chủ đề “Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa gia đình Việt Nam”, các cấp Hội đang là lực lượng nòng cốt triển khai các hoạt động thuộc Đề án Giáo dục đạo đức, lối sống gia đình, xây dựng gia đình nông dân văn hóa. Các cấp Hội đã chủ động phối hợp với các ban, ngành đoàn thể, các cấp ủy, chính quyền địa phương để thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả nhiều loại mô hình gia đình nông dân văn hóa, như câu lạc bộ nam nông dân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình, câu lạc bộ gia đình nông dân phát triển bền vững, nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, tổ hòa giải tại các thôn, xóm,... Hoạt động của các mô hình trên đã góp phần quan trọng trong tuyên truyền, giáo dục, nâng cao đạo đức, lối sống trong gia đình nông dân, nông thôn.

Trong công tác gia đình, các cấp Hội đã tích cực đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới. Theo đó, 100% gia

đình cán bộ, hội viên, nông dân được tuyên truyền về Luật phòng, chống bạo lực gia đình và 100% gia đình cán bộ, hội viên, nông dân cam kết không để xảy ra hiện tượng bạo lực gia đình; nỗ lực xây dựng gia đình đạt tiêu chí: ít con, no ấm, bình đẳng tiến bộ, hạnh phúc, đồng thời giúp đỡ các xã xây dựng nông thôn mới phát triển thêm các câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình; 100% các tỉnh, thành phố triển khai Đề án tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam ở các xã xây dựng nông thôn mới, xây dựng hàng trăm mô hình địa chỉ tin cậy tại cộng đồng trên địa bàn, thành lập hàng nghìn câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình với hàng trăm nghìn hội viên. Phần lớn các câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình đã xây dựng kế hoạch hành động, ban hành quy chế hoạt động, tổ chức ra mắt và sinh hoạt định kỳ 3 tháng/lần; hằng năm tiến hành sơ kết, tổng kết. Thông qua hoạt động của các mô hình địa chỉ tin cậy, các câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình đã tích cực góp phần làm giảm nhẹ các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, hạn chế nhiều vụ bạo lực xảy ra.

Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững của Hội Nông dân đã và đang phát huy tích cực tại các làng quê. Đến nay, có khoảng 3,6 triệu hộ gia đình nông thôn đạt tiêu chuẩn với phương châm mỗi hộ sản xuất kinh doanh giỏi giúp 2-5 hộ nông dân nghèo vươn lên làm giàu, thoát nghèo và hộ khó khăn ít giúp hộ khó khăn nhiều. Hội viên, nông dân các tỉnh, thành phố đã giúp nhau hàng trăm tỷ đồng, hàng triệu ngày công và hàng triệu con giống. Thực hiện chủ trương xóa nhà tạm, nhà dột nát cho các hộ nghèo, hộ chính sách, cán bộ, hội viên, nông dân cả nước đã ủng hộ số tiền lên tới hàng chục tỷ đồng và hàng vạn ngày công.

- Về vận động hội viên, nông dân tham gia tổ nhân dân tự quản

Các tỉnh, thành Hội vùng biên giới, hải đảo đã duy trì, phát triển các phong trào tham gia bảo vệ đường biên giới, mốc biên giới, bảo vệ chủ quyền biển đảo và tham gia lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng “Điểm sáng vùng biên”, chống di cư trái phép, buôn bán người qua biên giới; chủ động phòng ngừa, phát hiện và tố giác tội phạm, giáo dục, cảm hóa giúp đỡ người phạm tội cải tạo tiến bộ tại gia đình, cộng đồng dân cư; hòa giải các mâu thuẫn tranh chấp trong nội bộ nông dân.

Các phong trào do Hội Nông dân Việt Nam phát động có sức lan tỏa thu hút hàng triệu cán bộ, hội viên, nông dân tham gia, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội và ý nghĩa nhân văn cao cả. Điển hình như:

+ Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững hằng năm, có trên 4,2 triệu hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp; giúp hơn 30 nghìn hộ nông dân thoát được nghèo, trên 200.000 hộ nghèo cải thiện điều kiện nhà ở; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội giúp hơn 2 triệu hộ vay trên 42.000 tỷ đồng; phối hợp với các Ngân hàng Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn giúp hội viên, nông dân vay gần 20.000 tỷ đồng thông qua tổ liên kết do Hội quản lý; Xây dựng Quỹ Hỗ trợ nông dân ở các cấp đạt 1.700 tỷ đồng, luân chuyển giúp cho trên 111.000 hộ vay với gần 9.000 nhóm hộ thực hiện dự án. Đây là nguồn lực quan trọng để Hội hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững.

+ Các cấp Hội đã phối hợp với các doanh nghiệp cung ứng hàng trăm nghìn tấn phân bón các loại và nhiều máy nông nghiệp cho nông dân theo phương thức trả chậm; đã phối hợp tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm được cho hơn 6 triệu lượt hội viên, nông dân; trực tiếp và phối hợp dạy nghề ngắn hạn, phối hợp đào tạo cho hơn 1 triệu lượt hội viên, nông dân, bồi dưỡng kiến thức về kinh tế tập thể cho hơn 5.000 cán bộ hợp tác xã và tổ hợp tác; hỗ trợ xây dựng mới 2.807 mô hình kinh tế tập thể.

+ Phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới và hưởng ứng Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, nông dân cả nước đã đóng góp trên 6 triệu ngày công, 549,8 tỷ đồng, hiến 778.800 m² đất, sửa chữa và làm mới trên 158.000km đường giao thông nông thôn, nạo vét, tu sửa trên 134.000km kênh mương nội đồng, xóa 3.573 nhà tạm, tự nguyện hiến đất để làm đường giao thông nông thôn. Các cấp Hội đã tổ chức được trên 42.000 buổi tuyên truyền, 27 hội thi, hội thảo, tọa đàm đối thoại chính sách về dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh thực phẩm cho trên 2 triệu lượt cán bộ, hội viên, nông dân.

Thông qua các phong trào, nhiều khu dân cư ở nông thôn đã tăng cường đoàn kết, tinh thần tự quản để thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy nội lực, tương thân tương ái, hỗ trợ giúp nhau phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí; thực hiện nếp sống văn hóa mới, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ đồng bào ở vùng bị thiên tai; xây dựng nông thôn mới ngày càng khang trang sạch, đẹp, điều kiện ăn ở, vệ sinh môi trường, đi lại, học hành, khám, chữa bệnh ở nông thôn từng bước được cải thiện; đời sống vật chất, tinh thần của nông dân được nâng lên rõ rệt. Năm năm qua, Hội Nông dân các cấp đã vận động nông dân tham gia xây mới 46.714 căn nhà tình nghĩa, tặng 10.306 sổ tiết kiệm trị giá 54,9 tỷ đồng, nhận phụng dưỡng 818 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, tặng hàng chục nghìn suất quà cho gia đình chính sách, hội viên có hoàn cảnh khó khăn.

2. Những hạn chế, tồn tại

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác vận động cán bộ, hội viên, nông dân thực hiện phong trào xây dựng Gia đình nông dân văn hóa, góp phần xây dựng nông thôn mới cũng còn một số hạn chế như: công tác tham mưu cho cấp

ủy, chính quyền ở một số cơ sở chưa rõ nét, thiếu kịp thời. Một số nơi hoạt động còn có biểu hiện hình thức, chạy đua theo thành tích, nên chất lượng chưa cao và thiếu tính bền vững; có nơi còn có hội viên nông dân sinh con thứ 3 trở lên, tư tưởng, đạo đức, lối sống mai một, tệ nạn xã hội có chiều hướng diễn biến phức tạp; kinh phí đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao ở một số địa phương chưa đồng bộ, như đã có Nhà văn hóa, nhưng trang thiết bị và phương tiện phục vụ cho hoạt động còn thiếu, việc tổ chức hoạt động chưa thường xuyên.

3. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Hội Nông dân Việt Nam trong thời gian tới

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những khó khăn, Hội Nông dân Việt Nam xác định, thời gian tới cần tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tăng cường công tác tham mưu của các cấp Hội Nông dân và ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cấp, các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương đối với chương trình phối hợp xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn;

- Gắn kết chặt chẽ các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với nhiệm vụ chính trị của tổ chức Hội Nông dân trong phong trào xây dựng Gia đình nông dân văn hóa, góp phần xây dựng nông thôn mới;

- Đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, các chương trình được triển khai trong thời gian qua, đặc biệt là Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình phối hợp giữa Trung ương Hội Nông dân Việt Nam với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, gia đình, thể dục thể thao và du lịch.

- Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa trong cộng đồng dân cư, thông qua các hoạt động này, hướng con người đến vui chơi, giải trí lành mạnh, nâng cao tầm vóc, sức khỏe, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của nông dân phong phú, đa dạng, từ đó thôi thúc con người tiếp tục sáng tạo các giá trị văn hóa mới.

- Tiếp tục đổi mới, tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm, gương mẫu, tiên phong thực hiện nếp sống văn minh và thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa.

- Chỉ đạo các cơ quan Nhà nước có liên quan ở địa phương tích cực phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức xây dựng các mô hình điểm về thực hiện phong trào; hằng năm, có tổ chức sơ kết, đánh giá các mô hình, điển hình có hiệu quả để học tập, rút kinh nghiệm và nhân rộng.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn; kỹ năng tuyên truyền vận động xây dựng Gia đình văn hóa, Làng văn hóa; kỹ năng tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao... cho cán bộ Hội các cấp tham gia thực hiện Phong trào.

- Gắn thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” với thực hiện các chương trình, mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng.

- Đề nghị Nhà nước đầu tư ngân sách phát triển thiết chế văn hóa để phát huy nội lực của nông dân trong tham gia xây dựng thôn, ấp, bản, làng văn hóa, nhất là khu vực, địa bàn nông thôn ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

ĐỂ VĂN HÓA, VĂN NGHỆ “SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI”

PGS.TS. Nhạc sĩ ĐỖ HỒNG QUÂN*

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã dành cho sự nghiệp phát triển văn hóa nói chung và cho văn học, nghệ thuật nói riêng sự quan tâm mạnh mẽ, liên tục và thiết thực. Trải qua thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt là lãnh đạo các phong trào tranh đấu công khai, hợp pháp và bán hợp pháp đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ trong thời kỳ 1936-1939, Đảng ta đã từng bước nhận rõ hơn vai trò to lớn của tầng lớp văn nghệ sĩ, trí thức, nhất là nhận ra yêu cầu cấp bách của việc vận động, tổ chức, định hướng và lãnh đạo để tầng lớp tinh hoa này của dân tộc đem tài năng, trí tuệ và nhiệt tình yêu nước của mình, “*dùng bút làm đòn xoay chế độ*”, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người, giải phóng xã hội. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, tháng 2/1943, Đảng đã cho công bố bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, trong đó nêu ra ba phương hướng có tính nền tảng cho toàn bộ sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam mới, đó là: *dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa*. Đây là một mốc son lớn trong lịch sử văn hóa, văn nghệ Việt Nam. Đảng đã giương cao ngọn cờ chỉ hướng, mở rộng con đường cho hàng nghìn, hàng vạn văn nghệ sĩ cống hiến trọn vẹn tài năng và sức lực, tận hiến cho sự nghiệp cứu nước và dựng nước của dân tộc ta. Trong khói lửa của cuộc đấu tranh cách mạng và các cuộc kháng chiến oanh liệt chống giặc ngoại xâm và trong công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới, lịch sử dân tộc ta thế kỷ XX đã ghi nhận những thành tựu to lớn của nền văn hóa mới với những đóng góp to lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức Việt Nam, trong đó có hàng trăm, hàng nghìn tác phẩm thực sự trở thành những tượng đài nhân văn được ghi nhận và đánh giá cao ở trong nước và trên trường quốc tế, trở thành “giai điệu tự hào” vang vọng mãi trong tâm hồn bao thế hệ người Việt Nam yêu nước.

* Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất diễn ra ngày 24/11/1946, đúng vào lúc thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Hải Phòng, đẩy vận mệnh nước ta vào tình thế vô cùng nguy nan. Chính vào những ngày tháng rực lửa và hào hùng đó, hơn 200 đại biểu đại diện cho toàn thể giới văn nghệ sĩ, trí thức đã tụ hội ở Nhà hát Lớn Hà Nội để bàn thảo về những đường hướng cơ bản của nền văn hóa Việt Nam mới, bày tỏ những khát vọng cháy bỏng của giới văn nghệ sĩ, trí thức được đem tài năng, tâm sức cống hiến cho sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc, đặc biệt là chuẩn bị tâm thế, tinh thần cho toàn dân tộc ta bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc với ý chí “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Nền văn hóa mới của nước nhà lấy hạnh phúc của đồng bào, của dân tộc làm cơ sở”. Người chỉ ra rằng: Văn hóa có liên lạc với chính trị rất là mật thiết. Phải làm thế nào cho văn hóa thấm vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Tâm lý của ta lại còn muốn lấy tự do, độc lập làm gốc. Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Trên tinh thần đó, Người khẳng định sứ mệnh cao cả của văn hóa là: “phải soi đường cho quốc dân đi”. Người nhấn mạnh: “Tôi mong chúng ta đem văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ”¹.

Suốt 75 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức nước nhà luôn luôn ghi nhớ sâu sắc và nỗ lực hết mình thực hiện bằng được những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu: Lấy việc phụng sự quốc gia, dân tộc, nhân dân làm mục đích cao nhất, không chỉ thụ động phản ánh hiện thực cuộc sống mà phải chủ động dẫn thân vào thực tiễn cách mạng để cổ vũ, khuyến khích và bảo vệ những cái tốt, chân, thiện, mỹ; để phê bình, đả phá những thói hư tật xấu, những tệ nạn, tội phạm và các xu hướng lối sống tiêu cực, tất cả nhằm hướng tới việc vun bồi nguyên khí quốc gia, khơi dậy khát vọng của dân tộc, củng cố niềm tin, bồi bổ tinh thần yêu nước, nhân ái, độc lập, tự chủ, tự cường của quốc dân.

Đường lối đổi mới của Đảng được chính thức công bố tại Đại hội VI (1986) đã thổi một luồng sinh khí mới vào đời sống dân tộc và khơi lên nguồn xung lực sáng tạo mới của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức. Ngay trong thời kỳ đầu đổi mới, giữa lúc đời sống còn đang gặp muôn vàn khó khăn, hàng loạt tác phẩm văn học, nghệ thuật đặc biệt xuất sắc đã ra đời, vừa như tiếng kèn xung trận, vừa như ngọn đuốc sáng tạo, góp phần cổ vũ và soi đường cho quốc dân ta đấu tranh không khoan nhượng với những mặt trái của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, với tư duy và quán tính văn hóa của một thời kỳ giáo điều, bảo thủ, cổ vũ cho những nỗ lực, những tìm tòi đổi mới, đưa đất nước từng bước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội.

1. Báo *Cứu quốc*, số 416, ngày 25/11/1946.

Càng bước tới trên con đường đổi mới và hội nhập quốc tế, nhất là trong bối cảnh của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nền văn hóa, văn nghệ của chúng ta vừa có thêm những cơ hội mới nhưng cũng phải đương đầu với nhiều thách thức mới, trong đó, gian nan nhất chính là cuộc lộn xáo, tự đổi mới bản thân mình để vươn lên xứng tầm với dân tộc và thời đại mà không bị lạc đường, chệch hướng, không tự bán mình cho muôn thứ cám dỗ của cơ chế thị trường. Nhìn lại chặng đường đổi mới 35 năm qua ở Việt Nam và bối cảnh thế giới để nhận ra và thấu hiểu một sự thật, rằng đổi mới chính là con đường tất yếu dẫn tới tự do, công bằng, văn minh, hòa bình, phát triển bền vững và thịnh vượng, do đó chưa bao giờ đó là con đường trải đầy hoa hồng, mà trái lại, đó là những bước đi, những dặm đường đầy chông gai, thử thách cam go, khốc liệt. Nếu không vững niềm tin, không vững tay chèo lái, không thấu hiểu những giá trị nhân văn cao quý thì không những chỉ mỗi người đều có thể tự đánh mất mình, mà đến cả quốc gia, dân tộc và những chế độ chính trị vốn được kiến tạo bằng mồ hôi, nước mắt và xương máu của hàng chục triệu người cũng nhanh chóng bị sụp đổ, bị đánh tráo và nhục mạ. Sự sụp đổ của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu là một bài học lịch sử mà toàn nhân loại không bao giờ được phép xem nhẹ và lãng quên.

Trong bối cảnh đó, sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước ta đã phải đương đầu với những khó khăn vô cùng to lớn và phức tạp. Nhờ vào bản lĩnh lãnh đạo của Đảng với đường lối chính trị đúng đắn và những chính sách, giải pháp sáng tạo, phù hợp, nhờ vào sự chung sức đồng lòng, nỗ lực của toàn dân mà con thuyền cách mạng Việt Nam đã vượt qua mọi ghềnh thác hiểm nguy. Sự nghiệp đổi mới của Đảng và nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, nhờ đó mà *“đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”*¹.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, nền văn hóa Việt Nam nói chung và nền văn học, nghệ thuật Việt Nam nói riêng cũng đã có những bước chuyển mình sâu sắc, mạnh mẽ và khá toàn diện, với những bước thăng trầm đáng ghi nhớ và suy ngẫm. Sau khoảng thời gian đầu khởi sắc với những thành tựu bước đầu đáng ghi nhận, nền văn học, nghệ thuật nước nhà từng bước chuyển sang giai đoạn khá trầm lắng. Tuy ở mỗi lĩnh vực, đội ngũ văn nghệ sĩ đều có cố gắng, có những thành tựu và đóng góp đáng ghi nhận, nhưng với tất cả tinh thần cầu thị và trách nhiệm nghề nghiệp, chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận sự thật là những thành tựu văn học, nghệ thuật mà chúng ta đã đạt được trong 35 năm qua chưa tương xứng với sự nghiệp đổi mới của đất nước và không xứng tầm với sứ mệnh *“soi đường cho quốc dân đi”* như Bác

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.25.

Hồ kính yêu từng gửi gắm và giao phó. Có thể nhận thấy rõ hơn tình hình trên qua những biểu hiện cụ thể sau đây:

Một là, nền văn học, nghệ thuật chưa phản ánh được thật sinh động và đầy đủ thực tiễn công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước. Trong hầu hết các lĩnh vực không có hoặc chỉ có rất ít các công trình và tác phẩm đỉnh cao, xứng tầm với đòi hỏi của dân tộc và thời đại;

Hai là, nền văn học, nghệ thuật của ta chưa hoàn thành được sứ mệnh cao cả là làm ngọn đuốc nhân văn, ngọn đuốc trí tuệ và văn hóa soi lối, dẫn đường cho cộng đồng xã hội trong việc kiến tạo những giá trị và lối sống lành mạnh, tiến bộ. Trong khi những cái đẹp, cái tốt, những cái chân, thiện, mỹ chưa được cổ vũ, chưa được tiếp sức đủ mạnh mẽ, đủ thường xuyên, liên tục thì lại có không ít trường hợp lạc hướng, trực tiếp hay gián tiếp sa vào việc tuyên truyền cho cái xấu, cái lệch chuẩn, cái lạc hậu;

Ba là, nền văn học, nghệ thuật nước nhà đã tỏ ra bỡ ngỡ, lúng túng và bị động trong quá trình hội nhập quốc tế, chưa chủ động tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu có thêm đời sống văn hóa của nhân dân, tăng cường “kháng thể văn hóa” của dân tộc, khiến cho việc tiếp thu ảnh hưởng văn hóa bên ngoài bị sa vào xô bồ, nhất là trong các lĩnh vực giải trí, âm nhạc, điện ảnh, báo chí, mạng xã hội, v.v. khiến cho môi trường văn hóa, nghệ thuật nước nhà bị xâm thực khá nghiêm trọng. Trong khi đó, chúng ta lại chưa có những giải pháp đủ mạnh và hiệu quả để quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam trên trường quốc tế, để văn hóa góp phần tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ba quá trình trên đã đồng thời tác động trong một thời gian khá dài, khiến cho diện mạo chung của đời sống văn hóa, nhất là văn học, nghệ thuật trở nên sa sút, nghèo nàn, thậm chí biến dạng, với nhiều biểu hiện đáng lo ngại.

Đứng trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã dành cho sự nghiệp văn hóa nói chung, văn học, nghệ thuật nói riêng, sự quan tâm mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, ngày 16/7/1998 đã ban hành nghị quyết chuyên đề đầu tiên “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, đây có thể coi là cương lĩnh văn hóa mới của Đảng, mở đường cho sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Tiếp đó, Bộ Chính trị đã ban hành nghị Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, đây là nghị quyết chuyên đề, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Đảng đối với việc định hướng, chỉ đường, để văn học, nghệ thuật nước nhà tháo gỡ khó khăn, thoát khỏi tình trạng lúng túng, sa sút, vươn lên xứng tầm với nhiệm vụ. Nghị quyết nêu rõ: “Tập trung mọi nguồn lực xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu

ngày càng cao và đa dạng về chân, thiện, mỹ của các tầng lớp nhân dân; phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹.

Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước tiếp tục được khẳng định mạnh mẽ trong Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014, được thông qua tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI của Đảng. Giờ đây, sự nghiệp phát triển văn hóa gắn chặt với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam và với sự phát triển bền vững của đất nước. Nghị quyết xác định rõ mục tiêu: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”². Trong đó, “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”³.

Để đưa tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 33-NQ/TW vào cuộc sống, ngày 8/9/2016, Chính phủ đã phê duyệt *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Mục tiêu của Chiến lược là: Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trở thành những ngành kinh tế dịch vụ quan trọng, phát triển rõ rệt về chất lượng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm thông qua việc sản xuất ngày càng nhiều các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đa dạng, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa của người dân trong nước và xuất khẩu; góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam; xác lập được các thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa; ưu tiên phát triển những ngành có nhiều lợi thế, tiềm năng của Việt Nam⁴.

Như vậy, có thể thấy rất rõ rằng trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã luôn dành cho sự nghiệp phát triển văn hóa nói chung, văn học, nghệ thuật nói riêng sự quan tâm mạnh mẽ và những kỳ vọng lớn lao. Đường lối của Đảng và chiến lược của Nhà nước là đúng đắn, đầy đủ, tuy nhiên, lại chưa thể đi vào thực tiễn, chưa thấm sâu được vào đời sống văn học, nghệ thuật nước nhà để đưa lại những tác động và chuyển biến tích cực.

Trong khuôn khổ tham luận này, chúng tôi chưa thể đi sâu phân tích kỹ, nhưng chắc chắn một số nguyên nhân sau đây là quan trọng nhất:

Về khách quan, sự chuyển biến vô cùng mạnh mẽ, sâu sắc và mau lẹ của môi trường văn hóa thế giới do tác động của quá trình toàn cầu hóa với sự bùng nổ của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, t.67, tr.652.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng xuất bản, Hà Nội, 2014, tr.46-47, 48.

4. Quyết định số 1755/QĐ-TTg, ngày 8/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

truyền thông công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin đã khiến cho nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam rơi vào thế lúng túng, bị động. Trong bối cảnh đó, chỉ một số ít quốc gia nhanh chóng lợi dụng được xu hướng này, thực thi được chiến lược phát triển “quyền lực mềm” thông qua công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo nên đã chiếm lĩnh được thị trường, bành trướng ảnh hưởng văn hóa trên toàn cầu.

Về chủ quan, chúng tôi cho rằng có ít nhất bốn nguyên nhân chính sau đây:

Một là, các cấp quản lý, các địa phương, các ngành đều chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của văn hóa nói chung và của văn học, nghệ thuật nói riêng. Trong chặng đường đầu của thời kỳ đổi mới, điều này có thể cảm thông được, vì tất cả chúng ta phải dồn toàn lực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm ổn định chính trị và giữ vững quốc phòng, an ninh, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và cất cánh. Chỉ đến khi chúng ta nhận ra con cháu ta say mê xem phim, nghe nhạc Hàn Quốc hơn là phim, nhạc Việt Nam; thích đọc truyện tranh Nhật Bản hơn truyện cổ tích Việt Nam; bật tivi lên bất kỳ giờ nào cũng thấy nhiều phim và nhạc nước ngoài hơn phim, nhạc Việt Nam; đến các thành phố lớn thì nhan nhản những tòa nhà và khu mua sắm mang tên nước ngoài khó đọc, khó hiểu, khó nhớ, v.v. lúc đó chúng ta mới bàng hoàng nhận ra “nguy cơ mất nước từ bên trong”, tuy chưa quá nghiêm trọng nhưng cũng đã ở mức đáng báo động rồi.

Hai là, chúng ta chưa có cơ chế phù hợp và hữu hiệu để đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chiến lược, chính sách của Nhà nước vào cuộc sống. Nói cho chính xác, cái chúng ta đang thiếu là cơ chế hiệu quả, đủ mạnh, có năng lực thích ứng cao với sự biến đổi toàn cầu và với cơ chế thị trường, phù hợp với yêu cầu của từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương. Cái cơ chế đang chi phối sự vận hành của nền văn học, nghệ thuật nước nhà vừa vẫn còn mang nặng dấu ấn, tàn tích của chế độ tập trung quan liêu bao cấp cũ, lại vừa lai tạp những yếu tố tự phát kiểu “bàn tay vô hình” của kinh tế thị trường đã khiến cho các nỗ lực đổi mới đều trở nên nửa vời, kém hiệu quả, thậm chí lệch chuẩn, lạc hướng.

Ba là, nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa nói chung, cho văn học, nghệ thuật nói riêng còn rất thấp. Điều này thực chất là bắt nguồn từ hai nguyên nhân bên trên, khiến cho nguồn lực đầu tư vừa rất nhỏ, chưa được đa dạng hóa, lại chưa được đầu tư đúng trọng tâm, trọng điểm. Nguồn lực tái sinh để tái đầu tư từ chính sự nghiệp phát triển văn hóa, do phát triển công nghiệp văn hóa đưa lại cũng còn rất hạn chế.

Bốn là, là sự thiếu chủ động, năng động, sáng tạo của các tổ chức và cá nhân đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức. Có thể thấy rõ là phần đông đội ngũ văn nghệ sĩ vẫn còn thụ động và thiếu khát vọng, chưa dấn thân và chưa theo kịp sự biến đổi của thực tiễn ở trong nước và trên thế giới. Chỉ một số bộ phận thích nghi tương đối tốt với cơ

chế thị trường, nhưng lại sớm bộc lộ những khuynh hướng chạy theo những thị hiếu tầm thường, theo lợi ích cá nhân, trước mắt, thậm chí sa ngã. Những nhân tài, những sáng kiến, những sáng tạo tâm huyết và táo bạo xuất phát từ chính đội ngũ của chúng ta còn đang rất thiếu vắng.

Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân chính dẫn tới những hạn chế trong sự phát triển văn hóa nói chung, văn học, nghệ thuật nói riêng, Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam xin mạnh dạn đề xuất những giải pháp như sau:

Thứ nhất, về chủ trương, đường lối của Đảng, để thiết thực đưa tinh thần, nội dung của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào thực tiễn, chúng tôi đề nghị cần có một nghị quyết chuyên đề mới của Bộ Chính trị về phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam. Nghị quyết số 23-NQ/TW được ban hành và thực hiện đến nay đã hơn 13 năm nay, không còn hoàn toàn phù hợp với tinh thần mới của Nghị quyết số 33-NQ/TW và đặc biệt là tinh thần, nội dung của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Hơn nữa, Nghị quyết số 23-NQ/TW cũng không còn theo kịp với những biến chuyển mau lẹ và to lớn của thực tiễn trong nước và trên thế giới, nhất là sự phát triển và cạnh tranh gay gắt của công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo và các loại hình văn học, truyền thông, giải trí mới. Một nghị quyết chuyên đề mới của Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoặc Bộ Chính trị, do đó, là rất cần thiết trong việc định hướng, mở đường cho sự phát triển của văn học, nghệ thuật nước nhà trong tình hình mới.

Thứ hai, về chiến lược và kế hoạch, trước hết, chắc chắn Chính phủ cần chỉ đạo tổng kết việc thực hiện *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* từ năm 2016 đến nay, đồng thời ban hành chiến lược mới phù hợp hơn với tình hình mới. Đồng thời, chúng tôi cũng đề nghị Chính phủ sớm ban hành chiến lược phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam trong điều kiện mới. Thực tế là từ tháng 9/1945 đến nay, chúng ta chưa hề có một chiến lược nào đối với sự phát triển của văn học, nghệ thuật và đây cũng là một trong những nguyên nhân cụ thể, trực tiếp của tình hình sa sút, kém phát triển, thiếu vắng những công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao và của nhiều hạn chế khó khăn khác. Các chiến lược phát triển này cần được nghiên cứu, chuẩn bị và thẩm định khoa học, kỹ càng, để đảm bảo tính khả thi, tính định hướng, mở đường, bao trùm từ cơ chế lãnh đạo, quản lý, quy hoạch đội ngũ, giải pháp đột phá, kế hoạch triển khai, đảm bảo nguồn lực đầu tư và đặc biệt là phát triển đội ngũ và tổ chức.

Thứ ba, về cơ chế đầu tư và phát triển các nguồn lực, chúng tôi cho rằng cần có sự đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng: Tăng cường các nguồn lực đầu tư từ Nhà nước về tài chính, cơ sở vật chất và nhất là về cơ chế, nhưng phải xác định đầu tư đúng trọng tâm, trọng điểm thì mới phát huy được hiệu quả tối ưu, tránh lãng phí. Theo chúng tôi, cần ưu tiên đầu tư để phát triển đội ngũ và tổ chức, ươm tạo và

bồi dưỡng nhân tài. Bên cạnh đó cũng dành sự ưu tiên đầu tư phát triển những ngành đào tạo, những môn nghệ thuật không thể thích ứng hoặc khó thích ứng được với cơ chế thị trường, nhưng vô cùng cần thiết với sự phát triển của toàn lĩnh vực và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, như nghiên cứu phê bình lý luận, những môn nghệ thuật hàn lâm, những loại hình nghệ thuật truyền thống cần được “bảo vệ khẩn cấp”, v.v.. Đồng thời cũng ưu tiên “đầu tư môi” (seed funding) cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ văn hóa, sáng tạo để giúp cho những doanh nghiệp này có thể khởi nghiệp và phát triển. Trong bối cảnh hiện nay, Nhà nước cần có cơ chế để đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, nhất là thu hút các nguồn đầu tư từ ngoài ngân sách nhà nước, từ xã hội và nhất là từ cộng đồng doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nước ngoài, phải theo những quy định, cơ chế cụ thể.

Hơn 80 năm trước nhà thơ Xuân Diệu viết: “Com áo không đùa với khách thơ”. Ngày nay sống trong nền kinh tế thị trường, com áo không chỉ “đùa” mà còn nhiều khi “đùa” rất “ác”, mà là “ác” thật với giới văn nghệ sĩ. Giới văn nghệ sĩ kêu gọi được đầu tư không phải chỉ để lo trả “cái nợ áo com”, mà ngày nay còn phải biết từ các nguồn đầu tư ấy làm cho chúng sinh sôi, sinh lời để tái đầu tư bằng cách chủ động, tích cực tham gia phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ văn hóa, theo đúng tinh thần của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng¹. Hơn nữa, trách nhiệm của hoạt động văn học, nghệ thuật là phải chăm lo đến việc giữ gìn và làm giàu có thêm bản sắc và tâm hồn dân tộc, góp phần hình thành “kháng thể văn hóa” trong hành trang hội nhập của các thế hệ người Việt Nam, để sao cho dân tộc ta “hội nhập mà không hòa tan”, “hội nhập để tỏa sáng”.

Thứ tư, chăm lo đến sự phát triển của đội ngũ văn nghệ sĩ. Suy cho cùng, mọi thành công hay yếu kém, thất bại của nền văn học, nghệ thuật nước nhà ngày nay đều khởi đầu từ con người, do đội ngũ văn nghệ sĩ mà ra. Phải nói ngay rằng yếu tố căn cốt nhất làm nên con người văn nghệ sĩ là tài năng và năng khiếu. Thiếu yếu tố này thì dứt khoát không thể trở thành văn nghệ sĩ, vì thế mà văn nghệ sĩ xưa nay đều được coi là “của hiếm” trong nhân gian.

Tài năng và năng khiếu của văn nghệ sĩ cần được phát hiện sớm, cần được chăm lo đào tạo, bồi dưỡng bài bản và chu đáo, rồi lại phải được bảo vệ, bồi dưỡng và trọng dụng thì mới phát huy được và mang lại lợi ích cùng những giá trị chân, thiện, mỹ cho xã hội. Vì vậy, chúng tôi tha thiết đề nghị Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương cùng toàn xã hội tăng cường những giải pháp mạnh

1. Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới”. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.145.

mẽ để chăm lo đào tạo, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ - những “chiến sĩ trên mặt trận văn hóa”, cụ thể là:

Một là, tăng cường tạo điều kiện để những tài năng, năng khiếu cần được phát hiện sớm; tăng cường đầu tư để các học viện, nhà trường có thêm những điều kiện thuận lợi để đào tạo liên tục, lâu dài các em học sinh có tài năng, năng khiếu; tạo điều kiện để các em được đào tạo ở những ngôi trường tốt nhất trên thế giới, như thế hệ cha anh ngày trước từng được đào tạo.

Hai là, tạo điều kiện để đội ngũ văn nghệ sĩ được tôi luyện tài năng của mình và đóng góp to lớn hơn, chất lượng hơn cho xã hội, cho đất nước. Phải thừa nhận rằng lớp văn nghệ sĩ trẻ ngày nay rất tài năng, không thua kém gì, thậm chí có nhiều lợi thế ưu trội so với các lớp cha anh ngày trước, nhưng họ ít được tôi luyện. Ngày trước, thế hệ cha anh được tôi luyện trong khói lửa chiến tranh, trong phong trào cách mạng quần chúng và trưởng thành nhanh chóng, hầu có nhiều người đã ngã xuống trên các mặt trận. Nhưng ngày nay, thế hệ văn nghệ sĩ trẻ lại phải tôi luyện trong kinh tế thị trường, trong thế giới toàn cầu hóa, trong xã hội đa lựa chọn và giữa bao nhiêu trận tuyến vô hình, cạnh tranh khốc liệt. Trong điều kiện đó, rõ ràng là họ phải được định hướng tốt hơn, hỗ trợ nhiều mặt và thiết thực hơn, với những đòi hỏi cao hơn và nghiêm khắc hơn thì họ mới trưởng thành nhanh chóng, xứng tầm với nhiệm vụ và thách thức của thời đại. Cho nên, điểm mấu chốt ở đây là phải củng cố và nâng cao chất lượng các hình thức tổ chức của giới văn nghệ sĩ. Một mặt phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo chính trị đối với đội ngũ này, hoàn thiện hệ thống pháp lý để bảo hộ, định hướng cho các hoạt động sáng tạo nghề nghiệp của họ trong điều kiện kinh tế thị trường; mặt khác phải tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các hội đoàn và doanh nghiệp văn học nghệ thuật.

Ba là, Đảng, Nhà nước và xã hội, nhất là các tổ chức, hội đoàn, doanh nghiệp cần có những giải pháp đặc biệt để ưu đãi, trọng dụng, bảo vệ và tôn vinh xứng đáng hơn nữa đối với những văn nghệ sĩ có tài năng xuất chúng, có năng khiếu đặc biệt và có những cống hiến to lớn cho xã hội, cho đất nước. Cần rà soát lại để tránh hiện tượng khen thưởng tràn lan, tôn vinh hời hợt, đồng thời nghiêm khắc đấu tranh khắc phục những thói hư tật xấu, những biểu hiện tha hóa đã và đang lây lan trong đội ngũ văn nghệ sĩ.

Bốn là, vai trò chủ thể, là trách nhiệm tự thân của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức nước nhà. Gần 600 năm trước, vào năm Đinh Tỵ (1437) khi được Hoàng đế Lê Thái Tông giao cho việc định lễ nhạc, Nguyễn Trãi đã tâu rằng: “Thái bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc”¹. Ngày nay, sự nghiệp đổi mới của Đảng và dân tộc

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, t.II, tr.336.

đang được đẩy tới tầm cao mới trong bối cảnh thế giới đang tiến những bước khổng lồ vào kỷ nguyên văn minh trí tuệ, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và toàn cầu hóa sâu rộng. Toàn dân tộc đang chung sức đồng lòng, chung tay gắng sức vượt qua đại dịch COVID-19 và muôn vàn khó khăn gian khổ, khơi dậy ý chí quật cường, khát vọng phát triển và hào khí non sông để quyết đưa đất nước ta thành một nước công nghiệp phát triển, phồn vinh hạnh phúc vào giữa thế kỷ XXI. Như thế là đang hội đủ cả “gốc” và cả “văn” cho một nền văn hóa mới, một nền văn học, nghệ thuật mới.

Trách nhiệm và sứ mệnh của đội ngũ chúng ta thật là nặng nề, rất vẻ vang và không thể từ nan, là phải cố gắng hết mình, mỗi văn nghệ sĩ góp thêm một hạt lúa sáng tạo để thổi bùng lên ngọn đuốc trí tuệ - nhân văn soi đường cho quốc dân ta, để văn hóa thực sự trở thành một nguồn lực nội sinh mạnh mẽ nhất, một lực lượng sản xuất trực tiếp, làm giàu có thêm, nhân ái thêm đời sống của nhân dân, góp phần đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp phát triển bền vững, phồn vinh và hạnh phúc.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐOÀN KẾT, TẬP HỢP ĐỘI NGŨ VĂN NGHỆ SĨ CHUNG SỨC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ*

1. Đội ngũ văn nghệ sĩ luôn đóng vai trò quyết định đến sự phát triển của văn học, nghệ thuật, bởi đây là lĩnh vực của tài năng. Hay nói cách khác, sự thành bại của nền văn học, nghệ thuật đều phụ thuộc vào tài năng, bản lĩnh của đội ngũ này. Sau hơn 90 năm xây dựng và phát triển dưới ngọn cờ cách mạng của Đảng, các thế hệ văn nghệ sĩ Việt Nam đã nhiệt huyết dấn thân, đồng hành cùng dân tộc trong các cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm, giành độc lập, thống nhất dân tộc và tiến hành công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế hôm nay; cống hiến to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người, góp phần quan trọng để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế lớn như hiện nay. Trên hành trình ấy, Đảng đã luôn tin tưởng, coi trọng, chăm lo và tạo điều kiện để đội ngũ văn nghệ sĩ nước nhà trau dồi bản lĩnh, phát huy tài năng, sáng tạo nên những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị, hoàn thành sứ mệnh cao cả của mình trước dân tộc và đất nước. Bước vào giai đoạn phát triển mới hiện nay, bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, lĩnh vực văn học, nghệ thuật Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém và đang phải đối diện với những vấn đề lý luận và thực tiễn phức tạp, chưa từng có tiền lệ; đòi hỏi Đảng, Nhà nước cần có những giải pháp hữu hiệu để tiếp tục tăng cường đoàn kết, tập hợp đội ngũ văn nghệ sĩ chung sức, đồng lòng xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

2. Hiện nay, đội ngũ văn nghệ sĩ nước ta có hơn 40.000 hội viên, sinh hoạt ở 73 hội thành viên thuộc Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam (tổng số hội viên của các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương là khoảng 19.000 người, hội viên hội văn học, nghệ thuật ở các tỉnh, thành phố là khoảng gần 23.000 người). Từ khi thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam (tháng 7/1948) đến nay, đội ngũ

* Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.

văn nghệ sĩ nước ta đã không ngừng phát triển với năm thế hệ tiếp nối và hiện nay đang có một quá trình “chuyển giao đặc biệt” giữa các thế hệ đó. Tiếp bước các thế hệ đi trước, thế hệ thứ tư với những văn nghệ sĩ trưởng thành sau năm 1975 và thế hệ thứ năm sinh ra sau Đổi mới (năm 1986) đã và đang từng bước khẳng định được vai trò nòng cốt, dẫn dắt hành trình đổi mới đang tiếp tục diễn ra trong đời sống văn học, nghệ thuật. Về cơ bản, đội ngũ này tiếp tục phát huy được truyền thống quý báu, gắn bó với đất nước, nhân dân, tin tưởng vào con đường mà dân tộc ta lựa chọn; đồng thời có những thế mạnh so với thế hệ trước, đó là sự nhạy bén với cái mới, có năng lực công nghệ và ngoại ngữ, có khả năng tiếp cận, sáng tạo trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay. Ở hầu khắp các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, nhiều văn nghệ sĩ đã không ngừng đổi mới, bền bỉ sáng tạo nên những tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần duy trì và phát triển dòng chảy chính của nền văn nghệ nước nhà trong bối cảnh mới. Phong cách, cá tính sáng tạo của các tác giả ngày càng trở nên đa dạng, thúc đẩy đổi mới về tư duy nghệ thuật, hình thức biểu đạt, trong đó nhiều người đã định hình hướng đi riêng, được giới chuyên môn và công chúng ghi nhận, đánh giá cao. Quan niệm nghệ thuật về con người có những tìm tòi, đổi mới quan trọng, hướng đến khám phá và biểu hiện những vấn đề thế sự, đời tư với góc nhìn đa diện, sâu sắc và nhân văn hơn. Có thể nói, văn nghệ Việt Nam hiện nay vừa có sự kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu và tiếp biến những giá trị, tinh hoa văn hóa nhân loại, từ đó góp phần nhanh chóng đưa văn học, nghệ thuật Việt Nam hòa nhập với tư duy nghệ thuật hiện đại của thế giới. Đội ngũ lý luận, phê bình đã có những bước chuyển đáng chú ý, đồng hành cùng sáng tạo, trong đó đã và đang xuất hiện đội ngũ các cây bút trẻ giàu đam mê, nhiệt huyết, tăng cường kết nối, tiếp cận thông tin, tri thức hiện đại, nhạy bén với cái mới và có cá tính sáng tạo. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý lĩnh vực văn học, nghệ thuật đạt được những kết quả tích cực, cơ bản bảo đảm tự do sáng tạo, tự do tư tưởng, tạo môi trường sáng tạo thuận lợi cho đội ngũ văn nghệ sĩ. Hệ thống thiết chế gồm các cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị,... của Đảng về lĩnh vực văn học, nghệ thuật; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách cụ thể của Nhà nước; hệ thống các tổ chức lãnh đạo, quản lý, tập hợp đội ngũ văn nghệ sĩ và phương thức vận hành cụ thể của các tổ chức này,... đã tạo ra không gian bảo đảm cho nền văn nghệ vận động, phát triển theo định hướng lãnh đạo của Đảng, phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Bên cạnh sự phát triển tiến bộ, hợp quy luật, một bộ phận trong đội ngũ văn nghệ sĩ hiện nay đã và đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém, gây cản trở cho sự phát triển lành mạnh của văn học, nghệ thuật nước nhà. Bất cập về số lượng, chất lượng, cơ cấu, sự phân bố, đào tạo đội ngũ kế cận,... là những lý do chủ quan khiến chúng ta chưa có nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Tình trạng già hóa

đội ngũ, ở cả lực lượng sáng tác, lý luận, phê bình, biểu diễn và sự hăng hụi của thế hệ tiếp nối tuy đã được nêu ra ở nhiều diễn đàn nhưng chưa được khắc phục hiệu quả. Thế hệ văn nghệ sĩ trẻ (thuộc thế hệ thứ tư và thứ năm) tuy có những điểm mạnh hơn hẳn so với các thế hệ trước nhưng lại có một bộ phận không nhỏ xem nhẹ trách nhiệm công dân, không gắn bó sâu sắc với thực tiễn đời sống, xa rời mục tiêu sáng tạo những tác phẩm đỉnh cao, dễ thỏa mãn với bản thân, có biểu hiện lúng túng trước những biến đổi của đời sống... Khi văn học, nghệ thuật được giải phóng khỏi “chủ nghĩa đề tài”, thì ở chiều ngược lại, không ít nghệ sĩ lại không xác định đúng thiên chức của mình trước dân tộc, trước thời đại, trước văn học, nghệ thuật; còn hạn chế, thậm chí lệch lạc trong tiếp cận và nhận thức những vấn đề mới của cuộc sống hiện thực, chưa cắt nghĩa, lý giải được đầy đủ ý nghĩa, chiều sâu, tính phức tạp của quá trình chuyển biến mang tính lịch sử của đất nước hiện nay. Trong thực tiễn văn học, nghệ thuật hiện nay đã có những biểu hiện né tránh những vấn đề lớn lao của đất nước, những vấn đề cơ bản của đời sống và thiếu sự gắn bó với lý tưởng thẩm mỹ xã hội cao đẹp; chạy theo các đề tài nhỏ nhặt, tầm thường, dung tục, dễ dãi, chiều theo thị hiếu thấp kém của một bộ phận công chúng. Không ít những nghệ sĩ thị trường không ngừng đánh bóng tên tuổi, sử dụng scandal để nổi tiếng, hành xử thiếu văn hóa trên không gian mạng, gây mất niềm tin, bức xúc trong công chúng..., hiện đang trở thành vấn đề nhức nhối, ảnh hưởng đến môi trường sinh hoạt lành mạnh và sự phát triển lâu dài của lĩnh vực nghệ thuật. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt đội ngũ chuyên nghiệp dẫn đến tình trạng nghiệp dư hóa đang ngày càng trở nên phổ biến trong lĩnh vực phê bình văn học, nghệ thuật. Chính sự lựa chọn sai lầm của một số văn nghệ sĩ đã và đang góp phần làm suy yếu, thậm chí đảo lộn, nhiễu loạn giá trị thẩm mỹ và nhân văn trong đời sống văn học, nghệ thuật. Đáng chú ý, một bộ phận văn nghệ sĩ đã không giữ được bản lĩnh nghề nghiệp, không còn gắn bó với con đường mà dân tộc đang lựa chọn, có tư tưởng cực đoan tiếp tục sáng tạo những tác phẩm có tư tưởng sai trái, đồng thời lợi dụng việc “phản biện xã hội” để tuyên truyền phản bác, xuyên tạc đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng, Nhà nước; xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; “hạ bệ thần tượng”, “giải thiêng” các anh hùng dân tộc, thù địch, thối phùng, bóp méo hiện thực,... Trong khi đó, những nỗ lực trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật nói chung, tập hợp đội ngũ văn nghệ sĩ nói riêng trên một số phương diện còn hạn chế, bất cập.

3. Trong thời gian tới, công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu. Cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, việc tiếp thu, vận dụng các tư tưởng văn nghệ nước ngoài sẽ tác động mạnh mẽ hơn nữa đến đội ngũ văn nghệ sĩ, tạo ra những thay đổi nhanh chóng và sâu sắc về số lượng, cơ cấu, đặc điểm. Số lượng văn nghệ sĩ được dự báo tiếp tục gia tăng ở hầu khắp các loại hình nghệ thuật, trong đó tỷ lệ

những người không gắn bó với các cơ quan, tổ chức, hội nghề nghiệp của Nhà nước mà lựa chọn hoạt động tự do sẽ tăng lên. Bên cạnh đó, thế hệ thứ nhất, thứ hai, thứ ba vốn gắn bó với các cuộc kháng chiến cứu nước trong thế kỷ XX sẽ thừa vắng dần và thế hệ thứ tư, thứ năm lớn lên trong thời bình, trải nghiệm cuộc sống trong thời kỳ đổi mới và hội nhập với quan niệm nghệ thuật mới sẽ đóng vai trò nòng cốt trong đời sống văn nghệ của đất nước. Các chuyên gia đã đưa ra nhiều cảnh báo về khả năng thiếu hụt đội ngũ kế cận, dẫn tới nguy cơ đứt gãy với truyền thống và xa rời cốt cách, bản sắc văn hóa dân tộc trong tất cả các lĩnh vực từ sáng tác, lý luận, phê bình đến biểu diễn văn nghệ,... Đây thực chất là cuộc chuyển giao thế hệ khi lớp nghệ sĩ đã kinh qua chiến tranh giao lại trọng trách cho thế hệ có vốn sống, vốn thẩm mỹ hoàn toàn khác. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để trau dồi chiều sâu và bản lĩnh văn hóa, vốn sống, vốn hiểu biết, trách nhiệm công dân, trách nhiệm với truyền thống dân tộc,... để đội ngũ văn nghệ sĩ trẻ tiếp nối mạch nguồn của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại, yêu nước, nhân văn, gắn bó và đồng hành cùng dân tộc mà các thế hệ đi trước đã dày công xây đắp. Tất nhiên, bối cảnh mới sẽ không thể quay trở lại trạng thái thống nhất trên một nền tảng mỹ học như trước đây mà sự lựa chọn xu hướng sáng tạo sẽ ngày càng trở nên phong phú, đa dạng. Thực tiễn đó đã và đang đặt ra yêu cầu cần phải có những giải pháp đồng bộ, bài bản, hiệu quả hơn nữa nhằm tập hợp, đoàn kết, phát huy vai trò, đóng góp của đội ngũ văn nghệ sĩ vào sự nghiệp xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam trong thời gian tới. Trên cơ sở đường lối văn nghệ của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về đội ngũ văn nghệ sĩ, có thể khẳng định rằng nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết đội ngũ văn nghệ sĩ trong bối cảnh hiện nay phải dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự do, dân chủ, hài hòa lợi ích, tự phê bình và phê bình, cùng chung khát vọng, lý tưởng và mục đích sáng tạo; dựa trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ chung, thông qua hoạt động thực tiễn. Cụ thể là:

Thứ nhất, cấp ủy đảng và chính quyền các cấp cần tiếp tục tập trung khơi dậy và phát huy mạnh mẽ hơn nữa lý tưởng, khát vọng sáng tạo, cùng đội ngũ văn nghệ sĩ xác định một cách đúng đắn, rõ ràng mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới. Khi nói chuyện trong buổi bế mạc Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai (ngày 28/2/1957), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra yêu cầu: “Già trẻ, gái trai, Nam - Bắc tất cả chúng ta đoàn kết; các ngành văn nghệ đoàn kết; đoàn kết nhằm vào mục đích chung phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Chúng ta làm thế thì văn nghệ sĩ nhất định sẽ tiến bộ hơn nữa, đồng thời có lực lượng mà giúp đỡ nhân dân tiến bộ hơn nữa”¹. Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết đội ngũ văn nghệ sĩ là yêu cầu căn bản để văn nghệ phát triển; đồng thời cơ sở cho sự đoàn kết ấy chính là một lý tưởng, mục tiêu chung chứ không phải chỉ là sự tập hợp, kết nối mang tính hình thức. Trong bối cảnh hiện nay, định hướng ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh lại càng có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10, tr.513.

ý nghĩa sâu sắc hơn. Đại hội Đảng lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”¹. Đây là bước tiến mới trong tư duy lý luận của Đảng qua các kỳ Đại hội đối với nhiệm vụ xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật, việc huy động rộng rãi đội ngũ văn nghệ sĩ để xây dựng hệ giá trị văn học, nghệ thuật Việt Nam trong thời kỳ mới có ý nghĩa quan trọng, là sự cụ thể hóa lý tưởng phụng sự đất nước, phục vụ nhân dân, đồng hành cùng dân tộc, tạo động lực cho hoạt động sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Lực lượng này chính là chủ thể trung tâm xây dựng để hệ giá trị ấy không chỉ là một bảng kê mang tính lý luận mà phải thực sự thấm nhuần trong hoạt động thực tiễn, tạo bước chuyển mạnh mẽ và thực chất ở tất cả các khâu của đời sống văn học, nghệ thuật. Đó phải thực sự trở thành nguồn cảm hứng đối với người sáng tạo, là chỉ hướng đối với công chúng tiếp nhận; để văn học, nghệ thuật thực sự là món ăn tinh thần giúp con người thanh lọc tâm hồn, gia tăng hiểu biết, nhân lên lòng nhân ái, nuôi dưỡng khát vọng, ý chí vươn lên, chiến thắng mọi nghịch cảnh; để thêm yêu dân tộc, thêm yêu tiếng Việt; để sống với nhau nhân văn, yêu thương và tình nghĩa hơn; để hun đúc nên bản lĩnh của người Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập với thế giới hiện nay,... Các giá trị được lựa chọn phải xuất phát từ nền tảng vững vàng của văn hóa dân tộc, trên cơ sở hiểu biết đầy đủ, thấu đáo các giá trị tốt đẹp của cha ông, từ đó sàng lọc kỹ càng, tiếp thu tinh hoa văn học, nghệ thuật của thế giới, vun đắp một nền văn nghệ dân tộc, nhân văn, dân chủ, gắn bó máu thịt với đất nước, nhân dân, hướng đến những giá trị vĩnh cửu chân - thiện - mỹ. Hệ giá trị, dòng chủ lưu tư tưởng như thế sẽ là cội rễ, ngọn hải đăng soi rọi con đường canh tân, tập hợp và đoàn kết đội ngũ văn nghệ sĩ một cách tự nguyện, tự do, dân chủ, thực chất và bền vững.

Thứ hai, cùng với giải pháp tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận văn nghệ Việt Nam, cần triển khai các giải pháp cụ thể nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò của phê bình văn học, nghệ thuật. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định vai trò của phê bình đối với nhiệm vụ củng cố đoàn kết văn nghệ sĩ. Tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, Người nói: “thắng thắn tự phê bình và thật thà phê bình tức là đoàn kết mà đấu tranh và do đấu tranh đó đã đi đến đoàn kết hơn trước”². Đến Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba (năm 1962), Chủ tịch Hồ Chí Minh nói sâu hơn về công tác phê bình: “Nói tóm lại: phải có khen cũng phải có chê. Nhưng khen hay là chê đều phải đúng mức. Khen quá lời thì người được khen

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.143.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.512.

cũng hỗ trợ người. Mà chê quá đáng thì người chê cũng khó tiếp thụ¹. Như vậy, thúc đẩy phát triển phê bình chính là giữ cho được khuôn thước giá trị cho sự phát triển lành mạnh của đời sống văn nghệ, bảo đảm khối đoàn kết của đội ngũ văn nghệ sĩ. Trong thời gian tới, bên cạnh những giải pháp về công tác lãnh đạo, quản lý, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng thì cần tập trung nâng cao hơn nữa ý thức nghề nghiệp của các cây bút phê bình văn học, nghệ thuật. Rà soát, nâng cao hiệu quả sử dụng các cây bút lý luận, phê bình được đào tạo bài bản ở các cơ quan báo chí văn nghệ hoặc các chuyên trang, chuyên mục văn nghệ; tập hợp lực lượng, tạo diễn đàn riêng cho các cây bút lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật công bố kết quả nghiên cứu, trao đổi học thuật cũng như tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động nghề nghiệp thực tiễn. Phê bình văn học, nghệ thuật phải phát huy được vai trò là thước đo giá trị, đồng hành cùng sáng tạo và thưởng thức văn học, nghệ thuật; khẳng định những giá trị nhân văn, tiến bộ, cổ vũ những nỗ lực tìm tòi, sáng tạo nghiêm túc, đồng thời kiên quyết, nghiêm khắc phê phán những biểu hiện thương mại hóa, chạy theo lợi nhuận mà không bảo đảm chất lượng sản phẩm nghệ thuật, gây hại cho thị hiếu thẩm mỹ của công chúng. Đặc biệt, phê bình văn học, nghệ thuật cần tập trung đẩy mạnh đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong hoạt động sáng tạo, nghiên cứu, xuất bản, quảng bá các sản phẩm văn học, nghệ thuật. Trong bối cảnh tác động ngày càng lớn của các yếu tố khách quan và chủ quan như chúng tôi đã phân tích, phê bình chính là chìa khóa, trụ cột để bảo đảm giữ vững nền tảng và định hướng giá trị cho nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong thời gian tới, cần chú trọng hàng đầu tới công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật với mục tiêu hướng đến phát huy hơn nữa vai trò, tác động của phê bình hàn lâm trong đời sống văn nghệ, nâng cao chất lượng, thúc đẩy và củng cố vai trò tiên phong của phê bình báo chí, phê bình mạng internet.

Thứ ba, cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ chỉ đạo, quản lý về bản chất, đặc trưng, vị trí, vai trò của văn học, nghệ thuật nói chung, đội ngũ văn nghệ sĩ nói riêng đối với sự phát triển bền vững đất nước. Bên cạnh vai trò là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân - thiện - mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn, trực tiếp, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam, thì văn học, nghệ thuật cần được thống nhất nhận thức là một nguồn lực trực tiếp quan trọng cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Trên cơ sở đó cần tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và bố trí phù hợp đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.130, tr.504.

trong lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật phải được thực hiện khoa học, thực chất, quan tâm thích đáng đến các tiêu chí đặc thù và bảo đảm tính kế thừa hợp lý giữa các thế hệ, từ đó gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Trong đó, cần đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng gắn với quy hoạch, sử dụng có hiệu quả đội ngũ làm công tác tham mưu cấp ủy các cấp về lĩnh vực văn học, nghệ thuật, bảo đảm vừa có chuyên môn, nghiệp vụ, uy tín nghề nghiệp, vừa đảm đương tốt công tác tham mưu lãnh đạo. Tiếp tục xây dựng, thực hiện thống nhất cơ chế lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật, bảo đảm được định hướng chính trị, khắc phục những hiện tượng vi phạm tự do sáng tạo hoặc hủu khuynh, thả nổi, không phê phán những tác phẩm, tác giả đi ngược lại các giá trị chân - thiện - mỹ, những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy của cơ quan lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật hợp lý, thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tập trung chủ yếu cho nhiệm vụ thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng, nhiệm vụ quản lý của Nhà nước; đẩy mạnh xã hội hóa, chuyển giao các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc để từng bước tiến tới chấm dứt tình trạng bao sân, phân tán nguồn lực và quản trị yếu kém. Một trong những khâu đột phá trong thời gian tới là tập trung đẩy mạnh công tác thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan điểm của Đảng về văn học, nghệ thuật thành luật, cơ chế, chính sách và các quy định phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tự do sáng tạo, cải thiện điều kiện làm nghề của đội ngũ văn nghệ sĩ đáp ứng yêu cầu của sự phát triển. Thực tế cho thấy, đây vẫn là khâu yếu trong triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, khiến cho các nghị quyết khó đi vào cuộc sống.

Xuất phát từ thực tiễn và trên cơ sở tham khảo các quốc gia phát triển trên thế giới, chúng tôi kiến nghị tổ chức xây dựng Luật Văn học, nghệ thuật, hướng tới điều chỉnh tổng thể dựa trên thực trạng, khả năng thích ứng và xu hướng phát triển của từng lĩnh vực nghệ thuật, từng vấn đề nổi bật, trên cơ sở tích hợp với những luật hiện hữu và liên thông với những luật liên quan. Chẳng hạn: nội dung quy định về quyền tác giả văn học, nghệ thuật; quy định về điều kiện hành nghề, vai trò, trách nhiệm của văn nghệ sĩ nói chung, nghệ sĩ biểu diễn nói riêng; quy định về việc công bố, quản lý và sử dụng các tác phẩm văn học, nghệ thuật trên mạng internet; quy định cụ thể những lĩnh vực, mức độ xã hội hóa, phát triển thị trường, lĩnh vực thực hiện cơ chế bảo tồn, nuôi dưỡng; quy định những chế độ ưu đãi đặc thù đối với các tổ chức, cá nhân khi tham gia thị trường văn học, nghệ thuật,... Bên cạnh đó, tiến hành rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ, chính sách cho đội ngũ văn nghệ sĩ, tháo gỡ những nút thắt đã tồn tại từ rất lâu, như: nhuận bút, đặt hàng, tài trợ, khen thưởng, hợp đồng lao động đối với diễn viên; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn; bồi dưỡng, ưu đãi đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn; phụ cấp độc hại, nguy hiểm, phụ cấp lưu động và tuổi nghỉ hưu, tuổi hưởng lương hưu,... Những chế độ, chính sách này cần phải được xây dựng thống nhất trong tầm nhìn của những chiến lược, kế hoạch quan trọng về phát triển văn hóa, văn học và nghệ thuật giai đoạn tới, tiêu biểu là Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam,... Khi những vấn đề cốt lõi như thế được quy định chặt chẽ, khoa học, rõ ràng, minh bạch trong luật sẽ hướng đến chấn chỉnh được về căn bản những biểu hiện lệch lạc, thiếu chuẩn mực hiện nay trong đời sống văn học, nghệ thuật, nhất là trên không gian mạng xã hội, nhưng điều quan trọng hơn hết là sẽ mở ra hành lang pháp lý cần thiết, tăng cường niềm tin, tạo động lực trực tiếp thúc đẩy sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa nội dung, phương thức công tác tư tưởng đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, phối hợp hiệu quả, linh hoạt giữa hình thức thường xuyên và đột xuất, toàn thể và cá biệt trên tinh thần trao đổi, đối thoại thẳng thắn, dân chủ, chân thành, vừa chủ động cung cấp thông tin vừa lắng nghe kịp thời, đầy đủ để điều chỉnh, định hướng cho đội ngũ văn nghệ sĩ thực sự đồng hành cùng đất nước trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Mục tiêu của nhiệm vụ này là làm cho văn nghệ sĩ hiểu rõ về quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với những vấn đề hệ trọng của đất nước, nhất là những vấn đề khó, nhạy cảm; từ đó củng cố niềm tin, thống nhất nhận thức và hành động của đội ngũ.

Để đạt được mục tiêu đó, trong thời gian tới, các cơ quan lãnh đạo, quản lý cần sớm hoàn thiện cơ chế, diễn đàn lấy ý kiến phản biện của văn nghệ sĩ, trí thức đối với những vấn đề lớn của đất nước. Bên cạnh đó, Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam và các tổ chức thành viên cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động nhằm nâng cao khả năng tập hợp, đoàn kết lực lượng văn nghệ sĩ. Các tổ chức hội cần tập trung xây dựng môi trường sáng tạo thuận lợi nhằm giải phóng tư tưởng cho văn nghệ sĩ, phát huy tiềm năng, kích thích năng lực của từng người trong sự chia sẻ, đồng cảm và làm giàu có cho nhau về trí tuệ và cảm hứng nghệ thuật với những người bạn nghề. Hoạt động của các tổ chức hội cần tiếp tục đổi mới để phù hợp với tình hình mới, trên cơ sở phát huy trụ cột là hội “chính trị - xã hội” và hội “nghề nghiệp”, hướng về đời sống và những người làm nghề để cùng với các chủ thể có trách nhiệm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, phát huy được cá tính sáng tạo và đóng góp của các văn nghệ sĩ. Bên cạnh đó, Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò là cầu nối thông suốt và tin cậy giữa đội ngũ văn nghệ sĩ cả nước với cấp ủy, chính quyền các cấp. Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân trong phát biểu chỉ đạo Đại hội Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt

Nam lần thứ X (năm 2020) đã khẳng định rằng: Đảng, Nhà nước ta luôn sẵn sàng tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật; đồng thời mong muốn và sẵn sàng lắng nghe, tiếp thu những phản biện, đóng góp xác đáng của đội ngũ văn nghệ sĩ đối với những vấn đề quan trọng của đất nước. Vì vậy, một mặt Liên hiệp cần xác lập các diễn đàn, cơ chế hiệu quả để kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình đất nước cùng những chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng, Nhà nước, của các cấp ủy, chính quyền địa phương; mặt khác, với tư cách là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cần thường xuyên, kịp thời nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, ý kiến phản biện, đóng góp của đội ngũ văn nghệ sĩ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, tiếp tục đổi mới cơ chế phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng tài năng văn học, nghệ thuật, đặc biệt là những tài năng trẻ. Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” đã đề ra mục tiêu: “Xây dựng và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ Việt Nam một cách toàn diện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu loại hình, có các thế hệ tiếp nối nhau vững chắc, có tình yêu Tổ quốc nồng nàn, gắn bó sâu sắc với nhân dân, với sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo, có năng lực sáng tạo phong phú, đa dạng, đoàn kết, gắn bó cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc anh em trên đất nước ta”; từ đó khẳng định đây là một trong ba quan điểm chỉ đạo, cụ thể: “Tài năng văn học, nghệ thuật là vốn quý của dân tộc. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tính độc lập, khơi dậy mọi nguồn lực sáng tạo của văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ, người chiến sĩ xây dựng và phát triển nền văn nghệ tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cần phát huy lòng yêu nước nồng nàn, gắn bó máu thịt với nhân dân, nêu cao trách nhiệm công dân, sáng tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị phụng sự đất nước và dân tộc”. Quan điểm chỉ đạo trên đã thể hiện rõ nhận thức đúng đắn về những yêu cầu, đòi hỏi mang tính đặc thù đối với công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ sáng tạo văn học, nghệ thuật, hướng tới xây dựng các thế hệ văn nghệ sĩ có sự kế thừa bền vững, có “lập trường vững, tư tưởng đúng”¹, “trước hồng sau chuyên”, mà “hồng” thì phải đến nơi và “chuyên” thì phải đến chốn”² như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn.

Trong thời gian tới, các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ tiêu chí xác định tài năng và cơ chế phát hiện, đào tạo, bồi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.246.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.558.

dưỡng tài năng chi tiết đối với từng lĩnh vực văn học, nghệ thuật đặc thù trên cơ sở định hướng, quy hoạch phát triển. Tiếp tục đổi mới, tạo bước đột phá về cơ chế, chính sách để thu hút, xây dựng và nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên cơ hữu trong các trường văn hóa, nghệ thuật; tập trung xây dựng, đổi mới hệ thống giáo trình văn học, nghệ thuật đồng bộ trong các trường văn hóa, nghệ thuật; có chính sách ưu đãi trong tuyển sinh, đào tạo và giải quyết đầu ra cho sinh viên ngành văn học, nghệ thuật,... Đồng thời, kiên trì thực hiện có hiệu quả Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030” (Đề án 1437). Theo đó, kế hoạch phấn đấu từ năm 2016 đến 2030 là lựa chọn và cử đi đào tạo ở nước ngoài (Nga, Trung Quốc, Pháp, Đức, Ôxtrâyliya, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc) tổng số 930 người, bao gồm 300 cử nhân, 180 thạc sĩ, 50 tiến sĩ, 40 trung cấp và bồi dưỡng ngắn hạn cho khoảng 360 người là giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên, học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo, nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật, văn nghệ sĩ thuộc các đơn vị nghệ thuật toàn quốc. Hiện đã qua 5 năm triển khai - tức 1/3 chặng đường của Đề án, chúng ta cần tiến hành công tác sơ kết, đánh giá ngay những kết quả đạt được và những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh kịp thời, bảo đảm hiệu quả thực chất của Đề án rất quan trọng này. Bên cạnh đó, đối với những văn nghệ sĩ đang hoạt động, cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các chương trình bồi dưỡng chuyên nghiệp, theo hướng bám sát thực tiễn đời sống xã hội, đời sống sáng tạo và tăng cường tính liên thông với các hoạt động sáng tạo trên thế giới. Các hội nghề nghiệp cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các trường đại học, trung tâm đào tạo trọng điểm của cả nước để thực hiện hiệu quả các chương trình bồi dưỡng, tránh tình trạng nguồn lực bị phân tán, ít nhiều có tính manh mún, kém hiệu quả như thời gian vừa qua.

4. Như vậy, trước yêu cầu, đòi hỏi mới của thực tiễn, để tiếp tục tập hợp, đoàn kết đội ngũ văn nghệ sĩ nhằm mục tiêu xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục đổi mới và nâng cao hơn nữa năng lực, trình độ lãnh đạo, quản lý đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật; tăng cường thể chế hóa đường lối, chủ trương lãnh đạo thành luật, cơ chế, chính sách cụ thể, bảo đảm tự do sáng tạo, cải thiện môi trường, điều kiện làm nghề của đội ngũ văn nghệ sĩ; đổi mới, nâng cao tính thuyết phục của công tác tư tưởng, tăng cường đối thoại, kịp thời cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách lớn trong quá trình phát triển đất nước, lắng nghe và tiếp thu các ý kiến phản biện, góp ý, mật thiết liên hệ và đồng hành với đội ngũ văn nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo. Mặt khác, Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam cần tiếp tục phát huy vai trò là mái nhà chung, tập hợp, đoàn kết lực lượng văn nghệ sĩ gắn bó máu thịt với dân tộc, với nhân dân trong chặng đường gian khó và vinh quang phía trước. Với vai trò chủ thể, trung tâm của sứ mệnh cao cả được dân tộc và nhân dân giao phó, đội ngũ văn nghệ sĩ cả nước cần tiếp tục phấn đấu, nuôi dưỡng và truyền giữ

ngọn lửa đam mê sáng tạo, phát huy trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân của mình, vững tin vào con đường dân tộc ta đang đi, tiếp tục dẫn thân, dấn mình vào thực tiễn đời sống của đất nước, của nhân dân, để mang hơi thở của đời sống vào từng tác phẩm, để thấu cảm, nâng đỡ những khát vọng vươn mình của đồng bào cả nước. Cố gắng hết mình để kiến thiết các giá trị cao đẹp, chúng ta cũng cần nêu cao dũng khí bảo vệ chân lý, bảo vệ cái đúng, cái hay, cái đẹp, kiên quyết đấu tranh, phê phán những biểu hiện lệch lạc, sai trái, sự nguy tạo những giá trị nguy hại trong đời sống văn học, nghệ thuật hiện nay.

Mặc dù những khó khăn, thách thức trước mắt và lâu dài là không nhỏ, nhưng với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước và nhất là với tâm huyết, khát vọng chung của giới văn nghệ sĩ, chắc chắn chúng ta sẽ sớm tìm cách khắc phục, sốc lại tinh thần đội ngũ, vượt lên khó khăn, thực hiện tốt sứ mệnh nghề nghiệp cao cả mà Đảng, Nhà nước tin tưởng và nhân dân kỳ vọng.

TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG MỚI

Nhạc sĩ NÔNG QUỐC BÌNH*

Sau 35 năm đổi mới và hơn 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự nỗ lực phấn đấu của cả nước, chúng ta đang nêu cao ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết, năng động, sáng tạo, tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, vượt qua mọi khó khăn, thử thách để thực hiện những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Trong bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều cơ hội thuận lợi, đồng thời gặp không ít những khó khăn, thách thức, nhưng với sự nỗ lực của cả nước, đất nước ta đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận. Trên cái nền chung đó, sự nghiệp văn hóa, văn học nghệ thuật cũng có sự phát triển đáng khích lệ. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã tạo đà cho văn học nghệ thuật có những chuyển biến tích cực. Tư duy lý luận và nhận thức về văn hóa, văn học, nghệ thuật của các cấp, các ngành cùng toàn dân được nâng lên. Nhìn tổng thể, văn học, nghệ thuật đã nắm bắt được dòng mạch chính là chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, gắn bó với dân tộc, phản ánh chân thực cuộc đấu tranh cách mạng và lao động sáng tạo của nhân dân. Nhiều tác giả đã đi sâu vào đề tài lịch sử, chiến tranh cách mạng góp phần khơi dậy lòng yêu nước và truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc.

Trong sự phát triển chung của đất nước, ở vùng dân tộc và miền núi, quốc phòng - an ninh được giữ vững, kinh tế, văn hóa - xã hội có những bước phát triển lớn. Nhiều chính sách, chương trình, dự án đầu tư, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được triển khai thực hiện. Nhờ đó đời sống nhân dân nhiều vùng đồng bào dân tộc được cải thiện rõ rệt; công tác xóa đói, giảm nghèo thu được nhiều kết quả. Trên lĩnh vực phát triển văn hóa - xã hội, một số đề án về bảo vệ và phát huy văn hóa dân tộc của Nhà nước đã và đang được triển khai thực hiện ở Tây Nguyên, Tây Bắc,

* Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Đông Bắc, Tây Nam Bộ, văn hóa truyền thống của dân tộc được tôn trọng, giữ gìn, phát huy. Không gian văn hóa công cộng Tây Nguyên, di sản thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái được UNESCO chính thức được ghi danh vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi và những kết quả đạt được, nhìn chung kinh tế miền núi và các vùng dân tộc thiểu số còn chậm phát triển; ở nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỷ lệ đói nghèo còn cao so với bình quân cả nước. Một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan chưa được đẩy lùi triệt để. Một số những giá trị tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một mất đi. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng những khó khăn đó để lôi kéo, kích động; lợi dụng những sai sót của một số địa phương, một số ngành trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng để chia rẽ các dân tộc nhằm gây mất ổn định xã hội, tiếp tay cho sự can thiệp của các thế lực thù địch chống phá từ bên ngoài. Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn đó, trong những năm qua đội ngũ văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số luôn ý thức về trách nhiệm công dân và trách nhiệm của người nghệ sĩ trước Đảng và nhân dân.

Là một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, những năm qua Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam đã xác định: Văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số gắn liền với sự phát triển của nền văn học, nghệ thuật cách mạng, là một bộ phận không thể tách rời của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại, kế thừa và phát huy thành tựu của nền văn nghệ dân gian các dân tộc trong thời kỳ phát triển mới của đất nước. Đời sống xã hội, thiên nhiên và con người miền núi, dân tộc là đề tài lớn, chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp của dân tộc và thời đại đã và đang thu hút sự quan tâm, khám phá, tìm tòi với nhiều biểu đạt hình tượng nghệ thuật, làm phong phú và giàu thêm bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc.

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) “về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”. Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam đã xây dựng kế hoạch, thực hiện phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số và những người hoạt động văn học, nghệ thuật là người Kinh nhưng gắn bó, tâm huyết với miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, thúc đẩy phong trào sáng tác văn học, nghệ thuật ở các loại hình: văn học, mỹ thuật, nhiếp ảnh, âm nhạc, nghiên cứu, lý luận phê bình, sân khấu, điện ảnh và sưu tầm văn hóa văn nghệ dân gian. Từng bước củng cố, đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức hội và chi hội cơ sở ở các địa phương nhằm nâng cao khả năng tập hợp, động viên, phát hiện những tài năng trẻ. Tính đến nay (2021), toàn Hội đã có hơn 1.400 hội viên hoạt động văn học, nghệ thuật trên phạm vi cả nước. Có 41 tổ chức hội và chi hội cơ sở ở 41 tỉnh, thành phố. Trong điều kiện hạn hẹp về kinh phí hoạt động, Hội đã tập trung, tạo điều kiện cho hội viên được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển Hội, như: Hỗ trợ sáng tạo, trao giải thưởng, tham gia

các lớp tập huấn, trại sáng tác, vinh danh những văn nghệ sĩ có nhiều cống hiến... Đặc biệt, chú trọng phát triển, bồi dưỡng lực lượng trẻ kế cận, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong sáng tác.

Điều đáng chú ý là ngày càng nhiều tác giả người dân tộc thiểu số có ý thức và quan tâm nhiều hơn đến việc sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ và sáng tác song ngữ. Công tác sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian các dân tộc trước đây còn nhiều hạn chế thì nay đã xuất hiện nhiều công trình sưu tầm, nghiên cứu biên dịch các loại hình văn nghệ dân gian của các dân tộc Tây Nguyên, Chăm, Tày, Nùng, Mường, Dao, Thái, Mông, Khmer và các dân tộc khác của các tác giả được biên soạn công phu và có giá trị cao. Văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số đã từng bước bắt nhịp vào đời sống của đồng bào các dân tộc, ca ngợi cái mới, tiến bộ, đồng thời phê phán cái xấu, cái lạc hậu, cái ác. Nhiều tác giả người dân tộc thiểu số đã được trao Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật và các giải thưởng quốc tế.

Nhìn chung văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số đã có nhiều thành tựu, nhất là sau 35 năm đổi mới, tuy nhiên vẫn còn hạn chế ở nhiều lĩnh vực cần phấn đấu khắc phục. Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến hạn chế sau:

Hạn chế

Một là, đội ngũ văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số giữa các vùng miền, giữa các dân tộc còn có sự chênh lệch khá lớn. Có những dân tộc có lực lượng văn nghệ sĩ đông, có mặt trên nhiều lĩnh vực nhưng có những dân tộc có số dân không hẳn là ít nhưng lực lượng văn nghệ sĩ còn quá mỏng, thậm chí chưa có. Có vùng, có địa phương mỗi năm xuất hiện gần chục tác giả trẻ, tác giả mới nhưng cũng có vùng, có địa phương vài ba năm không có thêm tác giả mới...

Hai là, văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số tuy phát triển một bước dài nhưng còn ít tác phẩm có nội dung tư tưởng và nghệ thuật cao để lôi cuốn và hấp dẫn đông đảo độc giả và khán giả vùng đồng bào dân tộc thiểu số cả nước.

Ba là, chưa có nhiều tác phẩm hay về đề tài đổi mới ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số; vốn sống thực tiễn của các văn nghệ sĩ về vùng dân tộc và miền núi còn hạn chế. Các văn nghệ sĩ chưa thực sự đi sâu vào đời sống đồng bào mình, chưa gắn bó máu thịt với cuộc sống sôi động đang diễn ra ở miền núi và vùng đồng bào các dân tộc.

Nguyên nhân hạn chế

Đời sống vật chất và tinh thần vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, hoàn cảnh kinh tế và điều kiện sáng tác của các văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn. Anh chị em văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số ở phân tán các vùng miền, ít có điều kiện trao đổi sáng tác, giao lưu, học hỏi với bạn bè đồng nghiệp trong nước và quốc tế. Các tác giả người dân tộc thiểu số chưa được bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao nhận thức chính trị, kinh tế, xã hội, và nghiệp vụ sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu.

Việc xuất bản, công bố tác phẩm hết sức hạn chế do các văn nghệ sĩ không có điều kiện in sách, mở triển lãm, thu băng, đĩa.

Các chi hội địa phương hoạt động nhìn chung chưa có hiệu quả, chưa có nhiều hình thức hoạt động thích hợp để thúc đẩy sáng tạo.

Trong xu thế phát triển chung của xã hội, nhiều văn nghệ sĩ thiếu số khi được đào tạo trường thành lại rời xa quê hương, làng bản về sống và làm việc ở thị xã, thành phố, xa vùng dân tộc thiểu số, xa quê hương bản quán nên ít nhiều có khoảng cách với vùng quê sáng tạo của mình. Vì vậy tác phẩm của các văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số cũng chưa phản ánh thật đậm nét và sâu sắc thực tiễn cuộc sống hiện tại của vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhằm quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, cần tăng đầu tư cho sự nghiệp văn hóa, xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. “Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ VI (nhiệm kỳ 2019-2024), Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp cơ bản trong công tác xây dựng phát triển Hội.

Mục tiêu, phương hướng chung

Những năm qua đất nước đã có bước phát triển mạnh mẽ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội. Đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, an ninh - quốc phòng được giữ vững, ổn định. Đồng bào dân tộc miền núi cũng được thụ hưởng thành quả của sự phát triển. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn tồn tại những khó khăn, thách thức. Sự thay đổi về chính sách kinh tế của một số nước; cuộc chiến thương mại giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới; nguy cơ xung đột giữa các quốc gia chưa có được tiếng nói chung đã gây ảnh hưởng tới một số nước, trong đó có Việt Nam, đó là thách thức song cũng là cơ hội để đất nước đẩy nhanh tiến trình hội nhập quốc tế trên tinh thần thúc đẩy hòa hợp, hòa giải giữa các nước và khu vực, tôn trọng độc lập, chủ quyền, tích cực tham gia bảo vệ ổn định, hòa bình thế giới, đồng thời ổn định chính trị trong nước, giữ vững chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới là xu thế tất yếu đất nước ta phải hướng đến để theo kịp các nước phát triển; nhằm thông minh hóa quá trình sản xuất và quản lý công nghiệp chế tạo; làm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ, giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu, chi phí sản xuất và vận hành, đồng thời với việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Thành tựu kinh tế những năm qua đã làm thay đổi chất lượng cuộc sống của đại bộ phận nhân dân cả nước, nhưng vẫn còn những hạn chế chậm được khắc phục,

nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Do điều kiện địa hạt đồng bào sinh sống xa đô thị, cư trú rải rác, giao thông đi lại khó khăn, xuất phát điểm kinh tế thấp, đã dẫn đến thực hành lao động, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn, trở ngại, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống, tới hưởng thụ văn hóa và giao lưu văn hóa; đến việc học tập của trẻ em trong độ tuổi cần được đến lớp, khoảng cách thụ hưởng các điều kiện về văn hóa, xã hội giữa vùng đồng bào dân tộc, miền núi với thành thị còn chênh lệch.

Sau 35 năm đổi mới đất nước, nhìn tổng thể, kinh tế - xã hội nước ta đã có bước tiến mạnh mẽ, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn ở một bộ phận không nhỏ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Đảng và Nhà nước cần có giải pháp cấp bách, đồng bộ sớm khắc phục và giải quyết triệt để. Cần có chính sách linh hoạt về hỗ trợ vốn cho đồng bào; mời gọi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, thực hành xây dựng các mô hình trọng tâm, trọng điểm để rút ra bài học kinh nghiệm, như tăng phí khoanh nuôi, bảo vệ rừng cho đồng bào, khai thác tiềm năng du lịch cộng đồng, kết hợp với bảo tồn, phổ biến văn hóa, văn nghệ truyền thống, trở thành địa chỉ hấp dẫn du khách. Nếu có chính sách thỏa đáng, sẽ giải quyết được vấn đề giao thông, đồng bào có thêm thu nhập từ nguồn dịch vụ du lịch, đồng thời phát triển kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm bền vững. Với tiềm năng văn hóa truyền thống, về cảnh quan thiên nhiên còn có những mô hình khác mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, giúp đời sống đồng bào ngày càng được cải thiện, được hưởng thụ nhiều hơn thành quả của sự nghiệp đổi mới, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa miền núi với miền xuôi, giữa thành thị với nông thôn.

Để thiết thực đóng góp vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng, nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam là:

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X “về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; chú trọng bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Phát hiện, bồi dưỡng, tổ chức lực lượng sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn học, nghệ thuật là người dân tộc thiểu số.

Ưu tiên tài trợ cho các tác giả dân tộc thiểu số có tài năng sáng tạo các tác phẩm về đề tài dân tộc và miền núi. Đào tạo đội ngũ trí thức thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và tạo điều kiện để trí thức, cán bộ dân tộc thiểu số trở về phục vụ quê hương. Phát huy tài năng các nghệ nhân.

Tiếp tục đầu tư và tổ chức điều tra, sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số...

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, phát triển văn học, nghệ thuật, tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thực sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, lịch sử, kháng chiến, đề tài về Bác Hồ với đồng bào dân tộc; về công cuộc đổi mới đất nước. Từng bước xây dựng hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam.

Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả. Khuyến khích nhân dân sáng tạo, tuyên truyền và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc...

Quán triệt đường lối văn nghệ, chính sách dân tộc của Đảng, phát huy thành tựu đã đạt được, khắc phục hạn chế, yếu kém, trong nhiệm kỳ tới, Ban Chấp hành Hội xác định:

- Tiếp tục củng cố xây dựng Hội vững mạnh, tập hợp đoàn kết văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số vững vàng về tư tưởng chính trị, kế thừa truyền thống văn hóa, văn nghệ quê hương, truyền thống đấu tranh cách mạng trước đây và xây dựng đổi mới ngày nay, nỗ lực sáng tác nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có nội dung, tư tưởng và nghệ thuật nhuần nhuyễn, lành mạnh ở tầm cao mới, phản ánh chân thật và sinh động hiện thực cuộc sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn học, nghệ thuật ngày càng cao của đồng bào dân tộc thiểu số cả nước.

- Đẩy mạnh việc phát hiện, chăm lo, bồi dưỡng những nhân tố mới có năng khiếu sáng tạo văn học, nghệ thuật. Đặc biệt là các tác giả trẻ là người dân tộc thiểu số ở các vùng miền trên cả nước. Có kế hoạch mở lớp bồi dưỡng, tạo nguồn kế cận phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tạo cơ hội cho các văn nghệ sĩ trẻ có cơ hội được giao lưu, tiếp xúc với những tác giả có kinh nghiệm, có thành tựu trong sáng tác, có những chuyến đi thực tế bổ ích, thiết thực, nhằm động viên khích lệ, sáng tạo những tác phẩm chất lượng, giá trị.

Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp

Nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng gắn với Nghị quyết Đại hội VI của Hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sáng tạo, sưu tầm, nghiên cứu, lý luận phê bình văn học, nghệ thuật theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) “về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương

(khóa XI) “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhằm phấn đấu có thêm những tác phẩm chất lượng, có giá trị khoa học và thực tiễn; phản ánh chân thực, sinh động, sâu sắc cuộc sống, con người vùng dân tộc thiểu số trong lịch sử và hiện tại; mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống. Đồng thời đẩy mạnh các hoạt động sáng tác, quảng bá các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đó là nhiệm vụ đòi hỏi sự nỗ lực của văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số miền núi, đòi hỏi tài năng, ý chí và nghị lực mà trên hết là trách nhiệm, tinh thần tự nguyện cống hiến cho quê hương, đồng bào.

- Nâng cao nhận thức cho văn nghệ sĩ trong đấu tranh phản bác, phòng, chống các luận điệu sai trái, xuyên tạc, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Nắm vững diễn biến tư tưởng của văn nghệ sĩ, kịp thời định hướng tư tưởng, khuyến khích sáng tác cho đội ngũ này theo đúng quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Làm tốt công tác tập hợp, xây dựng khối đoàn kết giữa các tổ chức hội và hội viên, nhằm tạo nên sức mạnh trong đấu tranh chống quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch trong văn học, nghệ thuật.

- Văn nghệ sĩ các dân tộc thiểu số miền núi cần đóng góp nhiều hơn những tác phẩm, công trình thực sự có giá trị thẩm mỹ, nhân văn. Phản ánh sinh động cuộc sống mới của đồng bào, song cũng cần hết sức thận trọng, khách quan trong nhìn nhận, đánh giá hiện tượng xã hội, và một số vấn đề còn bất cập trong cuộc sống hiện nay. Lấy cái tích cực lấn át tiêu cực, lấy cái hay, cái tốt đẹp thuyết phục và cảm hóa cái xấu. Không chỉ riêng với những đảng viên, văn nghệ sĩ các dân tộc cần nâng cao ý thức, tránh mọi tư tưởng tự diễn biến, tự chuyển hóa làm méo mó những giá trị tốt đẹp của lịch sử, của sự nghiệp đổi mới mà Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đã đạt được trong những năm qua.

- Tùy theo khả năng của Hội, có chính sách đãi ngộ tôn vinh tác giả, tác phẩm thật sự tiêu biểu, các văn nghệ sĩ cao tuổi có nhiều đóng góp cho sự nghiệp văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng lực lượng sáng tác trẻ là người dân tộc thiểu số theo quy trình, và có bước đi thích hợp. Chú trọng chăm lo phát triển hội viên của Hội, nhất là ở những địa phương có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống chưa có hội viên hoặc còn ít hội viên.

- Kiện toàn và củng cố tổ chức, đổi mới phương thức và nội dung hoạt động Hội theo hướng tinh gọn chất lượng và hiệu quả.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động của các chi hội, các hội địa phương. Có kế hoạch tạo nguồn hội viên mới, từng bước thành lập chi hội ở các tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số nhưng chưa có hội viên và tổ chức cơ sở hội.

- Quan tâm đầu tư, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tạo, nhất là những chuyên ngành, lĩnh vực có nguy cơ bị mai một.

Những giải pháp cơ bản

- Có kế hoạch để văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số được thông tin đầy đủ tình hình thế giới, trong nước; được nghiên cứu quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng về kinh tế, xã hội và văn học, nghệ thuật. Phối hợp với Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, (với các địa phương là Hội Văn học nghệ thuật tỉnh) mở lớp tập huấn về học thuật, nghiệp vụ sáng tác, những vấn đề mới về văn học, nghệ thuật hiện nay đang được giới chuyên môn và xã hội quan tâm. Tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, đổi mới tư duy sáng tạo.

- Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần trong khả năng có thể, nhằm động viên, thúc đẩy văn nghệ sĩ sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu, lý luận phê bình văn học, nghệ thuật dân tộc thiểu số. Tập trung vào những đề tài, lĩnh vực trọng tâm như: cách mạng, kháng chiến, Bác Hồ, đời sống nông thôn mới và sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay.

- Thường xuyên mở trại sáng tác, tổ chức lớp bồi dưỡng, đi thực tế, công bố tác phẩm là những việc cần thiết. Có kế hoạch tổng kết, đánh giá lại các hoạt động này, chỉ ra những mặt làm được, những mặt còn hạn chế để khắc phục, giúp cho công tác tổ chức thực hiện ngày càng hiệu quả hơn. Mời các văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số, các chuyên gia có uy tín về chuyên môn đến các lớp bồi dưỡng hướng dẫn, truyền thụ kinh nghiệm cho lớp trẻ và những người có nhu cầu, đam mê sáng tác, sưu tầm văn học, nghệ thuật.

- Chuẩn bị tốt về cơ sở vật chất, con người, nội dung chuyên môn tiến tới thành lập trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ của Hội. Hằng năm có kế hoạch mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sáng tác, sưu tầm văn nghệ dân gian các dân tộc, tạo điều kiện cho nhiều hạt nhân có năng khiếu tham gia.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, kết hợp với các hội chuyên ngành Trung ương, Hội đồng Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, Viện Văn học, nhà xuất bản tổ chức các lớp tập huấn công tác lý luận phê bình, hội thảo và tọa đàm về tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số.

- Củng cố, kiện toàn Hội đồng nghệ thuật. Tham gia Hội đồng nghệ thuật là những thành viên đủ năng lực, uy tín, có khả năng làm tốt và đảm bảo đúng quy chế, chất lượng công tác xét giải thưởng và hỗ trợ sáng tạo tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật của hội viên. Có kế hoạch quảng bá tác phẩm được giải thưởng hằng năm của Hội, nhất là tác phẩm đạt giải cao.

- Khuyến khích tác giả dân tộc thiểu số sáng tác bằng tiếng dân tộc, song ngữ, không chỉ giới hạn trong văn học, mà cả trong sáng tác ca khúc, sân khấu, điện ảnh.

- Có kế hoạch phối hợp và tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ của các cơ quan có liên quan.

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố bộ máy cơ quan Hội, đảm bảo có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu công tác theo hướng tinh gọn, không hành chính hóa.

- Về hoạt động đối ngoại của Hội, tùy khả năng của Hội có thể đề xuất và tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ đi tham quan thực tế, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài, nhất là các nước trong khu vực có nét tương đồng về văn hóa.

Một số đề xuất, kiến nghị

Từ ngày được thành lập đến nay, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, của Chính phủ thông qua các ban, ngành chức năng của Đảng và Nhà nước. Để thực hiện tốt hơn vai trò, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng hoạt động và có nhiều công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật trong thời gian tới, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam xin đề xuất và kiến nghị với Đảng, Chính phủ một số nội dung sau:

- Để từng bước khắc phục tình trạng còn nhiều dân tộc chưa có người hoạt động trên lĩnh vực sáng tạo văn học, nghệ thuật, thành lập Trung tâm bồi dưỡng văn nghệ sĩ người dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục thực hiện Đề án *Bảo tồn và phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam* giai đoạn II (2021-2025), nhằm tiếp tục bảo tồn, phát huy các giá trị văn học, nghệ thuật các dân tộc, đặc biệt trên các lĩnh vực ngôn ngữ, chữ viết của những tác phẩm - văn bản cổ đã có từ hàng trăm năm của nhiều dân tộc trong cả nước nay đang nguy cơ mai một đáng báo động.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích việc dạy chữ dân tộc ở một số cấp học nhất định. Nhất là đối với các dân tộc đã có bộ chữ viết riêng. Đối với Hội trong phạm vi hoạt động của mình, được phép xây dựng những đề án khả thi phối hợp dạy và học chữ dân tộc thiểu số thông qua các hình thức hoạt động văn hóa - nghệ thuật trong các trường dân tộc nội trú. Từ đó phát hiện, bồi dưỡng những con em đồng bào dân tộc có khả năng hoạt động văn hóa, văn học và một số loại hình nghệ thuật khác.

- Nhà nước có chính sách hỗ trợ kinh phí để Hội tiếp tục in và xuất bản Tạp chí *Văn hóa các dân tộc*.

- Nhà nước có chính sách hỗ trợ kinh phí cho công tác đào tạo đặc thù dành cho con em các dân tộc về học tại các trung tâm bồi dưỡng, các trường văn hóa, nghệ thuật... nhằm tạo nguồn văn nghệ sĩ dân tộc thiểu số về lâu dài.

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam nghiên cứu, chọn lọc những tác phẩm văn học, nghệ thuật dân tộc thiểu số (cả dân gian và hiện đại) tiêu biểu để đưa vào giảng dạy trong các cấp học nhà trường.

- Định kỳ tổ chức các cuộc giao lưu văn học, nghệ thuật và cuộc thi sáng tác về đề tài dân tộc thiểu số và miền núi.

Văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số là bộ phận không thể tách rời của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam. Với tinh thần đó văn nghệ sĩ các dân tộc thiểu số nguyện sẽ viết nên những tác phẩm hay, giá trị, nói lên tiếng nói của đồng bào mình, của lịch sử, của cách mạng kháng chiến, của xây dựng và đổi mới ngày nay, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, sống động và chân thực.

Cùng với văn học, nghệ thuật cả nước, đội ngũ văn nghệ sĩ các dân tộc thiểu số sẽ nỗ lực phát huy tinh thần trách nhiệm cao nhất trước Tổ quốc, nhân dân, phấn đấu xây dựng và phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

VĂN HỌC VIỆT NAM VÀ SỰ XÁC LẬP NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA VIỆT

Nhà thơ NGUYỄN QUANG THIỀU*

Trong diễn văn khai mạc Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, ngày 24/11/1946 tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra nhiệm vụ của nền văn hóa mới: *“phải lấy sự nghiệp đấu tranh cho độc lập dân tộc làm nội dung phản ánh, sự tự do và hạnh phúc của đông bào làm mục tiêu hoạt động; phải tiếp thu những kinh nghiệm quý báu của nền văn hóa xưa và nay để xây dựng một nền văn hóa có ba tính chất là dân tộc, khoa học và đại chúng”*. Luận điểm: *“Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chân lý vĩnh hằng. Chân lý đó đã được minh chứng trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, đặc biệt trong hai cuộc kháng chiến giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước và công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Qua mỗi kỳ Đại hội, các nghị quyết của Đảng về văn hóa, về con người lại làm sáng tỏ hơn, sâu sắc hơn, khoa học hơn và nhân văn hơn chân lý ấy.

Thế giới đã bước sang một chương mới vô cùng đặc biệt trong lịch sử nhân loại. Con người đã sống trong một thế giới phẳng. Sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ đã từng ngày xóa đi nhiều khoảng cách và ranh giới và hòa trộn rất nhiều sự khác biệt của các quốc gia vào một khối thống nhất. Điều đó tạo cho con người sự hiểu biết sâu sắc hơn, mối quan hệ rộng lớn hơn và sự công bằng hơn cho xã hội loài người. Nhưng nó lại chứa ẩn một nguy cơ, đó là nguy cơ biên giới của các nền văn hóa sẽ bị xóa nhòa. Khi một nền văn hóa bị xóa nhòa nghĩa là cái chết của một nền văn hóa đã xuất hiện. Ngay từ đầu thế kỷ XX, thế giới đã dự báo về xu thế về một thế giới phẳng và cảnh báo về sự nguy hiểm đối với bản sắc văn hóa của các quốc gia. Mỗi một cá nhân con người và mỗi một dân tộc chỉ có ý nghĩa khi xác lập được căn cước văn hóa của mình. Căn cước văn hóa trong mỗi cá nhân con người và trong mỗi quốc gia là những yếu tố cơ bản hay có thể nói là sự sống còn để xác lập sự tồn tại độc lập của cá nhân và quốc gia đó và làm nên những vẻ đẹp cho nhân loại. Chính vì vậy mà đối với mọi quốc gia ở bất cứ hình thái xã hội nào, thể chế chính trị nào thì

* Bí thư Đảng Đoàn, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam.

văn hóa phải là nền tảng hệ trọng nhất cho sự phát triển hay nói cách khác là cho ý nghĩa sống đích thực của cá nhân đó và quốc gia đó.

Những người nông dân làng tôi từ hàng trăm năm trước đã viết lên tường ngôi đình cổ kính của mình dòng chữ: *“Không có ăn không thể bước đi, không có chữ không nhìn thấy đường”*. Phát triển kinh tế để nâng cao chất lượng sống nhưng nếu không có văn hóa thì chất lượng sống ấy sẽ đẩy con người vào trong một ngôi nhà mang tên *“hưởng thụ vật chất”*. Còn “chữ” ở đây là văn hóa. Không có văn hóa, nhân loại không biết đường để đi tới những giá trị nhân văn cao cả nhất. Nói một cách hình tượng thì: *“không có văn hóa nhân loại sẽ trở thành một kẻ mù lòa”*. Một trong những yếu tố quan trọng làm nên văn hóa là văn học, ngay từ khi là văn học truyền miệng đến văn học chữ viết. Đặc biệt từ năm 1945, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập thì giá trị văn hóa dân tộc đã trở thành một giá trị không thể đánh mất và sứ mệnh của trí thức và văn nghệ sĩ, đặc biệt là các nhà văn Việt Nam càng trở nên rõ ràng, thực sự vẻ vang nhưng đầy thách thức.

Trong suốt lịch sử đấu tranh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, các nhà văn Việt Nam đã làm ra một lịch sử riêng biệt cho đời sống văn chương nước nhà dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sau năm 1975, người Mỹ đã tuyên bố: *“Phát hiện lớn nhất của người Mỹ về Việt Nam qua cuộc chiến tranh là phát hiện về văn hóa”*. Chính vì hiểu nền văn hóa của dân tộc Việt Nam mà người Mỹ đã đi tới thiết lập quan hệ ngoại giao và hợp tác với Việt Nam như ngày nay. Ngay từ những lần tiếp xúc đầu tiên với Việt Nam ở các cấp, các nhân vật quan trọng của chính quyền Mỹ cho tới các tổng thống Mỹ đã đến thăm Việt Nam đều dùng Truyện Kiều như một lời chào để mở những cánh cửa bước vào đất nước chúng ta.

Một trong những ví dụ vô cùng thuyết phục là trường hợp giáo sư, nhà thơ cựu binh Kevin Bowen, người đã tham chiến ở chiến trường Tây Ninh, ông tham gia phong trào phản chiến và đã bèn bí nói với người Mỹ về đất nước Việt Nam bằng cách dịch và truyền bá những tác phẩm văn học Việt Nam xuất sắc của Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, của các vị vua anh minh trong lịch sử Việt Nam, của nhà cách mạng, nhà văn hóa vĩ đại Hồ Chí Minh, của các nhà văn, nhà thơ tham gia hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc như Nam Cao, Vũ Cao, Nguyễn Khải, Chính Hữu, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Quang Sáng, Thu Bồn, Xuân Quỳnh, Lê Lưu, Hữu Thịnh, Chu Lai, Lê Văn Thảo, Thanh Thảo, Lê Minh Khuê... Ngay sau khi từ chiến trường Việt Nam trở về, Kevin Bowen đã viết bài thơ nổi tiếng *“Chơi bóng rổ với Việt cộng”*. Bài thơ này đã dựng lên chân dung những người lính Cựu Hồ, để từ đó dựng lên chân dung văn hóa Việt. Bài thơ có sức mạnh lạ thường đã thay đổi cách nhìn của rất nhiều người Mỹ về con người Việt Nam. Và nhà thơ Kevin Bowen đã bị tờ báo *Boston Globe* gọi là *“bàn tay nổi dài của cộng sản Hà Nội”*. Nhưng vào năm 2017, chính quyền Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ đã tôn vinh nhà thơ Kevin Bowen bằng cách có một *“ngày Kevin Bowen”* ở thành phố Boston. Một trong ba lý

do để chính quyền Boston tôn vinh nhà thơ này được ghi rõ trong bản công trạng là: “Ông (Kevin Bowen) đã làm cho người Mỹ hiểu sâu sắc nền văn hóa của một kẻ thù cũ - Việt Nam”. Điều đó cũng minh chứng cho tầm quan trọng hay chính xác là sự sống còn của một đất nước là văn hóa của dân tộc đó. Điều đó minh chứng một cách thuyết phục nhất sự đúng đắn của đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ngay từ khi Đảng được thành lập và đặc biệt trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946 cũng như Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về xây dựng văn hóa và con người Việt Nam trong thời đại mới.

Hiện nay, cũng như mọi quốc gia, Việt Nam đang sống trong một thế giới mà nhiều “biên giới” đã và đang bị xóa nhòa. Thế giới phẳng và đời sống dân chủ đã mở ra mọi cánh cửa, và mọi xu hướng chính trị, kinh tế, giáo dục, văn hóa của thế giới có thể hiện diện ở mọi hình thức trong đời sống xã hội Việt Nam. Bởi thế, bản sắc văn hóa truyền thống phải trở nên rõ ràng nhất, sâu sắc nhất, khoa học nhất, nhân văn nhất và phù hợp với một tinh thần sống mới của đất nước thì mới trở thành năng lượng sống cho một dân tộc và trở thành thành trì bền vững nhất bảo vệ những giá trị Việt trước một xu thế hội nhập không thể cưỡng lại được của thế giới. Chúng ta đều hiểu rằng: khi một quốc gia đánh mất bản sắc văn hóa của mình, quốc gia đó sẽ bị các lối sống và tư tưởng khác xâm lược. Nhưng chúng ta phải thấu hiểu rằng: Truyền thống không phải là sự bất động mà luôn chuyển động để cộng vào những vẻ đẹp mới trong đời sống và làm cho nó trở nên phong phú và mở rộng chiều kích trí tuệ và tâm hồn Việt Nam. Chưa bao giờ, người dân Việt Nam lại được sống trong một đời sống nhiều của cải vật chất như bây giờ. Trang phục, nhà cửa, giao thông, phương tiện, trường học, công sở... đã hoàn toàn khác, rất hiện đại và dần dần mang tính đồng nhất với thế giới. Nhưng trong sâu thẳm tâm hồn con người Việt Nam vẫn và phải chứa đựng những vẻ đẹp văn hóa truyền thống như sự chia sẻ, cảm thông, tôn trọng cá nhân, vị tha, dâng hiến và đầy khát vọng. Và văn học Việt Nam chính là một trong những cội nguồn gieo những hạt giống tốt lành đó vào mỗi con người Việt Nam một cách bền bỉ hết thế hệ này đến thế hệ khác.

Sự đổi mới và chính sách dân chủ của Đảng đã mang lại cơ hội lớn cho con người Việt Nam trong đó có các nhà văn chân chính và một nền văn học chân chính. Nhưng dân chủ cũng đặt các nhà văn Việt Nam đứng trước những thách thức vô cùng nặng nề. Tại Đại hội Hội Nhà văn Việt Nam nhiệm kỳ X, đồng chí Võ Văn Thưởng, Thường trực Ban Bí thư đã nêu rõ: “Kẻ thù lớn nhất của dân tộc trong chiến tranh là những kẻ xâm lược được xác định rõ ràng, nhưng kẻ thù nguy hiểm nhất của dân tộc trong hòa bình là kẻ thù không dễ nhận diện. Đó là sự vô cảm, tính vị kỷ, thói hưởng thụ, lòng tham lam, sự giả dối và độc ác. Nó chính là sự thoái hóa, biến chất về đạo đức trong mỗi con người. Nó ẩn náu trong đời sống thường nhật, nó có thể mang gương mặt lương thiện và đầy phép biến hình rất khó nhận biết như cách nói của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “đừng thấy đỏ mà tưởng đã chín”. Chính thế mà sứ mệnh, trách

nhiệm của nhà văn Việt Nam lúc này lại càng lớn lao và càng phức tạp. Nhân dân, đất nước đang cần tiếng nói của tình yêu thương con người, của lòng trung thực, của sự quả cảm từ các nhà văn trong cuộc đấu tranh này”. Các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm là những cuộc chiến đấu với kẻ thù bên ngoài con người chúng ta. Nhưng cuộc đấu tranh chống lại cái ác và thói đạo đức giả, lợi dụng tên gọi “người cách mạng” là cuộc đấu tranh với chính cá nhân mình. Đây là cuộc đấu tranh khó khăn nhất và cuộc đấu tranh ấy kéo dài cho hết cả cuộc đời của mỗi con người ở bất cứ vị trí hay công việc gì. Cuộc đấu tranh ấy cần sự thấu hiểu, sự dũng cảm và tinh táo. Những sáng tác văn học từ ngày đổi mới tới nay đã và đang thực thi sứ mệnh của mình để lý giải, để gọi tên sự vật, sự việc đang diễn ra dưới nhiều hình thức. Và nhà văn, bằng cách nhìn trực diện, sâu sắc và quả cảm phải nhận ra sự nhân danh cái đẹp, nhân danh lòng yêu nước và nhân danh người cộng sản để trục lợi và nguy hiểm hơn là trở thành vật cản đối với sự phát triển của đất nước. Chúng ta phải thừa nhận rằng, chính sách đổi mới cũng như các nghị quyết về văn hóa của Đảng đã tạo nền tảng tư tưởng, tạo cơ hội và điều kiện cho văn học Việt Nam đạt được những thành tựu không nhỏ. Các nhà văn đã phản ánh hiện thực một cách phong phú và đa dạng với trách nhiệm cao nhất của mình cũng như dự báo về một đời sống đạo đức của con người Việt Nam trong sự hội nhập với thế giới bên ngoài.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII về xây dựng văn hóa và con người mới đã đặt ra cho dân tộc, trong đó có nhà văn, sứ mệnh vô cùng to lớn mang tính sống còn cho tương lai đất nước. Một hiện thực mà chúng ta phải đối mặt là có một bộ phận thanh thiếu niên đang sống một cách ích kỷ, vô cảm, thiếu lý tưởng và hoang mang đi tìm ý nghĩa sống. Với lý do đó, Hội Nhà văn Việt Nam lần đầu đã thành lập giải thưởng cho các nhà văn trẻ để từ đó nhận diện những gì đang diễn ra trong tâm hồn và tư tưởng của thế hệ trẻ Việt Nam, để hướng các nhà văn trẻ tới trách nhiệm của ngòi bút đối với con người và dân tộc. Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc lần thứ X sẽ được tổ chức vào cuối năm 2021 với chủ đề “Vì sao chúng ta viết”. Đây là một câu hỏi quan trọng đặt ra cho những nhà văn trẻ khi cầm bút. Những người viết trẻ phải thấu hiểu rằng: một nhà văn chân chính phải viết vì những vẻ đẹp đời sống và văn hóa, phải viết vì lợi ích dân tộc, phải viết vì lương tâm của con người trước cái ác. Nếu không trả lời được câu hỏi đó thì nhà văn sẽ không mang lại điều gì cho con người và đất nước trong những trang viết của mình. Cũng là lần đầu tiên, Hội Nhà văn Việt Nam lập ra Giải thưởng Văn học thiếu nhi và chuẩn bị phát động cuộc vận động viết về đề tài thiếu nhi. Các nhà văn phải viết những tác phẩm trong sáng nhất, đậm bản sắc văn hóa dân tộc nhất và nhân văn nhất cho trẻ em. Hội Nhà văn Việt Nam có kế hoạch hằng năm sẽ xuất bản những tác phẩm văn học thiếu nhi có chất lượng từ cuộc vận động để mang sách tới cho các trẻ em miền núi và vùng sâu, vùng xa. Nhà thơ Hữu Thịnh, nguyên Chủ tịch Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, nguyên Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam đã nói: “Thêm một đồng cho văn hóa

thì bớt 100 đồng xây nhà tù". Nếu chúng ta không chuẩn bị một cách kỹ lưỡng nhất, trách nhiệm nhất và với tình yêu thương nhất cho sự phát triển tâm hồn trẻ em lúc này, chúng ta sẽ phải đau đớn trong tương lai bởi các công dân của mình mà lúc này là những đứa trẻ. Chân dung của các công dân tương lai của dân tộc sẽ như thế nào? Đó là câu hỏi lớn và vô cùng quan trọng lúc này đối với những nhà văn chân chính. Vì lẽ đó, Hội Nhà văn Việt Nam đã đặt văn học thiếu nhi, văn học trẻ là một chiến lược lớn theo lời phát biểu chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Thưởng, Thường trực Ban Bí thư tại Đại hội Hội Nhà văn Việt Nam nhiệm kỳ X: "Một trong những nhiệm vụ lớn của Hội Nhà văn trong nhiệm kỳ mới là phải tạo ra những bước đi có tính quyết định cho một dòng văn học thiếu nhi đa dạng, phong phú, hiện đại, đậm bản sắc văn hóa dân tộc để cùng xã hội tạo ra sản phẩm đặc biệt nhất, quan trọng nhất là Con Người Việt Nam".

Hòa hợp dân tộc chính là một trong những vẻ đẹp đặc biệt trong lịch sử và văn hóa của người Việt Nam. Ông cha ta đã nói: "Bầu ơi thương lấy bí cùng". Đây chính là minh triết Việt Nam và cũng là một trong những yếu tố cốt lõi của văn hóa Việt Nam. Chiến tranh đã kết thúc gần một nửa thế kỷ. Nhiều người Việt Nam đã rời bỏ đất nước ra đi giờ đã và đang trở về. Nhưng chúng ta vẫn phải thừa nhận rằng vẫn còn những khoảng cách nhất định giữa người Việt Nam ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài mà đặc biệt là những nhà văn đang sống ở nước ngoài. Được sự chỉ đạo của Đảng, Hội Nhà văn Việt Nam đã tổ chức Hội nghị văn học và sứ mệnh đại đoàn kết dân tộc. Và bây giờ, nhiệm vụ của Hội Nhà văn là phải thực thi sứ mệnh quan trọng nhưng vô cùng khó khăn này một cách cụ thể. Chủ trương của Hội Nhà văn Việt Nam là từng bước giới thiệu các tác phẩm viết bằng tiếng Việt về những vẻ đẹp trong văn hóa và đời sống của người Việt Nam, về những khát vọng đẹp đẽ của người Việt Nam của các nhà văn miền Nam trước năm 1975, của các nhà văn đang sinh sống ở nước ngoài và của cả những nhà văn từng có những bất đồng chính kiến. Trên các ấn phẩm của Hội Nhà văn như báo *Văn nghệ*, Tạp chí *Nhà văn và cuộc sống* (trước kia là Tạp chí *Nhà văn và Tác phẩm*), Tạp chí *Thơ*, Tạp chí *Hồn Việt*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, trang web *vanvn.vn* trong nhiều năm trở lại đây đã thường xuyên giới thiệu tác phẩm của những nhà văn ở các tỉnh, thành miền Nam trước năm 1975, các nhà văn đang sinh sống ở nước ngoài. Mấy năm trở lại đây, ngày càng có nhiều hơn những nhà văn Việt Nam ở nước ngoài và các nhà văn từng có những bất đồng chính kiến gửi tác phẩm của mình tới hệ thống báo chí và xuất bản của Hội Nhà văn với mong muốn được xuất hiện. Điều này minh chứng về sự phát triển và đổi thay của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đã và đang tạo ra những ảnh hưởng vô cùng quan trọng.

Hội Nhà văn Việt Nam quan niệm: hận thù chỉ sinh ra hận thù, đối thoại chân thành vì lợi ích chung mới sinh ra sự hiểu biết và yêu thương. Lịch sử đã minh chứng một cách kỳ diệu là dân tộc Việt Nam đã biến những "kẻ thù không đội trời chung" thành những người bạn sống chung trong hòa bình và vì lợi ích của dân tộc

mình và vì một thế giới tốt đẹp hơn. Sứ mệnh của các nhà văn chân chính Việt Nam là bằng tác phẩm của mình đã và đang hóa giải thù hận thành sự chia sẻ, hiểu biết và yêu thương giữa con người với con người. Đó là tâm vóc lớn lao của một nền văn học. Đó cũng là tinh thần cốt lõi của văn hóa truyền thống Việt Nam. Không có bất cứ một nền văn hóa nào trên thế gian này lại cho phép hận thù và chia rẽ bước vào vương quốc cái đẹp của mình. Chỉ khi văn học thấu hiểu được điều đó thì những trang viết mới có thể mang lại cho con người những cảm xúc tốt đẹp và những ý nghĩa sâu sắc. Một nền văn học chân chính không bao giờ có chủ trương nhấn chìm những cái khác mình vào bóng tối mà là tìm cách hóa giải và biến cải.

Để chống lại cái ác thì cái thiện phải trở nên mạnh mẽ, có tính thuyết phục và có sức lan tỏa lớn. Nếu nền văn học của chúng ta không tràn ngập tình yêu thương, sự cảm thông, chia sẻ, lòng vị tha và gieo trồng những giấc mơ đẹp đẽ và lớn lao thì nền văn học ấy trở nên vô nghĩa và thất bại. Một nền văn học như vậy sẽ không mở rộng được tâm hồn con người và đánh thức được lương tri con người. Một hiện thực trong đời sống đương đại được thể hiện trong thế giới mạng đang thách thức và cảnh báo các nhà văn. Đó là sự ích kỷ, hạ nhục con người, ngôn ngữ ngập tràn thái độ thù hận, bóp méo sự thật, vô cảm, độc ác... Chính lúc này, tiếng nói nhà văn Việt Nam mà quan trọng nhất là tác phẩm phải trở thành tiếng nói chính thống, bền bỉ và có tính phổ quát với những giá trị nhân văn cao cả. Nếu không thì nền văn học của chúng ta cũng chỉ là “một cục đoman mang màu sắc khác” mà thôi.

Càng ngày hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên thế giới lại càng có ảnh hưởng lớn. Một trong những đóng góp vào việc quảng bá hình ảnh Việt Nam trên thế giới là văn học. Các nhà văn trong hai cuộc kháng chiến giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước đã hoàn thành sứ mệnh xuất sắc của mình. Tác phẩm của các nhà văn viết về hai cuộc kháng chiến vĩ đại ấy đã thay đổi cách nhìn của thế giới về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam một cách ngoạn mục. Phát huy thành tựu này, các nhà văn Việt Nam đương đại tiếp tục có những sáng tạo hiện đại, đậm bản sắc dân tộc và đa dạng. Hội Nhà văn nhận thấy, việc quảng bá các tác phẩm văn học Việt Nam ra thế giới là một công việc không thể chậm trễ hơn. Hội Nhà văn Việt Nam đã tiến hành bốn hội nghị quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới trong những nhiệm kỳ qua. Và bây giờ, công việc của Hội Nhà văn Việt Nam là hiện thực hóa chiến lược quảng bá bằng việc chọn lựa, dịch thuật, in ấn và quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới trong những năm tới một cách khoa học nhất. Trong nhiều năm trở lại đây, một số tác phẩm văn học Việt Nam được dịch và phát hành trên thế giới bằng cách làm của một số cá nhân là dịch giả nước ngoài hoặc một số nhà văn trong nước. Đây là một cách làm có một số hiệu quả nhưng cũng tạo ra một cách nhìn không đầy đủ, thiếu hụt, thậm chí méo mó về một nền văn học. Cái nhìn không đầy đủ và méo mó về một nền văn học sẽ tạo ra cái nhìn không đầy đủ và méo mó về đời sống chính trị, văn hóa, xã hội... ở Việt Nam. Trong thời gian qua có những tác phẩm được dịch và

truyền bá trên thế giới nhằm bồi đắp đời sống chính trị Việt Nam. Vì vậy, chiến lược quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới phải là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất của Hội Nhà văn Việt Nam hiện nay.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác lập bản chất và đường đi của một nền văn hóa mới. Điều cần thiết lúc này là các tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ phải có khả năng hiện thực hóa Nghị quyết để tất cả ý nghĩa và tư tưởng của Nghị quyết trở thành hơi thở đời sống trong mỗi con người, mỗi gia đình và toàn đất nước. Hội Nhà văn Việt Nam khóa X đã và đang thực thi sứ mệnh của mình với một niềm tin sâu sắc, một lộ trình rành mạch và một ý chí mạnh mẽ cho dù sẽ phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức.

“ĐOÀN KẾT, DÂN CHỦ, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO”, ĐƯA NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU VIỆT NAM KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN

NSND. TRỊNH THÚY MÙI*

Những năm gần đây, trong bối cảnh đất nước đang tiếp tục đổi mới toàn diện, các lĩnh vực sản xuất và đời sống ngày càng có những bước chuyển biến tích cực, hoạt động văn hóa nghệ thuật, trong đó có hoạt động sân khấu, không ngừng chuyển mình, đạt được nhiều kết quả qua các hoạt động thực tiễn. Trên lĩnh vực hoạt động của mình, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về việc “tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, đã hết sức sáng tạo và hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và chất lượng nghệ thuật cao, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của nền văn hóa Việt Nam, cùng nhau phấn đấu hiện thực hóa 8 chữ vàng: “Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Sáng tạo” mà năm 2014 đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, đã chỉ đạo tại Đại hội VIII Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam.

1. Những thành tựu nổi bật của Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam

Trong những năm qua, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam đã không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động, sáng tạo nhiều tác phẩm sân khấu phản ánh chân thực lịch sử đấu tranh cách mạng, thực tiễn lao động sáng tạo của nhân dân, đặc biệt là thực tiễn sinh động của quá trình đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước. Hưởng ứng cuộc vận động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật theo chủ đề “Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Đề tài chiến

* Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam.

tranh cách mạng”, giới sân khấu đã hưởng ứng tích cực và đạt nhiều giải thưởng cao, góp phần truyền truyền, quảng bá nghị quyết của Đảng thực sự đi vào quần chúng nhân dân một cách hữu hiệu.

Lực lượng văn nghệ sĩ trên lĩnh vực sân khấu, dù có nhiều biến động trong cơ chế thị trường, nhưng đã xuất hiện nhiều tác giả, đạo diễn, diễn viên trẻ có tài năng và tâm huyết, góp phần giữ gìn, phát triển nền nghệ thuật sân khấu truyền thống và làm đa dạng những loại hình nghệ thuật sân khấu đương đại.

Công tác lý luận, phê bình sân khấu đã có những chuyển biến tích cực cả chiều rộng và chiều sâu, có nhiều công trình nghiên cứu, xuất bản trong thời gian qua đã được trao giải. Hội đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học trong nước và quốc tế với các vấn đề: chất lượng sáng tác, biểu diễn và công tác khán giả, giữ gìn, phát triển sân khấu truyền thống, nâng cao chất lượng và quảng bá nghệ thuật,... để tìm ra nhiều giải pháp tháo gỡ những khó khăn trong tình hình hiện nay.

Trong những năm qua, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam đã tổ chức và phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức nhiều cuộc liên hoan sân khấu chuyên nghiệp trong nước và quốc tế; tham gia ban chỉ đạo, ban tổ chức, phối hợp trao thưởng động viên các nghệ sĩ, tạo nên sức sáng tạo nghề nghiệp làm cơ sở cho các đợt xét tặng trao Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật và xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú; đồng thời, góp ý xây dựng nhiều chính sách, chế độ để nâng cao chất lượng nghệ thuật và đời sống đối với văn nghệ sĩ.

Cùng đó, Hội đã tổ chức các cuộc thi sáng tác, tổ chức nhiều trại sáng tác trên cơ sở tập trung theo định hướng chính trị, để xây dựng nhiều tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao; tích cực biểu diễn phục vụ các đối tượng xã hội ở mọi miền Tổ quốc. Để đáp ứng yêu cầu về đào tạo có tính kế tục đội ngũ, Hội đã tiếp nhận và tổ chức cho một số tác giả trẻ, dù chưa phải là hội viên vẫn được mời tham gia dự trại. Với nỗ lực này, một số tác giả trẻ ở các thể loại sân khấu truyền thống đã xuất hiện, với những kịch bản được dàn dựng, biểu diễn.

Từ mấy nét phác họa chung đó, có thể nhắc tới một số kết quả nổi bật trong hoạt động của Hội trên một số lĩnh vực cụ thể như sau.

1.1. Mở trại sáng tác

Trong thời gian qua, Ban sáng tác của Hội đã tích cực phối hợp với Trung tâm hỗ trợ sáng tác văn học, nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tổ chức được 13 trại sáng tác kịch bản, với tổng số 163 lượt tác giả cả nước tham gia.

- Về khuynh hướng sáng tác: ngoài việc hưởng ứng việc “Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đề tài chiến tranh cách mạng, đề tài biển đảo, các tác giả sân khấu tập trung nhiều vào các đề tài lịch sử chống ngoại xâm, danh nhân lịch sử - văn hóa và đề tài xã hội.

- Về đề tài lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm và danh nhân lịch sử - văn hóa:

Mảng đề tài lịch sử và danh nhân văn hóa được các tác giả trên lĩnh vực sân khấu truyền thống mang tính đặc thù như: tuồng, chèo, cải lương, kịch dân ca, rối,... tập trung sáng tác. Sự kết hợp giữa các thủ pháp tự sự, kịch tính, trữ tình là mảnh đất màu mỡ để cho các tác giả xây dựng được những hình tượng nhân vật có tính điển hình. Nếu trước đây các tác giả chỉ tập trung ca ngợi những chiến thắng của các nhân vật anh hùng, thì thời gian gần đây, số phận của những nhân vật lịch sử đã được các tác giả phân tích ở nhiều góc độ khác nhau để làm nổi bật tính cách của nhân vật lịch sử.

- Về đề tài xã hội:

Đề tài chống tiêu cực xã hội, chống tham nhũng, đả phá những luận điệu sai trái của thế lực thù địch thường được các đơn vị nghệ thuật sân khấu kịch nói dàn dựng, vì sân khấu kịch nói với tiết tấu nhanh, gọn, dễ tiếp cận với đề tài xã hội. Những vấn đề chống tham nhũng, nạn chạy chức chạy quyền, vấn đề sau chiến tranh,... được các tác giả khai thác có chiều sâu tâm lý. Nhiều tác giả đã mô tả hiện thực đời sống kinh tế thị trường, với những mặt tích cực và tiêu cực trong thực tiễn đời sống, qua những đối tượng trong xã hội đã bị tha hóa bởi đồng tiền,... để cảnh tỉnh người xem. Nhiều tác phẩm sân khấu đã thoát ra khỏi mô hình cũ để tìm tòi xây dựng hình tượng con người mới có chiều sâu tâm lý, có chất lượng nghệ thuật cao hơn.

Để khắc phục tình trạng “thừa kịch bản yếu, thiếu kịch bản hay”, Ban sáng tác của Hội đã chủ động đề xuất và thực hiện phương thức hoạt động mới cho các trại sáng tác, nên chất lượng kịch bản sau khi tham dự trại được nâng lên rõ rệt. Sau nhiều trại viết, những kịch bản hay đều được các đơn vị nghệ thuật đón nhận nồng nhiệt. Hiện nay, có khoảng 30% số kịch bản từ các trại sáng tác được các đơn vị nghệ thuật dàn dựng. Những trại sáng tác của Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam tổ chức bao giờ cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá cao về tính tổ chức và hiệu quả công việc.

1.2. Tổ chức đi thực tế sáng tác

Để nắm bắt đời sống xã hội, đưa vào tác phẩm sân khấu những hình tượng nhân vật điển hình, tạo nên những giá trị tư tưởng và chất lượng nghệ thuật cao, Ban Chấp hành Hội đã tổ chức nhiều đợt đi thực tế cho tác giả, đạo diễn về biển đảo theo kế hoạch của Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển và Bộ Tư lệnh Hải quân vào các năm 2015, 2016, 2017, 2019. Mỗi chuyến đi thực tế ở Trường Sa và các đảo, Nhà giàn DK1, mỗi văn nghệ sĩ đều có được những trải nghiệm thực tiễn sinh động, từ đó sáng tác nên nhiều tác phẩm sân khấu về biển đảo có chất lượng cao, được dàn dựng, biểu diễn phục vụ nhân dân và các chiến sĩ.

Ngoài việc đi sáng tác về đề tài biển đảo, năm 2017, Ban sáng tác, Câu lạc bộ Tác giả sân khấu khu vực phía Bắc còn tổ chức hai đợt thực tế sáng tác tại các địa

bàn trọng điểm ở các địa phương Vĩnh Phúc, Bắc Ninh; phối hợp với Bộ Công an tổ chức đi thực tế đời sống các chiến sĩ công an từ Hà Nội vào Tây Nguyên để sáng tác kịch bản cho Liên hoan sân khấu về “Hình tượng người chiến sĩ Công an nhân dân” vào tháng 7 năm 2020. Đầu năm 2019, Hội phối hợp với Bộ Tư lệnh Hải quân tổ chức cho nhiều tác giả đi thực tế ngắn ngày tại 5 vùng biển đảo. Năm 2020-2021 tổ chức những đợt đi thực tế trong đợt đi trại sáng tác là dịp để các tác giả nắm bắt được đời sống xã hội, có tư liệu sống để viết kịch bản sân khấu sinh động, có chất lượng nghệ thuật phục vụ nhân dân và các chiến sĩ có hiệu quả cao hơn.

1.3. Hoạt động lý luận, phê bình

Trong thời gian vừa qua, công tác lý luận, phê bình của Hội đã được quan tâm đầu tư cả về tổ chức và chất lượng hoạt động. Hội đã phối hợp với Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tổ chức nhiều hội thảo khoa học, có nhiều ý kiến đóng góp cho công tác lý luận, phê bình liên quan đến lĩnh vực sân khấu. Ban Chấp hành Hội đã quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về “tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “xây dựng văn hóa con người Việt Nam trong sự phát triển bền vững của đất nước” để tìm ra những giải pháp, kiến nghị với các cơ quan chức năng đưa Nghị quyết của Đảng vào đời sống. Để công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật tác động tới thực tiễn sáng tác, lãnh đạo Hội, Ban lý luận phê bình của Hội đã phối hợp với Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương hàng năm có xét trao thưởng. Nhiều tập sách nghiên cứu, tiểu luận, bài viết về sân khấu được công bố dưới dạng ấn phẩm, đăng báo có nội dung, chất lượng cao được xét trao thưởng. Hoạt động này đã tác động tới lực lượng lý luận, phê bình, tới các đơn vị nghệ thuật. Nhờ đó mà trên lĩnh vực lý luận, phê bình, nghiên cứu sân khấu đã có nhiều cuốn sách mới ra đời, có tác động tới đời sống sáng tác.

Có thể đánh giá công tác lý luận, phê bình sân khấu thời gian qua đã có tác động thúc đẩy đội ngũ sáng tạo, hướng đến những đề tài trọng tâm của thời đại, những vấn đề quan thiết đang đặt ra trong hiện thực cuộc sống hôm nay. Đồng thời, những bài phê bình, giới thiệu vở diễn cũng có tác động đánh giá và cổ vũ những vở diễn mới, những sáng tác mới có nội dung tích cực, lành mạnh và hình thức nghệ thuật sinh động, đóng góp nhiều vào định hướng cảm thụ cho khán giả. Bên cạnh đó là sự xuất hiện của những bài phê bình có chất lượng, mạnh dạn chỉ ra những hiện tượng lệch lạc trong hoạt động sân khấu như: lạm dụng tiếng cười dễ dãi, có yếu tố sex, những câu chuyện ma... để câu khách. Những bài viết đó đã góp phần hạn chế những yếu kém, định hướng lại tư duy sáng tạo của các nghệ sĩ để quyết tâm chống sự xâm nhập/ảnh hưởng xấu của các sản phẩm văn

hóa độc hại, tạo môi trường nghệ thuật sạch, góp phần xây dựng và nâng cao đời sống tinh thần tốt đẹp, trong sạch, nhân văn cao cả trong xã hội.

1.4. Hoạt động liên hoan sân khấu

Những năm qua, Hội đã tổ chức thành công một số cuộc liên hoan và phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức nhiều liên hoan nghề nghiệp có chất lượng cao. 20 cuộc liên hoan gồm đủ các loại hình nghệ thuật: tuồng, chèo, cải lương, dân ca kịch, kịch nói, rối, xiếc,... ở trong nước và quốc tế (2 liên hoan kịch; 2 liên hoan múa rối; 2 liên hoan chèo; 3 liên hoan xiếc; 2 liên hoan tuồng dân ca; 1 liên hoan hình tượng Công an nhân dân); các cuộc thi tài năng trẻ (1 cuộc thi về kịch nói; 2 cuộc thi về cải lương dân ca; 2 liên hoan quốc tế, 3 liên hoan sân khấu Thủ đô và 3 liên hoan về các chuyên ngành sân khấu khác).

Liên hoan là cuộc hội ngộ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm nghệ thuật, qua đó, các nghệ sĩ, các đơn vị nghệ thuật đầu tư chất xám và kinh phí để sáng tạo ra những tác phẩm có giá trị tư tưởng và chất lượng nghệ thuật cao. Tại các cuộc liên hoan, những loại hình nghệ thuật truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc vẫn được các nghệ sĩ ngày đêm gìn giữ và trau chuốt để đưa nghề tổ của cha ông ngày một phát triển. Cũng tại các liên hoan, nhiều tìm tòi, cách tân, khám phá để làm giàu cho nghệ thuật sân khấu truyền thống nhưng vẫn giữ được lối kết cấu tự sự, kịch tính, trữ tình, với những miếng trò mới, có hàm lượng nghệ thuật cao hơn; những thủ pháp ước lệ, cách điệu, tượng trưng để tạo nên những mảng trò hay, đã làm cho nghệ thuật sân khấu truyền thống có thêm sức sống mới, hiện đại hơn, mà vẫn bảo đảm không “gieo vừng ra ngô”.

Về sân khấu kịch nói, trong các cuộc liên hoan xuất hiện nhiều tác phẩm có những tìm tòi, khám phá, sự giao thoa trong phong cách biểu diễn và dàn dựng, nhờ đó, các tác phẩm của sân khấu kịch nói Việt Nam luôn có phong cách riêng, tạo nên một màu sắc mới. Các nghệ sĩ đã kết hợp kịch tính với tự sự trong xử lý ước lệ của không gian, thời gian trong các thể tài để tạo ra ngôn ngữ nghệ thuật mới, từ đó xây dựng hình tượng nhân vật có tính điển hình với sắc diện mới của sân khấu kịch nói đương đại Việt Nam. Tháng 10 năm 2021, sân khấu kịch nói vừa tròn 100 năm tuổi - 100 năm trước, vở kịch nói “Chén thuốc độc” của tác giả Vũ Đình Long đã diễn ra trên chính sân khấu Nhà hát Lớn Hà Nội, ghi mốc son sự ra đời của sân khấu kịch nói Việt Nam, nhiều hoạt động thiết thực kỷ niệm sự kiện này đã được triển khai. Sau tròn một thế kỷ, Hà Nội lại được chứng kiến vở “Chén thuốc độc” do các nghệ sĩ đến từ 4 đơn vị Nhà hát kịch Việt Nam, Nhà hát kịch Tuổi Trẻ, Nhà hát kịch Hà Nội, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thực hiện. Các nghệ sĩ tham gia vở diễn đã cháy hết mình trong đêm diễn đầu tiên để đem lại cho những người làm nghề một cảm xúc thật linh thiêng, xúc động. Đặc biệt là sự thành

công của Hội thảo khoa học lớn: “100 năm hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu kịch nói Việt Nam - Những vấn đề đặt ra, định hướng và giải pháp phát triển” đã làm sôi động phòng Gương Nhà hát Lớn Hà Nội, với những đánh giá cao về giai đoạn hoàng kim của sân khấu kịch nói, và biết bao áp ú với bao tâm huyết, với bao trăn trở của những nhà nghiên cứu sân khấu, các nhà quản lý, các nghệ sĩ, các đơn vị kịch nói Việt Nam là “làm gì để cứu sân khấu vượt qua con khủng hoảng về khán giả hiện nay”.

1.5. Liên hoan quốc tế sân khấu thử nghiệm

Trong những năm qua, việc tổ chức liên hoan quốc tế sân khấu thử nghiệm đã góp phần tạo nên không khí giao lưu quốc tế sôi nổi. Hội đã tổ chức thành công 2 cuộc liên hoan vào các năm 2016 và 2019 theo đề án đã được Chính phủ phê duyệt. Liên hoan quốc tế sân khấu thử nghiệm đã có sức lan tỏa đối với hoạt động sân khấu quốc tế, nếu như lần liên hoan năm 2016 mới có 30 nước đăng ký tham gia, thì năm 2019 đã có trên 50 quốc gia gửi đăng ký. Qua các cuộc liên hoan, chúng ta vui mừng nhận thấy đội ngũ sân khấu, nhất là các nghệ sĩ biểu diễn - ở cả mảng sân khấu công lập và xã hội hóa, đều có tính chuyên nghiệp cao. Bên cạnh những nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, đã xuất hiện một lớp trẻ tài năng kế cận, từng bước khẳng định được mình trong nghệ thuật biểu diễn.

1.6. Tăng cường gắn kết giữa Hội và hoạt động của các đơn vị nghệ thuật sân khấu xã hội hóa

Sân khấu tư nhân (xã hội hóa) ra đời theo Nghị quyết số 90-CP và Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về “Chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường” và Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ. Mô hình của các đơn vị nghệ thuật sân khấu tư nhân (xã hội hóa) này hoạt động theo Luật doanh nghiệp, tự lo kinh phí, hạch toán kinh doanh và theo các quy định của cơ quan có thẩm quyền. Sân khấu tư nhân (xã hội hóa) muốn tồn tại, phát triển phải hướng tới khán giả. Vì vậy, khuynh hướng sáng tác của sân khấu tư nhân (xã hội hóa) phải hướng đến tính giải trí của công chúng trong cơ chế thị trường mới đảm bảo tự chủ kinh tế cho đơn vị hoạt động. Về tổ chức, các đơn vị sân khấu tư nhân (xã hội hóa) phải hướng tới mô hình gọn nhẹ, năng động trong điều hành theo cung cầu của doanh nghiệp.

Vấn đề tiếp thị khán giả, quảng cáo tác phẩm được các đơn vị sân khấu tư nhân (xã hội hóa) quan tâm đặt lên hàng đầu để tồn tại. Vì vậy, gần như không đơn vị nào xây dựng các vở diễn chính luận.

Thời gian qua, nổi bật về sân khấu tư nhân (xã hội hóa), với mô hình hoạt động năng động tự chủ trong cơ chế thị trường, là ở địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Theo thống kê của Hội Sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh, có lúc Thành phố có tới 30 đoàn sân khấu tư nhân.

Ở Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, do có nhiều đơn vị nghệ thuật công lập, nên các đơn vị sân khấu tư nhân hoạt động theo mô hình xã hội hóa diễn ra chậm chạp. Vào những năm 1990, cũng có một số câu lạc bộ thành lập, hoạt động theo mô hình xã hội hóa, nhưng những đơn vị này chỉ tập hợp một số nghệ sĩ để dàn dựng tác phẩm mới nhằm hướng vào những liên hoan, những cuộc thi, chưa tạo thành một thương hiệu nghệ thuật như những đơn vị xã hội hóa hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nhận rõ một số hạn chế, khó khăn đã và đang tồn tại trong lĩnh vực nghệ thuật sân khấu

2.1. Sân khấu còn thiếu vắng những vấn đề xã hội quan tâm; thiếu hình tượng nhân vật trung tâm

Sân khấu hôm nay đang thiếu vắng vai trò nhân vật trung tâm mang tầm vóc thời đại, mang tầm văn hóa cao trong các tác phẩm sân khấu hiện đại, đủ sức thuyết phục được người xem. Sân khấu chưa “lấp lánh” những vấn đề xã hội đương thời quan tâm: Có thể thấy, hiện nay nhiều đơn vị nghệ thuật, nhất là các đơn vị nghệ thuật công lập, đa phần đang dựng lại hoặc chuyển thể những kịch bản cũ cách đây trên 10 năm, hay tìm về những đề tài lịch sử, dã sử huyền thoại. Nhiều vấn đề xã hội đang đặt ra cần giải quyết (các vấn đề như đất đai, môi trường, tham nhũng, chạy chức chạy quyền...) nhưng trên sân khấu kịch nói chưa có nhiều những tác phẩm đề cập, còn né tránh, nên sân khấu vẫn thiếu gắn kết/mang đậm hơi thở đời sống, khó hấp dẫn công chúng.

2.2. Thiếu đội ngũ tác giả, đạo diễn trẻ chuyên nghiệp

Đội ngũ tác giả, đạo diễn trẻ có trình độ chuyên nghiệp, có đời sống thực tế hết sức hiếm hoi, khó tìm. Đạo diễn sân khấu truyền thống còn “đếm trên đầu ngón tay”. Nhiều cuộc liên hoan, hội diễn sân khấu vẫn những tên tuổi tác giả, đạo diễn quen thuộc, gần như gánh trọng trách định hướng nghệ thuật cho hầu hết các đơn vị nghệ thuật. Có một thực tế là, trong một số dịp liên hoan, hội diễn, bằng sức nóng từ “thương hiệu” của mình, nhiều đạo diễn chạy xô đến 5-6 vở diễn trong một liên hoan. Điều này cho thấy sự thiếu hụt đội ngũ tác giả, đạo diễn trẻ tài năng trầm trọng.

2.3. Cơ sở vật chất lạc hậu, nghèo nàn

Các đơn vị nghệ thuật công lập, ngoài công lập có cơ sở vật chất lạc hậu, cũ kỹ, nghèo nàn. Bên cạnh đó, một số đơn vị nghệ thuật phải thuê mượn cơ sở vật chất nên không bảo đảm ổn định lâu dài, sân khấu vẫn trong tình trạng nghiệp dư hóa.

2.4. Công tác lý luận, phê bình chưa theo kịp với sự phát triển của đời sống sân khấu

Công tác lý luận, phê bình sân khấu mặc dù có nhiều cố gắng thu hút những chuyên gia có chuyên môn sâu để định hướng thẩm mỹ cho hoạt động nghệ thuật, cho người thưởng thức nghệ thuật, nhưng phần vì các chuyên gia này tuổi tác ngày một cao không thể kham nổi và theo sát những đêm biểu diễn của các đơn vị nghệ thuật, nên công tác này chỉ dừng lại ở phần tuyên truyền quảng bá tác phẩm của những chuyên gia trẻ chứ không đi sâu phân tích đánh giá tác phẩm nghệ thuật do thiếu hụt hiểu biết về lý luận, phê bình hiện đại, khiến cho các công trình và bài viết lý luận, phê bình không có chiều sâu chất lượng.

2.5. Cơ chế chính sách chưa đáp ứng được cho hoạt động sáng tác

Các chế độ chính sách nhuận bút cho hoạt động lý luận, phê bình còn nhỏ giọt, không khuyến khích cho công tác nghiên cứu lý luận, phê bình để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu góp phần sáng tạo nghệ thuật lên một tầm cao mới. Trên lĩnh vực sáng tác văn học nghệ thuật, chúng ta đã có Nghị định số 61/CP quy định về chế độ nhuận bút văn học nghệ thuật, nhưng chế độ nhuận bút này đi vào đời sống, đến các đơn vị nghệ thuật, với các tác giả chưa được hưởng theo Nghị định. Có nhiều chỗ, nhiều nơi chi trả nhuận bút cho tác giả, đạo diễn, họa sĩ, nhạc sĩ,... không đúng như quy định của Nghị định. Vì vậy, chất lượng nghệ thuật đang bị nghiệp dư hóa. Đời sống của nghệ sĩ, nhất là các nghệ sĩ ở lĩnh vực sân khấu truyền thống (tuồng, chèo, cải lương, rối...) gặp nhiều khó khăn.

Về công tác tổ chức: Do sáp nhập với Trung tâm Văn hóa - là đơn vị sự nghiệp chỉ hoạt động công tác tuyên truyền - nên nghệ thuật sân khấu đang rơi vào tình trạng nghiệp dư, không giữ được tính chất chuyên nghiệp cũng như bản sắc của nghệ thuật truyền thống.

Về quảng bá nghệ thuật: Trong sự bùng nổ thông tin sân khấu đang rơi vào bế tắc vì không có kinh phí cho quảng cáo do thu không đủ chi, vì vậy khán giả không biết đến nhiều sáng tác và hoạt động của sân khấu.

2.6. Công tác đầu tư định hướng đào tạo khán giả

Nguy cơ, thách thức lớn nhất hiện nay là sân khấu truyền thống dân tộc đang mất dần khán giả từ những năm cuối thế kỷ XX tới nay. Cả những bộ môn sân

khẩu vốn còn rất đắt khách trong những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX như cải lương, kịch nói cũng lâm vào tình trạng mất khán giả đáng báo động từ những năm đầu thế kỷ XXI. Cho đến nay, thực trạng khán giả của nghệ thuật sân khấu truyền thống ngày càng thê thảm đến mức nếu không tìm cách giải quyết thì sân khấu truyền thống dân tộc sẽ không còn lý do để tồn tại, phát triển.

Nguyên nhân của tình trạng có nhiều, như do còn ít vở diễn hay, hấp dẫn, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức của khán giả hôm nay, công tác tuyên truyền, quảng cáo của các đơn vị sân khấu truyền thống còn rất thiếu và yếu... Nhưng quan trọng nhất có lẽ là do chúng ta chưa chú trọng đúng mức tới việc tổ chức, giáo dục, đào tạo các thế hệ khán giả mới của sân khấu truyền thống dân tộc. Lớp khán giả trung niên và cao niên đông đảo quen thuộc, hiểu và say mê sân khấu đã ngày càng ít dần và một ngày không xa sẽ không còn nữa. Nghệ thuật sân khấu đang đứng trước nguy cơ thui chột, thất truyền nghiêm trọng vì nó đang ngày càng trở nên xa lạ với khán giả hôm nay.

3. Định hướng phát triển

Những trình bày trên đây chính là cơ sở để xác định định hướng cho sự phát triển của Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam nói riêng, của nghệ thuật sân khấu Việt Nam nói chung trong thời gian tới.

Với phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Đổi mới - Trách nhiệm”, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam tập trung thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về “tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” đã chỉ rõ: “Trong những năm tới văn học nghệ thuật Việt Nam đứng trước thời cơ lớn và những thách thức mới. Để thực hiện mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải tiến hành một cuộc đấu tranh gian khó và phức tạp giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa tốt và xấu, cao thượng và thấp hèn... Hiện thực đó là mảnh đất màu mỡ cho những tìm tòi, sáng tạo của văn nghệ sĩ để tiếp tục xây đắp một nền văn học, nghệ thuật càng lớn mạnh với những tác giả, tác phẩm có tầm vóc xứng đáng với dân tộc”; Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI của Đảng về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Đây là kim chỉ nam, là định hướng cốt lõi cho nhiệm vụ của văn học, nghệ thuật, trong đó có sân khấu Việt Nam; cũng là để quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Đảng về văn hóa, văn nghệ, phát huy truyền thống sân khấu cách mạng Việt Nam và những thành tựu của những năm qua.

Để phát triển sự nghiệp sân khấu, trong những năm tiếp theo, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam sẽ đẩy mạnh và đổi mới phương thức hoạt động, phải sáng tạo được nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và chất lượng nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh

thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước. Đây mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình nghệ thuật về đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc, “Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; công cuộc đổi mới đất nước theo tinh thần đổi mới sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đặc biệt tập trung khuyến khích đầu tư cho sáng tác để có nhiều tác phẩm có giá trị đời sống đương đại, những vấn đề nóng trong hơi thở thời đại để phục vụ nhân dân, đáp ứng được xu thế hội nhập phát triển.

4. Một số đề xuất, kiến nghị

Để hoạt động sân khấu vượt qua các khó khăn, thách thức, không ngừng phát triển, có rất nhiều vấn đề đang được đặt ra cần giải quyết. Sau đây, chúng tôi xin đề xuất một vài vấn đề tương đối cấp thiết.

4.1. Nhà nước cần quan tâm ban hành các chế độ, chính sách đảm bảo đời sống, khuyến khích sáng tạo nghệ thuật cho các nghệ sĩ

Trong xu thế toàn cầu hóa, cùng với sự đa dạng, phong phú các hình thức nghệ thuật và sự phát triển của công nghệ thông tin, các đơn vị nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam đang đứng trước muôn vàn thử thách. Những khó khăn về nhân lực, tài lực khiến cho nhiều đơn vị không đủ sức cạnh tranh với chính những đơn vị cùng một hình thức nghệ thuật. Chính sách tiền lương dù đã “cải cách” nhưng vẫn chưa tạo ra động lực đủ mạnh cho người hưởng lương phát huy tài năng và cống hiến. Tiền lương thấp không thể làm cho nghệ sĩ gắn bó với Nhà nước, không thu hút được nhân tài; ngược lại, người làm việc giỏi, người có tài lại bỏ khu vực nhà nước ra làm việc cho khu vực ngoài nhà nước, nơi có tiền lương và thu nhập cao, có xu hướng tăng. Vì vậy, ngành sân khấu rất cần đến sự quan tâm, đầu tư hơn nữa và có các cơ chế đặc thù của nghệ thuật. Đặc biệt là những đề tài chính luận mang ý nghĩa giáo dục tư tưởng đường lối của Đảng, hiện nay chỉ có các đơn vị sân khấu công lập mới xây dựng công phu, nhưng Nhà nước cũng cần phải tổ chức biểu diễn trong các trường đảng, trong các kỳ họp Quốc hội, các kỳ họp Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố để cán bộ, đảng viên phải là người học tập và thấm thấu trước tiên, sau đó mới tổ chức phục vụ cho đông đảo nhân dân.

4.2. Nhà nước cần quan tâm đầu tư hơn nữa cho những đề án mang tính chiến lược phát triển nghệ thuật sân khấu

Một trong những đề án cần được quan tâm, đó là: “Giới thiệu nghệ thuật truyền thống trong các trường học” nhằm bảo tồn hữu hiệu những giá trị tinh hoa của bộ môn nghệ thuật truyền thống đang có nguy cơ thất truyền, đồng thời

nhằm xây dựng và đào tạo thế hệ khán giả trẻ cho sân khấu truyền thống đang có nguy cơ “mất trắng khán giả”. Việc quảng bá các tác phẩm nghệ thuật sân khấu phải độc đáo, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng vùng miền khán giả, mang lại hiệu quả cho việc quảng bá. Cần phải được phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo để đưa các loại hình nghệ thuật truyền thống giới thiệu và biểu diễn trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và đại học. Thông qua việc triển khai giới thiệu, trình diễn một số loại hình nghệ thuật dân tộc tiêu biểu, những vở diễn sân khấu về đề tài lịch sử, các em học sinh, sinh viên có thể hiểu thêm về nghệ thuật sân khấu, lịch sử dân tộc. Đây là hoạt động hết sức cần thiết, mang tính khả thi cao, nó vừa trang bị kiến thức lịch sử nước nhà cho giới trẻ, vừa có tác dụng đào tạo định hướng khán giả cho nghệ thuật sân khấu.

Sân khấu không thể tồn tại được nếu không có khán giả, nhân tố hợp thành quan trọng nhất của sân khấu cùng với các thành phần sáng tạo sân khấu khác như diễn viên, đạo diễn... Bởi vậy, để sân khấu truyền thống dân tộc trường tồn cùng dân tộc, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp “xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ”, việc xây dựng và phát triển các thế hệ khán giả mới cho sân khấu truyền thống dân tộc vô cùng cấp bách. Định hướng khán giả cần được coi là công việc có tầm quan trọng hàng đầu. Bởi vì khán giả luôn tồn tại một cách âm thầm trong các vở diễn sân khấu và là yếu tố cuối cùng được biên kịch, đạo diễn khai thác. Khi xây dựng vở diễn, cũng cần định hướng được đối tượng khán giả. Để làm được như vậy, sân khấu phải là một loại hình nghệ thuật đem lại luồng sinh khí cho khán giả, hoặc là phải nâng cao lực lượng tinh thần cho khán giả và có thể tương tác với khán giả. Tuy nhiên, để sân khấu tồn tại và thu hút khán giả đến rạp thì sân khấu cũng cần thay đổi, làm mới mình. Bởi vì đối tượng của sân khấu chính là khán giả, mối quan hệ giữa sân khấu và khán giả vô cùng mật thiết. Khán giả nằm trong quy trình của vở diễn, như đạo diễn người Ba Lan, Jerzy Grotowski khẳng định: “Hai thành phần cơ bản và không thể thiếu để hoàn thành một tác phẩm sân khấu, hay cấu thành một vở diễn là diễn viên và khán giả”. Nói như vậy để thấy, một vở diễn sân khấu cần có hai bước: bước thứ nhất là diễn viên, bước thứ hai có khán giả xem vở diễn. Diễn viên và khán giả là cơ sở duy nhất cho sự tồn tại của sân khấu, một trong hai yếu tố trong số đó bị thiếu thì sân khấu sẽ biến mất.

Một đề án khác, theo chúng tôi, cũng rất cần được quan tâm, đó là đề án “Liên hoan quốc tế sân khấu thử nghiệm”, nhằm giao lưu học hỏi kinh nghiệm tiếp cận với tinh hoa của nghệ thuật sân khấu thế giới, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ văn nghệ sĩ sân khấu.

Đại dịch COVID-19 vẫn diễn ra thật khốc liệt trên toàn cầu, thì cần phải tăng cường những cuộc đối thoại giữa Nhà nước và nhân dân về các vấn đề xã hội luôn

nảy sinh trước, trong và sau đại dịch thông qua nghệ thuật sân khấu “để phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam” hôm nay, như mong muốn và hy vọng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Nghệ thuật sân khấu sẽ phải đặt nhiệm vụ: Làm thăng hoa trên sàn diễn những cuộc đối thoại ấy, vốn luôn nảy sinh trong cuộc sống hôm nay. Và đó phải là nhiệm vụ hàng đầu của sân khấu Việt Nam thế kỷ XXI.

Một số đề án khác, như đề án “Quỹ hỗ trợ phát triển nghệ thuật và nghệ sĩ sân khấu”, đề án “Hỗ trợ các đơn vị nghệ thuật sân khấu xã hội hóa” để có thể hỗ trợ hoạt động và đặt hàng sáng tác,... cũng rất cần được thực hiện, nhằm tạo điều kiện cho nghệ thuật sân khấu không ngừng phát triển.

4.3. Đầu tư mạnh mẽ hơn cho những tác phẩm mang đề tài hiện đại

Vì sự thôi thúc khẩn thiết của đòi hỏi xã hội, đầu tư mạnh mẽ hơn cho những tác phẩm mang đề tài hiện đại nhằm tổ chức đối thoại với người xem bằng những vở diễn phản ánh hết sức sâu sắc, sinh động “ý Đảng lòng dân” trong cuộc sống hôm nay, nhằm thể hiện và thực hiện quyết tâm lớn của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, để nghệ thuật sân khấu góp phần tích cực nhất vào việc “phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh của con người Việt Nam”, vượt qua những thách thức trong quá trình đưa đất nước phát triển và hội nhập quốc tế.

NGHỆ THUẬT MÚA VIỆT NAM TRONG HÀNH TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM HÔM NAY

HỘI NGHỆ SĨ MÚA VIỆT NAM

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, nguồn lực nội sinh của đất nước. Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước là quan điểm xuyên suốt, nhất quán trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần quan trọng vào việc hiện thực hóa mục tiêu, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Hòa cùng dòng chảy của lịch sử dân tộc, nghệ thuật múa Việt Nam đã đóng góp tích cực trong công cuộc trường chinh giải phóng nước nhà cũng như sự nghiệp xây dựng, đổi mới và phát triển văn hóa, xã hội Việt Nam trong thời kỳ mới.

Trong giai đoạn kháng chiến, các nghệ sĩ múa “cũng là chiến sĩ” trên mặt trận văn hóa tư tưởng, đã cùng xông pha trên các chiến trường, góp phần to lớn cổ vũ tinh thần đồng bào và chiến sĩ anh dũng vượt qua những gian khó, khốc liệt của chiến tranh; tạo ý chí và sức mạnh làm nên chiến thắng lịch sử vĩ đại của dân tộc.

Những tác phẩm thấm nhuần giá trị tư tưởng văn hóa, văn nghệ của Đảng trở thành mốc son lịch sử của ngành múa Việt Nam thời kỳ ấy, đó là: kịch múa “Ngọn lửa Nghệ Tĩnh”, kịch múa “Tấm Cám”, “Bà má miền Nam”, “Người mẹ cầm súng”, “Gặp gỡ trên mâm pháo”, “Vợ chồng dân quân”, “Lựu đạn gỗ”, “Tay chài vai súng”... Cùng với đó là những gương mặt “nghệ sĩ - chiến sĩ” múa khởi đầu cho bước đường chuyên nghiệp của nghệ thuật múa Việt Nam, đó là: NSND. Thái Ly, GS.TS.NSND. Lê Ngọc Canh, NSND. Phùng Thị Nhạn, Nghệ sĩ - liệt sĩ Phương Thảo, Thanh Tùng, NSND. Đặng Hùng, NSND. Y Brom, NSND. Xuân Định, NSND. Trần Minh... Điều này cho thấy ngay từ đầu, các nghệ sĩ múa Việt Nam đã phát huy tốt tinh thần đoàn kết, tạo nên một mặt trận đồng lòng, khơi dậy khát vọng vươn lên mãnh liệt và ý chí quyết tâm về một Việt Nam hòa bình, độc lập.

Sự ra đời của Đoàn Văn công Tổng cục Chính trị (nay là Nhà hát Ca múa nhạc Quân đội); Đoàn Văn công nhân dân Trung ương (nay là Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam); sự ra đời của các đơn vị đào tạo múa chuyên nghiệp như Trường múa Việt Nam (nay là Học viện Múa Việt Nam), Trường Văn hóa nghệ thuật Việt Bắc, Trường Văn hóa nghệ thuật Tây Bắc, Trường Văn hóa nghệ thuật Quân đội, Trường Đại học

Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, Trường Múa Thành phố Hồ Chí Minh... chính là những cánh chim đầu đàn, là cái nôi khai sinh ra nghệ thuật múa chuyên nghiệp Việt Nam. Cũng từ đây, nhiều thế hệ nghệ sĩ tài năng đã được nuôi dưỡng và trưởng thành. Thời kỳ này hàng loạt các tác phẩm với nhiều đề tài như: thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống bành trướng, đoàn kết hữu nghị với các nước, đề tài về xây dựng và phát triển con người mới... được mở rộng tiêu biểu như: NSND. Thái Ly với “Mâm vàng Cửu Long”, NSND. Lê Ngọc Canh với Theo cò giải phóng, NSND. Đặng Hùng với chùm múa Chàm (múa Quạt, múa Trống Paranung, múa Đoa Pù...), NSND. Trần Minh với “Trên quê hương quan họ”, NSND. Xuân Định với kịch múa “Sơn Tinh, Thủy Tinh”, NSND. Y Brom với múa “Chăm H”roi”, NSND. Vương Thảo với “Trống Dao”, NSND. Phùng Nhạn với “Câu chuyện bên dòng sông”, NSND. Công Nhạc với “Bên dòng Lô năm xưa”, NSND. Lê Ngọc Cường với “Hứng Dừa”...

Cùng với thế hệ diễn viên trước đó như: Chu Thúy Quỳnh, Mạnh Hùng, Phó Anh Nghiêm, Kim Quy, Việt Cường, Thanh Tùng, Phương Thảo, Tô Nguyệt Nga, Như Bình..., thế hệ diễn viên tiếp nối của các nhà hát và đoàn ca múa như: Hà Thế Dũng, Ngô Kiều Ngân, Lê Vân, Thúy Hạnh, Văn Hải, Lê An, Ngọc Hiền, Trần Bình, Thanh Diệp, Hà Thị Kim Chung, Đặng Hùng, Vương Linh, Nguyễn Việt Việt, Nguyễn Thành Sơn, Nguyễn Thị Lương, Ê Ban Quý, Trần Thị Thu Vân, Phạm Thạch Bình, Nguyễn Thế Chiến... Có thể nói, các nghệ sĩ múa Việt Nam đã tiếp sức cho nghệ thuật múa nước nhà hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của mình, đóng góp tích cực cho cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại và tạo nên một dấu son đầy kiêu hãnh, tự hào.

Sự ra đời của Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam (ngày 27/12/1989 theo Quyết định số 375-QĐ của Hội đồng Bộ trưởng) - một tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, một địa chỉ tin cậy của các nghệ sĩ múa trong cả nước, đồng hành cùng nền văn học, nghệ thuật nước nhà trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, xây dựng con người Việt Nam toàn diện hướng tới chân, thiện, mỹ. Trải qua hơn 30 năm phát triển và trưởng thành, với 7 kỳ đại hội, dưới sự tín nhiệm, tin yêu của hàng nghìn hội viên trên toàn quốc, Ban Chấp hành Hội đã tổ chức, triển khai nhiều hoạt động nghề nghiệp trên cả bốn lĩnh vực: Sáng tác - biểu diễn, huấn luyện - đào tạo, nghiên cứu lý luận và phong trào, luôn kề vai, sát cánh, trung thành với tôn chỉ, mục đích của Đảng và Nhà nước trong mọi hoạt động nghề nghiệp. Quán triệt sâu sắc những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới và Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, cho đến Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII...

Bước vào thời kỳ đổi mới, hàng loạt kịch múa và các tác phẩm được ra đời đánh dấu sự trưởng thành của thế hệ biên đạo kế tiếp như: Kịch múa “Đất nước”, “Tiếng trống Bắc Sơn”, “Bài ca ra trận”, “Bông lau trắng”, “Khúc biến tấu từ pho tượng cổ”, “Mệnh trời tình đất”, Thơ múa “Con đường từ trái tim”, “Trăng treo” (NSND. Ứng Duy Thịnh), “Nguồn sáng” (NSND. Phạm Anh Phương - Hồng Phong), “Ngọc trai đỏ” (NSND. Việt Cường - Kim Quy), “Ngọn lửa Hà Thành” (NSND. Công Nhạc), “Khoảnh khắc bất tử” (NSND. Anh Phương, Hồng Phong, Tuyết Minh), Ballet Kiều (Tuyết Minh, Phúc Hùng), “Mặt trời trong tim” (NSND. Tô Nguyệt Nga), NSND. Phạm Anh Phương với “Bến lụy”, “Lời ru của rừng”; NSND. Chu Thúy Quỳnh với “Hương Quê”, “Mùa xuân trên bản H’Mông”, NSND. Văn Quang với “Nguyệt cô hóa cáo”, NSND. Xuân Thanh với “Mẹ mặt trời”... và rất nhiều tên tuổi biên đạo trên khắp cả nước như: Ngọc Bích, Minh Thông, Ngọc Anh, Kim Chung, Quỳnh Như, Ánh Tuyết... hằng năm cho ra đời hàng trăm tác phẩm múa mà trong khuôn hạn một bài viết, chúng tôi không thể kể hết.

Cùng với sự chuyển mình của đất nước, nghệ thuật múa Việt Nam cũng đã có nhiều đổi thay để phản ánh đúng tinh thần của thời đại. Chúng ta thấy những gương mặt mới, những tác phẩm mới dần lộ diện với nhiệt huyết và sức trẻ, luôn bám sát hiện thực cuộc sống. Đề tài đã được mở rộng, nội dung đa dạng hơn, nhiều tác phẩm đã bắt đầu miêu tả thế giới nội tâm với những góc khuất của con người. Như vậy, nghệ thuật múa không chỉ tồn tại trên sân khấu với tư cách là tác phẩm biểu diễn phục vụ khán giả mà nó còn “len lỏi” vào đời sống dân sinh như một nhu cầu tất yếu.

Nghệ thuật múa đã đi cùng dân tộc và trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, hiện nay với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, nghệ thuật múa đã khẳng định được vị thế và chỗ đứng trong lòng khán giả, múa đã xuất hiện với tần suất thường xuyên hơn, là món ăn tinh thần vô giá đối với nhiều tầng lớp dân chúng và trở thành nhân tố không thể thiếu trong nhiều sự kiện văn hóa, kinh tế, chính trị quan trọng của đất nước.

Sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam với các bộ, ban, ngành và với các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp khác cũng đã giúp cho nền nghệ thuật nước nhà ngày một vững mạnh. Sự đa dạng hóa các hình thức hoạt động múa đã làm khởi sắc phong trào múa chuyên nghiệp và không chuyên. Lực lượng nghệ sĩ trẻ vẫn đang kế tục lớp cha anh ngày càng khẳng định nghệ thuật múa đang trở thành bộ môn nghệ thuật không thể thiếu vắng trong các chương trình, sự kiện nghệ thuật chào mừng các ngày lễ lớn, kỷ niệm các mốc son lịch sử của dân tộc, như: liên hoan nghệ thuật kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, những đại quần vũ phục vụ Seagames 22 và Paragames 22, chương trình kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, chương trình nghệ thuật chào mừng thành công Đại hội Đảng toàn quốc; các chương trình, lễ hội cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức hằng năm...

Bước vào xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, nghệ thuật múa Việt Nam đã nhanh chóng tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài để làm giàu và phát triển nền nghệ thuật múa nước nhà. Dòng chảy múa đương đại đã kịp thời hòa cùng dòng chảy của múa dân tộc, tạo nên hơi thở mới, sức sống mới cho nghệ thuật múa Việt Nam. Đội ngũ các biên đạo trẻ của ngành múa đã và đang kế tục thành tựu của thế hệ đi trước, ngày càng khẳng định tài trí và năng lực của mình, thể hiện sự sáng tạo, năng động, vững bước đảm nhận vai trò kế nhiệm lớp cha anh đi trước, với cái tên: Hữu Từ, Thu Hà, Kiều Lê, Hồng Phong, Hiền Trang, Ly Ly, Tuyết Minh, Văn Hiền, Tạ Thùy Chi, Tuấn Ngọc, Công Hải, Thanh Hằng, Thanh Tùng, Văn Dũng, Tấn Lộc, Thái Phương Ngọc, Quỳnh Lan, Hải Tiến, Xuân Chiến, Mai Len... Những sáng tác của thế hệ này đã mang được hơi thở thời đại, tiếp thu được tinh hoa văn hóa thế giới mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.

Chúng ta tự hào có nhiều diễn viên, biên đạo được học tập nâng cao trình độ tại nước ngoài, nhiều tác phẩm được xuất hiện trên các sân khấu quốc tế. Những thành tích mà nghệ thuật múa đạt được trong liên hoan thể thao văn hóa ở Ottawa (Canada), trong liên hoan múa dân gian ở Sapah (Malaysia) hay trong những cuộc thi múa tại Trung Quốc (2001), thi ballet tại Nhật Bản (1999), Phần Lan (2005)... cho thấy những thành quả tuyệt vời của lĩnh vực đào tạo, đồng thời cũng cho thấy nghệ thuật múa Việt Nam đã phát triển theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước, đặc biệt góp phần tích cực, hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng, phát triển con người Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Các nghệ sĩ biểu diễn cũng ngày càng tiến bộ, trưởng thành, trình độ, kỹ thuật biểu diễn không thua kém gì các nghệ sĩ múa quốc tế, như: Ngô Thụy Tố Như, Ngọc Văn, Hải Yến, Cao Chí Thành, Ngọc Anh, Chúc Quỳnh, Ngọc Cần, Phan Lương; rồi đến các nghệ sĩ rất trẻ hiện nay là: Thu Huệ, Quỳnh Chi, Đức Hiếu, Hải Anh, Trần Hoàng Yến, Ngọc Tú, Sùng A Lùng, Thảo Nhi, Hà Tứ Thiên...

Không đứng ngoài thời cuộc, nghệ thuật múa luôn nhạy bén và sẵn sàng phụng sự Tổ quốc. Chứng kiến và thấm thía sự nghiệt ngã của đại dịch COVID-19, Ban Chấp hành Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam đã phát động, bảo trợ và định hướng về sáng tác, tìm ra phương thức tổ chức thực hiện và sáng tạo mới phù hợp với bối cảnh đặc biệt khi nghệ thuật chịu ảnh hưởng sâu sắc của dịch bệnh COVID-19. Hàng chục kịch bản múa khai thác nhiều đề tài, nhiều góc nhìn mang tính thời sự, hàng trăm nghệ sĩ tham gia Tổ khúc múa “Ánh sáng tâm hồn”, thể hiện vai trò tập hợp lực lượng, kết nối nghệ sĩ Nam - Bắc của Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam nhằm tri ân, tiếp thêm sức mạnh cho cuộc chiến chống COVID-19 của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

Chính những lúc này chúng ta mới thấy sứ mệnh “sâu rễ, bền gốc” của nghệ thuật múa là vì con người. Con người vừa là đối tượng, vừa là chủ thể thưởng thức

nghệ thuật. Mục đích cuối cùng của nghệ thuật múa cũng là để góp phần nâng cao đời sống con người, giúp con người Việt Nam hiện đại có tri thức, văn minh, có tâm hồn văn hóa và coi văn hóa là “vũ khí” cần thiết để vững vàng bước vào thời đại mới.

Hơn 70 năm qua, nền nghệ thuật múa Việt Nam có thể hãnh diện khẳng định rằng đội ngũ nghệ sĩ của ngành múa đã âm thầm cống hiến, đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc tái thiết, xây dựng đất nước; đồng hành cùng văn nghệ sĩ các ngành nghệ thuật trong công cuộc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam cũng rất tự hào khi đã thực sự trở thành ngôi nhà thân thiết, đầm ấm, đoàn kết của các nghệ sĩ múa trên hành trình xây dựng văn hóa và con người Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập. Tính đến thời điểm hiện nay, Hội đã có hơn một nghìn hội viên trên toàn quốc, trong đó có rất nhiều nghệ sĩ đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú... Hội cũng đã tổ chức thực hiện rất nhiều những hoạt động nghệ thuật; đầu tư - tài trợ cho hơn 1.162 công trình, tác phẩm; trao giải thưởng nghệ thuật múa cho gần hai nghìn tác phẩm, công trình. Trong 10 năm gần đây, Hội đã tổ chức được 88 sự kiện - hoạt động; tài trợ cho 481 công trình, tác phẩm; trao thưởng cho 621 tác phẩm. Điều đó chứng tỏ cường độ thực hiện các hoạt động nghệ thuật múa ngày càng được nâng lên, biểu hiện sự năng động, sáng tạo không ngừng của các nghệ sĩ múa. Những hoạt động trên đã thực sự góp phần nâng cao vị thế của Hội lên một tầm cao mới, góp phần khẳng định bản lĩnh và quyết tâm vì một nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Bước vào giai đoạn hội nhập với những thành tựu vĩ đại của cuộc Cách mạng công nghệ 4.0, bằng sự nhạy bén thời cuộc, Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam với cơ quan ngôn luận là Tạp chí *Nhịp điệu* đã làm tốt vai trò chỉ đạo và định hướng hoạt động nghề nghiệp từ Trung ương tới các chi hội địa phương, xây dựng các chi hội là cánh tay nối dài của Hội để nghệ thuật múa có sức lan tỏa sâu rộng vào đời sống nhân dân. Bốn lĩnh vực chuyên môn: sáng tác - biểu diễn; huấn luyện - đào tạo; nghiên cứu lý luận và phong trào luôn được gắn kết tổng hòa, cùng nhau đồng hành và phát triển bền vững theo chủ trương, đường lối của Đảng.

Với tinh thần chủ động, đoàn kết, dân chủ, đổi mới, sáng tạo, trách nhiệm cao; Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển

đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”¹.

Nhận thức sâu sắc và nghiêm túc, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam nhiệm kỳ VII - bảo đảm mỗi nghệ sĩ, hội viên thuộc Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam đều thấm nhuần sâu sắc và thực hiện đúng đắn, sáng tạo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, góp phần phát huy giá trị văn hóa, trí tuệ con người Việt Nam, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và hội nhập quốc tế.

Trong công tác sáng tạo tác phẩm - công trình nghệ thuật, để có nhiều tác phẩm, công trình nghệ thuật có giá trị, Ban Chấp hành Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam nhiệm kỳ VII luôn bám sát mục tiêu, định hướng của Đảng, tập trung khai thác các mảng đề tài lớn như: đề tài chiến tranh cách mạng; đề tài học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; đề tài về biển đảo, về cuộc sống đương đại, về truyền thống văn hóa dân tộc; khuyến khích các biên đạo đi sâu khai thác, phản ánh sinh động những tấm gương điển hình trong hiện thực lao động sản xuất, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới, hải đảo; chống các khuynh hướng phản động, tiêu cực, những tệ nạn xã hội cản bước tiến của dân tộc trong quá trình hội nhập, phát triển đất nước.

Nhằm tạo nguồn cảm hứng cho đội ngũ tác giả - biên đạo, Hội đã có nhiều phương thức tổ chức và nội dung sinh hoạt trại sáng tác đổi mới, đầu tư đi kèm việc nâng cao chất lượng, bảo đảm hiệu quả cao sau mỗi lần mở trại. Song song với việc mở trại, Hội tổ chức đợt thâm nhập thực tế cho hội viên - biên đạo đi về cơ sở tham quan, tìm hiểu văn hóa dân tộc, tiếp cận với các già làng, nghệ nhân, tham dự một số lễ hội dân gian truyền thống, tổ chức tọa đàm, mời lãnh đạo tỉnh và các nhà nghiên cứu văn hóa của địa phương giới thiệu về đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số, giúp hội viên mở mang hiểu biết văn hóa, nâng cao nhận thức tư tưởng, bản lĩnh nghề nghiệp, hình thành một đội ngũ nghệ sĩ múa trẻ có đủ phẩm chất, năng lực chuyên môn vững vàng, bám sát hiện thực cuộc sống, lấy hiện thực làm mạch nguồn sáng tạo.

Với chủ trương “*Sáng tác luôn đi liền với quảng bá, lan tỏa tác phẩm nghệ thuật đến với công chúng*”, tránh tình trạng lãng phí, đầu tư không có hiệu quả, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành và Hội đồng Nghệ thuật luôn bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, tổ chức tốt hoạt động tuyên truyền, quảng bá tác phẩm thông qua việc xây dựng, tổ chức các chương trình “*Hoa muôn sắc*” gắn với những sự kiện chính trị, văn hóa - xã hội của đất nước, tạo hiệu ứng sâu, rộng trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

Dù đã được Đảng và Nhà nước tạo điều kiện nhưng Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam vẫn mong muốn cần có cơ chế, chính sách đầu tư trọng điểm, thiết thực hơn nữa cho các tác phẩm, công trình giá trị tạo hiệu ứng xã hội lớn lao nhằm quảng bá, lan tỏa sâu rộng trong công chúng, khán giả.

Xác định đào tạo là một trong những lĩnh vực then chốt, nền tảng ban đầu gây dựng nên những nghệ sĩ múa chuyên nghiệp nên Ban Chấp hành Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam cũng luôn coi trọng, đánh giá cao sự đóng góp của đội ngũ nhà giáo vào sự phát triển của ngành nói chung. Bởi thế, công tác tổ chức các hoạt động liên quan đến công tác huấn luyện - đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, vận dụng quy chế xét thưởng để trao giải cho nhiều công trình, giáo trình, chương trình thi tốt nghiệp của hội viên là giáo viên các trường Văn hóa nghệ thuật vẫn được Ban Chấp hành Hội duy trì thường niên.

Hàng năm, Hội thường xuyên tổ chức các đợt điền dã, thâm nhập thực tế tại các vùng dân tộc cho giáo viên giảng dạy múa dân gian dân tộc của các trường văn hóa nghệ thuật trong toàn quốc. Trên thực tế, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta có hệ thống di sản văn hóa vô cùng phong phú, đa dạng và có nhiều sắc thái văn hóa đặc sắc, hấp dẫn. Vì vậy, công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn văn hóa dân tộc để bổ sung vào hệ thống giảng dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa, chất liệu ngôn ngữ múa dân tộc là vấn đề quan trọng, đồng thời cũng là yêu cầu cấp bách hiện nay nhằm bổ trợ hữu ích vào công tác giảng dạy, biên soạn giáo trình, giáo án.

Bên cạnh đó, Hội còn tổ chức tập huấn, hội thảo về đào tạo với đối tượng là các giáo viên múa các môn Dân gian Dân tộc, múa cổ điển Việt Nam, múa đương đại, múa nước ngoài, múa cổ điển châu Âu, múa tính cách... Đây là nơi mà các giảng viên có thể trao đổi, giao lưu, học hỏi cho những vấn đề từ những nguyên tắc biên soạn chương trình, giáo trình; sự thống nhất một số thuật ngữ; tên động tác, tính chất và quy cách thực hiện ở một vài động tác tiêu biểu của các dân tộc; bố cục một chương trình thi tốt nghiệp, cho đến cách thức dàn dựng các trích đoạn, tiểu phẩm, trình thức...

Mặc dù luôn xác định đội ngũ các nhà nghiên cứu lý luận, phê bình là người bạn đồng hành, là người đi đầu hoạch định những định hướng, chiến lược phát triển bền vững của văn hóa nghệ thuật nói chung và nghệ thuật múa nói riêng, song có một thực trạng chung là đội ngũ những người làm lý luận, phê bình khi nào cũng trong tình trạng "yếu" và "thiếu". Đặc biệt, đối với ngành múa Việt Nam thì lực lượng lý luận, phê bình ngày càng rơi vào thiếu thốn trầm trọng. Hiện nay, hầu hết các nhà lý luận, phê bình múa vẫn là thế hệ gao cội, chưa tạo được nguồn nhân lực kế cận chuyên môn khiến lĩnh vực nghiên cứu lý luận luôn trong tình trạng khan hiếm bài viết, chưa bắt nhịp được xu thế phát triển và sự năng động, đa dạng của các nhà sáng tác nghệ thuật đương đại.

Nhiều năm qua, Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam đã rất nỗ lực nhằm thúc đẩy công tác lý luận, phê bình như: tổ chức các cuộc hội thảo khoa học để bàn sâu về các lĩnh

vực chuyên môn và đặt hàng, đầu tư tài trợ xuất bản các công trình nghiên cứu lý luận; tạo điều kiện gắn kết giữa những người làm nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn, giữa công tác nghiên cứu lý luận và công tác huấn luyện - đào tạo, với đội ngũ sáng tác, biểu diễn... song tình trạng vẫn chưa được cải thiện.

Vì vậy, để tháo gỡ và có định hướng phát triển đội ngũ lý luận, phê bình một cách thiết thực, hiệu quả, Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam mong các cơ quan hữu quan cùng vào cuộc để có những chiến lược bền vững, cụ thể hóa các chính sách đãi ngộ xứng đáng các cán bộ làm công tác lý luận, phê bình; chính sách phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ cả ở trong và ngoài nước nhằm tạo dựng thế hệ lý luận, phê bình kế cận chuyên nghiệp và tâm huyết.

Đối với diễn viên biểu diễn - một trong những thành phần sáng tạo làm nên thành công của tác phẩm, Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam đã có nhiều hành động cụ thể, thiết thực nhằm nâng cao vai trò của diễn viên như: động viên, cổ vũ kịp thời các diễn viên có nhiều thành tích trong các hội thi, hội diễn, liên hoan có múa tham gia. Đồng thời, công tác tập huấn diễn viên trong những năm gần đây đã được quan tâm, chú trọng hơn nhằm cập nhật những kiến thức, nghiệp vụ cần thiết cho diễn viên, tạo nguồn cảm hứng, môi trường giao lưu, học hỏi, tiếp thêm động lực cho mỗi diễn viên trên con đường hoạt động sáng tạo của mình.

Với đặc thù của nghệ thuật múa, Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam mong mỗi được Đảng, Nhà nước, Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tạo điều kiện cho Hội chuyên ngành đóng vai trò chủ động trong các cuộc thi tài năng dành cho diễn viên biểu diễn cấp quốc gia, nhằm tạo sân chơi chuyên nghiệp, hữu ích cho đội ngũ nghệ sĩ biểu diễn.

Có thể nói, để tạo điều kiện cho nghệ thuật múa phát triển mọi mặt cả ở lĩnh vực chuyên nghiệp và không chuyên, múa chuyên nghiệp và múa quần chúng cùng song hành phát triển và đều lấy con người làm mục đích cho sự tồn tại của mình. Nghệ thuật múa thực sự đã đóng vai trò góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, trở thành ngôn ngữ quan trọng để từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các giai tầng xã hội.

Ban Chấp hành Hội cũng hết sức quan tâm, chú trọng việc kết nạp hội viên mới không chỉ dừng lại ở các nghệ sĩ hoạt động trong khối các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp mà còn mở rộng sang khối nghệ sĩ hoạt động phong trào tại các vũ đoàn, trung tâm văn hóa. Cho đến nay, tổng số hội viên Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam đã lên tới con số hơn một nghìn hội viên được phân chia sinh hoạt tại 31 chi hội cơ sở, trở thành những cánh tay nối dài, tiếp sức cho sự phát triển sâu rộng của nghệ thuật múa trên toàn quốc.

Qua đó, có thể thấy Trung ương Hội cùng với sự thay đổi của công cuộc đổi mới đất nước đã làm tốt vai trò chỉ đạo và định hướng các hoạt động nghề nghiệp tới các chi hội địa phương, quan hệ tốt hai chiều, trên tinh thần đồng thuận cùng nhau phát

triển. Với những đóng góp tích cực và hiệu quả trong những năm qua, đến nay Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam ngày càng trưởng thành và nhận được sự tin yêu của hội viên tại hầu hết các địa phương, vùng miền của Tổ quốc. Đó là kết quả của cả một quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ; sự nỗ lực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với thực tiễn của Thường trực lãnh đạo, Ban Chấp hành Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam phối hợp đồng bộ giữa Hội Trung ương và các chi hội địa phương đã tạo nên sức mạnh đoàn kết và tinh thần lao động tích cực, sáng tạo, trách nhiệm của mỗi nghệ sĩ - hội viên Hội Nghệ sĩ múa.

Gần đây chúng tôi nhận thấy, chính sách sáp nhập các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp vào các trung tâm văn hóa đã gây ra nhiều vướng mắc, bất cập cho sự phát triển của nghệ thuật. Về mặt cơ cấu tổ chức, đây là một trong những giải pháp nhằm tinh gọn bộ máy, nhưng từ góc độ phát triển nghệ thuật lại gây ra mâu thuẫn giữa môi trường làm việc chuyên nghiệp và môi trường hoạt động nghệ thuật quần chúng. Thu gọn bộ máy đồng nghĩa với việc thiếu hụt nhân lực, thiếu biên chế cho cơ cấu đội ngũ nghệ sĩ của mỗi loại hình trong đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp.

Quán triệt sâu sắc những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và tinh thần chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, kết hợp chặt chẽ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Nghệ thuật biểu diễn cùng các hội bạn trong nhiều hoạt động nghệ thuật cũng là kim chỉ nam, là phương châm hành động xuyên suốt hành trình nghệ thuật của Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam.

Trong vai trò chuyên môn, đặc thù Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam đã hoàn thành tốt chức năng tham mưu đổi mới nội dung, phương thức chỉ đạo, định hướng, quản lý nhà nước đối với nghệ thuật múa theo hướng bảo đảm phát triển đúng định hướng chính trị của Đảng; chủ động tham gia công tác quản lý, nâng cao vai trò tư vấn, giám sát, phản biện về những vấn đề cơ chế, chính sách liên quan đến văn học, nghệ thuật.

Hội cũng đã và đang phối hợp với tư cách là đơn vị đồng tổ chức với Cục Nghệ thuật Biểu diễn - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thành công các cuộc liên hoan, hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc, cuộc thi tài năng biên đạo trẻ, Liên hoan múa quốc tế... Song, trong khâu tổ chức các liên hoan, hội diễn này, thiết nghĩ cần tăng cường phối hợp một cách chủ động, chặt chẽ hơn nữa giữa các đơn vị đồng tổ chức thì chất lượng nghệ thuật sẽ được nâng cao và hiệu quả hơn.

Trong suốt hành trình hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam luôn đặt mục tiêu bồi đắp, phát triển văn hóa nghệ thuật nói chung và phát triển nghệ thuật múa nói riêng nhằm phục vụ đời sống tinh thần của con người,

hướng con người đến vẻ đẹp chân, thiện, mỹ. Rõ ràng vấn đề “phát triển con người toàn diện” vẫn luôn được Đảng ta xác định là một trong những nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước. Một con người toàn diện cần phát triển hài hòa, đầy đủ chân, thiện, mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là mục đích cốt lõi của các nhiệm vụ chuyên môn căn bản, lâu dài mà Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam cần tập trung triển khai. Do đó, việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện không phải là riêng của từng bộ, ngành mà là nhiệm vụ chung, đòi hỏi sự vào cuộc của các cấp, các ngành, toàn hệ thống chính trị và cần được tiến hành thường xuyên, liên tục với nhiều giải pháp đồng bộ.

Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam nói riêng và ngành múa nói chung vẫn luôn trong tâm thế sẵn sàng, chủ động, quyết tâm nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, bám sát mọi chủ trương, đường lối của Đảng, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển đất nước bền vững, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước trên con đường phát triển và hội nhập quốc tế.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU VIỆT NAM

PGS.TS. TRẦN TRÍ TRẮC

1. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã có nhiều nghị quyết về văn hóa, văn nghệ như: *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 - đã soi đường cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, văn nghệ Việt Nam; đã khẳng định mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị; giữa cách mạng văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc; giữa văn hóa mới và nhân dân theo tinh thần dân tộc, đại chúng và khoa học. Tiếp đó là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết số 23/NQ-TW về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 33/NQ-TW khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, v.v..

Những nghị quyết của Đảng về văn hóa, văn nghệ được bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và được sáng tạo bằng thực tiễn của dân tộc, cách mạng để trở thành chân lý khách quan, nền tảng cơ bản cho con đường phát triển văn hóa, văn nghệ Việt Nam. Nhờ đó, nghệ thuật sân khấu cách mạng Việt Nam đã ra đời.

Nghệ thuật sân khấu cách mạng Việt Nam, từ năm 1945 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đi từ nghiệp dư, với mưa rừng, suối lũ, com nồm, nước khe, hành quân không ngủ, vai sừng, tay đàn biểu diễn dưới ánh sáng đầu lạt, đầu sỏ, ánh đuốc trên bãi rừng, khe suối..., đến nay đã trở nên chuyên nghiệp, hiện đại, hoành tráng trong nhà hát với điện sáng rực rỡ muôn màu. Ở đó đã có hàng ngàn tác phẩm xuất sắc để đời, hàng ngàn nghệ sĩ - chiến sĩ nổi danh với trình độ chuyên môn cao, sâu và có tâm, có tài. Nhiều người trong số họ đã nhận giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật, được phong tặng các danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú. Đặc biệt, đã có không ít nghệ sĩ được đặt tên phố ở Hà Nội và nhiều thành phố khác trên cả nước.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nghệ thuật sân khấu Việt Nam đã có mặt ở trận địa phòng không, ở các tuyến lửa "nhằm thẳng quân thù mà bắn!" và đã tới Khu IV phục vụ bộ đội", "xé dọc Trường Sơn", đến với đơn vị 559 và cũng đã tới

sông Bến Hải, Hiền Lương, tới hầm địa đạo Vĩnh Mốc để biểu diễn động viên đồng bào, đồng chí chiến đấu. Nghệ thuật sân khấu đã đi sâu vào cuộc sống, ca ngợi những tấm gương anh hùng, thôi thúc chiến sĩ ra trận, đã chia ngọt sẻ bùi với nhân dân lấp hố bom mở đường ra trận...

Khi dứt tiếng súng, có hòa bình, nghệ thuật sân khấu cách mạng lại có mặt ngay Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh để hòa chung tiếng hát mừng chiến thắng, mừng “non sông thu về một mối”, mừng “hòa hợp dân tộc”.

Bảy mươi sáu năm qua, các nghệ sĩ sân khấu Việt Nam là những chiến sĩ, đã đem tâm huyết, trách nhiệm cao cả của mình để xây dựng nghệ thuật sân khấu cách mạng Việt Nam, đã cố gắng phản ánh chân thực, sinh động những bước đi của dân tộc và đã lý giải được phần nào quá trình chuyển hóa tính cách của con người Việt Nam lớn lên từ nghèo khó, lạc hậu, phong kiến qua khói lửa chiến tranh lâu dài, tàn khốc để thành con người mới xã hội chủ nghĩa”. Những sáng tạo của họ rất phong phú về đề tài, đa dạng về chủ đề và sinh động về thể tài. Do đó, dù là lịch sử, dã sử, huyền thoại hay hiện đại hoặc nước ngoài; dù là bi kịch, hài kịch hay chính kịch, tuồng, chèo, cải lương, kịch nói, kịch dân ca..., thì đều là tâm huyết với nội dung anh hùng ca, thể hiện những hình tượng cao đẹp biết đứng lên bằng đôi chân của mình để làm chủ bản thân, làm chủ xã hội, vượt qua mọi thử thách của hoàn cảnh để xây dựng nên một hệ giá trị Việt Nam: anh hùng, giàu lòng nhân ái, bao dung, chân thành, tín nghĩa theo tinh thần “mình vì mọi người và mọi người vì mình”.

Nghệ thuật sân khấu Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đi đúng hướng và trở thành một trong những nền sân khấu tiên tiến, hiện đại của thế giới hiện nay. Ở đó, 76 năm qua, các nghệ sĩ luôn tin Đảng, nghe theo Đảng, làm theo Đảng, đứng về phía Đảng... Thành tựu này thuộc về Đảng, về đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng.

2. Nghệ thuật sân khấu cách mạng Việt Nam, từ năm 1945 cho đến nay, có 5 thành tố cơ bản mang tính nội sinh: tác giả, đạo diễn, diễn viên, khán giả và nhà quản lý. Năm thành tố này, trong nghệ thuật sân khấu, không thể thiếu, không thể yếu và luôn luôn có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau trong quá trình hình thành, phát triển.

Từ thực tế hoạt động 76 năm qua đã cho thấy, thành tố *Nhà quản lý* giữ vai trò chủ thể với chức năng tối cao: đặt ra đường lối, thành lập đơn vị nghệ thuật, định hướng sáng tác, chi phối lương bổng, điều hành mọi tổ chức, biên chế nhân sự, khen thưởng, kỷ luật, duyệt vở diễn...

Chứng minh cho hiện tượng này, lấy năm 1948, có nhà quản lý đã “khai tử tuồng”, vì cho rằng, tuồng là của giai cấp phong kiến, phong kiến bị đánh đổ, thì tuồng của nó phải “đổ” theo. Do đó, nghệ sĩ Võ Sĩ Thừa đã bị công an bắt giam bởi hát tuồng! Hay tác phẩm *Tình ca* của nhạc sĩ Hoàng Việt, khi mới ra đời, bị một nhà quản lý cho là bi lụy, yếu đuối nên đã “lưu kho” hơn 10 năm. Hoặc tác phẩm *Tiếng hát giữa rừng Pác Bó* của Nguyễn Tài Tuệ, khi mới ra đời cũng bị cho rằng: đây là bài

hát có chất “then Tày” dành cho người chết, nên đã bị “huýt còi”. Trích đoạn *Cu Sút* trong vở *Kim Nham* bị nhà quản lý nhận xét có nội dung “con bất hiếu với cha” nên đã gạt ra khỏi danh sách trích đoạn hay của chèo cổ. Đoàn Cải lương ở một tỉnh cạnh Thủ đô đã có 43 tuổi đời, được khán giả yêu thích, nhưng nhà quản lý đã yêu cầu chuyển sang hát chèo, thành Đoàn Chèo. Đoàn Kịch Nha Trang (3 tuổi đời), Kịch Đà Nẵng (8 tuổi đời), Kịch Bình Trị Thiên (13 tuổi), Kịch Quảng Trị (17 tuổi) đều bị các nhà quản lý “khai tử”, dù có nhiều thành tích lớn, vì không phải là thể loại truyền thống của địa phương.

Đặc biệt, hiện nay, các nhà hát chèo, tuồng, cải lương, kịch... nổi tiếng của các tỉnh đã bị các nhà quản lý “giải thể” và sáp nhập vào Trung tâm văn hóa nghệ thuật tỉnh, bởi vì, các nhà quản lý phải tiến hành “cải cách hành chính” giảm biên chế, giảm đầu mối...

Nghiên cứu mô hình “sáp nhập” của nghệ thuật suốt thời gian qua, ta thấy:

(1). Trình độ, năng lực, bản lĩnh người quản lý khó ngang tầm với tổ chức “sáp nhập” mới. Bởi vì, không ai có toàn tài “tổng hợp” để quản lý một đơn vị “tổng hợp” có nhiều loại hình, thể loại (tuồng, chèo, cải lương, kịch, ca múa nhạc, thông tin, tuyên truyền, dân ca, điện ảnh...) và cũng chưa có ai được đào tạo kiểu quản lý “tổng hợp” như thế. Cho nên, đơn vị thường xuyên sinh ra mâu thuẫn giữa nhà quản lý với các nghệ sĩ, giữa các loại hình, thể loại với nhau, đi cùng muôn vàn phức tạp và khó có trình độ quản lý toàn tài nào giải quyết được những mâu thuẫn đó.

(2). Cùng một đầu mối, nhưng kinh phí chi tiêu cho việc dàn dựng tiết mục mới của mỗi loại hình, thể loại không thể bình quân như nhau, nên không tránh khỏi những mâu thuẫn về kinh tế giữa thể loại này với thể loại khác.

(3). Nhu cầu của khán giả về phương thức nghệ thuật không đồng nhất nên loại hình, thể loại này được khán giả mời hợp đồng biểu diễn nhiều hơn hoặc ít hơn, làm cho giá trị của nghệ sĩ được đề cao và hạ thấp khác nhau, tạo ra những mâu thuẫn đạo đức nghề nghiệp trong nội bộ.

(4). Do nhu cầu thẩm mỹ của khán giả khác nhau, nên các hợp đồng biểu diễn của từng loại hình, thể loại không ngang bằng nhau, dẫn đến thu nhập của nghệ sĩ nhiều ít chênh lệch nhau khá xa, tạo nên mâu thuẫn về kinh tế, phân biệt giàu nghèo, đẳng cấp giữa các nghệ sĩ của các thể loại. Đây là vấn đề vô cùng nan giải.

(5). Vì một đầu mối phải giảm biên chế nhiều, nên khi dựng vở lớn đi tham gia Liên hoan toàn quốc, có đơn vị đã dùng toàn bộ nhân lực đang “nhảy vào cuộc” và biến tác phẩm của đơn vị thành thể loại, loại hình mới, mất đi cái bản sắc, thương hiệu vốn có. Ví dụ như ở Liên hoan nghệ thuật sân khấu chèo, tuồng chuyên nghiệp toàn quốc năm 2019, diễn viên của thể loại ca mới, múa hiện đại, kịch, cải lương... cùng diễn với diễn viên chèo hoặc tuồng).

(6). Hiện nay, nghệ thuật sân khấu Việt Nam đang đứng trước một vấn đề vô cùng khó khăn, đó là tình trạng vắng khán giả! Trước tình hình văn hóa ngoại lai

ngày một xâm lấn qua các kênh truyền hình, mạng internet... làm cho nghệ thuật sân khấu càng vắng khán giả hơn. Đặc biệt, từ khi các đoàn nghệ thuật “sáp nhập” đã tạo ra tình trạng “nhiều vở yếu, thiếu vở hay”, dẫn đến càng ít khán giả hơn, nên các nghệ sĩ đã “chân ngoài dài hơn chân trong”, làm đủ nghề mưu sinh, kiếm sống, biến thánh đường - ngôi nhà sáng tạo nghệ thuật chung nhiều khi bị “hoang vắng” thảm hại và khó có thể đưa nghệ thuật sân khấu tiến lên hiện đại ngang tầm với cách mạng công nghiệp 4.0.

Đứng trước tình cảnh của cơ chế tự chủ theo hình thức sáp nhập trên, chúng ta liên hệ tới các đơn vị nghệ thuật của Trung ương và Hà Nội thì nhận thấy rằng:

Thứ nhất, cùng thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, nhưng các đơn vị nghệ thuật sân khấu Trung ương và Hà Nội chưa vội vàng tiến hành “sáp nhập” ngay như các tỉnh. Vậy, ai sớm, ai muộn và ai đúng, ai sai khi thực hiện Nghị quyết của Đảng? Thiết nghĩ, các đơn vị nghệ thuật Trung ương và Hà Nội đã không sai.

Thứ hai, các đơn vị nghệ thuật sân khấu Trung ương và Hà Nội tuy không “sáp nhập” ngay như các tỉnh, nhưng họ vẫn thực hiện được các công việc của định hướng từ Nghị quyết số 19-NQ/TW là: giảm biên chế, giảm đầu mối, giảm chi tiêu 10% ngân sách nhà nước, tổ chức không bị xáo trộn. Và các tiết mục của họ không hề bị biến đổi bản sắc loại hình, thể loại; không mất “thương hiệu đặc thù” vốn có, mà còn gặt hái thành công lớn ở các cuộc liên hoan cũng như nhận được sự hâm mộ của khán giả... Như vậy, hiển nhiên, thực hiện cơ chế tự chủ không nhất thiết phải tiến hành “sáp nhập các đơn vị” và điều này chưa chắc đã thực hiện được định hướng: tinh gọn, cơ cấu hợp lý, quản trị tiên tiến, hiệu quả, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải, trùng lặp... thúc đẩy đơn vị sự nghiệp công lập phát triển lành mạnh: nâng cao chất lượng các sản phẩm...

Thứ ba, cơ chế tự chủ của các đơn vị nghệ thuật sân khấu các tỉnh thời gian qua không phải từ nghệ sĩ, bằng nghệ sĩ, vì nghệ sĩ mà từ lãnh đạo, từ nhà quản lý các tỉnh theo tinh thần cải cách hành chính. Lãnh đạo quản lý các tỉnh bắt nghệ sĩ làm gì, làm thế nào thì nghệ sĩ phải chấp hành, dù việc làm đó chưa hoàn toàn hợp lý, hợp với ý Đảng, lòng dân. Bởi vì, các nghệ sĩ không được tự mình làm chủ trong cơ chế tự chủ về nhân sự, về hoạt động, về tổ chức, về tài chính, về sáng tạo. Vì vậy, cơ chế tự chủ theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Đảng thì cần phải tuân theo nguyên tắc: Đảng đề ra đường lối, đề ra lộ trình, còn nghệ sĩ tự giác làm và làm bằng chính tài năng sáng tạo của mình, để cơ chế tự chủ thành *nghệ sĩ tự chủ*.

Rất tiếc, phương châm này không được thực hiện đầy đủ nên nghệ thuật sân khấu Việt Nam thời gian qua đã không hoàn thành nhiệm vụ mà Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra là thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật lành mạnh,

nâng cao chất lượng và số lượng các sản phẩm. Cơ chế tự chủ trong nghệ thuật sân khấu Việt Nam hôm nay là vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và đang đòi hỏi nghệ sĩ phải “lột xác” để thực hiện được mục đích tối cao là sân khấu phải thỏa mãn được nhu cầu mưu sinh về vật chất cho nghệ sĩ. Hiện nay, “sân khấu sáp nhập vào với các đơn vị khác” không thực hiện được mục đích này, nên cơ chế tự chủ trở thành vô nghĩa và vô tâm.

Như vậy, thông qua thực tế trên, rõ ràng nghệ thuật sân khấu Việt Nam đã thuộc về nhà quản lý, nên đây là hạn chế thuộc về cá nhân nhà quản lý. Bởi vì, nếu nhà quản lý nào am tường sâu sắc nghệ thuật sân khấu thì nghệ thuật sân khấu trong phạm vi quản lý của họ sẽ được phát triển toàn diện, mạnh mẽ. Sự thật này, ở phần trên đã minh giải và khẳng định hiển nhiên bằng thành tựu của nền nghệ thuật sân khấu cách mạng đó sao?

Xuất phát từ trình độ của nhà quản lý bị hạn chế, yếu kém, không có năng lực để thể hiện các nghị quyết đúng đắn của Đảng vào thực tiễn, nên chủ trương về xã hội hóa, về tự chủ của nghệ thuật sân khấu đầy lúng túng và dẫn đến thực trạng mâu thuẫn:

- Mỏ nhiều trại sáng tác thường xuyên, nhưng nghệ thuật sân khấu vẫn “nhiều vỏ yếu, thiếu vỏ hay”.

- Tổ chức liên hoan, hội diễn, cuộc thi với nhiều huy chương vàng, bạc mà vẫn chưa có tác phẩm đỉnh cao, chưa có nhiều tác dụng tích cực đối với con người.

- Phong tặng rất nhiều danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật mà nghệ thuật sân khấu vẫn không có khán giả.

- Nhà nước đặt hàng tác phẩm với chi phí cao mà nghệ thuật sân khấu vẫn chưa được “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

- Nhà nước đầu tư tích cực cho sân khấu thử nghiệm trong và ngoài nước mà nghệ thuật sân khấu vẫn cũ kỹ, lạc hậu.

- Nhà nước có các chính sách ưu đãi cho sự nghiệp đào tạo nghệ sĩ, nhưng các trường đại học sân khấu - điện ảnh, trung cấp văn hóa nghệ thuật vẫn không thu hút được nhiều sinh viên.

- Nhà nước có nhiều chế độ ưu đãi nhằm nâng cao đời sống văn nghệ sĩ, nhưng không ít nghệ sĩ vẫn nghèo khó.

- v.v và v.v..

Vậy nguyên nhân nào đã dẫn đến tình trạng mâu thuẫn trên?

Trước hết, chúng ta cần nhận thức rằng, đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng là hoàn toàn đúng, khách quan, hợp quy luật. Đó là trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tạo thành. Nó mang tính tập thể, tính toàn vẹn, tính hoàn thiện của chiến lược trong từng câu, từng chữ, từng vấn đề, từng mục, từng việc rất chín chu, kỹ lưỡng.

Nhưng chưa được những cán bộ - người quản lý trong từng đơn vị, từng nhiệm vụ mang tính độc lập triển khai nghị quyết vào thực tiễn của nghệ thuật sân khấu. Do đó, khá đông văn nghệ sĩ chưa được thấm nhuần các nghị quyết của Đảng về văn hóa, văn nghệ, về xã hội hóa hoặc cơ chế tự chủ là thế nào. Nhiều tác giả, đạo diễn, diễn viên rất ít quan tâm tới các khuynh hướng vận động và phát triển của văn học, nghệ thuật thế giới cũng như trong nước; không chú trọng tới việc nghệ thuật sân khấu Việt Nam hôm nay đang có xu hướng nào, có liên quan gì tới hiện đại, hậu hiện đại, mà chỉ chú trọng vào phương thức làm thế nào để vở diễn “ăn khách”, dù là phương thức “giải trí đơn thuần” mang tính “thương mại tầm thường”. Ở phạm vi này, phần lớn các đơn vị nghệ thuật cho ra mắt khán giả những tác phẩm “hoài cổ”, tức là dựng lại, hoặc dựng mới những vở cũ, đề tài lịch sử, huyền thoại và tránh những vấn đề nóng bỏng, thời sự đương thời đang đặt ra.

Mặt khác, nhiều nhà quản lý đã coi nghệ thuật sân khấu là “hàng hóa”, mà quên mất rằng “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước”. Nó “được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Do đó, nghệ thuật sân khấu không thể là “hàng hóa” đơn thuần và không tuân theo quy luật của “hàng hóa” để làm kinh tế như một hàng hóa thực sự.

Hơn nữa, cũng nhiều nhà quản lý coi nghệ thuật sân khấu như một hình thức hành chính, nên đã quản lý sân khấu như hành chính, cũng giám biên chế, giám đầu mối... mà quên rằng: văn học, nghệ thuật không thể áp dụng biện pháp hành chính bình quân máy móc và đem số đông thống trị số ít¹. Nó cần phải được đảm bảo một phạm vi tự do rộng lớn cho sáng tạo cá nhân, cho tư duy và trí tưởng tượng của nghệ sĩ. Đặc biệt hơn, nhiều nhà quản lý cho rằng: Xã hội hóa sân khấu là đồng nhất với hình thức tư nhân - phi nhà nước, nên thúc giục các đơn vị nghệ thuật công lập đi làm “xã hội hóa”, đi xin “tài trợ” của các doanh nghiệp, đi biểu diễn theo kiểu “chi ít, thu vốn nhanh” mang tính “dịch vụ”, “chụp giật” và biến nhà hát chuyên nghiệp, hiện đại thành phường gánh, nghiệp dư, v.v..

Thực trạng này thuộc về nhà quản lý. Họ chưa làm tốt công việc quản lý nhà nước và quản lý sự nghiệp; chưa triển khai các nghị quyết của Đảng vào thực tiễn bằng các chính sách cụ thể. Do đó, như Đảng đã nhận định: “*Văn hóa* chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần. Thiếu những tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật lớn phản ánh sinh động tâm vóc công cuộc đổi mới, có tác dụng tích cực đối với con người...”².

1. Xem V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, t.12, tr.123-124.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.84.

3. Đứng trước thực trạng của nền nghệ thuật sân khấu cách mạng đang khủng hoảng trầm trọng, đòi hỏi những giải pháp cấp thiết như sau:

Một là, cần đào tạo một đội ngũ quản lý ngành nghệ thuật sân khấu chuyên nghiệp, có trình độ cao; vừa giỏi quản lý nhà nước, vừa tài quản lý sự nghiệp và biết vận dụng khéo léo các nghị quyết của Đảng vào thực tiễn sáng tạo của văn nghệ sĩ, khơi dậy khát vọng cho văn nghệ sĩ sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị lớn về tư tưởng và nghệ thuật, hữu ích cho “cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín thế giới” của đất nước ta.

Hai là, cần có kế hoạch tuyên truyền, giáo dục văn nghệ sĩ để văn nghệ sĩ nhận thức, thấm nhuần sâu sắc về đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, về những nội dung: khoa học, dân tộc, đại chúng, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, về cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xã hội hóa sân khấu và sân khấu tự chủ... để nhiệt tình sáng tạo giải quyết những mâu thuẫn giữa phục vụ chính trị với thương mại; giữa tuyên truyền giáo dục với giải trí; giữa truyền thống với hiện đại; giữa dân tộc với quốc tế... Đặc biệt, Đảng cần giúp cho văn nghệ sĩ nhận thức được sự vận động lớn của dân tộc từ chiến tranh sang hòa bình, từ chế độ bao cấp đến cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ dân tộc đến hội nhập quốc tế, từ đói nghèo đến dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, từ văn hóa nông nghiệp lúa nước, trọng tĩn, trọng tình sang công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế số, trọng động, trọng lý...

Ba là, cần đào tạo hai thành tố quan trọng của nghệ thuật sân khấu là *tác giả* và *khán giả*. Nếu hai thành tố này bị thiếu hoặc yếu thì các thành tố khác (đạo diễn, diễn viên, quản lý) cũng trở thành vô nghĩa. Vì, không có “bột” sao gột được nên hồ, không có khán giả thì diễn cho ai xem?

Bốn là, cần xây dựng Luật Nghệ thuật sân khấu, hệ thống chính sách mới cho phù hợp với nghệ thuật sân khấu trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế. Không có những chính sách và lộ trình của nghệ thuật sân khấu thì mọi giải pháp đều trở nên vô nghĩa.

Văn học, nghệ thuật nói chung và nghệ thuật sân khấu nói riêng muôn thủa phải mang trong mình chức năng thiêng liêng là nhân văn, thẩm mỹ, với trách nhiệm của văn nghệ sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng. Nghệ thuật sân khấu cần phải có nghĩa vụ tham gia xây dựng *giá trị và hệ giá trị* thẩm mỹ, nghệ thuật sân khấu của mình trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế để góp phần hoàn thiện các chuẩn mực con người Việt Nam, để phát triển nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân của con người Việt Nam hiện đại. Nghĩa là, mỗi tác phẩm sân khấu dù dưới hình thức, nội dung nào thì cũng phải hướng tới: xây dựng *giá trị - hệ giá trị* nhân văn, thẩm mỹ cao cả, chứ không nên sa đà vào cái “kiếm sống”, “giải trí đời thường”. Đó là những

triết lý sống mang sức mạnh nội sinh của mỗi nhân vật trong giải quyết xung đột giữa mình với cơ chế thị trường - hội nhập quốc tế hôm nay và chỉ có nhiều tác phẩm mang *giá trị - hệ giá trị* nhân văn đó thì nghệ thuật sân khấu Việt Nam mới gọi là thấm nhuần chủ trương, đường lối của Đảng, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của nhân dân trong thời đại kinh tế số hôm nay.

Tóm lại, 76 năm qua, nghệ thuật sân khấu Cách mạng Việt Nam luôn đi theo đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng và hôm nay đã trở thành một loại hình hoàn thiện, hiện đại, xứng đáng là chiến sĩ trên trận tuyến chống quân thù và tiêu cực của xã hội.

Thực trạng của nghệ thuật sân khấu Việt Nam - khủng hoảng, chỉ là tạm thời. Có Đảng, có niềm tin thì văn nghệ sĩ Việt Nam sẽ vượt qua những khó khăn, thách thức hiện nay.

VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CA MÚA NHẠC DÂN GIẠN CHĂM

PGS.TS. Nhạc sĩ PHAN QUỐC ANH

Dân tộc Chăm là một trong 54 dân tộc ở Việt Nam. Người Chăm ngày nay là con cháu của cư dân Chămpa xưa, sinh sống lâu đời trên mảnh đất Việt Nam. Về nguồn gốc tộc người, các nhà khoa học xếp người Chăm vào tiểu chủng Mongoloid phương Nam, nhóm loại hình Nam Đảo. Về ngôn ngữ, tiếng Chăm thuộc ngữ hệ Austronesian (Nam Đảo), đại chi Malayo - Polynesian (Mã lai - Đa đảo), chi Westen Malays - Polynesian, tiểu chi Sundic, nhóm Malayic, nhóm Achinese - Chamic, tiểu nhóm Chamic. Cùng chung tiểu nhóm này, ở Việt Nam còn có các dân tộc Êđê, Giarai, Churu, Raglai... Có thuyết cho rằng các tộc người này là con cháu của cư dân đến từ Thế giới đảo. Cũng có ý kiến khác cho đó là cư dân ở vùng phía Nam Trung Quốc di chuyển vào¹.

Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019, người Chăm đứng thứ 17 về dân số ở Việt Nam, có 178.948 người, cư trú ở một số tỉnh ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam. Trong đó, đông nhất là ở tỉnh Ninh Thuận 67.517 người, Bình Thuận 39.557 người, Phú Yên 22.813 người, tiếp đến là An Giang 11.171 người, Thành phố Hồ Chí Minh 10.509 người, Đồng Nai 8.603 người và Tây Ninh 4.014 người². Có thể thấy, người Chăm cư trú đông nhất ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ gồm Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận. Đây cũng là nơi người Chăm đang lưu giữ những tinh hoa quý báu nhất, lâu đời nhất của kho tàng di sản văn hóa Chăm nói chung, di sản nghệ thuật ca múa nhạc dân gian nói riêng.

Bên cạnh di sản nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đồ sộ, phong phú, người Chăm hiện đang lưu giữ kho tàng ca múa nhạc dân gian đặc sắc. Ở đó chứa đựng những lớp

1. Xem Bùi Đức Hùng, Phan Quốc Anh, Võ Công Nguyên, Phú Văn Hãn (Đồng chủ biên): *40 năm nghiên cứu văn hóa Chăm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2015.

2. Tổng cục Thống kê: *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2020.

văn hóa ngoại sinh và nội sinh, vừa có dấu ấn của văn hóa Ấn Độ, vừa đậm nét văn hóa bản địa trong cơ tầng văn hóa Đông Nam Á.

Trải qua quá trình lịch sử đầy biến động, thời gian và chiến tranh đã tàn phá các di tích và làm mai một khá nhiều kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể Chăm. Chỉ từ sau năm 1975, với chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, văn hóa Chăm mới được tập trung nghiên cứu để bảo tồn và phát huy. Đặc biệt là từ khi có Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về *Xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Nghị quyết ra đời trong bối cảnh Đảng ta chủ động đổi mới tư duy, lãnh đạo toàn dân thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có văn hóa. Năm 2014, Đảng ta tiếp tục ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Đây là những nghị quyết thể hiện rất rõ chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa, việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, bảo tồn và phát huy văn hóa của các dân tộc, các địa phương có nhiều thuận lợi trong việc tổ chức thực hiện.

Việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng đồng bào Chăm có những nét đặc thù riêng, nhất là vùng đồng bào Chăm ở các tỉnh vùng cực Nam Trung Bộ. Vì vậy, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách riêng đối với đồng bào dân tộc Chăm, trong đó có Chỉ thị số 121-CT/TW ngày 26/1/1981 của Hội đồng Bộ trưởng, Thông tri số 03-TT/TW ngày 17/10/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Công tác đối với vùng đồng bào Chăm* và Chỉ thị số 06/2004/CT-TTg ngày 18/2/2004 của Thủ tướng Chính phủ về *Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới*. Trong quá trình tổ chức thực hiện, bên cạnh lĩnh vực kinh tế - xã hội, các địa phương đã tập trung sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Chăm, trong đó có nghệ thuật ca múa nhạc dân gian.

Qua quá trình thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, bên cạnh sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của người Chăm được nâng lên rõ rệt. Các chỉ số phát triển kinh tế, xã hội được nâng lên rất nhanh. Từ những làng quê nghèo khổ trên vùng đất khô hạn ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ, vùng đồng bào Chăm sinh sống hôm nay thực sự đã thay da đổi thịt, phát triển mạnh mẽ. Văn hóa Chăm được quan tâm bảo tồn và phát huy, các lễ hội dân gian được tổ chức ngày càng lớn, đời sống văn hóa tinh thần được cải thiện. Nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm ngày càng được tôn vinh và phát triển mạnh mẽ. Người Chăm cũng tự hào về những nét đặc sắc của di sản văn hóa quý báu của mình.

1. Khái quát về quá trình bảo tồn và phát huy nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm

1.1. Việc sưu tầm, nghiên cứu

Văn hóa Chăm độc đáo, đã thu hút sự chú ý của nhiều học giả trong và ngoài nước trong vài thế kỷ qua. Đáng chú ý là các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học người Pháp từ thế kỷ XIX như J.Crawford, A.Bastian, E.Aymonier, H.Parmentier, E.M.Durand, L.Finot, A.Cabaton, G.L.Maspéro... Các công trình của người Pháp tập trung nhiều vào lĩnh vực ngôn ngữ, văn bia, khảo cổ học, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đền tháp, lịch sử, bang giao, tín ngưỡng, tôn giáo. Sau năm 1975, các công trình nghiên cứu về người Chăm được giới khoa học quan tâm nghiên cứu ngày càng nhiều. Đặc biệt là các nhà khoa học của Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ). Việc tái lập Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Chăm tỉnh Ninh Thuận¹, thành lập Trung tâm Văn hóa Chăm huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận là một sự đầu tư đúng trọng điểm về nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Chăm.

Nghệ thuật ca, múa, nhạc dân gian Chăm trước đây chỉ tồn tại trong các lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng, hầu như không được phổ biến. Từ năm 1975, văn hóa Chăm nói chung, nghệ thuật ca múa nhạc dân gian nói riêng được đầu tư sưu tầm nghiên cứu, bảo tồn và phát triển. Hệ thống lễ hội được khôi phục và kèm theo đó là sự phục hồi các đội nhạc lễ, múa lễ và hát lễ. Từ đây, nghệ thuật dân gian Chăm không chỉ bó hẹp trong các nghi lễ mà đã bước ra đời sống sinh hoạt văn hóa, văn nghệ quần chúng. Ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ Việt Nam - nơi có đông người Chăm cư trú lâu đời nhất đã hình thành nên các đoàn nghệ thuật dân gian Chăm chuyên nghiệp. Nghệ thuật ca múa nhạc dân gian của người Chăm Phú Yên (Chăm H'roi) được sưu tầm, nghiên cứu, xây dựng các tiết mục cho Nhà hát Sao Biển. Trong đó, đáng chú ý là nghệ thuật "trống đôi, cồng năm, chiêng ba", một nghệ thuật kết hợp giữa âm nhạc và múa đặc sắc².

1.2. Âm nhạc dân gian Chăm

Âm nhạc có vai trò rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người Chăm. "Âm nhạc và múa của người Chăm vừa có lớp văn hóa tôn giáo vừa có lớp bản địa, tạo nên một nghệ thuật dân gian đặc sắc"³. Âm nhạc luôn gắn chặt với múa trong các nghi lễ dân gian và nghi lễ tôn giáo. Âm nhạc và múa đều mang nặng tính thiêng.

1. Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Chăm tỉnh Ninh Thuận là trung tâm nghiên cứu về văn hóa một dân tộc cấp tỉnh duy nhất trong cả nước.

2. Xem Phan Quốc Anh: *Giáo trình văn hóa Chăm*, Nxb. Đại học Quốc Gia, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.

3. Phan Quốc Anh: *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Ahier ở Ninh Thuận*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010, tr.119.

Hệ thống nhạc cụ Chăm tương đối phong phú và đủ các bộ cho một dàn nhạc. Bộ gõ có trống basanung, trống ghi nãng, chiêng, chũm chỏe, đàn đá, mõ, kà rông (dây lục lạc); bộ dây có đàn ka nhi (nhị mu rùa), đàn chãmpi, bộ hơi có kèn saranai, tù và bằng sừng trâu, khèn bầu, sáo... Các vị chức sắc giải thích rằng những nhạc cụ chính trong dàn nhạc lễ Chăm là biểu tượng của một thể thống nhất các bộ phận của vị thần Brahma. Trong đó, kèn Saranai là biểu tượng cho phần đầu, trống basanung là phần bụng (ôm vào bụng ngồi vỗ), đôi trống ghi nãng là hai chân (luôn để bắt chéo và ngồi biểu diễn, một tay vỗ vào mặt trống phía trên và một tay cầm dùi để đánh phía dưới)¹.

Nếu so sánh với những nhạc cụ thể hiện trên các mảng điêu khắc của người Chăm còn lại đến hôm nay, chúng ta thấy ngày nay đã thất truyền một số nhạc cụ như sáo dài nhiều lỗ, đàn “Harpe”, trống lớn, trống nhỏ Hagar². Âm nhạc Chăm có tiết tấu rất phong phú, Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Chăm tỉnh Ninh Thuận đã sưu tầm, ký âm và thống kê được 75 điệu trống ghi nãng, có các tiết tấu nhanh, thuận phách và nghịch phách, sôi nổi bốc lửa nhưng cũng có những tiết tấu chậm, trữ tình, tự sự.

Dân ca, dân nhạc: Người Chăm đang lưu giữ một kho tàng dân ca với những làn điệu, cung bậc có quan hệ mật thiết với dân ca người Việt và các làn điệu dân ca của các dân tộc sống cộng cư, cận cư khác. Nhiều điệu hát trữ tình, đắm thắm như “*thay mai*”, “*ainich lo*”, “*lekdiplik*” (tình yêu đôi lứa), hay những làn điệu như “*dohdamdara*” (hát đối đáp), *klaymrailopan* (sợi chỉ đủ màu) đều mang những âm hưởng trữ tình, đặc sắc. Người Chăm còn có các làn điệu *Ariya*, là hình thức hát trường ca theo dạng kể chuyện, hát lối bằng thơ và có một kho tàng các làn điệu hát ru. Kho tàng nhạc lễ, hát lễ được các tu sĩ Balamôn lưu truyền và hát ở các nghi lễ, đây là nhạc lễ có nguồn gốc tôn giáo Balamôn từ Ấn Độ xa xưa: “Trong kinh Vêđa từ thế kỷ XX trước Công nguyên có “*Samma Vêđa*” là tập ca khúc dùng để hát xướng khi cúng bái, tổng cộng 1.549 bài, nội dung chủ yếu của Phuốc Vêđa là nói rõ trong khi cúng tế nên dùng các thi ca này và tiến hành cúng tế như thế nào”³.

1.3. Múa truyền thống Chăm

Múa truyền thống Chăm là một kho tàng các điệu múa dân gian rất đa dạng, phong phú và có bản sắc riêng tồn tại và phát triển từ lâu đời. Ngoài những điệu

1. Tham khảo thêm Lê Ngọc Canh: *Văn hóa dân gian, những thành tố*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.52.

2. Trống có dáng hình trụ dài làm bằng một khúc gỗ nguyên khoét rỗng, mặt trống làm bằng da bò hoặc da trâu.

3. Hoàng Tâm Xuyên (Chủ biên): *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.158.

múa dân gian hiện còn lưu giữ trong cộng đồng đồng bào Chăm, các di sản văn hóa vật thể rải rác khắp miền Trung cho chúng ta thấy nghệ thuật múa Chăm đã từng phát triển rực rỡ trong lịch sử, thể hiện trên các phù điêu, tượng đá, là các vũ nữ Trà Kiệu, vũ nữ Apsara và các vị thần được điêu khắc trong dáng múa. Nghệ sĩ Nhân dân, biên đạo múa Đặng Hùng cho rằng: "... múa dân gian của dân tộc Chăm trước ngày thống nhất đất nước chưa tách khỏi mối quan hệ sinh hoạt của dân tộc, chưa phải là loại hình nghệ thuật biểu diễn trên sân khấu"¹.

• *Múa sinh hoạt*

Múa quạt là điệu múa phổ thông mà bất cứ thiếu nữ hay phụ nữ Chăm nào cũng biết múa. Các vũ nữ dùng những chiếc quạt vải có rua nhiều màu sắc và khăn dài, tượng trưng cho những cánh chim như những điệu múa Pi đên - Pi điềng (chim công), Kamang (galôi), Marai (chim trĩ)... Múa Chăm luôn đi đôi với âm nhạc, tên các tiết điệu trống đồng thời cũng là tên các điệu múa. Nghệ sĩ Nhân dân Đặng Hùng đã tổng kết: "Múa và âm nhạc Chăm luôn đồng điệu với nhau giữa động tác và nhịp trống, điệu nhạc Pidiềng thì có động tác múa Pidiềng, điệu trống Patra thì có điệu múa Patra, điệu trống Tiong thì có múa Tiong"². Múa Đoa pụ: Đoa pụ có nghĩa là đội bình gốm, có thể múa đơn, cũng có thể là múa tập thể. Các động tác tạo hình của đôi tay chủ yếu là tiếp thu từ các kiểu múa quạt như Pi diên, Kmăng, Btra mà ra.

• *Múa thiêng*

Trong các lễ hội, các nghi lễ của người Chăm đều có múa, có hát, có nhạc. Thậm chí có cả một hệ thống lễ múa Rija (Rija Nugar - lễ múa xứ sở, Rija Praung - lễ múa lớn, Rija Harei - lễ múa ban ngày, Rija Dayaud - lễ múa ban đêm). Trong hệ thống nghi lễ, vai trò của bà múa bóng là rất quan trọng. Những điệu múa trong các nghi lễ do các vũ sư múa gồm ông bóng (On Kaing) và bà bóng (Muk Pajuw - bà bóng khu vực tôn giáo; Muk Rija - bà bóng dòng họ). Múa Rija được trình diễn trong các lễ hội Rija. Lễ Rija Praung (còn gọi là múa vải chài) là lễ múa nhiều nhất. Múa Rija trong lễ Rija Praung là hình thức tổng hợp giữa nghệ thuật múa và nghệ thuật sân khấu (diễn tả lại cảnh gặp nhau giữa người Chăm và người Java trên biển). Trong lễ hội Rija Nugar, On Kaing có các điệu múa gồm múa kiếm, múa roi, múa chèo thuyền, múa đập lửa.

• *Múa Chăm hiện đại*

Sau ngày giải phóng, phong trào văn hóa nghệ thuật quần chúng vùng đồng bào Chăm phát triển mạnh. Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ

1. NSND. Đặng Hùng: *Nghệ thuật múa Việt Nam trong tôi*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr.25.

2. Đặng Hùng: *Bước đầu tìm hiểu, phục hồi múa cung đình Chăm*, Trung tâm Văn hóa dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.106.

chức các đoàn nghiên cứu về các lĩnh vực của văn hóa, xã hội Chăm. Các biên đạo múa cũng tìm về nghiên cứu văn nghệ dân gian, diễn xướng dân gian Chăm. Nhà nghiên cứu Lê Ngọc Canh và Tô Đông Hải công bố công trình “Nghệ thuật diễn xướng dân gian Chăm”¹. Để phát triển múa Chăm, các biên đạo múa đã kết hợp các động tác múa dân gian Chăm với hình ảnh, đường cong của các vũ nữ trên các phù điêu tượng đá Chăm để sáng tạo ra những tác phẩm múa hiện đại Chăm. Nghệ sĩ Nhân dân Đặng Hùng cho ra đời một loạt các tác phẩm múa Chăm gây tiếng vang lớn ở các kỳ hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp những năm 1980 - 1990 như “Múa quạt”, “Được mùa”, “Niềm vui mới”, “Đoa pụ” (đội nước), múa “Khát vọng”, “Ước mơ”². Biên đạo Thọ Thái với tác phẩm “Gốm thắm tình người”, kịch múa “Lửa tình yêu”,... Biên đạo Đảng Quang Dũng, Dương Tấn Đức, Trung Kiên, Thu Vân tiếp tục sáng tác nên các tác phẩm múa Chăm cho Đoàn Ca múa nhạc Ninh Thuận, Bình Thuận; Đoàn Nghệ thuật Dân gian Chăm, Đoàn Nghệ thuật Quân khu 5. Tuy nhiên, đây là những sáng tạo mới có dựa trên các mô típ phù điêu, tượng đá của các vị thần Ấn Độ giáo và các động tác múa dân gian Chăm nên nếu gọi đó là múa cung đình cũng cần cân nhắc.

Múa của người Chăm H’roi có đặc điểm chung là động tác khỏe, vận động toàn cơ thể. Múa Chăm H’roi có ba loại: Múa hội làng (Mơ chư rung cô), múa đâm trâu (Không pao), múa đám cưới (Nhưng prui). Về thể loại múa xoang có samok, xoang Pơ Sat, xoang Grong, xoang Khieel, xoang Tunôi. Múa tôm tắc thường được dùng trong các lễ đâm trâu xoáy cột, đám cưới. Ngoài ra còn có các điệu múa như múa đình chinh, múa pakua đình chinh, múa tahara, múa trống đôi, cồng ba, chiêng năm.

Hoạt động nghệ thuật của người Chăm Hồi giáo ở Nam Bộ bị hạn chế bởi tín ngưỡng Islam nên những hoạt động nghệ thuật như ca, múa, kịch,... chỉ được cộng đồng Chăm Islam ủng hộ trong những ngày Raya kết thúc tháng Ramadan, sinh nhật Mohammed, hoặc nhân dịp cưới hỏi,... cộng đồng.

Người Chăm có nền nghệ thuật múa dân gian đặc sắc. Trong nghệ thuật múa dân gian Chăm, múa “thiên” chiếm giữ một vị trí quan trọng. Thậm chí, có cả một hệ thống lễ hội mang tên lễ múa như: Rija Nugar - lễ múa xứ sở đầu năm; lễ Rija Harei - lễ múa ban ngày; lễ Rija Dayau - lễ múa ban đêm; lễ Rija Praung - lễ múa lớn. Hầu hết các lễ hội Chăm đều có sự tham gia của các vũ sư như On Kaing (ông bóng), bà Muk Pajuw (bà bóng khu vực tôn giáo), bà bóng Muk Rija (bà bóng của dòng họ - bản thân tên gọi chức sắc cũng đã là “bà múa”, Rija trong tiếng Chăm có nghĩa là múa).

1. Lê Ngọc Canh, Tô Đông Hải: *Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Chăm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1995.

2. NSND. Đặng Hùng: *Nghệ thuật múa Việt Nam trong tôi*, Sđd, tr.30.

Những phong cách múa truyền thống Chăm còn thể hiện trên các mảng điêu khắc như Vũ nữ Trà Kiệu, Apsara và các tượng thần Ấn Độ giáo như Siva, Uma, Brahma, Visnu... Các nhà biên đạo đã từng bước nghiên cứu những động tác múa cơ bản của múa dân gian, múa lễ Chăm và sử dụng vào các tác phẩm múa và gọi đó là múa cung đình. Tuy nhiên, để hiểu và để có những tác phẩm múa đích thực phát triển từ tâm hồn Chăm, các nhà biên đạo cần đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu tín ngưỡng của những điệu múa thiêng như các điệu múa phồn thực cầu mưa trong lễ Rija Nugar, múa lên đồng đập lửa của ông bóng (On Kaing), bà bóng (Muk Rija và Muk Pajuw), múa chèo thuyền (Po Tanghoh) trong các nghi lễ như Rija Nugar, Rija Praung, Rija Djau, Rija Harei, v.v.. Tiếc rằng, đến nay, chưa có một nhà biên đạo múa nào nghiên cứu sâu và phát triển các điệu múa thiêng trong nghi lễ của người Chăm.

2. Quá trình bảo tồn, phát huy các giá trị nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Căn cứ vào những quan điểm, chỉ đạo của Trung ương, các địa phương vùng đồng bào Chăm sinh sống đã phát triển rõ rệt trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Đối với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, trong đó có nghệ thuật ca múa nhạc dân gian, các địa phương đã tổ chức thực hiện đạt nhiều kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn những vấn đề cần được bàn thảo, nghiên cứu và đầu tư các nguồn lực để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm tốt hơn.

2.1. Một số thành tựu

Với đường lối văn hóa, văn nghệ đúng đắn của Đảng, những giá trị văn hóa dân gian Chăm đã được sưu tầm, bảo tồn và phát huy. Các đoàn nghệ thuật và nhà hát ca múa nhạc chuyên nghiệp từ Trung ương đến các tỉnh miền Trung như Đoàn Nghệ thuật dân gian Chăm tỉnh Ninh Thuận¹, Nhà hát Ca múa Nhạc Biển Xanh (tỉnh Bình Thuận)², Đoàn Hải Đăng (tỉnh Khánh Hòa), Nhà hát Ca múa nhạc Sao Biển (Phú Yên), Đoàn Ca múa nhạc Chim Yến (Quảng Ngãi), Đoàn Nghệ thuật Quân khu 5... đều có sử dụng chất liệu ca múa nhạc dân gian Chăm. Sự hình thành Đoàn Nghệ thuật dân gian Chăm tỉnh Ninh Thuận, Đội văn nghệ Chăm huyện Bắc Bình với những nghệ nhân, diễn viên người Chăm là điều kiện tốt để khai thác, bảo lưu kho

1. Hiện nay Đoàn Nghệ thuật dân gian Chăm tỉnh Ninh Thuận đã sáp nhập với Đoàn Ca múa nhạc tỉnh Ninh Thuận, lấy tên là Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận.

2. Nhà hát Ca múa nhạc Biển Xanh tỉnh Bình Thuận có hai đoàn là Đoàn Ca múa nhạc và Đoàn Nghệ thuật dân gian Chăm.

tư liệu quý giá này, làm nơi sưu tầm khai thác và cung cấp tư liệu ca múa dân gian cho nghệ thuật chuyên nghiệp. Nhà biên đạo múa, Nghệ sĩ Nhân dân Đặng Hùng, Nghệ sĩ Ưu tú Thọ Thái, Nghệ sĩ Ưu tú Thu Vân, Đảng Quang Dũng, Dương Tấn Đức là những người có công đầu trong việc khai thác chất liệu múa dân gian Chăm và chuyên nghiệp hóa ngôn ngữ múa dân gian. Nhiều nhạc sĩ đã thành công trong việc sử dụng các cung bậc, âm hưởng của âm nhạc dân gian Chăm để làm chất liệu sáng tác như nhạc sĩ Amur Nhân, Hoài Sơn, Phan Quốc Anh, v.v. và gặt hái được những thành công nhất định.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các địa phương có đồng bào Chăm sinh sống đã tổ chức định kỳ ba năm một lần Ngày hội Văn hóa Chăm toàn quốc. Đây là dịp để các địa phương có người Chăm sinh sống báo cáo những việc đã làm được trong những năm qua về việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Chăm, là dịp để các vị chức sắc, các nhà nghiên cứu, các nghệ sĩ dân gian Chăm có dịp gặp nhau trao đổi, thảo luận và tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống Chăm.

2.2. Một số vấn đề cần quan tâm

• *Vấn đề “sáng tạo, cải biên” trong xây dựng tác phẩm ca múa nhạc dân gian Chăm ở các đoàn nghệ thuật*

Những năm gần đây xuất hiện xu hướng các nhà biên đạo múa sáng tạo nên những tác phẩm múa bằng cách biến tấu các phù điêu, tượng đá, hóa thân thành những vũ nữ bằng xương, bằng thịt bước ra khỏi đền đài tháp cổ như các điệu múa “Shiva”, “Apsara, vũ nữ Chăm”. Những điệu múa này có nhiều động tác, hình tượng mô phỏng các tư thế, dáng dấp của các vị thần Ấn Độ giáo nhưng lại chưa nghiên cứu sâu về tín ngưỡng tôn giáo. Thậm chí, trang phục và các động tác của các vũ nữ (tượng Shiva cách điệu và bước ra sân khấu) không bảo đảm được tín ngưỡng thờ cúng thần linh của người Chăm và đã từng bị các nhà nghiên cứu văn hóa người Chăm lên tiếng phản đối. Một số đoàn nghệ thuật từ Trung ương đến địa phương, từ chuyên nghiệp đến không chuyên, dàn dựng nhiều tác phẩm múa Chăm, nhưng những động tác múa (thậm chí cả trang phục, âm nhạc) không dựa trên ngôn ngữ cơ bản của múa và âm nhạc dân gian Chăm mà do các biên đạo, nhạc sĩ “nghĩ ra - bịa ra” hoàn toàn mới. Điều nghịch lý là đa số những tác phẩm “múa Chăm” này lại thường đoạt những giải cao, vì đó là múa “mang màu sắc dân gian, dân tộc”, và vì các giám khảo cũng không am tường thấu đáo về nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm, nên cứ thấy có màu sắc dân gian, dân tộc là cho điểm cao. Vì vậy, theo chúng tôi, cần có những công trình khoa học chuyên ngành nghiên cứu sâu và phổ biến rộng rãi các lĩnh vực của nghệ thuật dân gian Chăm (và của cả các dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam) về âm nhạc, múa. Trong đó cần chú trọng đến yếu tố “thiên”

trong tín ngưỡng tôn giáo của từng dân tộc. Có như vậy, chúng ta mới bảo tồn và phát huy đúng hướng di sản văn hóa nghệ thuật dân gian các dân tộc.

• *Việc bảo tồn tư liệu và nghệ nhân dân gian trong lĩnh vực nghệ thuật*

Các địa phương nơi đồng bào Chăm sinh sống đã có nhiều cố gắng để thực hiện việc bảo tồn; thành lập các thiết chế văn hóa như Đoàn Nghệ thuật dân gian Chăm Ninh Thuận, Bình Thuận, Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Chăm tỉnh Ninh Thuận và có thể thấy hiệu quả rất rõ trong quá trình hoạt động của các thiết chế văn hóa này. Để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu bảo tồn, phát huy văn hóa, nghệ thuật dân gian các dân tộc cần có kế hoạch ứng dụng những tư liệu này vào việc xây dựng các chương trình ca múa nhạc vừa hiện đại, vừa mang đậm tính dân tộc.

Tuy nhiên, đó mới chỉ là bề nổi ở các thiết chế văn hóa cấp tỉnh. Ở các làng Chăm hiện nay, có một thực tế là những tư liệu văn hóa dân gian Chăm, trong đó có ca múa nhạc dân gian đang thất truyền hàng ngày, hàng giờ.

Những nghệ nhân tài giỏi - người mang trong mình kho tàng tri thức dân gian, hay những nghệ nhân hát dân ca, chế tác và sử dụng điều luyện nhạc cụ truyền thống đã và đang dần ra đi. Nguy cơ mai một những tư liệu ca múa nhạc dân gian Chăm là rất lớn. Những chính sách hiện nay về bảo tồn tư liệu gốc, và ưu đãi các nghệ nhân trong việc trao truyền các “bí truyền” trong nghệ thuật dân gian đã có nhưng còn rất khiêm tốn.

3. Một số đề xuất, khuyến nghị

3.1. Tăng cường các đề tài nghiên cứu sâu về ngôn ngữ cơ bản của các loại hình âm nhạc và múa của các dân tộc, trong đó có dân tộc Chăm. Những tư liệu nghiên cứu cần được bổ sung vào giáo trình của các trường văn hóa nghệ thuật. Ví dụ như, giáo trình của nhạc viện cần có những ngôn ngữ cơ bản của âm nhạc dân gian Chăm, các làn điệu dân ca, các điệu trống, v.v. trường múa cần bổ sung những động tác cơ bản của múa dân gian Chăm.

3.2. Các nhạc sĩ, biên đạo cần có những đợt điền dã, đi sâu vào các vùng đồng bào Chăm để nghiên cứu cơ bản về nghệ thuật âm nhạc và múa dân gian Chăm, từ đó sẽ chọn lọc và sử dụng những cung bậc, động tác cơ bản của gốc rễ đích thực dân gian Chăm vào việc sáng tác những tác phẩm có giá trị cao về nghệ thuật (mang tính hàn lâm, bác học), mang hơi thở của thời đại.

3.3. Tăng cường đầu tư cho lĩnh vực nghệ thuật dân gian Chăm ở các tỉnh Nam Trung Bộ, đẩy mạnh phong trào văn nghệ quần chúng trong các palei Chăm, tạo không khí vui tươi, phấn khởi để góp phần vào xây dựng đời sống tinh thần của đồng bào dân tộc Chăm trong công cuộc xây dựng nông thôn mới. Phong trào này sẽ là cái nôi bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống Chăm.

3.4. Tăng cường đầu tư xây dựng, củng cố Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Chăm tỉnh Ninh Thuận để Trung tâm thực sự trở thành nơi nghiên cứu, cung cấp tư liệu văn hóa dân gian Chăm về mọi mặt.

*
* *

Văn hóa được coi như cái van để điều chỉnh sự phát triển cân bằng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Xã hội muốn phát triển, trước hết phải ổn định. Muốn ổn định phải xây dựng được đời sống/nền tảng vật chất và tinh thần xã hội ổn định. Nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm đang giữ một vai trò quan trọng trong việc xây dựng đời sống tinh thần trong cộng đồng người Chăm. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa vào việc đầu tư nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa nghệ thuật dân gian Chăm, góp phần vào việc củng cố nền tảng tinh thần xã hội của các dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Quốc Anh: *Giáo trình văn hóa Chăm*, Nxb. Đại học Quốc gia, Trường đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.
- [2] Phan Quốc Anh: *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Ahier ở Ninh Thuận*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2010.
- [3] Lê Ngọc Canh: *Văn hóa dân gian, những thành tố*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999.
- [4] Lê Ngọc Canh, Tô Đông Hải: *Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Chăm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1995.
- [5] Đặng Hùng: *Bước đầu tìm hiểu, phục hồi múa cung đình Chăm*, Trung tâm Văn hóa dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
- [6] NSND. Đặng Hùng: *Nghệ thuật múa Việt Nam trong tôi*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
- [7] Bùi Đức Hùng, Phan Quốc Anh, Võ Công Nguyên, Phú Văn Hân (Đồng chủ biên): *40 năm nghiên cứu văn hóa Chăm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2015.
- [8] Hoàng Tâm Xuyên (Chủ biên): *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Thông tri số 03-TT/TW ngày 17/10/1991 về *Công tác đối với vùng đồng bào Chăm*.
- [10] Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về *Xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, ngày 16/7/1998.
- [11] Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.

- [12] Chỉ thị số 121-CT/TW ngày 26/1/1981 về Công tác đối với vùng đồng bào Chăm.
- [13] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận: Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc *Phê duyệt đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”*, 2021.
- [14] Tổng cục Thống kê: *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, 2020.
- [15] Chỉ thị số 06/2004/CT-TTg ngày 18/2/2004 của Thủ tướng Chính phủ về *Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm an ninh - trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới*.

MỸ THUẬT GÓP PHẦN VÀO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

PGS.TS. BÙI THỊ THANH MAI*

Nhân tố tác động đến mỹ thuật Việt Nam trong 35 năm đổi mới

Thứ nhất, sự tác động hệ thống tư tưởng chính trị (bao gồm cả quan điểm, chủ trương, chính sách...) đến sáng tác mỹ thuật là nhân tố có ý nghĩa quyết định. Đại hội VI của Đảng đã đặt ra yêu cầu đổi mới về tư duy kinh tế, cụ thể là thay đổi cách nhìn, cung cách làm việc đã tồn tại từ hàng chục năm. Chính sách đổi mới xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Công cuộc đổi mới là một chương trình cải cách toàn diện bao gồm kinh tế và nhiều khía cạnh khác của đời sống xã hội. Đổi mới về kinh tế được thực hiện song song với đổi mới trên các mặt khác như hành chính, chính trị, giáo dục, văn hóa nghệ thuật, từng bước khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việt Nam mở rộng hợp tác, quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và trong khu vực. Văn hóa được xác định là mục tiêu và động lực đổi mới của đất nước. Đường lối, quan điểm và chính sách của Đảng về công cuộc đổi mới đã tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có sáng tác mỹ thuật. Sự đổi mới về tư duy, quan niệm sáng tác mỹ thuật là thành tựu trước tiên của giai đoạn này. Trong cuộc gặp gỡ với gần 100 văn nghệ sĩ, trí thức vào tháng 10/1987, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh khích lệ văn nghệ sĩ đổi mới, tự do sáng tạo, tự "cởi trói". Từ văn học, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh cho tới mỹ thuật, sự đổi mới diễn ra khởi sắc. Nhà nước ban hành nhiều văn bản luật nhằm điều chỉnh và tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Một số cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật được ban hành. Những trung tâm văn hóa nước ngoài như Viện Goethe, Hội đồng Anh, Trung tâm Văn hóa Pháp được thành lập, các trung tâm này và một số quỹ hỗ trợ nghệ thuật đã góp phần kích thích hoạt động sáng tác nghệ thuật ở Việt Nam.

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

Thứ hai, sau những khó khăn bước đầu Nghị quyết Đại hội VI đi vào cuộc sống. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bắt đầu hình thành. Quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước đã tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa, nghệ thuật. Trong thời kỳ đổi mới, kinh tế thị trường tác động mạnh đến mỹ thuật. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân có những cải thiện đáng kể. Kinh tế thị trường bên cạnh việc cải thiện và nâng cao cuộc sống người nghệ sĩ thì cũng có những hạn chế như xu hướng thương mại hóa mỹ thuật, hiện tượng đạo tranh, vi phạm bản quyền, chất lượng nghệ thuật, đặt ra những thách thức đối với quản lý văn hóa. Việc buôn bán, trao đổi tác phẩm mỹ thuật vẫn diễn ra trước đó, tuy nhiên đến thời kỳ đổi mới thì thị trường mỹ thuật trở thành vấn đề được quan tâm nổi bật. Thị trường mỹ thuật sôi động bởi hoạt động mua bán giữa nghệ sĩ với khách hàng, nhà sưu tập và các gallery. Giai đoạn này đánh dấu sự phát triển hoạt động mua bán tác phẩm mỹ thuật ở thị trường tư nhân với đối tượng khách hàng chủ yếu là khách quốc tế - khách du lịch. Những thể chế, pháp luật và hành chính ứng xử trong nền kinh tế thị trường vẫn chưa được hoàn thiện và thực thi hiệu quả.

Thứ ba, toàn cầu hóa thúc đẩy hội nhập văn hóa mạnh mẽ, trong giai đoạn này các xu hướng nghệ thuật đang diễn ra trong khu vực và trên thế giới đã có những tác động đáng kể tới mỹ thuật Việt Nam. Sự chấp nhận khuynh hướng đa dạng hóa văn hóa, nghệ thuật là yếu tố quan trọng tác động đến sáng tác mỹ thuật, đồng thời cũng tăng cường nhận thức của nghệ sĩ Việt Nam về bảo tồn bản sắc và di sản văn hóa dân tộc. Các thể chế, chính sách văn hóa cũng dần có những thay đổi để phù hợp với hoàn cảnh mới về phương thức hoạt động, phương thức sản xuất, kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp văn hóa, các doanh nghiệp và cá nhân hoạt động văn hóa. Việt Nam đã phát triển quan hệ với các nước trong khu vực, trở thành thành viên của tổ chức ASEAN, mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển, bình thường hóa quan hệ với Mỹ; thiết lập và mở rộng quan hệ với nhiều nước Nam Á, Nam Thái Bình dương, Trung Đông, châu Phi và Mỹ Latinh, đồng thời mở rộng quan hệ với Phong trào Không liên kết, các tổ chức quốc tế và khu vực. Sau 10 năm đổi mới, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Cho đến nay, Việt Nam đã thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có FTA với 60 nền kinh tế, mở ra những thị trường xuất khẩu tiềm năng, đóng góp vào việc tăng kim ngạch thương mại từ 2,9 tỷ USD (năm 1986) lên trên 500 tỷ USD (năm 2019). Thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy giao lưu và hợp tác văn hóa, nghệ thuật. Từ đó, thúc đẩy môi trường thuận lợi cho sáng tác mỹ thuật. Giai đoạn này đánh dấu sự phát triển các công trình dịch thuật, bài viết giới thiệu các lý thuyết nghệ thuật trên thế giới. Các loại hình nghệ thuật đương đại cho đến những quan niệm, phương pháp, cách nhìn mới về nghệ thuật được các nghệ sĩ tiếp nhận và

vận dụng. Các nghệ thuật mới được thể nghiệm ngày càng nhiều và dần chuyển đổi diện mạo mỹ thuật Việt Nam. Lý thuyết nghệ thuật Hậu Hiện đại được tiếp nhận, tác động đến tư duy và quan niệm của người nghệ sĩ. Nghệ thuật Sắp đặt, Trình diễn, Video, Thân thể, Ý niệm... được các nghệ sĩ liên tục thể nghiệm, từ lúc ban đầu chỉ là sự tiếp nhận hình thức, sau đó đã trở thành phương tiện để người nghệ sĩ biểu đạt về đời sống đương đại Việt Nam.

Thứ tư, thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin, phát thanh, truyền hình và đặc biệt là Internet đã tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội. Thông qua Internet việc ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác sự đa dạng của thông tin trong mỹ thuật được nhiều nghệ sĩ sử dụng. Từ sử dụng ảnh kỹ thuật số đến quay video các hình ảnh chuyển động và kết hợp nhiều loại hình ngôn ngữ như âm thanh, hình ảnh, chữ viết, thiết kế đồ họa, cùng nhiều phương tiện khác để tạo nên hình thức nghệ thuật “Multimedia Art” (Nghệ thuật đa phương tiện), “Web Art” (Nghệ thuật Web), “Digital Art” (Nghệ thuật kỹ thuật số)... Với đặc thù của các loại hình nghệ thuật sử dụng công nghệ thông tin, người nghệ sĩ có thể tạo nên những hiệu ứng thị giác, thẩm mỹ tương tác mạnh mẽ đến công chúng so với các loại hình nghệ thuật truyền thống như hội họa, đồ họa và điêu khắc. Những năm gần đây, xu hướng nghệ thuật sử dụng công nghệ thông tin ngày càng phát triển mạnh mẽ trên thế giới và đã xuất hiện nhiều hơn trong các triển lãm mỹ thuật ở Việt Nam. Đây là xu hướng tất yếu của sáng tác mỹ thuật trong xã hội hiện đại, khi người nghệ sĩ muốn tìm phương tiện biểu đạt mới và công chúng ngày càng có nhu cầu cao hơn về nội dung và hình thức thể hiện nghệ thuật. Nghệ thuật đa phương tiện cho phép người nghệ sĩ sử dụng công nghệ thông tin để tạo nên hình ảnh, âm thanh, văn bản, màu sắc... từ đó tạo nên lớp công chúng mới, thưởng thức nghệ thuật bằng sự kết hợp của nhiều giác quan, cảm quan. Thậm chí, người xem cùng tham gia trực tiếp tương tác với nghệ sĩ và tác phẩm. Internet đã làm cho việc tiếp nhận thông tin không còn bị giới hạn. Nghệ sĩ, nhà phê bình, công chúng đều có thể tìm hiểu, tiếp nhận, nghiên cứu về khái niệm, lý thuyết, tác phẩm, các loại hình nghệ thuật mới, triển lãm, bảo tàng, gallery... từ khắp nơi trên thế giới. Sự chuyển biến của đời sống nghệ thuật đã đặt ra yêu cầu nghiên cứu về thuật ngữ, lý thuyết và các loại hình nghệ thuật của Mỹ thuật Hậu Hiện đại. Những đặc điểm như tính tương tác, kết hợp giữa các loại hình, loại thể, tính giấu mặt, chiếm đoạt... bắt đầu được một số nhà phê bình, nghiên cứu mỹ thuật Việt Nam phân tích, tìm hiểu. Kiến thức về các loại hình nghệ thuật đương đại thế giới được nghệ sĩ Việt Nam tiếp nhận từ nhiều nguồn khác nhau: qua các ấn phẩm, phương tiện truyền thông, qua các triển lãm tại khu vực và thế giới, hay qua các giám tuyển, nhà phê bình, nghệ sĩ nước ngoài đến làm việc tại Việt Nam. Ngày càng nhiều các trang Website sử dụng song ngữ tiếng Việt và Anh, thể hiện sự nỗ lực của cộng đồng nghệ thuật Việt Nam trong việc tiếp cận với thế giới. HanoiGrapevine, trang Web cung cấp thông tin, bình luận nghệ thuật đã góp phần hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động sáng tạo nghệ thuật ở Việt Nam. Những trang mạng xã hội không chỉ giúp kết nối các nghệ sĩ, giám tuyển,

nhà phê bình nghệ thuật và công chúng, mà còn là nơi chia sẻ kinh nghiệm, mạng lưới, nguồn lực, kỹ năng nắm bắt cơ hội nộp hồ sơ tham gia các dự án, chương trình, hội thảo, sự kiện nghệ thuật của quốc tế. Trong sự phát triển của các trang mạng xã hội, một số nghệ sĩ đã nhận thấy khả năng tiếp cận với công chúng, các gallery để quảng bá, giới thiệu sáng tác của mình. Bên cạnh các Website, trang mạng về nghệ thuật của bảo tàng, trường nghệ thuật, trung tâm, gallery, còn có trang Website, Blog của các nghệ sĩ, nhà phê bình. Nhiều thông tin về nghệ thuật thế giới và trong nước được chia sẻ, cũng như trao đổi những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn nghiên cứu, sáng tác văn học, nghệ thuật ở Việt Nam.

Thứ năm, một số trung tâm nghệ thuật góp phần phát triển không gian văn hóa sáng tạo, định hình diện mạo mỹ thuật ở Việt Nam. Đáng chú ý là tại một số trung tâm nghệ thuật, giám đốc nghệ thuật là các giám tuyển, nghệ sĩ người nước ngoài phụ trách. Thông qua các chương trình lưu trú các nghệ sĩ, curator, nhà nghiên cứu, phê bình nghệ thuật nước ngoài đã đến làm việc tại Việt Nam. Như vậy, dễ hiểu là ít nhiều, kinh nghiệm cách nhìn, quan điểm, phương pháp làm việc của nghệ thuật thế giới thông qua các cá nhân nói trên đã ảnh hưởng đến cách thức tổ chức, hoạt động các triển lãm, chương trình và sự kiện. Trường hợp Sàn Art là một trong những tổ chức nghệ thuật hoạt động độc lập năng động tại Việt Nam trong việc thực hiện, kết nối và quảng bá nghệ thuật đương đại. Những hoạt động, thực hành cụ thể diễn ra tại Sàn Art như triển lãm, thuyết trình, hội thảo, trao đổi, chương trình lưu trú có sự kết hợp của cả nghệ sĩ địa phương và quốc tế đã góp phần thúc đẩy những ý tưởng và sáng tác nghệ thuật đương đại. Thành lập vào năm 2007, Sàn Art xác định mục tiêu của trung tâm là xây dựng một nền tảng mang tính quốc tế, tạo cơ hội trưng bày và thảo luận về nghệ thuật đương đại Việt Nam. Trong khi đó, The Factory thành lập vào năm 2016 xác định chủ đích dành riêng cho nghệ thuật đương đại với cách thức vận hành như một “nhà máy”, đề cao nghiên cứu lý thuyết gắn với thực hành khi khẳng định ghi nhận vị trí người nghệ sĩ hôm nay như những học giả với phong thái tư duy và phương pháp sáng tác liên ngành. Nhằm tập trung cổ vũ những thể nghiệm của nghệ sĩ, chương trình giáo dục, trưng bày tác phẩm, góp phần xây dựng mạng lưới nghệ thuật tại Việt Nam, các trung tâm này đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục, triển lãm và chương trình cộng đồng. Trong đó, nhiều chương trình, dự án đánh dấu mốc về sự chuyển đổi tích cực trong đời sống nghệ thuật ở Việt Nam. Các trung tâm văn hóa nước ngoài như Viện Goethe, Hội đồng Anh, Trung tâm Văn hóa Pháp, Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc, Trung tâm Văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối nghệ sĩ Việt Nam với khu vực và thế giới. Một số hội thảo, tọa đàm, thuyết trình, triển lãm, chương trình cộng đồng với sự tham gia của cả nghệ sĩ trong nước và quốc tế đã kiến tạo nên không gian nghệ thuật, trao đổi hiệu quả để cùng chia sẻ suy nghĩ, quan điểm, phương pháp sáng tác và phê bình văn học, nghệ thuật.

Thành tựu và hạn chế của mỹ thuật Việt Nam từ 1986 đến nay

** Nguyễn nhân thành tựu*

Chính sách đổi mới, mở cửa của đất nước là bước ngoặt quan trọng của đất nước. Sự đổi mới về tư duy, nhận thức là thành tựu và chìa khóa của đổi mới toàn diện. Các nghị quyết của Đảng, Chính phủ đã ban hành tạo điều kiện cho văn học, nghệ thuật phát triển. Đây chính là giai đoạn mà bầu không khí tự do đổi mới diễn ra ở mọi lĩnh vực đã tác động, tạo đà để mỹ thuật Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới. Các hệ thống lý thuyết, loại hình nghệ thuật của thế giới được giới thiệu, tiếp thu và vận dụng. Năng lực sáng tạo của người nghệ sĩ có cơ hội được giải phóng, đánh thức và những tìm tòi cá nhân được khuyến khích, tôn trọng. Diện mạo mỹ thuật Việt Nam khởi sắc và sôi động qua các sáng tác đa dạng, nhiều sắc thái. Ở giai đoạn đầu đổi mới, người nghệ sĩ tiếp thu các trào lưu nghệ thuật trên thế giới như Dã thú, Biểu hiện, Lập thể, Siêu thực, Trừu tượng... Giai đoạn tiếp theo là các loại hình nghệ thuật mới như Sắp đặt, Trình diễn, Video, Thân thể... Tinh thần đổi mới, tìm tòi thể nghiệm và những phương thức biểu đạt nghệ thuật mới diễn ra mạnh mẽ. Sáng tác mỹ thuật phản ánh không khí đổi mới. Mỹ thuật đã có những chuyển biến tích cực, từ thể nghiệm các ngôn ngữ tạo hình của các trào lưu trên thế giới, các loại hình nghệ thuật đương đại, chất liệu đến tham gia vào phản ánh những vấn đề xã hội, thời cuộc. Hoạt động mỹ thuật có những phát triển mới, nhiều câu lạc bộ mỹ thuật và không gian sáng tạo nghệ thuật ra đời, góp phần vào đời sống mỹ thuật Việt Nam. Điều kiện sáng tác và công bố tác phẩm mỹ thuật có những thuận lợi từ sự hình thành và phát triển các gallery trong bối cảnh kinh tế thị trường; sự thành lập các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; hoạt động tích cực của Hội Mỹ thuật như thành lập Trung tâm Mỹ thuật đương đại Việt Nam, sự thành lập các câu lạc bộ mỹ thuật, tổ chức các trại sáng tác... Mỹ thuật phát triển mạnh mẽ, đưa được nhiều tác phẩm đến với công chúng, góp phần đáp ứng nhu cầu xã hội.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ, cùng với đó là Internet đã tạo điều kiện cho người nghệ sĩ hội nhập quốc tế mạnh mẽ. "Thế giới phẳng", theo cách nói của Thomass L.Friedman, đã tạo cơ hội cho mọi người, cho mọi quốc gia. Phần mềm, cùng tất cả các loại ứng dụng của nó và sự sáng tạo ra mạng cáp quang toàn cầu đã biến tất cả thế giới thành láng giềng sát vách. Những thông tin về nghệ thuật đương đại dễ dàng được cập nhật ở Việt Nam, hay nói một cách khác, khi thế giới là phẳng nghệ sĩ có thể đổi mới mà không cần phải di cư. Bên cạnh đó, nghệ sĩ có nhiều cơ hội đi nước ngoài giao lưu triển lãm, tham dự hội thảo và trại sáng tác khu vực và quốc tế. Mỹ thuật hoạt động sôi nổi, góp phần đưa hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam ra thế giới, phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các nghệ sĩ trên thế giới. Internet đã ảnh hưởng đến cách thức sáng tác, giới thiệu và thưởng thức mỹ thuật. Sự phát triển của công nghệ không chỉ thay đổi cách sáng tạo mà cả những gì nghệ thuật đang được tạo ra. Hội nhập văn hóa nghệ thuật trong thời kỳ toàn cầu

hóa, nhất là trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tạo ra nhiều cơ hội cho sự phát triển của mỹ thuật Việt Nam.

Cơ chế thị trường tạo ra được một số chuyển biến tích cực. Hình thành thị trường và dịch vụ các sản phẩm mỹ thuật. Các gallery tư nhân hình thành, góp phần tạo thuận lợi trong giới thiệu, tổ chức và trưng bày triển lãm mỹ thuật. Số lượng triển lãm cá nhân và nhóm có sự bùng nổ về số lượng. Đời sống của nghệ sĩ được cải thiện. Một số gallery đã có định hướng kinh doanh gắn với chất lượng nghệ thuật và số ít gallery quan tâm hỗ trợ và thúc đẩy sáng tạo, thể nghiệm nghệ thuật. Hoạt động mỹ thuật gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường. Hình thành mối quan hệ gallery với nghệ sĩ và khách hàng, các nguồn lực và động lực cho mỹ thuật phát triển. Trình độ và mức hưởng thụ mỹ thuật của nhân dân được nâng lên; các hoạt động mỹ thuật có những mặt phát triển, tiến bộ. Xuất hiện các không gian sáng tạo nghệ thuật, thu hút đông đảo sự tham gia của giới trẻ. Góp phần vào đời sống văn hóa nghệ thuật chung, giáo dục nghệ thuật, không gian hoạt động sáng tạo cởi mở, nuôi dưỡng và kích thích sáng tạo, tìm tòi, chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức.

Các cơ quan quản lý nhà nước đã có những cố gắng trong việc thể chế hóa, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho hoạt động mỹ thuật. Sự phát triển mạnh mẽ của mỹ thuật trong 35 năm đổi mới là minh chứng rõ nét cho thấy những tác động tích cực to lớn từ chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật. Sức sáng tạo mạnh mẽ của đội ngũ nghệ sĩ mỹ thuật được phát huy, điều kiện sáng tác và công bố tác phẩm thuận lợi hơn bao giờ hết. Việc xây dựng các văn bản quản lý và phát triển mỹ thuật đã được thực hiện và đạt được kết quả tích cực nhằm tạo môi trường mỹ thuật lành mạnh, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ mỹ thuật của nhân dân. Xã hội hóa hoạt động văn học, nghệ thuật là một trong những chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước đã đánh thức tiềm năng xã hội, tạo ra nhiều hình thức hoạt động mỹ thuật, góp phần đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của công chúng, là nhân tố quan trọng tác động đến sáng tác, giới thiệu, công bố, tiêu dùng sản phẩm mỹ thuật trong nền kinh tế thị trường.

** Nguyên nhân hạn chế*

Những thuận lợi của toàn cầu hóa đã giúp nghệ sĩ Việt Nam nhanh chóng tiếp cận với nghệ thuật hậu hiện đại thế giới. Song bên cạnh đó, thói quen về tư duy của phần đông nghệ sĩ lại cản trở những tiếp nhận về tư tưởng triết học, các lý thuyết nghệ thuật tiên đề cho những đột phá sáng tạo đỉnh cao. Mỹ thuật Việt Nam còn nhiều bất cập về tính chuyên nghiệp và tìm tòi sáng tạo để có những tác phẩm có nội dung tư tưởng và chất lượng cao đối với những vấn đề lịch sử của đất nước, chưa có nhiều những khám phá về ngôn ngữ tạo hình và chất liệu, về khai thác đề tài, về thẩm mỹ và sức biểu cảm. Trong lĩnh vực mỹ thuật thì ít nghệ sĩ quan tâm đến thuật ngữ, nội hàm khái niệm, những tranh luận, nghiên cứu về lý thuyết nghệ thuật. Phần đông nghệ sĩ mơ hồ với lý thuyết về chủ nghĩa hậu hiện đại nói chung cũng như lý

thuyết và quan niệm của các loại hình nghệ thuật hậu hiện đại, đương đại, cũng như về lịch sử của các phong cách nghệ thuật hậu hiện đại từ Pop Art đến Land Art, Body Art... nhưng họ vẫn sáng tác theo những ngôn ngữ, hình thức của các loại hình nghệ thuật ấy. Như vậy, xét về mặt hình thức, những yếu tố của chủ nghĩa hậu hiện đại đã biểu hiện trong sáng tác mỹ thuật, nhưng về mặt tư tưởng thì chủ nghĩa hậu hiện đại vẫn là xa xôi, mơ hồ với các nghệ sĩ. Tình trạng khá phổ biến trong sáng tác của các nghệ sĩ trẻ Việt Nam hiện nay, đồng thời cho thấy nghệ sĩ của ta chủ yếu mới tiếp cận với các phong cách nghệ thuật hậu hiện đại ở bề mặt chứ chưa ở bề sâu do những nguyên nhân như sự hạn chế về ngoại ngữ, khả năng nghiên cứu, tự học, thói quen, tư duy... Đây chính là điểm yếu của nghệ sĩ Việt Nam, dẫn đến tình trạng nghệ thuật của Việt Nam tuy phong phú về hình thức, bút pháp nhưng không có chiều sâu tư tưởng. Những yếu tố của chủ nghĩa hậu hiện đại đã có mặt trong các lĩnh vực và đời sống xã hội ở Việt Nam, trong đó có ngành mỹ thuật, song lý thuyết về chủ nghĩa hậu hiện đại vẫn chưa thực sự được cập nhật để trở thành vấn đề học thuật đối với ngành mỹ thuật.

Cơ chế thị trường vừa có những yếu tố tích cực đối với đời sống mỹ thuật, nhưng bên cạnh đó là nạn tranh giả, tranh nhái tràn lan làm xấu đi hình ảnh nền mỹ thuật Việt Nam. Một bộ phận gallery, nghệ sĩ chạy theo lợi nhuận, khuynh hướng thương mại hóa đã dẫn đến việc sáng tác, giới thiệu, quảng bá tác phẩm theo thị hiếu dễ dãi, kém chất lượng nghệ thuật, tạo nên tác động không tốt đến văn hóa xã hội như: hiện tượng sao chép tác phẩm vi phạm bản quyền tác giả vẫn chưa được khắc phục, rập khuôn phong cách người đi trước ở trong nước và nước ngoài; xu hướng thương mại hóa chiều theo thị hiếu thấp kém; khai thác kế thừa truyền thống còn hời hợt, dễ dãi, yếu bản lĩnh nghề nghiệp, một số tác phẩm chưa chú trọng giá trị văn hóa dân tộc, có cách biểu đạt khó hiểu, sao chép những phong cách nghệ thuật phương Tây đương đại không phù hợp với tâm lý, lối sống của người Việt Nam, khuynh hướng hiện thực trong sáng tác mỹ thuật chưa có nhiều sáng tạo mới, một số tác giả thiếu đi sâu vào đời sống thực tế.

Quản lý lĩnh vực mỹ thuật hiệu quả chưa cao. Nghị quyết của Đảng về văn học, nghệ thuật đã được ban hành nhưng còn chậm được thể chế hóa thành các chính sách cụ thể, đi vào đời sống mỹ thuật. Vấn đề quản lý thị trường mỹ thuật là vấn đề cấp thiết để phát triển mỹ thuật Việt Nam. Sau 35 năm mở cửa phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thị trường mỹ thuật Việt Nam diễn ra sôi động trong giai đoạn đầu rồi trầm lắng và bế tắc. Thị trường mỹ thuật chủ yếu phục vụ khách du lịch quốc tế. Thị trường nội địa hầu như rất ít, trong khi đó sáng tạo được coi là nguồn lực chính của nền kinh tế tri thức, cùng với các ngành quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi; giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế (thời trang và trang sức, đồ họa, nội thất); điện ảnh (và video); xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; triển lãm (nghệ thuật thị giác); truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa, mỹ thuật là một phần không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế quốc gia. Để xây dựng

thị trường mỹ thuật nội địa, cần thiết có sự điều tiết của Nhà nước qua việc ban hành cơ chế, chính sách để quản lý và đầu tư cho mỹ thuật.

Thực tiễn mỹ thuật Việt Nam trong 35 năm đất nước đổi mới cho thấy, bên cạnh những kết quả, thành tựu đã đạt được như giới thiệu tác giả, tác phẩm, đánh giá hoạt động mỹ thuật... thì lý luận, phê bình mỹ thuật cũng bộc lộ những hạn chế trong vai trò định hướng hoạt động mỹ thuật, định hướng giá trị, định hướng thẩm mỹ, định hướng sáng tạo, định hướng thưởng thức. Sự mờ nhạt, vắng bóng của lý luận, phê bình mỹ thuật đã tạo nên môi trường mỹ thuật thiếu vắng tinh thần khoa học, không khí đối thoại và tranh luận, những nghiên cứu mang tính lý thuyết, tạo nền tảng và thúc đẩy sáng tạo... đã ảnh hưởng đến sự phát triển của mỹ thuật trong giai đoạn này.

Nhìn chung, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đã tác động và xoay chuyển mang tính bản lề đến đời sống mỹ thuật. Việt Nam đã trở thành một trung tâm nghệ thuật hấp dẫn ở châu Á. Ở Thủ đô Hà Nội, tỉnh Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động mỹ thuật hết sức năng động sôi nổi, liên tục, có nhiều sức lôi cuốn, có hiệu quả nghệ thuật và dần từng bước hội nhập vào nghệ thuật tạo hình của khu vực và thế giới. Đội ngũ nghệ sĩ mỹ thuật đông đảo và có năng lực sáng tác, hoạt động mỹ thuật. Xuất hiện nhiều hình thức nghệ thuật đan xen nhau cùng phát triển. Hội họa, đồ họa, điêu khắc đều có những phát triển mới về ngôn ngữ, đề tài, chủ đề, chất liệu và kỹ thuật, thu hút được nhiều người hoạt động ở diện rộng.

Bên cạnh đó, các loại hình nghệ thuật đương đại từ chỗ thực hành thử nghiệm dần trở thành ngang hàng các loại hình nghệ thuật truyền thống và ngày càng phát triển. Nghệ thuật Sắp đặt, đặc trưng bởi sự sắp đặt không gian, tổ chức không gian và có thể tận dụng mọi loại đồ vật, chất liệu để biểu hiện nghệ thuật. Trong khi đó, nghệ thuật Trình diễn với tính chất đặc biệt của nó về sự tương tác, tính ngẫu hứng... đã mang nghệ thuật ra khỏi không gian hàn lâm của những phòng trưng bày trong triển lãm, bảo tàng để đến với những không gian công cộng, có thể là một không gian bất kỳ. Nghệ thuật Video, một loại hình nghệ thuật ra đời trong kỷ nguyên kỹ thuật số đã mang đến hình thức nghệ thuật mới đặc trưng bởi tính thời đại và là sản phẩm của cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Với những ưu thế về ngôn ngữ, cách thức biểu đạt, thuận lợi trong tương tác với người xem, nghệ thuật Sắp đặt, Trình diễn, Video được nhiều họa sĩ, nhà điêu khắc sử dụng để phản ánh những vấn đề xã hội Việt Nam đương đại.

Những mặt tích cực và tiêu cực của cơ chế thị trường đã chi phối công việc sáng tạo của nghệ sĩ. Các gallery tư nhân ra đời, góp phần tạo sự thuận lợi trong việc giới thiệu, tổ chức, trưng bày triển lãm, đưa sáng tác của người nghệ sĩ tiếp cận với công chúng, góp phần giới thiệu hình ảnh đất nước, con người và văn hóa nghệ thuật Việt Nam ra thế giới. Mặt khác, sự ra đời, hoạt động và phát triển tự phát của các gallery đã tạo nên thị trường mỹ thuật manh mún, yếu kém về chất lượng nghệ thuật do

chạy theo thị hiếu dễ dãi của khách du lịch quốc tế, thị trường mỹ thuật nội địa hầu như không có. Việc hoạt động thiếu chuyên nghiệp đã dẫn đến những vi phạm về bản quyền trong lĩnh vực mỹ thuật. Hiện tượng tranh chép, tranh nhái, tranh giả làm mỹ thuật Việt Nam giảm giá trị, mất uy tín trong thị trường mỹ thuật khu vực và quốc tế. Hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa đã đem đến cả cơ hội và thách thức cho mỹ thuật Việt Nam. Mỹ thuật Việt Nam nhanh chóng tiếp thu, vận dụng thành tựu mỹ thuật thế giới, tuy nhiên thói quen, lối mòn trong tư duy và sáng tác, hạn chế về bản lĩnh, tính chuyên nghiệp của phần đông nghệ sĩ đã khiến mỹ thuật Việt Nam mới phát triển ở bề rộng hơn là bề sâu, chưa có những tác phẩm mỹ thuật xuất sắc, đỉnh cao phản ánh những vấn đề thời đại của dân tộc và quốc gia.

Giải pháp phát triển mỹ thuật Việt Nam

Xu hướng chung của mỹ thuật thế giới đó là sự ứng dụng khoa học công nghệ trong sáng tác mỹ thuật, Internet và trí tuệ nhân tạo làm thay đổi hệ thống sáng tác và trưng bày mỹ thuật truyền thống. Xu hướng phát triển mỹ thuật Việt Nam không nằm ngoài sự phát triển chung của mỹ thuật thế giới. Cách mạng công nghiệp 4.0 dự báo sẽ làm thay đổi toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị trên toàn thế giới, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực, trong đó có mỹ thuật. Sau đây là một số ý kiến về giải pháp phát triển mỹ thuật Việt Nam trong thời gian tới:

- Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy quá trình hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ, ưu tiên tài trợ cho các dự án nghệ thuật, nghiên cứu khoa học công nghệ về mỹ thuật xuất sắc; gắn kết hoạt động đào tạo của các trường mỹ thuật với ngành công nghiệp sáng tạo. Sớm hoàn thiện hệ thống chính sách về hợp tác công tư trong lĩnh vực văn hóa, có cơ chế pháp lý để bảo đảm việc thực thi, nhằm thu hút nguồn lực tư nhân để phát triển mỹ thuật Việt Nam.

- Để giải quyết những vướng mắc, hạn chế của thị trường mỹ thuật trong giai đoạn 1986 đến 2021, cần có chính sách phù hợp trong đó chú ý đến việc đầu tư, thúc đẩy những nghiên cứu mang tính chiến lược về thị trường mỹ thuật, thay đổi nhận thức của cộng đồng về hoạt động mỹ thuật và có chế tài xử lý nạn tranh giả, tiến tới từng bước xây dựng thị trường mỹ thuật chuyên nghiệp, mà ở đó nghệ sĩ, người mua tác phẩm nghệ thuật, giám tuyển, chủ gallery, người môi giới nghệ thuật... tương tác với nhau và được bảo vệ bằng luật pháp.

- Khi xây dựng chính sách đầu tư, phát triển mỹ thuật cần chú ý đến những khó khăn phát sinh hiện nay trong việc phát triển các chương trình dài hạn, bảo tồn khả năng thích ứng linh hoạt các nguồn lực với các yêu cầu của bối cảnh văn hóa phát triển nhanh chóng.

- Các giải pháp về cơ chế, chính sách đối với mỹ thuật, giải pháp về nguồn nhân lực sáng tác, giải pháp về thị trường mỹ thuật và giải pháp quảng bá, kết nối mỹ thuật Việt Nam và quốc tế cần được triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả để mỹ thuật Việt Nam có những bước tiến mới về quy mô và chất lượng, góp phần bảo vệ,

phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế, qua đó góp phần vào việc triển khai đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác văn hóa, kết quả thể chế hóa các văn bản của Đảng thực hiện tư tưởng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; từ đó thống nhất phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến năm 2045.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm*, Hà Nội, 2019.
- [2] Hội Mỹ thuật Việt Nam: *Tài liệu Đại hội Hội Mỹ thuật Việt Nam lần V (Nhiệm kỳ 1999-2004)*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, 1999.
- [3] Thế Hoàng: “Việt Nam có FTA với 60 nền kinh tế trên toàn cầu”, Báo *Đầu tư* ngày 4/1/2020, <https://baodautu.vn/viet-nam-co-fta-voi-60-nen-kinh-te-tren-toan-cau-d114088.html>.
- [4] Bùi Thanh Sơn: “Ngoại giao kinh tế đóng góp tích cực vào phát triển của đất nước”, Báo điện tử Chính phủ ngày 7/12/2020, <http://baochinhphu.vn/Chuyen-hoi-nhap/Ngoai-giao-kinh-te-dong-gop-tich-cuc-vaophat-trien-cuadat-nuoc/416312.vgp>
- [5] Lê Văn Sửu: “Thường thức nghệ thuật sau đổi mới ở Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu mỹ thuật*, Trường đại học Mỹ thuật Việt Nam, 2013.
- [6] Đào Mai Trang: “Mỹ thuật Việt Nam liên ứng với thế giới - Nhìn từ Hà Nội”, Đề tài nghiên cứu khoa học, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, 2006.
- [7] Thomas L.Friedman: *The World is Flat: A Brief History of the Twenty First Century*, Farrar, Straus and Giroux; 1st edition.
- [8] Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Viện Mỹ thuật: *Kỷ yếu Hội thảo “Nghệ thuật Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa”*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, 2008.
- [9] *Hai ngày đáng ghi nhớ mãi (tường thuật cuộc gặp gỡ của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với gần 100 văn nghệ sĩ trong hai ngày 6 và 7 tháng 10 năm 1987)*, Văn nghệ, Hà Nội, số 42 (17/10/1987).
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 35, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

XÂY DỰNG NỀN NGHIỆP ẢNH VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC, GÓP PHẦN XỨNG ĐÁNG VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

ThS.NSNA. TRẦN THỊ THU ĐÔNG*

Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần này diễn ra trong điều kiện toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức đồng lòng chung tay đẩy lùi đại dịch COVID-19, vượt qua khó khăn để phục hồi và phát triển kinh tế. Đây là thời điểm mà vai trò của thông tin, truyền thông phát huy sức mạnh quan trọng, cập nhật thông tin nhanh chóng, chính xác, mọi lúc mọi nơi, trong đó vai trò của nhiếp ảnh không phải là ngoại lệ. Những hình ảnh sinh động, chân thực của các nhân viên y tế, các chiến sĩ bộ đội, công an... nơi tuyến đầu chống dịch, những tấm lòng cao cả, những việc làm nghĩa tình cao đẹp, cảm động được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện truyền thông có sức thuyết phục cao, chạm đến hàng triệu trái tim, góp phần không nhỏ vào thực hiện thành công các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ trong công cuộc phòng, chống dịch bệnh cũng như xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

Nền Nghệ thuật nhiếp ảnh cách mạng Việt Nam bắt nguồn từ các Hội Ái hữu nhiếp ảnh ở Hà Nội, Sài Gòn những năm 1937-1938, phát triển trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và toàn quốc kháng chiến, rồi phát triển rực rỡ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Rất nhiều tác phẩm nhiếp ảnh đã trở thành tư liệu vô giá, là bằng chứng lịch sử, biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trước những kẻ thù tàn bạo. Những người cầm máy là những người ghi lại lịch sử đất nước bằng ống kính, để lại cho thế hệ mai sau một pho lịch sử vô giá bằng hình ảnh. Trong số đó tiêu biểu là các tác phẩm đã được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong cuộc Hội thảo “Nhiếp ảnh về đề tài chiến tranh và cách mạng” do Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và Thông tấn xã Việt Nam phối

* Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam.

hợp tổ chức nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 Ngày thành lập Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam (12/1965 - 12/1995) đã phát biểu: “Với mọi ngành nghệ thuật khác khi chiến tranh đi qua, người nghệ sĩ vẫn có thể mô tả lại chiến tranh qua các nguồn tài liệu tin cậy. Nhưng với nhiếp ảnh, nó chỉ có thể mô tả chiến tranh, phản ánh các mặt thực tế của chiến tranh ngay trong quá trình khói lửa. Khả năng phản ánh trực tiếp, sinh động này là một đặc điểm của nhiếp ảnh. Tính chân thật khách quan ấy, tôi muốn nhấn mạnh là một cơ sở quyết định giá trị của mọi ngành nghệ thuật. Nó có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, nhất là trong thời điểm chuyển tiếp thế hệ. Sự nghiệp nhiếp ảnh đổi mới cần phát huy những truyền thống lịch sử đúng với lịch sử để đạt được giá trị cao đối với các thế hệ ngày nay và cả mai sau. Vì vậy, tất cả những bức ảnh về chiến tranh và cách mạng của ta là một tài sản vô cùng quý giá. Nó là bằng chứng cho một giai đoạn lịch sử của dân tộc ta, thời đại ta - Thời đại Hồ Chí Minh. Nó là một sản phẩm tinh thần của nhân dân ta, tinh thần giải phóng dân tộc, tinh thần độc lập tự chủ, kết tinh trong tư tưởng Hồ Chí Minh”.

Cách đây gần 70 năm, ngày 15/3/1953, tại Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 147/SL thành lập Doanh nghiệp quốc gia chiếu bóng và chụp ảnh Việt Nam với mục đích: “Tuyên truyền chính sách, chủ trương của Chính phủ; Nêu cao những thành tích, những gương chiến đấu anh dũng của quân và dân Việt Nam; Giới thiệu đời sống và thành tích đấu tranh kiến thiết của nhân dân nước bạn; Giáo dục văn hóa và chính trị cho nhân dân”. Đây là mốc son hết sức quan trọng đánh dấu sự phát triển và định rõ hướng đi cho nhiếp ảnh, đồng thời tạo nền móng cho sự phát triển rực rỡ sau này của hai ngành Nhiếp ảnh và Điện ảnh Việt Nam.

Dù ở giai đoạn nào, nhiếp ảnh vẫn luôn là phương tiện truyền thông hữu hiệu, chân thực, nhanh nhạy, đồng thời lưu giữ những khoảnh khắc lịch sử quan trọng trong quá trình đấu tranh, xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, các phương tiện truyền thông, báo chí phát triển mạnh mẽ, nhu cầu tuyên truyền bằng hình ảnh đòi hỏi càng nhiều và đa dạng hơn, chất lượng hơn, nhanh hơn và tính nghệ thuật thẩm mỹ cũng cao hơn. Thông qua các tác phẩm ảnh có tính chân thực cao, phản ánh mọi mặt của đời sống, nhiếp ảnh đã góp phần không nhỏ vào việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người mới trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nhiếp ảnh đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc, đã trở thành một trong những hình thức hoạt động mang tính quần chúng rộng rãi, đóng vai trò khá quan trọng trong nền văn hóa nước nhà.

Mỗi giai đoạn, mỗi thời khắc quan trọng của đất nước, dân tộc đều có sự song hành của các nghệ sĩ nhiếp ảnh, đặc biệt là các thế hệ nhiếp ảnh kháng chiến. Nhiều nghệ sĩ, chiến sĩ nhiếp ảnh đã hy sinh trên các chiến trường và để lại những tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị, sống mãi với thời gian.

Bước sang giai đoạn mới, công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước của Đảng ta đã và đang phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng nhờ bản lĩnh lãnh đạo của Đảng với đường lối chính trị đúng đắn và những chính sách, giải pháp sáng tạo, phù hợp, sự chung sức đồng lòng, nỗ lực của toàn dân mà con thuyền cách mạng Việt Nam đã vượt qua mọi ghềnh, thác hiểm nguy. Đến hôm nay, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nói rằng *đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*. Trong công cuộc đổi mới đất nước, nền văn hóa, văn học và nghệ thuật Việt Nam nói chung và nhiếp ảnh nói riêng cũng đã có những bước chuyển mình sâu sắc, mạnh mẽ và khá toàn diện, đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Các quan điểm, nhận thức về văn hóa, nghệ thuật nói chung và nhiếp ảnh nghệ thuật nói riêng đã được khẳng định trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, cũng như thể hiện trong các chính sách của Nhà nước về văn học, nghệ thuật trong thời gian qua.

Với đặc thù riêng của nhiếp ảnh, vận dụng một cách sáng tạo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, nhiều diễn đàn từ Trung ương đến các địa phương nhằm khẳng định và phát huy bản sắc dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của nhiếp ảnh đương đại, làm phong phú và phát triển bền vững cho nhiếp ảnh Việt Nam. Đối với Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, việc phấn đấu xây dựng một nền nhiếp ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu chính, công việc trước mắt, vừa là công việc lâu dài cho mai sau. Để thực hiện nhiệm vụ trên, những người cầm máy cần đi sâu vào thực tế đời sống của nhân dân để phản ánh những đổi mới của đất nước, phản ánh cuộc sống mới, con người mới, tạo dựng được một nền nhiếp ảnh Việt Nam tiên tiến, hiện đại để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, nhiếp ảnh là một lực lượng hội nhập quốc tế sớm và mạnh mẽ nhất, đóng góp tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, nâng cao nhu cầu thưởng lãm nghệ thuật của nhân dân, là nhịp cầu nối Việt Nam với thế giới, góp phần quảng bá hình ảnh văn hóa đất nước, con người Việt Nam trên trường quốc tế. Từ khi Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam chính thức gia nhập Liên đoàn Nhiếp ảnh nghệ thuật quốc tế (FIAP) năm 1991, các nhà nhiếp ảnh Việt Nam luôn giành thứ hạng cao, đạt hàng ngàn giải thưởng trong các cuộc thi nhiếp ảnh quốc tế. Hàng trăm nghệ sĩ nhiếp ảnh đã được FIAP phong tặng nhiều danh hiệu, được mời làm giám khảo nhiều cuộc thi quốc gia, quốc tế do FIAP tổ chức và tài trợ. Năm 2010, Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam lần đầu tiên đăng cai tổ chức thành công Đại hội lần thứ 30 Liên đoàn Nhiếp ảnh nghệ thuật quốc tế. Đại hội quy tụ gần 350 đại biểu từ 50 quốc gia trên thế giới đến dự, được FIAP và các nước thành

viên đánh giá cao. Thông qua cơ hội giao lưu nhiếp ảnh, bạn bè quốc tế đã hiểu hơn về đất nước, con người Việt Nam. Cũng qua các cuộc giao lưu nhiếp ảnh, nhiếp ảnh Việt Nam đã học hỏi, tiếp thu nhiều kinh nghiệm quý báu của nhiếp ảnh thế giới. Đó là một đóng góp không nhỏ của Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam trên bình diện quốc tế.

Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam từ khi được thành lập đã không ngừng trưởng thành, phấn đấu và hoàn thành nhiệm vụ. Hội đã phát huy vai trò là mái nhà chung tập hợp lực lượng các nhà nhiếp ảnh, hoạt động sáng tác ảnh nghệ thuật, báo chí, tư liệu...; tổ chức triển lãm, quảng bá, công bố tác phẩm nhiếp ảnh, các công trình nghiên cứu nhiếp ảnh,... Đến nay, Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam đã có hơn 1.000 hội viên thuộc 80 chi hội, tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Hội tổ chức nhiều triển lãm, cuộc thi, như tổ chức thường niên Liên hoan ảnh nghệ thuật Khu vực, triển lãm ảnh nghệ thuật toàn quốc 2 năm một lần, cuộc thi ảnh nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam 2 năm một lần,... Ngoài ra, Hội còn bảo trợ, phối hợp, giúp đỡ các ban, bộ, ngành và các tỉnh, thành phố tổ chức khoảng 50 cuộc thi, triển lãm ảnh mỗi năm. Những năm gần đây, nhiếp ảnh Việt Nam có nhiều khởi sắc, với nhiều khuynh hướng sáng tạo, hình thành một bức tranh đa dạng, phong phú về một chuyên ngành nghệ thuật độc đáo. Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam có bước phát triển tiến bộ, hội nhập quốc tế sâu rộng và hiệu quả.

Tuy ở mỗi giai đoạn đội ngũ nghệ sĩ nhiếp ảnh đều có cố gắng, với những thành tựu và đóng góp đáng ghi nhận, nhưng với tất cả tinh thần cầu thị và trách nhiệm nghề nghiệp, phải thẳng thắn thừa nhận những mặt còn hạn chế để nhiếp ảnh Việt Nam tiếp tục phát triển, đáp ứng những đòi hỏi của thời đại, theo kịp trình độ phát triển của thế giới, phục vụ tốt hơn công cuộc đổi mới của đất nước.

Trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã luôn dành cho sự nghiệp phát triển văn hóa nói chung và văn học, nghệ thuật nói riêng sự quan tâm và những kỳ vọng lớn lao. Nền văn hóa, văn học, nghệ thuật Việt Nam đã có những bước chuyển mình sâu sắc, mạnh mẽ. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận là những thành tựu văn hóa, văn học, nghệ thuật mà Việt Nam đã đạt được từ khi đất nước đổi mới đến nay chưa tương xứng với sự phát triển của đất nước, còn ít những công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao. Thực trạng đáng lo ngại đó có nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, các cấp lãnh đạo quản lý, các địa phương, các ngành có lúc, có nơi còn biểu hiện chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của văn hóa nói chung và của văn học, nghệ thuật nói riêng, nên chưa có cơ chế phù hợp và hữu hiệu để đưa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đi vào cuộc sống. Nói chính xác là, chúng ta đang thiếu các cơ chế hiệu quả, đủ mạnh, có năng lực thích ứng cao với sự biến đổi toàn cầu và với cơ chế thị trường, phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành Văn hóa, trong đó có văn học, nghệ thuật.

Thứ hai, nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa nói chung, văn học, nghệ thuật nói riêng còn rất thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu, đặc biệt là đầu tư cho việc xây dựng những công trình văn hóa lớn, tầm cỡ quốc gia, mang dấu “vân tay” Việt Nam; đầu tư cho việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy, làm giàu thêm bản sắc dân tộc. Đây chính là yếu tố rất quan trọng góp phần hình thành “kháng thể văn hóa” trong hành trang hội nhập của dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, sự thiếu chủ động, năng động, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Sự nghiệp đổi mới của Đảng và dân tộc đang vươn tới tầm cao mới trong bối cảnh thế giới đang tiến những bước dài của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Toàn dân tộc đang chung sức đồng lòng, chung tay gắng sức vượt qua đại dịch COVID-19 với khát vọng đưa nước ta trở thành nước phát triển, phồn vinh vào giữa thế kỷ XXI. Đây vừa là thời cơ, vừa là thách thức cho đội ngũ những người hoạt động văn học, nghệ thuật thời gian tới.

Một số kiến nghị

1. Hiện nay công tác đào tạo nhiếp ảnh báo chí chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng đúng và đầy đủ yêu cầu thực tế cũng như nhiệm vụ chính trị của thời kỳ mới đặt ra. Vì thế, Đảng và Nhà nước cần có chính sách ưu tiên đầu tư hơn nữa để có đào tạo và bồi dưỡng nhân tài ở cả trong và ngoài nước, phát triển đội ngũ nhiếp ảnh trẻ kế cận.

2. Nhiếp ảnh đã du nhập Việt Nam trên 150 năm, lịch sử Nhiếp ảnh cách mạng Việt Nam cũng đã trải qua chặng đường hơn 80 năm hình thành và phát triển, để lại một kho tàng tư liệu lịch sử bằng ảnh vô giá cho đất nước. Để tiếp tục lan tỏa, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hôm nay và lưu giữ những tư liệu quý của lịch sử nhiếp ảnh Việt Nam, Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam đề xuất Đảng, Nhà nước xem xét việc đầu tư xây dựng Bảo tàng nhiếp ảnh Việt Nam.

3. Đề nghị Chính phủ xây dựng cơ chế đặc thù và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đặt hàng sáng tác tác phẩm văn học nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị; cơ chế đầu tư và hỗ trợ cho việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

+ Tiếp tục khuyến khích, tăng cường giao lưu về văn hóa nhằm tăng cường giao lưu, học hỏi với thế giới, giới thiệu văn hóa, nghệ thuật Việt Nam ra quốc tế.

+ Xây dựng chính sách phát triển thị trường văn hóa, văn học nghệ thuật nhằm thực hiện có hiệu quả Chiến lược công nghiệp văn hóa trong thời gian tới.

4. Việc xét tặng và trao danh hiệu nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú cho văn nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật có đủ điều kiện là một hình thức tôn vinh tài năng và những đóng góp to lớn của nghệ sĩ trong lĩnh vực mà họ hoạt động, có tác dụng động viên và tạo động lực để nghệ sĩ tiếp tục hoạt

động nghệ thuật và cống hiến, tạo nên những sản phẩm văn hóa, nghệ thuật có chất lượng cao.

Văn học nghệ thuật ở Việt Nam hiện nay có tất cả 9 chuyên ngành, gồm: văn học, sân khấu, âm nhạc, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, múa, kiến trúc, văn nghệ dân gian. Mỗi chuyên ngành đều có đặc thù riêng và tất cả các chuyên ngành đều xứng đáng được tôn vinh. Tuy nhiên, theo Điều 64 Luật thi đua, khen thưởng hiện hành thì nghệ sĩ sáng tác không nằm trong lĩnh vực được xét tặng. Vì vậy, Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam kiến nghị Đảng, Nhà nước, Quốc hội quan tâm xem xét sửa đổi Luật thi đua, khen thưởng để ủng hộ việc xét tặng danh hiệu nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú cho các nghệ sĩ sáng tác, trong đó có các nghệ sĩ nhiếp ảnh có quá trình cống hiến và đạt được các tiêu chí theo quy định, góp phần động viên, khích lệ, tạo động lực sáng tạo nghệ thuật cũng như tạo được sự đồng thuận của đội ngũ văn nghệ sĩ và các tầng lớp nhân dân.

KHOI DẬY TIỀM NĂNG SÁNG TẠO CỦA ĐỘI NGŨ NGHỆ SĨ, NGƯỜI LÀM PHIM, GÓP PHẦN GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN BẢN SẮC VĂN HÓA, VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN TỘC

HỘI ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII là sự kiện chính trị trọng đại của Đảng, đất nước và dân tộc, đánh dấu chặng đường 35 năm đổi mới đất nước, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và 10 năm Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”¹. Nghị quyết tiếp tục khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong tiến trình phát triển bền vững đất nước. Phát triển văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là nhiệm vụ chính trị, là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị và mọi người dân.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, cùng với các thiết chế văn hóa trên cả nước, các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành trong đó có Hội Điện ảnh Việt Nam cần làm gì để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội?

Trước hết xin điểm qua thực trạng điện ảnh hiện nay mà trên nền bối cảnh đó Hội Điện ảnh Việt Nam với vai trò là tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp của người làm công tác điện ảnh và phim truyền hình trên toàn quốc đang tích cực triển khai những nhiệm vụ chính trị và nghề nghiệp của mình đóng góp cho sự nghiệp chung.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

Sau hơn hai thập niên, việc thực hiện xã hội hóa hoạt động điện ảnh đã thực sự chuyển mình sang thể chế kinh tế thị trường. Về mặt tích cực, quá trình xã hội hóa đã huy động được nhiều nguồn lực tư nhân tham gia hoạt động điện ảnh khiến sản lượng phim Việt tăng nhanh (hiện đạt khoảng 50 phim truyện điện ảnh/năm) và tạo nên thị trường điện ảnh khá sôi động ở các đô thị lớn, nhất là Thành phố Hồ Chí Minh. Các yếu tố giải trí chiều theo thị hiếu của số đông khán giả là thanh thiếu niên đô thị và giá trị thương mại của tác phẩm, *phim thị trường* do tư nhân đầu tư sản xuất đang là dòng chủ đạo của điện ảnh Việt Nam hiện nay. Trong khi đó các cơ sở sản xuất, phát hành phim đã có những năm tháng đóng góp cho nền điện ảnh cách mạng nay phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong bước chuyển sang cơ cấu tổ chức doanh nghiệp tự chủ. Do mất dần đi sự hỗ trợ của Nhà nước cho sản xuất phim, dòng chảy điện ảnh thời gian qua có lúc thiếu vắng mảng phim đề tài lịch sử, kháng chiến, cách mạng, tâm lý xã hội... có khả năng truyền tải tư tưởng nhân văn và thẩm mỹ tích cực, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, khơi dậy trong quần chúng lòng yêu nước, ý chí độc lập, niềm tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước vẻ vang của cha ông, có tác dụng sâu sắc xây dựng con người Việt Nam với tâm hồn, phẩm cách cao đẹp, góp phần chấn hưng, bồi bổ nội lực tinh thần dân tộc, giữ vững nhân tâm, ổn định tình hình đất nước làm động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Là một ngành nghệ thuật tổng hợp, sản phẩm điện ảnh sau công đoạn sáng tác - sản xuất phải qua khâu phổ biến, phát hành mới đến được với khán giả. Trước giai đoạn xã hội hóa - cổ phần hóa; một hệ thống phát hành phim hùng hậu gồm những doanh nghiệp, tổ chức nhà nước với hệ thống rạp chiếu và các đội chiếu bóng lưu động trên khắp các tỉnh, thành, vùng sâu, vùng xa đã thực sự làm tốt nhiệm vụ đưa phim đến khán giả và qua đó tích cực hỗ trợ điện ảnh thực hiện chức năng giáo dục, nâng cao nhận thức tư tưởng, thẩm mỹ cho quần chúng theo đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng. Thế nhưng, trong bước chuyển sang kinh tế thị trường hệ thống phát hành phim nhà nước đang từng bước tan rã. Thị trường phát hành phim hiện nay chủ yếu do tư nhân làm chủ; nhưng các công ty tư nhân nội địa chỉ nắm được trên 20% lượng phòng chiếu trong khi các doanh nghiệp phát hành, phổ biến phim có yếu tố đầu tư nước ngoài chiếm tới 65% thị phần. Với mục đích hàng đầu là lợi nhuận, các doanh nghiệp nước ngoài ưu tiên nhập khẩu và chiếu phim ngoại nhập khiến phim Việt, nhất là phim truyện sản xuất bởi ngân sách nhà nước hỗ trợ, rất khó vào rạp. Sự yếu thế thấy rõ của lực lượng phổ biến, phát hành phim trong nước khiến chúng ta không khỏi băn khoăn: *Phải chăng sự "xâm lăng" văn hóa trong điện ảnh hiện nay đang là nguy cơ hiện hữu?*

Trong tình hình ấy, Hội Điện ảnh Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động trong nỗ lực hoàn thành tốt *nhiệm vụ trọng tâm là tập hợp, đoàn kết hội viên, khơi dậy tiềm năng sáng tạo của đội ngũ nghệ sĩ, người làm phim* góp phần thực hiện thắng lợi

mục tiêu chung: phát triển và gìn giữ bản sắc văn hóa, văn học nghệ thuật dân tộc. Dưới đây là những kết quả đạt được và cả những mặt còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Hội thời gian qua.

1. Kết quả đạt được trong thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Chú trọng đẩy mạnh công tác tư tưởng

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của công tác tư tưởng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm, Ban Chấp hành Trung ương Hội và các chi hội cơ sở đã quan tâm tăng cường công tác phổ biến, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác tư tưởng, về đường lối phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới, góp phần bảo đảm sáng tác của hội viên, văn nghệ sĩ không bị “chệch hướng”. Công cuộc tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và kết quả to lớn của cuộc đấu tranh chống tham nhũng do Trung ương Đảng phát động và đang tiến hành quyết liệt cùng sự quan tâm, hỗ trợ của Nhà nước đối với các hội văn học, nghệ thuật đã tác động tích cực tới tư tưởng và hoạt động sáng tác của văn nghệ sĩ, trong đó có người làm công tác điện ảnh, phim truyền hình.

Hội đã chú trọng đẩy mạnh cuộc vận động sáng tác và quảng bá tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Hằng năm, Trung ương Hội và các chi hội cơ sở tiến hành các hoạt động kỷ niệm Ngày Điện ảnh nhằm khơi dậy truyền thống vẻ vang của điện ảnh cách mạng Việt Nam, nhân lên niềm tự hào và tự tin cho thế hệ người làm điện ảnh tiếp nối. Lễ trao Giải thưởng Cánh diều Vàng thường niên của Hội Điện ảnh Việt Nam dành nghi thức trang trọng tôn vinh những nghệ sĩ có cống hiến xuất sắc cho điện ảnh dân tộc, nêu cao tấm gương của các nghệ sĩ tiền bối để thế hệ người làm điện ảnh trẻ noi theo. Hoạt động hỗ trợ sáng tác của Hội cũng chú trọng tạo điều kiện cho các tác giả viết kịch bản phim về đề tài kháng chiến, cách mạng, lịch sử, văn hóa dân tộc, xây dựng con người mới, văn hóa mới.

1.2. Làm tốt công tác hội viên

Thời gian qua Hội Điện ảnh Việt Nam tiếp tục công tác phát triển hội viên theo đúng Điều lệ, trong đó chú ý phát triển hội viên thuộc các đài phát thanh - truyền hình trên cả nước, nâng tổng số hội viên lên 2.000 người hoạt động tại khắp các cơ sở điện ảnh, truyền hình trên toàn quốc. Để tập hợp, đoàn kết và phát triển đội ngũ người làm phim trong tình hình mới, Hội quán triệt sâu sắc định hướng của Đảng trong quá trình triển khai nhiệm vụ chính trị trọng tâm, đồng thời phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Điện ảnh và các cơ quan, đơn vị trong ngành tạo điều kiện thuận lợi cho nghệ sĩ, hội viên tác nghiệp. Hội

tiến hành thường xuyên các hoạt động có tác dụng hỗ trợ người làm phim phát triển nghề nghiệp như mở các trại sáng tác, các lớp nâng cao nghiệp vụ và tập huấn làm phim, đầu tư kinh phí cho hội viên sáng tác kịch bản và các hình thức hỗ trợ sáng tác khác từ nguồn hỗ trợ hằng năm của Nhà nước cho các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương.

Hội Điện ảnh Việt Nam kịp thời triển khai thực hiện chính sách của Ban Bí thư hỗ trợ các nghệ sĩ lão thành, tạo điều kiện để hội viên hưu trí tham gia các hoạt động của Hội, hỗ trợ hội viên trẻ trong sáng tác và hoạt động nghiệp vụ. Nhằm khích lệ hội viên thi đua công tác, hằng năm Hội Điện ảnh Việt Nam đã khen thưởng các cá nhân hội viên tiêu biểu do đạt thành tích chuyên môn xuất sắc và tích cực tham gia công tác Hội tại các hội nghị tổng kết công tác thường niên. Hội Điện ảnh Việt Nam cũng giúp đỡ về địa điểm, phương tiện để các tổ chức trực thuộc như Tạp chí, Hãng phim, Trung tâm Hỗ trợ phát triển tài năng điện ảnh, Điện ảnh Đồi Cọ, Câu lạc bộ Điện ảnh chiến trường... hoạt động.

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chấp hành Hội Điện ảnh Việt Nam đã thành lập các hội đồng cấp cơ sở xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước cho các tác phẩm, cụm tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình và công trình nghiên cứu, lý luận, phê bình của các tác giả là hội viên.

Đề cao chức năng của tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, Hội Điện ảnh Việt Nam luôn quan tâm, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên. Vừa qua trước hệ quả tiêu cực từ vụ việc cổ phần hóa Hãng phim truyện Việt Nam, Ban Chấp hành Hội đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ để thanh tra vụ việc. Kết quả, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ quản Hãng phim truyện Việt Nam: *“Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện ngay các quy trình, thủ tục theo quy định để cho nhà đầu tư chiến lược là Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP rút vốn trước thời hạn”*; và: *“Chủ trì làm việc với nhà đầu tư mới đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định và các đơn vị có liên quan thực hiện các quy trình, thủ tục tiếp nhận và chuyển giao Hãng phim truyện Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật”*. Hội cũng hết sức động viên, khích lệ tinh thần anh chị em trong lúc khó khăn như tiếp tục đầu tư kịch bản, tổ chức trại sáng tác cho chi hội, hỗ trợ chi hội tổ chức Kỷ niệm 60 năm Phim truyện Việt Nam - Nhớ về số 4 Thụy Khuê, tổ chức cho các nhà biên kịch của Hãng đi thực tế sáng tác, dự các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ...

Thực hiện chức năng phản biện, giám sát xã hội của Hội Điện ảnh Việt Nam theo luật định, Ban Chấp hành Hội cùng đại diện Hiệp hội Phổ biến và Phát hành phim Việt Nam đã báo cáo Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội về thực trạng điện ảnh hiện nay, những khó khăn, thách thức mà các doanh nghiệp điện ảnh trong nước (kể cả Nhà nước và tư nhân) đang phải đối mặt do bị các công ty phát hành phim có đầu tư nước ngoài chèn ép, áp đặt điều kiện kinh doanh bất lợi. Hội Điện ảnh Việt Nam đã kiến nghị Chính phủ cần có

những giải pháp kịp thời, hiệu quả nhằm duy trì và tiếp tục phát triển nền điện ảnh dân tộc.

Mặc dù theo phân cấp không được lập hội đồng cơ sở để xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ sĩ Ưu tú” cho hội viên; nhưng Hội Điện ảnh Việt Nam đã kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất với Chính phủ xem xét nâng mức quy đổi giá trị Giải thưởng Cánh diều Vàng của Hội từ mức bằng 1/2 lên bằng 2/3 Giải thưởng Bông sen Vàng của Liên hoan phim Quốc gia để nghệ sĩ, hội viên đỡ thiệt thòi trong đợt xét tặng danh hiệu nghề nghiệp năm 2021.

Trong các nhiệm kỳ hoạt động, Ban Kiểm tra, Ban Công tác hội viên cùng Ban Thường vụ đã kịp thời xem xét, giải quyết đơn của hội viên xin gia nhập Hội hay những khiếu nại, thắc mắc của hội viên về những vấn đề liên quan đến quyền tác nghiệp của anh chị em.

1.3. Đẩy mạnh công tác hội tại cơ sở

Hiện nay hệ thống chi hội cơ sở của Hội Điện ảnh Việt Nam với 39 chi hội đã phát triển rộng khắp, từ các trung tâm điện ảnh lớn tới các đài phát thanh - truyền hình tỉnh, thành trên cả nước. Ban Chấp hành Trung ương Hội Điện ảnh Việt Nam luôn giữ mối liên hệ thường xuyên với ban chấp hành các chi hội cơ sở, bám sát nắm bắt tình hình hội viên để có những điều chỉnh kịp thời trong định hướng công tác. Trong khó khăn về điều kiện làm việc và tài chính, ban chấp hành các chi hội đã gắng duy trì đều sinh hoạt hội để tiếng nói của Trung ương Hội đến với anh chị em và gắn kết tình đồng nghiệp. Nhiều chi hội tổ chức các đợt học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển văn học nghệ thuật trong tình hình mới; khuyến khích hội viên tích cực hưởng ứng các đợt vận động sáng tác và phổ biến tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình của Hội về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; phối hợp với Trung ương Hội tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ và tập huấn làm phim phóng sự, tài liệu. Các chi hội thuộc khối lực lượng vũ trang và bộ đội biên phòng, Công an nhân dân thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phát hiện và kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh về quan điểm sáng tác, phát động hội viên đẩy mạnh thực hiện các cuộc vận động sáng tác của Hội cũng như của đơn vị. Hội viên Chi hội Điện ảnh - Truyền hình Bộ đội biên phòng tham gia sản xuất, phát sóng hàng trăm bộ phim tài liệu, phóng sự và các chương trình truyền hình “Biên giới - Biển đảo”, “Bộ đội biên phòng tiếng Mông” phản ánh đầy đủ hoạt động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia, đấu tranh phòng, chống ma túy, mua bán người và các loại tội phạm khác, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, giúp đỡ địa phương củng cố cơ sở chính trị, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, xóa đói, giảm nghèo... góp phần củng cố an ninh chính trị của đất nước, niềm tin của nhân dân

với Đảng, Nhà nước và quân đội. Các chi hội như Hãng phim Hoạt hình, Hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương, Điện ảnh Quân đội, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng... đạt thành tích tốt trong sáng tác thể hiện qua số lượng tác phẩm giành giải thưởng cao tại các kỳ Liên hoan Phim quốc gia, Giải thưởng Cánh diều Vàng và Liên hoan Phim truyền hình toàn quốc. Hội viên Chi hội Điện ảnh Lạng Sơn và Điện ảnh Tây Nguyên vượt lên khó khăn chung của công tác phổ biến - phát hành phim hiện nay đã tổ chức hàng chục ngàn suất chiếu rạp, buổi chiếu lưu động phục vụ hàng trăm nghìn lượt khán giả, đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa, qua đó góp phần xóa “vùng trắng văn hóa” trên đất nước...

1.4. Triển khai hiệu quả hoạt động sáng tác và hỗ trợ sáng tác

Hội Điện ảnh Việt Nam đã chú trọng đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và vận động hội viên tích cực hưởng ứng các cuộc thi sáng tác, phổ biến tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Qua hai đợt sơ khảo (giai đoạn 2016-2018 và 2018-2020) đã có gần 100 tác phẩm phim tài liệu và phim truyện của hội viên từ các đơn vị trong ngành, từ Điện ảnh Quân đội, Điện ảnh - Truyền hình Công an nhân dân và các đài truyền hình nhiều địa phương trên cả nước. Điều đó thể hiện tình cảm tin yêu, kính trọng sâu sắc của văn nghệ sĩ điện ảnh, truyền hình, hội viên của Hội đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như ý thức của anh chị em trong triển khai sáng tác theo định hướng công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng.

Để góp phần nâng cao chất lượng sáng tác theo hướng tăng cường tính chuyên nghiệp, khắc phục các yếu tố nghiệp dư, Hội Điện ảnh Việt Nam đã tiến hành khá hiệu quả những hoạt động hỗ trợ sáng tác như: hỗ trợ sáng tác kịch bản; cử hội viên đi thực tế sáng tác; tổ chức các trại sáng tác kịch bản, các chương trình phim nghiên cứu - học tập, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do chuyên gia từ các nền điện ảnh phát triển trên thế giới trực tiếp hướng dẫn, các lớp tập huấn làm phim phóng sự và tài liệu truyền hình theo phương thức kết hợp học lý thuyết và thực hành làm phim (trong đó có các lớp thực hành làm phim về chủ đề bảo vệ biên giới, biển đảo Tổ quốc) cho hội viên, người làm truyền hình tại cơ sở... Những hoạt động hỗ trợ sáng tác nêu trên của Hội đã góp phần bồi đắp kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cho hội viên và từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động sáng tác của anh chị em.

1.5. Tăng cường công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình

Khó khăn chung của công tác nghiên cứu, lý luận phê bình văn học nghệ thuật và điện ảnh nói riêng, là thiếu vắng đội ngũ người làm công tác lý luận phê bình chuyên nghiệp và cả những tác phẩm đạt tới chiều sâu nội dung tư tưởng và nghệ thuật có khả năng kích thích giới chuyên môn phân tích, đào sâu giá trị nội hàm của

tác phẩm. Trong xu thế chủ đạo của dòng phim thị trường hiện nay, nhà sản xuất và cả người sáng tác quan tâm đến kết quả doanh thu của phim nhiều hơn là ý kiến của giới phê bình. Sự thờ ơ của người làm nghề cũng như công chúng với những công trình nghiên cứu, lý luận, phê bình và cả chế độ đãi ngộ chưa đủ tác dụng động viên, khuyến khích cũng khiến công tác nghiên cứu, lý luận phê bình của Hội đến nay vẫn chưa có bước đột phá thực sự.

Dù vậy, thời gian qua Hội Điện ảnh Việt Nam đã chú trọng tăng cường đầu tư, hỗ trợ cho các tác giả nghiên cứu công trình và có hình thức biểu dương các công trình đạt chất lượng cao tại lễ trao Giải thưởng Cánh diều Vàng. Cũng trong khuôn khổ hoạt động của Giải thưởng Cánh diều Vàng thường niên, Hội đồng Nghệ thuật và Ban Lý luận - Phê bình của Hội tiến hành tổng kết hoạt động sáng tác điện ảnh, phim truyền hình trong năm và đúc rút những kinh nghiệm sáng tác hữu ích. Tạp chí Thế giới điện ảnh của Hội trong quá trình triển khai nhiệm vụ tập hợp diễn đàn nghiên cứu, lý luận, phê bình điện ảnh, phim truyền hình đã có những bài viết có tính học thuật phân tích sâu những vấn đề về quan điểm, khuynh hướng sáng tác hiện nay.

Để hội viên làm công tác lý luận phê bình điện ảnh thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn, hằng năm Hội Điện ảnh Việt Nam cử anh chị em tham dự các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ do Hội đồng Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tổ chức. Hội cũng tập hợp đề cương công trình, dự án anh chị em đang nghiên cứu gửi Hội đồng hỗ trợ thực hiện và xét tặng giải thưởng khi tác phẩm hoàn chỉnh.

1.6. Tăng cường hoạt động quảng bá, phổ biến tác phẩm và công tác đối ngoại nhân dân

Hội Điện ảnh Việt Nam đã chú trọng đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân, mở rộng quan hệ với các tổ chức điện ảnh quốc tế nhằm tăng cường cơ hội giao lưu, hợp tác, học hỏi cho hội viên. Hằng năm Hội lựa chọn các tác phẩm tốt về nội dung và nghệ thuật do hội viên thực hiện giới thiệu dự các liên hoan phim, các sinh hoạt điện ảnh quốc tế, qua đó góp phần thực hiện *Chiến lược Ngoại giao văn hóa tới năm 2020 của Chính phủ* nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam ra thế giới. Theo định hướng tăng cường yếu tố hoạt động nghề nghiệp trong công tác đối ngoại, Hội đã đón nhiều đoàn chuyên gia từ các nền điện ảnh tiên tiến trên thế giới vào giảng dạy các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ làm phim cho hội viên, người làm phim trẻ, sinh viên các trường đào tạo điện ảnh. Giải thưởng Cánh diều Vàng hằng năm do nỗ lực của Hội tổ chức đã truyền hình trực tiếp lễ công bố và trao giải rộng rãi công chúng cũng góp phần tích cực trong việc kịp thời quảng bá các tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình mới có chất lượng về nội dung và nghệ thuật.

2. Những khó khăn, tồn tại và hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Những kết quả tích cực Hội Điện ảnh Việt Nam đạt được như trên trước hết là nhờ đường lối phát triển văn học, nghệ thuật của Đảng, sự tiếp tục hỗ trợ của Nhà nước về tài chính cho hoạt động hội; sự quan tâm, lãnh đạo và chỉ đạo kịp thời của các cơ quan lãnh đạo Đảng, Chính phủ và Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Về phía Hội Điện ảnh Việt Nam, hội viên đã đoàn kết, gắn bó và bằng hoạt động nghề nghiệp tích cực của mình đã đóng góp công sức hữu ích để xây dựng Hội. Ban Chấp hành Trung ương Hội và các chi hội cơ sở đã luôn đề cao trách nhiệm cá nhân, nhiệt tình, năng động, hướng tới hội viên.

Tuy nhiên, do những yếu tố khách quan và chủ quan trong thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, Hội còn một số mặt tồn tại và hạn chế sau:

- Hoạt động của Hội chưa thực sự tác động mạnh mẽ đến việc nâng cao chất lượng sáng tác chung như biểu hiện ở những tồn tại dưới đây:

Trong sáng tác điện ảnh, phim truyền hình hiện nay còn ít những tác phẩm có giá trị về nội dung tư tưởng, nghệ thuật biểu hiện, mang đậm bản sắc dân tộc, chuyển tải những lý tưởng thẩm mỹ cao đẹp và có tác dụng sâu sắc xây dựng con người.

Trong sáng tác phim truyện và sáng tác trẻ còn thấy xu hướng thương mại hóa tác phẩm, hạ thấp chức năng giáo dục, nhấn mạnh tính giải trí, nhiều khi xa lánh những vấn đề trọng đại của đất nước. Sự đổi mới ngôn ngữ phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình chưa rõ nét.

Công tác lý luận phê bình chưa tác động nhiều đến sáng tác, chưa kịp thời khẳng định những tác phẩm có giá trị thật sự và còn chậm phê phán những tác phẩm, khuynh hướng sáng tác lệch lạc.

- Việc sử dụng nguồn hỗ trợ sáng tác của Nhà nước cho Hội vẫn chưa đạt hiệu quả cao vì lý do cơ chế giới hạn chỉ ở mức hỗ trợ ban đầu cho các tác giả kịch bản, trong khi các thành phần khác tham gia làm nên tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình hoàn chỉnh không thuộc đối tượng được hỗ trợ.

- Công tác chăm lo hội viên, hỗ trợ tài chính cho các chi hội và ban chuyên môn bị hạn chế do Trung ương Hội không có nguồn chi.

- Các hoạt động hội mang tính đặc thù nghề nghiệp, chủ yếu phi lợi nhuận nên không dễ xã hội hóa và khiến công tác xã hội hóa của Hội gặp khó khăn và chưa đạt mục tiêu mong muốn.

- Mặc dù thời gian qua Hội đã nỗ lực tổ chức nhiều hoạt động nghiệp vụ mang tính nghề nghiệp cao cho hội viên (mở các khóa bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ do chuyên gia nước ngoài giảng dạy, các lớp tập huấn làm phim...); nhưng vẫn chưa đáp ứng hết được yêu cầu của cơ sở, chưa tác động nhiều đến việc nâng cao tính chuyên nghiệp trong sáng tác để góp phần làm nên những tác phẩm đỉnh cao.

- Công tác quảng bá, giao lưu tác phẩm còn thiếu chủ động do khó khăn về kinh phí; chưa tạo được nhiều nguồn lực để mở rộng hợp tác, giao lưu quốc tế.

3. Phương hướng, giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Để góp phần tiếp tục phát triển sự nghiệp điện ảnh trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ; trên tinh thần quán triệt đường lối văn hóa, văn học nghệ thuật trong tình hình mới của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Hội Điện ảnh Việt Nam cần tập trung khắc phục những hạn chế còn tồn tại, đẩy mạnh toàn diện các mặt công tác trong đó chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và làm tốt hơn nữa nhiệm vụ tập hợp đội ngũ, phát huy tiềm năng sáng tạo của nghệ sĩ, hội viên. Dưới đây là những nhiệm vụ cụ thể và giải pháp thực hiện trong chương trình hoạt động của Hội thời gian tới.

3.1. Tiếp tục làm tốt công tác tập hợp, phát triển đội ngũ hội viên, người làm công tác điện ảnh, phim truyền hình

Để tiếp tục làm tốt mặt công tác trọng tâm này, Ban Chấp hành nhận thấy cần đồng bộ tiến hành những giải pháp dưới đây:

- Đẩy mạnh công tác tư tưởng:

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đưa đến không chỉ cơ hội mà cả những thách thức không nhỏ, đặc biệt từ góc độ hiệu ứng tác động tư tưởng khi công nghệ số mở rộng cửa cho con người tự do tiếp cận mọi ngóc ngách của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong không gian mở và đa chiều ấy, công tác tư tưởng của Hội phải làm sao để nghệ sĩ, hội viên hứng khởi tiếp nhận và tự giác thực hiện hoạt động nghề nghiệp theo định hướng của Đảng và Nhà nước; phấn đấu có nhiều tác phẩm tiếp nối dòng mạch chính là chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, đậm đà bản sắc dân tộc, vươn lên tiên tiến, hiện đại, chuyên nghiệp, phản ánh chân thật đời sống của nhân dân, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước. Từ đó cổ vũ, khẳng định cái đúng, cái đẹp, lên án cái ác, cái xấu; khơi lên khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Công tác tư tưởng trong nhiệm kỳ tới cần tiến hành thường xuyên, kiên định từ cơ quan Trung ương Hội tới các đơn vị trực thuộc và hệ thống chi hội cơ sở để cán bộ, hội viên, nghệ sĩ thấm nhuần quan điểm, đường lối, chính sách phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật của Đảng nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII. Từ đó anh chị em tự giác, chủ động gắn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nỗ lực sáng tạo nên nhiều tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình đạt chất lượng nội dung tư tưởng và nghệ thuật cao.

Những biện pháp quan trọng của công tác tư tưởng thời gian tới là tăng cường học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; phổ biến, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Trung ương; giáo dục tinh thần yêu nước gắn với thi đua yêu nước;

tiếp tục vận động nghệ sĩ, hội viên tích cực hưởng ứng cuộc vận động sáng tác, quảng bá tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; đẩy mạnh học tập, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” làm cơ sở bảo đảm sáng tác của hội viên không “lệch chuẩn”.

- Tiếp tục chăm lo, phát triển hội viên theo đúng quy định của Điều lệ và đẩy mạnh hoạt động chi hội trên cơ sở đề cao trách nhiệm và nâng cao năng lực lãnh đạo của ban chấp hành chi hội:

Để đẩy mạnh hoạt động của các chi hội cơ sở làm động lực phát triển công tác hội; cùng với việc kiện toàn, củng cố, đề cao trách nhiệm, nâng cao năng lực lãnh đạo của bộ máy ban chấp hành chi hội, Trung ương Hội cần quan tâm, tìm cách cải thiện điều kiện làm việc của các chi hội trong điều kiện cho phép, giúp các chi hội thuận lợi hơn trong việc triển khai hoạt động. Ban chấp hành các chi hội cần tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cơ quan chủ quản, chính quyền, Sở văn hóa, Hội Văn học nghệ thuật địa phương cũng như các nguồn xã hội hóa khác cho hoạt động. Để công tác chi hội vào nền nếp, ban chấp hành chi hội căn cứ phương hướng nhiệm vụ công tác hằng năm của Hội xây dựng quy chế hoạt động, kế hoạch công tác, trong đó chú trọng làm tốt công tác tư tưởng, trao đổi nghiệp vụ. Tùy điều kiện, Trung ương Hội có thể tổ chức các cuộc hội nghị tập huấn cho ban chấp hành các chi hội (quy mô toàn thể hoặc theo khu vực) nhằm cập nhật tình hình sáng tác, bổ túc nghiệp vụ và trao đổi, rút kinh nghiệm về công tác chi hội. Các chi hội tùy tình hình thực tế ở địa phương tổ chức các câu lạc bộ để kết nối, tập hợp người yêu thích điện ảnh, phim truyền hình cho mục đích tăng cường, đẩy mạnh hoạt động của chi hội.

3.2. Nâng cao chất lượng sáng tác và hiệu quả hoạt động hỗ trợ sáng tác theo hướng tăng cường tính chuyên nghiệp, loại bỏ dần yếu tố nghiệp dư, lấy chất lượng tác phẩm làm thước đo hiệu quả hoạt động sáng tác của Hội

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sáng tác và hỗ trợ sáng tác của Hội góp phần nhiều tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình xuất sắc cả về nội dung và nghệ thuật, ban chấp hành đề xuất những biện pháp cụ thể dưới đây:

- Đẩy mạnh hoạt động của các ban chuyên môn theo quy chế hoạt động và tích cực tìm nguồn xã hội hóa hỗ trợ các hoạt động của ban.

- Quan tâm và có biện pháp cụ thể khuyến khích những nỗ lực tìm tòi sáng tạo về đề tài và ngôn ngữ biểu hiện; đồng thời kịp thời uốn nắn những biểu hiện sáng tác “lệch chuẩn”.

- Đẩy mạnh công tác lý luận phê bình thông qua giải pháp kiện toàn tổ chức nhân sự Ban Lý luận - Phê bình; đề cao vai trò của Hội đồng Nghệ thuật, Ban

Sáng tác, Tạp chí Thế giới điện ảnh và hội viên các chi hội Viện phim Việt Nam, Nghiên cứu - Đào tạo - Báo chí Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội trong việc triển khai hoạt động lý luận phê bình chuyên nghiệp; tái thành lập Câu lạc bộ Báo chí - Phê bình điện ảnh nhằm kết nối với lực lượng đông đảo nhà báo viết về điện ảnh và bổ sung tính "tân văn" báo chí cho phê bình chuyên nghiệp; tăng mức đầu tư cho các tác giả công trình nghiên cứu, lý luận phê bình; biểu dương thích đáng các công trình đạt chất lượng tốt tại lễ trao Giải thưởng Cánh diều Vàng hàng năm; đẩy mạnh hoạt động tổng kết nghệ thuật trong khuôn khổ Giải thưởng Cánh diều Vàng và các hội thảo, tọa đàm chuyên đề; hỗ trợ hội viên xuất bản, phổ biến các công trình chất lượng; tích cực phối hợp với Hội đồng Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương trong công tác bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho hội viên làm công tác lý luận phê bình...

Một trong những nhiệm vụ then chốt của công tác lý luận, phê bình nhiệm kỳ tới là tập trung giải quyết thấu đáo về mặt lý luận, đồng thời đề xuất biện pháp cụ thể tháo gỡ vướng mắc và có sự theo sát, thúc đẩy thực hiện các giải pháp đề ra đối với những vấn đề quan trọng và cấp thiết trong sáng tác điện ảnh, phim truyền hình đến nay vẫn còn nhiều khúc mắc như: Giải pháp khắc phục yếu tố nghiệp dư trong sáng tác điện ảnh, phim truyền hình; Cân bằng yếu tố nghệ thuật và giải trí trong sáng tác điện ảnh, phim truyền hình trong điều kiện kinh tế thị trường; Nâng cao chức năng giáo dục tư tưởng và thẩm mỹ của phim thương mại; Làm thế nào để phim tài liệu, phim hoạt hình ra rạp...

- Tiếp tục quan tâm, định hướng, hỗ trợ hoạt động sáng tác trẻ, đặc biệt đề cao vai trò của Hội đồng Nghệ thuật, Ban Sáng tác, Ban Lý luận - Phê bình và Trung tâm Hỗ trợ phát triển tài năng điện ảnh trong công tác này.

- Tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn hỗ trợ của Nhà nước cho hoạt động sáng tác kịch bản, công trình nghiên cứu lý luận phê bình theo hướng giữ mức đầu tư ban đầu cho những kịch bản, công trình đạt chất lượng chuyên môn; đồng thời tăng mức đầu tư chiều sâu đủ để tác giả có điều kiện nâng chất lượng kịch bản, công trình lên tầm xuất sắc.

- Thực hiện tốt các kế hoạch tổ chức cho hội viên đi thực tế sáng tác.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả của các trại sáng tác từ khâu thẩm định đề cương và lựa chọn tác giả dự trại; mời thêm các tác giả ngoài thành phần hội viên nếu có ý tưởng sáng tác độc đáo; tăng cường hoạt động hỗ trợ sáng tác tại trại như tổ chức xem phim nghiên cứu học tập và trao đổi, thảo luận chuyên môn; tổ chức các trại sáng tác cho tác giả trẻ, trại chuyên sâu.

- Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các cuộc thi viết kịch bản trên phạm vi rộng để thu hút nhân tài ngoài thành phần hội viên và tạo nguồn kịch bản chất lượng.

- Tăng cường thông tin và vận động hội viên tích cực tham gia sáng tác và quảng bá tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình về đề tài "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".

- Tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ điện ảnh và phim truyền hình cho hội viên và sinh viên các trường điện ảnh do chuyên gia từ các nền điện ảnh, truyền hình tiên tiến hướng dẫn về các chuyên ngành: biên kịch, đạo diễn, diễn xuất, lý luận phê bình, quay phim, âm thanh, dựng phim, thiết kế truyền thông đa phương tiện, biên tập truyền hình, sản xuất phim...

- Phối hợp với các chi hội cơ sở, các đài phát thanh - truyền hình địa phương, các cơ sở làm phim tư nhân... tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn làm phim phóng sự, tài liệu và phim ngắn theo phương thức kết hợp lý thuyết và thực hành làm phim; coi đây là giải pháp hiệu quả để góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp trong sáng tác phim tài liệu, phóng sự.

- Chú trọng hơn nữa công tác bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho hội viên khối phát hành, phổ biến phim; đặc biệt việc tổ chức các lớp tập huấn làm phim phóng sự, tài liệu để anh chị em thuộc các đội chiếu bóng lưu động có thể kết hợp làm phim phục vụ nhân dân địa phương trong thời gian xuống cơ sở làm nhiệm vụ.

- Xuất bản sách, tài liệu nghiệp vụ phục vụ nhu cầu học tập của hội viên từ nguồn các công trình nghiên cứu, lý luận phê bình đạt giải thưởng cao của Hội, nguồn sách dịch có bản quyền; sưu tầm từ các nguồn xuất bản sách khác về chuyên ngành điện ảnh, truyền hình.

- Tăng cường hoạt động chiếu phim học tập kết hợp phân tích, trao đổi học thuật tại Trung ương Hội và các chi hội cơ sở, các trại sáng tác.

- Chú trọng công tác bảo vệ quyền tác giả, tác phẩm của hội viên, đặc biệt là nguồn hình ảnh tư liệu quý; có phương án phối hợp với Hội Bảo vệ quyền tác phẩm điện ảnh và phim truyền hình Việt Nam để đẩy mạnh công tác quan trọng này.

3.3. Tăng cường vai trò cơ quan ngôn luận của Hội Điện ảnh Việt Nam

Để thực hiện tốt vai trò là cơ quan ngôn luận của một tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Hội trong tình hình mới; thời gian tới Tạp chí Thế giới điện ảnh cần tập trung đẩy mạnh các mặt công tác sau:

- Đặc biệt quan tâm, làm tốt công tác giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức tư tưởng cho tập thể phóng viên, biên tập viên của Tạp chí theo tinh thần Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 8/4/2020 của Ban Bí thư về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới* và Nghị quyết Trung ương 4 của Đảng.

- Tập trung nâng cao chất lượng nội dung số tạp chí chuyên ngành bằng những bài viết sâu về nghề, có giá trị học thuật và tính thực tiễn cao; phê phán những biểu hiện lệch lạc trong khuynh hướng sáng tác, những tác phẩm có thể gây ảnh hưởng tiêu cực, độc hại.. Bám sát và phản ánh kịp thời mọi mặt hoạt động, công tác hội từ

Trung ương đến các chi hội cơ sở. Thường xuyên cải tiến, đổi mới hình thức và nâng cao chất lượng của tờ báo điện tử.

- Tăng cường lượng bài viết thông tin, tuyên truyền về đường lối văn hóa, văn nghệ nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và cuộc vận động thi đua sáng tác, quảng bá tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình về đề tài “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Mở thêm chuyên mục “Sáng tác mới” giới thiệu tác phẩm mới của hội viên làm phong phú, sinh động thêm nội dung của báo.

3.4. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các mặt hoạt động, công tác hội

Hoạt động xã hội hóa trong nhiệm kỳ tới là trách nhiệm và công việc thường xuyên của Trung ương Hội cũng như các đơn vị trực thuộc, ban chuyên môn và hệ thống tổ chức chi hội cơ sở trong đó tính năng động, sáng tạo của các tập thể ban chấp hành và cá nhân người đứng đầu có ý nghĩa quyết định. Kết quả hoạt động xã hội hóa cùng với nguồn hỗ trợ của Nhà nước sẽ hướng tới cải thiện điều kiện hoạt động của các chi hội cơ sở, các ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc đặc biệt là Tạp chí, Trung tâm Hỗ trợ tài năng điện ảnh, công tác tổ chức Giải thưởng Cánh diều Vàng, Ngày Điện ảnh, hội nghị tổng kết công tác thường niên cũng như công tác chăm lo hội viên.

3.5. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá tác phẩm, giao lưu quốc tế

Xác định tác phẩm chất lượng (đậm bản sắc dân tộc, giàu cá tính sáng tạo) là “nội lực” quan trọng để đẩy mạnh hoạt động giao lưu quốc tế; Hội khuyến khích hội viên chủ động giới thiệu tác phẩm tới các sinh hoạt điện ảnh, truyền hình trong nước, quốc tế theo đúng quy định của Luật Điện ảnh và pháp luật liên quan. Trung ương Hội qua các mối quan hệ quốc tế lưu ý phát hiện và giới thiệu những đối tác, tổ chức những “sân chơi” mới để hội viên và tác phẩm tham gia.

Công tác đối ngoại của Hội thời gian tới tiếp tục nhất quán mục đích xuyên suốt là góp phần xây dựng hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam trong lòng bạn bè quốc tế và nguyên tắc chỉ đạo là đề cao hiệu quả và lợi ích thiết thực cho sự phát triển đội ngũ người làm công tác điện ảnh, phim truyền hình Việt Nam.

3.6. Phát huy hơn nữa vai trò của Hội Điện ảnh Việt Nam trong sự nghiệp phát triển điện ảnh dân tộc

Để phát huy vai trò của Hội trong việc tham gia giải quyết các vấn đề sự nghiệp điện ảnh, cần thống nhất cơ chế phối thuộc với cơ quan quản lý ngành trong quá trình triển khai thực hiện những hoạt động lớn của ngành, những vấn đề thiết yếu liên quan đến hoạt động sáng tác và phát triển nền điện ảnh dân tộc.

4. Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Bám sát tiêu chí chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng phải cụ thể hóa bằng các kế hoạch, đề án với tinh thần bám sát thực tiễn, bảo đảm tính khả thi, chất lượng, hiệu quả công việc, nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội vào thực tiễn hoạt động, công tác hội cũng như của ngành điện ảnh; Ban Chấp hành Hội Điện ảnh Việt Nam đề xuất chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII của Hội như sau:

4.1. Tổ chức tốt việc triển khai nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong Ban Chấp hành, cơ quan Trung ương Hội, đơn vị trực thuộc và các chi hội cơ sở

Ban Chấp hành Hội coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng và công việc thường xuyên trong nhiệm kỳ nhằm bảo đảm mỗi cán bộ, đảng viên, hội viên, nghệ sĩ đều nắm vững và thực hiện đúng đắn, sáng tạo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong sáng tác và hoạt động nghiệp vụ, góp phần sáng tạo thêm nhiều tác phẩm điện ảnh, phim truyền hình có chất lượng nội dung và nghệ thuật cao, có tính đảng sâu sắc, thiết thực phục vụ sự nghiệp lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Các biện pháp cụ thể là: Suu tầm, cung cấp cho Chi bộ cơ quan Trung ương Hội, các đơn vị trực thuộc và ban chấp hành các chi hội cơ sở tài liệu Văn kiện Đại hội XIII và các văn bản, chỉ thị liên quan để cán bộ, đảng viên, văn nghệ sĩ, hội viên sử dụng trong các lớp nghiên cứu, quán triệt nghị quyết do Trung ương Hội và các cơ quan chủ quản của hội viên tổ chức; tổ chức các lớp học tập, nghiên cứu chuyên đề về những quan điểm của Đại hội XIII về văn hóa, văn nghệ, về xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức; tổ chức các hoạt động phản bác quan điểm sai trái, thù địch, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức, tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên về các quan điểm, chủ trương, đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng...

Cùng với đó, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tại cơ quan Trung ương Hội và các đơn vị, tổ chức trực thuộc làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị theo từng năm và cả nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội.

4.2. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của hạt nhân chính trị là Chi bộ cơ quan Trung ương Hội và các tổ chức cơ sở đảng tại các đơn vị trực thuộc, chi hội cơ sở

Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống nhân những ngày lễ, ngày kỷ niệm của Đảng, của dân tộc. Tổ chức tốt việc học tập, quán triệt và

triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam nhằm khơi dậy lòng tự hào, niềm tin, ý thức trách nhiệm và sự đồng thuận cao.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về Đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Tăng cường công tác bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên theo Quy định số 54-QĐ/TW ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị về “Chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng”. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách, lề lối làm việc; xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc của cấp ủy tại cơ quan Trung ương và các tổ chức cơ sở trong đó thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, tăng cường các biện pháp quản lý, giáo dục và rèn luyện cán bộ, đảng viên.

4.3. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội trên tinh thần hướng về chi hội cơ sở, lấy hội viên, văn nghệ sĩ làm trung tâm, khuyến khích phát huy dân chủ, tự do sáng tạo đi đôi với đề cao đạo đức, ý thức công dân và trách nhiệm xã hội của nghệ sĩ; đẩy mạnh công tác xã hội hóa để bổ sung nguồn lực cho hoạt động hội tại cơ sở.

4.4. Hằng năm tổ chức hội nghị với sự tham gia của ban chấp hành các chi hội tổng kết và rút kinh nghiệm công tác chi hội nhằm không ngừng đẩy mạnh, tăng cường hiệu quả công tác hội tại cơ sở.

4.5. Tổ chức các trại sáng tác kịch bản chuyên sâu về đề tài lịch sử, kháng chiến, cách mạng và văn hóa dân tộc nhằm góp phần tạo nguồn kịch bản chất lượng cao cho sản xuất phim của ngành điện ảnh.

4.6. Tổ chức một số lớp tập huấn làm phim phóng sự, tài liệu tập trung vào các chủ đề: Chào mừng Đại hội XIII của Đảng; Vì an ninh biên giới, biển đảo của Tổ quốc; Gương người tốt việc tốt, dám nghĩ dám làm (đặc biệt về các đội ngũ y, bác sĩ và các chiến sĩ trên tuyến đầu chống dịch COVID-19); Những hành động nhân ái có sức lan tỏa, truyền cảm hứng trong cộng đồng...

4.7. Tăng cường nội dung giáo dục công dân, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc trong hoạt động tổ chức sáng tác trẻ của Trung tâm Hỗ trợ phát triển tài năng điện ảnh của Hội và tại các chi hội cơ sở.

4.8. Tạp chí Thế giới điện ảnh tập trung đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và phản ánh các hoạt động của Hội, hội viên hưởng ứng, thực hiện Nghị quyết.

4.9. Hăng phim xây dựng và triển khai đề án sản xuất phim truyện điện ảnh *Thu giữ mai sau* về đề tài chiến tranh cách mạng và khát vọng hòa bình, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

5. Một số đề xuất, kiến nghị

Trên tinh thần quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; từ thực tiễn hoạt động điện ảnh và căn cứ vào nhiệm vụ phát triển ngành cũng như vai trò và trách nhiệm của Hội trong tình hình mới; với trách nhiệm của một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, Hội Điện ảnh Việt Nam xin kiến nghị với Đảng, Chính phủ và bộ, ngành liên quan một số vấn đề và giải pháp thực hiện nhằm góp phần chấn hưng và tiếp tục phát triển nền điện ảnh dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập và toàn cầu hóa:

5.1. Tiếp tục thể chế hóa các nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

5.2. Chính phủ tập trung đầu tư thực hiện Chiến lược và Quy hoạch phát triển điện ảnh - Tầm nhìn đến năm 2030 nhằm hình thành nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam theo hướng hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng tốt nhu cầu về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân; trong đó điện ảnh tư nhân được khuyến khích phát triển lành mạnh theo quy luật thị trường, khu vực điện ảnh từng thuộc Nhà nước nay đã cổ phần hóa hoặc chuyển đổi cơ cấu tổ chức có điều kiện tiếp tục phát triển.

Hiện nay đại dịch COVID-19 đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động điện ảnh, trong đó lĩnh vực phát hành, phổ biến phim chịu thiệt hại nặng nề nhất. Vì vậy, đề nghị Chính phủ và bộ, ngành xem xét và có biện pháp hỗ trợ kịp thời để các doanh nghiệp điện ảnh trong nước có điều kiện nhanh chóng phục hồi hoạt động giai đoạn hậu COVID-19.

5.3. Đối với công tác phát hành, phổ biến phim:

- Nhà nước sớm có biện pháp khôi phục và tăng cường hệ thống phát hành phim và chiếu bóng địa phương. Cụ thể: Điều chuyển một phần nguồn thuế từ doanh thu chiếu bóng cho phát hành phim và chiếu bóng địa phương, trong đó bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành đối với người làm công tác phát hành phim và chiếu bóng lưu động; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến phim với nòng cốt là các đội chiếu bóng lưu động phục vụ nhân dân tại các địa phương xa Trung ương, nhất là khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, nông thôn, biên giới, hải đảo nơi đồng bào còn khó khăn về điều kiện sống và đời sống văn hóa tinh thần thiếu thốn.

- Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền chức năng triển khai các biện pháp nhằm khắc phục tình trạng các công ty điện ảnh nước ngoài hiện đang lấn lướt hoạt động phổ biến, phát hành phim tại Việt Nam, như: Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu

tư về việc khống chế vốn đầu tư nước ngoài không được vượt quá 49% khi cho phép thành lập các công ty liên doanh trong lĩnh vực phổ biến, phát hành phim; áp dụng các biện pháp có tính “rào cản kỹ thuật” như: hạn chế liên doanh phát hành phim với nước ngoài đầu tư xây dựng các cụm rạp chiếu, tăng thuế nhập khẩu phim ngoại; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về tăng dần tỷ lệ phim Việt chiếu rạp để đạt ít nhất 45% tổng số buổi chiếu rạp vào năm 2030 như mục tiêu Chiến lược phát triển điện ảnh đề ra.

- Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền can thiệp để giảm tỷ lệ phim nước ngoài phát trên sóng Truyền hình Trung ương và địa phương.

5.4. Từ kinh nghiệm cổ phần hóa Hãng phim truyện Việt Nam, cần áp dụng phương thức cổ phần hóa phù hợp với lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho các đơn vị tiếp tục phát triển nghề nghiệp. Trước mắt, cần có hướng giải quyết chế độ cho các nghệ sĩ, người lao động của Hãng hiện đang thất nghiệp và sớm tìm mô hình tổ chức thích hợp để Hãng có thể tiếp tục phát triển.

Kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài chính giải quyết kịp thời về cơ chế hỗ trợ tài chính hằng năm cho Công ty TNHH MTV Hãng phim Tài liệu - Khoa học Trung ương và Công ty Cổ phần Phim hoạt hình Việt Nam để các đơn vị triển khai các kế hoạch sản xuất phim.

5.5. Tiếp tục cải tiến chế độ nhuận bút, thù lao sáng tác và các giải thưởng, danh hiệu nghề nghiệp cho đội ngũ nghệ sĩ, người làm phim. Cùng với việc phát hiện, nâng đỡ tài năng trẻ cần quan tâm chu đáo hơn nữa đến lớp nghệ sĩ lão thành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp điện ảnh, truyền hình dân tộc.

5.6. Về đường lối, chính sách đối với Hội:

Trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, văn học nghệ thuật nói chung và điện ảnh nói riêng đang gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì hoạt động và phát triển bền vững để tích cực góp phần bồi bổ nội lực tinh thần và gìn giữ bản sắc dân tộc, làm động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để các hội văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương, trong đó có Hội Điện ảnh Việt Nam, thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp trong giai đoạn tới; kiến nghị Chính phủ tiếp tục duy trì sự hỗ trợ đối với các hội bằng nguồn kinh phí cho hoạt động sự nghiệp, hỗ trợ sáng tác, xét tặng giải thưởng nghề nghiệp, giao lưu quốc tế, hỗ trợ công tác báo chí, xuất bản cũng như tạo cơ chế pháp lý và các điều kiện cần thiết khác.

5.7. Định hướng hoạt động báo chí, truyền thông trong lĩnh vực văn hóa và công tác quản lý văn nghệ sĩ, hội viên

Gần đây, từ việc một nữ doanh nhân tố cáo “Thần y” VHY có hành vi lừa đảo trong khám chữa bệnh lộ ra một số nghệ sĩ trong giới giải trí có phát ngôn thiếu chuẩn mực, quảng cáo sai sự thật, thiếu minh bạch và trục lợi trong hoạt động từ thiện hỗ trợ

đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả bão lụt năm 2020... Hay có cá nhân từng làm việc tại một đài truyền hình lớn phía Nam nay trở thành “ông trùm” đầy quyền lực, xây dựng nên đế chế truyền thông có sức ảnh hưởng, thao túng mạng xã hội, chiếm sóng truyền hình bằng các sản phẩm nghe nhìn, games show ít tính giáo dục công dân, thiên về hướng ngoại, nhào nặn thần tượng... khiến giới trẻ dễ bị dẫn dắt theo lối sống thực dụng đậm chủ nghĩa hưởng thụ, xa rời cội rễ dân tộc và những lý tưởng sống tích cực, thu hẹp không gian phổ biến của các chương trình văn hóa, văn học nghệ thuật “dòng chính”, đặt bản sắc văn hóa dân tộc trước nguy cơ mai một... Dư luận cho rằng, xét từ ngọn nguồn đó là những biểu hiện tinh vi của động thái “diễn biến hòa bình” nói chung và trong hoạt động văn hóa, văn nghệ nói riêng với sự tiếp tay của các tổ chức phản động ở nước ngoài nhằm làm xói mòn lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước, cố xúi xu hướng chính trị “xã hội dân sự” dẫn đến từng bước làm suy yếu chế độ; là những chuyển động ngầm nguy hiểm hướng tới “cách mạng màu”...

Thực tế nêu trên cho thấy cần đề cao hơn nữa công tác định hướng hoạt động báo chí, truyền thông cũng như quản lý văn nghệ sĩ, hội viên của các hội văn học, nghệ thuật nhằm góp phần đẩy mạnh đấu tranh phản bác những luận điệu xuyên tạc, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, làm sạch môi trường văn hóa trong cộng đồng và trên không gian mạng; kịp thời biểu dương những cá nhân có lòng yêu nước, dám nghĩ, dám làm, dám đứng lên đấu tranh với cái sai, cái xấu, cái ác... vì chính nghĩa và những điều tốt đẹp, tử tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, 2 tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [2] *Tài liệu Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Điện ảnh Việt Nam nhiệm kỳ IX (2020-2025)*.

TIẾP TỤC XÂY DỰNG NỀN KIẾN TRÚC VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ BỀN VỮNG TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI

TS.KTS. PHAN ĐĂNG SON*

1. Đánh giá chung

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ những ngày đầu mới thành lập cho đến nay luôn xác định văn hóa là một vấn đề trọng yếu, đóng vai trò là một trong những trụ cột cho hành trình thắng lợi. Đảng đã lãnh đạo xuyên suốt và nhất quán lĩnh vực này trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất và xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Mối quan hệ kinh tế - chính trị - văn hóa đã được thể hiện rõ ngay từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, ở đó văn hóa được định rõ là một trong ba mặt trận của sự nghiệp cách mạng. Nguyên tắc cách mạng văn hóa cũng đã được định hình ngay từ lúc đó “dân tộc hóa - đại chúng hóa - khoa học hóa”, từ đó đi đến “thống nhất mọi hoạt động văn hóa tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản mác xít”¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn quan tâm coi trọng vấn đề văn hóa trong suốt sự nghiệp vĩ đại của Người. Khẳng định vai trò của văn hóa, Bác viết “trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý đến, cũng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”², “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”³. Từ những kỳ đại hội Đảng, vấn đề văn hóa luôn được đề cập là một cấu thành quan trọng của văn kiện, ngày càng được làm rõ, đề cập cụ thể với hàm lượng đậm đặc.

Bước vào thời kỳ đổi mới, mở cửa hội nhập, tư duy lý luận đi đến đường lối lãnh đạo văn hóa của Đảng càng được bổ sung, đổi mới và hoàn thiện, dấu ấn rõ rệt có thể thấy bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng (1986). Đặc biệt, năm 2014, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ra Nghị quyết số 33-NQ/TW bàn riêng về xây dựng và

* Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam.

1. *Tiên Phong 1945-1946*, Tạp chí của Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam. Lại Nguyên Ân sưu tầm - Tập I-1945, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996, tr.35.

2. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Báo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2011, tr.48.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng phát triển bền vững đất nước. Đến Đại hội XIII vừa qua, Đảng đã nhìn nhận vai trò quan trọng của văn hóa đặt trong mối quan hệ hoàn chỉnh “văn hóa... vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hóa văn nghệ phải nhằm xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống...”. Trong bài viết “Chuẩn bị và tiến hành thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng đã khẳng định “phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng - an ninh là trọng yếu, thường xuyên”.

Văn học, nghệ thuật chính là một bộ phận cốt lõi, đặc biệt tinh tế, cấu thành nền văn hóa ở mọi quốc gia. Tại Việt Nam, điều này càng được khẳng định rõ ràng từ khi có Đảng lãnh đạo. Sự xuyên suốt trong đường lối của Đảng về văn hóa đương nhiên là đã bao hàm cả văn học, nghệ thuật. Qua văn kiện các kỳ đại hội và những nghị quyết riêng ngoài sự bao quát này, chuyên sâu vào lĩnh vực văn học, nghệ thuật cũng được đề cập không ít. Đặc biệt là tại Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 16/6/2008 về “tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” đã nêu rõ “Tập trung mọi nguồn lực xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc... Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, bảo đảm yêu cầu phát triển của lĩnh vực văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”. Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh “Phát huy hơn nữa vai trò của văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng”¹, “Chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật, đồng thời bảo đảm tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học, nghệ thuật; khuyến khích những tìm tòi mới làm phong phú thêm bản sắc văn hóa Việt Nam”². Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Người luôn sâu sát với hoạt động của lĩnh vực này, đã có những ý kiến chỉ lối kịp thời trong từng thời kỳ phát triển. Người nói “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”³, “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy... Chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân”⁴. Xuyên suốt quá trình Đảng lãnh đạo sự nghiệp văn học, nghệ thuật cách mạng, ngoài những dẫn hướng chung, Người còn có nhiều phát biểu dẫn hướng soi đường cho từng ngành riêng. Các minh ý này của Người đến nay - thời đại công nghiệp 4.0 vẫn còn nguyên giá trị.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.234.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, *Sđd*, t.I, tr.145.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.246.

Trong lĩnh vực kiến trúc, giới kiến trúc sư rất tự hào vì ngoài đường lối lãnh đạo chung, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có những ý nhấn mạnh làm sâu sắc thêm, từ đó càng soi đường sáng cho nền kiến trúc cách mạng phát triển, đặc biệt là từ khi đất nước chuyển sang thời kỳ đổi mới. Đại hội IV đã chỉ ra “phát triển nghệ thuật kiến trúc xã hội chủ nghĩa có tính hiện đại và tính dân tộc”¹. Đại hội VI nhấn mạnh “coi trọng nghệ thuật kiến trúc vừa dân tộc, vừa hiện đại”². Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, chỉ sau 3 năm khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, năm 1948, Người đã chỉ đạo thành lập tổ chức đầu tiên của giới kiến trúc nước nhà là Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam. Tại Hội nghị thành lập đó Người đã viết thư căn dặn “trong 4 điều quan trọng cho dân sinh: ở và đi lại là hai vấn đề cũng cần thiết như ăn và mặc. Vì vậy việc kiến trúc là một việc rất quan hệ”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện những định hướng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nền kiến trúc cách mạng nước ta đã từng bước được kiến tạo với nhiều thành công, vượt qua muôn vàn gian khó, đồng hành cùng dân tộc đi qua hai cuộc chiến tranh một cách bền bỉ, nở rộ trong dựng xây thống nhất hòa bình, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt từ 1986, khi đất nước chuyển sang thời kỳ đổi mới, nền kiến trúc cũng có những bước chuyển biến đột phá mạnh mẽ, giàu sáng tạo, vươn tầm cao mới. Đã đạt được nhiều thành tựu rõ nét đầy tươi sáng, giàu tính nhân văn theo hướng chỉ lối đưa đường “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Có được những thành công này trước hết là do sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước. Đồng thời, đóng vai trò vô cùng quan trọng là sự phấn đấu bằng tâm - trí - lực của giới nghệ trong các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và mỗi cá nhân. Cùng với đó là sự tạo điều kiện, kè vai sát cánh của cộng đồng toàn xã hội. “Một cây làm chẳng nên non”, hơn ai hết Hội Kiến trúc sư Việt Nam và những người làm nghề kiến trúc rất thấu hiểu và luôn thấm thía về điều này.

2. Hoạt động sáng tạo của kiến trúc sư Việt Nam

Có thể khẳng định rằng, những năm qua, đặc biệt là trong thời kỳ đất nước đổi mới, mở cửa và hội nhập, diện mạo kiến trúc đô thị nước ta đã không ngừng thay đổi theo hướng văn minh, hiện đại và bản sắc nhờ một phần có sự đóng góp rất quan trọng của giới kiến trúc sư và Hội Kiến trúc sư Việt Nam. Tất cả các đô thị trên toàn quốc ở mọi cấp độ cho đến thời điểm hiện nay đều đã có quy hoạch bài bản, đúng về quy trình pháp lý, sâu kỹ về chuyên môn, tạo thành công cụ hữu hiệu để các cấp chính quyền quản lý xây dựng phát triển theo chương trình mục tiêu. Các quy hoạch định hướng này đều được triển khai về mặt tư vấn là đội ngũ kiến trúc sư giàu kinh nghiệm, chuyên ngành trong nước. Một số chương trình quy hoạch lớn có sự tham gia của tư

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.538; t.47, tr.426.

vấn quốc tế, thì sự đóng góp của các nhà đô thị học, các kiến trúc sư quy hoạch của Việt Nam cũng không nhỏ. Đặc biệt có thể nhìn thấy sự nở hoa kết trái này ở các đô thị lớn: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Huế, Cần Thơ, Đà Lạt... Sự hình thành các đô thị mới từ thời hội nhập càng thể hiện rõ vai trò của tổ chức nghề nghiệp và các đơn vị tư vấn. Đến những năm 20 của thế kỷ XXI, Việt Nam đã có những đô thị ngang tầm khu vực về phát triển kiến trúc, khả năng hội nhập ngày càng cao. Con đường trở thành đô thị sinh thái, đô thị thông minh... dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước, đang được giới nghề gắn kết chặt chẽ với dân biết - dân bàn - dân làm - dân kiểm tra, dân giám sát, dân hưởng thụ triển khai thành công rõ rệt theo hướng phát triển bền vững. Các khu chức năng tại từng đô thị, nhất là các khu phục vụ trực tiếp đời sống dân sinh được thiết kế xây dựng bài bản, có khả năng đáp ứng cao đòi hỏi về mặt thị hiếu, tiện nghi và sức khỏe. Các mặt trái của đô thị, nhất là sự lộn xộn, mất kiểm soát, mất an toàn ngày càng được khống chế chủ động và hiệu quả. Các dự báo cho tương lai mang tính hiện thực và khoa học hơn.

Cùng với đó, bộ mặt quy hoạch kiến trúc nông thôn cũng phần nào được cải thiện. Trước hết có thể thấy đó là các chương trình quy hoạch theo hướng sinh thái và giữ gìn bản sắc được hình thành, tiếp biến khả thi. Nhiều vùng nông thôn khắp ba miền được tổ chức quy chuẩn lại, bài bản. Các quy hoạch tái định cư phục vụ di dời theo chương trình phát triển kinh tế, công nghiệp thủy điện được tiến hành kịp thời, hiệu quả, mang lại an cư lạc nghiệp ở môi trường mới cho người dân. Chương trình đáp ứng phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu cũng được Hội nghề nghiệp và giới kiến trúc sư chủ động quan tâm, đồng hành đáp ứng với nhiều mô hình thích ứng, khoa học, kịp thời. Nông thôn theo hướng gắn kết nông nghiệp - nông thôn - nông dân từ đường lối lãnh đạo đã phát huy hiệu quả toàn diện, trong đó có mặt quy hoạch kiến trúc xây dựng. Sự giám khoáng - cấp giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền ngược cũng từ đó được giảm thiểu. Các làng quê từ truyền thống được định hướng bước vào thời kỳ hiện đại bài bản hơn, ít bị phá vỡ cấu trúc, khang trang tươi sáng hơn, cơ bản đáp ứng được chương trình xây dựng nông thôn mới theo chủ trương, chính sách.

Về mặt sáng tạo công trình kiến trúc: Sự thay da đổi thịt của các đô thị, nhất là từ khi đất nước đổi mới là minh chứng rõ cho điều này. Đó là các cụm đô thị đa chức năng được hình thành và phát triển vững bền ở rất nhiều thành phố. Điều có thể thấy chung ở các cụm đô thị này là kiến trúc đã thực sự vì dân sinh. Từ yếu tố cung cấp công năng, tiện nghi sử dụng, đến hình thái kiến trúc có nhiều sáng tạo vượt bậc so với các thời kỳ trước; đến yêu cầu xanh - sinh thái - bền vững, tất cả đã hội tụ được các yếu tố đảm bảo điều kiện sống tốt cho con người, điều kiện đảm bảo sức khỏe cho con người, đi đôi với giữ gìn bảo vệ thiên nhiên. Có thể tự hào nói rằng, so với thế giới, các cụm công trình kiến trúc do kiến trúc sư Việt Nam (có sự tham gia của kiến trúc sư quốc tế) sáng tạo nên, hoàn toàn đủ tầm vóc sánh vai

cùng các công trình tiên tiến hiện đại năm châu, với các nước phát triển hàng đầu trên thế giới.

Những công trình sáng tạo của kiến trúc sư chúng ta theo đường lối lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ đổi mới cũng đã nở rộ theo hướng hiện đại và bản sắc. Có thể thấy rõ rệt nhất là trong sáng tác về nhà ở các loại. Những không gian ở của người dân càng về sau càng được thiết kế đậm chất nhân văn và yêu cầu nơi chốn. Đặc biệt trong 10 năm trở lại đây, rất nhiều ngôi nhà mới mọc lên theo hướng kiến trúc xanh là chủ đạo làm cho đời sống người ngụ cư trong đó được giải phóng về tinh thần, được đảm bảo về sức khỏe, việc đe dọa xấu đến môi trường sinh thái được giải quyết giảm thiểu. Kiến trúc nhà ở nông thôn kết hợp với những dạng kiến trúc cộng đồng đã có nhiều thành công với những kiến trúc sư chuyên biệt, họ đã đưa ra nhiều mẫu công trình xây dựng tại các vùng, miền, gắn kết sẻ chia những dạng nhà ở có thiết kế và giá cả hợp lý, nhận được sự đánh giá cao của cộng đồng. Những ngôi trường và nhà cộng đồng đây tính nhân văn từ nguồn vốn xã hội hóa, tiện ích trong sử dụng, nhưng lại có bản sắc độc đáo, đậm tính dân tộc. Nhiều công trình dạng này đã đạt giải cao trong các cuộc thi quốc tế. Phần kiến trúc nông thôn dành cho vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo được Hội Kiến trúc sư Việt Nam chú trọng phát triển từ các chương trình và cuộc thi, được các tổ chức tư vấn và các kiến trúc sư mọi vùng, miền tham gia rất tích cực, đưa đến những sản phẩm có tính ứng dụng cao.

Sáng tạo của kiến trúc sư Việt Nam về các dạng công trình công cộng, trong hơn ba thập kỷ qua, từ ngày đất nước bước vào đổi mới thực sự đã cho nhiều trái ngọt. Điều này thể hiện ở tính đa dạng công trình, với nhiều quy mô khác nhau. Đó là hàng loạt bệnh viện quy mô hàng ngàn giường, các tổ hợp đa chức năng. Tín hiệu đáng mừng là, những dạng công trình mà trước đây hầu hết đều do kiến trúc sư nước ngoài chủ trì, thì nay phần lớn đã do kiến trúc sư Việt Nam đảm nhận với những sáng tạo rất thành công. Sự tiến bộ này cũng thể hiện không riêng ở thành phố lớn, nơi hội tụ nhiều kiến trúc sư hơn, mà còn lan tỏa đến mọi vùng, miền, đến cả những địa phương có lực lượng kiến trúc sư rất mỏng. Ngoài các công trình quy mô lớn, chức năng phức tạp tại các đô thị, gần đây các dạng công trình cấp huyện, xã cũng đã từng bước được giới kiến trúc sư quan tâm và triển khai hiệu quả. Hiệu ứng của những đóng góp này là kiến trúc công trình ở mọi miền quê Việt Nam đã góp phần làm thay đổi diện mạo đất nước đổi mới, no ấm, hạnh phúc và thịnh vượng.

Trong đại dịch COVID-19 vừa qua, ngay từ thời kỳ đầu, Hội Kiến trúc sư Việt Nam đã kịp thời tổ chức thi thiết kế mô hình chuẩn bệnh viện dã chiến, với sự hưởng ứng tham gia rất tích cực của kiến trúc sư trong cả nước. Hơn 130 tác phẩm dự thi cả chuyên và không chuyên được gửi đến, các tác phẩm đạt giải đã được Hội tập hợp gửi đến các cơ quan hữu quan, góp phần đóng góp ý tưởng tốt cho việc hình thành

các loại bệnh viện dã chiến sau đó và hiện nay. Ngoài tham gia thiết kế bệnh viện, Hội đã tổ chức hàng chục cuộc hội thảo chuyên đề về đại dịch để tiếp nhận thông tin, đi đến tổng hợp, đề xuất, bổ sung các yếu tố cần giải quyết về kiến trúc cho thích ứng điều kiện khi có đại dịch xảy ra trong tương lai.

Cùng với ứng phó đại dịch, một vấn đề còn tổng phổ, nghiêm trọng, cấp thiết, thường xuyên hơn là ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai. Việc này cũng đã được lực lượng kiến trúc sư toàn quốc tập trung nghiên cứu từng bước đề xuất những giải pháp vừa giàu tính thực tiễn khoa học, vừa coi trọng bản sắc văn hóa của dân tộc, vừa thỏa mãn yêu cầu kinh tế hạn chế. Đặc biệt là cố gắng thỏa mãn mọi nhu cầu chăm lo đời sống vật chất tinh thần của người dân, đi cùng đảm bảo sức khỏe tái tạo lao động, an toàn mọi nơi mọi lúc và giữ gìn môi trường sinh thái, thích dụng, gắn kết mọi vùng, miền. Những mẫu nhà chống bão lũ, những quy hoạch đáp ứng an toàn cao khi có thiên tai, đã từng bước được xây dựng, mang lại hiệu quả rất tốt. Chỉ tiếc rằng, do eo hẹp về kinh phí triển khai nên các chương trình này đang dừng ở mức thí điểm đơn lẻ và ứng phó tình thế. Việc kiểm nghiệm để nhân rộng cũng chưa có điều kiện thực hiện đầy đủ. Tính bị động trong ứng phó cũng là một đặc điểm tồn tại phổ biến ở nhiều nơi cho đến hiện nay. Vì vậy nhiều tác phẩm tốt hoặc hướng tốt không có đất dụng võ, trở nên lãng phí.

Khi bàn về vấn đề công nghiệp văn hóa, rõ ràng lĩnh vực kiến trúc đã đi tiên phong tiếp cận vấn đề này, và đã có những thành công nhất định trong thời gian vừa qua. Đó chính là việc định hình được hàng loạt sản phẩm nghệ thuật chuyên ngành ứng dụng rộng rãi theo hướng mẫu trong triển khai tại Việt Nam với các thể loại quy hoạch cũng như sáng tạo công trình đa dạng. Việc kết hợp với các kiến trúc sư quốc tế tại Việt Nam cũng như kiến trúc sư Việt Nam tại nước ngoài đã tạo nên một bức tranh giao thoa đầy màu sắc và rất hiệu quả về mặt định hình hướng công nghiệp. Ngay cả một vùng sáng tạo nghệ thuật kiến trúc rất khô khan là tổ hợp công nghiệp, gần đây giới kiến trúc sư Việt Nam với năng lực của mình đã bắt đầu tham gia những chương trình nghiên cứu thiết kế có thể ứng dụng hàng loạt cho các dạng nhà máy. Ngoài những công xưởng sản xuất được thiết kế với nhiều sáng tạo, thì những không gian văn hóa đan xen để cộng hưởng sức lao động cũng đã hình thành và phát huy hiệu quả. Việc biến đổi chức năng, hoặc thay thế chức năng các khu công nghiệp di dời không còn thuần túy là sự khai thác tối đa hiệu quả quỹ đất cho các nhà đầu tư về mặt kinh tế. Mà ở đó đã có nhiều phương án sáng tạo chuyển đổi thành các không gian văn hóa cộng đồng, vừa góp phần cho ý tưởng công nghiệp văn hóa có đất thể hiện hiệu quả, vừa hình thành tính liên kết cộng đồng nhân văn, tăng sức hút du lịch và sinh lợi về kinh tế không thua kém sản xuất công nghiệp, lại hướng định được môi trường phát triển bền vững. Đó cũng có thể nói là một hướng đi của một ngành nghệ thuật theo đường lối đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa mà Đại hội Đảng lần thứ XIII đã nhấn mạnh.

3. Hội kiến trúc sư Việt Nam, ngôi nhà chung sáng tạo của kiến trúc sư

Là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự quan tâm của Chính phủ, sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Kiến trúc sư Việt Nam đã luôn động viên, đồng hành cùng giới kiến trúc sư lao động sáng tạo, với mục tiêu xây dựng và phát triển nền kiến trúc Việt Nam hiện đại, tiên tiến, bền vững và giàu bản sắc dân tộc, góp phần hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kiến trúc tham gia quá trình đô thị hóa, vào phát triển hệ thống đô thị bền vững và xây dựng nông thôn mới. Mỗi tác phẩm kiến trúc được xây dựng lên không chỉ có giá trị về kinh tế - xã hội mà còn có giá trị văn hóa, nâng cao thẩm mỹ cho nhân dân, nhận thức về kiến trúc cho cộng đồng. Kiến trúc là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc, vì thế mỗi kiến trúc sư phải là người nghệ sĩ - chiến sĩ trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của giới kiến trúc sư, trong quá trình xây dựng và phát triển, Hội Kiến trúc sư Việt Nam luôn là mái nhà chung tin cậy của kiến trúc sư cả nước. Hội đã luôn quan tâm động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để kiến trúc sư lao động sáng tạo theo các xu hướng kiến trúc tiến bộ trên thế giới, phù hợp với địa chính trị, văn hóa và kinh tế của Việt Nam, như kiến trúc bền vững, kiến trúc xanh, kiến trúc thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và dịch bệnh. Thông qua các kỳ Giải thưởng Kiến trúc quốc gia (hai năm/lần) và Giải thưởng Kiến trúc xanh Việt Nam (hai năm/lần), Hội đã phát hiện hàng ngàn công trình kiến trúc có giá trị, hàng trăm kiến trúc sư tài năng (chủ yếu là kiến trúc sư trẻ ở độ tuổi 7X, 8X), đó là cơ sở để vận động giới kiến trúc sư đổi mới nhận thức, tư duy trong sáng tạo phù hợp với sự phát triển chung của thế giới và phát huy được giá trị văn hóa kiến trúc của dân tộc. Hội tuyên truyền, vận động kiến trúc sư tham gia bảo tồn, tôn tạo các di tích kiến trúc lịch sử đồng thời phát hiện các kiến trúc mới có giá trị kinh tế, văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu cho các thời kỳ phát triển của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là trong quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế. Không ngừng nâng cao, bồi dưỡng năng lực hành nghề cho gần 1.000 kiến trúc sư bằng các khóa học trực tiếp và trực tuyến, theo nhiệm vụ được giao trong Luật kiến trúc (2019) và Nghị định số 85/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Công tác lý luận phê bình được quan tâm, góp phần định hướng sáng tác cho kiến trúc sư cũng như tham gia nâng cao nhận thức của cộng đồng về thẩm mỹ kiến trúc, về vai trò của kiến trúc, của kiến trúc sư trong phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa. Tăng cường phản biện xã hội giúp các cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng dự thảo, ban hành các chủ trương, chính sách liên quan đến phát triển quy hoạch - kiến trúc. Hằng năm Hội đều tổ chức Gặp gỡ Mùa thu và nhiều hội thảo chuyên đề, phù hợp với tình hình cụ thể nảy sinh trong quá trình xây dựng và phát triển. Sau các hội thảo, Hội đều có tổng kết, đánh giá để báo cáo, đề xuất Chính phủ trong chỉ đạo điều hành phát triển kiến trúc đô thị - nông thôn của

đất nước. Lãnh đạo Hội thường xuyên tham gia với tư cách Chủ tịch Hội đồng (hoặc là thành viên) của các cuộc thi tuyển kiến trúc cấp tỉnh, cấp ngành, cấp quốc gia, qua đó tiếng nói của Hội đã góp phần tích cực vào định hướng sáng tác kiến trúc Việt Nam hiện đại và bản sắc văn hóa dân tộc. Hội Kiến trúc sư Việt Nam luôn quan tâm, bồi dưỡng kiến trúc sư trẻ. Các cuộc triển lãm kiến trúc và Liên hoan kiến trúc sư trẻ toàn quốc (hai năm/lần) và Liên hoan sinh viên kiến trúc (hai năm/lần) là dịp để các kiến trúc sư trẻ và sinh viên kiến trúc cả nước gặp gỡ, giao lưu trao đổi nghề nghiệp và hướng nghiệp (cho sinh viên), giúp kiến trúc sư trẻ và sinh viên kiến trúc hiểu rõ hơn nghề kiến trúc sư đối với xã hội. Từ đó các em sẽ thấy được trách nhiệm của mình trước Tổ quốc, trước nhân dân để không ngừng học tập, vươn lên trong lao động sáng tạo. Vài năm gần đây, Hội bắt đầu tham gia vào quản lý nhà nước trong những lĩnh vực được Chính phủ giao, như tham gia soạn thảo Luật kiến trúc (đã được Quốc hội thông qua, Chủ tịch nước ký ban hành năm 2019), Nghị định số 85/2020/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật kiến trúc; ban hành Bộ Quy tắc ứng xử nghề nghiệp cho kiến trúc sư hành nghề; ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng, thi tuyển và tham gia cấp chứng chỉ hành nghề cho kiến trúc sư; tham gia xây dựng Định hướng phát triển Kiến trúc Việt Nam đến 2030 tầm nhìn 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ký ban hành năm 2021). Hội đã được Chính phủ giao thực hiện một số đề tài lớn, như: “Đề án lưu giữ, trưng bày các giá trị bản sắc kiến trúc của các dân tộc Việt Nam”; “Đề án nghiên cứu bảo tồn, phát huy làm mới trong phát triển kiến trúc Việt Nam”; “Đề án kiến trúc nông thôn từ truyền thống đến hiện đại, gắn kết thời kỳ hội nhập”; “Đề án đào tạo, đổi mới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kiến trúc sư theo xu hướng hội nhập quốc tế”; “Đề án xây dựng phát triển hệ thống lý luận, phê bình kiến trúc Việt Nam”... Ngoài ra, Hội còn xây dựng nhiều đề tài nghiên cứu kiến trúc theo từng giai đoạn, trong đó có đề tài khoa học “Nửa thế kỷ kiến trúc Việt Nam sau thống nhất đất nước (1975-2025)”, v.v.. Hội cũng đã tham gia với Ban Kinh tế Trung ương về các nội dung kiến trúc nông thôn, chuẩn bị để Đảng ra nghị quyết mới về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong thời kỳ phát triển mới.

Hai năm qua, đặc biệt là trong năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra, nhưng bằng sự nỗ lực và quyết tâm, hoạt động sáng tạo kiến trúc vẫn được Hội duy trì thông qua nhiều hình thức khác nhau như trực tuyến và trực tiếp. Tháng 5/2021, Hội đã cùng Thành phố Hà Nội chỉ đạo Sở Văn hóa thông tin Hà Nội phối hợp với Tạp chí Kiến trúc (Hội Kiến trúc sư Việt Nam), Mạng lưới vì một Hà Nội đáng sống (Đại diện bởi ECUE), Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm và UNESCO tổ chức cuộc thi “Ý tưởng thiết kế không gian sáng tạo Hà Nội”. Sau 3 tháng phát động, cuộc thi đã nhận được rất nhiều sự quan tâm hưởng ứng, tham gia nhiệt tình của những người yêu Hà Nội với 93 phương án dự thi từ các cá nhân, tổ chức trong nước, quốc tế. Kết quả, có 18 giải thưởng bao gồm 6 giải nhất, 6 giải Hội

đồng và 6 giải bình chọn của 2 nhóm đối tượng chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp tại 3 hạng mục dự thi (Hạ tầng thúc đẩy sáng tạo, Tổ chức không gian sáng tạo trên cơ sở khai thác các công trình công nghiệp trong đô thị phải di dời hoặc chuyển đổi chức năng, Bảo tồn và phát huy giá trị không gian kiến trúc, quy hoạch truyền thống). Các phương án dự thi có chất lượng tốt, thể hiện tâm huyết, tình yêu của các tác giả đối với Hà Nội. Các giải pháp được đề xuất trên cơ sở cải tạo, chuyển đổi chức năng không gian, phát huy các giá trị vốn có, khai thác được không gian trở thành những không gian sáng tạo cho cộng đồng, cho thành phố. Nhiều phương án đề xuất ý tưởng độc đáo, giải pháp mới mẻ, ngôn ngữ tạo hình hiện đại. Trong khuôn khổ cuộc thi, Hội cũng đã có nhiều hoạt động thiết thực, gợi mở và kết nối người dự thi với các chủ đề của thành phố sáng tạo như: Tọa đàm Thiết kế không gian sáng tạo Hà Nội, Tọa đàm Chuyển đổi di sản công nghiệp thành không gian sáng tạo, Tọa đàm thành phố sáng tạo: Động lực phát triển bền vững... Cuộc thi đã được lãnh đạo và nhân dân Thủ đô quan tâm, đánh giá cao. Và mới đây, cuộc thi đã được Ban Tổ chức “Giải thưởng Bùi Xuân Phái vì tình yêu Hà Nội” 2021 đề cử ở hạng mục Ý tưởng để trao giải. Hội đã chủ trì tổ chức Giải thưởng kiến trúc quốc gia (2020-2021); Giải thưởng Loa Thành 2021 dành cho sinh viên tốt nghiệp các ngành kiến trúc - xây dựng. Kêu gọi kiến trúc sư hưởng ứng cuộc vận động sáng tác văn học, nghệ thuật với chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2020-2023 do Ban Bí thư phát động (đã gửi văn bản kêu gọi, hướng dẫn đến các cơ sở Hội trên cả nước). Phối hợp với Tập đoàn Vinaconex tổ chức thành công cuộc thi sáng tác ý tưởng kiến trúc “Khu du lịch, thương mại, vui chơi giải trí tại Cát Bà” (tháng 5/2021). Phối hợp với nhiều tỉnh, thành tổ chức hơn 20 cuộc thi tuyển kiến trúc theo Luật kiến trúc và Nghị định số 85/2020/NĐ-CP. Hội đã tham gia với vai trò là chủ tịch và thành viên chính của các hội đồng, đạt nhiều kết quả trong lựa chọn tác phẩm kiến trúc, tạo điều kiện cho định hướng phát triển kiến trúc tốt, đặc biệt là các cuộc thi về công trình giao thông có yêu cầu đóng góp kiến trúc cho diện mạo đô thị. Hội Kiến trúc sư Việt Nam đã tham gia nhiều cuộc hội thảo quốc tế (trực tuyến) do diễn đàn Kiến trúc sư châu Á (ARCASIA) và Hiệp hội kiến trúc sư thế giới (UIA) tổ chức về các chủ đề liên quan đến kiến trúc và môi trường sống. Dưới sự bảo trợ của Hội, nhiều kiến trúc sư Việt Nam đã tham gia các cuộc thi kiến trúc quốc tế và đạt nhiều giải thưởng danh giá. Như, kiến trúc sư Võ Trọng Nghĩa đạt Giải thưởng Kiến trúc ARCASIA 2021 với công trình “Học viện Đào tạo Viettel”. Kiến trúc sư Đàm Huỳnh Quốc Vũ, Lê An Ni với “Trường Bó Mon” (Giải nhất); kiến trúc sư Đoàn Thanh Hà với “Tái tạo Công viên mở Mạo Khê” (Giải nhì); kiến trúc sư Nguyễn Hoàng Mạnh với hai tác phẩm “Đống rom” và “Villa Tân Định” (Giải ba) của Giải thưởng kiến trúc quốc tế BAKU 2021. Tác phẩm “Villa Tân Định” còn đạt Giải thưởng Architizer A+ Awards 2021 hạng mục nhà ở đơn lập. kiến trúc sư Hoàng Thúc Hào với “Trường mầm non Dạ Hợp - Hòa Bình” đạt

Giải IAA (the international Architecture Awards) Chicago - 2021 ở hạng mục trường học, v.v.. Cũng trong năm 2021, kiến trúc sư Đoàn Thanh Hà đại diện Hội Kiến trúc sư Việt Nam tham dự Seoul Biennale 2021 có chủ đề “Giao lộ, xây dựng thành phố có khả năng chống chịu” với các dự án: Không gian ngồi - ngồi space và cái hang gạch.

Hiện nay, đại dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp, đòi hỏi việc phòng, chống đại dịch trên cả nước phải thường xuyên, liên tục, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống xã hội và phát triển kinh tế của quốc gia. Với cách nhìn chuyên sâu, kịp thời của giới làm nghề, Hội Kiến trúc sư Việt Nam nhận thấy có nhiều vấn đề trong chính sách phát triển kiến trúc cần được bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp vì đời sống an toàn và bền vững của nhân dân. Đồng thời, cùng với việc ứng phó biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai ngày càng trở nên cấp bách, Hội Kiến trúc sư Việt Nam đã đề nghị Bộ Xây dựng và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cùng phối kết hợp tổ chức cuộc thi với quy mô tổng thể các loại hình kiến trúc cho tương lai, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

4. Một số tồn tại của kiến trúc trong thời gian vừa qua

Bên cạnh những thành tựu mà kiến trúc đã đạt được trong quá trình phát triển, thì còn một số tồn tại bất cập rất cần được nhìn nhận một cách nghiêm túc để từ đó rút ra những kinh nghiệm, bài học cho giai đoạn phát triển tiếp theo:

4.1. Về công tác quy hoạch

Qua khảo cứu và thực tế cho thấy, các bất cập của quy hoạch đều thể hiện ở ba khía cạnh. *Trước hết*, chưa điều tra cập nhật đầu vào chuẩn, đặc biệt là chưa có số liệu tích hợp đa ngành, đa lĩnh vực. *Thứ hai*, các quy hoạch khi lập đều có dự báo ngắn hạn và dài hạn trên cơ sở đường lối, chưa gắn kết với tính toán từ dữ liệu chuẩn và phương pháp khoa học bài bản, tiêu chí định hướng đưa vào quy hoạch nội dung không đủ tin cậy. *Thứ ba*, quy hoạch chủ yếu nghiên cứu dạng “đẹt” với tổng mặt bằng khoanh vùng ước lệ, chia khoảng sử dụng đất, xác lập các thông số yêu cầu chưa gắn kết nghiên cứu đồng bộ quy hoạch từ tổ chức không gian kiến trúc, nên khi thực thi quy hoạch hay bị phá vỡ, phải điều chỉnh liên tục. Các khu đô thị mới được xây dựng theo quy hoạch nhưng không đạt thẩm mỹ và công năng, không rõ nét bản địa. Nhiều quy hoạch có sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, nên hồ sơ quy hoạch khi trình duyệt đã được lồng ghép lợi ích của họ, điều này làm cho quy hoạch bị ảnh hưởng, không còn theo chuẩn mực quy định, xô lệch cả “kịch bản” và mô hình lựa chọn phát triển đô thị. Trong quy hoạch xuất hiện nhiều khoảng trống nhập nhằng có khả năng xen cấy, điều chỉnh cục bộ theo lợi ích nhóm. Khía cạnh bản sắc văn hóa phong thổ vùng, miền mới chỉ dừng ở mức thuyết minh, mà chưa được quan tâm khai thác, trở thành yếu tố cấu thành trong giải bài toán tổng hợp về quy hoạch.

Ứng dụng khoa học công nghệ mới trong phương pháp lập quy hoạch và triển khai chưa được coi trọng. Tính hội nhập trong quy hoạch thấp... Tất cả những bất cập tồn tại trên đã dẫn đến hệ lụy không nhỏ trong quá trình phát triển bền vững.

4.2. Về sáng tác kiến trúc

Bên cạnh những thành công trong sáng tạo, kiến trúc Việt Nam hôm nay đang đứng trước nhiều thách thức giữa sáng tác theo xu hướng kiến trúc tiến bộ, phù hợp với xu thế chung của kiến trúc thế giới như kiến trúc xanh, kiến trúc sinh thái... với các hình thức kiến trúc nhại cổ, nệ cổ, phi bản sắc, không phù hợp với văn hóa dân tộc, gây lãng phí kinh tế nhưng lại phù hợp với thị hiếu của rất nhiều nhà đầu tư. Xu hướng “kế thừa - phát huy - tiếp biến - làm mới” trong sáng tác kiến trúc đã được hình thành nhưng mới dừng ở mô phỏng, bắt chước hình dáng, chi tiết một cách khiên cưỡng. Chưa tìm thấy yếu tố “truyền thống” như chất xúc tác, tạo nên thành công của sáng tạo. Các xu hướng kiến trúc “hiện đại mới”, “chủ nghĩa biểu hiện”, “hậu hiện đại”, “công nghệ cao”, “phi cấu tạo”, v.v. cũng được kiến trúc sư Việt Nam tìm tòi, khai thác, ứng dụng nhưng kết quả chưa được như mong muốn. Với các xu hướng thời thượng như “kiến trúc xanh”, “kiến trúc sinh thái” cũng còn nhiều bất ổn ở mấy yếu tố, tính “xanh” còn mang tính quảng bá - hình thức hơn là tạo tiện nghi xanh, môi trường xanh. Giá thành xây dựng công trình xanh còn cao, vận hành phức tạp, độ bền ngắn... do đó xu hướng này chưa thật sự có hiệu ứng lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội. Gần đây, ở nông thôn có xu hướng “dân gian mới kiến trúc” tạo ra nhiều hội chứng khác nhau ở các vùng, miền, hình thành những biến thể xa lạ, pha tạp. Bản sắc bị hiểu lệch lạc nghiêm trọng, tạo cho kiến trúc không ít nơi trở nên vô hồn, tính hiện đại được áp đặt cầu thả, phiến diện, công trình có kiến trúc “nhại Pháp” xuất hiện tràn lan tại nhiều làng xã.

4.3. Về lý luận - phê bình - phản biện

Một khiếm khuyết tổng quan có thể nhìn thấy là “Lý luận kiến trúc chưa chuyển tải được những chủ trương, đường lối của Đảng ở tầm vĩ mô vào cục diện cụ thể của lý luận kiến trúc, từ đó định hướng tổng quát phát triển kiến trúc, ví dụ như tính hiện đại - dân tộc, tư tưởng lớn này chưa được giới lý luận kiến trúc tiêu thụ để chuyển tải đến người sáng tác”¹. Trong tiếp thu tri thức chuyên ngành của nhân loại thì giới lý luận rất ít bằng con đường trực diện, mà phải qua bản dịch nên bị sai lệch nhiều, hoặc khi tự tổng hợp cá nhân thì việc lồng ghép ý niệm chủ quan thành “kim chỉ nam” là khá phổ biến. Lý luận kiến trúc thiếu tính chuyên nghiệp, manh mún, dàn trải, chưa có nghiên cứu lý luận nào thực sự tạo ra tính dẫn hướng chuyên sâu cho

1. GS.TS.KTS. Hoàng Đạo Kính: “Nhìn lại lý luận và phản biện kiến trúc những năm gần đây”, Tạp chí *Kiến trúc Việt Nam*, số 204/2017.

kiến trúc phát triển, chưa có tác phẩm lý luận phê bình kiến trúc nào tạo được hiệu ứng, gây tranh biện trong giới kiến trúc sư. Lý luận kiến trúc hầu hết “mới chỉ dừng lại ở nhìn ngắm bề ngoài công trình, gộp lại thành xu hướng. Trong khi tính không gian, bản sắc Việt còn mơ hồ”¹. Chưa coi trọng tâm ý của cộng đồng là người đầu tư - người sử dụng, trong khi đó cảm nhận của họ đóng vai trò không nhỏ làm thước đo đích thực cho thành bại, thậm chí gọi mở ra đòi những trường phái kiến trúc sát thực với cuộc sống. Và cuối cùng, góc khuất của lý luận là tiêu chí, hệ thống chung làm định hướng căn cứ, dẫn dắt và triển khai nội dung việc này chưa được tạo lập quy chuẩn ở Việt Nam. Về phê bình, bất cập đầu tiên có thể kể đến là chủ đầu tư và cả cơ quan quyền lực e ngại phê bình nên né tránh hoặc đặt hàng theo chủ đề ca ngợi, do đó các khâu phán đoán - bình phẩm - đánh giá - giải thích (là thuộc tính của phê bình) thường triệt tiêu hoặc nhào trộn. Còn có sự nhầm lẫn giữa phê bình và thẩm định, nhất là từ các tác động đầu tư công bao cấp, mệnh lệnh. Phê bình còn thiếu tính khoa học, chuyên nghiệp, và đặc biệt là thiếu tính văn hóa. Phê bình còn đơn điệu, chưa kết hợp được những phương pháp tiếp cận khác nhau, nên còn rời rạc, sơ sài, giản lược. Do đặc trưng văn hóa, phê bình ở Việt Nam vẫn được hiểu là việc làm tiêu cực mang tính hạ thấp, bài xích, phủ nhận lẫn nhau. Cũng như lý luận, phê bình còn thiếu cơ sở khung hướng, thiếu quy chuẩn do chưa có ngành đào tạo chuyên biệt. Về mặt phản biện, thời gian qua phản biện còn bị động và phụ thuộc vào đơn đặt hàng, chưa có chế tài pháp lý kèm theo đủ mạnh để phát huy tác dụng. Phản biện chưa gắn liền với giám sát do đó rất hạn chế tính hiệu quả, vì vậy, phản biện phần nhiều trở nên mang ý nghĩa “tham khảo”, không ít trường hợp còn được vận hành uyển chuyển để phục vụ lợi ích nhóm. Nền tảng kiến thức, khả năng nhìn thấu để phản biện của người phản biện cũng chưa được kiểm chứng phù hợp chuyên môn và bề dày nghề nghiệp.

4.4. Về lĩnh vực nghiên cứu - đào tạo

Có thể thấy sự bất cập ở mấy vấn đề. Nghiên cứu kiến trúc còn thiên về bề mặt hơn là bề sâu, thiên về manh mún hơn là đồng bộ, nặng về cục bộ hơn là phối hợp, lệch về triển khai hơn là phát huy. Do đó, nền tảng vững chắc của nền trí thức kiến trúc chưa thiết lập được, chưa thành chỗ dựa, chỗ định vị cho phát triển, nghiên cứu không thành cơ bản, cũng không thành ứng dụng. Chưa phân tách được và làm sâu các “thì kiến trúc: quá khứ - hiện tại - tương lai”. Các nghiên cứu đều mới ở dạng chuyên khảo, chưa có nghiên cứu tổng phổ, đồng bộ và toàn khắp về đô thị cũng như nông thôn. Các nghiên cứu thành công thiếu một đầu mối tập hợp để quản lý, phân tích và sử dụng kết quả nghiên cứu vào lý luận và thực tiễn trong xây dựng và phát triển kiến trúc. “Nguồn nhân lực nghiên cứu thiếu các chuyên gia thực sự

1. TS.KTS. Nguyễn Quốc Thắng: “Để lý luận phê bình kiến trúc đi vào thực tiễn”, Tạp chí *Kiến trúc Việt Nam*, số 1/2014.

chuyên sâu về từng lĩnh vực. Đề tài nghiên cứu hầu hết chưa có được câu trả lời về giải mã vấn đề trứng, có khả năng ứng dụng. Các nghiên cứu gần như đều theo cùng một phom thu thập, mô tả, bình luận, tổng hợp theo cảm quan riêng, chưa chứng minh được tính giá trị theo tiêu chuẩn¹. Nghiên cứu ít xuất phát từ nhu cầu thực tiễn được kiểm định, để đi đến giải quyết vấn đề đến mức có thể ứng dụng thực sự vào thực tiễn thành những sản phẩm cụ thể được. Công tác nghiên cứu tiêu chuẩn hóa chậm đổi mới, không theo kịp mức độ công nghệ cùng thời điểm, chưa nói đến đi tắt đón đầu về công năng - hình thái - kỹ thuật - thời gian - chất lượng. Chưa phân loại được thành ô mục để gắn kết với hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học cho các mảng khác nhau của kiến trúc. Các nghiên cứu trong phạm vi trường đại học hầu hết mới đóng khung trong giảng đường, chưa lan tỏa gắn kết với thực tiễn của phát triển kiến trúc - xã hội. Trong đào tạo kiến trúc sư, đã bộc lộ một số bất cập về chương trình đào tạo - yếu về khả năng hội nhập. Qua khảo sát cho thấy, chỉ có 10% số kiến trúc sư tốt nghiệp có khả năng tạo ý tưởng và biến ý tưởng kiến trúc thành hiện thực. Có sự chênh lệch về chất lượng đào tạo giữa các trường công và trường tư. Một bộ phận đội ngũ giảng viên chưa theo kịp trình độ, trang thiết bị không đảm bảo quy chuẩn và đầu tư không bài bản. Mô hình đào tạo không cập nhật, học tập quốc tế đầy đủ, không thống nhất theo một đầu mối quản lý thành khung trong toàn quốc. Thiếu gắn kết giữa lý thuyết với thực hành, giữa cơ sở đào tạo với nơi sử dụng nguồn nhân lực đào tạo. Trong đào tạo thiếu sự phối kết hợp với các ngành kỹ thuật có liên quan thành hệ thống hoàn chỉnh. Chưa quan tâm giảng dạy cho sinh viên kiến trúc những kỹ năng thuyết trình, tự bảo vệ và khả năng lý luận kiến trúc khi ra trường. Đào tạo sau đại học trong lĩnh vực kiến trúc cũng còn nhiều bất cập từ tiêu chuẩn đầu vào đến đề tài nghiên cứu. Chúng ta đào tạo được một số lượng hàng trăm thạc sĩ, tiến sĩ... nhưng lại rất hiếm (hay không có?!) các nhà nghiên cứu kiến trúc hàng đầu, có ảnh hưởng quốc tế, có khả năng dẫn dắt và định hướng cho kiến trúc sư.

4.5. Về môi trường pháp lý

Trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật liên quan đến kiến trúc như Luật xây dựng, Luật quy hoạch, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản... và đặc biệt là sự ra đời Luật kiến trúc năm 2019 tạo hành lang pháp lý để kiến trúc phát triển. Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề có tính nguyên tắc, là mục tiêu, đường lối mà Đảng đã chỉ ra như “Phát triển nghệ thuật kiến trúc xã hội chủ nghĩa có tính hiện đại và tính dân tộc” (*Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IV, 1976*), “Coi trọng nghệ thuật kiến trúc vừa hiện đại vừa dân tộc” (*Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI, 1986*), “Trong đó cần chú ý tính thẩm mỹ, bản sắc dân tộc và tính

1. TS. Nguyễn Trung Hòa: *Bàn về nghiên cứu khoa học công nghệ*, Bộ Xây dựng.

hiện đại của kiến trúc” (Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII)... lại thể hiện chưa rõ trong các văn bản pháp luật nói trên. Chính điều này cũng hạn chế đến sáng tạo của kiến trúc sư và trong phát triển nền kiến trúc nước nhà.

5. Những vấn đề đặt ra cho sáng tác kiến trúc

Qua hoạt động sáng tạo của giới kiến trúc sư, Hội Kiến trúc sư Việt Nam có thể rút ra một số vấn đề sau:

1. Xu thế chung của kiến trúc sư trẻ là hướng theo hình thức hiện đại mới, kết hợp công nghệ số trong các đồ án thiết kế (như công trình thể hiện tại Cuộc thi ý tưởng không gian sáng tạo).

2. Nhiều kiến trúc sư đã khai thác tốt yếu tố bản địa vào đồ án kiến trúc, tạo nên kiến trúc có bản sắc riêng, hiện đại nhưng vẫn phù hợp với yêu cầu đặt ra.

3. Sáng tác theo xu hướng kiến trúc xanh, kiến trúc bền vững vẫn được kiến trúc sư khai thác hiệu quả qua các công trình nhà ở, chung cư, trường học, nhà cộng đồng, nhà văn hóa thiếu niên... (tiêu biểu là các kiến trúc sư Hoàng Thúc Hào, Võ Trọng Nghĩa, Nguyễn Xuân Minh, Nguyễn Hoàng Mạnh, Nguyễn Trường Lưu...).

4. Xu hướng kiến trúc nệ cổ, hoài cổ, sao chép hình thức kiến trúc cổ điển châu Âu đã dần được loại bỏ. Xu hướng khai thác văn hóa bản địa trong kiến trúc được các kiến trúc sư quan tâm và có nhiều thành công.

5. Cần nâng cao bồi dưỡng nhận thức và lý luận cho kiến trúc sư trẻ về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

6. Quan tâm và đổi mới công tác lý luận phê bình, để lý luận phê bình tham gia có hiệu quả vào định hướng sáng tác cho kiến trúc sư, góp phần quảng bá các thành tựu trong sáng tạo kiến trúc, nâng cao nhận thức về văn hóa kiến trúc cho cộng đồng xã hội thông qua các hình thức truyền thông đa phương tiện.

*

* *

Những năm qua, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, văn học, nghệ thuật nước nhà và giới văn nghệ sĩ, trong đó có các kiến trúc sư luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Hàng nghìn văn nghệ sĩ có nhiều cống hiến cho nền văn hóa dân tộc đã được tôn vinh qua các kỳ xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật và các danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú. Các hội chuyên ngành Trung ương được tạo điều kiện để phát huy vai trò là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của giới văn nghệ sĩ, động viên văn nghệ sĩ lao động sáng tạo, cống hiến cho xã hội nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị nghệ thuật và tư tưởng, phản ánh sinh động đời sống xã hội của nhân dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, trong công cuộc xây dựng và phát triển lớn lao của đất nước, không phải lúc nào sản phẩm sáng tạo của văn nghệ sĩ cũng đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, thậm chí còn đứng trước nguy cơ tụt hậu trước đòi hỏi hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của xã hội, sự phát triển của công nghệ số trong thời đại mà chúng ta đang sống. Vì thế hơn lúc nào hết, cần có sự đổi mới mạnh mẽ trong hoạt động của các hội chuyên ngành Trung ương, sự đổi mới trong tư duy sáng tác của văn nghệ sĩ. Kiên quyết hạn chế, loại trừ văn hóa độc hại, du nhập, ngoại lai không phù hợp với thuần phong mỹ tục, với văn hóa dân tộc.

Ban Tuyên giáo Trung ương là cơ quan chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về lãnh đạo tư tưởng trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Vì vậy, chúng tôi mong rằng, trong thời gian tới, Ban sẽ tham gia nhiều hơn nữa với Chính phủ trong xây dựng cơ chế chính sách phát triển văn hóa, văn nghệ; phát triển các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương theo hướng bền vững, khẳng định các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của Đảng, của giới văn nghệ sĩ; tạo điều kiện về tài chính để hội thực hiện các đề tài, dự án và nhiệm vụ được Nhà nước giao; quan tâm chế độ, chính sách cho văn nghệ sĩ cao tuổi có nhiều cống hiến và tạo điều kiện xứng đáng để các tài năng trẻ phát triển, đóng góp lâu dài cho nền văn hóa nước nhà.

Cần tiếp tục củng cố và xây dựng Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, để Liên hiệp mãi là mái nhà chung đoàn kết, tin cậy, bền vững của giới văn nghệ sĩ cả nước, xứng đáng với sự tin yêu của Đảng, của nhân dân; không ngừng chăm lo đến đời sống và hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ, động viên văn nghệ sĩ cống hiến nhiều tác phẩm xuất sắc phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, góp phần vào hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đưa nước ta phát triển bền vững, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT TẠI THÁI LAN GÓP PHẦN GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA, TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC THÌN*

1. Mở đầu

Sự hình thành, phát triển của một đất nước, một dân tộc và một cộng đồng luôn song hành, gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của nền văn hóa với những bản sắc văn hóa riêng biệt của nó. Bản sắc văn hóa của một đất nước, một dân tộc được hình thành và phát triển trong quá trình xây dựng, giữ gìn, phát triển của đất nước, của dân tộc, là những nét đặc trưng làm nên sắc thái, bản lĩnh và dấu ấn riêng của đất nước, của dân tộc, là vẻ đẹp và tính chất đặc biệt, mang tính riêng biệt để phân biệt với các nước, các dân tộc khác trên thế giới. Bản sắc văn hóa dân tộc là gốc rễ của nền văn hóa, là những đặc trưng không thể trộn lẫn trong cội nguồn của nền văn hóa.

Một quốc gia hùng cường, phồn thịnh, văn minh, một xã hội tốt đẹp, yêu thương, một gia đình tiến bộ, hạnh phúc luôn đi liền với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của đất nước, của dân tộc, của gia đình và của nhân dân.

Dân tộc Việt Nam là một cộng đồng người xuất hiện từ ngàn xưa, được phân biệt bởi ba đặc trưng cơ bản là ngôn ngữ, văn hóa và ý thức tự giác về cộng đồng, mang tính bền vững, gắn bó chặt chẽ về kinh tế, ngôn ngữ, các đặc điểm về văn hóa qua hàng nghìn năm lịch sử.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc và có nhiều đặc điểm quan trọng. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam được hình thành và phát triển trong quá trình phát sinh, phát triển của dân tộc Việt Nam, có những đặc trưng nổi bật: đó là truyền thống yêu quê hương, đất nước; đoàn kết, thương yêu đùm bọc nhau, anh dũng trong cải tạo thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; ham học hỏi và giàu lòng nhân nghĩa, thủy chung,...

* Phó Chủ tịch Hội Người Việt Nam toàn Thái (Tổng Hội), Chủ tịch Hội Người Việt Nam tỉnh Mukdahan, Thái Lan.

Ngôn ngữ và văn hóa nói chung và bản sắc văn hóa nói riêng có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Văn hóa là kết quả ngôn ngữ của con người, là quá trình giao tiếp giữa người với người, với thế giới xung quanh. Ngôn ngữ và văn hóa phát triển cùng nhau và ảnh hưởng lẫn nhau khi chúng phát triển. Sự phát triển của một trong hai yếu tố đã dẫn dắt cái còn lại phát triển. Ngôn ngữ là văn hóa và văn hóa là ngôn ngữ. Nếu không có ngôn ngữ thì không thể có văn hóa. Chúng ta cần tìm hiểu gì, như thế nào, việc đó chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi ngôn ngữ mà mọi người sử dụng để thảo luận về nó. Khi học một ngôn ngữ mới, nó không chỉ liên quan đến việc học bảng chữ cái, sắp xếp từ và các quy tắc ngữ pháp, mà còn học về phong tục và hành vi của xã hội cụ thể. Khi học hoặc dạy một ngôn ngữ, điều quan trọng là tham chiếu nền văn hóa nơi ngôn ngữ thuộc về nó, bởi vì ngôn ngữ bám sâu vào văn hóa.

Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong sinh hoạt giao tiếp của người dân Việt Nam ngay từ buổi khai sinh lập nước của ông cha, là biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc Việt Nam. Sự phát triển tiếng Việt luôn đi cùng, gắn liền với sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam.

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là hành động, việc làm của mỗi người hướng tới mục tiêu bảo vệ, gìn giữ những nét đặc trưng, tài sản vô giá, linh hồn của dân tộc được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, với biết bao mồ hôi, xương máu của dân tộc Việt Nam. Một trong những điều kiện quyết định thành công của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là vai trò của ngôn ngữ Việt. Bản sắc văn hóa có thể được đánh dấu bằng ngôn ngữ, mặc dù ngôn ngữ có thể được sử dụng để ám chỉ quá trình và sự phát triển khác, như khi ý định được giải thích bằng ngôn ngữ của một người nói cụ thể. Một ngôn ngữ cụ thể đề cập một nhóm văn hóa cụ thể. Giá trị, giá định cơ bản, quy ước hành vi, niềm tin và thái độ được chia sẻ bởi một tộc người sẽ góp phần tạo nên những gì chúng ta gọi là văn hóa. Tập hợp các thuộc tính này ảnh hưởng đến hành vi của từng thành viên trong nhóm và cách diễn giải của họ về ý nghĩa của hành vi mỗi thành viên.

Tập hợp các thuộc tính của một nền văn hóa được thể hiện thông qua ngôn ngữ. Ngôn ngữ cũng được sử dụng để cùng giữ gìn và phát triển nền văn hóa. Tất cả điều này có nghĩa là việc học và dạy một ngôn ngữ khác là điều cần thiết cho giao tiếp và hợp tác quốc tế. Kiến thức về các ngôn ngữ khác tạo điều kiện tìm hiểu kiến thức về các quốc gia khác và các nền văn hóa cụ thể của từng quốc gia.

Muốn hiểu văn hóa Việt Nam, muốn phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam thì nhất thiết cần phải biết và phải phát huy vai trò của tiếng Việt - tiếng mẹ đẻ thiêng liêng.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và ở Thái Lan nói riêng, bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam, luôn có ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc, giá trị cao đẹp của văn hóa Việt. Có được thành quả như ngày hôm nay là

nhờ công sức của bao thế hệ đi trước đã vượt qua mọi khó khăn, đưa văn hóa Việt phổ biến trong cộng đồng. Đặc biệt, chúng tôi cho rằng, một trong những yếu tố quyết định thành công là bởi quá trình không ngừng học, nâng cao hiểu biết tiếng Việt trong cộng đồng qua nhiều thế hệ.

Để đáp ứng tốt các yêu cầu trong thời đại toàn cầu hóa, hiện đại hóa, để không ngừng phát huy bản sắc văn hóa Việt trong cộng đồng, chúng tôi cho rằng, một trong những việc trước tiên cần làm đó là phát huy vai trò của tiếng Việt, nhất thiết cần phải đổi mới, nâng cao hiệu quả hơn nữa việc giảng dạy tiếng Việt tại nước ngoài, trong đó có địa bàn Thái Lan.

2. Việc phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và việc giảng dạy tiếng Việt tại Thái Lan thời gian qua

Thái Lan là một trong những nơi kiều bào ta đến định cư lâu nhất trên thế giới. Ngay từ thế kỷ XIX, đời Vua Nguyễn Ánh đã có nhiều người Việt Nam, do ảnh hưởng của các điều kiện khác nhau, đã đến định cư, sinh sống và phát triển tại Thái Lan đến ngày nay. Thái Lan hiện ghi nhiều dấu ấn của người Việt. Nơi đây hiện có 22 nhà chùa, 6 nhà thờ theo phong cách Việt Nam. Năm 1928, Thái Lan cũng là nơi ghi dấu chân của Bác Hồ kính yêu, trên con đường ra đi tìm đường cứu nước. Ở tỉnh Mukdahan hiện có hai ngôi chùa: Chùa Diệu Giác và Chùa làng Tân Định. Các sư thầy và bốn đạo trong hai ngôi chùa đều là người Việt Nam. Cuối năm 1929, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đến, tham gia hoạt động cùng bà con người Việt ở địa phương và đã ở tại chùa làng Tân Định.

Cộng đồng kiều bào Việt Nam tại Thái Lan hiện nay có khoảng 150.000 người, đang sinh sống, làm việc và có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội của Thái Lan, Tổ quốc thứ hai của người Việt, nơi người Việt luôn hướng về quê hương Việt Nam. Thế hệ trẻ kiều bào hiện nay là thế hệ thứ tư (thế hệ thứ nhất là những người Việt đến đất nước Thái Lan từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX trở về trước; thế hệ thứ hai được tính từ đầu thế kỷ XX cho đến các bà con Việt kiều hiện có tuổi đời trên 70 tuổi; thế hệ thứ ba từ 18 tuổi cho đến dưới 70 tuổi; thế hệ thứ tư là những người dưới 18 tuổi). Ngay từ buổi ban đầu, các thế hệ kiều bào đã hòa nhập tốt với địa phương sở tại nhưng luôn giữ gìn bản sắc văn hóa riêng của dân tộc, đặc biệt là luôn hướng về quê hương, đất nước Việt Nam.

Đặc điểm nổi bật của kiều bào tại Thái Lan là tinh thần đoàn kết, yêu quê hương, đất nước, là cộng đồng gắn bó, đùm bọc, yêu thương nhau. Không chỉ hội nhập tốt với chính quyền sở tại, lao động hăng say, đóng góp tích cực cho đất nước Thái Lan, vun đắp tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân hai nước, kiều bào ta luôn có ý thức giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam và duy trì tiếng mẹ đẻ ở nơi xứ người. Những công trình văn hóa, khu tưởng niệm mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam như khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở bản Nông Ôn, tỉnh Udon Thani; khu

Tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại bản Na Chọc, tỉnh Nakhon Phanom, Công viên Hữu nghị Thái - Việt và Chùa Một cột ở tỉnh Khôn Kèn,... đã được bà con đóng góp xây dựng và trân trọng giữ gìn. Việc duy trì tiếng Việt cho thế hệ tương lai luôn được kiều bào quan tâm với mong muốn: tiếng Việt còn, nước Việt còn. Nhiều lớp dạy tiếng Việt miễn phí, nhiều hình thức dạy học đa dạng, sinh động, dễ tiếp thu, như qua lời hát Việt, trong nhà bố mẹ chỉ nói chuyện với con bằng tiếng Việt... đã góp phần phổ biến tiếng Việt đến đông đảo con em kiều bào, để tiếng Việt ở đây không bị mai một, tình cảm với quê hương, đất nước được tiếp tục bồi đắp qua nhiều thế hệ.

Một nét đẹp của kiều bào vùng Đông Bắc Thái Lan là tinh thần yêu nước, luôn hướng về quê hương Việt Nam. Bà con tích cực tham gia các hoạt động trong nước, luôn chia sẻ những khó khăn với người dân. Trong các đợt thiên tai, lũ lụt, đại dịch COVID-19..., kiều bào Đông Bắc Thái Lan đã kịp thời và luôn đi đầu trong việc hỗ trợ bằng cả vật chất lẫn tinh thần để giúp đỡ quê nhà, thể hiện tình cảm chân thành gắn kết của những người con phương xa. Với truyền thống yêu nước sẵn có, kiều bào Thái Lan luôn hướng về quê hương đất nước cội nguồn, luôn tích cực đóng góp khi Tổ quốc cần trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ trên các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, giúp đỡ đồng bào bị lũ lụt, sạt lở đất, trẻ em mồ côi bị dị tật bẩm sinh do chất độc da cam, xây dựng nhà tình nghĩa, đóng góp vào quỹ vắc xin phòng COVID-19...

Điều đáng mừng là cộng đồng người Việt Nam tại Thái Lan, nhờ có tổ chức chặt chẽ từ cơ sở nên luôn chú trọng giữ gìn và bảo tồn văn hóa Việt, tổ chức các hoạt động phong phú như: ngày giỗ tổ Hùng Vương, đón tết cổ truyền, Quốc khánh 2/9, sinh nhật Bác Hồ..., tạo được ý thức và niềm tự hào, tự tôn dân tộc trong cộng đồng. Tại các buổi lễ, mọi người được thưởng thức những món ăn truyền thống của Việt Nam như bánh chưng, giò lụa. Bà con Việt kiều được hòa mình vào không khí vui tươi, rộn ràng, đầy bản sắc trong các tiết mục văn nghệ mừng Xuân, ca ngợi Bác Hồ và tình yêu quê hương, đất nước do các nghệ sĩ từ Việt Nam sang trình diễn. Nhiều bà con Việt kiều chia sẻ, việc duy trì tổ chức các buổi gặp mặt mừng Xuân hằng năm đã góp phần giữ gìn, quảng bá nét đẹp văn hóa truyền thống của người Việt Nam tại Thái Lan. Đặc biệt, trong các lễ hội, bà con kiều bào ta vô cùng tự hào, hân hoan mang trên mình chiếc áo dài truyền thống của phụ nữ Việt Nam. Việc mặc áo dài trong các ngày lễ hội đã trở thành nét đẹp văn hóa của chị, em, bà con Việt kiều, từ người cao tuổi tới các cháu thiếu niên, nhi đồng. Vẻ đẹp của áo dài Việt Nam, mang hồn cốt dân tộc vẫn luôn được bà con Việt kiều trân trọng, gìn giữ và lan tỏa, được sự ngưỡng mộ của bạn bè, nhân dân và công chức bản địa.

Kết quả trên có được là nhờ đức tính thủy chung, ý chí, nghị lực, niềm tự hào, tôn vinh cội nguồn, văn hóa dân tộc của người Việt Nam, không thể tách rời ý thức học hành, rèn luyện, chịu khó, duy trì tiếng Việt, giảng dạy tiếng Việt của bà con

kiêu bào trong cộng đồng. Bà con kiều bào qua các thế hệ đều nhận thức đúng đắn và dành rất nhiều công sức để học tiếng Việt, giảng dạy, phổ cập tiếng Việt trong cộng đồng. Tiếng Việt được duy trì rất tốt, đặc biệt trong bà con kiều bào thế hệ thứ nhất và thứ hai. Hiện nay, rất đông bà con kiều bào từ 60 tuổi trở lên có thể nghe nói, giao tiếp được bằng tiếng Việt. Một số thanh niên thế hệ thứ tư cũng rất có ý thức trong việc học tiếng Việt, hiện đang là các giáo viên, các nhà nghiên cứu trong các trường học.

Tiếng Việt đã được gìn giữ và phát huy trong cộng đồng kiều bào ở Thái Lan, đã chấp cánh, góp phần thắp lên ngọn lửa yêu nước, niềm tự hào về văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc - truyền thống quật cường, bất khuất, nhân hậu, và chúng tôi vô cùng tự hào được mang dòng máu mẹ Việt Nam. Tiếng Việt đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào nhanh chóng tiếp cận được văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của cha ông, nuôi dưỡng lòng yêu nước sâu sắc, hướng về nguồn cội, gắn trong con tim và khối óc của kiều bào.

Việc học và giảng dạy tiếng Việt tại cộng đồng người Việt tại Thái Lan có thể tóm lược những thuận lợi và hạn chế, thách thức sau:

• *Thuận lợi*

Một là, nhờ ý thức tự giác và quyết tâm học và dạy tiếng Việt. Ngay từ thuở ban đầu, kiều bào tại Thái Lan luôn ý thức được vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Theo đó, các thế hệ kiều bào cho đến nay luôn chú trọng việc giảng dạy, học, phổ biến, giữ gìn tiếng Việt.

Kiều bào học và giảng dạy tiếng Việt với tinh thần quyết tâm, không quản ngại khó khăn: thiếu tài liệu, thiếu môi trường và thiếu kinh phí. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cứu nước, việc học và giảng dạy tiếng Việt vô cùng khó khăn, thậm chí bị cấm tại Thái Lan. Tuy nhiên, bằng ý chí, nghị lực, bản tính của người Việt, các thế hệ cha, ông đã vượt qua nhiều thách thức. Tiếng Việt được học ở bất cứ đâu có thể, thông thường là tại các lớp học buổi tối được bố trí người cảnh giới, trông coi,...

Kiều bào tại Thái Lan luôn rèn luyện lối sống, những hành động tích cực, giữ gìn, phát huy những giá trị đậm đà bản sắc dân tộc. Từng cá nhân xác định cụ thể mục tiêu và nội dung học tập cho bản thân, đáp ứng yêu cầu giao tiếp trong cộng đồng, trong gia đình và trong nhận thức về văn hóa Việt, thích hợp với mọi hoàn cảnh. Hình thức học tiếng Việt rất phong phú và hiệu quả như: thông qua sách vở, tài liệu, tự học hoặc được giáo viên giảng dạy; qua các giọng ca, tiếng hát; qua các buổi giao lưu, hội hè, trò chuyện, các lớp học buổi tối, ngoài thời gian làm việc mưu sinh...

Hai là, vai trò của gia đình được nhìn nhận đúng đắn và không ngừng được phát huy. Việc dạy tiếng Việt trong gia đình, giữa bố, mẹ, anh, chị, em luôn được duy trì. Trong

sinh hoạt hằng ngày của nhiều gia đình kiều bào tại Thái Lan, việc giao tiếp bằng tiếng Việt là bắt buộc.

Ba là, vai trò quan trọng của cộng đồng kiều bào trong giảng dạy và học tiếng Việt. Cộng đồng kiều bào tích cực tổ chức các lớp học, nhất là bậc tiểu học. Các lớp học được thành lập kịp thời với quy mô nhỏ, đơn giản, nhưng rất hiệu quả, phù hợp với mọi bối cảnh. Con cháu kiều bào được tổ chức thành các lớp nhỏ học ngay tại nhà, trong khi người lớn tham gia các lớp học bổ túc được đồng đảo các giáo viên tình nguyện từ quần chúng kiều bào tổ chức dạy vào các buổi tối. Cộng đồng kiều bào được tổ chức chặt chẽ từ chi hội tại các tỉnh tới Tổng hội người Việt Nam toàn Thái nên đã tập hợp được đồng đảo quần chúng kiều bào, trong đó luôn tạo điều kiện thuận lợi, động viên, khuyến khích kiều bào học và giảng dạy tiếng Việt.

Bốn là, chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam về củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Theo đó, Đảng và Nhà nước ta luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và kiều bào Việt Nam tại Thái Lan nói riêng có quan hệ gắn bó máu thịt với cội nguồn dân tộc và là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Các cơ quan đại diện của Việt Nam còn hỗ trợ kiều bào tại Thái Lan tài liệu, phương tiện học tập, kinh phí tham gia tập huấn ở Việt Nam, đồng thời còn mở lớp tập huấn trực tuyến cho giáo viên người Việt Nam dạy tiếng Việt ở nước ngoài. Có thể nói, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt cho thế hệ trẻ, đã trở thành phong trào phát triển rộng khắp bởi tiếng Việt vốn được xem là “căn cước” nhận diện người Việt Nam với thế giới, là sự hội tụ bản sắc, tinh hoa và văn minh của dân tộc. Đối với cộng đồng kiều bào tại Thái Lan, tiếng Việt còn là hồn cốt của người Việt, niềm tự hào dân tộc, góp phần tạo nên những giá trị trường tồn, nuôi dưỡng tinh thần, khí phách dân tộc, trở thành điểm tựa vững chắc giữ gìn văn hóa truyền thống.

Năm là, Chính phủ Thái Lan hiện nay đánh giá cao vai trò và những đóng góp tích cực của cộng đồng người Việt Nam tại Thái Lan. Theo đó, việc dạy và học tiếng Việt được tạo điều kiện thuận lợi.

Đặc biệt, Thái Lan và Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược tăng cường kể từ năm 2015. Hai nước rất coi trọng nhau, đã hợp tác chặt chẽ và luôn ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, đặc biệt trong ASEAN và Tiểu vùng sông Mê Công, góp phần thúc đẩy xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN vững mạnh, đoàn kết và phát huy vai trò trung tâm ở khu vực, nỗ lực hợp tác để xây dựng một khu vực ASEAN hòa bình, ổn định và thịnh vượng, đáp ứng quyền lợi của nhân dân hai nước.

Cộng đồng kiều bào Việt Nam tại Thái Lan hiện đã có vị thế vững chắc, được ghi nhận công sức, vai trò và được tôn trọng tại Thái Lan. Chúng tôi phấn khởi đón nhận

thời kỳ mới: hai nước Việt Nam và Thái Lan ngày càng giàu mạnh, vị thế ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế và khu vực; quan hệ hữu nghị Việt Nam - Thái Lan ngày càng bền vững, đơm hoa, kết trái, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc sống của kiều bào, giúp kiều bào thực hiện tốt nhiệm vụ, bổn phận của mình, là công dân tốt của đất nước Thái Lan và luôn hướng về cội nguồn, quê hương, đất nước Việt Nam. Cộng đồng kiều bào tại Thái Lan vô cùng vinh dự được là một trong những cầu nối cho tình hữu nghị giữa hai đất nước, hai dân tộc.

• *Hạn chế, thách thức*

- Việc phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam trong cộng đồng kiều bào tại Thái Lan tuy đã có nhiều cố gắng và đạt được những thành công nhất định, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với vị thế là một cộng đồng đông kiều bào, có bề dày truyền thống, đặc biệt là ở vị trí địa lý gần quê hương, đất nước và hiện nay đang được thừa hưởng mối quan hệ ngày càng phát triển giữa Việt Nam và Thái Lan.

- Việc học tiếng Việt của thế hệ trẻ - thế hệ thứ ba và thế hệ thứ tư kiều bào tại Thái Lan không còn được như trước. Sau nhiều thế hệ sinh sống, Việt kiều đã trở thành công dân của Thái Lan, có giấy tờ cư trú hợp pháp và có những thành công nhất định trong việc bảo lưu nền văn hóa của mình. Biến đổi ngôn ngữ là vấn đề đáng chú ý nhất hiện nay, theo đó tiếng Việt ngày càng ít được sử dụng trong cộng đồng. Mặc dù đã có nhiều cố gắng song thế hệ thứ ba, đặc biệt là thế hệ thứ tư còn nhiều hạn chế trong việc sử dụng tiếng Việt. Nhiều kiều bào trẻ, thế hệ con, cháu hiện nay hầu như không biết tiếng Việt. Trong hoàn cảnh này, nếu chưa tìm ra kế hoạch và biện pháp giải quyết, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong cộng đồng người Việt tại Thái Lan. Việc này luôn là điều trăn trở, lo lắng, băn khoăn thường trực của kiều bào, nhất là các hội kiều bào và những người làm công tác về cộng đồng trong suốt nhiều năm qua. Chúng tôi luôn trao đổi với nhau: Tiếng Việt còn, chữ Việt còn thì văn hóa Việt còn trong cộng đồng; nếu không biết tiếng Việt thì làm sao có thể hiểu được văn hóa đất Mẹ...

Theo chúng tôi, thực trạng trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân.

Thứ nhất, hiện nay, môi trường, bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục đã khác trước. Thế hệ trẻ được thừa hưởng nhiều điều kiện thuận lợi, nhưng cũng chịu nhiều áp lực, nhất là về học hành, các môn học quá nhiều và nặng tại các nhà trường ở Thái Lan, kể từ cấp tiểu học. Hơn 75% học sinh ngủ ít hơn 8 giờ đồng hồ/ngày. Do vậy, rất khó khăn khi định hướng, hướng dẫn để thế hệ con cháu học thêm về tiếng Việt.

Thứ hai, quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ không chỉ mang lại thời cơ lớn, mà còn tạo ra những thách thức không nhỏ, đang làm chao đảo nhiều giá trị tinh thần nói chung, giá trị đạo đức truyền thống nói riêng. Một số giá trị đạo đức tốt đẹp, thiêng liêng... vốn có vị trí quan trọng trong hệ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam đang có nguy cơ bị mai một, tác động bất lợi đến người dân trong nước cũng như cộng đồng kiều bào ở Thái Lan. Môi trường cộng đồng, gia đình ngày càng bị thách thức trong việc duy trì sự thống nhất trong định hướng và hành động, trong đó có việc giảng dạy và học tiếng Việt.

Thứ ba, việc quảng bá, thúc đẩy hợp tác về kinh tế, thương mại và đầu tư chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Quan hệ kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục... giữa hai nước Việt Nam và Thái Lan đã có nhiều phát triển, trong đó Thái Lan đầu tư về kinh tế nhiều hơn vào Việt Nam, trong khi đầu tư của Việt Nam vào Thái Lan còn nhiều hạn chế, hiện có rất ít tác phẩm, công trình văn hóa Việt Nam được dịch sang tiếng Thái để quảng bá, và không nhiều doanh nghiệp, tổ chức của Việt Nam hoạt động tại Thái Lan.

Thứ tư, trong thời gian qua, mặc dù Chính phủ Việt Nam đã dành sự quan tâm lớn cho việc tăng cường cải tiến về mục tiêu, nội dung và phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, song theo chúng tôi, vẫn chưa thực sự có hiệu quả: nhiều khi chương trình quá nặng, phức tạp, khó hiểu cho người học, đặc biệt là những người hiện đang chịu nhiều áp lực khác trong cuộc sống, công việc mưu sinh, không có đủ thời gian để nghiên cứu, học tập một cách có hệ thống.

Thứ năm, công tác hợp tác quốc tế về văn hóa của Việt Nam vẫn còn một số mặt hạn chế, bất cập. So với yêu cầu và đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới, hội nhập và giao lưu quốc tế, công tác này chưa đáp ứng được đầy đủ và chưa phát huy mạnh mẽ tiềm năng văn hóa vốn có của dân tộc. Số công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị của ta được giới thiệu ra quốc tế còn ít. Trong giao lưu và hợp tác văn hóa, còn có biểu hiện thiếu chủ động, nhiều sơ hở trong quản lý. Hoạt động giúp cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hiểu biết về đất nước, về văn hóa Việt Nam chưa đạt yêu cầu và sự mong đợi của đồng bào.

3. Một số đề xuất để đổi mới, nâng cao hiệu quả việc giảng dạy tiếng Việt tại Thái Lan nhằm phát huy hơn nữa bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Nhìn chung, để thực hiện được mục tiêu này, chúng ta cần triển khai đồng bộ các chủ trương và giải pháp có tính khả thi cao, phù hợp với đối tượng học để hỗ trợ nhau phát huy tác dụng và hiệu quả, đặc biệt là có vai trò tham gia tích cực của các chủ thể.

Điều quan trọng đầu tiên là chúng ta phải khơi dậy động lực, khát vọng, quyết tâm học tiếng Việt, nhất là đối với thế hệ trẻ trong cộng đồng kiều bào hiện nay ở Thái Lan. Để làm được điều này, chúng ta cần khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; khơi dậy động lực tinh thần to lớn, vô song của dân tộc, con người Việt Nam; khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa, tài năng, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, sức mạnh của con người Việt Nam là trung tâm, là mục tiêu, là nguồn lực nội sinh và là động lực quan trọng nhất để đất nước phát triển, theo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Qua đó, các thế hệ, đặc biệt là thế hệ trẻ có thể nhận thức được tầm quan trọng, có khát vọng, quyết tâm học tiếng Việt và giữ gìn, có trách nhiệm phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam với bạn bè năm châu.

Thứ hai là phát huy vai trò của Chính phủ Việt Nam.

Chính phủ có vai trò quan trọng, mang tính quyết định, là đầu tàu trong việc đổi mới, nâng cao hiệu quả việc giảng dạy tiếng Việt nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam tại nước ngoài, cụ thể là Thái Lan. Theo đó, trong thời gian tới, chính phủ cần đẩy mạnh hơn nữa các nhiệm vụ, công tác sau:

- Làm tốt công tác giữ gìn và phát huy giá trị đạo đức truyền thống của văn hóa Việt Nam; xây dựng bản lĩnh văn hóa Việt Nam trong tình hình mới, trong bối cảnh quốc tế đầy biến động như hiện nay. Dân tộc Việt Nam với tư cách là một chủ thể văn hóa càng phải thể hiện rõ cốt cách, tư chất, khí phách của mình nhằm bảo vệ, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống để không đánh mất bản sắc trước những khó khăn, phức tạp mới trong xu thế giao lưu, hội nhập toàn cầu. Để thực hiện điều này, trong bối cảnh mới, chúng ta cần tiếp cận các giá trị văn hóa của nhân loại để hiện đại hóa nền văn hóa dân tộc, đồng thời cần đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử, truyền thống yêu nước, lòng tự tôn, tự hào dân tộc,...

- Tiếp tục triển khai các phương thức, hình thức hợp tác quốc tế về văn hóa đa dạng, phong phú và phù hợp hơn nữa, xây dựng một số sản phẩm, ấn phẩm, công trình văn hóa, chương trình nghệ thuật có chất lượng cao, phục vụ công tác giao lưu và hợp tác. Để giới thiệu văn hóa, đất nước và con người Việt Nam ra nước ngoài, cần tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật ở nước ngoài. Sản phẩm thông tin đối ngoại cần phải có sức thuyết phục, thể hiện diện mạo đổi mới, những thành tựu của Việt Nam với nhân dân các nước, với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Làm tốt việc phối hợp giữa văn hóa với du lịch, hàng không, thương mại, phát triển kinh tế trong các hoạt động ở nước ngoài.

- Nghiên cứu, thành lập Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Thái Lan để quảng bá văn hóa Việt Nam và dạy tiếng Việt, góp phần đáp ứng tốt hơn những yêu cầu đặt ra hiện nay.

Chính phủ Việt Nam cần quan tâm hơn nữa đến đời sống văn hóa của cộng đồng người Việt Nam tại Thái Lan - một cộng đồng còn giữ gìn được nhiều bản sắc văn hóa Việt, tạo điều kiện thuận lợi, giúp cộng đồng vượt qua mọi khó khăn để không ngừng phát triển, phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của Việt kiều; cần có chương trình nghiên cứu cụ thể để hiểu hơn về tâm tư, nguyện vọng của Việt kiều, hỗ trợ cộng đồng người Việt tại Thái Lan, tiếp tục giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, cũng như gắn kết cộng đồng Việt kiều ở Thái Lan với người Việt ở trong nước.

Chính phủ cần chỉ đạo tiếp tục biên soạn, hoàn thiện bộ giáo trình học tiếng Việt thống nhất dành riêng cho cộng đồng người Việt tại Thái Lan. Giáo trình nên được phân chia thành nhiều cấp độ từ phổ cập đến chuyên sâu, phù hợp với yêu cầu của từng thế hệ hiện nay, nhất là thế hệ kiều bào trẻ; tạo dựng nhiều môi trường thực tế sử dụng tiếng Việt tại Thái Lan; phong phú hóa các hình thức giảng dạy tiếng Việt gồm dạy trực tuyến và trực tiếp tại các trường học Thái Lan,...

- Phát huy hơn nữa vai trò quan trọng của các cơ quan trong hệ thống chính trị của Việt Nam, như: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Đại sứ quán Việt Nam, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam, các tổ chức đoàn thể của Việt Nam,... trong việc quảng bá văn hóa Việt Nam và phổ biến, giảng dạy tiếng Việt tại Thái Lan.

- Phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác giữa hai chính phủ Việt Nam và Thái Lan về kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa học kỹ thuật, giao lưu thể thao giữa các địa phương, các tổ chức đoàn thể, xã hội, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước, cho cộng đồng kiều bào những giá trị về tinh thần và vật chất. Đặc biệt, cần có chính sách vận động thích hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Việt kiều có khả năng tài chính tiến hành đầu tư về Việt Nam.

Thứ ba là phát huy hơn nữa vai trò của gia đình kiều bào trong việc giảng dạy, phổ biến và học tiếng Việt tại Thái Lan.

Gia đình là môi trường quan trọng bậc nhất trong việc giáo dục hình thành nhân cách con người, là nơi bảo tồn và phát huy tốt nhất hệ giá trị truyền thống dân tộc. Gia đình là tổ ấm thân yêu đem lại hạnh phúc cho mỗi con người, các thành viên được đùm bọc về mặt vật chất và giáo dục về tâm hồn. Một dân tộc, một cộng đồng muốn vững mạnh, muốn giữ gìn và phát huy giá trị đạo đức truyền thống của mình trước hết phải chăm lo gia đình lành mạnh, trong đó hệ giá trị truyền thống dân tộc phải được ưu tiên số 1. Trong gia đình kiều bào tại Thái Lan, các bậc ông bà, cha mẹ luôn nhận thấy tầm quan trọng của việc truyền dạy, giáo dục và rèn giũa các giá trị đạo đức cho con cái. Bên cạnh đó, các bậc cha mẹ phải thực sự trở thành tấm gương cho con cái trong việc tôn trọng và tiếp thu các giá trị đạo đức truyền thống. Một gia đình kiều bào ấm no, tiến bộ, hạnh phúc thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là

môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách con người và nền văn hóa Việt Nam.

Thứ tư là phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể Việt Nam, của cộng đồng và các hội kiều bào tại Thái Lan.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài dù ở bất kỳ đâu trên thế giới đều có lòng tự hào, tự tôn dân tộc, hướng về quê hương, đất nước, ý thức được tầm quan trọng của tiếng Việt trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc Việt Nam. Với nỗ lực của các cơ quan, tổ chức trong nước và hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài, chất lượng công tác dạy và học tiếng Việt trong cộng đồng kiều bào đang được nâng cao theo hướng chuyên nghiệp và chuẩn hóa, góp phần bảo tồn ngôn ngữ dân tộc, tạo sợi dây gắn kết người Việt trẻ với quê hương, duy trì, phát huy bản sắc dân tộc trong các thế hệ kiều bào.

Với vai trò cầu nối giữa cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài và trong nước, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài đã tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ sách giáo khoa, học liệu với tổng số hơn 70.000 cuốn sách giáo khoa cấp I, bộ sách *Tiếng Việt vui, Quê Việt*, truyện tranh lịch sử và dân gian cho thiếu nhi, cung cấp trang thiết bị giảng dạy và học tập, đáp ứng phần nào nguyện vọng của kiều bào ta ở khắp năm châu, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào dạy và học tiếng Việt ở nước ngoài, trong đó có Thái Lan.

Từ năm 2013 đến nay, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trong cộng đồng kiều bào. Đến nay, nhiều giáo viên kiều bào đã được tập huấn về nghiệp vụ sư phạm, trở thành lực lượng nòng cốt trong phong trào dạy và học tiếng Việt của cộng đồng kiều bào tại Thái Lan.

Cùng với sự vào cuộc của các cơ quan trong nước, công tác hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho cộng đồng kiều bào tại Thái Lan đã được thực hiện theo nhiều hình thức khác nhau, dưới sự hỗ trợ tích cực và hưởng ứng mạnh mẽ của các cơ quan đại diện Việt Nam, các hội người Việt Nam và cộng đồng kiều bào ở Thái Lan. Các tổ chức thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức của kiều bào về tầm quan trọng, lợi ích của việc học tiếng Việt; vận động bà con khuyến khích con em tham gia học tiếng Việt.

Chắc chắn rằng, nếu vai trò của Chính phủ Việt Nam, gia đình kiều bào, các tổ chức đoàn thể xã hội, các hội và cộng đồng kiều bào được phát huy tích cực, thì việc đổi mới, nâng cao hiệu quả việc giảng dạy tiếng Việt tại nước ngoài, cụ thể là tại Thái Lan nhằm phát huy hơn nữa bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam sẽ thu được kết quả hết sức tích cực trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng Lãnh sự Chu Đức Dũng: “Kiều bào vùng Đông Bắc Thái Lan”, báo *Thế giới và Việt Nam*.
- [2] Phạm Quang Hiệu, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài: “Nâng cao hiệu quả công tác về người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới”, báo *Quân đội nhân dân điện tử*.
- [3] Diệp Trương: “Gìn giữ, phát huy bản sắc dân tộc qua dạy tiếng Việt cho kiều bào”, báo *Đại Đoàn kết*, ngày 11/2/2021.
- [4] TS. Nguyễn Hồng Quang: “Đời sống văn hóa tinh thần của Cộng đồng người Việt ở Đông Bắc Thái Lan”, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2019.
- [5] “Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa”, truy cập www.dichthuato1.com.
- [6] GS.TS. Đinh Xuân Dũng: “Gìn giữ, phát huy và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế”, truy cập <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/gin-giu-phat-huy-va-phat-trien-ban-sac-van-hoa-dan-toc-trong-qua-trinh-toan-cau-hoa-va-hoi-nhap-quoc-te-125618>.

PHÁT TRIỂN ÂM NHẠC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM TẠI PHÁP TỪ KHI ĐỔI MỚI TỚI NAY (1986-2021)

GS. TRẦN QUANG HẢI*

Trong 35 năm Đổi mới (1986-2021), kho tàng âm nhạc cổ truyền Việt Nam với các loại hình âm nhạc đa dạng và phong phú từ các khu vực miền Bắc, Trung, Nam và đồng bào thiểu số (53 dân tộc trên khắp lãnh thổ Việt Nam) đã được giới thiệu rất thành công với người dân Pháp, cùng với công tác quảng bá du lịch, giới thiệu về phong cảnh Việt Nam và nghệ thuật ẩm thực với *Phở*, *Chả giò*, *Bún bò* đã trở thành niềm tự hào của món ăn xứ Việt.

Trước năm 1986, nước Pháp chỉ biết đến nhạc cổ truyền Việt Nam qua những buổi trình diễn của GS. Trần Văn Khê và GS. Trần Quang Hải - hai nhà nghiên cứu âm nhạc chứ không phải là nhạc sĩ chuyên nghiệp. Vai trò của họ là giới thiệu nhạc truyền thống Việt Nam qua các buổi thuyết trình, giảng dạy ở các trường đại học và các trung tâm văn hóa, cũng như qua các bài viết và tham luận tại các hội thảo quốc tế.

Thời kỳ mở cửa bắt đầu từ năm 1986 cho phép nhiều đoàn nghệ thuật đi lưu diễn khắp nơi, đặc biệt là nước Pháp, nơi đã tiếp đón nhiều đoàn nổi tiếng đến từ Việt Nam.

• Một số chương trình và địa điểm phổ biến nhạc cổ truyền Việt Nam tại Pháp

- Nhà văn hóa thế giới (Maison des Cultures du Monde), do ông Chérif Khaznadar điều hành, đã tổ chức nhiều chương trình cho Việt Nam với sự cộng tác của GS. Trần Văn Khê¹.

- Năm 1995, Đoàn ca trù của ông Nguyễn Văn Mùi biểu diễn với các nghệ nhân Nguyễn Thúy Hòa, Hà Vy, Nguyễn Mạnh Tiến. Chương trình được thu vào đĩa CD W260070, collection INEDIT.

- Từ ngày 28/9 đến 3/10/1995 diễn ra chương trình gồm ca trù và ca Huế trong khuôn khổ liên hoan văn hóa quốc tế Festival de l'Imaginaire lần thứ tư².

* Kiều bào Việt Nam tại Pháp.

1. Tham khảo https://fr.wikipedia.org/wiki/Maison_des_cultures_du_monde.

2. Tham khảo https://fr.wikipedia.org/wiki/Festival_de_l%27Imaginaire.

- Năm 1998 diễn ra chương trình nhạc Phật giáo Huế, được in thành CD W260082 collection INEDIT.

- Từ ngày 2 đến 8/4/2006 diễn ra chương trình múa rối nước của đoàn Nhà hát múa rối Thăng Long trong khuôn khổ liên hoan văn hóa quốc tế Festival de l'Imaginaire lần thứ 10.

- Năm 2006, đĩa CD VDE 1207 AIMP LXXXIX "Nhạc đồng bằng miền Bắc" được xuất bản ở Thụy Sĩ, gồm các tiết mục ca trù, hát chèo, quan họ.

- Ngày 15/2/2012 diễn ra chương trình hát chèo, tuồng "Quan Âm Thị Kính" với sự tham gia biểu diễn của nghệ nhân Thanh Ngoan.

- Từ ngày 21 đến 22/3/2014 diễn ra chương trình đờn ca tài tử Nam Bộ với ban nhạc "Quê Mẹ" do nhạc sĩ Phạm Văn Môn chỉ đạo.

- Từ ngày 10/11 đến 25/12/2017, trong khuôn khổ liên hoan văn hóa quốc tế Festival de l'Imaginaire lần thứ 21, diễn ra chương trình biểu diễn nhạc cổ truyền Việt Nam tại Parc de la Villette Paris và 5 thành phố Lyon, Mougins, Sainte - Maxine, Noisiel, Mulhouse.

Tổng số 31 buổi trình diễn đã gặt hái kết quả tốt đẹp, được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt, đây là dịp quảng bá nghệ thuật cổ truyền đối với bạn bè thế giới.

• Những bộ môn được đưa vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại được UNESCO vinh danh

Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại được UNESCO đưa ra để vinh danh giá trị của các di sản văn hóa phi vật thể trên thế giới. Mỗi di sản văn hóa phi vật thể muốn có tên trong danh sách phải được một hoặc nhiều quốc gia đề cử cho UNESCO, sau đó một Ủy ban của tổ chức này sẽ xem xét khả năng đưa di sản vào danh sách.

Tại hội nghị họp tại Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ tháng 11/2008, để nâng cao nhận thức về tính cấp thiết của việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, Ủy ban liên Chính phủ đã đưa ra hai danh sách:

1. Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.
2. Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp.

Việt Nam chỉ có bộ môn ca Trù thuộc danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp vì thiếu người theo học và ít nghệ nhân có tên tuổi.

Từ năm 2003 đến 2019, Việt Nam có 10 bộ môn nhạc cổ truyền được đưa vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO¹. Có được thành công này là nhờ sự đóng góp đặc lực nhất của nhà nghiên cứu, nhạc sĩ, nguyên Phó Viện trưởng Viện Âm nhạc Đặng Hoàng Loan. Ông là người đã thu trên 170 video về nhạc dân tộc

1. Tham khảo <https://toplist.vn/top-list/di-san-van-hoa-phi-vat-the-duoc-unesco-cong-nhan-cua-viet-nam-1590.htm>.

Việt Nam. Hy vọng rằng, công trình vĩ đại của một người đã tận tụy hy sinh cả cuộc đời cho việc bảo tồn văn hóa âm nhạc cổ truyền sẽ được quan tâm thích đáng.

GS. Trần Văn Khê đã dày công tham gia xây dựng hồ sơ đề cử cho ba bộ môn: Nhã nhạc cung đình Huế (2003), Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên (2005) và Đờn ca tài tử Nam Bộ (2013).

GS. Trần Quang Hải, với tư cách chuyên gia âm nhạc ở hải ngoại, được mời đóng góp vào các bộ môn Quan họ (2009), Ca trù (2009), Hát Xoan Phú Thọ (2011), Đờn ca tài tử Nam Bộ (2013), Hát ví giặm Nghệ Tĩnh (2014), Ngưỡng thờ mẫu (2016), Bài chòi (2017), Nghi lễ Then Tày - Nùng - Thái (2019).

Từ khi được UNESCO nhìn nhận các bộ môn nhạc dân tộc, Chính phủ Việt Nam tích cực cử các nghệ nhân của các bộ môn đó ra nước ngoài, trình diễn và tham gia các đại hội liên hoan quốc tế, không chỉ mang lại niềm tự hào cho nền âm nhạc cổ truyền Việt Nam mà còn giúp thế giới khám phá những làn điệu đa dạng và các loại nhạc cụ truyền thống như đàn bầu, đàn T'rưng, đàn đá, đàn kéo koni, khèn mèo, đàn đáy,... Thêm vào đó, nhiều thang âm ngũ cung mới lạ trong nhạc đờn ca tài tử, tiết tấu trong hát chèo, hát văn cũng được giới thiệu với bạn bè quốc tế.

Song song với các bộ môn nói trên, múa rối nước và đoàn xiếc. "Làng Tôi" đã chinh phục khán giả Pháp. Nghệ thuật múa rối nước tới Pháp trình diễn lần đầu vào năm 1987, và lần gần đây nhất là năm 2017; dự kiến, đoàn múa rối nước ta sẽ sang Pháp vào tháng 2/2022. Sự thành công của múa rối nước cho thấy bộ môn này rất xứng đáng được bảo vệ và đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể, vì múa rối nước chỉ có duy nhất ở Việt Nam.

Đoàn xiếc "Làng Tôi", với 11 nghệ nhân và 5 nhạc sĩ, do nhạc sĩ Nhất Lý Nguyễn lập ra và Lê Tuấn Anh làm đạo diễn, với hệ thống đạo cụ hoàn toàn làm từ tre và nhạc cụ dân tộc đã chinh phục và dành được nhiều tình cảm mến mộ của khán giả Pháp. Đoàn xiếc này biểu diễn lần đầu vào năm 2011 và lần cuối vào năm 2016.

• Hoạt động của Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp và Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp

Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp

Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp đã tích cực hỗ trợ các chương trình văn hóa nghệ thuật cổ truyền tại UNESCO Paris. Hằng năm, vào dịp Tết Nguyên đán, Đại sứ quán thường tổ chức chương trình đón Xuân, mời người Việt và đại diện các sứ quán nước ngoài ở Paris đến chung vui. Chương trình có bánh trái ngày Tết và sinh hoạt văn nghệ do các nghệ sĩ trong nước sang trình diễn, thu hút hàng nghìn người tham dự. Năm 2021 Đại sứ Việt Nam tại Pháp Nguyễn Thiệp đã được Chính phủ Pháp trao tặng Huân chương Bắc đẩu Bội tinh vì tất cả những đóng góp của ông cho mối quan hệ tốt đẹp giữa Pháp và Việt Nam, công nhận và tôn vinh những nỗ lực trong nhiệm kỳ đại sứ của ông.

Bày tỏ niềm vinh dự và sự cảm động trước phần thưởng cao quý này, Đại sứ Nguyễn Thiệp nhắc lại mong muốn của các cấp lãnh đạo Việt Nam - Pháp về tăng cường mở rộng quan hệ giữa nhân dân hai nước, đặc biệt là niềm tin sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thông điệp gửi nhân dân Pháp trước khi kết thúc chuyến thăm chính thức vào tháng 9/1946: “Trước khi rời đất Pháp, tôi muốn tuyên bố một lần nữa, lòng thân ái của tôi đối với nhân dân Pháp, lòng khăng khít của tôi đối với lý tưởng dân chủ mà dân tộc Pháp là người tiên phong... Tất cả mọi điều đều làm cho hai dân tộc chúng ta thân ái nhau: lý tưởng chung và quyền lợi chung. Không có điều gì ngăn cản sự tiến triển của lịch sử”¹.

Theo Đại sứ Nguyễn Thiệp, phần thưởng này là một điểm nhấn mới trong quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Pháp trong ba năm qua, được đánh dấu bằng nhiều chuyến thăm chính thức của lãnh đạo cấp cao hai nước, đặc biệt là chuyến thăm Pháp của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng vào tháng 3/2018 và Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân vào tháng 3/2019, chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Pháp Édouard Philippe vào tháng 11/2018, đã tăng cường đáng kể sự tin cậy giữa hai nước và làm sâu sắc quan hệ hợp tác trên một số lĩnh vực.

Đại sứ Nguyễn Thiệp nhấn mạnh, đây không chỉ là vinh dự cá nhân và mà còn là phần thưởng, sự ghi nhận và động viên tinh thần đối với tất cả các cá nhân, tập thể và tổ chức đã đóng góp hiệu quả vào việc mở rộng và làm sâu sắc mối quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Pháp. Phần thưởng này cũng là một lời kêu gọi các đối tác của hai bên cần nỗ lực nhiều hơn nữa để tăng cường kết nối, bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau đáp ứng nhu cầu hợp tác trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và mỗi nước đang thay đổi nhanh chóng và sâu sắc.

Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp

Được thành lập vào năm 2008 và được trùng tu vào năm 2018, Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp đóng góp một phần lớn vào việc quảng bá những hoạt động văn hóa tốt đẹp của Việt Nam (triển lãm, trình diễn văn nghệ, họp mặt đại diện chính phủ sang Pháp, những nghệ nhân từ trong nước sang, tham gia những sinh hoạt liên quan đến Việt Nam trên khắp nước Pháp)².

Các lễ hội đầu năm là dịp để cộng đồng người Việt Nam tại Pháp ôn lại truyền thống văn hóa của dân tộc, cũng như giúp thế hệ trẻ người Việt, những người sinh ra và lớn lên tại Pháp, khám phá những nét văn hóa đặc sắc của quê hương, cội nguồn. Đây cũng là dịp để người dân Pháp, đặc biệt là giới trẻ vui chơi, khám phá nền văn hóa độc đáo của người dân Việt Nam, những người đã và đang hội nhập nhanh chóng, góp phần không nhỏ vào sự phát triển và thành công của nước Pháp.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.340-341.

2. Truy cập <https://bvhttdl.gov.vn/trung-tam-van-hoa-viet-nam-tai-phap-nhung-dau-an-giao-luu-quoc-te-20190207093944269.htm>.

Hàng năm, Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp đều phối hợp với Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp và Hội Người Việt tại Pháp tổ chức tại Pavillon Baltard (Nogent sur Marne, ngoại ô Paris) một chương trình Tết thật huy hoàng để đón tiếp cộng đồng người Việt và quan khách Pháp.

Tại lễ hội, người Việt Nam và quan khách quốc tế được trải nghiệm những không gian lễ hội truyền thống với khu chợ Tết, các gian hàng ẩm thực, đồ lưu niệm, trang phục truyền thống của người Việt, bên cạnh những trò chơi dân gian và chương trình nghệ thuật đặc sắc, mang đậm nét văn hóa Việt Nam.

• Năm Việt Nam tại Pháp 2014¹

Ngày 14/2 vừa qua, năm Việt Nam tại Pháp đã chính thức khai mạc tại Nhà hát Chatelet ở Paris, với phần biểu diễn của đoàn nghệ thuật Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam và Học viện âm nhạc quốc gia trước khoảng 2.000 khách mời Pháp và Việt Nam. Đến dự lễ khai mạc này, về phía Pháp Bộ trưởng đặc trách Pháp ngữ Yamina Benguigui thay mặt Ngoại trưởng Laurent Fabius. Đại diện cao cấp nhất về phía Việt Nam là Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hoàng Tuấn Anh.

Năm Việt Nam tại Pháp 2014 là tiếp nối năm Pháp tại Việt Nam 2013, được tổ chức nhân kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ Ngoại giao Pháp - Việt Nam. Nhiều sự kiện, hoạt động văn hóa diễn ra, thậm chí ngay từ cuối năm 2013, như:

- Liên hoan phim châu Á Vesoul đã chọn Việt Nam là khách mời và đã giới thiệu với công chúng một số phim tiêu biểu cho điện ảnh Việt Nam.

- Liên hoan văn hóa châu Á mang tên “Made in Asia” cũng đã dành một vị trí đặc biệt cho các nghệ sĩ Việt Nam.

- Khai mạc một số triển lãm, như triển lãm hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam ở Marseille, triển lãm mỹ thuật đương đại Việt Nam ở Nimes...

- Triển lãm “Pháp - Việt Nam: Bốn thế kỷ bang giao”, với những tư liệu, tranh ảnh và vật thể từ kho lưu trữ của Viện Hàn lâm khoa học hải ngoại của Pháp.

- Liên hoan phim Phụ nữ quốc tế, có khách mời danh dự là các nữ đạo diễn Việt Nam.

- Hội thảo “Từ Đông Dương thuộc địa đến Việt Nam hiện nay”.

- Trưng bày những bức ảnh cổ từ kho tư liệu của Trường Viễn Đông Bác Cổ về Việt Nam thời xưa.

- Liên hoan phim quốc tế Cannes 2014 cũng có một hoạt động liên quan đến điện ảnh Việt Nam với sự có mặt của các đạo diễn Việt Nam.

- Sinh hoạt văn nghệ với đội công chiêng Tây Nguyên, các màn múa, hát, nhạc dân tộc cổ truyền của Việt Nam.

- Liên hoan quốc tế vải sợi độc đáo giới thiệu các sản phẩm hợp tác giữa các nhà tạo mẫu Pháp và Việt Nam.

1. Truy cập <https://www.rfi.fr/vi/vietnam/20140217-nam-viet-nam-tai-phap-2014>.

- Triển lãm về hình tượng rồng trong lịch sử nghìn năm của Việt Nam tại Viện Bảo tàng Guimet, Paris.

Năm Việt Nam tại Pháp cũng là dịp để giới thiệu cho công chúng những thể loại âm nhạc dân tộc của Việt Nam, như ca trù, và đặc biệt là đờn ca tài tử, bộ môn nghệ thuật đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể vào năm 2013.

• Ba người có công lớn trong việc phổ biến văn hóa Việt Nam tại Pháp và thế giới

Ở Pháp có ba người đã đóng góp tích cực vào việc phổ biến văn hóa âm nhạc trong những lĩnh vực liên quan tới học đường, hội nghị quốc tế, giáo dục âm nhạc, sách báo, trình diễn tại Pháp và thế giới. Đó là GS. Trần Văn Khê, GS. Trần Quang Hải và cố nhạc sĩ Nguyễn Thiên Đạo.

- GS. Trần Văn Khê (1921-2015)

Là nhà nghiên cứu văn hóa, âm nhạc cổ truyền nổi tiếng ở Việt Nam. Ông từng chia sẻ, ông muốn mình được là “một tài tử”, một “đại sứ trọn đời của văn hóa dân tộc” ở bất cứ nơi đâu.

Suốt cuộc đời, GS. Trần Văn Khê luôn tận tụy với văn hóa dân tộc nói chung và âm nhạc cổ truyền nói riêng. Ông từng nói, với văn hóa dân tộc, người ta “có hiểu rồi mới thương”, thương rồi mới gắng sức gìn giữ, phát huy những giá trị đó. Bởi thế, một trong những việc ông dành nhiều tâm huyết nhất chính là truyền dạy kiến thức âm nhạc truyền thống và lan tỏa tình yêu với âm nhạc cổ truyền, với văn hóa dân tộc tới nhiều thế hệ người Việt trong và ngoài nước.

Những năm cuối đời, tuy sức khỏe yếu, GS. Trần Văn Khê vẫn ngày đêm canh cánh bên lòng việc phải làm sao có thêm nhiều hậu bối thay ông tiếp tục giới thiệu những di sản văn hóa truyền thống của Việt Nam đến thế giới. “Với tôi, hoài bão duy nhất phải làm là gieo thêm nhiều hơn nữa vào ý thức giới trẻ tình yêu say mê đờn ca tài tử Nam Bộ và những di sản văn hóa của nước Việt. Bởi có hiểu biết mới có đam mê, nâng niu gìn giữ và phát huy. Gìn giữ di sản thì phải biết cách truyền thụ di sản ấy đến với lớp trẻ”.

- GS. Trần Quang Hải (1944 -)¹

GS. Trần Quang Hải, con trai trưởng của GS. Trần Văn Khê, là một nhà nghiên cứu dân tộc nhạc học trên thế giới. Từ năm 1968 tới 2009, ông là nhà nghiên cứu dân tộc nhạc học của Pháp sau khi làm việc 41 năm tại Trung tâm nghiên cứu khoa học Pháp.

Ông có nhiều đóng góp trong việc quảng bá văn hóa, âm nhạc dân tộc Việt Nam ở nước ngoài. Từ năm 2005 đến 2017, khi là thành viên của Ban Chấp hành Hội đồng âm nhạc truyền thống quốc tế (ICTM) với hơn 1.700 thành viên là nhà nghiên

1. Tham khảo <https://tranquanghai1944.com/2017/09/21/tieu-su-tran-quang-hai/>.

cứu thuộc 78 quốc gia, ông đã đưa vào Hội đồng này một số nhà nghiên cứu trẻ của Viện Âm nhạc Hà Nội (GS.TSKH. Lê Văn Toàn, TS. Nguyễn Bình Định, TS. Phạm Minh Hương, TS. Nguyễn Thủy Tiên, nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Minh Châu). Họ đã góp mặt với phần tham luận có giá trị tại những hội nghị quốc tế tại Trung Quốc (2004), Áo (2007), Nam Phi (2009), Canada (2011)... Sự có mặt của các nhà nghiên cứu Việt Nam tại hội đồng này đánh dấu sự trưởng thành của ngành nghiên cứu âm nhạc trong nước.

Một điểm son của Viện Âm nhạc Hà Nội là các thành viên Việt Nam của ICTM đã tổ chức hội thảo quốc tế với sự hợp tác của GS. Trần Quang Hải (lúc đó là thành viên của ban chấp hành ICTM). Có trên 100 nhà nghiên cứu nhạc dân tộc trên thế giới tham dự suốt một tuần, lưu lại một thành quả mỹ mãn và một hình ảnh khó quên trong lòng những người tham dự (hội thảo trên thuyền tại Vịnh Hạ Long, chương trình giới thiệu nhạc cổ truyền phong phú và đặc biệt là ẩm thực ba miền mỗi ngày tại một nhà hàng danh tiếng khác nhau). Bàn bè quốc tế không ngờ là Việt Nam có đủ nhân lực, tài lực và khả năng tổ chức chu đáo. Cho tới những hội thảo sau này, nhiều người vẫn còn nhận xét rằng hội thảo tại Việt Nam là đặc sắc nhất.

Năm 2002 đài BBC trong chương trình Nhạc thế giới (World Music) do bà Lucy Duran, nhà nghiên cứu dân tộc nhạc học và nhạc sĩ, đã mời GS. Trần Quang Hải và nữ danh ca Bạch Yến về Việt Nam thực hiện hai chương trình “Trần Quang Hải in Hanoi” và “Trần Quang Hải in Saigon” năm 2002. Hai chương trình này là kết quả nghiên cứu, đánh giá của GS. Trần Quang Hải sau 41 năm xa xứ về sự lớn mạnh của nhạc cổ truyền tại Viện Âm nhạc Hà Nội.

Nhờ vào chuyến đi năm 2002, giới nghiên cứu âm nhạc ở Việt Nam đã biết về GS. Trần Quang Hải. Từ đó, ông được mời về Việt Nam thường xuyên từ năm 2006 tới 2017, tham gia 7 hồ sơ công nhận di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam do UNESCO tổ chức.

Sự trở về Việt Nam của GS. Trần Quang Hải là kết quả của quá trình đổi mới của Việt Nam từ năm 1986, cho thấy sự lớn mạnh của các ngành nghiên cứu, phổ biến nhạc dân tộc và nhiều lĩnh vực khác của nghệ thuật thứ bảy.

Năm 2017, GS. Trần Quang Hải tặng Viện Âm nhạc Hà Nội 1.000 cuốn sách nghiên cứu dân tộc nhạc học và 1.000 đĩa hát nhạc truyền thống thế giới. Tài liệu này sẽ giúp các sinh viên nghiên cứu âm nhạc dân tộc có thêm tư liệu tham khảo để phát triển sự nghiệp nghiên cứu theo đúng tiêu chuẩn quốc tế.

- *Nhạc sĩ Nguyễn Thiên Đạo (1940-2015)*¹

Là nhà soạn nhạc Việt Nam đầu tiên của dòng nhạc cổ điển đương đại, là học trò xuất sắc của Olivier Messiaen - một trong những nhà soạn nhạc nổi tiếng và có

1. Tham khảo <https://nguyenthien dao.wordpress.com/2018/05/30/nguyen-thien-dao-tieu-su/>.

ảnh hưởng nhất thế kỷ XX. Ngoài âm nhạc, ông cũng là người đam mê nghiên cứu văn hóa Việt Nam nói riêng và văn hóa Đông - Tây nói chung với một số mốc dấu quan trọng:

- Năm 1969, tại Festival nghệ thuật quốc tế Royan, Nguyễn Thiện Đạo là một người Việt Nam nổi lên như một hiện tượng trong giới nghệ thuật hàn lâm thế giới với tác phẩm *Tuyển lựa* - một bản anh hùng ca về cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân Việt Nam.

- Năm 1982, ông được ghi tên vào từ điển *Le Petit Larousse*, được định nghĩa là nhà soạn nhạc của văn minh Đông - Tây.

- Năm 1983, ông được Hàn lâm viện nghệ thuật Pháp trao Giải thưởng danh giá André Caplet cho toàn bộ tác phẩm của mình.

- Năm 1984, ông được Chính phủ Pháp tặng Huân chương Hiệp sĩ nghệ thuật và văn chương.

- Năm 1995, ông được trao giải thưởng quốc tế Gian Carlo Menotti và được ghi vào từ điển *Le Petit Robert*.

- Năm 2005, ông vinh dự được trao giải thưởng Vinh danh nước Việt.

- Năm 2008, ông được Ban Chỉ đạo Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc (Vesak) đề nghị viết một bản nhạc cho Đại lễ. Buổi trình diễn hết sức thành công bởi quy mô hoành tráng và sự sáng tạo khi đưa kinh Phật vào lời hát giao hưởng.

Ông luôn là người tự chỉ huy dàn nhạc giao hưởng và tham gia giảng dạy ở Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam để truyền dạy những kiến thức âm nhạc thế giới cho thế hệ trẻ.

Sự nghiệp sáng tác nhạc của ông gồm hơn 90 tác phẩm độc tấu, giao hưởng, opéra,... phần lớn tác phẩm là do các chính phủ ở châu Âu đặt viết, được biểu diễn ở nhiều nơi trên thế giới. Tên tuổi của ông đã xuất hiện trong 70 công trình nghiên cứu âm nhạc.

Cuộc đời và những tác phẩm âm nhạc của nhạc sĩ Nguyễn Thiện Đạo đã được giới thiệu trong nhiều sách và chương trình truyền hình tại Pháp và Việt Nam. Ông thầm lặng trao hàng nghìn suất học bổng âm nhạc cho các trường nhạc, các sinh viên nghèo tại Việt Nam và sinh viên tài năng tại các Nhạc viện ở Pháp.

Ông qua đời vào cuối năm 2015, khi vừa phát hành truyện *Sống lựa* do ông sáng tác và viết xong bản *Linh Giác*. Với bản *Linh Giác*, ông chưa kịp chính tay mình chỉ huy dàn nhạc; vậy nên, trên bảng tên được đặt tại ngôi nhà của ông đã có những nốt nhạc trích từ tác phẩm cuối cùng này của ông.

Cuộc đời của nhạc sĩ Nguyễn Thiện Đạo là sự thành công tiếp nối thành công, tên tuổi ông vang dội ở nước ngoài, nhưng rất ít được biết tại Việt Nam.

Hiện nay, tại nhiều Nhạc viện ở Paris và các thành phố tại Pháp có học bổng mang tên Nguyễn Thiện Đạo để giúp các sinh viên học nhạc có thêm nguồn học bổng trợ giúp việc học, dù quốc tịch nào, miễn có mơ ước và tài năng.

Ngoài ba tên tuổi lớn kể trên, một người xứng đáng được tôn vinh nữa là nhà nghiên cứu Đặng Hoành Loan. Ông đã đóng góp nhiều nhất trong việc lập các hồ sơ Di sản văn hóa phi vật thể. Sau hơn 40 năm hoạt động âm nhạc, ông là một trong những nhạc sĩ năng động, sáng tạo trên nhiều lĩnh vực: biểu diễn, sáng tác, chỉ huy, nghiên cứu, lý luận âm nhạc và cả quản lý.

*

* *

Quá trình 35 năm mở cửa vừa qua đã chứng kiến sự trưởng thành lớn mạnh của lĩnh vực âm nhạc, đặc biệt là nhạc cổ truyền tại Pháp.

Để âm nhạc cổ truyền tiếp tục được gìn giữ, phát triển và lan tỏa, chính phủ nên có một chương trình giúp đỡ đúng mức đối với các “đại thụ” truyền thống cổ nhạc (Ca trù, Quan họ, Đờn ca tài tử, hát Xoan, Ví giặm, Bài chòi, Hát văn, Hát xẩm,...).

Cần thiết lập chương trình giáo dục âm nhạc dân tộc ở các bậc học, mở khóa dạy nghiên cứu dân tộc nhạc học, gửi các sinh viên âm nhạc đến các trường nghiên cứu nổi tiếng ở nước ngoài để bồi dưỡng, phát triển tài năng âm nhạc cho đất nước. Đồng thời, chào đón những tinh hoa của đất nước đang sống ở nước ngoài trở về phục vụ đất nước.

Hy vọng rằng, cùng với sự góp sức quan trọng của văn hóa, trong đó có lĩnh vực âm nhạc và âm nhạc cổ truyền, tương lai Việt Nam sẽ xán lạn và tốt đẹp để tiến tới sự phồn thịnh, giàu có và hùng mạnh, sánh vai cùng các quốc gia tiên tiến trên thế giới.

PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM QUA VIỆC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI

TRẦN BÁ PHÚC*

1. Mối quan hệ giữa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam

1.1. Tại sao dạy tiếng Việt góp phần phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam

Mỗi dân tộc sinh ra trên thế giới đều có một truyền thống văn hóa riêng, tạo thành bản sắc văn hóa - dân tộc. Truyền thống văn hóa hình thành là một quá trình tích hợp lâu dài, từ đời này sang đời khác, chắt lọc những yếu tố tích cực của văn hóa cộng đồng và làm nên sự tồn tại và phát triển của dân tộc đó, hóa thân vào đời sống, tâm hồn, cuộc sống và suy nghĩ của cả dân tộc.

Mỗi truyền thống văn hóa đều có những đặc trưng và tính chất riêng. Dưới góc độ địa lý, văn hóa được phân thành văn hóa vùng, miền, khu vực như: văn hóa sông Hồng, văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Nam Bộ,... Dưới góc độ lịch sử thì văn hóa là sự tiếp nối, tích hợp từ văn hóa Văn Lang, văn hóa Phùng Hưng, văn hóa Lý - Trần,... Tất cả đã tạo nên tính đa dạng, và phong phú, hấp dẫn của truyền thống văn hóa Việt Nam.

Tiếng Việt, với vai trò là một trong những thành tố của nền văn hóa tinh thần Việt Nam, giữ một vị trí đặc biệt trong việc bảo tồn và kế thừa những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt.

Học giả Phạm Quỳnh đã từng nói “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn”, chứng tỏ mối quan hệ khăng khít giữa tiếng Việt và bản sắc văn hóa Việt Nam. Từ đó có thể thấy rằng, để học ngôn ngữ Việt và sử dụng thành thạo trong đời sống hằng ngày, người học phải có tình yêu với ngôn ngữ và văn hóa của nước Việt Nam, có tâm hồn của dân tộc Việt Nam, giống như Ngài Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Palestine tại Việt Nam Saadi Salama đã chia sẻ: “Để trở thành người nói tiếng Việt thông thạo và giỏi, nếu là người nước ngoài thì người đó cần có tâm hồn Việt Nam”.

* Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Doanh nhân Việt Nam tại Ôxtrâyliya.

1.2. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với công tác dạy tiếng Việt cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

Trong “Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ III của Hội Nhà báo Việt Nam”, ngày 8/9/1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng phát biểu “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, và làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp”¹. Tư tưởng của Bác là kim chỉ nam, là ngọn đèn soi sáng để Đảng, Nhà nước và các thế hệ sau gìn giữ và lan tỏa tình yêu tiếng Việt trong thời đại hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay.

Đến nay, Việt Nam có khoảng 5,3 triệu kiều bào sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, tiếng Việt đối với là linh hồn, là niềm tự hào dân tộc, góp phần tạo nên những giá trị trường tồn, nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết và khí phách dân tộc và trở thành điểm tựa vững chắc để giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống. Người Việt Nam sống xa quê hương, nhìn thấy tà áo dài truyền thống của Việt Nam như thấy một phần tâm hồn của dân tộc Việt, nghe thấy tiếng Việt như cảm thấy quê hương đang ở rất gần. Theo cảm xúc từ trong tim của chính mình tôi tin rằng tất cả kiều bào Việt Nam đang ở nước ngoài sẽ đồng ý với tôi rằng ở đâu ta nghe thấy tiếng Việt, là ở đó ta thấy quê hương Việt Nam.

Vì vậy, nhiệm vụ gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thông qua công tác dạy tiếng Việt cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt coi trọng. Trong những năm gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã ký nhiều quyết định liên quan đến việc dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài như: Quyết định số 1382/QĐ-TTg năm 2016 phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy tiếng Việt trên mạng trực tuyến cho người Việt Nam ở nước ngoài”, Quyết định số 14/QĐ-TTg năm 2017 phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài”. Đó là những minh chứng rõ nét về sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với nhu cầu cần thiết này của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Tại Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh cũng khẳng định: “Đến nay, công tác dạy và học tiếng Việt, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc đã đạt được những kết quả tích cực”.

Mới đây, ngày 12/8/2021 Bộ Chính trị cũng đã ban hành Kết luận số 12-KL/TW về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới trên cơ sở quán

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10, tr.615.

triệt các quan điểm chỉ đạo còn nguyên giá trị của Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chỉ thị số 45-CT/TW đề ra một số yêu cầu và đòi hỏi mới đối với công tác kêu gọi hỗ trợ, thu hút nguồn lực kiều bào và công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại kiều bào,...

Từ trước tới nay, công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đã được triển khai trên nhiều mặt trận nhằm giải quyết các vấn đề trong cộng đồng kiều bào, song các giải pháp chủ yếu mang tính riêng lẻ, tình thế. Trước yêu cầu, đòi hỏi cao hơn đối với công tác này, đồng thời hướng tới các biện pháp có tính chuyên nghiệp, bài bản, dài hạn trong việc chăm lo, hỗ trợ cộng đồng trong giai đoạn mới, Bộ Chính trị tiếp tục chú trọng và lần đầu tiên đưa nội dung “triển khai các biện pháp tổng thể” vào Kết luận số 12-KL/TW nhằm tạo ra hiệu quả đồng bộ và toàn diện hơn trong công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Mục tiêu đặt ra là giúp bà con có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, tuân thủ pháp luật và hội nhập thuận lợi vào xã hội của nước sở tại, đồng thời tăng cường việc dạy và học tiếng Việt ở nước ngoài nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc Việt Nam.

Sự ra đời của Kết luận số 12-KL/TW mang nhiều ý nghĩa quan trọng, góp phần đưa công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đi vào chiều sâu và thiết thực, tạo môi trường để các hoạt động dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài phát triển hơn, từ đó vun đắp các giá trị tinh thần để lan tỏa truyền thống và bản sắc văn hóa Việt Nam. Từ việc hiểu và sử dụng được tiếng Việt, các thế hệ trẻ kế tiếp của người Việt ở nước ngoài sẽ được nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết dân tộc và nâng cao tình yêu quê hương, đất nước.

2. Thực tiễn tình hình dạy và học tiếng Việt hiện nay tại nước ngoài

2.1. Hoạt động dạy và học tiếng Việt của cộng đồng người Việt ở nước ngoài

Công tác hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đã được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau dưới sự hỗ trợ nhiệt tình của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức văn hóa, giáo dục và xã hội của người Việt Nam ở nước ngoài; nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của cộng đồng kiều bào.

Trong 5 năm gần đây, việc dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt cho thế hệ trẻ đã trở thành phong trào phát triển rộng khắp trên thế giới, điển hình như Hoa Kỳ (khoảng 200 trung tâm, cơ sở dạy tiếng Việt), Thái Lan (39 lớp học tiếng Việt), Campuchia (33 điểm trường, lớp Việt ngữ), Lào (13 trường và trung tâm dạy tiếng Việt), các quốc gia Đông Âu đều có các trung tâm dạy tiếng Việt và tại Ôxtrâyli-a chúng tôi hiện đang có rất nhiều trường Việt ngữ ở các thành phố có đông

cộng đồng người Việt sinh sống. Hiện có những Trường Việt ngữ được thành lập từ những năm 1984 tại các thành phố có đông người Việt tập trung sinh sống như thành phố Footscray, Springvale của bang Victoria, thành phố Marrickville, Bankstown, Cabramatta của bang NSW và thành phố Inala của bang Queensland. Tại Ba Lan, Trường tiếng Việt Lạc Long Quân cũng được thành lập từ năm 1999 ở Thủ đô Warszawa ý tưởng thành lập trường được đề xuất và thực hiện bởi một số phụ huynh và giáo viên muốn cho con em trong cộng đồng người Việt tại đây hiểu tiếng mẹ đẻ và gìn giữ văn hóa Việt Nam. Buổi đầu thành lập trường chỉ có khoảng vài chục học sinh, đến nay đã lên tới khoảng gần 200 học sinh, độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi. Tại Lào, Hội người Việt Nam tại Thủ đô Vientiane đã chuyển đổi trường Việt kiều Nguyễn Du thành trường Song ngữ Lào - Việt Nguyễn Du, thỏa thuận với Chính phủ Lào xây dựng một số cơ sở trường học cho con em kiều bào từ các nguồn viện trợ hay tài trợ cá nhân,...

Các tổ chức văn hóa, giáo dục và xã hội ở các nước cũng thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức của kiều bào về tầm quan trọng và lợi ích của việc học tiếng Việt; vận động bà con khuyến khích con em tham gia học tiếng Việt *bởi tiếng Việt là con đường không quên cội nguồn và cùng nhau hướng về quê hương*.

2.2. Hoạt động tích cực của các cơ quan và bộ ngành liên quan đối với việc dạy và học tiếng Việt

Trong những năm qua, sự nỗ lực bền bỉ của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao) trong vai trò cầu nối giữa cộng đồng ta ở nước ngoài với các bộ, ngành trong nước để hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho cộng đồng người Việt ở nước ngoài là vô cùng to lớn, mang lại những kết quả thiết thực và được kiều bào đánh giá rất cao.

Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài đã tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ sách giáo khoa, tài liệu với tổng số hơn 70.000 cuốn sách giáo khoa cấp I, bộ sách giảng dạy chuẩn *Tiếng Việt vui* dành cho trẻ em và *Quê Việt* dành cho người lớn, truyện tranh lịch sử và dân gian cho thiếu nhi, cung cấp trang thiết bị giảng dạy, học tập, đáp ứng phần nào nguyện vọng của kiều bào Việt Nam ở khắp năm châu, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào dạy và học tiếng Việt ở nước ngoài.

Không chỉ xây dựng phong trào dạy và học tiếng Việt tại nhiều nước, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài còn phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên kiều bào tình nguyện dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài hằng năm tại Việt Nam (trước COVID-19) hoặc tại nước sở tại nếu có nhu cầu. Đến nay, gần 300 giáo viên kiều bào được tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn sư phạm, trở

thành lực lượng nòng cốt trong phong trào dạy và học tiếng Việt của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Ngay từ năm 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Chương trình tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài theo Khung năng lực tiếng Việt sáu bậc nhằm tạo cơ sở chung cho việc xây dựng, phát triển, cập nhật tài liệu dạy học và tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá khả năng sử dụng tiếng Việt.

Thêm một minh chứng khác cho hướng đi đúng đắn này chính là Cuộc thi “Biên soạn sách và tài liệu dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì và khởi xướng năm 2020. Cuộc thi huy động sự tham gia của đội ngũ trí thức, giảng viên, giáo viên trong và ngoài nước tham gia viết sách để lựa chọn được những bộ sách có chất lượng, phù hợp, thiết thực với đối tượng người học đa dạng ở từng địa bàn, khu vực trên toàn thế giới.

Thời gian qua, Hội Liên lạc với Người Việt Nam ở nước ngoài cũng đã có nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ kiều bào phát triển việc dạy và học tiếng Việt. Đặc biệt, Hội đã phối hợp hiệu quả với Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cho ra đời phần mềm và giáo trình trực tuyến “Em học tiếng Việt” song ngữ với các phiên bản của 11 thứ tiếng và trước mắt phiên bản tiếng Anh đã được in thành sách.

Bên cạnh đó, các cơ quan đại diện ngoại giao và cộng đồng người Việt còn tích cực vận động chính quyền các cấp ở nước sở tại hỗ trợ cơ sở dạy tiếng Việt của kiều bào, từng bước đưa tiếng Việt vào hệ thống giáo dục của các nước, đặc biệt là các quốc gia có đông người Việt sinh sống. Hiện nay, tại Ôxtrâyliya tiếng Việt đã được chọn là một ngoại ngữ trong chương trình trung học phổ thông.

Tiếng Việt đã được đưa vào giảng dạy ở những trường đại học nổi tiếng của thế giới và khu vực như Hàn Quốc (Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc và Đại học Chungwoon), Nhật Bản (Đại học Ngoại ngữ Tokyo, Đại học Osaka và Đại học Ngoại ngữ Kanda), Trung Quốc (Đại học Bắc Kinh, Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh, Đại học Quảng Tây và Đại học Dân tộc Quảng Tây), Ôxtrâyliya (Đại học quốc gia Ôxtrâyliya ANU và Đại học Victoria).

Ngoài ra, tại Hoa Kỳ tiếng Việt còn được dạy trong mạng lưới hơn 10 trường đại học (gọi tắt là GUAVA) như Đại học Harvard, Đại học UCLA, Đại học Cornel và Đại học Yale. Tại Thái Lan có gần 20 trường có khoa/ban dạy tiếng Việt và rất đông sinh viên Việt Nam học tại Đại học Chulalongkorn, Đại học Thammasat, Đại học Mahasarakham và Đại học Ubon Ratchathan. Có rất nhiều quốc gia ở châu Âu như Đức, Ba Lan có cả ban tiếng Việt và chuyên ngành về Việt Nam học trong một số trường đại học.

Tại Đài Loan (Trung Quốc), từ năm 2018 đến nay, chính quyền sở tại đã quyết định đưa tiếng Việt vào chương trình giảng dạy tại các trường trung học phổ thông như một ngoại ngữ tự chọn...

Với nỗ lực của các cơ quan, tổ chức trong nước, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các hội, đoàn, tổ chức của người Việt Nam ở nước ngoài, chất lượng công tác dạy và học tiếng Việt trong cộng đồng kiều bào đã được nâng cao theo hướng chuyên nghiệp và chuẩn hóa để góp phần bảo tồn ngôn ngữ dân tộc, tạo sợi dây gắn kết người Việt trẻ ở nước ngoài với quê hương, nhằm duy trì, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các thế hệ kế tiếp của người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Một số đề xuất để nâng cao việc dạy và học tiếng Việt ở nước ngoài

Hoạt động dạy và học tiếng Việt ở nước ngoài đã nhận được sự quan tâm sâu sắc của hệ thống chính trị bằng những chính sách, hành động khẩn trương, sâu sát của các cơ quan, bộ ngành, cơ quan đại diện ngoại giao, cũng như nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Tuy nhiên, thời gian tới, công tác này vẫn cần được triển khai quyết liệt, tổng thể, toàn diện và huy động rộng rãi các lực lượng trong xã hội.

Hai năm vừa qua, đại dịch COVID-19 đã làm thay đổi rất nhiều cách thức làm việc, gây ảnh hưởng lớn tới các hoạt động truyền thống, đặc biệt là hoạt động dạy và học, không chỉ trong nước mà ở nước ngoài. Bên cạnh sách và lớp học truyền thống, cần đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy để thiết kế các tài liệu học điện tử, tạo điều kiện dạy và học trực tuyến để học sinh và giáo viên ở mọi quốc gia đều có thể chủ động học và thực hành. Việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Việt ở nước ngoài cũng giúp kết nối nguồn lực đào tạo trong nước và giữa các quốc gia, xóa bỏ rào cản địa lý trong việc dạy và học tiếng Việt, đồng thời giúp tiết kiệm các chi phí liên quan đến việc di chuyển và tổ chức.

Tiếng Việt là ngôn ngữ sống, thay đổi liên tục để phản ánh xã hội và để theo kịp sự phát triển của xã hội. Hiện chương trình giảng dạy tiếng Việt trong nước cũng còn đang có nhiều quan điểm chưa thống nhất về cách phát âm a, bê, Xê với a, bò, cò,... và các bộ sách giáo khoa ở trong nước hiện vẫn cần được cập nhật, đổi mới. Các kiều bào ta ở nước ngoài đã lâu, vốn tiếng Việt khi đi có thể chưa cập nhật được với sự phát triển phong phú của tiếng Việt ở trong nước. Hơn thế nữa, mỗi cộng đồng người Việt ở từng khu vực, quốc gia sẽ có những đặc điểm riêng để hòa nhập với môi trường sống và văn hóa địa phương ở nước sở tại, vì vậy việc dùng chung một bộ sách để giảng dạy cho tất cả các cộng đồng người Việt ở các địa bàn quốc gia khác nhau sẽ gây nên khó khăn trong việc tiếp cận và truyền tải đầy đủ các giá trị nội hàm. Theo cá nhân tôi, cần có một kế hoạch nghiên cứu khoa học chuyên sâu về những đặc điểm của mỗi cộng đồng người Việt ở các địa bàn quốc gia khác nhau, tìm hiểu thực tế sự khác biệt trong sinh hoạt cộng đồng người Việt ở các quốc gia đó. Ví

dụ, hiện nay, không thể đem mô hình tổ chức dạy và học tiếng Việt ở Ba Lan hay Thái Lan áp dụng hay thực hành tại Hoa Kỳ, Ôxtrâyliya hay Canada được. Vì vậy, nên dựa theo tình hình thực tế của nước sở tại, với những lý luận khoa học để nghiên cứu các thực tế khác biệt ở mỗi quốc gia và từ đó có thể điều chỉnh hoặc sửa đổi cho phù hợp trong việc tiếp cận, nhằm đưa ngôn ngữ tiếng Việt vào giảng dạy với giáo trình phù hợp cho các đối tượng học ở các quốc gia còn khó khăn.

Ngày nay, văn hóa Việt Nam đã được kiều bào lưu giữ và phát huy ở chính quốc gia nơi họ sinh sống, tạo nên những cộng đồng Việt Nam thu nhỏ ở hầu khắp các khu vực, quốc gia trên thế giới. Bản sắc văn hóa dân tộc cũng là một trong những điều kiện cơ bản để được công nhận là một dân tộc chính thức ở đất nước nơi cư trú như dân tộc Việt ở Cộng hòa Séc, dân tộc Kinh ở Trung Quốc. Ví dụ, tại Séc, khi được công nhận là dân tộc thiểu số chính thức, cộng đồng dân tộc đó sẽ có quyền được ký kết các văn kiện của chính quyền địa phương bằng ngôn ngữ của mình, quyền được công bố thông tin về các cuộc bầu cử bằng ngôn ngữ của mình, quyền được học tập giáo dục bằng ngôn ngữ mẹ đẻ và các quyền văn hóa, kể cả việc được nhà nước hỗ trợ bảo tồn các truyền thống, bao gồm cả việc dạy và học tiếng mẹ đẻ. Đây là một điều kiện tốt để nâng cao hoạt động của việc dạy và học tiếng Việt ở nước ngoài, đồng thời hoàn toàn phù hợp với các mục tiêu của Kết luận số 12- KL/TW là *“giúp bà con có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, tuân thủ pháp luật và hội nhập thuận lợi vào xã hội của nước sở tại”*. Do vậy, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng kiều bào ở các nước sở tại cần tập trung nghiên cứu điều kiện để được công nhận là một sắc tộc hoặc dân tộc thiểu số ở những quốc gia có đông cộng đồng người Việt tập trung sinh sống. Hỗ trợ cộng đồng người Việt ở nước ngoài sớm được công nhận là một sắc tộc hay dân tộc thiểu số ở các quốc gia không chỉ nhằm nhận thêm hỗ trợ của chính quyền nước sở tại cho việc dạy và học tiếng Việt, sử dụng tiếng Việt trong đời sống hằng ngày, mà còn là một động lực thúc đẩy để duy trì bền vững, lâu dài việc tiếp tục dạy và học tiếng Việt cho các thế hệ người Việt thứ 2, thứ 3 ở nước ngoài.

Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan chức năng trong nước cần khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động truyền thông, quảng bá nghệ thuật như phổ biến các nhạc phẩm trữ tình quê hương, phim ảnh, tiểu thuyết, văn nghệ và thơ ca về quê hương, đất nước với cộng đồng người Việt ở hải ngoại nhiều hơn nữa nhằm nâng cao tinh thần yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Thể hiện sự quan tâm và coi trọng của Đảng và Nhà nước trong công tác tuyên truyền văn hóa và đối ngoại nhân dân với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài của Đảng và Nhà nước cũng là để khẳng định cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW.

Công việc dạy và học tiếng Việt ở nước ngoài để góp phần duy trì bản sắc văn hóa dân tộc là một việc làm lâu dài và khó khăn, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và kiều bào phải kiên trì, đẩy mạnh và tổ chức các hoạt động văn hóa trong cộng đồng kiều bào để khơi gợi niềm hứng khởi và mối quan tâm cho con em Việt Nam ở nước ngoài chủ động học tiếng Việt và tìm hiểu thêm về bản sắc văn hóa và cội nguồn. Đây cũng là hoạt động liên quan tới công tác văn hóa đối ngoại mà Chỉ thị số 25/CT-TTg hướng đến.

Với việc ban hành Chương trình hành động về công tác người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2021-2026 theo tinh thần của Kết luận số 12- KL/TW nhằm triển khai các chủ trương, đường lối mà Bộ Chính trị đã đề ra, các bộ, ngành chuyên môn và địa phương sẽ được giao những nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới, Hội Doanh nhân Việt Nam chúng tôi và cộng đồng người Việt tại Ôxtrâyliia rất kỳ vọng rằng, sự vào cuộc tích cực của toàn bộ hệ thống chính trị cùng đồng bào ta ở trong và ngoài nước sẽ đưa công tác về dạy và học tiếng Việt ở nước ngoài được triển khai mạnh mẽ, toàn diện đạt kết quả thật mỹ mãn như mong muốn.

MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA CỦA KIỀU BÀO Ở NƯỚC NGOÀI CÓ THỂ THÚC ĐẨY TRONG THỜI GIAN TỚI

HỘI NGƯỜI VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC

1. Đặc điểm tình hình của cộng đồng Việt kiều tại Hàn Quốc

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và Hàn Quốc, số lượng người Việt Nam đang sinh sống, kết hôn, học tập và làm việc tại Hàn Quốc ngày càng đông, hiện lên tới khoảng trên 300.000 người và có xu hướng tiếp tục gia tăng trong thời gian tới. Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc đã chính thức được thành lập vào ngày 22/12/2010 trên cơ sở đại diện của 3 khối đoàn thể chính của người Việt Nam tại Hàn Quốc, bao gồm phụ nữ di trú kết hôn, lao động và sinh viên, đại diện chung cho tiếng nói của cộng đồng. Cho đến nay, cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc đã được bổ sung một lực lượng mới là các chuyên gia, trí thức Việt Nam và doanh nhân Việt Nam tại Hàn Quốc.

1.1. Những thuận lợi cơ bản

Việt Nam và Hàn Quốc có nhiều điểm khá tương đồng về văn hóa, lịch sử. Trong hai thập niên qua, mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai quốc gia phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực (thương mại, đầu tư, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa và du lịch...), là đối tác chiến lược của nhau. Đó là nền tảng vững chắc và thuận lợi để cộng đồng người Việt Nam ở Hàn Quốc phát triển nhanh chóng. Các hoạt động của Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc cũng như cộng đồng người Việt ở đây luôn được Đảng ủy ngoài nước, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài và Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện giúp đỡ, động viên, cổ vũ.

1.2. Những khó khăn chủ yếu

Trong thời gian qua, nhiều hoạt động chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao giữa hai nước được tổ chức rất thành công tại Hàn Quốc, tạo tiếng vang lớn trong cộng đồng người Việt và cộng đồng người nước ngoài tại Hàn Quốc. Tuy

nhiên, sự hỗ trợ từ các tổ chức, đơn vị trong nước vẫn chưa tương xứng với tầm quan trọng của những sự kiện này. Bên cạnh đó, đặc thù của cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc là đa số tuổi đời còn khá trẻ, trình độ nhận thức giữa các khối trong cộng đồng không đồng đều, gây ảnh hưởng ít nhiều đến công tác tập hợp cộng đồng. Đối với khối lao động, thời gian làm việc tại các nhà máy, công xưởng thường chiếm một thời gian khá lớn, thậm chí làm việc cả những ngày cuối tuần. Đối với khối phụ nữ di trú kết hôn thì ngoài thời gian làm việc thì còn phải chăm sóc chồng con và gia đình nhà chồng, còn thời gian của các sinh viên khi làm việc, học tập và nghiên cứu tại các trường là khác nhau. Do vậy, quỹ thời gian của mọi người dành cho các sinh hoạt ngoại khóa và tham gia hoạt động chung không nhiều, việc tập hợp được số lượng lớn các thành viên cộng đồng trong cùng thời điểm gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, thành phần trong cộng đồng kiều bào ở Hàn Quốc còn khá phức tạp nên không thuận lợi trong công tác tổ chức các chương trình, sự kiện. Ngoài ra, cho đến nay, Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc chưa có nguồn kinh phí cố định, việc tiến hành các hoạt động của Hội vẫn thông qua hình thức xã hội hóa bằng cách vận động tài trợ từ các công ty và tổ chức của Hàn Quốc, Việt Nam. Đội ngũ cán bộ của Hội tuy nhiệt tình, sáng tạo nhưng do vẫn phải bận công việc khác, không chuyên trách và còn thiếu kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động. Từ nhiệm kỳ năm 2019 đội ngũ nhân sự từ các ban của Hội đã được trẻ hóa mang đến phong cách làm việc trẻ trung, hiện đại và sáng tạo hơn.

2. Hoạt động phát triển cộng đồng của Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc

Trong những năm qua, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và công tác hỗ trợ cộng đồng được Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc chú trọng nhằm phát huy thế mạnh của cộng đồng khi đa số các thành viên có tuổi đời khá trẻ, nhiệt tình, sôi nổi và năng động. Một số các hoạt động nổi bật có thể kể đến như:

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành các chương trình dạy tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc cho phụ nữ Việt Nam di trú kết hôn và người lao động tại Hàn Quốc, tiến hành các lớp dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho con em các gia đình đa văn hóa Việt - Hàn.

- Thông dịch tư vấn qua điện thoại, hỗ trợ phiên dịch miễn phí cho thành viên của cộng đồng trong các trường hợp cần thiết. Tham gia hỗ trợ tình nguyện tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, giúp đỡ các cơ quan, tổ chức sở tại trong việc liên kết, tổ chức sự kiện hoặc trao đổi về các chính sách liên quan đến cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc.

- Tổ chức Đại hội thể dục, thể thao cho lao động, sinh viên Việt Nam tại Hàn Quốc, bao gồm các bộ môn: bóng đá, chạy bền, kéo co dành cho nam, vật tay dành cho nữ; góp phần tạo cơ hội giao lưu, chia sẻ cho các thành viên cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc.

- Tổ chức Lễ hội Văn hóa Việt Nam tại Hàn Quốc lần thứ 9 năm 2019 ở Quảng trường Gwanghwamun, Seoul. Quy mô lễ hội ngày càng lớn với nhiều ý tưởng sáng tạo, mới mẻ. Lễ hội lần này tổ chức Cuộc thi Tìm kiếm tài năng Việt Hàn Got Talent 2019, Cuộc thi tìm hiểu văn hóa, lịch sử dân tộc “Tự hào Việt Nam 2019”, Cuộc thi vẽ tranh dành cho trẻ em gia đình đa văn hóa Việt - Hàn. Bên cạnh đó, lễ hội còn tổ chức trình diễn trang phục truyền thống Việt Nam và Hàn Quốc, mở các gian hàng ẩm thực, sản phẩm truyền thống của Việt Nam.

- Kết hợp với Văn phòng Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc (Bộ Ngoại giao), Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam triển khai chương trình phát khẩu trang miễn phí đến các cá nhân, chi hội cơ sở trực thuộc trong những ngày đầu năm 2020.

- Tổ chức chương trình “Hướng về miền Trung” tại Hàn Quốc bằng nhiều hình thức để kêu gọi sự hỗ trợ về tinh thần và vật chất cho đồng bào chịu ảnh hưởng nặng nề bởi lũ lụt ở khu vực miền Trung. Tổng số tiền Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc và các chi hội cơ sở kêu gọi được từ các cá nhân và tổ chức khoảng 276.707.600 đồng. Số tiền này đã được chuyển đến huyện Lệ Thủy, Quảng Bình, trao cho gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở các xã Lệ Thủy, Mỹ Thủy, Phong Thủy, khoản tiền hỗ trợ là 5.000.000 đồng/hộ và gia đình có hoàn cảnh khó khăn 2.000.000 đồng/hộ; trao 300 suất học bổng tại 3 điểm trường tiểu học là Trường Tiểu học Mỹ Thủy, Trường Tiểu học số 1 Liên Thủy, Trường Tiểu học Lộc Thủy, giúp đỡ các em vượt qua khó khăn do thiên tai gây ra, tiếp tục học tập. Ngoài ra, Hội còn hỗ trợ mỗi gia đình có thân nhân mất (cha, mẹ hoặc con) 10.000.000 đồng/hộ; gia đình khó khăn, có nhà bị lũ cuốn trôi 3.000.000 đồng/hộ; hỗ trợ xây nhà tình thương và gia đình có con bị tật bẩm sinh ở Nghệ An.

- Kỷ niệm 76 năm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2021) và cổ vũ tinh thần đoàn kết vượt qua đại dịch COVID-19 của đồng bào Việt Nam nói chung và cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc nói riêng, Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc đã tổ chức cuộc thi “VIỆT NAM TRONG TÔI” online năm 2021. Cuộc thi là một sân chơi để các cá nhân, tập thể người Việt Nam, gia đình đa văn hóa đang sinh sống tại Hàn Quốc thể hiện sự sáng tạo; là cơ hội để mọi người đưa câu chuyện đến với cộng đồng bằng những hình ảnh, âm thanh mang tính lịch sử hào hùng từ những câu chuyện của những anh hùng hy sinh thầm lặng cho Tổ quốc trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập; và cuộc chiến chống COVID-19 hiện nay. Cuộc thi đã thu hút được gần 20 tác phẩm được đầu tư kỹ lưỡng tham dự với các chủ đề đa dạng như: Cổ vũ tinh thần chống dịch của nhân dân Việt Nam, kể chuyện lịch sử Việt Nam,...

- Phát động chương trình “Trao gửi yêu thương” hỗ trợ bà con Việt Nam trong đợt bùng dịch COVID-19. Hưởng ứng tinh thần “chống dịch như chống giặc”, “mỗi người dân là một chiến sĩ”, “mỗi gia đình, cơ quan, đơn vị, địa phương là một pháo đài chống dịch”, Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc quyết định đứng ra làm đơn vị

phát động chương trình “Trao gửi yêu thương”, phối hợp các tổ chức của cộng đồng người Việt tại Hàn Quốc để gây quỹ ủng hộ các hoàn cảnh khó khăn ở Việt Nam trong đợt bùng dịch COVID-19 bằng hình thức trao tặng các phần quà như: thực phẩm, nhu yếu phẩm, khẩu trang phòng dịch. Chương trình đã kêu gọi được 360.000.000 đồng cùng các nhu yếu phẩm khác như khẩu trang, kit test COVID-19,... Toàn bộ số tiền trên đã được quy ra thành các phần quà nhỏ để gửi đến các hộ gia đình, cá nhân, bệnh nhân F0 khu vực bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh như tại địa bàn Bình Tân, Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Hằng năm duy trì chương trình Tết cộng đồng, vui đón xuân mới trong dịp Tết Nguyên đán.

- Đại dịch COVID-19 đã làm gián đoạn hoạt động giao lưu, kết nối cộng đồng, văn hóa có sự tập trung đông người của Hội thời gian qua, Lễ hội Văn hóa Việt Nam tại Hàn Quốc lần thứ 10, Hội thao Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc lần thứ 3 đều phải tạm hoãn...

3. Kế hoạch hoạt động của Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc giai đoạn 2021-2023

3.1. Tiếp tục việc tổ chức thường niên các hoạt động, sự kiện dành cho cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc

- Tham gia các lễ hội văn hóa quốc tế, Lễ hội Văn hóa du lịch và Tuần văn hóa Việt Nam tại Hàn Quốc, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam xinh đẹp và mến khách.

- Mở rộng chương trình hỗ trợ các gia đình đa văn hóa Việt - Hàn như dạy tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc cho phụ nữ Việt Nam di trú kết hôn với người Hàn Quốc và lao động tại Hàn Quốc, tiến hành các lớp dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho con em các gia đình đa văn hóa Việt - Hàn trên toàn Hàn Quốc.

- Thông dịch tư vấn qua điện thoại, hỗ trợ phiên dịch miễn phí cho cộng đồng trong các trường hợp cần thiết. Tham gia hỗ trợ tình nguyện tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, giúp đỡ các cơ quan, tổ chức sở tại trong việc liên kết, tổ chức sự kiện hoặc trao đổi về các chính sách liên quan đến cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc.

- Tổ chức đại hội thể dục thể thao quy mô vừa và nhỏ (trong điều kiện cho phép) nhằm thu hút sự tham gia của các khối cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc (du học sinh, lao động, phụ nữ di trú kết hôn). Ngoài ra, cần tích cực phối hợp với Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc trong việc tìm kiếm nguồn tài trợ cho giải đấu, đảm bảo cân đối thu - chi tài chính và nâng cao chất lượng giải đấu.

- Tổ chức chương trình Tết cộng đồng, vui mừng đón xuân cho toàn thể kiều bào không có điều kiện về quê ăn Tết.

3.2. Hỗ trợ các hoạt động của chi hội người Việt cơ sở

- Hỗ trợ các chi hội cơ sở duy trì và phát triển các hoạt động tại cơ sở vốn được xem là nền tảng cho sự phát triển của Tổng Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc.

- Hỗ trợ tài chính cho các sự kiện văn hóa như ngày văn hóa, giải thể thao cộng đồng khu vực, chương trình dạy học cho con em gia đình đa văn hóa..., góp phần thúc đẩy các phong trào tại cơ sở ngày càng đi lên.

3.3. Triển khai hoạt động hướng về quê hương

- Tích cực triển khai, tham gia các chương trình do Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài phát động. Tăng cường giao lưu với các cộng đồng kiều bào khác trên toàn thế giới.

- Kết hợp với Đảng ủy ngoài nước, Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam để đưa các thông tin quan trọng về tình hình đại dịch viêm đường hô hấp cấp (COVID-19), các chuyến bay hỗ trợ kiều bào,... đến cộng đồng người Việt đang sinh sống tại Hàn Quốc.

4. Kiến nghị

(1) Kiến nghị lãnh đạo Đảng và Nhà nước trong các chuyến thăm, trao đổi đoàn cấp cao giữa hai nước đề nghị Chính phủ Hàn Quốc tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc yên tâm làm việc, học tập, sinh sống và hội nhập xã hội nước sở tại; đề nghị Chính phủ Hàn Quốc chú ý xây dựng các quy định pháp luật nhằm tạo địa vị pháp lý cho công dân Việt Nam tại Hàn Quốc (đặc biệt là phụ nữ Việt lấy chồng Hàn và con cái) có địa vị pháp lý bình đẳng với công dân sở tại, giảm thiểu tình trạng bị phân biệt đối xử, tạo điều kiện hội nhập thuận lợi vào xã hội sở tại.

(2) Cơ quan đại diện Việt Nam tại Hàn Quốc cần tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân; góp phần giảm thiểu tình trạng người Việt Nam vi phạm pháp luật tại Hàn Quốc.

Bên cạnh đó, tiếp tục coi trọng, quan tâm hỗ trợ và phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt, những người có uy tín, ảnh hưởng trong cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc, kịp thời tôn vinh, khích lệ người Việt Nam có đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(3) Đề nghị các cơ quan chức năng trong nước quan tâm tạo điều kiện (cung cấp sách, chương trình đào tạo tiếng Việt...) để Hội đẩy mạnh hoạt động dạy tiếng Việt cho trẻ em của gia đình đa văn hóa Việt - Hàn, nhằm giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc Việt Nam giữ gìn tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và tinh thần hướng về quê hương, đất nước.

(4) Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài mong muốn Chính phủ tiếp tục hỗ trợ, có những giải pháp giúp bà con tháo gỡ khó khăn vượt qua đại dịch và có thêm nhiều chuyến bay giải cứu để đưa công dân Việt Nam có nhu cầu về nước khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

Hiện tại hầu hết cộng đồng người Việt Nam tại Hàn Quốc đã được tiêm đầy đủ 2 mũi vắc xin. Cuộc sống đang trở lại một trạng thái bình thường mới. Việc sớm nối lại các chuyến bay với các nước đã được tiêm chủng đầy đủ như Hàn Quốc không chỉ là yếu tố phục hồi kinh tế, du lịch, thương mại mà còn có ý nghĩa với nhân dân hai nước trong việc hướng tới kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc (1992-2022).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] <https://vovworld.vn/vi-VN/nguoi-viet-muon-phuong/khai-giang-lop-tieng-viet-yeu-thuong-tai-han-quoc-632610.vov/https://avck.vn/lop-tieng-vie%cc%a3t-yeu-thuong-ta%cc%a3i-mang-won-va-de-rim>
- 2] <https://www.vietnamplus.vn/tung-bung-le-hoi-van-hoa-viet-nam-tai-han-quoc-trong-ngay-29/522489.vnp>

VĂN HÓA LÀ NGUỒN LỰC NỘI SINH TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn, có giá trị định hướng và chỉ đạo toàn bộ các hoạt động của Đảng, Nhà nước đối với mọi lĩnh vực cuộc sống. Nghị quyết xác định mục tiêu “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹. Để thực hiện mục tiêu đó, nhiệm vụ quan trọng là “xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”². Văn hóa là nguồn lực nội sinh đặt ra vấn đề cần nghiên cứu, đó là vai trò của văn hóa đối với quá trình phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam hiện nay.

1. Quan điểm phát triển văn hóa của Đảng qua các thời kỳ

Ngay từ khi mới bước lên vũ đài chính trị lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã nhận thức đúng về vai trò của văn hóa. Nhận thức đó được bổ sung, hoàn thiện dần trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”³. Theo đó, văn hóa bao gồm các giá trị, quan niệm, thái độ, hành vi và các mối quan hệ tạo nên ý nghĩa, niềm tin và sự thống nhất, thể hiện trình độ phát triển và đặc tính riêng của mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc. Giá trị của văn hóa là đáp ứng với những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn. Kế thừa quan

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.326, 330.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

điểm đó của Hồ Chí Minh, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* - cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng ta đã cho thấy rõ nhận thức của Đảng ta về vai trò và ý nghĩa quan trọng của văn hóa đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đề cương xác định văn hóa là một trong ba mặt trận (chính trị, kinh tế, văn hóa), nêu bật những quan điểm tư tưởng chỉ đạo cách mạng văn hóa ở Việt Nam, đó là phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội. Kể từ đó, sự nghiệp văn hóa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng bước vào một quá trình chuyển biến mạnh mẽ từ tư duy đến thực tiễn. Đường lối văn hóa của Đảng ta có nhiều thay đổi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tiếp tục được hoàn thiện, thể hiện qua nhiều văn kiện quan trọng. Tuy nhiên, trước đây do còn nặng tư duy quản lý tập trung quan liêu bao cấp và một số nguyên nhân khác, chúng ta chưa nhận thức đúng và chưa quan tâm đầu tư cho phát triển văn hóa, chưa chú ý đến yếu tố kinh tế trong văn hóa và mối quan hệ phát triển văn hóa với tăng trưởng kinh tế.

Năm 1986 được coi là năm bước ngoặt trong lịch sử Việt Nam, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã mở đầu công cuộc đổi mới cho đất nước. Phát triển văn hóa được nhắc đến trong nhiệm vụ 5 của Nghị quyết Đại hội VI, chỉ có một dòng nhưng lại có ý nghĩa rất quan trọng vì đã gọi tên bản chất nền văn hóa: Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật; xây dựng một nền văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), Đảng ta xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội gồm 6 đặc trưng cơ bản: Do nhân dân lao động làm chủ; Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Trong 6 đặc trưng trên, văn hóa đứng vị trí thứ ba, vị trí then chốt, với nội hàm được xác định rõ: nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cương lĩnh xác định nền văn hóa Việt Nam phải “kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người”¹.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (1996) khẳng định: đất nước đã đi qua 10 năm đổi mới, nhân dân ta không những vượt qua khó khăn mà còn vươn lên, đạt những

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.10.

thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt trong xây dựng kinh tế, ổn định xã hội, phát triển văn hóa. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 7/1998) đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, cho thấy chuyển biến hết sức mạnh mẽ trong nhận thức của Đảng về tầm quan trọng của văn hóa bên cạnh vấn đề phát triển kinh tế và xây dựng Đảng. Nghị quyết khẳng định: “*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội*”¹. Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội². Đây là nghị quyết chiến lược văn hóa của Đảng trong thời kỳ đổi mới, thể hiện bước chuyển quan trọng về tư duy lý luận, năng lực đúc kết thực tiễn; chứa đựng nhiều giá trị tư tưởng, nhân văn và khoa học của Đảng về văn hóa.

Nghị quyết đưa ra các quan điểm chỉ đạo cơ bản có giá trị về cả lý luận và thực tiễn: *Một là*, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. *Hai là*, nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. *Ba là*, nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. *Bốn là*, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. *Năm là*, văn hóa là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Quan điểm văn hóa là mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ, khẳng định mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị và kinh tế.

Nghị quyết khẳng định: “Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương...”³. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển, hoàn thiện lý luận về văn hóa của Đảng, định hướng phát triển văn hóa trong điều kiện đất nước hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết đã bổ sung, phát triển, làm sâu sắc, phong phú hơn kho tàng lý

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.356-357.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, *Sđd*, tr.55.

luận văn hóa, đường lối văn hóa của Đảng, mở đường cho thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam. Kết quả thực hiện nghị quyết đã tạo cho nền văn hóa Việt Nam có được diện mạo và sắc thái mới, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học, đại chúng. Chủ trương của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; phát triển kinh tế vì mục tiêu văn hóa, vì sự phát triển con người đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển, thành nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến tích cực của sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam.

Đại hội IX của Đảng (2001) tiếp tục khẳng định, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Bước phát triển trong quan điểm của Đảng về văn hóa thời kỳ này là nhấn mạnh mục tiêu hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện để phát triển văn hóa. Để đạt được mục tiêu đề ra, các chương trình hành động phải được triển khai đồng bộ, chú trọng việc mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hóa”, phong trào “Người tốt, việc tốt”, làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người...

Đến Đại hội X của Đảng (2006), với quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, những yêu cầu về tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và việc xây dựng, hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được khẳng định lại, tiếp nối quan điểm về văn hóa từ kỳ đại hội trước. Đại hội lần này cũng đề ra yêu cầu đa dạng hóa các hình thức hoạt động của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống nhà văn hóa, bảo tàng, nhà truyền thống...

Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo là xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. Văn hóa tiếp tục là vấn đề quan trọng, có tính thời sự và dành được sự quan tâm sâu sắc.

Giữa hai kỳ đại hội Đảng lần thứ XI và XII, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” (được gọi là Nghị quyết Trung ương khóa XI), chủ trương:

“Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”¹. Đây thực sự là một bước phát triển nữa trong tư duy lý luận của Đảng về văn hóa. Nghị quyết khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”².

Triển khai tinh thần Nghị quyết Trung ương 9, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có chuyển biến tích cực, đạt kết quả quan trọng. Tư duy lý luận về văn hóa có bước phát triển; nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân được nâng lên. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước được hoàn thiện. Đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước trưởng thành; quyền tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ được tôn trọng. Giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc. Nghị quyết Trung ương 9 đề ra định hướng xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong bối cảnh mới, đó là: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hệ thống quan điểm về văn hóa trong Nghị quyết Trung ương 5 được kế thừa và phát triển trong Nghị quyết Trung ương 9. Có thể thấy rõ sự kế thừa và phát triển này qua so sánh trên cấp độ ngôn từ. Khác với quan điểm về văn hóa trong Nghị quyết Trung ương 5 ở hai điểm: Nghị quyết Trung ương 5 coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội thì Nghị quyết Trung ương 9 coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước; bổ sung quan trọng là *văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội*. Quan điểm thứ hai bổ sung: trước đây Đảng khẳng định: nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thì Nghị quyết Trung ương 9 mở rộng và sâu hơn: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của

1, 2. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ IX Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.62.

cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Quan điểm thứ ba trước đây khẳng định: nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong Nghị quyết lần này, Đảng ta khẳng định: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Văn hóa gắn với con người, xây dựng và phát triển văn hóa là vì chăm lo xây dựng con người toàn diện, đây là bước phát triển trong quan điểm của Đảng về văn hóa. Quan điểm thứ tư và thứ năm cũng đổi mới, bổ sung. Trước đây quan điểm thứ tư là xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Quan điểm thứ năm khẳng định văn hóa là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Trong Nghị quyết lần này, quan điểm thứ tư là: Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. Và quan điểm thứ năm là: Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Nghị quyết đề ra 6 nhiệm vụ cơ bản để xây dựng văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, đề xuất 4 giải pháp thực hiện nhiệm vụ trong đó giải pháp đầu tiên là tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa. Điều này một lần nữa cho thấy nhận thức sâu sắc của Đảng về vai trò của văn hóa trong phát triển.

Như vậy, Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII lần đầu đặt ra yêu cầu việc xây dựng con người Việt Nam đi liền với xây dựng nền văn hóa dân tộc. Các kỳ đại hội tiếp theo xác định cụ thể hơn vấn đề này. Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã khẳng định, việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển, đồng thời là nhiệm vụ hàng đầu trong các mục tiêu, nhiệm vụ về văn hóa. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016) tiếp tục khẳng định đường lối nhất quán xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội XII của Đảng xác định: Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; nhấn mạnh 8 phương hướng, nhiệm vụ chính: (1) Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. (2) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. (3) Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. (4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. (5) Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản. (6) Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. (7) Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. (8) Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa.

Chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa là nền tảng vững chắc để tạo ra những chuyển biến tích cực trong xây dựng nền văn hóa và con người hiện nay, là cơ sở lý luận để Đảng xác định nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong nội dung Đại hội XIII của Đảng.

2. Quan điểm phát triển văn hóa của Đảng hiện nay

Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng (2021) có mục nêu hệ quan điểm chỉ đạo, sau đó mới xác định mục tiêu, nhiệm vụ. Đây là một trong những điểm mới nổi bật của đại hội kỳ này so với những kỳ đại hội trước đó. Quan điểm là điểm xuất phát quy định phương hướng suy nghĩ, cách xem xét và hiểu các hiện tượng, các vấn đề. Đảng xác định rất rõ quan điểm chỉ đạo của mình, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, vai trò cầm quyền của Đảng ta, khẳng định năng lực và sức mạnh của Đảng. Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ XIII nêu rõ: Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong giai đoạn tới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn các quan điểm cơ bản sau:

- *Quan điểm 1:* Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là những vấn đề có tính nguyên tắc trong công cuộc đổi mới, bất di bất dịch.

- *Quan điểm 2:* Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Đây là quan điểm chỉ đạo về chiến lược tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững.

- *Quan điểm 3:* Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống

chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

- *Quan điểm 4*: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

- *Quan điểm 5*: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc¹. Quan điểm này khẳng định đây là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Trong 5 quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng, có 3 quan điểm đề cập đến văn hóa. Quan điểm thứ hai khẳng định: phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Quan điểm thứ ba khẳng định văn hóa là động lực của phát triển. Quan điểm thứ tư khẳng định phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất, tức là chủ thể và khách thể của văn hóa. Điều này cho thấy xây dựng và phát triển văn hóa là nội dung cơ bản trong đường lối lãnh đạo của Đảng ta. Quan điểm này cho thấy tính thống nhất trong nhận thức của Đảng về vai trò của văn hóa, cũng cho thấy quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa có những bước vận động rất quan trọng, phù hợp với quy luật phát triển của hiện thực khách quan.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng cho thấy rõ những điểm nhấn về văn hóa gắn liền với phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam. Đảng ta nhận thức rất đúng rằng để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phấn đấu đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, người dân có thu nhập cao thì việc huy động sức mạnh, sức sáng tạo của mọi nguồn lực, trong đó có nguồn lực văn hóa, con người có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Với tư duy và tầm nhìn sâu sắc đó, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra nhiều quan điểm mới về văn hóa và con người Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Trong hệ thống quan điểm trên đây, Đảng không chỉ tiếp tục khẳng định phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần, mà còn đặc biệt nhấn mạnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.II, tr.325.

trong quan điểm thứ tư: phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong bối cảnh hiện nay, khi nguồn lực tự nhiên đang cạn kiệt dần, nguồn lực văn hóa trở thành tài nguyên rất có giá trị, mà văn hóa lại do con người sáng tạo ra thông qua hoạt động thực tiễn, văn hóa là giá trị duy nhất còn lại sau khi mọi cái đã mất đi. Con người là nguồn tài nguyên đặc biệt, nguồn lực con người là quan trọng nhất như khẳng định của Đảng ta trong nghị quyết bởi con người là truyền nhân văn hóa, con người là nguồn lực có thể tái tạo theo nguyên tắc kế thừa và phát huy giá trị. Con người có khả năng sáng tạo ra những sản phẩm văn hóa mới, kết tinh trí tuệ, phẩm chất, tài năng, sức sáng tạo của chủ thể sáng tạo để phục vụ cuộc sống của chính mình. Sự thay đổi không chỉ về mặt câu chữ mà còn là sự bổ sung quan điểm, tư duy phát triển văn hóa. Không còn là phát triển con người như trước đây nữa, từ “phát triển” được thay bằng từ “phát huy”, văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần, là động lực của sự phát triển mà còn là nguồn lực nội sinh để thúc đẩy quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước như quan điểm thứ ba xác định. Khái niệm phát triển trước đây đi liền với ổn định, bây giờ gắn liền với nhanh và bền vững. Đây là sự chuyển biến tích cực, phù hợp với xu hướng khách quan khi hiện nay phát triển bền vững đã trở thành mối quan tâm của toàn thế giới, là mục tiêu phấn đấu của tất cả các quốc gia trong đó có Việt Nam với hàm nghĩa chỉ “sự phát triển để đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không phương hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của cả thế hệ tương lai”¹.

Những năm cuối của thế kỷ XX, lời kêu gọi của tổ chức UNESCO đã đánh thức nhân loại, tạo nên một sự thay đổi lớn lao trong nhận thức của nhiều quốc gia về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển. Thế giới đã lấy văn hóa làm điểm tựa để xây dựng lý thuyết phát triển con người, coi trọng vai trò tri thức trong phát triển: “Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng về cả mặt kinh tế lẫn văn hóa, và tiềm năng sáng tạo của các nước ấy sẽ bị suy yếu đi rất nhiều. Một sự phát triển chân chính đòi hỏi phải sử dụng một cách tối ưu nhân lực và vật lực của mỗi cộng đồng. Vì vậy, phân tích đến cùng, các trọng tâm, các động lực và các mục đích của phát triển phải được tìm trong văn hóa. Nhưng đó là điều cho đến nay vẫn thiếu. Từ nay trở đi văn hóa cần coi mình là một nguồn cổ súy trực tiếp cho phát triển và ngược lại phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội”². Chỉ có phát triển bền vững thì mới hướng tới bảo đảm chất lượng phát triển xã hội, nghĩa là tăng trưởng kinh tế đồng thời với phát triển khoa học công

1. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2003, tập 3, tr.424.

2. *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Bộ Văn hóa Thông tin và Thể thao xuất bản, Hà Nội, 1992, tr.23.

nghệ, phát triển tổng hợp cả đời sống vật chất và tinh thần, cả cá nhân và cộng đồng, phát triển con người theo tiêu chí hài hòa. Phát triển một cách ổn định và bền vững nghĩa là không phá vỡ cấu trúc xã hội, không làm lệch chuẩn các giá trị văn hóa, không làm mất bản sắc dân tộc. Trong lịch sử nhân loại, nhiều quốc gia ở từng giai đoạn đã có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế nhưng lại dẫn đến rối loạn xã hội, suy thoái đạo đức, thậm chí dẫn đến khủng hoảng kinh tế bởi chính sự không đồng bộ trong phát triển, nghĩa là không chú ý tới mối quan hệ biện chứng, tương tác và quyết định lẫn nhau giữa ba yếu tố kinh tế - chính trị - văn hóa. Bởi nếu hiểu văn hóa theo tiêu chí không gian để phân ra những vùng văn hóa khác biệt nhau hay tiêu chí thời gian để phân ra từng giai đoạn phát triển thì mâu thuẫn của văn hóa vẫn luôn là con người, chính con người tạo ra văn hóa thông qua hoạt động thực tiễn để văn hóa lại trở thành nguồn lực chi phối toàn bộ quá trình phát triển của xã hội loài người.

Văn hóa thúc đẩy phát triển bền vững được thể hiện ở mức sống của con người, ở trình độ dân trí, ở tuổi thọ trung bình, ở sự bảo đảm cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội, cân bằng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, giữa hiện tại và tương lai. Văn hóa không chỉ là động lực và mục tiêu cho sự phát triển, mà là nguồn lực nội sinh làm nên sự thay đổi cho xã hội, đem lại cuộc sống phồn vinh và hạnh phúc cho mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, hướng con người tới hạnh phúc. Vai trò, chức năng của văn hóa được xem xét ở nhiều chiều cạnh, góc độ với mối tương quan với các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, phát triển con người. Khẳng định văn hóa được xem là nguồn lực nội sinh cho thấy nhận thức về văn hóa của Đảng ta ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Gắn với nhận thức về văn hóa là nhận thức về con người được Đảng ta khẳng định là quan trọng nhất. Đây thực sự là điểm nhấn quan trọng trong tư duy về văn hóa và phát triển của Đảng ta. Văn hóa và con người được xác định là nguồn lực nội sinh nhằm khơi dậy khát vọng phát triển đất nước là một nội dung quan trọng trong quan điểm chỉ đạo của Đảng ta, cũng là mục tiêu, sứ mệnh của nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ XIII. Quan điểm thứ ba khẳng định: Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam cho thấy việc khơi dậy khát vọng phát triển là một yêu cầu cấp thiết, văn hóa không chỉ đóng vai trò động lực mà thực sự trở thành sức mạnh đặc biệt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là một trường Đảng với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư tưởng, cán bộ tuyên giáo ở Trung ương và địa phương, từ trình độ sơ cấp trở lên về lý luận và nghiệp vụ. Hiện nay, Học viện Báo chí và Tuyên truyền là

một trong số những trường đại học có uy tín hàng đầu trên cả nước, có bề dày thành tích cũng như kinh nghiệm về đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ lý luận chính trị, phục vụ cho công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước. Với đặc thù vừa là trường Đảng vừa là trường đại học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn phấn đấu để đạt kết quả cao về chất lượng học tập cũng như rèn luyện của sinh viên. Vấn đề giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên luôn được nhà trường chú trọng. Phần lớn sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền năng động, sáng tạo, tự tin, ham học hỏi, khao khát tìm hiểu các thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động cộng đồng. Tuy nhiên, tuổi trẻ thường thiếu chín chắn trong suy nghĩ, lại dễ bị tác động bởi các yếu tố đời sống khách quan. Sự nhạy cảm, ham thích những điều mới lạ kết hợp với sự bông bột, thiếu kinh nghiệm khiến sinh viên dễ dàng tiếp nhận lý luận chính trị. Vì thế rất cần tăng cường giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên, để các em trang bị cho mình tri thức chính trị, niềm tin chính trị. Khi đã có tri thức và niềm tin, các em sẽ có bản lĩnh chính trị, có lý tưởng và hoài bão, có nhu cầu học tập lý luận chính trị và động lực phấn đấu. Nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII cần đưa vào để giảng dạy cho sinh viên hiểu thế nào là sức mạnh thời đại; vì sao phải đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới; nội dung tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, giải pháp nào để thực hiện các nhiệm vụ mà Đại hội Đảng đề ra nhằm thực hiện chủ đề trên của Đại hội. Đến giữa thế kỷ XXI là gắn với sự kiện kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng vào năm 2030; kỷ niệm 100 năm thành lập nước vào năm 2045. Đây là những mốc thời gian quan trọng trong quá trình phát triển của Đảng ta, có ý nghĩa định hướng và tầm nhìn chiến lược phát triển đất nước trong bối cảnh hiện nay. Triển khai nội dung Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII vào giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền là để các em thêm vững niềm tin vào Đảng, thêm sức mạnh vươn lên trong học tập và trong cuộc sống, thực hiện nhiệm vụ “tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hóa giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng”¹ như hiện nay.

*

* *

Bối cảnh lịch sử đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải đoàn kết một lòng, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.II, tr.127.

nước vững bước tiến lên, phát triển nhanh và bền vững như quan điểm chỉ đạo của Đảng. Việc nhận thức đầy đủ, sâu sắc về giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII có ý nghĩa quan trọng, góp phần quyết định thành công những mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra. Chính vì vậy, nội dung này rất cần được nhận thức cụ thể, sâu sắc trong thực tiễn để chúng ta hiểu đầy đủ hơn về đường lối văn hóa của Đảng ta, quyết tâm thực hiện thắng lợi các quan điểm, mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ Đại hội Đảng XIII đã đặt ra. Việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng hiện nay là nhằm góp phần tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2 tập)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [6] Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ IX Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.
- [7] Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 14/5/2014 “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [8] Mạch Quang Thắng: *Một số vấn đề về xây dựng con người Việt Nam*, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 8, 2018.
- [9] *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Bộ Văn hóa Thông tin và Thể thao xuất bản, Hà Nội, 1992.
- [10] *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2003, tập 3.

DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19, VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY

PGS.TS. PHẠM LAN OANH*

1. Di sản văn hóa nhìn từ phương diện quản lý và đời sống văn hóa

Là một quốc gia có nền văn hiến lâu đời, văn hóa Việt Nam chứa đựng nhiều vốn liếng di sản quý báu được truyền thừa qua các thế hệ. Kể từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, năm 1945, phát biểu về văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng, những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi văn hóa mới kiến thiết được và đủ điều kiện phát triển được”... trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề phải chú ý đến cùng, phải coi trọng ngang nhau: *chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa*¹, đây là quan điểm thể hiện sự phát triển toàn diện của xã hội mới với năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc: “1- Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường; 2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng; 3- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội; 4- Xây dựng chính trị: dân quyền; 5- Xây dựng kinh tế”². Ngày 24/11/1946, trong diễn văn khai mạc Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”³.

Trải qua thời gian, văn hóa tiếp tục được xác định là một trụ cột trong phát triển bền vững ở Việt Nam, được thể hiện rõ trong nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, thể hiện quan điểm nền tảng để phát triển vốn văn hóa một cách lâu dài, bền vững.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2/2021) đã ghi: “*Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở trong nước và nước ngoài phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, tinh*

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật là một mặt trận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1981, tr.345.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458.

3. *Diễn văn khai mạc Hội nghị Văn hóa toàn quốc*, Báo Cứu quốc, ngày 25/11/1946.

thần dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, giá trị văn hóa, khát vọng phát triển đất nước, sức mạnh con người Việt Nam, vai trò của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội để đất nước ta phát triển nhanh, bền vững hơn, lập nên kỳ tích phát triển mới “vì một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc ta”¹.

Di sản văn hóa dân tộc, bao gồm di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể là những vốn văn hóa quốc gia nằm trong đời sống, được cộng đồng gìn giữ, tái tạo và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác một cách bền vững để tạo ra các giá trị mang bản sắc văn hóa quốc gia. Ở phương diện quản lý nhà nước, Luật di sản văn hóa (văn bản hợp nhất, 2013) ghi rõ khái niệm về di sản văn hóa tại Điều 4 và tại Điều 54, ghi rõ nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hóa², điều đó thể hiện trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước mà đầu mối quan trọng nhất là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Do đó, các chính sách liên quan tới văn hóa quốc gia do Đảng và Chính phủ phê duyệt, có sự tham mưu quan trọng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong tư cách là Bộ chủ quản.

Sau hơn 30 năm xây dựng và đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, đối ngoại... Đất nước đã chuyển đổi theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và bắt kịp với sự phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới, vươn lên thành quốc gia đang phát triển với mức thu nhập trung bình và mức tăng trưởng khá hằng năm. Đặc biệt, sự phát triển kinh tế, xã hội và quá trình hội nhập quốc tế, tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các chính sách và hành động quyết liệt của Chính phủ kiến tạo, xây dựng Chính phủ điện tử trên tinh thần quốc gia khởi

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.340-341.

2. Điều 54 Luật di sản văn hóa.

Nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hóa bao gồm:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa.
3. Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về di sản văn hóa.
4. Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về di sản văn hóa.
5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.
6. Tổ chức, chỉ đạo khen thưởng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.
7. Tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.
8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về di sản văn hóa.

nghiệp đã tạo những tiền đề quan trọng cho sự nghiệp phát triển văn hóa, khiến văn hóa được đề cao là giá trị nền tảng và động lực quan trọng thúc đẩy phát triển đời sống kinh tế - xã hội.

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam được khẳng định là nền tảng để con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong toàn xã hội và chất lượng cán bộ, nguồn nhân lực cũng như hoạt động của sự nghiệp văn hóa đã có những thành tựu đáng kể. Quá trình thể chế hóa công tác quản lý văn hóa các cấp ngày càng được chú trọng thông qua việc ban hành các luật, nghị định, chiến lược, thông tư, hướng dẫn... tạo hành lang pháp lý để bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội luôn có sự lồng ghép các tiêu chí phát triển văn hóa đúng định hướng nền kinh tế theo cơ chế thị trường. Đời sống văn hóa và các dịch vụ văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú. Nhiều chuẩn mực đạo đức của con người mới được hình thành. Đời sống tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt với nhiều lựa chọn các hình thức hưởng thụ giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật quốc gia và quốc tế. Các sinh hoạt tinh thần gắn với đời sống văn hóa cấp cơ sở được quan tâm. Các thiết chế văn hóa mới được đầu tư xây dựng và nâng cấp. Nhiều di sản văn hóa vật thể được tu bổ, tôn tạo. Nhiều di sản thiên nhiên, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trở thành niềm tự hào của văn hóa Việt Nam khi được tổ chức UNESCO ghi danh và được bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Các dịch vụ văn hóa được đẩy mạnh và khẳng định các ngành công nghiệp văn hóa trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân nhằm khai thác tối đa yếu tố kinh tế của các giá trị văn hóa, gắn liền với việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, góp phần bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, một số hạn chế về đời sống văn hóa - xã hội cũng luôn tồn tại như một tất yếu của đời sống nhân loại, đòi hỏi con người cần nỗ lực để luôn đề cao giá trị tốt đẹp và giảm thiểu các tác động rủi ro trong đời sống văn hóa của cộng đồng và cá nhân nhằm hướng tới một đời sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Thực tiễn hiện nay trên thế giới, với bối cảnh biến đổi quá nhanh và khó lường, tác động đa chiều của đại dịch COVID-19 làm đảo lộn đời sống xã hội toàn cầu từ năm 2020 tới nay tạo ra các xu hướng mới và đang đặt ra những thử thách gay gắt cho đời sống văn hóa - xã hội của nhân loại nói chung cũng như Việt Nam nói riêng.

Kinh tế toàn cầu suy giảm, thậm chí tăng trưởng âm. Nhiều người đã ra đi vì nhiễm virút, thể hiện sự tàn khốc của đại dịch COVID-19. Tại Việt Nam, chúng ta đã trải qua 3 đợt dịch với những thành tích chống dịch được bạn bè quốc tế khen ngợi. Hiện nay chúng ta đang ở trong đợt dịch bệnh thứ 4 với rất nhiều đau thương, mất mát, đã tác động lên toàn xã hội, khiến đời sống bị đảo lộn ở cả mức độ vĩ mô và vi

mô. Trong bối cảnh đó, quan điểm về phát triển, về giá trị văn hóa, đời sống vật chất và tinh thần của con người đã có sự điều chỉnh một cách căn bản để thể hiện đúng bản chất của văn hóa là một khái niệm mang nội hàm rộng, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người; được con người tạo ra và phát triển trong mối quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Văn hóa là một nguồn lực to lớn, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển của mỗi con người, tổ chức, rộng hơn là của quốc gia - dân tộc.

2. Quan điểm bảo tồn và phát huy di sản trong bối cảnh chịu tác động của đại dịch COVID-19

Để thích ứng với sự tác động ghê gớm của đại dịch COVID-19 ở phạm vi toàn cầu, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã có những chỉ đạo sát sao, tích cực trên tinh thần kế thừa truyền thống văn hóa vẻ vang, bất khuất và bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Trong Thông báo số 285/TB-VPCP ngày 27/10/2021, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu thực hiện tốt ba trụ cột trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 gồm: “Cách ly nhanh nhất, hẹp nhất, nghiêm ngặt nhất có thể; Xét nghiệm thần tốc, nhanh hơn tốc độ lây lan của dịch; Điều trị tích cực từ sớm, từ xa, ngay tại cơ sở, góp phần giảm chuyển nặng, giảm tử vong”. Thủ tướng Phạm Minh Chính ghi nhận, đánh giá cao, biểu dương sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở; sự nỗ lực vượt bậc của các lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch, Tổ công tác đặc biệt của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID-19, các Tiểu ban thuộc Ban Chỉ đạo quốc gia, Ban Chỉ đạo và Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch các cấp; sự hưởng ứng, chia sẻ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp”¹.

Quan điểm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh dịch bệnh là một quan điểm nhất quán. Tất cả các quy định của Chính phủ, của chính quyền thành phố Hà Nội, các tỉnh đều được các cán bộ ngành Văn hóa tuân thủ. Các di sản văn hóa vật thể như danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, thư viện, rạp hát, rạp chiếu phim, các công trình tín ngưỡng, tôn giáo, các không gian công cộng... trên cả nước đều tạm thời đóng cửa để bảo đảm an toàn cho người dân. Các hoạt động văn hóa tinh thần, tín ngưỡng, tôn

1. https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo/-/asset_publisher/TW6LTp1ZtwaN/content/thu-tuong-yeu-cau-thuc-hien-tot-3-tru-cot-trong-cong-tac-phong-chong-dich-covid-19?inheritRedirect=false&redirect=https%3A%2F%2Fmoh.gov.vn%3A443%2Fhoat-dong-cua-lanh-dao-bo%3Fp_p_id%3D101_INSTANCE_TW6LTp1ZtwaN%26p_p_lifecycle%3D0%26p_p_state%3Dnormal%26p_p_mode%3Dview%26p_p_col_id%3Drow-0-column-2%26p_p_col_count%3D2, truy cập 28-10-12h15 AM.

giáo, lễ hội, ẩm thực, vui chơi giải trí, thể thao, du lịch... tụ tập đông người dừng hoạt động. Để bảo đảm phòng chống dịch hiệu quả, các sinh hoạt cá nhân và cộng đồng đều tuân thủ theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng, đặc biệt là Bộ Y tế trong suốt thời gian bắt đầu từ khi xảy ra đại dịch.

Thực tế là, ngay trong khi dịch bệnh đang hoành hành, công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa vẫn được diễn ra một cách âm thầm và có những hiệu quả nhất định. Các cơ quan quản lý nhà nước, tư vấn chính sách vẫn thực thi công vụ theo quy định trong giai đoạn giãn cách xã hội. Bên cạnh việc thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch, tại các địa điểm/khu vực có nhiều di sản văn hóa vẫn được cơ quan chức năng giám sát, bảo vệ. Các di sản văn hóa phi vật thể vẫn được duy trì ở các cấp độ khác nhau tùy vào đặc thù loại hình ở mỗi địa phương và các nghệ nhân, nghệ sĩ. Công tác trao truyền, đào tạo, biểu diễn... vẫn được tiến hành với những hình thức/cách thức mới. Đời sống văn hóa nghệ thuật vẫn có những động thái cụ thể nhằm mang lại giá trị tinh thần cho toàn thể cộng đồng và được gọi là “vắcxin tinh thần” nhằm động viên, cổ vũ người dân nỗ lực cùng Chính phủ và các cơ quan chức năng thực hiện chống dịch một cách hiệu quả.

3. Thành tựu và hạn chế

Với những nỗ lực và tinh thần chống dịch nghiêm túc, hiệu quả, thích ứng nhanh với từng giai đoạn cụ thể, Chính phủ Việt Nam đã có những quyết sách phù hợp cho từng giai đoạn diễn biến khác nhau của đại dịch COVID-19. Từ chủ trương *chống dịch như chống giặc*, cách ly, giãn cách nghiêm ngặt, cho tới việc phân vùng giãn cách, quản lý chi tiết, hiệu quả tới từng cộng đồng nhỏ, quá trình chống dịch đã có những thay đổi phù hợp và mang lại những tác động xã hội sâu sắc. Giờ đây, dù dịch bệnh vẫn hàng ngày hàng giờ cướp đi nhiều sinh mạng và hàng ngàn người mắc virút, nhưng đời sống xã hội đã có chuyển động tích cực, phù hợp nhằm mang lại sự ổn định cho người dân. Cùng với đó, các hoạt động văn hóa - xã hội chuyển động, thêm phần sinh khí, chuẩn bị sẵn sàng những nền tảng để cuộc sống trở về nhịp sinh hoạt như trước khi xảy ra đại dịch.

Ở phương diện quản lý chuyên ngành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có rất nhiều động thái chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc Bộ thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống dịch COVID-19 và phát triển kinh tế - xã hội trong *trạng thái bình thường mới*, như là căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch công tác năm 2021 để lồng ghép, triển khai nội dung tuyên truyền qua các hoạt động công vụ. Các cơ quan thuộc khối nghệ thuật biểu diễn triển khai các chương trình nghệ thuật trực tuyến, nhà hát truyền hình, tổ chức bình chọn các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn tuyên truyền phòng chống dịch, tổ chức các hội thảo, hội nghị, liên hoan,

hội diễn, triển lãm... bằng hình thức trực tuyến gắn với nội dung thời sự chống dịch và các giá trị văn hóa nghệ thuật đặc sắc của dân tộc. Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh đã xây dựng bảo tàng ảo phục vụ khách tham quan.

Các tỉnh/thành phố cũng chấp hành các quyết định của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Tuyên giáo... có những chỉ đạo đối với cơ quan văn hóa thuộc địa phương quản lý một cách cụ thể và kịp thời.

Thực tế, tác động của đại dịch COVID-19 khiến cho đời sống xã hội vắng khỏi nhịp điệu quen thuộc, rơi vào trạng thái “ai ở đâu ở yên đó”, thực hiện giãn cách xã hội, người cách ly với người, làng xã, huyện, tỉnh cách ly với nhau, các chuyến bay nội địa và quốc tế hoãn, dừng, giao thông không thông suốt, v.v.. khiến cho các hoạt động xã hội trở nên khác biệt đột ngột.

Lúc này, con người buộc phải trở về các hoạt động nhằm duy trì cuộc sống ở mức cơ bản, thậm chí có những cá nhân lâm vào cảnh khốn khó, cùng cực. Các hoạt động văn hóa tinh thần, thể chất, hoạt động xã hội bị hạn chế khiến nảy sinh nhiều trở ngại. Đời sống bình thường bị ngưng trệ đã ảnh hưởng đến thu nhập, việc làm, an sinh xã hội, tâm lý, tình cảm của người dân. Những hoạt động cộng đồng, sôi nổi, tạo không khí gắn kết xã hội không diễn ra như bình thường, bị “đóng băng”, tổn thất nặng nề như du lịch, dịch vụ, biểu diễn văn hóa nghệ thuật, các hoạt động gắn với phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng... khiến đời sống người dân bị ảnh hưởng sâu sắc. Các di sản văn hóa vật thể, danh lam thắng cảnh, di tích,... và các hoạt động diễn ra xung quanh các thiết chế văn hóa đó đều bị hạn chế tối đa hoạt động trước mức độ nguy hiểm của dịch bệnh.

4. Vì một nền văn hóa Việt Nam trong bối cảnh mới

Đại dịch COVID-19 đặt đời sống kinh tế - xã hội nước ta trước những thách thức vô cùng to lớn, đồng thời trong “nguy” cũng đem lại những cơ hội mới. Cú sốc bệnh dịch này góp phần tạo ra cú hích, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số của nền kinh tế trên cơ sở ứng dụng các thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Việt Nam đã có những cách tiếp cận với khoa học công nghệ tiên tiến và thực sự có những đóng góp tích cực cho quá trình tuyên truyền các ứng dụng, lợi ích to lớn từ cuộc cách mạng 4.0 trên thế giới và trong khu vực.

Tổ chức UNESCO vào trung tuần tháng 4/2021 đã đưa ra các sáng kiến nhằm giúp hàng tỷ người đang bị cách ly và giãn cách xã hội trong bối cảnh cuộc khủng hoảng COVID-19 được hưởng sự thư giãn tinh thần. Ông Ernesto Ottone R., Trợ lý Tổng Giám đốc UNESCO về lĩnh vực văn hóa cho rằng: “Văn hóa làm cho nhân loại kiên cường hơn, mang đến niềm hy vọng, đồng thời nhắc nhở rằng chúng ta không

cô đơn. Đó là lý do tại sao UNESCO đang làm tất cả những gì có thể để hỗ trợ ngành Văn hóa, bảo vệ di sản và trao quyền cho các nghệ sĩ và nhà sáng tạo”¹.

Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã có những động thái tích cực gắn các hoạt động kinh tế - xã hội với văn hóa trong bối cảnh dịch bệnh toàn cầu. Hội nghị Bộ trưởng Văn hóa đầu tiên của G20 (và các nước được mời) tổ chức tại Rome trong các ngày 29, 30/7/2021, xác định 5 nhiệm vụ của văn hóa trong tiến trình phục hồi sau đại dịch COVID-19 bao gồm:

Một là, bảo vệ và thúc đẩy văn hóa và các lĩnh vực sáng tạo như động cơ cho tăng trưởng bền vững và cân bằng.

Hai là, bảo vệ di sản văn hóa trước các rủi ro, bao gồm thiên tai, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu, sự cố ý phá hoại và cướp bóc, buôn bán bất hợp pháp tài sản văn hóa.

Ba là, thúc đẩy sự chuyển đổi kỹ thuật số và công nghệ trong các lĩnh vực văn hóa và sáng tạo như động lực mới cho tăng trưởng, tạo điều kiện tiếp cận và tham gia phổ cập vào văn hóa và thúc đẩy đa dạng văn hóa.

Bốn là, xây dựng năng lực thông qua đào tạo để giải quyết sự phức tạp của thế giới đương đại và các thách thức trong lĩnh vực văn hóa, bao gồm tiến trình số hóa nhanh chóng, chuyển đổi xanh và thay đổi nhân khẩu học, đồng thời giúp đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

Năm là, giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu thông qua văn hóa².

Cùng với Trung Quốc, Hàn Quốc, Indonesia (3 nước thuộc G20 và cũng chịu tác động nặng nề bởi COVID-19), Việt Nam có những động thái tích cực học hỏi kinh nghiệm của các nước đã có những sáng kiến về văn hóa và bảo vệ di sản văn hóa. Những tương đồng văn hóa do giao lưu và tiếp biến văn hóa lâu đời, đồng thời ảnh hưởng toàn cầu về kinh tế và văn hóa khiến các kinh nghiệm thành công của các quốc gia trên thế giới giúp cho Việt Nam học hỏi từ đó nhiều kinh nghiệm quý báu.

1. <https://ngaynay.vn/unesco-ho-tro-nganh-van-hoa-va-di-san-trong-boi-canhh-covid-19-post89449.html>, truy cập 20/4/2021, 14h15PM. Các nội dung như là: Tổ chức UNESCO kêu gọi cộng đồng quốc tế tái đầu tư vào hợp tác quốc tế và đối thoại liên chính phủ và phát động một chiến dịch truyền thông xã hội toàn cầu, Share Our Heritage (Chia sẻ về di sản của chúng ta) để thúc đẩy tiếp cận văn hóa và giáo dục về di sản văn hóa trong thời gian cách ly toàn xã hội. Bên cạnh đó, triển khai triển lãm trực tuyến về hàng chục di sản trên toàn cầu; cập nhật thông tin thông qua bản đồ trực tuyến trên trang web và phương tiện truyền thông xã hội về tác động của COVID-19 lên mạng lưới di sản thế giới và cách ứng phó; đăng tải những bài viết chia sẻ của các nhà quản lý di sản về tác động của đại dịch tại địa bàn nơi họ quản lý và môi trường xung quanh; khuyến khích trẻ em chia sẻ các bức vẽ về các di sản thế giới; sẽ tổ chức một cuộc thảo luận trực tuyến và chiến dịch truyền thông xã hội mang tên: “Cuộc thảo luận ResiliArt”, nhằm gióng lên hồi chuông cảnh báo về tác động của COVID-19 đối với sinh kế của các nghệ sĩ và chuyên gia văn hóa...

2. <http://www.baovanhoa.vn/chinh-tri/artmid/417/articleid/43279/g20-xac-dinh-5-nhiem-vu-cua-van-hoa-trong-tien-trinh-phuc-hoi>, truy cập 30/7/2021, 18h15 PM.

Phương châm hành động năm 2021 của Chính phủ là “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển”; bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện “mục tiêu kép”, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện phương châm “Quyết liệt hành động - khát vọng cống hiến” và đến hết 9 tháng đầu năm 2021, đã hoàn thiện, báo cáo Chính phủ kết quả các hoạt động chuyên môn một cách cụ thể, với kết quả cao. Cụ thể, các mảng việc¹ liên quan tới Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế và các lĩnh vực cụ thể của văn hóa: *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa*², *Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Xây dựng văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Thư viện; Điện ảnh; Nghệ thuật biểu diễn; Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Bảo vệ bản quyền tác giả; Quản lý nhà nước về gia đình; Lĩnh vực thể thao; Lĩnh vực du lịch* đều có những thành tích cụ thể thể hiện trách nhiệm xã hội cao.

Căn cứ vào khuyến cáo của UNESCO và chương trình hành động của Chính phủ, chúng tôi nhận thấy quan điểm đưa Việt Nam sớm thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả đại dịch COVID-19 là hoàn toàn phù hợp. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có những chủ trương và hành động tương thích cao khi chủ động chú trọng hoàn thiện thể chế, gia tăng chất lượng, sự chuyên nghiệp của công tác quản lý cũng như chăm lo tài năng của các nghệ sĩ chuyên nghiệp và không chuyên, chăm lo cho việc làm của các cán bộ, công chức, viên chức... để tất cả mọi người có thể có được tâm thế phù hợp với thực tế đại dịch.

Với nhiệm vụ thứ hai mà Hội nghị Bộ trưởng các nước G20 nêu ra “bảo vệ di sản văn hóa trước các rủi ro, bao gồm thiên tai, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu, sự cố ý phá hoại và cướp bóc, buôn bán bất hợp pháp tài sản văn hóa”, công tác bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa càng phải là công việc quan trọng trong những việc quan trọng của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch sau dịch COVID-19. Làm sao để công việc này không bị đứt gãy, làm sao để người dân, để cộng đồng vẫn nâng cao nhận thức về giá trị của di sản văn hóa, có hành động thiết thực trong giữ gìn, truyền dạy, quảng bá di sản, dù là di sản đã được UNESCO ghi danh theo Công ước 1972, Công ước 2003 và các văn bản của UNESCO, hay các di sản được Nhà nước xếp hạng, đưa vào danh mục quốc gia. Có thể có nhiều biện

1. Số liệu từ báo cáo 9 tháng đầu năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Số liệu từ báo cáo 9 tháng đầu năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:... đã hoàn thiện hồ sơ đề cử 1 di sản thế giới, 21 di tích quốc gia, ghi danh 31 di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ tại 22 địa điểm; thẩm định, thỏa thuận và góp ý 150 quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công tu bổ, tôn tạo di tích. Tổ chức 2 lớp đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ về bảo tàng. Hướng dẫn các bảo tàng/ban quản lý di tích: Tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, cháy nổ, trộm cắp và thực hiện các quy định về phòng, chống dịch COVID-19; triển khai các hoạt động về quản lý di sản tư liệu...

pháp như: (1) Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển du lịch và quảng bá di sản; (2) Tăng cường ứng dụng thành tựu công nghệ thông tin vào công việc sáng tạo các sản phẩm của di sản văn hóa; (3) Nâng cao chất lượng các chương trình tham quan ảo, bảo tàng ảo, v.v.. phục vụ du khách; (4) Đổi mới các databank di sản tại Viện bảo tồn di tích, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Viện Âm nhạc (Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam) phục vụ du lịch.

Ngay sau khi dịch bệnh lắng xuống, kinh tế tăng trưởng trở lại sẽ là tiền đề quan trọng cho văn hóa có cơ hội phục hồi. Nền kinh tế tri thức và thành tựu của thời đại kỹ thuật số hiện nay là cơ sở để các ngành Văn hóa, văn học, nghệ thuật được phát huy tối đa sức sáng tạo với những phương thức biểu đạt mới, tân tiến, hiện đại chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, nhà quản lý là nguồn lực quan trọng cho các đổi mới sáng tạo gắn với sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Dịch vụ văn hóa sẽ là cầu nối đưa văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội. Cơ hội học hỏi, giao lưu và hội nhập văn hóa với khu vực và thế giới sẽ thuận lợi, dễ dàng. Văn hóa với các sản phẩm đặc trưng của mỗi tộc người, mỗi quốc gia sẽ khiến bức tranh văn hóa thế giới trở nên ngày càng đa dạng và hấp dẫn. Văn hóa Việt Nam vươn ra thế giới và có nhiều cơ hội tiếp thu tinh hoa, giá trị văn hóa nhân loại, tận dụng được các nguồn lực đa dạng và kinh nghiệm quản lý tiên tiến nhanh chóng và toàn diện hơn nhờ các hợp tác song phương, đa phương, nhờ chủ trương hội nhập toàn cầu sâu rộng của Chính phủ Việt Nam.

Giá trị văn hóa truyền thống phải được bảo tồn và tích hợp giá trị của đời sống văn hóa mới với phương châm làm cho con người ngày càng tốt đẹp lên, trên cơ sở loại bỏ những yếu tố xấu xa, lạc hậu. “Phải làm sao cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm thế nào cho nhân dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng. Văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà ai cũng *hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc của mình nên hưởng*”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Gốc của văn hóa mới là dân tộc” và “phát triển hết cái hay cái đẹp của dân tộc, tức là ta cũng đi tới chỗ nhân loại”... “văn hóa thế giới sẽ phải chú ý đến văn hóa của mình, và văn hóa của mình sẽ chiếm được một địa vị ngang với các nền văn hóa thế giới”... “mình có thể bắt chước những cái hay của bất kỳ nước nào ở Âu, Mỹ”... “Phải mở rộng kiến thức của mình về văn hóa thế giới”².

1. Phan Ngọc: *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2002, tr.451.

2. Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam, Hoài Thanh: *Có một nền văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hà Nội, 1946, tr.25.

Trong *Di chúc*, Bác viết: “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*”¹.

Bối cảnh trong nước và quốc tế với những thuận lợi và khó khăn đặt ra nhiều thách thức và cơ hội cho văn hóa Việt Nam phát triển lên tầm cao mới, xứng đáng với vị trí và vai trò quan trọng của văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa luôn có phần bất biến và khả biến để thích nghi với sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường mà nó đang tồn tại nhằm giữ gìn các giá trị cốt lõi mà vẫn tạo ra sự cân đối, hài hòa, ổn định để khẳng định bản sắc độc đáo. Do đó, trong thời đoạn khó khăn nhưng sự chuẩn bị, củng cố nền tảng di sản văn hóa tộc người, di sản văn hóa quốc gia một cách chủ động tích hợp, vượt gộp (chữ dùng của PGS. Phan Ngọc) sẽ thực sự trở thành cội gốc cho sự bền vững hướng đến cuộc sống ấm no, hạnh phúc, vì con người được phát triển toàn diện. Bệnh dịch khó lường nhưng thông điệp hãy sống tốt để trở về nguồn cội của văn hóa là chân - thiện - mỹ, đó chính là thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII một cách hữu hiệu và thiết thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật là một mặt trận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1981.
- [2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, các tập 3, 15, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [3] *Diễn văn khai mạc Hội nghị Văn hóa toàn quốc*, Báo Cứu quốc, ngày 25/11/1946.
- [4] Phan Ngọc: *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2002.
- [5] Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam, Hoài Thanh: *Có một nền văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hà Nội, 1946.
- [6] Phạm Lan Oanh: “Nhà văn hóa Hồ Chí Minh, quan điểm và nhân cách văn hóa”, Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Trà Vinh, số 41, 2020, tr 24-33.
- [7] Số liệu từ báo cáo 9 tháng đầu năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- [8] https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo/-/asset_publisher/TW6LTp1ZtwaN/content/thu-tuong-yeu-cau-thuc-hien-tot-3-tru-cot-trong-cong-tac-phong-chong-dich-covid-19?inheritRedirect=false&redirect=https%3A%2F%2Fmoh.gov.vn%3A443%2Fhoat-dong-cua-lanh-daobo%3Fp_p_id%3D101_INSTANCE_TW6LTp1ZtwaN%26p_p_lifecycle%3D0%26p_p_state%3Dnormal%26p_p_mode%3Dview%26p_p_col_id%3Drow-0-column-2%26p_p_col_count%3D2, truy cập 28/10/2021.
- [9] <https://ngaynay.vn/unesco-ho-tro-nganh-van-hoa-va-di-san-trong-boi-canh-covid-19-post89449.html>, truy cập 20/4/2021.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.612.

VĂN HÓA HUẾ VỚI VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH DI SẢN THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 54-NQ/TW NGÀY 10/12/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

PGS.TS. NGUYỄN TẮT THẮNG*
NGUYỄN ANH TUẤN**

Ngày 10/12/2019, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 54-NQ/TW về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhiều vấn đề liên quan đến định hướng phát triển Thừa Thiên Huế được đặt ra, trong đó có những quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò, vị thế của văn hóa Huế và yếu tố bảo tồn, phát triển du lịch di sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế¹.

Nếu Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế thì Huế sẽ là trung tâm văn hóa của đất nước mang tầm quốc tế. Đó không chỉ là nhiệm vụ chính trị mà trong quá trình vận hành của mỗi thành phố được đánh giá rồi phân loại, phân công, mà còn là sự thừa nhận khách quan của cả cộng đồng và tổ chức xã hội.

Từ lâu, chính quyền và nhân dân Thừa Thiên Huế đã xây dựng Huế trở thành thành phố văn hóa đặc trưng của Việt Nam, bởi vì Huế mang trong mình hai di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận là Quần thể di tích cố đô Huế (1993) và Nhã nhạc - âm nhạc cung đình Việt Nam (2003). Gần đây được hội nhập thêm với đời sống nhân loại 3 di sản ký ức thế giới là Mộc bản triều Nguyễn (2009), Châu bản triều Nguyễn (2014) và Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (2016). Từ thành phố văn hóa đã mở ra hướng phát triển kinh tế thích ứng là phát triển du lịch, nhất là du lịch di sản. Từ đó, Huế từng bước khẳng định vị thế của mình và định hướng phát triển đô thị trong tương lai.

* PGS.TS. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

** Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế.

1. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Tin-tuc-su-kien/tid/Bo-chinh-tri-ban-hanh-Nghi-quyet-ve-xay-dung-Thua-Thien-Hue-den-nam-2030-tam-nhin-den-nam-2045/newsid/>.

Trong bài viết này sẽ làm rõ những nét đặc biệt của văn hóa Huế cũng như vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản trên quê hương Thừa Thiên Huế theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị và những nội dung về văn hóa, giáo dục trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

1. Vài nét về văn hóa Huế

Văn hóa là sự trầm tích của quá khứ loài người chỉ được khơi dậy khi thông qua tác động của con người và trở thành nhân tố tích cực khi nó mang lại lợi ích cho nhân loại. Văn hóa Huế trong những năm qua đã thể hiện được nhân tố tích cực đó thông qua các hội thảo khoa học, các chương trình phát huy di sản quá khứ, các lễ hội dân gian và cung đình mà tiêu biểu nhất là các kỳ Festival Huế. Di sản văn hóa Huế được khơi dậy và phát triển đúng hướng trở thành tiềm năng, là nguồn tài nguyên vô giá để khai thác du lịch, nên thành phố Huế qua thực tiễn vận hành nhanh chóng được xác lập là đô thị văn hóa - du lịch đặc trưng của Việt Nam.

Nhìn lại quá khứ, chúng ta thấy theo đà Nam tiến của dân tộc, nền văn hóa Việt Nam cũng đã có những bước phát triển rục rờ đồng hành với dòng chảy liên tục của lịch sử đất nước. Trên con đường thiên lý mà nơi xuất phát là châu thổ sông Hồng và chỗ đến là đồng bằng sông Cửu Long ấy, bộ ba địa danh Thăng Long - Thuận Hóa - Gia Định, hoặc Hà Nội - Huế - Sài Gòn, đã thường được người đời và sử sách trong nước cũng như trên thế giới dùng để chỉ ba cột mốc quan trọng nhất trong quá trình hình thành và phát triển của lịch sử và văn hóa Việt Nam.

Trong hơn 7 thế kỷ hình thành và phát triển của mình, vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế đã kế thừa dòng lịch sử và mạch văn hóa lâu đời của Thăng Long (trong đó có những yếu tố Trung Hoa), tiếp thu một số yếu tố văn hóa phương Nam (kể cả một số yếu tố Chăm-pa) và thích ứng với phong thổ cũng như môi trường thiên nhiên của bản địa để dần dần tạo ra một trung tâm văn hóa mới trong nền văn hóa Việt Nam và đạt đến đỉnh cao của nền văn minh Đại Việt vào thế kỷ XIX.

Vào năm 1981, khi đến khảo sát Cố đô Huế, ông Tổng Giám đốc UNESCO bấy giờ là A.M.M' Bow đã nhận định: "Huế không chỉ là một mẫu mực về kiến trúc mà còn là một cao điểm về tinh thần và một trung tâm văn hóa sôi động - ở đó đạo Phật và đạo Khổng đã thấm sâu, hòa nhuyễn vào truyền thống địa phương, nuôi dưỡng một tư tưởng tôn giáo, triết học và đạo lý hết sức độc đáo"¹.

Để đạt đến "một cao điểm về tinh thần và một trung tâm văn hóa sôi động" như thế, vùng đất này đã trải qua một quá trình lâu dài hình thành và phát triển về văn hóa, mà các giai đoạn chủ yếu là thời các chúa Nguyễn (1558-1775) và nhất là thời các vua Nguyễn (1802-1945).

1. "Pour la protection, la préservation, la restauration et la mise en valeur de la ville de Hues". Appel de M.Amadou - Mahtar - M'Bow, Directeur Général de l' UNESCO.p.1.

Nay nhìn lại thời quân chủ Việt Nam, không có triều đại nào để lại một khối lượng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đồ sộ và có giá trị cao như thời các vua chúa họ Nguyễn kéo dài gần 4 thế kỷ khi họ định đô ở vùng đất Huế.

Từ trung tâm chính trị văn hóa này, các chúa Nguyễn, rồi các vua Nguyễn đã điều hành một guồng máy hành chính quốc gia hữu hiệu để mở mang đất nước Việt Nam rộng lớn chưa từng có trong lịch sử. Lãnh thổ phát triển đến đâu, văn hóa vùng miền và văn hóa dân tộc phát triển đến đó.

Riêng cố đô Huế đã giữ vị thế trung tâm và vai trò chủ đạo đối với cả nước trong mấy trăm năm. Đây là nơi đã từng hội tụ nguyên khí quốc gia và là nơi tỏa sáng văn hóa ra khắp các vùng miền trong một thời gian dài.

Vào đầu thế kỷ XIX, sau khi thống nhất sơn hà và bắt đầu xây dựng kinh đô Huế, vua quan nhà Nguyễn đã tự hào về vai trò vị thế của mình và về mấy ngàn năm văn hiến của dân tộc. Tuyên ngôn mang tính lịch sử và văn hóa ấy của họ đã được chạm khắc và trang trí ở một vị trí trang trọng nhất tại điện Thái Hòa xây dựng vào năm 1805 mà mãi đến ngày nay, chúng ta vẫn còn có thể đọc được tại chỗ:

Nước ngàn năm văn hiến,

Vạn dặm một sơn hà.

Từ Hồng Bàng lập quốc,

Thịnh trị cõi Nam ta¹.

Tất nhiên, vị thế của đế đô một thời ấy đã thay đổi kể từ tháng 8/1945, kinh đô Huế đã trở thành cố đô như lịch sử đã an bài cho nó. Cũng kể từ đó, cố đô này mặc dù đã trải qua những biến động dữ dội của lịch sử, sự tàn phá khốc liệt chiến tranh và sự hủy hoại âm thầm của thời gian, nhưng vẫn duy trì được hầu hết các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể như vừa được trình bày một cách vắn tắt trên đây.

Với những đặc thù về lịch sử văn hóa và môi trường tự nhiên, cố đô Huế ngày nay được đánh giá là địa phương còn bảo tồn gìn giữ một kho tàng di sản văn hóa phong phú, đa dạng và mang tính toàn vẹn nhất, không chỉ ở Việt Nam mà còn mang tầm vóc của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và thế giới. Hiện Thừa Thiên Huế đã có 5 di sản văn hóa được UNESCO vinh danh. Ở trong nước, đến thời điểm hiện tại, Thừa Thiên Huế đã có 3 di tích cấp quốc gia đặc biệt (Quần thể di tích cố đô Huế với 16 di tích; Đường Hồ Chí Minh đi qua Thừa Thiên Huế với 6 công trình, địa điểm; và Cụm di tích lưu niệm Hồ Chí Minh với 4 di tích), 88 di tích cấp quốc gia và 85 di tích cấp tỉnh, 3 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, 9 nhóm cổ vật (với 35 hiện vật) đã được công nhận là Bảo vật quốc gia, có hơn 900 di tích đã được kiểm kê, trong đó có 205 di tích, địa điểm văn hóa lịch sử và danh lam thắng cảnh đã ban hành Danh mục; có gần 500 lễ hội truyền thống và đương đại, trong đó có

1. Dẫn theo Phan Thuận An: *Vị thế văn hóa cố đô Huế trong lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2016, tr.45.

những lễ hội mang tầm quốc gia và quốc tế như Lễ hội Điện Huệ Nam, Festival Huế, Festival Nghề truyền thống Huế...

Con người Huế cũng là một bộ phận cấu thành di sản văn hóa Huế, là sản phẩm của nền văn hóa kinh kỳ trải qua hàng trăm năm, nay được thể hiện qua phong cách, lối sống, ứng xử, trang phục, tiếng nói, đời sống tâm linh, thú vui chơi... mà không phải ở đâu cũng gìn giữ được những giá trị nhân văn truyền thống sâu sắc như Huế. Vùng đất kinh đô xưa này đã tạo cho người dân một phong thái tao nhã, đậm thắm, nhẹ nhàng...

Trong mấy chục năm qua, có khá nhiều học giả đưa ra những nhận định và đánh giá khách quan về văn hóa cố đô Huế.

Vào những năm 1983-1984, Tiến sĩ Lê Văn Hào đã đưa ra khái niệm “Có một giai đoạn văn hóa Phú Xuân trong lịch sử văn hóa Việt Nam” và đã tìm cách chứng minh điều đó bằng nhiều cứ liệu lịch sử¹. Ông cho rằng: “Văn hóa Phú Xuân... đã đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của nền văn hóa dân tộc... Văn hóa Phú Xuân đã để lại cho chúng ta những di sản tinh thần đáng tự hào”².

Giáo sư Trần Quốc Vượng đã viết trên Tạp chí *Sông Hương* rằng: “Thì vẫn còn đó một xứ Huế với những thanh tú của sông Hương núi Ngự, những nét thanh lịch của phong cách sống ăn mặc ở, đi lại của con người thượng kinh, những giai điệu độc đáo, sâu lắng, tinh tế của giọng hò điệu hát trên sông Hương... làm đối tượng cho văn học Việt Nam. Thì vẫn còn đó một xứ Huế với tổng thể di tích kiến trúc cung đình, tôn giáo, lăng mộ, dân gian... Không đâu đầy đủ hơn và tập trung hơn, điển hình hơn cho chúng ta cảm nhận và phân tích về vẻ đẹp Việt Nam thế kỷ XIX, về một nền nghệ thuật và mỹ thuật thời Nguyễn của Việt Nam”³.

Năm 1988, trong bài viết “Những giá trị của di sản kiến trúc Huế”, GS.TS.KTS. Hoàng Đạo Kính cho rằng Huế là “thành phố bảo tàng”⁴ và là “một đô thị khám nạm vào thiên nhiên, và thiên nhiên vẫn còn ngự trị với vai trò chủ đạo... Đây chính là di sản vô song của văn hóa Việt Nam...”⁵.

Sau đó 5 năm, Giáo sư Ngô Đức Thịnh viết: “Nói tới văn hóa Huế là nói tới một nền văn hóa đỉnh cao và là tinh hoa văn hóa cổ truyền của dân tộc”⁶.

1. Lê Văn Hào: “Có một giai đoạn văn hóa Phú Xuân trong lịch sử văn hóa Việt Nam”, Tạp chí *Sông Hương*, Huế, số 2, tháng 8/1983, tr.72-78.

2. Lê Văn Hào: *Huế giữa chúng ta*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1984, tr.66.

3. Trần Quốc Vượng: “Vài suy nghĩ về xứ Huế và vị thế lịch sử của nó”, Tạp chí *Sông Hương*, Huế, 1987, số 25, tháng 5-6, tr.75.

4. Hoàng Đạo Kính: “Những giá trị của di sản kiến trúc Huế”, in chung trong sách *Huế luôn mới* của nhiều tác giả, Hội Văn nghệ thành phố Huế xuất bản, Huế, 2014, tr.17.

5. Dẫn bởi Hoàng Thị Thọ: *Ngày mai nhớ Huế về thăm Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2014, tr.17.

6. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên): *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.263.

Năm 1994, Giáo sư Phan Ngọc cho rằng: “Huế là tấm gương cho nhà văn hóa học nhận thấy thế nào là sức mạnh của văn hóa Việt Nam. Tôi kêu gọi mọi người tự cho mình là có văn hóa góp toàn lực cho Huế mãi mãi là quê hương văn hóa trong nội tâm mình”¹.

Ở đoạn cuối cùng trong bài viết “*Văn hóa Huế trên dặm đường dài lịch sử*”, Giáo sư Trần Quốc Vượng đã dùng từ “khép lại nỗi lòng” để viết những dòng chữ sau đây: “Xứ Huế đã mang lại cho cả nước một sắc thái mới của văn hóa đô thị Việt Nam... Huế đổi mới, biến dịch, mà vẫn giữ cái gì, như là một hằng số văn hóa Huế”².

Năm 2014, nhà nghiên cứu Phan Thuận An đánh giá về văn hóa Huế trong một giai đoạn lịch sử cụ thể thời các vua Nguyễn: “Nhìn lại vốn liếng di sản văn hóa nước nhà được tạo dựng trong cả ngàn năm qua, chúng ta thấy không một triều đại quân chủ nào để lại một khối lượng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể mang giá trị cao về cả lượng lẫn chất như vương triều Nguyễn (1802-1945), mà tập trung cao nhất là ở miền núi Ngự sông Hương. Đây là nơi hội tụ và lan tỏa của trí tuệ và tâm hồn Việt Nam trong gần một thế kỷ rưỡi, đặc biệt là trong thế kỷ XIX, thời kỳ quốc gia còn giữ được nền độc lập và tự chủ (1802-1884)”³.

Như vậy, thật chính xác khi nói rằng “đã có một giai đoạn văn hóa Phú Xuân trong lịch sử văn hóa Việt Nam, nên ngày nay Huế xứng đáng là một trung tâm văn hóa của đất nước...”⁴.

Tuy nhiên, điều ai cũng nhận ra là Huế có di sản văn hóa to lớn hàng đầu của đất nước và tiêu biểu ở Đông Nam Á nhưng chưa phát huy đúng tầm của một thành phố du lịch⁵ như mong đợi, để giữ vị trí chiến lược phát triển du lịch cho các tỉnh miền Trung, đó là vấn đề chúng ta cần quan tâm để tìm ra phương thức tháo gỡ không những cho Huế mà cho cả nước.

2. Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản

Trong bối cảnh Thừa Thiên Huế vừa tổng kết Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/11/2011 sau 10 năm thực hiện và xây dựng, ban hành một Nghị quyết mới của Tỉnh ủy nhằm triển khai cụ thể hơn nữa Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế trở

1. Phan Ngọc: *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1994, tr.139.

2. Trần Quốc Vượng: “*Văn hóa Huế trên dặm đường dài lịch sử*”, in chung quyển *Văn hóa vì con người* của nhiều tác giả, do Hồ Sĩ Vịnh chủ biên, Nxb. Văn hóa và Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật* xuất bản, Hà Nội, 1998, tr.416-417.

3. Phan Thuận An: *Vị thế văn hóa cố đô Huế trong lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, 2014, tr.33.

4. Lê Văn Hào: “*Có một giai đoạn văn hóa Phú Xuân...*”, *Tlđđ*, tr.78.

5. Có 3 đô thị được công nhận danh hiệu thành phố du lịch là Sầm Sơn, Cửa Lò và Huế.

thành một trung tâm văn hóa, du lịch đặc sắc của Việt Nam và của khu vực Đông Nam Á, thì vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết¹.

2.1. Về bảo tồn

Một trong những nội dung quan trọng về quan điểm và mục tiêu của Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị đối với định hướng phát triển của Thừa Thiên Huế là “giải quyết tốt mối quan hệ giữa kế thừa và phát triển; giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; giữa bảo tồn, giữ gìn truyền thống và phát huy các giá trị di sản, trong đó bảo tồn là cốt lõi; giữa phát triển di sản và phát triển thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó phát triển thành phố trực thuộc Trung ương phải bảo đảm điều kiện thuận lợi cho bảo tồn và phát triển đô thị di sản; giữa hỗ trợ của Trung ương và nỗ lực của địa phương”².

Trong xu thế đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ rất nhanh hiện nay, nếu không có giải pháp bảo tồn kịp thời thì Thừa Thiên Huế sẽ mất đi rất nhiều di sản có giá trị. Một ví dụ cụ thể: khu Bàu Vá thuộc thành phố Huế hiện nay do không được nghiên cứu đánh giá đầy đủ và đưa vào quy hoạch khảo cổ học nên hiện đã và đang mất đi rất nhanh những di tích khảo cổ học liên quan đến thời chúa Nguyễn và Tây Sơn và cả thời Nguyễn (đây là khu vực gắn liền với phủ Dương Xuân, phủ Tập Tượng thời các chúa Nguyễn, các di tích miếu Lịch Đại Đế Vương, miếu Lê Thánh Tôn... thời Nguyễn).

Ngoài hệ thống di sản được UNESCO công nhận, việc kiểm kê, đánh giá, xếp hạng cũng như phương án bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị của các di sản còn lại vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tầm vóc, quy mô của các di sản văn hóa, thiên nhiên mà chúng ta đang sở hữu. Chẳng hạn, nếu tính xếp hạng di tích cấp quốc gia, Thừa Thiên Huế hiện chỉ xếp thứ 12 so với 63 tỉnh thành trong cả nước về số lượng, di tích cấp tỉnh thì mới xếp thứ 28/63; số lượng di tích được kiểm kê chỉ bằng 1/2 tỉnh Bắc Giang (trên 2.000 di tích đã được kiểm kê, trong đó 721 di tích đã được công nhận ở cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia và cấp tỉnh); các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu của chúng ta chưa được tổng kiểm kê đánh giá đầy đủ...

Để giải quyết vấn đề nói trên, theo chúng tôi cần có các giải pháp cụ thể để bảo tồn các giá trị di sản văn hóa Huế như sau:

1. Phan Thanh Hải: “Đế Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm văn hóa đặc sắc của cả nước và khu vực Đông Nam Á”, Tập san Hội đồng nhân dân tỉnh, số tháng 10/2021, tr.34.

2. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Tin-tuc-su-kien/tid/Bo-chinh-tri-ban-hanh-Nghi-quyet-ve-xay-dung-Thua-Thien-Hue-den-nam-2030-tam-nhin-den-nam-2045>.

Thứ nhất, cần có một cuộc tổng kiểm kê để đánh giá đầy đủ các giá trị di sản của Huế gắn liền với công tác quy hoạch đô thị di sản và quy hoạch chung toàn tỉnh. Bên cạnh đó cần đầu tư cho công tác dữ liệu hóa các số liệu về di sản vật thể và phi vật thể; tiến hành nghiên cứu, lập hồ sơ công nhận di tích, bảo vật quốc gia, các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu độc đáo, có giá trị nổi bật... Quá trình này phải được tiến hành song song với quá trình chuyển đổi số của lĩnh vực văn hóa, di sản.

Thứ hai, cần phải có kế hoạch đầu tư dài, trung và ngắn hạn, ưu tiên cho những di tích trọng điểm, cấp bách cần sửa chữa, tôn tạo. Trong khi trùng tu cần nghiên cứu kỹ về từng đường nét, kết cấu, màu sắc của nguyên bản di tích, nghĩa là phải trung thành với nguyên bản, không được “hiện đại hóa lịch sử”. Có kế hoạch bảo quản phòng ngừa tốt hơn là công tác trùng tu.

Thứ ba, bên cạnh việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa vật thể, cần nghiên cứu kỹ về di sản văn hóa phi vật thể; coi đây và báu vật tinh túy mà ông cha để lại nhằm giữ gìn và phát huy những giá trị nội lực to lớn của nó bằng việc thông qua các lễ hội, phục dựng, tái hiện các nghi lễ, âm nhạc, trang phục, hội họa...; từ đó tạo ra các sản phẩm du lịch đặc sắc, nhằm hướng đến thị trường. Vì lẽ đó, tìm thương hiệu mạnh phải là văn hóa phi vật thể, nhưng tạo ra sản phẩm du lịch, để sản phẩm trở thành thương hiệu hấp dẫn là vấn đề không dễ dàng, cần phải tăng cường đầu tư nghiên cứu, tìm tòi,... Tuy nhiên, cần lưu ý xây dựng kịch bản và sân khấu hóa là đúng nhưng không thể chủ quan duy ý chí, ước lượng, tượng trưng mà phải bắt nguồn từ lịch sử, không được vi phạm các nguyên tắc cơ bản của lịch sử. Nếu bỏ qua nguyên tắc này thì lễ hội có thể vay mượn được để chuyển từ chỗ này qua chỗ khác, không phân biệt được đặc trưng của thời gian và không gian lịch sử.

Thứ tư, cần có chính sách ưu tiên để đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia về di sản văn hóa và nghệ thuật vì chúng ta đã chọn con đường dựa vào văn hóa, di sản để phát triển. Hiện nay đội ngũ những người làm công tác di sản, văn hóa và nghệ thuật không những còn rất thiếu mà còn có sự hẫng hụt, thiếu sự kế thừa, thiếu các chuyên gia cao cấp, đội ngũ nghệ nhân, nghệ sĩ có tài năng đặc biệt, trong khi đó lại chưa có chính sách để ưu đãi, thu hút họ làm việc, cống hiến. Con người luôn là nhân tố quyết định! Vì vậy nhất thiết cần phải có những chính sách phù hợp để thu hút, động viên và đào tạo được những con người có tâm, có tài để phục vụ sự nghiệp lâu dài và sự phát triển bền vững. Nhìn rộng hơn, chúng ta đã đặt ra mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành một đô thị thông minh, đô thị di sản, văn hóa, cảnh quan thân thiện với môi trường với nòng cốt là 4 trung tâm: Văn hóa du lịch, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và y tế chuyên sâu. Do vậy, việc xây dựng và thực thi những chính sách phù hợp để thu hút và đào tạo nguồn nhân lực (trong đó phải có những con người tài năng, tâm huyết) cho 4 trung tâm này là điều vô cùng cần thiết.

Ngày 15/9/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký quyết định phê duyệt “*Kế hoạch về việc triển khai công tác Tổng kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2022*” theo đề xuất của Sở Văn hóa và Thể thao. Đây sẽ là cơ sở rất quan trọng để chúng ta có thể giải quyết vấn đề trên, tuy nhiên rất cần có một sự đầu tư xứng đáng cả về cơ chế và nguồn lực để triển khai thành công kế hoạch này¹.

2.2. Phát huy giá trị di sản

Để xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế, Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 chỉ rõ “phải trên cơ sở khai thác, phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, của vùng, nhất là sự kết hợp hài hòa giữa di sản văn hóa, lịch sử đặc sắc, phong phú với cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, vị trí cửa ngõ của hành lang kinh tế Đông - Tây và con người Huế”².

Huế nằm ở trung độ của các tỉnh miền Trung và cả nước, nằm trên hành lang tứ tuyến kết nối Đông - Tây thông qua đường 9 - Đông Hà, một lợi thế để liên kết du lịch với các vùng miền trong và ngoài nước. Đặc điểm của du lịch Huế là du lịch di sản Cố đô, nơi có quần thể lăng tẩm của hoàng gia triều Nguyễn. Kinh thành Huế xây dựng cách đây hơn 200 năm, là một kiến trúc thành lũy Vauban đầu tiên và đẹp nhất ở châu Á cùng với Ngọ Môn và nhiều cung điện, đền đài..., là những đối tượng văn hóa trực quan hấp dẫn nhiều du khách.

Kể từ thời vua Hùng dựng nước, Việt Nam đã trải qua nhiều kinh đô: thì chỉ có Huế là kinh đô bảo lưu di sản lịch sử của một trung tâm chính trị gần như nguyên vẹn, kể cả di sản vật thể, phi vật thể và nền văn minh đô thị của xã hội thời vua chúa để lại. So với Thăng Long và một số kinh đô khác, Huế có đầy đủ chu kỳ vòng đời của các đế vương từ lúc sinh ra, học hành, làm vua và qua đời với kiến trúc lăng tẩm đặc trưng về thế giới tâm linh của quý tộc Việt. Những giá trị lịch sử to lớn của kinh đô Huế sau khi không còn là kinh đô, Huế trở thành một trung tâm văn hóa kinh kỳ hàng đầu của đất nước, nay được bảo tồn những giá trị đặc trưng nên Cố đô Huế là di sản vật thể đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản văn hóa của nhân loại và Nhã nhạc cung đình Huế cũng là di sản phi vật thể đầu tiên của Việt Nam được tôn vinh là kiệt tác của nhân loại. Hai di sản văn hóa thế giới này ngày càng được phát huy và có đóng góp tích cực trong đời sống của nhân dân và du khách trong và ngoài nước.

Nếu có một tiêu chí khoa học xác đáng, Huế trước hết là thành phố lịch sử, lịch sử đô thị gần 400 năm, đô thị Huế là đô thị quốc gia mang tầm vóc quốc tế tồn tại

1. Xem Phan Thanh Hải: “*Đế Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm văn hóa đặc sắc của cả nước và khu vực Đông Nam Á*”, Tạp san Hội đồng nhân dân tỉnh, số tháng 10/2021, tr.35.

2. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Tin-tuc-su-kien/tid/Bo-chinh-tri-ban-hanh-Nghi-quyet-ve-xay-dung-Thua-Thien-Hue-den-nam-2030-tam-nhin-den-nam-2045>.

trong nhiều thế kỷ. Từ đô thị lịch sử mang tính nổi bật của đất nước và có giá trị toàn cầu, nay để lại nhiều di sản của vùng đất kinh đô, trở thành trung tâm văn hóa hàng đầu của đất nước và được công nhận là thành phố văn hóa ASEAN vào năm 2014. Huế là đô thị văn hóa đã được thử thách và khẳng định; nếu tổ chức tốt, đô thị văn hóa kết hợp với cảnh quan, Huế sẽ là trung tâm du lịch đặc sắc mang tầm vóc quốc tế. Không những thế, Huế trong nhiều thế kỷ là trung tâm giáo dục và đào tạo nhân tài hàng đầu của đất nước thông qua các hoạt động của Quốc Tử giám của triều Nguyễn; trung tâm khoa học xã hội và nhân văn, nhất là sử học, y học. Kinh đô Huế cũng là nơi tập trung nhiều sử gia nổi tiếng, nhiều nghệ y, thầy thuốc tài năng khắp cả nước. Hoạt động giáo dục, khoa học và y tế của Huế về sau vẫn giữ được truyền thống mang tầm quốc gia và giữ được niềm tin của xã hội nên Huế có đầy đủ tố chất để xây dựng thành trung tâm đào tạo đa ngành, chất lượng cao, trung tâm khoa học đa ngành có thể mạnh về khoa học xã hội - nhân văn và là trung tâm y tế chuyên sâu hàng đầu của đất nước¹.

Di sản văn hóa Huế bao gồm di sản vật thể, di sản phi vật thể, di sản ký ức (văn bia, mộc bản, châu bản, liễn đối, sách vở thì Huế trong quá khứ cũng như ngày nay vẫn ở vị trí hàng đầu đất nước), di sản xã hội của văn minh kinh kỳ mà Huế còn nhiều phú đệ của hoàng thân, hoàng tộc nhà Nguyễn, nhiều danh gia, vọng tộc mà các nơi khác không thể so sánh. Đó là đặc trưng của thành phố di sản văn hóa của Huế. Hướng xây dựng đô thị cũng từ thế mạnh mang tính đặc trưng của di sản đó kết hợp với sinh thái, cảnh quan sẽ tạo nên một thành phố du lịch hấp dẫn du khách và thân thiện với môi trường. Huế sẽ là thành phố du lịch lý tưởng của nhân loại.

Khai thác từ trong di sản hơn mười năm qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã phục dựng nhiều lễ hội đặc sắc qua mỗi kỳ Festival Huế về: Chúa Nguyễn (lễ hội thao diễn thủy quân), Tây Sơn (lễ hội đăng quang của vua Quang Trung)², nhà Nguyễn (Lễ hội hành trình mở cõi, lễ tế Nam giao, lễ tế Xả tặc, đêm Hoàng Cung, Tiệc Ngự yến, lễ hội Thiên hạ thái bình...) đã tạo nên sự hấp dẫn và gây được nhiều ấn tượng sâu sắc cho du khách. Thừa Thiên Huế là địa phương đi đầu trong việc kết hợp giữa văn hóa cung đình và du lịch lễ hội thông qua các kỳ Festival và trở thành thương hiệu văn hóa quốc tế mang tính hội nhập cao, là một sản phẩm du lịch độc đáo của Việt Nam.

Văn hóa tạo ra giá trị vật chất và tinh thần, nhưng những giá trị đó muốn tỏa sáng, quảng bá phải tạo ra giá trị trao đổi thông qua một sản phẩm cụ thể để tiếp cận

1. Đỗ Bang: *Di sản văn hóa Huế với du lịch; vấn đề bảo tồn và phát triển*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2016, tr.417-418.

2. Đỗ Bang: *Những khám phá về Hoàng đế Quang Trung*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2011, tr.247-257.

với thị trường thì du lịch là người bạn hàng nhiệt thành và cũng là bạn đồng hành tin cậy của văn hóa trên con đường phát triển. Chính giá trị trao đổi mới làm cho văn hóa có thương hiệu riêng, có địa chỉ và có tính cạnh tranh để ngày một nâng cao. Văn hóa Huế trong bước đầu đã tạo được một số sản phẩm du lịch thông qua các lễ hội để khẳng định vị thế của vùng đất cố đô trên trường quốc tế.

Sự huyền diệu của kinh đô xưa tạo cho Huế có một không gian văn hóa đặc trưng của đất “thần kinh” hòa quyện trong thế giới “thiền kinh” với hơn một trăm ngôi chùa, hàng ngàn tầng ni mang tính điển hình về một thế giới tâm linh Phật giáo của đất nước, đã tạo cho Huế một môi trường văn hóa ứng xử “*cư Nho mộ Thích*” một cách tự nhiên, trở thành triết lý cuộc sống của nhiều gia đình Huế. Một mẫu xã hội cổ truyền của Huế xưa đó vẫn còn vương vấn trong cuộc sống đương đại cũng là đối tượng văn hóa và du lịch cần được khám phá¹.

Tâm linh là văn hóa tinh thần được biểu hiện thông qua các nghi lễ tôn giáo, nghi lễ cung đình, sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, thờ cúng tổ tiên, thành hoàng, lễ tế âm hồn, lễ hội điện Hòn Chén... đã làm cho Huế có một không gian huyền bí mà du khách khi đến Huế không thể bỏ qua.

Du lịch di sản làng nghề cũng được khởi động tích cực trong những năm gần đây, trong đó việc phục hồi nghề gốm làng cổ Phước Tích là một địa chỉ được du khách quan tâm. Dưới sự tác động của thị trường, nhiều làng nghề, nghề thủ công được khôi phục và phát triển như nghề đúc đồng tại Phường Đúc (Huế), nghề rèn làng Hiền Lương, đan lát mây tre làng Bao La, nhiều nghề và làng nghề thủ công cũng được khởi sắc để đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng địa phương và phục vụ cho thị trường du lịch như làm nón, làm hương ở Huế, làm hoa giấy Thanh Tiên, vẽ tranh dân gian làng Sinh, dệt Zèng A Lưới... Các nghề và làng nghề gần đây cũng được đầu tư có chiều sâu về vốn và khoa học công nghệ để mở rộng thị trường, khai thác tiềm năng, trong đó đáng chú ý là các hội thảo và trưng bày sản phẩm có thương hiệu trong hội chợ qua các kỳ Festival nghề do thành phố Huế tổ chức vào các năm lẻ, đã đưa các mặt hàng thủ công Huế tiếp cận thị trường quốc gia và quốc tế².

Du lịch di sản danh nhân cũng là một hướng phát triển đầy tiềm năng của Thừa Thiên Huế. Ở đây có di sản lịch sử về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong mười năm thời niên thiếu với nhiều địa chỉ cho khách tham quan: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Trường Quốc học, ngôi nhà ở đường Mai Thúc Loan, ngôi nhà ở làng Dương Nỗ, công viên 3/2 (trước Trường Đại học Sư phạm), mộ bà Hoàng Thị Loan ở núi Bân... Trong mười năm cuối đời, cụ Phan Bội Châu đã sống và chuyển giao tư tưởng yêu nước cho nhân

1. Đỗ Bang: *Di sản văn hóa Huế với du lịch; vấn đề bảo tồn và phát triển*, Sđd, tr.419.

2. Đỗ Quỳnh Hương: *Vai trò của di sản văn hóa Huế trong việc xây dựng và khẳng định thương hiệu du lịch Thừa Thiên Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2016, tr.436.

dân tại dốc Bến Ngự, nay để lại nhiều di tích vô giá, trở thành điểm đến hấp dẫn cho du khách nhiều nước, nhất là Nhật Bản... Các địa chỉ này hằng năm được tổ chức nhiều sự kiện quan trọng, đón nhiều lãnh đạo quốc gia và khách quốc tế đến thăm¹.

Thừa Thiên Huế cũng là vùng đất lưu giữ những giá trị nghệ thuật ẩm thực với gần 1.700 món ăn cung đình và dân gian độc đáo, hấp dẫn. Món ăn Huế đạt đến đỉnh cao ẩm thực khi kết tinh được giá trị văn hóa, lịch sử, phong tục, tập quán, nghệ thuật của ba miền đất nước và dưới bàn tay tài hoa của các “nghệ nhân - đầu bếp” xứ Huế, các món ăn ở đây có hương vị rất riêng, đã trở thành một thương hiệu hấp dẫn cho nền văn hóa ẩm thực Việt Nam. Một trong những yếu tố cốt lõi cấu thành nên ẩm thực Huế chính là ẩm thực Cung đình Huế. Cùng với quá trình phát triển du lịch Thừa Thiên Huế, ẩm thực Cung đình Huế ngày càng được mở rộng và đã trở thành sản phẩm du lịch văn hóa độc đáo mà đỉnh cao là sự hiện diện của những bữa tiệc cung đình được tổ chức trong khuôn khổ của những Đêm Hoàng cung trong các kỳ Festival Huế. Với sự kết hợp tinh tế các yếu tố đặc sắc của văn hóa cung đình, dịch vụ ẩm thực Cung đình Huế là một trong những dịch vụ mang tính đặc thù và có sức thu hút lớn đối với cả du khách trong và ngoài nước².

Phát huy lợi thế di sản văn hóa Huế - nguồn tài nguyên quý giá, ngành kinh tế - du lịch kết hợp với những tiềm năng khác của tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những bước phát triển khá toàn diện và bền vững, trở thành một trong những trung tâm văn hóa - du lịch lớn của cả nước, thực hiện sự liên kết phát triển với các tuyến du lịch của hành lang Đông - Tây và các điểm du lịch Phong Nha - Cố đô Huế - Hội An - Mỹ Sơn, hình thành nên “Con đường di sản miền Trung”³.

Tuy có nhiều chuyển biến theo chiều hướng tích cực về thị trường du lịch thông qua di sản văn hóa, nhưng Huế vẫn chưa khai thác hết tiềm năng của mình về các phương diện tổ chức liên kết, quảng bá, tạo nên sản phẩm và thị trường mới.

Để khai thác, phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống và đương đại một cách hiệu quả thì cần có một hệ thống thiết chế văn hóa xứng tầm, tuy nhiên, đến nay, các thiết chế văn hóa cơ bản của Thừa Thiên Huế đang còn rất hạn chế, nếu không nói là rất thiếu, yếu và lạc hậu; tiêu biểu là hệ thống nhà hát, bảo tàng, thư viện... Nếu không kể Nhà hát Sông Hương được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đầu tư (hiện giao cho Học viện Âm nhạc Huế quản lý), Thừa Thiên Huế hiện có 2 nhà hát (Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Cung đình Huế và Nhà hát Ca kịch Huế) đều có cơ sở vật chất chưa

1. Đỗ Bang: *Di sản văn hóa Huế với du lịch; vấn đề bảo tồn và phát triển*, Sđd, tr.420.

2. Nguyễn Tất Thắng, Đặng Quốc Tuấn, Chu Tiến Lực: *Ẩm thực Cung đình Huế - đỉnh cao của giá trị ẩm thực ba miền trong lịch sử và một số giải pháp nhằm nâng cao giá trị chất lượng dịch vụ ẩm thực Cung đình Huế hiện nay*. In trong: *Hà Nội - Huế - Sài Gòn - dòng sinh mệnh dân tộc nhìn từ các đô thị văn hiến*, Nxb. Hà Nội, 2020, tr.277.

3. *Di sản văn hóa Huế - Động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội Thừa Thiên Huế*: <http://ketluan48.thuathienhue.gov.vn/default.asp?sel=detail&id=10042>.

phù hợp và tương xứng với vị thế vốn có. Thêm nữa, chúng ta cũng chưa có hệ thống nhà hát/điểm biểu diễn thính phòng dành cho ca Huế đạt chuẩn trong khi đây là một di sản độc đáo, là sản phẩm chính về du lịch dịch vụ... Hiện Thừa Thiên Huế có 7 bảo tàng (5 bảo tàng công lập, 2 bảo tàng ngoài công lập) nhưng ngoài Bảo tàng Hồ Chí Minh được đầu tư xây dựng ở mức độ vừa phải (cách đây đã 20 năm), cả 6 bảo tàng còn lại đều có cơ sở vật chất rất hạn chế, không phù hợp với quy mô, cách thức, yêu cầu về trưng bày, khai thác của bảo tàng đúng nghĩa, thậm chí còn có 2 bảo tàng mới có tên chứ chưa có trụ sở (Bảo tàng Mỹ thuật Huế và Bảo tàng Duyên hải miền Trung). Thư viện tỉnh tuy được đầu tư xây dựng khá bài bản nhưng nay lại sắp phải di dời do quy hoạch mới...¹.

Từ bất cập trên, theo chúng tôi cần có giải pháp cụ thể cho vấn đề này là: Trong quy hoạch phát triển Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 cần đặc biệt quan tâm quy hoạch và đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ bản trên cùng với việc quy hoạch xây dựng các thiết chế văn hóa mới cho Huế như bảo tàng nghệ thuật, bảo tàng danh nhân, đặc biệt là hệ thống bảo tàng ngoài công lập; nhà hát ca Huế thính phòng; xây dựng và củng cố hệ thống thư viện, phòng đọc phù hợp với thời đại số hóa; đầu tư phát triển Tủ sách Huế... Cần nhận thức đầy đủ rằng, các thiết chế đó không chỉ là bộ mặt văn hóa vùng đất mà còn góp phần quan trọng để bảo tồn, khai thác và phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa phong phú của cố đô Huế.

Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa”². Do đó, trong chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến 2045, Thừa Thiên Huế cần đặc biệt quan tâm để đưa những nội dung này thành các kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả nhằm đưa văn hóa Huế ngày một phát triển, xứng tầm với vị thế “*trung tâm Văn hóa của đất nước mang tầm quốc tế*”.

*

* *

Để bảo tồn bản sắc văn hóa Huế, phát triển du lịch di sản, chúng ta cần có một tầm nhìn chiến lược cùng sự chung tay của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Trên đây chỉ là một số nội dung quan trọng, nổi bật nhất

1. Phan Thanh Hải: “Đề Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm văn hóa đặc sắc của cả nước và khu vực Đông Nam Á”, Tập san Hội đồng nhân dân tỉnh, số tháng 10/2021, tr.35-36.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

trong nhiều vấn đề về văn hóa Huế với vấn đề bảo tồn và phát triển du lịch di sản mà chúng ta cần thực sự quan tâm và có những chính sách phù hợp nếu Thừa Thiên Huế quyết tâm lựa chọn con đường phát triển dựa trên nền tảng của văn hóa, di sản, môi trường tự nhiên và thông minh.

Thêm một tín hiệu vui là sau gần 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12 của Bộ Chính trị, bước đầu triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, ngày 24/5/2021, Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế đã chuẩn y và ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước, khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030 với những mục tiêu và giải pháp phù hợp. Và từ ngày 1/7/2021, thực hiện Nghị quyết số 1264/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành phố Huế đã được mở rộng địa giới, từ 70km² lên 265,99km² với 36 phường, xã và hơn 652.000 dân, các hạ tầng cơ sở, trong đó có các thiết chế về văn hóa sẽ được đầu tư đồng bộ, tương xứng. Có thể nói, đó chính là những cơ sở và tiền đề vô cùng quan trọng để cố đô Huế thực hiện thành công các mục tiêu đã đề ra, sớm đưa Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản, văn hóa cùng bản sắc truyền thống Huế.

ĐẦU TƯ VĂN HÓA VÀ CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA - TIỀM LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

TS. LÊ THỊ NGỌC ĐIỆP*

Công nghiệp văn hóa là khái niệm ra đời từ lâu trên thế giới. Ở Việt Nam những năm gần đây, “đầu tư văn hóa” (hay đầu tư cho văn hóa) và “công nghiệp văn hóa” là những cụm từ thường xuyên xuất hiện trong các nghị quyết của Đảng, quyết định, nghị định, chỉ thị, thông tư của các bộ, ngành liên quan đến lĩnh vực văn hóa, các bài báo khoa học, tin tức trên báo chí truyền thông. Năm 2014, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, nêu mục tiêu cụ thể và nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Năm 2016, trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1755/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, nêu quan điểm các ngành công nghiệp văn hóa là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, định hướng tập trung phát triển một số ngành sẵn có lợi thế, tiềm năng trong 12 ngành công nghiệp văn hóa gắn với quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Đây là định hướng rất quan trọng để triển khai đầu tư văn hóa để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế cùng với xu hướng phát triển của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang diễn ra trên toàn cầu.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, nên nói đến văn hóa Việt Nam là nói đến một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, có thể thấy một số ngành/lĩnh vực có thế mạnh, có tiềm năng, là điểm nhấn quan trọng trong đầu tư văn hóa để phát triển như ẩm thực, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, du lịch văn hóa... Bên cạnh đó, Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ về kinh tế và kỹ thuật, đây là

* Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

tiền đề quan trọng tiếp theo cho việc đầu tư xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa tạo giá trị kinh tế, vừa góp phần xây dựng, quảng bá thương hiệu quốc gia, vừa củng cố sức mạnh mềm phát triển bền vững đất nước.

1. Một số khái niệm công nghiệp văn hóa

Thuật ngữ “công nghiệp văn hóa” xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1947 trong công trình *Dialectic of Enlightenment* (Biện chứng của khai sáng) của hai nhà nghiên cứu Adorno và Horkheimer thuộc trường phái Frankfurt. Theo Adorno và Horkheimer, các sản phẩm văn hóa được tính toán kỹ cho nhu cầu tiêu thụ của đại chúng và do đó chúng được sản xuất ít hay nhiều theo kế hoạch; “công nghiệp” không những nhằm chỉ quá trình sản xuất mà còn chỉ sự tiêu chuẩn hóa các sản phẩm cũng như hợp lý hóa kỹ thuật liên quan đến việc cung ứng, phân phối sản phẩm. Tuy nhiên, quan điểm của Adorno và Horkheimer có ý phê phán sự khai thác có tính thương mại tính sáng tạo của con người¹.

Ở mỗi quốc gia, mỗi tổ chức khác nhau lại có những quan điểm khác nhau về nội hàm của công nghiệp văn hóa. UNESCO quan niệm “công nghiệp văn hóa” là một thuật ngữ chỉ các ngành công nghiệp mà có sự kết nối giữa sáng tạo, sản xuất và thương mại hóa các sản phẩm văn hóa (vật thể và phi vật thể) và các nội dung sáng tạo được bảo vệ bản quyền. Khái niệm công nghiệp liên quan đến sản phẩm hàng hóa, còn khái niệm văn hóa thường diễn đạt ý niệm trừu tượng về giá trị, hai khái niệm này gắn kết với nhau cho thấy sức mạnh tiềm ẩn của văn hóa về phương diện kinh tế mà trước đây ít được chú ý. Bên cạnh thuật ngữ *công nghiệp văn hóa* (cultural Industries) còn có một số thuật ngữ khác như: *Công nghiệp sáng tạo* (Creative Industries), *Công nghiệp giải trí* (Entertainment Industries), *Nền kinh tế sáng tạo* (Creative Economy), *Công nghiệp bản quyền* (Copyright Industries)... Trong Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam quan niệm: “Công nghiệp văn hóa là sự ứng dụng những tiến bộ khoa học - công nghệ và kỹ năng kinh doanh, sử dụng năng lực sáng tạo, nguồn vốn văn hóa để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, hưởng thụ văn hóa của người dân”².

Như vậy, có thể hiểu công nghiệp văn hóa là sự kết hợp giữa khoa học - kỹ thuật và sự sáng tạo của con người trong lĩnh vực văn hóa thể hiện sự gắn kết giữa văn hóa và kinh tế, văn hóa là nội lực cho sự phát triển kinh tế. Công nghiệp văn hóa là sản phẩm của sự sáng tạo, do đó liên quan trực tiếp đến quyền sở hữu trí tuệ.

1. Trần Nho Thìn: “Công nghiệp văn hóa”, Tạp chí Văn hóa Nghệ An online, truy cập ngày 16/12/2019.

2. Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Ở nước ta hiện nay, việc phát triển ngành công nghiệp văn hóa đang trở thành một yêu cầu cấp thiết. “Công nghiệp văn hóa” được định nghĩa: là việc sản xuất, tái sản xuất và truyền bá các dịch vụ văn hóa và sản phẩm văn hóa được tạo ra bằng phương thức công nghiệp hóa, tin học hóa, thương phẩm hóa. Là ngành nghề sản xuất sản phẩm văn hóa và cung cấp dịch vụ văn hóa, công nghiệp văn hóa lấy sự thỏa mãn nhu cầu văn hóa của mọi người làm mục tiêu chủ yếu. Về phạm vi của ngành nghề, công nghiệp văn hóa bao gồm ngành sáng tạo và biểu diễn nghệ thuật, dịch vụ tin tức, vui chơi giải trí, đào tạo văn nghệ sĩ và kinh doanh tác phẩm nghệ thuật, ngành phát hành, xuất bản, ngành phát thanh truyền hình, điện ảnh, video, quảng cáo....

Trong Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định mục tiêu cụ thể phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam như sau: “Phần đầu doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 3% cho GDP và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, cụ thể các ngành như: Điện ảnh đạt 150 triệu USD; Nghệ thuật biểu diễn đạt 16 triệu USD; Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm đạt 80 triệu USD; Quảng cáo đạt 1.500 triệu USD; Du lịch văn hóa chiếm 10 - 15% trong số 18.000 triệu USD doanh thu từ khách du lịch”.

2. Công nghiệp văn hóa - ngành kinh tế đặc biệt

Sớm được coi là một ngành kinh tế đặc biệt bởi những minh chứng từ các nước có ngành công nghiệp văn hóa phát triển mang lại siêu lợi nhuận, sản phẩm công nghiệp văn hóa cơ bản chính là sự kết tinh từ sáng tạo văn hóa và khoa học - công nghệ, vận dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin để có thể góp phần bảo vệ, phát huy và quảng bá nền văn hóa của các quốc gia ra thế giới. Nếu chúng ta có khả năng nắm bắt và làm chủ kỹ năng kinh doanh sẽ mang lại thành công trong ngành này, bởi công nghiệp văn hóa với tư cách là một lĩnh vực công nghiệp nên lợi ích kinh tế được chú trọng quan tâm.

Việt Nam đã đề ra mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trở thành những ngành kinh tế quan trọng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm cho xã hội¹. Năm 2019, lần đầu tiên, Việt Nam lọt top 60 nền kinh tế sáng tạo nhất thế giới, do công ty dịch vụ thông tin danh tiếng Bloomberg xếp hạng dựa trên 7 tiêu chí phổ quát. Bên cạnh đó, các ngành khác của công nghiệp văn hóa cũng tăng trưởng mạnh mẽ, không chỉ đem lại hiệu quả kinh tế mà còn thúc đẩy, quảng bá các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới, tiêu biểu phải kể đến các lĩnh vực ẩm thực (các món: phở, bánh xèo, cà phê phin...), trang phục (thế giới biết đến Việt Nam với áo dài, nón lá...), điện ảnh (các bộ phim tham gia liên hoan phim quốc tế: “Mùi đu đủ xanh”, “Chào buổi sáng, Việt Nam”...; mang lại doanh thu “khủng” như “Hai

1. Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Phượng”, “Bố già” ...)... Cũng trong năm này, thống kê riêng của các rạp chiếu phim lớn trên cả nước, tổng doanh thu màn ảnh Việt đạt trên 4,1 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 178 triệu USD¹. Những tín hiệu khả quan về doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam những năm gần đây, khiến Việt Nam mạnh dạn đề ra chiến lược phát triển và đầu tư mạnh mẽ cả về chất và lượng để công nghiệp văn hóa sớm trở thành trụ cột kinh tế của đất nước, cụ thể đặt tỷ trọng phải đạt được của công nghiệp văn hóa trong GDP Việt Nam là 3% vào năm 2020 và 7% vào năm 2030².

Ở các quốc gia khác, công nghiệp văn hóa sớm đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế. Khu vực Đông Bắc Á tiêu biểu có Nhật Bản và Hàn Quốc, công nghiệp văn hóa đóng góp nguồn thu nhập lớn cho tổng sản phẩm trong nước (GDP), cụ thể, Nhật Bản đầu tư có trọng điểm vào các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp doanh thu hằng năm khoảng 7%, thu hút 5% nhân công lao động của toàn quốc; nhấn mạnh vào các lĩnh vực nổi bật đặc trưng của đất nước là truyện tranh Manga, Anime, phim hoạt hình với doanh thu hợp đồng bản quyền và các sản phẩm có liên quan. Tại Hàn Quốc, nổi tiếng với chiến lược xuất khẩu lớn về văn hóa đại chúng, phim ảnh và ca nhạc từ những năm 1990, sau đó tạo hiệu ứng thu hút phát triển du lịch mạnh mẽ cùng với các sản phẩm văn hóa liên quan như ẩm thực, trang phục, mỹ phẩm... mang thương hiệu Hàn Quốc; qua đó đóng góp của lĩnh vực công nghiệp văn hóa cho GDP là hơn 6% và có xu hướng tăng trong những năm sau³. Điểm nhấn nữa có thể thấy, công nghiệp văn hóa Hàn Quốc được đánh giá cao về khả năng tiếp cận và lan tỏa sâu rộng, đa chiều đến người dùng trong và ngoài nước thông qua các mạng lưới truyền thông số và các kênh truyền thông khác dựa vào sự phát triển của công nghệ thông tin. Hiệu ứng lan tỏa từ sản phẩm công nghiệp văn hóa trực tiếp đến người dùng đã đóng góp lợi nhuận cao, đặc biệt hiệu ứng gián tiếp thông qua các sản phẩm văn hóa cũng có đóng góp đáng kể như mỹ phẩm “Made in Korea” xuất khẩu ra nước ngoài, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó các sản phẩm văn hóa Hàn Quốc cũng góp phần nâng cao uy tín quốc gia và khẳng định vai trò đóng góp quan trọng của công nghiệp văn hóa vào sự phát triển của nền kinh tế - tiềm lực phát triển bền vững đất nước.

Công nghiệp văn hóa sản xuất theo nhu cầu của thị trường, phục vụ cho đời sống sinh hoạt và tinh thần của con người, vừa bảo tồn phát huy giá trị truyền thống vừa sáng tạo giá trị mới thích ứng với đông đảo quần chúng, hình thành nên thị trường tiêu thụ lớn. Do vậy, sản phẩm công nghiệp văn hóa được sáng tạo phải quan tâm đến thị hiếu, nhu cầu thụ hưởng,... của cộng đồng tiêu thụ; kết hợp hài hòa giữa

1. <https://congthuong.vn/cong-nghiep-van-hoa-co-nhieu-co-so-de-phuc-hoi-160982.html> (truy cập ngày 27/10/2021).

2. Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Xem thêm Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Thắm, Hà Thị Lan Phi: “Công nghiệp văn hóa Nhật Bản và Hàn Quốc”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 8 (105), 2016.

truyền thống và hiện đại, giữa giá trị văn hóa và giá trị kinh tế. Một sản phẩm công nghiệp văn hóa được cộng đồng đón nhận trước tiên phải bảo đảm đáp ứng nhu cầu của đông đảo người tiêu thụ, đẹp, bắt mắt, mang tính đặc thù văn hóa và một chiến lược quảng bá sản phẩm ấn tượng, đi sâu vào lòng người. Yếu tố sáng tạo đi kèm vấn đề bảo vệ bản quyền sở hữu trí tuệ và khai thác khoa học công nghệ tiên tiến là ưu tiên hàng đầu của ngành công nghiệp văn hóa, tạo cơ hội tiếp cận thị trường, hội nhập toàn diện và bắt kịp xu thế phát triển kinh tế của thế giới.

Mặc khác, công nghiệp văn hóa còn giải quyết nhu cầu việc làm, mở ra nhiều cơ hội làm việc và đem lại sự giàu có cho cá nhân và xã hội. Đặc biệt, thành phần lao động trong các ngành công nghiệp văn hóa được đánh giá là khá trẻ, năng động và sáng tạo. Theo Thống kê của UNESCO công bố năm 2017, công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) tạo công ăn việc làm cho 29,5 triệu lao động trên toàn cầu với gần 20% thành phần lao động ở độ tuổi từ 15 đến 29¹. Chính ngành công nghiệp văn hóa đã và đang đưa ra nhiều giải pháp mô hình sáng tạo về phát huy giá trị văn hóa và thúc đẩy kinh tế, sản xuất, gia tăng thu nhập và giảm nghèo kiểu mới. Theo nghiên cứu ở Việt Nam, nguồn nhân lực tham gia vào các ngành công nghiệp văn hóa có năng lực sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ, năng lực tiếp cận khoa học - công nghệ... cùng với những tính cách văn hóa đặc trưng của dân tộc (cần cù, đoàn kết, trung thực, nghĩa tình...) đã thúc đẩy phát triển văn hóa và tăng trưởng kinh tế, kinh tế tăng thì cá nhân, tập thể cũng có lợi ích, trước mắt là thu nhập tăng. Mặt khác, đặc thù tính chất ngành, yêu cầu nguồn nhân lực phải chủ động, tích cực trong việc tự phát triển bản thân, rèn luyện tư duy, tiếp cận công nghệ số, thường xuyên nâng cao trình độ học vấn nhằm đáp ứng yêu cầu tham gia các ngành công nghiệp văn hóa luôn biến đổi, bắt kịp xu hướng hội nhập và giao lưu văn hóa thế giới.

3. Đầu tư văn hóa để phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam

Trong một buổi làm việc với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã nêu quan điểm rằng “Đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển”, qua đó nhấn mạnh vai trò quan trọng và mối quan hệ của ngành với sức mạnh tổng thể của đất nước, của dân tộc trong quá trình phát triển; yêu cầu thay đổi tư duy, nhận thức trong cách quản lý văn hóa, khơi gợi tiềm năng truyền thống văn hóa - lịch sử của dân tộc để thực sự trở thành nguồn lực phát triển, bên cạnh việc tăng cường đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ số, nắm bắt xu thế thời đại, học tập kinh nghiệm thành công trong các lĩnh vực công nghiệp văn hóa của các nước đi đầu trên thế giới nhằm mạnh dạn đầu tư để công nghiệp văn hóa phát triển hơn nữa, trở thành tiềm lực phát triển bền vững đất nước.

1. <https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/khong-gian-sang-tao-voi-viec-phat-trien-cong-nghiep-van-hoa-o-ha-noi-mo-vang-cho-khai-pha-665993> (truy cập ngày 26/10/2021).

Đầu tư cho văn hóa chính là đầu tư cho đời sống tinh thần của một xã hội, trong đó con người sẽ là trọng tâm của đầu tư văn hóa. Với cách tiếp cận này, đầu tư cho văn hóa là đầu tư hướng đến tương lai, cần có tầm nhìn, đôi lúc phải vượt qua những nền tảng kinh tế - xã hội hiện tại, vượt qua những thiếu cận để có những sản phẩm mang dấu ấn thời đại. Chính vì vậy, nguồn lực tài chính chỉ là một phần trong đầu tư cho văn hóa, còn những đầu tư khác quan trọng hơn, đó là nguồn lực con người, cơ bản hội tụ đầy đủ các phẩm chất của nhân lực chất lượng cao đáp ứng với ngành (như đã trình bày ở trên). Đầu tư này mang tính lâu dài, có sự kế thừa, vừa tạo nền tảng song lại phải chú ý đến các cá nhân đỉnh cao.

Ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam một khi tham gia vào thị trường khu vực và thế giới cần tạo một sự khác biệt. Điển hình trong bối cảnh đại dịch COVID-19 hiện nay, theo ông Hà Văn Siêu - Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch Việt Nam cho biết: “Người kinh doanh dịch vụ du lịch phải sẵn sàng tâm thế chuẩn bị sản phẩm, dịch vụ chất lượng, gia tăng hàm lượng về văn hóa cũng như đầu tư sức sáng tạo nhiều hơn, tinh tế hơn, sao cho đúng, trúng nhu cầu. Như vậy, việc phát triển ngành công nghiệp văn hóa chính là góp phần tạo ra cơ hội mới, nguyên liệu mới, sản phẩm và dịch vụ mới để thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa nói riêng, ngành kinh tế nói chung. Ngược lại, phát triển du lịch sẽ đánh thức yêu cầu cần phải đẩy mạnh đầu tư cho phát triển công nghiệp văn hóa”¹.

Cần thay đổi nhận thức, tư duy về vai trò và vị trí của văn hóa, bởi văn hóa định hướng giá trị, nhận thức và tư duy cho cả một xã hội; là một bộ phận của kinh tế, tạo công ăn việc làm, góp phần tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng kinh tế tri thức. Việc khai thác vốn văn hóa dân tộc cần được quan tâm sâu sát, Việt Nam có nền văn hóa đa dạng với thành phần 54 tộc người, với bề dày lịch sử và quá trình giao thoa giữa các nền văn hóa, sẽ kích thích sự tò mò và thị hiếu tiêu dùng làm nền tảng nội dung để các ngành công nghiệp văn hóa khai thác và phát triển. Nếu có sự am hiểu, quan tâm và đầu tư đúng mục sẽ xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, duy trì và tô đậm bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng, mang lại nguồn lợi kinh tế quốc gia.

Ông Bùi Hoài Sơn (Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) bày tỏ quan điểm kỳ vọng tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng rằng, Việt Nam sẽ đầu tư xứng đáng để phát huy nguồn lực kinh tế từ các giá trị văn hóa. Theo đó, ông nhấn mạnh: “Sản phẩm văn hóa không đơn thuần mang tính giải trí, nó ảnh hưởng đến cuộc sống, xã hội, đến bản sắc dân tộc. Văn hóa còn có sức mạnh kinh tế rất lớn, hỗ trợ phát triển đất nước”². Tuy nhiên, tiềm năng

1. <https://congthuong.vn/cong-nghiep-van-hoa-co-nhieu-co-so-de-phuc-hoi-160982.html> (truy cập ngày 27/10/2021).

2. <https://arttimes.vn/pgs-ts-bui-hoai-son-can-som-the-che-cac-quan-diem-ve-phat-trien-van-hoa-a6812.html> (truy cập ngày 24/10/2021).

chỉ mới là nguồn đầu vào để tạo ra các sản phẩm văn hóa. Để tiềm năng văn hóa được đánh thức trở thành động lực kinh tế và tiềm lực phát triển đất nước bền vững cần sự đầu tư phát triển, sản xuất mới ngành công nghiệp văn hóa dựa trên trí tuệ, sức sáng tạo, công nghệ tiên tiến, quá trình tổ chức và sản xuất sản phẩm cùng kỹ năng quản lý trong nền kinh tế thị trường.

4. Khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Để đầu tư văn hóa và nâng cao nhận thức về phát triển công nghiệp văn hóa là một ngành kinh tế đặc biệt - tiềm lực phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, qua quá trình hoạt động và phát triển của ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam, chúng tôi khuyến nghị một số chính sách phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về phát triển công nghiệp văn hóa đối với sự phát triển đất nước trong thế kỷ XXI; hoàn thiện cơ chế, chính sách văn hóa và ưu tiên, xác định trọng điểm đầu tư một số ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế, tiềm năng nhằm tạo ra bước đột phá, không để phát triển đánh đồng như hiện tại. Cần có lộ trình, tiếp tục đầu tư một số ngành còn lại, tạo điều kiện, khuyến khích sáng tạo, thông qua các hình thức hoạt động hỗ trợ, tài trợ, đặt hàng, tổ chức các cuộc thi, triển lãm, hội chợ/lễ hội...

Thứ hai, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành công nghiệp văn hóa, có chiến lược, kế hoạch đào tạo mới, đào tạo lại, bồi dưỡng nhân lực hiện có, nhằm bảo đảm trang bị đầy đủ về trình độ chuyên môn quản lý văn hóa, có khả năng sáng tạo, tiếp thu khoa học kỹ thuật và ứng dụng công nghệ cao, khả năng hội nhập, thích ứng linh hoạt với môi trường toàn cầu. Ngoài ra, mở rộng hợp tác đào tạo quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực; đẩy mạnh xã hội hóa để huy động nguồn nhân lực vào việc xây dựng và phát triển những cơ sở đào tạo nhân lực đạt đẳng cấp quốc tế và khu vực hướng đến nguồn nhân lực chất lượng cao, cạnh tranh có hiệu quả.

Thứ ba, tăng cường chiến lược truyền thông, quảng bá sản phẩm công nghiệp văn hóa ra bên ngoài trên các phương tiện truyền thông đại chúng và công nghệ số, bởi thông qua hoạt động truyền thông, quảng cáo sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao; chú trọng nhấn mạnh những giá trị văn hóa Việt Nam đặc sắc gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đồng thời, xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm, dịch vụ văn hóa trực tiếp và gián tiếp nhằm ghi dấu ấn Việt Nam với cộng đồng khu vực và trên thế giới, góp phần tăng trưởng kinh tế bằng chính nội lực văn hóa của mình. Tuy nhiên, cần có biện pháp đánh giá và kiểm soát hoạt động quảng cáo và văn hóa quảng cáo tránh gây tác động ngược đến văn hóa và mục đích kinh doanh.

Thứ tư, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia, cán bộ làm công tác khoa học, chuyển giao công nghệ. Huy động trí tuệ, kinh nghiệm đội ngũ các nhà khoa học, nhà văn hóa học và các chuyên gia quản trị kinh doanh nhằm khai thác, xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa Việt Nam, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững đất nước.

5. Kết luận

Văn hóa và nâng cao nhận thức về công nghiệp văn hóa trong giai đoạn toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay đóng vai trò quan trọng. Qua phân tích về vai trò của các ngành công nghiệp văn hóa, có thể nhận thấy các ngành công nghiệp văn hóa không chỉ là tài sản chiến lược trong chính sách ngoại giao, hợp tác quốc tế, giúp củng cố tính độc đáo của quốc gia mà nó còn đóng vai trò then chốt trong việc gia tăng giá trị, truyền bá và thúc đẩy bản sắc văn hóa. Hơn thế, các ngành công nghiệp văn hóa còn là công cụ hữu hiệu cho đổi mới và phát triển kinh tế bền vững, biến văn hóa trở thành một thành tố quan trọng của thương mại và cạnh tranh quốc tế. Việc đầu tư văn hóa và phát triển công nghiệp văn hóa là cần thiết và phù hợp với xu thế hội nhập hiện nay.

Mặc dù Việt Nam tiếp cận với lĩnh vực công nghiệp văn hóa muộn hơn so với thế giới và các quốc gia khác trong khu vực, nhưng Đảng và Nhà nước luôn xác định được tầm quan trọng và có sự quan tâm đầu tư về văn hóa trong tiến trình phát triển đất nước với quan điểm chỉ đạo rõ ràng, cụ thể. Việc phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam đòi hỏi một chiến lược lâu dài và phải chấp nhận đối mặt với những thách thức của toàn cầu hóa văn hóa. Những chiến lược cần tập trung vào việc góp phần duy trì và phát triển văn hóa bản địa, xác định những ngành kinh tế chủ lực để tập trung nguồn lực cho phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- [2] Emiko Kakiuchi, Kiyoshi Takeuchi: *Creative Industries: Reality and Potential in Japan*, National Graduate Institute for Policy Studies. Tokyo, 2014.
- [3] Horkheimer, Max & Adorno, Theodor W. (1947/2002): *Dialectic of Enlightenment, Philosophical Fragments*, Stanford University Press.
- [4] Lê Ngọc Hùng: “Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghệ số”, *Tạp chí Công sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/822112/moi-quan-he-giua-tang-truong-kinh-te-va-phat-trien-van-hoa-trong-thoi-ky-cong-nghe-so.aspx, 2021.

- [5] Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
- [6] Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- [7] Ngô Thăng Lợi: “Tác động của tăng trưởng kinh tế đến phát triển văn hóa ở Việt Nam hiện nay”, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/495217/tac-dong-cua-tang-truong-kinh-te-den-phan-trien-van-hoa-o-viet-nam-hien-nay.aspx>, 2019.
- [8] Nhóm phóng viên văn hóa - xã hội: “Phát triển công nghiệp văn hóa: Khai nguồn cho những dòng chảy”, <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Van-hoa/1007977/phan-trien-cong-nghiep-van-hoa-khai-nguon-cho-nhung-dong-chay>, 2021.
- [9] Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Thắm, Hà Thị Lan Phi: “Công nghiệp văn hóa Nhật Bản và Hàn Quốc”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 8 (105), 2016.
- [10] Phan Ngọc: *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2013.
- [11] Quách Vạn Siêu: *Từ điển công nghiệp văn hóa Trung Quốc*, Bắc Kinh, Nxb. Kinh tế Trung Quốc, 2015.
- [12] Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- [13] Thiện Mỹ: ““Sức mạnh mềm” cho phát triển”, <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Luan-ban-Hanh-dong/1007975/suc-manh-mem-cho-phan-trien>, 2021.
- [14] Throsby, D.: *Economics and culture*, Cambridge, Cambridge University Press, 2001.
- [15] Trần Hoàng Hoàng: “Nhận diện công nghiệp văn hóa”, <https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/bai-1-nhan-dien-cong-nghiep-van-hoa-574505>, 2019.
- [16] Trần Nho Thìn: “Công nghiệp sáng tạo và văn hóa”, Chuyên mục Góc nhìn văn hóa, Báo *Văn hóa Nghệ An điện tử*, 2015.
- [17] UNESCO: *Cultural Industries - a challenge for the future of culture*, Paris: UNESCO, 1982.
- [18] UNESCO: *Cultural Times, the first Global Map of Cultural and Creative Industries*, Paris: EYGM Limited, 2015.
- [19] Vũ Đức Thanh, Hoàng Khắc Lịch: “Công nghiệp văn hóa”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 7, 2016.

BẢN SẮC VĂN HÓA NAM BỘ: VẤN ĐỀ KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG VĂN HÓA CON NGƯỜI VIỆT NAM VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

PGS.TS. LÂM NHÂN*

Vấn đề xây dựng Việt Nam cường thịnh, phát triển đất nước là mong muốn, khao khát của mỗi con người Việt Nam. Phát huy nội lực văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu và cần thiết trong bối cảnh xã hội hiện nay ở Nam Bộ và của cả nước. Tuy nhiên, hội nhập như thế nào, tiếp thu cái gì của thế giới, của nhân loại để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể là câu chuyện cần bàn. Tiếp thu cái tinh hoa đâu phải dễ dàng nếu như chúng ta không có nội lực, một nền tảng vững chắc. Con người, muốn học được cái hay, cái tốt thì cần phải có những chuẩn mực về lối sống, nếp sống, phong cách văn hóa, được giáo dục thấm nhuần từ gia đình, cộng đồng, xã hội. Để hội nhập và phát triển, chúng ta cần phải chuẩn bị một nền tảng văn hóa vững bền mới có thể tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại,... Bài viết này tập trung phân tích những giá trị văn hóa ở Nam Bộ, các di sản văn hóa ở địa phương là cơ sở, nền tảng cho việc hội nhập và phát triển hiện nay.

1. Khái quát về văn hóa con người Nam Bộ nhìn từ góc độ di sản văn hóa

Trong tiến trình phát triển và hội nhập, mỗi quốc gia đều dựa vào nền tảng đó chính là di sản văn hóa. Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của mỗi dân tộc, vùng miền sẽ là cơ sở, nền tảng cho sự phát triển. Muốn phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế, đầu tiên, chúng ta tiếp cận từ góc độ di sản. Để tìm hiểu di sản tổng thể ở Việt Nam thì quá rộng, tôi xin mạn bàn về di sản ở Nam Bộ. Trên cơ sở nghiên cứu ở địa phương, có thể nhìn nhận rộng hơn ở góc độ quốc gia.

Về phương diện lịch sử, Nam Bộ vốn là nơi hội tụ nhiều dòng chảy văn hóa: Trên 320 năm trước, Nam Bộ xưa là nơi tiếp nhận các nguồn lưu dân từ các tỉnh miền

* Chủ tịch Hội đồng trường, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung (Ngũ Quảng¹) và những di dân người Hoa. Đến thế kỷ XX, nhiều cư dân ở các tỉnh từ Bắc, Trung, Nam đến định cư, lập nghiệp. Trong đó, Sài Gòn trở thành một trong những trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước, đón nhận những ảnh hưởng của văn hóa Pháp, Mỹ qua các giai đoạn thăng trầm của lịch sử, sự hội nhập, cộng cư. Sự giao thoa từ văn hóa vật thể như các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các hệ thống hiện vật,... đến phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống, món ăn, thức uống, trang phục, sinh hoạt ma chay, cưới hỏi, lối sống, nếp sống,... tạo nên diện mạo văn hóa đa dạng ở Nam Bộ hiện nay.

Nam Bộ đang đóng vai trò một trung tâm kinh tế hàng đầu của Việt Nam. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là đầu tàu kinh tế của đất nước, thu hút một lượng lớn nguồn nhân lực từ các nơi đến để mưu sinh, cộng cư. Trong đó, văn hóa Nam Bộ là sợi dây liên kết giữa kinh tế và chính trị, đóng vai trò quan trọng cho hòa bình, hội nhập ở khu vực. Văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực để xây dựng và phát triển Nam Bộ trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Vì thế, cần phải xây dựng lối sống, phong cách văn hóa con người Nam Bộ sao cho phù hợp với bối cảnh hiện tại, vừa mang những giá trị chuẩn mực chung của con người Việt Nam, vừa có những giá trị riêng mang tính đặc trưng của vùng miền. Chính những giá trị, nền tảng văn hóa truyền thống quý báu của Nam Bộ là điều kiện, là cơ sở hết sức thuận lợi cho tiến trình phát triển và hội nhập. Tuy nhiên, đứng trước bối cảnh mới của hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa văn hóa, trước sự phát triển nhanh về kinh tế - xã hội, trước khối lượng và tốc độ di dân, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật,... những giá trị văn hóa địa phương đang có nguy cơ biến dạng, mai một và hỗn tạp đi rất nhiều.

Trên thực tế, do nhiều nguyên nhân, các di sản văn hóa của Nam Bộ đang bị lãng quên, hoặc không được đề cao, nên bị thất truyền, mai một đi rất nhiều. Một số lễ hội truyền thống, một thời kỳ bị xem là mê tín dị đoan đã bị cấm, hoặc diễn ra dưới hình thức khác mà bị méo mó đi nhiều; một số làng nghề thủ công truyền thống do hoạt động kinh tế thị trường xâm nhập, bị biến đổi nên việc hoạt động còn cầm chừng, thậm chí “thoi thóp”; nhiều nghệ nhân lưu giữ rất nhiều những tri thức dân gian tuổi đã cao lần lượt từ trần; nhiều loại hình diễn xướng dân gian, những giá trị văn hóa về phong tục, tập quán,... có nguy cơ bị mất đi vĩnh viễn mà không kịp ghi lại. Bên cạnh đó, do chịu tác động nhiều mặt của quá trình đô thị hóa và nền kinh tế thị trường, nhiều hình thái văn hóa, phong tục truyền thống có nguy cơ bị biến dạng, lai căng.

Trước tình hình đó, Nhà nước ta đã cố gắng tác động để xây dựng lối sống, phong cách văn hóa con người Việt Nam, góp phần phát triển bền vững đất nước. Trong đó, việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) làm nền tảng để phát triển là mục tiêu hàng đầu. Tuy nhiên, ngành Văn hóa nước ta nói chung, ở Nam Bộ nói riêng đang lúng túng trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa

1. Ngũ Quảng là các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên (Quảng Đức), Quảng Nam, Quảng Ngãi.

và xây dựng lối sống, phong cách văn hóa con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Bởi công việc đó đòi hỏi phải tiến hành một cách đồng bộ và hệ thống. Mặt khác, bản thân việc xác định giá trị của từng di sản văn hóa cũng không phải là đơn giản: Có những giá trị đã định hình trong đời sống của xã hội trước kia liệu có giá trị với cuộc sống hôm nay? Nếu có cần phải phát huy chúng trong cuộc sống đương đại như thế nào? Ngược lại, có những di sản rất có giá trị nhưng đã mất hoặc không còn điều kiện để tồn tại trong cuộc sống mới nữa thì cần phải làm gì để khôi phục và bảo tồn chúng. Trước những biến đổi và phát triển không ngừng của kinh tế, khoa học kỹ thuật và hội nhập quốc tế, chuẩn mực giá trị con người truyền thống liệu đã đầy đủ và phù hợp? Trong bối cảnh hiện nay, chuẩn mực con người một cách khái quát nhất ở quốc gia, khu vực vùng miền, dân tộc là những chuẩn mực gì và thực hiện xây dựng chuẩn mực đó như thế nào để có một nền văn hóa Việt Nam đa dạng, thống nhất?

Trong công tác quản lý văn hóa - xã hội, việc hiểu được giá trị văn hóa truyền thống, nắm bắt được thực trạng cũng như tiềm năng của văn hóa một cách cụ thể, khoa học và hệ thống sẽ đem lại những căn cứ khoa học để các nhà quản lý ở địa phương có thể điều chỉnh, tác động đến quá trình phát huy nội lực, xây dựng văn hóa con người, sức mạnh Việt Nam một cách hiệu quả hơn. Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm của phía Nam, đóng góp GDP chủ lực cho quốc gia, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố đông dân nhất của cả nước, năng động, sáng tạo trong hội nhập và phát triển. Vấn đề xây dựng văn hóa con người ở nơi đây được đặt ra một cách cấp bách. Vì đây không chỉ là trung tâm kinh tế mà còn là nơi hội tụ của nhiều dòng chảy văn hóa, là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội lớn nhất của cả nước.

2. Luận bàn những vấn đề khơi dậy nội lực, phát huy giá trị văn hóa Nam Bộ trong phát triển

Hội nhập quốc tế là xu hướng của tất cả các quốc gia phát triển và đang phát triển hiện nay. Tuy nhiên, để hội nhập, tiếp thu được tinh hoa văn hóa của nhân loại, chúng ta phải trang bị *vốn văn hóa* cần thiết. Chính cái vốn ấy làm nền tảng, cơ sở để tiếp nhận những tinh hoa. Thiếu *vốn văn hóa* khi hội nhập thì chỉ tiếp thu được cái xấu, cái thô mà thôi. Trong quá trình hội nhập, cần thiết phải nhìn nhận vấn đề xây dựng văn hóa, con người trong bối cảnh mới, rồi từ đó mới phát triển kinh tế. Sự phát triển của công nghiệp hóa, đô thị hóa quá nhanh, con người chỉ biết chạy theo mưu sinh, làm giàu sẽ dẫn đến sự mất cân bằng về văn hóa. Khi người Việt di cư vào Nam Bộ từ đầu thế kỷ XVII, cộng đồng người Việt luôn tôn trọng giá trị của văn hóa địa phương, học hỏi văn hóa của địa phương để bổ sung vào kho tàng văn hóa của mình mang theo vào vùng đất mới,... tạo nên một phong cách văn hóa Sài Gòn - Nam Bộ có những nét độc đáo, mang bản sắc của vùng miền. Cũng là người Việt nhưng sinh sống ở các địa phương, môi trường địa lý tự nhiên khác nhau sẽ có những giá trị

văn hóa tương đồng và khác biệt. Chỉ khi xác định được giá trị khái quát chung và những giá trị mang bản sắc địa phương mới có thể phát triển hài hòa, bền vững trong bối cảnh hiện nay.

Ngày nay, cùng với sự phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã dẫn đến sự di cư ồ ạt của một lực lượng lao động từ các vùng trên cả nước, cùng tập trung sinh sống ở các khu công nghiệp trong các tỉnh thành thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Khu vực này chưa xây dựng được những chuẩn mực văn hóa trong thời kỳ mới. Các cộng đồng dân cư mới đến cũng chưa quan tâm, chú trọng đến văn hóa truyền thống địa phương. Cái chuẩn mực trong thời kỳ mới thì chưa định hình, chuẩn mực truyền thống lại chưa được quan tâm. Chính sự thiếu hiểu biết, học hỏi, tôn trọng những giá trị văn hóa địa phương của người dân khi di cư đến vùng đất mới dần khiến vùng đất đó ngày càng mất đi bản sắc. Điều này có thể được thấy trong thời gian gần đây khi tại một số tỉnh thành có nhiều vụ án thể hiện sự xuống cấp tột cùng về văn hóa. Phải chăng đó là do phát triển “nóng”, là hệ quả của quá trình quá chú trọng phát triển kinh tế mà quên đi việc xây dựng nền tảng văn hóa. Sự “nhập gia tùy tục” thời điểm nào cũng còn nguyên giá trị cần phải học hỏi. Việc chuẩn bị xác định và xây dựng những hệ giá trị chuẩn mực mang tính khái quát của quốc gia và các chuẩn mực mang bản sắc địa phương một cách chậm chạp, tốc độ phát triển kinh tế, dân cư hội nhập một cách ồ ạt, tự phát sẽ dẫn đến các hệ lụy khôn lường.

Người viết cho rằng, khi vùng đất nào đó đã định hình rõ về các chuẩn mực văn hóa, sự di cư của các nhóm từ nơi khác đến sẽ là thiểu số và buộc nhóm thiểu số phải tôn trọng văn hóa địa phương. Nơi nào khi văn hóa địa phương chưa được định hình rõ, dân cư tại chỗ ít, sự di cư ồ ạt vào sẽ dẫn đến sự mất cân bằng, thậm chí là hỗn loạn về văn hóa và xã hội. Chẳng hạn ở Thành phố Hồ Chí Minh, những phường, khu vực trung tâm thành phố, khi văn hóa đã định hình rõ nét như Quận 1, Quận 3, Quận 5, Quận 6... sẽ khó có thể bị phai nhạt bởi sự di dân. Dân cư mới đến chỉ là thiểu số và phải học hỏi, tôn trọng văn hóa, phong cách ở nơi đã định hình. Tuy nhiên, những vùng ven Thành phố như quận Bình Tân, Bình Chánh, Tân Phú, Quận 9, Thủ Đức, các huyện ngoại thành như Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè,... các khu công nghiệp ngày càng phát triển, thu hút lực lượng lao động ở các nơi trong cả nước. Những cộng đồng cư dân truyền thống, đang lưu giữ các giá trị văn hóa mà đúng ra, người nơi khác đến phải học tập (nhập gia tùy tục) thì họ lại là thiểu số so với lực lượng lao động mới. Dân di cư mới đến vùng đất này do bận rộn trong công việc mưu sinh, họ cũng không có nhu cầu quan tâm đến bản sắc văn hóa địa phương. Cũng có thể nhóm này là số đông so với cư dân tại chỗ, không muốn học hỏi văn hóa ở địa phương. Chính vì vậy, mọi ứng xử văn hóa của nhóm này ở vùng đất mới theo giá trị, phong cách văn hóa chưa đầy đủ mà họ mang từ nơi họ sinh sống. Văn hóa có những giá trị đại đồng, nhưng cũng có những giá trị khu biệt. Văn hóa khu biệt đó chỉ có giá trị ở tại một khu vực, một cộng đồng. Ra khỏi cộng đồng

đó thì giá trị văn hóa ấy lại trở thành kịch côm, thậm chí đối nghịch với văn hóa ở nơi khác.

Xã hội truyền thống được cộng đồng làng quản lý, duy trì sự ổn định của cộng đồng “phép vua thua lệ làng”. Trong làng sẽ đặt ra những quy tắc ứng xử, những khuôn mẫu văn hóa để quản lý xã hội gói gọn trong khu vực nhất định. Những giá trị xã hội như chân, thiện, mỹ; nhân - nghĩa - lễ - trí - tín, công - dung - ngôn - hạnh,... hình thành lối sống, phong cách văn hóa, con người trong bối cảnh xã hội thời đó. Ngày nay, ngôi làng đã gần như không còn như xưa, quá trình hội nhập và phát triển rất nhanh, kinh tế ngày càng phát triển, “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Tuy nhiên, vì phát triển quá nhanh, con người sẽ lạc lõng trước bối cảnh biến đổi xã hội nếu chưa có sự chuẩn bị về lối sống, về phong cách văn hóa trong bối cảnh hội nhập. Khái niệm “sự xuống cấp văn hóa” mà hiện nay đang được nhiều phương tiện truyền thông sử dụng có lẽ cũng bắt nguồn từ sự mất cân đối trong phát triển như hiện nay.

Việc xác định hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam hiện vẫn còn nhiều điều đáng bàn, từ sau khi Nghị quyết số 33-NQ/TW ra đời năm 2014, nhiều hội thảo, đề tài nghiên cứu khoa học đã xây dựng và đưa ra các hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam. Những hệ giá trị này là rất đúng, phù hợp nhưng để đưa vào cuộc sống, để con người nhìn nhận thấy chuẩn mực để noi theo là rất khó. Ngày xưa hệ giá trị chuẩn mực con người chỉ là “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” hay “công, dung, ngôn, hạnh” rất dễ nhớ và đi vào lòng người. Ngày nay, trong bối cảnh phát triển, hội nhập, những hệ giá trị này rất cần nhưng chưa đủ. Cần có thêm những giá trị để tiếp nhận, phù hợp và gắn với văn hóa dân gian cho dễ đi vào lòng người. Ví dụ như: Trung Quốc từ năm 2006 đã đưa ra văn bản: “Năm Chuẩn mực”, “Bốn Phẩm chất”, “Ba Tình yêu” như một hệ giá trị định hướng chung cho chuẩn mực văn hóa con người của họ từ năm 2006. Họ không liệt kê ngay ra các chuẩn mực, mà mọi người phải đọc và tìm hiểu những Chuẩn mực, Phẩm chất, Tình yêu đó là những gì, như thế nào. Việc cần làm của chúng ta là xác định những giá trị chung của con người Việt Nam một cách khái quát nhất. Bên cạnh những giá trị, chuẩn mực chung của quốc gia, cần xác định những giá trị địa phương mang bản sắc vùng miền, dân tộc. Để từ đó, trong vấn đề di dân, cộng cư chung sống ở nơi khác quê quán của mình, con người sẽ mang trong mình những giá trị chung và học hỏi, tôn trọng những giá trị địa phương. Có như vậy, việc hội nhập, cộng cư mới bền vững được.

Vấn đề cuối cùng, đó là sự kiểm soát việc thực hành văn hóa. Ngôi làng ngày xưa là pháo đài trong việc bảo tồn văn hóa dân tộc, không chỉ chống lại sự xâm lăng văn hóa từ bên ngoài, mà còn kiểm soát văn hóa từ bên trong. Mọi người trong làng phải tuân thủ những hương ước, quy tắc của làng. Họ kiểm soát lẫn nhau và duy trì nền tảng văn hóa mà cha ông xây dựng. Ngày nay, ngôi làng đã biến đổi quá nhanh, “từ làng ra phố” đã được nhiều nhà khoa học, nhà báo sử dụng để mô tả sự phát triển này. Bên cạnh việc chưa chuẩn bị kỹ cho con người những giá trị chuẩn mực

truyền thống để kế thừa một lối sống, phong cách trong bối cảnh mới, vấn đề kiểm soát nền tảng văn hóa truyền thống cũng không còn. Tôi cho rằng, sự “xuống cấp văn hóa”, “xuống cấp đạo đức” phần lớn cũng từ những nguyên nhân trên. Chính vì vậy, cần đánh giá và đề ra cho được vấn đề kiểm soát thực hành giá trị và định hướng thực hành giá trị như thế nào để đạt chuẩn mực văn hóa, con người Việt Nam giai đoạn hiện nay.

3. Thay lời kết

Nhìn nhận vấn đề xây dựng văn hóa, con người Việt Nam là nhiệm vụ chung, tổng thể. Tuy nhiên, mỗi vùng miền, dân tộc lại có những chuẩn mực riêng. Vấn đề xây dựng những chuẩn mực chung của quốc gia cần phải có sự khái quát nhất. Bên cạnh đó, cần xây dựng những giá trị chuẩn mực mang tính bản sắc của vùng miền để con người luôn tôn trọng sự khác biệt, học hỏi và hội nhập. Có như vậy, việc kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc trong xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam mới có thể hài hòa, bền vững.

Sự đầu tư cho bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc là rất lớn. Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến vấn đề này. Tuy nhiên, vấn đề bảo tồn cái gì và phát huy cái gì thì có lẽ còn nhiều tranh cãi. Có những di sản văn hóa không phù hợp với cuộc sống đương đại, cũng cần biết chấp nhận cho di sản ấy chỉ còn trên dạng tư liệu (như phong tục ăn trầu, để răng đen,... của người Việt; ở trần, hút thuốc bằng tẩu,... của một số dân tộc thiểu số). Một số làng nghề hay các di sản văn hóa phi vật thể không còn phù hợp với hiện tại, cần nhìn nhận thật khách quan và công tâm để đầu tư hoặc chấp nhận theo quy luật để dành kinh phí đầu tư cho di sản văn hóa khác¹.

Hội nhập đầu tư phát triển kinh tế, cần chú trọng đầu tư cho văn hóa. Vấn đề này đã được Nghị quyết số 33-NQ/TW nêu rõ. Tuy nhiên, việc thực thi cần phải đồng bộ. Bên cạnh việc thu hút sự đầu tư nước ngoài vào Việt Nam để phát triển kinh tế, ổn định sinh kế cộng đồng, cần để các công ty, xí nghiệp nước ngoài cũng có sự cam kết đầu tư, hỗ trợ một phần nhất định cho phát triển văn hóa địa phương từ khoản lợi nhuận. Có như thế, sự phát triển văn hóa mới đồng bộ, vững bền.

Việc chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa là cần thiết, phải chuẩn bị càng sớm càng tốt. Tuy nhiên, cũng cần phải nhắc lại rằng muốn hội nhập, muốn tiếp thu được tinh hoa của người khác thì bản thân chuẩn mực văn hóa của chúng ta phải mạnh, bền vững. Nếu không cẩn trọng, ta chỉ tiếp thu được cái xấu, cái thô của người khác, thậm chí, mất luôn cả cái mà chúng ta đã dày công xây dựng và bảo tồn.

1. Ví dụ: một số di sản văn hóa phi vật thể như làng nghề truyền thống sản xuất kẹo, bánh,... đã không có đầu ra, không nên duy trì, phát triển gây sự lãng phí. Một số làng nghề như dệt truyền thống của các dân tộc, nguồn nguyên liệu không thể cạnh tranh. Nên chăng đặt hàng nước khác sản xuất, chỉ duy trì kỹ thuật, hoa văn trang trí của sản phẩm dệt truyền thống.

PHẦN THỨ BA



THAM LUẬN CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

MỘT SỐ KẾT QUẢ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở HÀ GIANG

TỈNH ỦY HÀ GIANG

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đặc biệt đối với lĩnh vực văn hóa. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra luận điểm “*văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”¹ và luận điểm này đã trở thành “*sợi chỉ đỏ*” xuyên suốt quá trình xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam, là cơ sở để Đảng ta xác định xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là nền tảng tinh thần, là động lực phát triển của xã hội, gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước. Từ đó đến nay, văn hóa luôn được xác định là một trong những nội dung cơ bản xuyên suốt trong công tác lãnh đạo của Đảng.

Hà Giang là tỉnh khó khăn, vùng cao, biên giới, có 19 dân tộc sinh sống tại 11 huyện, thành phố; 193 xã, phường, thị trấn và 2.071 thôn, tổ dân phố (trong đó dân tộc Mông chiếm trên 32%); có trên 277,56 km đường biên giới tiếp giáp với 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây, Trung Quốc; trình độ dân trí thấp so với các tỉnh miền xuôi; khí hậu khắc nghiệt, thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt; giao thông đi lại khó khăn; kinh tế phát triển chậm;... Nhưng với truyền thống đoàn kết, phát huy ý chí tự lực, tự cường, thống nhất cao trong Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Hà Giang đã đồng lòng khắc phục khó khăn, từng bước vươn lên thoát nghèo. Quán triệt sâu sắc luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về văn hóa như Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “*Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 khóa XI về “*Xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”; Kết luận số 51-KL/TW ngày 22/7/2009 của Bộ Chính trị về “*Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội*”; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về “*Tiếp tục*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư (khóa X) về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”; Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 5/2/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về việc “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội”; Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 16/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chương trình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020”;...

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Hà Giang đã cụ thể hóa thành chương trình hành động nhằm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện, đồng bộ trong các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào văn hóa, quan tâm công tác cải cách hành chính. Cụ thể, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo như: Chương trình số 117-CTr/TU ngày 6/10/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang về “Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 2/2/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”; Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 21/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc “Phê duyệt Đề án Phát triển văn học nghệ thuật Hà Giang giai đoạn 2010-2015 định hướng đến năm 2020”; Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 4/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “Phê duyệt Dự án “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia” và “Phục dựng, bảo tồn một số lễ hội dân gian truyền thống các dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang” giai đoạn 2017-2020”; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 6/1/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang (khóa XVI) về “Đưa kỹ năng sống và văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số vào giảng dạy trong các trường học trên địa bàn tỉnh”; Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 6/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hà Giang giai đoạn 2021-2025”,...

Cùng với đó, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng nguồn lực, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, vừa phát huy vừa bảo tồn các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương. Với quyết tâm vượt khó đi lên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang đã đạt được những kết quả quan trọng, nổi bật như sau:

- Về kinh tế - xã hội, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 6,8%; tổng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 đạt 10.665 tỷ đồng, trong đó năm 2020 đạt 2.500 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 30 triệu đồng/năm, huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt trên 44.694 tỷ đồng, tăng 71,3% so với

giai đoạn 2010-2015; 92% dân cư thành thị, 86% dân cư nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh; 100% các xã có đường ô tô đến trung tâm, 100% các thôn bản có đường đi được xe cơ giới đến trung tâm; 100% dân số đô thị, 94,4% hộ dân ở nông thôn được sử dụng điện; 44/174 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 143% chỉ tiêu đề ra; thành phố Hà Giang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Quy tụ, sắp xếp 4.777 hộ sống rải rác ở các sườn núi cao, vùng thiên tai về sống tập trung tại các thôn, bản.

- Tăng trưởng du lịch bình quân đạt 16%/năm, năm 2020 đạt 1,5 triệu lượt khách; thường xuyên triển khai tốt nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế là 100%, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 98,5%. Tỷ lệ tăng dân số được kiểm soát, mức tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,4%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 54%. An sinh xã hội được bảo đảm, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm là 4,22%; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Từ tháng 7/2019 đến ngày 30/6/2021, huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ xây dựng được trên 4.780 nhà ở cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở. Công tác dân tộc, tôn giáo được chú trọng, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn luôn được quan tâm thực hiện.

- Đẩy mạnh việc lồng ghép triển khai một số giải pháp của Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Tám lời Bác Hồ căn dặn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Hà Giang khi Người đến thăm Hà Giang năm 1961. Hằng năm, các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương đều tổ chức các cuộc phát động phong trào “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao được các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp quan tâm, phát triển; nhiều mô hình tiêu biểu được thực hiện có hiệu quả như: Giới thiệu các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, các phong tục tập quán, lễ hội, trò chơi dân gian ở địa phương; truyền dạy một số làn điệu dân ca, các điệu múa, sử dụng một số nhạc cụ dân tộc; chú trọng truyền dạy văn hóa truyền thống, giúp các em học sinh hình thành nhân cách, có kiến thức về lịch sử, văn hóa, lễ hội, các trò chơi dân gian, các phong tục tập quán của dân tộc mình và địa phương.

- Về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, tập trung chỉ đạo, hướng dẫn đến các thôn, bản, tổ dân phố xây dựng hương ước, quy ước phù hợp với mong muốn, nguyện vọng của nhân dân; nhiều phong trào thi đua, xây dựng gia đình văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa; tổ dân phố, thôn bản văn hóa được triển khai toàn diện, sâu rộng. Nâng cao chất lượng và hiệu quả các phong trào “Toàn dân

đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Chung tay xây dựng nông thôn mới”. Kết quả, toàn tỉnh có 62,7% số làng, thôn, tổ dân phố văn hóa, 71% số gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Việc thực hiện nếp sống văn minh đã trở thành một cuộc vận động lớn trong các tầng lớp nhân dân, có tác động tích cực, mạnh mẽ đến nhiều mặt trong đời sống xã hội. Các phong tục tập quán trong đám cưới của các dân tộc đã được đơn giản hóa, gọn nhẹ, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của người dân; nghi lễ trong đám tang có nhiều thay đổi, được tổ chức tiết kiệm và bảo đảm đúng quy ước văn hóa của địa phương.

- Tỉnh đã triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện có hiệu quả việc đưa kỹ năng sống và văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số vào giảng dạy trong các trường học; bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc Mông và tích cực nhân rộng trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Quan tâm công tác sưu tầm, nghiên cứu bảo tồn, khôi phục và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể¹. Phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao từng bước phát triển. Hoạt động quảng bá về văn hóa truyền thống, hình ảnh con người Hà Giang được quan tâm đẩy mạnh, góp phần mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa, thúc đẩy phát triển du lịch của tỉnh.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật, định hướng chính trị, tư tưởng trong các hoạt động văn hóa, văn học và nghệ thuật và báo chí, bảo đảm theo định hướng của Đảng. Công tác quản lý về văn học, nghệ thuật được chú trọng triển khai nghiêm túc, tinh ban hành Đề án phát triển văn học nghệ thuật tỉnh Hà Giang, trong đó chú trọng xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển dài hạn các lĩnh vực văn học, nghệ thuật; ban hành các quy định về chế độ thù lao, cơ chế, chính sách đãi ngộ cho văn nghệ sĩ, nghệ nhân, chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao, công tác đào tạo, bồi dưỡng, kết nạp hội viên, mở trại sáng tác, thành lập các câu lạc bộ. Nhiều cuộc triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh, nhiều tiết mục văn hóa, văn nghệ được công chúng đón nhận, đánh giá cao.

- Về việc đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh có nhiều đổi mới về phương thức lãnh đạo đối với lĩnh vực văn hóa; tăng cường chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng trong các hoạt động văn hóa ở cơ sở, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước. Tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa

1. Toàn tỉnh hiện có 79 di sản được xếp hạng, trong đó có 3 bảo vật quốc gia, 56 di tích danh thắng, 22 di sản văn hóa phi vật thể, 18 cá nhân được phong tặng, truy tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”,...

trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa, tạo cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện tốt cho việc phát triển văn hóa của tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý văn hóa của tỉnh, nhờ đó sự nghiệp văn hóa của tỉnh đã có những bước phát triển tương đối toàn diện, công tác quản lý nhà nước từng bước được nâng cao, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, thể dục, thể thao đã bám sát nhiệm vụ chính trị, được tổ chức thường xuyên, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Tính đến thời điểm hiện tại, tỉnh Hà Giang có 3 bảo vật quốc gia; 31 di tích, danh thắng cấp quốc gia, 30 di tích, danh thắng cấp tỉnh; 22 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; nhận diện được 370 di sản phi vật thể gồm tiếng nói chữ viết, ngữ văn dân gian, trình diễn dân gian, tập quán xã hội và tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống, nhóm tri thức dân gian,...; đây là niềm vinh dự và tự hào đối với đồng bào các dân tộc tỉnh Hà Giang, đồng thời khích lệ đồng bào tích cực gìn giữ và bảo vệ giá trị di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình. Việc thực hiện dự án khôi phục, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đã góp phần quan trọng nhằm giới thiệu, quảng bá nét độc đáo, truyền thống văn hóa của các dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang đến với bạn bè trong và ngoài nước.

- Về công tác đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, tỉnh chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp. Tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học và sau đại học có xu hướng tăng cao hơn so với giai đoạn trước. Hầu hết cán bộ lãnh đạo đứng đầu các đơn vị, phòng, ban, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; tỷ lệ cán bộ, công chức chuyên trách văn hóa - xã hội cấp xã có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm phần lớn trong cơ cấu cán bộ, trong đó số cán bộ có trình độ cao đẳng và đại học có xu hướng tăng nhanh. Đến nay, toàn tỉnh có 736 cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách làm công tác văn hóa, trong đó cấp tỉnh là 257 người, cấp huyện là 284 người và cấp xã là 195 người. Hằng năm, tỉnh đã tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ từ 1 đến 2 lớp với gần 200 học viên/lớp; liên kết với các cơ sở, trung tâm đào tạo các cấp để cử hàng trăm cán bộ đi tập huấn, nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa.

- Việc đầu tư, phát huy các nguồn lực văn hóa của địa phương được tỉnh quan tâm chú trọng, tập trung đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa từ tỉnh, huyện, xã đến thôn, bản, tổ dân phố. Nhiều trung tâm văn hóa thể thao và du lịch, các câu lạc bộ, khu di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, thư viện, cửa hàng sách, báo, khu vui chơi giải trí... được đầu tư, hoạt động có nhiều đổi mới, chất lượng phục vụ được tốt hơn. Đến nay,

toàn tỉnh có 1 nhà văn hóa tỉnh, 1 nhà thi đấu thể dục, thể thao; 1 thư viện tỉnh; 1 bảo tàng, 11 Trung tâm Văn hóa, thông tin và du lịch; 11 thư viện cấp huyện, thành phố do Trung tâm Văn hóa, thông tin và du lịch quản lý, 143/193 nhà văn hóa xã và 1.289/2.071 thôn, tổ dân phố; 740 sân cầu lông, đá cầu; 3 sân điền kinh và 777 sân bóng chuyền, 3 nhà thi đấu thể thao, 23 nhà tập luyện, 295 sân bóng đá mini, 15 sân cỏ nhân tạo. Các công trình văn hóa được đầu tư trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của các tầng lớp nhân dân. Các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở đã từng bước phát huy hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và tạo ra các điểm vui chơi, giải trí phục vụ nhân dân, xây dựng cuộc sống mới, con người mới trong sáng, lành mạnh, nhân văn và tiến bộ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa trên địa bàn tỉnh còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, văn nghệ, báo chí chưa tương xứng trước yêu cầu của thời kỳ công nghệ 4.0, nhất là ở cơ sở. Công tác sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa cao.

- Ngân sách đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa còn hạn chế, chưa bảo đảm để thực hiện công tác tuyên truyền cũng như tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí phục vụ nhu cầu hưởng thụ của người dân; hiệu quả hoạt động của hệ thống thư viện, nhà văn hóa cấp huyện chưa cao.

- Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn, tổ dân phố văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa ở một số địa phương, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức, nhất là tại các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

- Một bộ phận nhân dân chưa phát huy được những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình, mà những giá trị văn hóa này còn có nguy cơ bị mất dần. Một số phong tục lạc hậu còn tái diễn, việc tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, mê tín dị đoan vẫn còn tồn tại trong cộng đồng dân cư, thiếu các biện pháp hữu hiệu ngăn chặn kịp thời.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên là do một số cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu chưa nhận thức đúng và đầy đủ về vị trí, vai trò của văn hóa đối với đời sống con người và những tác động của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, còn coi nhẹ việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Sự phối hợp giữa các cấp, ngành trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa cho cán bộ, đảng viên và nhân dân còn thiếu đồng bộ. Ngân sách đầu tư cho các lĩnh vực văn hóa còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu về phát triển văn hóa trong tình hình mới; một số cán bộ làm công tác văn hóa tại cơ sở còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực tiễn. Cùng với đó là sự tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ, sự xâm nhập của những văn hóa

phẩm không lành mạnh, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, những phần tử cơ hội lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước để tuyên truyền chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người trên địa bàn tỉnh.

Từ tổng kết thực tiễn trên, tỉnh Hà Giang rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền đoàn kết trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu về vị trí, vai trò của phát triển văn hóa, phát triển con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước. Chú trọng việc thể chế hóa các chủ trương của Đảng, Nhà nước bằng những cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn ở địa phương. Ưu tiên đầu tư nguồn lực cho phát triển văn hóa, phát triển con người tương xứng với đầu tư cho phát triển kinh tế.

Hai là, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là lãnh đạo quản lý các cấp phải thật sự nêu gương trong việc xây dựng và thực hiện đời sống văn hóa. Coi trọng việc nêu gương người tốt, việc tốt, thực hiện phương châm “Lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, “Lấy cái tích cực, đẩy lùi cái tiêu cực”.

Ba là, tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật. Làm tốt việc rà soát, điều chỉnh và ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách đặc thù về văn hóa, văn học, nghệ thuật; khuyến khích, động viên kịp thời đối với các hoạt động văn nghệ quần chúng ở cơ sở. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Bốn là, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, người đứng đầu có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, tâm huyết và sáng tạo, tích cực tham mưu và triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả việc thực hiện nghị quyết; nâng cao chất lượng sơ kết, tổng kết công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật theo từng chuyên đề.

Trong thời gian tới, cuộc cách mạng khoa học công nghệ tiếp tục có những bước tiến nhảy vọt, thúc đẩy kinh tế tri thức phát triển, tác động tới tất cả các lĩnh vực, làm biến đổi nhanh chóng và sâu sắc đời sống vật chất và tinh thần của xã hội. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng hơn, cuốn hút tất cả các quốc gia, dân tộc tham gia trong tâm thế vừa hợp tác vừa phải cạnh tranh, vừa tạo ra cơ hội vừa đưa lại nhiều thách thức đối với sự phát triển văn hóa và gia đình. Là một tỉnh đa dân tộc, có nhiều nét văn hóa phong phú và độc đáo, đan xen với nhiều khó khăn, thử thách, Hà Giang cần làm tốt việc bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống, đặc sắc, vừa phải ưu tiên phát triển các lĩnh vực kinh tế, nhất là trong tình hình dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến rất phức tạp.

Để triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, tỉnh Hà Giang đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, các chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh về văn hóa, giáo dục - đào tạo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới,... bảo đảm để văn hóa, văn học, nghệ thuật phát triển đúng định hướng của Đảng, gắn phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật với phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình số 8-CT/TU ngày 2/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 6/9/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chương trình số 117-CT/TU ngày 7/10/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và các văn bản có liên quan của Trung ương, của tỉnh về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa. Các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

Thứ ba, đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Tám lời Bác Hồ căn dặn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Hà Giang, gắn với thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Thứ tư, đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa; kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị làm công tác văn hóa từ tỉnh tới cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa đúng năng lực; xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa ở cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thứ năm, tập trung nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và văn hóa phi vật thể; các loại hình nghệ thuật cổ truyền đặc sắc, văn hóa dân gian của từng địa phương. Quan tâm, động viên, khuyến khích, tôn vinh các nghệ sĩ, nghệ nhân tiêu biểu bằng cơ chế chính sách để các nghệ nhân phổ biến, truyền dạy cho thế hệ trẻ.

Thứ sáu, đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa và phát triển con người. Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người Hà Giang phát triển toàn diện.

Thứ bảy, tăng cường quản lý hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa trên địa bàn tỉnh; thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của Nhà nước, bảo đảm các hoạt động văn hóa đi đúng định hướng, phát huy những mặt tích cực, hạn chế tối đa những tiêu cực của kinh tế thị trường, mặt trái của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Thứ tám, tập trung nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa, hàng năm bố trí ngân sách đầu tư cho xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa theo quy chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gắn với tiêu chí nông thôn mới. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện các thiết chế văn hóa cấp huyện, nhà văn hóa, khu thể thao các xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Phát huy vai trò, sức mạnh của văn hóa, sự đoàn kết, tương thân, tương ái, những nét đẹp của truyền thống văn hóa các dân tộc Hà Giang trong công cuộc phòng, chống dịch bệnh COVID-19 một cách hiệu quả, thiết thực; có giải pháp đồng bộ trong việc thực hiện mục tiêu kép vừa phát triển kinh tế vừa phòng, chống dịch bệnh linh hoạt, thích ứng trong điều kiện mới.

Về kiến nghị, đề xuất:

1. Đề nghị Trung ương hỗ trợ nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển hạ tầng kết nối đến Hà Giang và hạ tầng khu du lịch quốc gia Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồi Văn. Nâng cấp hệ thống giao thông và các công trình dừng chân, đặc biệt là các tuyến tỉnh lộ, tuyến giao thông nông thôn đến các bản làng có thể phát triển du lịch để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đón khách du lịch trong nước và quốc tế.

2. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Nghiên cứu, trình Chính phủ ban hành chính sách đối với văn nghệ sĩ như: Chế độ ưu đãi nghề, chế độ đặc thù khuyến khích các nghệ sĩ, học sinh, sinh viên theo học các loại hình nghệ thuật; tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi để xây dựng và phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật, khuyến khích, thu hút văn nghệ sĩ phát huy tài năng, cống hiến cho đất nước.

- Hỗ trợ đầu tư kinh phí cho tỉnh Hà Giang xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa (như nhà hát, khu liên hợp thể thao,...) để hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cấp tỉnh. Nâng cấp các di tích lịch sử - văn hóa, các danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng những chính sách cụ thể và thiết thực đầu tư cho các chương trình mục tiêu về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể, chú trọng đầu tư trực tiếp cho chủ thể di sản văn hóa bằng chính sách cụ thể, thiết thực, hiệu quả.

- Định hướng, tổ chức các hoạt động nhằm nhận diện, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể của các tộc người, đặc biệt chú ý đến các biện pháp có tính khả thi để lưu giữ, trao truyền những di sản văn hóa phi vật thể đang có nguy cơ bị mai một.

3. Đề nghị các bộ, ngành Trung ương có những biện pháp hữu hiệu trong việc quản lý các blog, ngăn chặn các website có nội dung xấu, độc hại, chống phá Đảng, Nhà nước, địa phương và chấn chỉnh việc phát các chương trình giải trí, quảng cáo trên mạng Internet có nội dung tư tưởng không phù hợp với thuần phong mỹ tục và tập quán của người Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I.
- [2] Báo cáo của Tỉnh ủy Hà Giang về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [3] Báo cáo của Tỉnh ủy Hà Giang về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 30- CT/TU, ngày 02/02/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”.
- [4] Báo cáo của Tỉnh ủy Hà Giang tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”.
- [5] Phương án phát triển ngành Văn hóa, thể thao, du lịch tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.
- [6] Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 20/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020.
- [7] Các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về lĩnh vực văn hóa.

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

TỈNH ỦY LAI CHÂU

Lai Châu là tỉnh miền núi biên giới, nằm ở phía Tây Bắc của Tổ quốc, là địa bàn chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh của quốc gia, có diện tích tự nhiên trên 9.000km² với 265,165km đường biên giới tiếp giáp với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Toàn tỉnh có 8 huyện, thành phố, gồm 106 xã, phường và thị trấn; dân số trên 470.000 người, với 20 dân tộc sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 84,6% dân số toàn tỉnh; 956 thôn, bản, tổ dân phố trên toàn tỉnh đều có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, trong đó có nhiều thôn, bản chỉ có 1 dân tộc thiểu số sinh sống đã lâu đời, tạo nên những nét văn hóa riêng rất đặc sắc (tiêu biểu là: 9 bản thuộc xã San Thàng, thành phố Lai Châu là nơi sinh sống của đồng bào dân tộc Giáy, đến nay vẫn giữ gìn đậm nét bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là văn hóa chợ phiên - nơi lưu giữ, phô diễn vẻ đẹp độc đáo, giá trị nghệ thuật của các làn điệu dân ca, dân vũ, của nghề thủ công truyền thống như nghề đan mây tre, nghề thêu, của văn hóa ẩm thực độc đáo với các món bánh giãn dị mà hấp dẫn (bánh phở, bánh bồng, bánh chít,...). Hay như 21 bản thuộc xã Mường So, xã Khổng Lào (huyện Phong Thổ) là nơi cư trú của đông đảo đồng bào dân tộc Thái - nơi được mệnh danh là “cái nôi văn hóa Thái”, được tỉnh chọn lựa, xây dựng hồ sơ khoa học cùng với các tỉnh trong khu vực Tây Bắc về “Nghệ thuật Xòe Thái” để đệ trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Hơn 80 bản thuộc các xã dọc tuyến biên giới huyện Phong Thổ và trên 20 bản có cộng đồng dân tộc Dao sinh sống tại các xã vùng cao huyện Sìn Hồ hiện nay vẫn lưu giữ và truyền dạy chữ viết, các nghi lễ thờ cúng, các tri thức dân gian về thiên nhiên, y dược cổ truyền, trang phục truyền thống,...).

Nhìn chung, đồng bào các dân tộc trong tỉnh có văn hóa truyền thống phong phú, đa dạng, độc đáo, giàu bản sắc, tạo thành những giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi, trao truyền, nối tiếp qua nhiều thế hệ. Những giá trị đó có vai trò quyết định trong “xây dựng con người”, hình thành các phẩm chất, nhân cách, nuôi dưỡng và

phát triển các khả năng của con người, trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, xác định rõ vai trò của văn hóa nói chung và vai trò của việc bảo tồn, phát huy bản sắc tốt đẹp của các dân tộc nói riêng trong xây dựng nền tảng vững chắc của xã hội, trong thời gian qua tỉnh Lai Châu đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng quan trọng về công tác văn hóa, văn nghệ (từ năm 2015 đến nay, Đảng bộ tỉnh đã ban hành 26 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác văn hóa, văn nghệ; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 4 nghị quyết chuyên đề về cơ chế, chính sách, nguồn lực để triển khai thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về lĩnh vực văn hóa vào 30 kế hoạch, đề án; trong giai đoạn 2010-2020, tỉnh Lai Châu thực hiện 22 đề tài, dự án thuộc lĩnh vực xã hội - nhân văn liên quan đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc), trong đó tập trung chủ yếu vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc. Với những chủ trương kịp thời, đúng hướng, Đảng bộ tỉnh đã nhận được sự đồng thuận, thống nhất cao của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ, tin tưởng, chung tay của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đặc biệt là của tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân của tỉnh, công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trong tỉnh đã đạt được một số kết quả nổi bật:

Toàn tỉnh hiện có 1.199 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể (trong đó 1 di sản được UNESCO vinh danh và 1 di sản đang trình UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 5 di sản đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia); 28 di tích được xếp hạng (trong đó có 5 di tích cấp quốc gia, 23 di tích cấp tỉnh và 1 bảo vật quốc gia); sưu tầm, bảo tồn và phục dựng 16 lễ hội tiêu biểu của các dân tộc; hằng năm duy trì tổ chức 40 lễ, lễ hội; có 858 đội văn nghệ ở thôn bản, tổ dân phố được duy trì hoạt động. Cùng với đó, các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc tiêu biểu như trang phục, kiến trúc nhà ở, dân ca, dân vũ, kỹ thuật chế tác và sử dụng nhạc cụ, nghề thủ công truyền thống, ẩm thực, tri thức dân gian, các môn thể thao truyền thống cũng từng bước được khôi phục và phát triển,... Trong 5 năm qua, tỉnh đã tổ chức mở 31 lớp bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể, sưu tầm, bảo tồn tri thức dân gian tại cộng đồng. Vai trò của các nghệ nhân và nghệ thuật dân gian của các dân tộc ngày càng được nâng lên, đến nay tỉnh có 13 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, góp phần bảo tồn văn hóa các dân tộc, giữ gìn và truyền dạy những cái hay, cái đẹp của văn hóa các dân tộc cho thế hệ trẻ.

Xác định bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc trong tỉnh là “nguồn tài nguyên” dồi dào, có giá trị lớn, là nguồn lực để phát triển du lịch, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương, tỉnh Lai Châu đã bước đầu khai thác có hiệu quả

bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc và cộng đồng dân cư để phát triển du lịch gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống, tạo hình ảnh đặc trưng và trở thành điểm sáng, thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế đến tham quan như: Du lịch cộng đồng bản Thảm gắn với văn hóa dân tộc Lự; bản Sin Suối Hồ, bản Lao Chải 1 gắn với văn hóa dân tộc Mông; bản Sì Thâu Chải gắn với văn hóa dân tộc Dao, bản Vàng Pheo gắn với văn hóa dân tộc Thái,... Đồng thời, phát triển hoạt động chợ phiên: Chợ đêm San Thàng (thành phố Lai Châu), chợ phiên Sin Hồ; chợ phiên Đào San, Sin Suối Hồ (huyện Phong Thổ);... Trong đó, nổi bật là bản Sin Suối Hồ (huyện Phong Thổ) đã được Hội đồng thi đua của Hiệp hội Du lịch Việt Nam lựa chọn là Làng du lịch cộng đồng tiêu biểu của Việt Nam, được Đài Truyền hình Việt Nam, một số đài địa phương khác giới thiệu là một trong những làng du lịch cộng đồng hấp dẫn của Việt Nam. Ở đây, bên cạnh vẻ đẹp hùng vĩ của núi rừng Tây Bắc thì các nét văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc Mông như: nhà ở, trang phục, các làn điệu dân ca, dân vũ, các nghề thủ công truyền thống (dệt, rèn, chế tác các sản phẩm trang sức,...), các hoạt động tái hiện lao động, sản xuất và đời sống được tổ chức bài bản, hấp dẫn, tạo sức thu hút rất lớn đối với du khách. Bên cạnh đó, việc tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng một cách chuyên nghiệp đã làm nên thương hiệu du lịch của Sin Suối Hồ. Mỗi năm, tại đây đón trung bình khoảng 20 nghìn lượt du khách, doanh thu từ du lịch đạt khoảng 1,2 tỷ đồng, các gia đình tham gia kinh doanh chính về du lịch đạt thu nhập từ 100 đến 130 triệu đồng/năm. Đối với một địa bàn vùng khó khăn như Lai Châu thì đây thực sự là điểm sáng, là niềm mơ ước của đồng bào các dân tộc nơi đây. Và điều vui mừng hơn cả là từ việc khai thác các giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào phục vụ du lịch thì các giá trị văn hóa đã thấm sâu vào đời sống nhân dân một cách tự nhiên, không khiên cưỡng; nhân dân tự thấy mình phải có trách nhiệm bảo tồn, gìn giữ và phát triển để làm phong phú thêm kho tàng văn hóa quý giá này của dân tộc mình. Nhưng mô hình kiểu này ở Lai Châu chưa có nhiều, đến nay toàn tỉnh mới có 11 bản được công nhận bản du lịch cộng đồng (3 bản dân tộc Mông, 2 bản dân tộc Dao, 2 bản dân tộc Lự, 2 bản dân tộc Lào, 1 bản dân tộc Thái, 1 bản dân tộc Giáy).

Để góp phần quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc, xúc tiến phát triển du lịch, các cơ quan chuyên môn của tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động như: tổ chức nhiều sự kiện văn hóa quan trọng của tỉnh; xây dựng các tin, bài, video quảng bá về văn hóa, du lịch Lai Châu trong các chương trình trải nghiệm thực tế như: “Nét đẹp dân gian”, “Nét ẩm thực Việt”, “S Việt Nam - Hương vị cuộc sống”, “Phong tục Việt”; “Đi đâu? Ăn gì?”, chuyên mục “Khám phá Lai Châu”, “Sắc màu văn hóa các dân tộc” trên Đài Truyền hình Việt Nam, Tạp chí *Du lịch Việt Nam* và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo *Lai Châu*, cùng nhiều báo khác ở Trung ương và các trang điện tử, fanpage.

Với những cố gắng đó, ngành du lịch của tỉnh đã có những bước phát triển, giai đoạn 2016-2020 tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt gần 1,5 triệu người, tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 2010-2015, tổng doanh thu đạt gần 2.300 tỷ đồng, trong đó du lịch cộng đồng là lĩnh vực được du khách ưa thích nhất tại Lai Châu, chiếm khoảng 85% tổng lượng du khách.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc vẫn còn những hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Vẫn còn nhiều giá trị văn hóa của các dân tộc chưa được nghiên cứu, bảo tồn, giữ gìn, trong đó một số giá trị văn hóa có nguy cơ mai một, đáng chú ý như chữ viết của người Dao, người Thái, người Lào, người Hà Nhì; một số nghi lễ, tập tục của các dân tộc thiểu số bị giao thoa bởi các dân tộc có dân số đông hơn trong cùng khu vực như tiếng nói, trang phục, các loại hình kiến trúc,... có một số người dân tộc thiểu số nhưng không nói được tiếng, không viết được chữ của dân tộc mình, nhất là thế hệ trẻ. Trang phục truyền thống ít được sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày, chỉ sử dụng trong lễ hội và nghi thức của dân tộc. Việc dệt vải, thêu thùa, đan lát, chế tạo đồ dùng sinh hoạt cũng giảm do người dân sử dụng đồ làm sẵn, công nghiệp. Nhiều giá trị văn hóa đã có kết quả nghiên cứu nhưng chưa được đưa vào sử dụng. Mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống với phát triển trong quản lý văn hóa; giữa bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa với khai thác phục vụ phát triển du lịch chưa được giải quyết hài hòa. Hoạt động của nhiều câu lạc bộ, đội văn nghệ ở thôn bản mang lại hiệu quả chưa cao; vai trò của các nghệ nhân dân gian chưa được khai thác và phát huy tối đa. Hoạt động “du lịch di sản” còn có một số tác động tiêu cực đến hệ thống các di sản văn hóa của địa phương như một số nghi lễ truyền thống của đồng bào các dân tộc được sân khấu hóa, cắt gọt, bỏ không gian thiêng, tách phần nghi lễ khỏi tổng thể tín ngưỡng, chỉ còn phần hội để phù hợp với “sản phẩm du lịch”,...

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên là do nhận thức chưa đầy đủ của một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội và một bộ phận nhân dân về vị trí, vai trò của việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc đối với phát triển bền vững đất nước và địa phương. Điều kiện tự nhiên, địa hình, đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số của tỉnh còn nhiều khó khăn; đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa còn thiếu, năng lực còn hạn chế. Hơn nữa, tỉnh chưa có một kế hoạch tổng thể, bài bản, dài hạn; chưa có chính sách đủ mạnh hỗ trợ cho việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc; chưa huy động được nhiều tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia khai thác các nguồn lực để phát triển du lịch, nhất là nguồn lực về văn hóa trong nhân dân.

Từ thực tiễn trên, tỉnh đã rút ra một số kinh nghiệm trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch của tỉnh như sau:

Thứ nhất, phải có kế hoạch bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc gắn với phát triển du lịch một cách tổng thể, khoa học. Trong đó, xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, của các tổ chức và người dân để việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc song song với phát triển kinh tế luôn đúng hướng, vừa bảo tồn, vừa bỏ dần hủ tục lạc hậu và tiếp thu có chọn lọc các tinh hoa văn hóa của nhân loại. Cần phải khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, người dân khai thác các giá trị văn hóa của các dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

Thứ hai, phát huy vai trò chủ thể, năng lực sáng tạo và sự tham gia tích cực của nhân dân, vai trò của các nghệ nhân dân gian trong công tác giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống và tổ chức các hoạt động du lịch. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa và du lịch các cấp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy sự sáng tạo, chủ động trong công việc. Duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ, các đội văn nghệ ở thôn, bản, cộng đồng dân cư.

Thứ ba, tăng cường đầu tư nguồn lực cho các chương trình, dự án, đề án về công tác văn hóa, du lịch, nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa nguồn vốn. Giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích của các bên tham gia, từ đó nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, truyền thông về giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên nhằm phát triển du lịch theo hướng bền vững; thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến khám phá bản sắc văn hóa, con người Lai Châu.

Trong thời gian tới, việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên cả nước nói chung và tỉnh Lai Châu nói riêng có nhiều cơ hội thuận lợi nhưng cũng nhiều thách thức đan xen. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mở ra cơ hội quảng bá nét đẹp văn hóa của các dân tộc đến với các địa phương trong nước và toàn thế giới. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; văn hóa, xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực; điều kiện tự nhiên hấp dẫn, bản sắc văn hóa độc đáo của 20 dân tộc sẽ là những lợi thế để thu hút du khách. Tuy nhiên, bên cạnh đó tỉnh cũng có không ít thách thức, khó khăn, đó là: Việc các thôn bản cách xa các trung tâm lớn, giao thông chưa thực sự thuận tiện; đời sống của nhân dân còn rất khó khăn, hạ tầng cho du lịch còn thiếu; trong khi đó việc khai thác các giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc phục vụ cho du lịch ở Lai Châu mới chỉ ở những bước khởi đầu, còn nhiều lúng túng.

Những vấn đề đặt ra đối với tỉnh Lai Châu trong thời gian tới đó là: Cần phải tiếp tục duy trì, phát triển nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, đặc sắc của

đồng bào các dân như thế nào? Khai thác, sử dụng ra sao để vừa phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân vừa là nguồn lực để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân?

Tại Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh Lai Châu đã xác định mục tiêu trong nhiệm kỳ 2020-2025: “... *đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế...; phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, du lịch*”, đồng thời cũng xác định việc “*bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch*” là một trong 4 chương trình trọng điểm trong giai đoạn 2021-2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/2/2021 về “Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 14/5/2021 về “Triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” để chỉ đạo, triển khai thực hiện với mong muốn lấy bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc làm điều kiện cốt lõi để xây dựng môi trường du lịch bền vững, tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, trở thành nguồn thu nhập tốt để nhân dân các dân tộc - chủ thể của việc bảo tồn, chú trọng việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc mình, từ đó nâng cao đời sống cho nhân dân.

Để tận dụng tốt thời cơ, khắc phục các khó khăn, thách thức, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh đã đề ra trên lĩnh vực văn hóa gắn với phát triển du lịch, trong thời gian tới tỉnh Lai Châu tập trung lãnh đạo chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các chủ trương của tỉnh về phát triển văn hóa, con người, về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Trong đó, cần quan tâm xây dựng chiến lược dài hạn về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; có lộ trình khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc phục vụ phát triển du lịch một cách hợp lý, hiệu quả.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, khai thác, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống. Thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý di tích, danh lam, thắng cảnh; xây dựng mô hình tổ chức, hoạt động của các ban quản lý di tích, điểm du lịch phù hợp với quy mô, tính chất, loại hình, tình hình và điều kiện thực tế ở địa phương.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, lưu giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Ưu tiên triển khai các đề tài khoa học

ngiên cứu, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Quan tâm ứng dụng khoa học, công nghệ để nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa các loại hình di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là các loại hình có nguy cơ mai một, trong đó ưu tiên lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian, tiếng nói, chữ viết, ẩm thực, trang phục, nghề thủ công truyền thống tiêu biểu. Nghiên cứu, biên soạn, giới thiệu các loại hình di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của tỉnh; xây dựng hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Thực hành bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể ngay chính trong đời sống cộng đồng; phát huy vai trò của các quy ước, hương ước trong bảo tồn các giá trị văn hóa.

Tổ chức phục dựng, trình diễn, truyền dạy, sáng tạo, phổ biến văn hóa truyền thống trong cộng đồng, gia đình, trường học. Phục hồi và nâng cao một số lễ hội tiêu biểu có thể tổ chức định kỳ hằng năm. Nâng cao hơn nữa số lượng, chất lượng hoạt động của các đội văn nghệ truyền thống thôn bản, câu lạc bộ văn nghệ dân gian cấp xã. Lựa chọn phục dựng không gian văn hóa dân tộc tiêu biểu ở các bản, các chợ phiên nhằm bảo lưu, trao truyền các loại hình văn hóa truyền thống như: nhà ở, nghề thủ công, ẩm thực, các loại hình dân ca, dân vũ, lễ hội,... tạo ra các sản phẩm văn hóa đáp ứng nhu cầu du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa.

Khuyến khích đội ngũ nghệ nhân trao truyền bí quyết, kiến thức di sản văn hóa phi vật thể cho thế hệ trẻ; quan tâm việc truyền dạy các giá trị văn hóa đặc sắc trong các nhà trường. Khuyến khích các tầng lớp nhân dân sáng tạo và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp; đấu tranh phòng, chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa phẩm độc hại, mê tín dị đoan, bài trừ các hủ tục lạc hậu.

Ba là, sử dụng các giá trị văn hóa đặc sắc để phát triển du lịch. Lựa chọn, có định hướng cụ thể đối với việc sử dụng giá trị văn hóa đặc sắc, tốt đẹp của các dân tộc trong phát triển du lịch, bảo đảm phù hợp với thực tiễn địa phương. Tiếp tục tổ chức các hoạt động lớn như ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc, liên hoan ca múa nhạc dân gian, triển lãm văn hóa dân tộc tại các địa phương trong tỉnh. Xây dựng phương án sắp xếp không gian các điểm du lịch cộng đồng; lựa chọn các bản, các điểm cộng đồng dân cư có các sản phẩm văn hóa truyền thống đặc sắc để phát triển du lịch. Khuyến khích các doanh nghiệp du lịch, các hộ gia đình phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; sử dụng các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc để phát triển du lịch.

Bốn là, ngoài các chương trình, chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành các cơ chế, chính sách riêng, trong đó tập trung vào hỗ trợ đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa ở cơ sở, thiết chế du lịch; chính sách hỗ trợ, đãi ngộ các nghệ nhân, người nắm giữ và thực hành di sản trong nghiên cứu, sưu tầm, thực hành truyền dạy; hỗ

trợ hoạt động đội văn nghệ quần chúng; chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác, liên kết trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc tốt đẹp của các dân tộc; phát triển du lịch cộng đồng, tạo thành các sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc; ưu tiên thực hiện đối với một số điểm du lịch cộng đồng có điều kiện, lợi thế, tiêu biểu của tỉnh.

Huy động mọi nguồn lực cho việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; đồng thời, lồng ghép phù hợp với các nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án, các cuộc vận động khác. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực hỗ trợ cho sưu tầm, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc.

Năm là, nâng cao chất lượng công tác cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực. Củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; ưu tiên đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ văn hóa ở cơ sở, đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu, sưu tầm về giá trị văn hóa của các dân tộc. Xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trong các dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng đội ngũ lao động trong lĩnh vực du lịch văn hóa, cộng đồng; tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cách làm du lịch văn hóa cho người dân bản địa ở các điểm du lịch. Chú trọng phát hiện, xét duyệt, đề nghị Nhà nước công nhận danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực văn hóa dân gian; phát huy vai trò các nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng.

Sáu là, đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc và phát triển du lịch. Xây dựng nội dung hợp tác và phối hợp để triển khai hoạt động ngoại giao, trao đổi và phổ biến sâu rộng giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn cũng như các hoạt động văn hóa, nghệ thuật gắn với quảng bá du lịch và xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư... Tạo mọi điều kiện để các nghệ nhân, chủ thể văn hóa, các cơ quan, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp có nhiều cơ hội giao lưu, quảng bá văn hóa truyền thống.

Tăng cường sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và các cơ quan thông tấn, báo chí của Trung ương và các địa phương trong việc tuyên truyền, quảng bá về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch của tỉnh. Tiếp tục tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch, các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc trong tỉnh Lai Châu, các sản phẩm du lịch văn hóa ở trong và ngoài tỉnh, nhất là tại các trung tâm kinh tế, văn hóa, du lịch lớn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá và xúc tiến du lịch như sử dụng mạng xã hội facebook, youtube, twitter, zalo, fanpage và các trang thông tin

điện tử (website); hỗ trợ các fanpage trong nước và quốc tế quảng bá về văn hóa, du lịch, con người Lai Châu; đồng thời sản xuất, phối hợp sản xuất phim về văn hóa, du lịch Lai Châu hoặc lồng ghép văn hóa du lịch Lai Châu trong các cảnh quay để giới thiệu và quảng bá sản phẩm du lịch Lai Châu.

Với sự quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, sự chung tay của các doanh nghiệp và nhất là sự đồng thuận của nhân dân các dân tộc, tỉnh Lai Châu sẽ quyết tâm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ song song: Vừa bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, xây dựng con người, phát triển Lai Châu toàn diện, vừa phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

ĐIỆN BIÊN VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG CON NGƯỜI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

Điện Biên là một tỉnh miền núi biên giới phía Tây Bắc Tổ quốc, có tổng dân số trên 60 vạn người, với 19 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 82,6%. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, tạo nên sự phong phú và đa dạng về các loại hình di sản văn hóa. Những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, sự phối hợp giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là sự tham gia hưởng ứng tích cực của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh, sự nghiệp văn hóa của tỉnh đã có những bước phát triển nhất định, thể hiện ở sự đa dạng, phong phú các loại sản phẩm văn hóa, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân. Trong các nhiệm kỳ đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thể hiện rất rõ quan điểm chỉ đạo trong các văn kiện, chương trình hành động, trong đó tập trung bảo tồn và phát triển văn hóa, di sản văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh; chú trọng đầu tư, khai thác và phát huy các nguồn lực văn hóa tại địa phương, đồng thời, gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch bền vững.

Bên cạnh việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành nhiều kế hoạch, nghị quyết chuyên đề, các chương trình, dự án, đề án về phát triển văn hóa. Các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa được bố trí nguồn lực đầu tư; chú trọng hoạt động nghiên cứu và bảo tồn di sản văn hóa các dân tộc; triển khai sâu rộng; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” quản lý nhà nước về văn hóa có sự chuyển biến tích cực; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở ngày càng hoàn thiện; công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ văn hóa không ngừng tăng về số lượng, nâng lên về chất lượng; văn hóa các dân tộc dần trở thành động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu

phát triển bền vững đất nước”, Tỉnh ủy Điện Biên đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Điện Biên đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động số 2131/KH-UBND về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Để phát huy nguồn lực về con người nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, con người Điện Biên một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp ủy đảng, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện tốt các mặt công tác như giáo dục - đào tạo, y tế, dân số - gia đình, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, công tác giảm nghèo bền vững, phòng, chống các tệ nạn xã hội,... Cụ thể như sau:

Công tác giáo dục - đào tạo luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chú trọng. Nhiều quy hoạch, kế hoạch nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo được xây dựng và triển khai: Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2013-2020 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hành động “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh Điện Biên”,... Qua triển khai thực hiện, chất lượng công tác giáo dục - đào tạo từng bước được hoàn thiện và nâng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mạng lưới và quy mô trường, lớp phát triển mạnh; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu dạy và học theo hướng phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

Phong trào thể dục thể thao trong nhà trường, cơ quan, đơn vị và phong trào thể dục thể thao quần chúng được quan tâm, phát triển rộng khắp, góp phần nâng cao thể lực, phát triển con người toàn diện; đồng thời tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể về đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao thể lực, phát triển con người toàn diện cả về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh.

Đối với việc phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật địa phương, trong những năm gần đây, Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, xây dựng các cơ chế, chính sách thuận lợi để hỗ trợ văn nghệ sĩ tự do sáng tác. Trong đó, chú trọng phát triển văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số, văn học dân gian; khai thác các đề tài về văn hóa của các dân tộc bản địa; phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ là người các dân tộc thiểu số; hàng năm đã sáng tác, biên soạn, dịch thuật, sưu tầm nhiều tác phẩm, các thể loại văn học, nghệ thuật phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Công tác xây dựng văn hóa trong chính trị được triển khai thực hiện gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng

và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể luôn quan tâm đến việc xây dựng đạo đức công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống để thực hiện tốt nhiệm vụ. Đưa nội dung xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa trở thành một trong những tiêu chí để đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng hằng năm.

Việc xây dựng văn hóa trong kinh tế được các cấp, các ngành các địa phương đẩy mạnh thực hiện, nhất là việc cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 về “Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020”; đồng thời hằng năm ban hành kế hoạch cụ thể để triển khai, góp phần giảm các thủ tục hành chính rườm rà, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh cũng chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát huy các nguồn lực văn hóa; phối hợp các sở, ngành liên quan, cấp ủy, chính quyền các địa phương tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện tốt các cuộc vận động, phong trào văn hóa như: phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “xây dựng cơ quan văn hóa”,... Bên cạnh đó, tỉnh còn đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình, tộc họ, thôn, bản, đơn vị lực lượng vũ trang, cơ quan, trường học văn hóa. Các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư xây dựng nhằm tạo không gian sinh hoạt văn hóa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Đến nay, tỉnh Điện Biên có 88/129 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa (đạt 68,2%); 635/1.441 thôn, bản, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng (đạt 44,1%). Hầu hết các bản, tổ dân phố đều có đội văn nghệ, nhà văn hóa và trang bị hệ thống loa đài phục vụ cho những buổi sinh hoạt cộng đồng. Hằng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các hội thi, hội diễn, giao lưu nghệ thuật quần chúng như: Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc tỉnh Điện Biên, Hội thi Thông tin lưu động, các hội thi tiếng hát người giáo viên, học sinh, sinh viên, giao lưu hội xuân... thu hút hàng nghìn diễn viên, nghệ nhân và quần chúng nhân dân tham gia, tạo không khí vui tươi, lành mạnh trong cộng đồng, sự gắn kết giữa các dân tộc.

Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội ngày càng được nhân dân đồng tình hưởng ứng và đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều phong tục rườm rà,

lạc hậu đang dần được xóa bỏ, các nghi thức, nghi lễ được rút ngắn bảo đảm tính trang trọng, lịch sự, phù hợp với phong tục tập quán, bản sắc văn hóa đặc trưng của từng dân tộc. Công tác xây dựng hương ước, quy ước đã được triển khai đồng bộ trên địa bàn tỉnh; đưa tiêu chuẩn xây dựng, thực hiện tốt quy ước vào việc bình xét, đánh giá và công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, thôn, bản, tổ dân phố văn hóa.

Công tác quản lý và tổ chức lễ hội trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật với chủ trương lành mạnh, tiết kiệm phù hợp với thuần phong, mỹ tục nhằm ôn lại truyền thống và gìn giữ những giá trị tốt đẹp. Cùng với công tác tuyên truyền, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh còn phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên các hoạt động lễ hội. Qua đó cho thấy, các nghi thức lễ hội được tiến hành trang nghiêm, đúng quy định của ban tổ chức, phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc; các hoạt động mê tín dị đoan dần giảm bớt; các trò chơi dân gian và các hoạt động văn hóa, thể thao có nội dung bổ ích, lành mạnh được tổ chức phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm của từng lễ hội.

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh đã tạo điều kiện để các tôn giáo phát huy vai trò tích cực trong đời sống xã hội. Trên địa bàn tỉnh hiện có trên 66.000 tín đồ của 3 tổ chức tôn giáo đã được công nhận, đó là Công giáo, Phật giáo và Tin Lành, chiếm khoảng 11% số dân trong tỉnh; bên cạnh đó còn có rất nhiều loại hình tín ngưỡng khác. Sự tồn tại, hoạt động của các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo đã và đang góp phần làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Các di sản văn hóa trong tôn giáo được phát huy đã góp phần làm thay đổi diện mạo đời sống tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào theo đạo nói riêng, đời sống tinh thần của nhân dân nói chung. Nhiều lễ hội trọng đại của tôn giáo như Lễ Phật đản, Lễ Giáng sinh, Lễ Vu lan, Lễ cầu siêu,... đã thu hút đông đảo người dân tham gia, trở thành thói quen sinh hoạt văn hóa chung của cả cộng đồng. Đặc biệt, các tổ chức, chức sắc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo đã phát huy tốt tinh thần tương thân tương ái, tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

Cùng với việc gìn giữ văn hóa các dân tộc, tỉnh Điện Biên đã làm tốt công tác bảo đảm an ninh xã hội; kịp thời ngăn chặn các loại tà đạo phản động; phát hiện và xử lý các trường hợp thông tin tuyên truyền về mê tín dị đoan, chú trọng xây dựng điểm sáng văn hóa vùng biên..., góp phần ổn định chính trị, giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ biên cương vững chắc, tạo môi trường sống an toàn cho người dân yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên gắn với phát triển kinh tế - xã hội được quan tâm triển khai. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 20/12/2012 về "Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên gắn với phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2015, định

hướng đến năm 2020”; Kết luận số 01-KL/TU ngày 20/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 20/12/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) về Chương trình bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên gắn với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc “Thông qua Đề án tiếp tục bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên gắn với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”; Nghị quyết số 11-NQ-TU ngày 29/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc, gắn với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” ... Đến nay, Điện Biên có 9/10 huyện, thị xã, thành phố được hỗ trợ phát triển ít nhất một nghề thủ công truyền thống hoặc hỗ trợ bảo tồn và phát triển một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu. Tỉnh đã và đang đầu tư bảo tồn 2 bản văn hóa truyền thống dân tộc; hỗ trợ công tác đào tạo, tập huấn trang bị về kiến thức, kỹ năng trong hoạt động du lịch cho 11 bản có lợi thế về phát triển văn hóa - du lịch.

Công tác trùng tu, tôn tạo, góp phần bảo vệ nguyên trạng, chống xâm hại, xuống cấp các di tích được quan tâm thực hiện và triển khai với quy mô lớn, phạm vi rộng; tập trung vào việc khoanh vùng, cắm mốc, trùng tu, tôn tạo, phục hồi và đưa vào khai thác phục vụ khách tham quan, góp phần phát triển du lịch tại địa phương. Toàn tỉnh đã có 10/10 huyện, thị xã, thành phố được kiểm kê di tích; 25/67 di tích, danh lam thắng cảnh mới phát hiện được lập hồ sơ đề nghị xếp hạng; 9/24 di tích được trùng tu, tôn tạo, phục hồi. Tỉnh hiện có 27 di tích được xếp hạng, gồm: 1 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 14 di tích cấp quốc gia và 12 di tích cấp tỉnh. Một trong số những di tích được tỉnh quan tâm thực hiện công tác bảo tồn là Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ. Cùng với đó là việc triển khai Dự án xây dựng Đền thờ liệt sĩ tại chiến trường Điện Biên Phủ; thực hiện bảo tồn, tôn tạo di tích Thành Bản Phủ, động Pa Thơm tại huyện Điện Biên; Tháp Mường Luân, tháp Chiềng Sơ tại huyện Điện Biên Đông; hang động Xá Nhè và Khó Chua La tại huyện Tủa Chùa... Thành lập Ban Quản lý di tích tỉnh Điện Biên nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh. Các huyện đã chỉ đạo các xã có di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh thành lập Tổ Quản lý di tích nhằm bảo vệ và gìn giữ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn. Để phát huy giá trị của di tích, tỉnh cũng đã đẩy mạnh các hoạt động thông tin, xúc tiến quảng bá du lịch, xuất bản tờ rơi giới thiệu các điểm di tích, du lịch, phát hành các tài liệu, cẩm nang thông tin du lịch, đăng tải các tin bài giới thiệu về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của các di tích,...

Việc trưng bày, triển lãm, quảng bá, giới thiệu hiện vật gắn với truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương được phối hợp triển khai thực hiện tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. Công tác sưu tầm, bổ sung hiện vật cho Bảo tàng tỉnh, Bảo tàng

chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và Ban Quản lý di tích tỉnh được quan tâm thực hiện. Đến nay, tổng số hiện vật đang được lưu giữ, quản lý là 12.403 hiện vật. Công tác kiểm kê, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh được thực hiện theo quy định; hiện có 67 di tích được kiểm kê và 27 di tích được cấp có thẩm quyền xếp hạng. Tỉnh đã thực hiện khoanh vùng, cắm 45 mốc các khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa tại Thành Bản Phủ, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên; cắm 191 biển báo, biển chỉ dẫn các điểm di tích, công trình văn hóa, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh. Triển khai Dự án sửa chữa, nâng cấp và hiện đại hóa phòng trưng bày giới thiệu tổng thể chiến dịch Điện Biên Phủ trong Bảo tàng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ; Dự án nâng cấp nhà trưng bày Bảo tàng tỉnh để giới thiệu, tuyên truyền về di sản văn hóa các dân tộc và truyền thống, lịch sử phát triển của tỉnh Điện Biên...

Công tác kiểm kê, lập hồ sơ khoa học các di sản văn hóa phi vật thể để đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được quan tâm triển khai. Toàn tỉnh đã tổ chức tổng kiểm kê nhằm nhận diện thực trạng di sản văn hóa phi vật thể của 18 dân tộc; 11/19 dân tộc có di sản văn hóa tiêu biểu được bảo tồn, phát huy. Chủ động triển khai lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; đến nay, toàn tỉnh có 12 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Tỉnh đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng một số tỉnh triển khai xây dựng Hồ sơ di sản “Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam”, “Nghệ thuật Xòe Thái” để đề nghị UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; tổ chức Hội thảo quốc tế “Nghệ thuật Xòe Thái”. Đến nay, di sản “Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam” đã được UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh còn quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành ưu tiên kinh phí để nghiên cứu, phục dựng lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số, góp phần quan trọng vào việc gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa lễ hội, nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Tỉnh hiện có 37 lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số được duy trì tổ chức hằng năm. Nhiều lễ hội được bảo tồn, phục dựng và duy trì tổ chức hoạt động thường xuyên nhằm kết hợp khai thác và phát triển du lịch như: Lễ Xên Mường Thanh, Hội Pao dân tộc Mông, Lễ hội Đua thuyền đuôi én, Lễ hội Tung còn của dân tộc Thái...; bảo tồn dân ca, dân vũ, các trò chơi dân gian truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn và phát huy hoạt động chợ phiên vùng cao. Duy trì tổ chức Lễ hội Hoa Ban định kỳ hằng năm và tổ chức Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc tỉnh Điện Biên 2 năm/lần nhằm quảng bá văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc trong tỉnh đến bạn bè trong nước và quốc tế. Bên cạnh tổ chức các lễ hội lớn cấp tỉnh, nhiều huyện, thành phố trong tỉnh

còn chú trọng tổ chức Ngày hội văn hóa truyền thống các dân tộc. Đây là việc làm thiết thực góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Song song với đó, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh đã và đang được triển khai như: Bảo tồn và phát triển dân ca, dân vũ, dân nhạc các dân tộc thiểu số ở tỉnh Điện Biên; nghiên cứu tuyên truyền chiến thắng Điện Biên Phủ bằng các hình thức tranh và thơ; nghiên cứu đề xuất mô hình du lịch cộng đồng gắn với du lịch nông nghiệp nhằm tăng thu nhập của cư dân nông thôn và bảo tồn các di sản văn hóa các dân tộc trong tỉnh; nghiên cứu, sưu tầm và bảo tồn giá trị trang phục truyền thống, nghệ thuật múa dân gian các dân tộc trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển du lịch.

Công tác sưu tầm, bảo tồn và dịch thuật, in ấn tài liệu chữ viết cổ đang được tỉnh triển khai thực hiện, đến nay đã sưu tầm được hơn 200 cuốn sách (tài liệu) cổ của một số dân tộc (Thái, Dao, Lự) và hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại Bảo tàng tỉnh. Việc giáo dục tuyên truyền, giới thiệu các di sản văn hóa tiêu biểu của các dân tộc cho học sinh thông qua các chương trình chính khóa, ngoại khóa, các hoạt động tập thể được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tốt. Trong vòng 10 năm (2010-2020) đã có gần 49.300 học sinh tiểu học, trung học cơ sở học tiếng Thái; hơn 57.100 học sinh tiểu học, trung học cơ sở học tiếng Mông.

Quán triệt việc thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách đầu tư phát triển văn hóa, hệ thống các thiết chế văn hóa ở cơ sở từng bước được trang bị, đầu tư cơ bản nhằm đáp ứng một phần nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí lành mạnh của nhân dân. Hằng năm, tranh thủ các nguồn tài trợ, tỉnh thực hiện công tác xã hội hóa và chi ngân sách xây dựng, trang bị tư liệu cho các thư viện, bảo tàng; đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt cộng đồng tại khu dân cư, các sân chơi thể thao, bể bơi, khai thác các công viên, rạp chiếu phim...

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc đầu tư, khai thác, phát huy các nguồn lực văn hóa trên địa bàn tỉnh Điện Biên vẫn bộc lộ những những hạn chế, khó khăn như sau:

(1) Nhận thức của một số cấp ủy cơ sở về vai trò, vị trí của văn hóa trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế; chính quyền một số địa phương chưa có sự quan tâm đầu tư thỏa đáng cho sự nghiệp văn hóa; xem nhẹ việc phát triển văn hóa; chủ yếu tập trung phát triển kinh tế.

(2) Một số hủ tục, thói quen sinh hoạt lạc hậu trong đồng bào các dân tộc thiểu số chưa được xóa bỏ triệt để, nạn tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vẫn diễn ra. Cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích cho những người làm công tác văn hóa, nhất là các nghệ nhân, văn nghệ sĩ còn thấp, đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa còn yếu và thiếu.

(3) Môi trường văn hóa, đặc biệt là trên mạng thông tin điện tử tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó kiểm soát và quản lý. Các luồng thông tin, văn hóa tiêu cực vẫn chưa

thể kiểm soát, ngăn chặn triệt để, phần nào ảnh hưởng đến môi trường văn hóa, tác động đến quá trình hình thành nhân cách, đạo đức, tư duy, thẩm mỹ, lối sống của một bộ phận người dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên.

(4) Hệ thống thiết chế văn hóa, công trình văn hóa chưa đáp ứng được nhu cầu, nhất là ở cơ sở nhiều nơi thiếu thốn, sơ sài hoặc đã xuống cấp, không còn sử dụng được. Hiện trạng những thiết chế đặc thù như Trung tâm Văn hóa tỉnh, Bảo tàng tỉnh, các công trình văn hóa công cộng như khu vui chơi trẻ em, công viên, vườn hoa,... về cơ bản đều chưa được đầu tư xây dựng. Các khu vui chơi giải trí công cộng để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là trẻ em, chưa có nhiều.

(5) Việc bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc bước đầu đã gắn với phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên còn chưa đồng bộ, chặt chẽ, đặc biệt là còn hạn chế trong việc gắn kết với phát triển du lịch; một số nghề thủ công truyền thống đã được bảo tồn nhưng hoạt động không hiệu quả dẫn đến các sản phẩm thủ công truyền thống có thể trở thành sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường; hệ thống bản văn hóa du lịch chưa đáp ứng về tiêu chuẩn, chất lượng phục vụ nhu cầu khách tham quan.

(6) Chất lượng các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của nhân dân. Các loại hình nghệ thuật mang bản sắc văn hóa truyền thống tuy được khôi phục nhưng chưa nhiều. Các trung tâm học tập cộng đồng, các điểm bưu điện văn hóa xã, các thiết chế văn hóa chưa phát huy được hiệu quả.

(7) Công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh có tiến bộ bước đầu nhưng chưa rộng khắp, việc thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển công nghiệp văn hóa còn hạn chế. Công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa chưa phát triển, quy mô còn nhỏ, lẻ.

Trong thời gian tới, để phát huy vai trò, vị trí của văn hóa, góp phần xây dựng con người và phát triển kinh tế, Tỉnh ủy Điện Biên đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong xây dựng con người, phát triển kinh tế, xã hội, cụ thể như sau:

Một là, cấp ủy, chính quyền các cấp cần nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về bảo tồn, phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Xác định đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển; đặt phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế; phải lấy văn hóa làm nền tảng cho sự phát triển bền vững. Từ đó, ưu tiên triển khai các chế độ, chính sách đầu tư cho sự nghiệp bảo tồn và phát triển văn hóa.

Hai là, chăm lo xây dựng con người Điện Biên phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa của tỉnh và toàn dân tộc.

Ba là, tăng cường xây dựng, triển khai các đề án, chương trình phát triển sự nghiệp văn hóa; cân đối ngân sách đầu tư thỏa đáng cho sự nghiệp phát triển văn hóa, đồng thời thường xuyên kiểm tra, đánh giá thực tế hiệu quả việc đầu tư phát triển chiến lược văn hóa ở từng lĩnh vực để đúc rút kinh nghiệm, tiếp tục triển khai một cách thực chất, tránh hình thức những giai đoạn sau.

Bốn là, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, đấu tranh xóa bỏ một số hủ tục, thói quen sinh hoạt lạc hậu trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Tổ chức đời sống văn hóa cơ sở, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các dân tộc, địa phương và các tầng lớp trong xã hội. Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các tổ chức văn hóa trong và ngoài nước; đẩy mạnh các hoạt động giao lưu văn hóa với các tỉnh Bắc Lào, Bắc Thái Lan và tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, góp phần bảo tồn và phát triển và quảng bá văn hóa đặc trưng của Điện Biên.

Năm là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá giới thiệu các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trong tỉnh dưới nhiều hình thức, phát huy vai trò của báo chí, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt trên internet. Đẩy mạnh sản xuất các chương trình, xuất bản ấn phẩm văn hóa phục vụ nhân dân các dân tộc trong tỉnh; đấu tranh phòng, chống văn hóa độc hại, chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực văn hóa.

Sáu là, mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ, kiến thức về di sản văn hóa, nghiệp vụ văn hóa, nghệ thuật, đặc biệt quan tâm việc đào tạo đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số và người am hiểu văn hóa địa phương nhằm thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc tỉnh Điện Biên. Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nghệ nhân mở các lớp truyền dạy về di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng nhằm trao truyền tri thức cho thế hệ trẻ và nâng cao vai trò của nghệ nhân trong việc bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc mình.

Bảy là, ngành Văn hóa cần tích cực nỗ lực tham mưu cho lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo địa phương ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển văn hóa; đồng thời, chủ động phối hợp với các ngành liên quan, địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung tuyên truyền, đưa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa vào đời sống; vận động nhân dân phát huy tốt vai trò chủ thể của văn hóa; tham gia thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh.

Bên cạnh đó, tỉnh Điện Biên mạnh dạn đề xuất, kiến nghị:

(1) Đối với Chính phủ

Đề nghị Chính phủ tăng nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao đối với khu vực nông thôn, miền núi, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

vùng sâu, vùng xa. Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Có chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa từ huyện đến cơ sở như: chế độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

(2) Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Đề nghị Bộ hằng năm ưu tiên bố trí nguồn kinh phí từ Chương trình phát triển văn hóa, Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch để địa phương có nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa, thể thao và du lịch đã đề ra; hỗ trợ công tác bảo tồn các loại hình nghệ thuật của các dân tộc, bảo tồn bản truyền thống để khai thác phát triển du lịch văn hóa; các dự án bảo tồn văn hóa vật thể, phi vật thể vì hiện nay nguồn ngân sách địa phương rất hạn chế.

- Tham mưu ban hành chính sách, chế độ hợp lý cho cán bộ ngành Văn hóa vùng đặc biệt khó khăn; có chính sách đào tạo, thu hút nguồn lực để đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch cho địa bàn vùng sâu, vùng xa; có chính sách hỗ trợ tiền công, thù lao cho cán bộ không chuyên trách ở cơ sở, thôn, bản, tổ dân phố, các nhà văn hóa cơ sở; các cộng tác viên, các nghệ nhân, các câu lạc bộ.

- Thường niên tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao hơn nữa về trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức văn hóa.

(3) Đối với Bộ Ngoại giao

- Đề nghị Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất Chính phủ cải thiện chính sách cấp thị thực, tăng cường thu hút khách du lịch qua nước thứ ba đến Việt Nam.

- Quan tâm thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về chuyên môn, kỹ năng, ngoại ngữ phục vụ công tác đối ngoại.

ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC VĂN HÓA DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CAO BẰNG

TỈNH ỦY CAO BẰNG

Cao Bằng là tỉnh miền núi biên giới phía đông bắc của Tổ quốc, có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh, là phen giậu của cả nước. Đây là một vùng đất giàu truyền thống cách mạng và là “cái nôi” của cách mạng Việt Nam, nơi vinh dự được Bác Hồ lựa chọn để trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước.

Cao Bằng được thiên nhiên ban tặng vẻ đẹp tuyệt mỹ, không chỉ mang nhiều giá trị đa dạng sinh học độc đáo và đặc biệt là các giá trị di sản địa chất, địa mạo mà còn là nơi hội tụ của nhiều di tích lịch sử, khảo cổ học nổi tiếng. Cao Bằng không chỉ nổi tiếng “gạo trắng, nước trong”, mà còn là vùng đất có bề dày lịch sử, truyền thống văn hóa. Cao Bằng có 8 dân tộc chính, trong đó dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 95,3% dân số toàn tỉnh, mỗi dân tộc đều có những phong tục, tập quán với nét sinh hoạt văn hóa rất riêng, độc đáo, phong phú tạo nên sự giao hòa văn hóa giữa các dân tộc anh em, hình thành văn hóa đa dân tộc và đậm đà bản sắc của vùng đất Cao Bằng... Những giá trị di sản này đã và đang khiến Cao Bằng trở thành vùng đất và điểm du lịch hấp dẫn, thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan, tìm hiểu. Toàn tỉnh Cao Bằng hiện có 214 di tích, trong đó có 92 di tích được xếp hạng (3 di tích quốc gia đặc biệt, 23 di tích cấp quốc gia, 66 di tích cấp tỉnh); 2 bảo vật quốc gia (đôi chuông chùa Viên Minh, đền Quan Triều - xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng; Bia Ma nhai Ngự chế của vua Lê Thái Tổ - xã Hồng Việt, huyện Hòa An); sưu tầm được 16.968 hiện vật. Có 4 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gồm: Nghi lễ Then Tày, tỉnh Cao Bằng; Lễ hội Nàng Hai (xã Tiên Thành, huyện Thạch An); Lễ hội tranh đầu pháo (thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa); Nghề rèn truyền thống của người Nùng An (xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa); gần 80 làn điệu dân ca của các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao,...

Vấn đề xây dựng, phát triển văn hóa và con người Việt Nam có tri thức, văn hóa luôn được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Từ năm 1946 tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu quan điểm “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”; năm 1998, Đảng đã ban hành Nghị quyết Trung ương 5

khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Nghị quyết có ý nghĩa như một cương lĩnh văn hóa trong thời kỳ đổi mới, tạo tiền đề cho Đảng ta từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Trong thời gian gần đây, Đảng ta đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết về văn hóa, nhất là các mục tiêu, quan điểm được đề cập trong các văn kiện, nghị quyết Đại hội của Đảng, như Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định đường lối nhất quán: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học”¹ và mục tiêu “Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc”²; Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”³.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, tỉnh Cao Bằng đã vận dụng, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có văn hóa, văn học và nghệ thuật; tập trung tuyên truyền, quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”, Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 5/2/2015 của Ban Bí thư khóa XI về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội”, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.126.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.126.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Hướng dẫn số 159-HD/BTGTW ngày 11/11/2020 của Ban Tuyên giáo Trung ương về “Triển khai Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về “tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW”. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo xây dựng, ban hành chương trình hành động, các chỉ thị, nghị quyết, đề án về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển văn hóa, văn nghệ trên địa bàn tỉnh, như: Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 7/10/2014 của Tỉnh ủy Cao Bằng về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Hướng dẫn số 12-HD/TU ngày 21/9/2018 của Tỉnh ủy Cao Bằng về “Tiêu chí, quy trình bầu chọn, biểu dương văn nghệ sĩ, trí thức, nhà báo tiêu biểu”; Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 1/4/2020 của Tỉnh ủy về “Bảo tồn và phát huy dân ca các dân tộc tỉnh”; Công văn số 2503-CV/TU ngày 13/8/2020 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Quyết định số 06-QĐ/UBND ngày 27/3/2020 về việc ban hành Quy định việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Qua hơn 6 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, cấp ủy, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn quan tâm bảo tồn, phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội nhằm khích lệ, động viên tính tích cực xã hội của nhân dân, nhất là đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; gắn xây dựng, phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng đời sống văn hóa với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; phát huy truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc, truyền thống quê hương cội nguồn cách mạng; thực hiện tốt các hoạt động quảng bá, giữ gìn, phát huy, bảo tồn và khai thác tiềm năng các di sản thiên nhiên.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tùy điều kiện của từng địa phương, đơn vị, Tỉnh ủy Cao Bằng đã hướng dẫn các địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng những sự kiện chính trị, ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, biểu diễn, sáng tác văn học, nghệ thuật có bước đổi mới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Trong hai năm qua, mặc dù dịch bệnh COVID-19 diễn biến cực kỳ phức tạp, tác động sâu sắc đến hầu hết các lĩnh vực đời sống xã hội, nhiều hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, thể dục - thể thao từ tỉnh đến cơ sở phải tạm dừng, song, với sự nỗ lực, sáng tạo của các cơ quan, ban, ngành, hoạt động văn hóa, sáng tác văn học, nghệ thuật vẫn đạt kết quả tích cực, góp phần

nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân thông qua các hoạt động kỷ niệm của đất nước và của tỉnh: 80 năm Ngày Bác Hồ về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28/1/1941 - 28/1/2021) và 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911 - 5/6/2021), 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm Cao Bằng (21/2/1961 - 21/2/2021); 110 năm Ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp (25/8/1911 - 25/8/2021),... và một số ngày lễ kỷ niệm khác.

Theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW, Tỉnh ủy Cao Bằng đã triển khai một số nội dung, phương thức chỉ đạo hiệu quả về công tác văn hóa tại tỉnh Cao Bằng như sau:

Một là, Tỉnh ủy Cao Bằng xác định mục tiêu: Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học và truyền thống cách mạng. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, phát triển văn hóa với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng xây dựng đời sống văn hóa với xây dựng nông thôn mới, xây dựng nếp sống văn minh đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong điều kiện đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân; làm cho văn hóa trở thành nền tảng vững chắc, là sức mạnh nội sinh quan trọng, bảo đảm sự phát triển bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới. Thường xuyên tổ chức các hoạt động gặp mặt, động viên đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức gặp mặt toàn thể văn nghệ sĩ hằng năm; Tỉnh ủy tổ chức gặp mặt văn nghệ sĩ, trí thức, nhà báo tiêu biểu định kỳ 2 năm một lần.

Hai là, Tỉnh ủy Cao Bằng đã ban hành Đề án số 19-ĐA/TU ngày 13/8/2019 về “Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống trên quê hương cách mạng Cao Bằng giai đoạn 2019-2025”; chỉ đạo các cấp từ tỉnh đến cơ sở thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, đổi mới nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò, vị trí của văn hóa, nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ mới, gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống. Chú trọng giáo dục, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống, ý thức tự trọng, tự chủ vươn lên. Nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú được triển khai kịp thời như: Tuyên truyền lưu động; giới thiệu các tác phẩm văn học, nghệ thuật có tính thẩm mỹ cao, phù hợp với đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh; giới thiệu, biểu dương công tác bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, chống sự xâm nhập của sản phẩm văn hóa độc hại thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, như liên hoan, hội thi, hội diễn nghệ thuật. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ hướng đến mục tiêu cổ vũ, biểu dương gương

người tốt việc tốt, điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua; nêu cao tinh thần cách mạng, ý chí quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương; đấu tranh với các luận điệu sai trái, thù địch, làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa; giới thiệu về giá trị lịch sử của di sản văn hóa, giúp khơi dậy tinh thần tự hào và truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc, ý thức trách nhiệm trong mỗi cá nhân.

Ba là, công tác chỉ đạo thực hiện các hoạt động văn hóa, văn nghệ được các sở, ban, ngành và Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ và triển khai đồng bộ; chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Đồng thời, tổ chức các hoạt động văn hóa góp phần xây dựng môi trường lành mạnh, nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về hưởng thụ văn hóa và bảo vệ nét văn hóa đặc sắc của địa phương; nâng cao chất lượng sáng tác và phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật; bảo tồn, phát huy các giá trị tốt đẹp; phê phán và từng bước xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong cộng đồng các dân tộc.

Bốn là, thường xuyên tập trung rà soát các mục tiêu, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch với các nhóm giải pháp sát thực tiễn của từng địa phương, đơn vị để tổ chức thực hiện có hiệu quả như: Kế hoạch thực hiện Đề án “Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo tồn phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2021”; Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2035...; nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của tỉnh; đẩy mạnh công tác trùng tu, tôn tạo các di tích đã được xếp hạng.

Năm là, triển khai thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống. Trong đó đặc biệt lưu ý việc tự tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống và văn hóa công vụ của mỗi cán bộ, đảng viên, chú trọng giáo dục, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc và nhân cách, ý thức tự trọng, tự chủ vươn lên.

Trên cơ sở các quan điểm và phương thức chỉ đạo nêu trên, thời gian qua, thực tiễn hoạt động văn hóa tỉnh Cao Bằng đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề để xây dựng phát triển văn hóa đặc sắc của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX và Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, biểu diễn, sáng tác văn học, nghệ thuật có sự đổi mới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Để gìn giữ, phát huy những nét văn hóa độc đáo, Tỉnh ủy Cao Bằng đã chỉ đạo ngành Văn hóa và các đơn vị liên quan triển khai nhiều giải pháp thiết thực để các di sản văn hóa trở thành nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tiêu biểu như: duy trì và phục dựng các làng nghề truyền thống là: Nghề rèn thủ công truyền thống của đồng bào Nùng An; Nghề đan lát mây tre của người Tày, Nùng; Nghề dệt thổ cẩm, làm hương,... Đặc biệt, di sản thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam được UNESCO công nhận Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc được thực hiện thông qua các chương trình, đề án, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa như: “Nghiên cứu, phục dựng đám cưới dân tộc Dao đỏ tỉnh Cao Bằng”; “Khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Lễ Thuồn Puôn của người Sán Chi ở Cao Bằng”; “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị dân ca dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao tỉnh Cao Bằng”; “Nghỉ lễ đám cưới của người Lô Lô trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”; khôi phục 4 lễ hội dân gian truyền thống (Lễ hội Háng Tán, Lễ hội Lồng tồng, Lễ hội Co Sâu, Lễ hội Bó Puông)... Các hoạt động văn hóa trên không chỉ có giá trị trong việc gìn giữ và bảo tồn giá trị văn hóa mà còn giáo dục tri thức, nhân cách con người; hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đã và đang phát huy tiềm năng, thế mạnh trong việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, tạo tiền đề tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu bản sắc văn hóa, non nước Cao Bằng đến với bạn bè gần xa.

- Công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, hành vi tiêu cực ảnh hưởng xấu đến nền văn hóa, làm tha hóa con người gắn với việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”; Thông báo Kết luận số 213-TB/TW của Ban Bí thư khóa X về “Đấu tranh chống các quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật” được tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức của các tầng lớp nhân dân, góp phần ngăn chặn việc sử dụng, phát tán và loại bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại. Hoạt động đấu tranh phản bác các luận điệu, thông tin xấu, độc của các thế lực thù địch trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ đạt được những kết quả tích cực. Đặc biệt, Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh thường xuyên chỉ đạo Ban Chỉ đạo 35 các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện tốt Kết luận số 53-KL/TW ngày 4/6/2019 về “Chỉ đạo đấu tranh ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ, triệt phá tin giả, thông tin sai sự thật, xấu, độc trên Internet, mạng xã hội”. Chỉ đạo các cơ quan liên quan tăng cường quản lý, kiểm soát thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và không gian mạng, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân sử dụng các phương tiện truyền thông để đăng tải, phát tán thông tin sai sự thật, xấu, độc, xuyên tạc, kích động chống phá Đảng và Nhà nước gây mất ổn định an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh được cấp ủy, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo, thực hiện. Những năm qua, các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện như: “Sưu tầm, nghiên cứu dân ca, dân vũ của người Dao đỏ tỉnh Cao Bằng”; “Sưu tầm, nghiên cứu dân ca, dân vũ của người Sán Chi tỉnh Cao Bằng”; “Biên soạn tài liệu giảng dạy một số làn điệu dân ca dân tộc Tày, Nùng tỉnh Cao Bằng” áp dụng giảng dạy tại trường Năng khiếu nghệ thuật và thể thao tỉnh. Xây dựng kịch bản và nâng cấp các lễ hội: Chùa Sùng Phúc (thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang); Đền Kỳ Sầm (xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng); Lễ hội Thanh Minh gắn kết làng nghề truyền thống tại xã Phúc Sen (huyện Quảng Hòa); Lễ hội Nàng Hai (xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa). Phục dựng các lễ hội dân gian truyền thống, như: Lễ hội Lồng tồng; Lễ hội Bó Puông... Hệ thống di tích lịch sử cách mạng, văn hóa và các danh lam, thắng cảnh... được tinh quan tâm giữ gìn, tôn tạo. Các giá trị văn hóa, văn học và nghệ thuật; dân ca, dân nhạc, dân vũ dân gian truyền thống được nghiên cứu, sưu tầm, khôi phục và phát huy giá trị.

- Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được quan tâm, trong đó chú trọng đưa các sản phẩm văn học, nghệ thuật, các chương trình biểu diễn nghệ thuật... đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hóa; bảo đảm cho nhân dân được tự tổ chức các hoạt động văn hóa mang tính cộng đồng, được tham gia sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa tốt đẹp,... Các phong trào nghệ thuật quần chúng, các câu lạc bộ sinh hoạt văn nghệ cũng mở rộng hơn về quy mô và chất lượng hoạt động; các đội văn nghệ quần chúng trong các cơ quan, đơn vị, các làng, bản được hình thành ngày càng nhiều, thường xuyên phối hợp tham gia, tổ chức hội thi, liên hoan, trong đó các tiết mục dân ca luôn được chú trọng. Toàn tỉnh hiện nay có 794 đội văn nghệ quần chúng được tổ chức hoạt động thường xuyên. Công tác phát triển hội cũng được quan tâm, chú trọng, đặc biệt là Hội Bảo tồn dân ca các dân tộc tỉnh Cao Bằng được thành lập từ năm 2011 với 70 hội viên, đến nay Hội đã phát triển được 10/10 chi hội cấp huyện, thành phố với trên 2.000 hội viên, thường xuyên hoạt động nghiên cứu, sưu tầm các bài dân ca cổ, truyền dạy các làn điệu dân ca cho thế hệ trẻ và các hội viên để giao lưu giữa các địa phương, đồng thời giúp lưu giữ các làn điệu dân ca của các dân tộc không bị mai một. Nhiều cá nhân, gia đình, dòng họ nêu cao ý thức giữ gìn vốn văn hóa cổ truyền thông qua nhiều hình thức, như: sưu tầm, lưu giữ các làn điệu dân ca cổ, tổ chức truyền dạy, sáng tác các tác phẩm bằng tiếng địa phương... Các hoạt động văn nghệ quần chúng, biểu diễn các làn điệu dân ca, dân vũ, dân nhạc được phát triển rộng khắp. Việc tổ chức các đợt liên hoan, hội thi, hội diễn đã tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tầng lớp nhân dân tham gia, góp phần nâng cao hiệu quả trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng văn hóa của nhân dân.

Tiêu biểu như: các hội thi hát dân ca, trình diễn trang phục dân tộc, thi đấu thể thao hay Hội nghị giao ban công tác văn hóa, thể thao và du lịch... Thành lập các đoàn nghệ thuật tham gia các liên hoan, hội diễn nghệ thuật khu vực và toàn quốc, phục vụ các sự kiện chính trị - xã hội trong và ngoài tỉnh, như: Liên hoan nghệ thuật hát Then, đàn Tách các dân tộc Tày, Nùng, Thái toàn quốc; Liên hoan Tuyên truyền lưu động; Liên hoan đàn, hát dân ca ba miền; Hội diễn Nghệ thuật quần chúng; Ngày hội Văn hóa các dân tộc vùng Đông Bắc; Ngày hội Văn hóa dân tộc Dao; Ngày hội Văn hóa dân tộc Mông; Chương trình “Qua những miền di sản Việt Bắc”;... Qua các hoạt động giao lưu nghệ thuật, những nét đẹp văn hóa đặc sắc cũng như phong tục, tập quán, và những giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số được tôn vinh, quảng bá.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từng bước đi vào chiều sâu. Cấp ủy, chính quyền các cấp tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; vận động các hộ gia đình, khu dân cư đăng ký thi đua danh hiệu văn hóa như danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa” và được nhân dân tích cực hưởng ứng; thực hiện tốt các nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; tham gia đóng góp, vận động ủng hộ các quỹ với nhiều hình thức khác nhau, duy trì và thực hiện hiệu quả các mô hình tự quản, tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm; Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh nếp sống văn minh, sống và làm việc theo pháp luật; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc;... Tiếp tục thực hiện Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về “Xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa””. Hiện nay, toàn tỉnh có 115.196/126.867 gia đình đăng ký danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 91%; có 1.338/1.462 xóm, tổ dân phố đăng ký danh hiệu văn hóa, đạt 91,5%; có 1.474/1.497 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký danh hiệu văn hóa, đạt 98%. Việc thực hiện Phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đã góp phần tích cực trong xây dựng nếp sống văn minh, thực hiện văn hóa công sở, gắn phong trào xây dựng đời sống văn hóa với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị xây dựng tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Nhờ vậy, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tạo mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền, các đoàn thể với nhân dân. Nếp sống văn minh được hình thành rõ nét, chất lượng các danh hiệu văn hóa đạt hằng năm được nâng cao rõ rệt.

Trong các giải pháp góp phần đưa Nghị quyết số 33-NQ/TW vào thực tiễn cuộc sống, Tỉnh ủy Cao Bằng chỉ đạo các cấp ủy tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, đổi mới nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí của văn hóa, nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ mới, gắn với việc thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về

“*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống. Chú trọng giáo dục, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức tự trọng, tự chủ vươn lên. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, tập tục lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực, gây ảnh hưởng xấu đến các giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Khắc phục tư tưởng dựa dẫm, trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước trong một bộ phận nhân dân đối với quá trình thụ hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa; bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, gắn kết công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch. Nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn Nghệ thuật tỉnh, các đội tuyên truyền lưu động, đội chiếu phim lưu động. Đa dạng hóa các loại hình thư viện, kết nối các hoạt động thư viện tỉnh với thư viện huyện, thư viện trường học và tủ sách pháp luật cơ sở, tủ sách các cơ quan; xây dựng hệ thống thư viện điện tử. Thực hiện tốt các hoạt động quảng bá, giữ gìn, phát huy, bảo tồn và khai thác tiềm năng di sản thiên nhiên Công viên địa chất toàn cầu UNESCO non nước Cao Bằng. Quan tâm đầu tư hạ tầng các khu di tích, điểm du lịch sinh thái như: 3 khu di tích quốc gia đặc biệt, gồm Di tích lịch sử Pác Bó (huyện Hà Quảng); di tích Khu rừng Trần Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình); Địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 (huyện Thạch An); Danh thắng quốc gia: Thác Bản Giốc, Động Ngườm Ngao (huyện Trùng Khánh), Hồ Thang Hen (huyện Trà Lĩnh), Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén (huyện Nguyên Bình).

Công tác xây dựng, phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã đạt được một số kết quả nhất định, song vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

(1) Công tác phát triển văn hóa vẫn chưa thật sự đồng bộ. Một số di tích lịch sử, văn hóa xuống cấp, chậm được đầu tư, tu bổ. Một số chủ trương bảo tồn, trùng tu, tôn tạo di tích chậm triển khai; hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu.

(2) Việc sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị văn hóa, văn học và nghệ thuật của các dân tộc thiểu số trên địa bàn chưa thực sự chủ động còn hạn chế. Chưa có cơ chế khuyến khích các văn nghệ sĩ trên địa bàn trong việc sáng tạo về đề tài văn hóa dân tộc. Việc truyền dạy tiếng dân tộc thiểu số trong các trường học chưa được thực hiện.

(3) Lực lượng cán bộ làm công tác sáng tác, nghiên cứu lý luận về văn hóa, nghệ thuật còn thiếu; cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo lực lượng nòng cốt về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

- Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế đó là:

(1) Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng đặc biệt của việc thực hiện công tác phát triển văn hóa nên chưa thật sự thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa có mặt lúng túng.

Xã hội hóa phát triển văn hóa còn yếu, chưa phát huy tối đa tiềm năng di sản văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

(2) Là một tỉnh nghèo, nguồn lực hạn chế, do đó Cao Bằng chưa đầu tư được hệ thống thiết chế phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch từ tỉnh đến cơ sở, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các xã còn khó khăn.

(3) Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa còn thiếu kinh nghiệm, hạn chế cả về số lượng và chất lượng; chưa được đào tạo bài bản và đồng bộ.

(4) Mấy năm gần đây, dịch bệnh COVID-19 bùng phát, lan nhanh trên diện rộng và diễn biến phức tạp nên một số hoạt động văn hóa, văn nghệ phải tạm dừng, ảnh hưởng đến công tác phối hợp tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về văn hóa, văn nghệ và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Nhận thức rõ vai trò đặc biệt quan trọng của yếu tố văn hóa đối với sự phát triển của tỉnh trong tình hình mới, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2020-2025) đã kế thừa, tiếp thu căn bản nền tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối phát triển văn hóa, thể thao của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh các thời kỳ. Đó là, xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng con người Cao Bằng phát triển toàn diện; quan tâm giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa...

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX cũng bổ sung những nội dung mới, cụ thể, có ý nghĩa hết sức quan trọng, bảo đảm sự thống nhất với những mục tiêu phát triển của tỉnh đề ra với trọng tâm là “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh; phát huy truyền thống văn hóa, sức mạnh toàn dân; đổi mới sáng tạo, xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển toàn diện, vững chắc”. Trong định hướng phát triển cũng xác định rõ “Phát triển địa phương dựa trên nền tảng, động lực cơ bản: tri thức và văn hóa tinh thần”, trong đó, chủ thể là con người, xây dựng văn hóa và con người với yêu cầu được giáo dục trong môi trường chất lượng cao, hiện đại, khoa học, toàn diện cả “đức, trí, thể, mỹ”.

Một trong những điểm mới có ý nghĩa rất quan trọng đó là “chú trọng công tác xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững; thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm bình đẳng giới trên các lĩnh vực; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”. Tư tưởng xây dựng gia đình (tế bào của xã hội) hạnh phúc, bền vững gắn quyền thiêng liêng, chính đáng của con người - bình đẳng, ấm no, hạnh phúc là đột phá tư tưởng lớn, thiết thực, có chiều sâu xã hội, đáp ứng đúng ý chí, nguyện vọng của mỗi người dân và gia đình, tạo sức mạnh khối đại đoàn kết cộng đồng, thúc đẩy nội sinh để phát triển toàn diện, bền vững, hài hòa, phù hợp với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Khuyến khích, huy động sức mạnh mọi nguồn lực xã hội vào phát triển văn hóa, thiết chế văn hóa. Xác định nhiệm vụ phát triển văn hóa, không chỉ là của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa mà là của cả hệ thống chính trị, của toàn dân; không chỉ huy động nguồn lực vật chất mà cả nguồn lực trí tuệ, nguồn lực tinh thần. Văn hóa thực sự là sự nghiệp của toàn dân, người dân thụ hưởng và có nghĩa vụ, quyền và trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển đó.

Thời gian tới, bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Cao Bằng xác định: phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những mặt khó khăn, hạn chế, công tác về văn hóa cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện tốt nội dung chương trình của Trung ương, của tỉnh đã đề ra, trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

(1) Tiếp tục tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo và quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Hướng dẫn số 159-HD/BTGTW ngày 11/11/2020 của Ban Tuyên giáo Trung ương; Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”; các chỉ thị, nghị quyết, chương trình của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về phát triển văn hóa, văn nghệ trên địa bàn tỉnh.

(2) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức tốt hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh. Đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

(3) Bám sát tình hình thực tế để chủ động, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ vừa bảo đảm an toàn phòng, chống đại dịch COVID-19 vừa nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục về văn hóa, văn nghệ trên báo, đài, tạp chí và trang thông tin điện tử các ngành. Tích cực phát động phong trào sáng tác văn học, nghệ thuật và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng ở các địa phương, cơ sở.

(4) Tăng cường quản lý nhà nước về công tác văn hóa, văn nghệ và dịch vụ kinh doanh văn hóa, văn nghệ, nhất là công tác cấp phép, thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh văn hóa, văn nghệ như: biểu diễn, quảng cáo, karaoke, vũ trường,... Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh công tác tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

(5) Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa, đặc biệt là chương trình bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; phát huy tính thống nhất trong đa dạng,

bản sắc văn hóa độc đáo của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới và làm phong phú thêm kho tàng di sản văn hóa dân tộc.

(6) Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa. Tuyên truyền cho đồng bào các dân tộc biết tự hào và trân trọng những giá trị tinh thần, đạo đức, phong tục tốt đẹp của mình, phát huy các giá trị văn hóa tích cực truyền thống trong cuộc sống mới. Xây dựng và thực hiện quy ước văn hóa trên cơ sở kết hợp những yếu tố truyền thống tốt đẹp. Tổ chức hình thức hoạt động văn hóa lành mạnh để thu hút nhân dân tham gia.

(7) Tăng cường đầu tư ngân sách cho văn hóa, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, huy động mọi nguồn lực cho phát triển văn hóa, coi đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững.

(8) Hỗ trợ xây dựng, bảo tồn bản làng văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch; tổ chức, tham gia các hội thi, hội diễn, chương trình du lịch; mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ làm văn hóa phù hợp với yêu cầu mới. Đổi mới, tăng cường việc giới thiệu, quảng bá văn hóa, văn học và nghệ thuật, đất nước, con người Việt Nam nói chung và con người Cao Bằng nói riêng đến với thế giới.

Để tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tỉnh Cao Bằng xin có một số đề xuất như sau:

(1) Đề nghị Trung ương và các cơ quan liên quan quan tâm dành nguồn lực hỗ trợ đầu tư cho tỉnh Cao Bằng trong giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số của tỉnh nói chung và dân tộc Lô Lô nói riêng.

(2) Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan truyền thông, báo chí Trung ương hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá hình ảnh và các giá trị di sản văn hóa của tỉnh Cao Bằng đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, VĂN NGHỆ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TỈNH ỦY LẠNG SON

Lạng Son là một tỉnh miền núi biên giới thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc, có đông đồng bào dân tộc thiểu số cùng sinh sống, có vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại của cả nước. Tỉnh Lạng Sơn có diện tích tự nhiên là 8.310,09 km²; gồm 11 huyện, thành phố, với 200 xã, phường, thị trấn và 1.705 thôn, khối phố; có đường biên giới dài 231,74 km tiếp giáp tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc); có các tuyến đường bộ quan trọng chạy qua như Quốc lộ 1A, 1B, 4A, 4B, 31 và tuyến đường sắt liên vận quốc tế Việt - Trung; có các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu song phương, cửa khẩu phụ và các lối mở biên giới.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển lâu dài, cộng đồng các dân tộc tỉnh Lạng Sơn đã tạo dựng nên một nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc và có sắc thái đặc trưng riêng trong Tiểu vùng văn hóa Đông Bắc. Ngày nay, với thế mạnh và tiềm năng sẵn có, cùng với vị trí địa lý và giao thông thuận lợi, Lạng Sơn đã và đang trở thành một điểm giao thoa, hội tụ văn hóa và là điểm đến hấp dẫn của du khách thập phương trong nước cũng như quốc tế.

Trong những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền tỉnh Lạng Sơn đã bám sát thực tiễn, sáng tạo, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các chương trình, đề án của Trung ương và nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Tỉnh ủy về xây dựng, phát triển văn hóa, văn nghệ; ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa, xã hội đáp ứng nhu cầu tinh thần của các tầng lớp nhân dân; thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa; giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống lịch sử, cách mạng, truyền thống văn hóa; chăm lo phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; đưa thông tin về cơ sở... nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Qua đó đã đạt được một số *kết quả* đáng ghi nhận là:

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, văn nghệ, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng đi vào chiều sâu; công tác bảo tồn, nghiên cứu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được chú trọng thực hiện.

Tỉnh Lạng Sơn đã chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa theo hướng tinh gọn bộ máy quản lý. Quan tâm tổ chức sắp xếp hợp lý bộ máy quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp văn hóa; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa, quản lý văn hóa gắn với nhu cầu sử dụng, phù hợp với chỉ tiêu biên chế; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa các cấp với số lượng phù hợp, cơ cấu hợp lý, áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng người tài làm việc trong lĩnh vực văn hóa... Chú trọng quy hoạch, bồi dưỡng những cán bộ vừa có trình độ chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực sáng tạo, vừa có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, luôn tâm huyết, yêu nghề.

Hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm xây dựng ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong những năm qua, tỉnh Lạng Sơn được Trung ương quan tâm, đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa. Các trang thiết bị được đầu tư đã phát huy vai trò, chức năng, truyền tải kịp thời thông tin tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân, phục vụ có hiệu quả việc tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần ở cơ sở, góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc.

Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc thường xuyên được quan tâm chỉ đạo. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TU, ngày 31/8/2016 về “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo”. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều hoạt động, giải pháp tích cực để khơi dậy, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Quan tâm nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là các di sản văn hóa có nguy cơ mai một. Qua đó, các loại hình di sản văn hóa phi vật thể tiếp tục được bảo lưu, trao truyền và phát huy giá trị, góp phần tôn vinh, quảng bá, giới thiệu các nét đẹp văn hóa truyền thống của tỉnh đến bạn bè trong và ngoài nước, tạo ra không gian văn hóa lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho các loại hình nghệ thuật truyền thống (then, sli, lượn, múa sư tử,...) được bảo lưu, trao truyền, nuôi dưỡng và phát triển thông qua các lễ hội, các hội thi, hội diễn, các hội nghị, chợ phiên, đặc biệt là các ngày hội lớn, như: Kỳ Cùng - Tả Phủ, Bùng Kham, Báo Slao, Háng Pính (Hội Bánh nướng ngày 12/8 âm lịch), Tuần Văn hóa - Du lịch, ngày Hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sự kiện kỷ niệm các ngày lễ trọng đại của đất nước và các sự kiện văn hóa khác. Từng bước định hình, xây dựng thương hiệu đặc trưng, nguồn tài nguyên nhân văn, sản phẩm văn hóa - du lịch tiêu biểu của tỉnh Lạng Sơn, góp phần tạo tiền đề, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội tại địa phương, đẩy mạnh giao lưu, đối ngoại, hội nhập và phát triển trong giai đoạn hiện nay.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân luôn bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, được tổ chức trang trọng, an toàn, lành mạnh, tiết kiệm đúng quy định, phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, có ý nghĩa giáo dục và định hướng chân - thiện - mỹ cho người dân, góp phần cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Các hoạt động văn hóa, lễ hội, sự kiện phục vụ các nhiệm vụ chính trị của tỉnh được quan tâm chỉ đạo và có nhiều chuyển biến tích cực. Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan chức năng của tỉnh tích cực tập trung thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, bước đầu đã tổ chức được các hoạt động, sự kiện tiêu biểu của tỉnh, là điểm nhấn văn hóa - du lịch thu hút và nhận được sự quan tâm, đánh giá cao của dư luận và nhân dân trong và ngoài tỉnh. Đồng thời, với mục tiêu xây dựng và phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó lấy di sản văn hóa là nền tảng, động lực để phát triển, hoạt động khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh ngày càng được quan tâm, chú trọng và có những chuyển biến tích cực.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 300 lễ hội được tổ chức thường xuyên với quy mô lớn, nhỏ khác nhau. Các lễ hội diễn ra tập trung trong tháng Giêng âm lịch hàng năm, với loại hình chủ yếu là Lễ hội Lồng Tồng. Từ năm 2002, tỉnh tổ chức khai mạc Lễ hội Xuân gắn liền với một lễ hội tiêu biểu của tỉnh, thực hiện tổ chức luân phiên tại địa bàn các huyện, thành phố trong tỉnh. Hầu hết các lễ hội đều được tổ chức tương đối trang trọng, phù hợp với nghi thức truyền thống, duy trì nhiều trò chơi dân gian, kết hợp với tổ chức thi đấu giao lưu các môn thể thao. Những hoạt động này đã góp phần tích cực tuyên truyền, quảng bá những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp, thu hút được đông đảo nhân dân và du khách tham gia.

Lễ hội hoa đào Xuân xứ Lạng được tổ chức hàng năm vào khoảng thời gian từ ngày 25 tháng Chạp năm trước đến ngày 10 tháng Giêng năm sau, với nhiều hoạt động văn nghệ, chương trình đặc sắc, hấp dẫn gắn liền với hình ảnh hoa đào và những đặc trưng văn hóa của xứ Lạng, góp phần giới thiệu, quảng bá các di sản văn hóa, tiềm năng du lịch của các huyện, thành phố đến với du khách thập phương. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về bảo tồn, phát huy những giá trị của hoa đào gắn với phát triển kinh tế, tạo hiệu ứng tích cực đẩy mạnh phong trào trồng hoa đào rộng khắp địa bàn tỉnh Lạng Sơn, góp phần xây dựng hình ảnh và thương hiệu: Lạng Sơn - Xứ sở hoa đào, Hoa đào xứ Lạng.

Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch là sự kiện lớn của tỉnh Lạng Sơn, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh, trong đó có lượng khách lớn từ nước bạn Trung Quốc. Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các hoạt động sôi nổi, hấp dẫn như:

trưng bày, triển lãm chuyên đề về các di sản văn hóa tiêu biểu, biểu diễn giao lưu hát then, sli, lượn, múa sư tử dân tộc Tày - Nùng, biểu diễn võ thuật, đua bè mảng trên sông Kỳ Cùng, hội thi ẩm thực,... được nhân dân tích cực hưởng ứng và đồng tình ủng hộ, thu hút được nguồn kinh phí xã hội hóa lớn từ cộng đồng.

Cùng với các hoạt động lễ hội, trong thời gian qua, tỉnh Lạng Sơn còn tổ chức nhiều sự kiện lớn phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh với quy mô phù hợp, nội dung và hình thức phong phú, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, truyền thống văn hóa, bồi dưỡng và phát huy tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự cường dân tộc; khơi dậy niềm tự hào và củng cố niềm tin cho cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo không khí vui tươi phấn khởi, cổ vũ, động viên toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn phát huy tinh thần đoàn kết, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, mục tiêu kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đã đề ra.

Hoạt động giao lưu nghệ thuật có nhiều đổi mới. Tỉnh Lạng Sơn đã đăng cai tổ chức nhiều chương trình liên hoan nghệ thuật (*Liên hoan hát then dân tộc, chương trình du lịch qua các miền di sản Việt Bắc...*), tham gia các hội diễn ca - múa - nhạc chuyên nghiệp toàn quốc, các chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị lớn của tỉnh, của đất nước với nhiều tiết mục được dàn dựng công phu, chất lượng nghệ thuật cao, mang đậm màu sắc văn hóa xứ Lạng, phản ánh những nét đẹp văn hóa của các dân tộc trong tỉnh, những giai đoạn lịch sử gắn với quá trình xây dựng, phát triển của tỉnh Lạng Sơn. Công tác biểu diễn phục vụ đồng bào vùng cao, biên giới được tổ chức thường xuyên, góp phần cải thiện đời sống văn hóa tinh thần cho các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động giao lưu nghệ thuật quốc tế được đẩy mạnh, gắn kết chặt chẽ giữa biểu diễn nghệ thuật với chương trình xúc tiến du lịch và quảng bá nghệ thuật dân tộc xứ Lạng. Qua đó, đã để lại ấn tượng sâu sắc, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân các dân tộc vùng biên giới, xây dựng hình ảnh du lịch vùng biên từng bước đi vào chiều sâu, góp phần vun đắp tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc và Việt Nam với các nước trong khu vực.

Đời sống văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh trong năm qua tiếp tục phát triển. Các cán bộ, văn nghệ sĩ luôn tâm huyết, say mê sáng tạo các tác phẩm mới, góp phần tạo nên nền văn học nghệ thuật xứ Lạng đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Hội Văn học nghệ thuật tỉnh thường xuyên củng cố, nâng cao năng lực tập hợp hội viên, phát huy tiềm năng sáng tạo và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hội viên văn học, nghệ thuật được quan tâm; công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, diễn viên chuyên nghiệp được chú trọng; hoạt động tuyên truyền, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật được duy trì. Tỉnh thường xuyên

quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho Hội Văn học nghệ thuật tỉnh nâng cao hiệu quả hoạt động, hỗ trợ các hội viên đi thực tế sáng tác, tham gia các trại sáng tác do Trung ương và các địa phương tổ chức; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ biểu diễn chuyên nghiệp phục vụ vùng cao, biên giới. Nhiều chính sách nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật được ban hành,...

Hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm diễn ra thường xuyên¹. Hằng năm, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh tổ chức hoặc tham gia các cuộc triển lãm tranh, ảnh, các trại sáng tác do Trung ương và các địa phương tổ chức, qua đó đã thu hút đông đảo hội viên tham gia, nhiều tác phẩm phản ánh hình ảnh về vùng đất, con người, phong tục, tập quán có giá trị cao về nội dung, nghệ thuật, góp phần quảng bá tiềm năng du lịch tỉnh Lạng Sơn đến bạn bè trong và ngoài nước².

Tạp chí *Văn nghệ xứ Lạng* hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, từng bước đổi mới, cải tiến về nội dung và hình thức, góp phần định hướng các giá trị chân, thiện, mỹ; đáp ứng nhu cầu thông tin, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Các hoạt động công bố, phổ biến tác phẩm văn học, nghệ thuật bằng nhiều hình thức, như xuất bản phẩm, triển lãm, ghi âm, ghi hình, phát trên sóng phát thanh - truyền hình, phát hành các đĩa CD, VCD; phổ biến qua hình thức biểu diễn sân khấu, các liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ,... luôn được đẩy mạnh. Qua đó, đã công bố hàng nghìn tác phẩm, trong đó có nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật đạt giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

Với những kết quả đạt được, sự nghiệp văn hóa, văn nghệ của tỉnh đã thực sự thể hiện vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, xây dựng được niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác văn hóa, văn nghệ trên địa bàn tỉnh còn một số *hạn chế*. Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến công tác phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật, nhận thức về vai trò, vị trí của văn hóa trong phát triển, cũng như tổ chức thực hiện, cụ thể hóa quan điểm của Đảng về văn hóa trong công tác lãnh đạo, quản lý, còn tư duy xem nhẹ văn hóa, thiên lệch về kinh tế. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật chưa chặt chẽ, có

1. Mỗi năm tổ chức từ 2 - 5 cuộc trưng bày, triển lãm về mỹ thuật, nhiếp ảnh của tỉnh hoặc khu vực Đông Bắc. Năm 2014, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh phối hợp với Hội Nhiếp ảnh Việt Nam đăng cai tổ chức Liên hoan ảnh nghệ thuật khu vực miền núi phía Bắc; năm 2016, tổ chức cuộc thi và triển lãm ảnh nghệ thuật Lạng Sơn lần thứ VI.

2. Bức ảnh "Thung lũng Bắc Sơn" của tác giả Vũ Kim Thoa là một trong 10 tác phẩm xuất sắc nhất trong cuộc Triển lãm ảnh đất nước, con người ASEAN nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (1967-2017).

lúc chưa đáp ứng được yêu cầu. Đầu tư nguồn lực cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế; công tác xã hội hóa còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ làm công tác văn hóa, nghệ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Một số cơ chế, chính sách phát triển văn học, nghệ thuật còn bộc lộ những bất cập, như chưa có chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác văn học, nghệ thuật ở cơ sở. Công tác bảo tồn và phát huy vốn di sản văn hóa dân tộc, việc sưu tầm, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể tuy đã được quan tâm nhưng chưa thường xuyên và hiệu quả.

Để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, văn nghệ, trong thời gian tới tỉnh Lạng Sơn tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt một số *nhiệm vụ, giải pháp* sau:

Một là, tăng cường chỉ đạo, định hướng các hoạt động văn hóa, văn nghệ gắn việc đưa Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đi sâu vào đời sống; thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 19-KH/TU ngày 28/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Hai là, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, văn nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu thông tin, giải trí và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân.

Ba là, tăng cường các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa, bảo đảm tương xứng với mức tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật nhằm huy động sự đóng góp của các cá nhân, tổ chức xã hội cho hoạt động văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Xây dựng và tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở.

Bốn là, quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng khiếu, tài năng nghệ thuật; thực hiện tốt việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa, nghệ thuật; khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật. Đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Văn học, Nghệ thuật tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động sáng tạo, nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật. Phát huy vai trò, tăng cường sức sáng tạo và ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp văn hóa, văn nghệ.

Năm là, tăng cường nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa dân tộc. Nghiên cứu, đầu tư, bảo tồn một số làng

văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng; đẩy mạnh công tác khoanh vùng, bảo vệ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các di tích trên địa bàn tỉnh.

Sáu là, nghiên cứu, đề xuất tổ chức, đăng cai một số hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch với quy mô vùng, quốc gia nhằm tiếp tục quảng bá hình ảnh vùng đất, con người Lạng Sơn đến với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [2] Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII*, 2021.
- [3] *Địa chí Lạng Sơn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
- [4] Tỉnh ủy Lạng Sơn: Báo cáo số 462-BC/TU ngày 14/6/2019 về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [5] Tỉnh ủy Lạng Sơn: Báo cáo số 35-BC/TU ngày 31/12/2020 về “Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 31/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo””.

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, TẠO ĐỘNG LỰC HIỆN THỰC HÓA KHÁT VỌNG ĐƯA LÀO CAI TRỞ THÀNH TỈNH PHÁT TRIỂN CỦA CẢ NƯỚC

TỈNH ỦY LÀO CAI

Lào Cai là tỉnh biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc, có trên 182km đường biên giới tiếp giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), dân số trên 73 vạn người, có 25 nhóm, ngành dân tộc cùng sinh sống. Các nhóm, ngành dân tộc thuộc 4 ngữ hệ lớn nhất Việt Nam: ngữ hệ Nam Á, ngữ hệ Hán - Tạng, ngữ hệ Thái - Kadai, ngữ hệ Môn - Dao. Đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm hơn 66% dân số toàn tỉnh. Mỗi dân tộc đều có những đặc trưng riêng độc đáo, đậm đà bản sắc tạo nên nét văn hóa cộng đồng các dân tộc đặc sắc của Lào Cai. Mặc dù có tộc danh khác nhau, quê quán khác nhau nhưng các dân tộc Lào Cai không xảy ra xung đột về dân tộc, tôn giáo. Các đặc điểm trên vừa tạo cho Lào Cai là tỉnh giàu bản sắc văn hóa, vừa là nơi thuận lợi cho giao lưu, hội tụ văn hóa.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức được vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của tỉnh, thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, tỉnh Lào Cai đã có nhiều cách làm sáng tạo và đạt được nhiều kết quả nổi bật trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai, từng bước hiện thực hóa khát vọng đưa Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của cả nước.

1. Những sáng tạo và kết quả nổi bật của tỉnh Lào Cai trong xây dựng, phát triển văn hóa

Các nhiệm kỳ đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đều ban hành các đề án, nghị quyết về phát triển thiết chế văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc để tập trung chỉ đạo. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV đã ban

hành Chương trình số 201-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, với 5 nhóm nhiệm vụ, 4 nhóm giải pháp. Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ tỉnh đề ra nhiệm vụ giai đoạn 2015-2020: “*Phát triển con người Lào Cai toàn diện, giàu bản sắc văn hóa từng dân tộc; nâng cao trí tuệ, năng lực sáng tạo, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật*”. Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 33 và 4 chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XV, Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành 6/19 đề án trọng tâm, bố trí nguồn lực thực hiện về lĩnh vực văn hóa và các lĩnh vực khác có liên quan trực tiếp đến xây dựng, phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020, như: Đề án phát triển du lịch tỉnh Lào Cai; Đề án đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Đề án phát triển y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Đề án phát triển văn hóa, thể thao tỉnh Lào Cai; Đề án phát triển khoa học và công nghệ; Đề án tiếp tục đổi mới công tác tư tưởng chính trị, tuyên truyền vận động. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai khóa XVI vừa mới ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/8/2021 về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững”; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án về phát triển văn học, nghệ thuật giai đoạn 2021-2025.

Các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị tích cực triển khai các nội dung, giải pháp giáo dục, phát huy sức mạnh của toàn dân xây dựng con người trong thời kỳ mới phát triển toàn diện, hình thành nên sắc thái người Lào Cai, vừa mang đặc trưng văn hóa Việt Nam vừa thấm đẫm nét riêng của Lào Cai, đó là: *Đoàn kết, yêu quê hương đất nước và khát vọng vươn lên*. Đây là truyền thống tốt đẹp của Lào Cai ngày càng được bồi đắp và phát huy.

Truyền thống đoàn kết, tình yêu quê hương, đất nước thể hiện trong ý thức tự tôn dân tộc, trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tự cường, tự lập trong thi đua thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi con người trước cộng đồng và xã hội; yêu độc lập, tự do, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, hết lòng, hết sức đóng góp cho công cuộc đổi mới của Đảng, đất nước và của tỉnh. Là tỉnh biên giới, tiếp giáp với Trung Quốc, do đó tinh thần yêu nước được thể hiện rõ nét trong ý thức về quốc gia, dân tộc, các ngày kỷ niệm, ngày lễ của đất nước, của tỉnh; trong tổ chức các hoạt động văn hóa; trong ý thức bảo vệ chủ quyền biên giới, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Khát vọng vươn lên là hệ quả của truyền thống yêu nước, đoàn kết, trở thành ý thức tự giác của mỗi người dân Lào Cai. Khát vọng vươn lên thể hiện rất rõ trong ý chí quyết tâm đưa tỉnh sớm thoát khỏi một tỉnh nghèo, trở thành tỉnh phát triển của cả nước trong tương lai gần, là động lực để mỗi người thành công trong học tập, công tác và lao động sản xuất; không cam chịu nghèo nàn và lạc hậu, quyết tâm làm chủ bản thân, tham gia hội nhập và phát triển. Đức tính và tinh thần đoàn kết,

yêu quê hương, đất nước và khát vọng vươn lên ở mỗi con người, tập thể và cộng đồng các dân tộc Lào Cai được củng cố và phát triển là cơ sở quan trọng để Lào Cai phát triển nhanh và bền vững.

Xuất phát từ những đặc điểm văn hóa cơ bản, để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo; khoa học - công nghệ; y tế; dân số - gia đình; văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao; giảm nghèo bền vững; phòng, chống các tệ nạn xã hội... Xác định xây dựng môi trường văn hóa là cơ sở để hình thành con người mới mang sắc thái Lào Cai, 10 năm qua (2011-2020) vấn đề xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh đã được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai gắn liền với việc cụ thể hóa và thực hiện các chính sách lớn của tỉnh Lào Cai. Khi triển khai, các địa phương đều tiến hành khảo sát, điều tra, phân loại các khu vực để có cách làm, giải pháp khác nhau cho phù hợp. Các phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa; xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa lành mạnh đi vào thực tiễn đời sống xã hội được các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện, có sức lan tỏa rộng khắp. Trong xây dựng gia đình văn hóa, tỉnh Lào Cai chú trọng giải quyết những vấn đề nổi cộm và cấp bách về xây dựng gia đình ở vùng cao như: hôn nhân cận huyết thống, tảo hôn, bất bình đẳng giới, phụ nữ đi khò địa phương, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 30/10/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Gắn triển khai hiệu quả phong trào xây dựng gia đình văn hóa với triển khai các phong trào xây dựng làng, bản, tổ dân phố. Tỉnh chủ trương cho xây dựng các câu lạc bộ tuyên truyền, mô hình mẫu, hương ước, quy ước; lập ra các hội đồng người có uy tín trong cộng đồng... để tuyên truyền triển khai thực hiện. Nhiều mô hình làng văn hóa đặc thù được xây dựng như mô hình làng văn hóa du lịch ở Bắc Hà, Sa Pa; làng văn hóa vùng đặc biệt khó khăn ở Bát Xát, Bảo Yên; làng văn hóa sức khỏe ở Si Ma Cai, Mường Khương... đã có tác động tích cực tới phát triển đời sống văn hóa, kinh tế - xã hội của nhân dân vùng nông thôn. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh được nhân dân đồng lòng hưởng ứng và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Nhờ đó, đời sống kinh tế - xã hội của người dân có nhiều chuyển biến, nếp sống văn hóa trở thành thói quen trong sinh hoạt hằng ngày của người dân.

Chương trình "Biến di sản thành tài sản", "Mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc, mỗi vùng có một loại đặc sản trở thành hàng hóa" trở thành thương hiệu của Lào Cai

trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, góp phần tạo nguồn lực phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; đồng thời, khơi dậy lòng tự hào dân tộc về văn hóa truyền thống, tôn vinh các giá trị văn hóa tốt đẹp, khích lệ sáng tạo giá trị văn hóa mới, tiến bộ, xóa bỏ những tập tục lạc hậu. Hoạt động ngoại giao văn hóa được triển khai với nhiều hình thức phong phú, nổi bật như phối hợp tổ chức giải đua xe đạp quốc tế “Một đường đua hai quốc gia”, “Giải Marathon vượt núi Việt Nam”, Giao lưu “Ánh trăng Hồng Hà”... góp phần gắn kết ngoại giao văn hóa với ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế, đồng thời khẳng định sự chủ động hội nhập, xây dựng văn hóa dân tộc bằng sức mạnh, bản lĩnh, cốt cách của văn hóa, con người Lào Cai.

Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa các dân tộc được thực hiện sáng tạo, tạo thành nguồn lực quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỉnh ủy Lào Cai nhất quán thực hiện quan điểm: Gắn bảo tồn với phát triển con người Lào Cai hiện đại, nhưng không đánh mất bản sắc, gắn bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch, thực hiện quan điểm bảo tồn tại chỗ trong cộng đồng và lấy người dân làm chủ thể, cùng với đó là bảo quản, lưu trữ trong bảo tàng. Năm 2020, tỉnh đã hoàn thành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của 25 nhóm ngành dân tộc. Nhiều di tích, danh thắng đã trở thành sản phẩm du lịch độc đáo, có giá trị của địa phương, tạo thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Lào Cai là một trong những tỉnh đầu tiên trên cả nước cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) thành đề án chuyên đề trọng tâm của tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện từ năm 2000 đến năm 2015. Trong 15 năm tiến hành nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, Lào Cai đã đúc kết thành ba quan điểm bảo tồn: gắn bảo tồn với phát triển, gắn bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch; bảo tồn tại chỗ trong cộng đồng người dân và bảo tồn, lưu trữ trong bảo tàng. Về phương pháp và quy trình thực hiện bằng khảo sát, tổng kiểm kê, phân loại di sản để có hình thức bảo tồn phù hợp và hiệu quả. Đây được coi là một trong những nội dung thành công nhất của Lào Cai khi thực hiện Nghị quyết.

Lào Cai chú trọng xây dựng không gian di sản văn hóa, dựa trên lợi thế khai thác thế mạnh di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh để xây dựng thành các điểm đến du lịch độc đáo, đặc sắc của địa phương. Đến năm 2021, toàn tỉnh có 37 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 2 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 50 di tích danh thắng cấp quốc gia và cấp tỉnh, 1 bảo vật quốc gia. Nhiều di tích, danh thắng, lễ hội dân gian đã phát huy hiệu quả trở thành sản phẩm du lịch tâm linh nổi tiếng, trở thành sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn du khách. Các loại hình sản phẩm du lịch mới của địa phương từ tài sản văn hóa có tính hấp dẫn, chân thực trên nền tảng gìn giữ văn hóa truyền thống. Công tác bảo tồn phục dựng lại nguyên bản các lễ hội đặc sắc, mang tính đại diện, tiêu biểu của cộng đồng được chú trọng, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân và du khách. Đến nay, đã có

gần 20 lễ hội đặc sắc của 13 dân tộc, tiêu biểu như: Mông, Dao, Tày, Nùng, Giáy, La Chí, Hà Nhì... được khôi phục, bảo tồn. Đó là hội Gầu Tào (Say sán), lễ Cúng rừng của người Mông; Tết nhảy (Pút tông) của người Dao đỏ ở Tả Phìn; Tết năm mới của người Dao tuyền; lễ Cúng rừng (Khoi kìm) của người Dao đỏ; hội Rước nước, hội Chơi hang của người Tày ở huyện Văn Bàn;... Nhiều lễ hội tiêu biểu đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Một số lễ hội có quy mô vùng, quốc gia như lễ hội Gầu Tào của người Mông ở Mường Khương, lễ hội đèn Thượng, đèn Bảo Hà, đèn Cô Tân An thu hút hàng vạn lượt khách tham dự.

2. Những vấn đề đặt ra trong xây dựng, phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng, phát triển văn hóa của Lào Cai còn một số vấn đề cần quan tâm. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự chú trọng xây dựng nền văn hóa công vụ văn minh, hiện đại; còn tiềm ẩn nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong tư tưởng, đạo đức, lối sống; văn hóa trong phát triển kinh tế chưa được gắn kết chặt chẽ. Một bộ phận thanh, thiếu niên còn bị tác động, ảnh hưởng bởi lối sống, văn hóa ngoại lai.

Một số dân tộc rất ít người đời sống vật chất, tinh thần đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí thấp thường xuyên phải đi làm thuê, xa nhà; bị lôi kéo xuất - nhập cảnh trái phép, chưa có ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc của dân tộc, dẫn đến nhiều giá trị văn hóa bị biến đổi, mất dần bản sắc. Việc tổ chức sưu tầm, bảo tồn, lưu giữ di sản văn hóa phi vật thể còn giản đơn, chưa khoa học dẫn đến chưa tái hiện đầy đủ hệ giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc; một số ít nghề thủ công truyền thống có nguy cơ thất truyền. Tiếng nói, chữ viết của nhiều dân tộc thiểu số không được tổ chức truyền dạy bài bản, không có sách vở ghi chép chính thống, lưu truyền chủ yếu bằng con đường truyền miệng. Một số tập tục lạc hậu ở vùng cao, vùng sâu vẫn còn và chậm được khắc phục. Việc giáo dục, khôi phục, khai thác các giá trị văn hóa lịch sử, truyền thống của địa phương hiệu quả chưa cao. Chưa có nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật chất lượng cao; sản phẩm văn hóa, du lịch thương hiệu Lào Cai còn thiếu.

Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu; một số chính sách đặc thù đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật còn thiếu. Kết cấu hạ tầng và các nguồn lực văn hóa chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn, nhất là phục vụ nhu cầu đối ngoại văn hóa,...

3. Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, phát triển văn hóa, con người Lào Cai thời gian tới

Trên quan điểm “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nền tảng tinh thần vững chắc, là nguồn lực và sức mạnh nội sinh quan trọng để phát triển kinh tế -

xã hội bền vững của tỉnh Lào Cai”, thời gian tới, tỉnh Lào Cai xác định tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

Một là, xây dựng con người Lào Cai phát triển toàn diện, có nếp sống văn hóa, văn minh, hiện đại gắn với hội nhập, giữ gìn bản sắc, truyền thống văn hóa; mang đậm nét đặc trưng của con người vùng đất biên cương Tổ quốc: “*Đoàn kết - Yêu nước - Kỷ cương - Văn minh - Hiếu khách*”. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để xây dựng con người, nhất là thế hệ trẻ phát triển toàn diện về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, thể chất, năng lực sáng tạo, trách nhiệm xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật... Kiên quyết đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, các hành vi tiêu cực, cơ hội, vi phạm pháp luật, truyền bá tư tưởng sai trái, lối sống thực dụng, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Lào Cai gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, khuyến khích tinh thần hiếu học, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phấn đấu số người tham gia luyện tập thể dục - thể thao thường xuyên đến năm 2025 đạt trên 37,5% và năm 2030 đạt trên 40% dân số của toàn tỉnh; số gia đình luyện tập thể dục - thể thao đến năm 2025 đạt trên 23% và năm 2030 đạt trên 30% số hộ gia đình trong toàn tỉnh.

Hai là, tạo lập môi trường, nếp sống văn hóa văn minh, hiện đại, giàu bản sắc hướng đến phát triển toàn diện con người Lào Cai; tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt trên 88%. Đẩy mạnh các giải pháp xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường. Đến năm 2025 có 100% trường học đạt danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”; lựa chọn một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống của các dân tộc Lào Cai bảo đảm phù hợp vào giảng dạy, phổ biến trong các trường phổ thông; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục phổ thông và tương đương là 80%. Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa với trên 80% thôn, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” vào năm 2025 và trên 85% năm 2030.

Ba là, xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa trong kinh tế. Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Coi trọng xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp; tạo điều kiện môi trường để có đội ngũ doanh nhân giỏi, kinh doanh đúng pháp luật, có trách nhiệm cho cộng đồng, xã hội. Xây dựng môi trường văn hóa kinh doanh lành mạnh, hội nhập; khuyến khích doanh nghiệp xây dựng và phát triển các

thương hiệu sản phẩm có uy tín, chất lượng, mang đặc trưng văn hóa, con người Lào Cai.

Bốn là, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; phát huy giá trị tốt đẹp trong văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo. Phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương. Chú trọng triển khai các chương trình bảo tồn, phục dựng lễ hội dân gian truyền thống; các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản đại diện của nhân loại... Đến năm 2025 tỷ lệ di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia được tu bổ, phục hồi đạt trên 75%, di tích cấp tỉnh được tu bổ, phục hồi đạt trên 80%. Tiếp tục đổi mới phương thức, chất lượng hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, các chi hội chuyên ngành và các đơn vị văn hóa, văn nghệ quần chúng theo hướng chuyên nghiệp. Khuyến khích hoạt động tôn giáo gắn bó với quê hương, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ. Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, đoàn kết giữa người theo các tôn giáo và người không theo các tôn giáo, củng cố truyền thống đoàn kết gắn bó chung tay thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua yêu nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, các hoạt động xã hội, các cuộc vận động trên địa bàn tỉnh.

Năm là, từng bước tạo dựng, hình thành sản phẩm văn hóa đặc trưng Lào Cai; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa. Xây dựng thị trường sản phẩm văn hóa, dịch vụ gắn với định hướng giá trị văn hóa. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động sáng tạo văn hóa, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ văn hóa; thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan.

Sáu là, tập trung nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực hoạt động văn hóa; củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển văn hóa, con người phù hợp, tương xứng với đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch theo quy hoạch được phê duyệt. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao về văn hóa, văn nghệ của tỉnh. Coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đồng thời tôn vinh, khen thưởng văn nghệ sĩ có nhiều đóng góp cho sự phát triển văn hóa, nghệ thuật của tỉnh.

Bảy là, nâng cao hiệu lực và tăng cường sự quản lý của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai. Tiếp tục rà soát, kiện toàn, hoàn thiện tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ các cơ quan tham mưu, thực hiện công tác văn hóa, văn nghệ từ tỉnh đến cơ sở bảo đảm khoa học, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, nhất là trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thông tin truyền thông. Thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển các lĩnh vực văn hóa gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác chỉ đạo, định hướng, cung cấp thông tin báo chí; phát huy hiệu quả các kênh thông tin đại chúng, thông tin cơ sở. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền; ưu tiên các giải pháp tuyên truyền nhằm tiếp cận nhanh, hiệu quả đối với người dân ở khu vực biên giới, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Đến năm 2030 phấn đấu có 100% huyện, thị xã, thành phố có đủ ba thiết chế văn hóa: nhà văn hóa, thư viện, sân vận động.

Tám là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hệ thống chính trị. Xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, trong đó sự lãnh đạo, chỉ đạo, vào cuộc của người đứng đầu đóng vai trò quan trọng. Chú trọng xây dựng gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo để nhân rộng và tạo sức lan tỏa trong xã hội với phương châm chủ đạo “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”. Tuyên truyền về xây dựng và phát triển văn hóa, con người gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Chín là, tiếp tục chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa; hợp tác và quảng bá bản sắc văn hóa, con người Lào Cai. Tăng cường hoạt động giao lưu, trao đổi, giới thiệu, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật tiêu biểu về vùng đất và con người Lào Cai; các sản phẩm đặc trưng, biểu trưng văn hóa, sản phẩm làng nghề thủ công truyền thống của Lào Cai. Mở rộng, nâng cao chất lượng hoạt động giao lưu nghệ thuật, hội thảo, triển lãm, trao đổi ấn phẩm văn hóa, chia sẻ kinh nghiệm trong chỉ đạo, quản lý, xây dựng chính sách về văn hóa, con người giữa Lào Cai với các địa phương trên cả nước và với các nước, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế.

4. Một số đề xuất, kiến nghị

Để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, hiện thực hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về phát triển văn hóa, con người, tỉnh Lào Cai có một số đề xuất, kiến nghị sau:

Một là, Ban Bí thư Trung ương Đảng tiếp tục quan tâm, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho văn hóa phát triển. Trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: các cơ chế, chính sách phát triển ngành công nghiệp văn hóa; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong đó chú trọng đến vai trò và quyền lợi của cộng đồng đối với bảo tồn di sản văn hóa; xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý hoạt động trên internet, mạng xã hội phù hợp thực tiễn làm cho mạng xã hội ngày càng tích cực, lành mạnh.

Hai là, chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm bố trí đầu tư nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa cho xây dựng và phát triển cơ sở vật chất văn hóa; bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc ở các địa phương, nhất là đối với các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Xem xét đổi mới, cải cách việc áp dụng các quy định của Luật Đầu tư công đối với một số hoạt động đặc thù trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Ba là, chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ, những tài năng nghệ thuật; tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ văn nghệ sĩ hoạt động, phát huy khả năng sáng tạo nghệ thuật, xây dựng các tác phẩm có chất lượng cao góp phần xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa, nghệ thuật lành mạnh. Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho các hoạt động văn học, nghệ thuật. Sớm nghiên cứu đề xuất xây dựng nghị định về chế độ, chính sách cho nghệ sĩ nhằm giải quyết những vấn đề bất cập, vướng mắc (như về chế độ hợp đồng lao động đối với diễn viên; tuổi nghỉ hưu và tuổi hưởng lương hưu; ưu đãi đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn...).

MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI SƠN LA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỈNH ỦY SƠN LA

Sơn La là tỉnh miền núi, biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc, có diện tích tự nhiên 14.109,83 km², 274,065 km đường biên giới giáp với các tỉnh Hòa Phấn, Luông Phabăng (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), dân số trên 1,26 triệu người với 12 dân tộc; địa bàn rộng, địa hình phức tạp, chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, hạ tầng kinh tế - xã hội thiếu đồng bộ, trình độ dân trí không đồng đều giữa các vùng. Tại một số địa bàn của tỉnh còn tiềm ẩn những nhân tố có thể gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo,... để kích động chống phá, gây chia rẽ khối đại đoàn kết.

Sơn La là một vùng đất có văn hóa đa dạng, phong phú và đậm đà bản sắc dân tộc; là nơi hội tụ, sinh sống từ lâu đời của nhiều dân tộc anh em, mỗi dân tộc đều có một kho tàng di sản văn hóa mang sắc thái riêng, hết sức quý giá. Trong suốt quá trình lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, nhân dân các dân tộc Sơn La luôn đoàn kết, trung thành, kiên cường, anh dũng trong các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Những giá trị tinh thần quý báu đó đã được truyền trao qua biết bao thế hệ con người Sơn La, được hun đúc và trở thành truyền thống tốt đẹp của văn hóa, con người Sơn La.

Quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng, công tác xây dựng, phát triển văn hóa, con người của tỉnh Sơn La luôn được quan tâm, chú trọng. Đảng bộ tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương để lãnh đạo, chỉ đạo công tác văn hóa¹. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định phương hướng,

1. Chương trình số 23-CTr/TU ngày 31/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kết luận số 438-KL/TU ngày 29/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Một số nhiệm vụ trọng tâm tiếp tục thực hiện Chương trình số 23-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 20/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 4/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về “Triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI”.

mục tiêu phát triển văn hóa như sau: “Tiếp tục khơi dậy, phát huy ý chí, khát vọng vươn lên của nhân dân..., gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”; “... kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; khai thác và phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế, nhất là điều kiện tự nhiên, bản sắc văn hóa, con người Sơn La...; phát triển nguồn nhân lực; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trong tỉnh..., thúc đẩy tăng trưởng xanh, xây dựng tỉnh Sơn La phát triển nhanh và bền vững...”.

Với việc triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, trong những năm qua, sự nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển tích cực, toàn diện; nhận thức của các cấp ủy, chính quyền về vai trò, vị trí của văn hóa, con người trong phát triển kinh tế - xã hội được nâng lên. Xây dựng môi trường văn hóa được quan tâm chú trọng, việc xây dựng văn hóa trong chính trị, kinh tế được các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện, nhất là việc cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, tạo điều kiện tốt nhất cho đầu tư phát triển kinh tế; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân được quan tâm chỉ đạo; cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững, kinh doanh có hiệu quả; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được mở rộng, đi vào chiều sâu với những tiêu chí cụ thể, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần xây dựng môi trường văn hóa, lối sống văn minh. Công tác bảo tồn, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, các giá trị truyền thống tiếp tục được quan tâm và đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được nghiên cứu, bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị. Các thiết chế văn hóa, thể thao, sinh hoạt cộng đồng được đầu tư và phát huy hiệu quả. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong quần chúng nhân dân phát triển mạnh mẽ. Hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật ngày càng phong phú. Việc giữ gìn, tiếp thu, phát triển các giá trị văn hóa, con người Sơn La, giáo dục đạo đức, lối sống, cách ứng xử văn hóa trong xã hội, gia đình, trường học, cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng được quan tâm chú trọng. Bản sắc, truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La dần được khẳng định, định hình rõ nét. Công tác phát triển công nghiệp văn hóa được quan tâm đầu tư, giao lưu và tiếp thu tinh hoa văn hóa được đẩy mạnh thực hiện. Nguồn nhân lực có sự gia tăng về số lượng, đa dạng về cơ cấu, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh; chỉ số phát triển con người (HDI) tiếp tục được cải thiện, mức hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao,...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La cũng tồn tại những vấn đề từ thực tiễn cần tiếp tục được quan tâm giải quyết như: nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về xây dựng và phát triển

văn hóa, con người Sơn La chưa đầy đủ; một số hạn chế, khuyết điểm trong lĩnh vực văn hóa - xã hội chậm được khắc phục; việc giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa kinh tế và văn hóa có mặt chưa phù hợp với yêu cầu của thực tiễn; công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống còn nhiều bất cập; nguồn lực của Nhà nước và xã hội dành cho xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La còn hạn chế, sử dụng chưa hiệu quả, thực hiện xã hội hóa lĩnh vực văn hóa còn chậm; việc rà soát, ban hành cơ chế, chính sách trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục có mặt chưa toàn diện, chưa đủ mạnh để huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển; việc thực hiện tăng cường, mở rộng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; khoảng cách chênh lệch về thu nhập và mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, nhóm dân cư còn khá lớn; tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp; các tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin cùng những thủ đoạn, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch có dấu hiệu gia tăng,...

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với quá trình toàn cầu hóa, đẩy mạnh công cuộc hội nhập, đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La đã và đang có nhiều thay đổi theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực; trong đó ngoài các yếu tố tích cực đem đến từ sự tiếp thu, giao thoa văn hóa, đã xuất hiện những ảnh hưởng tiêu cực, những mâu thuẫn giữa hội nhập, phát triển kinh tế với việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, con người Sơn La. Tình hình đó đòi hỏi tinh thần chủ động, linh hoạt, năng động, sáng tạo, tích cực tranh thủ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển của kinh tế số, quá trình đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế về văn hóa - kinh tế; nhanh chóng thích ứng với sự biến đổi về nhu cầu hưởng thụ văn hóa, xu hướng phát triển công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa dẫn tới sự thay đổi về phương thức hưởng thụ văn hóa, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của kinh tế thị trường đến việc bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, giàu bản sắc của các dân tộc Sơn La trong điều kiện hội nhập diễn ra mạnh mẽ, đồng thời cần tiếp tục đổi mới tư duy, nhận thức và hành động một cách năng động, sáng tạo trong việc tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại...

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững"; Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đồng thời cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành và tổ chức thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững (ban hành kèm theo Kết luận số 335-KL/TU

ngày 26/7/2021). Trong đó xác định rõ quan điểm, mục tiêu và 6 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

Một là, tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở vào việc tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các nhiệm vụ về xây dựng văn hóa, con người Sơn La

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Chương trình số 23-CTr/TU ngày 31/12/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Kế hoạch số 12- KH/TU ngày 20/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người Sơn La đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết quá trình tổ chức thực hiện. Xây dựng văn hóa đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và đội ngũ cán bộ, đảng viên, đây là yêu cầu quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng về văn hóa.

Đổi mới nội dung, phương thức, phát huy vai trò tập hợp, vận động, tuyên truyền, giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư trong các hoạt động văn hóa.

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực văn hóa; kịp thời thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng văn hóa, con người thành cơ chế, chính sách phù hợp; có cơ chế, chính sách văn hóa đặc thù đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh; bổ sung các chính sách, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa.

Triển khai tốt công tác nắm bắt, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội, chủ động đấu tranh phòng, chống thông tin, quan điểm sai trái, lệch lạc, các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Quản lý chặt chẽ hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin trên các trang mạng để bảo đảm đúng định hướng chính trị, tư tưởng, văn hóa. Xử lý kịp thời các hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ không đúng tôn chỉ, mục đích.

Hai là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Chú trọng giáo dục ý thức tự giác chấp hành pháp luật và các quy định của Nhà nước, hương ước của thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố. Xây dựng nếp sống văn hóa, tiến bộ, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội, tham gia giao thông, giao tiếp ứng

xử nơi công cộng, trong hoạt động du lịch, giữ gìn bảo vệ môi trường, sinh thái, cảnh quan thiên nhiên.

Tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị, xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong hệ thống chính trị từ tinh đến cơ sở, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Sơn La, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế, chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế, lấy con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu trong phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh việc triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân giỏi, kinh doanh đúng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh; xây dựng môi trường pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa; phát huy ý thức, tinh thần dân tộc của các doanh nghiệp, doanh nhân trong xây dựng, phát triển và tạo dựng uy tín các thương hiệu sản phẩm của Sơn La trên thị trường trong nước và quốc tế. Việc triển khai các chương trình, dự án kinh tế (thủy điện, khai thác khoáng sản, tái định cư, khu công nghiệp,...) trên địa bàn tỉnh cần có sự phân tích, đánh giá kỹ lưỡng về những tác động, ảnh hưởng đến môi trường, yếu tố văn hóa, con người.

Ba là, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát triển văn hóa mang bản sắc của Sơn La gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung nguồn lực cho phát triển văn hóa. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ Nhà nước, xã hội, các tổ chức văn hóa quốc tế,... để đầu tư xây dựng, phát triển văn hóa, con người Sơn La. Phân bổ ngân sách đầu tư cho phát triển văn hóa, con người theo kế hoạch hằng năm, trung hạn, dài hạn một cách phù hợp, tương xứng với đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Xây dựng, nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao. Ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp một số thiết chế văn hóa trọng điểm của tỉnh, tạo tiền đề cho việc tổ chức các sự kiện cấp quốc gia, khu vực và các thiết chế văn hóa theo quy hoạch được duyệt. Xây dựng nhà văn hóa tại các bản, tiểu khu, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, hoạt động văn hóa của nhân dân. Rà soát, đầu tư thiết bị văn hóa bảo đảm tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao. Ưu tiên đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung thực hiện xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã đạt chuẩn theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Chú trọng công tác bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn và phát huy giá trị các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa đã được đưa vào danh mục; các loại hình nghệ thuật, lễ hội, nghi lễ truyền thống, các di sản văn hóa của các dân tộc đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, cấp tỉnh, làm phong phú đời sống văn hóa trong tỉnh.

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn học nghệ thuật. Đa dạng hóa các loại hình hoạt động văn học nghệ thuật, kích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, bảo đảm sự hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp và nghệ thuật quần chúng trong tỉnh đáp ứng nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân và du khách.

Tăng cường tổ chức và tham gia các hoạt động văn học nghệ thuật như các triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh, liên hoan, cuộc thi giới thiệu tác phẩm mới của các văn nghệ sĩ chuyên ngành. Mở các trại sáng tác về văn học nghệ thuật trong tỉnh, ngoài tỉnh và các tỉnh Bắc Lào. Đăng cai tổ chức một số cuộc liên hoan, hội diễn, hội thi biểu diễn nghệ thuật vùng Tây Bắc và quốc gia.

Phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế. Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch, các dòng sản phẩm thế mạnh của tỉnh như: du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí ở các vùng cảnh quan, du lịch cộng đồng, du lịch thể thao mạo hiểm, khám phá, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái trải nghiệm các mô hình kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...; triển khai nghiên cứu và thực hiện Đề tài khoa học cấp tỉnh “Nghiên cứu và xây dựng mô hình điển hình về phát triển du lịch xanh tại Khu du lịch quốc gia Mộc Châu”.

Lựa chọn các lễ hội truyền thống tiêu biểu của các dân tộc để kết nối với phát triển loại hình du lịch lễ hội. Xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt, chuyên nghiệp, bền vững và hội nhập quốc tế. Phấn đấu đưa du lịch Sơn La trở thành điểm đến an toàn, hấp dẫn của vùng Tây Bắc.

Củng cố, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Văn hóa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân có nhiều cống hiến cho sự nghiệp xây dựng phát triển văn hóa, con người Sơn La. Phát huy tốt vai trò của các cơ quan báo chí trong tỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt trên môi trường internet. Chú trọng công tác quản lý thông tin trên internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên. Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La.

Bốn là, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Tiếp tục phát triển công nghiệp văn hóa và thị trường dịch vụ, sản phẩm văn hóa trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp

văn hóa, từ đó khai thác, phát huy những tiềm năng, giá trị đặc sắc của văn hóa Sơn La gắn với phát triển du lịch, dịch vụ. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ văn hóa, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm. Phát triển thị trường văn hóa nhằm quảng bá văn hóa Sơn La đến bạn bè trong nước và thế giới. Phấn đấu đến năm 2030, doanh thu các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh đóng góp khoảng 3% giá trị tổng sản phẩm trong toàn tỉnh, tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội.

Năm là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa với các vùng miền trong nước và quốc tế, với các quốc gia, vùng lãnh thổ có quan hệ kết nghĩa, hợp tác trên các lĩnh vực với tỉnh, đặc biệt là với các tỉnh của nước bạn Lào. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân nước ngoài, các tổ chức quốc tế đầu tư trí tuệ, nguồn lực, tham gia phát triển văn hóa, quảng bá hình ảnh vùng đất và con người Sơn La. Chọn lọc, tiếp thu kinh nghiệm tốt, phù hợp của các vùng miền, các nước trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái về văn hóa của hội nhập toàn cầu. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động đối ngoại văn hóa hàng năm đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực và gắn với phát triển kinh tế.

Sáu là, xây dựng con người Sơn La phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục bồi dưỡng tinh thần yêu nước, đạo đức, lối sống và nhân cách, hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân. Hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Bồi đắp và nêu cao tinh thần đoàn kết, tính cố kết cộng đồng, tình yêu thương, gắn bó, ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, bạn bè và đồng nghiệp, giữa con người với con người trong xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng, nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Nghiên cứu, ban hành Bộ tiêu chí về hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Sơn La thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Cải thiện chất lượng dân số và chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh không còn ở nhóm thấp trong toàn quốc thông qua các giải pháp hiệu quả để tăng mức sống, tăng thu nhập dân cư, tăng tuổi thọ trung bình, nâng cao trình độ học vấn; giảm tỷ lệ hộ nghèo; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em; giảm tỷ lệ mức sinh, mất cân bằng giới tính, sinh nhiều con, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục tập trung vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ. Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri

thức cho con người Sơn La đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế tri thức, xã hội học tập. Nâng cao năng lực tự học, tự bồi dưỡng, đổi mới và mở rộng các hoạt động hướng đến giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn hóa cho các tầng lớp nhân dân. Chú trọng nâng cao trình độ dân trí, đặc biệt là tri thức khoa học và đào tạo các kỹ năng xã hội, hình thành và phát triển tri thức văn hóa, trình độ ngoại ngữ, tin học, luật pháp, thích nghi được với xu hướng phát triển nhanh chóng của xã hội, từng bước đáp ứng yêu cầu của “công dân quốc gia”, “công dân toàn cầu”, quan tâm tới xã hội hóa văn hóa, cải thiện tầm vóc con người Sơn La.

Trên cơ sở kết quả thực tiễn triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời gian tới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La đề xuất với Trung ương một số nội dung sau:

(1) Phê duyệt, ban hành “Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến 2030” làm cơ sở triển khai đồng bộ, thống nhất trong phạm vi toàn quốc về lĩnh vực văn hóa, con người.

(2) Tăng mức đầu tư cho văn hóa lên 2% tổng chi ngân sách hằng năm. Tăng ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng cơ sở, thiết chế văn hóa, đào tạo nguồn nhân lực, quảng bá văn hóa, nghệ thuật, nhất là ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Vì từ thực tiễn của tỉnh Sơn La những năm qua cho thấy, việc đầu tư tương xứng cho lĩnh vực văn hóa là điều kiện cần thiết để bảo tồn, gìn giữ và phát huy có hiệu quả nguồn vốn văn hóa các dân tộc, đồng thời khơi dậy tinh thần sáng tạo, chủ động, tích cực của mỗi người dân, cộng đồng, tạo sức mạnh nội sinh, nền tảng tinh thần vững chắc để cùng với các nguồn lực khác sớm hiện thực hóa khát vọng xây dựng nước Việt Nam phồn vinh và hạnh phúc như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra.

(3) Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, cụ thể hơn trong quản lý văn hóa cho các địa phương. Đáp ứng được quan điểm cụ thể, sát thực tế, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa.

(4) Ban hành chính sách hỗ trợ các tỉnh có chung đường biên giới với Lào, Trung Quốc, Campuchia tổ chức các chương trình giao lưu, quảng bá, giới thiệu văn hóa địa phương với các nước bạn, góp phần tạo điều kiện cho các địa phương quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài, củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh trật tự giữa các địa phương vùng biên với các địa phương thuộc nước bạn.

(5) Xây dựng và ban hành chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng các tài năng và năng khiếu văn hóa, nghệ thuật. Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chế độ chính sách đặc thù cho các nghệ sĩ, diễn viên,... Do hiện nay

chưa có chế độ đặc thù cho các nghệ sĩ, diễn viên,... nên khó khăn cho các địa phương trong việc thu hút và “giữ” các tài năng văn hóa, nghệ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [2] Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030”.
- [3] Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.
- [4] Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 30/10/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.
- [5] Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [6] Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
- [7] Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.
- [8] Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về “Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”.
- [9] Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 của Chính phủ về “Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”.
- [10] Quyết định số 624/QĐ-TTg ngày 8/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050”.
- [11] Quyết định số 4452/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về “Phê duyệt Đề án “Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030””.

- [12] Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015-2020.
- [13] Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025.
- [14] Chương trình số 23-CTr/TU ngày 31/12/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.
- [15] Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 20/2/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII.
- [16] Kết luận số 94-KL/TU ngày 23/1/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- [17] Đề án “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Sơn La đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” ban hành kèm theo Kết luận số 335 ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La.
- [18] Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 27/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về “Thực hiện Chương trình số 23-CTr/TU ngày 31/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [19] Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về “Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Sơn La giai đoạn 2010-2020 và tầm nhìn 2030”.
- [20] Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 4/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về “Triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI”.

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI TRONG THỜI GIAN QUA

TỈNH ỦY YÊN BÁI

Xuyên suốt dòng chảy của lịch sử, văn hóa luôn là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Hiện nay, khi hội nhập quốc tế đã trở thành xu thế khách quan, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ đã và đang tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội, bản sắc văn hóa dân tộc, làm xuất hiện nguy cơ dần mai một các giá trị văn hóa truyền thống, thì vấn đề bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc ngày càng trở nên quan trọng đối với các quốc gia - dân tộc.

Yên Bái là một tỉnh miền núi, nằm ở cửa ngõ khu vực Tây Bắc, có diện tích tự nhiên 6.886,28 km², dân số trên 82 vạn người, là nơi hội tụ của hơn 30 dân tộc với nhiều sắc thái văn hóa đa dạng, phong phú và độc đáo, có sự giao thoa, hòa quyện lẫn nhau, tạo cho Yên Bái một nền văn hóa đa sắc màu, giàu bản sắc các dân tộc.

Quán triệt thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, tỉnh Yên Bái luôn coi công tác phát triển văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng con người là một trong những nhiệm vụ chính trị thường xuyên và quan trọng trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Sự nghiệp phát triển văn hóa của tỉnh trong những năm qua đã có bước phát triển cả về quy mô lẫn chiều sâu, đạt được những *kết quả* quan trọng, toàn diện, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội, tạo nên sức mạnh nội sinh đưa tỉnh Yên Bái phát triển nhanh, bền vững. Những kết quả đó thể hiện trên một số mặt cụ thể như sau:

Một là, quán triệt, triển khai nghiêm túc, kịp thời các quan điểm chỉ đạo cơ bản, các giải pháp lớn về vấn đề văn hóa được nêu trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và các chính sách, pháp luật của Nhà nước, áp dụng phù hợp với điều kiện

thực tiễn của địa phương; cụ thể hóa thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, các nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động, kế hoạch toàn khóa của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Đặc biệt, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước", trong đó khẳng định quan điểm: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, tinh Yên Bái đã cụ thể hóa thành chủ trương, định hướng xây dựng hình ảnh con người Yên Bái "*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*", đưa thành một trong những nội dung của phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, đó là: "phát huy giá trị văn hóa, xây dựng con người Yên Bái "*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*"". Để triển khai thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 37-KH/TU ngày 09/6/2021 về xây dựng con người Yên Bái "*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*", nhằm bồi dưỡng và làm sâu sắc hóa các đặc trưng cơ bản "*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*" của con người Yên Bái, biến đó trở thành nếp nghĩ, lối sống bền vững trong mỗi công dân.

Hai là, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Với tiềm năng, lợi thế từ nền văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc của tỉnh, thực hiện Đề án "*Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020*" của Chính phủ và các chính sách văn hóa dân tộc, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc tỉnh Yên Bái có bước phát triển mới.

Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được triển khai nghiên cứu, nhận diện, bảo vệ và phát huy giá trị đã góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy lòng tự hào và nhận thức bảo vệ di sản trong nhân dân. Các nghệ nhân văn hóa được quan tâm và tôn vinh, được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và của tỉnh, công tác xã hội hóa được tăng cường và thu hút được đông đảo các tổ chức, cá nhân tham gia giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống. Trước năm 1988, tỉnh Yên Bái chưa có di tích được xếp hạng. Đến nay, toàn tỉnh đã có 123 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng các cấp (1 di tích quốc gia đặc biệt, 12 di tích quốc gia; 110 di tích cấp tỉnh); 714 di sản văn hóa phi vật thể (04 di sản văn hóa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia). Hằng năm, tỉnh tiến hành đầu tư bảo tồn 2-3 di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Yên Bái vinh dự được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá là một trong những điển hình tiên tiến về bảo tồn, phát triển nền văn hóa dân gian của các dân tộc thiểu số.

Ba là, chú trọng vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế. Kết hợp khai thác tiềm năng của văn hóa với phát triển du lịch là một trong những hướng đi được tỉnh Yên Bái quan tâm thực hiện trong những năm gần đây. Từ năm 2005, hình thức du lịch cộng đồng tại Yên Bái chỉ có một mô hình duy nhất ở bản Đêu, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ; đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 119 cơ sở kinh doanh du lịch cộng đồng. Các địa phương trong tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với văn hóa các dân tộc để giới thiệu đến du khách trong và ngoài nước. Một số mô hình du lịch cộng đồng đã bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực. Lượng khách và tỷ trọng tăng trưởng kinh tế của ngành Du lịch tăng dần qua các năm. Giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh đã đón trên 3 triệu lượt khách, trong đó có trên 227.000 lượt khách quốc tế. Tốc độ tăng trưởng bình quân khách du lịch hằng năm đạt 10,3%. Doanh thu từ hoạt động du lịch bình quân hằng năm tăng 19,6%, góp phần tăng thu nhập cho người dân và tăng thu ngân sách địa phương, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân trong tỉnh.

Bốn là, đời sống văn hóa ở cơ sở có bước phát triển về chiều rộng và chiều sâu. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở cơ sở được đẩy mạnh, tạo hiệu ứng cao và có sức lan tỏa nhanh trong đời sống xã hội, được các cấp, các ngành và nhân dân tích cực hưởng ứng. Cùng với sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành với các đoàn thể, nên đã huy động được đông đảo các tầng lớp nhân dân, cộng đồng dân cư cùng đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Qua nhiều năm phát động, phong trào đã phát triển rộng khắp và thực sự có sức lan tỏa trong đời sống xã hội. Năm 2000, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 60,2%; làng bản, tổ dân phố văn hóa đạt 4,7%; 69,2% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, có 06 xã, phường, thị trấn ra mắt xây dựng xã phường, thị trấn văn hóa. Đến nay, toàn tỉnh đã có 80% số hộ gia đình văn hóa, 66,5% thôn, bản, tổ dân phố văn hóa, 86,1% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 71 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 14 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị. Phong trào đã mang lại hiệu quả thiết thực, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, kinh tế không ngừng phát triển, đời sống của nhân dân được nâng cao, các thiết chế văn hóa được quan tâm xây dựng, tình làng nghĩa xóm được củng cố, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội ngày càng tiến bộ; các hủ tục lạc hậu dần được xóa bỏ, việc xây dựng cảnh quan môi trường đường làng, ngõ xóm xanh - sạch - đẹp, được chú trọng nhân rộng gương người tốt việc tốt, thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã, phường, thị trấn văn hóa..., góp phần ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, phát huy bản sắc văn hóa, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế địa phương. Nổi bật là phong trào nhân dân tự nguyện hiến đất, đóng góp tiền, của, ngày công lao động để cải tạo,

nâng cấp các tuyến đường giao thông và các công trình phúc lợi khác phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động văn hóa tại địa phương.

Việc triển khai Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/2/2005 của Ban Bí thư về “Xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; *Chiến lược Phát triển gia đình Việt Nam* đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới được thực hiện tốt, góp phần phát huy vai trò của gia đình trong việc hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người Yên Bái, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp đổi mới và phát triển của tỉnh.

Năm là, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn đặc biệt khó khăn ngày càng được cải thiện, nhu cầu của nhân dân về hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa mới được đáp ứng ngày càng tốt hơn. Đến nay, 100% số xã trong toàn tỉnh đã có điểm bưu điện văn hóa và được phủ sóng phát thanh, truyền hình; tỷ lệ hộ dân được nghe đài phát thanh, xem truyền hình ước đạt 97%; 89% số thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở được quan tâm xây dựng, nhiều thôn, bản và gia đình người dân tộc thiểu số được công nhận là đơn vị văn hóa và gia đình văn hóa.

Nhiều lễ hội tín ngưỡng dân gian truyền thống tiêu biểu của đồng bào dân tộc được bảo tồn, phục dựng, đưa vào sinh hoạt văn hóa tại cộng đồng; đồng bào dân tộc thiểu số đã tiếp cận với lối sống văn minh, hiện đại, các hủ tục lạc hậu dần được loại bỏ; khơi dậy được niềm tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc mình từ trang phục, chữ viết, phong tục tập quán đến các lễ hội..., không chỉ phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân mà còn phục vụ đắc lực cho mục tiêu phát triển kinh tế, phát triển du lịch của hộ gia đình, của địa phương.

Sáu là, hoạt động văn học, nghệ thuật trong tỉnh đã nắm bắt được dòng mạch chính là chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, gắn bó với quê hương, đất nước, phản ánh chân thật, sinh động cuộc sống và thể hiện tinh thần, khát vọng dân tộc, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật được đổi mới về nội dung, phong phú hóa về hình thức thể hiện, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân địa phương. Những năm qua, đội ngũ văn nghệ sĩ Yên Bái phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 10/2021, Hội Liên hiệp Văn học, nghệ thuật tỉnh có 168 hội viên thuộc 9 chi hội văn học, nghệ thuật. Số lượng tác phẩm văn học, nghệ thuật tăng; nhiều tác giả, tác phẩm đạt giải thưởng quốc gia như: Giải thưởng Nhà nước về Văn học, nghệ thuật (01 giải), Giải thưởng Trung ương về Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (05 giải), Giải Búa liềm vàng (03 giải), v.v.. Toàn tỉnh hiện có trên 1.300 đội văn nghệ quần chúng, 10 đội tuyên truyền lưu động thường xuyên bám sát cơ sở, hằng năm phục vụ được trên 2.000 buổi, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa,

nghệ thuật, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, đặc biệt là đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Bây là, văn hóa đã trở thành nội dung quan trọng trong các hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và cả hệ thống chính trị tỉnh. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế được triển khai gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và thực hiện các Chỉ thị số 03-CT/TW, Chỉ thị số 05-CT/TW, Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; trong đó, trọng tâm là giáo dục cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức về chính trị, tư tưởng, rèn luyện, giữ gìn đạo đức, lối sống; khơi dậy truyền thống yêu nước, nâng cao hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Phát huy tốt vai trò, thế mạnh của các phương tiện truyền thông trong công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương, phản ánh kết quả phong trào thi đua yêu nước, nêu gương điển hình tiên tiến theo phương châm “nhân cái đẹp, dẹp cái xấu”, “lấy cái tích cực đẩy lùi cái tiêu cực”; tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa, xã hội và con người, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Yên Bái hiện vẫn còn tồn tại những *hạn chế* cần được nghiêm túc nhìn nhận, đánh giá một cách sâu sắc, toàn diện. Trong đó có những vấn đề cũng chính là những thách thức lớn mà tỉnh Yên Bái phải đối mặt, tập trung giải quyết trong những năm tiếp theo, cụ thể là: (1) Mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền còn có khoảng cách. (2) Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, sưu tầm, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội còn có mặt hạn chế, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. (3) Nguồn lực đầu tư của Nhà nước xây dựng thiết chế văn hóa và huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho phát triển văn hóa còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu. (4) Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa phát huy vai trò gương mẫu trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, chạy theo lợi ích cá nhân, làm giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng và chính quyền.

Nguyên nhân của những hạn chế trên đây chủ yếu là do một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ về lĩnh vực văn hóa; chưa nhận thức sâu sắc về tầm

quan trọng của việc phát triển văn hóa đi đôi với phát triển kinh tế; việc cụ thể hóa, thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước còn chậm, thiếu đồng bộ. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng, còn dàn trải. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức chưa đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bên cạnh đó trình độ học vấn, dân trí không đồng đều giữa các vùng, miền, đời sống kinh tế của người dân nhất là ở vùng cao còn nhiều khó khăn.

Qua quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về lĩnh vực văn hóa, cũng như việc nghiêm túc nhìn nhận đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được, chưa làm tốt, tinh Yên Bái đúc rút được một số *bài học kinh nghiệm* sau:

Thứ nhất, các cấp ủy, chính quyền cần phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển văn hóa, xác định phát triển văn hóa là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thứ hai, cần thực sự thấm nhuần quan điểm phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng và phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội để phát triển xã hội bền vững; phải đặt nhân dân vào vị trí chủ thể, trung tâm của hoạt động phát triển văn hóa; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của mọi lực lượng xã hội, của nhân dân để phát triển văn hóa.

Thứ ba, công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống và văn hóa truyền thống tốt đẹp phải được tiến hành thường xuyên, liên tục trên các kênh thông tin, nhất là trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng xã hội để nâng cao nhận thức cho nhân dân.

Thứ tư, cần quan tâm phát triển văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn đặc biệt khó khăn; gắn nhiệm vụ bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống với nhiệm vụ phát triển kinh tế - chính trị.

Đồng thời với các giải pháp phát triển văn hóa ở các địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cần quan tâm ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chăm lo phát triển toàn diện văn hóa - xã hội, nhất là y tế, giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, thiết thực nâng cao đời sống nhân dân.

Thứ năm, trong điều kiện một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, cần huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển văn hóa; trong đó, cùng với nguồn lực nhà nước cần tranh thủ vận động đa dạng các nguồn lực ngoài Nhà nước. Đồng thời, cần nắm bắt và khai thác hiệu quả sức mạnh của công nghệ thông tin, mạng xã hội trong việc xây dựng, lan tỏa, phát triển văn hóa.

“*Phát triển toàn diện giá trị văn hóa, phát huy sức mạnh con người Việt Nam, tạo sức mạnh nội sinh cho phát triển nhanh, bền vững*” là một trong những quan điểm phát triển và đột phá chiến lược đã được Đảng ta xác định trong Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030. Phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu mới cần có những nhiệm vụ, giải pháp vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược, lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì, chung tay góp sức của cả hệ thống chính trị, của mỗi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội.

Đối với tỉnh Yên Bái, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định mục tiêu phát triển nhanh, bền vững theo hướng “*xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc*”, đưa tỉnh trở thành tỉnh khá của vùng trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2025; trong đó, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, thiết thực nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sự hài lòng của nhân dân, phát huy giá trị văn hóa, xây dựng con người Yên Bái “*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*”, thiết thực nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân là mục tiêu có ý nghĩa và giá trị cốt lõi.

Để thực hiện tốt mục tiêu về xây dựng và phát triển văn hóa theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XIX, Tỉnh ủy ***Yên Bái kiến nghị***, đề xuất một số nội dung cụ thể như sau:

Một là, đề nghị Chính phủ tiếp tục phát động phong trào thi đua, nâng cao hiệu quả tuyên truyền, triển khai có hiệu quả các đề án thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về “*Xây dựng nền văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng nền văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tạo sự thống nhất và tập trung thực hiện trong cả nước.

Hai là, quan tâm xây dựng một số chính sách, cơ chế đặc thù cho tỉnh Yên Bái cũng như các tỉnh trong vùng, ưu tiên bố trí nguồn đầu tư từ nguồn vốn của Chương mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 để triển khai các hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

Ban hành những chính sách cụ thể và thiết thực đầu tư cho các chương trình mục tiêu về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể, chú trọng đầu tư trực tiếp cho chủ thể di sản văn hóa bằng chính sách cụ thể, thiết thực, hiệu quả; tăng cường đầu tư nguồn vốn của Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa cho xây dựng và đầu tư trang thiết bị cho nhà văn hóa tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đầu tư triển khai các dự án nhận diện, bảo tồn, xây dựng dữ liệu số về di sản văn hóa các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch tại địa phương; hỗ trợ công tác bảo tồn các loại hình nghệ thuật của các dân tộc, bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống gắn với xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương.

Ba là, quan tâm chỉ đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch định hướng, tổ chức các hoạt động nhằm nhận diện, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể của các tộc người, đặc biệt chú ý đến các biện pháp có tính khả thi để lưu giữ, trao truyền những di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số đang có nguy cơ mai một tại các địa phương.

Cùng với sự hỗ trợ của Trung ương, với tiềm năng, lợi thế, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong toàn tỉnh, các giá trị văn hóa của tỉnh Yên Bái sẽ ngày càng được phát huy mạnh mẽ trong thời gian tới, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh, phát huy tốt hơn nữa vai trò là nguồn sức mạnh nội sinh to lớn và là động lực phát triển xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa Yên Bái phát triển nhanh, bền vững theo hướng “Xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”, trở thành tỉnh khá vào năm 2025 và nằm trong nhóm tỉnh phát triển hàng đầu của vùng trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2030 như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA: NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG

TỈNH ỦY TUYÊN QUANG

Trong suốt quá trình lãnh đạo xây dựng và phát triển đất nước, Đảng ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt đối với công tác văn hóa. Trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, Đảng ta không ngừng kế thừa và phát triển các chủ trương, đường lối, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp để tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam từng bước trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước. Vai trò của văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng đã được Đảng khẳng định trong nhiều văn kiện. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” khẳng định: “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”¹.

Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII được tổ chức nhằm đánh giá việc triển khai đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác văn hóa thời gian qua, kết quả xây dựng văn hóa, con người Việt Nam, nhất là sau 35 năm đổi mới đất nước và nhiệm kỳ XII của Đảng. Tham dự hội nghị, tỉnh Tuyên Quang trao đổi và tham luận với chủ đề “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững”, nhằm đóng góp một số nội dung làm rõ kết quả đạt được của tỉnh trong lĩnh vực văn hóa sau 35 năm thực hiện đổi mới, từ đó thống nhất phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn tiếp theo.

Tuyên Quang là một tỉnh miền núi phía Bắc với 22 dân tộc anh em cùng chung sống, bao gồm 7 huyện, thành phố; 138 xã phường, thị trấn với 1.733 thôn, bản, tổ dân phố. Trong suốt quá trình phát triển, mỗi dân tộc đều có những giá trị văn hóa riêng,

1. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.63.

độc đáo, phản ánh chân thực đời sống văn hóa của dân tộc mình qua từng thời kỳ lịch sử. Trong lao động, sản xuất, chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước, nhân dân các dân tộc Tuyên Quang đã tạo dựng nên những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, đa dạng, kết tinh các giá trị văn hóa của dân tộc. Có thể kể đến những lễ hội truyền thống đặc sắc như lễ cầu mùa, mừng lúa mới, các trò chơi dân gian như tung còn, đẩy gậy, đánh yến; hay những đường nét kiến trúc độc đáo của các di sản đền, chùa, đình, miếu, thành quách, chuông, bia; những thần phả, ngọc phả... Toàn tỉnh có 43 lễ hội, 635 di tích lịch sử, văn hóa, trong đó có 189 di tích được xếp hạng Di tích quốc gia, 3 di tích xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt, 1 Bảo vật quốc gia. Đặc biệt, Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Những giá trị văn hóa hiện diện trên vùng đất này đã phản ánh đời sống vật chất và tinh thần hết sức phong phú của người dân nơi đây, làm nên một Tuyên Quang giàu bản sắc, đầy sức cuốn hút. Là vùng đất giàu tiềm năng thiên nhiên và có truyền thống cách mạng, tỉnh Tuyên Quang được ví như một “bảo tàng cách mạng” của cả nước, tỉnh đã có nhiều hoạt động, giải pháp tích cực để khơi dậy, bảo tồn và phát huy vốn di sản văn hóa.

Nhận thức về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhiều nhiệm kỳ qua, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang luôn coi trọng phát triển văn hóa, đặc biệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định: “Tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Tuyên Quang có trí tuệ, có tinh thần vì cộng đồng, có khát vọng vươn lên, trong sáng, lành mạnh; khơi dậy trong nhân dân tinh thần yêu nước, tính cộng đồng, ý chí tự cường, phát huy truyền thống quê hương cách mạng; ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống”¹.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; sự quản lý, điều hành chủ động, linh hoạt của chính quyền các cấp cùng với sự thống nhất cao trong Đảng bộ, sự đồng thuận của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch nói chung đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận và đang trở thành tiềm năng, nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh. Dựa trên các giá trị di sản văn hóa, tỉnh đã xây dựng và thực hiện đồng bộ quy hoạch, kế hoạch về bảo tồn, tôn tạo, phục hồi và phát huy giá trị các khu, điểm di tích, danh thắng thành các khu, điểm du lịch, đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá hình ảnh di sản văn hóa Tuyên Quang... Thông qua đó, đã thu hút được một số nhà đầu tư chiến lược nghiên cứu tìm hiểu, đầu tư triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Tập đoàn VinGroup đầu tư Khu nghỉ dưỡng Vinpearl Tuyên Quang

1. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.133.

tại Khu du lịch Suối khoáng Mỹ Lâm; Tập đoàn SunGroup khảo sát đầu tư vào Khu danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình; Tập đoàn Flamingo đầu tư phát triển dịch vụ tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào... Giai đoạn 2016-2020, Tuyên Quang đã thu hút 8.445.700 lượt khách du lịch; tổng thu xã hội từ du lịch đạt 7.425 tỷ đồng.

Tuyên Quang có hơn 600 di tích lịch sử, văn hóa, nhiều địa danh lịch sử, văn hóa đã ghi dấu mốc và in sâu trong tiềm thức nhân dân, trong lịch sử cách mạng của đất nước. Đến nay, tỉnh đã lập hồ sơ đề nghị và được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng 3 di tích quốc gia đặc biệt, gồm: Khu di tích lịch sử, văn hóa và sinh thái Tân Trào, Khu di tích lịch sử Kim Bình, Khu di tích bảo tồn thiên nhiên Na Hang, Lâm Bình; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng 180 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh quốc gia; 260 di tích được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng cấp tỉnh. Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch đến năm 2025, trên cơ sở đó Hội đồng nhân dân tỉnh đã phê duyệt chủ trương dự án bảo quản tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị khu di tích với nhiều hạng mục công trình có giá trị lịch sử văn hóa: Khu tưởng niệm các vị tiền bối cách mạng đã sống và làm việc tại Tuyên Quang trong Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; Bảo tàng Tân Trào và Phòng chiếu phim... Việc tu bổ, tôn tạo các di tích cách mạng đã đạt được những kết quả tích cực, qua đó góp phần cho công tác nghiên cứu, giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho cán bộ, nhân dân trong và ngoài tỉnh. Hiện nay, tỉnh đang triển khai các bước lập quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng tại xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa; quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị danh thắng quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang, Lâm Bình. Các quy hoạch được duyệt sẽ là tiền đề quan trọng để Tuyên Quang tập trung nguồn lực bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển và đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Cùng với bảo tồn di sản văn hóa vật thể, Tuyên Quang cũng làm tốt việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể. Tỉnh đã tiến hành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn đối với 16/26 dân tộc¹. Đặc biệt, sau nhiều năm cố gắng, nỗ lực, tỉnh Tuyên Quang đã chủ trì, phối hợp với Viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam và 10 tỉnh² xây dựng hồ sơ “Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái Việt Nam”

1. Dân tộc Kinh, Tày, Dao, Mông, Sán Chay, Nùng, Sán Diù, La Chí, Pà Thèn, Cờ Lao, Ngái, Mường, Giáy, Pu Péo, Hoa, nhóm người Thày.

2. Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên.

trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Việc UNESCO ghi danh Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam tại Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại khẳng định bản sắc văn hóa phong phú của dân tộc Việt Nam, hòa nhập vào dòng chảy văn hóa của nhân loại; đề cao, tôn trọng đa dạng văn hóa. Từ năm 2013 đến nay tỉnh đã lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa 10 di sản của tỉnh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Lễ hội Lồng tồng; Hát Then (dân tộc Tày); Hát Páo dung; Lễ cấp sắc (dân tộc Dao); Kéo co truyền thống của cộng đồng các dân tộc Tuyên Quang; Hát Soọng Cô (dân tộc Sán Dìu); Hát Sinh ca (dân tộc Cao Lan); Lễ hội Đình Thọ Vực (xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương); Lễ hội Rước mẫu đền Hạ, đền Thượng, đền Ý La (thành phố Tuyên Quang); Nghệ thuật trang trí trên trang phục truyền thống của người Dao Đỏ (huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Na Hang, Lâm Bình)... Các di sản văn hóa phi vật thể phong phú, đa dạng với nhiều sắc thái đặc sắc, hấp dẫn chính là nguồn lực văn hóa giàu giá trị, tạo nên những sản phẩm du lịch riêng có, thu hút khách du lịch. Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đã tích cực khai thác, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và đã hình thành một số điểm thu hút đông đảo khách du lịch tham quan, trải nghiệm, như: điểm du lịch cộng đồng tại thôn Bản Ba, xã Trung Hà (huyện Chiêm Hóa); thôn Nà Tông, xã Thượng Lâm, thôn Nặm Đíp, xã Lăng Can (huyện Lâm Bình); thôn Nà Khá xã Năng Khả, thôn Khau Tràng xã Hồng Thái (huyện Na Hang)... Thông qua đó, người dân đã nhận thấy lợi ích tích cực của du lịch cộng đồng mang lại và tiếp tục phát triển, mở rộng quy mô đón khách du lịch tham quan, trải nghiệm. Bước đầu khai thác có hiệu quả giá trị của di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch.

Nhằm bảo tồn, phát huy có hiệu quả giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong giai đoạn hiện nay, tỉnh đã triển khai thực hiện một số đề tài khoa học nghiên cứu bảo tồn văn hóa các dân tộc như: nghiên cứu văn hóa truyền thống dân tộc Pà Thẻn, Sán Dìu; nghiên cứu bảo tồn phát huy giá trị di sản Then trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Thành lập các câu lạc bộ bảo tồn di sản văn hóa các dân tộc như: Câu lạc bộ hát Then - đàn Tính của dân tộc Tày; Câu lạc bộ hát Páo dung của dân tộc Dao; Câu lạc bộ hát dân ca của dân tộc Mông; Câu lạc bộ hát Sinh Ca của dân tộc Cao Lan; Câu lạc bộ hát Soọng Cô của dân tộc Sán Dìu; Câu lạc bộ giữ gìn tiếng nói và trang phục dân tộc của dân tộc Nùng... Tổ chức và tham gia các hội diễn, hội thao dành cho đồng bào các dân tộc như: Liên hoan văn hóa các dân tộc, Giải thể thao dân tộc toàn tỉnh... Hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, văn nghệ quần chúng cũng đã chú trọng khai thác các làn điệu dân ca, dân vũ các dân tộc thiểu số. Thông qua hoạt động nghệ thuật, nhiều nghệ nhân người dân tộc thiểu số đã tích cực truyền dạy lại cho con cháu các di sản văn hóa của dân tộc mình. Một số nhạc sĩ, biên đạo múa đã dựa trên những chất liệu dân gian sáng tác những bài hát, bản nhạc, tiết mục múa mang đậm đà bản sắc dân tộc, qua đó góp phần giới thiệu, quảng bá, đồng thời giữ gìn và

phát huy những bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc. Tỉnh cũng đã quan tâm chế độ, chính sách, kịp thời biểu dương, khen thưởng, khuyến khích các hạt nhân văn nghệ có nhiều công lao, đóng góp tích cực trong việc truyền dạy văn hóa dân tộc. Hiện nay, tỉnh Tuyên Quang có 10 nghệ nhân được Nhà nước công nhận, tặng danh hiệu, gồm: 8 Nghệ nhân ưu tú và 2 Nghệ nhân nhân dân. Năm 2020 đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú cho 4 người.

Công tác bảo tồn, phục dựng lễ hội được quan tâm. Toàn tỉnh hiện có 46 lễ hội, trong đó có 42 lễ hội truyền thống, 4 lễ hội văn hóa. Nhiều lễ hội được duy trì và tổ chức quy mô như: Lễ hội Lồng Tông, dân tộc Tày của các huyện Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa; Lễ hội đình của dân tộc Cao Lan ở các huyện Yên Sơn, Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang. Đặc biệt, từ năm 2014, tỉnh duy trì tổ chức Lễ hội Thành Tuyên - lễ hội Trung thu độc đáo và đã trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc, riêng có của Tuyên Quang, lễ hội được tổ chức thường niên gắn với các sự kiện văn hóa cấp quốc gia và khu vực, thu hút đông đảo nhân dân và du khách thập phương.

Có thể nói, di sản văn hóa Tuyên Quang đã có đóng góp lớn vào di sản văn hóa quốc gia, di sản nhân loại, đồng thời là nguồn lực quan trọng để tỉnh khai thác vào phát triển kinh tế du lịch, đóng góp chung vào phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thời gian qua còn một số hạn chế, như: Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức rõ vai trò của di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhận thức của nhân dân các dân tộc về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc còn nhiều hạn chế, chưa có ý thức trong việc bảo lưu, truyền bá văn hóa của dân tộc mình cho thế hệ kế tiếp. Việc khai thác tiềm năng, giá trị di sản văn hóa lớn để phát triển du lịch còn hạn chế. Nhiều di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị thất truyền. Công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu di sản văn hóa chưa được thường xuyên. Hạ tầng giao thông và hệ thống các thiết chế, cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa thiếu đồng bộ; nguồn kinh phí nhà nước đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, tôn tạo di tích còn hạn chế; công tác xã hội hóa chưa đáp ứng so với yêu cầu...

Từ thực tiễn nêu trên, để tiếp tục thực hiện công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tỉnh Tuyên Quang xác định quan điểm, mục tiêu và giải pháp cụ thể để triển khai đồng bộ, có hiệu quả như sau:

* *Về quan điểm:* Tiếp tục xác định công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa để phát triển kinh tế - xã hội bền vững là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, cần được quán triệt và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc; tạo điều kiện để các dân tộc bình đẳng, tăng cường đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, góp phần thực hiện

thắng lợi mục tiêu: Phấn đấu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững trong các tỉnh miền núi phía Bắc. Đây cũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn dân nhằm duy trì, phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp, tạo nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

** Về mục tiêu:* Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, để văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Phát huy vai trò các chủ thể văn hóa trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống cách mạng, niềm tự hào là Thủ đô Khu giải phóng - Thủ đô kháng chiến, niềm tin, khát vọng phát triển tỉnh Tuyên Quang ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trong tỉnh, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới; góp phần làm giảm chênh lệch về mức sống và hưởng thụ văn hóa giữa các địa phương, các dân tộc trong tỉnh; gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của các dân tộc.

Quan tâm đầu tư nguồn lực, cho công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, đặc biệt tại các địa bàn trọng điểm vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh.

** Về giải pháp thực hiện:*

Một là, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật về văn hóa, đặc biệt là quan điểm chỉ đạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, ở từng cấp nâng cao vai trò, sự chủ động, tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, góp phần đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, rút ngắn khoảng cách về đời sống, mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các dân tộc, bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa phát triển văn hóa và phát triển kinh tế, giữa bảo tồn, phát huy và phát triển.

Hai là, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phối hợp tuyên truyền quảng bá sâu rộng các giá trị văn hóa và việc bảo tồn, phát triển di sản văn hóa thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng xã hội, biểu diễn văn nghệ, đặc biệt trong các buổi sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt chi hội, câu lạc bộ... để người dân nâng cao ý thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc mình. Khuyến khích tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc, các chủ thể văn hóa phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham gia bảo tồn di sản văn hóa như: Khai thác tài nguyên thiên nhiên bền vững, bảo vệ di tích, bảo tồn nhà ở truyền thống các dân tộc; sưu tầm, ghi chép, ghi hình, ghi âm, chụp ảnh, biên soạn, dịch thuật, thống kê,

phân loại di sản văn hóa... để bảo quản lâu dài trong Bảo tàng, Thư viện tỉnh. Tiếp tục phát triển phong trào văn nghệ quần chúng trong cộng đồng các dân tộc, chú trọng khai thác chất liệu dân gian, khôi phục một số lễ hội truyền thống. Suu tầm, khôi phục các bài dân ca, các điệu dân vũ, các trò chơi dân gian; các làng nghề truyền thống; tri thức dân gian... của đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích thế hệ trẻ tại địa phương tiếp thu bản sắc văn hóa dân tộc mình. Tổ chức các lớp truyền dạy như dạy học tiếng, hát dân ca, dân vũ, các nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian cho thế hệ trẻ.

Ba là, tăng cường liên kết trong việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa. Tiếp tục phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ xây dựng Khu di sản thiên nhiên Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) - Na Hang (tỉnh Tuyên Quang) đệ trình UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới. Tiếp tục phát huy Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam được UNESCO ghi danh Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; đăng cai tổ chức và tham gia Chương trình du lịch qua những miền di sản Việt Bắc; đăng cai tổ chức và tham gia các ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc vùng Đông Bắc, ngày hội văn hóa dân tộc Mông, Dao, Sán Chay, ngày hội văn hóa các dân tộc Việt Nam...; Liên hoan hát Then, đàn tính toàn quốc; Liên hoan dân ca ba miền; tổ chức Lễ hội Thành Tuyên gắn với liên hoan di sản văn hóa phi vật thể quốc gia nhằm thu hút khách du lịch, quảng bá truyền thống văn hóa các dân tộc.

Bốn là, tạo dựng môi trường sinh hoạt và thực hành di sản văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số. Hiện nay, do yếu tố khách quan cũng như chủ quan, môi trường sinh hoạt và thực hành di sản văn hóa ngày càng bị thu hẹp. Trước đây, môi trường sinh hoạt văn hóa, nhất là môi trường thực hành nghệ thuật trình diễn dân gian, thường là ở không gian đình làng và nhà sàn truyền thống, nhưng hiện nay, nhiều làng bản, các ngôi đình làng đã xuống cấp, không được tu sửa hoặc phục dựng lại, cùng với đó là ngôi nhà sàn truyền thống được thay bằng nhà xây kiên cố, hiện đại. Vì vậy, cần tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số quan tâm xây dựng nhà ở bảo đảm kiến trúc truyền thống, cảnh quan. Đây mới thực sự là môi trường để tồn tại di sản, chỉ có thể bảo tồn tốt hình thức sinh hoạt thì mới có thể bảo đảm sự tồn tại của di sản văn hóa, không làm mất đi giá trị vốn có của dân tộc.

Năm là, từng bước kiện toàn bộ máy quản lý di sản văn hóa từ tỉnh đến cơ sở theo hướng hiệu lực, hiệu quả. Xác định công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa chỉ có thể đạt hiệu quả cao trong sự tổ chức có hệ thống, chặt chẽ và sự phối hợp đồng bộ của chính quyền địa phương, các cơ quan, ban, ngành, đội ngũ cán bộ ở cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý về di sản văn hóa có tâm huyết, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật. Thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật về di sản văn hóa cho đội ngũ cán bộ làm công tác

văn hóa thông tin, trang bị những kiến thức cơ bản, kỹ năng xử lý tình huống trong quản lý di sản văn hóa.

Sáu là, đầu tư ngân sách, cơ sở vật chất, tập trung nguồn lực quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhà nước quan tâm đầu tư bảo vệ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, làm phong phú kho tàng di sản văn hóa dân tộc; số hóa trong quản lý, phát huy giá trị di sản văn hóa. Cùng với đầu tư của Nhà nước, cần tăng cường vận động các nguồn lực xã hội hóa trong việc bảo tồn di sản văn hóa. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các cá nhân tham gia bảo vệ di tích; các nghệ nhân, chủ thể văn hóa, là những người đang nắm giữ bảo tồn và truyền dạy các giá trị di sản văn hóa. Gắn kết chặt chẽ việc phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử và bản sắc văn hóa các dân tộc.

Bảy là, đẩy mạnh khai thác di sản văn hóa tạo thành sản phẩm du lịch văn hóa hấp dẫn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội bền vững¹. Tập trung thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 16/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (khóa XVII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, phấn đấu đến năm 2025 xây dựng Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào cơ bản đáp ứng các tiêu chí Khu du lịch quốc gia; Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm là khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp; xây dựng, phát triển Lễ hội Thành Tuyên là sản phẩm du lịch đặc trưng, riêng có, mang thương hiệu cấp quốc gia; Danh thắng quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình là trung tâm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá có thương hiệu cấp quốc gia, tiến tới thương hiệu quốc tế; xây dựng, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch tâm linh tạo thành điểm nhấn thu hút khách du lịch. Mỗi huyện, thành phố xây dựng ít nhất một làng văn hóa đặc trưng gắn với phát triển du lịch; xây dựng từ một đến hai sản phẩm du lịch đặc trưng, hấp dẫn, thu hút khách du lịch; tập trung xây dựng một làng văn hóa dân tộc cấp tỉnh đảm bảo đồng bộ, bài bản, có đặc trưng riêng; phấn đấu đón trên 3 triệu lượt khách du lịch; tổng thu xã hội từ du lịch đạt trên 4.800 tỷ đồng; đóng góp cho GRDP từ 6% trở lên; tạo việc làm cho trên 25.000 lao động.

Đến năm 2030, hoàn thiện các tiêu chí Khu du lịch quốc gia Tân Trào là khu du lịch lịch sử quốc gia có uy tín, chất lượng; xây dựng Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm là khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế; Khu du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình cơ bản đáp ứng các tiêu chí khu du lịch sinh thái quốc gia. Phấn đấu đón trên 5,5 triệu lượt khách du lịch; đóng góp vào GRDP toàn tỉnh

1. Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 16/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (khóa XVII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

từ 10% trở lên; tạo việc làm cho trên 35.000 lao động; hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đáp ứng đa dạng thị trường¹.

Tóm lại, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước về di sản văn hóa trên địa bàn, bảo đảm đáp ứng và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra di sản văn hóa, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tạo môi trường kinh doanh, điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và nhân dân tham gia khai thác di sản văn hóa để phát triển dịch vụ du lịch.

Di sản văn hóa Tuyên Quang là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc, là tài sản của các thế hệ đi trước trao truyền lại cho chúng ta. Việc bảo vệ, giữ gìn những di sản văn hóa cho hôm nay và mai sau chính là thể hiện sự biết ơn của chúng ta đối với các bậc tiền nhân và cũng là thể hiện cụ thể lòng yêu nước, vun đắp những truyền thống tốt đẹp của cha ông, đó là cội nguồn đồng thời là sức mạnh nội sinh để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Do vậy, cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thời gian tới tỉnh Tuyên Quang sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, tạo nguồn lực quan trọng để quyết tâm xây dựng tỉnh Tuyên Quang ngày càng giàu đẹp, văn minh, thực hiện thắng lợi mục tiêu “trở thành tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững trong các tỉnh miền núi phía Bắc” như Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

1. Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ CẤP QUỐC GIA, TẠO LỢI THỂ THỨC ĐẨY TỈNH BẮC KẠN PHÁT TRIỂN

TỈNH ỦY BẮC KẠN

Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý của cộng đồng các dân tộc và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại. Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, đặc biệt là việc tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, từ đó góp phần tích cực trong việc giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc và bồi đắp tinh thần đoàn kết. Công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, nhất là giá trị văn hóa của các di tích lịch sử cấp quốc gia, đòi hỏi phải có sự quan tâm của các cấp, các ngành và toàn xã hội.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn có 120 di tích, trong đó: 2 di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt; 7 di tích được xếp hạng cấp quốc gia; 49 di tích được xếp hạng cấp tỉnh; 62 di tích đã được kiểm kê chưa xếp hạng, trong đó nhiều di tích lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia như: Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt an toàn khu (ATK) Chợ Đồn; Di tích lịch sử cấp quốc gia Nà Tu; Địa điểm Đồn Phủ Thông; Địa điểm Chiến thắng đèo Giàng; Địa điểm Lưu niệm Bác Hồ.

Các di tích lịch sử nói chung và di tích lịch sử cấp quốc gia nói riêng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác giáo dục truyền thống, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, bồi đắp ngày càng sâu sắc hơn tinh thần đoàn kết, nhân ái, qua đó thúc giục cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nỗ lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, xây dựng quê hương Bắc Kạn ngày càng phát triển. Trong các di tích lịch sử cấp quốc gia phải kể đến 2 di tích có ý nghĩa quan trọng là Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn và Di tích lịch sử quốc gia Nà Tu, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã nhất tề đứng dậy, sẵn sàng đối phó khi chiến sự xảy ra.

Giữa tháng 12/1946, sau khi nghiên cứu khảo sát thực tế, đội công tác đặc biệt của Trung ương đã chọn địa phận một số huyện của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên để xây dựng an toàn khu của Trung ương. Từ cuối năm 1946, đầu năm 1947, tại ATK Chợ Đồn đã tiếp nhận một số công xưởng, kho tàng của Nhà nước phục vụ kháng chiến; đây cũng là nơi ở, làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội; nhiều cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ kháng chiến cũng tập trung ở Bắc Kạn trong thời kỳ này.

Bên cạnh đó, nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được Bác Hồ đến thăm, động viên, trong đó phải kể đến Di tích lịch sử thanh niên xung phong Nà Tu, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông. Ngày 28/3/1951, trên đường đi công tác, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm Liên phân đội thanh niên xung phong 312 đang thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, bảo vệ cầu Nà Cù. Tại đây, Người đã tặng thanh niên xung phong 4 câu thơ nổi tiếng: *“Không có việc gì khó/Chỉ sợ lòng không bền/Đào núi và lấp biển/Quyết chí ắt làm nên”*, nhanh chóng trở thành lời dạy, lời động viên thế hệ trẻ ra sức thi đua, quyết tâm cống hiến cho sự nghiệp giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhằm phát huy các giá trị của văn hóa, nhất là các di tích lịch sử cấp quốc gia trở thành nguồn lực trong phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về *“Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thâm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh của sự phát triển nhằm bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; tạo nên sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước”*; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/4/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về *“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”* gắn với thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về văn hóa, trong những năm qua, tỉnh Bắc Kạn luôn quan tâm, chú trọng công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của các di tích lịch sử cấp quốc gia thực sự trở thành sức mạnh nội sinh và động lực phát triển.

Xác định giá trị, vai trò to lớn của di sản văn hóa nói chung và việc phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các di tích lịch sử cấp quốc gia trở thành lợi thế để thúc đẩy tỉnh Bắc Kạn phát triển nói riêng, đứng trước thực trạng xuống cấp của di tích, đặc biệt là các di tích xếp hạng quốc gia, từ nguồn vốn đầu tư tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp thuộc Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa, tỉnh Bắc Kạn đã tiến hành tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 8 di tích cấp quốc gia với tổng kinh phí thực hiện là 26,333 tỷ đồng.

Để bảo vệ giá trị di tích, tỉnh Bắc Kạn thống nhất giao Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý toàn diện các di tích, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh

bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Thông qua việc phân cấp quản lý các di tích đã góp phần xác định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm quản lý di tích, danh thắng cho chính quyền địa phương các cấp có di tích, giải quyết một cách cơ bản giữa nhu cầu bảo tồn di sản văn hóa vật thể với sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài của các địa phương có di tích. Đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho việc định hướng, xây dựng kế hoạch và những giải pháp bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích và danh thắng; đẩy mạnh quá trình xã hội hóa, phát huy nguồn lực ở các địa phương.

Thực tế, cùng với công tác bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo các cơ quan chức năng thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra để kịp thời ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị của di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực di sản văn hóa; xác định rõ việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch vừa là nhiệm vụ trước mắt, vừa là nhiệm vụ có tính lâu dài, góp phần nâng cao ý thức về bản sắc dân tộc, bảo vệ bản sắc văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa bền vững, góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020.

Có thể khẳng định, công tác bảo tồn di tích lịch sử cấp quốc gia trong thời gian qua đã góp phần tạo nền tảng thuận lợi cho tỉnh Bắc Kạn khai thác, phát triển sản phẩm du lịch, trong đó có du lịch lịch sử gắn với du lịch trải nghiệm văn hóa truyền thống. Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn; Di tích lịch sử cấp quốc gia Nà Tu, Địa điểm Đồn Phủ Thông, Địa điểm Chiến thắng đèo Giàng, Địa điểm Lưu niệm Bác Hồ là những “địa chỉ đỏ” có ý nghĩa giáo dục truyền thống đối với thế hệ trẻ của tỉnh cũng như của cả nước; là nơi thu hút du khách, cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên đến tham quan, nghiên cứu, học tập; đồng thời các di tích lịch sử cấp quốc gia cũng chính là biểu tượng vững chắc của giá trị tinh thần, truyền thống yêu nước của Đảng bộ, chính quyền, quân đội và nhân dân Bắc Kạn sắt son một lòng theo Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Cùng với xu thế phát triển của loại hình du lịch văn hóa trong bối cảnh phát triển của du lịch cả nước, hướng tới phát triển du lịch bền vững, việc phát triển du lịch văn hóa tại các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn càng mang ý nghĩa lớn. Các giá trị văn hóa du lịch của hệ thống di tích này đã và đang tiếp tục được khai thác tối ưu nhằm mục đích phục vụ cho phát triển du lịch, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của du lịch văn hóa nói riêng và du lịch Bắc Kạn nói chung.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các di tích lịch sử cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn vẫn còn những khó khăn, hạn chế:

(1) Tỉnh chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể di tích, danh lam, thắng cảnh trên địa bàn toàn tỉnh. Hiện nay, tỉnh mới đang triển khai lập quy hoạch bảo quản, tu bổ Di tích quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn và Di tích danh lam thắng cảnh Hồ Ba Bể.

(2) Số lượng di tích lịch sử - văn hóa có giá trị du lịch được trùng tu, tôn tạo còn ít. Một số di tích quốc gia đang bị xuống cấp, đòi hỏi phải có nguồn tài chính lớn cho các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Kinh phí trùng tu từ ngân sách nhà nước rất hạn hẹp. Chưa huy động được nguồn lực xã hội hóa để thực hiện tôn tạo, tu bổ di tích.

(3) Việc khai thác, đưa các di tích lịch sử văn hóa vào phát triển du lịch chưa thực sự hiệu quả. Một số di tích đã được tu bổ, tôn tạo nhưng chưa thể khai thác, phát huy giá trị phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

(4) Việc xây dựng hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh còn ít; trong tu bổ, tôn tạo di tích có khâu chưa đúng quy định, đưa hiện vật, đồ thờ không phù hợp vào di tích làm ảnh hưởng đến việc giữ gìn yếu tố nguyên bản cấu thành di tích.

(5) Đội ngũ cán bộ về lĩnh vực di sản văn hóa còn thiếu và yếu, nhất là cán bộ có trình độ sau đại học chuyên ngành về di sản văn hóa, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích,...

Những khó khăn, hạn chế nêu trên xuất phát từ các nguyên nhân cơ bản sau:

(1) Bắc Kạn là tỉnh miền núi, địa hình phức tạp, kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, nên khả năng huy động nguồn lực xã hội hóa cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa còn rất hạn chế.

(2) Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa quyết liệt chỉ đạo, đề xuất và xây dựng cơ chế, chính sách để nâng cao chất lượng công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử cấp quốc gia gắn với phát triển du lịch của địa phương.

(3) Một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về trách nhiệm, ý thức tham gia bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa; công tác bồi dưỡng, bố trí cán bộ làm công tác quản lý về văn hóa ở các cấp chưa được quan tâm đúng mức.

(4) Kinh phí cấp từ ngân sách nhà nước dành cho bảo vệ và phát huy giá trị của di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, theo đó việc thực hiện các dự án phải đầu tư nhiều lần, dở dang...

Trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Đảng ta đã khẳng định: "Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc..."¹. Trên cơ sở định hướng đó và nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh nhiệm vụ, giải pháp: “Xây dựng môi trường văn hóa toàn diện... trên cơ sở thực hiện tốt các nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Bắc Kạn gắn với phát triển du lịch...”. Do đó, trong giai đoạn 2020-2025, để thực hiện tốt nhiệm vụ: “Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh,... gắn với phát triển du lịch bền vững tại địa phương”, tỉnh Bắc Kạn sẽ tập trung chỉ đạo một số nội dung sau:

Một là, tăng cường hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện hiệu quả Luật di sản văn hóa và các quy định của pháp luật trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa địa phương.

Hai là, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích, ngăn chặn các hành vi xâm phạm di tích. Bên cạnh các hoạt động tại di tích, cần tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu các di tích quốc gia trên các ấn phẩm, công nghệ số để thu hút khách du lịch đến tham quan, học tập.

Ba là, hoàn thiện việc lập và triển khai Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn và Quy hoạch Di tích danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Hồ Ba Bể. Đây chính là nền tảng và cơ sở để bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích quốc gia.

Bốn là, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Năm là, tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực cho bảo tồn và phát huy giá trị di tích, bao gồm đội ngũ quản lý, đội ngũ nghiên cứu về di tích,...

Sáu là, đối với di tích quốc gia đặc biệt Hồ Ba Bể, thời gian tới cần tiếp tục nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và người dân trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; thực hiện lồng ghép nhiệm vụ bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đẩy mạnh công tác quảng bá tiềm năng, sản phẩm, tài nguyên du lịch; xây dựng hình ảnh và thương hiệu, nhận diện du lịch địa phương gắn với bản sắc văn hóa riêng có của địa phương. Xây dựng các bản làng mẫu để phát triển du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng làng nghề nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm.

Bảy là, đối với Di tích quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn, cần xây dựng thành một quần thể di tích có kiến trúc hài hòa, phù hợp với tính chất, ý nghĩa, tầm quan trọng và thời kỳ lịch sử, có dấu ấn đặc trưng, đặc thù, gắn với thiên nhiên và văn hóa khu vực, có trung tâm điều phối và giao thông kết nối nội bộ thuận tiện, kết nối liên thông với ATK Định Hóa và ATK Tân Trào, tạo nên tam giác du lịch lịch sử để đón tiếp du khách. Đặc biệt cần tôn trọng các yếu tố nguyên gốc trong quá trình bảo tồn kiến trúc, cảnh quan; quan tâm tái hiện sâu sắc các dấu ấn lịch sử cả vật thể và

phi vật thể; bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa phi vật thể hiện hữu trong đời sống đồng bào các dân tộc trong khu vực, như văn hóa nhà sàn, ẩm thực dân tộc, dân ca và kiến trúc dân gian cổ truyền, tiếng nói, trang phục dân tộc... gắn với du lịch sinh thái để giúp du khách trải nghiệm, hình dung rõ hơn về đời sống chiến khu xưa, qua đó vừa giáo dục truyền thống, vừa nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng nhân dân trong khu vực.

Tám là, đối với các di tích quốc gia còn lại như Nà Tu, Cẩm Giàng, Đồn Phủ Thông, Động Nàng Tiên, Động Áng Toàng... cần tiếp tục tập trung các nguồn lực tu bổ, tôn tạo nhằm tạo thành những điểm du lịch có tính kết nối với di tích Hồ Ba Bể, di tích ATK Chợ Đồn...

Chín là, nghiên cứu, đưa nội dung giáo dục truyền thống cách mạng; giới thiệu các di tích lịch sử cấp quốc gia của tỉnh Bắc Kạn vào nội dung chương trình giáo dục các cấp. Trong đó, chú trọng việc tổ chức các chuyến tham quan, thực tế, dã ngoại cho học sinh, sinh viên đến các khu, điểm di tích để tăng cường giáo dục lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, cách mạng cho thế hệ trẻ.

Có thể khẳng định rằng, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, việc bảo tồn các di tích lịch sử, đồng thời phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các di tích lịch sử nói chung và di tích lịch sử cấp quốc gia nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; phải thường xuyên quan tâm xây dựng “cơ chế và giải pháp xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội”, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 33-NQ/TW
NGÀY 9/6/2014 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XI
VỀ “XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC”
Ở TỈNH THÁI NGUYÊN**

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

Thái Nguyên là tỉnh thuộc vùng trung du miền núi Bắc Bộ, có diện tích tự nhiên 3.526 km², dân số trên 1,3 triệu người, với nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 8 dân tộc chủ yếu gồm Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Mông, Sán Chay, Hoa và Dao. Tỉnh có 9 đơn vị hành chính, gồm 2 thành phố, 1 thị xã và 6 huyện (trong đó có 4 huyện miền núi và 1 huyện vùng cao); 178 xã, phường, thị trấn (trong đó có 47 xã đặc biệt khó khăn, 99 xã thuộc vùng khó khăn và 540 thôn, bản đặc biệt khó khăn). Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên hiện có 16 đảng bộ trực thuộc, 683 tổ chức cơ sở đảng với trên 94.000 đảng viên. Trên địa bàn tỉnh hiện có hơn 30 trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn thứ ba cả nước; có nhiều khu công nghiệp lớn như Yên Bình, Sông Công I, Sông Công II, Đầm Thụy, Nam Phổ Yên,... với nhu cầu lớn về lao động, nhất là lao động có tay nghề cao. Bên cạnh đó, tỉnh hiện có 17 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và 247 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh, trong đó An toàn khu Định Hóa (ATK Định Hóa) là di tích quốc gia đặc biệt.

Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện là một mục tiêu của chiến lược phát triển đất nước, trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên luôn quan tâm xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; chú trọng phát triển, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nét văn hóa đặc trưng của địa phương. Nhờ đó đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm

quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trên địa bàn tỉnh.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, học tập và triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW

Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 10/6/2014 về việc “Tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện; tổ chức hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết số 33-NQ/TW đến cán bộ chủ chốt của tỉnh”. Đồng thời chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, đoàn thể tổ chức quán triệt, học tập, phổ biến nội dung Nghị quyết số 33-NQ/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân; xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của từng địa phương, đơn vị.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng ban hành Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 20/8/2014 về việc “Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW” và nhiều văn bản nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết, các văn bản của Trung ương về văn hóa, văn nghệ. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 22/7/2015 về việc “Thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW”. Ngày 8/7/2014, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 110-HD/BTGTU về việc “Tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW”. Bên cạnh đó, tỉnh Thái Nguyên luôn quan tâm chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW lồng ghép với việc thực hiện các Nghị quyết, kết luận về văn hóa, văn học, nghệ thuật¹...

Ngay sau Hội nghị quán triệt Nghị quyết số 33-NQ/TW ở cấp tỉnh, cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tổ chức phổ biến, quán triệt ở cấp mình. Xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng và Chương trình hành động của tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn. Qua đó, tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa; phát động phong trào thi đua yêu nước, thực hiện

1. Như: Kết luận số 51-KL/TW ngày 22/7/2009 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”; Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 5/2/2015 của Ban Bí thư về việc “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội”; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2018 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”,...

thăng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hóa.

2. Công tác tuyên truyền phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 33-NQ/TW tới đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân

Công tác tuyên truyền được các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể triển khai kịp thời với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp: thông qua hội nghị của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, sinh hoạt chi bộ; lồng ghép trong các buổi tuyên truyền của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, bản tin Thông báo nội bộ phục vụ sinh hoạt chi bộ định kỳ hằng tháng và tài liệu tham khảo cho báo cáo viên; tuyên truyền qua hệ thống băng rôn, panô, phướn và lồng ghép trong các hoạt động biểu diễn văn nghệ, chiếu phim, thông tin lưu động; tổ chức các cuộc thi sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí, điển hình là phát động cuộc thi “Đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”... Đặc biệt, tỉnh đã phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức hội quần chúng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp trong công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết đến đông đảo cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân.

Có thể nói, công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW đã được các cấp ủy đảng chỉ đạo triển khai kịp thời, nghiêm túc tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân; khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, tạo sự đồng thuận trong nhân dân triển khai thực hiện thăng lợi các nội dung của Nghị quyết số 33-NQ/TW và Chương trình hành động số 30-CTr/TU, góp phần đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

3. Một số kết quả nổi bật trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW

Sau 7 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Thái Nguyên đã đạt được những kết quả nổi bật như sau:

3.1. Xây dựng con người Thái Nguyên phát triển toàn diện

Để xây dựng, phát triển văn hóa, con người một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh và đất nước, trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh Thái Nguyên đã quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa,

văn nghệ, thể dục - thể thao, phòng, chống tệ nạn xã hội, xóa đói giảm nghèo; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; tuyên truyền giáo dục, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cụ thể, lãnh đạo tỉnh đã chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”... Qua đó, nêu cao tinh thần, vai trò, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Thái Nguyên xác định cần: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”. Theo đó, nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tỉnh đã được ban hành; thực hiện tốt việc chọn, cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước¹. Quan tâm tạo nguồn cán bộ dự bị thông qua chủ trương cho tuyển dụng các sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy từ khá trở lên tùy theo từng chuyên môn vào các cơ quan Đảng; đồng thời, thực hiện chính sách thu hút nhân lực có trình độ đại học và trên đại học về các xã khó khăn, đặc biệt là những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, loại khá các chuyên ngành mà địa phương, đơn vị còn thiếu như ngoại ngữ, tin học, kỹ sư các chuyên ngành,... Công tác điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và chế độ, chính sách liên quan đến cán bộ được cấp ủy các cấp quan tâm thực hiện đúng theo nguyên tắc dân chủ, phù hợp với trình độ, chuyên môn, vị trí công tác; công tác xét, thi tuyển công chức, viên chức được thực hiện đúng theo quy trình, bảo đảm công khai, công bằng cho các đối tượng dự tuyển.

1. Thực hiện Đề án số 11-ĐA/TU ngày 24/11/2012 về “Đào tạo 80 thạc sĩ, 20 tiến sĩ bằng nguồn ngân sách của tỉnh”, tính đến năm 2018, toàn tỉnh đã chọn cử được 58 cán bộ đi đào tạo (trong đó có 13 tiến sĩ và 45 thạc sĩ), với các nhóm ngành được cử tham gia đề án gồm: y tế, quản lý đô thị, quản lý giáo dục, xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, quản lý công, quản lý xã hội, luật học, quản lý kinh tế, tôn giáo, quản lý dự án, kiến trúc, thương mại, lâm nghiệp. Thực hiện Kế hoạch số 28-KH/TU ngày 8/8/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Đào tạo nguồn cho cán bộ chức danh bí thư đảng ủy, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”, tỉnh đã tiến hành mở 4 lớp bồi dưỡng, đào tạo được 233 đồng chí; đào tạo tại nước ngoài 2 đồng chí...

Phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị khu vực I mở các lớp Cao cấp lý luận chính trị đào tạo tập trung và không tập trung, đã cử hơn 1.043 đồng chí đi học cao cấp lý luận chính trị, hoàn chỉnh kiến thức và đại học chính trị. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Trường Chính trị tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên trong tỉnh.

Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức được tuyển dụng đều có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; sau tuyển dụng tiếp tục tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học.

Thái Nguyên cũng quan tâm thực hiện công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương an toàn khu cách mạng thông qua tuyên truyền và nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng; tổ chức các sự kiện chính trị, hoạt động văn hóa nhằm khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống đoàn kết, truyền thống cách mạng của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án 04-ĐA/TU ngày 10/10/2016 về “Tăng cường công tác nghiên cứu, biên soạn; tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống cách mạng, lịch sử đảng bộ địa phương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020”.

Công tác giáo dục - đào tạo luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chú trọng; chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Việc giáo dục lý tưởng, đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên được quan tâm. Mạng lưới trường lớp được quy hoạch, sắp xếp, kiện toàn phù hợp với hệ thống giáo dục quốc dân và tình hình thực tiễn của địa phương; xây dựng trường chuẩn quốc gia được các địa phương chỉ đạo, đầu tư hiệu quả, đạt kết quả cao; công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục có chuyển biến rõ nét¹.

Công tác đấu tranh, ngăn chặn sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, gây hủy hoại đạo đức xã hội theo tinh thần Chỉ thị số 46-CT/TW của Ban Bí thư được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Thái Nguyên ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống, đấu tranh với những thông tin bịa đặt, xuyên tạc trên mạng xã hội và một số báo, đài nước ngoài; phòng, chống sự xâm nhập, phát triển của các tổ chức bất hợp pháp, đội lốt tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn; thực hiện đúng những quy định về xây dựng văn hóa công sở². Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ động hướng dẫn, tuyên truyền thông qua hội nghị báo cáo viên cấp tỉnh, giao ban công tác viên dư luận xã hội, giao ban báo chí, thông báo văn hóa, văn nghệ định kỳ,

1. Năm học 2021-2022, toàn tỉnh có 697 cơ sở giáo dục với 326.176 học sinh, bao gồm: 18.005 trẻ nhà trẻ; 65.447 trẻ mẫu giáo; 125.583 học sinh tiểu học; 80.610 học sinh trung học cơ sở; 36.531 học sinh trung học phổ thông và 9.290 học viên giáo dục thường xuyên. Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021: Trên địa bàn toàn tỉnh có 33 điểm thi với 16.897 thí sinh tham gia. Căn cứ điểm thi trung bình, tỉnh Thái Nguyên xếp thứ 43/63 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tăng 1 bậc so với năm 2020) và tỷ lệ tốt nghiệp toàn tỉnh đạt trên 98%.

2. Chỉ thị số 40-CT/TU, ngày 20/1/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, tổ chức lễ hội; Chỉ thị số 42-CT/TU, ngày 18/3/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền để phòng, chống sự xâm nhập, phát triển của các tổ chức bất hợp pháp, đội lốt tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

bản tin Thông báo nội bộ hằng tháng; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tinh hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, phòng văn hóa thông tin các huyện, thành phố, thị xã tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm các quy định về bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, đấu tranh chống quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật.

Công tác đấu tranh chống quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật được tổ chức thực hiện đạt nhiều kết quả. Đội ngũ làm công tác nghiên cứu, lý luận phê bình và một số văn nghệ sĩ của tỉnh đã có nhiều hoạt động tích cực và hiệu quả, định hướng cho văn học, nghệ thuật phát triển lành mạnh, đúng hướng¹. Một số hoạt động cụ thể như tham gia các hội đồng thẩm định, viết các bài giới thiệu, nhận định, đánh giá (khen ngợi, góp ý, khẳng định hoặc phê phán) những tác phẩm mới ra đời; tổ chức nghiên cứu, phê bình tác phẩm, các xu hướng, trào lưu văn học mới, hội thảo về văn học, nghệ thuật, tham gia hội thảo khoa học về các hiện tượng, xu hướng văn học mới phức tạp trong đời sống xã hội hiện nay.

Để góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc con người Thái Nguyên, công tác giáo dục thể chất trong các nhà trường, ngành y tế triển khai thực hiện đồng bộ Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; tỷ lệ người dân luyện tập thể dục thể thao thường xuyên được nâng lên; 100% số trường học các cấp bảo đảm công tác giáo dục thể chất có chất lượng; 100% cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an rèn luyện thể lực thường xuyên.

3.2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Công tác xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh được các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài; chất lượng xây dựng gia đình văn hóa ngày càng nâng lên, đã xây dựng được nhiều mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu; các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy từng bước được đẩy lùi, góp phần làm trong sạch môi trường văn hóa, tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội phát triển toàn diện và bền vững. Việc xây dựng các hương ước, quy ước với những nội dung mới theo hướng văn minh, tiến bộ đã có tác động rất hiệu quả tới việc gìn giữ và phát triển nền văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp tại cộng đồng dân cư.

1. Đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh đã nghiên cứu, xuất bản, phát hành được 38 cuốn sách nghiên cứu lý luận, phê bình; trên 200 bài báo, bài viết lý luận, phê bình được đăng trên các báo, tạp chí Trung ương và địa phương; tổ chức 8 hội thảo khoa học về sáng tác, nhà văn, lý luận phê bình văn học tỉnh Thái Nguyên sau 25 năm đổi mới; tham gia và phát biểu tham luận trong hơn 40 hội thảo (quốc tế, quốc gia, khu vực và tỉnh nhà); tham gia gần 30 chương trình giới thiệu tác phẩm, tác giả trên truyền hình Trung ương và tỉnh Thái Nguyên; tham gia nhiều lớp tập huấn về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật do Trung ương tổ chức,...

Công tác gia đình trên địa bàn tỉnh tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện với nhiều mô hình, cách làm mới, nội dung phong phú, hiệu quả. Nhiều địa phương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ ở cơ sở để triển khai thực hiện tốt công tác gia đình. Chất lượng xây dựng gia đình văn hóa ngày càng tăng lên; đã xây dựng được nhiều mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được quan tâm, chỉ đạo sâu sát và nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân, nhờ đó đã tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức nêu cao truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Các địa phương chú trọng tạo điều kiện để nhân dân phát triển kinh tế, giúp nhau làm giàu chính đáng, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội. Các ban, ngành, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với các phong trào thi đua yêu nước của địa phương, đơn vị. Các hoạt động văn hóa, lễ hội được tổ chức lành mạnh, phù hợp với tình hình, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa của từng địa phương, dân tộc, tôn giáo và nhu cầu của người dân địa phương. Công tác xây dựng thôn bản, khu phố văn hóa được quan tâm hướng dẫn gắn kết với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Chương trình xây dựng nông thôn mới được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có sự hưởng ứng tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân; làm thay đổi rõ rệt diện mạo nông thôn của tỉnh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

Các địa phương, đơn vị đã vận động thực hiện có hiệu quả nhiều mô hình, cách làm hay trong xây dựng môi trường văn hóa tại cộng đồng như mô hình điểm khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường, tự quản an toàn giao thông; mô hình đạt hiệu quả cao như tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp, khu dân cư an toàn, dòng tộc không có người mắc tệ nạn xã hội. Các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Khuyến học, khuyến tài”, “Vì người nghèo”, từ thiện, nhân đạo,... trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác an sinh xã hội, chăm sóc, bảo vệ trẻ em, người có công với đất nước, Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các đối tượng chính sách xã hội được các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp trong tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hưởng ứng tham gia, thực hiện.

Các giá trị văn hóa trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh được phát huy. Tỉnh luôn quan tâm đến chính sách văn hóa đối với các tôn giáo; tạo điều kiện cho nhân dân được tham gia sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng bảo đảm đúng quy định pháp luật; tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các tổ chức tôn giáo trên địa bàn, góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa đồng bào tôn giáo trong khối đại đoàn kết dân tộc. Các cấp, ngành thường xuyên theo dõi, nắm bắt, tuyên truyền, vận động nhân dân không tham gia vào các hoạt động sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng

trái phép; kịp thời đấu tranh ngăn ngừa và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm liên đến quan hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên địa bàn tỉnh.

3.3. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Xây dựng văn hóa trong chính trị, kinh tế được tỉnh Thái Nguyên xác định là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nhằm đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị, tỉnh chỉ đạo các cấp ủy đảng đưa nội dung xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa trở thành một trong những tiêu chí để đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hằng năm. Các địa phương, đơn vị cụ thể hóa thông qua nội quy, quy chế, các quy định chuẩn mực về đạo đức, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, góp phần giảm bớt các thủ tục hành chính rườm rà, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Bên cạnh đó, các địa phương, đơn vị luôn quan tâm đến đạo đức công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống trong sáng để thực hiện tốt nhiệm vụ; coi trọng tự phê bình và phê bình trong Đảng, nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt chi bộ, đoàn thể gắn với thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Việc xây dựng văn hóa trong kinh tế được các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện, nhất là việc cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh¹. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp cũng được lãnh đạo tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện trên cơ sở tôn trọng pháp luật, xây dựng thương hiệu, cạnh tranh lành mạnh, phát triển bền vững, kinh doanh có hiệu quả. Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt nghĩa vụ đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động từ thiện, nhất là đối với gia đình chính sách, người có công, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

1. Tính đến ngày 15/9/2021, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký kinh doanh cho 580 doanh nghiệp (tăng 14,9% so với cùng kỳ), với số vốn đăng ký là 5,7 nghìn tỷ đồng (gấp 1,97 lần so với cùng thời điểm năm 2020). Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 9,8 tỷ đồng (bình quân cùng kỳ là 5,8 tỷ đồng/doanh nghiệp; bình quân năm 2019 là 9,6 tỷ đồng/doanh nghiệp). Về chỉ số xếp hạng PCI, Thái Nguyên xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố của cả nước với 66,56 điểm, thăng 1 hạng so với năm 2019 và là địa phương dẫn đầu trong khu vực miền núi phía Bắc. Năm 2020 cũng là năm tỉnh Thái Nguyên có số điểm tổng hợp đạt cao so với các năm; trong đó, có 6/10 chỉ số thành phần tăng điểm, 1 chỉ số đạt trên 8 điểm, 4 chỉ số đạt trên 7 điểm, chỉ số gia nhập thị trường có số điểm cao nhất đạt 8,35 điểm.

Hàng năm, tỉnh còn tổ chức các chương trình gặp mặt, vinh danh những doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu; đối thoại với các doanh nghiệp, người lao động để động viên, kịp thời trao đổi, thống nhất biện pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của người lao động và doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn tỉnh được quan tâm, nhất là việc huy động nguồn lực tham gia của xã hội, nhiều di tích lịch sử, văn hóa được bảo quản, tu bổ, phục hồi và xếp hạng di tích. Hiện nay, Thái Nguyên có 17 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, tăng 15 di sản so với năm 2014; 247 di tích được xếp hạng (1 di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt, 46 di tích được xếp hạng di tích quốc gia, 200 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh), tăng 67 di tích so với năm 2014. Thực hiện Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2014-2020, định hướng đến năm 2030, các địa phương đã ban hành cơ chế hỗ trợ để phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, xây dựng nhà văn hóa xóm, tổ dân phố.

Công tác sưu tầm, bảo tồn các làng nghề thủ công truyền thống, làng văn hóa dân tộc được quan tâm thực hiện gắn với phát triển du lịch. Các đơn vị, địa phương trong tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020; tiến hành sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn âm nhạc dân gian các dân tộc Thái Nguyên; phục dựng nét văn hóa dân gian đặc sắc trong đám cưới của người Tày, Lễ cầu mùa, đám cưới và Lễ cấp sắc của người dân tộc Sán Dìu, điều tra di sản văn hóa phi vật thể vùng ATK, nghiên cứu Lễ hội Oóc Pò của người Nùng, bảo tồn làng văn hóa dân tộc Tày truyền thống tại Bản Quyên (Điềm Mặc, Định Hóa)..., góp phần bảo tồn một số nét văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh hiện đang có nguy cơ mai một.

Hoạt động văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh phát triển đa dạng, với nhiều hình thức, đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy phong trào văn hóa, văn nghệ trong nhân dân, đồng thời ngăn chặn, đẩy lùi sự xâm nhập của các văn hóa phẩm độc hại. Trong thời gian qua, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên thường xuyên được củng cố, phát triển với 278 hội viên, hoạt động tại 10 chi hội chuyên ngành, 8 hội thành viên; tổ chức được nhiều sự kiện văn học, nghệ thuật lớn tiêu biểu¹. Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên tích cực tham gia hoạt động sáng tác,

1. Như: Lễ hội Thơ Nguyên tiêu, gặp mặt tác giả trẻ Việt Bắc và trưng bày, triển lãm thơ về nông dân, Lễ hội Trà Thái Nguyên; chủ trì tổ chức 6 cuộc thi, cuộc vận động sáng tác văn học, nghệ thuật nhằm động viên, khuyến khích hội viên sáng tác các tác phẩm có chất lượng phục vụ công chúng, đồng thời phát hiện tài năng để bồi dưỡng; tổ chức các cuộc triển lãm nghệ thuật (mỹ thuật, kiến trúc, nhiếp ảnh) trong và ngoài tỉnh nhằm giới thiệu, tôn vinh các tác phẩm tiêu biểu của hội viên về quê hương, đất nước, con người,...

biểu diễn với 200 tác phẩm gồm các tập sách, bộ ảnh, tác phẩm mỹ thuật; trưng bày 18 tác phẩm tranh, 45 tác phẩm ảnh tại Triển lãm “Sắc màu dân tộc miền núi”... Tỉnh còn tổ chức thành công Giải thưởng Văn học nghệ thuật tinh 5 năm giai đoạn 2012-2016. Hội viên các hội, chi hội văn học nghệ thuật trên địa bàn tỉnh tích cực hưởng ứng, tham gia các giải thưởng, liên hoan, triển lãm cấp tỉnh, khu vực và quốc tế; nhiều tác phẩm văn học, thơ, điện ảnh, truyền hình, ảnh nghệ thuật, mỹ thuật, kiến trúc, sân khấu, âm nhạc, múa, lý luận phê bình,... có nội dung tư tưởng, nghệ thuật cao; nhiều tác phẩm đoạt các giải thưởng của tỉnh, khu vực, quốc gia, quốc tế; nhiều tập thể, cá nhân được tặng danh hiệu, phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước. Tạp chí *Văn nghệ Thái Nguyên* phát triển mạnh, trở thành một trong ba địa phương của cả nước phát hành tuần báo và có uy tín cao trong hệ thống báo chí văn nghệ, được đông đảo độc giả đón nhận.

3.5. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Thái Nguyên xác định phát triển công nghiệp văn hóa là một trong những nhiệm vụ cơ bản của xây dựng văn hóa nên tỉnh đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa; đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao bảo đảm đồng bộ, phù hợp với quy hoạch, xây dựng và phát triển chung của từng địa phương. Đến nay, nhiều chương trình nghệ thuật của tỉnh được đầu tư đã đạt giải cao tại các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật toàn quốc, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của người dân².

Thực hiện Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 của Chính phủ về “Ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng”, Thái Nguyên đã tiến hành rà soát các vùng có tiềm năng phát triển du lịch; huy động nguồn lực để bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, di sản văn hóa đã được công nhận và phục dựng các lễ hội truyền thống; thu hút các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, tôn tạo di tích thắng cảnh tại các địa phương trong tỉnh; tăng cường, mở rộng hệ thống dịch vụ văn hóa; hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Để thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, ngoài việc sử dụng nguồn thu từ du lịch, tỉnh đã có cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa du lịch.

1. Bài hát “Hãy hát lên bài ca công đoàn” của nhạc sĩ Lê Tú Anh được chọn làm bài hát truyền thống Công đoàn Việt Nam.

2. Như: Cuộc thi nghệ thuật ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc đợt I/2015 (đạt 1 Huy chương Bạc toàn đoàn; 1 Huy chương Vàng; 3 Huy chương Bạc); Liên hoan nghệ thuật sân khấu chèo toàn quốc về hình tượng người chiến sĩ công an nhân dân (đạt 1 Huy chương Vàng, 3 Huy chương Bạc), Hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc 2018 (đạt 1 Huy chương Vàng, 3 Huy chương Bạc)...

Nhờ đó, nhiều doanh nghiệp đã nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch công nghệ cao trên địa bàn tỉnh¹.

3.6. Hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển hợp tác, giao lưu văn hóa quốc tế; tổ chức nhiều đoàn cán bộ sang giao lưu, trao đổi kinh nghiệm trong xây dựng văn hóa, phát triển kinh tế với một số nước như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Pháp, Lào,...

Các hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa quốc tế trong những năm qua đã góp phần tích cực xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Thái Nguyên tổ chức nhiều cuộc đón tiếp, làm việc, trao đổi kinh nghiệm hoạt động văn hóa, nghệ thuật với các nước trong Cộng đồng ASEAN; tổ chức thành công chương trình giao lưu giữa hai dàn nhạc Saxophone tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Gyeongsangbuk - Hàn Quốc; mời giảng viên quốc tế đến hợp tác, giảng dạy lĩnh vực văn hóa tại các trường thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên. Các chương trình biểu diễn nghệ thuật của Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên, Nhà hát ca, múa, nhạc dân gian Việt Bắc tại một số nước đã góp phần quảng bá văn hóa, du lịch tỉnh nhà; hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Thái Nguyên trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân thông qua văn hóa cũng thu được nhiều kết quả quan trọng. Ngoài ra, Thái Nguyên còn thường xuyên tổ chức chương trình gặp mặt, chúc Tết người Việt Nam ở nước ngoài về quê nhân dịp Tết Nguyên đán và tổ chức vui Tết cho các học sinh, sinh viên nước ngoài đang theo học tại các trường trên địa bàn tỉnh nhân dịp Tết cổ truyền...

Đến nay, Thái Nguyên đã tổ chức thành công 3 lần Festival Trà quốc tế - Thái Nguyên Việt Nam với sự tham gia của nhiều quốc gia trên thế giới. Đây là sự kiện văn hóa đặc biệt của địa phương với nhiều hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế, các chương trình nghệ thuật lớn, đặc sắc có sự phối hợp thực hiện của các nghệ sĩ, diễn viên đến từ nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, các tỉnh, thành phố trong cả nước và của tỉnh. Chuỗi các hoạt động của Festival đã góp phần quảng bá, tôn vinh những giá trị văn hóa Việt Nam và đặc trưng văn hóa Thái Nguyên; giao lưu văn hóa

1. Sân golf Hồ Núi Cốc; Khu văn hóa thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng Linh Sơn Hills; Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị FLC Thái Nguyên; Công viên giáo dục trải nghiệm Thái Hưng; Dự án Khách sạn 5 sao Crown Plaza và nhà ở thương mại kết hợp phố đi bộ tại thành phố Thái Nguyên,... Dự án khu du lịch sinh thái Đông Tam Đảo trên địa bàn xã Thành Công, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên; dự án có diện tích 5.000 ha, lĩnh vực mời gọi đầu tư là khu vui chơi giải trí, thể thao, du lịch. Dự án công viên cây xanh kết hợp sân tập Golf Cao Ngạn, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, có diện tích 120 ha, tổng mức đầu tư 300 tỷ đồng. Dự án công viên Thành phố Sông Công tại phường Cải Đan, thành phố Sông Công có diện tích 20,3 ha, được đầu tư theo hình thức PPP - BOT.

và trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất, tiêu thụ, thương thức sản phẩm trà giữa các địa phương trong nước và các quốc gia trên thế giới; qua đó giới thiệu hình ảnh vùng đất và con người Thái Nguyên, thu hút các nhà đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Từ những thành tựu đạt được về xây dựng, phát triển văn hóa, con người, tính đến tháng 9/2021, toàn tỉnh Thái Nguyên đã có 108 xã đạt chuẩn nông thôn mới; phổ cập giáo dục các bậc học được củng cố vững chắc; 85% số trường đạt chuẩn quốc gia; 8% học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường dân tộc nội trú; 319.417/329.965 (chiếm 96,80%) số hộ gia đình đăng ký danh hiệu “Gia đình văn hóa”; 2.330/2.335 (chiếm 99,79%) xóm, tổ dân phố đăng ký danh hiệu “Làng, tổ dân phố văn hóa”; 1.575/1.581 (chiếm 99,62%) cơ quan, doanh nghiệp đăng ký danh hiệu “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”; 97,2% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 10%; 19.263 lượt người được tư vấn giới thiệu việc làm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%; giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2,06%/năm. Đặc biệt, từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát trên thế giới và trong nước, mặc dù là tỉnh tập trung nhiều khu công nghiệp, trung tâm giáo dục - đào tạo lớn thứ ba của cả nước, Thái Nguyên vẫn giữ được là “vùng xanh”, an toàn, thực hiện tốt mục tiêu kép vừa phát triển kinh tế - xã hội, vừa phòng, chống dịch COVID-19, bảo đảm an toàn, sức khỏe của nhân dân.

4. Một số tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và nguyên nhân

Bên cạnh những thành tựu, kết quả đạt được, lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, cụ thể là: Phát triển văn hóa, con người chưa theo kịp với tăng trưởng, phát triển kinh tế nên nảy sinh một số bất cập, tiêu cực, nhất là sự xuống cấp về đạo đức, lối sống trong một bộ phận nhân dân, trong đó có cả cán bộ, đảng viên. Phát huy giá trị văn hóa, con người cho tăng trưởng, phát triển với vị trí, vai trò là trung tâm vùng còn nhiều hạn chế so với tiềm năng, thế mạnh. Môi trường văn hóa vẫn có nơi, có lúc tiềm ẩn, bộc lộ những yếu tố độc hại, trong đó có internet, mạng xã hội. Việc xây dựng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao vẫn còn nhiều hạn chế. Sản phẩm văn hóa vẫn còn nghèo nàn, chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương. Tình trạng tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh còn diễn biến, tiềm ẩn nhiều phức tạp. Một số phong trào, cuộc vận động văn hóa đạt kết quả không đồng đều, có nơi còn mang tính hình thức, chưa thiết thực, hiệu quả. Đời sống văn hóa tinh thần của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Nguyên nhân của hạn chế là do một số cấp ủy, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người đối với sự phát triển của tỉnh, của đất nước nên công tác lãnh đạo, chỉ đạo,

quản lý có lúc, có nơi còn chưa thường xuyên, liên tục. Hầu hết các địa phương, cơ quan, đơn vị đầu tư cho phát triển văn hóa, con người chưa tương xứng với đầu tư phát triển kinh tế, xã hội. Công tác tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của các nguồn lực xã hội vào sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đội ngũ cán bộ văn hóa chất lượng chưa đồng đều. Trình độ tham mưu, quản lý ở một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Một số cán bộ, đảng viên còn biểu hiện tiêu cực, thiếu gương mẫu trong đạo đức, lối sống và trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mặt trái của nền kinh tế thị trường, sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin - truyền thông, hội nhập quốc tế sâu rộng, sản phẩm văn hóa độc hại, dịch bệnh diễn biến phức tạp, lối sống thực dụng cũng tác động mạnh mẽ vào các tầng lớp xã hội, nhất là đối với thanh, thiếu niên.

5. Giải pháp và kiến nghị để Thái Nguyên triển khai hiệu quả hơn nữa Nghị quyết số 33-NQ/TW

Trên cơ sở phát huy những kết quả đạt được, khắc phục hạn chế còn tồn tại, trong thời gian tới, tỉnh Thái Nguyên sẽ triển khai đồng bộ một số *giải pháp* như sau:

Một là, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tiếp tục quán triệt nhằm nâng cao nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tiếp tục quán triệt thực hiện tốt quan điểm phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội đối với công tác văn hóa.

Hai là, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa; rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa, con người của tỉnh sao cho phù hợp với thực tiễn địa phương và đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, đất nước. Khuyến khích, nâng cao chất lượng sáng tác và phổ biến các tác phẩm văn học nghệ thuật; bảo tồn, phát huy giá trị tốt đẹp, di sản văn hóa của các dân tộc; đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm loại bỏ những hủ tục lạc hậu trong cộng đồng các dân tộc và xây dựng, phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Ba là, tăng nguồn lực của Nhà nước, đồng thời đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho xây dựng, phát triển văn hóa, con người. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển văn hóa, con người tại địa phương. Quan tâm đầu tư các thiết chế văn hóa cho nhân dân, duy trì hoạt động hiệu quả của các câu lạc bộ văn hóa, thể

dục thể thao; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

Bốn là, đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống; tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả chủ trương chuyển đổi số của tỉnh; vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong lĩnh vực văn hóa. Tiếp tục triển khai các biện pháp đồng bộ, chủ động đấu tranh phòng, chống văn hóa độc hại, sự áp đặt văn hóa của các nước lớn, chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; làm tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác kịp thời những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch; đẩy mạnh hoạt động thông tin đối ngoại, tập trung quảng bá tiềm năng, thế mạnh của Thái Nguyên nhằm thu hút đầu tư, phát triển du lịch, nâng cao vị thế của tỉnh trong quá trình đổi mới, hội nhập và phát triển.

Năm là, thường xuyên, phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Chương trình số 30-CTr/TU và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, tỉnh nhằm phát hiện các gương người tốt, việc tốt, nhân tố điển hình tiêu biểu và kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, vụ việc phức tạp. Đồng thời, tăng cường đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; nâng cao chất lượng quản lý, phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân...

Một số đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn, tài liệu tuyên truyền về chủ trương, giải pháp phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu cho Chính phủ tiếp tục tăng nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa đối với khu vực nông thôn, miền núi, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, công nhân các khu công nghiệp. Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác quản lý trên lĩnh vực báo chí, truyền thông, hoạt động sáng tác, in ấn, xuất bản, các trang thông tin điện tử, mạng xã hội...

TỈNH HÒA BÌNH VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA*

TỈNH ỦY HÒA BÌNH

Tỉnh Hòa Bình nằm ở cửa ngõ vùng Tây Bắc của Thủ đô Hà Nội, có diện tích tự nhiên gần 4.600 km². Phía tây của tỉnh là vùng núi rừng trùng điệp liên dải với các tỉnh miền núi Tây Bắc hùng vĩ và huyền bí; nơi cư trú của đồng bào Thái, Mông, Tày, Dao với bản sắc văn hóa còn khá thuần khiết và nguyên sơ. Thoải về phía đông và đông nam là vùng đồi thấp, bán sơn địa, giáp với Thủ đô Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình và Thanh Hóa. Chủ nhân lâu đời của Hòa Bình là đồng bào dân tộc Mường (chiếm hơn 64% dân số của tỉnh). Những năm 1960-1970, người Kinh (Việt) đến Hòa Bình nhiều hơn, chủ yếu từ các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Hà Tây...; hiện họ đã coi Hòa Bình là quê hương thứ hai với khoảng 2-3 thế hệ được sinh ra, lớn lên, trưởng thành ở vùng đất này.

Hiện nay, tỉnh Hòa Bình có trên 86 vạn dân, có 10 đơn vị hành chính cấp huyện (9 huyện và thành phố tỉnh lỵ). Các dân tộc ở Hòa Bình chung sống đoàn kết, bình đẳng, mỗi dân tộc có một bản sắc văn hóa, tiếng nói, phong tục, tập quán, thói quen sinh hoạt riêng; đồng thời qua thời gian, sự giao thoa văn hóa qua nhiều thế hệ đã tạo nên những nét đan xen hết sức thú vị cho bức tranh văn hóa Hòa Bình: vừa phong phú, đa sắc màu, vừa độc đáo, khác biệt và hấp dẫn.

Là tỉnh có đông đồng bào dân tộc Mường, nên khi nói đến Hòa Bình là nhắc nhớ đến nét văn hóa đặc sắc của người Mường với câu ca lưu truyền về 4 Mường lớn “*Nhất Bi, nhì Vang, tam Thành, tứ Động*”. Bên cạnh đó, trên địa bàn toàn tỉnh có 786 di sản văn hóa phi vật thể bao gồm các loại hình như tập quán xã hội và tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian, nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian, tiếng nói, chữ viết, ngữ văn dân gian, trong đó có 2 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Bảo tàng tỉnh hiện lưu giữ trên 18.000 hiện vật như: hiện vật đá, trống đồng, đồ đồng, văn hóa các dân tộc, xương, chữ viết, đồ gốm, sành sứ, tranh thờ, tài liệu chữ Nôm cổ,...; trong đó nhiều di vật, cổ vật có giá trị là những minh chứng còn lại của nền “Văn hóa Hòa Bình”. Ngày nay, phát huy truyền thống của

* Đầu đề do Ban Biên tập đặt.

cha ông đi trước, đồng bào các dân tộc tỉnh Hòa Bình luôn đoàn kết, chung sức vượt qua mọi khó khăn, thử thách, cùng nhân dân cả nước vững bước tiến trên con đường đổi mới, hội nhập quốc tế.

Riêng về lĩnh vực văn hóa, trong những năm qua, triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Tỉnh ủy Hòa Bình đã xây dựng Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 13/4/2009 cụ thể hóa nội dung Nghị quyết. Trên cơ sở đó, Hòa Bình đã thực hiện tốt việc học tập, nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn; đồng thời ban hành một số văn bản để cụ thể hóa nội dung Nghị quyết, tạo điểm tựa cho các địa phương, đơn vị thực hiện. Nhờ vậy, việc đổi mới và nâng cao năng lực, trình độ lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về văn học, nghệ thuật được chú trọng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật được quan tâm. Bước đầu đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật, thu hút các nguồn lực trong toàn tỉnh để đầu tư xây dựng các thiết chế, công trình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Vị thế của Hội Văn học nghệ thuật tỉnh ngày càng được khẳng định, hoạt động hiệu quả, có bước chuyển biến quan trọng, đảm nhận tốt vai trò tập hợp, đoàn kết, phát huy khả năng sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Văn nghệ quần chúng phát triển mạnh mẽ, sâu rộng trong nhân dân, góp phần tích cực vào công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ truyền thống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Đặc biệt, ngay sau khi Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” được ban hành, Tỉnh ủy Hòa Bình đã xây dựng Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 3/10/2014 thực hiện Nghị quyết. Theo đó, cấp ủy các cấp đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa. Từng tổ chức đảng và đảng viên nêu cao vai trò gương mẫu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tổ chức vận động nhân dân thực hiện Nghị quyết. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao nhận thức về lý tưởng cách mạng để đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa trên địa bàn tỉnh yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy duy trì tổ chức gặp mặt các cơ quan báo chí, đại biểu văn nghệ sĩ, nhà báo tiêu biểu nhân dịp đầu Xuân; qua đó, định hướng hoạt động, động viên, khích lệ văn nghệ sĩ, nhà báo sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về truyền thống lịch sử, văn hóa cách mạng, ca ngợi gương “người tốt, việc tốt” trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác tư tưởng - văn hóa, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tỉnh Hòa Bình là vùng đất có nhiều lễ hội dân gian đặc sắc, mang đậm bản sắc văn hóa, đặc trưng của các cộng đồng tộc người gắn liền với những đặc điểm cụ thể về địa lý, tự nhiên và đời sống xã hội của các cộng đồng dân cư. Trên địa bàn tỉnh hiện có hàng trăm địa điểm tổ chức lễ hội vào dịp đầu xuân, trong đó có gần 40 lễ hội lớn đang được bảo tồn và tổ chức. Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về di tích đã nhận được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh, sự đầu tư, hỗ trợ ngân sách về công tác tu bổ, tôn tạo và sự ủng hộ của nhân dân. Nhờ đó, phong trào xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phục dựng, duy trì và nâng cấp quy mô một số lễ hội tại các di tích trong tỉnh đã được bảo tồn và phát huy, điển hình như: Lễ hội Khai hạ Mường Bi (huyện Tân Lạc), Lễ hội Chùa Tiên (huyện Lạc Thủy), Lễ hội Đền Bò (huyện Cao Phong và huyện Đà Bắc), Lễ hội Rước Bụt và Lễ hội Đình Cối (huyện Lạc Sơn),... Cho đến nay, các lễ hội vẫn luôn được bảo tồn, phát triển và phát huy tốt giá trị, góp phần không nhỏ vào việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân, phục vụ cho việc phát triển du lịch. Hiện Hòa Bình có 19/68 di tích được xếp hạng, gắn công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị với hoạt động tổ chức lễ hội.

Công tác phát triển, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các công trình nghệ thuật gắn với thu hút đầu tư và du lịch cũng từng bước được đẩy mạnh; đồng thời huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước phục vụ phát triển văn hóa. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện quy định quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; lập hồ sơ khoa học các hiện vật, di tích và danh thắng; tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện công tác quản lý nhà nước, tạo cơ chế thuận lợi để đẩy mạnh công tác xã hội hóa phát huy giá trị di tích. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 101 di tích lịch sử, văn hóa được xếp hạng với 41 di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia, hơn 100 điểm di tích trong danh mục cần bảo vệ. Nhiều di tích có giá trị như: quần thể Di tích xã Cao Rằm (nay là xã Cao Sơn), huyện Lương Sơn; Hang xóm Trại, huyện Lạc Sơn; Địa điểm huấn luyện chính trị Đại hội II Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, thành phố Hòa Bình; Đền Niệm, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy; quần thể Di tích Chùa Tiên, xã Phú Lão, huyện Lạc Thủy,...

Toàn tỉnh hiện có trên 2.000 đội văn nghệ quần chúng. Hằng năm, tỉnh tổ chức được 8.000 đợt biểu diễn, phục vụ trên 4.000.000 lượt người xem. Từ năm 2012, các đội văn nghệ quần chúng thôn, xóm, khu dân cư được hỗ trợ kinh phí 2.000.000 đồng/đội/năm để duy trì hoạt động. Tỉnh còn thường xuyên tổ chức các hội thi thông tin cổ động, liên hoan nghệ thuật quần chúng nhằm thúc đẩy các phong trào từ cơ sở, thu hút hàng nghìn lượt diễn viên, nghệ nhân tham gia. Nhiều chương trình, tiết mục đạt chất lượng cao, dàn dựng công phu, đặc sắc, với các chuyên đề về dân gian, dân tộc ở cơ sở, tạo không khí vui tươi, lành mạnh trong cộng đồng.

Trong các loại hình văn hóa phi vật thể ở Hòa Bình thì Mo Mường là một di sản văn hóa độc đáo của dân tộc Mường, chứa đựng nhiều giá trị nhân văn, văn hóa - lịch sử và triết học; là sự kết tinh những kinh nghiệm trong lao động sản xuất, văn hóa ứng xử, triết lý nhân sinh quan, thể hiện tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu quê hương, đất nước, tâm hồn và đạo lý nhân văn của người Mường. Trải qua quá trình lịch sử, người Mường đã sáng tạo, lưu giữ, truyền miệng và phát huy những giá trị của các áng Mo, góp phần hình thành, nuôi dưỡng cốt cách, tâm hồn của bao thế hệ, tạo nên sức sống, sức lan tỏa sâu rộng của di sản phi vật thể quý giá này. Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 20/1/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XVI về “Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Mo Mường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình”, từ năm 2016, công tác bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Mo Mường trên địa bàn tỉnh được quan tâm triển khai thực hiện. Mo Mường đã được ghi danh vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4591/VPCP-KGVX ngày 9/6/2020 thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam về việc “Dự kiến lập hồ sơ các di sản văn hóa phi vật thể (trong đó có Mo Mường tỉnh Hòa Bình) đệ trình UNESCO ghi danh vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp”. Bên cạnh đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 (Nghị quyết số 04-NQ/ĐH, ban hành ngày 3/10/2020) cũng đề ra nhiệm vụ: “Huy động các nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo và phát huy bản sắc văn hóa miền núi đặc sắc của các dân tộc thiểu số trong tỉnh gắn với phát triển du lịch; trình tổ chức UNESCO hồ sơ Di sản văn hóa phi vật thể Mo Mường ghi danh tại danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp”. Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 31/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII tiếp tục khẳng định: “Tiếp tục lộ trình lập hồ sơ khoa học trình UNESCO công nhận Sử thi Mo Mường là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại”. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục triển khai các bước thực hiện bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Mo Mường.

Năm 2016, tỉnh Hòa Bình tổ chức Lễ hội Chiêng Mường lần thứ II. Đây là một trong những hoạt động chào mừng Lễ kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh và 25 năm tái lập tỉnh Hòa Bình; màn trình diễn tấu chiêng trong Lễ kỷ niệm với sự tham gia của 1.600 nghệ nhân chiêng của tỉnh Hòa Bình đã lập kỷ lục Guinness Việt Nam lần thứ hai. Đặc biệt, Lễ kỷ niệm còn công bố Quyết định số 246/QĐ-BVHTTDL ngày 19/1/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trao bằng công nhận Mo Mường và nghệ thuật Chiêng Mường vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Hiện tỉnh đang xây dựng Nghị quyết về việc tán thành Đề án xây dựng hồ sơ Mo Mường đệ trình UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp; tổ chức bảo tồn, phát huy sau khi được ghi danh. Địa điểm

thực hiện đề án trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và 6 tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Sơn La, Phú Thọ, Ninh Bình, Đắk Lắk, Hà Nội. Dự kiến kinh phí thực hiện đề án là trên 15,2 tỷ đồng. Đề án bắt đầu thực hiện từ năm 2021, triển khai tới năm 2025 sẽ hoàn thành hồ sơ trong nước trình lên Thủ tướng Chính phủ đệ trình UNESCO, phấn đấu đến năm 2025 được ghi danh vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp. Đồng thời, phát hành cuốn sách *Mo Mường Hòa Bình* (tái bản năm 2019) để tiếp tục quảng bá, giới thiệu di sản văn hóa Mo Mường Hòa Bình.

Nhằm cụ thể hóa Đề án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Mo Mường Hòa Bình, giai đoạn 2019-2025 và những năm tiếp theo, ngày 11/5/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 455/NQ-HĐND về việc “Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng Khu không gian bảo tồn di sản văn hóa Mo Mường gắn với dịch vụ du lịch tại xã Hợp Phong, huyện Cao Phong”. Dự án được đầu tư trong giai đoạn 2021-2025, với diện tích là 36 ha, tổng vốn đầu tư là 50 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh.

Tháng 10/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình đã tổ chức Hội thảo khoa học “85 năm thế giới công nhận nền Văn hóa Hòa Bình” với sự tham gia của nhiều nhà khoa học, nghiên cứu khảo cổ học, lịch sử, văn hóa trong nước và quốc tế. Hội thảo đã đưa ra một cái nhìn tổng quan về quá trình 90 năm phát hiện, nghiên cứu và 85 năm thế giới công nhận nền Văn hóa Hòa Bình, với những nội dung, giá trị lịch sử, văn hóa nổi bật; đồng thời xuất bản cuốn *Kỷ yếu Hội thảo “85 năm thế giới công nhận nền Văn hóa Hòa Bình”*. Hội thảo góp phần tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu và tôn vinh những giá trị văn hóa khảo cổ đặc sắc về một nền văn hóa thời đồ đá nổi tiếng thế giới trên quê hương Hòa Bình; tôn vinh những đóng góp của nhà khảo cổ học người Pháp Madeleine Colani - người đã có công phát hiện và đặt tên cho nền Văn hóa Hòa Bình; khơi dậy lòng tự hào của các dân tộc tỉnh Hòa Bình, nơi được coi là trung tâm của nền “Văn hóa Hòa Bình”, một trong những chiếc nôi phát triển của loài người để giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

Từ việc lưu truyền Mo Mường thông qua truyền khẩu (*do người Mường cổ không có chữ viết*), nhiều công trình sưu tầm, nghiên cứu, dịch thuật Mo Mường theo phương pháp ghi phiên âm theo hệ thống ký tự Latinh đã được thực hiện, nhưng do có nhiều cách ghi khác nhau nên vẫn chưa truyền tải được hết nội dung và giá trị của Mo Mường. Vì vậy, việc lập hồ sơ khoa học về Mo Mường và xây dựng Bộ chữ viết dân tộc Mường có thể coi là “khâu đột phá”. Bởi trên thực tế, chỉ có chữ viết mới có thể ghi lại Mo Mường một cách tương đối chính xác, thống nhất, và từ bản ghi chính thức này sẽ dịch Sử thi Mo Mường sang tiếng Anh và các ngôn ngữ khác, phục vụ cho việc lập hồ sơ khoa học về Mo Mường.

Với cố gắng của tỉnh, Bộ chữ viết dân tộc Mường gồm 28 chữ cái đã ra đời. Ngày 27/10/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 118/KH-UBND về việc “Triển khai ứng dụng Bộ chữ viết dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình”, nhằm

mục đích đưa Bộ chữ vào đời sống dân tộc Mường; khẳng định đây là chữ viết chính thức của dân tộc Mường Hòa Bình và góp phần bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc Mường trên địa bàn tỉnh.

Song song với đó, Tỉnh ủy còn giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì chỉ đạo xây dựng nội dung, đề xuất và ký hợp đồng với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh triển khai thực hiện Đề tài xây dựng bộ gõ, biên soạn tài liệu dạy và học chữ Mường tại tỉnh Hòa Bình. Đồng thời, để tuyên truyền, phổ biến chữ viết chính thức của dân tộc Mường, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã in và phát hành 3 cuốn tài liệu: (1) *Tài liệu hướng dẫn dạy tiếng nói, chữ viết âm vị tiếng Mường; mã Bộ gõ Unikey tiếng Mường*; (2) *Tài liệu hướng dẫn học chữ Mường; đọc hiểu tiếng Mường*; (3) *Tài liệu tiếng Mường cơ sở*.

Ngày 28/6/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc “Phê duyệt Đề án dạy và học tiếng dân tộc Mường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình”.

Trên cơ sở Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 1/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt danh mục đề tài cấp tỉnh đặt hàng đợt I và đợt II bắt đầu thực hiện từ năm 2019, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đã ký hợp đồng với Viện Ngôn ngữ học triển khai thực hiện “Đề tài biên soạn từ điển song ngữ đối chiếu Việt - Mường, Mường - Việt”. Ngày 5/11/2020, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đã tổ chức Hội đồng đánh giá nghiệm thu và công nhận kết quả Đề tài. Việc biên soạn cuốn từ điển này thực sự là một công trình khoa học có giá trị, mang lại ý nghĩa thiết thực trong việc tra cứu sử dụng tiếng Mường và một lần nữa khẳng định bộ chữ Mường là chữ viết chính thức của dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình.

Ngày 11/10/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030”. Nội dung Nghị quyết nhằm thực hiện có hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên cơ sở kế thừa những tinh hoa văn hóa của các thế hệ trước, làm cho giá trị của các di sản văn hóa thấm sâu, lan tỏa trong đời sống xã hội, từ đó góp phần giáo dục lịch sử, truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc tỉnh Hòa Bình. Mở rộng giao lưu văn hóa để làm giàu thêm bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Hòa Bình trong bối cảnh hội nhập quốc tế; hướng đến xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng con người Hòa Bình phát triển toàn diện. Khai thác hiệu quả di sản văn hóa các dân tộc tỉnh Hòa Bình gắn với phát triển du lịch bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Xác định cán bộ văn hóa có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong việc tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách để lãnh đạo, triển khai sự nghiệp phát triển văn hóa, bảo đảm đúng định hướng, mục tiêu của Đảng, Nhà nước, trong những năm qua, tỉnh Hòa Bình luôn quan tâm tới công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa; tổ chức các lớp

cao đẳng, trung cấp quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật; tập huấn nâng cao nghiệp vụ; tạo điều kiện cho cán bộ theo học lớp cao học và đại học chuyên ngành, các lớp lý luận chính trị; con em các dân tộc trong tỉnh có năng khiếu đi học lớp đào tạo theo địa chỉ tại các trường nghệ thuật; cử cán bộ tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ văn hóa, văn nghệ do Trung ương tổ chức; mở lớp bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ cơ sở tại Trung tâm Bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố. Chi đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh xây dựng quy hoạch cán bộ quản lý ngành và kế hoạch phát triển giai đoạn 2010-2020; bổ sung, kiện toàn lực lượng lãnh đạo sở, các phòng chuyên môn, đào tạo nguồn cán bộ kế cận. Đến nay, tỉnh đã tiến hành xây dựng quy hoạch, đào tạo, sắp xếp và sử dụng đội ngũ cán bộ văn hóa, văn học, nghệ thuật đủ về số lượng, chất lượng từng bước được nâng lên, bảo đảm tính kế thừa, kế tiếp giữa các thế hệ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh ngày càng nâng cao nhận thức về việc xây dựng văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; đặc biệt là việc xây dựng con người phát triển toàn diện về nhân cách, đạo đức, lối sống, có trí tuệ, thể lực đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; đồng thời, gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích, danh thắng được các cấp, các ngành trong tỉnh quan tâm. Phong trào văn hóa, văn nghệ ở cơ sở phát triển mạnh, góp phần tích cực vào công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ truyền thống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được phát động rộng rãi, tác động vào ý thức tự giác, nêu cao vai trò làm chủ của nhân dân trong xây dựng gia đình, cơ quan, đơn vị văn hóa.

Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước được cải thiện; bản sắc, giá trị truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc trong tỉnh ngày càng được phát huy, góp phần xây dựng văn hóa, xã hội, con người thời kỳ mới tiến bộ, văn minh, phát triển bền vững.

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ trong những năm qua, tỉnh Hòa Bình rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội để tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân chủ động, tích cực trong việc triển khai thực hiện.

Hai là, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động kết hợp thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên; đồng thời,

nhân rộng những tấm gương điển hình, tiêu biểu về xây dựng đạo đức, lối sống, những hành động nghĩa cử cao đẹp, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống xã hội, nhằm nâng cao nhận thức và hành động cho mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển.

Ba là, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động văn hóa, quan tâm đầu tư xây dựng các công trình văn hóa thể thao phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân; động viên, khích lệ nhân dân tích cực tham gia xây dựng văn hóa, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Duy trì hiệu quả hoạt động các lớp truyền dạy văn hóa, văn nghệ truyền thống trong nhân dân.

Bốn là, quan tâm tới công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ, quản lý văn hóa. Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa, Hội Văn học nghệ thuật.

Năm là, coi trọng công tác kiểm tra, giám sát. Kịp thời đánh giá, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện; đánh giá nghiêm túc, khách quan những kết quả đạt được và hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại để rút ra bài học kinh nghiệm; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích cao, tạo động lực thúc đẩy nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa từ cơ sở.

Trong thời gian tới, để phát huy những thành tựu đã đạt được trong công tác văn hóa, văn nghệ, tỉnh Hòa Bình xác định tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp sau:

(1) Các cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

(2) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học, nghệ thuật phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân.

(3) Coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, nội dung quan trọng là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

(4) Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của công nghệ thông tin - truyền thông. Thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, từng bước hiện đại hóa về trang thiết bị và phương tiện hoạt động, tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ tốt nhu cầu và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

(5) Tăng cường công tác thanh tra văn hóa. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và công dân đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa.

(6) Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa.

(7) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa, xã hội của tỉnh.

(8) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 4 các khóa XI, XII, XIII.

(9) Chú trọng công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng và xây dựng nông thôn mới. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực về văn hóa của địa phương. Phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025: có 50% di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc và 50% di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã xếp hạng được quảng bá thu hút đầu tư, khai thác phục vụ phát triển du lịch. Đến năm 2030, có 70% di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc và 70% di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã xếp hạng được quảng bá thu hút đầu tư, khai thác phục vụ phát triển du lịch.

(10) Đầu tư kinh phí xây dựng và hoàn thiện các thiết chế, hoạt động văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm thực hiện thường xuyên, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương và nhu cầu hưởng thụ của người dân.

(11) Tăng cường xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa với sự gắn kết hài hòa giữa các lĩnh vực. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm các nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa nhằm huy động mọi nguồn lực để triển khai một cách đồng bộ. Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư cho văn hóa, thể thao và du lịch. Phấn đấu đến năm 2030, Hòa Bình có hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật đồng bộ, sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh, mang đậm bản sắc văn hóa của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Lựa chọn hỗ trợ bảo tồn 10 xóm, bản còn lưu giữ được nhà truyền thống của các dân tộc Mường, Thái, Tày, Dao, Mông tỉnh Hòa Bình gắn với phát triển du lịch cộng đồng vừa là động lực vừa là mục tiêu cho sự phát triển ngành kinh tế mũi nhọn du lịch, từng bước làm thay đổi cơ cấu kinh tế, mang lại lợi ích thiết thực, bền vững cho các địa phương. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút các hãng phim đầu tư khai thác cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa các dân tộc để xây dựng các trường quay tại tỉnh Hòa Bình.

BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA VÙNG ĐẤT TỔ, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH PHÚ THỌ

BÙI MINH CHÂU*

Phú Thọ là mảnh đất phát tích cội nguồn của dân tộc Việt Nam - nơi ghi dấu sự ra đời của nhà nước đầu tiên: Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. Qua chặng đường hàng nghìn năm phát triển, những giá trị lịch sử, văn hóa được giữ gìn, hình thành, bồi đắp nên nét phong phú, đa dạng và đặc trưng của văn hóa vùng Đất Tổ. Trong những năm qua, tỉnh Phú Thọ đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Đất Tổ, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển bền vững.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định nhiệm vụ cụ thể trong lĩnh vực văn hóa thời gian tới là: “Chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể phục vụ giáo dục truyền thống và gắn với phát triển du lịch bền vững”. Đây là định hướng quan trọng giúp tỉnh Phú Thọ tập trung mọi nguồn lực, thực hiện hiệu quả hơn nữa việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trên quê hương Đất Tổ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hiện nay, Phú Thọ còn lưu giữ rất nhiều di sản văn hóa, nhất là các di sản văn hóa gắn với thời đại Hùng Vương được gìn giữ và trao truyền qua nhiều thế hệ tiếp nối nhau. Phú Thọ hiện có 1.841 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được lưu giữ. Trong số đó có 318 di tích được Nhà nước xếp hạng; 345 di tích thờ Hùng Vương và các nhân vật thời Hùng Vương; 30 di tích liên quan đến Hát Xoan; 4 bảo vật quốc gia. Di tích lịch sử Đền Hùng được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa quốc gia đặc biệt; 3 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận là di sản văn hóa của nhân loại, gồm Hát Xoan Phú Thọ, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Di sản văn hóa phi vật thể Hát Ca Trù của người Việt (Phú Thọ là một trong 14 tỉnh được ghi danh).

Xác định bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của địa phương, những năm qua, tỉnh đã có những

* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ.

chủ trương, chính sách và biện pháp tích cực trong công tác quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống một cách bền vững; phê duyệt nhiều đề án, dự án, văn bản quan trọng làm cơ sở pháp lý triển khai thực hiện; ban hành chương trình hành động, chính sách phong tặng danh hiệu và vinh danh các nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú; đồng thời thực hiện việc kết nối di sản văn hóa với phát triển du lịch cộng đồng, góp phần quảng bá, giới thiệu và bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa vùng Đất Tổ.

Cùng với việc xây dựng, bảo vệ hồ sơ khoa học và được UNESCO ghi danh Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và Hát Xoan Phú Thọ là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, tỉnh cũng nỗ lực xây dựng và bảo vệ thành công 10 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể quốc gia gồm: Lễ hội Trò Trám, Lễ hội Đào Xá, Lễ hội Tín ngưỡng thờ Mẫu Âu Cơ, Lễ hội Đền Lãng Sơn, Nghi lễ cấp sắc của người Dao Quần Chẹt, Lễ hội Đền Tam Giang, Lễ hội Đền Chu Hưng, Lễ cấp sắc của người Dao Tiên, nghề làm nón lá Sai Nga và Tết nhảy của người Dao.

Tỉnh còn đặc biệt chú trọng công tác hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục; làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử các di sản văn hóa phục vụ giáo dục truyền thống và gắn với phát triển du lịch bền vững. Cụ thể là thông qua các hoạt động như: xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả mô hình “Trường học gắn với di sản văn hóa” với các hình thức phong phú như: tham quan di sản, dạy học tại thực địa, tình nguyện chăm sóc di sản, tham gia lễ hội, tổ chức các hội thi: “Em làm hướng dẫn viên” (giới thiệu về các di sản văn hóa của địa phương); thi nấu bánh chưng; giới thiệu các đặc sản vùng miền, thành lập Câu lạc bộ Hát Xoan... Các hoạt động này đã góp phần đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; giáo dục thế hệ trẻ đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”; thể hiện lòng tự hào về truyền thống quê hương, từ đó có ý thức trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của các di sản văn hóa trên quê hương Đất Tổ.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định phát triển du lịch là một trong bốn khâu đột phá phát triển kinh tế - xã hội. Sau 5 năm, tổng nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch tăng 8,8% so với mục tiêu. Giai đoạn 2016-2019, tỉnh đã thu hút bình quân hàng năm khoảng 6,5-7,5 triệu lượt khách đến tham quan du lịch và thực hành tín ngưỡng; doanh thu du lịch, dịch vụ tăng bình quân 12%, tăng 1,82 lần so với giai đoạn 2011-2015. Tỉnh đã thực hiện nhiều chương trình kết nối di sản văn hóa với du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh như: Chương trình Về miền lễ hội cộng đồng dân tộc Việt Nam; Chương trình liên kết phát triển du lịch 8 tỉnh Tây Bắc; Chương trình hợp tác phát triển tuyến du lịch tâm linh dọc sông Hồng 3 tỉnh Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ... Các chương trình gắn với khai thác giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh như: Đền Hùng, Miếu Lãi Lèn, Đền Mẫu Âu Cơ.

Nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa; công tác bảo tồn, phục dựng các lễ hội truyền thống, các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, hệ thống các thiết chế văn hóa được tỉnh hết sức chú trọng. Nhờ đó, Hát Xoan Phú Thọ đã được UNESCO đưa ra khỏi tình trạng di sản cần bảo vệ khẩn cấp và ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; các di sản văn hóa thời đại Hùng Vương, đặc biệt là Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương tiếp tục được bảo tồn, phát huy giá trị góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khẳng định các giá trị văn hóa lịch sử, tâm linh, gắn với thúc đẩy du lịch phát triển. Bên cạnh đó, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển sâu rộng trong toàn tỉnh; các thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng xã hội hóa được chú trọng đầu tư, nhiều công trình văn hóa, thể thao hoàn thành và đưa vào sử dụng đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Tỉnh cũng tích cực thực hiện xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ di sản nhằm khơi dậy những tiềm năng, thu hút sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước. Trong 10 năm qua, trên địa bàn tỉnh đã có gần 200 di tích được tu bổ, tôn tạo, phục dựng; tu bổ, phục hồi 20 di tích đình, đền, miếu - nơi có tục lệ Hát Xoan thờ thần vào dịp đầu Xuân, 55 di tích thờ Hùng Vương... Nhiều di tích tiêu biểu là không gian văn hóa để bảo tồn, phát huy giá trị di sản được đầu tư quy hoạch, tu bổ, phục hồi, trở thành những sản phẩm du lịch - văn hóa, tạo ra những điểm, tuyến du lịch thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, đóng góp vào phát triển du lịch và kinh tế - xã hội ở địa phương, tạo được việc làm cho cộng đồng, nâng cao đời sống của người dân nơi có di tích và lễ hội như: Di tích lịch sử quốc gia Đền Mẫu Âu Cơ (xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa), Đền Lãng Suong (xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy), Đình Hùng Lô (xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì), Đền Du Yển (xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba),...

Những kết quả đạt được trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch của tỉnh đã cho thấy sự đóng góp to lớn của các di sản trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, hiện nay, nhận thức về giá trị di sản văn hóa chưa thật sâu sắc và toàn diện, nguy cơ thất truyền, mai một của nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể, việc phát huy giá trị các lễ hội truyền thống còn nhiều hạn chế; việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. Nguồn kinh phí, phương tiện, nhân lực cần đầu tư, bố trí cho hoạt động bảo tồn, khai thác giá trị di sản còn gặp không ít khó khăn. Ở nhiều nơi, cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của di sản văn hóa trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, đôi khi xây dựng các dự án phát triển kinh tế mà chưa tính đến

những giải pháp hữu hiệu để bảo vệ di tích... Công tác xã hội hóa phát huy giá trị di sản còn thiếu những chính sách, chế tài cụ thể; việc tổ chức khai thác di tích nhiều nơi chưa được thực hiện một cách khoa học, đồng bộ. Công tác phối hợp của các cấp, các ngành chưa hiệu quả, chưa xử lý tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Bên cạnh đó, còn tồn tại những thách thức khác như sức ép của quá trình đô thị hóa, sự xuống cấp của di sản do thời gian, tác động của thời tiết khắc nghiệt, biến đổi khí hậu..., đó là những nguy cơ hiện hữu đối với di sản văn hóa.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định rõ về việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vùng Đất Tổ: "... Phát huy truyền thống đoàn kết, các giá trị lịch sử, văn hóa vùng Đất Tổ; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; xây dựng Phú Thọ là tỉnh phát triển hàng đầu vùng trung du và miền núi phía Bắc". Trên cơ sở đó, xác định một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2020-2025 là: Tăng cường quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thời đại Hùng Vương gắn với hai di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại là Hát Xoan Phú Thọ và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương; phục dựng các lễ hội truyền thống dân tộc, đặc biệt là các lễ hội gắn với Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương.

Tập trung xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với văn hóa vùng Đất Tổ; nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch; phát triển nhanh, bền vững du lịch cộng đồng; phát triển đa dạng, nâng cao chất lượng du lịch nghỉ dưỡng, du lịch lễ hội, du lịch làng nghề, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái gắn với lợi thế tài nguyên du lịch và các sản vật của các địa phương trên địa bàn tỉnh; gắn nông nghiệp, môi trường với du lịch, dịch vụ nhằm tạo việc làm, thu nhập cho người dân. Tập trung quy hoạch, xây dựng khu du lịch văn hóa, lịch sử quốc gia Đền Hùng, trọng tâm là xây dựng thành phố Việt Trì trở thành thành phố lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam theo Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Để việc bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử và các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phục vụ giáo dục truyền thống, gắn với phát triển du lịch bền vững đạt hiệu quả thiết thực, tỉnh Phú Thọ cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

(1) Tuyên truyền quán triệt, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan liên quan, đặc biệt là cộng đồng về vai trò của di sản văn hóa. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, trong đó chú trọng phân cấp thẩm quyền cho địa phương trong việc thực thi các biện pháp bảo vệ di sản. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về di sản văn hóa và Luật di sản văn hóa. Chú trọng tới đối tượng thanh, thiếu niên, triển khai có hiệu quả khẩu hiệu "Di sản nằm trong tay thế hệ trẻ" của UNESCO.

(2) Chú trọng công tác quản lý nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, đặc biệt trong việc thống kê, lập hồ sơ các di sản văn hóa; khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nghiên cứu, bảo quản, truyền dạy, giới thiệu di sản văn hóa, áp dụng các biện pháp cần thiết của chính quyền các cấp để bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, ngăn chặn nguy cơ làm mai một, sai lệch hoặc thất truyền.

(3) Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu quản lý văn hóa nói chung và bảo tồn di sản văn hóa nói riêng, đặc biệt chú trọng hoạt động truyền dạy, trao truyền di sản cho thế hệ trẻ. Trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực, song song với quá trình đào tạo các cán bộ chuyên môn bao gồm đội ngũ quản lý, đội ngũ nghiên cứu, các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, kỹ thuật viên, thợ nghề, nghệ nhân..., cần có kế hoạch tập huấn về chuyên môn, thái độ ứng xử đối với di sản, với khách tham quan cho cán bộ, nhân dân địa phương, các đối tượng tham gia khai thác du lịch, để thực sự tạo ra những hoạt động du lịch bền vững tại các khu di sản. Tôn vinh các nghệ nhân và coi họ là báu vật nhân văn sống, có chính sách trợ cấp đối với cả nghệ nhân đang nắm giữ, thực hành, truyền dạy di sản và người được truyền dạy. Bảo đảm các hoạt động truyền dạy, tạo điều kiện để việc truyền dạy di sản được tiến hành thường xuyên, đặc biệt là đối với người truyền dạy và người được truyền dạy; hỗ trợ hoạt động truyền dạy như: chính sách trợ cấp, cơ sở vật chất,...

(4) Tập trung đầu tư có trọng điểm cho hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi những di tích quan trọng - không gian văn hóa gắn với di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, di sản văn hóa quốc gia; nghiên cứu, lập hồ sơ, tư liệu hóa, phục hồi các di sản văn hóa phi vật thể quan trọng. Đặc biệt là nghiên cứu phục hồi các di sản văn hóa, lễ hội truyền thống gắn với Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, góp phần từng bước xây dựng thành phố Việt Trì trở thành thành phố lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam. Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành nhằm bảo đảm giữ gìn môi trường di sản (môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội), tạo sự ổn định, bền vững cho di sản văn hóa.

(5) Xây dựng, ban hành chính sách quản lý, sử dụng các nguồn tài chính xã hội hóa, đẩy mạnh các biện pháp huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để bảo tồn di sản văn hóa. Phát huy vai trò của cộng đồng, chủ thể di sản tham gia quá trình quản lý, thực hành và trao truyền di sản. Nhà nước chỉ tạo khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách để nhân dân đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ, giữ gìn, lưu truyền và phát huy giá trị di sản văn hóa. Xã hội hóa, cộng đồng hóa trong lĩnh vực này là xu hướng tất yếu và cần thiết, di sản cần được bảo tồn, phát huy trong mỗi gia đình, bản làng, trường học và toàn xã hội.

(6) Thường xuyên hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về di sản văn hóa, đấu tranh ngăn chặn vi phạm; tham mưu xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn di sản, khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đóng góp kinh phí để tu bổ di tích, hiến tặng hiện vật

cho bảo tàng nhà nước, tổ chức các hoạt động truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể. Để thực hiện những điều nêu trên, cần có sự ưu đãi đầu tư, hỗ trợ, giảm hoặc miễn thuế cho các hoạt động được thực hiện từ các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế.

(7) Giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, góp phần đưa du lịch thực sự trở thành một trong những phương tiện hàng đầu để trao đổi và quảng bá văn hóa, là động lực tích cực cho việc bảo vệ di sản văn hóa. Theo đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu, tăng tính hấp dẫn của di tích nhằm thu hút nhiều hơn nữa khách tham quan; tổ chức các hoạt động văn hóa tại di tích, hướng tới mục tiêu phục vụ phát triển du lịch bền vững là hết sức cần thiết. Phát huy vai trò của cộng đồng địa phương trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng tại khu vực di sản tham gia và được hưởng nguồn lợi kinh tế từ các hoạt động du lịch, đồng thời bảo đảm một phần thu nhập từ du lịch sẽ quay lại hỗ trợ cho cộng đồng địa phương trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

(8) Xây dựng các thiết chế liên quan đến bảo tồn di sản, đặc biệt là bảo tồn di tích và các di sản văn hóa phi vật thể, các không gian văn hóa có liên quan. Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng dịch vụ các khu du lịch, điểm du lịch gắn với hai di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại - Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và Hát Xoan Phú Thọ - như: Khu du lịch quốc gia Đền Hùng, Điểm du lịch Hùng Lô, Điểm du lịch Miếu Lãi Lèn...

(9) Tăng cường giao lưu, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm trong nước và quốc tế về quản lý di sản, nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu về bảo tồn di sản, các biện pháp bảo tồn di sản sống, bảo tồn gắn với cộng đồng dân cư bản địa và hài hòa với mục tiêu phát triển kinh tế.

Với những giá trị đặc trưng và độc đáo, các di sản văn hóa ở Phú Thọ đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia - dân tộc, trở thành di sản chung của nhân loại, đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa quốc gia và thế giới, tạo nên bức tranh chung về đa dạng văn hóa. Để đưa Phú Thọ trở thành tỉnh phát triển hàng đầu của vùng trung du và miền núi phía Bắc, tiếp tục góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, Phú Thọ cần khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, giá trị lịch sử, văn hóa vùng Đất Tổ. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, giữ gìn những tài sản vô giá đó để Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và Hát Xoan Phú Thọ, cũng như những sắc màu di sản văn hóa vùng Đất Tổ mãi trường tồn cùng đất nước là nhiệm vụ chung của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, của mỗi cá nhân trên địa bàn tỉnh, từ đó góp phần đưa Phú Thọ phát triển nhanh, bền vững, xứng đáng là mảnh đất địa linh nhân kiệt - cội nguồn dân tộc Việt Nam.

XÂY DỰNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI VĨNH PHÚC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TỈNH ỦY VĨNH PHÚC

Vĩnh Phúc là vùng đất cổ, nằm trọn trong vành đai cổ xứ Đoài - vùng chuyển tiếp địa hình miền núi, trung du Tây Bắc xuống miền đồng bằng châu thổ Bắc Bộ. Bởi đặc điểm đó, nên Vĩnh Phúc có đủ cả 3 vùng cảnh quan, sinh thái rõ rệt: miền núi, trung du và đồng bằng. Kiến tạo nên hình thế đó là danh sơn Tam Đảo cùng hai dòng chủ lưu sông Hồng và sông Lô. Núi Tam Đảo làm bình phong phía Bắc - Đông Bắc tỉnh, sông Hồng và sông Lô bao bọc trọn phía Nam - Tây Nam. Dãy núi Tam Đảo có thế sơn mạch hùng vĩ, vừa là một vùng thiên nhiên nguyên thủy phong phú, vừa là một vùng văn hóa, lịch sử độc đáo, đồng thời là tiềm năng du lịch to lớn của tỉnh, với khu du lịch Tam Đảo 1, Tam Đảo 2, khu di tích, danh thắng Tây Thiên...; các ngọn núi Đỉnh Sơn, Lịch Sơn, Sáng Sơn, Hình Nhân, Thanh Tước..., cùng những gò đồi nối tiếp xen lẫn với đầm Vạc, vực Xanh, đầm Dung..., tiếp nối dòng chảy của các con sông nội tỉnh: sông Đáy, sông Cà Lồ, sông Phan. Núi cao, sông dài, đầm hồ tự thủy, gò đồi thoải điểm xuyết bình nguyên, tất cả đã tạo nên một Vĩnh Phúc với cảnh trí “sơn thủy hữu tình” của vùng quê phía Tây Bắc trung tâm đồng bằng Bắc Bộ.

Vĩnh Phúc còn là nơi phát tích của người Việt cổ, thuộc địa bàn cư trú đầu tiên trong tiến trình văn minh người Việt cổ từ thời tiền - sơ sử, văn hóa Phùng Nguyên - giai đoạn mở đầu của nền văn minh nông nghiệp lúa nước, định cư nông nghiệp với các cộng đồng dân cư ổn định. Theo những kết quả nghiên cứu đã được khẳng định, tại 44 điểm di chỉ khảo cổ học trên đất Vĩnh Phúc cho thấy, từ cách đây khoảng 3.500 năm đến 2.700 năm, người Việt cổ đã tiến dần xuống khai phá vùng đất đồng bằng phù sa sông Hồng, trong đó có địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Với công cụ đá tinh xảo và công cụ đồng, họ đã định cư trên các gò đồi doi đất cao gần sông, ven hồ, đầm, dấu vết để lại là những khu cư trú, mộ táng nổi tiếng như Đôn Nhân ở huyện Lập Thạch; Nghĩa Lập, Lũng Hòa, Ma Cà ở huyện Vĩnh Tường; Đồng Đậu, Đỉnh Xá, Gò Gai ở huyện Yên Lạc; Gò Ngành ở huyện Bình Xuyên; Thành Dền ở huyện Mê Linh,... Những dấu tích đó có tính liên tục từ giai đoạn Phùng Nguyên đến các giai đoạn Đồng Đậu, Gò Mun và Đông Sơn, chuẩn bị cho sự hình thành nhà nước ở giai đoạn

tiền Hùng Vương, tiếp sau đó là sự ra đời của Nhà nước Văn Lang, các vua Hùng, mà Vĩnh Phúc nằm trong địa vực bộ gốc Văn Lang thuộc đó.

Với những tài liệu ghi chép trong sử sách, đất và người Vĩnh Phúc luôn có mặt trong dòng chảy lớn của lịch sử dân tộc từ thời Hùng Vương dựng nước đến các thời kỳ giữ nước về sau. Địa bàn Vĩnh Phúc liền kề đất đế đô từ kinh đô Văn Lang thời các vua Hùng, thành Cổ Loa thời An Dương Vương, kinh đô Thăng Long - Đông Đô (nay là Hà Nội), từ bao đời là một trong “Tứ trấn phen giậu” của kinh thành Thăng Long. Người Vĩnh Phúc luôn có mặt trong các giai đoạn hưng vong của lịch sử dân tộc. Vĩnh Phúc còn là miền đất đậm đặc giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của “vùng văn hóa giữa”. Thuộc vùng địa - văn hóa chuyển tiếp, văn hóa dân gian Vĩnh Phúc vừa đậm đà nét cổ sơ nguyên thủy của vùng văn hóa Hùng Vương, vừa có sắc thái văn hiến phức hợp của vùng văn hóa Kinh Bắc - Thăng Long. Hơn 1.000 làng cổ Vĩnh Phúc còn lưu giữ kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú về di tích lịch sử - văn hóa, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ, hò vè, trò diễn, điêu khắc - mỹ thuật, ẩm thực dân gian, văn hóa các dân tộc thiểu số: Dao, Cao Lan, Sán Dìu,... Đây cũng là vùng “đất trăm nghề” xứ Đoài xưa với những làng nghề có tiếng như: mộc Bích Chu - Thanh Lãng, rèn Lý Nhân, gốm Hương Canh - Định Trung - Hiến Lễ, rắn Vĩnh Sơn, làng công thương kẻ Giang, kẻ Gốm,...

Hiện nay, toàn tỉnh có 1.306 di tích - danh thắng, tiêu biểu có danh sơn Tam Đảo - “Linh khí núi sông đất Việt”, Tây Thiên - “Cõi trời Tây đệ nhất danh lam”. Di chỉ Đồng Đậu - “Chu Khẩu Điểm của Việt Nam”, nơi phát tích của người Việt cổ. Tháp Bình Sơn, đình Hương Canh, đình Thổ Tang, đền đá Phú Đa, những công trình kiến trúc - mỹ thuật dân gian đặc sắc, rất tiêu biểu cho giá trị kiến trúc, mỹ thuật thời Lý - Trần và thời Lê (Hậu Lê) ở khu vực Tây Bắc xứ Đoài cổ còn được bảo tồn khá nguyên vẹn đến nay. Đặc biệt, Vĩnh Phúc còn là vùng đất đậm đà tín ngưỡng thờ Mẫu nguyên thủy. Những giá trị lịch sử, văn hóa kể trên là tiềm năng to lớn, cơ sở truyền thống, giá trị tài nguyên nhân văn vô cùng phong phú để phát triển sự nghiệp Văn hóa Vĩnh Phúc thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong hơn 20 năm tái lập tỉnh, đặc biệt giai đoạn 2015-2020, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, đề án, kế hoạch của Trung ương về phát triển văn hóa, giáo dục, du lịch - dịch vụ; trong đó có những chương trình hành động để triển khai thực hiện các Nghị quyết lớn của Đảng như: Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 25/8/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước””; Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 31/8/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”,...

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định rõ: “Phát triển văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững. Xây dựng và phát triển văn hóa gắn với xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Xây dựng môi trường văn hóa văn minh, lành mạnh”; sau đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 tiếp tục khẳng định: “Xây dựng, phát huy các giá trị văn hóa, để văn hóa thực sự trở thành nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”, cùng với đó là nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với việc thực hiện tốt Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 18/10/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, tổ chức các ngày lễ, kỷ niệm, không uống rượu, bia trong ngày làm việc và không hút thuốc lá nơi công sở”; Chỉ thị số 05-CT/TW và tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định số 101-QĐ/TW ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư (khóa XI); Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về “Một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”; Quy định số 05-QĐ/TU ngày 20/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII).

Đến nay, việc quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Chương trình hành động số 74-CTr/TU, cụ thể hóa các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, XVII và nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng con người Vĩnh Phúc phát triển toàn diện, có đầy đủ phẩm chất, nhân cách của con người Việt Nam đã được các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở thực hiện nghiêm túc, bước đầu tạo được sự chuyển biến tích cực. Các cấp ủy đảng, chính quyền đã chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo, nêu cao vai trò, trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo trên lĩnh vực văn hóa. Việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động được đẩy mạnh thực hiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng. Việc xây dựng gia đình, họ tộc, thôn, bản, cơ quan, trường học văn hóa đã có tác động tích cực đến đời sống văn hóa ở cơ sở, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước trên tất cả các lĩnh vực xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Môi trường văn hóa từng bước được cải thiện, các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Các hủ tục lạc hậu gây ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được hạn chế và xóa bỏ. Văn hóa trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo được khuyến khích, nhất là trong công tác từ thiện, nhân đạo.

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, mỹ thuật, biểu diễn, triển lãm, văn nghệ quần chúng ở cơ sở diễn ra sôi nổi, thiết thực, thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân tham gia. Hoạt động của hệ thống thư viện, phòng đọc từ cơ sở đến tỉnh đã cơ bản đáp ứng nhu cầu đọc của các tầng lớp nhân dân. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn tỉnh được quan tâm chỉ đạo và đạt được những kết quả bước đầu, nhất là phục vụ công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa và phát triển kinh tế du lịch; nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, lịch sử có giá trị đã phát huy tác dụng trong đời sống xã hội. Văn hóa đặc trưng của các đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được khôi phục, bảo tồn và phát triển.

Hoạt động hội nhập, hợp tác quốc tế về văn hóa được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, các hoạt động giao lưu, hợp tác trên lĩnh vực văn hóa, du lịch với một số nước trong khu vực và trên thế giới được tăng cường. Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật được củng cố, kiện toàn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa tại địa phương. Công tác kiểm tra, giám sát luôn được cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai sâu rộng; hằng năm, các cấp ủy đảng xây dựng kế hoạch và tổ chức quán triệt nội dung các chuyên đề, tỷ lệ đảng viên tham gia học tập đạt 95,5%.

Thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, đề án về phát triển văn hóa như: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020; Quy hoạch phát triển giáo dục, đào tạo Vĩnh Phúc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030,...

Bên cạnh đó, tỉnh đã thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng theo hướng hiệu quả, chủ động bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, tăng cường phối hợp với các tổ chức quản lý tập thể về quyền tác giả và quyền liên quan. Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa. Công tác tu bổ, tôn tạo di tích, di sản, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa cũng được Vĩnh Phúc quan tâm chỉ đạo. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 71/2019/NQ-HĐND ngày 23/10/2019 quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư, tu bổ hệ thống di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2025; Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 về chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư thiết bị thể dục, thể thao ngoài trời cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao của các xã, phường, thị trấn và khu thể thao ở các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025.

Nhằm khai thác, phát huy tối đa hiệu quả của các thiết chế văn hóa hiện có, tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, nhằm tạo điều kiện để người dân được tham gia và chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống. Tần suất người dân tham gia các hoạt động tại nhà văn hóa thôn là 70-80%, trung tâm văn hóa xã là 60-70%.

Đối với các thiết chế văn hóa cấp tỉnh (Bảo tàng, Văn miếu, Nhà hát), Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các kế hoạch cụ thể nhằm khai thác và phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân; chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các đơn vị lữ hành du lịch, trường học trên địa bàn tỉnh tổ chức các hoạt động tham quan, giáo dục truyền thống, trải nghiệm ngoại khóa tại Bảo tàng và Văn miếu tỉnh. Hằng năm, Nhà hát tỉnh tổ chức 15-20 sự kiện chính trị, văn hóa, nghệ thuật lớn của tỉnh và Trung ương đăng cai tổ chức, góp phần tuyên truyền, quảng bá hình ảnh một tỉnh Vĩnh Phúc năng động, phát triển tới bạn bè trong, ngoài tỉnh cũng như khách quốc tế.

Trong giai đoạn 2014-2019, Vĩnh Phúc đã chi 1.795,7 tỷ đồng để đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, chiếm bình quân 7,99% tổng chi vốn đầu tư phát triển cấp tỉnh, trong đó: chi đầu tư cho các công trình trọng điểm với tổng vốn là 1.254 tỷ đồng; chi đầu tư xây dựng các công trình thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch gần 304 tỷ đồng; chi đầu tư thực hiện Nghị quyết số 75/2012/NQ-HĐND ngày 21/12/2012 và Nghị quyết số 115/2013/NQ-HĐND ngày 20/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh để phát triển thể dục, thể thao quần chúng và đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao tại các xã, phường, thị trấn là 207 tỷ đồng.

Trên địa bàn toàn tỉnh có 29 dự án mới đăng ký vốn đầu tư trực tiếp trong nước (DDI) và 4 dự án đăng ký bổ sung vốn DDI cho lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch với tổng vốn đăng ký là 18.989 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là đầu tư xây dựng các khu nghỉ dưỡng, khách sạn và khu dịch vụ phát triển du lịch tập trung tại các điểm du lịch trọng điểm của tỉnh như huyện Tam Đảo, khu vực Đại Lải (thành phố Phúc Yên). Ngoài ra, còn một lượng lớn nguồn vốn xã hội hóa, đóng góp từ nhân dân chủ yếu để xây dựng, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa mang yếu tố tín ngưỡng tâm linh như đền, chùa,... Bên cạnh đó, Vĩnh Phúc có lực lượng cán bộ làm công tác văn hóa khá đông đảo, có kinh nghiệm nhất định trong lĩnh vực nghiên cứu, bảo tồn di sản văn hóa, xây dựng và phát triển phong trào văn hóa cơ sở, phát triển văn hóa vùng đồng bào miền núi, dân tộc thiểu số...; đồng thời, có nhiều nhà giáo, nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ tham gia sáng tác văn học nghệ thuật. Hội Văn học nghệ thuật tỉnh với 193 hội viên, hoạt động trong các chuyên ngành như: văn xuôi, thơ, âm nhạc, sân khấu, nghiên cứu lý luận phê bình, văn nghệ dân gian, mỹ thuật, nhiếp ảnh..., nhiều hội viên là thành viên của các hội chuyên ngành Trung ương và đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy, đào tạo các môn mỹ thuật, âm nhạc tại Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc quan tâm phát triển văn hóa ở một số địa phương, đơn vị có lúc, có nơi còn chưa được đúng mức; một số cấp ủy, chính quyền cơ sở, cơ quan, đơn vị chưa thực sự coi trọng đầu tư cho lĩnh vực văn hóa và xây dựng phát triển văn hóa tinh thần gắn với xây dựng con người mới. Việc tập trung nguồn vốn đầu tư để bảo vệ và phát huy di sản văn hóa, di tích văn hóa, di tích lịch sử cách mạng, kinh phí phục vụ cho công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, trò chơi dân gian còn hạn chế. Công tác giải phóng mặt bằng để dành quỹ đất xây dựng thiết chế văn hóa ở một số địa phương còn chậm. Việc sử dụng các thiết chế văn hóa có nơi còn chưa hiệu quả. Công tác xã hội hóa cho đầu tư phát triển văn hóa còn bất cập, thị trường văn hóa quy mô còn nhỏ, lẻ, chưa phát triển. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có nơi, có lúc còn mang tính hình thức. Lĩnh vực văn học nghệ thuật của tỉnh chưa có nhiều tác phẩm, đặc biệt là tác phẩm lớn phản ánh thực tiễn cuộc sống...

Trên cơ sở đánh giá kết quả đã đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế, tỉnh Vĩnh Phúc đặt ra mục tiêu trong thời gian tới là tập trung xây dựng văn hóa con người Vĩnh Phúc trong thời kỳ mới có nhân cách, có lối sống tốt đẹp với các phẩm chất cơ bản sau: “Nhân nghĩa, Trí tuệ, Khát vọng, Sáng tạo, Đổi mới”. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của sự nghiệp phát triển văn hóa, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh, trong đó tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Một là, đổi mới tư duy lãnh đạo, nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, cơ quan quản lý nhà nước và toàn xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa trong đổi mới và phát triển bền vững; phát triển văn hóa phải được chú trọng tương xứng, hài hòa với phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về phát triển văn hóa, phát triển con người, trọng tâm là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII,...

Hai là, đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật phát triển đúng định hướng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác với mục đích đúng đắn; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế hiện nay; cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa, ban hành các văn bản phù hợp với điều kiện và thực tiễn của địa phương. Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa.

Ba là, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa, văn học, nghệ thuật, quản lý di sản,... Từng bước kiện toàn bộ máy quản lý văn hóa từ tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa có tâm huyết, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo quản lý văn hóa đúng thực chất; xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường đầu tư nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người tại địa phương. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước và có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên bảo tồn văn hóa truyền thống, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Bốn là, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, chú trọng các lễ hội truyền thống tiêu biểu trên địa bàn tỉnh; tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, gắn các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch. Quảng bá các giá trị lịch sử, văn hóa của tỉnh đến với du khách trong nước và quốc tế.

Năm là, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, đẩy mạnh triển khai chiến lược văn hóa đối ngoại và ngoại giao văn hóa. Lồng ghép các chương trình xúc tiến đầu tư với chiến lược quảng bá, giới thiệu các giá trị lịch sử, văn hóa của vùng đất - con người Vĩnh Phúc. Chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế, đẩy mạnh việc triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tinh thần khởi nghiệp, kinh doanh đúng pháp luật, có trách nhiệm cho cộng đồng và xã hội.

Sáu là, xây dựng con người Vĩnh Phúc phát triển toàn diện, xây dựng nếp sống văn hóa và môi trường văn hóa lành mạnh; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Gắn kết chặt chẽ những hoạt động xây dựng đời sống văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với từng khu vực, từng vùng, từng dân tộc, từng tôn giáo.

Bảy là, đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa và phát triển con người. Nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" từ tỉnh đến cơ sở. Duy trì hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, thể dục thể thao; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thiết thực, thu hút đông đảo người dân tham gia. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng Gia đình văn hóa, Thôn văn hóa, Tổ dân phố văn hóa; nếp sống văn hóa công sở, đơn vị, cộng đồng dân cư và nơi công cộng.

Tám là, tiếp tục triển khai thực hiện và tạo sự chuyển biến tích cực hơn nữa trong thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, mừng thọ và

kỷ niệm các ngày truyền thống theo tinh thần Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 18/2/1998 và Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 18/10/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các phong trào thi đua yêu nước khác.

Chín là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Chương trình hành động số 74-CTr/TU và Chỉ thị số 11-CT/TU đối với các tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức. Biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình thực hiện tốt Nghị quyết và Chỉ thị của Đảng về văn hóa, tạo sức lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, cần nhắc nhở, phê bình những tập thể, cá nhân không thực hiện nghiêm, vi phạm các Nghị quyết, Chỉ thị và các Chương trình hành động của tỉnh.

Chúng tôi hy vọng rằng, với nỗ lực và quyết tâm chính trị cao, cùng với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần này sẽ là điểm mốc quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của văn hóa nước nhà, với kỳ vọng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, mang bản sắc dân tộc, góp phần đưa đất nước phát triển mạnh mẽ và bền vững với trí tuệ, bản lĩnh và bản sắc Việt Nam trong cuộc hội nhập toàn cầu nhiều cơ hội và thách thức. Văn hóa Vĩnh Phúc luôn đồng hành cùng dòng chảy văn hóa dân tộc, phát triển văn hóa luôn được coi là mục tiêu, động lực để xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc giàu mạnh, phồn vinh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc cho nhân dân.

**BẮC GIANG TỔNG KẾT THỰC TIỄN, NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN
“CÁC QUAN NIỆM XÃ HỘI HIỆN NAY VỀ CHÂN, THIỆN, MỸ,
ĐỨC VÀ TÀI”, GÓP PHẦN THỰC HIỆN HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT
SỐ 33-NQ/TW NGÀY 9/6/2014 CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG KHÓA XI VỀ “XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC”**

TỈNH ỦY BẮC GIANG

1. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW

Bắc Giang là tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, nằm trong hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, là nơi giao thoa của nhiều miền văn hóa; điều kiện địa lý, địa hình và sự cộng cư của nhiều thành phần dân tộc đã tạo nên một Bắc Giang đa sắc màu văn hóa. Cùng với nền văn hóa đa dạng, lâu đời và truyền thống dựng nước, giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc, con người Bắc Giang luôn anh dũng, kiên cường trong đánh giặc giữ nước; đoàn kết, nhân nghĩa, tương thân tương ái; hiếu học, cần cù, chịu khó, sáng tạo trong lao động và trong cuộc sống;... Tổng hòa các yếu tố đó tạo cho vùng đất Bắc Giang nhiều điều kiện để phát triển toàn diện cả kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trong suốt quá trình lãnh đạo xây dựng và phát triển tỉnh, Tỉnh ủy Bắc Giang luôn tập trung cao, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương. Đồng thời, luôn quan tâm, chú trọng công tác tổng kết thực tiễn việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa; đồng thời nghiên cứu, đúc rút lý luận để bổ sung những luận cứ khoa học, kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo trong thời gian tiếp theo. Một trong những lĩnh vực đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết thực tiễn để đúc rút kinh nghiệm, đó là việc làm rõ “Quan niệm hiện nay về Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài” để từ đó cung cấp những luận cứ khoa học, khuyến nghị các giải pháp thúc đẩy phát triển các giá trị

tích cực, ngăn chặn xu thế tiêu cực trong đời sống xã hội, góp phần đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc.

Việc tổng kết thực tiễn quan niệm hiện nay về Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài ngay sau khi sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” có ý nghĩa hết sức quan trọng, đáp ứng yêu cầu thực trạng đòi hỏi phát triển văn hóa, con người Bắc Giang giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới; đồng thời phù hợp với tinh thần bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng năm 2021, trong đó nhấn mạnh: “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”.

Xác định xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam toàn diện có ý nghĩa quan trọng, quyết định trong phát triển xã hội; trong những năm qua, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết kịp thời, hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển văn hóa, con người Việt Nam; đồng thời cụ thể hóa chủ trương phát triển văn hóa trong các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020 xác định “Xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng con người Bắc Giang phát triển toàn diện. Gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa...”; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 cũng xác định rõ “Phát triển địa phương dựa trên nền tảng, động lực cơ bản: Tri thức và văn hóa tinh thần”. Các chủ trương, chính sách về phát triển văn hóa cũng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa trong các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh như: Chương trình hành động số 75-CTr/TU ngày 20/5/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 8/8/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 17/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 90-KL/TW ngày 4/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

đất nước”; Nghị quyết số 114-NQ/TU ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Tăng cường công tác tư tưởng ở Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020”; Nghị quyết số 137-NQ/TU ngày 1/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp tỉnh Bắc Giang đến năm 2025 và những năm tiếp theo”;...

Kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết, chi thị về văn hóa, con người luôn gắn với các mục tiêu xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; từng bước hình thành những giá trị mới của con người Bắc Giang với những phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm,... Những kết quả đạt được góp phần quan trọng tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, cụ thể như:

Trong phát triển kinh tế, người Bắc Giang luôn đoàn kết, cần cù, sáng tạo, hợp tác thúc đẩy kinh tế phát triển. Mỗi cấp ủy đảng, chính quyền luôn đoàn kết, thống nhất đề ra nhiều chủ trương, cơ chế linh hoạt cải thiện môi trường thu hút đầu tư; các chương trình mục tiêu, giải pháp đồng bộ, kịp thời. Mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi ngày càng nhiều, đã khai thác, phát huy hiệu quả lợi thế, tiềm năng ở mỗi địa phương, mỗi ngành nghề. Đến nay, Bắc Giang đã trở thành tỉnh có mức thu nhập bình quân đầu người nằm trong nhóm đầu các tỉnh khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Xây dựng văn hóa trong kinh tế được chú trọng, tạo lập môi trường văn hóa pháp lý minh bạch, sản phẩm văn hóa tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Nhiều sản phẩm, thương hiệu hàng hóa của tỉnh được xác lập, khẳng định được uy tín, sức sáng tạo, văn hóa con người Bắc Giang.

Trong xây dựng môi trường văn hóa, con người Bắc Giang thể hiện rất rõ tinh thần yêu cái đẹp và luôn có ý thức xây dựng cái đẹp. Ở mỗi cấp, mỗi ngành, địa phương, cộng đồng làng, xã đều chú trọng xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, làng bản, gia đình văn hóa. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu; chất lượng các danh hiệu văn hóa ngày càng thực chất. Hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở cơ bản đáp ứng được yêu cầu; phong trào thể dục thể thao phát triển sâu rộng; hệ thống truyền thanh cơ sở đã phủ khắp 100% thôn, bản, tổ dân phố, thường xuyên truyền tải những tư tưởng, giá trị tốt đẹp,... qua đó góp phần xây dựng, bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách tốt đẹp cho các thế hệ người Bắc Giang.

Trong hoạt động từ thiện nhân đạo, người Bắc Giang xưa và nay đều thể hiện rõ tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, thủy chung, giàu đức hy sinh, chia sẻ, giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, hoạn nạn để vươn lên xây dựng cuộc sống tốt đẹp. Những chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công; các cuộc vận động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Tết vì người nghèo”, “Hũ gạo tiết kiệm”,... đã thể hiện sâu sắc tinh thần ấy. Ở các địa phương, ngày càng nhiều

gia đình tự nguyện đóng góp sức người, sức của, hiến đất làm đường giao thông, xây dựng nông thôn mới. Cán bộ, đảng viên và người dân Bắc Giang luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng, tự nguyện tham gia các chương trình vì mục đích thiện nguyện, giúp đỡ đồng bào các vùng gặp thiên tai, bão lụt, dịch bệnh. Đặc biệt, trong đợt dịch COVID-19 lần thứ tư bùng phát trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và cả nước, tinh thần tương thân tương ái, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân Bắc Giang được thể hiện mạnh mẽ và rõ nét. Nhân dân sẵn sàng đóng góp vật chất và tinh thần để hỗ trợ các địa phương vùng dịch trong tỉnh, đồng thời, ngay khi kiểm soát được tình hình dịch COVID-19 trong tỉnh, nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tích cực đóng góp vật chất để ủng hộ các tỉnh bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Người dân Bắc Giang cũng sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ nhau về vốn, kinh nghiệm trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng ở địa phương.

Trong công tác cán bộ, các cấp ủy thực hiện nghiêm yêu cầu về tiêu chuẩn cán bộ ở từng chức danh khi bổ nhiệm, bảo đảm phát huy hiệu quả yếu tố Đức và Tài của người cán bộ trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp được tôi luyện trong thực tiễn công tác, luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, phát huy tốt phẩm chất đạo đức cách mạng trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Trong công tác quốc phòng, an ninh, người Bắc Giang tiếp nối truyền thống yêu nước, anh hùng, dũng cảm, những giá trị tốt đẹp của các thế hệ ông cha trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; xây dựng thế trận lòng dân vững chắc, thể hiện rõ sự thủy chung, tin tưởng, gắn bó máu thịt giữa quân với dân. Các lực lượng quân đội, công an tích cực, chủ động, sáng tạo trong đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, hoạt động chống phá, tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch, đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền và vai trò của lực lượng vũ trang tỉnh.

Trong phát triển văn học, nghệ thuật, những giá trị cốt lõi Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài kết tinh trong tâm hồn các thế hệ người Bắc Giang một cách sâu sắc, sinh động trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật, các loại hình diễn xướng, các giá trị di sản được lưu giữ, giáo dục truyền dạy từ thế hệ này đến thế hệ khác. Hoạt động sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật ngày càng sôi nổi, có nhiều tác phẩm hay, giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, khắc họa sâu sắc hình tượng con người Bắc Giang với những phẩm chất nổi bật. Các hoạt động văn học, nghệ thuật, bảo tồn, bảo tàng đã truyền tải những giá trị truyền thống tốt đẹp, sinh động, nhân văn cho thế hệ sau; đồng thời, hình thành những giá trị tâm hồn cao đẹp và ý chí, khát vọng vươn lên của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh, ngày càng hoàn thiện giá trị Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài.

Trong hội nhập, con người Bắc Giang luôn năng động, cởi mở, chân thành. Đó là đức tính quý báu được lưu truyền, phát triển từ đời này sang đời khác, nhất là trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Tinh úy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có nhiều chủ trương; chính quyền ban hành nhiều chính sách nhằm mở rộng hợp tác vùng, trong nước và quốc tế một cách toàn diện trên các lĩnh vực cải cách hành chính, phát triển kinh tế, du lịch, văn hóa, an ninh, quốc phòng... Qua đó, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, bền vững; từng bước tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, thúc đẩy giao lưu giữa các miền văn hóa, làm giàu kho tàng văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Giang.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc tiếp nối, củng cố, hình thành và phát triển giá trị cốt lõi Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài của người Bắc Giang vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp có lúc chưa thực sự đồng bộ, hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội; giữa ưu tiên phát triển kinh tế với phát triển con người và môi trường sống. Việc tuyên truyền, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng con người có nơi chưa thường xuyên; một số cấp ủy chưa chú trọng đặt con người vào trung tâm của sự phát triển, chưa thấm nhuần tư tưởng “cán bộ là gốc của mọi công việc”. Chất lượng giáo dục, đào tạo còn có bất cập về cơ chế, đội ngũ, cơ cấu bộ môn, về mục tiêu học đi đôi với hành. Hệ thống thiết chế văn hóa chưa đồng bộ, nhiều nơi mới tập trung xây dựng thiết chế văn hóa phục vụ sinh hoạt, chưa chú trọng đến mục tiêu giáo dục truyền thống. Việc mở rộng giao lưu hợp tác về văn hóa chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Chưa có nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật hay, giá trị nhân văn sâu sắc. Chất lượng đội ngũ cán bộ một số nơi không đồng đều; vẫn còn một bộ phận cán bộ có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, nặng về lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, làm lệch lạc đạo đức xã hội,...

Có thể khẳng định, trong suốt quá trình lịch sử văn hóa và cách mạng, việc hình thành, xây dựng các giá trị Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài ở tỉnh Bắc Giang đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, làm phong phú đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội; đã rèn luyện, hun đúc, kết tinh, bổ sung hoàn thiện những phẩm chất tốt đẹp trong con người Bắc Giang.

2. Bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW

Qua tổng kết thực tiễn “Các quan niệm xã hội hiện nay về Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài” trên địa bàn tỉnh, có thể rút ra một số kinh nghiệm như sau:

Một là, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng con người Bắc Giang văn minh, tiến bộ, có bản lĩnh, mạnh dạn đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có tác phong công nghiệp, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật..., mỗi cấp ủy đảng, chính quyền phải luôn nắm vững, vận dụng sáng tạo nghị quyết của Đảng về xây dựng, phát triển con người Việt Nam toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xác định rõ nhân tố con người giữ vai trò quan trọng, quyết định đến thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh đề ra.

Hai là, coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên trong xây dựng con người Bắc Giang văn minh, tiến bộ, theo phương châm “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự là tấm gương tiêu biểu, tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, kiên quyết, kiên trì, quyết tâm đấu tranh, ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Ba là, tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa, ưu tiên nguồn lực cho phát triển văn hóa, con người. Lấy xây dựng nền tảng, môi trường, giá trị văn hóa tốt đẹp là cơ sở; xây dựng con người mới, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, tiến bộ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân là trọng tâm, nhằm hướng tới các giá trị cốt lõi Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài; phát huy hiệu quả vai trò to lớn của văn học, nghệ thuật, phục vụ đắc lực nhiệm vụ chính trị. Kiên quyết xử lý nghiêm các hoạt động, hành vi tiêu cực, sai trái trong hoạt động văn hóa, văn nghệ.

Bốn là, phát huy vai trò quan trọng của các cơ quan thông tin tuyên truyền, các loại hình văn học, nghệ thuật, văn hóa dân gian truyền thống trong xây dựng, truyền tải, vun đắp tâm hồn, tính cách con người hướng đến giá trị Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài. Quan tâm quy hoạch tổng thể việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của quê hương, đất nước; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, văn nghệ ở các cấp hiệu quả.

Năm là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Phát huy sức mạnh toàn dân, mở rộng xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội bằng cơ chế, chính sách, công việc cụ thể, có ích, phục vụ nhân dân, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, đời sống văn hóa phát triển, góp phần xây dựng con người mới có đầy đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở mỗi địa phương.

Sáu là, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện và nâng cao chất lượng sơ kết, tổng kết nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển văn hóa, con người. Trên cơ sở đó, rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra nhiệm vụ và giải pháp thực hiện hiệu quả, thực chất trong thời gian tiếp theo.

3. Giải pháp xây dựng, phát triển văn hóa, con người Bắc Giang theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW trong thời gian tới

Trên cơ sở những kết quả đạt được, những bài học kinh nghiệm rút ra thông qua tổng kết thực tiễn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã xác định những vấn đề có tính lý luận, các giải pháp có tính căn cơ để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo nhằm thúc đẩy phát triển những giá trị tích cực, ngăn chặn những xu thế tiêu cực trong đời sống xã hội ở tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới. Cụ thể:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước đối với việc phát triển văn hóa, con người Bắc Giang. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ nâng cao nhận thức về xây dựng con người Bắc Giang hướng tới các giá trị Chân,

Thiện, Mỹ, Đức và Tài, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh. Văn hóa, con người Bắc Giang phải trở thành một nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển. Tích cực tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam phù hợp với đặc điểm, tình hình của tỉnh; rà soát, ban hành các chủ trương, cơ chế phát triển văn hóa, con người Bắc Giang văn minh, toàn diện, có đầy đủ phẩm chất, năng lực thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Chú trọng tổ chức sinh hoạt chính trị, xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và cả hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Thường xuyên phát động, tổ chức rộng rãi các phong trào thi đua yêu nước, kịp thời phát hiện, xây dựng, nhân rộng điển hình tiêu biểu. Lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế làm cơ sở, tiền đề vật chất để xây dựng, phát triển các công trình, thiết chế văn hóa, điều kiện phục vụ cho phát triển văn hóa, đầu tư cho con người; bảo đảm được nguồn lực để bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ở các cấp, các địa phương. Xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế đặt trong mối quan hệ hài hòa, thống nhất, thúc đẩy nhau cùng phát triển; tạo điều kiện thuận lợi để giới thiệu, quảng bá, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Thứ hai, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; chú trọng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 8/8/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Đẩy mạnh giáo dục, bồi dưỡng đạo đức, lối sống có văn hóa trong nhà trường, cơ sở giáo dục; xây dựng mỗi trường học thực sự là một trung tâm văn hóa, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách và giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ; gắn giáo dục tri thức với giáo dục thể chất, kỹ năng sống; đề cao vai trò nêu gương về nhân cách của người thầy giáo. Tổ chức đa dạng, thiết thực, hiệu quả các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, văn hóa, văn nghệ, thể thao, giáo dục ngoài giờ lên lớp, tạo sân chơi bổ ích, giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên. Đổi mới công tác quản lý trong giáo dục; xây dựng và thực hiện nghiêm túc bộ quy tắc ứng xử trong trường học; tăng cường kỷ cương, nề nếp trường, lớp học. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục học sinh, sinh viên.

Thứ ba, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Nâng cao chất lượng các danh hiệu văn hóa hằng năm, nhất là đối với các cơ quan, thôn, bản, tổ dân phố văn hóa.

Xây dựng các quy định, quy ước, hương ước hướng tới những chuẩn mực, giá trị nhân văn, gắn kết cộng đồng và mục tiêu xây dựng văn hóa, con người có trách nhiệm công dân cao. Đề cao những nghĩa cử cao đẹp của công dân trong đời sống xã hội; xây dựng văn hóa gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Tăng cường phối hợp trong giáo dục truyền thống gia đình nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống; tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc đi liền với chống, xóa bỏ phong tục, tập quán, lề thói cũ, lạc hậu, lỗi thời.

Chú trọng xây dựng văn hóa trong tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, làm cơ sở quan trọng xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phục vụ nhân dân; có ý thức tập thể, đoàn kết, tự giác, kỷ luật cao và tinh thần thượng tôn pháp luật; kiên quyết chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thái độ cửa quyền, hách dịch, thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, vướng mắc của người dân.

Tăng cường đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ, gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; thường xuyên tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm nâng cao giá trị sinh hoạt cộng đồng và giáo dục truyền thống văn hóa phù hợp ở các cấp, các địa phương, nâng cao đời sống tinh thần và thể chất của nhân dân. Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội. Xây dựng và phát huy lối sống “mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường, kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội gắn với đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Tôn trọng, phát huy các giá trị tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; thực hiện tốt các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”.

Mở rộng giao lưu, hợp tác về văn hóa để quảng bá văn hóa đặc sắc, phong phú, giàu chất nhân văn, các giá trị truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang với bạn bè trong vùng, trong nước và quốc tế. Chọn lọc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa, năng lực, kinh nghiệm sống của nhân loại để bổ sung, hoàn thiện nền tảng văn hóa và năng lực, phẩm chất con người Bắc Giang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thứ tư, đẩy mạnh phát triển văn học, nghệ thuật tương xứng với tiềm năng; phát huy hiệu quả vai trò, chức năng của văn học, nghệ thuật trong việc giáo dục, hình thành phẩm chất, tâm hồn, những giá trị Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài của con người Bắc Giang trong thời đại mới. Đẩy mạnh sáng tác văn học, nghệ thuật để có nhiều tác phẩm hay, giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao phản ánh chân thực, sinh động, sâu sắc về đất nước, con người Bắc Giang; truyền tải sâu sắc những quan điểm; bồi dưỡng, vun đắp những nhân cách, lẽ sống, lý tưởng sống chân chính, cao đẹp cho nhân dân;

kiên quyết đấu tranh loại bỏ những tác phẩm có tư tưởng độc hại, tác động tiêu cực đến lý trí, tình cảm, tâm hồn người đọc. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, nhất là nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nghệ nhân dân gian, những người có công trong việc bảo tồn, phát triển các di sản văn hóa truyền thống. Thường xuyên tôn vinh các tác giả có nhiều đóng góp và tác phẩm xuất sắc nhằm thu hút, khuyến khích văn nghệ sĩ, quần chúng nhân dân đào sâu suy nghĩ, khơi nguồn cảm hứng, đúc rút các triết lý, nâng cao chức năng dự báo thông qua tác phẩm văn học, nghệ thuật.

Thứ năm, không ngừng đổi mới công tác cán bộ. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Mà trước hết là đẩy mạnh quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quy định, quy chế của Trung ương, của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ trong tình hình mới. Xây dựng chiến lược cán bộ của tỉnh, gắn với đề án vị trí việc làm; có cơ cấu hợp lý, bảo đảm tính ổn định, kế thừa. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; có năng lực, tư duy đổi mới, sáng tạo và khả năng dự báo tình hình; có phong cách làm việc khoa học, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có uy tín để lãnh đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị và khả năng hội nhập quốc tế. Đội ngũ cán bộ phải nêu cao tính tiên phong gương mẫu, thống nhất giữa nói và làm; giữa nỗ lực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với rèn luyện phong cách, tác phong công tác khoa học, dân chủ, sáng tạo, gần dân, trọng dân, gắn bó mật thiết với nhân dân; giữa nêu gương đạo đức, lối sống, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư với phòng, chống quan liêu, lãng phí, tham nhũng, lợi dụng chức quyền, thu vén cá nhân; giữa tự phê bình, phê bình với nghiêm túc khắc phục những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”,...

Thứ sáu, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Đề án số 01-ĐA/TU ngày 20/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng giai đoạn 2021-2025”. Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; kịp thời giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc ngay từ đầu, tại cơ sở, không để hình thành điểm nóng, phức tạp dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng, xuyên tạc.

Thường xuyên đổi mới nội dung, chương trình giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chăm lo xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu. Phát huy sức mạnh của các cơ quan báo chí, xuất bản, truyền thông; vận dụng tổng hợp các hình thức tuyên truyền; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác

tuyên truyền miệng, tuyên truyền đối ngoại, tuyên truyền trên Internet, mạng xã hội. Tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm các đối tượng chống đối, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông; rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân đưa tin sai sự thật, xấu, độc trên Internet, mạng xã hội. Xây dựng lực lượng chuyên trách theo hướng tinh gọn, đủ mạnh; phát huy cao nhất trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ bảy, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát và công tác thi đua - khen thưởng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan trong hệ thống chính trị; việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của cá nhân gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp để lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả; kịp thời chấn chỉnh những lệch lạc, ảnh hưởng tiêu cực đến việc củng cố, hình thành và phát triển các giá trị Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài trong xã hội. Thường xuyên phát động các phong trào thi đua ở các cấp, các ngành, địa phương trên các lĩnh vực; kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng, lan tỏa gương người tốt, việc tử tế của những con người bình dị ở cơ sở; đồng thời, không ngừng đấu tranh ngăn chặn, loại bỏ những xu thế tiêu cực, các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, những hủ tục cản trở sự phát triển xã hội; quyết tâm xây dựng văn hóa, con người Bắc Giang văn minh, hiện đại, có đầy đủ phẩm chất, giá trị Chân, Thiện, Mỹ, Đức, Tài và khát vọng để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX.

*

* *

Thời gian qua, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận luôn được tỉnh Bắc Giang đặc biệt quan tâm. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được tinh cụ thể hóa triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện, đặc thù của tỉnh; đồng thời chủ động nghiên cứu, tổng kết từ thực tiễn để đúc rút lý luận, bổ sung những luận cứ khoa học, kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp. Trong đó, việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận “Các quan niệm xã hội hiện nay về Chân, Thiện, Mỹ, Đức và Tài” đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; thông qua đó tổng kết, đề ra các giải pháp nhằm thúc đẩy và phát triển các giá trị tích cực về văn hóa, góp phần đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc trong thời gian tới.

BẢO TỒN GIÁ TRỊ VĂN HÓA, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG; ĐẦU TƯ, KHAİ THÁC NGUỒN LỰC VĂN HÓA; XÂY DỰNG CON NGƯỜI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH: GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TỈNH ỦY BẮC NINH

Bắc Ninh là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, nằm ở vị trí cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội; có diện tích tự nhiên 822,7 km², dân số hơn 1,5 triệu người với 8 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 2 thành phố, 6 huyện và 126 xã, phường, thị trấn. Bắc Ninh nằm trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, là cực tăng trưởng của Vùng Thủ đô và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; có các tuyến giao thông quan trọng chạy qua như: quốc lộ 1A, quốc lộ 18, quốc lộ 38, tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn và các tuyến đường thủy dọc sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình; gần cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Đây là những yếu tố rất thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu của Bắc Ninh với các địa phương trong nước, khu vực và quốc tế.

Sau gần 25 năm tái lập tỉnh, từ một tỉnh nhỏ thuần nông, với nền công nghiệp đa phần là làng nghề, đến nay Bắc Ninh đã trở thành một trong 10 tỉnh đứng đầu toàn quốc về quy mô nền kinh tế, là “hạt nhân” phát triển công nghiệp điện tử, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp công nghệ cao của cả nước. Chín tháng đầu năm 2021, mặc dù đại dịch COVID-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, song một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của tỉnh vẫn tăng khá, nhiều chỉ tiêu tăng cao so với cùng kỳ năm 2020: thu ngân sách nhà nước tăng 1,1%; dư nợ tín dụng tăng 25,6%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 11,74%; xuất khẩu hàng hóa tăng 23,7%. Cùng với sự phát triển chung trên tất cả các mặt của toàn xã hội, lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã và đang phát huy được vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1. Những vấn đề đặt ra trong việc đầu tư, khai thác, phát huy các nguồn lực văn hóa của tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng

và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng văn hóa, con người Bắc Ninh - Kinh Bắc. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa bằng nhiều chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, quyết định, đề tài, đề án, các dự án phát triển văn hóa, con người. Chủ trương, đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và con người Bắc Ninh luôn được Đảng bộ tỉnh xác định là nhiệm vụ hết sức quan trọng, trong đó chú trọng xây dựng con người Bắc Ninh phát triển toàn diện với những phẩm chất, đức tính mới, tiên tiến, nhưng vẫn giữ bản sắc văn hóa của con người Bắc Ninh được hình thành trong lịch sử.

Để phát huy các nguồn lực văn hóa, tỉnh Bắc Ninh tăng cường đầu tư các nguồn lực cho phát triển văn hóa, tương xứng với tăng trưởng kinh tế; khai thác, sử dụng, phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa vùng đất Bắc Ninh - Kinh Bắc; đẩy mạnh xã hội hóa văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực này. Bên cạnh đó, chỉ đạo ngành Văn hóa bám sát chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển các ngành lĩnh vực nói chung, chiến lược phát triển văn hóa nói riêng để tham mưu các chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch nhằm cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, tạo nguồn lực cho phát triển văn hóa.

Trong những năm qua, sự nghiệp văn hóa của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực: nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân về văn hóa được nâng lên; việc xây dựng con người trong sự nghiệp đổi mới có nhiều chuyển biến tích cực; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ, đi vào chiều sâu, tạo môi trường văn hóa lành mạnh; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến thôn, làng, khu phố được quan tâm đầu tư xây dựng; từng bước tiếp cận và phát triển công nghiệp văn hóa; quan tâm việc hội nhập và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại... Những kết quả trên góp phần quan trọng để Bắc Ninh trở thành cực tăng trưởng của Vùng Thủ đô, tạo sức lan tỏa mạnh về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho cả vùng; đồng thời đóng góp ngày càng quan trọng đối với sự phát triển chung của cả nước.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung đi sâu vào những vấn đề đặt ra trong việc đầu tư, khai thác, phát huy các nguồn lực về di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

1.1. Khái quát nguồn lực văn hóa tỉnh Bắc Ninh

Di sản văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc là tài sản quý giá của cộng đồng cư dân trong tỉnh, được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước với nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử; là biểu tượng của sự trường tồn, đồng thời là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc. Kho tàng di sản văn hóa nơi đây khá

phong phú, đồ sộ không chỉ góp phần tạo dựng cho nền văn hiến Kinh Bắc, mà còn góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam phong phú, đa dạng, đem lại những giá trị cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Bắc Ninh được biết đến là “xứ sở của đình, chùa và lễ hội”, là một trong những tỉnh có số lượng di tích nhiều nhất cả nước. Tính đến ngày 30/12/2020, toàn tỉnh có 1.589 di tích, trong đó có 628 di tích được Nhà nước xếp hạng (4 di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt, 203 di tích xếp hạng quốc gia và 421 di tích xếp hạng cấp tỉnh); 13 hiện vật, nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia. Nhiều di tích nổi tiếng gắn liền với các sự kiện lịch sử - văn hóa quan trọng của quốc gia, dân tộc như: lăng và đền thờ Kinh Dương Vương, nơi khởi nguồn của các bậc Thủy tổ dân tộc Việt; chùa Dâu (tổ đình của Phật giáo Việt Nam) và hệ thống chùa Tứ Pháp là trung tâm Phật giáo đầu tiên của nước ta và từ đây Phật giáo được lan rộng sang Lạc Dương (Trung Quốc) và tỏa khắp các vùng miền trong cả nước; chùa Phật Tích, chùa Dạm là những đại danh lam cổ tự có quy mô lớn được xây dựng vào thời Lý trong thế kỷ XI; đền Đô nơi tôn thờ 8 vị vua nhà Lý có công khai sáng nền văn minh Đại Việt; Văn Miếu Bắc Ninh nơi tôn thờ và ghi danh 677 vị đỗ đại khoa; đền Vua Bà thờ Thủy tổ Quan họ; đền Cao Lỗ Vương thờ ông Tổ ngành quân khí; đền Xà, nơi vẫn còn âm vang hùng tráng của bài thơ thần “Nam quốc sơn hà” - bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên khẳng định chủ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam,... Cùng với hệ thống di tích là 547 lễ hội truyền thống mang quy mô vùng miền, thể hiện bề dày lịch sử, văn hóa, truyền thống, những thuần phong mỹ tục của quê hương, đất nước.

Bắc Ninh cũng là nơi hội tụ những tinh hoa văn hóa dân tộc, vùng đất của những huyền thoại, truyền thuyết, giai thoại, thơ ca, hò vè dân gian... Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, nơi đây đã hội tụ, sản sinh và lưu truyền một kho tàng các di sản văn hóa quý báu, với nhiều di sản văn hóa phi vật thể rất phong phú, đa dạng, bao gồm: 140 làng nghề (trong đó có 62 làng nghề truyền thống) và các loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian như: tuồng, chèo, rối nước, ca trù, hát trống quân... Đặc biệt, Bắc Ninh - Kinh Bắc còn là quê hương của những làn điệu Dân ca Quan họ mượt mà, thắm đượm nghĩa tình, được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

1.2. Các nhiệm vụ trọng tâm trong đầu tư, khai thác, phát huy các nguồn lực văn hóa của tỉnh Bắc Ninh

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII), về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và các kỳ Đại hội của Đảng có giá trị thực tiễn rất cao khi coi văn hóa là *động lực, là sức mạnh nội sinh* thúc đẩy sự phát triển kinh tế và sự phát triển xã hội. Đây là những luận điểm hết sức quan trọng, phù hợp với nhận thức và thực tiễn, trong bối cảnh tất

cả các nước trên thế giới đang bước vào nền kinh tế tri thức, nền kinh tế số với tốc độ rất nhanh và hiệu quả nhờ các thành tựu của trí tuệ con người. Hơn lúc nào hết, chúng ta cần có sự nhận thức mới hơn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong sự phát triển bền vững của đất nước.

Do vậy, đối với vấn đề đầu tư, khai thác, phát huy các nguồn lực văn hóa, tỉnh Bắc Ninh cần tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất, lựa chọn những giá trị di sản đặc thù, nổi trội và đáp ứng được nhu cầu du khách để khai thác, phát triển.

Tuân thủ mối liên hệ giữa bảo tồn và khai thác phát triển du lịch. Khi gắn kết và phát huy các giá trị văn hóa với hoạt động du lịch, không thể chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt là nguồn lợi kinh tế mà khai thác cạn kiệt các di sản văn hóa, bỏ qua việc khai thác kết hợp với tái đầu tư cho hoạt động bảo tồn các di sản. Nguyên tắc này liên quan tới khâu tổ chức quản lý, khai thác sản xuất và lưu thông các sản phẩm du lịch. Tại các di sản văn hóa cần hình thành tổ chức bộ máy chuyên trách quản lý bảo tồn và phát huy các giá trị của các di sản.

Phát triển du lịch bền vững cũng được coi là nguyên tắc cần bảo đảm trong bảo tồn di sản văn hóa. Vì phát triển, bảo tồn di sản có mục tiêu chủ yếu là tôn vinh các giá trị truyền thống, phát huy di sản trong điều kiện xã hội mới. Sự tách biệt giữa bảo tồn và phát huy chỉ có ý nghĩa về nhận thức, bởi đó là hai mặt của một vấn đề. Việc quá đề cao mặt này hay xem nhẹ yếu tố kia đều không tốt cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Mô hình “bảo tồn phát triển” đang là xu hướng được lựa chọn trong điều kiện hiện nay, gắn với chủ trương tạo sức sống, sinh khí mới cho di sản, gắn di sản với hoạt động du lịch nhằm khai thác tiềm năng. Hiện nay, “du lịch văn hóa” đang trở thành xu thế chủ đạo trong phát triển du lịch, nhằm khai thác tiềm năng di sản văn hóa. Là địa phương có tiềm năng phát triển du lịch nhân văn, việc nhận thức đúng về mối quan hệ giữa di sản văn hóa và hoạt động du lịch sẽ tạo nên tương tác tích cực giữa bảo tồn và phát triển, giữa văn hóa và du lịch trong phát triển bền vững. Khai thác và phát huy di sản văn hóa phải được coi là một nguồn tài nguyên tạo nền móng cho hoạt động du lịch phát triển bền vững.

Chính vì vậy, việc phát huy giá trị di sản văn hóa phải gắn với phát triển du lịch bền vững, vừa bảo đảm lợi ích kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa Nhà nước - Nhà đầu tư - Nhân dân.

Thứ hai, việc phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch cần chú trọng những nội dung như: đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu di sản văn hóa đến thị trường khách du lịch; xây dựng sản phẩm du lịch từ giá trị di sản văn hóa tiêu biểu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách du lịch; phát triển nguồn nhân lực đủ năng lực chuyên môn, nhận thức để xây dựng, vận hành sản phẩm du lịch văn hóa và truyền tải thông điệp văn hóa chính xác, hấp dẫn; xây dựng các cơ chế, chính sách để

phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; đầu tư đồng bộ hạ tầng cơ sở, hạ tầng kỹ thuật và hệ thống dịch vụ nhằm gia tăng chuỗi giá trị của di sản văn hóa và du lịch; thực hiện tốt công tác bảo tồn di sản văn hóa để gìn giữ và làm giàu thêm tài nguyên du lịch, thúc đẩy du lịch phát triển, đồng thời thông qua hoạt động du lịch tác động trở lại đối với di sản văn hóa, góp phần bảo tồn, gìn giữ, nâng cao các giá trị di sản văn hóa. Cần xác định việc đầu tư, khai thác, phát huy các nguồn lực văn hóa của tỉnh Bắc Ninh là nhiệm vụ chiến lược mang tính lâu dài và là trách nhiệm của toàn xã hội, cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, giữa người dân với các đoàn thể, tổ chức xã hội. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ, tác động tạo điều kiện thuận lợi để bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, cần nỗ lực triển khai để đạt được mục tiêu hướng tới là: ưu tiên bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa đã được UNESCO vinh danh, các công trình có giá trị tiêu biểu cấp quốc gia, có ý nghĩa chính trị, văn hóa, lịch sử, truyền thống đặc sắc trên địa bàn tỉnh; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch văn hóa - tâm linh bền vững; bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa phát triển văn hóa và kinh tế, giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội; đưa di sản văn hóa Bắc Ninh trở thành một sản phẩm du lịch độc đáo, thu hút khách du lịch ở trong và ngoài nước, tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của hệ thống di sản văn hóa thế giới, di sản văn hóa quốc gia mà tỉnh Bắc Ninh đang nắm giữ và trở thành nội lực tiềm tàng, là nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Bắc Ninh theo hướng bền vững; đưa di sản văn hóa Bắc Ninh trở thành “biểu tượng”, đặc điểm nhận diện về vùng đất con người Bắc Ninh nói riêng, Việt Nam nói chung trong bối cảnh, xu thế hội nhập toàn cầu; tạo dựng các giá trị, lợi ích về kinh tế và văn hóa xã hội để người dân được hưởng lợi về nhu cầu văn hóa cũng như nhu cầu phát triển kinh tế từ văn hóa bản địa.

2. Các giải pháp, cơ chế chính sách nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Thực trạng công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh Bắc Ninh

Về quy hoạch và đầu tư tôn tạo di tích văn hóa, lịch sử và cách mạng

Trong những năm qua, công tác trùng tu tôn tạo di tích được tỉnh Bắc Ninh quan tâm, đầu tư hàng nghìn tỷ đồng từ nguồn kinh phí của tỉnh và từ Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa. Đặc biệt, tỉnh đã chủ động cân đối ngân sách tập trung cho công tác trùng tu tôn tạo các di tích trọng điểm như: chùa Dâu, chùa Bút Tháp, chùa Phật Tích, lăng và đền thờ Kinh Dương Vương, đền Cao Lỗ Vương, chùa Dạm,... Quá trình trùng tu, tôn tạo các di tích đều được thiết kế, phê duyệt và có ý kiến đóng góp của các chuyên gia, cơ quan chuyên môn. Kết quả đạt được đã góp phần vào việc bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa của tỉnh.

Đối với các di tích cách mạng, năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã phê duyệt Đề án “Quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2007-2010”. Theo đó, tỉnh đã quan tâm đầu tư trùng tu, tôn tạo cho các di tích cách mạng như: đầu tư hơn 100 tỷ đồng để trùng tu tôn tạo khu lưu niệm gốc và xây dựng công viên tượng đài đồng chí Ngô Gia Tự; đầu tư hơn mở rộng, nâng cấp khu lưu niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Cùng với 2 di tích trọng điểm trên, các di tích cách mạng khác như chùa Đồng Hương, chùa Đồng Kỵ, chùa Hồng Ân, đình Long Khám, đình Liễu Khê, đình Đại Thượng, nhà cụ Đám Thi, nhà cụ Tú Ba,... đều được đầu tư kinh phí để tu bổ, chống xuống cấp với kinh phí hàng chục tỷ đồng.

Thực hiện chủ trương “xã hội hóa” trong công tác trùng tu, tôn tạo di tích, tỉnh Bắc Ninh đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của nhiều tổ chức, cá nhân với các khoản công đức, đóng góp lên tới hàng nghìn tỷ đồng, tiêu biểu như: chùa Dạm (xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh) được ủng hộ hơn 200 tỷ đồng; đình, đền, chùa Tướng Quốc (xã Văn Môn, huyện Yên Phong) được ủng hộ 500 tỷ đồng; đình, chùa Đại Bái (xã Đại Bái, huyện Gia Bình) được ủng hộ gần 10 tỷ đồng... Các di tích trên được trùng tu tôn tạo đã góp phần không nhỏ trong việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Về công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể

Ngay sau khi Dân ca Quan họ Bắc Ninh được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều chủ trương, chính sách thiết thực nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của Dân ca Quan họ, thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nội dung cam kết với UNESCO; công tác tuyên truyền, quảng bá Dân ca Quan họ Bắc Ninh được tăng cường trên các phương tiện truyền thông, trong nhiều sự kiện chính trị, ngoại giao, văn hóa lớn của tỉnh cũng như trong nước và quốc tế, cụ thể như: tổ chức chương trình Festival “Về miền Quan họ”, chương trình giao lưu nghệ thuật giữa một số di sản trong nước được UNESCO vinh danh; chương trình hát Quan họ trên thuyền,...

Công tác sưu tầm, nghiên cứu khoa học được tiếp cận đa chiều đã góp phần bổ sung, làm giàu giá trị di sản văn hóa Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Việc truyền dạy Dân ca Quan họ được mở rộng với nhiều hình thức trong cộng đồng dân cư. Cơ sở vật chất được tăng cường, các thiết chế của không gian văn hóa Quan họ được tỉnh quan tâm đầu tư nguồn lực phục dựng để bảo tồn giá trị Quan họ gốc, đồng thời sáng tạo những giá trị mới. Các cấp ủy đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm, tạo mọi điều kiện để cộng đồng tham gia bảo vệ di sản. Qua đó, góp phần đưa Dân ca Quan họ Bắc Ninh thấm sâu vào đời sống đương đại, lan tỏa mạnh mẽ và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia của tỉnh

Bắc Ninh được quan tâm triển khai theo đúng quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Qua đó, góp phần bảo tồn, lưu giữ di sản, đồng thời phát huy tính sáng tạo, lưu giữ lòng tự tôn trong các cộng đồng và cá nhân - những chủ thể đang nắm giữ, thực hành di sản văn hóa phi vật thể; đồng thời khẳng định giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học cũng như vai trò của di sản văn hóa phi vật thể đối với đời sống đương đại. Hiện nay, tỉnh Bắc Ninh đang xây dựng hồ sơ ứng cử quốc gia đề nghị UNESCO đưa vào “Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ” vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục lập hồ sơ đưa khoảng 10 di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia giai đoạn 2020-2025. Bên cạnh đó, công tác bảo tồn và phát huy giá trị của loại hình múa rối nước Đồng Ngư cũng đang được tỉnh Bắc Ninh quan tâm, tổ chức với nhiều hoạt động, góp phần nâng cao nhận thức về di sản văn hóa truyền thống tốt đẹp của môn nghệ thuật múa rối nước Đồng Ngư; phát huy vai trò của chủ thể văn hóa trong việc bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa truyền thống; khích lệ thế hệ trẻ tham gia học tập và sáng tạo các giá trị văn hóa truyền thống của cha ông trong cộng đồng, góp phần phát triển văn hóa - xã hội bền vững.

Về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống

Với 547 lễ hội được duy trì, tổ chức thường xuyên trên địa bàn tỉnh, nhiều lễ hội lưu giữ được những nét văn hóa đặc trưng riêng, gắn liền với sinh hoạt văn hóa cộng đồng, trở thành biểu tượng của cộng đồng, tiêu biểu như: Hội Lim, Hội chùa Dâu, Hội Đền Đô,... Triển khai thực hiện Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa tỉnh Bắc Ninh”. Trong bối cảnh hội nhập và giao thoa văn hóa, cùng sự tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0, nhận thức được việc cần phải có những biện pháp phù hợp, hài hòa giữa bảo tồn bền vững với khai thác, phát huy nguồn tài nguyên di sản, tạo động lực mới cho sự phát triển văn hóa, xã hội, tỉnh Bắc Ninh đã chủ động triển khai Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa. Dự án hoàn thiện và đi vào vận hành, không chỉ góp phần gìn giữ, bảo tồn bền vững di sản mà còn mở ra cơ hội cho di sản “hội nhập” với xã hội hiện đại hôm nay.

2.2. Các giải pháp nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng con người và phát triển kinh tế - xã hội

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh toàn diện. Nâng cao chất lượng và hiệu quả nhiệm vụ xây dựng con người Bắc Ninh có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: Yêu quê hương, đất nước, nhân ái, trọng nghĩa, trọng tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống, phẩm chất con người Bắc Ninh phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Hai là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Kịp thời triển khai, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa. Điều chỉnh, hoàn thiện, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách đặc thù về văn hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh với chế tài cụ thể, tạo điều kiện tốt nhất cho văn hóa phát triển. Chú trọng nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nhất là trong cộng đồng dân cư, khu công nghiệp, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị. Xây dựng và hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt hương ước, quy ước của thôn, làng, khu phố, gia đình văn hóa, thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, tân gia, mừng thọ.

Ba là, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030; phát triển văn hóa hài hòa với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị các cấp.

Bốn là, coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, cán bộ ở cơ sở; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút tài năng văn hóa, chế độ đãi ngộ đối với giới văn nghệ sĩ, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú và cán bộ làm việc trong lĩnh vực văn hóa có nhiều cống hiến cho tỉnh; bảo tồn và phát huy các sản phẩm văn hóa, hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các di tích lịch sử, văn hóa, các danh lam thắng cảnh, các lễ hội,...; đồng thời đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các loại hình vui chơi giải trí đáp ứng thị hiếu thẩm mỹ, nghệ thuật của nhân dân; phát triển du lịch gắn với các di tích lịch sử văn hóa, công trình văn hóa phục vụ cộng đồng.

Năm là, quan tâm đến việc tạo dựng, hình thành và phát triển ngành công nghiệp văn hóa, trong đó trọng tâm là phát triển ngành du lịch, thương mại, dịch vụ. Có cơ chế, chính sách hợp lý để phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống. Đẩy mạnh việc giới thiệu, quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Bắc Ninh với bạn bè trong nước và trên thế giới thông qua các kênh truyền hình, điện ảnh, thời trang, các hoạt động của tuần văn hóa, năm văn hóa. Tổ chức cho du khách ở trong và ngoài nước tham quan các di tích, danh thắng nổi tiếng của Bắc Ninh.

3. Vấn đề cần đặt ra đối với tỉnh Bắc Ninh

3.1. Đối với vấn đề xây dựng con người

Vấn đề xây dựng con người là một trong những vấn đề lớn và hệ trọng, có giá trị khoa học và thực tiễn sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững, cơ bản trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng văn minh,

hiện đại. Vì vậy, để giải quyết vấn đề này, cần sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư trong nghiên cứu và thực tiễn, nhằm xác định một cách khách quan khoa học bản sắc văn hóa con người Bắc Ninh. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy có hiệu quả bản sắc văn hóa con người Bắc Ninh trong thời kỳ mới.

Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, tỉnh Bắc Ninh đã xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định nhiệm vụ trước hết và quan trọng hàng đầu là: Xây dựng con người Bắc Ninh phát triển toàn diện với những đức tính: có tinh thần yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, ham học hỏi, có ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu vì lợi ích chung, có lối sống lành mạnh, trọng nghĩa, trọng tình, cần cù, trung thực, đoàn kết, sáng tạo, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng, tự trọng, tự chủ, hiểu biết sâu sắc,...

Như vậy, chủ trương, đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và con người Bắc Ninh đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển bền vững quê hương đất nước đã được Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh xác định là nhiệm vụ hết sức quan trọng, trong đó cần xây dựng con người Bắc Ninh phát triển toàn diện với những đức tính, phẩm chất cụ thể đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những đức tính và phẩm chất đó rõ ràng được kế thừa từ bản sắc văn hóa con người Bắc Ninh truyền thống, đồng thời bổ sung, phát triển những đức tính mới, tiên tiến, nhưng vẫn bảo tồn bản sắc văn hóa của con người Bắc Ninh được hình thành trong lịch sử. Trên cơ sở quán triệt đường lối quan điểm và nội dung xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh hiện nay, cần nhận thức và có giải pháp đúng đắn trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa con người Bắc Ninh.

Vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc và thiết thực này cần có quan điểm lịch sử cụ thể, rõ ràng trong việc nhận thức đánh giá những mặt phù hợp cần kế thừa để bảo tồn, phát huy, đồng thời cần mạnh dạn chỉ ra những mặt hạn chế, những yếu tố không phù hợp để điều chỉnh trong việc xây dựng con người Bắc Ninh phát triển toàn diện. Những mặt hạn chế đó là:

- Tính chất tiểu nông trong bản sắc năng động hoạt bát trong lao động sản xuất và giao thương buôn bán của người Bắc Ninh. Tính chất này cho thấy mô hình sản xuất và buôn bán nhỏ lẻ theo hộ gia đình; kiến thức trong sản xuất hay buôn bán chỉ là kinh nghiệm, được truyền dạy theo gia đình và chủ yếu qua thực tế “cầm tay chỉ việc”; bị chi phối bởi tư tưởng trọng nông và các giai tầng xã hội được xếp theo trật tự: sĩ, nông, công, thương. Chính vì vậy, Bắc Ninh tuy là miền quê kinh tế trù phú, nhưng mới chỉ phát triển làng nghề và chợ quê.

- Mối quan hệ xã hội cộng đồng của người Bắc Ninh tuy bền chặt và rộng mở “tứ hải giao tình” nhưng chủ yếu dựa trên mối quan hệ truyền thống và được ràng buộc, củng cố chủ yếu bởi các hương ước, quy ước của cộng đồng, phong tục tập quán của

các làng xã. Giới hạn của bản sắc văn hóa này của người Bắc Ninh - Kinh Bắc xưa dẫn tới việc các thành viên trong cộng đồng chủ yếu hành xử theo phong tục tập quán và quy ước của dòng tộc, của làng xã.

- Tổ chất nghệ sĩ của người Bắc Ninh cũng có những hạn chế nhất định. Tài năng nghệ thuật, sự tinh xảo trong nghề thủ công xuất phát từ năng khiếu và sự truyền dạy của gia đình và cộng đồng theo phương thức truyền khẩu và hoạt động thực tiễn. Hiện tại, tỉnh Bắc Ninh chưa có trường lớp đào tạo tài năng nghệ thuật một cách khoa học, bài bản...

Trong việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa con người Bắc Ninh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, những hạn chế nêu trên của con người Bắc Ninh truyền thống cần được khắc phục, góp phần xây dựng con người Bắc Ninh phát triển toàn diện hơn.

3.2. Đối với vấn đề phát triển kinh tế

- Trong giai đoạn hiện nay, việc phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cần phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa, phát triển du lịch, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; gắn với bảo vệ cảnh quan, môi trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, cần khai thác tối đa các lợi thế về giá trị di sản văn hóa, bản sắc văn hóa và con người Bắc Ninh - Kinh Bắc để tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng, có chất lượng cao, gia tăng tính hấp dẫn và tính bền vững của sản phẩm du lịch, thực sự là nguồn lực thúc đẩy phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh với tỷ trọng của du lịch ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với phát triển du lịch, dịch vụ là nhiệm vụ chiến lược mang tính lâu dài không chỉ đối với tỉnh Bắc Ninh mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, giữa người dân với các đoàn thể, tổ chức xã hội. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò hỗ trợ, tác động tạo điều kiện thuận lợi để bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch.

- Đặc biệt, toàn tỉnh cần tập trung các nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia tiêu biểu, Dân ca Quan họ Bắc Ninh, hát Ca Trù, các loại hình diễn xướng dân gian truyền thống, nghề làm tranh dân gian Đông Hồ, các làng nghề tiêu biểu... gắn với phát triển du lịch, dịch vụ.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA GIÀU BẢN SẮC QUẢNG NINH GẮN VỚI THU HẸP NHANH KHOẢNG CÁCH GIÀU - NGHÈO VÀ CHÊNH LỆCH VÙNG MIỀN TRONG TỈNH

TỈNH ỦY QUẢNG NINH

Quảng Ninh được ví như một “Việt Nam thu nhỏ”, có thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp, với sự đa dạng của tôn giáo và 22 thành phần dân tộc anh em cùng chung sống, tạo nên những nét đặc sắc riêng biệt về văn hóa. Nơi đây là một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam, với di sản tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm”; có vịnh Hạ Long - di sản, kỳ quan thiên nhiên thế giới cùng hơn 600 di tích lịch sử văn hóa vật thể và phi vật thể. Xã hội, con người Quảng Ninh là nơi hội tụ, giao thoa, thống nhất trong đa dạng của nền văn minh sông Hồng. Văn hóa Quảng Ninh có sự kết hợp hài hòa giữa tinh hoa văn hóa truyền thống được chắt lọc từ nhiều vùng miền trong cả nước và văn hóa hiện đại ra đời trong cuộc sống công nghiệp, cùng với sự giao thoa, hội nhập tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là thế mạnh, là nguồn lực to lớn hình thành nên sức mạnh của vùng đất phên giậu Tổ quốc; là tiền đề để Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong tỉnh hiện thực hóa mục tiêu “*Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc*”.

Những năm qua, trong bối cảnh, tình hình khu vực, thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, nhất là đại dịch COVID-19 bùng phát, bằng sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của cấp ủy, chính quyền cùng với những lợi thế về địa - chính trị, những giá trị văn hóa lịch sử và truyền thống, Đảng bộ, chính quyền, quân và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã đạt được nhiều kết quả toàn diện, nổi bật cả trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, con người, trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của khu vực phía Bắc; đời sống văn hóa của nhân dân không ngừng được cải thiện; môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, các hoạt động giáo dục, y tế, thể dục thể thao, sáng tác và biểu diễn văn hóa, nghệ thuật phát triển sâu rộng từ tỉnh đến cơ sở.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp

Tích cực triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương về văn hóa, đặc biệt là Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt sâu sắc quan điểm: *Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội*, từ đó xác định văn hóa là thành tố hết sức quan trọng; là nền tảng, mục tiêu và động lực thúc đẩy phát triển bền vững của tỉnh. Đảng bộ tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các chuẩn mực giá trị; ban hành nhiều chương trình, dự án, Bộ quy tắc ứng xử trong cộng đồng, quy định về xây dựng văn hóa, con người Quảng Ninh. Nổi bật nhất là việc xây dựng đề án và ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 9/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững” - Quảng Ninh là một trong số ít các tỉnh, thành phố có nghị quyết chuyên đề về xây dựng, phát triển văn hóa, con người. Đây cũng là nghị quyết nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ thứ 6 (trong 6 nhiệm vụ) của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

2. Công tác tuyên truyền

Lãnh đạo tỉnh luôn quan tâm thực hiện nghiêm túc, tiến hành thường xuyên, có hiệu quả việc quán triệt, tuyên truyền các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về văn hóa bằng nhiều hình thức. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức các hội nghị quán triệt đến cán bộ chủ chốt, báo cáo viên cấp tỉnh, đưa các nội dung chỉ đạo về lĩnh vực văn hóa vào bản tin Sinh hoạt chi bộ phục vụ cho sinh hoạt chi bộ, đảng bộ cơ sở. Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, các trung tâm chính trị cấp huyện đưa nội dung các nghị quyết, chỉ thị vào chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên mới, các lớp học nhận thức về Đảng hay các lớp sơ cấp, trung cấp lý luận chính trị; tổ chức Hội thi báo cáo viên cấp tỉnh các năm 2018, 2021 để tuyên truyền các nghị quyết của Đảng; Trung tâm Truyền thông tỉnh đã mở chuyên mục như: “*Đất và người Quảng Ninh*”, Tạp chí *Văn hóa cuối tuần*, *Trang Văn hóa*, *Trang Thể thao*.. nhằm làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân.

3. Cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tích cực triển khai, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về văn hóa

Thực hiện đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa, trên cơ sở đường lối, chủ trương chung của Trung ương và xuất phát từ thực tiễn nhận diện đầy đủ các tiềm năng, thế mạnh, giá trị riêng biệt, nổi trội của Quảng Ninh, tỉnh đã có những chủ trương, chính sách phù hợp. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp đã nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành

Trung ương Đảng gắn với Nghị quyết số 11-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và đã đạt được một số kết quả bước đầu. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 29-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chương trình hành động triển khai thực hiện với nhiệm vụ được phân công rõ ràng, cụ thể. Đảng Đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về cơ chế chính sách liên quan đến xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết được quan tâm, triển khai gắn với các nhiệm vụ chính trị theo chủ đề công tác hằng năm của tỉnh và địa phương, đơn vị.

4. Kết quả đạt được

Việc cụ thể hóa và triển khai thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa đã có tác động tích cực tới sự phát triển ổn định, bền vững của tỉnh gắn với việc đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh. Nhận thức, ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên đối với xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh có nhiều chuyển biến tích cực. Các tổ chức đảng trong tỉnh đã xây dựng và phát huy văn hóa đoàn kết, dân chủ, gần dân, sát dân, thống nhất ý chí và hành động, đổi mới, quyết tâm chính trị, quyết liệt trong hành động, vai trò nêu gương của người đứng đầu các cấp; bảo đảm sự chuyển tiếp giữa các thế hệ lãnh đạo ở cấp tỉnh và các địa phương. Các cơ quan chính quyền trong tỉnh đã xây dựng, định hình và phát triển văn hóa đồng hành, thực thi, phục vụ của các cơ quan quản lý đối với người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin vững chắc với các chỉ số PCI, PAPI, PAR, SIPAS đứng đầu,... Nhân dân trong tỉnh tiếp tục giữ vững truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”, đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng, ủng hộ, hưởng ứng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh, góp phần xây dựng xã hội từng bước trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh. Cụ thể, tỉnh đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

(1) Bảo tồn và phát triển văn hóa mang bản sắc của tỉnh Quảng Ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Tỉnh Quảng Ninh hiện có 632 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh; hơn 2.800 di sản văn hóa phi vật thể là những phong tục, tập quán, trò chơi dân gian, lễ hội của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm triển khai theo hướng nghiên cứu chuyên sâu về các di tích lịch sử - văn hóa có giá trị nổi bật, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học đối với những di sản văn hóa tiêu biểu. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh; triển khai Dự án số hóa di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh (ngày 15/5/2020, tỉnh Quảng Ninh giới thiệu đến

công chúng website *Di sản văn hóa Quảng Ninh* (disanquangninh.gov.vn), đây là website đầu tiên của cả nước về di sản).

Đến nay, 100% di tích cấp quốc gia, 70% di tích cấp tỉnh của Quảng Ninh đã được tu bổ, tôn tạo từ nguồn lực ngân sách và xã hội hóa. Nhiều doanh nghiệp, đơn vị đã tham gia ủng hộ nguồn lực lớn trong việc trùng tu, cải tạo, nâng cấp các di tích. Đặc biệt, các di sản, di tích đã trở thành những điểm du lịch trong hệ thống tuyến, điểm du lịch của nhiều địa phương, như: Di tích lịch sử nhà Trần (Đông Triều), Khu di tích - danh thắng Yên Tử (Uông Bí), Khu di tích Bạch Đằng (Quảng Yên), Đền Cửa Ông (Cẩm Phả),... Hiện có khoảng 120 di tích, di sản đã nằm trong các tour, tuyến du lịch cố định của tỉnh.

Tại một số địa phương, các doanh nghiệp đã đưa vào hoạt động mô hình du lịch lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch văn hóa sinh thái, du lịch văn hóa cộng đồng gắn với mô hình sinh kế nông nghiệp, nông thôn, các sản phẩm OCOP,... bước đầu đạt nhiều kết quả tích cực. Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm du lịch làng quê, du lịch sinh thái, trải nghiệm đã khẳng định được thương hiệu và tiếp cận thị trường. Đến năm 2020, toàn tỉnh đã có 456 sản phẩm tham gia chương trình OCOP, trong đó có 236 sản phẩm đạt từ 3-5 sao, trên 90% sản phẩm được dán tem điện tử truy xuất nguồn gốc...

Công tác bảo tồn, phát huy một số bộ môn nghệ thuật dân tộc để trở thành sản phẩm văn hóa phục vụ khách du lịch cũng dần hình thành, bước đầu hoạt động kinh doanh có hiệu quả, nhất là các bộ môn nghệ thuật truyền thống (như múa rối, hát chèo, cải lương,...) được biểu diễn tại các lễ hội và đồng hành cùng du khách trên các hành trình, tuyến, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Các lễ hội văn hóa, lịch sử truyền thống được các địa phương huy động nguồn lực tổ chức hiệu quả, trong đó có nhiều lễ hội mới được xây dựng thành sản phẩm văn hóa thường niên, như: Lễ hội Carnival, Lễ hội hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử, Lễ hội hoa Sò, Lễ hội Trà hoa vàng,... Ngoài ra, một số lễ hội đã được phục dựng thành công, bài bản, đúng với bản sắc truyền thống của dân tộc, như: Lễ hội văn hóa thể thao các dân tộc Dao, Tày, Sán Chi, Sán Diù,...

Thực hiện chủ trương mỗi người dân đều được hưởng thành quả tăng trưởng, không để ai bị bỏ lại phía sau, tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành đưa điện lưới quốc gia đến 100% các thôn, bản vùng cao, biên giới và các đảo có người dân sinh sống. Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Toàn tỉnh có 85% số trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 14,8%; tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 54,6; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%, đều cao hơn bình quân chung của cả nước. Năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều chỉ còn 0,36%, hướng đến các tiêu chí của “hạnh phúc con người”, làm cho người dân được hưởng phúc lợi xã hội, hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần.

(2) *Xây dựng môi trường văn hóa đạt được một số kết quả tích cực, nhất là xây dựng văn hóa trong Đảng, hệ thống chính trị, trong gia đình và cộng đồng dân cư, trong các doanh nghiệp*

Các cấp, các ngành và các địa phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và đưa vào thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong cộng đồng trên cơ sở kế thừa và phát triển Bộ quy tắc ứng xử “*Nụ cười Hạ Long*”; Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh.

Chú trọng chỉ đạo xây dựng môi trường văn hóa trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, trọng tâm là cải cách hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, có phong cách ứng xử chuẩn mực trong thực thi công vụ. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa trong kinh doanh; đồng thời với những nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tỉnh đã và đang thu hút được nhiều nhà đầu tư uy tín, tiềm năng đến nghiên cứu và đầu tư trên địa bàn.

Xây dựng môi trường văn hóa từ gia đình đến cộng đồng dân cư được quan tâm. Nhiều địa phương, đơn vị bổ sung nội dung xây dựng gia đình vào hương ước, quy ước khu dân cư, coi đây là tiêu chí quan trọng để đánh giá tiêu chuẩn gia đình văn hóa ở địa phương. Công tác xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, cơ sở thờ tự tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực. Tích cực tuyên truyền, vận động người dân xóa bỏ những hủ tục, nếp sống sinh hoạt lạc hậu, không còn phù hợp.

(3) *Xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện*

Tập trung bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức tuân thủ pháp luật, xây dựng con người Quảng Ninh “*Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện*”. Các chuẩn mực tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của con người Quảng Ninh dần được hình thành, đưa vào quy ước, hương ước làng, xã; quy chế, quy định, nội dung, quy tắc của cơ quan, đơn vị và bước đầu mang lại những kết quả tích cực. Công tác giáo dục truyền thống lịch sử và văn hóa cho học sinh được các nhà trường trên địa bàn tỉnh quan tâm. Cụ thể là thông qua công tác giảng dạy, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, văn hóa địa phương ngay tại khu di tích lịch sử cho học sinh, sinh viên; 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chuyên đề về giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, văn nghệ cho học sinh, sinh viên,... Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, học sinh, sinh viên, đảng viên mới, các lớp học nhận thức về Đảng, các lớp sơ cấp, trung cấp lý luận chính trị tại các trung tâm chính trị, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên. *Xây dựng con người*

Quảng Ninh phát triển về thể chất, cải thiện tâm vóc thể trạng, chất lượng cuộc sống của người dân. Hệ thống y tế trong toàn tỉnh được rà soát, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả; chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, nguồn nhân lực chất lượng cao được đặc biệt quan tâm. Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phong trào thể dục thể thao quần chúng được các cấp, các ngành và toàn dân hưởng ứng tham gia, phát triển cả về số lượng và chất lượng.

(4) *Quan tâm xây dựng, nâng cấp, cải tạo và phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao*

Tỉnh đã hoàn thành các thiết chế văn hóa, thể thao quy mô hiện đại, thu hút các sự kiện lớn mang tầm quốc tế và khu vực (như: Cụm công trình Bảo tàng, Thư viện tỉnh, Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm, Quảng trường 30/10, Nhà thi đấu đa năng 5.000 chỗ, Cung Văn hóa thanh thiếu nhi tỉnh,...). Nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao, tỉnh đã thu hút nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh các thiết chế văn hóa, trong đó có nhiều nhà đầu tư chiến lược với các sản phẩm văn hóa - du lịch độc đáo, làm phong phú thêm cơ hội rèn luyện sức khỏe, năng khiếu cho người dân. Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở được quan tâm xây dựng, hoàn thiện, phát huy hiệu quả.

(5) *Đẩy mạnh phát triển nền văn học nghệ thuật Quảng Ninh phong phú, đa dạng, giàu bản sắc*

Tỉnh đã xây dựng và ban hành Đề án quy hoạch, phát triển văn học nghệ thuật Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2030; Đề án xây dựng đội ngũ làm công tác văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; ban hành các cơ chế động viên, khen thưởng riêng của tỉnh đối với giới văn nghệ sĩ; cấp 100% kinh phí đặt hàng tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh,... Từ năm 2018 đến 2020, toàn tỉnh có 104 tác phẩm, 198 tác giả được hỗ trợ đầu tư với tổng kinh phí 802 triệu đồng. Hoạt động văn học nghệ thuật đã có nhiều cố gắng trong tìm tòi, sáng tạo các tác phẩm có giá trị nghệ thuật, tư tưởng cao, phát huy tốt vai trò định hướng tuyên truyền, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, góp phần loại trừ những sản phẩm văn hóa độc hại, ổn định an ninh, văn hóa - xã hội.

(6) *Công tác đổi mới tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện tự chủ tài chính, cơ chế hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp văn hóa, trung tâm văn hóa, hội nghề nghiệp được triển khai quyết liệt nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động*

Năm 2019, Quảng Ninh thành lập Trung tâm Truyền thông tỉnh trên cơ sở sáp nhập các cơ quan báo, đài của tỉnh (gồm: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ninh, Báo Hạ Long, Cổng thông tin điện tử tỉnh). Tỉnh còn thực hiện giảm 6 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh; thành lập Trung tâm Truyền thông và Văn hóa trên cơ sở hợp nhất Đài Truyền thanh - Truyền hình và Trung tâm Văn hóa cấp huyện; giảm 7 đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao trực thuộc Ủy ban

nhân dân cấp huyện, 7/7 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh tự chủ kinh phí thường xuyên từ 20-100%, 5/13 đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao cấp huyện tự chủ kinh phí thường xuyên từ 10-30%. Các đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao sắp xếp, đổi mới mô hình đi vào hoạt động nền nếp, chủ động tìm kiếm, mở rộng các hoạt động dịch vụ gắn với bảo tồn nghệ thuật truyền thống.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tỉnh Quảng Ninh vẫn còn một số hạn chế trong xây dựng và phát triển văn hóa. Cụ thể là, văn hóa vẫn chưa thực sự trở thành nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đạo đức, lối sống của một bộ phận người dân có mặt chưa thực sự lành mạnh, nhất là trong một bộ phận thanh thiếu niên có phần xuống cấp, diễn biến phức tạp. Một số thiết chế văn hóa, thể thao, di tích quốc gia đặc biệt chưa được khai thác hiệu quả, chưa có mô hình quản lý phù hợp; còn thiếu những tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Công tác hình thành và phát triển công nghiệp văn hóa chưa thực sự được quan tâm.

5. Một số bài học kinh nghiệm

(1) Bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa để cụ thể hóa sát với tình hình thực tế, bảo đảm kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; chú trọng xây dựng văn hóa trong Đảng, trong hệ thống chính trị và văn hóa trong kinh tế, trong đó việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên giữ vai trò quan trọng.

(2) Kịp thời nhận diện các tiềm năng, lợi thế về văn hóa để bố trí nguồn lực trọng tâm, hiệu quả. Sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách và đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội hóa cho đầu tư phát triển văn hóa, con người trên cơ sở phù hợp với các chiến lược, quy hoạch phát triển, bảo đảm tính kế thừa và coi trọng hiệu quả sau đầu tư.

(3) Phải có quyết tâm chính trị của cả hệ thống chính trị, trước hết người đứng đầu cần chủ động, tích cực, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, bám sát định hướng của Trung ương và thực tiễn của tỉnh để mạnh dạn đề xuất, xây dựng, triển khai các mô hình mới, cách làm mới mang tính đột phá.

(4) Xác định việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là sự nghiệp toàn dân. Trong đó xác định rõ nhân dân là chủ thể trong việc phát triển văn hóa và xây dựng con người.

(5) Trọng tâm trong xây dựng văn hóa là chăm lo xây dựng nguồn nhân lực phát triển toàn diện, chú trọng xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa lành mạnh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, nhà trường và cộng đồng xã hội.

6. Nhiệm vụ trong thời gian tới

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, đồng thời thực hiện có hiệu quả khâu đột phá thứ 3 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV: “*Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu - nghèo và chênh lệch vùng miền trong tỉnh*”, Quảng Ninh đề ra một số nội dung sau:

(1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trong việc tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặt trong mối quan hệ tổng thể giữa phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh. Cụ thể hóa các quan điểm về xây dựng, phát triển văn hóa, con người đã được xác định tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng gắn với thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị.

(2) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh và đất nước.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình để cụ thể hóa chủ trương, quan điểm của Đảng về phát triển văn hóa, con người. Tăng cường nguồn lực hoàn thành các trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các thiết chế văn hóa phục vụ công nhân ở các khu công nghiệp.

Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư, trùng tu, tôn tạo gắn với xây dựng cơ chế quản lý, khai thác hiệu quả các khu di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử, cách mạng văn hóa trọng điểm, các loại hình nghệ thuật dân tộc đặc sắc đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể.

Nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy của đội ngũ giảng viên tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành về văn hóa, nghệ thuật của tỉnh. Phát huy vai trò của Hội Văn học nghệ thuật tỉnh trong xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ đáp ứng yêu cầu phát triển của văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới; sáng tạo những tác phẩm có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, góp phần tuyên truyền những thành tựu trong xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội,... của địa phương.

Quan tâm tiếp tục bố trí quỹ đất, kêu gọi xã hội hóa và sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là chú trọng xây dựng các điểm, khu vui chơi giải trí cho thanh thiếu nhi ở những nơi có điều kiện. Quy hoạch đô thị phải dành “không gian công cộng” cho nhân dân được thụ hưởng phúc lợi văn hóa. Quy hoạch khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phải dành thỏa đáng cho xây dựng thiết chế văn hóa.

(3) Tập trung xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện. Phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” của người dân vùng Mỏ, tỉnh tiếp tục nghiên cứu,

bổ sung, hoàn thiện đặc trưng “*Năng động - Sáng tạo - Hào sảng - Lành mạnh - Văn minh - Thân thiện*” của người Quảng Ninh.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn minh, truyền thống văn hóa dân tộc, ý thức tuân thủ pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên. Phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể gia đình, nhà trường và xã hội trong xây dựng, phát triển con người có nhân cách, lối sống đẹp, có khát vọng phát triển đất nước, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp - văn minh - hiện đại.

(4) Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; toàn dân đoàn kết phòng, chống dịch COVID-19; giữ vững địa bàn “An toàn - Ổn định - Phát triển trong trạng thái bình thường mới”.

Tuyên truyền giáo dục ý thức văn hóa sinh thái cho người dân, tạo lập và thực hành lối sống thân thiện với môi trường; nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của toàn dân và từng doanh nghiệp. Xây dựng Bộ ứng xử trách nhiệm bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, hộ gia đình.

Thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa. Thực hiện xã hội hóa việc trồng, chăm sóc, tạo cảnh quan môi trường “xanh, sạch, đẹp” gắn với triển khai Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020-2030.

(5) Tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước phải trở thành tiêu chí xây dựng và đánh giá cơ quan, đơn vị hằng năm; xác định mục tiêu tạo môi trường cho cán bộ, đảng viên tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, tạo sức lan tỏa trong đời sống xã hội. Xây dựng Bộ quy tắc ứng xử văn hóa công vụ, liêm chính công vụ, vai trò nêu gương của cá nhân người đứng đầu. Xây dựng chính quyền liêm chính, phục vụ, thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoạt động hiệu lực, hiệu quả, xây dựng văn hóa đồng hành, phục vụ, thực thi.

Xây dựng văn hóa trong phát triển kinh tế. Bảo đảm phát triển văn hóa theo hướng không chỉ là đối tượng thụ hưởng thành quả của tăng trưởng mà còn trở thành động lực của tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế bảo đảm gắn với giải quyết tốt vấn đề công bằng, tiến bộ xã hội.

Đẩy mạnh tinh thần khởi nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân giỏi, kinh doanh đúng pháp luật, đóng góp có trách nhiệm cho cộng đồng và xã hội. Phát huy các yếu tố tích cực, các giá trị nhân văn, nhân đạo, tiến bộ trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng. Thúc đẩy trách nhiệm xã hội của các tổ chức tôn giáo bằng những cơ chế hiệu quả để chính các tổ chức tôn giáo tự giác điều tiết nguồn lực của mình phục vụ mở mang phúc lợi xã hội, phúc lợi văn hóa.

(6) Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ chính đáng của nhân dân; các sự kiện văn hóa, lễ hội mang bản sắc Quảng Ninh phải trở thành sản phẩm du lịch, thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ.

Xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc gắn với phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương. Xây dựng, khôi phục, bảo tồn các làng nghề truyền thống có tiềm năng thực hiện dự án bảo tồn và phát huy di sản văn hóa và một số làng dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

Có cơ chế, chính sách ưu tiên, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư khôi phục, phát triển; mở rộng các chợ phiên miền núi, biên giới, chợ nông thôn và các loại hình chợ phù hợp. Tiếp tục phát huy giá trị bản địa của sản phẩm qua mô hình OCOP, xem các sản phẩm OCOP là sản phẩm văn hóa, giá trị tăng thêm không phải là giá trị sử dụng mà là giá trị văn hóa.

(7) Tập trung phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; thu hẹp nhanh khoảng cách giàu - nghèo, chênh lệch vùng miền trong tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương.

Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo. Khôi phục, phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa bản địa.

Hỗ trợ các nghệ nhân dân gian trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng lớp người kế cận; các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian tại thôn, bản, vùng *đồng bào* dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới.

(8) Phát triển ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, công nghiệp thời trang dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo được tổ chức sản xuất ở trình độ cao. Đổi mới tư duy, nhận thức và khai thác mọi tiềm năng, lợi thế khác biệt về tài nguyên văn hóa đa dạng, con người Quảng Ninh để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có sức cạnh tranh thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ. Thúc đẩy liên kết vùng trong xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa, xây dựng thương hiệu du lịch Hạ Long - Quảng Ninh. Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến việc giữ gìn nét đẹp văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, ngăn chặn nguy cơ du nhập văn hóa ngoại lai, không tích cực, tăng cường "sức mạnh mềm", văn hóa thông qua giao lưu hợp tác quốc tế về văn hóa, nghệ thuật và truyền thống các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh ra phạm vi cả nước và thế giới.

Nâng cao chất lượng sản phẩm của Trung tâm Truyền thông tỉnh, mở rộng hợp tác quốc tế, Quảng Ninh cần có kế hoạch thường niên giới thiệu các sản phẩm văn hóa của

tình ra nước ngoài, thu hút các sự kiện văn hóa, triển lãm của các thương hiệu nổi tiếng thế giới đến tổ chức tại Quảng Ninh. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, đầu tư hạ tầng công nghệ số cho các vùng chậm phát triển, trong các lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, nghệ thuật biểu diễn, thư viện, bảo tàng, di sản văn hóa,... đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về tiếp cận thông tin và hưởng thụ văn hóa của người dân.

7. Đề xuất, kiến nghị

(1) Đề nghị Trung ương nghiên cứu, ban hành các nghị quyết, chỉ thị thay thế Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, gây hủy hoại đạo đức xã hội” phù hợp với tình hình hiện nay.

(2) Chỉ đạo nghiên cứu các giải pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hóa trong xã hội; coi trọng giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ; xây dựng các chế tài, quy định nhằm lành mạnh hóa môi trường sống, môi trường văn hóa.

(3) Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Có chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ nghệ nhân, những người hoạt động nghệ thuật.

(4) Tăng cường công tác quản lý trên lĩnh vực truyền thông, hoạt động sáng tác, in ấn, xuất bản, các trang thông tin điện tử, mạng xã hội có nội dung không lành mạnh, tác động tiêu cực đến tư tưởng, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ.

MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TRONG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC VÀ THÀNH PHỐ

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG

Qua 35 năm đổi mới, đặc biệt sau 15 năm thành phố Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 5/8/2003 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, được sự quan tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội và các bộ, ngành trung ương, với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đã có nhiều quyết sách để triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, thành phố nhằm đưa Hải Phòng bước vào thời kỳ phát triển bứt phá với những dấu ấn mới. Kinh tế - xã hội thành phố phát triển mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng cao, lĩnh vực văn hóa được quan tâm đầu tư tương xứng với kinh tế thông qua nhiều chính sách đột phá và cách làm sáng tạo. Đặc biệt chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa lịch sử, cách mạng góp phần tôn vinh vùng đất, nét bản sắc văn hóa con người Hải Phòng. Những kết quả tích cực, toàn diện đó có ý nghĩa cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, khơi dậy nguồn lực tinh thần to lớn, là sức mạnh tổng hợp để xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng bước vào thời kỳ phát triển mới theo tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/10/2019 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn 2045” đã xác định.

Từ thực tiễn sinh động đó, thành phố Hải Phòng rút ra những *bài học kinh nghiệm* trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thành phố cụ thể như sau:

(1) *Coi trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển văn hóa, con người Hải Phòng; đổi mới, nâng cao chất lượng việc quán triệt tuyên truyền và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, Thành ủy về xây dựng và phát triển*

văn hóa¹; nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, đặc biệt là người đứng đầu và cán bộ chủ chốt về vai trò của văn hóa vừa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là động lực, mục tiêu của sự phát triển.

Việc quán triệt, học tập, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch, chương trình và sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về công tác văn hóa, văn nghệ và văn học nghệ thuật được các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể từ thành phố tới cơ sở triển khai kịp thời, nghiêm túc, bài bản, tạo sự chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức cho người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hải Phòng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và thành phố. Lãnh đạo thành phố còn quán triệt, xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam nói chung, Hải Phòng nói riêng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, đặc biệt nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, lấy sự nêu gương của cán bộ, đảng viên là yêu cầu quan trọng, khâu then chốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Các cấp ủy đảng, chính quyền từ thành phố tới các địa phương, đơn vị làm tốt công tác “bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch”; công tác quản lý, định hướng thông tin báo chí để tăng cường thông tin tích cực, hạn chế thông tin xấu, độc tác động không tốt đến tư tưởng, dư luận xã hội trong cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố, góp phần đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Việc xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đoàn kết được triển khai gắn liền với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

(2) Thống nhất chủ trương, hành động phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa; chú trọng việc thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương và thành phố về công tác văn hóa; tăng cường hoạt động xã hội hóa; đầu tư bài bản, trọng tâm, trọng điểm,

1. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc”; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về việc “Xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”, Chỉ thị số 15-CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy khóa XI về “Việc cưới, việc tang, lễ hội và bài trừ mê tín dị đoan”; Nghị quyết số 23-NQ/TW năm 2008 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Nghị quyết số 16-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy khóa XIII về “Phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 19/8/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về “Triển khai tổ chức thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

có nhiều đột phá, điểm nhấn đối với hoạt động văn hóa, nghệ thuật, từng bước nâng cao thị hiếu, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

- Chủ trương phát triển toàn diện, hài hòa giữa kinh tế và văn hóa - xã hội trên địa bàn thành phố có sự chuyển biến rõ nét, thu được nhiều kết quả tích cực.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân 15 năm (2003-2007) của thành phố đạt 10,92%/năm (gấp 1,68 lần so với mức tăng trưởng bình quân cả nước); bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 14,02%/năm, gấp 2,1 lần tốc độ tăng trưởng của cả nước (6,78%/năm). Giai đoạn 2016-2020: tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục - đào tạo là 22.123,836 tỷ đồng, gấp 5,6 lần giai đoạn 2011-2015 (3.954,08 tỷ đồng); tổng mức đầu tư cho y tế là 17.666 tỷ đồng, gấp 1,6 lần giai đoạn 2011-2015 (10.953 tỷ đồng)... Bên cạnh thành tựu về phát triển kinh tế, thành phố triển khai thực hiện toàn diện các mặt công tác giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, dân số, gia đình, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng, chống tệ nạn xã hội,... với nhiều chủ trương, chính sách đột phá. Thành phố đã hỗ trợ 100% học phí cho học sinh các cấp; khen thưởng cao đối với đội ngũ giáo viên, học sinh giỏi đạt giải trong các kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế; ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các công trình văn hóa, lịch sử truyền thống; đầu tư cải tạo, nâng cấp, trùng tu nhiều di tích lịch sử trên địa bàn các quận, huyện; chi chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao, thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại giải thể thao khu vực và quốc tế ở mức cao nhất cả nước,...

Hàng năm, Thường trực Thành ủy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố, đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành tổ chức gặp gỡ, tiếp xúc, động viên, chia sẻ, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của giới văn nghệ sĩ thành phố; từ đó quan tâm đẩy mạnh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa, văn học và nghệ thuật với nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện thiết thực, hiệu quả.

- Hoạt động văn hóa có sự đầu tư bài bản, trọng tâm, trọng điểm, nâng cao chất lượng, chiều sâu nghệ thuật, góp phần nâng cao thị hiếu, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Từ năm 2012, thành phố đã tổ chức thành công Lễ hội Hoa Phượng Đỏ thường niên với nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao quy mô, hấp dẫn; góp phần tôn vinh, quảng bá hình ảnh vùng đất và con người Hải Phòng, những thành tựu đột phá, nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội, truyền thống cách mạng, bề dày lịch sử, chiều sâu văn hóa, vẻ đẹp thiên nhiên, đặc trưng của thành phố, trở thành sản phẩm văn hóa, du lịch đặc sắc, riêng biệt của người dân đất Cảng.

Thực hiện sắp xếp, đầu tư cơ sở vật chất cho các đoàn nghệ thuật thành phố, từ tháng 11/2019 đến 11/2021, Hải Phòng đã triển khai 28 vở diễn thuộc Đề án sân khấu truyền hình Hải Phòng với hình thức phát sóng trực tiếp hoặc ghi hình phát sóng trên Đài Phát thanh - Truyền hình Hải Phòng. Đề án được sự hưởng ứng tích cực của

những người yêu văn hóa, nghệ thuật và văn nghệ sĩ thành phố; sự đánh giá cao của Trung ương và các tỉnh, thành khác; là cơ hội để văn nghệ sĩ, diễn viên thành phố sáng tác, biểu diễn, thỏa sức đam mê với nghề và nâng cao trình độ, sức sáng tạo nghệ thuật. Đây còn là điểm sáng của hoạt động sân khấu cả nước, đặc biệt trong giai đoạn phòng, chống dịch bệnh COVID-19, hiện chương trình vẫn được duy trì đều đặn, trong khi hầu hết hoạt động sân khấu trong cả nước bị tạm dừng và gián đoạn.

Năm 2016-2017, thành phố tổ chức thành công cuộc thi “Sáng tác văn học, nghệ thuật” với chủ đề “Hải Phòng - Khát vọng vươn lên” (tổng cộng có 561 tác phẩm của 556 tác giả trong và ngoài nước tham gia, cơ cấu giá trị giải thưởng có sự đột phá lớn nhất từ trước tới nay trong cả nước).

Công tác xã hội hóa hoạt động văn hóa được từng bước đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đặc biệt chú trọng phát triển, nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở và những công trình văn hóa lớn mang tầm vóc đô thị loại 1 - đô thị trung tâm cấp quốc gia. Tiếp tục đầu tư nâng cấp mạng lưới nhà văn hóa xã; khuyến khích thực hiện xã hội hóa để xây dựng nhà văn hóa thôn; dành quỹ đất cho các công trình văn hóa, vui chơi giải trí. Việc xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa đã đạt được những kết quả đáng kể, huy động từ nguồn vốn xã hội hóa đạt hiệu quả cao. Đến nay, trên địa bàn thành phố có 1 trung tâm văn hóa cấp thành phố, 14 trung tâm văn hóa thông tin cấp huyện, 223 nhà văn hóa xã, phường, thị trấn và hơn 800 nhà văn hóa, trung tâm văn hóa làng. Một số công trình văn hóa được đầu tư như: Nhà hát Thành phố, Rạp chiếu bóng 1/5,...; một số công trình văn hóa được sửa chữa như: Rạp Tháng Tám, Rạp Công nhân, Rạp Sông Cấm, Rạp Long Châu, Cung Văn hóa Thiếu nhi, Cung Văn hóa Hữu nghị Việt - Tiệp,...

Từ những điểm nhấn về việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, tăng cường nguồn lực đầu tư và thực hiện xã hội hóa hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thành phố đã góp phần tạo môi trường, điều kiện thuận lợi, khuyến khích, khơi dậy trách nhiệm, tâm huyết, tài năng của đội ngũ văn nghệ sĩ trong sáng tác, biểu diễn các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị, vừa để văn hóa, văn học và nghệ thuật phát triển đúng định hướng, vừa bảo đảm quyền tự do của nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật. Từ đó, từng bước nâng cao thị hiếu, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển con người Hải Phòng đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố và đất nước.

(3) *Chú trọng việc xây dựng, phát triển con người Hải Phòng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và thành phố, tăng cường đầu tư cả về chất lượng và chiều sâu với quan điểm đề cao vai trò chủ thể và vị trí trung tâm của nhân dân, mọi chính sách đều hướng về nhân dân; phát huy tối đa bản sắc truyền thống tốt đẹp của người Hải Phòng, khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết, xác định đây là một trong những nguồn lực quan trọng để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thành phố.*

- Công tác an sinh xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thành phố Hải Phòng từng bước được cải thiện và nâng cao.

Cùng với những kết quả đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, chủ trương “Đầu tư cho an sinh xã hội phải đi trước so với tốc độ phát triển kinh tế” đã được lãnh đạo thành phố tích cực triển khai thực hiện, cụ thể hóa bằng nhiều cơ chế, chính sách ưu tiên trong phân bổ nguồn lực cho các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, xây dựng nông thôn mới. Trong những năm qua, thành phố đã có 17.595 hộ gia đình thương binh liệt sĩ, người có công, hộ nghèo được thụ hưởng chính sách này với tổng kinh phí 462 tỷ đồng; 77.809 người được hưởng mức chuẩn trợ giúp xã hội với tổng kinh phí 478,317 tỷ đồng. Nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho các đối tượng chính sách lên gấp 1,4 lần quy định của Chính phủ; cấp gạch, xi măng, hỗ trợ để xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các gia đình chính sách, giảm mạnh tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo của từng giai đoạn. GRDP bình quân đầu người tăng vượt chỉ tiêu.

Nhiều tác phẩm, công trình, chương trình văn học nghệ thuật có giá trị đã ra đời để quảng bá, giới thiệu về vùng đất và con người Hải Phòng; góp phần định hướng những giá trị chân - thiện - mỹ, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, giáo dục kỹ năng sống, ý thức tuân thủ pháp luật hướng tới mục tiêu xây dựng con người Hải Phòng phát triển toàn diện mang đặc trưng của thành phố Cảng.

Hoạt động văn hóa tại cơ sở và hướng tới cơ sở được tăng cường. Hằng năm, thành phố tổ chức hàng ngàn buổi diễn văn nghệ và hàng trăm buổi liên hoan, hội thi, hội diễn từ cơ sở đến thành phố, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sinh hoạt văn hóa của các tầng lớp nhân dân. Kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng mới rạp chiếu phim, cụm rạp phim hiện đại, với quy mô vừa; đăng cai tổ chức nhiều đợt liên hoan phim quốc tế; các đội chiếu bóng lưu động hoạt động có hiệu quả tại khu vực ngoại thành và hải đảo. Phong trào rèn luyện sức khỏe được tổ chức rộng khắp thông qua các đại hội thể dục thể thao từ cấp cơ sở đến thành phố; các lễ hội văn hóa, du lịch được tổ chức thường niên với nội dung và chất lượng ngày càng phong phú, đa dạng.

Nhằm đưa Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đi vào cuộc sống, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 16 Đảng bộ thành phố trên lĩnh vực văn hóa, Thành ủy Hải Phòng đã xây dựng Chương trình hành động xây dựng, phát triển văn hóa, con người Hải Phòng với mục tiêu “giữ gìn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, bản sắc văn hóa truyền thống, xây dựng con người Hải Phòng phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của thành phố và đất nước”¹. Trong đó xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa, con người Hải Phòng toàn diện, mang đặc trưng của thành phố

1. Đến năm 2025, trên địa bàn thành phố sẽ có khoảng 95-96% số hộ gia đình được công nhận là gia đình văn hóa; 20-25% số thôn, tổ dân phố văn hóa tiêu biểu, xuất sắc được công nhận 5 năm liền; 70-75% số quận, huyện, 85-87% số xã, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn, 50% phường có nhà văn hóa đạt chuẩn, 80-85% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa, khu thể thao hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng, góp phần giữ vững thành tích Hải Phòng là trung tâm thể thao mạnh của cả nước.

Cảng: Giữ gìn, phát huy truyền thống “Trung dũng - Quyết thắng”, phẩm chất “Đoàn kết - Nghĩa tình - Năng động - Sáng tạo”, có thể giới quan khoa học, nhân cách, lối sống đẹp gắn với đặc tính cơ bản của con người Việt Nam “Yêu nước - Nhân ái - Nghĩa tình - Trung thực - Đoàn kết - Cần cù - Sáng tạo”, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững thành phố và đất nước.

- Chú trọng, quan tâm đúng mức, việc xây dựng hiệu quả môi trường văn hóa lành mạnh.

Việc xây dựng môi trường văn hóa trong cộng đồng (cơ quan, gia đình, trường học), phát huy truyền thống gia đình, dòng họ, giáo dục đạo đức, lối sống được lãnh đạo thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện xuyên suốt. Hầu hết các quận ủy, huyện ủy đều ban hành nghị quyết chuyên đề về phát triển đời sống văn hóa cơ sở.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đã góp phần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; giữ gìn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc; tình làng, nghĩa xóm, tinh thần tương thân, tương ái tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp Hải Phòng hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững.

Nội dung giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình được đưa vào công tác rà soát chỉnh lý hương ước, quy ước tại các làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa trên địa bàn thành phố. Phong trào xây dựng các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến, các mô hình (như: “Gia đình nông thôn phát triển bền vững”; “Xã, phường phù hợp với trẻ em”; “Gia đình trẻ”,...) được xây dựng và thông qua hoạt động, góp phần ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, dần loại bỏ các thói hư, tật xấu, làm lành mạnh hơn các mối quan hệ gia đình¹.

Được sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, đoàn thanh niên các cấp đã phối hợp xây dựng, nâng cấp thiết chế văn hóa cơ sở, tạo ra nhiều sân chơi, môi trường vui

1. Xuất hiện nhiều điển hình, mô hình xuất sắc, cách làm hay, hiệu quả, tích cực trong xây dựng môi trường văn hóa tại cộng đồng như: Hội Nông dân “xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn”; Hội Liên hiệp Phụ nữ “xây dựng mô hình tổ phụ nữ không có chồng, con mắc tệ nạn xã hội, xây dựng câu lạc bộ gia đình hạnh phúc”; Thành đoàn Hải Phòng “xây dựng đời sống văn hóa trong thanh niên”; Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố “xây dựng đời sống văn hóa trong trường học”; Liên đoàn Lao động thành phố tổ chức “Ngày hội văn hóa thể thao công nhân lao động”, duy trì “xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trong công nhân, viên chức, lao động thành phố”; Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố xây dựng “đơn vị văn hoá”, “họ giáo bình an - văn hoá - tiến bộ”; Bộ đội Biên phòng “xây dựng đời sống văn hóa biên giới và hải đảo”; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố tập trung đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; ngành Văn hóa, thể thao và du lịch chủ trì nâng cao chất lượng xây dựng làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa, quản lý các lễ hội, phát động phong trào “Toàn dân rèn luyện thể dục thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại”, “Huyện điểm văn hoá” và chuẩn hóa các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở; huyện An Lão xây dựng mô hình điểm “Dòng họ văn hoá”; huyện Kiến Thụy xây dựng mô hình điểm “Xã, thị trấn văn hoá”; huyện Thủy Nguyên xây dựng mô hình điểm “Việc cưới” khối ngoại thành; huyện Vĩnh Bảo xây dựng mô hình điểm “Việc tang” khối ngoại thành; quận Lê Chân xây dựng mô hình điểm “Tổ chức và bình xét danh hiệu gia đình văn hoá”; quận Hồng Bàng thực hiện Đề án xây dựng mô hình điểm “Nếp sống văn minh đô thị” và “Tuyên truyền lịch sử các danh nhân được đặt tên đường, tên phố”,...

chơi lành mạnh cho thanh, thiếu nhi. Công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương được các cấp, các ngành, các địa phương chú trọng thực hiện. Đến nay, hầu hết các trường phổ thông trên địa bàn thành phố đã đưa nội dung văn hóa, lịch sử địa phương vào chương trình giảng dạy. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống được các cấp bộ đoàn triển khai thực hiện theo phương châm coi trọng việc xác định giá trị, tiêu chí, chuẩn mực trong hành vi, lối sống, ứng xử của cán bộ, đoàn viên, thanh, thiếu nhi. Các hoạt động đều hướng đến giáo dục thanh, thiếu nhi học tập, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Quan tâm kịp thời đến công tác xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế.

Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế được xác định là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đoàn kết; được triển khai gắn liền với việc thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

Thành ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng đưa nội dung xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa trở thành một trong những tiêu chí để đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng hằng năm. Các cấp ủy đảng, các cơ quan, ban, ngành, địa phương cụ thể hóa việc xây dựng văn hóa trong chính trị thông qua các nội quy, quy chế, quy định chuẩn mực về đạo đức, tác phong, lễ lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức.

Việc xây dựng văn hóa trong kinh tế được các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện, nhất là việc cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân được lãnh đạo thành phố quan tâm chỉ đạo trên cơ sở ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững, kinh doanh có hiệu quả. Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn thành phố còn thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, nhất là đối với gia đình chính sách, người có công, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Trong hầu hết các sự kiện quan trọng của thành phố đều có vai trò tham gia của các doanh nghiệp, doanh nhân¹.

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành về hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; triển khai giao kết hợp tác kinh tế giữa tỉnh Lào Cai và thành phố Hải Phòng; tổ chức sự kiện kết nối đầu tư kinh doanh Nhật Bản - Việt Nam; chỉ đạo các cơ quan liên quan tiếp tục triển khai hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 7/8/2018 về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2018-2019 của thành phố Hải Phòng; duy trì việc đối thoại trực tuyến, định kỳ trên Cổng thông tin điện tử thành phố; tổ chức thực hiện chuyên mục “Dân hỏi - Giám đốc Sở trả lời”; chủ trì đối thoại hằng tháng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, giao các cấp, các ngành có liên quan xem xét, giải quyết, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong việc đầu tư kinh doanh tại thành phố; các sở, ngành hỗ trợ tổ chức các buổi tọa đàm để tìm hiểu tính cách, phong tục, tập quán, văn hóa, con người Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Các hoạt động đối ngoại văn hoá của thành phố được triển khai có trọng tâm, trọng điểm, để lại dấu ấn sâu sắc với bạn bè quốc tế, giao lưu văn hoá mở rộng theo phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá, phong phú về loại hình tổ chức (như: chiếu phim, triển lãm nghệ thuật, biểu diễn giao lưu nghệ thuật, thể thao,...).

Các đoàn nghệ thuật thành phố đã tham gia biểu diễn tại một số nước như: Trung Quốc, Nga,... Bên cạnh đó, nhiều đoàn nghệ thuật của các nước trên thế giới cũng đến giao lưu, biểu diễn nghệ thuật tại Hải Phòng như: Trung Quốc, Lào, Pêru, Hà Lan, Mỹ, Côlômbia. Lễ hội Hoa Phượng Đỏ hằng năm có sự tham gia của các đoàn nghệ thuật một số quốc gia như: Lào, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Bỉ, Trung Quốc..., góp phần thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển du lịch. Thành phố còn tích cực trong việc đăng ký Vịnh Lan Hạ là một trong những vịnh đẹp nhất thế giới và là thành viên Câu lạc bộ các vịnh đẹp nhất thế giới (MBBW); hoàn thiện hồ sơ trình UNESCO công nhận di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà.

(4) Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn với đầu tư, khai thác, phát huy các nguồn lực văn hóa; chú trọng phát triển toàn diện, hài hòa giữa văn hóa với kinh tế, văn hóa với giáo dục - đào tạo, triển khai có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội.

Những năm gần đây, tốc độ phát triển kinh tế trên địa bàn thành phố có nhiều khởi sắc, đột phá; theo đó, mức đầu tư cho văn hóa được nâng lên đáng kể, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch các nguồn đầu tư, ưu tiên khu vực miền núi, hải đảo và một số loại hình nghệ thuật truyền thống. Từ đó, công tác bảo tồn, sưu tầm và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể được quan tâm triển khai đạt kết quả tốt. Tổ chức khai thác có hiệu quả các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa quốc gia, thế giới; phục hồi, duy trì một số làng nghề truyền thống; phát triển câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian; tu bổ một số công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về chống xuống cấp di tích,...¹. Hiện nay, số liệu thống kê các di tích, công trình văn hóa trên địa bàn thành phố như sau: tổng số di tích kiểm kê là 879 di tích; tổng số di tích được xếp hạng là 521 di tích, trong đó di tích xếp hạng quốc gia là 118 di tích (di tích quốc gia đặc biệt là 2 di tích), di tích xếp hạng cấp thành phố là 403 di tích; ngoài ra có 474 lễ hội và 9 di sản văn hóa phi vật thể.

1. Tổ chức khai thác có hiệu quả danh thắng quần đảo Cát Bà, các di tích lịch sử tại các huyện Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, di sản phi vật thể quốc gia Lễ hội Chọi trâu Đồ Sơn, Lễ hội truyền thống Nữ tướng Lê Chân; di sản văn hóa thế giới cần được bảo vệ khẩn cấp: Ca trù. Một số làng nghề được phục hồi và phát triển như: Làng nghề tạc tượng Đồng Minh (Vĩnh Bảo), làng nghề đúc đồng Phương Mỹ, làng nghề gốm Minh Tân (Thủy Nguyên). Một số câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian được thành lập, duy trì và phát triển như: Câu lạc bộ hội hát Đúm, Câu lạc bộ Ca trù (Thủy Nguyên). Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về chống xuống cấp di tích, một số công trình ở Hải Phòng được tu bổ tôn tạo Nhà hát thành phố, đình Kiên Bái, Kinh Giao, Từ Lương Xâm, Đền Nghè, Đền Gắm, Đình Hàng Kênh, Bến tàu Không số, Tháp Tường Long, Khu di tích vương triều Mạc, Khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm,...

Bên cạnh những di tích được đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, thành phố Hải Phòng chủ động hỗ trợ công tác tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa cấp thành phố; ban hành nhiều chính sách, ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các công trình văn hóa, lịch sử truyền thống. Thành phố còn đầu tư cải tạo, nâng cấp, trùng tu các di tích lịch sử trên địa bàn các quận, huyện; hoàn thành xây dựng Nhà tưởng niệm đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, hệ thống giao thông, cây xanh Khu di tích quốc gia đặc biệt Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 28/2/2020 về việc “Khoanh vùng để quản lý, lập quy hoạch bảo tồn các khu vực liên quan tới các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm trên dòng sông Bạch Đằng”; xây dựng tuyến đường vào và Khu bảo tồn bãi cọc Cao Quỳ, huyện Thủy Nguyên.

Theo đó, các giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa, lịch sử, cách mạng được kế thừa, bảo tồn và phát huy, góp phần tôn vinh vùng đất, con người Hải Phòng với chiều sâu văn hóa, bề dày lịch sử hào hùng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng còn tồn tại những khó khăn, hạn chế như sau:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể trong việc tổ chức, triển khai đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa còn chậm; tuy đã có nhiều chuyển biến nhưng việc thể chế hóa các chính sách, chủ trương về văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Sự phối hợp trong quản lý và tổ chức triển khai hoạt động văn hóa giữa các cơ quan, ban, ngành liên quan tại một số thời điểm, một số nơi chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ. Công tác quản lý, bảo tồn, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa chưa được quan tâm đúng mức, có tình trạng di tích xuống cấp nhưng chưa được trùng tu, sửa chữa kịp thời.

- Chất lượng các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa đã được nâng lên, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của nhân dân; việc thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển công nghiệp văn hóa còn hạn chế. Các sản phẩm văn hóa phục vụ cho du lịch, dịch vụ chưa phong phú, đa dạng; chưa gắn sản phẩm văn hóa với sản phẩm du lịch, làng nghề. Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực về văn hóa chưa được quan tâm đúng mức, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý văn hóa.

- Các biểu hiện thiếu văn minh trong kinh doanh, giao tiếp ứng xử, tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống, các tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, thiếu bền vững, chưa đi vào chiều sâu.

Từ thực tế trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa tại địa phương, Thành ủy Hải Phòng *đề xuất, kiến nghị* một số nội dung sau:

- *Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư:* Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, kết luận liên quan đến lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật để kịp thời bổ khuyết tiếp tục thực hiện; kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách nhằm tạo điều kiện tối đa, tương xứng để phát triển văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ mới.

- *Đề nghị Ban Cán sự Đảng Chính phủ:*

+ Quan tâm thể chế hóa; tăng cường nguồn lực đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa đối với khu vực nông thôn, miền núi, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các thiết chế văn hóa phục vụ công nhân ở các khu công nghiệp; có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa.

+ Tăng cường quản lý truyền thông, hoạt động sáng tác, xuất bản; xử lý kịp thời các trang thông tin điện tử, mạng xã hội có nội dung không lành mạnh, đăng tải thông tin sai sự thật, tác động tiêu cực đến tư tưởng, tình cảm của các tầng lớp nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ.

- *Đề nghị Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:* Phối hợp với các ban, bộ, ngành trung ương xây dựng và trình Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện cho văn hóa phát triển; đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với phát huy hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA XỨ ĐÔNG, XÂY DỰNG CON NGƯỜI HẢI DƯƠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN

PHẠM XUÂN THẮNG*

Trước hết, văn hóa là một khái niệm rất rộng, với nhiều cách hiểu, nhiều định nghĩa khác nhau, tùy theo phạm vi xem xét, nghiên cứu. Tuy nhiên, năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa: “Văn hóa nên được đề cập như một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin”.

Hiểu một cách đầy đủ, theo nghĩa rộng, văn hóa là sản phẩm của loài người, được tạo ra và phát triển trong mối quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Văn hóa còn tham gia vào việc tạo nên con người cũng như duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, được tái tạo và phát triển trong quá trình hoạt động và tương tác xã hội của con người. Văn hóa là sự thể hiện trình độ phát triển của con người và của xã hội được biểu hiện trong các hình thái: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể; các hình thức tổ chức đời sống: lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo,...; hành động của con người: đạo đức, lối sống, quan hệ xã hội...; trong giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra.

Hiểu theo cách phân loại các lĩnh vực đời sống, xã hội thì văn hóa là một ngành, một lĩnh vực (lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; lĩnh vực chính trị; lĩnh vực kinh tế; lĩnh vực xã hội; lĩnh vực an ninh, quốc phòng;...), nhưng văn hóa lại “nằm”, “chứa đựng”, hòa quyện trong mọi lĩnh vực khác.

Mỗi quốc gia, dân tộc đều có những bản sắc văn hóa riêng của mình. Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường, dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh trên thế giới để không ngừng hoàn thiện mình.

* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Bản sắc dân tộc Việt Nam “đó là, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... nên văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng, trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam”¹. Đây cũng chính là đặc trưng cơ bản, giá trị cốt lõi của văn hóa Việt Nam, mà chúng ta cần gìn giữ và phát huy trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đảng ta luôn nhận thức rõ vai trò to lớn của văn hóa, *Đề cương về Văn hóa Việt Nam* năm 1943 được coi là tuyên ngôn của Đảng về một nền văn hóa, với quan điểm: dân tộc, khoa học và đại chúng. Trong các cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện, với khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến”, văn hóa được coi như một mặt trận, một động lực và mục tiêu của cách mạng.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra luận điểm “văn hóa soi đường cho quốc dân đi”², và luận điểm này đã trở thành nguyên tắc chi phối, có ý nghĩa cơ bản, lâu dài, là “soi chỉ đờ” xuyên suốt quá trình phát triển văn hóa Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Quan điểm này không chỉ mở rộng nội hàm của văn hóa, mà còn đặc biệt chú ý đến những nhân tố cơ bản của đời sống văn hóa trong điều kiện mới. Đó là các vấn đề về đạo đức, lối sống, giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, là phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, kết tinh trong bản sắc văn hóa cộng đồng của dân tộc Việt Nam. Năm 2014, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ra nghị quyết chuyên đề về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Qua đó, chúng ta có thể thấy, nhận thức về văn hóa, xã hội, con người của Đảng ta ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn, nhờ đó, các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng phong phú, đáp ứng nhu cầu đa dạng của đời sống xã hội. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy một cách hiệu quả và thiết thực.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, t.69, tr.431.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

Trên địa bàn tỉnh Hải Dương, lĩnh vực văn hóa luôn được sử dụng với cụm từ “Văn hóa xứ Đông” là muốn nói đến nét đặc trưng riêng của xứ Đông xưa với hạt nhân là trấn Hải Đông, nay là thành phố Hải Dương. Ngoài những đặc điểm chung của văn hóa Việt Nam, văn hóa xứ Đông còn có những đặc trưng của vùng đất được mệnh danh là “địa linh, nhân kiệt”.

Một là, văn hóa xứ Đông có bề dày lịch sử, thể hiện qua những di tích lịch sử văn hóa, bao gồm văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng, độc đáo với 1.098 di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng hiện đang được lưu giữ tại tỉnh Hải Dương. Từ những dấu ấn của thời kỳ đồ đá cũ có niên đại trên 3 vạn năm, như di chỉ ở hang Thánh Hóa, núi Nhấm Dương, đến những di chỉ, di vật có giá trị của thời đại đồ Đồng, như Đồi Thông (Kinh Môn); Hữu Chung (Tứ Kỳ); làng Gọp (Thanh Hà),... Văn hóa thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn cũng là dòng chảy liên tục và rực sáng trên vùng đất này, tạo nên một không gian văn hóa đặc biệt với 127 di tích được xếp hạng quốc gia mà tiêu biểu là Côn Sơn - Kiếp Bạc, Phượng Hoàng (Chí Linh). Đây cũng là nơi lưu giữ lịch sử về ba danh nhân vĩ đại của đất nước và thế giới, đó là Trần Hưng Đạo - danh nhân quân sự, Nguyễn Trãi - danh nhân văn hóa, Chu Văn An - “người thầy của muôn đời”.

Hai là, văn hóa xứ Đông là truyền thống của những phong tục, tập quán, lối sống tốt đẹp, lành mạnh của cộng đồng dân cư, được lưu truyền và thể hiện qua các lễ hội truyền thống. Điển hình là Lễ hội chùa Côn Sơn, Lễ hội đền Kiếp Bạc, là một trong những lễ hội lớn của cả nước, và khoảng 566 lễ hội truyền thống khác đã được khôi phục. Hải Dương còn nổi tiếng là một trong những cái nôi của nghệ thuật hát chèo vùng Đồng bằng Bắc Bộ, “Chiếng chèo Đông” - phường chèo xứ Đông với những nghệ nhân tên tuổi đã góp phần to lớn vào việc xây dựng và phát triển nghệ thuật hát chèo Việt Nam. Ngoài ra, vùng đất này còn gìn giữ nhiều loại hình văn nghệ dân gian như: nghệ thuật tuồng, múa rối nước, xiếc, hát ca trù, hát trống quân, hát đối, hát ru, ca dao, tục ngữ, qua đó thể hiện những nét trữ tình, lạc quan, đầy lãng mạn trong tính cách của người xứ Đông.

Ba là, văn hóa xứ Đông mang đặc trưng của sự cần cù lao động, sáng tạo, được hình thành, phát triển bằng sức lao động của con người nơi đây, họ đã tạo ra những sản vật truyền thống, như: gạo nếp cái hoa vàng, vải thiều, bánh đậu xanh, bánh gai, mắm rươi, mắm cáy,... Hải Dương còn là quê hương của nhiều làng nghề truyền thống danh tiếng như chạm khắc đá Kính Chủ (Kinh Môn), chạm khắc gỗ Đông Giao (Cẩm Giàng), kim hoàn - vàng bạc Châu Khê (Bình Giang), gốm Chu Đậu (Nam Sách), khắc ván in Hồng Lục - Liễu Tràng (Gia Lộc),... Những sản phẩm từ các làng nghề truyền thống này đã thể hiện sự sáng tạo khéo léo, tài hoa của người xứ Đông.

Bốn là, văn hóa xứ Đông là truyền thống hiếu học. Thời kỳ phong kiến, Hải Dương là địa phương đứng đầu về số lượng tiến sĩ Nho học của cả nước với 472 người, trong đó có 11 trạng nguyên. “Làng Tiến sĩ” Mộ Trạch thuộc huyện Bình Giang

nổi tiếng với 39 tiến sĩ. Văn miếu Mao Điền huyện Cẩm Giàng minh chứng cho truyền thống hiếu học của người xứ Đông. Nhiều tiến sĩ Nho học của Hải Dương là những tác giả nổi tiếng, như Tuệ Tĩnh, Mạc Đĩnh Chi, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Vũ Hữu, Nguyễn Dữ,... đặc biệt là Nguyễn Thị Duệ - nữ tiến sĩ đầu tiên của Việt Nam, để lại cho các thế hệ sau này hàng trăm tác phẩm có giá trị trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, khoa học, văn học, ngoại giao.

Có thể nói, giá trị cốt lõi của văn hóa xứ Đông - Hải Dương, chứa đựng đầy đủ những giá trị của văn hóa Việt Nam và mang đậm nét giá trị văn hóa truyền thống của người Hải Dương, đó là lòng yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo; sự tinh tế, tính giản dị; hiếu học, khéo léo, tài hoa, lạc quan, lãng mạn, quyết tâm, vượt khó.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, cũng như quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương luôn coi trọng lĩnh vực văn hóa, gắn văn hóa với các hoạt động, các lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Nhờ đó, tỉnh đã đạt được một số kết quả nổi bật sau đây:

Thứ nhất, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới được nâng cao. Các cấp, các ngành trong toàn tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nghị quyết Trung ương với nhiều giải pháp sáng tạo, phù hợp và hiệu quả. Cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế, việc đẩy mạnh phát triển văn hóa và phát huy giá trị cốt lõi, nét đặc trưng của người xứ Đông - Hải Dương luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm thực hiện, thông qua nhiều chương trình, cuộc vận động lớn.

Thứ hai, đời sống văn hóa ở Hải Dương có sự chuyển biến sâu sắc, rõ nét, khẳng định vai trò to lớn của nhân dân trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" có vị trí trọng tâm, được triển khai rộng khắp và được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia, đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa và phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và thụ hưởng văn hóa của nhân dân trong công cuộc xây dựng đời sống văn hóa mới. Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều thành tựu tích cực, làm thay đổi diện mạo thôn quê, cùng với quá trình đô thị hóa mạnh mẽ gắn với phong trào xây dựng đô thị văn minh, hiện đại đã góp phần thay đổi căn bản đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội từ nông thôn đến thành thị.

Thứ ba, thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở ngày càng hoàn thiện, nhất là hệ thống nhà văn hóa thôn, khu dân cư. Đến nay, gần 100% thôn, khu dân cư có nhà văn hóa với đầy đủ trang thiết bị và điều kiện sinh hoạt, nhờ đó, phong trào văn hóa,

văn nghệ quần chúng được duy trì, phát triển, đáp ứng phần lớn nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Thứ tư, công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc bảo tồn các di sản văn hóa được thực hiện bài bản, có hiệu quả, chất lượng và đúng quy định của Nhà nước. Hải Dương cũng là một trong những tỉnh sớm hoàn thành tổng kiểm kê, phân loại di sản văn hóa trên địa bàn toàn tỉnh; đồng thời làm tốt công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực dành cho việc trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, cách mạng. Đến nay, đã có gần 100 di tích được tu bổ, tôn tạo lớn bằng nguồn ngân sách Trung ương, của tỉnh và hàng trăm di tích được tu bổ, tôn tạo bằng nguồn vốn xã hội hóa của nhân dân.

Thứ năm, đối với giáo dục con người, nhất là thế hệ trẻ, trong những năm qua, quy mô, mạng lưới trường, lớp học phát triển đồng bộ, từng bước được chuẩn hóa. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện nghiêm kế hoạch giáo dục, dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, đồng thời lồng ghép, tích hợp với giáo dục đạo đức, giáo dục hướng nghiệp và nghề phổ thông; gắn kết các chương trình giảng dạy lịch sử với tìm hiểu về lịch sử văn hóa, danh nhân ở địa phương nhằm khơi dậy lòng tự hào dân tộc, truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh đã có nhiều tiến bộ mới, mặt bằng dân trí không ngừng được nâng lên; sớm hoàn thành phổ cập tiểu học và trung học cơ sở; luôn trong top dẫn đầu toàn quốc trong các kỳ thi đại học và cao đẳng, các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. Công tác đào tạo nguồn nhân lực được chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình đào tạo sát với thực tiễn, chất lượng tay nghề, kỹ năng làm việc được nâng cao, đáp ứng một phần nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay. Công tác y tế, dân số, gia đình và trẻ em được quan tâm, chất lượng dịch vụ y tế, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được cải thiện.

Thứ sáu, phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phong trào Thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp. Tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 31%, tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao hằng năm đạt 22%. Thể thao thành tích cao tiếp tục được duy trì trong top 10 các tỉnh, thành, ngành dẫn đầu tại các kỳ Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc. Đảng cai tổ chức thành công nhiều giải thể thao trong nước và quốc tế.

Thứ bảy, sự nghiệp phát triển văn học, nghệ thuật được quan tâm; qua các cuộc thi, liên hoan, triển lãm... nhiều văn nghệ sĩ đạt giải cao, được vinh danh. Văn nghệ quần chúng trên địa bàn tỉnh có sự phát triển nhanh chóng, với nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng; bảo tồn hiệu quả những giá trị nghệ thuật truyền thống của địa phương.

Với ý nghĩa to lớn của văn hóa trong xây dựng và phát triển đất nước, xây dựng con người mới, Hải Dương tiếp tục cụ thể hóa lĩnh vực này trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và đang triển khai thực hiện bằng những

chương trình, đề án cụ thể. Chương trình “Phát huy giá trị văn hóa xứ Đông và xây dựng con người Hải Dương đáp ứng yêu cầu phát triển, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”, đã đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và kiến nghị như sau:

** Mục tiêu tổng quát:*

(1) Xây dựng đời sống và môi trường văn hóa lành mạnh phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chăm lo xây dựng con người Hải Dương có sự gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống xứ Đông với các giá trị hiện đại, sớm đưa Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030.

(2) Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh; khai thác có hiệu quả hệ thống các di tích lịch sử văn hóa, danh thắng, khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ có tính đột phá về phát triển du lịch.

(3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả về tri thức, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc và ý chí vươn lên, từng bước đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và mục tiêu phát triển của tỉnh với tinh thần “Người Hải Dương văn minh, hiếu học và khát vọng vươn lên”.

** Chỉ tiêu cụ thể:*

(1) Hằng năm, 90% số gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”; 90% số làng, khu dân cư đạt danh hiệu “Làng, khu dân cư văn hóa”; 85% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

(2) Đến năm 2025, tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 100 di tích; lập hồ sơ xếp hạng 35 - 40 di tích; có 3 - 5 di sản được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đến năm 2030, tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 200 di tích; lập hồ sơ xếp hạng 30 - 35 di tích; có 2 - 3 di sản được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

(3) Đến năm 2025, đón và phục vụ 6,2 triệu lượt khách du lịch, trong đó có 2,5 triệu lượt khách quốc tế. Đến năm 2030, đón và phục vụ 8,2 triệu lượt khách du lịch, trong đó có 3,4 triệu lượt khách quốc tế.

(4) Đến năm 2025, tỷ lệ số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên hằng năm đạt 34 - 36% dân số.

(5) Giai đoạn 2021-2025, xây dựng Trung tâm đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao. Giai đoạn 2025-2030, xây dựng Khu liên hợp Văn hóa - Thể thao tỉnh.

** Nhiệm vụ trọng tâm:*

(1) Phát triển văn hóa, thể thao và du lịch, bao gồm các nhiệm vụ nội hàm là: bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; chú trọng phát triển công nghiệp văn hóa; tập trung nguồn lực phát triển du lịch; duy trì và phát triển các phong trào thể dục, thể thao; đổi mới, nâng cao

chất lượng công tác thông tin, truyền thông; tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế trên lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

(2) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bao gồm các nhiệm vụ cụ thể nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng: giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

(3) Xây dựng “Người Hải Dương văn minh, hiếu học và khát vọng vươn lên” nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tinh thần hiếu học, cùng ý chí và khát vọng vươn lên. Cùng với đó là nâng cao chất lượng các mô hình văn hóa từ tỉnh đến cơ sở.

(4) Phát huy hiệu quả quy ước, hương ước và các giá trị văn hóa truyền thống, như đẩy lùi và loại bỏ các hủ tục, tệ nạn xã hội, các hành vi tiêu cực, tư tưởng, lối sống trái với thuần phong mỹ tục, phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong thực hiện các bộ quy tắc ứng xử.

(5) Tổ chức một số sự kiện quy mô lớn mang đậm dấu ấn Hải Dương, bao gồm các sự kiện văn hóa, du lịch (như tổ chức lễ hội ở các di tích quốc gia đặc biệt), lễ hội truyền thống dân gian được ghi danh Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, lễ hội ẩm thực - Carnival đường phố, lễ hội vải thiều Hải Dương... Đăng cai tổ chức một số giải (môn) thể thao quốc gia, quốc tế, khu vực mà Hải Dương có tiềm năng, thế mạnh. Tổ chức một số sự kiện, hội thi tài năng, học sinh giỏi nhằm khuyến khích nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên các cấp, các ngành, các đoàn thể và địa phương trong tỉnh Hải Dương đã được giao nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả 3 đề án, 8 kế hoạch và 7 nhiệm vụ trọng tâm với nhiều giải pháp đồng bộ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn và bảo đảm tính khả thi cao, theo tinh thần “5” rõ” (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ hiệu quả và rõ trách nhiệm).

Trong mỗi bước phát triển, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo luôn chú trọng xây dựng môi trường văn hóa trong chính trị và kinh tế. Chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên. Một mặt, nâng cao chất lượng cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; mặt khác, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan, tổ chức; thực hiện mạnh việc phân cấp, phân quyền gắn với xác định trách nhiệm người đứng đầu; đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của các chủ thể (giám sát trong nội bộ Đảng, giám sát của các

ơ quan quyền lực nhà nước, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, nhân dân). Quan tâm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững. Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân.

Một số đề xuất, kiến nghị:

(1) Đề nghị Trung ương tiếp tục có chiến lược về phát triển văn hóa và con người Việt Nam có tính ổn định, lâu dài, đáp ứng những yêu cầu phát triển bền vững trong tình hình mới.

(2) Đề nghị Trung ương có chính sách, cơ chế về đất đai, hỗ trợ vốn, ưu đãi về thuế... để tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp lớn về lĩnh vực văn hóa, nhằm tạo tiền đề cho các địa phương có cơ sở từng bước phát triển công nghiệp văn hóa một cách phong phú, đa dạng và linh hoạt hơn.

(3) Đề nghị Trung ương quan tâm nghiên cứu, điều chỉnh một số tiêu chí, nội dung, tên gọi trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG HUNG YÊN TRỞ THÀNH TRUNG TÂM DI SẢN VĂN HÓA ĐẶC SẮC TẠI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ CẢ NƯỚC

NGUYỄN HỮU NGHĨA*

Quan điểm của Đảng ta về văn hóa

Trước cuộc sống hiện đại, nhu cầu trở về cội nguồn, tìm hiểu lịch sử dân tộc đã và đang trở thành một nhu cầu không thể thiếu của mỗi người. Có nhiều đối tượng khác nhau để tiếp cận với lịch sử dân tộc, trong đó di sản văn hóa, di tích lịch sử văn hóa là một trong những đối tượng được quan tâm và có sức thu hút nhất, bởi di sản là bằng chứng chân thực, cụ thể, sinh động nhất về đặc điểm, cội nguồn văn hóa của mỗi dân tộc, nơi chứa đựng những giá trị truyền thống tốt đẹp, kỹ năng, kỹ xảo về trí tuệ của con người. Di tích lịch sử, di sản văn hóa là sợi dây kết nối quá khứ với hiện tại, tương lai. Các di sản văn hóa chính là những thông điệp về lịch sử mà thế hệ trước trao truyền cho thế hệ sau. Tiếp nối dòng chảy, các thế hệ đi sau kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa của cha ông để sáng tạo ra giá trị văn hóa mới.

Việt Nam là quốc gia có truyền thống văn hiến lâu đời. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, các thế hệ cha ông đã lưu lại kho tàng di sản văn hóa vô cùng đa dạng và phong phú. Văn hóa là đời sống tinh thần, thuộc về kiến trúc thượng tầng của xã hội. Văn hóa được đặt ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của cuộc sống và việc bảo tồn các di sản văn hóa rất được coi trọng nhằm thúc đẩy sự nghiệp cách mạng phát triển, tạo nền tảng tinh thần cho xã hội, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, niềm tự hào về truyền thống, sức mạnh của quốc gia. Do đó, qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta tiếp tục phát triển, bổ sung hoàn thiện các quan điểm để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ngày càng thêm phong phú, phù hợp với từng giai đoạn lịch sử. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đất nước, trong các nghị quyết và cương lĩnh của Đảng đều nhất quán chủ trương bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đặc biệt, từ tháng 12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI

* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên.

của Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Và cũng chính từ đó, Đảng không chỉ đổi mới tư duy trong kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại mà trong cả lĩnh vực văn hóa.

Quan điểm lớn bao trùm nhận thức mới của Đảng về văn hóa được thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ VII khi xác định một trong 6 đặc trưng chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng là: *“Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định đặc trưng nêu trên của chủ nghĩa xã hội, đồng thời xác định phương hướng “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hóa. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*. Trước đó, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 7/1998) cũng đã ban hành nghị quyết chuyên đề về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc khẳng định: *“Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”*.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định một trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là: *“Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.429.

con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước¹”.

Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khái quát lại quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của văn hóa: “*Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao²”.*

Những quan điểm trên của Đảng về văn hóa và bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa, di tích lịch sử văn hóa, nhất là trong 35 năm đổi mới toàn diện đất nước, không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn là cơ sở để các cơ quan nhà nước ban hành và từng bước hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý văn hóa và di sản văn hóa, có tác dụng to lớn trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa.

Hưng Yên - vùng đất văn hiến, giàu truyền thống văn hóa, lịch sử

Tỉnh Hưng Yên nằm bên tả ngạn sông Hồng thuộc trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, được phù sa sông Hồng và sông Luộc bồi đắp nên đất đai phì nhiêu, màu mỡ. Ngay từ buổi bình minh dựng nước, vùng đất Hưng Yên đã có con người cư trú. Các di tích mộ quách, mộ cũ khai quật được tại xã An Viên, huyện Tiên Lữ; mộ thuyền, trống đồng tại thôn Động Xá, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động; trống đồng tại xã Cứu Cao, huyện Văn Giang và các huyền tích, huyền sử về Chử Đồng Tử - Tiên Dung trải khắp làng, xã tại huyện Khoái Châu, Văn Giang đã minh chứng điều đó. Vào thế kỷ XVI-XVIII, thương cảng Phố Hiến được hình thành và phát triển, tàu thuyền bốn phương từ Xiêm, Mã Lai, Manila ở Đông Nam Á; Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp ở châu Âu... đến buôn bán, trao đổi hàng hóa và lập nên các thương điểm. Phố Hiến lúc này sầm uất, phồn thịnh, trở thành một đô thị cảng sông lớn nhất Đàng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

2. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Báo Nhân Dân*, số 23945, ngày 17/5/2021, tr.2.

Ngoài. Kinh thành Thăng Long khi ấy có 36 phường, thì Phố Hiến có 25 phường, trong đó có tới 8 phường thủ công. Sự xuất hiện của các phường thủ công đã thể hiện tính hoàn chỉnh của một đô thị trung đại và khẳng định Phố Hiến thực sự là một “Tiểu Tràng An”, xứng danh với câu ca còn được lưu truyền tới ngày nay “Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến”.

Là tỉnh có truyền thống văn hiến lâu đời, Hưng Yên còn lưu giữ nhiều di sản văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội và hệ thống di tích lịch sử văn hóa phong phú, đặc sắc, những yếu tố góp phần tạo nên nét bản sắc văn hóa riêng của tỉnh. Hiện nay, tỉnh Hưng Yên có 1.802 di tích; trong đó, 172 di tích, cụm di tích xếp hạng quốc gia, 257 di tích, cụm di tích xếp hạng cấp tỉnh, đứng thứ 3 cả nước (sau Hà Nội và Bắc Ninh) về số lượng di tích xếp hạng quốc gia. Khu di tích Phố Hiến, chùa Thái Lạc và Đền An Xá (Đậu An) được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; 05 hiện vật, nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia. Hưng Yên lưu giữ được kho tàng văn hóa phi vật thể đa dạng, phong phú với trên 500 lễ hội, 147 làng nghệ truyền thống, 243 đơn vị ca dao, tục ngữ, hò, vè, ngụ ngôn, truyện cổ tích, hát ru, văn tế. Trên địa bàn tỉnh có nhiều nghệ nhân nắm giữ tri thức dân gian, tập quán xã hội, nghệ thuật trình diễn dân gian ở các loại hình ca trù, trống quân, hát chèo... Hát trống quân Hưng Yên và lễ hội đền Tống Trân đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. 19 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Từ luận điểm “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”¹ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tổ chức tháng 11/1946, dưới ánh sáng soi đường và quan điểm chỉ đạo của Đảng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hưng Yên đã tiếp thu và thực hiện hiệu quả các quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa và việc bảo tồn các di sản văn hóa, góp phần tạo thành nét đa dạng, phong phú và đặc sắc của vùng văn hóa Phố Hiến, góp phần vào sự nghiệp phát triển văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tiêu biểu của dân tộc hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam vì sự phát triển bền vững đất nước.

Những năm qua, công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của tỉnh được các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh quan tâm thực hiện. Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nhiệm kỳ đều ban hành nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển sự nghiệp văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII đã ban hành Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 15/8/2014 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, trong đó đề ra nhiệm vụ: “Tiếp tục

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr.XXV.

hoàn thiện các quy định để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế, xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch; phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, đặc biệt là các loại hình văn nghệ dân gian đặc sắc của tỉnh như: chèo, trống quân, ca trù; phát huy giá trị của các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, góp phần quảng bá hình ảnh quê hương và con người Hưng Yên¹. Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XVIII ban hành Kế hoạch số 60-KH/TU ngày 25/5/2017 về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn...

Triển khai các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, ban hành Đề án đầu tư tu bổ, chống xuống cấp các di tích xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020, Đề án tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020 và triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả. Đã thực hiện tu bổ, chống xuống cấp từ ngân sách nhà nước cho 105 di tích (74 di tích quốc gia, 31 di tích cấp tỉnh); đầu tư phục hồi, xây dựng một số di tích trọng điểm của tỉnh: đền thờ Quốc tổ Lạc Long Quân, đền thờ Anh hùng áo vải Hoàng Hoa Thám, đền thờ Triệu Việt Vương, nhà lưu niệm Trung tướng Nguyễn Bình, nhà lưu niệm Nữ du kích Hoàng Ngân Hưng Yên và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Trần Thị Khang, đền thờ Nguyễn Trung Ngạn... Nhiều địa phương đã huy động nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân để tu bổ, chống xuống cấp hàng trăm di tích, như: đền Dị Chế, đền Triều Dương, huyện Tiên Lữ; chùa An Xá, huyện Kim Động; đình Nho Lâm, thị xã Mỹ Hào. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm kê, sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của tỉnh đối với lễ hội Đa Hòa - Dạ Trạch, lễ hội đền An Xá (Đậu An), lễ hội đình Quan Xuyên, lễ hội cầu mưa chùa Thái Lạc, làng nghề hương xạ Cao Thôn, đúc đồng Lộng Thượng, chạm bạc Huệ Lai... Tổ chức các lớp truyền dạy nghệ thuật hát ca trù, trống quân cho hạt nhân văn nghệ cơ sở; tổ chức biểu diễn nhiều chương trình nghệ thuật ca trù, trống quân, chèo để phục vụ nhân dân; tham gia các hội thi, hội diễn do Trung ương tổ chức và đạt thành tích cao. Công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế và những giá trị tiêu biểu hệ thống di sản văn hóa của tỉnh được triển khai bằng nhiều hình thức: xuất bản ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và quảng bá qua mạng xã hội; sản xuất phim giới thiệu các di sản văn hóa tiêu biểu; tham gia hội chợ, triển lãm tại các địa phương... Một số di tích đã trở thành điểm đến quen thuộc đối với du khách thập

1. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (khóa VXII): *Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 15/8/2014 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Hưng Yên, tr.6.

phương như: Khu di tích Phố Hiến; khu di tích Đa Hòa - Dạ Trạch; di tích đền An Xá (Đậu An); di tích đền Phù Ủng; di tích chùa Nôm, làng Nôm...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của tỉnh Hưng Yên cũng còn một số tồn tại như: Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. Ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc thực hiện các quy định về bảo tồn di sản văn hóa chưa cao. Nguồn kinh phí nhà nước đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, tôn tạo di tích còn hạn chế; công tác xã hội hóa chưa đáp ứng so với yêu cầu; nhiều quy hoạch, dự án bảo tồn phát huy giá trị di tích đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa được triển khai hoặc triển khai chậm. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể chưa được quan tâm đúng mức, nhiều di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị thất truyền. Tình trạng lấn chiếm, xâm phạm di tích, lợi dụng di sản văn hóa phi vật thể để thu lợi vẫn xảy ra tại một số nơi. Công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu di sản văn hóa chưa được thường xuyên. Đội ngũ làm công tác quản lý di sản văn hóa còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng tính chuyên nghiệp chưa cao...

Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Hưng Yên trở thành một trung tâm di sản văn hóa đặc sắc tại khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Trên cơ sở đánh giá kết quả đã đạt được, xác định rõ các tồn tại hạn chế trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thời gian qua, đồng thời để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, ngày 8/10/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU về Chương trình Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nghị quyết đặt ra mục tiêu “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, truyền thống lịch sử, con người Hưng Yên hiện đại, vì sự phát triển bền vững; quan tâm đầu tư các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu, tạo thành sản phẩm du lịch văn hóa hấp dẫn thu hút khách du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; giáo dục truyền thống yêu nước, làm phong phú kho tàng di sản văn hóa, lịch sử dân tộc. Xây dựng Hưng Yên trở thành: Một trung tâm di sản văn hóa đặc sắc tại khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước - một điểm đến an toàn, thân thiện và hấp dẫn”¹. Để đạt được mục tiêu trên phải có sự quyết tâm, nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, của cả hệ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (khóa XIX): *Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 8/10/2021 về Chương trình Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030*, Hưng Yên, tr.4.

thống chính trị và nhân dân trong tỉnh, trong đó tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Một là, đổi mới tư duy lãnh đạo, nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, cơ quan quản lý Nhà nước và toàn xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa, của di sản văn hóa trong đổi mới và phát triển bền vững. Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phải được chú trọng tương xứng, hài hòa với phát triển kinh tế - xã hội, không đánh đổi lợi ích kinh tế với phát triển giá trị văn hóa. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân các chủ trương, đường lối của Trung ương và của tỉnh về phát triển văn hóa và bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, trọng tâm là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn; Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX,... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Luật di sản văn hóa; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành bằng nhiều hình thức truyền thông phù hợp. Tích cực vận động nhân dân tham gia công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích thông qua các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tín ngưỡng tại di tích, các cuộc sinh hoạt tổ nhân dân tự quản tại địa phương. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử văn hóa, giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống tại các điểm tham quan du lịch là di tích. Xây dựng chương trình giáo dục ngoại khóa cho học sinh, sinh viên gắn với việc tham quan, tìm hiểu các di tích. Thường xuyên phát động các cuộc thi tìm hiểu về các nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử gắn với từng giai đoạn lịch sử phát triển của tỉnh Hưng Yên; về vai trò của di sản văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kịp thời động viên khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ và phát huy các giá trị của di tích.

Hai là, rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý di sản văn hóa; quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh để phân định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành, các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan. Từng bước kiện toàn bộ máy quản lý di sản văn hóa từ tỉnh đến cơ sở theo hướng hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý và phát huy giá trị di tích có tâm huyết, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật về di sản văn hóa. Thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật về di sản văn hóa cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa thông tin. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa, hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích nhằm phát hiện, xử lý nghiêm, kịp thời các tổ

chức, cá nhân có hành vi xâm hại di tích, không để xảy ra tình trạng mất cắp di vật, cổ vật, đồ thờ tự tại các di tích. Chấn chỉnh tình trạng buông lỏng quản lý di tích ở địa phương, khắc phục tình trạng lấn chiếm, xâm hại di tích. Thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao cho tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý đất di tích theo quy định của pháp luật về đất đai. Xây dựng chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp đối với những người trực tiếp trông coi, bảo vệ di tích, nhằm động viên, khuyến khích họ tham gia tích cực, tự giác và có trách nhiệm cao trong việc bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị di tích. Đồng thời cần xây dựng những nội dung ràng buộc chặt chẽ, gắn trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho Ban quản lý di tích cơ sở và những người trực tiếp trông coi di tích.

Ba là, định kỳ rà soát, kiểm kê hệ thống di tích của tỉnh theo quy định của Luật di sản văn hóa; tổ chức nghiên cứu chuyên sâu các di tích lịch sử văn hóa, địa danh lịch sử có giá trị tiêu biểu, trên cơ sở đó lựa chọn những di tích đủ điều kiện đề nghị xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh. Tiến hành lập quy hoạch hệ thống di tích của tỉnh để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh; triển khai lập quy hoạch chi tiết đối với các di tích quốc gia đặc biệt, cụm, khu di tích có giá trị tiêu biểu để có cơ sở lập dự án tu bổ, tôn tạo. Hằng năm, bố trí nguồn ngân sách các cấp tương xứng với sự phát triển kinh tế của tỉnh, đồng thời xây dựng cơ chế huy động các nguồn lực của xã hội để đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích tiêu biểu của tỉnh trở thành những di sản có chất lượng cao về khoa học bảo tồn và môi trường văn hóa, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế du lịch. Căn cứ các quy hoạch bảo tồn, phát huy giá trị các di tích đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng danh mục dự án tu bổ, tôn tạo di tích đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn tiếp theo. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của nhà nước; đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực cho việc tu bổ, tôn tạo di tích. Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật kết hợp phương pháp thi công truyền thống vào việc tu bổ, tôn tạo, phục dựng di tích đảm bảo nguyên tắc tu bổ, phục hồi di tích. Thực hiện tốt việc nghiên cứu, bảo tồn các di sản văn hóa trong quá trình triển khai các dự án đầu tư xây dựng các công trình có ảnh hưởng đến di tích. Xác định nội dung và biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích, định hướng tổ chức không gian các hạng mục công trình xây dựng mới, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, tạo môi trường cảnh quan hài hòa để phát huy tối đa giá trị của di tích, không làm biến dạng di tích.

Bốn là, tiếp tục triển khai việc điều tra, sưu tầm, nghiên cứu toàn diện các di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh, nhất là những di sản tiêu biểu có nguy cơ bị thất truyền. Xây dựng phương án bảo tồn giá trị văn hóa đặc trưng của cộng đồng, không ngừng tái tạo và lưu truyền các di sản văn hóa phi vật thể từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác tại cộng đồng; hạn chế tối đa nguy cơ bị thất truyền, nhất là những di sản là tri thức dân gian do các nghệ nhân nắm giữ nhưng tuổi đã cao. Lựa chọn những di sản văn hóa phi vật thể

tiêu biểu trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia... Từng bước số hóa xây dựng hệ thống thông tin về di sản văn hóa phi vật thể phục vụ công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng, chính quyền các cấp về tầm quan trọng, giá trị và tiềm năng của di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Hưng Yên. Thực hiện việc giáo dục, phổ biến rộng rãi di sản văn hóa phi vật thể thông qua tổ chức trưng bày, trình diễn, giới thiệu các nghi lễ, lễ hội, di sản văn hóa tiêu biểu tại Bảo tàng tỉnh và lưu động tại các địa phương. Đưa nội dung giảng dạy di sản văn hóa của địa phương vào bậc học phổ thông của tỉnh. Tổ chức các lớp truyền dạy, liên hoan, hội thi, giao lưu thực hành di sản văn hóa phi vật thể; thành lập và duy trì hoạt động có hiệu quả các câu lạc bộ ca trù, trống quân ở những địa phương có truyền thống. Có chính sách hỗ trợ, tôn vinh tổ chức, cá nhân, nghệ nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động bảo tồn và thực hành, truyền dạy, phổ biến văn hóa phi vật thể.

Năm là, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, quảng bá như xây dựng chuyên trang, chuyên mục về di sản văn hóa, giới thiệu những giá trị di sản, các tour, tuyến du lịch khai thác di sản. Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, hội diễn, hội chợ, liên hoan; trưng bày, triển lãm, giới thiệu chuyên đề về di sản văn hóa, các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch ở khu vực, trong nước và quốc tế; tăng cường sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng, các nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quảng bá tiềm năng, giá trị của di sản. Từng bước đầu tư phương tiện, thiết bị công nghệ nhằm tăng hiệu ứng của di sản văn hóa, nhất là các di tích lịch sử; liên kết, hợp tác với các tổ chức, cá nhân để đầu tư mua sắm máy móc công nghệ hiện đại phục vụ trưng bày, triển lãm di sản văn hóa tại di tích, bảo tàng; đặc biệt là công nghệ thực tế ảo (công nghệ 3D), số hóa hiện vật, tài liệu, di sản văn hóa phục vụ nhu cầu trải nghiệm, khám phá của du khách. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, tình yêu quê hương đất nước gắn với hệ thống di tích lịch sử - văn hóa trên hệ thống thông tin đại chúng. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị di sản văn hóa. Mỗi người dân là một tuyên truyền viên, hướng dẫn viên du lịch ở các điểm di tích. Tiếp tục nghiên cứu, xuất bản các ấn phẩm như sách, tờ rơi, tờ gấp, bưu ảnh bằng nhiều thứ tiếng giới thiệu về mảnh đất, con người, các di sản văn hóa tiêu biểu của tỉnh. Phối hợp với các cơ quan báo chí ở Trung ương, ở tỉnh thường xuyên viết bài giới thiệu về di sản văn hóa và hệ thống di tích tiêu biểu của tỉnh; phối hợp với các hãng phim trong và ngoài nước xây dựng các chương trình, bộ phim về di sản văn hóa hoặc lồng ghép hình ảnh di sản văn hóa, du lịch Hưng Yên trong các cảnh quay, góp phần quảng bá di sản văn hóa của tỉnh.

Sáu là, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm du lịch độc đáo mang bản sắc của Hưng Yên như du lịch tham quan di tích lịch sử văn hóa, làng nghề truyền thống, du lịch lễ hội, du lịch sinh thái cảnh quan đê sông Hồng, du lịch nghỉ dưỡng... Từng bước

tạo dựng hình ảnh du lịch của Hưng Yên thông qua hoạt động xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá du lịch. Tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan trung ương để tranh thủ các nguồn vốn đầu tư *trùng tu, tôn tạo* di tích, nhất là các di tích lịch sử văn hóa có tiềm năng phát triển du lịch theo Quy hoạch đã được phê duyệt. Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác du lịch ngang tầm quốc gia, khu vực; xây dựng đội ngũ thuyết minh, hướng dẫn viên du lịch có chất lượng tại các di tích lịch sử văn hóa, trước hết là tại các địa điểm di tích đang được khai thác phục vụ du lịch. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư bằng những chính sách ưu đãi thu hút vốn để phát triển du lịch của tỉnh.

Di sản văn hóa Hưng Yên là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc, là tài sản của các thế hệ đi trước trao truyền lại cho chúng ta. Đây là loại tài sản quý giá không thể thay thế, không thể tái sinh, nhưng lại rất dễ bị biến dạng và tổn thương trước tác động của các nhân tố tự nhiên và cách hành xử chưa đúng mực do chính con người gây ra. Việc bảo vệ, giữ gìn những di sản văn hóa cho hôm nay và mai sau chính là thể hiện sự trân trọng, tri ân đối với các bậc tiền nhân, là biểu hiện cụ thể lòng yêu nước, ý thức giữ gìn, vun đắp những truyền thống tốt đẹp, lấy đó làm nội lực sức mạnh trong quá trình tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc như tư duy, lý luận của Đảng về văn hóa đã đặt ra. Do vậy, cùng với những nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, thời gian tới tỉnh Hưng Yên sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, kịp thời ngăn chặn tình trạng xuống cấp các di tích lịch sử văn hóa, quyết tâm xây dựng tỉnh Hưng Yên ngày càng giàu đẹp, văn minh, một trung tâm di sản văn hóa đặc sắc tại khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước - một điểm đến an toàn, thân thiện và hấp dẫn, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Để đạt được mục tiêu đề ra, ngoài sự cố gắng, nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh, Hưng Yên rất mong nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự phối hợp, hỗ trợ của các ban, bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành bạn về mọi mặt, trong đó có công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương.

ĐẢNG BỘ HÀ NỘI QUÁN TRIỆT SÂU SẮC, VẬN DỤNG SÁNG TẠO ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CỦA ĐẢNG

THÀNH ỦY HÀ NỘI

Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Từ thuở kinh đô Thăng Long xưa đến nay, Thủ đô Hà Nội luôn là trung tâm văn hóa của đất nước. Năm 2020, Thủ đô Hà Nội tròn 1.010 tuổi, được thế giới biết đến là *“Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người”*, *“Thành phố vì Hòa bình”*, *“Thành phố Sáng tạo”*, nơi diễn ra nhiều sự kiện quốc tế quan trọng,... Với bề dày truyền thống nghìn năm văn hiến, anh hùng, hòa bình, hữu nghị và sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội luôn nhận thức sâu sắc trọng trách xây dựng và phát huy sức mạnh văn hóa quốc gia trong tiến trình hội nhập, phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Trong 35 năm đổi mới, Đảng bộ Hà Nội đã liên tục có sự đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, là thành phố đi đầu cả nước trong việc cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Trung ương về phát triển văn hóa, xây dựng con người. Đến nay, nhiệm kỳ 2020-2025 là kỳ đại hội thứ tám sau đổi mới (từ Đại hội X đến Đại hội XVII), Đảng bộ Thành phố đã luôn quán triệt sâu sắc và vận dụng linh hoạt, sáng tạo những quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa, xây dựng con người phù hợp với điều kiện Thủ đô. Cụ thể, nhận thức về vị trí của văn hóa trong xã hội được phát triển qua từng giai đoạn:

Nếu như, giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới, khi cả nước chuyển đổi cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X đã nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm: *“đẩy mạnh phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất của nhân dân, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới”* - việc xác định văn hóa là nguồn lực nội sinh của sự phát triển chưa được định hình rõ nét, do chúng ta chưa ý thức hết được việc chăm lo đời sống tinh thần sẽ góp phần khơi dậy và nhân lên mọi tiềm năng sáng tạo của con người, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội,... Nhận thức về sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Thủ đô tiếp tục được nâng lên qua các kỳ Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI, XII, nhất là năm 1998, khi Thành ủy Hà Nội ban hành Chương trình hành động số 13 nhằm

thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, cụ thể là: “phấn đấu xây dựng, phát triển văn hóa Hà Nội trở thành một bộ phận tiêu biểu của văn hóa Việt Nam, đưa văn hóa thấm thấu vào mọi lĩnh vực, mọi hoạt động, mọi thành viên của cộng đồng dân cư, lấy văn hóa là mục tiêu và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”, nhờ đó đã đem lại nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp phát triển Thủ đô. Qua các kỳ Đại hội tiếp theo, đặc biệt là Đại hội XVI và XVII, Đảng bộ Thành phố Hà Nội tiếp tục khẳng định sự phát triển trong nhận thức về việc phát triển văn hóa, xây dựng con người Hà Nội, xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá của nhiệm kỳ.

Điểm nhấn trong nhiệm kỳ Đại hội XVI, khi lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Quy hoạch văn hóa Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Thành ủy đã xác định quan điểm: “Phát triển văn hóa Thủ đô được đặt lên hàng đầu..., làm cho văn hóa thấm sâu vào mỗi người, mỗi đơn vị, mỗi công trình, trong quan hệ giao tiếp, tạo nên sức mạnh, sự gắn kết và độ bền vững của quá trình phát triển kinh tế - xã hội”; “vừa chăm lo bảo tồn phát huy các di sản văn hóa, vừa chú trọng sáng tạo các giá trị văn hóa mới”; “gắn liền với xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người Thủ đô, vừa thanh lịch, văn minh vừa năng động, sáng tạo..., coi văn hóa là thước đo đánh giá hệ giá trị về đạo đức, nhân cách của công dân Thủ đô”; “Phát triển văn hóa là sự nghiệp lâu dài của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng..., trong đó người làm công tác văn hóa, văn nghệ sĩ... đóng vai trò quan trọng”; “gắn với xây dựng những giá trị văn hóa mới trong cộng đồng, biến văn hóa thành sức mạnh nội sinh, tạo động lực cho phát triển bền vững”.

Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm: “Chú trọng phát triển văn hóa Hà Nội trên cơ sở phát huy truyền thống ngàn năm văn hiến và anh hùng; Thành phố vì hòa bình, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện với những giá trị nhân văn và tinh thần yêu nước sâu sắc, tôn trọng pháp luật; giàu lòng tự hào dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển; coi đây là sức mạnh nội sinh, động lực tinh thần to lớn để phát triển Thủ đô”; đồng thời xác định khâu đột phá: “Đưa văn hóa và con người Hà Nội thực sự trở thành giá trị tinh thần to lớn, nguồn lực quan trọng quyết định phát triển bền vững Thủ đô”.

Nhằm cụ thể hóa các quan điểm mới về phát triển văn hóa, con người Việt Nam được đặt ra tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, bám sát tình hình thực tiễn của Thủ đô, Thành phố Hà Nội tập trung triển khai toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp vừa bảo đảm tính trước mắt, vừa có tính căn cơ, lâu dài trên tinh thần đổi mới sáng tạo, có tính đột phá, với những nhóm nội dung trọng tâm sau:

Một là, điều kiện tiên quyết là phải nâng cao nhận thức về văn hóa và nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong toàn xã hội, trước hết là của cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng, tổ chức Nhà nước trên địa bàn Thành phố, bởi lẽ nhân tố

lãnh đạo, quản lý là một nhân tố quyết định thắng lợi. Các cán bộ, đảng viên, các tổ chức lãnh đạo, quản lý xã hội có nhận thức đúng và sâu sắc mới có ý thức đầy đủ về nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần mới của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thủ đô trong thời kỳ mới.

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người là sự nghiệp lâu dài, đòi hỏi phải kiên trì, bền bỉ, nhất quán phương châm “xây” đi đôi với “chống”, lấy “xây” làm chính, con người vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là mục tiêu và trung tâm trong chính sách phát triển bền vững Thủ đô. Trong quá trình phát triển, toàn Thành phố phải biết phát huy sức mạnh nội sinh của mình, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế trong sự nghiệp phát triển văn hóa, con người Hà Nội; duy trì, phát triển mối quan hệ hợp tác quốc tế hiện nay của Thành phố theo hướng ngày càng thiết thực, hiệu quả; tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại, ngoại giao văn hóa, giao lưu hợp tác với các thành phố, thủ đô các nước, các thành phố là thành viên mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO...; đồng thời là thành viên tích cực trong liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Hai là, rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp Quy hoạch chiến lược phát triển văn hóa Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng Quy hoạch thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch phân khu nội đô lịch sử, quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, sông Đuống, các quy hoạch phân khu đô thị vệ tinh; khớp nối đồng bộ quy hoạch nông thôn và khu vực đô thị,... Đặc biệt, phải gắn với mục tiêu hiện thực hóa xây dựng “Thành phố Sáng tạo” và phát triển Thủ đô với tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII.

Ba là, ưu tiên và tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, xây dựng và phát triển những giá trị văn hóa mới, bảo đảm phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô nghìn năm văn hiến, anh hùng, “Thành phố vì Hòa bình”, “Thành phố Sáng tạo”; phát triển hài hòa giữa văn hóa và kinh tế. Trong đó, tập trung xây dựng, triển khai hiệu quả thiết thực “Chương trình mục tiêu Thành phố về bảo tồn, tôn tạo di tích trên địa bàn, nhất là di tích lịch sử, cách mạng”; các dự án, công trình văn hóa trọng điểm như: Hoàng thành Thăng Long, Đền thờ Ngô Quyền, Thành Cổ Loa; các công trình văn hóa mới tiêu biểu, có không gian cảnh quan đặc sắc, mang đặc trưng của Thủ đô; nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách khai thác hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở một cách phù hợp... gắn với đẩy mạnh phát triển du lịch văn hóa, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh mang bản sắc riêng của Thủ đô nghìn năm văn hiến; bảo đảm sự phát triển

đồng đều, thu hẹp khoảng cách về thụ hưởng văn hóa tinh thần giữa các vùng, địa phương trên địa bàn Thành phố.

Đặc biệt, Hà Nội cần tích cực, kiên trì, sáng tạo, với quyết tâm chính trị cao trong triển khai thực hiện Nghị quyết về “Phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” - đây là một trong hai Nghị quyết chuyên đề quan trọng của Thành ủy khóa XVII; trong thực hiện đúng lộ trình cam kết quốc tế trở thành “*Thành phố Sáng tạo*” của UNESCO gắn với đẩy mạnh phát huy truyền thống sáng tạo của người Thăng Long - Hà Nội được đúc kết từ hơn 1.000 năm lịch sử, đồng thời thúc đẩy phát triển giá trị văn hóa mới trong thời đại Hồ Chí Minh ở mỗi cấp, ngành, địa phương, mỗi gia đình, người dân Thủ đô và toàn xã hội, nhất là thế hệ trẻ - nòng cốt là lực lượng thanh niên nhằm phục vụ thiết thực công cuộc đổi mới Thủ đô, đất nước.

Bốn là, tập trung xây dựng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển văn hóa, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp văn hóa, thiết kế sáng tạo. Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người làm công tác văn hóa từ Thành phố tới cơ sở. Nghiên cứu chiến lược, tập trung đầu tư phát triển văn học nghệ thuật Thủ đô, sáng tạo những tác phẩm có giá trị cao, tạo dấu ấn về tư tưởng và nghệ thuật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Nội và các hội thành viên, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Hà Nội để có những đóng góp thực chất từ lực lượng đông đảo các văn nghệ sĩ, trí thức Thủ đô. Tiếp tục chăm lo phát triển phong trào văn hóa, nghệ thuật quần chúng; có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với nghệ nhân dân gian, văn nghệ sĩ,... và khuyến khích trao truyền, sáng tạo các giá trị văn hóa mới.

Có cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút, khai thác, sử dụng hiệu quả tối đa nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa Thủ đô. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ chính sách cho doanh nghiệp để khai thông mọi nguồn lực phục vụ phát triển; đồng thời triển khai việc xây dựng mạng lưới “Sáng kiến Hà Nội” để tập hợp, phát huy tâm huyết, trí tuệ của đội ngũ nhân sĩ, văn nghệ sĩ, trí thức, doanh nhân,... có tình yêu, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển bền vững Hà Nội ở trong nước cũng như quốc tế.

Năm là, tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị, coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các quy định của Đảng về nêu gương và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII. Chú trọng xây dựng văn hóa lãnh đạo, văn hóa quản lý, làm cho văn hóa đạo đức, lối sống lành mạnh thể hiện trước hết và thật sáng tỏ trong mọi tổ chức Đảng, Nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thành phố; đấu tranh tích cực, có hiệu quả, khắc phục các hiện tượng cá nhân chủ nghĩa, tiêu cực về tư tưởng, đạo đức, lối sống; chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, các biểu hiện “*tự diễn biến*”,

“*tự chuyển hóa*” trong nội bộ,...; thấm nhuần lời Bác Hồ căn dặn: Đảng bộ Hà Nội phải phấn đấu trở thành Đảng bộ gương mẫu; cán bộ, đảng viên phải tận tụy, chăm lo phục vụ lợi ích của nhân dân; phải thường xuyên tự phê bình, phê bình, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, gột rửa tư tưởng “làm quan phát tài”... Từ đó đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, đơn vị, mà trên hết, trước hết là nhận thức, thái độ, trách nhiệm, tình thương yêu đồng chí, đồng nghiệp, nhân dân,... nhằm xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Sáu là, tiếp tục kiên trì mục tiêu xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện cả về phẩm chất, đạo đức, trí tuệ, năng lực, thể lực và trình độ thẩm mỹ; phát triển nhân cách; hướng tới xây dựng chuẩn mực đáp ứng yêu cầu trở thành công dân toàn cầu trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay. Thấu suốt quan điểm xây dựng con người trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo để đáp ứng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, như: Tập trung phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học; chú trọng giáo dục phẩm chất, nhân cách, văn hóa, lịch sử Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội đi đôi với đào tạo năng lực nhận thức, tư duy đổi mới, sáng tạo cho người học, xây dựng “thế hệ trẻ sáng tạo”; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội,...; tập trung nghiên cứu, xây dựng và phát triển “hệ sinh thái học tập sáng tạo” ở các cấp học, bậc học, nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đổi mới sáng tạo và chiến lược phát triển bền vững của Thành phố; tăng cường phối hợp hiệu quả trong giáo dục đại học gắn với ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để tận dụng thế mạnh của các cơ sở đào tạo đại học trên địa bàn Thủ đô trong cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho Hà Nội và cả nước.

Thúc đẩy giáo dục di sản, giáo dục sáng tạo, giáo dục nếp sống, lối sống xanh trong hệ thống giáo dục và cả cộng đồng, hình thành hệ giá trị văn hóa mới - văn hóa sáng tạo phù hợp với xu thế thời đại và gắn với phát huy những giá trị nhân văn sâu sắc của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Tập trung xây dựng người Hà Nội vững vàng về chính trị, tư tưởng, có tinh thần tự hào dân tộc, tâm huyết, trách nhiệm với đất nước, với Thủ đô; có tình yêu Hà Nội, tinh thần đoàn kết, thân ái, nhân văn vì cộng đồng, năng động, sáng tạo, gương mẫu về đạo đức, lối sống; có khát vọng đổi mới sáng tạo, ý chí vươn lên; phát huy được tinh thần, hào khí và khát vọng “Thăng Long”, sứ mệnh của Hà Nội - sứ mệnh sáng tạo để kiến tạo vì một Thủ đô bình yên, tươi đẹp, Thủ đô văn hóa, Thủ đô sáng tạo và là thành phố kết nối toàn cầu; từ đó tạo dấu ấn văn hóa người Hà Nội thực sự tiêu biểu cho văn hóa dân tộc.

Bảy là, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại 4.0 trong phát triển văn hóa, giáo dục, du lịch, nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin, truyền thông, mạng xã hội. Tăng cường tuyên truyền, thông tin tích cực,

lan tỏa hơn nữa giá trị văn hóa, sức mạnh con người Hà Nội; đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái và các sản phẩm văn hóa độc hại; thông tin đối ngoại trên các phương tiện truyền thông mới, thông qua mạng di động, mạng xã hội, internet, quảng bá hình ảnh Thành phố, xây dựng niềm tin, tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, tinh thần tự hào dân tộc, thực hiện khát vọng về dân tộc Việt Nam hùng cường, Thủ đô vững mạnh, phồn vinh và hạnh phúc.

Tám là, với vị trí và vai trò là Thủ đô của cả nước, Đảng bộ Hà Nội tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm được đúc kết và phát huy trong nhiều nhiệm kỳ, đó là tư duy, nhận thức rõ vấn đề có tính bao trùm, chi phối, quyết định, bảo đảm cho thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người Hà Nội, phát huy tốt truyền thống lịch sử, văn hóa Thăng Long - Hà Nội, xây dựng thành công Thủ đô văn minh, hiện đại trong giai đoạn cách mạng mới là giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề gốc rễ, cực kỳ quan trọng, vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là cốt lõi của nền văn hóa tiên tiến mà chúng ta xây dựng. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa cũng có nghĩa là bảo đảm và giữ vững nền tảng tư tưởng, sự lãnh đạo của Đảng, nhất là trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch ngày càng gia tăng thực hiện âm mưu “điển biến hòa bình” đối với nước ta, trong đó Thủ đô Hà Nội luôn là trọng điểm chống phá. Từ góc nhìn văn hóa cho thấy, mối quan hệ biện chứng trong nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam nói chung, Hà Nội nói riêng là vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay, góp phần quan trọng vào việc “*tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*” theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Do đó, Đảng bộ Hà Nội sẽ tập trung chỉ đạo chặt chẽ mặt trận văn hóa, bảo đảm đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, thành quả cách mạng của dân tộc Việt Nam, quyết tâm xây dựng đất nước và Thủ đô phát triển nhanh, bền vững, ổn định, hòa bình, phồn vinh và hạnh phúc.

Một trong những điểm mới về văn hóa ở Thủ đô là từ năm 2017 đến nay, Thành phố Hà Nội đã triển khai Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan của thành phố và Quy tắc ứng xử nơi công cộng, khẳng định văn hóa ứng xử phản chiếu chiều sâu văn hóa tinh thần của con người Hà Nội, thể hiện khí chất văn hóa Thăng Long - Hà Nội; góp phần điều chỉnh các hành vi lệch chuẩn, để văn hóa công sở, văn hóa nơi công cộng trở thành một nét đẹp của người Hà Nội, để Thủ đô trở thành nơi đáng sống, đáng làm việc và cống hiến.

Việc triển khai Quy tắc ứng xử nơi công cộng diễn ra sinh động nhất ở khu dân cư. Người dân có ý thức hơn trong việc làm đẹp các không gian sống của mình và cộng đồng; nhiều “tuyến đường nở hoa”, vườn hoa, tiểu cảnh được cải tạo từ những

điểm đỗ rác sai quy định, hình thành ở cả khu vực nội thành và ngoại thành. Những nét đẹp trong ứng xử tại công viên, vườn hoa, rạp chiếu phim, thư viện, nhà hát, cơ sở tôn giáo,... xuất hiện ngày một nhiều hơn. Hành động xả rác, nói tục, hút thuốc,... ở nơi công cộng giảm dần. Môi trường xã hội ngày một nhân văn hơn, an toàn hơn, hấp dẫn hơn với bạn bè trong nước, quốc tế. Cùng với thực hiện Quy tắc ứng xử cho cán bộ, công chức, chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Hà Nội đã được cải thiện, nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Hà Nội thân thiện, an toàn, môi trường nhân văn đã làm tăng sức hút của Thủ đô đối với bạn bè trong nước và quốc tế. Văn hóa ứng xử đã và đang trở thành một nguồn lực quan trọng tạo nên sức hấp dẫn, sức cạnh tranh của Hà Nội.

Những thách thức chưa từng có tiền lệ trong đại dịch COVID-19 là một “phép thử”, là một lần “kiểm chứng” sức sống và sự tốt đẹp trong văn hóa ứng xử Hà Nội. Có những thời điểm, Hà Nội là địa bàn có nhiều ổ dịch, nguy cơ lây nhiễm COVID-19 cao nhất cả nước, nhưng Hà Nội đã vững vàng vượt qua đại dịch, không chỉ một lần, nhất là những áp lực, thách thức rất lớn trong nỗ lực phòng, chống, kiểm soát, thích ứng linh hoạt với làn sóng đại dịch lần thứ tư. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, tinh thần đoàn kết, vì cộng đồng, lòng yêu nước, tình yêu Hà Nội, bản lĩnh, trí tuệ, trách nhiệm, những giá trị nhân văn sâu sắc của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô đã được phát huy hiệu quả rõ rệt, đúng như đồng chí Bí thư Thành ủy Hà Nội Đinh Tiến Dũng đã nhấn mạnh: “... hơn lúc nào hết, bây giờ là lúc cán bộ, đảng viên, quân và dân Hà Nội nêu cao ý chí quyết tâm, trách nhiệm nêu gương và phải làm tất cả để kiểm soát, đẩy lùi dịch COVID-19”, quyết “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Điều đó thể hiện ở chủ trương, hành động, những chính sách đặc thù của Thành phố, những nỗ lực không ngừng nghỉ chăm lo cho sự an toàn, tính mạng của người dân; là sự tâm huyết, trách nhiệm, hy sinh thầm lặng của các lực lượng tuyến đầu chống dịch; những hành động tương thân tương ái, nghĩa cử cao đẹp của các tầng lớp nhân dân, từ các bậc phụ lão đến những em bé được lan tỏa rộng khắp trong cộng đồng...

Không những vậy, với tinh thần “*Hà Nội vì cả nước, Hà Nội cùng cả nước*”, trong các đợt dịch gần hai năm qua, Hà Nội luôn sẵn sàng, chủ động hỗ trợ các tỉnh, thành phố bạn gặp khó khăn bằng cả nhân lực và kinh phí, trang thiết bị y tế,... phục vụ cho công tác phòng, chống dịch. Đặc biệt, mặc dù thành phố Hà Nội đang tập trung mọi nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch bệnh nhưng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội với tinh thần quốc tế ấm áp, nghĩa tình đã dành tặng nhân dân Thủ đô La Habana (Cuba), nhân dân Lào những món quà ý nghĩa trong bối cảnh khó khăn của đại dịch COVID-19, nhờ đó tinh đoàn kết, hữu nghị vĩ đại giữa Việt Nam với hai nước Cuba và Lào tiếp tục được bồi đắp, nhân lên gấp bội. Có thể thấy, trong thời khắc khó khăn của công cuộc chống dịch, những phẩm chất tốt đẹp của người Hà Nội lại tỏa sáng, góp phần tô điểm thêm cho nét đẹp văn hóa Hà Nội,

tạo nên sức mạnh mềm của Thủ đô. Như vậy, văn hóa ứng xử thật sự đã trở thành nguồn lực nội sinh to lớn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII cũng thẳng thắn nhìn nhận, chỉ ra những hạn chế, đó là: Công tác bảo tồn, khai thác, phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập, phát triển chưa tương xứng với các tiềm năng, thế mạnh, vai trò, vị thế của Thủ đô. Hệ thống thiết chế văn hóa cả ở cấp Thành phố và cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ; hiệu quả sử dụng chưa cao. Xã hội hóa và huy động, sử dụng nguồn lực xã hội trong lĩnh vực văn hóa còn bất cập. Lĩnh vực văn học, nghệ thuật chưa huy động được hết tiềm năng sáng tạo và tâm huyết của giới trí thức - văn nghệ sĩ, chưa có nhiều tác phẩm xuất sắc. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa chưa được chú trọng đúng mức. Phát triển công nghiệp văn hóa; quảng bá văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt kết quả như mong muốn. Văn hóa ứng xử của người dân trong gia đình và nơi công cộng chuyển biến chưa đồng đều, thiếu bền vững...

Những năm sắp tới, đồng hành với sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Hà Nội, sự nghiệp phát triển Thủ đô luôn gắn liền với sự đồng lòng, chung sức của cả nước. Với tinh thần "*Hà Nội vì cả nước, Hà Nội cùng cả nước*", Hà Nội mong muốn tiếp tục nhận được nhiều hơn nữa sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ; sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành Trung ương, các địa phương, bạn bè trong và ngoài nước. Hà Nội mong muốn và đề nghị Trung ương cho chủ trương, Quốc hội sớm thông qua việc sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô gắn với điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, tạo thể chế, môi trường thuận lợi để Hà Nội phát huy hiệu quả các nguồn lực, tạo bước phát triển đột phá trong giai đoạn mới, hòa nhịp cùng cả nước chung tay hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI HÀ NAM, KHƠI DẬY TINH THẦN YÊU NƯỚC, Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG, TỰ HÀO DÂN TỘC, TÍNH CỘNG ĐỒNG VÀ KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN

TỈNH ỦY HÀ NAM

Hà Nam là một miền đất cổ thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, có truyền thống văn hiến và cách mạng. Từ hàng nghìn năm trước, mảnh đất nơi đây đã được người Việt cổ tụ cư và khai phá. Nơi đây tự hào là quê hương của trống đồng Ngọc Lũ - dấu ấn thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của nền văn hóa Đông Sơn thời các Vua Hùng dựng nước; quê hương của những anh hùng hào kiệt, danh nhân văn hóa gắn với lịch sử vẻ vang của dân tộc như: hoàng đế Lê Hoàn, tướng quân Trần Bình Trọng, thủ lĩnh khởi nghĩa Ba Đình Đình Công Tráng, nhà thơ của làng cảnh Việt Nam Nguyễn Khuyến, Nhà văn - liệt sĩ Nam Cao, các nhà cách mạng tiền bối Nguyễn Hữu Tiến, Lương Khánh Thiện, Trần Tử Bình, nhà báo Hoàng Tùng,...

Nhân dân Hà Nam đời sau nối tiếp đời trước đã trao truyền và sáng tạo một không gian văn hóa độc đáo, được bảo tồn, giữ gìn, phát triển đến ngày nay, với hơn 1.800 di tích, bia Sùng Thiện Diên linh (chùa Đọi Sơn, huyện Duy Tiên) là bảo vật quốc gia, đền Trần Thương (huyện Lý Nhân) và chùa Đọi Sơn (huyện Duy Tiên) là Di tích quốc gia đặc biệt. Hàng trăm lễ hội với nhiều lễ hội vùng đặc sắc đã được ghi danh Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia như: lễ hội tịch điền Đọi Sơn, lễ hội đền Trần Thương, lễ hội vật võ Liễu Đồi, lễ hội chùa Đọi Sơn, lễ hội chùa bà Đanh; những làn điệu chèo, dân ca, hát Dặm Quyển Sơn, hát Lá Lê, châu văn, trống quân mướt mà đậm thắm,... góp phần nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm, nhân cách các thế hệ người Hà Nam.

Những năm qua, thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị: Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"; Nghị quyết số 23-NQ/TW về "Tiếp tục xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới"; Nghị quyết số 33-NQ/TW về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước", Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục

thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh đã phát huy truyền thống văn hiến cách mạng của quê hương, tinh thần sáng tạo và ý chí tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thử thách, tạo sự chuyển biến tích cực, toàn diện và sâu sắc trên các lĩnh vực.

1. Kết quả thực hiện đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa thời gian qua trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Trong những năm qua, tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hà Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đảng tập trung hoạch định chiến lược, lộ trình phát triển văn hóa phù hợp với yêu cầu của thời kỳ hội nhập, định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; kịp thời nắm bắt âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, phương thức hoạt động của các loại tội phạm để chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự. Cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa vào nghị quyết lãnh đạo của các cấp ủy, coi việc xây dựng văn hóa trong từng tổ chức Đảng là cơ sở để đánh thức, lan tỏa văn hóa ra toàn xã hội.

Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương, tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, các nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch, đề án về phát triển văn hóa, tiêu biểu như: Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30/6/2016 về “Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ chất lượng cao cấp vùng về y tế, đào tạo nguồn nhân lực và du lịch giai đoạn 2016-2025” (một trong 5 nghị quyết chuyên đề của tỉnh); Quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao tỉnh Hà Nam giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn 2030; Thông tri về “Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về “Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và hoạt động kỷ niệm 10 năm ngày Gia đình Việt Nam”; Chỉ thị về việc “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới và tổ chức tiếp đón khách trên địa bàn tỉnh Hà Nam”; Chỉ thị về “Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị về việc “Tăng cường công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực chống xuống cấp, tu bổ, tôn tạo di tích, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh”; Đề án “Trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cấp tỉnh, giai đoạn 2016-2020”; Quy định về “Cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Hà Nam”; Quy định “Phân cấp quản lý di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

trên địa bàn tỉnh”;... Quy hoạch và ban hành nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư nhằm thu hút các doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng, bệnh viện của Trung ương... về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị quy mô, hiện đại, thúc đẩy phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân như: Đại học Công nghiệp, Đại học Sư phạm Hà Nội cơ sở Hà Nam, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức cơ sở II, Tổ hợp thương mại - dịch vụ Vincom,... Ban hành các cơ chế hỗ trợ các địa phương xây dựng nhà văn hóa, mua sắm cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa của nhân dân, tu bổ di tích, xây dựng nông thôn mới... Kinh phí đầu tư cho phát triển văn hóa, thể thao và du lịch hằng năm đều tăng.

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được triển khai đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh, có nhiều đổi mới, sáng tạo, kịp thời, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống văn hóa, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa cũng như vai trò, vị thế của lĩnh vực văn hóa trong đời sống xã hội.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống được tỉnh đặc biệt quan tâm. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 213 di tích lịch sử được xếp hạng (trong đó: 2 di tích quốc gia đặc biệt, 90 di tích cấp quốc gia, 121 di tích cấp tỉnh); 11 di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Duy trì tổ chức thành công các lễ hội lớn như: lễ hội tịch điền Đọi Sơn, lễ phát lương Đức Thánh Trần đền Trần Thương, lễ khai hội chùa Tam Chúc. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng ở cơ sở có bước phát triển mạnh mẽ cả về “lượng” và “chất”, nhiều hoạt động văn hóa đa dạng, phong phú, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc được tổ chức ở nhiều địa phương trong tỉnh, bao gồm nhiều loại hình câu lạc bộ như: hát chèo, hát dân ca, văn nghệ,... Toàn tỉnh có trên 953 câu lạc bộ, tổ, đội văn nghệ với trên 11.000 diễn viên, nhạc công không chuyên và 957 câu lạc bộ thể thao, thu hút trên 20.000 hội viên tham gia. Các hoạt động văn học, nghệ thuật có bước phát triển mới và có tính chuyên nghiệp hơn, số lượng tác phẩm đạt giải thưởng khu vực và quốc gia tăng lên, các hoạt động sáng tác, quảng bá tác phẩm nghệ thuật đa dạng, phong phú. Phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị” được triển khai hiệu quả, đến nay tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90,12%, tỷ lệ khu dân cư đạt chuẩn văn hóa đạt 87,46%; 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa và nơi sinh hoạt cộng đồng; 100% xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; tỉnh Hà Nam hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020. Các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa cũng đạt được nhiều kết quả. Nhiều hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế được tỉnh đăng cai tổ chức thành công như: “Tháng phim Hàn Quốc - gặp gỡ những người bạn phương xa” (năm 2013), buổi hòa nhạc của Tứ tấu Sabino Orsini (thuộc Phái đoàn Wallonie - Bruxelles, Vương quốc Bỉ) trong khuôn khổ “Những ngày quốc tế Pháp tại Việt Nam” (năm 2016); Ngày văn hóa Hàn Quốc tại Hà Nam (năm 2018); Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc Vesak (năm 2019)... Qua đó, đã góp phần tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu

hình ảnh, mảnh đất, con người Hà Nam nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung đến với đông đảo bạn bè quốc tế.

Kết quả phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Nam thời gian qua đã cho thấy: nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa được nâng lên trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân. Thể chế văn hóa, chính sách văn hóa dần hoàn thiện. Hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở tăng về số lượng và từng bước cải thiện về chất lượng. Sản phẩm văn hóa, nghệ thuật phong phú, đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được nghiên cứu, nhận diện, bảo vệ và phát huy giá trị, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy lòng tự hào trong nhân dân. Vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế được chú trọng, kết hợp khai thác tiềm năng của văn hóa với phát triển kinh tế, du lịch. Đời sống văn hóa ở cơ sở có bước phát triển về chiều rộng và chiều sâu. Công tác xã hội hóa được đẩy mạnh, thu hút các nguồn lực xã hội phát triển văn hóa. Lực lượng cán bộ, công chức, viên chức về văn hóa từng bước được nâng lên cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có tác động tốt đến công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng gương người tốt, việc tốt, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu,... góp phần ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Những thành tựu trong xây dựng và phát triển văn hóa đã góp phần vào việc xây dựng, hoàn thiện con người Việt Nam. Không khí dân chủ trong xã hội ngày càng nâng lên; tính năng động, tích cực của người dân được phát huy. Nhiều chuẩn mực văn hóa truyền thống tiếp tục được duy trì, củng cố và phát huy; các giá trị văn hóa, đạo đức mới được hình thành và phát triển: lòng yêu nước, nhân ái, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, trung thực, bản lĩnh, sống có trách nhiệm với gia đình và cộng đồng... Ý thức tự giác, tích cực của nhân dân trong các sinh hoạt văn hóa ngày càng tăng, thu hút được cả xã hội chung tay xây dựng và phát triển văn hóa.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Tuy nhiên, sự nghiệp phát triển văn hóa, con người của tỉnh Hà Nam trong những năm vừa qua vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế, du lịch đạt hiệu quả chưa cao. Hạ tầng cơ sở phục vụ sự nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Chưa có nhiều tác phẩm văn hóa, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Lực lượng cán bộ văn hóa ở cơ sở còn mỏng, hoạt động kiêm nhiệm, trình độ chuyên môn chưa đồng đều. Việc phát triển con người toàn diện về đức, trí, thể, mỹ còn nhiều hạn chế. Văn hóa học đường, văn hóa gia đình, văn hóa xã hội còn có những biểu hiện tiêu cực.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên chủ yếu là do một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm đầy đủ, nhận thức sâu sắc về lĩnh vực này. Việc cụ thể hóa nghị quyết của Đảng ở một số cấp ủy, chính quyền địa phương còn chậm, thiếu đồng bộ. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng, còn dàn trải. Bên cạnh đó, cũng có nhiều yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự phát triển văn hóa. Mặt trái của sự phát triển khoa học, công nghệ, mạng xã hội, văn hóa ngoại lai tác động xấu đến sự phát triển của văn hóa, văn học, nghệ thuật và thị hiếu thẩm mỹ của công chúng.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế nêu trên, tỉnh Hà Nam đã đúc kết được một số kinh nghiệm nhằm đẩy mạnh phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời gian tới như sau:

Một là, nghiêm túc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa; phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, của ban chỉ đạo các cấp, vai trò tham mưu của các ban, ngành, đoàn thể, nhất là vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong việc vận động các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân về những mục tiêu, nhiệm vụ của phong trào xây dựng đời sống văn hóa.

Hai là, phải coi trọng sự phối kết hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cấp, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Ngành văn hóa, thể thao và du lịch làm tốt vai trò nòng cốt, phối hợp với các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện các nội dung của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” lồng ghép với các cuộc vận động, các phong trào thi đua hiện có để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Ba là, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị để khuyến khích, vận động mọi tổ chức, cá nhân tham gia phát triển, đầu tư hạ tầng cơ sở cho văn hóa. Tăng cường công tác quản lý văn hóa trên địa bàn, đưa ra các chính sách nhằm thu hút mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển văn hóa. Thường xuyên quan tâm, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa từ tỉnh đến cơ sở theo hướng “chuẩn hóa”, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Quan tâm đầu tư cho phát triển văn hóa bảo đảm tương xứng với vị trí, vai trò của văn hóa trong đời sống kinh tế - xã hội.

Trong thời gian tới, bối cảnh thế giới, khu vực, trong nước được dự báo tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường, đưa tới nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam. Đó là những tác động, chi phối của quy luật kinh tế thị trường làm đẩy nhanh

khuyh hướng thương mại hóa văn hóa; là những tác động của thiên tai, dịch bệnh đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, cuộc sống của người dân, ảnh hưởng đến các nguồn lực đầu tư thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa, xây dựng con người; là những khó khăn, thách thức trong giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội.

4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”¹.

Trong đó, Đảng ta coi phát huy giá trị văn hóa như một trọng tâm gồm: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững”².

Bám sát quan điểm chỉ đạo, định hướng của Đảng về phát triển văn hóa, tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, tỉnh Hà Nam xác định phương hướng giai đoạn 2020-2025 cần: “... huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững gắn với phát triển văn hóa, bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, xây dựng tỉnh Hà Nam giàu đẹp, văn minh, phấn đấu đạt mức phát triển khá của vùng đồng bằng Bắc Bộ”, trong đó tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hà Nam, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, tính cộng đồng và khát vọng vươn lên. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tạo sự đồng thuận xã hội, đáp ứng các yêu cầu phát triển”.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra, trong thời gian tới tỉnh Hà Nam sẽ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

(1) Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, coi văn hóa là bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng, là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh, quan trọng, một trong những trụ cột bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, thực hiện hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về văn hóa, đặc biệt là các quan điểm,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.II, tr.324.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.206.

định hướng phát triển văn hóa được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”...

(2) Nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của các cấp chính quyền, sự vào cuộc của các đoàn thể chính trị trong việc cụ thể hóa, hiện thực hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào về xây dựng văn hóa ở cơ quan, đơn vị, khu dân cư,...

(3) Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế chính sách, nâng cấp hạ tầng cơ sở phát triển văn hóa, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt, hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Văn hóa cả về chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức; hoàn thiện chính sách phát hiện, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ làm việc trong các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

(4) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đẩy mạnh các phong trào “người tốt, việc tốt”, “xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa”, “xây dựng khu dân cư văn hóa”,... nhằm thúc đẩy việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Thường xuyên biểu dương, cổ vũ những tấm gương điển hình, tạo thành phong trào quần chúng ngày càng sâu rộng. Tích cực, kiên quyết thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam.

(5) Phát triển nghệ thuật biểu diễn theo định hướng ưu tiên, giữ gìn và phát huy các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống. Tiếp tục đầu tư xây dựng và biểu diễn nhiều chương trình nghệ thuật, ca múa nhạc chất lượng cao phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân. Nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống thư viện, bảo tàng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động thư viện, bảo tàng, đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu của nhân dân. Quan tâm phát triển các ngành công nghiệp văn hóa để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

(6) Tăng cường nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa. Tập trung phát triển có trọng tâm, trọng điểm một số lĩnh vực văn hóa. Đổi mới phương thức đầu tư phát triển văn hóa, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Sử dụng hiệu quả

nguồn lực đầu tư của Nhà nước đi đôi với đẩy mạnh công tác xã hội hóa, với những cơ chế, chính sách cụ thể, thiết thực. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ văn hóa, khơi dậy và huy động tiềm năng sáng tạo của các tổ chức, doanh nghiệp và của toàn dân tham gia xây dựng văn hóa, con người Việt Nam.

(7) Tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết, trao đổi kinh nghiệm với các tỉnh, các tổ chức trong và ngoài nước về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Đưa các quan hệ hợp tác quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc như Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế”¹.

Ngày 24/11/1946, tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, trong lời phát biểu khai mạc hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ. Đây chính là kim chỉ nam xuyên suốt mọi hoạt động của ngành Văn hóa và thông tin. Người nêu nhiệm vụ của văn hóa mới là: phải lấy hạnh phúc của đồng bào, sự nghiệp đấu tranh của dân tộc làm nội dung phản ánh, đồng thời phải tiếp thu những kinh nghiệm của văn hóa xưa và nay để xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam với ba tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng. Người nêu rõ vị trí, ảnh hưởng của văn hóa nghệ thuật trong việc giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng con người Việt Nam yêu nước, độc lập, tự cường, tự chủ. Người kêu gọi các nhà văn hóa Việt Nam “hãy đặc biệt chú ý đến nhi đồng”.

Tròn 75 năm kể từ đó, dưới ngọn cờ của Đảng, nhân dân ta kế thừa, phát triển và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, không ngừng sáng tạo những giá trị văn hóa mới thấm đẫm tinh thần yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa phù hợp với đất nước và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, đưa đất nước vững bước trong xu thế phát triển của nhân loại tiến bộ. Đó là sức mạnh hiện thực của văn hóa Việt Nam.

Năm 2021, Hội nghị văn hóa toàn quốc nhằm triển khai thực hiện tư tưởng Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”². Hội nghị có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần cổ vũ, động viên các nhà văn hóa, trí thức, văn nghệ sĩ tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong ý chí, hành động; liên kết các lực lượng làm công tác văn hóa, văn nghệ trong và ngoài nước tạo thành một mặt trận đồng lòng, dốc sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.147, 115-116.

nhân dân; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự ủng hộ của nhân dân, phát huy những kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hà Nam huy động cả hệ thống chính trị chung lòng, chung sức quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao, cùng cả nước xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [2] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025.
- [3] Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.3.

NAM ĐỊNH ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA LÀNH MẠNH, GÓP PHẦN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

TỈNH ỦY NAM ĐỊNH

Văn hóa là một lĩnh vực rộng lớn, vô cùng phong phú và đa dạng thắm sâu trong toàn bộ xã hội và đời sống người dân. Nói đến tiềm năng phát triển của mỗi quốc gia, người ta không chỉ nói tới tài nguyên thiên nhiên mà còn phải nói tới yếu tố văn hóa. Lịch sử loài người đã chứng minh ở bất kỳ thời kỳ nào, với bất kỳ quốc gia nào, con người cũng đều đóng vai trò quyết định trong quá trình sản xuất, mà trước hết họ là một thực thể văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lấy văn hóa soi đường cho quốc dân đi”¹ và Người còn nhấn mạnh: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cần chú ý đến, cũng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”². Trong quá trình xây dựng, phát triển kinh tế xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”³. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” một lần nữa nhấn mạnh: “Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Để xây dựng được một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu đó là xây dựng được môi trường văn hóa.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

2. Hồ Chí Minh: *Văn hóa*, Báo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1997, tr.11.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, t.57, tr.338.

Là một tỉnh nằm ở trung tâm vùng phía nam đồng bằng sông Hồng, với diện tích tự nhiên 1.670 km², dân số gần 2 triệu người, bao gồm 226 xã, phường, thị trấn; có bờ biển dài với 72 km², hệ thống đường giao thông đa dạng với khoảng 7.000 km đường bộ, trên 400 km đường sông và đường biển, 42 km đường sắt, rất thuận tiện cho việc phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa giữa Nam Định với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng dựng nước và giữ nước, Nam Định vốn là vùng đất nghìn năm văn hiến, quê hương của nhiều nhà văn hóa lớn, nhiều bậc hiền tài, khoa bảng, những chiến sĩ cách mạng tiền bối và nhiều nhà lãnh đạo cách mạng xuất sắc của Đảng, Nhà nước; nơi lưu giữ nhiều giá trị tư tưởng đạo đức, giàu tính nhân văn được bảo tồn ở trên 3.600 thôn, xóm, tổ dân phố¹, tất cả đã góp phần tạo dựng nên một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trên địa bàn tỉnh. Nam Định cũng là tỉnh có nhiều di sản văn hóa, trong đó nổi bật là những di sản văn hóa có giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống như lễ hội Đền Trần, Phủ Dầy hay những vùng văn hóa dân gian cổ truyền: hát chèo, rối nước, rối cạn, hát chầu văn và nhiều làng nghề truyền thống như: đúc đồng, dệt, chạm khắc, sơn mài... Đặc biệt, Nam Định còn được coi là nơi khởi nguồn, hội tụ, lan tỏa, Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt đã được UNESCO xét duyệt và ghi danh vào danh mục “Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại” (tháng 12/2016).

Trong những năm qua, xác định được vai trò quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của đất nước, của địa phương, nhất là vai trò của việc xây dựng môi trường văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị tỉnh Nam Định đã có nhiều chủ trương, chính sách để xây dựng và phát huy vai trò của văn hóa. Nhiều nghị quyết, chỉ thị được ban hành và chỉ đạo tập trung thực hiện. Đặc biệt, để góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 9/6/2016 về “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định” và 22 văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này. Vì vậy, lĩnh vực văn hóa của tỉnh có những chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả nổi bật:

1. Các thiết chế văn hóa được xây dựng và ngày càng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động

Trong các yếu tố để xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa mới thì hệ thống thiết chế văn hóa có vai trò quan trọng. Đó là hệ thống hạ tầng cơ sở, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị để bảo đảm cho các hoạt động văn hóa có thể diễn ra, nhằm phục vụ nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của nhân dân. Việc xây dựng hệ

1. Tiếp tục hoàn thành việc sáp nhập thôn, xóm, tổ dân phố dự kiến giảm còn 1.500 đơn vị.

thống thiết chế văn hóa được các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm. Cụ thể trong xây dựng nông thôn mới, các huyện, thành phố đều dành quỹ đất và đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất xây dựng các thiết chế văn hóa cấp xã, thôn, xóm và không gian vui chơi giải trí phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Kết quả là, 100% xã, phường, thị trấn đều có nhà văn hóa; 100% làng, thôn, xóm có nơi sinh hoạt văn hóa. Đặc biệt, các thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh, trung tâm văn hóa, thể thao cấp huyện đã phát huy vai trò trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phong phú, quy mô lớn phục vụ nhân dân vào những ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước và của địa phương.

Bên cạnh đó, việc phát triển các phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, luyện tập thể dục, thể thao cũng được phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện cho người dân tham gia sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa. Đã có 900 đội văn nghệ quần chúng, hơn 60 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ duy trì hoạt động thường xuyên với sự tham gia của hơn 3.000 hội viên tham gia góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cái đúng, cái tốt đẹp, đấu tranh, đẩy lùi các hành vi sai trái, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở địa phương; bên cạnh đó toàn tỉnh hiện có 1.680 câu lạc bộ thể thao cơ sở được thành lập, thu hút số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên, đạt trên 36% dân số; hằng năm tổ chức trên 1.300 giải thể thao cơ sở, 100 giải thể thao cấp huyện và 25 giải thể thao cấp tỉnh...

2. Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh đã loại bỏ dần các hủ tục trong việc cưới, việc tang, lễ hội; nếp sống văn hóa nơi công sở, ứng xử văn minh nơi công cộng, ý thức chấp hành pháp luật và bảo vệ môi trường chuyển biến tích cực

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được đông đảo cán bộ, nhân dân hưởng ứng và có những bước chuyển biến tích cực. Nhiều nơi đã xây dựng hương ước, quy ước nhằm phát huy thuần phong mỹ tục, đề cao chuẩn mực đạo đức truyền thống, tích cực xây dựng nông thôn mới, các nhiệm vụ chính trị kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 3.167/3.634 hương ước, quy ước làng, thôn, xóm, tổ dân phố được phê duyệt, đạt 87%. Việc xây dựng gia đình văn hóa, làng (thôn, xóm, tổ dân phố) văn hóa được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện. Toàn tỉnh đã có 87% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, 97% thôn, xóm, tổ dân phố được công nhận danh hiệu thôn, xóm, tổ dân phố văn hóa, trên 85% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Thông qua phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng (thôn, xóm, tổ dân phố) văn hóa đã góp phần tích cực trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam, cũng như xây dựng mô hình gia đình bình đẳng, ấm no và hạnh phúc.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo tinh thần Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII và Kết luận số 51-KL/TW của Bộ Chính trị khóa X, nhiều địa phương trong tỉnh đã vận động nhân dân tổ chức đám cưới theo nếp sống mới; hỗ trợ gia đình trong việc tổ chức lễ cưới, nhiều đám cưới tổ chức theo hình thức tiệc trà, hạn chế việc tiếp thuốc lá trong đám cưới¹, thực hiện tốt cuộc vận động “Làm cỗ vừa đủ ăn”, “Ăn cỗ không lấy phần”. Về việc tang, trong nhân dân đã có nhiều tiến bộ; gia đình có người mất đã thực hiện nghiêm túc việc khai tử với chính quyền địa phương, không tổ chức ăn uống linh đình như trước đây, chỉ gọn nhẹ trong phạm vi gia đình, họ tộc; nhiều hủ tục trước đây được xóa bỏ. Công tác quản lý, tổ chức lễ hội trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo hướng văn minh, tiết kiệm, mang ý nghĩa giáo dục truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, các địa phương đã xây dựng kế hoạch và quản lý chặt chẽ các hoạt động diễn ra trong lễ hội; đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu về di tích, nội quy bảo vệ di tích và bảo vệ môi trường cảnh quan di tích; nhiều trò chơi dân gian được khôi phục; bảo đảm vệ sinh môi trường góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội địa phương.

Bên cạnh đó, các hoạt động sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật được các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh quan tâm, thường xuyên tuyên truyền, vận động đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng nông thôn mới, những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước, tổ chức quảng bá các tác phẩm nghệ thuật với nhiều hình thức như báo chí, xuất bản, biểu diễn nghệ thuật... Mỗi năm có hàng trăm tác phẩm văn học, nghệ thuật được sáng tác, trong đó có nhiều tác phẩm triển lãm, biểu diễn; xuất bản sách, báo, tạp chí phục vụ kịp thời các sự kiện chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân.

3. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa được đặc biệt quan tâm, góp phần quảng bá hình ảnh về văn hóa, con người Nam Định với nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế

Hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện, tạo được sự đồng thuận và huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội tham gia. Đã có hàng trăm di tích được bảo vệ, tu bổ, tôn tạo; nhiều di vật, cổ vật được thu thập, đăng ký, bảo quản; nhiều di sản văn hóa phi vật thể được sưu tầm, tư liệu hóa; rà soát, đưa ra khỏi di tích các hiện vật, linh vật, đồ thờ không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam... Do vậy đã từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa. Hiện nay, tỉnh Nam Định có 1.348 di tích

1. Huyện Hải Hậu có 290/550 xóm không tiếp thuốc lá trong đám cưới.

lịch sử - văn hóa, trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt, 87 di tích cấp quốc gia, 295 di tích cấp tỉnh và 964 di tích trong danh mục kiểm kê. Bảo tàng tỉnh đang trưng bày, bảo quản hơn 25.000 tài liệu, hiện vật trong đó có 4 nhóm bảo vật quốc gia. Nam Định có 9 di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia¹, đặc biệt “Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Tỉnh đã thành lập Hội bảo vệ và phát huy di sản “Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” và Hiệp hội văn hóa ẩm thực Nam Định nhằm góp phần bảo vệ, phát huy giá trị di sản và tôn vinh những nét văn hóa tín ngưỡng, ẩm thực truyền thống của tỉnh, giới thiệu với đông đảo du khách trong nước và quốc tế.

4. Công tác quản lý di sản văn hóa và huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội hóa để đẩy mạnh các hoạt động văn hóa đạt được những kết quả tích cực

Công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự đồng thuận của nhân dân. Hầu hết các di tích xếp hạng đã thành lập ban quản lý di tích, có sự tham gia của lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã. Nhiều di vật, cổ vật đã được thu thập, đăng ký, bảo quản; di sản văn hóa phi vật thể là các lễ hội đặc sắc, nghệ thuật truyền thống, văn hóa dân gian được sưu tầm, tư liệu hóa. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động tu sửa, tôn tạo di tích được thường xuyên, kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý, đã góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Công tác quản lý và tổ chức lễ hội có nhiều chuyển biến tích cực, thực hiện đúng các quy định về tổ chức lễ hội của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Các lễ hội trên địa bàn tỉnh đã thành lập Ban tổ chức lễ hội có sự tham gia của chính quyền và tổ chức thực hiện theo quy định. Một số lễ hội có quy mô lớn, tiêu biểu trên địa bàn tỉnh như Hội chợ Viềng Xuân (huyện Vụ Bản, Nam Trực, Nghĩa Hưng) và Lễ hội Khai ấn đền Trần (phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định)... đã dần đi vào nề nếp. Những tồn tại trong công tác tổ chức Lễ hội Khai ấn đã được khắc phục. Lễ hội truyền thống chùa Keo Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường; Lễ hội đền thờ đức Thánh tổ Tống Xá, xã Yên Xá, huyện Ý Yên; Lễ hội chùa Đại Bi, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực; Lễ hội đền - chùa Linh Quang, xã Phương Định, huyện Trực Ninh đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đặc biệt, từ năm 2020 đến nay, để thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống đại dịch COVID-19, các lễ hội truyền thống đã tổ chức với quy mô hạn chế hoặc dừng tổ chức.

1. Hát ca trù, nghi lễ Châu văn của người Việt, Lễ hội Phủ Dày, Lễ hội Đền Trần, Lễ hội chùa Keo Hành Thiện, Lễ hội đền thờ đức Thánh tổ Tống Xá, Lễ hội Chùa Đại Bi, Lễ hội đền - chùa Linh Quang, Nghề sơn mài Cát Đằng.

Bên cạnh công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa, các ngành, các địa phương cũng quan tâm chú trọng đầu tư ngân sách cho phát triển văn hóa, nhất là đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, nhiều thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa có sự quan tâm, tham gia đóng góp tích cực của các tầng lớp nhân dân¹. Các hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích cũng được triển khai hiệu quả với sự tham gia đóng góp tích cực của nhân dân, nhất là việc trùng tu, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt Đền Trần, chùa Phố Minh, Quần thể di tích lịch sử - văn hóa Phủ Dầy, đình và miếu Cao Đài...

Việc hội nhập quốc tế về văn hóa và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch đạt được nhiều kết quả thiết thực, góp phần xây dựng, quảng bá mảnh đất và con người Nam Định tới bạn bè trong nước và quốc tế, giúp bạn bè quốc tế có cái nhìn rõ nét và gần gũi hơn về Nam Định nói riêng cũng như đất nước Việt Nam nói chung như tổ chức thành công Lễ đón bằng UNESCO ghi danh “Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; tổ chức giao lưu và biểu diễn các tiết mục nghệ thuật cùng bạn bè quốc tế, tổ chức giải Bóng chuyền vô địch các Câu lạc bộ Nam châu Á với 13 đội tuyển các quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự.

5. Tỉnh tập trung chỉ đạo việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới

Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng nhất là việc giáo dục, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, hướng con người tới những giá trị chân - thiện - mỹ, những năm qua các cấp ủy, chính quyền tăng cường chỉ đạo việc giáo dục, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, hướng con người tới những giá trị chân, thiện, mỹ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đồng thời chỉ đạo và tổ chức nhiều hoạt động bồi dưỡng về thể chất và tâm hồn, nhằm phát triển con người một cách toàn diện. Các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp của tỉnh và Trung tâm văn hóa, thể thao ở các huyện, thành phố Nam Định đã tổ chức xây dựng nhiều chương trình nghệ thuật có chất lượng cao phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh và đất nước, sáng tạo trong việc tổ chức dàn dựng các vở diễn, tiểu phẩm, trích đoạn hay phục vụ nhân dân. Ngành Văn hóa đã chủ động phối hợp với ngành Giáo dục tổ chức các hoạt động giáo dục, học tập tại bảo tàng, giúp các học sinh tiếp thu kiến thức lịch sử qua các hiện vật thực tế, qua đó đẩy mạnh thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ”.

1. Giai đoạn 2016-2020 toàn tỉnh đã xây mới, sửa chữa, nâng cấp được 47 nhà văn hóa cấp xã, 855 nhà văn hóa thôn, xóm, tổ dân phố với kinh phí trung bình từ 800 triệu đến 1 tỷ đồng/nhà văn hóa cấp xã, 450-800 triệu đồng/nhà văn hóa thôn, xóm, tổ dân phố. Đặc biệt, nhiều địa phương trong tỉnh đã có cơ chế khuyến khích xây dựng nhà văn hóa thôn, xóm, tổ dân phố với mức hỗ trợ từ 50-150 triệu đồng.

Tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị, hoạt động văn hóa văn nghệ, mừng Đảng - mừng Xuân, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của tỉnh, đất nước như: Lễ kỷ niệm 750 năm Thiên Trường - Nam Định; Lễ đón bằng UNESCO ghi danh “Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Lễ kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Trường Chinh; Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VII, Lễ kỷ niệm 110 năm Ngày sinh đồng chí Lê Đức Thọ, 100 năm Ngày sinh đồng chí Nguyễn Cơ Thạch, Thượng tướng Song Hào...; tổ chức nghiên cứu sinh hoạt chuyên đề hằng năm về học tập và làm theo Bác; đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành công việc thường xuyên ở mỗi tổ chức đảng, chính quyền.

Đồng thời, các cấp ủy, tổ chức đảng cũng đẩy mạnh việc chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong cơ quan, đơn vị, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân¹; phát huy, đề cao phương thức nêu gương trước hết trong mọi tổ chức đảng, Nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, “lấy cái tích cực đẩy lùi cái tiêu cực”, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; đưa nội dung xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa trở thành một trong những tiêu chí để đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng hằng năm.

Với những nhận thức đúng về vai trò của văn hóa và việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh đã góp phần giúp cho kinh tế - văn hóa, xã hội của tỉnh Nam Định ngày càng ổn định, phát triển, đạt được nhiều thành tựu mới. Tốc độ tăng trưởng kinh tế những năm gần đây đạt 7,9%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng phát triển công nghiệp và dịch vụ. Từ một tỉnh thuần nông, đến nay, công nghiệp và dịch vụ đã chiếm tỷ trọng 82% trong cơ cấu kinh tế; tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống còn 18%. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt những thành tựu nổi bật, Nam Định là một trong hai tỉnh đầu tiên cả nước hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Huyện Hải Hậu tiếp tục được Trung ương chọn là một trong bốn huyện xây dựng mô hình điểm huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình hạ tầng trọng điểm, góp phần cải thiện vị thế địa kinh tế, tạo diện mạo mới tác động

1. Xem Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 9/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc “Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh Nam Định”.

lâu dài tới sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngành Giáo dục và Đào tạo duy trì thành tích 27 năm liên tục nằm trong tốp dẫn đầu cả nước về chất lượng giáo dục. An sinh xã hội được bảo đảm; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm còn dưới 1%. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng được nâng cao; hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh; quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh của tỉnh cũng còn những hạn chế:

- Công tác nghiên cứu, quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa hiệu quả và tương xứng với tiềm năng vốn có của tỉnh. Công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn quản lý, phát huy giá trị đối với một số di tích chưa thực sự quyết liệt.

- Việc thực hiện nếp sống văn hóa công sở, ứng xử văn minh nơi công cộng, ý thức chấp hành pháp luật và bảo vệ môi trường sinh thái chưa tạo được sự chuyển biến tích cực.

- Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động văn hóa ở cơ sở ở một số địa phương hiệu quả sử dụng thấp; vẫn còn hiện tượng thương mại hóa các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở một số nơi.

- Công tác xã hội hóa, mức đầu tư ngân sách Nhà nước cho văn hóa còn thấp so với nhu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa của tỉnh, nhất là việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa. Đội ngũ những người làm văn hóa của tỉnh còn ít về số lượng, luôn có sự biến động, nhất là ở cơ sở.

6. Định hướng nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Nam Định trong thời gian tới

Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong những năm tới tỉnh Nam Định phát huy những kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế; tập trung thực hiện đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức, trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Qua đó, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội; xác định việc xây dựng và phát triển văn hóa là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là sự nghiệp của toàn dân, trong đó người dân là chủ thể trong việc phát triển văn hóa.

Thứ hai, tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa. Thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển văn hóa của tỉnh phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, chọn lọc các sản phẩm văn hóa phù hợp để phục vụ giao lưu, hợp tác với các nước trong khu vực và thế giới trên lĩnh vực phát triển văn hóa.

Thứ ba, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa; tăng cường huy động các nguồn lực để xây dựng thiết chế văn hóa ở cơ sở và không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng bảo đảm phù hợp với quy hoạch; tạo điều kiện nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí trên địa bàn.

Thứ tư, tăng cường công tác quản lý bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt công tác quản lý, tổ chức các lễ hội truyền thống; phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể nhất là tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Bảo vệ và phát huy giá trị Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt ở tỉnh Nam Định đến năm 2030”, để phát huy giá trị của Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ trong quá trình xây dựng đời sống văn hóa của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Thứ năm, tiếp tục huy động nguồn lực của toàn xã hội tham gia các hoạt động sáng tạo và xây dựng đời sống văn hóa, tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa phát triển, nâng cao dần mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá, phát triển du lịch văn hóa, thực hiện hiệu quả và có tính đột phá các nội dung của phong trào và đề án nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân và du khách về nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, góp phần xây dựng Nam Định văn minh, giàu tính nhân văn, hấp dẫn và đáng sống.

Như vậy, cùng với việc làm tốt công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh thì việc thực hiện hiệu quả định hướng phát triển văn hóa của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tiến trình phát triển chung của đất nước, của địa phương. Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành cần quan tâm đúng mức đến việc phát triển văn hóa, loại bỏ tư duy văn hóa và phát triển văn hóa là chuyện riêng của ngành Văn hóa và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác văn hóa; xác định phát triển văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa là nhiệm vụ chính trị, là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị và mọi người dân, đồng thời có quyết tâm cao với những giải pháp đồng bộ để khơi dậy và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [2] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định (khóa XIX): Nghị quyết 07-NQ/TU ngày 9/6/2016 về “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định”.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [4] Đảng bộ tỉnh Nam Định: *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX*, 2020.
- [5] Tỉnh ủy Nam Định: Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [6] Tỉnh ủy Nam Định: Dự thảo báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 9/6/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định”.
- [7] PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: “Xây dựng môi trường văn hóa theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, ngày 13/10/2021.

TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC, PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA QUÊ HƯƠNG THÁI BÌNH

TỈNH ỦY THÁI BÌNH

Thái Bình là vùng đất “địa linh, nhân kiệt” gắn liền với lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam; là địa phương có bề dày truyền thống văn hóa, văn hiến, yêu nước và cách mạng; nơi sinh ra, nuôi dưỡng và che chở nhiều danh nhân tuấn kiệt đã góp phần làm rạng danh quê hương, đất nước, ghi dấu những mốc son không thể nào phai trong tiến trình lịch sử.

Do đặc điểm về vị trí địa lý, địa hình và cư dân, Thái Bình trở thành nơi hội tụ và lan tỏa các sắc thái văn hóa, văn minh của vùng châu thổ Bắc Bộ, vốn được coi là đất chèo, là quê hương của múa rối nước với nhiều thế hệ nghệ nhân, nghệ sĩ ưu tú tài hoa; hàng trăm làng nghề truyền thống; có hệ thống di tích lịch sử văn hóa¹ (đình, chùa, miếu, từ đường...) dày đặc; di sản Hán Nôm (hương ước, quy ước, tục lệ, thần tích, thần phả, sắc phong...) đa dạng kho tàng ca dao, tục ngữ phong phú; những thuần phong, mỹ tục của các thôn làng; nền nếp, gia phong của các gia đình, dòng họ; tính cách cần cù, thông minh, quả cảm; truyền thống hiếu học, khoa bảng đời nối đời; lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng; đức tính cần, kiệm, khiêm tốn, giản dị, trung thực, thủy chung, lạc quan... Đó là những nét đẹp truyền thống quý báu trong văn hóa Thái Bình xưa và nay.

Các giá trị truyền thống đó đã, đang và sẽ là nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh nội sinh, tạo ra động lực tinh thần to lớn phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình. Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng đó, những năm qua, cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh về giáo dục truyền thống cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng,

1. Di tích quốc gia đặc biệt Chùa Keo - một trong những biểu tượng ngời sáng của bản sắc văn hóa Việt Nam; Khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Trần, vốn là niềm tự hào vĩnh hằng về vùng đất phát đế vương đã sinh ra những bậc hiền tài khai sáng ra một vương triều lừng lẫy võ công, văn nghiệp và đặc biệt là công trình Đền thờ Bác Hồ và Tượng đài Bác Hồ với nông dân Việt Nam,...

nhất là giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, truyền thống văn hóa dân tộc, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc, đặc biệt chú trọng giáo dục truyền thống của tỉnh, địa phương trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền và giáo dục truyền thống. Một số địa phương, nhà trường trên địa bàn tỉnh đã đưa nội dung giáo dục truyền thống lịch sử, truyền thống văn hóa của tỉnh vào chương trình giáo dục phổ thông; chú trọng giáo dục nghệ thuật chèo, nhạc cụ dân tộc; thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về truyền thống quê hương, đất nước trong học sinh, sinh viên và thanh, thiếu niên. Công tác chăm lo phát triển con người toàn diện và phát huy nhân tố con người trong giữ gìn, bảo tồn, bổ sung, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế được chú trọng. Việc xây dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo vệ, khai thác và phát huy các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn được quan tâm. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được phát động và thực hiện hiệu quả ở nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp. Các phong trào thi đua yêu nước được triển khai sâu rộng, thiết thực, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng đạo đức, nhân cách, lối sống tốt đẹp của con người, bồi dưỡng lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo và ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách của nhân dân trong tỉnh. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá những truyền thống tốt đẹp của đất và người Thái Bình tới các vùng miền trong và nước được quan tâm, đã cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân người Thái Bình ở trong và ngoài nước hướng về cội nguồn, đồng lòng, chung sức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Thái Bình ngày càng văn minh, giàu đẹp và phát triển.

Kế thừa và phát huy những tinh hoa truyền thống của các thế hệ cha ông, trong công cuộc đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Thái Bình đã năng động, sáng tạo tìm ra sức bật mới với những bước đi, cách làm mới và đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Một là, quán triệt triển khai, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa.

Các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh tới cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước,

lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách, ý thức tôn trọng pháp luật để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc; đề cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, xây dựng con người phát triển toàn diện về năng lực, trí tuệ, nhân cách trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa được nâng lên trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân. Thể chế văn hóa, chính sách văn hóa dần được hoàn thiện. Hệ thống thiết chế văn hóa tăng về số lượng và từng bước cải thiện về chất lượng. Sản phẩm văn hóa, văn học và nghệ thuật phong phú, đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được nghiên cứu, nhận diện, bảo vệ và phát huy giá trị, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy lòng tự hào trong nhân dân.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Bình đã tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII; ban hành Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 22/7/2014 thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/1/2019 về “Tăng cường giáo dục, phát huy truyền thống văn hóa, văn hiến, yêu nước, cách mạng của quê hương Thái Bình cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân”. Nghị quyết đã tổng kết đánh giá kết quả, cũng như đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nếp sống văn minh. Trong xu thế bùng nổ thông tin hiện nay, một trong các vấn đề cần định hướng về tư tưởng là mỗi người luôn có nhận thức đúng đắn theo quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không phụ họa theo nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, nhất là trên không gian mạng.

Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ban hành Quy định về thực hiện nếp sống văn hóa trên địa bàn tỉnh¹, với mục tiêu tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục - đào tạo,

1. Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc “Ban hành Quy định về thực hiện nếp sống văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình”; Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thực hiện nếp sống văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012”; Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 6/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về “Ban hành Quy định về thực hiện nếp sống văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình”; Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc “Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2015-2020”; Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc “Phê duyệt Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

đặc biệt là thế hệ trẻ phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, kỹ; nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, lý tưởng cách mạng của Đảng, của dân tộc về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ mới. Bước đầu triển khai trong thực tiễn đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc phát triển con người toàn diện trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước được hoàn thiện nhằm tích cực đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, lạc hậu; chống các quan điểm sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa.

Hai là, đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống văn hóa, văn hiến, yêu nước, cách mạng của tỉnh.

Ngành Văn hóa tỉnh đã xuất bản và phát hành nhiều tài liệu tuyên truyền nhằm đổi mới về nội dung và phương thức tuyên truyền¹. Tổ chức các hội nghị tập huấn về bảo tồn di sản văn hóa, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; phổ biến các quy định về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa; phòng, chống tệ nạn xã hội; giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa gia đình...

Ba là, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục truyền thống văn hóa, văn hiến, yêu nước, cách mạng của tỉnh.

- Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống

Công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa được thực hiện nghiêm theo quy định của Luật di sản văn hóa và các quy định của pháp luật có liên quan; việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được cấp ủy, chính quyền và nhân dân quan tâm đầu tư, huy động xã hội hóa trong tu bổ di tích; công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích được tiến hành thường xuyên, theo quy định của pháp luật. Toàn tỉnh hiện có 2.969 di tích đã được kiểm kê² và 493 lễ hội.

Thái Bình là tỉnh giàu truyền thống văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể, có 11 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia³; các di sản tư liệu, di vật, cổ vật, bảo vật được quản lý theo quy định; việc sưu tầm, tiếp nhận, kiểm kê, bảo quản và trưng bày tài liệu, hiện vật, nghiên cứu

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xuất bản, phát hành 3.000 cuốn tài liệu Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND; 3.400 cuốn tài liệu hướng dẫn thực hiện Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND; 3.100 cuốn Hỏi đáp pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, 4.100 cuốn tài liệu hướng dẫn xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; in ấn phát hành 300 đĩa CD tuyên truyền về Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025; 2.000 đĩa CD tuyên truyền về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt, 117 di tích quốc gia và 577 di tích cấp tỉnh.

3. Gồm: Lễ hội đền Trần, Lễ hội Tiên La (Hưng Hà), Lễ hội Chùa Keo, tục chơi diều sáo trong Lễ hội Sáo Đền, xã Song An (Vũ Thư), Lễ hội đền A Sào, Lễ hội đền Đồng Bằng, Lễ hội đền Lộng Khê (Quỳnh Phụ), Lễ hội làng Quang Lang, xã Thụy Hải (Thái Thụy), Lễ hội làng Giăng, múa rối nước xã Đông Các và xã Nguyên Xã (Đông Hưng), Ca trù tỉnh Thái Bình.

di sản văn hóa tại Bảo tàng tỉnh bảo đảm khoa học. Năm 2021, tỉnh Thái Bình đã hoàn thành việc kiểm kê các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh; xây dựng hồ sơ đề nghị, được Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia cổ ngai thờ sơn son thếp vàng thời Lê Trung Hưng thế kỷ XVII. Đang xây dựng hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia “huong án gỗ sơn son thếp vàng” thời Lê Trung Hưng thế kỷ XVII trong Đền Thánh (tòa Phụ Quốc) tại di tích đặc biệt Chùa Keo.

Coi trọng công tác bảo tồn di sản văn hóa, tu bổ các di tích lịch sử cách mạng trọng điểm, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, văn hiến, yêu nước và cách mạng của quê hương Thái Bình.

- Triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng nếp sống, lối sống văn hóa

Việc triển khai, thực hiện quy định về thực hiện nếp sống văn hóa trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả tích cực. Việc cưới, việc tang và lễ hội cơ bản được thực hiện đúng quy định, các nghi lễ bảo đảm trang trọng, giữ gìn và phát huy được những phong tục tập quán tốt đẹp, các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn, tổ dân phố văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đã có nhiều chuyển biến tích cực. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa trong xây dựng nông thôn mới được nhân dân hưởng ứng tích cực; các thiết chế văn hóa, thể thao như nhà văn hóa, sân thể thao được đầu tư xây dựng khang trang, sạch đẹp. Cùng với việc thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, các địa phương còn quan tâm, chú trọng xây dựng khu dân cư xanh - sạch - đẹp. Việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước tại các thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được triển khai hiệu quả theo Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 8/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về “Xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước”, góp phần đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống; giữ gìn bản sắc văn hóa, lối sống, nếp sống, phong tục tập quán tốt đẹp trên địa bàn tỉnh. Năm 2020, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Bình đã triển khai xây dựng thí điểm mô hình “Nhà văn hóa khu dân cư kiểu mẫu” tại thôn Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy¹. Việc xây dựng nhà văn hóa khu dân cư kiểu mẫu đã góp phần phát huy, nâng cao vai trò của các thiết chế nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, là nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, xã hội tại địa phương; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí

1. Ban Thường vụ Huyện ủy Thái Thụy đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 4/11/2020 về việc “Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nhà văn hóa thôn, tổ dân phố kiểu mẫu”, trong đó mục tiêu năm 2021 xây dựng thành công ở mỗi xã, thị trấn 1 nhà văn hóa, thôn, tổ dân phố kiểu mẫu, đồng thời hỗ trợ 30 triệu đồng/thôn, riêng đối với thôn Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy là đơn vị làm điểm thì được nhận hỗ trợ 50 triệu đồng.

đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa tinh thần, nâng cao thể chất của nhân dân. Nhờ đó, mô hình nhà văn hóa khu dân cư kiểu mẫu đã được nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, sưu tầm, nghiên cứu, biên tập, xuất bản các ấn phẩm về giáo dục truyền thống, các sản phẩm văn hóa du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống của quê hương.

Tỉnh Thái Bình đã hoàn thành việc kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn, góp phần xác định tên gọi, loại hình, chủ thể văn hóa, không gian văn hóa, sức sống, đặc điểm và giá trị lịch sử, văn hóa của các di sản văn hóa phi vật thể; lập hồ sơ lưu giữ phục vụ nghiên cứu và bảo tồn lâu dài di sản văn hóa phi vật thể; kết quả kiểm kê là căn cứ để lựa chọn những di sản văn hóa phi vật thể có tính đại diện, thể hiện bản sắc của cộng đồng, địa phương để lập hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống, bảo vệ di sản, nhận diện được hiện trạng, sức sống của di sản để triển khai kịp thời các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, ngăn chặn nguy cơ bị mai một, thất truyền, góp phần tích cực trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa của địa phương.

Năm là, phát huy tiềm năng, khuyến khích đầu tư, hỗ trợ công tác giáo dục truyền thống, sáng tạo văn hóa, văn học và nghệ thuật và mở rộng, giao lưu hợp tác quốc tế về lĩnh vực văn hóa.

Hiện nay, Thái Bình có 16 nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú, 2 nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể¹; đang tiếp tục trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ xét tặng danh hiệu cho 5 Nghệ nhân Nhân dân và 11 Nghệ nhân Ưu tú, trình Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước xét tặng danh hiệu cho 6 Nghệ sĩ Nhân dân và 11 Nghệ sĩ Ưu tú.

Hàng năm, Nhà hát Chèo Thái Bình đã dàn dựng thành công nhiều vở diễn, tác phẩm, chương trình nghệ thuật có giá trị, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng khán giả trong và ngoài tỉnh, đáp ứng nhiệm vụ chính trị của địa phương, phản ánh chân thực cuộc sống, mạnh dạn phê phán cái xấu, những biểu hiện thoái hóa, biến chất về nhân cách, đạo đức, lối sống, góp phần cảnh tỉnh, ngăn chặn xu hướng tiêu cực trong đời sống xã hội. Nhờ đó, nghệ thuật Chèo truyền thống vẫn được giữ gìn và phát huy trong cơ chế thị trường

Tỉnh Thái Bình đã tiến hành lập hồ sơ “Nghệ thuật Chèo đồng bằng sông Hồng” đệ trình UNESCO đưa vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện

1. Thuộc các loại hình: Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (1 Nghệ nhân Ưu tú), Múa rối nước (2 Nghệ nhân Nhân dân và 6 Nghệ nhân Ưu tú), hát Chèo (4 Nghệ nhân Ưu tú), Múa giáo cờ giáo quạt (5 Nghệ nhân Ưu tú).

của nhân loại; nhằm mục đích vinh danh Nghệ thuật Chèo đồng bằng sông Hồng, quảng bá, giới thiệu nghệ thuật Chèo ở quy mô quốc gia và quốc tế; huy động nguồn lực để bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống nghệ thuật Chèo đồng bằng sông Hồng nói chung và nghệ thuật Chèo ở Thái Bình nói riêng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp, trực tiếp là lực lượng tham gia công tác bảo tồn di sản văn hóa và cộng đồng, các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ và phát huy giá trị loại hình di sản văn hóa phi vật thể này; góp phần tôn vinh nghệ thuật trình diễn dân gian truyền thống, tiêu biểu của tỉnh và của dân tộc, đồng thời khuyến khích các nghệ nhân, các nhóm, các đoàn thể và các tổ chức, cá nhân thực hành, gìn giữ và phát huy giá trị nghệ thuật Chèo, phù hợp với Luật di sản văn hóa và Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003 của UNESCO; từ đó kêu gọi sự hợp tác và hỗ trợ quốc tế trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng và phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình vẫn còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể là:

(1) Công tác giáo dục, phát huy truyền thống văn hóa, yêu nước, cách mạng của quê hương Thái Bình ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa được chú trọng. Việc tuyên truyền, quảng bá về truyền thống và một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể, các di tích lịch sử văn hóa; việc bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị các chứng tích cổ, hương ước, quy ước thôn, làng xưa, các thuần phong, mỹ tục đạt hiệu quả chưa cao.

(2) Quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa; công tác tham mưu về bảo tồn, phát huy và làm giàu truyền thống văn hóa của tỉnh trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ và hội nhập chưa đạt được như mong muốn.

(3) Một bộ phận thanh niên thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa tốt đẹp của quê hương, đất nước. Công tác đấu tranh, ngăn chặn các thông tin xấu, độc hại, trái với thuần phong mỹ tục có lúc, có nơi còn chưa kịp thời.

Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế nêu trên bao gồm:

Về chủ quan: Một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội chưa hiểu sâu sắc về lịch sử truyền thống văn hóa, văn hiến, yêu nước, cách mạng của quê hương Thái Bình; chưa nhận thức đúng, thậm chí có biểu hiện xem nhẹ vị trí đặc biệt quan trọng của công tác giáo dục truyền thống. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và sự phối hợp giữa các địa phương, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong giáo dục truyền thống còn mang tính hình thức. Tính tự giác, tự quản trong sinh hoạt cộng đồng của một bộ phận nhân dân chưa được phát huy. Cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư cho công tác tuyên truyền, giáo dục, bảo tồn, nâng cấp các di tích và tôn vinh các giá trị truyền thống chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Về khách quan: Tác động mặt trái của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội và sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa ngày càng phức tạp. Sự xâm nhập của các trào lưu văn hóa nước ngoài, văn hóa phẩm độc hại ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân; làm xói mòn truyền thống văn hóa, yêu nước, cách mạng của dân tộc và của tỉnh.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định một trong các định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc,... Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”¹.

Trong thời gian tới, để văn hóa trở thành động lực, sức mạnh nội sinh, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, tỉnh Thái Bình cần tiếp tục tập trung triển khai một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

(1) *Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tăng cường hiệu quả sự lãnh đạo, chỉ đạo từ các cấp ủy đảng, chính quyền, sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế - xã hội.*

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của văn hóa; tiếp tục đổi mới tư duy trong giáo dục, bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa, yêu nước, cách mạng của tỉnh. Xây dựng và củng cố niềm tự hào trong từng cá nhân, gia đình, dòng họ, trong mỗi thôn làng, địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là trong hệ thống giáo dục quốc dân về truyền thống của quê hương, đất nước; ý thức trách nhiệm giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh.

(2) *Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống lịch sử nhằm vun đắp và phát huy niềm tự hào dân tộc cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, hướng đến các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc - cội nguồn tạo nên bản sắc văn hóa, cốt cách và sức mạnh của con người Việt Nam nói chung, con người Thái Bình nói riêng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/1/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Bình khóa XIX về “Tăng cường giáo dục, phát huy truyền thống văn hóa, văn hiến,*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

yêu nước, cách mạng của quê hương Thái Bình cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân”.

Chú trọng tuyên truyền, giáo dục về những nét đẹp trong thuần phong, mỹ tục của các thôn làng; nền nếp gia phong của các gia đình, dòng họ; tính cách cần cù, thông minh, quả cảm, truyền thống hiếu học, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng; những sự kiện lịch sử và danh nhân văn hóa của quê hương Thái Bình,... Trên cơ sở đó biến những truyền thống này trở thành sức mạnh vật chất nội sinh, xây dựng niềm tự hào, tự tôn, tự trọng trở thành một loại “vắc xin” đề kháng hiệu quả, ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng phai nhạt bản sắc văn hóa dân tộc; chống sự xâm nhập của các trào lưu và các sản phẩm văn hóa độc hại; đấu tranh, phản bác các luận điệu, quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Kết hợp tuyên truyền để giúp người dân thấy được họ vừa là người bảo vệ, vừa là người được hưởng lợi từ việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa truyền thống. Khuyến khích người dân duy trì, phục hồi, truyền dạy nghề thủ công truyền thống và tổ chức trình diễn các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của từng địa phương như lễ hội truyền thống, chèo, múa rối nước, hát chầu văn, múa bát dật, múa giáo cờ giáo quạt, thả diều,... Xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý đối với các nghệ nhân, nghệ sĩ đang nắm giữ và có công truyền dạy, phổ biến di sản văn hóa phi vật thể,... Thông qua đó giúp người dân nâng cao ý thức và có những hành động thiết thực nhất trong việc giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa truyền thống.

Đặc biệt, trong công tác tuyên truyền cần chú trọng tới đối tượng thanh, thiếu niên, triển khai hiệu quả khẩu hiệu của UNESCO: “Di sản nằm trong tay thế hệ trẻ”, cụ thể thông qua sự giáo dục từ trong mỗi gia đình, các hoạt động ngoại khóa, chương trình lồng ghép trong các môn học để dần đưa những giá trị văn hóa truyền thống thấm nhuần đến học sinh ngay từ khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường.

(3) Xây dựng quy hoạch tổng thể bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình.

Để bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa truyền thống một cách đúng đắn theo định hướng khoa học thì vấn đề quy hoạch luôn phải đi trước một bước, trong đó cần:

- Rà soát, kiểm kê toàn bộ các loại hình di sản văn hóa, trên cơ sở đó phân loại, nhận diện, xác định giá trị, sức sống của di sản, từ đó đề xuất hướng bảo tồn và phát huy. Tiếp tục triển khai việc điều tra, sưu tầm toàn diện các loại hình văn hóa phi vật thể tiêu biểu của tỉnh Thái Bình như: ngữ văn dân gian, chữ Hán Nôm, nghệ thuật trình diễn dân gian, các tập quán xã hội và tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian,... Lựa chọn những giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu, có tính đại diện, thể hiện bản sắc của cộng đồng, địa phương, phản ánh sự đa dạng văn hóa và sự sáng tạo của con người, được kế tục qua nhiều thế hệ, có khả năng

phục hồi, mang tính trường tồn để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Riêng đối với nghệ thuật Chèo, tỉnh Thái Bình chủ động phối hợp chặt chẽ với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ để lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Quy hoạch các di sản văn hóa trọng điểm¹ và di sản văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế du lịch.

(4) Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về thực hiện nếp sống văn hóa, hoạt động bảo tồn, khai thác các di sản văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định cụ thể về thực hiện nếp sống văn hóa; các hương ước, quy ước thôn làng, dòng họ phù hợp với truyền thống tốt đẹp của địa phương và đúng với quy định của pháp luật. Gắn kết và phát huy vai trò của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” với giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam và các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động nhân đạo, từ thiện nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Khai thác, phát huy hiệu quả giá trị quý báu của các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thái Bình để phát triển du lịch; xây dựng các thương hiệu sản phẩm, sản vật mang đậm dấu ấn văn hóa Thái Bình nhằm thu hút khách du lịch, phát triển kinh tế - xã hội địa phương và tuyên truyền quảng bá đến mọi miền Tổ quốc và bạn bè quốc tế.

** Một số đề xuất, kiến nghị:*

Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp tục quan tâm, thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng chuyên trách làm công tác văn hóa, văn nghệ. Tổ chức trao đổi kinh nghiệm trong công tác tham mưu, tuyên truyền về lĩnh vực công tác văn hóa, văn nghệ,...

*

* *

Đảng bộ và nhân dân Thái Bình đã vinh dự 5 lần được đón Bác Hồ về thăm. Những lời dạy, lời thăm hỏi, động viên của Bác không chỉ tiếp thêm sức mạnh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt lời căn dặn của Người: “Bác mong các đồng chí và đồng bào đều cố gắng hơn nữa để làm cho Thái Bình trở thành một tỉnh gương mẫu về mọi mặt”, mà còn là những di sản vô cùng quý giá với Đảng bộ và nhân dân Thái Bình trong những năm qua và mãi về sau.

1. Là các di sản văn hóa đang xuống cấp, có nguy cơ mai một hay biến mất, do đó cần có kế hoạch lưu giữ, bảo vệ.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI NINH BÌNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TRONG THỜI ĐẠI MỚI

TỈNH ỦY NINH BÌNH

Ninh Bình là tỉnh ở cực Nam Đông bằng sông Hồng, có diện tích 1.382km², dân số khoảng 980.000 người; có 8 đơn vị hành chính cấp huyện (2 thành phố và 6 huyện), 143 xã, phường, thị trấn.

Nằm ở địa bàn chiến lược, Ninh Bình là nơi giao thoa giữa các khu vực: Tây Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Đặc biệt, vào thế kỷ X, Ninh Bình là Kinh đô của Việt Nam, mảnh đất gắn với sự nghiệp của 6 vị vua thuộc ba triều đại Đinh - Lê - Lý với các dấu ấn lịch sử: Thống nhất giang sơn; đánh Tống - dẹp Chiêm; phát tích quá trình định đô Hà Nội. Ngày nay, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, dấu tích lịch sử còn để lại trong từng đình, chùa, đền, miếu, cùng các lễ hội văn hóa truyền thống đặc sắc như lễ hội Hoa Lư, lễ hội đền Nguyễn Công Trứ, lễ hội đền Thái Vi. Ninh Bình cũng được coi là đất tổ của nghệ thuật hát Chèo, hát Xẩm,...

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử và con người Ninh Bình hàng nghìn năm qua đã tạo ra một nền văn hóa Ninh Bình tương đối năng động, mang đặc trưng khác biệt trên nền tảng văn minh châu thổ sông Hồng. Toàn tỉnh hiện có 1.821 di tích được kiểm kê, 379 di tích đã được xếp hạng, trong đó có 298 di tích cấp tỉnh, 81 di tích cấp quốc gia (1 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới là Quần thể danh thắng Tràng An, 3 di tích quốc gia đặc biệt là Cố đô Hoa Lư; khu hang động Tràng An - Tam Cốc, Bích Động; núi Non Nước). Các giá trị lịch sử văn hóa và di sản thiên nhiên luôn được các thế hệ người dân Ninh Bình gìn giữ, lưu truyền, tôn tạo, hiện hữu trong đời sống vật chất, tinh thần của người dân, tiếp tục tích tụ và thăng hoa trở thành nguồn lực nội sinh mạnh mẽ trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Nhận thức sâu sắc rằng những giá trị truyền thống, di sản lịch sử, văn hóa, con người là một nguồn sức mạnh to lớn, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp phát triển bền vững của quê hương đất nước, trong những năm qua, cấp ủy đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người, đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

Một là, tỉnh Ninh Bình đã kịp thời cụ thể hóa những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng văn hóa, con người thành các nghị quyết, chương trình hành động, đề án, dự án cụ thể của tỉnh như: Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 21/11/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 28/7/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững”; Đề án bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của con người, vùng đất Cố đô Hoa Lư; Đề án khôi phục, bảo tồn và phát huy nghệ thuật hát Xẩm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về “Quy chế văn hóa công sở trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”; Công văn số 601/UBND ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc “Triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội”;... Các văn bản của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành được chuẩn bị công phu, khoa học, với nhiều mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, vừa bảo đảm tính định hướng, vừa cụ thể, khả thi để tổ chức thực hiện hiệu quả. Nổi bật trong đó là năm 2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình đã phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức Hội thảo khoa học “Văn hóa, con người Ninh Bình trong phát triển bền vững”. Hội thảo đã có sự tham dự của trên 120 đại biểu là các nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực văn hóa, lịch sử ở Trung ương và địa phương tham gia. Kết quả hội thảo là cơ sở quan trọng để Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững”.

Đồng thời với việc ban hành văn bản chỉ đạo, cấp ủy các cấp cũng thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh về văn hóa để kịp thời động viên khen thưởng và nhân rộng những cách làm sáng tạo, mô hình điển hình tiên tiến, đồng thời có giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế để thực hiện hiệu quả hơn. Cụ thể, năm 2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển

văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Năm 2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình tổ chức sơ kết 4 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững”. Từ kết quả tổ chức sơ kết và quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình đã ban hành Kết luận tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU trong thời gian tới.

Hai là, công tác xây dựng văn hóa trong chính trị được chăm lo, là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Quy định số 08-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Đặc biệt là việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và thực hiện chủ đề công tác hằng năm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trở thành việc làm thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền và từng cán bộ, đảng viên. Đồng thời, các địa phương, cơ quan, đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan hành chính nhà nước và Đề án công vụ của Thủ tướng Chính phủ. Qua đó, xây dựng môi trường làm việc văn hóa, thực hiện trách nhiệm nêu gương, nhất là của người đứng đầu và các chuẩn mực đạo đức của cán bộ công chức; đẩy mạnh cải cách hành chính; cải tiến quy trình giải quyết công việc, thực hiện đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Việc thực hiện đồng bộ các nội dung xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị đã góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến cơ sở tận tụy phục vụ nhân dân, nêu gương tốt về đạo đức, trách nhiệm thực thi công vụ và ý thức thượng tôn pháp luật, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; đấu tranh phê phán cái xấu, đẩy lùi tiêu cực, ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Ba là, công tác xây dựng văn hóa trong hoạt động kinh tế được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức thực hiện, các doanh nghiệp, người dân hưởng ứng tham gia. Bên cạnh việc đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, các cơ quan nhà nước đã tích cực triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, các hộ kinh doanh thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh trong hoạt động thương mại, dịch vụ;

đăng ký xây dựng doanh nghiệp văn hóa theo tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đặc biệt, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, xã hội trong tỉnh tập trung chỉ đạo, tổ chức xây dựng văn hóa, văn minh, bảo đảm an ninh, trật tự trong du lịch; xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch trên địa bàn tỉnh; qua đó, từng bước đưa du lịch Ninh Bình trở thành điểm sáng về văn hóa, văn minh, an toàn, bảo vệ cảnh quan môi trường tự nhiên, hướng tới phát triển bền vững.

Bốn là, môi trường văn hóa được quan tâm xây dựng ở cả trong gia đình, nhà trường và xã hội. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh được triển khai sâu rộng, ngày càng phát triển, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ. Môi trường văn hóa trong các nhà trường được đặc biệt tập trung xây dựng, từng bước trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục, rèn luyện học sinh về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống, trí tuệ. 100% trường học trên địa bàn tỉnh đều xây dựng nội quy, quy định về việc ứng xử văn hóa. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, ý thức tự giác chấp hành pháp luật và những quy định của nhà nước cho học sinh được triển khai với nhiều hình thức ngày càng đa dạng, phong phú và hấp dẫn.

Năm là, thực hiện có hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa các môn nghệ thuật, văn hóa truyền thống của Ninh Bình. Nhiều đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể được triển khai thực hiện như “Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”, “Khôi phục, bảo tồn và phát huy nghệ thuật hát Xẩm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”,... Thông qua các đề án, đã tổ chức các lớp dạy nghệ thuật hát Xẩm, hát Chèo cho giáo viên âm nhạc, học sinh các trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn. Trên cơ sở đó, hàng trăm câu lạc bộ nghệ thuật truyền thống như hát Chèo, hát Xẩm,... đã được thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Bên cạnh đó, tỉnh Ninh Bình đã đăng cai tổ chức nhiều hoạt động văn hóa có quy mô quốc gia, quốc tế như Liên hoan múa quốc tế, Liên hoan các câu lạc bộ nghệ thuật hát Xẩm khu vực phía Bắc - Ninh Bình;... Hiện tại, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phối hợp với Viện Văn hóa, Nghệ thuật quốc gia Việt Nam và Trường Đại học Temple (Hoa Kỳ) cơ bản hoàn thành công tác chuẩn bị để tổ chức Hội thảo quốc tế về bảo tồn và phát huy nghệ thuật hát Xẩm trong xã hội đương đại.

Cùng với việc bảo tồn, công tác nghiên cứu về lịch sử - truyền thống quê hương, nhất là các giá trị lịch sử văn hóa liên quan đến triều đại nhà Đinh và không gian văn hóa Hoa Lư cũng được quan tâm, chú trọng. Tỉnh Ninh Bình đã tổ chức nhiều hội thảo cấp quốc gia, cấp tỉnh như: Hội thảo khoa học quốc gia “Vai trò của nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam”, Hội thảo khoa học “Thân thế,

sự nghiệp Thiền sư Nguyễn Minh Không”; nghiên cứu nhiều đề tài khoa học cấp tỉnh như: “Nghiên cứu nhận diện Hành đô Sơn Lai thời kỳ đầu nhà nước Đại Cồ Việt”, “Nghiên cứu lịch sử vùng đất Gia Thủy từ đầu Công nguyên đến thời kỳ nhà nước Đại Cồ Việt”, “Nghiên cứu lịch sử vùng đất từ ngã ba sông Bôi đến Kinh đô Hoa Lư (thuộc các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư) từ đầu Công nguyên đến thời kỳ nhà nước Đại Cồ Việt”,... Các hội thảo, đề tài nghiên cứu đã làm phong phú thêm, tạo sự nhận thức thống nhất về lịch sử quá trình phát triển của tỉnh Ninh Bình, của nhà nước Đại Cồ Việt, góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, tự tôn, tự hào dân tộc.

Sáu là, phát huy các giá trị tốt đẹp trong văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo. Các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi, xem xét giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu hoạt động tôn giáo. Hằng năm, Công an tỉnh Ninh Bình và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Bình phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức gặp mặt, giao lưu với các chức sắc tôn giáo. Hầu hết chức sắc các tôn giáo có tư tưởng tiến bộ, hợp tác, đã chủ động, duy trì, tạo dựng mối quan hệ thường xuyên, gắn bó với cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; xây dựng mỗi đoàn kết lương giáo; tích cực động viên người có đạo tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, hoạt động từ thiện nhân đạo, sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bảy là, các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư, xây dựng, sửa chữa, tổ chức hoạt động, đáp ứng được yêu cầu tổ chức các sự kiện chính trị, nhu cầu tập luyện, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao. Cùng với việc quan tâm, bố trí hợp lý ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển, văn hóa, con người theo kế hoạch hằng năm hoặc trung hạn, dài hạn tỉnh Ninh Bình cũng mở rộng xã hội hóa, tăng cường nguồn lực, phương tiện cho hoạt động văn hóa bằng nhiều giải pháp cụ thể. Đến cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 142/143 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa (đạt 99,30%); có 135 xã, phường, thị trấn có khu thể thao (đạt 94,41%); có 1.603/1.679 thôn, xóm, phố có nhà văn hóa (đạt 95,47%); có 1.236/1.679 thôn, xóm, phố có khu thể thao (đạt 73,62%). Hệ thống sân bãi dành cho hoạt động thể dục thể thao, khu vui chơi cho trẻ em thường xuyên được nâng cấp và xây mới với 685 sân cầu lông, 212 sân thể thao cơ bản, 450 sân bóng đá, 75 sân quần vợt, 437 sân bóng chuyền, 148 sân bóng rổ, 96 nhà tập luyện và thi đấu thể thao đơn môn, 43 nhà tập luyện và thi đấu thể thao đa năng.

Các kết quả nổi bật nêu trên đã góp phần khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào về truyền thống văn hóa, lịch sử cách mạng của quê hương; giúp người dân nâng cao ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, xây dựng nếp sống văn minh,

gìn giữ thuần phong mỹ tục của dân tộc, từng bước xây dựng con người Ninh Bình mang đậm nét đặc trưng của con người vùng đất Cố đô Hoa Lư: thân thiện, hiền hòa, thanh lịch, mến khách; hướng tới chuẩn mực con người văn minh, hiện đại, trí tuệ, bản lĩnh, tự tin, đột phá, dám nghĩ, dám làm, có ý chí vươn lên mạnh mẽ để đáp ứng thời kỳ hội nhập và phát triển bền vững vào các chương trình, kế hoạch hoạt động trọng tâm hàng năm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vẫn còn một số hạn chế, tồn tại: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thực hiện chưa đồng đều, có nội dung chưa đi vào chiều sâu. Các biểu hiện thiếu văn minh trong kinh doanh, giao tiếp ứng xử, tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống, các tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, có mặt còn diễn biến phức tạp hơn. Nhiều giá trị chuẩn mực truyền thống chưa được coi trọng. Các loại hình nghệ thuật mang bản sắc văn hóa truyền thống tuy được khôi phục nhưng phát triển chưa có chiều sâu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa gương mẫu thực hiện các quy định về nếp sống văn hóa, nhất là trong việc cưới, việc tang. Vẫn còn một số biểu hiện đăng tin giả, tin sai sự thật trên mạng xã hội. Một số địa phương, đơn vị chưa quan tâm đúng mức, chưa có giải pháp hiệu quả trong tuyên truyền, vận động doanh nghiệp đăng ký, tổ chức thực hiện và đề nghị công nhận cơ quan, doanh nghiệp văn hóa. Nhiều doanh nghiệp chưa chủ động đăng ký, đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa. Hệ thống thiết chế văn hóa trong tỉnh tuy phát triển nhanh về số lượng, nhất là ở cơ sở nhưng trang thiết bị kỹ thuật, nguồn nhân sự, kinh phí hoạt động còn thiếu, không đồng bộ, do đó một số thiết chế chưa phát huy hiệu quả hoạt động. Việc xây dựng các sản phẩm văn hóa trên cơ sở nền tảng là các giá trị lịch sử văn hóa truyền thống phục vụ du lịch còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh hiện có. Một số cơ quan, đơn vị chưa xây dựng quy chế ứng xử trên mạng xã hội. Mặt trái của Internet, các trang thông tin điện tử, các mạng xã hội đã tác động tiêu cực đến định hướng thông tin, nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân, nhất là thế hệ trẻ. Các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường các biện pháp chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ ta, đặc biệt là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa.

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ, thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình; phải đi đầu trong việc xây dựng môi trường văn hóa; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu.

Hai là, xác định rõ nhân dân là chủ thể, trung tâm, mục tiêu, động lực trong việc phát triển văn hóa và xây dựng con người. Đặc biệt coi trọng xây dựng môi trường văn hóa trong các nhà trường. Các cơ quan, đơn vị cần quan tâm phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư.

Ba là, xử lý tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa. Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức tổ chức hoạt động văn hóa, văn học và nghệ thuật phù hợp với sự tiến bộ của khoa học - công nghệ và sự phát triển của kinh tế - xã hội cũng như điều kiện thực tế của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bốn là, việc xây dựng các dự án phát triển kinh tế cần phải quan tâm tới giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống và bảo đảm môi trường sinh thái; lấy văn hóa là động lực và nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Năm là, quan tâm công tác cán bộ cụ thể là trong việc quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức làm công tác văn hóa, nghệ thuật để có bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trong thời gian tới, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng sẽ tạo cơ hội cho các tầng lớp nhân dân tiếp cận với nền văn hóa đa dạng của thế giới, đồng thời là cơ hội để quảng bá các giá trị văn hóa, nghệ thuật của Việt Nam nói chung, giá trị văn hóa, nghệ thuật của tỉnh Ninh Bình nói riêng đến với bạn bè quốc tế. Mặt khác, dưới sự tác động trực tiếp của quá trình hội nhập quốc tế, sự thâm nhập ngày càng mạnh mẽ và sâu sắc của các xu hướng, trào lưu văn hóa, nghệ thuật nước ngoài, đời sống văn hóa, nghệ thuật trong nước cũng sẽ có những biến đổi phức tạp. Sự phát triển của khoa học, công nghệ, với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số đang phát triển mạnh mẽ ở nhiều quốc gia cũng đặt ra những thách thức rất lớn trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh trên, tỉnh Ninh Bình xác định một số nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, phát triển văn hóa, con người như sau:

Một là, tiếp tục chỉ đạo, tổ chức quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa, con người theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW. Tập trung triển khai đạt kết quả tốt các nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII đã đề ra, trọng tâm là phát triển văn hóa - xã hội, đó là bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống tốt đẹp của con người, vùng đất Cố đô Hoa Lư; nâng cao hệ thống thiết chế văn hóa từ tinh đến cơ sở. Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả; đổi mới hoạt động khoa học và

công nghệ, gắn với sản xuất kinh doanh,...; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người.

Hai là, các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan trong hệ thống chính trị thực sự nêu gương, đi đầu trong việc xây dựng văn hóa công vụ và văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, chủ nghĩa cá nhân, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự là tấm gương tiêu biểu về văn hóa trong mọi hoạt động, nhất là người đứng đầu.

Ba là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, có sự gắn bó mật thiết giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa mạng; xây dựng quy chế ứng xử văn hóa trên môi trường mạng. Đặc biệt coi trọng xây dựng các nhà trường thực sự là các trung tâm văn hóa, giáo dục, rèn luyện học sinh về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống, trí tuệ. Tăng cường xây dựng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để mỗi nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thực sự là tấm gương sáng cho học sinh về đạo đức, lối sống, tư duy đổi mới, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Quy hoạch, bố trí quỹ đất, ưu tiên đầu tư từ ngân sách và có cơ chế huy động nguồn lực xã hội để từng bước xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện học tập, rèn luyện thể dục, thể thao, nghệ thuật trong các nhà trường tương đương với các nước phát triển trong khu vực.

Bốn là, tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục về lịch sử, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của quê hương. Khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, truyền thống hiếu học, giá trị lịch sử, văn hóa của vùng đất Cố đô Hoa Lư, cũng như ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển quê hương đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đưa các chương trình giáo dục nghệ thuật truyền thống vào giảng dạy trong trường học, tạo điều kiện cho học sinh phát huy năng khiếu, sở trường, nâng cao hiểu biết, góp phần giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Năm là, quan tâm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể phục vụ phát triển du lịch, trọng tâm là bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật hát Chèo, hát Xẩm,...; xây dựng các thiết chế văn hóa. Tập trung tổ chức bảo tồn, tôn tạo, khai quật khảo cổ và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa khu di tích Cố đô Hoa Lư. Nghiên cứu xây dựng, bảo tồn di sản văn hóa cổ tại xã Gia Thủy, huyện Nho Quan gắn với văn hóa lưu vực sông Hoàng Long. Tổ chức biên dịch các thần tích về các di tích lịch sử của Ninh Bình. Tập trung đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất, tạo điểm nhấn về không gian đô thị, đồng thời đáp ứng nhu cầu du khách. Tiếp tục huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ xã hội để đầu tư trang thiết bị, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, nhất là ở cơ sở.

Để Ninh Bình có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển văn hóa, con người, bên cạnh sự tự chủ, tích cực của chính quyền và nhân dân trong tỉnh, Ninh Bình có một số kiến nghị, đề xuất như sau;

Một là, một trong những yếu tố để “phát huy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” là xây dựng sự tự tin, tự hào về những thành tựu của con người Việt Nam đạt được ở cả trong lịch sử và hiện tại. Vì vậy, đề nghị các cơ quan Trung ương tiếp tục chỉ đạo, nghiên cứu xây dựng hệ cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất để tuyên truyền sâu rộng, hấp dẫn về những thành tựu, giá trị mà con người Việt Nam đã đóng góp vào sự phát triển chung của nhân loại ở các lĩnh vực (quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa, nghệ thuật, công nghệ), trong đó có so sánh với các nước trên thế giới.

Hai là, bối cảnh tình hình trong thời gian tới ngày càng đòi hỏi gặt gao hơn về năng lực tự chủ, tự học, đổi mới, sáng tạo, ý chí, khát vọng vươn lên của mỗi người. Vì vậy, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục nghiên cứu, sớm giảm tải nội dung kiến thức, đổi mới nội dung, hình thức kiểm tra, đánh giá để thúc đẩy việc đổi mới phương pháp giảng dạy, rèn luyện năng lực tự chủ, tự học, sáng tạo cho học sinh. Đồng thời, nghiên cứu đưa các loại hình nghệ thuật truyền thống, nhất là âm nhạc truyền thống vào giảng dạy chính thức trong các nhà trường, bao gồm các trường sư phạm đào tạo giáo viên âm nhạc, mỹ thuật, cũng như các trường trong hệ thống giáo dục phổ thông để góp phần giáo dục truyền thống, sự tự tôn, tự hào về văn hóa Việt Nam.

Ba là, đề nghị các cơ quan Trung ương sớm hoàn thành việc nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, làm cơ sở nền tảng để các địa phương, cơ quan, đơn vị cụ thể hóa, triển khai thực hiện. Trước mắt, đề nghị các cơ quan Trung ương chỉ đạo nghiên cứu, tổ chức các diễn đàn trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang thông tin điện tử để trao đổi, thảo luận, định hướng nội dung về “từng bước vươn lên khắc phục hạn chế của con người Việt Nam”; “xây dựng con người Việt Nam thời đại mới gắn kết hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”.

Bốn là, trong bối cảnh Internet, mạng xã hội vẫn đang tiếp tục bùng nổ như hiện nay, nếu không sớm có giải pháp hữu hiệu để quản lý thông tin, sự phát triển văn hóa trên mạng, sự hình thành nhân cách của thế hệ trẻ sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Vì vậy, đề nghị các cơ quan Trung ương tiếp tục chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, có giải pháp hữu hiệu để quản lý thông tin, hành vi ứng xử trên Internet và mạng xã hội. Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới, trí tuệ nhân tạo (AI) để xây dựng các bộ công cụ có hiệu quả cao nhằm lọc thông tin, xấu, độc hại, thông tin giả. Thường xuyên rà soát, phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân sai phạm.

Năm là, với bề dày truyền thống lịch sử và những phát hiện trong nghiên cứu khảo cổ thời gian qua, Ninh Bình có rất nhiều giá trị lịch sử văn hóa còn chưa được phát hiện, nhiều di sản văn hóa chưa được đầu tư, nghiên cứu, bảo tồn, phát huy. Vì vậy, đề nghị các cơ quan Trung ương, các viện nghiên cứu, các nhà khoa học, quản lý tăng cường phối hợp, giúp đỡ, đầu tư nguồn lực, trí tuệ, tổ chức nghiên cứu, triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học để bảo tồn, phát huy, phát triển các giá trị lịch sử văn hóa của vùng đất Cố đô Hoa Lư.

Sáu là, đề nghị các cơ quan Trung ương nghiên cứu, xây dựng chương trình, tổ chức một số lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn học nghệ thuật các cấp chưa có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực phụ trách.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI TẠO NỀN TẢNG TINH THẦN, SỨC MẠNH NỘI SINH ĐỂ XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA TRỞ THÀNH CỰC TĂNG TRƯỞNG MỚI Ở KHU VỰC PHÍA BẮC CỦA TỔ QUỐC

TỈNH ỦY THANH HÓA

Thanh Hóa là tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, diện tích tự nhiên 11.120 km²; có đường biên giới với nước bạn Lào dài 213,6 km, bờ biển dài 102 km; dân số trên 3,6 triệu người, gồm 7 dân tộc anh em (Kinh, Mường, Thái, Thổ, Mông, Dao, Khơ Mú); toàn tỉnh có 27 đơn vị hành chính, gồm 2 thành phố, 2 thị xã, 23 huyện (trong đó có 8 huyện đồng bằng, 4 huyện ven biển và 11 huyện miền núi) với 559 xã, phường, thị trấn. Thanh Hóa là vùng đất cổ, có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng; người Thanh Hóa có truyền thống đoàn kết, yêu nước và ý chí tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động, có tinh thần vượt khó vươn lên trong cuộc sống. Bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng là điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thanh Hóa.

Thấm nhuần quan điểm lãnh đạo của Đảng và lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa; thực hiện đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, trong giai đoạn 30 năm đổi mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành các kế hoạch quán triệt, học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII); Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X), Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) và các chỉ thị, kết luận của Đảng về lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật đến toàn thể đội ngũ cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến cơ sở. Các cấp ủy đảng đã tổ chức nghiêm túc việc quán triệt, học tập, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về văn hóa gắn với thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương có liên quan.

Sau khi quán triệt, học tập các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã cụ thể hóa công tác lãnh đạo vào nội dung nghị quyết đại hội Đảng các nhiệm kỳ và ban hành các chương trình, nghị quyết,

chỉ thị chuyên đề¹. Cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để cụ thể hóa đường lối văn hóa, văn nghệ vào cuộc sống, chú trọng hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa phù hợp với tính đặc thù của văn hóa và thực tiễn của các địa phương trong tỉnh; coi trọng xử lý hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa.

Để đường lối văn hóa của Đảng đến được đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhanh chóng, thiết thực, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tập trung hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền việc quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết trên hệ thống thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở, đội ngũ báo cáo viên các cấp; hướng dẫn, đôn đốc các ngành: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Hội Văn học nghệ thuật, Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tuyên truyền thông qua nhiều hình thức như: Thông tin cổ động, chiếu phim lưu động, sân khấu chuyên nghiệp, hoạt động trưng bày bảo tàng, thư viện, triển lãm; qua các chuyên trang, chuyên mục trên báo, đài như: Chuyên mục “Văn hóa, văn nghệ xứ Thanh”, “Sân khấu Truyền hình”, “Khoảnh khắc cuộc sống”, “Sắc màu vùng cao”, “Đất và người xứ Thanh”, “Trang địa phương”, v.v..

Trong quá trình lãnh đạo, các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã quan tâm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa một cách thường xuyên, chặt chẽ; tổ chức sơ kết, tổng kết kịp thời, nghiêm túc việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về lĩnh vực văn hóa.

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thanh Hóa một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định là một trong những nhiệm vụ mang tính chiến lược, cốt lõi là xây dựng con người Thanh Hóa phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; biết tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; đồng thời, đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa và con người.

Việc xây dựng và phát triển con người Thanh Hóa được thực hiện gắn liền với xây dựng môi trường văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ gia đình ra xã hội được quan tâm thực hiện có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp

1. Kết luận số 82-KL/TU ngày 30/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2025”; Kết luận số 926-KL/TU, ngày 30/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2030; Quyết định số 696-QĐ/TU, ngày 9/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ban hành Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa, giai đoạn 2021 - 2030; đang chỉ đạo xây dựng Đề án Phát huy truyền thống tốt đẹp của con người Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; Đề án về xây dựng và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao.

trong tinh bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Đặc biệt, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện sâu rộng trong toàn tỉnh gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới đã thu hút sự hưởng ứng, tích cực tham gia của các tầng lớp nhân dân với nhiều phong trào ngày càng phát triển về chất lượng như: phong trào xây dựng gia đình, làng, bản khu phố văn hóa. Công tác bình xét, công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa được triển khai thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng quy định (năm 2000, toàn tỉnh có 47,2% số hộ được công nhận Gia đình văn hóa, đến năm 2020 có 77% gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa, năm 2021, có 81,8% gia đình đăng ký xây dựng danh hiệu Gia đình văn hóa và 91,3% làng, thôn, bản, tổ dân phố đăng ký xây dựng danh hiệu Khu dân cư văn hóa); việc cưới, việc tang, lễ hội theo nếp sống mới tiếp tục được quan tâm thực hiện nghiêm túc, và có chuyển biến tích cực¹; phong trào văn nghệ quần chúng ngày càng được nâng cao về chất lượng,... qua đó, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh trong nhân dân và góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Song song với đó, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao² được quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao. Ở cấp tỉnh có 9 thiết chế, công trình văn hóa,

1. Người Mông ở huyện Mường Lát đã vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc tổ chức tang lễ. Đến nay đã có hơn 100 trường hợp người Mông mất được đưa vào quan tài để tổ chức tang lễ.

2. Thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh: Có 8 thiết chế, công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh phục vụ cộng đồng (Sân vận động tỉnh, Trung tâm Văn hóa tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, Nhà hát Lam Sơn, Nhà hát Nghệ thuật truyền thống, Thư viện tỉnh, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng. Trong đó, có Nhà hát Lam Sơn, Thư viện tỉnh đạt chuẩn theo quy định); thiết chế văn hóa phục vụ công nhân viên chức, người lao động: Có 4 thiết chế văn hóa phục vụ công nhân, viên chức, lao động gồm: 1 Nhà văn hóa Lao động tỉnh tại 9 Hàng Nan, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa với tổng diện tích 10.000 m² và 3 thiết chế Nhà Văn hóa - Thể thao thuộc các khu công nghiệp, khu chế xuất (Nhà máy Xi măng Bim Sơn, Nhà máy Xi măng Nghi Sơn, Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn).

Cấp huyện: 21/27 đơn vị hành chính cấp huyện xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện (Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện, Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện, Nhà truyền thống huyện), đạt tỷ lệ 77,8%; trong đó có 12 thiết chế đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; có 2/27 đơn vị hành chính cấp huyện xây dựng thiết chế Nhà văn hóa thiếu nhi cấp huyện (huyện Nga Sơn, thành phố Thanh Hóa), đạt tỷ lệ: 7,5%.

Cấp xã: Toàn tỉnh có 269/559 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, đạt tỷ lệ 48,1%; trong đó có 212/559 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn theo quy định, chiếm tỷ lệ 37,9%.

Cấp thôn: Toàn tỉnh có 4.150/4.357 thôn, bản, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố, chiếm 95,2%; trong đó có 2.815/4.357 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố đạt chuẩn theo quy định, đạt tỷ lệ 64,6%.

thể thao phục vụ cộng đồng (Sân vận động tỉnh, Trung tâm Văn hóa tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, Nhà hát Lam Sơn, Nhà hát Nghệ thuật truyền thống, Thư viện tỉnh, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng, Nhà văn hóa Lao động tỉnh); có 3 thiết chế văn hóa phục vụ công nhân viên chức, lao động tại các khu công nghiệp (Nhà máy Xi măng Bim Sơn, Nhà máy Xi măng Nghi Sơn, Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn); cấp huyện có 21/27 đơn vị hành chính cấp huyện xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao (Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện, Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện, Nhà truyền thống huyện). Cấp xã có 269/559 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao. Cấp thôn có 4.150/4.357 thôn, bản, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu Thể thao thôn, bản, tổ dân phố.

Xây dựng văn hóa trong chính trị được xác định là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh chỉ đạo xây dựng văn hóa trong chính trị gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW (khóa XII) và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) với nhiều cách làm mới, mô hình thiết thực, hiệu quả. Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức vinh danh 23 cá nhân đạt danh hiệu “Vì sự phát triển Thanh Hóa”; biểu dương 200 tập thể, 318 cá nhân điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Xây dựng văn hóa trong kinh tế được quan tâm thực hiện đạt kết quả rõ nét, tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân được quan tâm chỉ đạo trên cơ sở ý thức thượng tôn pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và kinh doanh có hiệu quả. Những năm gần đây, Thanh Hóa được đánh giá là một trong những địa phương năng động trong thu hút đầu tư, nhất là thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Trong giai đoạn 2016-2020, đã thu hút được trên 600 dự án đầu tư kinh doanh, trong đó có 567 dự án đầu tư trong nước và 25 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, với tổng vốn đầu tư đăng ký 72.923 tỷ đồng và 3.194 triệu USD. Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp, doanh nhân đều tích cực trong các hoạt động xã hội.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được tỉnh quan tâm thực hiện đạt kết quả rõ nét. Là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, do đó, hệ thống di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh rất đa dạng và phong phú với đầy đủ các loại hình di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Toàn tỉnh có 1.535 di tích đã được kiểm kê, bảo vệ. Trong đó, có 854 di tích đã được xếp hạng các cấp, gồm: 1 Di sản văn hóa thế giới - Di sản Thành Nhà Hồ; 5 di tích quốc gia đặc biệt; 139 di tích quốc gia; 709 di tích cấp tỉnh; có 8 hiện vật được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định công

nhận Bảo vật quốc gia¹; có 11 loại hình di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia²; hệ thống bảo tàng trong toàn tỉnh hiện bảo quản và trưng bày hơn 33.693 hiện vật, cổ vật quý có giá trị lịch sử, văn hóa cao.

Công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể được thực hiện tốt. Việc truyền dạy, giữ gìn các loại hình di sản văn hóa phi vật thể được các địa phương quan tâm thực hiện thường xuyên. Đội ngũ nghệ nhân dân gian đóng vai trò chủ đạo trong việc sưu tầm và truyền dạy tri thức dân gian cho thế hệ trẻ. Toàn tỉnh có 40 nghệ nhân dân gian được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú, có một số nghệ nhân ưu tú đang đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân.

Công tác tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích được quan tâm thực hiện thường xuyên ở các địa phương trong tỉnh, trong đó ưu tiên tập trung cho các di tích trọng điểm có tiềm năng khai thác để phát triển du lịch như: Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, Khu di tích Lam Kinh, Đền Bà Triệu, Đền Sòng, Đền Độc Cước,.... Cùng với việc ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, công tác xã hội hóa trong những năm gần đây đã có những thu hút nhất định, góp phần tích cực trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh. Trong giai đoạn 2015-2020, toàn tỉnh thu hút được trên 781 tỷ đồng để trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa.

Các hoạt động nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp được thực hiện thường xuyên đem lại hiệu quả thiết thực. Hằng năm, 6 đoàn nghệ thuật của Nhà hát Ca múa Kịch Lam Sơn và Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống gồm: Ca nhạc, Kịch nói, Chèo, Tuồng, Cải lương và Dân ca, Dân vũ³ đã dàn dựng nhiều chương trình có chất lượng để tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ chính trị và phục vụ nhân dân vùng sâu, vùng xa và tham gia các liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc, trong đó có nhiều vở diễn và nghệ sĩ tham gia đạt giải cao. Đến năm 2020, tỉnh Thanh Hóa có 7 nghệ sĩ được công nhận là Nghệ sĩ Nhân dân, 41 nghệ sĩ được công nhận là Nghệ sĩ Ưu tú.

Hoạt động trưng bày triển lãm, thư viện, bảo tàng và chiếu bóng có nhiều đổi mới đáng kể trong nội dung và hình thức trưng bày, phục vụ, đem lại hiệu quả truyền

1. 3 hiện vật đang bảo quản, phát huy giá trị tại Bảo tàng tỉnh (Kiếm ngắn Núi Nưa, Trống đồng Cẩm Giang, Vạc đồng Cẩm Thủy); 5 hiện vật tại di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Lam Kinh: Đại Việt Lam Sơn Vĩnh lăng bi (Bia ghi thân thế sự nghiệp vua Lê Lợi); Đại Việt Khôn nguyên Chí đức chi bi (Bia Hoàng Thái hậu Ngô Thị Ngọc Dao); Đại Việt Lam Sơn Chiêu lăng bi (Bia vua Lê Thánh Tông); Đại Việt Lam Sơn Dụ lăng bi (Bia vua Lê Hiến Tông); Đại Việt Lam Sơn Kính lăng bi (bia vua Lê Túc Tông).

2. Gồm: Trò diễn Xuân Phá (xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân); Trò diễn Pòon Pông (xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc); Lễ hội Trò Chiềng (xã Yên Ninh, huyện Yên Định); Lễ hội Kin chiềng Boọc Mạ (xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh); Trò diễn dân gian Ngũ trò Viên Khê (xã Đông Anh, huyện Đông Sơn); Lễ hội Cầu Ngư (xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc); Nghề đúc đồng Trà Đông (xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa); Lễ hội đền Độc Cước (thành phố Sầm Sơn); Lễ hội Mường Ca Da (huyện Quan Hóa); Lễ hội đền Mung (xã Trung Thành, huyện Nông Cống); Xường Dao Duyên (huyện Ngọc Lặc).

3. Thanh Hóa là một trong ít các địa phương của cả nước có nhiều đoàn nghệ thuật truyền thống còn hoạt động.

truyền thiết thực. Trong thời gian qua, cùng với hoạt động chiếu bóng lưu động, hoạt động triển lãm, thư viện, bảo tàng đã được các đơn vị tổ chức lưu động¹ đến nhiều địa phương trong tỉnh, nhất là ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, bãi ngang ven biển và hải đảo của tỉnh; chất lượng hoạt động ngày càng cao đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ nghệ thuật và tiếp nhận thông tin ngày càng cao của nhân dân.

Hoạt động sáng tác, quảng bá, lý luận phê bình văn học, nghệ thuật được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao, có cơ chế khuyến khích phù hợp thu hút văn nghệ sĩ trong tỉnh (với hơn 500 hội viên của Hội Văn học nghệ thuật) và nhiều nghệ sĩ ở trong nước tham gia². Chủ đề tư tưởng sáng tác tập trung ca ngợi thành tựu đổi mới do Đảng lãnh đạo, về Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng Nông thôn mới, bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo; đặc biệt, chủ đề về Đất và Người xứ Thanh thu hút đông đảo văn nghệ sĩ tham gia sáng tác với hàng ngàn tác phẩm mỗi năm. Có nhiều tác phẩm đạt giải cao tại các cuộc thi, các liên hoan văn học, nghệ thuật trong khu vực, trong nước và quốc tế³.

1. Trong giai đoạn 2016-2020, Triển lãm tỉnh đã tổ chức 34 cuộc trưng bày ở các quy mô tuyên truyền các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn, tuyên truyền chuyên đề (bảo vệ chủ quyền biển đảo, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường,...).

Thư viện tỉnh tổ chức 30 cuộc Hội báo xuân và Lễ hội thư pháp; trưng bày sách báo chuyên đề kỷ niệm các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước: 332 cuộc; tổ chức 36 cuộc Ngày Hội đọc sách tại Thư viện tỉnh và lưu động tại các trường đại học, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, các trung tâm văn hóa, thể thao, du lịch huyện, thị, thành phố. Bổ sung 92.000 bản sách cho thư viện,...

Hoạt động trưng bày bảo tàng: tổ chức 16 cuộc trưng bày chuyên đề, 35 cuộc trưng bày lưu động phối hợp phục vụ các nhiệm vụ chính trị và công chúng. Số lượng khách tham quan bảo tàng và trưng bày lưu động từ năm 2015 đến nay đạt 167.472 lượt; tổng số hiện vật của Bảo tàng là 33.693 đơn vị hiện vật (hiện vật gốc là 29.209, hiện vật lưu giữ tại kho tạm là 4.484), trong đó có 3 Bảo vật quốc gia: kiếm ngắn, núi Nưa, Vạc đồng, trống đồng Cẩm Giang I; Duy trì việc bảo quản định kỳ hiện vật. Bên cạnh đó thuê chuyên gia bảo quản được 159 hiện vật trong tình trạng ôxi hóa nặng và những hiện vật mới nhập kho. Phiên âm dịch nghĩa 136 tài liệu cổ. Tính đến nay đã nhập được 10.880 hồ sơ khoa học hiện vật lên phần mềm của Cục Di sản văn hóa; Bảo tàng đã sưu tầm được 3.144 hiện vật và sưu tầm bổ sung ảnh, tư liệu, hiện vật phục vụ hoạt động trưng bày; Tham gia khai quật tại 8 địa điểm khai quật khảo cổ học trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động chiếu bóng: hoạt động chiếu bóng được duy trì thường xuyên; triển khai và tổ chức thực hiện hơn 100 đợt phim, tuần phim tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh; các buổi chiếu phim phục vụ nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, các huyện ven biển, hải đảo và học sinh, sinh viên các trường đại học, Trường Chính trị tỉnh, Đồn Biên phòng, đơn vị bộ đội, Làng trẻ em SOS... trên địa bàn toàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh với số buổi chiếu: 19.344 buổi, trong đó lượt người xem: 2.321.000/lượt phục vụ nhu cầu thưởng thức điện ảnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân.

2. Thanh Hóa có hơn 500 hội viên thuộc 11 ban chuyên ngành của Hội và các chi hội chuyên ngành nghệ thuật tại Thanh Hóa. Cùng với đội ngũ văn nghệ sĩ trong tỉnh, Hội đồng hương văn nghệ sĩ, báo chí Thanh Hóa tại Hà Nội cũng tích cực tham gia sáng tác về chủ đề Đất và Người Thanh Hóa,...

3. Các tác giả thường xuyên có tác phẩm đạt giải tại các cuộc thi, liên hoan như: Cố nhà văn Kiều Vương, Nhà văn Hà Cẩm Anh, Từ Nguyên Tĩnh; Họa sĩ Lê Thị Thanh, Lê Hoàng Linh; nghệ sĩ nhiếp ảnh Lê Công Bình, Vũ Lâm Thảo, Nguyễn Trọng Thắng; Cố Nhà nghiên cứu Văn hóa dân gian Hoàng Tuấn Phố; Đạo diễn NSND. Trương Hải Thọ, Nhạc sĩ Thế Việt; Biên đạo múa Hoàng Thanh Hải; Nhà lý luận phê bình văn học, nghệ thuật Hóa Diệu Thúy, Lê Thy Lan,...

Hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa được tỉnh quan tâm tổ chức thực hiện có nhiều đổi mới, đem lại hiệu quả rõ nét. Trong những năm gần đây, tỉnh Thanh Hóa đã quan tâm đẩy mạnh quan hệ giao lưu, hợp tác văn hóa quốc tế. Đặc biệt, mối quan hệ hợp tác hữu nghị với tỉnh Hòa Phẫn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được giữ vững và ngày càng phát triển và có hiệu quả thiết thực. Tăng cường công tác quản lý hợp tác và giao lưu văn hóa, quảng bá hình ảnh văn hóa xứ Thanh đến với bạn bè trong nước và quốc tế; đăng cai tổ chức nhiều sự kiện văn hóa mang tầm quốc tế như: Âm nhạc truyền thống các nước ASEAN, nghệ thuật múa rối quốc tế của các nghệ sĩ Nga và Đức; sự kiện “Những ngày văn hóa Nhật Bản tại Thanh Hóa”, “Những ngày văn hóa Philippines tại Việt Nam”; sự kiện “Tiếng hát ASEAN 3+”, triển lãm phim, phóng sự về Cộng đồng ASEAN và chương trình biểu diễn của đoàn nghệ thuật quốc gia Lào... đã được đông đảo người dân đón nhận. Ngoài quan hệ hợp tác hữu nghị với tỉnh Hòa Phẫn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tỉnh đã thiết lập thêm mối quan hệ với khu vực Đông Bắc Á, châu Âu, Trung Đông bằng các hoạt động ngoại giao văn hóa với thành phố Seongnam (tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc); tỉnh Mittelsachsen, bang Sachsen (Cộng hòa Liên bang Đức); tỉnh Al Farwaniyah (Nhà nước Kuwait). Nhiều hoạt động hợp tác kinh tế, văn hóa - xã hội đã thu hút nhiều tổ chức, nhà hoạt động văn hóa trong khu vực và quốc tế đến tham quan, nghiên cứu¹.

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, tuyển dụng, bố trí cán bộ làm công tác văn hóa có nhiều chuyển biến rõ nét từ tỉnh đến cơ sở. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, tuyển dụng, bố trí cán bộ làm công tác lãnh đạo, quản lý, tham mưu được tỉnh quan tâm thực hiện vừa đảm bảo đúng tiêu chuẩn tại Quyết định số 284-QĐ/TW, ngày 5/2/2010 của Ban Bí thư², vừa phù hợp với thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa. Cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu ở cấp tỉnh (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hầu hết đều có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực văn hóa, văn học - nghệ thuật và có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực này; chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa các cấp³ được coi trọng cải thiện, nâng cao thông qua công tác tuyển dụng,

1. Di chỉ Văn hóa Đông Sơn, hang Con Moong, văn hóa Đa Bút, Gò Trũng, Thành Nhà Hồ, Lam Kinh... đăng cai tổ chức thành công Hội nghị tham vấn các Ủy ban quốc gia UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch, nghiên cứu về lịch sử, văn hóa Sầm Sơn, suối cá thần Cẩm Lương, Thành Nhà Hồ, khu di tích lịch sử đặc biệt Lam Kinh, hang Con Moong...

2. Quyết định số 284-QĐ/TW, ngày 5/2/2010 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

3. Tổng nguồn nhân lực ngành Văn hóa là 1.563 người, trong đó: Cấp tỉnh là 455 người, cấp huyện là 519 người và cấp xã là 589 người; với 86,8% tổng số lao động trong lĩnh vực văn hóa có trình độ đại học trở lên và 13,2% lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp. Đội ngũ làm công tác trực tiếp trong ngành Văn hóa, thể thao và du lịch là 387 người, trong đó có 4 người có trình độ tiến sĩ chiếm 0,9%, 54 thạc sĩ chiếm 14%, 234 đại học chiếm 60%, 18 cao đẳng chiếm 5,1%, 77 người trình độ khác chiếm 20%; Về trình độ chính trị cử nhân, cao cấp 45 người chiếm 12%, 86 trung cấp chiếm 25%.

tập huấn... nên đã phát huy tốt việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền thực hiện có hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý thực hiện đường lối văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Thanh Hóa cũng là một trong số ít các địa phương có Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường không chỉ đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực làm công tác văn hóa của tỉnh mà còn đào tạo nhân lực cho nhiều tỉnh thành khác trong khu vực và cả nước.

Có thể khẳng định, sau 30 năm thực hiện đường lối văn hóa của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) và Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI), sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã có chuyển biến tích cực, đạt kết quả quan trọng. Nhận thức về vai trò của văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân ngày càng đúng đắn và được nâng lên. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng, có giá trị tốt về tư tưởng và nghệ thuật; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng... Các hoạt động văn hóa đã góp phần rất quan trọng vào cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của các ngành, các cấp; đặc biệt, có ý nghĩa lớn trong giáo dục các giá trị chân - thiện - mỹ cho nhân dân.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đường lối văn hóa văn nghệ trên địa bàn tỉnh, Thanh Hóa đã rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

1. Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân có sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội và xây dựng, hoàn thiện nhân cách con người.

2. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện luôn tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của các cơ quan Trung ương có liên quan; sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành, các cấp, các địa phương trong tỉnh và sự vào cuộc tích cực của nhân dân; thường xuyên mở rộng giao lưu, hợp tác với các địa phương trong nước và hợp tác quốc tế về văn hóa.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa cần phải kết hợp chặt chẽ, linh hoạt với tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng có liên quan, đặc biệt là Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII); Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII); Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp trong tỉnh và gắn với thực tiễn của các địa phương, đơn vị. Quan tâm bố trí nguồn lực nhà nước cùng với đẩy mạnh xã hội hóa để tổ chức các hoạt động văn hóa.

4. Làm tốt công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí, tuyển dụng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu về văn hóa các cấp không chỉ có chuyên môn về lĩnh vực văn hóa và lý luận chính trị theo yêu cầu mà còn phải có tinh thần ham hiểu biết, tâm huyết, sáng tạo trong tổ chức thực hiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

5. Thường xuyên sơ kết, tổng kết nghị quyết, chỉ thị, kết luận của cấp ủy đảng các cấp về lĩnh vực văn hóa một cách kịp thời, nghiêm túc; quan tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong xây dựng và phát triển văn hóa ở các địa phương, đơn vị.

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 diễn ra trong bối cảnh với nhiều thuận lợi và thách thức đan xen. Xu thế toàn cầu hóa, sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra nhiều thời cơ để xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; đời sống vật chất và trình độ dân trí ngày càng được nâng lên; việc giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa ngày càng mở rộng; Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 5/8/2020 về xây dựng Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,... là những điều kiện thuận lợi giúp cho tỉnh Thanh Hóa triển khai xây dựng và phát triển văn hóa, con người có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Tuy nhiên, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam nói chung, xây dựng văn hóa, con người Thanh Hóa nói riêng cũng đang đứng trước những nguy cơ, thách thức không nhỏ. Mặt trái của internet tác động tiêu cực đến sự tiếp nhận thông tin và định hướng các giá trị chân - thiện - mỹ cho nhân dân; dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, khó dự đoán ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức các hoạt động văn hóa; sự tiếp thu thiếu chọn lọc văn hóa ngoại lai của không ít người trẻ gây khó khăn cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc; các thế lực thù địch không ngừng thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa; địa hình tỉnh Thanh Hóa trải dài với 2/3 diện tích là vùng miền núi; dân cư một số địa phương phân tán rộng, đặc điểm văn hóa của mỗi dân tộc, vùng miền khác nhau; nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền các cấp về văn hóa và phát triển văn hóa chưa toàn diện; thiết chế văn hóa, cơ sở vật chất, trang thiết bị đầu tư cho phát triển văn hóa còn thiếu và chưa đồng bộ; đội ngũ cán bộ có trình độ và am hiểu sâu sắc trong lĩnh vực văn hóa ở các cấp chưa đồng đều; nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa chưa tương xứng,...

Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thanh Hóa trong thời gian tới như tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, góp phần xây dựng tỉnh Thanh Hóa thành một cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc như Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII đã xác định, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đề ra một số giải pháp cơ bản như sau:

Một là, tiếp tục tăng cường đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác văn hóa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và cả hệ thống chính trị trong toàn tỉnh về vai trò quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội với mục tiêu xuyên suốt: khơi dậy và phát huy truyền thống văn hóa, lịch sử cách mạng, lòng tự hào dân tộc, khát vọng thịnh vượng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; xây dựng và phát triển toàn diện văn hóa, con người Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh và đất nước, vừa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc và sắc thái văn hóa xứ Thanh vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, từng bước nâng cao chất lượng văn hóa, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, là sức mạnh nội sinh, là mục tiêu và động lực của sự phát triển quê hương, đất nước; xây dựng Thanh Hóa trở thành trung tâm văn hóa lớn của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, góp xây dựng Thanh Hóa sớm trở thành tỉnh kiểu mẫu như Bác Hồ hằng mong muốn.

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực văn hóa, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng văn hóa trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tạo điều kiện để quần chúng, giới trí thức tham gia vào các hoạt động văn hóa, sáng tạo văn hóa, giáo dục và định hướng hưởng thụ văn hóa lành mạnh. Tăng cường giám sát và phản biện xã hội đối với các chương trình, chính sách xây dựng và phát triển văn hóa, con người trên địa bàn tỉnh.

Hai là, phát huy truyền thống tốt đẹp của con người Thanh Hóa để xây dựng con người Thanh Hóa thời kỳ mới phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

- Tập trung xây dựng con người Thanh Hóa phát triển toàn diện trên cơ sở phát huy giá trị truyền thống lịch sử, cách mạng, văn hóa tốt đẹp của tỉnh, của đất nước và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, với các đức tính cơ bản là: Có thể giới quan khoa học; có nhân cách, lối sống đẹp; yêu quê hương, đất nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, tự lực, tự cường; sống có tự trọng, tử tế; có dũng khí đấu tranh đẩy lùi cái xấu, cái ác; tôn vinh, nhân lên cái đẹp, cái tốt trong xã hội. Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Đề án phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của người Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh ở gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, trong cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp. Tập trung

xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; nhân rộng mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, ông bà, cha mẹ mẫu mực, vợ chồng hòa thuận, anh em đoàn kết, con cháu hiếu thảo; đề cao các giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ thanh thiếu nhi.

Xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng và hệ thống chính trị gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII); đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người đứng đầu và của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị; nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Ba là, tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc, sắc thái văn hóa xứ Thanh.

Tiếp tục đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các dự án bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh; ưu tiên trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng đang xuống cấp nghiêm trọng; tiếp tục đầu tư tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa thế giới và các di tích quốc gia đặc biệt; phục hồi, bảo tồn một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể đang có nguy cơ mai một; xây dựng và triển khai thực hiện Đề án bảo tồn tiếng nói, chữ viết, trang phục, nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh; Đề án bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị dân ca, dân vũ tỉnh Thanh Hóa.

Bốn là, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa; tăng cường hợp tác, liên kết, hội nhập trong phát triển văn hóa.

Nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa cơ sở, nhất là các hoạt động văn nghệ quần chúng, chiếu phim lưu động, triển lãm, thông tin cổ động, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”,... phục vụ nhiệm vụ chính trị và nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Phát huy vai trò của báo chí, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là trên môi trường internet, mạng xã hội (facebook, zalo...) trong việc tuyên truyền, phổ biến văn hóa và quảng bá các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đến công chúng, bảo đảm khách quan, trung thực góp phần định hướng tư tưởng, dư luận xã hội và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân.

Đổi mới phương thức hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học nghệ thuật; hoạt động nghiên cứu lý luận, phê bình văn học nghệ thuật của tỉnh. Coi trọng bảo hộ quyền tác giả, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa. Cùng với các nguồn lực của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút tối đa các

nguồn lực cho phát triển văn hóa, xây dựng con người văn hóa; tập trung đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa từ tinh đến cơ sở; tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể, nhất là các công trình văn hóa trọng điểm của tỉnh.

Tăng cường giao lưu văn hóa với các địa phương trong nước nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh, giá trị văn hóa tốt đẹp của tỉnh Thanh Hóa; nâng cao hiệu quả hợp tác về văn hóa giữa tỉnh Thanh Hóa với các tỉnh, thành phố ở nước ngoài.

Năm là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa.

Tiếp tục quan tâm làm tốt công tác quy hoạch, bố nhiệm, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu lĩnh vực văn hóa ở cấp tỉnh bảo đảm am hiểu sâu về văn hóa, văn học nghệ thuật, có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước một cách hiệu quả; chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu trở thành chuyên gia trong lĩnh vực văn hóa; tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở các cấp, nhất là cấp huyện và cơ sở, ở miền núi và vùng sâu của tỉnh; đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa; đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại các khu, điểm di tích, bảo tàng,...

Để nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người ở tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới được triển khai thực hiện thuận lợi, có hiệu quả hơn, bên cạnh việc phát huy nội lực trong tỉnh, tỉnh Thanh Hóa kính đề nghị Trung ương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo một số nội dung sau:

1. Đề nghị Trung ương sớm ban hành Bộ tiêu chí về Hệ giá trị con người Việt Nam.
2. Quan tâm hỗ trợ các tỉnh trong việc đầu tư kinh phí trùng tu, tôn tạo, chống xuống cấp các di sản văn hóa thế giới, di tích quốc gia đặc biệt; tạo điều kiện cho các địa phương học tập, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và các nước trên thế giới trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản; áp dụng công nghệ cao trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA XỨ NGHỆ, XÂY DỰNG CON NGƯỜI VĂN HÓA, GIA ĐÌNH VĂN HÓA NGHỆ AN, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

TỈNH ỦY NGHỆ AN

Trong cuốn sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, học giả uyên bác Phan Huy Chú đã nhận xét: “Nghệ An núi cao sông sâu, phong tục trọng hậu, cảnh tượng tươi sáng, gọi là đất danh tiếng hơn cả Nam Châu. Người thì thuận hòa chăm học, sản vật thì nhiều thức quý của lạ, được khí tốt nên sinh ra nhiều bậc danh hiền”.

Trong lịch sử, Nghệ An luôn chiếm vị trí chiến lược vô cùng quan trọng, là vùng đất “phên giậu” của quốc gia, địa bàn trọng yếu của đất nước, phần đất thiêng liêng trong dải non sông Việt Nam thống nhất. Là mảnh đất cổ với nhiều trầm tích văn hóa, tuy phát triển muộn hơn so với vùng văn hóa châu thổ sông Hồng, sông Mã nhưng chỉ vài trăm năm sau khi giành được quyền tự chủ, Nghệ An đã vươn lên phát triển, có nhiều nét nổi bật trong văn hóa - văn hiến, tạo nên một “diện mạo” văn hóa xứ Nghệ phong phú - một vùng văn hóa mở, giao lưu, khoan dung, hợp nguyên.

Phải đối mặt với điều kiện tự nhiên đa dạng, khắc nghiệt, nhiều ưu ái song cũng lắm gian nan đã tạo dựng “nét riêng” trong đời sống văn hóa cộng đồng và tính cách con người xứ Nghệ. Chính trong sự “cần cỗi, khắc nghiệt” của tự nhiên đã hình thành đức tính trung dũng, nghị lực, khảng khái, lòng tự tin và chí tiến thủ; con người xứ Nghệ luôn “đi đầu dây trước” trong các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Qua đó, tinh thần yêu nước đã trở thành chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Người dân luôn có một tấm lòng son sắt với quê hương và dân tộc, kiên cường, anh dũng trong đấu tranh và đã có nhiều đóng góp xứng đáng trong công cuộc xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước.

Con người Nghệ An có một lối sống tự nhiên và hồn hậu, một tấm lòng cởi mở và chân thực, đầy nghĩa tình bè bạn; biết chung lưng đấu cật, giúp đỡ lẫn nhau trong gian khổ, biết “nuông tựa” vào nhau để sinh tồn và vươn lên cuộc sống. Chính vì thế, truyền thống nhân đạo, nhân văn và tính cố kết cộng đồng nơi đây vô cùng đậm nét.

Tuy cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng người dân nơi đây luôn được biết đến với tinh thần hiếu học, khổ học cũng như thái độ lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống.

Hình ảnh “ông đồ Nghệ” với câu chuyện lưu truyền “con cá gỗ” được xem là biểu trưng xứ Nghệ từ bao đời nay. Nhiều dòng họ, nhiều làng học nổi tiếng và cũng là cái nôi sản sinh cho đất nước nhiều danh tướng, lương thần, nhà khoa học, nhà văn hóa mang tầm cỡ quốc gia.

Truyền thống văn hóa xứ Nghệ đã thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, là nguồn lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển của Nghệ An trong lịch sử và hiện tại như lời phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc* tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021-2025 rằng: “... Nghệ An nổi tiếng là vùng đất giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, hiếu học, khổ học và quyết học. Người Nghệ An cần cù, hào sảng trong cuộc sống; quyết liệt, quyết đoán, sáng tạo trong công việc; tín nghĩa, thủy chung với bạn bè, đối tác. Truyền thống này tạo nên một dòng chảy, bồi đắp nên giá trị văn hóa nổi trội, sức mạnh văn hóa tinh thần to lớn của đất và người nơi đây. Nghệ An cần chú trọng phát huy truyền thống tốt đẹp này để tiếp tục khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên, tạo thành sức mạnh nội sinh mạnh mẽ đưa Nghệ An phát triển nhanh, bền vững...”¹.

Tiếp nối truyền thống văn hóa - lịch sử, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021-2025 xác định:... Phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, con người xứ Nghệ, ý chí tự cường và khát vọng vươn lên; chủ động đổi mới sáng tạo, đưa Nghệ An phát triển nhanh và bền vững; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2023 Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc, năm 2025 trở thành tỉnh khá của cả nước.

Hướng tới mục tiêu xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong nhiều năm qua, Đảng bộ và chính quyền Nghệ An luôn xác định: “xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa Nghệ An đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa tiêu biểu; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa con người xứ Nghệ...” (Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2021-2025) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ đó, ban hành nhiều chủ trương, quyết sách phù hợp, kịp thời, xây dựng nhiều đề án, chính sách trên địa bàn tỉnh về phát triển văn hóa, con người Nghệ An xứng tầm, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển; từ việc xây dựng kế hoạch hành động như Kế hoạch số 307/KH-UBND ngày 6/6/2016, Kế hoạch hành động số 467/KH-UBND ngày 28/7/2017, Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của

* Từ ngày 5/4/2021, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV, đồng chí được bầu làm Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (BT).

1. Truy cập <https://baonghean.vn/thu-tuong-nguyen-xuan-phuc-nghe-an-nhu-mot-viet-nam-thu-nho-can-cao-duoc-mot-ky-tich-ma-ca-nuoc-dang-mong-doi-275778.html>.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, đến việc ban hành nghị quyết riêng của tỉnh (Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2016) về xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa Nghệ An đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển,... cho thấy sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của Đảng bộ tỉnh về tầm quan trọng của văn hóa nói chung, xây dựng con người, gia đình văn hóa nói riêng bên cạnh các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng. Từ đó, Nghệ An đã xây dựng chiến lược phát triển con người, bởi con người vừa là chủ thể sáng tạo ra văn hóa, vừa là mục tiêu của phát triển văn hóa. Phát triển văn hóa xét cho đến cùng chính là vì con người, vì sự ấm no, hạnh phúc của con người. Vì thế, đầu tư cho văn hóa cũng chính là đầu tư cho con người. Con người xứ Nghệ là sự kết tinh của văn hóa Việt Nam và văn hóa xứ Nghệ giàu bản sắc được hun đúc qua hàng nghìn năm văn hiến. Vì vậy, quá trình xây dựng và phát triển văn hóa xứ Nghệ cũng chính là quá trình hoàn thiện chiến lược con người.

Phát huy giá trị truyền thống của con người Nghệ An qua các thời kỳ lịch sử, tỉnh Nghệ An luôn quan tâm đến việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển, với mục tiêu là xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa Nghệ An phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, tiếp thu những tinh hoa văn hóa xứ Nghệ. Phấn đấu để con người, gia đình Nghệ An thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển.

Trong những năm qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc hoàn thiện các chuẩn mực giá trị về văn hóa và con người Nghệ An; tạo điều kiện để phát triển nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn thông qua các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học, rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp, các chương trình, đề án xây dựng, phát triển nguồn nhân lực; các cuộc hội thảo nhằm giáo dục và phát triển con người Nghệ An được phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả, thể hiện rõ vai trò quan trọng của văn hóa, việc xây dựng con người Nghệ An trong từng bước phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, như: Chương trình Giáo dục đời sống gia đình đến năm 2020, Đề án Tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, giai đoạn 2014-2030 và các nội dung của chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, Đề án Phát huy giá trị tốt đẹp của các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Xây dựng hình mẫu thanh niên thời đại mới và Hội thảo về Xây dựng nhân cách người Nghệ An từ đạo đức đến lối sống; đặc biệt thông qua cuộc Hội thảo Tính cách người Nghệ và sự biến đổi của những nét tính cách nổi trội trong điều kiện hiện nay được tổ chức vào tháng 9/2020 cho thấy tỉnh đã rất quan tâm giữ gìn, phát huy những nét tính cách riêng biệt của con người Nghệ An truyền thống để ngày càng

hoàn thiện các chuẩn mực giá trị về văn hóa và con người Nghệ An hôm nay trên nền tảng các giá trị văn hóa truyền thống đáp ứng xu thế hội nhập, toàn cầu hóa.

Bên cạnh đó, tăng cường thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ nhằm đề cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người trong gia đình, trường học, cơ quan, đơn vị và xã hội. Trong những năm qua, tỉnh Nghệ An đã triển khai tích cực, chủ động từ rất sớm và có những cách làm sáng tạo, thực chất, hiệu quả. Trên địa bàn tỉnh có hàng nghìn tấm gương tập thể, cá nhân với phong trào hiến đất, tài sản để xây dựng nông thôn mới; sáng tạo trong sản xuất; vượt lên hoàn cảnh để giúp đỡ, chăm lo cho người nghèo; nhiều tấm gương cán bộ, đảng viên tận tụy, gương mẫu; nhất là điển hình các lực lượng tuyến đầu chống dịch COVID-19 với tinh thần sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân, gia đình vì sức khỏe nhân dân, vì cộng đồng. Thông qua việc triển khai Chỉ thị số 05-CT/TW đã tạo động lực thi đua yêu nước sôi nổi trong các cấp, các ngành; phát huy sức sáng tạo, tinh thần cống hiến trong các tầng lớp nhân dân; từng bước giải quyết các điểm nghẽn, nút thắt trong quản lý, điều hành Nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương. Nhờ đó, kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm gần đây có bước phát triển toàn diện.

Công tác giáo dục, đào tạo được nâng cao chất lượng và coi trọng hàng đầu; với phương châm “dạy làm người gắn liền với dạy chữ”, ngành Giáo dục và Đào tạo đã triển khai nhiều cuộc vận động với nhiều đề án như: cuộc vận động Nhà trường văn hóa, nhà giáo mẫu mực, học sinh thanh lịch; đề án Nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nhà trường văn hóa, nhà giáo mẫu mực, học sinh thanh lịch; Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019-2025 nhằm nâng cao chất lượng, phẩm chất, trình độ cho giáo viên và học sinh. Công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương được các cấp, các ngành và địa phương chú trọng thực hiện; 100% trường học (từ mầm non đến trung học cơ sở) thực hiện chương trình đưa dân ca ví, giặm, văn hóa, lịch sử địa phương vào trường học; tổ chức các hội thi, liên hoan văn nghệ, dân ca ví, giặm nhằm khơi dậy tình yêu, lòng đam mê đối với di sản văn hóa của nhân loại, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, định hướng thị hiếu âm nhạc giúp học sinh hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, văn hóa, lịch sử địa phương cho thế hệ trẻ ở các cấp học.

Kết quả là trong nhiều năm qua, nhiều đơn vị, địa phương tổ chức, thực hiện nhiều cách làm hay, mô hình mới, chương trình, đề án thiết thực, hiệu quả nhằm thu hẹp khoảng cách về mức hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần giữa thành thị và

nông thôn, giữa các vùng, miền và các tầng lớp trong xã hội. Nhiều cơ quan, đơn vị quan tâm xây dựng văn hóa trong Đảng vào chương trình hành động thực hiện; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa vào nghị quyết của Đảng, hội đồng nhân dân để thực hiện, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có đạo đức, trình độ, năng lực, trách nhiệm và gương mẫu trên các lĩnh vực. Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa, đến nay Nghệ An đã cơ bản đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, cụ thể là có 84% gia đình văn hóa; 65% làng, bản, khối phố văn hóa; 67,8% xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 100% trường học từ mầm non đến trung học cơ sở đưa dân ca vào trường học, đạt và vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra; 20/21 số huyện, thành, thị có trung tâm văn hóa - thể thao; 312/411 xã, phường, thị trấn được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 2 xã biên giới, 7 xã thuộc huyện nghèo 30a đạt chuẩn... cho thấy sự nỗ lực, quyết tâm của chính quyền và cả hệ thống chính trị tỉnh Nghệ An trong việc xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa đáp ứng yêu cầu và hội nhập.

Trong khó khăn, gian nguy, các giá trị con người xứ Nghệ truyền thống lại càng thêm được tô thắm và phát huy. Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghệ An đã xây dựng, phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân”, đưa Nghệ An vượt qua khó khăn, thách thức trong cuộc chiến chống dịch COVID-19 suốt 2 năm qua. Những chuyến xe thực phẩm, nhu yếu phẩm, rau xanh do nhân dân tự tay làm ra bằng tất cả tấm lòng yêu thương, sẻ chia từ miền quê xứ Nghệ xa xôi vào với miền Nam thân yêu; những hộp cơm, bát cháo ấm nghĩa tình đến với những hoàn cảnh khó khăn tại khu cách ly và các bệnh viện... là những nét đẹp về tinh thần tương thân, tương ái phát huy truyền thống đoàn kết, nghĩa tình từ những ngày đầu lịch sử nay lại được phát huy, tạo nên sự thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân giúp chiến thắng đại dịch.

Bên cạnh việc xây dựng con người văn hóa, công tác xây dựng gia đình văn hóa Nghệ An luôn được coi trọng, được tổ chức triển khai bài bản với phương châm “lấy con người làm mục tiêu trung tâm” và “vì mục tiêu phát triển”. Gia đình là nền tảng, là cái nôi nuôi dưỡng, hình thành và giáo dục nhân cách con người và cũng là môi trường, thiết chế xã hội - văn hóa - kinh tế hàng đầu trong quá trình xã hội hóa con người. Nhằm tạo lập môi trường lành mạnh, tốt đẹp để hoàn thiện nhân cách con người xứ Nghệ trong thời kỳ hội nhập, tỉnh đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình, đề án như: Kế hoạch số 495/KH-UBND ngày 15/8/2017 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình trên địa bàn tỉnh Nghệ An”; Kế hoạch thực hiện “Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030”; Kế hoạch số 527/KH-UBND ngày 31/8/2016 thực hiện phối hợp liên ngành về “Phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Nghệ An”. Ngành Văn hóa đã tham mưu thực hiện thí điểm bộ tiêu chí

ứng xử trong gia đình trên địa bàn tỉnh năm 2020; xây dựng Đề án Giải pháp tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh Nghệ An...

Từ đó, các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện công tác giáo dục đời sống trong gia đình, phát huy giá trị tốt đẹp của các mối quan hệ trong gia đình, dòng họ, xây dựng gia đình hạnh phúc, gia đình văn hóa, phòng, chống bạo lực gia đình đạt hiệu quả, lồng ghép, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các phong trào thi đua của các tổ chức quần chúng đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Nhiều mô hình mới, cách làm hay được nhân rộng như: Mô hình Câu lạc bộ bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Thái bản Khe Rạn, xã Bồng Khê, huyện Con Cuông; làng văn hóa tiêu biểu Khối Bắc xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu và mô hình xây dựng, tổ chức tốt các hoạt động trong hệ thống thiết chế văn hóa, thông tin và thể thao xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương... đã cổ vũ và huy động các nguồn lực trong nhân dân xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa ở cơ sở, hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no, bình đẳng; an ninh chính trị được giữ vững; quyền làm chủ của nhân dân, Quy chế dân chủ ở cơ sở được phát huy.

Để nâng cao mức hưởng thụ văn hóa vùng miền núi, dân tộc thiểu số và phát triển kinh tế các huyện miền Tây Nghệ An, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa được quan tâm, xây dựng chiến lược và nâng cao năng lực bảo tồn văn hóa; gắn việc phát triển du lịch với giảm nghèo bền vững, xây dựng mô hình du lịch cộng đồng ở miền núi; chú trọng, đưa di tích, lễ hội vào các điểm đến trong hành trình tour, tuyến du lịch Nghệ An, nhất là các di tích lịch sử văn hóa trọng điểm phát huy được truyền thống của mảnh đất có nhiều di tích lịch sử - văn hóa và lễ hội truyền thống đặc sắc.

Hoạt động văn học, nghệ thuật được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đúng định hướng của Đảng; góp phần tích cực vào việc đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân, phản ánh tích cực hiện thực cuộc sống. Nhiều nghệ sĩ, nghệ nhân được phong tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nghệ nhân ưu tú... Công tác khôi phục và phát triển các loại hình nghệ thuật biểu diễn, nhất là nghệ thuật truyền thống được quan tâm thực hiện theo Đề án “Bảo tồn và phát huy các phong tục tập quán, nghi lễ văn hóa truyền thống tốt đẹp, trình diễn dân gian của đồng bào các dân tộc thiểu số; 100% trường trung học cơ sở đưa dân ca ví giặm vào trường học phục vụ nhu cầu hưởng thụ và sinh hoạt văn hóa, góp phần quảng bá, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, có tác dụng định hướng và nâng cao thị hiếu thẩm mỹ cho công chúng...

Như vậy, trong những năm qua, phát huy truyền thống yêu nước, cách mạng, văn hóa của quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ tỉnh Nghệ An đã lãnh đạo chính quyền và nhân dân trong tinh đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, phát huy những

giá trị truyền thống, lợi thế của quê hương, ra sức thi đua vượt qua những khó khăn, thách thức. Đồng thời, tranh thủ khai thác tối đa các nguồn lực để từng bước có những chuyển biến khá toàn diện trên các mặt của đời sống xã hội, như: kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao; xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực, là một trong những điểm sáng của cả nước; văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, các giá trị văn hóa được bảo tồn và phát huy. Nghệ An luôn phát huy truyền thống của vùng đất hiếu học; số học sinh giỏi quốc gia, quốc tế nhiều năm xếp trong top đầu cả nước; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc quan tâm chú trọng phát triển nguồn lực văn hóa, con người, phát huy tối đa tiềm năng “sức mạnh mềm” của đất nước là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy xã hội phát triển bền vững. Hơn lúc nào hết, việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam cần được quan tâm, đầu tư xứng đáng để nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, chống lại nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động, chống lại những sản phẩm đồi trụy, phi văn hóa như quan điểm về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của Đảng tại Đại hội XIII đã nêu: “... Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân”¹.

Từ đó, Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ về phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong những năm tới là: “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế”². Cùng với đó, phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa một cách toàn diện ở gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp để văn hóa thực sự là động lực, đột phá phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tự hào dân tộc, tính cộng đồng và khơi dậy khát khao vươn lên. Quan tâm đầu tư đúng mức để phát triển văn hóa, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.215-216, 231.

giữa thành thị và nông thôn. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc và di sản văn hóa. Nâng cao vai trò của văn hóa, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam.

Qua đó cho thấy, Đảng ta đã rất quan tâm đến việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như hội nhập quốc tế. Đảng xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược để phát triển đất nước trong thời gian tới.

Đối với Nghệ An, phát huy các giá trị văn hóa, con người xứ Nghệ trong thời kỳ hội nhập và phát triển là một nội dung quan trọng, có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với sự phát triển của tỉnh; là một trong những nhiệm vụ hết sức nặng nề, cần quyết tâm cao với những giải pháp đồng bộ, thể hiện rõ trách nhiệm chính trị của mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp và từng cán bộ, đảng viên để hướng đến xây dựng Nghệ An trở thành “trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung Bộ” theo mục tiêu Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về “Phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020” đề ra như lời phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại buổi làm việc với tỉnh Nghệ An về việc sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 26 (ngày 21/3/2019): “Nghệ An là vùng đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống lịch sử, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của đất nước; là quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều lãnh đạo tiền bối khác. Đây cũng là địa bàn có nhiều lợi thế về rừng và biển, con người cần cù, thông minh, chịu khó, có ý chí vươn lên mạnh mẽ. Với những lợi thế, tiềm năng lớn, Nghệ An cần thể hiện khát vọng vươn lên mạnh mẽ hơn, phát huy truyền thống, thành tựu đã đạt được, khắc phục khó khăn, trở ngại, phấn đấu trở thành một trong những tỉnh đi đầu, ở vị trí top đầu của cả nước”.

Với niềm tin và khát vọng vươn lên, Đảng bộ tỉnh Nghệ An đặt ra mục tiêu lớn về thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hệ thống chính trị, quốc phòng, an ninh; tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, góp phần đưa Nghệ An phát triển nhanh và bền vững.

Để thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra, Đảng bộ và nhân dân Nghệ An phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và nhân dân; kiên trì thực hiện định hướng phát triển bền vững, đồng thời quyết tâm tạo đột phá ở một số lĩnh vực và khu vực trọng điểm, trong đó chú ý đến nhiệm vụ phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội. Bên cạnh mục tiêu chung về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam, phương hướng nhiệm vụ cụ thể mà Nghệ An hướng tới để xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa Nghệ An thời gian tới là:

Thứ nhất, xây dựng con người Nghệ An phát triển toàn diện. Cụ thể là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu quê hương, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, đạo đức lối sống và nhân cách tốt đẹp, ý thức chấp hành pháp luật; nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Nghệ An, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; ưu tiên hợp tác quốc tế đào tạo huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao. Đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu, chống quan điểm sai trái, tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người.

Thứ hai, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng và xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa. Bồi dưỡng, kiến tạo môi trường gia đình thực sự là cái nôi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp đạt chuẩn thực chất về văn hóa, góp phần giáo dục, rèn luyện nhân cách, lối sống. Xây dựng nếp sống mới, các chuẩn mực văn hóa mới trên nền tảng bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống nhằm xây dựng văn hóa xứ Nghệ đậm đà bản sắc nhưng cũng mang tính đa dạng, phong phú và sáng tạo của nền văn hóa Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa.

Thứ ba, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Khai thác, phát huy tối đa các thiết chế, công trình văn hóa; chỉ tiêu đặt ra cho nhiệm kỳ 2021-2025 là: tỷ lệ làng bản, khối phố văn hóa đạt 71-73%; tỷ lệ xã phường, thị trấn có thiết chế văn hóa, Thể thao đạt tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 82%. Hướng các hoạt động văn hóa tới giá trị chân - thiện - mỹ. Gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng với chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường đạt chuẩn văn minh đô thị, từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền với chỉ tiêu đặt ra là: đến năm 2025 có 82% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 11 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 1 huyện đạt huyện nông thôn mới kiểu mẫu). Phát triển một số lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật hướng tới phát triển công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa, kiến tạo môi trường sáng tạo, các không gian sáng tạo, cởi mở, phát huy cảm hứng và năng lực sáng tạo của văn, nghệ sĩ.

Thứ tư, giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống; bảo tồn và phát huy dân ca, ví, giặm Nghệ Tĩnh - di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; gìn giữ bản sắc con người văn hóa xứ Nghệ. Tiếp tục bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích

lịch sử văn hóa gắn với lễ hội truyền thống trên địa bàn tỉnh, tiêu biểu là các khu di tích Kim Liên, khu lưu niệm cố Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, khu di tích lịch sử Trương Bồn. Gắn việc phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch, hiện thực hóa đề án phát triển kinh tế di sản Nghệ An.

Thứ năm, thực hiện tốt Đề án quy hoạch phát triển và quản lý báo chí giai đoạn 2020-2025, nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác truyền thông; tăng cường cơ sở vật chất phát thanh - truyền hình, thông tin cơ sở; phát triển các loại hình thông tin truyền thống theo hướng đồng bộ, hiện đại; chỉ đạo định hướng thông tin báo chí, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ sáu, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, có hiệu quả thiết thực, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Nghệ An đến với thế giới. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc, đặc trưng văn hóa xứ Nghệ, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

Cuộc sống hôm nay luôn có “hình hài” của quá khứ và chứa đựng trong đó cả những khát vọng tương lai, quê hương Nghệ An với niềm tự hào về những giá trị trong quá khứ đang không ngừng nỗ lực và từng bước chuyển mình, vươn lên; tự tin rằng truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam nói chung và quê hương xứ Nghệ nói riêng sẽ là nguồn sức mạnh và động lực tinh thần to lớn để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Nghệ An “*Biến khát vọng sông Lam thành kỳ tích sông Lam*”, bút phá đi lên mạnh mẽ hơn, bền vững hơn, đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đưa tỉnh nhà “*mau trở thành một trong những tỉnh khá nhất ở miền Bắc*”¹ như di nguyện thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.597.

CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA CÁC KHU DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN GẮN VỚI XÂY DỰNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH HÀ TĨNH

TỈNH ỦY HÀ TĨNH

Hà Tĩnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, diện tích tự nhiên gần 6.000 km²; dân số gần 1,3 triệu người. Vùng đất này từng là nơi tụ cư của người Việt cổ, được minh chứng bằng các di chỉ khảo cổ có niên đại trên 4.000 năm như Phôi Phôi - Bãi Cọi (huyện Nghi Xuân), Thạch Lạc (huyện Thạch Hà)...; là vùng giao thoa của nhiều nền văn hóa (Đại Việt - Chăm-pa - Chân Lạp - Trung Hoa...). Xứ Nghệ nói chung và Hà Tĩnh nói riêng luôn được mệnh danh là vùng “địa linh - nhân kiệt”, bởi hầu như thời kỳ nào cũng xuất hiện những dòng họ, làng xã, danh nhân đóng góp quan trọng cho dân tộc. Những yếu tố địa lý - lịch sử - văn hóa đặc thù đó đã góp phần tạo nên một hệ thống văn hóa vật thể và phi vật thể hết sức phong phú, đa dạng, giàu bản sắc.

Vùng đất Hà Tĩnh hội tụ tất cả các loại hình di tích gồm: Khảo cổ học, lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, lưu niệm danh nhân và di tích cách mạng. Hệ thống di tích ở Hà Tĩnh in đậm dấu ấn tự nhiên - xã hội, kết tinh những giá trị lịch sử, văn hóa, nhân văn sâu sắc, phản ánh quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước của các thế hệ người Hà Tĩnh qua các thời kỳ. Trên địa bàn Hà Tĩnh có gần 1.800 di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được kiểm kê, trong đó có 617 di tích đã được xếp hạng các cấp (gồm 2 di tích quốc gia đặc biệt; 86 di tích cấp quốc gia; 529 di tích cấp tỉnh)¹.

Di tích lịch sử - văn hóa ở Hà Tĩnh đa dạng, phong phú về loại hình, đặc sắc về nội dung, là thông điệp của tiền nhân gửi gắm cho thế hệ hôm nay và mai sau; là nguồn tài nguyên có giá trị vô cùng to lớn cần được gìn giữ, bảo tồn và phát huy, nhằm khơi dậy ý chí, khát vọng đổi mới, sáng tạo của con người Hà Tĩnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

1. Thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tính đến tháng 10/2021.

1. Kết quả đạt được trong công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh Hà Tĩnh

Về công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo di tích: Trải qua thăng trầm của lịch sử và sự khắc nghiệt của khí hậu nên đến nay phần lớn các di tích đã bị xuống cấp, nhiều di tích xuống cấp nghiêm trọng và trở thành phế tích. Trong những năm qua, thông qua nguồn kinh phí chống xuống cấp di tích của Trung ương, của tỉnh và huy động nguồn xã hội hóa nhiều di tích trên địa bàn đã được quan tâm trùng tu, tôn tạo. Giai đoạn 2014-2020, ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đã phân bổ hơn 60 tỷ đồng từ nguồn kinh phí chống xuống cấp (Trung ương hỗ trợ 1 tỷ đồng/năm, tỉnh bố trí bình quân 9-12 tỷ đồng/năm) và huy động nguồn xã hội hóa hàng trăm tỷ đồng.

Đến nay, đã có gần 300 lượt di tích được trùng tu, tôn tạo khang trang; nhiều di tích trở thành điểm du lịch văn hóa tâm linh như: Khu di tích Thanh niên xung phong Ngã ba Đồng Lộc, Khu di tích Nguyễn Du, Đền Chợ Củi, Chùa Hương Tích, Đền Cả - Ích Hậu, Đền thờ Chế thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu,... thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, hành lễ, tri ân, tưởng niệm. Nhiều di tích đã và đang được đầu tư, tôn tạo nhằm giữ gìn các giá trị kiến trúc nghệ thuật cổ, khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống và phục dựng cảnh quan như: Đền Chiêu Trưng đại vương Lê Khôi, Đền Voi Mẹp, Đình Trung, Đền Cả - Ích Hậu, Chùa Am,...

Về công tác phát huy giá trị di tích: Trong những năm qua, công tác phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử - văn hóa được quan tâm và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tỉnh đã chú trọng triển khai các kế hoạch, giải pháp cụ thể để phát huy giá trị hệ thống di tích, khiến di tích lịch sử - văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh để phát triển kinh tế - xã hội. Để khẳng định và làm rõ hơn những giá trị lịch sử - văn hóa, khoa học của các di tích, tỉnh đã tổ chức các cuộc hội thảo như: Hội thảo khoa học Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Ngã ba Đồng Lộc (1968-2018), Hội thảo Kỷ niệm 240 năm ngày sinh (1778-2018) và 160 năm ngày mất Danh nhân Nguyễn Công Trứ (1858-2018), Hội thảo kỷ niệm 255 năm ngày sinh (1765-2020) và 200 năm ngày mất Đại thi hào Nguyễn Du (1820-2020) và Hội thảo khoa học “Nghiên cứu, phát huy giá trị văn hóa con người Hà Tĩnh thời kỳ hội nhập” (năm 2020). Tỉnh đã chỉ đạo ngành chuyên môn triển khai thực hiện có hiệu quả việc khai quật các di chỉ khảo cổ học, sưu tầm hàng ngàn trang tư liệu, số hóa hàng trăm sắc phong, tài liệu Hán - Nôm đang được lưu giữ tại các di tích, xuất bản sách gắn với hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh. Những ấn phẩm, tư liệu trên được phát hiện, bổ sung, góp phần làm sâu sắc thêm những giá trị văn hóa đặc sắc của vùng đất và con người Hà Tĩnh.

Cùng với việc phát huy giá trị các di tích lịch sử, Hà Tĩnh chú trọng bảo tồn, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, như: Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, *Truyện Kiều* gắn với Danh nhân

văn hóa thế giới, Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du, Di sản tư liệu ký ức thế giới Mộc bản Trường Lưu, Hoàng hoa sứ trình đồ,...

Theo thống kê của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, giai đoạn 2015-2020 (trước khi đại dịch COVID-19 xảy ra), hằng năm, tại các di tích trọng điểm của tỉnh đã thu hút hàng chục vạn lượt du khách thăm viếng, hành lễ như: Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du đón tiếp 20-22 vạn lượt du khách, Đền Chợ Củi đón tiếp 32-35 vạn lượt du khách, Đền thờ Chế thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu đón tiếp 28-30 vạn lượt du khách, Chùa Hương Tích đón tiếp 15-20 vạn lượt du khách, Khu di tích Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đón tiếp 5 vạn lượt du khách; những di tích lịch sử cách mạng như: Khu di tích Thanh niên xung phong Ngã ba Đồng Lộc đón tiếp 30-35 vạn lượt du khách, Khu di tích Tổng Bí thư Trần Phú đón tiếp 12 vạn lượt du khách, Khu di tích Tổng Bí thư Hà Huy Tập đón tiếp 10 vạn lượt du khách. Bên cạnh đó, một số di tích lịch sử cách mạng thường xuyên được chọn làm nơi tổ chức các hoạt động tri ân, hành hương về “địa chỉ đỏ” nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc; nơi tổ chức kết nạp đoàn viên, đảng viên, giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Nhiều trường học đã tổ chức các hoạt động học tập ngoại khóa, trải nghiệm tại các di tích, qua đó giáo dục tư tưởng, tình cảm, hình thành ý thức bảo tồn, gìn giữ di tích trong thế hệ trẻ.

Hệ thống di tích Hà Tĩnh không chỉ có giá trị lịch sử - văn hóa, khoa học, nghệ thuật, mà còn có thể khai thác để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong những năm qua, các di tích lịch sử - văn hóa và cách mạng trên địa bàn như: Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du, Khu di tích Thanh niên xung phong Ngã ba Đồng Lộc, Chùa Hương Tích, Đền Chợ Củi, Đền Trương Bát, Đền Chiêu Trưng đại vương Lê Khôi, Đền thờ Chế thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu đã phát huy nhiều giá trị khác nhau, trong đó một số di tích trở thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho một bộ phận người dân. Theo báo cáo của các Ban quản lý di tích, giai đoạn 2015-2019, nguồn thu tại các di tích tăng đều qua từng năm như: Đền Chợ Củi (xã Xuân Hồng - huyện Nghi Xuân): 12-15 tỷ đồng/năm, Chùa Hương Tích (xã Thiên Lộc - huyện Can Lộc): 5-7 tỷ đồng/năm, Đền thờ Chế thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu (xã Kỳ Ninh - thị xã Kỳ Anh): 7-10 tỷ đồng/năm, Khu di tích Thanh niên xung phong Ngã ba Đồng Lộc (thị trấn Đồng Lộc - huyện Can Lộc): 6 tỷ đồng/năm.

2. Một số khó khăn trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa ở Hà Tĩnh

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ cấp ủy và chính quyền các cấp về vai trò, ý nghĩa của hệ thống di tích lịch sử - văn hóa trong quá trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế chưa đầy đủ và toàn diện; một số nơi chưa quan tâm đến việc bảo tồn,

phát huy cũng như chưa khai thác tiềm năng, lợi thế của các giá trị di tích để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục truyền thống cho nhân dân.

- Công tác quảng bá, giới thiệu về giá trị lịch sử - văn hóa, khoa học, nghệ thuật còn đơn điệu, thông tin còn sơ sài và chưa có sự kết hợp tốt giữa khai thác di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Các di tích lịch sử cách mạng, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ, thu hút du khách tham quan, học tập, nghiên cứu gặp nhiều khó khăn. Một số di tích tín ngưỡng, tôn giáo, hoạt động hành lễ tâm linh lấn át việc giới thiệu các sự kiện, giá trị lịch sử - văn hóa tiêu biểu của di tích.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong tổ chức quản lý, khai thác du lịch và dịch vụ tại các khu di tích đạt hiệu quả chưa cao. Một số nơi vì mục tiêu phát triển kinh tế trước mắt chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác bảo tồn di tích, thậm chí có những dự án kinh tế được triển khai gần khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích.

- Hiện nay, với mô hình quản lý ba cấp gây khó khăn trong việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động, dẫn tới hiện tượng một số tổ chức, cá nhân lợi dụng di tích để thương mại hóa các hoạt động dịch vụ, sinh hoạt tâm linh tín ngưỡng trái với thuần phong mỹ tục. Công tác quản lý nguồn thu từ các di tích chưa thống nhất.

- Nhu cầu nguồn lực dành cho công tác bảo tồn di tích rất lớn, tuy nhiên, nguồn kinh phí nhà nước chưa đáp ứng đủ, nguồn vốn huy động xã hội hóa không ổn định. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa để bảo tồn, tu bổ các di tích lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật còn rất hạn chế. Một số nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa, nguồn kinh phí huy động xã hội hóa cho bảo tồn, tu bổ di tích rất thấp. Một số dự án bảo tồn, tôn tạo di tích đã được phê duyệt nhưng việc bố trí nguồn vốn chưa đủ, dẫn tới các hạng mục công trình tu bổ chắp vá, các hạng mục công trình và cơ sở hạ tầng vẫn chưa đồng bộ.

- Năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, thuyết minh viên, hướng dẫn viên di tích thiếu tính chuyên nghiệp; một số người chưa được đào tạo cơ bản.

3. Một số nội dung cơ bản phải tiếp tục thực hiện để đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định mục tiêu “khơi dậy khát vọng, ý chí, đổi mới sáng tạo, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, con người Hà Tĩnh”¹, để thực hiện được mục tiêu đó, tỉnh Hà Tĩnh tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp đối với nhiệm vụ xây dựng, phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh trong thời kỳ công

1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX.

nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; đề ra các chính sách hài hòa giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người, bảo đảm sự phát triển bền vững của tỉnh, tránh xu hướng thiên lệch trong quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo với tổ chức thực hiện.

Thứ hai, tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, nhất là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI). Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh. Trong đó cần chú ý khơi dậy những phẩm chất tốt đẹp của con người Hà Tĩnh như anh dũng, kiên cường, cần cù, sáng tạo, hiếu học; sống nghĩa tình, thủy chung, nhân văn,... Xác định văn hóa là nền tảng, động lực, sức mạnh nội sinh để phát triển kinh tế - xã hội Hà Tĩnh bền vững, đồng thời là yếu tố quan trọng bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng khối đoàn kết bền chặt trong nhân dân.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền nội dung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa, nhất là Luật di sản văn hóa, nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về việc gìn giữ và phát huy giá trị của di tích lịch sử - văn hóa. Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu về giá trị đặc sắc của hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; liên kết với các doanh nghiệp lữ hành để gắn các di tích lịch sử - văn hóa vào các tour du lịch, góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa, con người Hà Tĩnh đến với bạn bè trong và ngoài nước. Kết hợp hài hòa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững. Chú trọng nâng cao chất lượng, đổi mới các hình thức tuyên truyền, quảng bá về hệ thống di tích lịch sử - văn hóa ở Hà Tĩnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử. Triển khai tích cực việc gắn mã QR code để quảng bá về các di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng.

Thứ tư, tăng cường nguồn lực đầu tư cho mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa. Chú trọng, tăng nguồn kinh phí chi thường xuyên, chi đầu tư ngân sách cho công trình văn hóa trọng điểm trên địa bàn.

Thứ năm, phát huy hơn nữa vai trò và sự tham gia của cộng đồng, sự vào cuộc của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức hội, tình nguyện viên, đặc biệt là đoàn thanh niên, học sinh, sinh viên trong việc chăm sóc và phát huy giá trị di tích

để mỗi người dân vừa là người tham gia bảo vệ, đồng thời được thụ hưởng những giá trị do di tích mang lại.

Thứ sáu, xây dựng chương trình giáo dục lịch sử - văn hóa địa phương tích hợp vào sách giáo khoa, lựa chọn các di tích lịch sử để tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao hiểu biết và tăng cường trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với di sản văn hóa. Tiếp tục chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện chương trình đưa “Di sản văn hóa vào học đường”, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa tinh thần yêu nước cách mạng cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên.

Thứ bảy, tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, du lịch; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về di sản văn hóa, phát hiện và ngăn chặn tình trạng xâm hại di tích và vi phạm trong hoạt động tu bổ di tích trên địa bàn. Coi việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, thiết chế văn hóa, hương ước là một trong những tiêu chí xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Tổ chức điều tra tổng thể và hoàn thành công tác kiểm kê phân loại, đánh giá thực trạng hệ thống di tích, đẩy mạnh công tác lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích, cấm mốc giới di tích đối với các di tích đã xếp hạng. Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, sưu tầm tư liệu hiện vật, trưng bày, hội thảo, triển lãm xuất bản ấn phẩm để làm phong phú thêm những giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Thứ tám, quan tâm nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ khách tham quan của các cán bộ quản lý di tích, người dân, đặc biệt là nâng cao hơn nữa chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho các thuyết minh viên, hướng dẫn viên tại các điểm tham quan di tích, góp phần thu hút du khách đến với Hà Tĩnh.

4. Một số kiến nghị, đề xuất

Một là, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý di tích, tạo khung khổ pháp lý và cơ chế, chính sách để nhân dân đóng vai trò then chốt trong gìn giữ bảo tồn di tích. Ban hành quy định để quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa huy động từ cá nhân, tổ chức và cộng đồng cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Hai là, Hà Tĩnh là địa phương có số lượng di tích nhiều, phong phú, đa dạng về loại hình, vì vậy cần tiếp tục khảo sát, triển khai các chương trình dự án bảo tồn, trùng tu tôn tạo di tích; xem xét hỗ trợ kinh phí đầu tư trùng tu, tôn tạo các di tích trọng điểm, di tích cộng đồng. Tiếp tục thực hiện các hạng mục còn lại tại Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du. Đồng ý xây dựng Đề án trùng tu, tôn tạo, xây dựng các hạng mục tại Khu lưu niệm Tổng Bí thư Trần Phú (nhân dịp kỷ niệm 120 năm Ngày sinh đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú: 1/5/1904 - 1/5/2024); Khu lưu niệm Tổng Bí thư

Hà Huy Tập (nhân dịp kỷ niệm 120 năm Ngày sinh đồng chí Tổng Bí thư Hà Huy Tập: 24/4/1906 - 24/4/2026)...

Ba là, huy động tối đa các nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước với phương châm Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng, các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh tại các khu di tích lịch sử - văn hóa. Đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư và thuế khóa phù hợp với các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng tại các khu di tích để phát triển văn hóa du lịch.

Bốn là, mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ chuyên gia, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu về bảo tồn và phát huy giá trị di tích của tỉnh; tổ chức hội thảo tập huấn, nghiên cứu khoa học về di tích cho những người làm công tác quản lý, bảo vệ di tích ở cơ sở.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Lịch sử Hà Tĩnh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1.
- [2] Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tĩnh, *Di tích danh thắng Hà Tĩnh*, 1997.
- [3] Luật di sản văn hóa năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.
- [4] *Một con đường tiếp cận di sản*, 2008, t.1.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, II.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [7] Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
- [8] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh: *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025*.
- [9] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Tĩnh: *Văn bia Hà Tĩnh*, năm 2007.
- [10] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Tĩnh: *Kỷ yếu Hội thảo “Nghiên cứu phát huy giá trị văn hóa, con người Hà Tĩnh thời kỳ hội nhập”*.
- [11] Báo cáo tổng kết hoạt động ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2020.

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG BÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI, NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA

TỈNH ỦY QUẢNG BÌNH

Văn hóa là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Văn hóa có vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống xã hội, trở thành một trong các trụ cột của phát triển bền vững, giữ vai trò định hướng các giá trị của xã hội, điều tiết các quan hệ xã hội bằng hệ thống các giá trị, chuẩn mực và mục đích nhân văn của nó. Với ý nghĩa đó, văn hóa vừa là tiền đề, điều kiện, vừa là mục đích, động lực phát triển của con người và xã hội, là nhân tố phát huy sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

Nhận thức được sức mạnh nội sinh của văn hóa, tầm quan trọng của việc gắn văn hóa với phát triển con người, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên, chú trọng đưa ra các chủ trương và giải pháp mang tính chiến lược nhằm phát huy sự năng động, sáng tạo, đổi mới, tiếp biến và làm giàu tri thức không ngừng của mỗi người dân Việt Nam; huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc để phát triển văn hóa, hoàn thiện nhân cách con người, tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của mỗi người cũng như của toàn xã hội.

Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, lãnh đạo sự nghiệp văn hóa, Đảng ta đã sớm có Đề cương về văn hóa (năm 1943). Chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong các kỳ Đại hội, Đảng ta luôn khẳng định: “Văn hóa là một trong ba cuộc cách mạng tiến hành đồng thời trong cách mạng xã hội chủ nghĩa”¹. Song song với đó, Đảng ta còn ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận quan trọng về vấn đề xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, gần đây là Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, t.57, tr.248.

và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI”,... Đó chính là sự cụ thể hóa và nhấn mạnh hơn nữa vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

Tỉnh Quảng Bình triển khai thực hiện và cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực văn hóa trong điều kiện Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách, chủ trương tạo thuận lợi cho phát triển văn hóa, giao lưu, hợp tác văn hóa với các tỉnh, khu vực và các nước; kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được những kết quả tích cực, tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước; công tác an sinh xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa được chú trọng; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường; các thế lực thù địch tăng cường thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” với nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; các sản phẩm độc hại từ bên ngoài tác động xấu đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận nhân dân, nhất là thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên; thiên tai bão lũ, dịch bệnh, sự cố môi trường biến,... khiến cho đời sống người dân gặp không ít khó khăn.

Quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, nhận thức rõ tầm quan trọng của văn hóa trong đời sống xã hội, sau khi Trung ương ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận¹ quan trọng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình đã kịp thời cụ thể hóa, xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện² để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai có hiệu quả, từ

1. Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị về việc “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư khóa X về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”; Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 5/2/2015 của Ban Bí thư khóa XI về việc “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội”

2. Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 30/12/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 29/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kế hoạch số 165-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

đó góp phần làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam nói chung, Quảng Bình nói riêng. Qua thời gian triển khai thực hiện, tỉnh Quảng Bình đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Hệ thống thiết chế văn hóa tăng về số lượng và từng bước cải thiện về chất lượng; sản phẩm văn hóa, văn học và nghệ thuật phong phú, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thụ hưởng văn hóa của nhân dân; nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được bảo tồn và phát huy giá trị, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, yêu quê hương, khơi dậy lòng tự hào dân tộc trong nhân dân. Tính đến tháng 8/2021, trên địa bàn tỉnh có 133 di tích được xếp hạng, trong đó có 79 di tích cấp tỉnh, 54 di tích cấp quốc gia. Vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế được chú trọng, kết hợp khai thác tiềm năng của văn hóa với phát triển kinh tế, du lịch. Đời sống văn hóa ở cơ sở phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Công tác xã hội hóa được đẩy mạnh, thu hút các nguồn lực xã hội để đầu tư, xây dựng và phát triển văn hóa. Lực lượng cán bộ quản lý văn hóa, đội ngũ sáng tác, biểu diễn lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã tác động tốt đến công tác xóa đói, giảm nghèo, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, vươn lên thoát nghèo. Môi trường văn hóa lành mạnh, nhiều giá trị văn hóa, phẩm chất, đạo đức tốt đẹp của người Quảng Bình tiếp tục được duy trì, củng cố và phát huy, các giá trị văn hóa, đạo đức mới được hình thành và phát triển. Ý thức tích cực, tự giác của nhân dân trong các sinh hoạt văn hóa ngày càng tăng, toàn dân chung tay xây dựng, bảo tồn và phát triển văn hóa. Giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa được chú trọng, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, quê hương, con người Quảng Bình ra phạm vi cả nước và thế giới.

Công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương, nhất là đối với thế hệ trẻ được lãnh đạo tỉnh đặc biệt chú trọng. Ngày 18/4/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 24-CT/TU về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương cho thế hệ trẻ trên địa bàn”. Trên cơ sở đó, các cấp ủy, chính quyền, các ngành và các địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; tiến hành biên soạn tài liệu dạy học, tài liệu tham khảo về truyền thống lịch sử, văn hóa, vùng đất, con người Quảng Bình và chỉ đạo cụ thể công tác giáo dục văn hóa, lịch sử địa phương. Tỉnh đã chỉ đạo các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn chỉ đạo Đoàn các cấp thường xuyên phối hợp với ngành giáo dục, ngành Văn hóa, địa phương đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống lịch sử, truyền thống cách mạng thông qua các chương trình, chủ đề, chủ điểm hoạt động Đoàn, Hội, Đội, như: “Hành trình về nguồn”,

“Đến với địa chỉ đỏ”, “Thấp nển tri ân”, “Khi Tổ quốc cần”, “Tôi yêu Tổ quốc tôi”, “Chung sức vì biển đảo”,...

Việc trùng tu, chăm sóc, tôn tạo và phát huy giá trị các khu di tích lịch sử, di tích văn hóa được các cấp ủy, chính quyền quan tâm thực hiện. Các đồn biên phòng tổ chức nói chuyện truyền thống, vệ sinh các nghĩa trang. Huyện Quảng Trạch tổ chức Lễ dâng hương tại nghĩa trang liệt sĩ Thanh niên xung phong Quảng Xuân. Huyện Bố Trạch triển khai hoạt động chăm sóc các khu di tích, nghĩa trang liệt sĩ. Thành phố Đồng Hới tổ chức Lễ dâng hoa và báo công tại Bia di tích “Chi bộ Hội phố”,... Việc giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương cho học sinh không chỉ được dạy lồng ghép trong các môn học mà còn được thực hiện trong các buổi ngoại khóa; tổ chức cho các em đi thăm quan học tập tại các khu di tích lịch sử cách mạng, di tích văn hóa, bảo tàng, danh lam thắng cảnh; tổ chức trồng hoa, cây cảnh, vệ sinh hằng tuần, dâng hương hoa tại các di tích trong các ngày lễ kỷ niệm. Qua đó, giúp thế hệ trẻ hiểu đúng, tự hào và trân trọng truyền thống lịch sử của quê hương, góp phần khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức nỗ lực phấn đấu trong học tập, rèn luyện của thanh thiếu niên. Đến nay, tỉnh đã có gần 274.600 lượt đoàn viên, thanh thiếu nhi tham gia các hành trình về nguồn, đến với các địa chỉ đỏ do Đoàn, Hội, Đội các cấp tổ chức.

Những thành tựu trong xây dựng và phát triển văn hóa đã góp phần vào việc xây dựng, hoàn thiện con người Quảng Bình với những đức tính tốt đẹp như yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào với truyền thống quê hương, ham học hỏi, có ý chí tự lực tự cường, lối sống lành mạnh, trọng tình, trọng nghĩa, cần cù, trung thực, đoàn kết, sáng tạo, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như: Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa nên trong lãnh đạo, chỉ đạo chưa thật sâu sát, thiếu kiểm tra, giám sát. Sự phối hợp giữa các địa phương, ban, ngành, đoàn thể trong tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, các chương trình hành động, kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có lúc còn chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Một số tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn và đẩy lùi. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt chất lượng chưa đều, có mặt chưa đi vào chiều sâu. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao. Các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật chưa nhiều. Cơ sở hạ tầng về văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu. Đội ngũ nhân lực cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển vẫn còn thiếu. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Môi trường văn hóa có những biểu hiện thiếu lành mạnh, vẫn còn không ít hành vi “lệch chuẩn”, phản văn hóa, phi văn hóa. Việc xây dựng

và phát triển con người Quảng Bình toàn diện có mặt còn hạn chế. Tác động của mặt trái kinh tế thị trường, quá trình hội nhập quốc tế và âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đã tác động tiêu cực đến tinh thần, đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là thế hệ trẻ,...

Từ những kết quả đạt được trong việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng, đồng thuận của nhân dân, tỉnh Quảng Bình rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của các nghị quyết và các chương trình, kế hoạch đã đề ra. Phải nhận thức đầy đủ, thấu suốt quan điểm của Đảng: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”¹ để vận dụng, cụ thể hóa sát với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Hai là, phát huy yếu tố nội lực, kết hợp với tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, huy động sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch về lĩnh vực văn hóa.

Ba là, gắn việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về lĩnh vực văn hóa với Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Bốn là, coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cả về phẩm chất chính trị, đạo đức và chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa.

Trong giai đoạn tới, xây dựng và phát triển văn hóa, con người vì sự phát triển bền vững, tỉnh Quảng Bình xác định tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

(1) Xây dựng, phát triển toàn diện con người Quảng Bình về đức, trí, thể, mỹ, hướng tới giá trị “chân - thiện - mỹ”, đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Chăm lo xây dựng, phát triển toàn diện con người, xác định xây dựng con người là nhiệm vụ hàng đầu; đặt con người vào trung tâm của quá trình phát triển kinh tế - xã hội; hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, văn học, nghệ thuật, khoa học vào việc xây dựng con người Quảng Bình trên cơ sở phát huy các giá trị truyền thống yêu nước, nghĩa tình, đoàn kết, tự tin, năng động, sáng tạo, kỷ luật..., phù hợp với yêu cầu của thời kỳ hội nhập, phát triển.

(2) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh hướng tới sự phát triển hài hòa trong toàn bộ hệ thống chính trị, từng khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.57, tr.303.

tại mỗi gia đình phù hợp với từng địa bàn, hoàn cảnh, điều kiện sống. Xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng tâm hồn, nhân cách văn hóa, giáo dục nếp sống văn minh.

(3) Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế, trước hết phải chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu có phẩm chất đạo đức, tận tụy, có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; phát triển kinh tế gắn với giữ gìn, bảo vệ môi trường, bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương.

(4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Chú trọng bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ thuật, lễ hội, nghi lễ truyền thống, các di sản văn hóa đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia (như: Hò khoan Lệ Thủy, Lễ hội Cầu Ngư, Lễ hội Đập trống, Lễ hội Đua thuyền trên sông Kiến Giang,...); tạo điều kiện thuận lợi cho văn nghệ sĩ, phóng viên, báo chí chủ động, tích cực tìm tòi, sáng tạo để có nhiều tác phẩm có giá trị về tư tưởng, nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần dân chủ, tiến bộ, nhân văn, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống và thành quả công cuộc đổi mới của cả nước và của địa phương.

(5) Thông qua giao lưu thương mại, hoạt động văn hóa - du lịch với các vùng, miền trong nước, với nước ngoài để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa truyền thống địa phương. Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa đối ngoại để giới thiệu văn hóa, con người Quảng Bình tới bạn bè quốc tế.

*

* *

Văn hóa chính là hồn cốt của một dân tộc, là nguồn lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, phát huy truyền thống vẻ vang của quê hương “Hai giới”, Đảng bộ tỉnh Quảng Bình quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, phấn đấu đưa Quảng Bình trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực Bắc Trung Bộ, cùng cả nước hoàn thành mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần XIII của Đảng, Tỉnh ủy Quảng Bình xin kiến nghị, đề xuất với Đảng, Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch một số nội dung sau:

(1) Tăng nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa đối với khu vực nông thôn, miền núi, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

(2) Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số và khuyến khích thành lập thiết chế văn hóa tư nhân.

(3) Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực truyền thông, hoạt động sáng tác, in ấn, xuất bản, các trang thông tin điện tử, mạng xã hội. Xây dựng hành lang pháp lý, “rào cản vững chắc” để ngăn chặn các nội dung không lành mạnh trong đời sống văn hóa - xã hội.

(4) Tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí, chuyên gia nghiệp vụ để giúp Quảng Bình làm tốt hơn công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn vốn văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, t.57.
- [2] Báo cáo số 319-BC/TU ngày 6/6/2019 của Tỉnh ủy Quảng Bình về “Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước””.
- [3] Báo cáo số 416-BC/TU ngày 2/6/2020 của Tỉnh ủy Quảng Bình về “Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư khóa X về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”.
- [4] Báo *Cứu quốc*, ngày 8/10/1945.
- [5] Kế hoạch số 165-KH/TU ngày 6/10/2020 của Tỉnh ủy Quảng Bình về việc “Thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [6] Luận điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tổ chức tháng 11/1946.

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG CON NGƯỜI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG TRỊ

TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và trở thành lực lượng lãnh đạo đất nước, trong các Nghị quyết và Cương lĩnh của Đảng đều nhất quán chủ trương bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL ngày 3/11/1945 về bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt Nam. Đến thời kỳ đổi mới, ngày 14/1/1993, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII họp đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HNTW về “Một số nhiệm vụ văn hóa văn nghệ trong những năm trước mắt”. Trong sáu định hướng lớn về công tác tư tưởng, có định hướng phát triển văn hóa với hai nội dung cơ bản là: Phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” - nghị quyết có ý nghĩa chiến lược về phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã nhấn mạnh: “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”. Sau hơn 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” với mục tiêu xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân dân, dân chủ và khoa học. Nghị quyết cũng nhấn mạnh việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử

dân tộc; ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên... Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam... Có kế hoạch, cơ chế và giải pháp xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội...

Xác định được tầm quan trọng của văn hóa trong quá trình hội nhập và phát triển, là một tỉnh có bề dày lịch sử văn hóa, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị luôn chú trọng đến công tác xây dựng và phát triển văn hóa, đặc biệt là việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị to lớn của hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 17/2013/HĐND ngày 31/7/2013 về việc đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2013-2020.

Nằm giữa dải đất miền Trung với vị trí chiến lược trọng yếu, nơi diễn ra nhiều cuộc đối đầu lịch sử, nơi hội tụ, giao thoa nhiều dấu ấn của các nền văn hóa, trải qua quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước với bao kỳ tích hào hùng của lớp người đi trước đã để lại cho Quảng Trị nhiều di sản văn hóa truyền thống vô cùng quý báu, với gần 500 di tích danh thắng đã được xếp hạng các cấp, bao gồm 4 di tích quốc gia đặc biệt (với 30 điểm di tích thành phần), 21 di tích quốc gia (với 30 điểm di tích thành phần) và 476 di tích cấp tỉnh. Hệ thống di tích đồ sộ đó có giá trị to lớn trong công tác giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là các thế hệ trẻ, nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử cũng như góp phần phát triển hoạt động du lịch hồi tưởng, du lịch hoài niệm, thu hút, hấp dẫn các du khách, nhà nghiên cứu lịch sử trong và ngoài nước.

Trên cơ sở kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của quê hương, tỉnh đã từng bước xây dựng, hình thành các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Quảng Trị có ý thức tự trọng, tự chủ; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; nêu cao tinh thần trách nhiệm của cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội, với mục tiêu xây dựng con người ngày càng phát triển toàn diện, hướng tới giá trị chân - thiện - mỹ.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng triển khai Đề tài khoa học cấp tỉnh về "Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển". Đề tài đã phân tích, làm rõ các phẩm chất đặc trưng của con người Quảng Trị như: có tình yêu quê hương, đất nước, có tinh thần hiếu học, lạc quan, tính cần cù, hòa đồng, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế của con người Quảng Trị do ảnh hưởng của các biến cố lịch sử và văn hóa vùng, miền. Trên cơ sở dự báo các xu thế phát triển tác động đến văn hóa và tính cách con người Việt Nam,

con người Quảng Trị, đề tài cũng đã đề xuất các giải pháp phát huy phẩm chất tốt đẹp của người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử dân tộc được tỉnh Quảng Trị chú trọng. Việc triển khai công tác bảo tồn di tích được thực hiện theo hình thức ủy ban nhân dân, các huyện, thị, thành phố chịu trách nhiệm lập hồ sơ pháp lý (bản đồ, biên bản khoanh vùng bảo vệ đất đai,...); Trung tâm Quản lý di tích và bảo tàng tỉnh lập hồ sơ khoa học (lý lịch khoa học, bản ảnh, bản vẽ kỹ thuật,...). Đến nay, số di tích xếp hạng cấp tỉnh được bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ khoa học và hồ sơ pháp lý là 135/476 di tích. Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 75/476 di tích cấp tỉnh được đặt bia, biển, xây dựng đài tưởng niệm, lưu niệm.

Công tác đầu tư, quy hoạch, tôn tạo các hạng mục còn lại của các di tích quan trọng như: Thành cổ Quảng Trị, Nhà đày Lao Bảo, Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, Địa đạo Vịnh Mốc, Đồi bò Hiên Lương - Bến Hải, căn cứ Dốc miếu và Hàng rào điện tử Mc.Namara,... đạt kết quả tốt. Trong giai đoạn 2013-2020, các hạng mục di tích trên được đầu tư, tôn tạo từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa.

Cùng với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, hoạt động sưu tầm các hiện vật, hình ảnh, tư liệu lịch sử và công tác trưng bày được Bảo tàng tỉnh thực hiện thường xuyên. Đến nay, Bảo tàng tỉnh Quảng Trị đang lưu giữ hơn 32.000 tài liệu hiện vật gốc, phục vụ cho công tác nghiên cứu, tham quan, học tập của người dân trong tỉnh cũng như du khách gần xa, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử cho nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể được quan tâm, chú trọng. Nhiều di sản văn hóa phi vật thể được bảo tồn, phát huy giá trị, như: Hội cù (lễ hội cướp cù ở xã Gio Mỹ); chuyện trạng Vĩnh Hoàng (một loại hình diễn xướng văn nghệ dân gian), Hò Như Lệ, Hội Bài Chòi,... Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2023, đồng thời, chuẩn bị các bước xây dựng đề án sưu tầm, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể về các điệu hò Quảng Trị.

Quảng Trị có 27 lễ hội với ba loại hình chính (Lễ hội dân gian truyền thống, Lễ hội cách mạng và Lễ hội tôn giáo), là một trong các địa phương được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá cao về công tác quản lý và tổ chức thành công các hoạt động lễ hội. Đặc biệt, Lễ hội cách mạng được tỉnh đầu tư tổ chức với quy mô ngày càng lớn, tạo được sức lan tỏa mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân và bạn bè quốc tế (điển hình là Lễ hội Thống nhất non sông, Lễ hội hoa đăng trên sông Thạch Hãn, Lễ Tri ân tháng 7, Lễ hội nhịp cầu xuyên Á),... Năm 2010, Lễ hội Thống nhất non sông được tổ chức với quy mô lễ hội cấp quốc gia, là một trong những hoạt động trong chuỗi hoạt động hưởng ứng Kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Những lễ hội dân gian cổ truyền, như: Lễ tế đầu năm, Lễ hội Chợ Đình Bích La, Lễ hội cầu ngư,

Lễ hội đâm trâu, Lễ hội mừng lúa mới,... đã diễn ra với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phản ánh một phần ý nghĩa về cuộc sống tinh thần của người dân Quảng Trị, đã giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa địa phương góp chung vào bản sắc văn hóa dân tộc. Thông qua các lễ hội, tỉnh đã thực hiện công tác xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Quảng Trị đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

Xác định văn hóa các dân tộc thiểu số là tài sản quý giá góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng mà thống nhất của văn hóa Việt Nam, trong những năm qua, công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số tại Quảng Trị luôn được quan tâm, đạt được kết quả khả quan.

Đối với văn hóa vật thể, tỉnh đã tiến hành cải tạo, nâng cấp và phục dựng hàng chục ngôi nhà theo lối kiến trúc truyền thống. Năm 2013, dự án bảo tồn bản cổ truyền thống thôn Kalu, xã Đakrông, huyện Đakrông đã được triển khai. Với tổng kinh phí hàng chục tỷ đồng, dự án tập trung đầu tư, quy hoạch 31 hộ trong thôn, trong đó có 21 hộ được bảo tồn kiến trúc nhà cổ với 11 ngôi nhà được phục dựng nguyên trạng, số còn lại được xây mới theo mô hình nhà sàn của đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều. Đây là một trong những bản cổ truyền thống tiêu biểu của dân tộc thiểu số thuộc dân tộc Bru - Vân Kiều. Trên cơ sở đó, thực hiện phát triển du lịch cộng đồng bền vững, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị cũng như đóng góp vào tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với văn hóa phi vật thể, Quảng Trị đã tiến hành điều tra, kiểm kê các di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc Pa Kô và Bru - Vân Kiều trên địa bàn toàn tỉnh. Xác định bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể theo ba loại hình, gồm: Lễ và lễ hội (Lễ mừng lúa mới, Lễ cúng thần làng, Lễ đâm trâu); Nghệ thuật truyền thống (Dân ca, dân vũ, dân nhạc); Các ngành nghề truyền thống (dệt, đan lát, bài thuốc dân gian truyền thống).

Bảo tàng tỉnh đã tiến hành nhận diện, điều tra thống kê các di sản văn hóa phi vật thể của hai tộc người Pa Kô, Vân Kiều; sưu tầm hàng ngàn hiện vật là đồ dùng thủ công truyền thống, đồ gia dụng, công cụ sản xuất, nhạc cụ (bộ gõ, bộ hơi, bộ dây), trang phục, trang sức và các loại hình hiện vật sẵn bán, hái lượm phục vụ công tác trưng bày nhằm phát huy giá trị di sản văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Một số ngành nghề truyền thống tiêu biểu: nghề dệt thổ cẩm ở làng Klu, làng A Ròng Dưới, làng Cu Tài (huyện Đakrông); nghề làm chổi đót ở làng Linh Thượng, làng Vĩnh Trường (huyện Gio Linh); nghề đan lát đồ gia dụng và đồ dùng bằng các nguyên liệu bản địa thuộc các huyện Hướng Hóa và Đakrông.

Nghệ thuật truyền thống: bên cạnh chỉ đạo tổ chức và phục dựng các lễ hội truyền thống tiêu biểu, chế tác nhạc cụ dân tộc, phục dựng không gian diễn xướng,... Quảng Trị đã tiến hành truyền dạy việc chế tác và sử dụng nhạc cụ, các

làn điệu dân ca, dân vũ, dân nhạc như: Cà loi, Cha chấp, Oát, Xà Nót...; tổ chức nghiên cứu, sưu tầm “Trường ca dân tộc Pa Cô”. Trong đó, nổi bật là đã xây dựng các đội văn nghệ và các câu lạc bộ văn hóa văn nghệ dân gian (ở mỗi xã xây dựng một đội văn nghệ truyền thống, từ 2-3 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa như Câu lạc bộ cồng chiêng, Câu lạc bộ diễn xướng dân gian, Câu lạc bộ nhạc cụ truyền thống). Đội văn nghệ truyền thống và các câu lạc bộ tham gia biểu diễn trong các hội diễn do huyện, tỉnh tổ chức và các dịp có lễ hội, ngày hội văn hóa các dân tộc của tỉnh, khu vực và quốc gia. Tỉnh cũng đã tích cực thống kê, rà soát, xét chọn tại các Hội đồng cấp cơ sở đề nghị nhà nước công nhận nghệ nhân ưu tú cho những nghệ nhân tiêu biểu của hai dân tộc Pa Kô và Vân Kiều; thực hiện một số chính sách đãi ngộ đối với họ, tạo điều kiện cho họ truyền dạy và thực hành di sản văn hóa thông qua các đợt tập huấn tại địa phương, tham gia giao lưu ở khu vực và tầm quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

Việc giữ gìn tiếng nói và chữ viết của đồng bào dân tộc Vân Kiều và Pa Kô trên địa bàn tỉnh được coi trọng. Quảng Trị đã có chủ trương phối hợp với các tổ chức, nhà khoa học trong và ngoài nước để biên soạn giáo trình chữ viết và phát âm đơn giản tiếng Vân Kiều, Pa Kô; xuất bản sách, tài liệu song ngữ Vân Kiều - Việt về các luật tục, truyện cổ, văn hóa, văn nghệ dân gian của đồng bào Vân Kiều; mở các lớp dạy chữ Bru - Vân Kiều cho hàng trăm học viên có liên quan đến công tác miền núi...

Việc gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch được triển khai thực hiện, bước đầu đạt kết quả khả quan. Ngay từ năm 2007, ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Quảng Trị đến năm 2010, có tính đến năm 2015, trong đó có nội dung: đẩy mạnh các hoạt động phát triển du lịch, khai thác thế mạnh của khu kinh tế cửa khẩu quốc tế; du lịch sinh thái; du lịch văn hóa, lịch sử..., gắn với tổng thể du lịch của Quảng Trị, miền Trung, phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế - văn hóa trong nước và quốc tế trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Thực hiện phát triển du lịch chung của tỉnh, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch gắn với việc tôn tạo, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử và các giá trị văn hóa phi vật thể, hình thành các làng du lịch sinh thái.

Những năm gần đây, tỉnh đã chỉ đạo xây dựng quy hoạch phát triển các khu du lịch và lập các dự án đầu tư vào Khu dịch vụ làng Vân, Khu dịch vụ - du lịch Klu (Đákrông), Khu dịch vụ, du lịch nghỉ trang quốc gia Trường Sơn...; đẩy mạnh khai thác phát triển du lịch chuyên đề Du lịch Hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội, đường Hồ Chí Minh huyền thoại... Cùng với đó, đã tổ chức nhiều diễn đàn, hội nghị công bố, giới thiệu quảng bá các chương trình, các tuyến, điểm du lịch có thế mạnh trên địa bàn miền Tây của tỉnh ở Lào, Thái Lan, Hà Nội và một số tỉnh, thành phố lớn khác. Mở rộng quan hệ liên kết, hợp tác phát triển du lịch trên địa bàn với các nước trên hành lang kinh tế Đông - Tây, các tỉnh khu vực miền Trung Việt Nam.

Việc phát triển du lịch di sản trong tỉnh nói chung và ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số Vân Kiều, Pa Kô nói riêng đã tác động tích cực đến đời sống kinh tế - xã hội của người dân, góp phần chuyển đổi sinh kế, nâng cao thu nhập cho cộng đồng khi tham gia vào các chuỗi du lịch. Trong đó, cơ sở hạ tầng du lịch thôn Klu được đầu tư xây dựng là một điểm sáng nhằm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, khai thác tiềm năng du lịch, hướng đến giảm nghèo bền vững thông qua tạo việc làm tại chỗ cho người dân trong vùng dự án và các khu vực liền kề, đồng thời góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, bảo vệ di sản văn hóa, tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, việc khai thác vốn văn hóa dân gian nói chung, văn hóa các dân tộc thiểu số nói riêng được cụ thể hóa thông qua việc tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật, các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật quần chúng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân trong tỉnh, nhằm quảng bá, giới thiệu nét đặc sắc của văn hóa Quảng Trị đến với cả nước và bạn bè quốc tế.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội ở Quảng Trị vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhất là nguồn kinh phí còn khó khăn nên việc đầu tư bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích lịch sử và văn hóa trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; chưa tương xứng với vị thế của di tích; nhiều di tích được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh chưa được tu bổ kịp thời, dẫn đến tình trạng ngày càng xuống cấp nghiêm trọng; phần lớn di tích cấp tỉnh được xếp hạng đặc cách nên chưa hoàn thiện hồ sơ khoa học và pháp lý. Công tác trùng tu, bảo tồn, tôn tạo di tích chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; chưa bảo đảm lộ trình thực hiện Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Kế hoạch số 4525/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội nói chung đã được triển khai nhưng quy mô còn nhỏ, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Để xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội, trong thời gian tới, tỉnh Quảng Trị sẽ tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 6/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Chương trình hành động số 100-CTHĐ/TU ngày 16/10/2014 của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc, vừa phát huy tính đa dạng, bản sắc độc đáo của địa phương, vừa tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa

văn hóa các vùng, miền. Coi trọng công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa, quan tâm công tác đầu tư của Nhà nước gắn liền với đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển.

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Quảng Trị; nhất là tuyên truyền Luật di sản văn hóa và các văn bản pháp luật liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích đến các tầng lớp nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa của tỉnh Quảng Trị.

Tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong việc triển khai bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội; sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý với các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc đầu tư bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp di tích.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Quảng Trị. Xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích. Đẩy nhanh việc lập quy hoạch, triển khai các dự án trùng tu, tôn tạo các di tích, bảo đảm tiến độ và chất lượng, đồng thời tiến hành khảo sát, xây dựng các dự án mới. Tập trung hoàn thiện công tác lập hồ sơ khoa học và pháp lý cho hệ thống di tích đã được xếp hạng đặc cách.

Kiện toàn bộ máy làm công tác quản lý di tích từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh. Chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn làm công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa. Tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa cơ sở về lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh, thu hút cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, nhất là đối với nghệ sĩ tài năng, nghệ nhân dân gian và cán bộ làm việc trong lĩnh vực văn hóa có nhiều cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Trị.

Tiếp tục phát huy hơn nữa sức mạnh của toàn dân trong công tác tôn tạo di tích, theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, vận động sức dân là chính". Huy động các nguồn lực để đầu tư bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh (bao gồm ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và xã hội hóa). Xây dựng các đề án xã hội hóa trong công tác bảo tồn, tôn tạo di tích gắn với khai thác phát triển du lịch - nhất là các di tích quốc gia đặc biệt có lợi thế; mời gọi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng liên kết hợp tác, hình thành các địa chỉ du lịch

hấp dẫn gắn với di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh. Tạo lập sự hài hòa giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới với bảo vệ di sản văn hóa và phong trào xây dựng di sản văn hóa cơ sở. Hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch các di tích quốc gia đặc biệt, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đầu tư, xã hội hóa trong công tác khai thác và phát huy giá trị di tích. Bảo tồn, phát huy giá trị di sản di tích phải bảo đảm tính trung thực, tính đặc trưng là giá trị gốc của di tích. Thực hiện tu bổ, tôn tạo các di tích trên cơ sở bảo đảm tính nguyên vẹn, tôn trọng yếu tố gốc, sự bền vững, sự hài hòa của di tích với cảnh quan lịch sử - văn hóa của khu vực.

Tiếp tục thực hiện các chủ trương, giải pháp nhằm khuyến khích bảo tồn các giá trị văn hóa đặc thù của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chiến lược văn hóa đối ngoại và Chiến lược ngoại giao văn hóa của tỉnh trong giai đoạn mới theo hướng bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa đặc thù, góp phần giới thiệu, quảng bá hình ảnh, giá trị văn hóa của địa phương. Trong đó, chú trọng việc tăng cường củng cố, xây dựng và phát triển các đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng chương trình nghệ thuật đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số như: Oát, Xà Nốt của dân tộc Bru - Vân Kiều; Cà loi, Cha Chắp của dân tộc Pa Kô; Hò Như Lệ, Bài Chòi... của dân tộc Kinh để quảng bá với các địa phương trong cả nước và các nước trong khu vực ASEAN. Đẩy mạnh công tác giới thiệu, xúc tiến, quảng bá văn hóa và điểm đến du lịch Quảng Trị. Tăng cường hợp tác và tổ chức các hoạt động giao lưu về văn hóa, văn nghệ, du lịch với các tỉnh, vùng, miền, các nước trong khu vực, đặc biệt là các nước trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây và các tỉnh trong tuyến du lịch "Con đường di sản miền Trung" (các hoạt động như Liên hoan nghệ thuật quốc tế, Nhịp cầu xuyên Á, Lễ hội vì hòa bình)...

Có chương trình, kế hoạch xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học về kho tàng văn hóa dân gian các dân tộc Quảng Trị. Phổ biến kết quả nghiên cứu Đề tài khoa học "Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập, phát triển" đến các cấp ủy đảng, cơ quan, trường học,... Từng bước đưa đề tài vào thực tiễn cuộc sống để xây dựng và phát huy nhân tố con người Quảng Trị trong thời kỳ mới. Phấn đấu xây dựng con người Quảng Trị phát triển về thể chất, trí tuệ, có phẩm chất đạo đức, lối sống tốt đẹp phù hợp với các đức tính của con người Việt Nam: yêu quê hương đất nước, tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc, có sức khỏe và tri thức, có ý chí, nghị lực và niềm tin, cần cù sáng tạo trong lao động, sản xuất, sống biết chia sẻ, trọng nghĩa tình, tôn trọng pháp luật và quy ước cộng đồng. Cùng với đó, thường xuyên, kiên trì đấu tranh phê phán, đẩy lùi các hành vi sai trái, tiêu cực làm tha hóa con người, xuống cấp về đạo đức, lối sống. Biểu dương, khen thưởng các nhân tố tích cực, gương điển hình tiên tiến.

Đề xuất, kiến nghị:

- Đề nghị Trung ương tiếp tục nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống nói chung, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở địa phương.

- Cần quan tâm tăng mức đầu tư cho văn hóa, bảo đảm kinh phí cho các chương trình mục tiêu phát triển văn hóa. Đẩy mạnh công tác sưu tầm, tiếp tục tiến hành phục hồi và gìn giữ các không gian sinh hoạt văn hóa, các lễ hội và ngành nghề truyền thống song song với việc xây dựng chiến lược dài hạn cho việc bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc.

- Ưu tiên đầu tư thiết chế văn hóa cho những làng, bản còn gìn giữ và bảo lưu tốt các giá trị di sản văn hóa. Cần quan tâm đặc biệt hơn nữa trong việc phân bổ nguồn kinh phí bảo đảm cho việc phục dựng, bảo tồn các làng, bản truyền thống. Tiếp tục xây dựng các đề án nhằm phục dựng các làng, bản, buôn truyền thống của đồng bào đang có nguy cơ dần bị mai một.

- Trên cơ sở những giá trị văn hóa hiện có trên địa bàn, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cử chuyên gia có kinh nghiệm trên các lĩnh vực như dân tộc học, ngôn ngữ học, văn hóa học tham gia khảo sát tình hình thực tế tại các địa phương giúp xây dựng các kế hoạch, giải pháp phù hợp trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Có chế độ chính sách nhằm động viên khuyến khích các nghệ nhân, các làng, bản trong việc duy trì, phục dựng bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.

GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP

TỈNH ỦY THỪA THIÊN HUẾ

Thừa Thiên Huế là vùng đất đang lưu giữ những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần phong phú, đa dạng, đặc sắc, nơi có hệ thống di sản vật thể với gần 1.000 di tích lịch sử, văn hóa, di tích cách mạng, di tích lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh, di tích kiến trúc tôn giáo...; cùng những giá trị di sản văn hóa phi vật thể phong phú, bao gồm các loại hình: âm nhạc dân gian, cung đình; trang phục, nếp sống, ẩm thực...; các lễ hội cung đình, lễ hội dân gian, lễ hội tôn giáo đặc sắc và làng nghề truyền thống hình thành từ lâu đời. Đặc biệt, Quần thể di tích Cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới, Nhã nhạc Cung đình Việt Nam - Âm nhạc triều Nguyễn được công nhận là Kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu đại diện của nhân loại. Thừa Thiên Huế còn là nơi có cảnh quan thiên nhiên độc đáo, hệ sinh thái, tài nguyên biển, đầm phá đa dạng. Trong đó, Vịnh Lăng Cô được công nhận là một trong những vịnh biển đẹp nhất thế giới; hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai lớn nhất Đông Nam Á. Theo Quy hoạch phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 được Chính phủ phê duyệt, Vườn Quốc gia Bạch Mã là điểm du lịch quốc gia, Khu Cảnh Dương - Chân Mây - Lăng Cô là Khu du lịch trọng điểm quốc gia, Đô thị Huế là đô thị du lịch quốc gia.

Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” xác định xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định: “*Xây dựng môi trường đầm đả bản sắc văn hóa Huế gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, xem đây là lợi thế thúc đẩy ngành du lịch, dịch vụ phát triển. Gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển du lịch với văn hóa; bảo vệ môi trường sinh thái, tôn tạo các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn*”. Trong những năm qua, Thừa Thiên Huế luôn ý thức sâu sắc di sản văn hóa là tài sản vô giá, có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống lịch sử - văn hóa, là phương tiện để quảng bá về hình ảnh địa phương cho du khách, tạo nền tảng cho việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch, dịch vụ gắn với

bảo vệ cảnh quan, môi trường, góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội và phát triển bền vững.

Hiện nay, Thừa Thiên Huế tiếp tục hướng đến hình ảnh một đô thị “di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường” và đô thị thông minh với hạt nhân là Thành phố Huế - đô thị loại I, nơi đã từng là một trong ba thành phố lớn của Việt Nam, là thành phố di sản văn hóa thế giới, thành phố Festival, thành phố Văn hóa ASEAN, thành phố xanh - sạch - sáng... đã, đang được hình thành và phát triển. Bên cạnh việc khẳng định vị thế của bốn trung tâm văn hóa - du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, Thừa Thiên Huế đang phấn đấu để trở thành một trung tâm kinh tế của vùng trọng điểm miền Trung, trong đó nền kinh tế được phát triển theo hướng xanh và bền vững; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp với dịch vụ là yếu tố chủ đạo trong cơ cấu kinh tế (chiếm gần 50%) và du lịch đóng vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn. Điểm đáng lưu ý là 85% du lịch Huế là du lịch di sản. Điều đó cho thấy, di sản văn hóa Cố đô Huế có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đối với lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

Nhằm phát huy các giá trị văn hóa, tỉnh đã có nhiều đề án, chương trình, nghị quyết cụ thể trong từng giai đoạn theo hướng phát triển bền vững, coi du lịch văn hóa - di sản là nòng cốt để xây dựng, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ du lịch mang tính đặc trưng, khác biệt, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao; chú trọng khai thác văn hóa di sản, văn hóa truyền thống thông qua các hoạt động tái hiện không gian văn hóa Cung đình, Thái Y viện; tập trung xây dựng Huế thành kinh đô ẩm thực, kinh đô áo dài Việt Nam; nâng cao chất lượng dịch vụ Ca Huế; khai thác có hiệu quả phố cổ, đô thị cổ, nhà rường, nhà vườn, làng cổ gắn với giá trị cảnh quan thiên nhiên, các danh lam thắng cảnh; tiếp tục chỉnh trang không gian văn hóa nghệ thuật trực đường Lê Lợi với hệ thống bảo tàng, nhà trưng bày tác phẩm mỹ thuật, văn học nghệ thuật... Các kỳ Festival Huế được tổ chức thành công góp phần khẳng định vị trí về chính trị, văn hóa và du lịch, mở rộng quan hệ ngoại giao và hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế văn hóa Việt Nam, văn hóa Huế. Thừa Thiên Huế được đánh giá là địa phương bảo tồn tốt nhất các giá trị di sản truyền thống của Việt Nam, cả về di sản vật thể, phi vật thể, cảnh quan môi trường, lối sống, phong tục tập quán...

Bên cạnh đó, tỉnh luôn quan tâm đến bảo tồn và phát triển các sản phẩm du lịch làng nghề truyền thống như: đan lát Bao La, hoa giấy Thanh Tiên, đúc đồng Phường Đúc, gốm Phước Tích, mộc Mỹ Xuyên, nhà vườn Kim Long - Phú Mộng... nhất là trong các kỳ Festival Nghề truyền thống Huế.

Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Thừa Thiên Huế đã đạt được những kết quả tích cực, tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Những đức tính tốt đẹp của con người Thừa Thiên Huế, như: cần cù,

lao động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, yêu nước, sống có nghĩa tình, luôn vượt qua khó khăn... được phát huy trong thực tiễn, trong cuộc sống hằng ngày. Vì vậy, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt, dân trí từng bước được nâng cao, tinh thần yêu nước, tính năng động, sở trường và năng lực cá nhân được khuyến khích và tạo điều kiện phát triển. Các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống được tiếp tục bảo tồn và phát huy.

Để xứng đáng với hình ảnh là thành phố di sản, thành phố bền vững về môi trường của ASEAN, trong đó thiên nhiên cũng là di sản quý, thể hiện bản sắc riêng của Thừa Thiên Huế, đồng thời, hướng đến phát triển bền vững theo hướng tăng trưởng xanh, tinh thần xuyên quan tâm bảo tồn tối đa các giá trị vốn có của môi trường, cảnh quan thiên nhiên theo định hướng “đô thị sinh thái, văn hóa, cảnh quan, thân thiện với môi trường”. Phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” nhằm đảm bảo môi trường, cảnh quan đô thị và khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ngày càng xanh, sạch, sáng, không rác thải đang được lan tỏa rộng rãi và được sự hưởng ứng, đồng tình của người dân.

Các hoạt động giao lưu, giới thiệu văn hóa vật thể, phi vật thể Huế tiếp tục được triển khai hiệu quả. Nhiều hoạt động giới thiệu văn hóa Huế đã được xúc tiến; các cuộc triển lãm, hội chợ thương mại... tạo điều kiện cho các đoàn nghệ thuật của tỉnh tham gia biểu diễn ở nước ngoài nhằm quảng bá văn hóa Việt Nam, văn hóa Huế, nhất là trong các Tuần lễ văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và ngược lại.

Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh mục tiêu: “*Xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh*”. Nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, di sản gắn với bảo vệ cảnh quan, môi trường, trong thời gian tới tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tuyên truyền, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 24/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước, khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030*”; tập trung triển khai thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu mà Nghị quyết đã đề ra cho từng giai đoạn cụ thể. Cần phải luôn xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế luôn gắn với phát triển văn hóa, đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho chiến lược phát triển bền vững, lâu dài. Gìn giữ và phát huy văn hóa vừa là gìn giữ bản sắc văn hóa của vùng đất, vừa là sự đóng góp quan trọng cho gìn giữ bản sắc văn hóa Việt Nam.

Thứ hai, tập trung huy động nhiều nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích cố đô Huế, hệ thống di tích lịch sử và cách mạng, di tích lưu niệm

Chủ tịch Hồ Chí Minh; các di tích khảo cổ, di tích kiến trúc, tôn giáo. Các ngành, địa phương cần liên kết chặt chẽ nhằm thực hiện tốt chủ trương đã đề ra về bảo tồn phố cổ, đô thị cổ, nhà rường, nhà vườn, làng cổ Phước Tích; bảo vệ và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, vịnh biển Lăng Cô, hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, Vườn quốc gia Bạch Mã...

Giữ gìn và phát huy, phát triển tốt các giá trị văn hóa phi vật thể, đặc biệt là Nhã nhạc cung đình Huế và các loại hình tuồng Huế, múa hát cung đình, Ca Huế, ca kịch Huế; khai thác phát huy các loại hình văn hóa, văn nghệ dân gian, đồng thời nghiên cứu phát triển các loại hình nghệ thuật hiện đại. Chú trọng nghiên cứu công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, phục dựng và phát triển các lễ hội truyền thống, dân ca, dân nhạc, dân vũ có giá trị văn hóa.

Thứ ba, xây dựng, phát triển thương hiệu, tăng cường liên kết với các địa phương, liên kết vùng, liên kết khu vực, tạo sức mạnh của vùng trọng điểm du lịch miền Trung. Mở rộng mối quan hệ với các tổ chức quốc tế để tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ về kỹ thuật, khoa học công nghệ trong việc triển khai các dự án gìn giữ, tu bổ, tôn tạo di tích và phát huy giá trị di sản văn hóa; tranh thủ sự hỗ trợ về nguồn lực, kinh nghiệm và quảng bá văn hóa Huế ra nước ngoài.

Thứ tư, giữ gìn cảnh quan, môi trường là yếu tố để tăng trưởng xanh và bền vững, phát huy những lợi thế của vùng đất văn hóa, khai thác các giá trị của lễ hội để xây dựng thành sản phẩm du lịch có tính cạnh tranh cao. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động văn hóa, huy động nguồn lực xã hội đóng góp, hỗ trợ xây dựng các thiết chế văn hóa. Tiếp tục xây dựng cơ chế, chính sách, điều kiện thuận lợi nhằm liên kết và thu hút các nhà đầu tư mang thương hiệu lớn để hình thành những loại hình văn hóa giải trí hiện đại; phát huy lợi thế cạnh tranh, xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch chủ lực thương hiệu Huế.

Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, con người tử tế, khoan dung, chân thành, trọng đạo lý.

Thứ năm, tăng cường các giải pháp quản lý nhà nước về hoạt động văn hóa; hoàn thiện các cơ chế, thể chế chính sách trong phát triển văn hóa, du lịch. Quan tâm đào tạo đội ngũ chuyên gia giỏi về văn hóa, nghệ thuật, du lịch; chú trọng đào tạo kiến thức về quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa cho cán bộ cơ sở; ưu tiên việc đào tạo đội ngũ trí thức văn hóa cho vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Xây dựng cơ chế khuyến khích thu hút nhân tài, có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nguồn nhân lực cao trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, du lịch.

Thứ sáu, triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động, tăng cường quảng bá hình ảnh Việt Nam, hình ảnh Thừa Thiên Huế đến với bạn bè quốc tế thông qua việc tổ chức các sự kiện văn hóa ở trong và ngoài nước, góp phần quan trọng vào việc giao lưu, hợp

tác về văn hóa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và phát triển. Các hoạt động trên nhằm gắn kết các hoạt động văn hóa, nghệ thuật để quảng bá du lịch tỉnh nhà và xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư, đẩy mạnh việc vận động viện trợ của các tổ chức nước ngoài tài trợ cho các dự án bảo tồn, trùng tu các di sản văn hóa...

Thừa Thiên Huế hướng đến xây dựng nền văn hóa và con người phát triển toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người, phù hợp với chính trị, văn hóa, môi trường của tỉnh trong tình hình mới. Để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, tạo nền tảng vững chắc xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành tỉnh vững về chính trị, mạnh về kinh tế, đẹp về lối sống văn hóa, tiếp tục xây dựng và giữ vững thành phố Huế là thành phố phát triển bền vững của ASEAN; góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong thời gian tới, với sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện từ Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước, sự đoàn kết, nỗ lực, sáng tạo của toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân, Thừa Thiên Huế sẽ quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỒNG BỘ VỚI PHÁT TRIỂN
KINH TẾ, CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG CON NGƯỜI ĐÀ NẴNG VĂN MINH,
THÂN THIỆN, LÀM NỀN TẢNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ AN BÌNH,
ĐÁNG SỐNG, HÌNH THÀNH CÁC GIÁ TRỊ BẢN SẮC RIÊNG,
PHÙ HỢP VỚI TRUYỀN THỐNG, LỊCH SỬ, VĂN HÓA
CỦA NGƯỜI ĐÀ NẴNG**

THÀNH ỦY ĐÀ NẴNG

Một thực tế dễ nhận thấy là tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ mật thiết với phát triển văn hóa, chúng có mối quan hệ hỗ tương, tác động và hỗ trợ lẫn nhau để làm cho xã hội phát triển một cách bền vững, điều này được thể hiện rõ trong quá trình phát triển đi lên của thành phố Đà Nẵng. Ngay từ khi được thành lập cho đến nay, thực hiện mục tiêu mà Bộ Chính trị đã xác định Đà Nẵng phải là “một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ của miền Trung”¹, thì Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Đà Nẵng đã không ngừng chăm lo xây dựng, phát triển đô thị gắn với những vấn đề văn hóa, để đến lượt mình văn hóa trở thành một nguồn lực quan trọng trong sự phát triển đi lên của thành phố.

Từ khi trở thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương đến nay, Đà Nẵng không ngừng vươn lên và đạt được nhiều thành tựu quan trọng về chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, quyết liệt của Đảng bộ thành phố đã dần tạo nên thương hiệu cho Đà Nẵng là thành phố có các chỉ số về tính hấp dẫn, tính cạnh tranh địa phương, chỉ số phát triển con người... luôn duy trì được vị trí tốp đầu của cả nước. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, thành phố được biết đến như là một điểm đến an toàn, thân thiện, hấp dẫn, từng bước khẳng định vai trò là đô thị lớn, đầu tàu, động lực phát triển, trung tâm kinh tế - xã hội của miền Trung - Tây Nguyên và của cả nước. Thu nhập bình quân đầu người của Đà Nẵng từ 4,69 triệu/người năm 1997 lên 4.495 USD/người năm 2020,

1. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16/10/2003 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn (GRDP) ước tăng bình quân 7,45%/năm. Song song với việc đầu tư phát triển hạ tầng, tập trung lĩnh vực kinh tế, thành phố đã xác định các nhiệm vụ cấp bách, liên tục cho sự phát triển bền vững về văn hóa - xã hội trên các mặt văn hóa tinh thần, các chuẩn mực về đạo đức, lối sống, các hoạt động văn hóa, thể thao, các yếu tố đảm bảo về giáo dục, chăm sóc sức khỏe, môi trường, an sinh xã hội..., hướng tới mục tiêu xây dựng đời sống hạnh phúc, phát triển toàn diện, hài hòa của người dân.

Dựa trên những quan điểm chỉ đạo của Đảng, thành phố đã cụ thể hóa bằng những chủ trương, chính sách cụ thể về phát triển văn hóa theo từng lĩnh vực như: phát triển về văn hóa - văn minh đô thị; phát triển văn học, nghệ thuật; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; các chương trình an sinh xã hội đậm tính nhân văn, nhiều chương trình đã trở thành thương hiệu của thành phố như Chương trình thành phố “5 không”¹, “3 có”², “4 an”... Các chương trình, chính sách trên được triển khai xuyên suốt và đồng bộ, với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành và sự đồng lòng hưởng ứng của người dân. Trên cơ sở thâm nhuần văn hóa xứ Quảng, thành phố tiếp thu có chọn lọc nhiều giá trị về kiến trúc, thiết kế đô thị, phong cách, lối sống hiện đại ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, là một thành phố trọng điểm lớn nhất tại miền Trung; đồng thời, tiếp thu những tinh hoa văn hóa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và mức độ hưởng thụ của người dân thành phố... đã tạo cho Đà Nẵng một lối đi riêng, song vẫn bảo lưu những giá trị truyền thống. Có thể xem xét điều này qua một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, Đà Nẵng luôn xác định kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa xứ Quảng để xây dựng, hình thành nên con người Đà Nẵng văn minh, thân thiện với bản sắc văn hóa riêng.

Thành phố ban hành nhiều giải pháp mạnh trong việc triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, là những bước đi đột phá với đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa văn minh đô thị” và đặc biệt là hai năm tập trung quyết liệt thực hiện chủ trương “Năm văn hóa, văn minh đô thị” (2015-2016) mà mục tiêu hàng đầu là “Xây dựng con người Đà Nẵng và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nếp sống văn minh đô thị” theo Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 25/12/2014 của Thành ủy Đà Nẵng... Từ đó, các giá trị tốt đẹp của người dân thành phố được thể hiện rõ qua mặt bằng văn hóa chung, có ứng xử khá cao, thể hiện được

1. Chương trình “5 không” gồm: không có hộ đói; không có người mù chữ; không có người lang thang xin ăn; không có người nghiện ma túy; không có giết người, cướp của. Từ năm 2009, mục tiêu “không có hộ đói” và “không có người mù chữ” được điều chỉnh thành “không có hộ đặc biệt nghèo” và “không có học sinh bỏ học”.

2. Chương trình “3 có” gồm: có nhà ở; có việc làm; có nếp sống văn hóa, văn minh đô thị.

tính cách cư dân đô thị biển, tạo được không khí hòa thuận trong nội bộ cộng đồng dân cư và tạo được mối thiện cảm đối với du khách đến với thành phố. Đó là nếp sống vừa đón nhận những yếu tố văn minh, hiện đại vừa giữ được những đặc trưng của văn hóa truyền thống. Tinh thần tương thân tương ái, việc giữ gìn và khôi phục thuần phong mỹ tục, văn hóa ứng xử, phòng và chống các tệ nạn xã hội được thực hiện ngay trong từng thôn, từng tổ dân phố, đã đem lại nhiều hiệu quả tích cực.

Cùng với đó, thành phố luôn xem các giá trị lịch sử là một nguồn lực cho sự phát triển. Các di tích lịch sử, văn hóa quan trọng của thành phố được bảo vệ, trùng tu, tôn tạo, phục hồi, nhằm phục vụ nhu cầu tham quan, nghiên cứu, giáo dục và phát huy truyền thống cho nhân dân và du khách. Thành phố đã kiến nghị để Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định xếp hạng thành Điện Hải và Danh thắng Ngũ Hành Sơn là “Di tích quốc gia đặc biệt”, công nhận 4 hiện vật ở Bảo tàng Điêu khắc Chăm là “Bảo vật quốc gia”. Đã và đang triển khai thực hiện dự án tu bổ, phục hồi di tích thành Điện Hải, trong đó đã di dời 3 cơ quan nhà nước, 80 hộ dân ra khỏi khu vực bảo vệ thành, khôi phục toàn bộ hệ thống thành cao, hào sâu gần như nguyên trạng. Thành phố đã phối hợp với tỉnh Thừa Thiên Huế làm hồ sơ và đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Hải Vân quan là Di tích quốc gia. Lấy văn hóa để kết nối hai địa phương ở hai bên đèo Hải Vân là một chủ trương có ý nghĩa về nhiều mặt. Cùng với đó là đầu tư nâng cấp Nghĩa trũng quốc gia Hòa Vang, nơi an nghỉ của nghĩa sĩ, nghĩa dân trong buổi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1860), trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch Di tích quốc gia đặc biệt danh thắng Ngũ Hành Sơn...

Thứ hai, nghiên cứu, ban hành và triển khai đồng bộ nhiều chủ trương, chính sách trên lĩnh vực văn hóa, thể thao nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu hưởng thụ của người dân và yêu cầu của sự phát triển.

Nếp sống văn hóa - văn minh đô thị được xây dựng, củng cố và phát huy tích cực trong cộng đồng. Thành phố đã tập trung triển khai Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và Chỉ thị số 43-CT/TU của Thành ủy về văn hóa, văn minh đô thị, tạo sự chuyển biến rõ nét trong ý thức của người dân thành phố; ý thức tham gia thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được nâng cao, các quy tắc ứng xử văn hóa, văn minh ngày càng thâm nhập sâu vào ý thức mỗi người dân.

Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao lớn, mang tầm quốc gia, quốc tế được tổ chức thường niên tại Đà Nẵng như: Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng, Ironman, Cuộc thi Marathon quốc tế Đà Nẵng... Phong trào văn hóa đọc của người dân thành phố Đà Nẵng đã có những chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng nét đẹp văn hóa, bồi đắp nhân cách, tâm hồn, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Sự phát triển và

thu hút đông đảo người dân thành phố đến với hoạt động Ngày hội sách được ngành Văn hóa, ngành thông tin truyền thông và các địa phương tổ chức hằng năm cùng với các mô hình thư viện di động, cà phê sách theo hình thức xã hội hóa, càng góp phần phát triển phong trào đọc sách trong cộng đồng, người dân thành phố. Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại, nâng cao vị thế và quảng bá hình ảnh thành phố. Đặc biệt, thành phố Đà Nẵng đã chung tay cùng các địa phương Trung Bộ xây dựng Hồ sơ “Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ của Việt Nam” và đã chính thức được UNESCO ghi danh tại Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2017.

Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đang được triển khai theo quy hoạch mạng lưới thiết chế văn hóa - thể thao trên địa bàn từng quận, huyện, từng bước được đưa vào khai thác, phát huy hiệu quả, là địa điểm tập trung sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể thao, vui chơi giải trí của người dân địa phương. Hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật dần nâng cao chất lượng, góp phần phát huy, giữ gìn các giá trị văn hóa nghệ thuật đặc sắc, đáp ứng nhu cầu thưởng thức, giao lưu, giải trí của người dân và thu hút khách du lịch. Phong trào thể dục - thể thao trên địa bàn thành phố đã phát triển sâu rộng và lan tỏa đến mọi đối tượng, lứa tuổi, địa bàn khác nhau với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Các môn thể thao thành phố đã không ngừng phát triển như: đua thuyền (rowing, canoeing, kayak), điền kinh, bơi, lặn, taekwondo, judo, jujitsu, cử tạ, quần vợt, cầu lông, thể dục thể hình, đóng góp phần lớn vào thành tích thi đấu quốc gia, quốc tế hàng năm...

Từ những hoạt động trên, đời sống văn hóa ở cơ sở, môi trường văn hóa có sự chuyển biến tích cực; các quy tắc ứng xử văn hóa, văn minh ngày càng thấm sâu vào ý thức, hành vi của mỗi người dân. Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở được triển khai theo quy hoạch trên địa bàn từng quận, huyện và bước đầu phát huy hiệu quả hoạt động, trở thành địa điểm tập trung sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể thao, vui chơi của mọi người. Hoạt động sáng tác, quảng bá, biểu diễn văn học, nghệ thuật dần được nâng cao chất lượng và có nhiều khởi sắc; thành lập Quỹ hỗ trợ sáng tác văn học, nghệ thuật, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

Thứ ba, thực hiện tốt chương trình an sinh xã hội, xem đây là nền tảng vững chắc cho sự xây dựng, phát triển môi trường văn hóa lành mạnh.

Bên cạnh những thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế, xây dựng hạ tầng cơ sở và chỉnh trang đô thị, thành phố còn được biết đến là địa phương ban hành nhiều chính sách mang đậm tính nhân văn, nhiều giải pháp bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, được nhân dân tin tưởng và ủng hộ, nhằm hướng đến các mục tiêu an sinh bền vững như: Chương trình thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an”, Chỉ thị số 24-CT/TU về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt nghèo, học sinh bỏ học và thiếu niên hư, vi phạm

pháp luật trên địa bàn thành phố và Chỉ thị số 25-CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về “phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”. Công tác giảm nghèo, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các gia đình chính sách hằng năm góp phần khẳng định “thương hiệu” của Đà Nẵng trên một số mặt.

Thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, kịp thời hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động. Chương trình “Có việc làm” được tiếp tục thực hiện và khẳng định là chính sách trụ cột của hệ thống an sinh xã hội¹. Công tác chăm sóc các đối tượng chính sách, người có công được thành phố đặc biệt chú trọng². Bên cạnh đó, thành phố đã ban hành nhiều chính sách đặc thù và nâng mức hỗ trợ cho hơn 33.000 đối tượng bảo trợ xã hội; triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án nhằm bảo vệ, chăm sóc trẻ em và thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với trẻ em, nhiều mô hình chăm sóc, hỗ trợ giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được triển khai thực hiện có hiệu quả. Kết quả, duy trì tỷ lệ 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, giúp đỡ và tỷ lệ 100% xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đến cuối năm 2018; trẻ em bị xâm hại, bạo lực, vi phạm pháp luật, tai nạn thương tích giảm dần qua các năm; đời sống văn hóa tinh thần, các quyền của trẻ em ngày càng được bảo đảm. Năm 2017, thành phố xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố trong cả nước về thực hiện quyền trẻ em. Triển khai thực hiện hiệu quả đề án “Có nhà ở”, đề án “7.000 căn hộ dành cho người thu nhập thấp” và huy động nhiều nguồn lực xây dựng nhà ở chung cư để bố trí cho các hộ chính sách, hộ nghèo chưa có chỗ ở ổn định, các hộ tái định cư, các đối tượng hưởng lương từ ngân sách chưa có chỗ ở; khuyến khích đầu tư xây dựng ký túc xá cho sinh viên, nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp³.

Tuy nhiên, một số lĩnh vực phát triển văn hóa có mặt còn chưa tương xứng với vị thế và tiềm năng của thành phố. Hiệu quả đầu tư cho văn hóa chưa cao, công tác xã hội hóa các nguồn lực phục vụ phát triển văn hóa còn hạn chế. Kết quả Chương trình thành phố “4 an” gắn với Chương trình “5 không”, “3 có” trên một số mặt chưa thực sự hiệu quả. Chất lượng một số công trình nghiên cứu, hoạt động văn hóa, nghệ thuật chưa cao. Lĩnh vực sáng tác, biểu diễn, văn học, nghệ thuật chưa được đầu tư

1. Từ năm 2016 đến tháng 10/2019 đã giải quyết việc làm cho 125.913 lao động, đạt bình quân 31.000 lao động/năm, trong đó tỷ lệ việc làm tăng thêm đến cuối năm 2020 ước đạt 4,5% (kế hoạch là 4-5%); tỷ lệ lao động thất nghiệp giảm còn 3,0%.

2. Đến nay, thành phố đã giải quyết chế độ, chính sách cho hơn 13.000 lượt đối tượng; hỗ trợ người có công với cách mạng sửa chữa, xây mới trên 8.000 nhà ở, với kinh phí trên 250 tỷ đồng; 100% mộ, nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn thành phố đã được đầu tư nâng cấp khang trang....

3. Hoàn thành và đưa vào sử dụng 208 khối nhà với 12.740 căn hộ; ban hành Quy định cụ thể tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố và triển khai bán thí điểm 516/846 căn hộ nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

phát triển đúng mức, chưa thu hút, tổ chức thực hiện các sự kiện đa dạng, sôi động, chưa đáp ứng nhu cầu thụ hưởng ngày càng cao của người dân, du khách và yêu cầu định hướng thẩm mỹ cho công chúng. Công tác xã hội hóa các nguồn lực phục vụ phát triển văn hóa - xã hội còn hạn chế. Chủ trương xã hội hóa, đổi mới quản lý về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao đạt kết quả chưa cao; việc sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết, cho thuê, kinh doanh còn nhiều vướng mắc, bất cập. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở chưa thực sự theo kịp với xu hướng đô thị hóa và nhu cầu văn hóa của cư dân đô thị. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập, quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư các dự án trong lĩnh vực văn hóa còn thiếu và chưa bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất làm cơ sở để thu hút đầu tư. Việc xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa trong kinh tế có lúc, có nơi chưa được coi trọng, việc thực hiện các nguyên tắc của Đảng, quy định của Nhà nước chưa thực sự nghiêm túc đã dẫn đến những sai phạm đáng tiếc...

Từ thực tế tại địa phương, thành phố cũng xin kiến nghị Trung ương một số vấn đề cần được tháo gỡ để có thể đẩy mạnh hơn quá trình xây dựng và phát triển văn hóa của Đà Nẵng như: Các bộ, ngành Trung ương chưa có quy định về lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án theo quy định tại khoản 3, Điều 16, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 của Chính phủ “quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư”, dẫn đến khó khăn trong quá trình xây dựng chính sách xã hội hóa và kêu gọi, lựa chọn nhà đầu tư. Thêm vào đó, Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ “quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công”, qua giám sát thực tế cho thấy nhiều trung tâm văn hóa - thể thao quận, huyện, phường, xã có sử dụng một phần diện tích, cơ sở vật chất vào mục đích cho thuê, kinh doanh, tuy nhiên, chưa thực hiện việc xây dựng đề án và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Trung ương cần xem xét ban hành hoặc phân cấp cho địa phương ban hành tiêu chuẩn, điều kiện quản lý, tổ chức hoạt động đối với các loại hình thể thao giải trí (thể thao giải trí biển, núi...) để tạo hành lang pháp lý cho địa phương khai thác các dịch vụ thể thao nhằm thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch. Cần sớm ban hành các quy định về cơ chế bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phù hợp với tình hình thực tế, chú trọng đến vai trò và quyền lợi của cộng đồng đối với bảo tồn di sản. Tạo điều kiện trong việc liên kết vùng để phát huy được lợi thế riêng có của từng địa phương, khai thác những giá trị chung về tài nguyên, di sản văn hóa trong vùng để thúc đẩy ngành du lịch phát triển bền vững.

Trong thời gian tới, Đà Nẵng chủ trương tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng và phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế, chú trọng xây dựng con người Đà Nẵng văn minh, thân thiện, làm nền tảng xây dựng thành phố an bình, đáng sống, hình thành các giá trị bản sắc riêng, phù hợp với truyền thống, lịch sử,

văn hóa của người Đà Nẵng, xem đây là nhiệm vụ chiến lược mang tính lâu dài và là trách nhiệm của toàn xã hội.

Để thực hiện được điều đó, thành phố chủ trương bám sát các quan điểm chỉ đạo về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam nói chung, văn hóa, con người thành phố Đà Nẵng nói riêng từ Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; thực hiện tốt Kế hoạch số 4844/KH-UBND ngày 18/7/2019 về thực hiện Chương trình số 29-CTr/TU ngày 10/5/2019 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai Nghị quyết 43-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 3620/KH-UBND ngày 4/6/2020 về thực hiện Chương trình số 39-CTr/TU ngày 31/1/2020, của Ban Thường vụ Thành ủy về xây dựng, phát triển Đà Nẵng thành trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế chuyên sâu, chất lượng cao gắn với thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, hướng đến xây dựng “thành phố đáng sống” đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Từ cơ sở đó, Đà Nẵng chủ trương triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng con người Đà Nẵng văn minh, thân thiện; xây dựng các chuẩn mực và môi trường văn hóa lành mạnh, quan hệ xã hội giàu tính nhân văn giữa con người với con người, giữa cá nhân với cộng đồng; thực hiện nếp sống văn minh đô thị, xác định rõ hoạt động của gia đình là trọng tâm của các chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; gắn các hoạt động phát triển văn hóa, xây dựng người Đà Nẵng văn hóa, văn minh với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Người tốt - việc tốt”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và phong trào xây dựng nông thôn mới; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong quá trình phát triển, hội nhập quốc tế, tăng trưởng xanh, bền vững, coi việc nâng chất lượng cuộc sống của người dân đạt ở mức cao là nhiệm vụ trung tâm. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất và phương thức hoạt động để người dân tham gia sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, hướng tới tự tổ chức các sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Có giải pháp hạn chế ảnh hưởng, tác động tiêu cực của văn hóa số đến người dân, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp trong tôn giáo, tín ngưỡng, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh... Để làm được điều này, Đà Nẵng cần thực hiện đồng bộ các nội dung công tác sau:

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa.

Các cấp ủy, tổ chức đảng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xác định rõ việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Đà Nẵng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị thành phố. Bởi, văn hóa là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội,

vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Cần chú trọng tính đặc thù của văn hóa, vừa bảo đảm để văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do sáng tạo của cá nhân trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn. Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội về xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học công nghệ; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cải thiện đời sống xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, chú trọng xây dựng con người Đà Nẵng văn minh, thân thiện làm nền tảng xây dựng thành phố an bình, đáng sống; hình thành các giá trị bản sắc riêng, phù hợp với truyền thống, lịch sử, văn hóa của người Đà Nẵng.

Đẩy nhanh việc cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng thành các chương trình, đề án phù hợp với từng địa phương, đơn vị. Tăng cường rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật, quản lý hiện hành liên quan việc thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị và phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong việc tuyên truyền, xây dựng và phát triển văn hóa, con người toàn diện ở địa phương, đơn vị mình phụ trách. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, trong đó chú trọng cơ chế và kinh phí cho nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là những đối tượng đặc thù như: Các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên... Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, đồng thời phát triển nguồn nhân lực cho các bộ môn nghệ thuật truyền thống, nhằm bảo tồn, duy trì các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Coi trọng hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, những người làm công tác văn hóa, nghệ thuật. Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Quan tâm hỗ trợ đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù. Tạo điều kiện khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, quan tâm đến nghệ thuật cộng đồng, đưa các tác phẩm âm nhạc, điêu khắc, mỹ thuật, múa, sân khấu... gắn với đời sống văn hóa của thành phố; nghiên cứu một số mô hình mới để tạo ra sản phẩm du lịch mới, độc đáo như làng bích họa du lịch, nhằm tái hiện lại những hình ảnh tiêu biểu về vẻ đẹp thiên nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội của vùng đất Đà Nẵng; tăng cường việc quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật đến với người xem trong nước cũng như quốc tế, như: thơ văn, âm nhạc, sân khấu, hội họa, nhiếp ảnh, văn nghệ dân gian, múa, điện ảnh...

Tăng cường phân cấp về công tác quản lý văn hóa - xã hội, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa; tăng cường công tác

thanh tra, kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh các hoạt động và dịch vụ văn hóa, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động văn hóa. Kiểm soát thường xuyên, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh phản bác các thông tin xấu, độc trên internet và các mạng xã hội. Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các tệ nạn xã hội, như ma túy, mê tín dị đoan, nạn mại dâm; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận và các tổ chức thành viên của Mặt trận, cộng đồng dân cư và công dân đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa, gắn với việc thực hiện Thông báo kết luận số 213-TB/TW của Ban Bí thư khóa X về đấu tranh chống quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật; Chỉ thị số 46-CT/TW của Ban Bí thư khóa X về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội.

Hai là, xây dựng con người Đà Nẵng phát triển toàn diện theo những đức tính tiêu biểu của con người Việt Nam.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học hướng đến mục tiêu xây dựng con người Đà Nẵng phát triển toàn diện, hướng đến Chân - Thiện - Mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, trở thành người dân đô thị kiểu mẫu, ngày càng hoàn thiện về nhân cách, có lối sống đẹp. Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên. Xây dựng ý thức cá nhân tuân thủ pháp luật, tôn trọng đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, “tương thân tương ái” trong nhân dân. Nâng cao ý chí và khát vọng phát triển, xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Đà Nẵng gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới, thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Chú trọng công tác giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội hướng đến xây dựng con người phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và cộng đồng.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ các sự kiện, lễ hội lớn của thành phố nhằm tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và hưởng thụ văn hóa càng ngày càng cao của người dân và du khách; đồng thời, góp phần gìn giữ và phát huy các di sản, di tích, giá trị văn hóa lịch sử truyền thống tốt đẹp của thành phố nói riêng và cả nước nói chung. Tiếp tục duy trì thực hiện các nội dung chủ trương *Năm văn hóa - văn minh đô thị*, hình thành thói quen ứng xử, thực hiện tốt các chuẩn mực văn hóa - văn minh đô thị. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

của cá nhân, sự bình đẳng giữa các tôn giáo trước pháp luật; đấu tranh ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng đấu tranh đẩy lùi cái xấu, cái ác, chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng đến xây dựng nền văn hóa, xây dựng con người Đà Nẵng thân thiện, văn minh.

Ba là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn thành phố. Chú trọng xây dựng gia đình văn hóa và cộng đồng văn hóa; phát huy nét văn hóa tốt đẹp trong các dòng tộc, tổ chức tôn giáo. Việc xây dựng quy ước, tiêu chí văn hóa phải thiết thực, phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị. Khắc phục tình trạng hình thức trong việc bình chọn, công nhận các danh hiệu văn hóa. Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, gìn giữ, ứng xử đúng đắn với môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn minh, tiến bộ, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện các chính sách xã hội, nhất là các chương trình thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an”.

Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 13/3/2017 của Thành ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Chỉ thị số 39-CT/TU ngày 24/4/2020 của Thành ủy về “xây dựng thành phố Đà Nẵng an toàn - không bạo lực với phụ nữ và trẻ em”. Có cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn giữa gia đình, nhà trường và xã hội; đề cao vai trò, trách nhiệm và các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ thanh thiếu nhi, cùng với nhà trường giáo dục, hình thành nhân cách, đạo đức trong sáng và kỹ năng ứng xử xã hội văn minh. Chú trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy cơ quan nhà nước; đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các cấp. Phát huy vai trò, sự ảnh hưởng của các tấm gương lãnh đạo trong nhân dân, các giá trị, danh dự và trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên.

Xây dựng môi trường văn hóa, nghệ thuật, thể dục - thể thao lành mạnh; đẩy mạnh đầu tư phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật; khuyến khích việc phát huy năng lực, tiềm năng sáng tạo của văn nghệ sĩ để sáng tạo ra nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, phản ánh sinh động cuộc sống và con người Đà Nẵng. Chú trọng triển khai đề án phát triển hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đến năm 2025, nhất là việc đầu tư hoàn thiện và phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa - thể thao sau khi đưa vào sử dụng. Tập trung

đầu tư, kêu gọi đầu tư các dự án: Trung tâm văn hóa thành phố, Nhà hát lớn thành phố, Quảng trường trung tâm, Công viên 29/3, Công viên Thanh niên. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, tập trung vào các di sản văn hóa tiêu biểu của địa phương, trọng tâm là: Di tích Hải Vân quan, Danh thắng Ngũ Hành Sơn, thành Điện Hải; cải tạo, nâng cấp cơ sở 42 Bạch Đằng làm Bảo tàng Đà Nẵng, Nghĩa trũng Hòa Vang, Bảo tàng Điều khắc Chăm (giai đoạn 2).

Bốn là, phát triển công nghiệp văn hóa, hội nhập quốc tế về văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ.

Tạo nhận thức sâu sắc của toàn xã hội về vị trí, vai trò của các ngành công nghiệp văn hóa. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa trên các lĩnh vực, như quảng cáo, kiến trúc, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, thiết kế, điện ảnh, xuất bản, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, truyền hình và phát thanh, du lịch văn hóa; trong đó, xây dựng các chính sách, chiến lược đẩy mạnh sự phát triển ngành du lịch văn hóa trở thành những ngành kinh tế dịch vụ quan trọng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm thông qua việc sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa đa dạng, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa của người dân thành phố. Xây dựng và triển khai đề án tổ chức sự kiện, lễ hội văn hóa đặc sắc hằng năm, gắn với thiết lập chuỗi sự kiện, văn hóa lễ hội về đêm của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022-2026.

Tăng cường bảo hộ quyền tác giả, nâng cao hiệu quả việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường. Phát huy vai trò tuyên truyền, giáo dục của các cơ quan, đơn vị ngành Văn hóa nhằm phát triển ở công chúng, người tiêu dùng về năng lực hiểu biết, cảm thụ các sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Nâng cao năng lực sản xuất và sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa chất lượng cao; xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ văn hóa có chất lượng của thành phố tham gia vào thị trường văn hóa trong nước và quốc tế.

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế về văn hóa nhằm giới thiệu các giá trị văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa Đà Nẵng nói riêng ra thế giới thông qua các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và truyền thống phù hợp. Phối hợp chặt chẽ giữa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật với quảng bá du lịch và xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư. Phát huy những giá trị tinh thần truyền thống của thành phố kết hợp với những chuẩn giá trị mới trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại, hỗ trợ quảng bá văn hóa và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa ra nước ngoài. Xây dựng và phát triển một số liên hoan nghệ thuật quốc tế có thương hiệu tại thành phố, tạo điều kiện cho người dân thành phố tiếp cận với các nền văn hóa, nghệ thuật đa dạng của thế giới, khẳng định uy tín và năng lực tổ chức các sự kiện quốc tế của Đà Nẵng.

Chọn lọc, tiếp thu kinh nghiệm tốt, phù hợp của các nước trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa. Tổ chức tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tiến trình hội nhập quốc tế và xu hướng toàn cầu hóa để thâm nhập, phá hoại, tác động, chuyển hóa từ bên trong, nhằm tiến hành các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia trong lĩnh vực văn hóa.

Năm là, tăng cường, ưu tiên đầu tư kinh phí cho phát triển văn hóa - xã hội; huy động nguồn lực của mọi tầng lớp xã hội đầu tư và tổ chức đời sống văn hóa - xã hội, từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp trong xã hội.

Tăng cường các nguồn lực cho phát triển văn hóa tương xứng và ngang hàng với tăng trưởng kinh tế. Hoàn thiện và triển khai các đề án, kế hoạch về phát triển văn hóa của thành phố trong từng giai đoạn cụ thể tiếp theo phù hợp với hình kinh tế - xã hội thực tế của thành phố¹. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa nhằm thu hút đông đảo các tổ chức và cá nhân tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Tập trung xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm, chất lượng cao và một số ngành công nghiệp văn hóa chủ đạo, có khả năng dẫn dắt các hoạt động văn hóa. Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế đối với các cơ sở đào tạo, các thiết chế văn hóa do tư nhân đầu tư.

Quan tâm đầu tư xây dựng đời sống văn hóa công nhân, nâng cao chất lượng các hoạt động, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của công nhân. Tăng dần ngân sách đầu tư, đồng thời có chính sách ưu đãi, khuyến khích huy động nguồn lực xã hội để xây dựng thiết chế văn hóa mới cho công nhân lao động; ưu tiên bố trí quỹ đất và kinh phí để xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi, trường học, bệnh viện, khu vui chơi giải trí cho công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất.

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao, giáo dục, đào tạo, y tế; cập nhật, đổi mới cơ chế sử dụng tài sản công, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần xã hội tham gia mạnh mẽ trong tổ chức hoạt động sự nghiệp các ngành Văn hóa xã hội. Quan tâm, huy động mọi nguồn lực nhằm thực hiện có hiệu

1. Cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về xây dựng, phát triển văn hóa thành phố từ Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XXII Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn 2045; Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện như: Kế hoạch 23/KH-SVHTT ngày 15/1/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII của Đảng bộ thành phố trong lĩnh vực văn hóa, gia đình và thể thao; đề án phát triển thể thao thành tích cao của thành phố giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2045; đề án phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trong lĩnh vực văn hóa, gia đình và thể thao thành phố Đà Nẵng...

quả các chính sách an sinh xã hội; xây dựng, ban hành các chính sách thuộc lĩnh vực giảm nghèo, bảo trợ xã hội; ưu tiên đẩy mạnh phát triển thị trường lao động, việc làm, nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho mọi người dân; đạt mục tiêu đến năm 2030 người dân thành phố có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXII đã đề ra.

Có thể nói, mọi thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng đạt được trong thời gian qua đều xuất phát từ việc luôn giữ vững được sự đoàn kết nhất trí cao trong nội bộ, sự đồng thuận trong xã hội cùng với vai trò lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo với tinh thần trách nhiệm cao của lãnh đạo thành phố qua từng giai đoạn lịch sử, song xét cho cùng, đó chính là sự vận dụng chủ trương của Đảng vào thực tế của địa phương và giải quyết thỏa đáng hai yêu cầu quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa luôn đồng bộ với phát triển kinh tế, đó là những nhân tố cực kỳ quan trọng, mang tính quyết định thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong những năm qua, đồng thời là bệ phóng cho sự phát triển trong những năm tới.

TIẾP TỤC PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA, TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN, XÂY DỰNG QUẢNG NAM THÀNH TỈNH PHÁT TRIỂN KHÁ VÀO NĂM 2030

TỈNH ỦY QUẢNG NAM

Quảng Nam thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, nằm ở trung độ của cả nước. Địa hình phân chia thành 3 vùng rõ rệt: vùng núi, vùng trung du, vùng đồng bằng ven biển gắn với các sắc thái văn hóa vùng miền đặc trưng. Vùng núi là không gian sinh tồn, là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc Cotu, Giẻ Triêng, Xơ Đăng, Cor. Vùng trung du và đồng bằng ven biển là nơi hội tụ, giao lưu, tiếp biến của nhiều nền văn hóa lớn như Chăm-pa, Đại Việt, Trung Hoa, Nhật Bản, phương Tây, để lại những dấu ấn sâu đậm trong đời sống văn hóa của vùng đất Quảng Nam.

Danh xưng Quảng Nam vừa tròn 550 năm kể từ ngày vua Lê Thánh Tông thành lập Thừa tuyên Quảng Nam với ý nghĩa mở rộng về hướng Nam. Là vùng đất “đầu sóng ngọn gió”, “phên dậu phía Nam” của Tổ quốc, Quảng Nam có vị trí địa chính trị đặc biệt quan trọng suốt thời kỳ mở cõi về phương Nam của cha ông ta. Quảng Nam tự hào có 2 di sản văn hóa được UNESCO công nhận, đó là đô thị cổ Hội An và khu đền tháp Mỹ Sơn.

Là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, Quảng Nam luôn tiên phong trong cuộc chiến chống thực dân, đế quốc; là nơi liên quân Pháp và Tây Ban Nha nổ phát súng đầu tiên (tấn công vào Đà Nẵng), mở đầu cuộc xâm lược đầu tiên của đế quốc phương Tây vào Việt Nam. Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Quảng Nam là một trong những địa phương có phong trào yêu nước diễn ra sôi động, gây được tiếng vang lớn như: phong trào Nghĩa hội Cần vương với các sĩ phu Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến; phong trào Duy Tân với các chí sĩ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lê Cơ,...; Duy Tân hội và phong trào Đông Du với các chí sĩ Tiểu La - Nguyễn Thành, Châu Thượng Văn, Đỗ Đăng Tuyển...; phong trào chống sưu, chống thuế (năm 1908) khởi đầu tại Quảng Nam, sau đó lan nhanh đến 10 tỉnh Trung Kỳ; là quê hương của nhiều nhà chí sĩ như Thái Phiên,

Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Lê Đình Dương... đóng vai trò quan trọng trong cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội năm 1916.

Quảng Nam là một trong những nơi truyền bá tư tưởng cộng sản và thành lập Đảng bộ tỉnh (ngày 28/3/1930) từ rất sớm, chỉ hơn 1 tháng sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Quảng Nam là một trong những địa phương giành chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong cả nước. Quảng Nam được coi là “Mảnh đất thánh của Khu 5” (vùng tự do của ta), là hậu phương quan trọng để đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước, Quảng Nam là địa bàn trọng điểm đánh phá của Mỹ - ngụy. Nhân dân Quảng Nam đã chịu nhiều đau thương, hy sinh, mất mát, nhưng vẫn son sắt, thủy chung, quyết tâm cùng cả nước đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, lập nên những chiến công vang dội, được Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam phong tặng danh hiệu “Trung dũng kiên cường, đi đầu diệt Mỹ”, góp phần to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, hòa với nền văn hóa cả nước, văn hóa Quảng Nam mang những nét đặc thù riêng, không ngừng lan tỏa và hòa quyện vào nền văn hóa Việt. Các yếu tố mang tính đặc trưng của văn hóa và con người Quảng Nam thể hiện ở cốt cách, đức tính anh hùng, sự hy sinh quả cảm, tinh thần cao thượng, nhân văn, chịu đựng gian khổ, tính trung thực, bộc trực và lòng nhân ái, cũng như tư duy đổi mới và phản biện. Quảng Nam được coi là “vùng đất mở” gắn liền với tư duy đổi mới, năng động mà Hội An chính là minh chứng rõ nét, sinh động, xuyên suốt nhất; đồng thời, nơi đây còn là cơ sở hình thành nên tư duy kinh tế mở với sự ra đời của Khu kinh tế mở Chu Lai.

Đặc trưng văn hóa Quảng Nam còn thể hiện ở hệ thống các di tích, di sản với đầy đủ các loại hình như khảo cổ học, lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và danh thắng; cùng sự đa dạng và phong phú của các loại hình văn hóa phi vật thể như những phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống, tôn giáo, tín ngưỡng, làng nghề và văn nghệ dân gian mang đậm đặc trưng của văn hóa mỗi tộc người, mỗi vùng đất trong tổng thể chung của không gian văn hóa xứ Quảng. Quảng Nam còn là chiếc nôi sản sinh ra các loại hình nghệ thuật truyền thống độc đáo, có lịch sử ra đời từ hàng trăm năm trước, như: nghệ thuật Tuồng, Bài chòi, hát sắc bùa, hay những câu hò, điệu lý, câu vè mang đậm âm hưởng dân gian xứ Quảng,...

Với bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa, hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là trong gần 25 năm tái lập tỉnh, cùng với nhiệm vụ tập trung xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Nam không ngừng kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp để xây dựng nền văn hóa, con người Quảng Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, góp phần vào sự phát triển chung của quê hương, đất nước.

1. Những thành tựu bước đầu

Trong những năm qua, trên cơ sở tiếp thu và vận dụng sáng tạo, linh hoạt các quan điểm, chủ trương, đường lối lãnh đạo phát triển văn hóa của Đảng, đồng thời bám sát tình hình thực tiễn của địa phương, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam đã đề ra nhiều chủ trương, nghị quyết, chương trình hành động và giải pháp cụ thể nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an sinh xã hội, gắn xây dựng môi trường văn hóa với vấn đề hình thành nhân cách con người Quảng Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo.

Thứ nhất, quán triệt quan điểm “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng”¹, trong 6 năm (2014 - 2020), các cấp ủy đảng, chính quyền đã ban hành gần 200 văn bản thuộc 12 lĩnh vực cụ thể liên quan đến công tác xây dựng văn hóa, con người; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác quán triệt, học tập các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trọng tâm là Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, chương trình hành động của Tỉnh ủy được các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai tích cực, rộng khắp trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức phong phú, nội dung sinh động, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, nâng cao trách nhiệm, vai trò người đứng đầu, của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người; chỉ đạo xây dựng chương trình hành động cụ thể, sát với tình hình thực tiễn của địa phương. Đặc biệt, ngày 20/7/2021, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU về “Xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”. Đây là nghị quyết chuyên đề trên lĩnh vực văn hóa đầu tiên của tỉnh kể từ khi tái lập tỉnh (năm 1997). Với Nghị quyết này, tỉnh Quảng Nam đã cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam vào thực tiễn của tỉnh, tạo cơ sở cho việc ban hành các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phát triển sự nghiệp văn hóa, xây dựng con người Quảng Nam trong điều kiện mới.

Thứ hai, chăm lo xây dựng con người Quảng Nam phát triển toàn diện, có nhân cách, lối sống tốt đẹp, kế thừa và phát huy đặc trưng cơ bản trong cốt cách người Quảng Nam là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng con người mới đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh.

1. Xem Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Các cấp ủy đảng, chính quyền triển khai thực hiện tốt công tác giáo dục - đào tạo, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao và các mặt công tác liên quan, góp phần xây dựng và phát triển toàn diện con người Quảng Nam. Sau gần 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, chất lượng giáo dục - đào tạo của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là chất lượng giáo dục mũi nhọn. Số lượng học sinh Quảng Nam đạt giải học sinh giỏi quốc gia tăng lên hằng năm, nhiều em đạt huy chương vàng trong các kỳ thi như Olympic 30/4, Cuộc thi Khoa học - Kỹ thuật cấp quốc gia,... Quảng Nam hiện đang là địa phương dẫn đầu các tỉnh duyên hải miền Trung về công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Công tác giáo dục nghệ thuật, nâng cao trình độ thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là thanh thiếu nhi được quan tâm. Đặc biệt, tỉnh đã chỉ đạo các địa phương đưa nội dung văn hóa, lịch sử địa phương, tài liệu giáo dục di sản vào giảng dạy trong trường học. Các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật quần chúng được tổ chức thường xuyên từ tỉnh đến cơ sở, thu hút hàng nghìn diễn viên, nghệ nhân tham gia. Hoạt động nghiên cứu văn hóa, con người Quảng Nam từng bước được chú trọng, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc Quảng Nam. Phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tham gia.

Thứ ba, tập trung xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

Xác định xây dựng môi trường văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực để xây dựng văn hóa, con người Quảng Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, những năm qua, các cấp ủy đảng đã đề ra nhiều giải pháp, cơ chế, chính sách để xây dựng môi trường văn hóa thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân trong tỉnh. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" đạt hiệu quả cao, từng bước đi vào thực chất, được nhân dân hưởng ứng tích cực với nhiều mô hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thiết thực. Các phong trào đã làm thay đổi và chuyển biến tích cực trong suy nghĩ, nhận thức, lối sống, nếp sống, ý thức tuân thủ pháp luật, trọng nghĩa tình, quan hệ thuận hòa trong cộng đồng của từng người dân; kỷ cương xã hội được đề cao, văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, thực sự thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội.

Công tác xây dựng gia đình văn hóa, cộng đồng văn hóa tiếp tục được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện với nhiều mô hình, cách làm mới, nội dung phong phú, có hiệu quả thiết thực, gắn với việc giáo

dục các giá trị đạo đức, lối sống, phòng, chống bạo lực gia đình, mối quan hệ ứng xử giữa các thành viên trong cộng đồng. Việc xây dựng nếp sống văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội được các địa phương chú trọng triển khai thực hiện. Nội dung lễ hội phù hợp với truyền thống văn hóa, bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, đáp ứng nhu cầu tâm linh và giải trí của người dân, góp phần giáo dục đạo lý uống nước nhớ nguồn, tạo sự gắn kết trong cộng đồng.

Nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh, con người Quảng Nam đến bạn bè trong nước và quốc tế, tỉnh đã tổ chức nhiều sự kiện văn hóa, lễ hội như: Quảng Nam - Hành trình di sản; Festival Di sản Quảng Nam; các cuộc thi Hợp xướng quốc tế; ngày Văn hóa Nhật Bản tại Quảng Nam; những Ngày văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam... qua đó góp phần giáo dục, khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, bồi đắp, nuôi dưỡng tình cảm cách mạng, lý tưởng sống cho thế hệ trẻ; đồng thời, phục vụ có hiệu quả cho hoạt động quảng bá du lịch, thu hút du khách đến với Quảng Nam.

Thứ tư, không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh Quảng Nam được quy hoạch, đầu tư nâng cấp, xây mới theo hướng chuẩn hóa, phát huy được công năng sử dụng, phục vụ công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương; các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân tại cơ sở.

Những năm qua, tỉnh Quảng Nam thường xuyên quan tâm chỉ đạo củng cố, kiện toàn và đổi mới hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tập hợp và phát huy vai trò của đội ngũ văn nghệ sĩ. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng ở cơ sở ngày càng phát triển; các địa phương thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng, tạo không khí đoàn kết, vui tươi, lành mạnh, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Mạch nguồn văn hóa, truyền thống lịch sử và sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm qua đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tác cho đội ngũ văn nghệ sĩ.

Hoạt động hợp tác quốc tế về văn hóa tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt, tỉnh đã hợp tác với các tổ chức của Nhật Bản, Italia, Ấn Độ trong trùng tu đô thị cổ Hội An và khu đền tháp Mỹ Sơn. Hợp tác với Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) trong việc xây dựng chiến lược và nâng cao năng lực bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch, gắn phát triển du lịch với giảm nghèo bền vững, xây dựng mô hình du lịch cộng đồng ở miền núi. Các hoạt động này đã góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam nói chung, vùng đất, con người Quảng Nam nói riêng đến với bạn bè quốc tế, phục vụ hiệu quả cho hoạt động xúc tiến phát triển du lịch của địa phương.

Thứ năm, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa với phát triển kinh tế, du lịch địa phương được xác định là một nhiệm vụ quan trọng. Tỉnh Quảng Nam đã xây dựng và đưa vào hoạt động Bảo tàng tỉnh Quảng Nam, Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng, vườn tượng điêu khắc nhằm phục vụ cho du khách tham quan, nghiên cứu, học tập, góp phần giáo dục truyền thống; 12 di sản được kiểm kê, lập hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; phối hợp xây dựng hồ sơ quốc gia “Nghệ thuật Bài chòi dân gian Trung Bộ Việt Nam” trình UNESCO công nhận Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2018.

Thứ sáu, tập trung xây dựng đội ngũ, nguồn lực phát triển văn hóa.

Đội ngũ cán bộ ngành Văn hóa được củng cố, kiện toàn và bố trí tương đối hợp lý; số lượng, chất lượng được nâng lên. Ngoài việc thực hiện chế độ chung đối với cán bộ, công chức, viên chức, các cấp đã thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ tài năng, bồi dưỡng nghề nghiệp, hỗ trợ đặc thù cho nghệ sĩ, diễn viên, đội tuyên truyền lưu động, đội nghệ thuật quần chúng; chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức văn học, nghệ thuật.

Nguồn lực đầu tư cho hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh hằng năm được quan tâm. Công tác xã hội hóa, kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa, nghệ thuật như Festival Di sản Quảng Nam, bảo tồn di tích, di sản văn hóa phi vật thể trong những năm qua đạt nhiều kết quả, tạo điều kiện thuận lợi về phương tiện, trang thiết bị, chương trình nghiên cứu khoa học cho các hoạt động văn hóa từ tỉnh đến cơ sở.

Những kết quả ấn tượng trên góp phần bồi dưỡng một thế hệ người Quảng Nam luôn giàu lòng yêu nước, lòng tự hào với truyền thống của quê hương và dân tộc, nuôi dưỡng khát vọng, hoài bão vươn lên, nêu cao ý thức trách nhiệm với xã hội, phát triển thế hệ trẻ lành mạnh, toàn diện, hài hòa cả về trí tuệ, thể chất và giá trị thẩm mỹ, ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội.

2. Những thách thức và bài học kinh nghiệm

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra sâu rộng, cùng với sự bùng nổ của công nghệ truyền thông, mạng xã hội, kéo theo những sản phẩm văn hóa ngoại lai, xa lạ với truyền thống văn hóa dân tộc đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, Quảng Nam nằm trong vùng chịu nhiều thiên tai và biến đổi khí hậu; quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, các dự án kinh tế tác động trực tiếp làm thay đổi lớn đến địa hình, không gian văn hóa vùng núi, ven sông, ven biển. Sự phân hóa giàu - nghèo, chênh lệch trong mức thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, miền vẫn đang diễn ra. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa với tăng trưởng và phát triển kinh tế đặt ra

những thách thức to lớn đối với sự nghiệp xây dựng văn hóa, con người Quảng Nam. Do vậy, bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác xây dựng văn hóa, con người Quảng Nam trong những năm qua vẫn còn bộc lộ những hạn chế, như: vẫn còn nặng thành tích trong công tác giáo dục - đào tạo; việc thực hiện nhiệm vụ phát triển năng lực, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh còn hạn chế; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển chưa đồng đều, chất lượng chưa cao; chưa có những tác phẩm lớn tương xứng với truyền thống văn hóa, sự nghiệp đổi mới và thành tựu xây dựng, phát triển của tỉnh; việc khôi phục và phát huy các giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống đang trước thách thức lớn, đứng trước nguy cơ mai một, thất truyền; kinh phí đầu tư còn hạn hẹp chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động... Về mặt chủ quan, một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực xã hội, tạo sự bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội nên chưa đầu tư đúng mức cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; chưa đặt văn hóa trong tổng thể mối liên hệ với chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa chưa gắn với con người. Những thách thức đó đã làm hạn chế phần nào những thành tựu trong công tác xây dựng, phát triển văn hóa, con người Quảng Nam.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng văn hóa, con người Quảng Nam những năm qua, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam đúc kết một số kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước; phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa.

Thứ hai, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện sát với thực tiễn địa phương, đơn vị; thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp. Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, động viên kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong xây dựng và phát triển văn hóa.

Thứ ba, xuất phát từ quan điểm phát triển bền vững, trong đó, xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm nhưng phải gắn với phát triển văn hóa, giải quyết tốt các vấn đề xã hội; gắn công tác xây dựng và phát triển văn hóa với xây dựng và chỉnh đốn Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống với tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, nguồn lực từ xã hội hóa để đầu tư cho xây dựng và phát triển con người thông qua các chương trình mục tiêu, các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế.

Thứ năm, không ngừng nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, con người. Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp, đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức giỏi về chuyên môn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, gắn bó mật thiết với nhân dân, luôn nỗ lực, phấn đấu vì sự phát triển chung của tỉnh.

3. Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người, góp phần xây dựng Quảng Nam trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước vào năm 2030

Quán triệt quan điểm “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc để văn hóa thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”¹, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người Quảng Nam, hướng đến mục tiêu gìn giữ, lan tỏa giá trị, bản sắc văn hóa gắn với không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, khơi dậy khát vọng vươn lên, cống hiến cho quê hương, đất nước, góp phần tích cực xây dựng Quảng Nam phát triển toàn diện, bền vững, trở thành tỉnh khá của cả nước vào năm 2030. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trọng tâm trên, trong thời gian tới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Nam tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo và đồng thời tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xác định rõ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Nam, bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Chú trọng tính đặc thù của văn hóa, vừa bảo đảm để văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn.

Hai là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Tập trung cụ thể hóa chủ trương, quan điểm của Đảng thành các chương trình, đề án phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra văn hóa; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và công dân đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa. Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình gắn với đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.II, tr.330.

Coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, những người làm công tác văn hóa, nghệ thuật. Phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Quan tâm hỗ trợ đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù. Tăng cường các nguồn lực cho phát triển văn hóa, tương xứng với tăng trưởng kinh tế, tăng mức đầu tư cho văn hóa lên 2% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm. Có cơ chế, chính sách nhằm huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, con người, nhất là trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Ba là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát triển xã hội bền vững, bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân, đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh hướng đến chất lượng, hiệu quả, thiết thực. Chú trọng xây dựng và phát huy bản sắc tốt đẹp trong gia đình, dòng tộc, cộng đồng, gắn với khắc phục tình trạng hình thức trong việc bình chọn, công nhận các danh hiệu văn hóa.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác gia đình; Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Đề cao vai trò, trách nhiệm và các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ thanh thiếu nhi; cùng với nhà trường giáo dục, hình thành nhân cách, đạo đức trong sáng và kỹ năng ứng xử xã hội văn minh nhằm ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

Tập trung thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều, chú ý quan tâm những khu vực đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; giảm dần khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền.

Bốn là, tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế, tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. Đẩy mạnh việc triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tinh thần khởi nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân giỏi, kinh doanh đúng pháp luật, đóng góp có trách nhiệm cho cộng đồng và xã hội. Tiếp tục chuẩn hóa và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp, từng bước thích ứng với môi trường công nghệ số.

Năm là, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục - thể thao tỉnh Quảng Nam giai

đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch, đề án tu bổ, tôn tạo di tích gắn với việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích, danh thắng trên địa bàn tỉnh.

Chú trọng thực hiện các chương trình phục hồi, bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một; giữ gìn và phát huy di sản văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, các giá trị văn hóa trong tôn giáo, tín ngưỡng. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả đề án bảo tồn, phát huy một số loại hình văn hóa các dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2025. Có cơ chế hỗ trợ đối với các câu lạc bộ, các hoạt động truyền dạy nghệ thuật truyền thống dân tộc như: Tuồng, Bài chòi, dân ca Quảng Nam, các loại hình văn hóa, văn nghệ truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi.

Đổi mới phương thức hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật của tỉnh; chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng và nghệ thuật; đồng thời, bảo đảm tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học, nghệ thuật. Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ kế cận các loại hình nghệ thuật truyền thống giai đoạn 2020-2025. Tiếp tục nâng cao chất lượng Giải thưởng Văn học - nghệ thuật đất Quảng, Tặng thưởng Văn học - nghệ thuật Quảng Nam, khuyến khích các tầng lớp nhân dân tham gia sáng tạo, phổ biến và hưởng thụ các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị, hạn chế các lệch lạc, các biểu hiện chạy theo thị hiếu tầm thường. Đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

Tiếp tục phát huy các sản phẩm công nghiệp văn hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động biểu diễn nghệ thuật gắn liền với di sản văn hóa thế giới - đô thị cổ Hội An, khu đền tháp Mỹ Sơn. Tiếp tục có cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển những sản phẩm văn hóa du lịch có giá trị gắn với vùng đất, con người Quảng Nam.

Sáu là, tiếp tục thúc đẩy hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế về văn hóa. Phối hợp chặt chẽ giữa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật với quảng bá du lịch và xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại; hỗ trợ quảng bá văn hóa và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa ra nước ngoài. Chọn lọc, tiếp thu những kinh nghiệm tốt, phù hợp của các nước trên thế giới trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

Phát triển văn hóa, xây dựng con người là sự nghiệp khó khăn, lâu dài, đòi hỏi sự chung tay, góp sức của cả hệ thống chính trị, của mỗi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội. Trong điều kiện đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, đòi hỏi bản sắc văn hóa, con người Quảng Nam cần được phát huy cao độ, tiếp tục tỏa sáng nhằm tích cực xây dựng tỉnh Quảng Nam phát triển toàn diện, bền vững và trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước vào năm 2030,

góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các quan điểm, mục tiêu, định hướng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, t.II.
- [2] Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014).
- [3] *Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”*”.
- [4] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025*, xuất bản tháng 11/2020.
- [5] Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam lần thứ tư (khóa XXII) về “Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030” (Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 20/7/2021).
- [6] Báo cáo số 269-BC/TU, ngày 05/4/2018 về “Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 31/10/2008 của Tỉnh ủy Quảng Nam về việc thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới”.
- [7] Báo cáo số 398-BC/TU, ngày 27/6/2019 về “Sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 28/8/2014 của Tỉnh ủy Quảng Nam về việc thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước””.
- [8] Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2015-2020 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.
- [9] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam: *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển”*, Nxb. Đà Nẵng, tháng 9/2019.

CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

TỈNH ỦY BÌNH ĐỊNH

Bình Định là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, hội tụ đủ các vùng sinh thái: đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển, hải đảo...; có vị trí địa lý và điều kiện giao thông thuận lợi, nằm trên ngã ba của Quốc lộ 1A và Quốc lộ 19 nối liền với Tây Nguyên và các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Đông Bắc Campuchia hạ tầng giao thông tương đối đầy đủ với nhà ga đường sắt, sân bay và cảng biển nên có điều kiện giao lưu văn hóa với các vùng miền trong cả nước và quốc tế. Thừa hưởng một mạch nguồn văn hóa đồ sộ, cổ xưa của nền văn hóa Sa Huỳnh và nền văn hóa Chăm-pa nổi tiếng, Bình Định có bề dày truyền thống lịch sử và văn hóa cũng như có sự gắn kết giữa đồng bào Kinh với đồng bào các dân tộc thiểu số: Chăm, Bana, H'ré; là nơi phát tích của phong trào khởi nghĩa Tây Sơn và là một trong những cái nôi của nghệ thuật Tuồng, dân ca Bài chòi và Võ cổ truyền Việt Nam... Với nền văn hóa lâu đời, đa dạng, trải qua quá trình lao động, sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước, cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh đã hình thành nên truyền thống văn hóa cũng như để lại những di sản văn hóa vô cùng quý giá; đồng thời tạo cho người dân Bình Định vừa có những phẩm chất cao quý của người Việt Nam, vừa có sắc thái riêng của người Bình Định. Truyền thống đó hòa quyện với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tạo thành động lực to lớn góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển tỉnh nhà.

Tỉnh Bình Định hiện có 133 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích (trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt, 34 di tích cấp quốc gia và 97 di tích cấp tỉnh); nghệ thuật Bài chòi là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; nghệ thuật Hát bội, Võ cổ truyền Bình Định là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và nhiều di sản văn hóa truyền thống tốt đẹp của cha ông để lại. Trong thời gian qua, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trên địa bàn được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần phát huy truyền thống văn hóa, lịch sử, truyền thống quê hương, đất nước trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1. Kết quả đạt được trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định

Trong nhiều năm qua, các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh đã nghiêm túc triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các đề án, kế hoạch bảo tồn, phát huy di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh như: Đề án Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc tỉnh Bình Định, Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị nghệ thuật Bài chòi Trung bộ Việt Nam - Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019 - 2023;... Từ đó đề ra các chủ trương, giải pháp bảo tồn và phát huy bền vững giá trị các di sản văn hóa tiêu biểu của tỉnh gắn với phát triển du lịch như: trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, nhất là di tích liên quan Phong trào Tây Sơn; khai thác không gian văn hóa Chăm, mở rộng các loại hình dịch vụ tại một số tháp Chăm trên địa bàn tỉnh; đầu tư và huy động các nguồn vốn xã hội hóa để tôn tạo các công trình di tích lịch sử cách mạng, nhà lưu niệm; đầu tư phát triển một số võ đường tiêu biểu, đưa Võ cổ truyền Bình Định trở thành sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng riêng; phát triển các lễ hội, làng nghề truyền thống tiêu biểu của tỉnh; tăng cường công tác bảo tồn các công trình kiến trúc lịch sử, nghệ thuật, văn hóa, các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Qua đó, tiếp tục dành nguồn lực trùng tu, nâng cấp và phát huy giá trị nhiều di tích lịch sử - văn hóa, cụ thể:

Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể:

Những năm gần đây, qua các Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, Chương trình phát triển văn hóa, bằng các nguồn lực từ ngân sách của tỉnh và nguồn xã hội hóa, nhiều di tích văn hóa trên địa bàn đã được trùng tu, tôn tạo.

Đề xuất, thực hiện xây dựng và triển khai dự án Quy hoạch mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung, Khu di tích Đền thờ Tây Sơn Tam kiệt (với tổng diện tích 17,74ha); hiện nay, nhiều công trình, hạng mục đã hoàn thành được đưa vào sử dụng, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tham quan, nghiên cứu của nhân dân, du khách trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, còn thực hiện đầu tư xây dựng, trùng tu, tôn tạo các đền thờ, khu di tích: Đền thờ Bùi Thị Xuân, Đền thờ Võ Văn Dũng, Khu Di tích Đài Kính Thiên; Di tích Gò Lãng và Khu di tích Lăng mộ Hiến tổ khảo Tây Sơn Tam kiệt...

Triển khai thực hiện các dự án trùng tu, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích tháp Chăm trên địa bàn, như: Tháp Dương Long, Tháp Đôi, Tháp Bánh Ít, Tháp Phú Lốc, Tháp Cánh Tiên, Tháp Bình Lâm,... Trong đó, một số tháp đang được khai thác phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tham quan du lịch như: Tháp Đôi, Tháp Cánh Tiên, Tháp Bánh Ít.

Các di tích lịch sử cách mạng, nhà lưu niệm các danh nhân, chí sĩ yêu nước trên địa bàn tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng, tôn tạo, góp phần phát huy giá trị, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa và tạo nên các sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh phục vụ du khách trong và ngoài nước như: Di tích nhà lưu niệm nơi thành lập các chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh (Chi bộ Nhà Đền, Chi bộ Cửu Lợi, Chi bộ Hồng Lĩnh,...); Biểu tượng di tích địa điểm chuyển quân tập kết ra Bắc; Nơi cập bến Tàu Không số tại bãi biển Lộ Diêu; Khu di tích Nhà tù Phú Tài; Nhà bia tưởng niệm chiến thắng của Sư đoàn 3 Sao Vàng; Di tích Địa điểm Chiến thắng Đèo Nhông - Dương Liễu, Đồi Mươi, Chợ Cát, Thuận Ninh; Khu lưu niệm Nguyễn Sinh Sắc tại Di tích Huyện đường Bình Khê; Lăng Mai Xuân Thuường, Đền thờ Tăng Bạt Hổ, Đền thờ Đào Duy Từ, Nhà lưu niệm nhà thơ Xuân Diệu, Đình Cẩm Thượng, Đền thờ Danh nhân văn hóa Đào Tấn, Đền thờ Nguyễn Trung Trực, Đền thờ Võ Duy Dương,...

Công tác quản lý, bảo vệ di tích văn hóa được các địa phương, các ngành trong tỉnh phối hợp chặt chẽ, góp phần ngăn chặn tình trạng xâm phạm di tích. Nhân lực phục vụ tại các di tích văn hóa được quan tâm, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu của nhân dân và du khách. Bảo tàng tỉnh đã biên soạn, xuất bản Tập gấp song ngữ (Việt - Anh) giới thiệu các di tích: Tháp Đôi, Tháp Cánh Tiên, Tháp Dương Long, Thành Hoàng Đế, Tháp Phú Lốc, Tháp Bánh Ít nhằm giới thiệu hình ảnh, giá trị nghệ thuật, văn hóa, lịch sử của di tích đến với du khách. Ngoài ra, để tạo điều kiện khai thác, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu của tỉnh, tỉnh đang triển khai xây dựng Đề án xã hội hóa tổ chức hoạt động dịch vụ tại một số di tích trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, Bảo tàng Quang Trung đang quản lý và trưng bày 11.690 tư liệu, hiện vật (bao gồm hiện vật gốc và hiện vật phục chế) liên quan đến lịch sử triều đại Tây Sơn; Bảo tàng tỉnh lưu giữ hơn 15.000 hiện vật bao gồm các chất liệu như: đá, gốm, kim loại, vải, giấy, thủy tinh, phim ảnh... Trong đó, có những bộ sưu tập quý hiếm được các bảo tàng thực hiện công tác kiểm kê, bảo quản hiện vật theo đúng quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đến năm 2020, tỉnh Bình Định có 8 hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia¹.

Công tác xã hội hóa trong bảo tồn, phát huy giá trị các di tích văn hóa tiếp tục đạt được những kết quả tích cực. Những năm gần đây, nhiều tổ chức, cá nhân đã

1. Phù điêu nữ thần Mahishasuramardini; Phù điêu thần Brahma; Cặp tượng chim thần Garuda diệt rắn Tháp Mẫm; Phù điêu nữ thần Sarasvati; Cặp tượng hộ pháp (Dvarapala); Tượng thần Shiva.

đầu tư, tài trợ hàng trăm tỷ đồng cho hoạt động trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, mua sắm, bài trí đồ thờ tự, trang trí di tích, tổ chức lễ hội tại các di tích. Việc xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di tích đã góp phần làm cho diện mạo di sản văn hóa của tỉnh ngày càng khởi sắc, hình thành các sản phẩm văn hóa - du lịch hấp dẫn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể:

Được sự đồng ý và hỗ trợ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tỉnh Bình Định cùng với 8 tỉnh, thành miền Trung đã xây dựng hồ sơ khoa học quốc gia Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam trình UNESCO. Ngày 7/12/2017, “Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ của Việt Nam” chính thức được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Thực hiện Đề án bảo tồn, phát huy nghệ thuật Bài chòi, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 35 nhóm, 38 câu lạc bộ Bài chòi dân gian được ủy ban nhân dân cấp xã bảo trợ, quản lý với trên 180 nghệ nhân thực hành trình diễn, truyền dạy, thường xuyên tổ chức biểu diễn phục vụ nhân dân và du khách. Công tác truyền dạy nghệ thuật Bài chòi được chú trọng, các cơ quan quản lý văn hóa các cấp trong tỉnh đã thường xuyên mở các lớp tập huấn biểu diễn nghệ thuật Bài chòi dân gian cho những người yêu thích loại hình nghệ thuật này; phối hợp với sở Giáo dục và Đào tạo đưa nghệ thuật Bài chòi vào chương trình hoạt động ngoại khóa trong các trường phổ thông trên địa bàn. Việc tổ chức trình diễn nghệ thuật Bài chòi dân gian trong 10 năm gần đây được các địa phương phục dựng, biểu diễn vào dịp lễ, tết và được đưa vào trong chương trình các hội thi, hội diễn, liên hoan, ngày hội văn hóa - thể thao...

Bình Định là một trong những cái nôi của nghệ thuật Tuồng. Bên cạnh Đoàn tuồng Đào Tấn (thuộc Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh) là đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, trên địa bàn tỉnh còn có 11 đoàn tuồng truyền thống ngoài công lập hoạt động thường xuyên, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thưởng lãm nghệ thuật, các dịp lễ hội dân gian truyền thống tại các địa phương trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra, còn có hàng chục nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú đang thực hành biểu diễn và truyền dạy các vai diễn mẫu mực, vở diễn kinh điển cho lực lượng nghệ sĩ, diễn viên trẻ nhằm kế tục công tác bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

Bình Định hiện có hàng nghìn huấn luyện viên, võ sư, đại võ sư đang nắm giữ và truyền dạy nghệ thuật Võ cổ truyền Bình Định tại 177 võ đường, câu lạc bộ võ cổ truyền trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có 4 nghệ nhân ưu tú, 2 đại võ sư quốc tế, 27 đại võ sư quốc gia, 21 võ sư cao cấp, 102 võ sư, 48 chuẩn võ sư, 500 huấn luyện viên. Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Võ cổ truyền Bình Định có bề dày lịch sử võ học, thể hiện sự phong phú và đặc sắc của một di sản văn hóa phi vật thể ảnh hưởng sâu rộng và giao lưu, lan tỏa ra nhiều nước trên thế giới. Nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của Võ cổ truyền Việt Nam, trong đó có Võ cổ truyền Bình Định,

từ năm 2006 đến nay, Bình Định đăng cai tổ chức 7 kỳ Liên hoan Quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam, thu hút hàng trăm đoàn võ thuật nước ngoài và trong nước, cùng với hàng nghìn võ sư, võ sĩ, võ sinh tham gia. Đây là hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch có quy mô lớn, góp phần tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, giới thiệu với bạn bè quốc tế về vùng đất, văn hóa, con người Bình Định; đồng thời, tạo điều kiện để các đoàn võ thuật trong nước và quốc tế gặp gỡ, giao lưu, trao đổi về công tác bảo tồn và phát huy Võ cổ truyền Việt Nam nói chung và Võ cổ truyền Bình Định nói riêng, đưa Võ cổ truyền Việt Nam phát triển rộng rãi trên khắp thế giới. Để tôn vinh giá trị về khoa học, lịch sử, văn hóa và phát huy giá trị của di sản Võ cổ truyền Bình Định, tỉnh Bình Định đã đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý đưa di sản Võ cổ truyền Bình Định vào danh mục đề cử lên UNESCO ghi danh, tôn vinh là di sản văn hóa phi vật thể.

Nhằm giới thiệu, quảng bá di sản văn hóa dân tộc, tỉnh đã cử Đội nhạc võ Tây Sơn (thuộc Bảo tàng Quang Trung), các nghệ sĩ, diễn viên Nhà hát Tuồng Đào Tấn (nay là Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh) tham gia biểu diễn các chương trình nghệ thuật tại nhiều nơi trong và ngoài nước.

Công tác chăm lo đời sống và hỗ trợ điều kiện hoạt động cho các nghệ nhân trên lĩnh vực văn hóa phi vật thể được quan tâm. Đến nay, tỉnh có 4 nghệ nhân được Nhà nước phong tặng, truy tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, 19 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú. Các nghệ nhân được đãi ngộ, tôn vinh, tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí thực hiện trình diễn, truyền dạy di sản theo chính sách đãi ngộ của Nhà nước.

Bình Định có 119 lễ hội truyền thống, trong đó có nhiều lễ hội mang bản sắc văn hóa độc đáo và lan tỏa sâu rộng trong cả nước và một số quốc gia, vùng lãnh thổ như: Lễ hội kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (huyện Tây Sơn), Lễ hội Chợ Gò, Lễ hội Đô Thị Nước Mặn (huyện Tuy Phước), lễ hội cầu ngư (các địa phương ven biển),... Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh còn có di sản ngôn ngữ và truyền thống, nét đẹp văn hóa của các dân tộc Chăm H'roi, Bana K'riêm, H'rê và các cộng đồng dân cư; trên 60 làng nghề truyền thống. Để bảo tồn, phát triển nét đẹp văn hóa truyền thống trên địa bàn, tỉnh đã duy trì tổ chức Ngày hội Văn hóa - Thể thao miền biển, Ngày hội Văn hóa - Thể thao các dân tộc miền núi, Liên hoan Cồng chiêng các dân tộc thiểu số; tổ chức nghiên cứu và giảng dạy tiếng Chăm H'roi, Bana K'riêm, H'rê trong hệ thống trường dân tộc nội trú và cho cán bộ công tác tại các huyện miền núi; tổ chức sưu tầm và xuất bản các tác phẩm về tục ngữ, ca dao người Việt, trường ca Bana K'riêm, truyện cổ dân gian người Chăm H'roi, H'rê, về văn hóa dân gian thời Tây Sơn, vùng Thành Hoàng Đế...; duy trì, bảo tồn các nghi thức lục cúng, nghi thức rước cá Ông, nghi thức tế lễ tổ tiên, nghi thức xây chầu hát án tại các đình làng, nghi thức tằm trầu và lễ cưới cổ truyền của các dân tộc...; quy hoạch phát triển bền vững 38 làng nghề truyền thống; xây dựng 34 làng nghề

đạt tiêu chuẩn làng nghề tiêu thủ công nghiệp theo quy định (trong đó có 5 làng nghề gắn với phát triển du lịch¹).

Công tác nghiên cứu di sản lịch sử, văn hóa được quan tâm. Trong thời gian qua, tỉnh đã tổ chức và phối hợp tổ chức thực hiện nhiều đề tài, dự án, hội thảo khoa học như: Hội thảo quốc tế về di sản Nghệ thuật Bài chòi với các loại hình nghệ thuật tương đồng trên thế giới (năm 2015), Hội thảo khoa học về nơi phôi thai chữ Quốc ngữ tại Bình Định (năm 2016), Hội thảo khoa học quốc tế Gốm cổ Bình Định - Vương quốc Vijaya và mối quan hệ với kinh đô Thăng Long - Đại Việt thế kỷ XI - XV (năm 2017), Hội thảo khoa học Nguyễn Tất Thành ở Bình Định, các hội thảo khoa học về lịch sử đảng bộ địa phương... Tổ chức các đợt nghiên cứu, khai quật khảo cổ ở di tích Thành Hoàng Đế, Thành Cha, Gốm cổ Gò Sành, di tích kiến trúc nghệ thuật Tháp Dương Long, phế tích Tân Kiều, phế tích Châu Thành. Các hội thảo về khảo cổ là cơ sở khoa học để tổng kết, đánh giá những thành tựu nghiên cứu di sản ở Bình Định; từ đó đánh giá giá trị, vai trò và định hướng phát huy bền vững trong xây dựng và phát triển văn hóa ở Bình Định. Quan tâm hỗ trợ các nhà nghiên cứu thực hiện các công trình nghiên cứu, đề tài khoa học như: Thập Bát ban binh khí Võ cổ truyền Bình Định; Chân dung võ sư, võ nhân; Lễ hội Cầu ngư ở Bình Định; Tiếng nói, chữ viết của dân tộc Chăm H'roi, dân tộc Bana K'riêm, H'rê; Nghề làm nón ngựa Phú Gia, Dệt thảm xơ dừa ở Tam Quan... và các công trình nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ, lịch sử ngành, truyền thống cách mạng địa phương².

2. Một số giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu và quảng bá hình ảnh, giá trị về di sản văn hóa, lịch sử truyền thống tốt đẹp

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, quảng bá giá trị di sản văn hóa tiêu biểu của tỉnh. Tập trung giới thiệu rộng rãi các di sản văn hóa cho du khách trong và ngoài nước thông qua các kênh truyền thông, ấn phẩm, tập gấp, sách hướng dẫn, mạng Internet, các hội chợ, triển lãm,...

Tăng cường phối hợp với các tỉnh, thành miền Trung tổ chức Liên hoan nghệ thuật Bài chòi dân gian; lồng ghép trong chương trình các kỳ liên hoan, lễ hội văn hóa - du lịch của các tỉnh, thành... nhằm quảng bá giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật Bài chòi đến du khách trong nước và quốc tế.

1. Làng rượu Bàu đá (xã Nhơn Lộc), Làng tiện gỗ mỹ nghệ (xã Nhơn Hậu), Làng rèn Phương Danh (phường Đập Đá), Làng nón ngựa Phú Gia (xã Cát Tường), Làng dệt thổ cẩm Hà Ri (xã Vĩnh Hiệp).

2. Từ năm 2002 đến nay, toàn tỉnh đã xuất bản 275 tác phẩm lịch sử, truyền thống cách mạng.

Phối hợp, liên kết với các bảo tàng quốc gia, bảo tàng các tỉnh, thành phố và bảo tàng nước ngoài tổ chức trưng bày, triển lãm giới thiệu các sưu tập cổ vật, bảo vật quốc gia của tỉnh đến với du khách trong và ngoài nước.

Phối hợp với các tỉnh, thành miền Trung có di sản văn hóa Chăm xây dựng các chương trình du lịch qua các vùng văn hóa Chăm, về thăm di tích văn hóa Chăm, làng Chăm, tham gia lễ hội truyền thống văn hóa Chăm... nhằm đưa văn hóa Chăm trở thành một trong những sản phẩm du lịch đặc trưng của Bình Định. Kết hợp khai thác loại hình du lịch văn hóa Chăm với các loại hình du lịch văn hóa trên địa bàn tỉnh như: du lịch biển đảo, làng nghề truyền thống, làng hát bội cổ truyền, làng võ cổ truyền, hội bài chòi dân gian,...

Duy trì tổ chức Liên hoan quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam định kỳ 3 năm/lần, thu hút các đoàn võ thuật trong nước và quốc tế tham gia, góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Võ cổ truyền Bình Định nói riêng và Võ cổ truyền Việt Nam nói chung.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ nghệ thuật truyền thống, võ cổ truyền và đẩy mạnh việc đưa nghệ thuật truyền thống, võ cổ truyền vào hoạt động ngoại khóa trong các trường học trên địa bàn.

- Thực hiện phân cấp, ủy quyền quản lý di sản văn hóa

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh; trong đó đẩy mạnh việc phân cấp gắn với trách nhiệm quản lý di tích cho ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức ở cơ sở có liên quan. Thành lập các tổ chức, câu lạc bộ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của địa phương, tổ chức truyền dạy, thực hành di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng.

- Thành lập các ban quản lý một số di tích tiêu biểu, câu lạc bộ thực hành, truyền dạy di sản văn hóa quốc gia

Thành lập ban quản lý một số di tích trọng điểm để quản lý, bảo vệ và khai thác tiềm năng, giá trị của di tích theo quy định của pháp luật để phục vụ cộng đồng tại địa phương và phát triển du lịch; quy hoạch các vùng chức năng phục vụ dân sinh gắn kết với bảo vệ, phát huy giá trị di sản, bảo vệ tài nguyên. Thành lập tại cộng đồng, nơi chủ thể di sản các câu lạc bộ thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể. Đẩy mạnh xã hội hóa tổ chức các dịch vụ gắn với công tác bảo vệ, quản lý các di tích.

- Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cử cán bộ hoạt động trên các lĩnh vực liên quan đến di sản văn hóa tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đào tạo kỹ năng nghề và ngoại ngữ cho lực lượng lao động phục vụ tại các di tích, danh thắng, công trình tiêu biểu, đặc biệt là đội ngũ thuyết minh viên.

- Lập kế hoạch, đề án bảo tồn, phát huy giá trị các di sản tiêu biểu

Lập kế hoạch, đề án bảo vệ và phát huy giá trị đối với từng di sản văn hóa tiêu biểu trên địa bàn, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, lịch sử truyền thống tốt đẹp của quê hương trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục bảo tồn và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, các cộng đồng dân cư trên địa bàn.

3. Đề xuất, kiến nghị

Ban Bí thư xem xét ban hành các chỉ thị, hướng dẫn về bảo tồn và phát huy bền vững giá trị các di sản văn hóa của đất nước.

Chính phủ quan tâm chỉ đạo các bộ, ngành cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, bảo đảm sự hài hòa giữa bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch, bảo đảm vai trò của cộng đồng đối với các di sản. Có chính sách cụ thể huy động các nguồn lực xã hội hóa để bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch, lấy phát triển du lịch để bảo vệ, phát huy tốt hơn giá trị của di sản văn hóa.

VĂN HÓA - NGUỒN LỰC, ĐỘNG LỰC NỘI SINH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

PHẠM ĐẠI DƯƠNG*

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, nguồn lực, động lực nội sinh to lớn của đất nước, có vai trò điều tiết sự vận động của xã hội. Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước là quan điểm xuyên suốt, nhất quán trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần quan trọng vào việc hiện thực hóa mục tiêu, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Văn hóa soi đường cho quốc dân đi

Văn hóa là một khái niệm mang nội hàm rộng với nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người; được con người tạo ra và phát triển trong mối quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Văn hóa là một nguồn lực to lớn, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển của mỗi con người, tổ chức, rộng hơn là của quốc gia - dân tộc. Vì vậy, Đảng và Nhà nước rất coi trọng vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Trước đây, một số nhà lãnh đạo và học giả cho rằng, chỉ cần tăng trưởng kinh tế là có sự phát triển. Đây là quan niệm phát triển nhanh bằng cách hy sinh các giá trị văn hóa và bỏ qua các mục tiêu xã hội. Tuy nhiên, thực tiễn thế giới và Việt Nam cho thấy, các quốc gia đi theo xu thế này đạt được một số thành tựu về kinh tế nhưng đã phải hứng chịu những hậu quả xã hội, sự xuống cấp về đạo đức và văn hóa. Từ đó, lại ảnh hưởng tiêu cực tới sự tăng trưởng, mất ổn định xã hội tăng lên và cuối cùng là sự phá sản của các kế hoạch phát triển kinh tế, đất nước rơi vào tình trạng suy thoái.

Lịch sử phát triển của thế giới cho thấy, quốc gia nào chú trọng các giá trị văn hóa của dân tộc thì sẽ xây dựng được mô hình phát triển bền vững; trong đó, có không ít quốc gia đã phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống để thúc đẩy sự phát triển kinh tế nhanh và bền vững, mà Nhật Bản là ví dụ điển hình.

* Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Yên.

Trong nhiều thập niên qua, ở Nhật Bản, văn hóa đã thực sự trở thành một “sức mạnh mềm” thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội và tạo dựng được uy tín, hình ảnh tốt đẹp trong lòng bạn bè quốc tế. Quốc gia này xác định, sự phát triển kinh tế dựa trên nền tảng kỹ thuật phương Tây cộng với văn hóa truyền thống đã hình thành nên một mô hình phát triển xã hội điển hình, đó là thành công của quốc gia này. Các giá trị văn hóa, đặc biệt là văn hóa truyền thống, như trọng gia đình, tính trung thực, bình đẳng, trách nhiệm, tinh thần võ sĩ đạo,... là nhân tố quan trọng cho sự thành công của Nhật Bản, tạo nên sự hài hòa giữa vật chất và tinh thần trong mỗi công dân. Nền văn hóa đó thấm đẫm trong con người Nhật Bản và ngày càng được phát huy trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa của đất nước này. Bên cạnh đó, văn hóa còn là nền tảng tạo nên triết lý kinh doanh cho các doanh nghiệp Nhật Bản, giúp họ biết tổ chức sản xuất, kinh doanh năng động và độc đáo, khẳng định được vị thế trên thị trường thế giới.

Đối với Việt Nam, văn hóa có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong cách mạng, kháng chiến và phát triển kinh tế - xã hội. *Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943* xác định, văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) có mối quan hệ mật thiết với nhau. Đảng không chỉ làm cách mạng về chính trị mà còn phải đổi mới, phát triển về văn hóa; đồng thời, Đề cương đề ra ba nguyên tắc của nền văn hóa Việt Nam mới là: dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất đặc biệt đề cao vai trò của văn hóa trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, bồi đắp nền tảng tinh thần cho xã hội. Theo Người, văn hóa chính là biểu hiện của sự hiểu biết, tài năng, trí tuệ, đạo đức, lối sống, tâm hồn,... của con người và của mỗi cộng đồng, dân tộc trong mối quan hệ với xã hội và tự nhiên. Đặc biệt, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (tháng 11/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra luận điểm: “*Văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”¹. Luận điểm này cho thấy phạm vi rộng lớn, tầm ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trở thành nguyên tắc quan trọng, có ý nghĩa cơ bản, lâu dài và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình phát triển văn hóa Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Khi đất nước thống nhất hoàn toàn và đặc biệt là từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới, những luận điểm về phát triển văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước được Đảng ta cụ thể hóa và triển khai mạnh mẽ hơn nữa trong thực tiễn. Đó là Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị (khóa VI) về “Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới”, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa VII về “Một số nhiệm vụ văn hóa,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

văn nghệ những năm trước mắt”; đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, và gần đây là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đều xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển; gắn văn hóa với sự phát triển kinh tế - xã hội, với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; với chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp,... Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII đề ra: “Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững”¹; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI xác định: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”.

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng như hiện nay, thì những luận điểm nêu trên là rất đúng đắn và kịp thời; đã nhấn mạnh tầm quan trọng của văn hóa trong mối quan hệ với sự phát triển kinh tế - xã hội; là cơ sở để khắc phục những quan điểm sai lầm đã từng tồn tại trong tư duy của không ít người khi cho rằng, phát triển kinh tế là quan trọng nhất, phát triển văn hóa chỉ là phụ, là sự “ăn theo” kinh tế. Đặc biệt, các luận điểm đó mang ý nghĩa thực tiễn rất cao khi coi văn hóa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Bởi, lịch sử cho thấy, sự phát triển của đất nước về mọi mặt, kể cả kinh tế, chính trị và con người, xét đến cùng, nếu muốn đi thật xa, nếu muốn ngày càng trở nên bền vững hơn thì đều phải nằm trong quỹ đạo của văn hóa và phải có văn hóa dẫn đường, như luận điểm “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra năm 1946.

Hiện nay, so với những thành tựu đạt được trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... thì thành tựu trong lĩnh vực văn hóa là chưa tương xứng, chưa đủ để tác động có hiệu quả tới việc xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa một số khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước về văn hóa có chỗ, có nơi còn chậm đổi mới, có lúc, có nơi còn bị xem nhẹ. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng và còn dàn trải. Chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về văn hóa để đầu tư đúng hướng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, t.5, tr.303-34.

và có hiệu quả. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp chưa thật sự được quan tâm đúng mức. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, bất cập nêu trên là do một số tàn dư văn hóa cũ, lạc hậu; ảnh hưởng từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế; nhận thức và việc cụ thể hóa chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về văn hóa ở một số khu vực, lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu phát triển; điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam còn không ít khó khăn, do đó đầu tư cho phát triển văn hóa còn hạn chế.

Để văn hóa trở thành nguồn lực, động lực nội sinh phát triển bền vững đất nước

Mục tiêu, định hướng

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đây là cơ hội lịch sử để Việt Nam vươn lên, thực hiện khát vọng đứng vào hàng ngũ các quốc gia phát triển vào năm 2045 - dịp kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Để thực hiện được khát vọng đó, Việt Nam cần xây dựng mô hình phát triển phù hợp, mà trong đó, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính, còn văn hóa và con người chính là nguồn lực nội sinh để phát triển.

Bên cạnh các cơ hội, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng tạo ra những thách thức đối với sự phát triển đất nước nói chung, phát triển văn hóa nói riêng. Thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở ra nhiều cơ hội mới cho quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa, đồng thời cũng dẫn đến nguy cơ phai nhạt về bản sắc và truyền thống văn hóa dân tộc. Cùng với đó là việc sử dụng văn hóa như một “sức mạnh mềm” của các nước lớn để thể hiện vai trò, thực hiện tham vọng về lợi ích, mục đích chính trị.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà, đặc biệt là phát triển toàn diện con người Việt Nam, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, phục vụ phát triển bền vững đất nước trở nên quan trọng và cấp bách hơn bao giờ hết. Phải thấm nhuần mục tiêu và quan điểm coi văn hóa thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực, động lực nội sinh bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp; phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; chú ý đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng, bên cạnh việc khẳng định những kết quả quan trọng đạt được trên lĩnh vực văn hóa trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XII và 35 năm đổi mới đất nước cũng thẳng thắn chỉ ra hạn chế, khuyết điểm: Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thực sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Từ đó, Đại hội lần thứ XIII

của Đảng đã đề ra định hướng: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”¹.

Xây dựng, phát triển văn hóa, con người hướng đến chân - thiện - mỹ, có tinh thần nhân văn, có đời sống tâm hồn phong phú tất nhiên sẽ không chỉ ứng xử tốt đẹp với nhau mà còn ứng xử có văn hóa với thiên nhiên. Khi con người biết yêu thiên nhiên, tôn trọng thiên nhiên thì sẽ có ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững, vì thế, phải có cái gốc từ văn hóa.

Một số nhiệm vụ chủ yếu

Thứ nhất, đổi mới phương thức bảo tồn và phát triển văn hóa. Trước sự phát triển của công nghệ, sự du nhập của các sản phẩm văn hóa ở bên ngoài vào trong nước, con người Việt Nam nói chung, thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay đang đứng trước “mê hồn trận” sản phẩm văn hóa, trong đó có nhiều sản phẩm tốt, có giá trị, làm phong phú thêm cho đời sống; bên cạnh đó, cũng có không ít sản phẩm đồi lõt văn hóa, không có giá trị bồi bổ tinh thần, thậm chí làm méo mó các giá trị đích thực và định hướng sai lệch trong lựa chọn các giá trị văn hóa của giới trẻ. Những sản phẩm văn hóa “dễ tiêu dùng, ít giá trị” này đã dễ dàng thu hút sự quan tâm của các bạn trẻ, khiến nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, như lòng yêu nước, tính tự lực tự cường, ham học hỏi,... đứng trước nguy cơ bị phai mờ. Đồng thời, phương thức phát triển và bảo tồn văn hóa truyền thống lâu nay vẫn chưa thực sự được đổi mới, khiến những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc không được phát huy. Trước thực trạng đó, việc phát triển văn hóa cần tiếp tục được đổi mới, hiệu quả hơn, đi vào cuộc sống hơn; trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên; thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống; bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam². Có như vậy, văn hóa mới được bảo tồn, mới thực sự trở thành nền tảng tinh thần của một xã hội lành mạnh, giàu tính nhân văn, đất nước Việt Nam mới phát triển đi lên.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.330.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.143.

Thứ hai, phát triển công nghiệp văn hóa trở thành động lực mới của nền kinh tế. Bên cạnh việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, việc phát triển ngành công nghiệp văn hóa trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, phát huy được “sức mạnh mềm” cũng là một nội dung quan trọng. Cha đẻ của ngành quản trị hiện đại Peter Drucker từng tiên đoán, công nghiệp văn hóa sẽ là yếu tố đặc biệt quan trọng góp phần quyết định sự thành bại của mỗi quốc gia trong thế kỷ XXI. Dự đoán trên thể hiện vai trò quan trọng của công nghiệp văn hóa trong phát triển kinh tế của đất nước. Thực tiễn cũng cho thấy, nhiều quốc gia đã phát triển công nghiệp văn hóa thành công, trở thành một động lực mới của nền kinh tế như trường hợp của Hàn Quốc, Nhật Bản,...

Ở Hàn Quốc, việc phát triển công nghiệp văn hóa thu được những thành công rất ấn tượng. Đóng góp của lĩnh vực công nghiệp văn hóa ở Hàn Quốc cho GDP chiếm hơn 6% và có xu hướng tiếp tục tăng. Bên cạnh đóng góp trực tiếp, công nghiệp văn hóa còn tạo hiệu quả lan tỏa đối với các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Nghiên cứu định lượng cho thấy, nếu kim ngạch xuất khẩu sản phẩm văn hóa Hàn Quốc tăng 100 USD, thì kim ngạch xuất khẩu hàng tiêu dùng của Hàn Quốc tăng 412 USD. Bên cạnh các giá trị kinh tế, việc phát triển công nghiệp văn hóa còn giúp phát triển đất nước trên các phương diện khác, nhất là truyền bá văn hóa và tăng cường sức mạnh mềm của đất nước; qua đó, nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế.

Ở Việt Nam, phát triển công nghiệp văn hóa đã sớm được đề cập tại Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI và tiếp tục được đề cập tại Đại hội lần thứ XII của Đảng về nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Tuy nhiên, công nghiệp văn hóa vẫn đang còn rất hạn chế. Để phát triển lĩnh vực này một cách có hiệu quả, Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định phải “khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới”¹.

Thứ ba, bảo tồn, khai thác và phát huy nguồn tài nguyên văn hóa. Việt Nam đang trên đà phát triển kinh tế nhanh với mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 và luôn xác định văn hóa là nền tảng tinh thần, là nguồn lực nội sinh, là “ngọn đuốc soi đường” cho sự phát triển của đất nước. Thực tiễn hơn 35 năm đổi mới cho thấy, nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.145.

bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Tuy vậy, nhìn một cách tổng thể, văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thực sự trở thành nguồn lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam bị mai một. Môi trường văn hóa đứng trước nhiều thách thức, chịu tác động mạnh của yếu tố ngoại lai, đe dọa đến thuần phong mỹ tục,... Do vậy, để văn hóa, con người thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, động lực của sự phát triển bền vững đất nước, trước hết phải bảo tồn được nguồn lực văn hóa và khai thác đúng tầm giá trị của nguồn tài nguyên vô giá này.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh, cần bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam: tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ... Tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa đi đôi với đổi mới nội dung, phương thức quản lý, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả¹.

Cần lưu ý, văn hóa là tài nguyên quốc gia, nhưng tài nguyên không phải trong trạng thái ngủ yên mà phải được đánh thức, tạo ra giá trị cho đời sống. Sự đánh thức nguồn tài nguyên văn hóa trong thời hiện đại chính là xây dựng được nền công nghiệp văn hóa để khai thác có hiệu quả.

Phát huy các giá trị của nguồn tài nguyên văn hóa dân tộc để phát triển đất nước bền vững không chỉ là sự quyết tâm và hành động của cả hệ thống chính trị, mà còn là sự nhận thức và chung tay của toàn dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai của đất nước.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.I, tr.143-146.

GẮN KẾT CHẶT CHẼ, HÀI HÒA GIỮA XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của đất nước. Theo Người, văn hóa được xây dựng và bồi đắp nên trong suốt chiều dài lịch sử, xây dựng nền tảng tinh thần của một xã hội, giữ vai trò quan trọng, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, trước lúc đi xa, trong *Di chúc* thiêng liêng để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”¹. Ngày nay, tư tưởng về văn hóa của Người vẫn luôn là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt quá trình phát triển văn hóa Việt Nam, là định hướng quan trọng để đất nước phát triển bền vững.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng ta đã xác định mục tiêu xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân, thiện, mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”.

1. Kết quả đạt được của tỉnh trong xây dựng, phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Quán triệt, thực hiện quan điểm, mục tiêu của Đảng và nhận thức rõ về tầm quan trọng của văn hóa, những năm qua, Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa đã cụ thể hóa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.605.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” bằng Chương trình hành động của Tỉnh ủy và đưa nhiệm vụ về xây dựng, phát triển văn hóa vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh qua các nhiệm kỳ. Trong đó, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tập trung xây dựng, phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Khánh Hòa phát triển toàn diện, vun đắp tinh thần yêu nước, yêu lao động, lòng tự hào dân tộc, thấm nhuần tinh thần, truyền thống quê hương, đất nước, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa xây dựng, phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tỉnh Khánh Hòa ngày càng giàu đẹp, trở thành trung tâm kinh tế - du lịch, khoa học và công nghệ, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, kinh tế du lịch và chăm sóc sức khỏe nhân dân của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và của cả nước.

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, gắn kết hài hòa phát triển kinh tế đi đôi với xây dựng, phát triển văn hóa, con người vùng đất “xứ Trầm, biển Yến”, tỉnh Khánh Hòa luôn quan tâm đầu tư, phát triển đồng bộ các lĩnh vực. Hệ thống trường lớp phát triển đa dạng, phân bố hợp lý, đảm bảo nhu cầu học tập ở tất cả các vùng dân cư trong tỉnh. Chất lượng giáo dục - đào tạo tăng lên. Các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các cơ sở dạy nghề đã tham gia tích cực vào công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn, nghiệp vụ, người lao động có tay nghề, đáp ứng yêu cầu công việc và nhu cầu xã hội. Việc ưu tiên đầu tư, phát triển 3 vùng động lực là thành phố Nha Trang, khu vực vịnh Cam Ranh, khu kinh tế Vân Phong và 4 chương trình kinh tế - xã hội qua 2 nhiệm kỳ gần đây đã hiện thực hóa quan điểm phát triển đồng bộ, hài hòa, gắn kết chặt chẽ giữa kinh tế và văn hóa, xã hội. Kết quả nổi bật là diện mạo nông thôn, đô thị trên địa bàn tỉnh có sự thay đổi tích cực, giảm nghèo bền vững, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của từng huyện, thị xã, thành phố và của cả tỉnh. Cùng với đó, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đi vào thực chất hơn, với 86% cơ quan, 87% gia đình, 85% thôn/tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa... Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân được tăng cường; cơ sở vật chất, nhân lực của hệ thống y tế cơ sở được củng cố; 95% số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển sâu rộng. Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 35,5% số dân; 36,2% hộ gia đình đạt tiêu chí gia đình thể thao.

Trong bối cảnh cả nước đang tập trung phòng, chống dịch COVID-19, tỉnh Khánh Hòa thực hiện tốt “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch có hiệu quả, xây dựng các phương án, biện pháp ứng phó phù hợp để “chung sống an toàn với dịch COVID-19”, vừa bảo đảm sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Theo đó, tỉnh chỉ đạo các giải pháp từng

bước nói lòng giãn cách xã hội theo phương châm linh hoạt, thích ứng an toàn với dịch COVID-19. Những kết quả đó có sự đóng góp của hoạt động văn hóa, tỉnh đã phát động phong trào “Toàn dân tham gia xây dựng địa bàn an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19”, xây dựng tinh thần đoàn kết, huy động các tầng lớp nhân dân chung tay bảo vệ “vùng xanh”, thu hẹp và xóa bỏ “vùng đỏ”; triển khai các hoạt động tuyên truyền lưu động nhằm nâng cao ý thức của người dân trong công tác phòng, chống dịch. Nhiều hoạt động văn hóa được tổ chức gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh,... đảm bảo an toàn phòng, chống dịch, được dư luận đánh giá cao.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa luôn được tỉnh quan tâm, trong đó cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động văn hóa từng bước được nâng cấp; chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa ngày càng cao; sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo đúng với truyền thống văn hóa dân tộc và quy định của Nhà nước. Khánh Hòa hiện có 16 di tích xếp hạng quốc gia, 176 di tích xếp hạng cấp tỉnh, 3 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, và nghệ thuật Bài chòi miền Trung Việt Nam (trong đó có Khánh Hòa) vinh dự được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Các di sản văn hóa tiêu biểu của cộng đồng cư dân Khánh Hòa qua các thời kỳ, có giá trị về nhiều mặt như: văn hóa, khoa học, lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật,... mang đậm dấu ấn, bản sắc của con người và vùng đất Khánh Hòa, là nguồn lực quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Công tác bảo tồn, trùng tu, phục hồi di tích được tỉnh quan tâm. Nhiều công trình di tích văn hóa, lịch sử được tỉnh đầu tư trùng tu nâng cấp như: Văn miếu Diên Khánh, Thành cổ Diên Khánh, Tháp bà Ponagar Nha Trang, Miếu Trịnh Phong, Đền thờ Trần Quý Cáp, Lăng Bà Vú, Địa điểm lưu niệm tàu C235 đường Hồ Chí Minh trên biển... Văn hóa làng xã, làng nghề, nghề truyền thống được địa phương chú trọng bảo tồn và phát huy thích ứng trong điều kiện mới.

Hiện nay, tỉnh có gần 800 lễ hội được tổ chức định kỳ và có quy mô từ cấp thôn trở lên, như: Lễ giỗ Tổ Hùng Vương, lễ hội Đền Trần Hưng Đạo, lễ hội Tháp Bà Ponagar, lễ hội cầu ngư, lễ bỏ mả của người Raglai, lễ hội Am chúa ở huyện Diên Khánh, lễ hội cúng đình làng của các địa phương và các ngày lễ của các tôn giáo, được tổ chức theo đúng quy định, trang trọng, tiết kiệm. Đặc biệt, chương trình Festival Biển Nha Trang - Khánh Hòa được tổ chức định kỳ 2 năm/lần; Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam (ngày 19/4) được tổ chức hằng năm với nhiều sự kiện văn hóa quy mô lớn, mang tầm quốc gia và khu vực, đã trở thành những sản phẩm văn hóa - du lịch đặc trưng, độc đáo và hấp dẫn, đáp ứng cơ bản nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân và du khách. Bảo tàng tỉnh thường xuyên tổ chức trưng bày, triển lãm với các chủ đề về quê hương Khánh Hòa như: Linh thiêng Xứ Trầm, Nét đẹp Khánh Hòa...; triển khai sưu tầm tài liệu hiện vật nghệ thuật Bài chòi, văn hóa Champa trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động đó vừa góp phần giáo dục

truyền thống yêu nước, vừa bảo tồn, phát huy được những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Trong định hướng phát triển du lịch, Khánh Hòa luôn xác định phương châm phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong các sản phẩm du lịch, nhất là du lịch biển, đảo, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao, đưa Khánh Hòa trở thành điểm đến hấp dẫn với du khách trong và ngoài nước, với sản phẩm du lịch tại Vinpearl Land Nha Trang, Khu du lịch Bắc Bán đảo Cam Ranh, Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay,... Bên cạnh đó, ngành Du lịch tỉnh đã quan tâm phát triển các sản phẩm du lịch núi, rừng, tham quan cảnh làng quê, làng nghề truyền thống; sản phẩm du lịch gắn với các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian như: Lễ hội Cồng chiêng, Hô hát Bài chòi, biểu diễn Nghệ thuật đường phố, các chương trình nghệ thuật truyền thống, nhạc cụ dân tộc,... Nhờ vậy, tỷ trọng đóng góp ngân sách của ngành Du lịch trong nền kinh tế ngày càng tăng; đặc biệt là hiệu quả xã hội từ hoạt động du lịch mang lại đã góp phần giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh việc quan tâm, nâng cao chất lượng các sản phẩm văn hóa, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo việc xây dựng văn hóa trong tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xây dựng con người Khánh Hòa thân thiện, mến khách, làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả,... Thời gian qua, các cấp ủy đảng đã thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên; triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Các cấp ủy đảng, các cơ quan, ban, ngành, địa phương đã cụ thể hóa bằng các nội quy, quy định, quy chế về chuẩn mực đạo đức, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và người lao động. Nhờ đó, môi trường đầu tư kinh doanh và kết quả cải cách hành chính của tỉnh được cải thiện đáng kể, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Khánh Hòa trong 5 năm gần đây thuộc nhóm "Khá" so với cả nước. Bên cạnh đó, việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân ngày càng được chú trọng ở cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo đó, trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, các doanh nghiệp đã xây dựng văn hóa tự chủ, cạnh tranh lành mạnh và khẳng định thương hiệu vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhờ vậy, đến nay mục tiêu xây dựng Khánh Hòa giàu đẹp đã đạt được những kết quả tích cực. So với khu vực và cả nước, Khánh Hòa đang từng bước trở thành

một trong những trung tâm kinh tế và trung tâm du lịch lớn. Giai đoạn 2016-2020, quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của Khánh Hòa xếp thứ 24/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (trong đó, quy mô ngành dịch vụ xếp thứ 12/63); GRDP bình quân đầu người xếp trong khoảng 14-17/63 tỉnh, thành phố; tiếp tục duy trì là một trong 16 tỉnh có đóng góp vào ngân sách Trung ương. Hệ thống các đô thị trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư đồng bộ theo hướng văn minh, hiện đại; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp; phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; thu nhập bình quân đầu người tăng và chú trọng chăm lo sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; chất lượng giáo dục - đào tạo tăng lên, khoa học - công nghệ được quan tâm; công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, di tích lịch sử được tăng cường; bảo đảm hài hòa phát triển kinh tế đi đôi với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; Khánh Hòa được các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước thường xuyên lựa chọn để tổ chức nhiều sự kiện văn hóa, du lịch, hội nghị, hội thảo khoa học mang tầm quốc gia và quốc tế.

2. Khó khăn, thách thức của tỉnh trong xây dựng, phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc gắn kết văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa vẫn còn những khó khăn, thách thức. Đó là, một số cấp ủy đảng chưa coi trọng gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; hoạt động quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa ở một số địa phương còn buông lỏng; công tác phối hợp trong vận động, tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã hội chưa đồng bộ và thường xuyên. Việc đầu tư nguồn lực vật chất, con người cho phát triển văn hóa tuy đã được quan tâm, nhưng vẫn chưa tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế, xã hội; chưa đáp ứng yêu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân và phát triển tiềm năng du lịch văn hóa của tỉnh. Các sản phẩm văn hóa phục vụ cho du lịch, dịch vụ chưa phong phú, đa dạng. Các thế lực phản động, thù địch ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn trong thực hiện các hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa,...

3. Mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển văn hóa của tỉnh trong nhiệm kỳ 2020-2025

Trong thời gian tới, để tiếp tục quán triệt sâu sắc, triển khai các quan điểm, chủ trương về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, tỉnh Khánh Hòa tập trung thực hiện tốt mục tiêu, xây dựng, phát triển văn hóa, con người như sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn thể nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa nói chung, giữ gìn, phát huy văn hóa truyền thống nói riêng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Cần nhận thức sâu sắc văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực của quá trình phát triển; văn hóa phải được đặt ngang với kinh tế, chính trị, xã hội; đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển lâu dài. Thực hiện tốt quan điểm phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước đối với cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Hai là, tiếp tục thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Làm tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa; chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Ba là, tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả việc chuyển đổi số của tỉnh; vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Tăng cường hoạt động thông tin, truyền thông, định hướng dư luận, phát huy vai trò của các tổ chức hội, đoàn thể địa phương trong việc nâng cao hiệu quả tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, ý thức tự giác và nhất là ý thức văn hóa của người dân trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; làm tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác kịp thời những luận điệu sai trái, thù địch, nhất là trên lĩnh vực văn hóa. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động văn hóa, du lịch; xây dựng môi trường thụ hưởng đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Bốn là, đẩy mạnh công tác văn hóa đối ngoại, tập trung quảng bá tiềm năng, thế mạnh, những nét đặc sắc về văn hóa, vùng đất, con người Khánh Hòa đến bạn bè quốc tế, qua đó mở rộng quan hệ, hợp tác, thu hút nguồn đầu tư, thúc đẩy thương mại, du lịch, phát triển công nghiệp văn hóa góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao vị thế của tỉnh trong quá trình đổi mới, hội nhập và phát triển; đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm phong phú và sâu sắc thêm những giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh.

Năm là, chú trọng giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử có tiềm năng phát triển du lịch. Đổi mới và đa dạng hóa nội dung và phương thức tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao gắn với thực tiễn đời sống xã hội và nhu cầu của người dân. Quan tâm tạo điều kiện phát triển văn hóa, văn nghệ cho các vùng, miền, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp, xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ có chuyên

môn cao, sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật có giá trị đặc sắc. Phát huy vai trò của các nghệ nhân và các chủ thể sáng tạo văn hóa; tôn vinh và có chế độ đãi ngộ xứng đáng cho các nghệ nhân trong thực hành, truyền dạy di sản.

Phát huy truyền thống yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định những quan điểm, chủ trương rất mới, sâu sắc và toàn diện, đột phá về phát triển văn hóa, con người; xác định ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục đào tạo; đẩy mạnh và thúc đẩy, đa dạng hóa các loại hình và hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới, sáng tạo; khơi dậy phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam;...

Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa xác định, trong 8 nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2020-2025, nhiệm vụ rất quan trọng về văn hóa là “Phát triển văn hóa, xã hội theo hướng bền vững, tiếp tục quan tâm công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, trong đó chú trọng giá trị văn hóa truyền thống; quan tâm đầu tư các công trình văn hóa trọng điểm, các thiết chế văn hóa,...”. Tỉnh tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng; triển khai thực hiện có hiệu quả các di sản văn hóa; phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Đây là đường hướng quan trọng để Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa cùng với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân lập nên những thành tựu mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tác phẩm *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
- [3] Bài viết của GS.TS. Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”.
- [4] Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025.
- [5] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025.
- [6] Bài viết của PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: “Quan điểm, chủ trương mới về phát triển văn hóa con người Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng”.

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG XÂY DỰNG VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI NINH THUẬN, TẠO NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỈNH ỦY NINH THUẬN

Ninh Thuận là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, có 7 đơn vị hành chính, với 65 xã, phường, thị trấn; 397 thôn, khu phố; dân số khoảng 600.000 người, với 33 dân tộc sinh sống, trong đó chủ yếu là các dân tộc Kinh, Raglai, Chăm,... Sự đa dạng của các dân tộc, với những nét đặc trưng của từng cộng đồng dân tộc đã tạo nên bức tranh văn hóa nhiều màu sắc của Ninh Thuận. Trải qua 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cộng đồng các dân tộc trong tỉnh luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, quyết tâm, tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết đề ra.

Song bên cạnh đó, tình hình thế giới, khu vực vẫn tiềm ẩn những biến động khó lường; các thế lực thù địch, phản động tăng cường truyền bá tư tưởng văn hóa và lối sống thực dụng dưới nhiều hình thức; sự du nhập và ảnh hưởng của các văn hóa phẩm độc hại, nhất là thông qua các mạng xã hội trên internet; yếu tố dân tộc, tôn giáo dễ bị lợi dụng, khai thác, gây mất ổn định an ninh, trật tự... là những vấn đề tác động tiêu cực đến việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Thuận.

Từ thực tiễn trên, nhiệm vụ “xây dựng văn hóa và con người Ninh Thuận, tạo nguồn lực cho phát triển bền vững” được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị trong tỉnh xác định là nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh nhà. Các cấp, các ngành trong tỉnh đã chủ động xây dựng chương trình hành động, kế hoạch,... để triển khai thực hiện các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết số 33-NQ-TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã đề ra, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của từng địa phương, đơn vị. Qua hơn 7 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, Ninh Thuận đã đạt được *những kết quả tích cực* như sau:

(1) Nhằm đạt được mục tiêu xây dựng con người Ninh Thuận phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tăng cường giáo dục chủ nghĩa yêu nước, đạo đức, lối sống, đẩy mạnh các công tác giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, dân số - gia đình, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, quan tâm tới công tác giảm nghèo bền vững, phòng, chống các tệ nạn xã hội, nâng cao đời sống nhân dân..., coi đây là những tiền đề quan trọng để xây dựng con người phát triển toàn diện.

(2) Triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW gắn liền với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Cấp ủy các cấp quan tâm đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động; chăm lo xây dựng đội ngũ công nhân lao động phát triển toàn diện. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, kết hợp dạy văn hóa với giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương, thẩm mỹ, kỹ năng sống cho học sinh. Chú trọng công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân gắn với phát động phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” rộng khắp trong tỉnh.

(3) Phong trào xây dựng môi trường địa phương, cơ quan, đơn vị là một môi trường văn hóa lành mạnh được các cấp, các ngành xác định là nhiệm vụ thường xuyên và gắn với tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Việc xây dựng các hương ước, quy ước thôn, khu phố văn hóa được chú trọng thực hiện; thông qua đó đã khơi dậy truyền thống yêu quê hương, đất nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; góp phần tích cực trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

(4) Công tác gia đình được triển khai thực hiện với nhiều cách làm hay, mô hình mới, hiệu quả, thiết thực, thực hiện có hiệu quả Đề án tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam giai đoạn 2010-2020. Chất lượng xây dựng gia đình văn hóa ngày càng tăng lên, xuất hiện nhiều mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội được chú trọng triển khai, đạt hiệu quả cao.

(5) Các giá trị văn hóa tâm linh trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống được phát huy, tổ chức thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; công tác đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, nhân đạo, giúp đỡ người hoạn nạn, giảm nghèo... đã trở thành phong trào quần chúng

rộng rãi, góp phần củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nét đẹp trong văn hóa của các dân tộc ở địa phương.

(6) Sự nghiệp phát triển văn hóa luôn được gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội; các quy hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đều quan tâm, hướng đến giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa; việc khai thác, phát huy thế mạnh các di sản văn hóa, kết hợp với phát triển du lịch, dịch vụ được đẩy mạnh thực hiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Văn hóa đọc trong cộng đồng được phát huy, hệ thống thư viện từ tỉnh đến các phòng đọc cơ sở được đầu tư, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, phục vụ tốt nhu cầu bạn đọc. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, triển lãm tranh, ảnh nghệ thuật được tổ chức nhân các sự kiện chính trị trọng đại, các ngày lễ lớn; các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật quần chúng được tổ chức thường xuyên, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

(7) Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử được quan tâm, triển khai thực hiện đạt hiệu quả; đến nay, trên địa bàn tỉnh có 239 di tích được đưa vào danh mục kiểm kê, trong đó có 64 di sản văn hóa được lập hồ sơ xếp hạng ở các cấp (gồm: 2 di tích quốc gia đặc biệt, 18 di sản cấp quốc gia, 44 di tích, di sản được xếp hạng cấp tỉnh). Ninh Thuận cũng là một trong 21 tỉnh có Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Ninh Thuận còn có hệ thống các lễ hội, phong tục, tập quán, nghề thủ công truyền thống, văn hóa, nghệ thuật dân gian của cộng đồng các dân tộc, như: lễ hội Katê, Ramurwan, nghệ thuật làm gốm truyền thống, dệt thổ cẩm, lễ bỏ mả của người Raglai, Lễ hội cầu ngư của ngư dân người Kinh vùng ven biển..., đây là những vốn quý về di sản văn hóa, tô đậm thêm bức tranh văn hóa nhiều màu sắc của tỉnh.

(8) Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, các loại hình nghệ thuật truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số được chú trọng; tỉnh chỉ đạo biên soạn sách chữ Chăm, chữ Raglai để đưa vào giảng dạy tại các địa phương có đồng bào dân tộc sinh sống. Công tác trùng tu, tôn tạo di tích được quan tâm thực hiện. Công tác trưng bày di sản được tiến hành thường xuyên, phục vụ du khách tham quan, nghiên cứu, học tập, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ trên địa bàn tỉnh.

Song bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong xây dựng văn hóa và con người Ninh Thuận theo Nghị quyết số 33-NQ/TW trên địa bàn tỉnh thời gian qua vẫn còn *một số hạn chế* cần khắc phục, đó là:

(1) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể triển khai thực hiện chưa thường xuyên; cụ thể hóa Nghị quyết số 33-NQ/TW và các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, con người thành chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện tại một số tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chưa mang lại hiệu quả cao.

(2) Xây dựng con người Ninh Thuận phát triển toàn diện, trọng tâm là đạo đức và lối sống, có trí tuệ, tri thức, nhất là đối với thế hệ trẻ vẫn còn có mặt hạn chế. Các biểu hiện thiếu văn minh trong kinh doanh, giao tiếp, ứng xử, tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

(3) Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa còn nhiều bất cập; sự phối hợp tổ chức thực hiện giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể có khi còn thiếu đồng bộ. Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, di tích lịch sử cách mạng; công tác bảo tồn, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa có nơi, có lúc chưa đáp ứng yêu cầu.

(4) Chất lượng các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của nhân dân; các loại hình nghệ thuật mang bản sắc văn hóa truyền thống tuy được khôi phục nhưng chưa nhiều; các trung tâm học tập cộng đồng, điểm bưu điện văn hóa xã, các thiết chế văn hóa chưa phát huy hiệu quả, nhất là ở thôn, khu phố chưa đầy đủ; khu vui chơi giải trí công cộng, sân bãi thể dục, thể thao chưa thực sự đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là phục vụ nhu cầu vui chơi của thanh thiếu niên.

(5) Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có lúc, có nơi còn đạt hiệu quả chưa cao, thiếu bền vững, chưa đi vào chiều sâu. Việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy ước, hương ước văn hóa cộng đồng, văn hóa công sở, công nhận gia đình văn hóa có nơi còn mang tính hình thức.

Nguyên nhân của hạn chế:

Thứ nhất, nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên về văn hóa chưa đồng bộ, thống nhất theo quan điểm của Nghị quyết số 33-NQ/TW; chưa đặt văn hóa trong tổng thể mối liên hệ với chính trị, tư tưởng, kinh tế - xã hội; chưa xác định được trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

Thứ hai, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn xảy ra trên phạm vi cả nước nói chung và địa bàn tỉnh nói riêng đã tác động không nhỏ đến tư tưởng, niềm tin của nhân dân. Sự phát triển mạnh mẽ của thông tin, truyền thông, mạng xã hội và sự xâm nhập nhiều loại thông tin xấu, độc khó kiểm soát, thiếu chọn lọc cũng ảnh hưởng tiêu cực đến ý thức, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận người dân, đặc biệt là thanh thiếu niên.

Thứ ba, quản lý nhà nước về văn hóa có lúc, có nơi còn chưa chặt chẽ, nguồn lực đầu tư còn hạn chế; cơ chế, chính sách để phát huy các nguồn lực xã hội hóa, nguồn lực trong nhân dân chưa phát huy hiệu quả. Đời sống của một bộ phận người dân còn gặp nhiều khó khăn cũng ảnh hưởng đến việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp.

Trong thời gian tới, để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị; các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra về xây dựng và phát triển văn hóa, con người, Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận xác định *một số nhiệm vụ, giải pháp* trọng tâm cần tập trung lãnh đạo thực hiện như sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW, Kết luận số 76-KL/TW; các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra về xây dựng và phát triển văn hóa, con người, và các văn bản chỉ đạo liên quan của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể. Cán bộ, đảng viên và nhân dân thấm nhuần quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người; xác định văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; tạo sự thống nhất giữa ý chí và hành động trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Thuận đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức nói riêng và nhân dân trong tỉnh nói chung; chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa.

Thứ hai, đổi mới, nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người; gắn thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW với tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Thứ ba, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Thuận đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, xác định mục tiêu, nhiệm vụ lâu dài là phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội. Trọng tâm là xây dựng nền văn hóa phát triển toàn diện và có nét đặc sắc riêng, tạo điều kiện phát huy sức sáng tạo, tri thức, trí tuệ, phẩm chất đạo đức của mỗi cá nhân. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Bảo tồn và phát triển các giá trị di sản văn hóa, các loại hình nghệ thuật truyền thống, dân gian, thuần phong, mỹ tục tốt đẹp trong nhân dân.

Thứ tư, chú trọng xây dựng văn hóa phục vụ nhân dân trong cơ quan, đơn vị, xem đây là nhân tố hàng đầu để xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh; trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động có đạo đức, tận tụy, trung thành với Đảng, với Tổ quốc, tôn trọng nhân dân, thượng tôn pháp luật, có kỷ luật, kỷ cương...; đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

Thứ năm, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; rà soát, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hoạt động văn hóa, quản lý văn hóa. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kịp thời ngăn chặn sự xâm nhập của các loại văn hóa phẩm độc hại; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các sai phạm; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên địa bàn tỉnh.

Thứ sáu, tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng hoạt động biểu diễn nghệ thuật; đẩy mạnh các phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng; khuyến khích quần chúng nhân dân tham gia sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; mở rộng giao lưu văn hóa, nghệ thuật trong tỉnh, khu vực và trong cả nước. Tích cực tham gia các liên hoan văn hóa, nghệ thuật khu vực và trong nước; tiếp tục phát động tham gia cuộc thi “Sáng tác tác phẩm văn học, nghệ thuật chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025”.

Thứ bảy, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho sự nghiệp phát triển văn hóa, chú trọng đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa cho các địa phương và đến từng địa bàn dân cư. Có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động các nguồn lực xã hội hóa cho phát triển văn hóa, tạo điều kiện để văn hóa, nghệ thuật phát triển đa dạng và phát huy sức sáng tạo trong nhân dân.

TIẾP TỤC PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở BÌNH THUẬN*

TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

1. Đặc điểm, tình hình văn hóa của tỉnh

Bình Thuận là tỉnh thuộc vùng duyên hải cực Nam Trung Bộ, có diện tích 7.992km², gồm 10 đơn vị hành chính: thành phố Phan Thiết, thị xã La Gi, các huyện Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Tánh Linh, Đức Linh và huyện đảo Phú Quý.

Dân số Bình Thuận đến năm 2020 có 1.239.256 người, với 35 thành phần dân tộc cùng chung sống, trong đó người Kinh chiếm số lượng đông nhất, tiếp theo là các dân tộc thiểu số: Chăm, Raglai, Cơ ho, Chơ ro, Tày, Nùng và Hoa...

Tỉnh Bình Thuận có lịch sử hình thành và phát triển gần 330 năm, mỗi dân tộc đều có các đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán, lễ nghi, lễ hội riêng... và cấu thành nên các giá trị văn hóa vừa mang tính đa lớp và vừa hàm chứa tính đa diện; vừa có quan hệ mật thiết, nhiều yếu tố tương đồng và mang tính thống nhất trong đa dạng của dòng chảy văn hóa miền Trung nước ta; đồng thời, vừa chi phối, ảnh hưởng, tích hợp, giao lưu văn hóa với các dân tộc tại chỗ; cũng như chịu tác động của môi trường tự nhiên, xã hội, sinh kế... đã tạo cho văn hóa truyền thống những diện mạo, sắc thái, đặc trưng mang giá trị riêng biệt, độc đáo không lẫn vào hàng số chung của văn hóa các tỉnh miền Trung. Nét văn hóa này được các thế hệ người dân luôn nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc, ý thức trách nhiệm trong việc gìn giữ, bồi đắp để làm giàu thêm những giá trị truyền thống tốt đẹp của cộng đồng, dân tộc mình và hướng con người vươn đến các giá trị chân - thiện - mỹ trong cuộc sống.

Các di sản văn hóa trong tỉnh được phân bố trong không gian rộng lớn gắn với cộng đồng các dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân và đây là thế mạnh quan trọng tạo tiền đề cho phát triển du lịch văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay. Các di sản văn hóa là những sản phẩm được kết tinh lao động sáng tạo mà ông cha ta qua

* Đầu đề do Ban Biên tập đặt.

bao đời đã dày công tạo dựng, là báu vật quý giá mà thiên nhiên đã ưu ái ban tặng cho vùng đất và con người Bình Thuận; tự hào và vinh dự được thừa hưởng những giá trị di sản văn hóa đó, chúng ta phải có trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy.

2. Đánh giá những thành tựu về lĩnh vực văn hóa trong thời gian qua, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Về thành tựu

- Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa:

+ Công tác bảo tàng: Hiện nay, Bảo tàng tỉnh đang lưu giữ, bảo quản 29.228 hiện vật gốc, 29.251 hiện vật tham khảo. Năm 2010, xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm Trưng bày văn hóa Chăm tại xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình; năm 2015, Bảo tàng tỉnh đã cải tạo nhà khách Tỉnh ủy thành Nhà trưng bày 7 chuyên đề. Trước đại dịch COVID-19 bùng phát năm 2019, hằng năm tại hai địa điểm này đón trên 15.000 lượt khách đến tham quan, nghiên cứu và học tập.

+ Về bảo tồn văn hóa vật thể: Toàn tỉnh có 28 di tích quốc gia và 42 di tích cấp tỉnh. Hầu hết các di tích quốc gia và 50% di tích cấp tỉnh đã được đầu tư tôn tạo bằng nguồn vốn của Nhà nước và nguồn vốn xã hội hóa. Qua đó, bước đầu góp phần bảo tồn, khai thác và phát huy có hiệu quả các giá trị di sản văn hóa, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân, thúc đẩy du lịch, kinh tế - xã hội địa phương phát triển. Nhiều di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thu hút đông đảo du khách đến tham quan, lượng khách năm sau luôn cao hơn năm trước, làm tăng thu ngân sách của tỉnh; góp phần nâng cao trách nhiệm và ý thức của người dân trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

+ Về bảo tồn văn hóa phi vật thể: Từ năm 1998 đến nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai 13 đề tài/dự án nghiên cứu về văn hóa thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 6 đề tài thuộc lĩnh vực khoa học, xã hội và nhân văn thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Thuận.

Tổ chức phục dựng, nâng tầm và đưa vào thực hiện các lễ hội truyền thống tiêu biểu của các cộng đồng dân tộc trong tỉnh như: Lễ hội Nghinh Ông của người Hoa tại Quan Đế miếu, phường Đức Nghĩa (1998); Lễ hội Katê của người Chăm ở di tích tháp Pô Sah Inư, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết (2005); Lễ hội Giỗ Tổ các vua Hùng tại đền thờ Hùng Vương, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong (2017).

Triển khai thực hiện lập 2 hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gồm: “Nghề gốm truyền thống của người Chăm thôn Bình Đức, xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận” (2012); “Lễ hội Cầu ngư tại vịnh Thủy Tú, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận” (2019).

Xây dựng và triển khai Đề án “Bảo tồn và phát triển làng nghề gốm truyền thống của người Chăm thôn Bình Đức, xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình”; Đề án “Bảo tồn và phát huy Lễ hội Cầu ngư ở vịnh Thủy Tú phục vụ phát triển du lịch” trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt và ban hành thực hiện năm 2021.

Phối hợp với tỉnh Ninh Thuận xây dựng hồ sơ khoa học “Nghệ thuật làm gốm truyền thống của người Chăm” trình UNESCO đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp trong thời gian tới.

Tiến hành triển khai xây dựng hồ sơ Lễ hội dinh Thầy Thím, Lễ hội Katê của người Chăm Balamôn tỉnh Bình Thuận trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2021.

- Văn hóa, văn nghệ quần chúng:

Trong những năm qua, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh tổ chức nhiều chương trình văn hóa, văn nghệ phong phú, đa dạng phục vụ nhân dân như: Chung kết Liên hoan “Tình khúc Bolero” tỉnh Bình Thuận lần thứ I, II, III trong các năm 2018, 2019, 2020; chương trình “Chào Xuân mới”, “Đón Xuân”, “Cung đàn mùa Xuân”, “Xuân và tuổi trẻ”; Hội thi “Chào chào chào hát vui Xuân”; Đêm nhạc “Gây quỹ vì miền Trung thân yêu”; chương trình Liên hoan Hiphop “Nhịp điệu trẻ”; chương trình nghệ thuật “Bình Thuận - Điểm hẹn xanh” phục vụ kỷ niệm 25 năm ngày Du lịch Bình Thuận... Tổ chức triển lãm ảnh “Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng, gắn với mừng Xuân Canh Tý”; chào mừng Đại hội Đảng bộ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lần thứ III, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình nghệ thuật “Chào năm mới 2021”. Tham gia Hội diễn Tiếng hát miền Đông lần thứ XIX năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh, với chủ đề “Về miền Tháp cổ” (đạt Huy chương Vàng - Giải Chương trình). Tổ chức lớp tập huấn “Biên tập và dàn dựng các chương trình Nghệ thuật quần chúng năm 2020”. Đội tuyên truyền và chiếu phim lưu động hoàn thành chỉ tiêu giao các năm: 1.000 xuất chiếu/năm.

- Biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp:

Nhà hát ca múa nhạc Biển Xanh biểu diễn nghệ thuật luôn đạt và vượt chỉ tiêu giao; xây dựng và sửa chữa nhiều chương trình phục vụ nhân dân và du khách trong và ngoài tỉnh; tham gia đầy đủ các liên hoan, hội thi và các sự kiện lớn của quốc gia cũng như của tỉnh như: Tham gia Cuộc thi “Độc tấu và Hòa tấu nhạc cụ dân tộc” năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh (đạt 1 giải Nhất Hòa tấu và 1 giải Nhì Độc tấu); tham gia cùng với Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam phục vụ Lễ Khai mạc ASEAN 37 tại Hà Nội, biểu diễn Chương trình “Lễ hội Giao thừa Canh Tý 2020” và biểu diễn phục vụ nhân dân, du khách tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, các khu nghỉ dưỡng tại khu vực Hàm Tiến, Mũi Né, biểu diễn chương trình nghệ thuật kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; biên tập chương trình văn nghệ kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng tỉnh Bình Thuận phát sóng trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; tổ chức thành công chương trình

chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025; phối hợp cùng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh tổ chức thành công Cuộc thi “Tiếng hát Truyền hình Ngôi Sao biển Bình Thuận” lần thứ III năm 2021.

- Công tác tổ chức các hoạt động văn hóa, giao lưu văn hóa:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các địa phương trong tỉnh hằng năm cùng phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức nhiều hoạt động văn hóa và đưa văn hóa về cơ sở. Các hoạt động văn hóa hướng mạnh về cơ sở như: chiếu phim, biểu diễn văn nghệ của Đội Tuyên truyền lưu động tỉnh, biểu diễn văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà hát ca múa nhạc Biển Xanh, luân chuyển sách của Thư viện tỉnh; trong đó, Thư viện tỉnh tiếp nhận xe thư viện lưu động đa phương tiện, đã góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân, trong đó có chú trọng phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo của tỉnh. Các hoạt động văn hóa tiêu biểu như: Ngày hội đưa văn hóa về cơ sở, Liên hoan Tiếng hát về nguồn, Ngày hội Văn hóa - Thể thao 4 xã miền núi của huyện Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc. Hằng năm tổ chức từ 2 đến 3 lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác phong trào ở cơ sở về các nội dung xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Tổ chức liên hoan văn nghệ quần chúng các xã nông thôn mới tuyên truyền về phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với “Xây dựng nông thôn mới”...

- Về xây dựng các thiết chế văn hóa:

Việc triển khai quy hoạch, đầu tư, xây dựng các thiết chế văn hóa trong thời gian qua được quan tâm triển khai thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân và được sự đồng tình rất cao, tiêu biểu đang triển khai xây dựng Nhà hát và Triển lãm văn hóa nghệ thuật tỉnh Bình Thuận, Thư viện tỉnh Bình Thuận.

Trong những năm qua, tỉnh đã quan tâm đầu tư ngân sách để xây dựng hệ thống các thiết chế văn hóa và hỗ trợ trang thiết bị cho các xã, nhất là các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh. Hầu hết các thiết chế nhà văn hóa xã, thôn và bản sau khi xây dựng và đưa vào hoạt động đã phát huy hiệu quả tương đối tốt trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao đều khắp các xã, thôn và bản, thu hút khá đông người dân đến giao lưu, học hỏi, sáng tạo, cùng tham gia biểu diễn, tạo không khí sinh hoạt văn hóa vui tươi, lành mạnh gắn với các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, học tập, phổ biến các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hiện nay, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao toàn tỉnh Bình Thuận có 1 Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh, 9/10 trung tâm văn hóa và thể thao cấp huyện (huyện Hàm Tân đang tạm sử dụng các thiết chế khác tại địa bàn); 106/124 trung tâm văn hóa và thể thao cấp xã, phường; 671/691 nhà văn hóa thôn, khu phố đã được trang bị cơ bản hệ thống âm thanh; số còn lại tạm thời sử dụng các trung tâm học tập cộng đồng, trường học và các nhà dân tại địa bàn có điều kiện phù hợp để hoạt động tạm thời;

có 28 nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng, 131 bể bơi 50m, 25m và các loại bể bơi khác, 12 sân vận động có khán đài, 13 sân vận động không có khán đài, 230 sân bóng đá mini, 250 sân bóng chuyền, 13 sân bóng rổ, 230 sân cầu lông, 35 sân quần vợt và 245 câu lạc bộ thể dục, thể thao.

Tỉnh đã hình thành một số địa điểm văn hóa phục vụ nhu cầu tham quan, nghiên cứu, hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân và du khách do doanh nghiệp tư nhân đầu tư như: Bảo tàng Nước mắm, Sân khấu Làng chài ở Khu văn hóa Bản sắc Phan Thiết của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Seagull; Công viên tượng cát Forgotten Land tại phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết.

- Về phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở:

Thực hiện xây dựng thôn văn hóa: Toàn tỉnh có 100% thôn, khu phố đăng ký thực hiện xây dựng thôn, khu phố văn hóa, qua bình xét năm 2020, có 661/691 thôn, khu phố được công nhận lại và công nhận mới, đạt tỷ lệ 95,7%, tăng 17 thôn, khu phố văn hóa so cùng kỳ năm 2019, đạt và vượt chỉ tiêu của tỉnh về xây dựng thôn, khu phố văn hóa năm 2020. Tổng số thôn, khu phố văn hóa tiêu biểu được bình chọn trong năm là 33 thôn, khu phố.

Thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới: Toàn tỉnh có 75/93 xã tổ chức phát động xây dựng (đạt tỷ lệ 80,6% so với tổng số xã toàn tỉnh), qua bình xét năm 2020, có 70 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (đạt tỷ lệ 75,3% so với tổng số xã), tăng 6 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới so với cuối năm 2019. Hằng năm, thông qua việc tổ chức “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc” (18/11) ở khu dân cư, ban vận động xây dựng thôn - khu phố văn hóa kết hợp cùng ban công tác mặt trận đánh giá nội dung thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang phù hợp với quy định và theo quy hoạch của địa phương trong Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Việc thực hiện nếp sống văn minh trong lễ cưới, lễ tang và lễ hội được tổ chức ngày càng tiến bộ, tiết kiệm và lành mạnh; những nguyên tắc, nghi thức, phong tục tập quán đã được cụ thể hóa bằng các điều khoản trong hương ước, quy ước xây dựng thôn, khu phố văn hóa. Tính đến nay, toàn tỉnh có 86/93 xã đạt tiêu chí 17.4 về mai táng phù hợp trong xây dựng nông thôn mới theo quy định và theo quy hoạch, đạt tỷ lệ 92,4%...

- Công tác gia đình:

Trong thời gian qua, tỉnh đã quan tâm đến việc nhân rộng mô hình gia đình phát triển bền vững và phòng, chống bạo lực gia đình ở cơ sở, duy trì tổ chức “Ngày hội Gia đình văn hóa tiêu biểu” tỉnh Bình Thuận và tham gia Ngày hội gia đình các tỉnh Đông Nam Bộ. Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Bình Thuận đã xây dựng chuyên mục “Mái ấm gia đình” phát sóng định kỳ vào chủ nhật hằng tuần, với thời lượng 15 phút... Các câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững và nhiều nhóm phòng, chống bạo lực gia đình đi vào hoạt động ổn định, bước đầu có hiệu quả.

Thực hiện xây dựng gia đình văn hóa: Toàn tỉnh có 302.486/311.207 hộ gia đình đăng ký thực hiện xây dựng gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 97,1% so với tổng số hộ, qua bình xét có 288.992 hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2020, đạt tỷ lệ 92,9% so với tổng số hộ, tăng 6.580 hộ so với năm 2019. Tổng số gia đình văn hóa tiêu biểu được bình chọn là 1.325 hộ.

2.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Về hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực xây dựng và phát triển văn hóa chưa được các tổ chức, đơn vị, các mạnh thường quân có năng lực về tài chính quan tâm, tham gia đầu tư, tài trợ.

Nguồn vốn của Nhà nước phân bổ hàng năm cho xây dựng, phát triển văn hóa ở tỉnh còn hạn chế, thấp so với thực trạng về nhu cầu trên các lĩnh vực văn hóa, các hoạt động đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa - tinh thần ngày càng cao của nhân dân; công tác đầu tư các thiết chế văn hóa cơ sở còn nhiều địa phương chưa bảo đảm các tiêu chí để hướng đến về đích nông thôn mới và nhu cầu hưởng thụ văn hóa - tinh thần của nhân dân.

Từ cuối năm 2019 đến nay, tác động của đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng lớn đến thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của ngành, một số hoạt động của ngành bị gián đoạn, một số chỉ tiêu bị ảnh hưởng, nhất là chỉ tiêu về doanh thu của các đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần, từ đó ảnh hưởng nhất định đến hoạt động văn hóa chung của toàn ngành; trong đó có kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị, tác động đến đời sống, nguồn thu nhập, chế độ chính sách tiền lương của viên chức, người lao động; công tác biểu diễn lưu động, chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân cũng gặp nhiều khó khăn.

- Nguyên nhân:

Nguồn ngân sách của tỉnh còn khó khăn, do đó mức độ phân bổ cho lĩnh vực văn hóa hàng năm còn thấp.

Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên cả nước nên các đơn vị đã tạm dừng tổ chức các hoạt động đón khách tham quan, biểu diễn nghệ thuật... Một số chương trình nghệ thuật lớn đã được đầu tư dàn dựng công phu để phục vụ các ngày lễ kỷ niệm, sự kiện trọng đại của tỉnh nhưng không thể tổ chức biểu diễn, các chương trình theo kế hoạch đã đề ra cũng không thực hiện đúng tiến độ từ đó gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của đơn vị, không thể bảo đảm thực hiện theo kế hoạch đã đề ra. Bên cạnh đó, trên lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật một số đối tác lớn đã chủ động hủy hợp đồng biểu diễn đã ký kết. Năm 2020, 2021 kết quả thực hiện chỉ tiêu doanh thu thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019.

3. Phương hướng nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng, phát triển văn hóa của tỉnh trong thời gian tới

3.1. Xây dựng chương trình hành động, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trên lĩnh vực văn hóa để phát huy giá trị văn hóa, trí tuệ con người Việt Nam

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tại Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 8/1/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra mục tiêu về xây dựng và phát triển văn hóa: Phát huy tốt vai trò của nghệ sĩ, nghệ nhân, những người hoạt động lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tinh thần tốt đẹp, sáng tạo những giá trị mới phục vụ sự nghiệp xây dựng văn hóa, phát triển con người Việt Nam và phục vụ nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân. Quan tâm công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và các lễ hội văn hóa tiêu biểu, kết hợp phục vụ phát triển du lịch. Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị “Về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa đã quy hoạch giai đoạn trước, phát huy hiệu quả hơn nữa thiết chế hiện có phục vụ nhu cầu của nhân dân.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Kế hoạch số 343/KH-SVHTTDL ngày 5/2/2021 về “Triển khai chương trình hành động về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025” đã đề ra mục tiêu về xây dựng và phát triển văn hóa: Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động văn hóa về cơ sở. Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động văn hóa để phát triển, sáng tạo các giá trị văn hóa mới làm phong phú thêm các giá trị đời sống tinh thần cho nhân dân. Quan tâm công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và các lễ hội văn hóa tiêu biểu kết hợp với phát triển du lịch. Tiếp tục nghiên cứu, lập hoàn chỉnh hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh và cấp quốc gia. Xây dựng Đề án bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nghị quyết: Về thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021-2025; Quy định chính sách đối với hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục - thể thao trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện tốt việc xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hóa; tiếp tục huy động các nguồn lực xây dựng các thiết chế văn hóa phục vụ nhu cầu của nhân dân; phấn đấu hoàn thành việc đầu tư xây dựng công trình nhà hát và triển lãm văn hóa nghệ thuật tỉnh, thư viện tỉnh. Triển khai xây dựng hoàn thiện để trình Tỉnh ủy ban hành, công bố hệ giá trị văn hóa và quy định về chuẩn mực con người Bình Thuận gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.

3.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở

Chú trọng việc tăng cường triển khai phổ biến, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến các lĩnh vực văn hóa cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa từ tỉnh đến cơ sở để nắm bắt và từ đó nâng cao lý luận vận dụng vào thực hiện nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả. Tổ chức cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa tham gia các lớp tập huấn của bộ; các đơn vị, cơ quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nâng cao năng lực, bản lĩnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; xác định rõ chiến lược, giải pháp lãnh đạo, quản lý phù hợp với từng lĩnh vực đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa. Cụ thể hóa thành chương trình, đề án sát với thực tiễn, yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh trong tình hình mới về văn hóa; rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi về xây dựng, phát triển văn hóa. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện xây dựng và phát triển văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về văn hóa từ tỉnh đến cơ sở tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Chú trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa trong tỉnh thực sự am hiểu về văn hóa, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Làm tốt công tác tuyển dụng cán bộ gắn với vị trí việc làm nhằm chuẩn hóa, khắc phục sự thiếu hụt cơ bản đội ngũ cán bộ làm văn hóa.

Tăng cường, triển khai làm tốt công tác chỉ đạo xây dựng kế hoạch, phân bổ nguồn kinh phí đầu tư có trọng điểm đối với các thiết chế văn hóa còn thiếu từ tỉnh đến cơ sở như: nhà trưng bày bảo tàng tỉnh, trung tâm văn hóa các huyện, thị xã, thành phố; nhà văn hóa các thôn, khu phố; trung tâm học tập cộng đồng... tại các địa phương nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị địa phương, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt, vui chơi giải trí của người dân nông thôn, góp phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương. Huy động mọi nguồn lực xã hội để đầu tư, xây dựng, tổ chức đời sống văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp xã hội trong tỉnh.

3.3. Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, nhất là cán bộ chủ chốt thực sự am hiểu về văn hóa, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới

Để đáp ứng về yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới thì vấn đề đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa trong thời gian tới cần chú trọng,

quan tâm, khuyến khích, động viên và có chính sách đãi ngộ để cán bộ trong ngành Văn hóa tham gia các lớp đào tạo nghiên cứu sinh (tiến sĩ) về lĩnh vực văn hóa; cũng như khuyến khích nhiều cán bộ tham gia chương trình sau đại học để từng bước nâng tầm năng lực, khả năng chuyên môn, nhiệm vụ ngành Văn hóa của tỉnh.

Tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về biên chế cần bảo đảm cho việc thực hiện nhiệm vụ công tác văn hóa ở cấp huyện, thị xã, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn được đồng bộ. Tăng cường kinh phí, bảo đảm cho việc thực hiện quản lý nhà nước về văn hóa đạt kết quả cao. Bổ sung đội ngũ cán bộ chuyên trách ở cấp huyện và xã trong quá trình triển khai thực hiện công tác văn hóa tại địa bàn cơ sở. Nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác phát triển văn hóa; chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ở cơ sở, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong quá trình triển khai thực hiện về lĩnh vực công tác này.

3.4. Đầu tư, khai thác, phát huy có hiệu quả các nguồn lực văn hóa ở địa phương và xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, huy động nguồn lực của người dân để cùng chung tay với Nhà nước trong xây dựng và phát triển văn hóa.

Kết hợp và sử dụng hài hòa nguồn kinh phí của trung ương và địa phương về thực hiện xây dựng và phát triển văn hóa. Ưu tiên có chọn lọc những lĩnh vực văn hóa mang tính cấp thiết và phù hợp với nhu cầu thực tế đề ra theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh.

Phát huy có hiệu quả các hoạt động, dịch vụ văn hóa. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân cho phát triển văn hóa. Xây dựng chính sách ưu đãi, cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp để phát triển văn hóa của tỉnh nhà. Khuyến khích liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế với các đơn vị công lập nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình văn hóa. Phát huy hiệu quả công năng của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở.

Xây dựng cơ chế, tập trung nguồn lực đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng khiếu, tài năng nghệ thuật; hoạt động nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật. Đổi mới phương thức giao nhiệm vụ, cơ chế đặt hàng sáng tác để có nhiều tác phẩm có giá trị, hướng đến các chủ đề lịch sử, cách mạng, truyền thống, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người Bình Thuận nói riêng và Việt Nam nói chung.

Lồng ghép chương trình giáo dục di sản văn hóa, nghệ thuật; nhất là văn hóa, nghệ thuật truyền thống của các dân tộc trong tỉnh vào giảng dạy trong trường học, tạo điều kiện cho học sinh phát huy năng khiếu, sở trường, nâng cao hiểu biết,

khả năng cảm thụ nghệ thuật, góp phần giữ gìn và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trong tỉnh.

Xây dựng và phát huy lối sống có ý thức tự chủ, tự giác, đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin tuyên truyền - cổ động. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động, các phong trào văn hóa, văn nghệ về cơ sở, chú trọng vùng miền núi và hải đảo.

Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, xây dựng văn hóa trong kinh tế, chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế - xã hội; nhất là giáo dục văn hóa ứng xử, đạo đức kinh doanh.

3.5. Phát huy vai trò, giá trị văn hóa ở các địa phương

Bối cảnh của quá trình giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng dân tộc trong tỉnh, cũng như giữa các vùng, khu vực trong nước và giao lưu quốc tế đã làm tác động đến các lĩnh vực văn hóa của tỉnh. Ngoài việc tiếp thu, tích hợp những tinh hoa của thế giới để làm giàu, phong phú thêm đời sống văn hóa trong tỉnh; bên cạnh đó, cũng phát sinh nhiều yếu tố văn hóa phi truyền thống, gây ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa - xã hội. Do đó, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hạn chế sự tác động, ảnh hưởng tiêu cực do mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa; đấu tranh, phản bác kịp thời những luận điệu sai trái, xuyên tạc trên lĩnh vực văn hóa, loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại; lối sống vị kỷ, thực dụng; các hành vi mê tín dị đoan, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

Triển khai công tác kiểm kê, sưu tầm, bảo quản di sản văn hóa truyền thống các dân tộc trong tỉnh. Trong đó, ưu tiên triển khai thực hiện nghiên cứu, tư liệu hóa, xây dựng các đề tài nghiên cứu đối với những loại hình di sản văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể có giá trị, mang tính điển hình của các dân tộc đang có nguy cơ lai tạp, mai một, biến đổi và mất dần trong thời gian tới. Rà soát, bổ sung các chính sách để tôn vinh các nghệ nhân đang nắm giữ các bí quyết thực hành, tạo những điều kiện tốt nhất có thể để họ sống lâu, sống khỏe mạnh, phát huy khả năng của mình trong việc trao truyền lại thế hệ trẻ tiếp nối văn hóa truyền thống.

Triển khai xây dựng hoàn thiện để ban hành, công bố hệ giá trị văn hóa và quy định về chuẩn mực con người Bình Thuận gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; chú trọng tới các tiêu chuẩn về nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tuân thủ pháp luật.

Phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong định hướng thị hiếu, thẩm mỹ, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, trí tuệ, kỹ năng sống, hướng tới sự hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân và xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục nhân cách,

đạo đức, lối sống trong gia đình, nhà trường và xã hội; bồi dưỡng, nâng cao ý thức, ứng xử và hành vi chuẩn mực văn hóa trong nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.

Xây dựng, ban hành chính sách, cơ chế nhằm sử dụng, đãi ngộ, phát huy tài năng sáng tạo của văn nghệ sĩ có nhiều đóng góp trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Bình Thuận.

3.6. Một số giải pháp

- Chỉ đạo, triển khai việc tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác văn hóa ở tuyến tỉnh, đội ngũ cán bộ ở cơ sở có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong quá trình thực hiện có hiệu quả công tác phát triển văn hóa trong thời gian đến. Cần có chính sách thỏa đáng đối với người làm công tác văn hóa. Đây là nhân tố tích cực đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai công tác ở lĩnh vực văn hóa đạt hiệu quả tốt nhất.

- Mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa từ tỉnh đến ở cơ sở để cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn, có đủ khả năng tổ chức, duy trì thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả.

- Quan tâm đầu tư một cách đồng bộ các thiết chế văn hóa cơ sở ở các xã, phường, thị trấn bao gồm: cơ sở vật chất, trang thiết bị, cán bộ phục vụ, kinh phí duy trì hoạt động. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các xã miền núi, vùng sâu nhằm bảo đảm điều kiện thuận lợi cho người dân có nơi sinh hoạt, giao lưu, sáng tạo văn hóa và nhằm thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, miền núi, hải đảo.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở GIA LAI

TỈNH ỦY GIA LAI

Gia Lai là tỉnh ở phía Bắc vùng Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên là 15.510,13 km²; hơn 80 km đường biên giới chung với tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia; có 17 đơn vị hành chính cấp huyện (14 huyện, 2 thị xã, 1 thành phố), 220 đơn vị hành chính cấp xã (182 xã, 24 phường, 14 thị trấn), 1.576 thôn, làng, buôn, bôn, tổ dân phố. Gia Lai là địa bàn cư trú lâu đời của hai tộc người chính là Bahnar (Bana) và Jrai (Giarai). Cuối thế kỷ XVII, những người Việt đầu tiên xuất hiện ở Gia Lai; đến trước năm 1954, Gia Lai tiếp nhận thêm các tộc người mới, trong đó có một số tộc người thiểu số từ miền núi phía Bắc di cư vào, như: Tày, Nùng, Thái, Mường,...; từ Trường Sơn di cư vào, như: Hrê, Bru - Vân Kiều... hay từ các tỉnh Tây Nguyên lân cận, như: Êđê, Xơđăng,... Dân số trung bình toàn tỉnh năm 2020 là 1.541.437 người, với 44 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 46,22% dân số toàn tỉnh.

Trong những năm qua, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã tập trung phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh và củng cố hệ thống chính trị các cấp. Đặc biệt, trên lĩnh vực đời sống văn hóa, tinh thần, tỉnh đã có những chủ trương quan trọng, như: chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Động viên khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát huy tinh thần sáng tạo, nhằm tạo ra các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, làm giàu thêm kho tàng văn hóa của tỉnh và đất nước. Đồng thời, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các hành vi tàng trữ, sử dụng, lưu hành các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội,... Qua đó, góp phần thực hiện hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa.

Tuy nhiên, việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa trên địa bàn tỉnh phải đối mặt với những khó khăn, thách thức, đó là: tình hình phát triển kinh tế của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, do đó việc đầu tư cho sự nghiệp văn hóa còn hạn chế; sự chênh lệch về mức sống

giữa đô thị và nông thôn, giữa vùng dân tộc Kinh và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng ngày càng lớn; kết quả thực hiện xóa đói, giảm nghèo nhanh nhưng chưa bền vững; chất lượng giáo dục được nâng lên nhưng chưa đồng đều giữa các vùng trong tỉnh. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có thời điểm diễn biến phức tạp. Hoạt động văn hóa, thông tin còn có một số mặt hạn chế; công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc còn nhiều bất cập. Mặt khác, trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội không ngừng gia tăng, dẫn đến hình thành lối sống buông thả, thực dụng, ích kỷ, thờ ơ với tình hình của đất nước, các hành vi xem thường pháp luật và vi phạm pháp luật ngày càng nhiều, gây mất an ninh, trật tự ở khu dân cư. Cùng với sự phát triển chung của xã hội, sự giao lưu kinh tế, văn hóa trong đời sống sinh hoạt hằng ngày giữa các tộc người với nhau cũng đã tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến những nét văn hóa đặc trưng của từng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, nhiều giá trị văn hóa truyền thống đang đứng trước nguy cơ bị mai một, số lượng nghệ nhân am hiểu về văn hóa truyền thống trong cộng đồng ngày một giảm sút; mặt khác, do sự tác động của những yếu tố bên ngoài làm thay đổi nhận thức của một bộ phận người dân tộc thiểu số; phương thức sản xuất, nếp sống văn hóa của các dân tộc thiểu số bản địa đã phần nào thay đổi. Cùng với đó, một số gia đình đồng bào dân tộc thiểu số chuyển đổi từ tín ngưỡng dân gian truyền thống sang tôn giáo mới đã bỏ lễ hội, bỏ cúng chiêng, bỏ phong tục, tập quán cộng đồng.

1. Về kết quả thực hiện đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa trong thời gian qua, nhất là triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước””

Trong quá trình thực hiện đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai đã ban hành nhiều thông tri, chỉ thị, nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch về văn hóa, như: Chương trình số 46-CTr/TU ngày 27/10/2008 về việc “Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới””; Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 13/3/2009 về việc “Tăng cường lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc Jrai, Bahnar đối với cán bộ, công chức tỉnh”; Chương trình số 11-CTr/TU ngày 11/3/2011 về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc

hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”; Chương trình số 77-CTr/TU ngày 17/9/2014 thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kế hoạch số 15-CT/TU ngày 19/2/2021 về “Triển khai Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước””; Chương trình số 18-CTr/TU ngày 9/7/2021 về triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng,...

Các quan điểm, định hướng chung của Đảng bộ tỉnh về văn hóa đã giúp cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức rõ và ngày càng tự giác tham gia tích cực vào các hoạt động giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, tạo sự thống nhất trong toàn Đảng bộ tỉnh, sự đồng thuận trong xã hội đối với việc xây dựng tỉnh Gia Lai giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh và phong phú về bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng và sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cụ thể trên từng lĩnh vực như sau:

1.1. Về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Để xây dựng và phát triển văn hóa, con người các dân tộc tỉnh Gia Lai một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện tốt các mặt công tác, như: giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, dân số gia đình, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, công tác giảm nghèo bền vững, phòng, chống các tệ nạn xã hội,... Đồng thời, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (các khóa XI, XII) của Đảng, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, coi đây một trong những nội dung quan trọng để đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm. Qua đó, nêu cao tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức lối sống, nhân cách cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân luôn được cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp chú trọng triển khai thường xuyên và bằng nhiều hình thức, dân chủ xã hội được phát huy và thực hiện ngày càng tốt hơn¹. Đa số cán bộ, đảng

1. Trong 5 năm qua, toàn tỉnh đã có trên 30.000 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị.

viên và quần chúng nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa, khẳng định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất. Công tác bồi dưỡng về tinh thần yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, có đạo đức, am hiểu pháp luật,... thông qua hệ thống trường học, các lớp bồi dưỡng, tham quan các bảo tàng, triển lãm, nhà truyền thống, di tích lịch sử - văn hóa được quan tâm¹.

Bên cạnh công tác giáo dục chính trị, việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân, thiện, mỹ, bồi dưỡng con người nâng cao tri thức luôn được quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Công tác giáo dục và đào tạo luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp chú trọng, trong đó, việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, dạy làm người gắn liền với dạy tri thức trong giảng dạy và học tập ở các trường học được đặc biệt coi trọng. Trong giảng dạy, các trường học đã chú trọng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; ý thức cá nhân, tuân thủ pháp luật; giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngoài các tiết học chính khóa tại trường, học sinh còn được tham gia các hoạt động ngoại khóa, tham quan các di tích, các hoạt động triển lãm, trưng bày tư liệu lịch sử, trồng cây xanh bảo vệ môi trường,... Việc đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo được cấp ủy, chính quyền các cấp chú trọng, nhất là đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học². Phong trào học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng được tích cực triển khai thực hiện; công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử địa phương được các cơ quan, đơn vị, địa phương chú trọng thực hiện. Hoạt động văn học, nghệ thuật có nhiều chuyển biến; đội ngũ văn nghệ sĩ trên địa bàn tỉnh đã phát huy tinh thần sáng tạo, tích cực trong các hoạt động sáng tác và có nhiều tác phẩm chất lượng, góp phần tích cực vào công tác quảng bá, giới thiệu về vùng đất, con người Gia Lai với bạn bè trong và ngoài tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nêu trên vẫn còn những hạn chế cần khắc phục, đó là: công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội trong việc học tập, quán triệt, tuyên truyền triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị về văn hóa chưa sâu, chưa thường xuyên và kịp thời, nhất là ở cơ sở. Công tác giáo dục tư tưởng, xây dựng đạo đức, lối sống, hình thành các giá trị đạo đức mới tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

1. 100% thanh, thiếu niên được bồi dưỡng về tinh thần yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, có đạo đức, am hiểu pháp luật; 100% trường học trên địa bàn tỉnh đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào chương trình giảng dạy,...

2. Tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 768 trường mầm non và phổ thông (trong đó có 263 trường mầm non, 220 trường tiểu học, 169 trường trung học cơ sở, 66 trường tiểu học và trung học cơ sở, 45 trường trung học phổ thông, 5 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông).

1.2. Về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, từng cộng đồng thôn, làng, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình, gắn với việc thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; do đó, đã đạt được những kết quả tích cực. Đến năm 2020, có 82% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa (tăng 7% so với nhiệm kỳ trước) và 82% thôn, làng, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa (tăng 12% so với nhiệm kỳ trước). Môi trường văn hóa được cải thiện, thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư gắn với xây dựng nông thôn mới. Các giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh tiếp tục được phát huy. Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, cơ quan, đơn vị đoàn kết, dân chủ, văn minh; xây dựng gia đình, cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa được thực hiện tốt, thực sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, hành vi tiêu cực ảnh hưởng xấu đến nền văn hóa, làm tha hóa con người gắn với việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư về “Chống sự xâm nhập của sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội” được tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả.

Công tác vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có hiệu quả, các hủ tục lạc hậu dần được xóa bỏ. Các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, từ thiện nhân đạo và các phong trào thi đua yêu nước được đẩy mạnh. Phong trào “Người tốt, việc tốt” trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh trong các tầng lớp nhân dân xuất hiện ngày càng nhiều, điển hình là việc xây dựng các quỹ an sinh xã hội, quỹ vì người nghèo,... Các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư xây dựng nhằm tạo không gian sinh hoạt văn hóa, đáp ứng nhu cầu học tập, tiếp cận tri thức, vui chơi, tập luyện thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe của các tầng lớp nhân dân. Tỉnh đã đầu tư kinh phí tập trung xây dựng, cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị theo hướng xanh, sạch, đẹp, văn minh từ tỉnh đến cơ sở; đặc biệt, công trình Quảng trường Đại Đoàn Kết và tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên có ý nghĩa sâu sắc về chính trị, lịch sử, văn hóa; thể hiện sự quan tâm của Đảng đối với tinh Gia Lai và đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

Tuy nhiên, phong trào xây dựng thôn, làng, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan văn hóa, trường học đạt chuẩn văn hóa ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa tạo được các mô hình, các điểm sáng văn hóa để nhân rộng. Các trung tâm học tập cộng đồng, điểm bưu điện văn hóa xã, thiết chế văn hóa chưa phát huy được hiệu quả. Chưa có nhiều khu vui chơi giải trí công cộng để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là trẻ em. Một số tệ nạn xã hội, tập quán lạc hậu chưa được xóa bỏ đã ảnh hưởng đến môi trường văn hóa và đời sống tinh thần

của nhân dân; ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận nhân dân còn hạn chế, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống cộng đồng.

1.3. Về xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Nhằm đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong lĩnh vực chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo cấp ủy các cấp đưa nội dung xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa thành một trong những tiêu chí để đánh giá, phân loại tổ chức đảng hằng năm. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội đã cụ thể hóa nội dung này thông qua việc ban hành các nội quy, quy chế, các quy định chuẩn mực về đạo đức, tác phong, lễ lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là việc xây dựng đạo đức công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa trong mỗi gia đình, thôn, làng, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị,... Thường xuyên lồng ghép tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa yêu nước, giáo dục đạo đức cách mạng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Các phong trào thi đua của các cấp, các ngành đã thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện.

Xây dựng văn hóa trong kinh tế được quan tâm, các cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh thực hiện, nhất là việc cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân được chú trọng, tỉnh đã chỉ đạo huy động nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật, nhằm hỗ trợ phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ trong quần chúng nhân dân. Các tập thể, cá nhân đã thể hiện được ý thức, trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh, lấy uy tín, chất lượng sản phẩm làm mục tiêu hàng đầu, đấu tranh với các biểu hiện thực dụng, chạy theo lợi nhuận bằng mọi giá, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng. Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, các cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp xây dựng địa phương và tổ chức các hoạt động từ thiện, nhân đạo.

1.4. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động bảo tồn di sản văn hóa

Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa vật thể và phi vật thể luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm đúng mức, chú trọng việc nghiên cứu, bảo tồn,

phát huy tiềm năng trong công tác nghiên cứu, sưu tầm, khai quật khảo cổ học trên địa bàn tỉnh. Nhiều chương trình nghiên cứu về Tây Nguyên và các cuộc khảo sát, sưu tầm, khai quật được triển khai. Đến nay, đã phát hiện trên 80 di tích khảo cổ thời tiền sử; sưu tầm, bảo quản, trưng bày hơn 7.000 hiện vật về khảo cổ học, dân tộc học và lịch sử của địa phương, hàng trăm hiện vật có giá trị lịch sử - văn hóa dân tộc đang được trưng bày tại Bảo tàng tỉnh. Đặc biệt, việc phát hiện các di chỉ khảo cổ tại thị xã An Khê và kết quả triển khai Chương trình hợp tác giữa Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam và Viện Khảo cổ học - Dân tộc học Novosibirsk, Viện Hàn lâm khoa học Nga trong việc khai quật khảo cổ tại một số điểm trên địa bàn thị xã An Khê đã thu hút đông đảo các nhà khoa học trên thế giới quan tâm theo dõi.

Công tác bảo tàng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc gắn với phát triển du lịch địa phương được quan tâm. Toàn tỉnh hiện có 29 di tích đã được xếp hạng, gồm 14 di tích, cụm di tích quốc gia và 15 di tích cấp tỉnh. Nhiều phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng, như: Lễ Thối tai truyền thống của dân tộc Bahnar, huyện Kông Chro và Lễ Thối tai truyền thống của dân tộc Jrai, huyện Phú Thiện; Lễ mừng nhà Rông mới của người Bahnar, huyện Kbang... hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được quan tâm; công tác tuyên truyền, dạy tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc Bahnar và Jrai và bồi dưỡng đội ngũ nghệ nhân chỉnh chiêng được thực hiện thường xuyên. Công tác giữ gìn và bảo tồn các bộ cồng chiêng cổ, các đội cồng chiêng, đội văn nghệ quần chúng luôn được các ngành chức năng quan tâm và được nhân dân tham gia hưởng ứng tích cực. Hiện nay, toàn tỉnh còn lưu giữ được 5.655 bộ cồng chiêng; có khoảng 900 nghệ nhân đánh chiêng giỏi và 60 nghệ nhân biết chỉnh chiêng, ngoài ra còn nhiều nghệ nhân thuộc các lĩnh vực văn hóa dân gian khác nhau, như: Chỉnh sửa âm thanh cồng chiêng, đan lát, dệt thổ cẩm, kể khan, tạc tượng nhà mồ, chế tác nhạc cụ T'rưng,... Từ sau khi UNESCO công nhận Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Gia Lai đã duy trì thường xuyên liên hoan cồng chiêng cấp huyện và cấp tỉnh. Ở cấp tỉnh, liên hoan cồng chiêng được tổ chức định kỳ 4 năm/lần. Đến nay, tỉnh đã tổ chức được 7 lần liên hoan cồng chiêng. Ở cấp huyện, liên hoan cồng chiêng được tiến hành 2 năm/lần.

Hoạt động trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Mức hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa được cải thiện. Công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với Hội Văn học nghệ thuật đã có sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ hơn. Công tác bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ truyền thống của dân tộc được tăng cường, khuyến khích nhân dân sáng tạo, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, các nghề truyền thống, các lễ hội, phong tục, tập quán của dân tộc. Quan tâm đầu tư kinh phí cho lĩnh vực bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào các

dân tộc thiểu số, đặc biệt là Không gian văn hóa cồng chiêng Tây nguyên, chế tác nhạc cụ, dệt thổ cẩm,...

Tuy nhiên, cùng với sự vận động của xã hội, sự mai một truyền thống văn hóa dân tộc đã và đang xảy ra. Sự xuất hiện của các yếu tố văn hóa mới, trong đó có yếu tố về tôn giáo đã khiến cho một số giá trị truyền thống trong cộng đồng thay đổi và dần mai một. Các nghệ nhân có nhiều kinh nghiệm, tâm huyết, như nghệ nhân chình chiêng, tạc tượng nhà mồ, kẻ khăn, đan lát,... chưa được quan tâm, kế thừa; một số nét văn hóa độc đáo của các làng đồng bào dân tộc thiểu số có nguy cơ bị mất dần. Điều này gây khó khăn trong việc kế thừa các di sản văn hóa truyền thống khi những nghệ nhân giàu kinh nghiệm, tâm huyết ngày càng già yếu và qua đời.

1.5. Về tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa

Những năm qua, nguồn lực đầu tư cho hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh tăng đều qua các năm¹; mức đầu tư ngân sách về cơ bản có trọng điểm, phù hợp với tình hình phát triển văn hóa. Do đó, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở có sự phát triển². Các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư xây dựng đã tạo không gian sinh hoạt văn hóa, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân.

Việc thực hiện xã hội hóa hoạt động văn hóa bước đầu có hiệu quả. Các mô hình xã hội hóa ở cơ sở không vì mục đích sinh lợi được mở rộng. Việc tôn tạo, xây dựng các công trình văn hóa cũng được quan tâm đầu tư xây dựng theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Người dân trực tiếp tham gia xây dựng thiết chế văn hóa, đồng thời là người bảo vệ, duy trì hoạt động của các thiết chế. Tỉnh cũng chú trọng dành kinh phí cho việc nghiên cứu khoa học và lập các dự án nghiên cứu phục dựng, bảo tồn các lễ hội, các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các nghề thủ công truyền thống, nét sinh hoạt văn hóa đặc trưng của người Jrai, Bahnar. Tập trung trùng tu, tôn tạo các hạng mục thuộc khu di tích lịch sử cách mạng. Chú trọng phân bổ kinh phí cho việc nghiên cứu khoa học và lập các dự án nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể đang có nguy cơ bị mai một, thất truyền; khôi phục, nâng tầm các lễ hội truyền thống,... Nhờ đó, môi trường văn hóa có những thay đổi, chuyển biến rõ rệt, tạo được nét văn hóa mới theo định hướng vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc. Đời sống văn hóa cơ sở không ngừng phát triển, chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa ngày càng được nâng cao, mức hưởng thụ về văn hóa giữa thành thị và nông thôn đã thu hẹp dần.

1. Từ năm 2014 đến 2018, tổng kinh phí mà tỉnh đã chi cho sự nghiệp văn hóa, thông tin là 560.483 triệu đồng (trong đó, chi thường xuyên là 391.088 triệu đồng, chi đầu tư phát triển văn hóa là 169.395 triệu đồng), năm 2018 mức đầu tư cho văn hóa tăng 113% so với năm 2014.

2. Toàn tỉnh có 1 trung tâm văn hóa tỉnh; 5 nhà văn hóa các ngành; 5 điểm vui chơi trẻ em cấp tỉnh; 220 nhà văn hóa cấp xã, phường; 1.489 nhà văn hóa thôn, làng; 18 điểm vui chơi trẻ em cấp huyện; 220 điểm vui chơi trẻ em cấp xã, phường; 17 nhà văn hóa huyện, 910 nhà văn hóa thôn, làng, tổ dân phố, 673 nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, làng, tổ dân phố; 163 điểm bưu điện văn hóa xã.

Tuy nhiên, hiện nay nguồn nhân lực quản lý, tham mưu về lĩnh vực văn hóa chưa bảo đảm về số lượng và chất lượng. Các nguồn lực tham gia đầu tư, khai thác, phát huy các giá trị văn hóa trên địa bàn tỉnh còn rất hạn chế; các thiết chế văn hóa còn ở quy mô nhỏ; ngân sách đầu tư hằng năm cho sự nghiệp phát triển văn hóa chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân; cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển văn hóa chưa thật sự hấp dẫn, thông thoáng.

1.6. Về hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Những năm qua, tỉnh luôn quan tâm đẩy mạnh hội nhập văn hóa với khu vực và thế giới; đẩy mạnh quảng bá văn hóa và giới thiệu tiềm năng phát triển về kinh tế, du lịch của tỉnh, tổ chức và tham gia các sự kiện lớn, các giải thi đấu thể thao chuyên nghiệp và quần chúng... nhằm thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư và tạo cơ hội giao lưu học hỏi, hợp tác phát triển văn hóa, du lịch. Đặc biệt, tỉnh đã tổ chức sự kiện Festival văn hóa cộng đồng Tây Nguyên năm 2018 tại tỉnh với sự tham dự của 26 đoàn cộng đồng trong tỉnh và các tỉnh Tây Nguyên cùng với nghệ nhân của 10 tỉnh khác trong nước; phối hợp tổ chức 2 hội thảo khoa học quy mô lớn về Phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn và công tác khai quật các di chỉ sơ kỳ Đá Cũ tại thị xã An Khê với sự hợp tác của chuyên gia các nước và vùng lãnh thổ, như: Nga, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Mianma, Philíppin, Đài Loan (Trung Quốc),... Hằng năm, tỉnh tổ chức nhiều hoạt động giao lưu các hoạt động văn hóa, văn nghệ với các nước, như: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia; tổ chức các đoàn ngoại giao sang thăm, chúc Tết cổ truyền của Lào, Campuchia; các tỉnh Attapư, Champasak (Lào), tỉnh Rattanakiri, Stung Treng (Campuchia)... các đoàn nghệ nhân tham gia phục dựng các nghi lễ tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hằng năm và giao lưu chương trình nghệ thuật biểu diễn hoán đổi với các tỉnh trên toàn quốc.

1.7. Về đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, nhất là cán bộ chủ chốt thực sự am hiểu về văn hóa, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới

Cấp ủy, chính quyền tỉnh Gia Lai luôn quan tâm đến việc xây dựng, phát triển, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa, nhất là cán bộ chủ chốt thực sự am hiểu về văn hóa, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới nhằm bảo tồn và phát huy tốt nhất những giá trị văn hóa trong thời đại ngày nay và sau này¹. Công tác bồi dưỡng cán

1. Toàn tỉnh có 208 nhân sự biên chế, gồm cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn hóa; 160 hội viên Hội Văn học nghệ thuật thuộc 7 chuyên ngành (Văn học, Nhiếp ảnh, Mỹ thuật, Âm nhạc, Sân khấu biểu diễn, Múa và Văn nghệ dân gian).

bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa được quan tâm và thu được nhiều kết quả tích cực; từ năm 2015 đến 2020, tỉnh đã mở 5 lớp bồi dưỡng cho trên 1.500 cán bộ đang làm công tác văn hóa - xã hội tại các xã, phường, thị trấn.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ văn hóa ở tỉnh còn hạn chế về số lượng và chất lượng; phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn gặp nhiều khó khăn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị cho đội ngũ công chức, viên chức ngành Văn hóa chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa. Vì vậy, trong thời gian tới cần có sự đồng bộ ở các cấp, các ngành về vấn đề đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, nhất là cán bộ chủ chốt nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

1.8. Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa

Công tác đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng về hoạt động văn hóa thời gian qua được tỉnh quan tâm, chú trọng. Tỉnh Gia Lai đã tăng cường đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Gia Lai. Trên cơ sở xu thế phát triển văn hóa trong tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; cụ thể hóa các chương trình phát triển văn hóa, đưa mục tiêu văn hóa vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường cải cách các thiết chế văn hóa; quan tâm, chú trọng công tác đào tạo, quy hoạch cán bộ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa; đầu tư cho văn hóa tương xứng với vị trí, vai trò của văn hóa trong xã hội. Tăng cường chỉ đạo cấp ủy các cấp thực hiện tốt công tác xây dựng văn hóa trong Đảng, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng. Từng bước nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về xây dựng văn hóa trong đổi mới hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đem sức mạnh văn hóa vào xây dựng, chỉnh đốn Đảng và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước với quyết tâm làm tinh gọn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng công chức, đề cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ; đẩy mạnh công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Từ đó đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Công tác kiểm tra, quản lý các hoạt động văn hóa, xử lý vi phạm đã được các ngành chức năng quan tâm thực hiện;

thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Vai trò của công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, tình hình vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch giảm đáng kể. Thông qua công tác kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh các sai phạm trong hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa; đồng thời, giáo dục nâng cao nhận thức phòng, chống các sản phẩm văn hóa độc hại phát tán ra cộng đồng,...

2. Bài học kinh nghiệm

Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, sự quản lý, điều hành của chính quyền; vai trò vận động quần chúng nhân dân của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; các phong trào thi đua phải được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Thực hiện tốt quy chế dân chủ với phương châm lãnh đạo “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, nhằm huy động sức mạnh của toàn dân trong xây dựng, phát huy và phát triển văn hóa.

Hai là, các cơ quan làm công tác tham mưu, nhất là quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể trong triển khai thực hiện các phong trào. Cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở phải được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ. Ngân sách nhà nước phải được đầu tư đúng mức, bảo đảm cho các hoạt động văn hóa mang lại hiệu quả cao.

Ba là, đưa các nội dung nghị quyết, chỉ thị của Đảng vào cuộc sống; cụ thể hóa hệ thống văn bản pháp quy quản lý nhà nước về văn hóa vào quy ước, hương ước của khu dân cư văn hóa, vào phong trào xây dựng gia đình văn hóa gắn với việc triển khai thực hiện các chương trình, các cuộc vận động... tạo thành phong trào thi đua chung của toàn xã hội, để từng thôn, làng, tổ dân phố, mỗi hộ gia đình, mỗi cá nhân cùng tham gia.

Bốn là, phát huy tốt vai trò của già làng, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, cán bộ, đảng viên phải tiên phong gương mẫu, đi đầu trong các phong trào để quần chúng nhân dân noi theo.

Năm là, ưu tiên đầu tư nguồn lực cho việc bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế với phát huy bản sắc văn hóa của địa phương. Hằng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người và nhân rộng những mô hình tiêu biểu, những cách làm hay để địa phương khác học tập.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Cần có cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút các tổ chức và cá nhân đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Sớm hoàn thiện chính sách, pháp luật về văn hóa; có chính sách ưu đãi đối với nghệ nhân, người có công lao đóng góp quan trọng trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; hỗ trợ địa phương trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- Có quy chế phối hợp giữa các ngành trong công tác xây dựng thiết chế văn hóa, đầu tư trang thiết bị cho ngành Văn hóa để đạt hiệu quả cao hơn; có chính sách để các doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động văn hóa nhằm huy động tối đa nguồn lực của toàn xã hội vào công tác xây dựng, bảo tồn và phát triển văn hóa.

- Đầu tư nguồn kinh phí để số hóa lĩnh vực văn hóa theo nghị quyết của Đảng, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chế tài mạnh hơn trong việc xử lý các tổ chức, cá nhân trong việc sản xuất, tàng trữ, buôn bán, lưu hành các sản phẩm văn hóa độc hại, đồi trụy; có biện pháp ngăn chặn các trang mạng có nội dung bạo lực, đồi trụy, phản động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [2] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025.
- [3] Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [4] Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước””.
- [5] Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [6] Dương Trung Ý: “Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện mới”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn>.
- [7] Nguyễn Vĩnh Thắng: “Phát huy nguồn lực văn hóa cho phát triển đất nước”, *Quân đội nhân dân Online*, truy cập <https://www.qdnd.vn>.

KẾT QUẢ VIỆC TRIỂN KHAI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG, CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, KẾT LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA TRONG THỜI GIAN QUA; MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

Văn hóa là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhận thức, **quan điểm của Đảng về văn hóa có những bước vận động và phát triển rất quan trọng**, được khẳng định trong các văn kiện của Đảng, chính sách cụ thể của Nhà nước. Từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943* - Văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ; hay trong các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người luôn chủ trương phát triển văn hóa, nâng cao dân trí, giáo dục đạo đức và nâng cao nhân cách cho nhân dân. Nền văn hóa mà Người chủ trương xây dựng là sự kết hợp giữa kế thừa, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa yêu nước - nhân văn Việt Nam và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa kỳ thị - độc tôn về văn hóa. Văn hóa phải thấm sâu vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Văn hóa phải loại trừ tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ. Văn hóa phải làm cho mọi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình được hưởng¹.

Đặc biệt, sau hơn 35 năm đổi mới, nhiều chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng về văn hóa được ban hành, tổ chức thực hiện, nổi bật là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, là văn kiện chuyên đề, sâu sắc và toàn diện về văn hóa sau *Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943*, vừa có tính chiến lược lâu dài, vừa có tính cương lĩnh hành động trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV-XXVI.

mới; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW nhằm xây dựng nền văn hóa con người Việt Nam phát triển toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên, toàn tỉnh có 15 đơn vị hành chính cấp huyện; 184 xã, phường, thị trấn, với 2.482 thôn, buôn, tổ dân phố (trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 30%), dân số khoảng 2 triệu người. Đắk Lắk là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội; có thế mạnh về phát triển du lịch sinh thái với bản sắc văn hóa rất đặc trưng, đa dạng, có sự giao thoa văn hóa dân gian đặc sắc, phong phú về phong tục tập quán của cộng đồng 49 dân tộc cùng sinh sống.

Những năm qua, việc xây dựng và phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh luôn được cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị quan tâm lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhằm phát huy giá trị, bản sắc văn hóa và xây dựng con người trong sự nghiệp xây dựng, phát triển bền vững địa phương. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch quán triệt lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết Trung ương về lĩnh vực văn hóa như: Chương trình hành động số 70-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII); Chương trình số 22-CTr/TU về thực hiện chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa; Kế hoạch số 04-KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”; Chương trình số 41-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Chương trình số 23-CTr/TU về việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; Kế hoạch số 14-KH/TU về việc thực hiện Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW...

Căn cứ chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, các cơ quan, ban, ngành, đơn vị trong toàn tỉnh tiến hành xây dựng và tổ chức quán triệt thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động phù hợp với từng địa phương, đơn vị; theo đó lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều *kết quả* quan trọng; nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa được nâng lên trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân; văn hóa phát triển ngày càng hài hòa với phát triển kinh tế; cơ chế, chính sách, hệ thống thiết chế văn hóa từng bước được hoàn thiện; sản phẩm văn hóa phong phú; không gian văn hóa phi vật thể, các di tích, di sản văn hóa vật thể được quan tâm bảo vệ và phát huy giá trị... đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần phát triển con người cả về thể chất và tinh thần.

Hệ thống cơ sở vật chất trường học và mạng lưới y tế không ngừng được củng cố, kiện toàn, trang thiết bị hiện đại được quan tâm đầu tư; đội ngũ giáo viên, y bác sĩ từng bước được chuẩn hóa; chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân không ngừng được cải thiện, với 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Toàn tỉnh hiện có 529/1021 trường học đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 52%, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 67,5%; duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở;. Công tác xã hội hóa giáo dục, đào tạo, y tế được đẩy mạnh, hệ thống các trường, phân hiệu đại học, học viện, bệnh viện, phòng khám đa khoa tư nhân phát triển mạnh..., đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, khám, chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn tỉnh, và các địa phương khu vực Tây Nguyên.

Hoạt động văn học - nghệ thuật có bước phát triển mới, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân; đội ngũ văn nghệ sĩ trên địa bàn tỉnh khá đông đảo, trải rộng ở các ngành, lĩnh vực, luôn tích cực hưởng ứng, tham gia các hoạt động sáng tác, sáng tạo tác phẩm. Rất nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật đạt giải quốc gia và các giải cao ở khu vực và quốc tế thông qua các cuộc thi, trưng bày, triển lãm.

Hoạt động lễ hội đi vào nền nếp, với hơn 70 lễ hội được tổ chức hằng năm và Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột được tổ chức định kỳ 2 năm một lần; các lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ được quan tâm phục dựng, tổ chức trình diễn với nhiều quy mô khác nhau. Công tác bảo tồn và phát huy các di sản, bản sắc văn hóa được triển khai tích cực; công tác bảo vệ, trùng tu, tôn tạo di tích, nghiên cứu, sưu tầm và trưng bày hiện vật được quan tâm. Toàn tỉnh hiện có 38 di tích đã được xếp hạng (2 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 17 di tích cấp quốc gia, 19 di tích cấp tỉnh) và hơn 30 di tích tiềm năng¹. Nhiều di tích phát huy giá trị trong giáo dục văn hóa, lịch sử dân tộc cho nhân dân và phát triển du lịch của địa phương.

Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phòng, chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chú trọng và đạt được những kết quả đáng kể; thiết chế văn hóa được chú trọng đầu tư xây dựng, toàn tỉnh có 3 Nhà văn hóa cấp tỉnh, có 13/15 trung tâm văn hóa huyện, 68/152 xã có nhà văn hóa, thể thao; 578/609 buôn đồng bào dân tộc thiểu số có nhà văn hóa cộng đồng. Các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, trọng tâm là phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả, hằng năm có trên 85% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa,

1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; <https://tuyengiao.vn/dua-nghi-quyet-cua-dang-vao-cuoc-song/phan-trien-van-hoa-dak-lak-theo-nghi-quyet-dai-hoi-dang-bo-tinh-lan-thu-xvii-133986>

trên 83% thôn, buôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa và trên 92% cơ quan, đơn vị doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa..., góp phần nâng cao nhận thức, chủ động đấu tranh, đẩy lùi sự xâm nhập của sản phẩm văn hóa ngoại lai, độc hại trong đời sống hằng ngày; phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Những kết quả nêu trên sở dĩ đạt được là bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, *trước hết*, các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, các tổ chức đoàn thể, đơn vị trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đều nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng của văn hóa và xây dựng con người Việt Nam trong sự nghiệp phát triển đất nước, địa phương; thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và kịp thời xây dựng chương trình, kế hoạch nhằm cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng về văn hóa đề ra, phù hợp với thực tiễn của địa phương, đơn vị; gắn các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với phát triển văn hóa.

Thứ hai, công tác tuyên truyền, giáo dục về văn hóa, các hoạt động văn hóa được thực hiện sâu rộng, nâng cao nhận thức, ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; động viên nhân dân tự giác, tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào xây dựng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Thứ ba, quan tâm bố trí ngân sách đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng cơ bản nhu cầu sinh hoạt văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

Thứ tư, thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước về văn hóa; kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn những biểu hiện lệch chuẩn văn hóa, vi phạm pháp luật; có biện pháp xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm.

Thứ năm, xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan quản lý văn hóa từ tỉnh đến cơ sở; quy hoạch, đào tạo chuyên sâu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu lĩnh vực văn hóa các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; quan tâm động viên và có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm bồi dưỡng, nâng cao trình độ sáng tác, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cho đội ngũ văn nghệ sĩ;...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác văn hóa trên địa bàn vẫn còn một số hạn chế, khó khăn sau:

(1) Một số cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt, thường xuyên và kịp thời trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, triển khai thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa.

(2) Còn nhiều hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ của nhân dân. Công tác bảo tồn, phục dựng, phát huy các loại hình nghệ

thuật truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc chưa cao. Các thiết chế văn hóa, nhất là ở cơ sở chưa thực sự phát huy hiệu quả.

(3) Phong trào xây dựng thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hóa ở một số địa phương, đơn vị còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu.

(4) Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của xã hội, bên cạnh những hiệu ứng tích cực của công nghệ thông tin, internet, cũng có không ít những tác động tiêu cực. Công tác quản lý hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản trên môi trường internet, mạng xã hội còn nhiều hạn chế, bất cập, trong khi các tổ chức, đối tượng phản động luôn lợi dụng mạng xã hội để truyền bá những luận điệu sai trái, thông tin xấu, độc, kích động bạo lực, tuyên truyền văn hóa đồi trụy, trái với thuần phong mỹ tục..., gây ảnh hưởng đến phẩm chất, đạo đức, lối sống, hành vi ứng xử của con người, nhất là đối với giới trẻ.

(5) Công tác hỗ trợ đào tạo tài năng, chế độ chính sách đối với đội ngũ văn nghệ sĩ còn hạn chế; đội ngũ cán bộ nghiên cứu văn hóa chuyên sâu còn mỏng; chưa thu hút tốt các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển văn hóa.

Đại hội XIII của Đảng đã đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong 5 năm 2021 - 2025; xác định phương hướng, mục tiêu phát triển của đất nước đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Đại hội xác định quan điểm phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tính cộng đồng, ý chí tự cường, tự hào dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

Đại hội đã đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ văn hóa đó là: (1) Lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước; xây dựng “Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”. (2) Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là động lực cho phát triển đất nước và hội nhập quốc tế; “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại” là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. (3) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yêu cầu cấp thiết, một đột phá chiến lược, yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước. (4) Phát triển

khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh quốc gia. Xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để phát triển khoa học - công nghệ và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia. (5) Phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Khẳng định các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam và sức mạnh con người Việt Nam đã trở thành cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa dân tộc, là sức mạnh nội sinh, là nguồn lực và động lực to lớn của đất nước trong phát triển bền vững và hội nhập quốc tế (6) Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý và tập trung “xây dựng Đảng về đạo đức”, thực hiện nêu gương, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu; đảng viên tự giác nêu gương để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, gương mẫu, tạo sự lan tỏa, thúc đẩy các phong trào cách mạng...

Quan điểm, nhiệm vụ trọng tâm về văn hóa cũng được xác định rất rõ trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 là: “Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm an sinh xã hội và từng bước giải quyết vấn đề dân di cư tự phát. Đẩy mạnh giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên, nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo tín ngưỡng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các loại hình văn hóa, văn nghệ; xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người và phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng nâng cao, giá trị tư tưởng nghệ thuật, đồng thời bảo đảm tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học, nghệ thuật... Quan tâm, tạo điều kiện phát triển văn hóa, văn nghệ các dân tộc thiểu số trên địa bàn”. Đại hội xác định mục tiêu: đến năm 2025: xây dựng tỉnh Đắk Lắk giàu đẹp, văn minh, bản sắc, từng bước xứng đáng vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đạt mức trung bình của cả nước; Định hướng đến năm 2030: bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đạt mức trung bình khá của cả nước; Tầm nhìn đến năm 2045: xây dựng tỉnh Đắk Lắk cơ bản trở thành trung tâm của vùng Tây Nguyên trên tất cả các lĩnh vực. Bảo đảm đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân đạt mức khá của cả nước.

Để đạt được các mục tiêu trên, đưa văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững, trong thời gian tới, tỉnh Đắk Lắk sẽ tập trung thực hiện một số *nhiệm vụ, giải pháp* sau:

Một là, lãnh đạo tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI và khóa XII), gắn với tiếp tục thực hiện có chiều sâu Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục

thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW cùng các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương; mỗi cán bộ, đảng viên “tự soi, tự sửa”, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ để lãnh đạo đất nước phát triển cường thịnh, phồn vinh mang lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Hai là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn hóa. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về tầm quan trọng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức đoàn thể, đoàn viên, hội viên với hoạt động của chính quyền các cấp. Chỉ đạo xây dựng, ban hành và khuyến khích thực hiện hiệu quả Bộ quy tắc ứng xử “Người Đắc Lắc văn minh - thân thiện - mến khách”.

Ba là, đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa phù hợp thực tiễn. Tiếp tục khuyến khích, nâng cao chất lượng sáng tác và phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật; tăng cường bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, đặc biệt là văn hóa cộng đồng; phê phán và từng bước xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong cộng đồng các dân tộc trên địa bàn. Tăng cường vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác vận động, giám sát; tổ chức quần chúng, giới trí thức tham gia tích cực các hoạt động văn hóa, sáng tạo văn hóa, giáo dục và định hướng hưởng thụ văn hóa lành mạnh, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ.

Bốn là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa; coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa. Thực hiện tốt chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ văn hóa; chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa.

Năm là, ưu tiên tối đa các nguồn lực để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ, “phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật”¹ ở các phương diện thể lực, trí lực, kĩ năng sống, đạo đức, nhân cách, lối sống, tâm hồn, năng lực làm việc, tôn trọng pháp luật. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa và phát triển

1. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 Khóa IX về “Xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

con người; xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống trong xây dựng con người và phát triển kinh tế - xã hội.

Từ thực tiễn thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương về văn hóa tại địa phương, Tỉnh ủy Đắk Lắk *đề xuất, kiến nghị* với Trung ương một số nội dung sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý thông tin trên mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác (hoạt động sáng tác, báo chí, xuất bản) trên Internet, xử lý triệt để các trang thông tin điện tử có nội dung không lành mạnh, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tăng nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa đối với khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng dự án ổn định cư trú cho dân di cư ngoài kế hoạch. Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA - ĐẶC TRƯNG SINH THÁI BẢN ĐỊA TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN - HƯỚNG ĐI BẢO TỒN, PHÁT HUY BỀN VỮNG CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

TỈNH ỦY ĐẮK NÔNG

1. Di sản văn hóa tạo nên bản sắc riêng của mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc là tiếng nói, chữ viết, lễ hội, kiến trúc, trang phục,... Các giá trị văn hóa này do các cộng đồng dân tộc thiểu số sáng tạo ra trong quá trình sinh tồn, phát triển, là những yếu tố làm nên giá trị đặc sắc của mỗi cộng đồng. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu trong đường lối văn hóa của Đảng. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, từ năm 1999, việc tìm kiếm, khôi phục, bảo tồn, kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói riêng và các dân tộc thiểu số nói chung đã đạt được những kết quả rất lớn. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng như tỉnh Đắk Nông đã có rất nhiều đề án lớn về tìm kiếm, khôi phục, bảo tồn các giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, như đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020; đề án Mỗi dân tộc có một làng văn hóa bảo tồn, đề án Bảo tồn văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một lớn nhất, v.v... Từ chủ trương đúng đắn của Đảng, văn hóa truyền thống, đặc sắc của các dân tộc đã được tìm kiếm, khôi phục, bảo tồn. Nhiều giá trị văn hóa đã được vinh danh trên phạm vi quốc tế, như: Nhã nhạc cung đình Huế; Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên; Dân ca quan họ; Ca trù; Hội Gióng; Hát xoan; Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương; Đờn ca tài tử, v.v..

Tuy nhiên, trước những tác động phức tạp của quá trình hội nhập quốc tế, nhất là từ những làn sóng văn hóa mới đối với giới trẻ, việc kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa các dân tộc đang đặt ra nhiều vấn đề mới. Vấn đề lớn nhất có lẽ là vấn đề giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống một cách bền vững. Những năm qua, chúng ta đã làm tốt công tác khôi phục, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, nhưng việc phát huy các giá trị truyền thống đó gặp nhiều khó khăn, thách thức. Các giá trị văn hóa vật thể có thể được tìm kiếm, khôi phục và lưu trữ lâu dài; nhưng điều này gần như là không thể đối với các giá trị văn hóa phi vật thể. Chúng ta có thể đầu tư tổ chức, phục dựng các lễ hội, nhưng linh hồn của các lễ hội, người diễn xướng,

thể hiện các giá trị văn hóa truyền thống chỉ có thể là cộng đồng. TS. Trần Hữu Sơn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian ứng dụng, cho rằng trong việc bảo tồn văn hóa, sự tham gia của cộng đồng người dân là yếu tố quyết định, vì đồng bào chính là chủ nhân của di sản. Tuy nhiên, trước những tác động đa chiều của quá trình phát triển kinh tế thị trường, tiếp biến văn hóa toàn cầu, ý thức tự thân của cộng đồng về vấn đề bảo tồn văn hóa dân tộc mình đang có những thách thức lớn. Một trong những nguyên nhân cơ bản đó là áp lực về kinh tế. Cộng đồng dân tộc M'Nông, Mạ, Êđê rất yêu quý và tự hào về những tấm thổ cẩm của mình, nhưng họ khó có thể theo đuổi nghề dệt (ngay cả khi được Nhà nước hỗ trợ), khi mà một tấm vải dệt rất nhiều ngày nhưng giá trị trên thị trường chỉ bằng 1 - 2 ngày công đi làm thuê.

2. Để giải quyết thách thức này, quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển văn hóa xuyên suốt của Đảng, từ thực tiễn Đảng bộ tỉnh Đắk Nông đã xác định trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XII (2020-2025) yêu cầu “thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống” và giải pháp “khai thác hiệu quả những tiềm năng, lợi thế về tài nguyên du lịch trên nền tảng phát huy các lợi thế tự nhiên, các giá trị văn hóa - đặc trưng sinh thái bản địa, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc tỉnh Đắk Nông. Xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân”. Ngay sau Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã chỉ đạo ban hành hai chương trình hành động về (1) Sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các loại hình di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ thất truyền của các dân tộc thiểu số tại tỉnh Đắk Nông và (2) Phát triển du lịch và du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông giai đoạn 2021-2025. Đây được xem là giải pháp căn cơ, tổ chức thực hiện tốt giải pháp sẽ phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư của Nhà nước, xã hội và cộng đồng vào công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số. Các giá trị văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc thiểu số không chỉ được bảo tồn mà còn được quảng bá và trở thành nguồn sinh kế cho chính cộng đồng.

Cộng đồng các dân tộc ở Đắk Nông, ngoài việc đồng sở hữu Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, còn sở hữu những hệ giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, nổi bật là sử thi Ót N'rong, văn hóa thổ cẩm, văn hóa ẩm thực,... Các giá trị văn hóa đặc trưng đó, cùng với những lợi thế riêng về tự nhiên, như khí hậu, hệ thống thác nước, hồ thủy điện¹, rừng đặc dụng², Công viên địa chất toàn cầu

1. Cụm di tích thắng cảnh cấp quốc gia thác Dray Sáp - Gia Long (huyện Krông Nô), thác Trinh Nữ (huyện Cư Jút), thác Lưu Ly, thác Len Gun (huyện Đắk Song), thác Liêng Lung, thác Cô Tiên (thành phố Gia Nghĩa), thác Đắk G'Lon, thác Đắk Buk So (huyện Tuy Đức), thác Năm Tầng (huyện Đắk R'lấp), hồ Tà Đùng - Vịnh Hạ Long trên Tây Nguyên (huyện Đắk G'long).

2. Vườn quốc gia Tà Đùng (huyện Đắk G'long), Khu bảo tồn thiên nhiên Nâm Nung (huyện Krông Nô, Đắk Song và Đắk G'long).

UNESCO Đắk Nông, v.v. tạo dư địa để Đắk Nông thực hiện mục tiêu “Khai thác hiệu quả những tiềm năng, lợi thế về tài nguyên du lịch trên nền tảng phát huy các lợi thế tự nhiên, các giá trị văn hóa - đặc trưng sinh thái bản địa”. Từ sau ngày tái lập tỉnh năm 2004 đến nay, Đắk Nông đã triển khai nhiều chủ trương, chính sách để thực hiện việc khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, trọng tâm là các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc M’Nông, Mạ, Êđê. Với sự nỗ lực rất lớn, đề án Bảo tồn, phát huy lễ hội, hoa văn, công chiêng và nhạc cụ dân gian của dân tộc M’Nông tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2005-2009 (mở rộng phạm vi đối với các dân tộc Mạ, Êđê trong giai đoạn 2010-2015), đã mang lại những kết quả quan trọng: khôi phục được 40 lễ hội truyền thống, xây dựng 79 đội văn nghệ dân gian, khôi phục nghề thổ cẩm và cũng là địa phương đầu tiên tổ chức Lễ hội thổ cẩm quy mô quốc tế (hai lần vào các năm 2018 và 2020), v.v..

Nhận thức được quan điểm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa phải gắn với phát triển kinh tế, Đắk Nông đã sớm nghiên cứu, khai thác các giá trị về địa chất, địa mạo của hệ thống hang động núi lửa đặc trưng, gắn với các giá trị văn hóa tộc người. Việc được UNESCO công nhận Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông (tháng 7/2020) đã mở ra cơ hội cho sự phát triển dựa trên nền tảng những đặc trưng văn hóa bản địa của Đắk Nông¹. Đi theo hướng mới, Đắk Nông đã nghiên cứu, tiếp nhận kinh nghiệm trong và ngoài nước để định hướng bảo tồn các giá trị văn hóa bằng việc thực hiện phát triển du lịch cộng đồng, với chủ thể tham gia trực tiếp và chủ yếu của người dân bản địa, cộng đồng địa phương trong các giai đoạn phát triển và mọi hoạt động du lịch. Kết quả bước đầu đã khẳng định tính đúng đắn của chủ trương này. Từ những yêu cầu của phát triển du lịch, việc nghiên cứu, học hỏi các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của du khách đối với các ngành nghề truyền thống (dệt thổ cẩm, đan lát, v.v.), văn hóa công chiêng đã dần được tự thân cộng đồng khôi phục, phát huy (với sự hỗ trợ của ngành Văn hóa). Từ đầu năm 2021, Đắk Nông được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ xây dựng mô hình điểm Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa của dân tộc Mạ trong khuôn khổ Đề án “Bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2030. Nối tiếp thành công của Lễ hội thổ cẩm 2020 và nâng tầm cho thổ cẩm Việt Nam đến với công chúng quốc tế, Cục Hợp tác quốc tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông - quảng cáo Tầm và Cầm phối hợp thực hiện show thời trang thổ cẩm với chủ đề “Dòng chảy bất tận -

1. Tỉnh Đắk Nông đã xác định 44 điểm đến, hình thành ba tuyến du lịch với chủ đề “Xứ sở của những âm điệu”, bao gồm: “Trường ca của lửa và nước”, “Bản giao hưởng của làn gió mới” và “Âm vang từ trái đất” trải dài trên 6 huyện, thành phố trên cơ sở các giá trị địa chất, văn hóa của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

The Eternal Flow” trong khuôn khổ Triển lãm Thế giới Expo 2020 Dubai, UAE. Điểm đặc biệt chính là sự góp mặt của các nghệ nhân người dân tộc thiểu số.

3. Tuy nhiên quá trình triển khai thực hiện cũng đặt ra những vấn đề cần được nghiên cứu, giải quyết thấu đáo.

Trước hết, tư duy quản lý văn hóa chưa theo kịp sự phát triển của xã hội. Cơ chế quản lý văn hóa vẫn còn dấu ấn hành chính - mệnh lệnh, áp đặt; các hoạt động bảo tồn, phát triển văn hóa còn bị sa đà vào các hoạt động văn hóa cụ thể, các công việc sự vụ, phong trào mà chưa thực sự phát huy được đầy đủ trách nhiệm, vai trò của xã hội, của cộng đồng, doanh nghiệp và các hiệp hội nghề nghiệp. Không ít dự án, kế hoạch phát triển văn hóa được xác định và xây dựng từ cấp vĩ mô, chưa xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn cơ sở.

Hai là, cơ chế để đầu tư, hỗ trợ cho các dự án bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế. Để thực hiện được mục tiêu kép này, phải có chính sách hỗ trợ, đầu tư kinh phí để người dân thực hiện, bởi việc bảo tồn để phát triển cần một khoản đầu tư lớn nghiên cứu, thực thi, xây dựng môi trường bảo tồn di sản văn hóa đó. Tuy nhiên, hiện nay, một số cơ chế, chính sách hỗ trợ cho công tác bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa bắt kịp với những thay đổi nhanh chóng của thực tiễn. Thực tế này đã dẫn đến những khó khăn không nhỏ cho địa phương trong việc xây dựng phương án, áp dụng chính sách hỗ trợ cho các dự án.

Để giải quyết điểm nghẽn này, các điều luật liên quan đến quản lý di sản văn hóa, du lịch, xây dựng, v.v. cần được bổ sung và sửa đổi nhằm xác lập vai trò của cộng đồng đối với bảo tồn di sản; vai trò và quyền lợi của cộng đồng trong phát triển du lịch. Xây dựng chính sách về công tác bảo tồn di sản văn hóa, nhất là đối với di sản văn hóa phi vật thể một cách linh hoạt. Đồng thời, xây dựng, hoàn thiện quy định, cơ chế đặc thù trong việc quy hoạch, xây dựng các điểm du lịch cộng đồng, du lịch di sản; gắn với văn hóa cộng đồng, tôn trọng tính đa dạng văn hóa, tính chính thể nguyên hợp của di sản văn hóa phi vật thể.

Ba là, cơ chế thanh lọc, ngăn chặn những tác động tiêu cực từ quá trình tiếp biến văn hóa toàn cầu. Thiết nghĩ, đây vẫn là điểm yếu trong quản lý nhà nước về văn hóa. Sự phát triển rất nhanh của các công cụ đa phương tiện, truyền thông số, mạng xã hội đã mang lại cơ hội hưởng thụ nhiều giá trị văn hóa mới, nhưng cũng là nguy cơ tạo làn sóng lấn át, cuốn trôi những giá trị văn hóa truyền thống. Đây là vấn đề không mới, nhưng những năm qua chúng ta vẫn lúng túng trong cách quản lý, định hướng giá trị văn hóa, nhất là cho lớp trẻ.

Bốn là, nguồn nhân lực để phát triển văn hóa ở cơ sở thực sự chưa đáp ứng, theo kịp sự phát triển phong phú, đa dạng và phức tạp của hoạt động văn hóa. Với đặc thù không gian, địa lý như ở Đắk Nông, Tây Nguyên nói chung, công chức thực hiện 2 nhiệm vụ “văn hóa” và “xã hội” như hiện nay, yêu cầu làm tốt công tác

quản lý, định hướng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống ở cơ sở là không thể. Cần nhanh chóng có cơ chế đầu tư xây dựng hệ thống các thiết chế và cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa đồng bộ, phù hợp với đặc điểm vùng, miền, với nhu cầu và nguyện vọng của người dân; xây dựng cơ chế phù hợp để bàn giao cho cộng đồng quản lý, vận hành; có chính sách, cơ chế khuyến khích đội ngũ văn nghệ sĩ, nghệ nhân là người dân tộc thiểu số sáng tác và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống.

Nói tóm lại, xác định quan điểm, tạo lập cơ chế, chính sách đặc thù để các giá trị văn hóa truyền thống trở thành sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân chính là giải pháp căn cơ và bền vững để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Từ Hội nghị Văn hóa toàn quốc quan trọng lần này, đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông mong muốn Trung ương sẽ đề ra được những quyết sách mới phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

NÂNG CAO VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG VIỆC BẢO TỒN, GIỮ GÌN BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

Khi nói đến văn hóa Việt Nam là nói đến tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra và trở thành nền tảng, sức mạnh của dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng vai trò và sức mạnh của văn hóa, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; vừa là mục tiêu, vừa là động lực, là sức mạnh nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đánh giá quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước trong 35 năm qua, Đảng ta đã đặc biệt coi trọng vai trò của văn hóa, ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị để chỉ đạo phát triển văn hóa. Sự khởi sắc của văn hóa cho thấy đời sống tinh thần ngày càng phong phú, đa dạng hơn, mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân từng bước được nâng lên; bầu không khí trong xã hội dân chủ, cởi mở hơn; dân trí được nâng cao; những nhân tố mới, giá trị mới từng bước được định hình.

Việc quan tâm, chú trọng đến nhân tố văn hóa cũng như hoàn thiện, đổi mới, phát triển văn hóa trong từng thời điểm, từng giai đoạn ở từng địa phương có thể có sự khác nhau; phụ thuộc tình hình và yêu cầu của mỗi địa phương để có sự vận dụng sáng tạo, cụ thể hóa quan điểm của Đảng cho phù hợp thực tế, tránh máy móc hoặc chủ quan, duy ý chí. Trong thực tiễn, nếu đặt văn hóa đúng với vai trò, vị trí, bối cảnh lịch sử cụ thể thì sẽ giải quyết tốt mối quan hệ hài hòa, đồng bộ và thống nhất trong sự phát triển chung của một quốc gia, dân tộc, hay ở từng địa phương. Trong xã hội có hai nền tảng: nền tảng vật chất (kinh tế) và nền tảng tinh thần (văn hóa), hai nền tảng này phải bổ sung cho nhau và cùng phát triển. Cũng như trong mỗi cá nhân con người, có đời sống vật chất (chưa đủ) cũng có cả đời sống tinh thần. Không có nền tảng vật chất, con người không thể tồn tại như một sinh thể, nhưng không có nền tảng tinh thần thì con người cũng không thể tồn tại như một nhân cách văn hóa. Văn hóa là “tấm gương” để con người tự “soi mình” mà điều chỉnh, hoàn thiện; bởi con người là vốn quý nhất, là nguồn lực vô hạn, nhưng phải là con người văn hóa. Trong điều kiện thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa như hiện nay, vai trò của văn hóa và việc nỗ lực hoàn thiện, đổi mới, phát triển các giá trị văn hóa sẽ góp phần tích cực trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên, diện tích gần 10.000 km², gồm 12 đơn vị hành chính, dân số gần 1,4 triệu người với 47 dân tộc anh em từ khắp các tỉnh, thành trong cả nước cùng đến đây lập nghiệp, sinh sống. Không chỉ được thiên nhiên ưu đãi về điều kiện khí hậu ôn hòa và mát mẻ quanh năm, cảnh quan thiên nhiên độc đáo, Lâm Đồng còn là nơi hội tụ nhiều di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội truyền thống, với sự đa dạng về thành phần dân tộc, đã tạo nên sự giao thoa giữa văn hóa bản địa với văn hóa các dân tộc vùng miền, hình thành nên bản sắc văn hóa vùng đất cao nguyên.

Bên cạnh “Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên của Việt Nam” đã được UNESCO chính thức công nhận là kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại vào ngày 25/11/2005, thì các lễ hội truyền thống, diễn xướng, trò chơi dân gian, phong tục, tập quán, nếp sống sinh hoạt của đồng bào các dân tộc bản địa đang được tích cực nghiên cứu, sưu tầm, khôi phục và bảo vệ. Nhằm từng bước khôi phục các giá trị của Không gian văn hóa cồng chiêng trong đời sống cộng đồng các dân tộc thiểu số Tây Nguyên ở Lâm Đồng, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, trong đó, năm 2009 Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quyết định phê duyệt Đề án “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa cồng chiêng các dân tộc Tây Nguyên tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2009-2010 và tầm nhìn đến năm 2015”. Các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể trong tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện Đề án và đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến năm 2018, để nâng cao hơn nữa nhận thức về vị trí, vai trò của các cấp chính quyền, cộng đồng và chủ nhân di sản văn hóa trong việc gìn giữ, bảo tồn, khai thác và phát huy có hiệu quả di sản văn hóa phi vật thể Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên theo cam kết của nước ta với UNESCO, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục phê duyệt Đề án “Bảo tồn và phát triển Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020”, góp phần phát triển văn hóa trong thời kỳ hội nhập.

Trong các lễ hội truyền thống thì không thể không kể đến các lễ hội văn hóa, hoạt động văn hóa của các dân tộc trong tỉnh, nhất là của đồng bào các dân tộc thiểu số bản địa như: Lễ Nhô wèr (Uống kiêng cũ - cúng ruộng vào tháng 9 - 10 hằng năm) của người Cohơ Srê, lễ Pothi (lễ bỏ mả của người Churu)... Đây là những lễ hội gắn với đời sống lao động, canh tác nông nghiệp của nhân dân, lễ hội chính là dịp để cư dân thực hiện tín ngưỡng truyền thống - tín ngưỡng đa thần. Đây thực sự là hoạt động giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, các tôn giáo khác nhau. Đặc biệt, khi nhân dân ở các tỉnh, thành trong cả nước đến Lâm Đồng lập nghiệp đã mang theo những văn hóa của các vùng miền khác làm phong phú, đa dạng thêm đời sống văn hóa các dân tộc tỉnh Lâm Đồng. Tiêu biểu như: “Những ngày văn hóa Hà Nội” (tổ chức vào

ngày 10 tháng 10 hằng năm tại huyện Lâm Hà); phong trào hiếu học của các dòng họ Nguyễn Hữu, Thanh Quýt (tỉnh Quảng Nam ở thành phố Đà Lạt); phong tục cúng đình của bà con Thừa Thiên Huế (ở thành phố Bảo Lộc); lễ hội Lòng tòng (lễ hội xuống đồng) của người Tày, Nùng (sinh sống tại huyện Đạ Tẻh, Cát Tiên) tổ chức vào đầu tháng Giêng hằng năm. Đặc biệt, năm 2004, Lễ hội sắc hoa Đà Lạt đã phát triển thành Festival Hoa - Đà Lạt (đến nay đã tổ chức được 8 lần), Lễ hội Văn hóa trà tổ chức hai năm một lần và lễ hội Văn hóa cồng chiêng tổ hằng năm (đến nay đã được 14 lần) hay Ngày hội văn hóa, thể thao vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng kết hợp kỷ niệm Ngày di sản Văn hóa Việt Nam... đã thu hút đông đảo nhân dân trong nước du khách quốc tế.

Di sản văn hóa vật thể ở Lâm Đồng là những ngôi nhà dài, ở đây không đơn thuần chỉ là nơi sinh sống của các thành viên trong mỗi gia đình mà còn là nơi lưu giữ, trưng bày những bộ chiêng, ché, cổ vật có giá trị, được xem là những “*vật thiêng*” mà các thế hệ đồng bào dân tộc thiểu số gìn giữ, bảo tồn; các nghề thủ công như: đan, lát, dệt thổ cẩm; làm rượu cần; làm nhân bạc,... đều lưu truyền từ đời này qua đời khác. Rượu cần là một nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng từ bao đời nay. Cùng với rượu cần, cồng chiêng - loại nhạc cụ truyền thống gắn bó với đời sống tinh thần luôn hiện hữu trong mọi sắc thái vui, buồn, sướng, khổ, hạnh phúc,... của người đồng bào các dân tộc thiểu số sống trên dải đất Nam Tây Nguyên huyền thoại. Cồng chiêng và rượu cần còn có giá trị tâm linh trong sinh hoạt tín ngưỡng của các tộc người trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng. Bên cạnh đó, còn phải kể đến các di chỉ văn hóa ở Đức Trọng, Đơn Dương, Di Linh, Bảo Lộc, nhất là khu di chỉ Cát Tiên mới được khai quật gần đây.

Đặc biệt, khi nói đến tỉnh Lâm Đồng, không thể không nhắc đến thành phố Đà Lạt - được mệnh danh là thành phố hoa, thành phố sương mù, thành phố mộng mơ, thành phố du lịch với nhiều danh lam thắng cảnh, trong đó có các thắng cảnh, di tích lịch sử cấp quốc gia. Cuốn *Địa chí Đà Lạt* năm 1953 của Tòa Thị chính Đà Lạt có ghi chép mang tính dự báo về một thời kỳ phát triển văn hóa rực rỡ của đô thị này trong tương lai gần, “Đà Lạt phải trở thành một trung tâm đại học của Việt Nam. Vừa là một nơi để nghỉ ngơi, vừa để làm việc. Đà Lạt không ngừng phát triển và trong tương lai, trong một nước Việt Nam độc lập, Đà Lạt tràn đầy triển vọng” và dự đoán ấy đã đúng. Cho đến nay mỗi năm, Đà Lạt đã thu hút từ 5 - 7 triệu lượt du khách trong nước và quốc tế đến tham quan và nghỉ dưỡng. Hầu hết, du khách đến đây không chỉ tận hưởng không khí trong lành, mát mẻ mà còn để thưởng ngoạn những địa danh tôn giáo (chùa, nhà thờ), những hồ nước nhân tạo (hồ Xuân Hương, hồ Than thở, hồ Tuyền Lâm), các dinh thự (Dinh I, II, III) và hơn hết là ngắm nhìn sự đồ sộ, đa dạng của hơn 1.300 ngôi biệt thự với lối kiến trúc châu Âu mà người Pháp đã xây dựng cho Đà Lạt vào nửa đầu thế kỷ XX, chính lối kiến trúc Âu, Pháp này đã mang lại cho thành phố cao nguyên một hình hài, dáng dấp xinh đẹp, quyến rũ như ngày nay.

Lịch sử của vùng đất Lâm Đồng là lịch sử của quá trình đấu tranh bền bỉ, gian khổ với thiên nhiên và các thế lực ngoại xâm để tồn tại và phát triển. Chính quá trình ấy đã rèn luyện, thử thách và hun đúc nên những truyền thống quý báu, cần cù, sáng tạo trong lao động; anh dũng, bất khuất trong chiến đấu; đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc anh em. Truyền thống quý báu đó được vun đắp, phát huy và phát triển trong quá trình lịch sử của tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt là từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế; Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đã vượt qua những khó khăn, thách thức, duy trì sự phát triển ổn định trên các lĩnh vực. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, tỉnh Lâm Đồng đã từng bước chuyển mình, nhanh chóng bứt phá và đạt được những kết quả quan trọng, đáng ghi nhận. Trong đó, nổi bật là việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, trên 8%, quy mô nền kinh tế tăng 1,6 lần, chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên, năng suất lao động tăng 1,5 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người năm 2020 là 71,2 triệu đồng. Các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, nhất là nông nghiệp được tái cơ cấu và phát triển theo hướng hiện đại, năng suất cao, giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích không ngừng tăng. Công tác cải cách hành chính đạt được các kết quả tích cực; sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam có nhiều chuyển biến, các giá trị văn hóa tốt đẹp được phát huy. Thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện. Những thành tựu đạt được của tỉnh xuất phát từ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, sự nhận thức, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương và sự đổi mới trong nội dung phương thức lãnh đạo, quản lý của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh, đặc biệt là sự đoàn kết thống nhất của các tầng lớp nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách, tận dụng thời cơ thuận lợi để phát triển.

Tỉnh Lâm Đồng cũng xác định, muốn phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trước hết phải quan tâm phát triển văn hóa, văn hóa phải cổ vũ, động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị. Các nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh đã thể hiện rất rõ quan điểm chỉ đạo này, trong các văn kiện, chương trình hành động đều nhấn mạnh: “Tập trung bảo tồn và phát triển văn hóa, di sản văn hóa các dân tộc trên địa bàn; trong đó, chú trọng phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số; đồng thời, gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch”. Các cấp ủy, chính quyền địa phương luôn chủ động phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ; ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, tọa đàm khoa học về lịch sử, văn hóa, du lịch; về triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị về văn hóa với sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các sở, ngành liên quan để làm rõ những quan điểm mới của Đảng đối với việc phát

triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trước yêu cầu hội nhập và phát triển đất nước trong tình hình mới. Đội ngũ cán bộ trực tiếp phục vụ trong ngành Văn hóa từ tỉnh đến cơ sở từng bước được kiện toàn về số lượng, nâng cao chất lượng; công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực văn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và chính trị, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hội nhập và phát triển được quan tâm bố trí, sắp xếp; hàng năm cử nhiều cán bộ, công chức tham gia học tập các lớp đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn theo yêu cầu nhiệm vụ; tiến hành mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ văn hóa nhằm nâng cao trình độ quản lý và thực hiện nhiệm vụ văn hóa, thể thao, du lịch cho cán bộ cơ sở.... Qua đó đội ngũ làm công tác văn hóa có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, trình độ, năng động, sáng tạo, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển văn hóa của tỉnh nhà.

Bên cạnh đó, nhất quán trong quan điểm chỉ đạo, những năm qua, tỉnh Lâm Đồng đã triển khai một số biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu: bảo đảm khả năng tồn tại của di sản trong môi trường văn hóa - xã hội thích ứng, huy động được sự tham gia của cộng đồng chủ nhân di sản, góp phần làm thay đổi nhận thức và sự tự giác bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, trong đó gìn giữ di sản Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên; phục dựng các lễ hội tiêu biểu của đồng bào các dân tộc thiểu số bị mai một; khôi phục một số làng nghề và nghề truyền thống bị thất truyền; lấy phát triển văn hóa làm nền tảng, sức mạnh nội sinh để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh,... Bên cạnh những kết quả tích cực cần ghi nhận và biểu dương thì vẫn còn rất nhiều nhiệm vụ và giải pháp mà các ban, ngành chức năng và các địa phương của tỉnh cần tiếp tục triển khai tích cực và hiệu quả hơn.

Để hiện thực chương trình “*Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc bản địa, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với hoạt động du lịch trên địa bàn Lâm Đồng*”, tỉnh đã và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc bản địa, tạo động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hiện Lâm Đồng có 47 dân tộc cùng sinh sống, trong đó, cư dân thiểu số gốc Tây Nguyên chiếm khoảng 17% dân số, bao gồm các tộc người bản địa là Mạ, Coho, Churu, Mnông và Xtiêng cùng hơn 70% là người Kinh và 13% là các dân tộc khác từ nhiều vùng miền khác nhau... Trong quá trình sinh sống, văn hóa của dân cư từng vùng miền đã giao thoa, quyện hòa với văn hóa của các dân tộc bản địa gốc Tây Nguyên, tạo cho Lâm Đồng nền văn hóa đặc sắc, đa dạng, phong phú. Vì vậy, tỉnh đã có rất nhiều chủ trương, chính sách để khuyến khích bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa bản địa; đầu tư, tôn tạo nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, phục dựng một số lễ hội truyền thống đặc sắc, đã có hơn 10 lễ hội tiêu biểu của các dân tộc thiểu số bản địa được phục dựng như: Lễ Pothi (của người Churu và nhóm Coho ở thôn K'Long, huyện Đức Trọng), lễ Nhô Wèr (của người Coho Srê ở huyện Di Linh), lễ Bok Chubur (của cộng đồng Churu ở huyện Đức Trọng),

các nghi thức cúng lúa rẫy (của người Mạ ở huyện Bảo Lâm), lễ đưa lúa về kho (dân tộc Coho huyện Lâm Hà)... và sắp tới tỉnh đang tiến hành chỉ đạo việc phục dựng lễ cưới của dân tộc Coho nhằm góp phần bảo tồn, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của người Coho tại Lâm Đồng và phát huy giá trị lễ hội truyền thống Coho trong tình hình hiện nay. Việc phục dựng lễ cưới là một trong những giải pháp giới thiệu và quảng bá nét văn hóa độc đáo của dân tộc thiểu số tỉnh, thông qua đó thu hút khách du lịch đến Lâm Đồng.

Riêng với thành phố Đà Lạt, hiện có 20 dân tộc đang sinh sống, trong đó, đồng bào các dân tộc thiểu số là hơn 7.300 người, chiếm 3,31%; đồng nhất là dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên, chủ yếu là dân tộc Coho với 814 hộ, 3.827 người, tập trung ở tổ dân phố Măng Lin, phường 7 và xã Tà Nung. Trên cơ sở bảo tồn, phát triển không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch văn hóa bản địa trên địa bàn xã Tà Nung, định hướng đến năm 2025”. Đề án hướng đến tổ chức trao truyền văn hóa thông qua mở các lớp dạy công chiêng và các nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, đan gùi, ủ rượu cần, làm cung nỏ, trồng bầu hồ lô,..., đồng thời xây dựng điểm vui chơi giải trí, tham quan, nghỉ dưỡng và du lịch nông nghiệp xanh.

Đối với việc xây dựng đời sống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, một trong những thành quả hết sức quan trọng mà tỉnh Lâm Đồng đạt được đó là hệ thống thiết chế văn hóa ngày càng hoàn thiện. Đến nay, toàn tỉnh có 142/142 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa (đạt 100%); 906 thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng (đạt 94%) phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân. Hằng năm, Bảo tàng Lâm Đồng phục vụ trên 50 nghìn lượt khách tham quan; Thư viện tỉnh phục vụ hơn 900 nghìn lượt bạn đọc; tổ chức hơn 40 lễ hội, sự kiện nhân các ngày lễ trọng đại; tổ chức 80 buổi biểu diễn nghệ thuật, trên 500 buổi chiếu bóng lưu động phục vụ đồng bào, nhân dân các dân tộc trong tỉnh; tuyên truyền xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc bằng nhiều hoạt động như: Hội thi “Bữa cơm gia đình ấm áp yêu thương”, truyền thông về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, triển khai thí điểm “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình”.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được nâng tầm ở cả bề rộng lẫn chiều sâu bằng những tiêu chí cụ thể, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Trong nhiều năm qua, ngành Văn hóa của tỉnh đã tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các cuộc vận động; các quy ước, hương ước xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; phát triển văn hóa nông thôn mới. Toàn tỉnh có 266.480 hộ gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa (88,5%); 1.435/1.541 thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận thôn/buôn/tổ dân phố văn hóa (93,1%); 117/142 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa, văn minh (79,5%), trong đó 96/116 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 26/31 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 1.513/1.609 cơ quan,

đơn vị, doanh nghiệp được công nhận là cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp văn hóa (94%). Phong trào thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ, 32% số dân thường xuyên tập luyện thể dục thể thao, 25% gia đình được công nhận gia đình thể thao, 1.119 câu lạc bộ thể dục thể thao... hằng năm tổ chức các giải thể dục thể thao quần chúng, tạo không khí thi đua sôi nổi. Qua đó, văn hóa đã thấm sâu vào các lĩnh vực đời sống xã hội, thực sự là nền tảng tinh thần thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Quan điểm “Văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”¹ được xác định là một trong những nội dung “trọng tâm” trong hệ thống các nhiệm vụ, giải pháp đã được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Theo đó, cần phải tiếp tục “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại...”². Thấm nhuần quan điểm chỉ đạo của Đảng và để hướng đến phát triển văn hóa một cách bền vững, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định: Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa xã hội; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, phát huy đổi mới, sáng tạo.

Với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa, trong hành trình tiếp theo của quá trình phát triển, không chỉ có thuận lợi mà còn không ít khó khăn, thách thức, đòi hỏi sự cố gắng, sự năng động, sáng tạo hơn nữa của toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh. Trong xu thế hội nhập và mở cửa hiện nay, vấn đề hết sức quan trọng là việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Đây luôn là một nhiệm vụ có tính cấp bách và lâu dài của các cấp, các ngành và toàn xã hội, đặc biệt yếu tố tiếp tục hoàn thiện, đổi mới, phát triển văn hóa trong giai đoạn tới là vấn đề quan tâm hàng đầu của cấp ủy, chính quyền địa phương tỉnh Lâm Đồng.

Trước hết, phải đề cập công tác nghiên cứu, sưu tầm và vận dụng bản sắc văn hóa ở Lâm Đồng cho thấy công tác này luôn được quan tâm, chú trọng, đã gặt hái nhiều thành công nhưng khả năng lan tỏa trong đời sống xã hội vẫn còn hạn chế. Lâm Đồng là nơi giao thoa giữa văn hóa dân tộc bản địa với văn hóa các dân tộc vùng miền, tạo nên nét bản sắc rất đặc trưng; nhưng trước sự hội nhập quốc tế một cách sâu rộng và nhanh chóng hiện nay thì những nét văn hóa bản địa đã và đang có

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, t.I, tr.23.

nguy cơ bị mai một hoặc biến đổi, đứt đoạn với văn hóa truyền thống. Một số hoạt động lễ hội dân gian gắn với văn hóa truyền thống đang có xu hướng biến đổi mạnh mẽ; việc giữ gìn, tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc trong các sản phẩm truyền thống chưa được coi trọng đúng mức, việc phát triển làng nghề còn manh mún, nhỏ lẻ và mang tính tự phát, chưa có quy hoạch... Đối với văn hóa công chiêng thì nạn “chảy máu công chiêng” vẫn xảy ra; một bộ phận giới trẻ trong đồng bào các dân tộc bản địa hiện nay không quan tâm hoặc không thích sử dụng những loại nhạc cụ truyền thống... Đây cũng là những nguyên nhân tác động tiêu cực lên tài nguyên, nhân văn và hoạt động du lịch. Để tiếp tục phát huy yếu tố bản sắc văn hóa này, theo chúng tôi cần lưu ý một số vấn đề sau:

Xác định yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc bản địa của Lâm Đồng mà cụ thể là dân tộc Mạ, Caho Churu thì trước tiên phải chú ý đến việc khai thác, sử dụng giá trị văn hóa truyền thống của cư dân bản địa mà cuộc sống của họ thường gắn liền với thiên nhiên, các vị thần linh. Sinh hoạt văn hóa sôi động nhất trong cộng đồng người dân tộc thiểu số và cả của người Kinh đó là lễ hội, với các hoạt động nghệ thuật dân gian, một hình thái nghệ thuật tổng hợp giữa ca với vũ nhạc, giữa thiêng liêng với đời thường, giữa văn nghệ với giao lưu ẩm thực cộng cảm. Do đó, trong từng điệu múa, lời ca cũng phải tái hiện những hoạt động này, bởi song song với những nghi lễ trong các lễ hội thì những bài ca được gộp chung các hình thức mà cư dân bản địa gọi là bài cúng (bài ca nghi lễ) được sử dụng phổ biến. Đây là những bài ca chứa đựng văn hóa truyền thống lâu đời, thiêng liêng được cô đúc bằng công thức chặt chẽ và được thể hiện bằng hình ảnh quen thuộc và gần gũi với tư duy sinh hoạt hằng ngày và hiện tại.

Chúng ta chưa có nhiều tác phẩm đỉnh cao cũng như số lượng nghệ nhân am hiểu văn hóa nghệ thuật truyền thống của người dân bản địa không còn nhiều; việc tiếp cận, khai thác, lưu giữ kho tàng văn hóa dân gian này còn hạn chế. Vì vậy, điều đầu tiên cần quan tâm và chú trọng đó chính là yếu tố con người trên các phương diện nghiên cứu, sưu tầm, sáng tác,... Bên cạnh đó, “lưng vốn” các tác phẩm âm nhạc mang đậm bản sắc dân tộc bản địa còn ít, do đó cần quan tâm, tạo điều kiện tổ chức các đợt nghiên cứu, sưu tầm và sáng tác nhiều tác phẩm, thể loại âm nhạc bản địa và có sự đầu tư, vinh danh xứng đáng để có thể tạo ra nhiều tác phẩm đỉnh cao.

Vấn đề bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện đại của các dân tộc thiểu số nói chung và của đồng bào các dân tộc bản địa ở Lâm Đồng nói riêng hiện đang đứng trước những thách thức, bất chấp những hoạt động tuyên truyền, cổ xúy và cả những khoản kinh phí không nhỏ của Nhà nước đã đầu tư cho lĩnh vực này, song hiệu quả đạt được chưa như mong muốn.

Nhà sàn, nhất là những ngôi nhà dài vẫn ngày càng trở nên quý hiếm, thay vào đó là những ngôi nhà xây bằng gạch mang dáng dấp như một khu kinh tế mới của

người Kinh, điều này đương nhiên mang ý nghĩa tích cực, là minh chứng cho sự thay da đổi thịt trong các buôn làng, thành quả to lớn của nhiều chương trình, dự án đầu tư của Nhà nước mang tính ưu việt. Tuy nhiên, về phương diện văn hóa nó cũng làm mai một của một nền văn hóa truyền thống với nhiều yếu tố có cơ tầng từ một nền văn hóa Đông Nam Á bản địa.

Về trang phục của người dân tộc thiểu số, nghệ thuật tạo hình chưa tách biệt ra thành một lĩnh vực độc lập mà được kết hợp đan xen, hòa quyện vào trong các vật dụng sinh hoạt hằng ngày, thể hiện tình yêu với cái đẹp qua những sản phẩm thủ công trên những tấm vải, trên những sản phẩm đan lát với cách phối màu truyền thống, đạt mức tinh tế và điêu luyện. Nhưng hiện nay, hầu như các trang phục này đã “Việt hóa”, chỉ đôi lúc xuất hiện trong một số dịp lễ hội hoặc hội diễn.

Vì vậy, làm thế nào để vừa phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhưng vừa bảo lưu và phát huy được những tinh hoa văn hóa truyền thống của họ là một vấn đề nan giải trong bối cảnh giao lưu, hội nhập hiện nay. Việc vận động bà con người dân tộc bản địa ở nhà sàn, trang phục, ẩm thực, giải trí... theo kiểu truyền thống cũng sẽ rất khó khăn, có khi sẽ kéo theo nhiều hệ lụy ngoài ý muốn (như nạn phá rừng làm nhà...).

Tinh Lâm Đồng xác định các giá trị của văn hóa truyền thống các dân tộc bản địa và hoạt động bảo tồn được triển khai theo nguyên tắc: bảo đảm sự tồn tại, phát triển về lâu về dài của các loại hình di sản vật thể và phi vật thể. Tuy nhiên, cần xác định bảo tồn không có nghĩa là cố gắng giữ lại càng nhiều càng tốt những gì thuộc về quá khứ, hoặc bảo lưu một cách cứng nhắc những hình thái, thuộc tính giá trị của văn hóa truyền thống và các loại hình di sản văn hóa của cư dân bản địa; việc tiếp biến theo hướng hiện đại hóa là hệ quả tất yếu của quá trình vận động và phát triển; vì vậy, khả năng “tự điều chỉnh” là một trong những nguyên tắc nhằm bảo tồn di sản văn hóa, làm hài hòa giữa lợi ích cá nhân và xã hội để di sản văn hóa các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát triển.

Đối với việc phát huy giá trị của di sản văn hóa, ngoài việc thực hiện Luật di sản văn hóa, thực hiện các đề án, chiến lược phát triển văn hóa trên địa bàn thì việc phát huy giá trị của di sản văn hóa phải được triển khai bằng nhiều biện pháp và các phương thức khác nhau như: tổ chức các hoạt động truyền dạy di sản, quảng bá, giới thiệu, xuất bản, tái hiện... các loại hình văn hóa truyền thống; tạo điều kiện và hướng dẫn các nghiệp vụ về di sản văn hóa... Qua đó, tạo ra các tác động làm cho cái hay, cái đẹp, cái tốt của di sản văn hóa cư dân bản địa có cơ hội duy trì, nảy nở. Mục đích chính của hoạt động này là tạo ra các điều kiện thuận lợi, tạo ra môi trường để sử dụng giá trị văn hóa truyền thống trong cư dân bản địa, phục vụ lợi ích của cộng đồng.

Thứ hai, về xây dựng môi trường văn hóa: vấn đề này được Đảng ta đề cập rất nhiều qua các kỳ đại hội, qua các văn kiện nghị quyết, đặc biệt là trong nhiệm kỳ

Đại hội VIII của Đảng, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, năm 1998 đã ban hành Nghị quyết về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, trong đó nêu rõ nhiệm vụ đầu tiên là: “Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới” với các đức tính gắn với văn hóa. Sau hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII nói trên, sự nghiệp xây dựng văn hóa và con người Việt Nam đã có chuyển biến tích cực và đã đạt được những kết quả quan trọng. Đến Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, Đảng ta tiếp tục ban hành nghị quyết về nội dung quan trọng này, cụ thể là xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh với yêu cầu “Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái”.

Trong xây dựng môi trường văn hóa phải nói đến việc xây dựng văn hóa trong du lịch, thành phố Đà Lạt ngay từ khi hình thành đã có “công năng gốc” là thành phố du lịch, nghỉ dưỡng, chứa đựng một tiềm năng du lịch, du lịch văn hóa đa dạng, phong phú với những rừng thông xanh bạt ngàn, hệ thống thác hồ tự nhiên cùng nhiều cảnh quan thiên tạo, nhân tạo gắn với các giá trị lịch sử văn hóa, tạo thành những địa danh du lịch nổi tiếng, chính các giá trị này đã tạo ra môi trường văn hóa trong du lịch. Đà Lạt đã và đang được nhìn nhận là thành phố du lịch nổi tiếng của Việt Nam, của khu vực và quốc tế. Du khách đến Đà Lạt không chỉ để đắm mình trong cảnh quan thiên nhiên, mà còn biết đến phong thái người Đà Lạt, “hiền hòa, thanh lịch, mến khách”, tạo nên ấn tượng rất riêng. Năm 1993, nhân sự kiện 100 năm (1893) bác sĩ Alexandre Yersin đặt chân đến Đà Lạt được chọn làm mốc thời gian đầu tiên cho quá trình hình thành và phát triển của đô thị Đà Lạt, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về thiên nhiên, con người thành phố ngàn hoa. Ba cụm từ “hiền hòa, thanh lịch, mến khách” lần đầu tiên được dùng để chỉ đặc trưng phong cách người Đà Lạt. Cho đến nay, các cấp chính quyền của tỉnh Lâm Đồng và thành phố Đà Lạt tiếp tục ban hành các căn bản chỉ đạo, tổ chức nhiều cuộc hội thảo, các cuộc nghiên cứu đề tài khoa học nhằm tuyên truyền, giữ gìn và phát huy các đặc trưng phong cách người Đà Lạt. Song, hiện nay cũng phải thừa nhận rằng, việc bảo tồn và phát huy bản sắc, sắc thái văn hóa là công việc không dễ dàng trong quá trình phát triển, nhiệm vụ xây dựng văn hóa và con người Đà Lạt - Lâm Đồng để góp phần phát triển văn hóa du lịch cần được quan tâm đúng mức. Vấn đề cần thiết là phải tạo ra môi trường văn hóa du lịch thân thiện từ việc nâng cao văn hóa ứng xử, đó là cách ứng xử giữa con người với con người, ứng xử giữa con người với thiên nhiên, trong đó thái độ ứng xử của con người với môi trường thiên nhiên có vai trò hết sức quan trọng, tạo môi trường bền vững để phát triển. Trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế toàn cầu, chúng ta sẽ có rất nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức để phát triển

kinh tế của địa phương, trong đó có du lịch. Do đó, các hành vi, thái độ, thói quen, cách ứng xử văn minh của tổ chức và cá nhân khi tham gia các hoạt động du lịch là rất quan trọng.

Ngoài ra, khi nói đến việc xây dựng môi trường văn hóa, không thể không nói đến việc xây dựng đời sống văn hóa mà cốt lõi là thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”. Trong đó, xây dựng tốt nếp sống văn hóa trong toàn xã hội là mục tiêu của phong trào, để đạt được mục tiêu này cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự phối hợp thường xuyên và chặt chẽ của các cấp, các ngành; sự ủng hộ, tham gia hưởng ứng nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân. Gắn kết, lồng ghép việc triển khai thực hiện các phong trào đó với phát triển văn hóa nông thôn, xây dựng nông thôn mới, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa việc xây dựng các thiết chế văn hóa và hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội; thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Từ thực tiễn triển khai thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” có thể khẳng định, những địa phương nào chú trọng, quan tâm đẩy mạnh phong trào phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu thì ở đó tạo được môi trường thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc phòng; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi; các giá trị văn hóa truyền thống, thuần phong mỹ tục ngày càng được giữ gìn và phát huy.

Hiện nay, khái niệm phát triển văn hóa đã trở nên phổ biến với cách hiểu rộng hơn và những ý nghĩa sâu sắc hơn. Phát triển văn hóa với ý nghĩa hướng đến sự phát triển toàn diện. Nếu phát triển kinh tế mà bỏ qua văn hóa sẽ dẫn đến sự mất ổn định, thậm chí là khủng hoảng xã hội. Chính vì vậy, sự gắn kết văn hóa với phát triển kinh tế sẽ đưa đến sự phát triển đa chiều, toàn diện và bền vững. Không thể có sự phát triển xã hội đúng nghĩa nếu không có phát triển văn hóa và phát triển vì mục tiêu văn hóa, đây là một nhiệm vụ chiến lược lớn hướng đến các mục tiêu căn bản là phát triển xã hội.

Do đó, Lâm Đồng luôn xác định phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong việc nâng cao nhận thức về văn hóa, phải nhìn nhận văn hóa trong sự đa dạng, công bằng; văn hóa phải có mặt trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nâng cao tinh thần phát triển từ văn hóa, vì mục tiêu văn hóa và đưa tinh thần đó thấm nhuần vào trong các thực hành xã hội và trong các chính sách, nhất là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chỉ đạo của Đảng trong lĩnh vực văn hóa; quan tâm đầu tư ngân sách cho lĩnh vực văn hóa, hoàn thiện dần các thiết chế văn hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa từ tỉnh đến cơ sở; quan tâm đến việc phát triển các khu vui chơi, giải trí, hướng tới mục tiêu đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa cho nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - Thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
- [6] Phùng Hữu Phú (Chủ biên): *Phát triển văn hóa, sức mạnh nội sinh của dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016.
- [7] Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X*, 2015.
- [8] Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI*, 2020.
- [9] Nguyễn Vĩnh Nguyên: *Đà Lạt một thời hương xa, du khảo văn hóa Đà Lạt*, Nxb. Trẻ, Hồ Chí Minh, 2016.
- [10] *Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*.
- [11] Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.
- [12] Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ
LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA XI)
VỀ “XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC”
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

TỈNH ỦY BÌNH PHƯỚC

Bình Phước là một tỉnh miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có đường biên giới giáp với Campuchia dài 260,433km. Hiện nay, Bình Phước đang quản lý 4 cửa khẩu và một lối mở, trong đó có một cửa khẩu quốc tế (cửa khẩu Hoa Lư). Nơi đây cũng là địa bàn trung chuyển giữa Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ nên địa hình rất đa dạng, gồm cả cao nguyên, đồi núi và đồng bằng, do đó tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp. Trên địa bàn tỉnh có 41 thành phần dân tộc từ mọi miền đất nước tụ họp về sinh sống, tạo nên đời sống văn hóa vùng, miền rất phong phú, đa dạng. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt khá; cơ sở hạ tầng được chú trọng đầu tư; công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân được quan tâm. Đây là điều kiện thuận lợi để tỉnh Bình Phước phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, do trình độ dân trí không đồng đều, nên những tập tục lạc hậu chưa được đẩy lùi trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đời sống của người dân vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn đã ảnh hưởng đến việc quản lý, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Sau ngày tái lập (ngày 1/1/1997), Đảng bộ tỉnh xác định văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng, là nền tảng, động lực phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở phát huy và kế thừa kết quả đạt được của tỉnh Sông Bé trước đây, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, ngày 30/10/1998, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 05-CTr/TU thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Trong đó, chú trọng xây dựng các phong trào, cuộc vận động về phát triển văn hóa thiết thực, phù hợp và đạt được những kết quả phấn khởi.

1. Xác định nhiệm vụ trọng tâm để triển khai thực hiện hiệu quả

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng) được Đảng bộ tỉnh Bình Phước xác định là nghị quyết rất quan trọng đã tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc.

Để tuyên truyền, phổ biến những nội dung cốt lõi của nghị quyết cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh một cách phù hợp, nghiêm túc, ngày 6/8/2014, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị triển khai Nghị quyết cho các đồng chí cán bộ chủ chốt của tỉnh bằng hình thức trực tiếp, đồng thời tổ chức truyền hình trực tiếp trên sóng truyền hình Bình Phước. Các huyện, thị, thành phố, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch học tập cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong quần chúng nhân dân ở địa phương, đơn vị mình.

Sau khi triển khai học tập từ tỉnh đến cơ sở, ngày 13/11/2014 Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 42-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW. Trong đó, xác định mục tiêu chung của Chương trình là xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Phước phát triển toàn diện, hướng đến giá trị chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học. Chăm lo xây dựng con người Bình Phước có nhân cách, có lối sống tốt đẹp, yêu quê hương, đất nước, yêu hòa bình, nhân ái, trọng nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Trong đó, đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm, đó là:

- Xây dựng con người Bình Phước phát triển toàn diện có tinh thần yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, lối sống văn hóa theo phương châm “*Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*”; giáo dục lịch sử văn hóa địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thực sự thiết thực, phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng vùng, từng khu dân cư, giáo dục, rèn luyện con người phát triển toàn diện về lý tưởng, đạo đức, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ. Phát huy tinh thần tương thân, tương ái trong sinh hoạt cộng đồng, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh.

- Chú trọng xây dựng văn hóa trong Đảng, trong cơ quan nhà nước và các đoàn thể, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, huy động sức mạnh của toàn xã hội trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch và từng bước hoàn thiện mô hình quản lý di tích; các giá trị văn hóa dân

gian; nâng cao chất lượng các hoạt động lễ, hội, chương trình phát thanh truyền hình bằng tiếng S'tiêng, Khmer. Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao; đổi mới phương thức hoạt động của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng, Bảo tàng, Thư viện; hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật.

- Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa, khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Bình Phước nói riêng. Có cơ chế khuyến khích và tạo thuận lợi để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch.

- Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, đẩy mạnh giao lưu văn hóa, nghệ thuật với các tỉnh, thành trong cả nước và các tỉnh tiếp giáp biên giới thuộc Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và các quốc gia khác. Tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa các nước, làm phong phú thêm văn hóa các dân tộc trong tỉnh. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa.

2. Kết quả của các phong trào hành động cụ thể

** Xây dựng con người Bình Phước phát triển toàn diện*

Ủy ban nhân dân tỉnh phát động cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt” gắn với thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2016-2020. Theo đó, các địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh đều triển khai xây dựng kế hoạch, thành lập ban chỉ đạo và đề ra bộ quy tắc ứng xử cho từng đối tượng, gia đình, cơ quan ra cộng đồng để thực hiện với phương châm “*Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*”. Qua thời gian triển khai thực hiện cuộc vận động, hầu hết các địa phương, ngành, đơn vị đều thực hiện nghiêm, đồng thời đã xây dựng được tiêu chí riêng về nói lời hay, làm việc tốt như: người dân có lối sống kỷ cương, văn minh, thân thiện, nghĩa tình; thanh niên ứng xử văn minh, lịch sự; phụ nữ gắn với một địa chỉ nhân đạo; cựu chiến binh gắn với nghĩa tình đồng đội... từng bước hoàn thiện nhân cách con người, sống vì mọi người.

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục công dân, vận động cơ quan, gia đình, dòng họ hiếu học được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Đối với việc triển khai thực hiện gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập (thôn, ấp, khu phố) đạt trên 90%. Ngành giáo dục, đoàn thanh niên hằng năm đều tổ chức cho học sinh, đoàn viên thanh niên du khảo về nguồn, thăm các khu di tích, bảo tàng, nhà truyền thống, mời nhân chứng lịch sử kể chuyện. Biên soạn giáo trình lịch sử địa phương đưa vào giảng dạy trong các trường học để cung cấp kiến thức lịch sử cho học sinh, sinh viên nhằm giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng, niềm tự hào dân tộc.

Công tác đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và chống quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật được quan tâm chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc. Ban chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện đã được củng cố, kiện toàn Hằng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất, Ban chỉ đạo thường xuyên chỉ đạo giải quyết những vấn đề nổi cộm phát sinh liên quan đến lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật. Việc phòng, chống các sản phẩm văn hóa phẩm độc hại, đấu tranh, phản bác các thông tin xấu, độc trên mạng xã hội được Ban chỉ đạo 35, Tổ công tác 824 các cấp tích cực thực hiện tốt.

** Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh*

Các cấp, các ngành, địa phương quan tâm xây dựng nhiều mô hình thiết thực như: “tình nguyện hiến máu nhân đạo”, “thi đua quyết thắng”, “ngày vì người nghèo”. Đặc biệt, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đã thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực hưởng ứng, trở thành hoạt động thường xuyên ở cộng đồng dân cư.

Việc công nhận danh hiệu gia đình văn hóa theo hướng công khai, dân chủ, nâng cao chất lượng danh hiệu. Tổ chức biểu dương Gia đình văn hóa tiêu biểu là những gia đình theo mô hình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, gia đình vượt khó vươn lên, gia đình có nhiều thế hệ chung sống mẫu mực, gia đình không có con bỏ học, gia đình không có người thân phạm tội. Hằng năm, toàn tỉnh có trên 94% hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, trên 85% khu dân cư đạt tiêu chuẩn khu dân cư văn hóa, trên 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo Chỉ thị số 27-CT/TW và Kết luận số 51-KL/TW của Trung ương trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực. Tình trạng tảo hôn, thách cưới giảm đáng kể, hôn nhân được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, được tổ chức văn minh, lành mạnh. Đã xuất hiện một số nét đẹp văn hóa trong việc cưới như tổ chức lễ dâng hương, chụp hình lưu niệm trước tượng đài, nhà bia tưởng niệm, tổ chức cưới tập thể cho công nhân ở các khu công nghiệp. Quá trình tổ chức tang lễ đảm bảo đúng giờ giấc, an ninh trật tự, dần loại bỏ các hủ tục rườm rà, tốn kém, lạc hậu. Các lễ hội được tổ chức đúng quy định, giữ gìn nét văn hóa, bản sắc văn hóa của dân tộc. Việc tổ chức lễ hội dân gian, lễ hội truyền thống, lễ hội tôn giáo và các ngày lễ kỷ niệm, sự kiện chính trị được thực hiện theo tinh thần tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả.

** Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế*

Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế được triển khai gắn liền với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (các khóa XI, XII) về “Công tác xây dựng Đảng” và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Việc xây dựng văn hóa trong kinh tế

được các địa phương, các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện, nhất là việc cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế. Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hội Doanh nghiệp trẻ, Hội Nữ doanh nhân của tỉnh chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, văn hóa ứng xử, đạo đức trong doanh nghiệp, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, tôn trọng pháp luật, vì sự phát triển bền vững, kinh doanh có hiệu quả. Các doanh nghiệp, doanh nhân thực hiện tốt nghĩa vụ đóng góp xây dựng quê hương, bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động nhân đạo từ thiện ở địa phương.

** Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích, danh lam thắng cảnh*

Tính đến thời điểm hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành quyết định xếp hạng 41 di tích và 45 di tích trong danh mục kiểm kê, trong đó có 5 di tích quốc gia đặc biệt. Các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số được chú trọng gìn giữ, phát huy. Các lễ hội dân gian như lễ hội biểu diễn công chiêng, ăn uống cộng cảm của dân tộc S'tiêng, lễ hội té nước cầu mưa, cầu phước, hát múa lâm thôn, lễ hội Phá Bàu của dân tộc Khmer được duy trì.

Việc tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng lễ hội, chữ viết, sử thi, nhạc cụ, âm nhạc, nghề dệt thổ cẩm, trang phục, ẩm thực, trò chơi dân gian,... của đồng bào dân tộc thiểu số sống lâu đời ở Bình Phước được quan tâm. Có nhiều đề tài, dự án nghiên cứu về văn hóa các dân tộc thiểu số được triển khai. Một số ngành nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số đang dần được khôi phục và phát triển, cung cấp sản phẩm độc đáo phục vụ cho các hoạt động giao lưu, trao đổi, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, gắn kết với phát triển du lịch như nghề mộc, nghề rèn, nghề dệt thổ cẩm, nghề gốm, đan lát, thuốc đông y,...

** Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa*

Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa bước đầu được quan tâm đầu tư, nhất là đầu tư cho phát triển các làng nghề, dịch vụ văn hóa, sản phẩm văn hóa phục vụ du lịch. Đặc biệt, tỉnh đang mời gọi, thu hút đầu tư vào các dự án trọng điểm về du lịch để hình thành các khu, điểm du lịch của địa phương. Tỉnh đã tổ chức khánh thành giai đoạn I và đưa vào khai thác Khu bảo tồn văn hóa, dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo, Khu di tích Mộ 3.000 người, Khu di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Tà Thiết), Khu quần thể văn hóa - cứu sinh núi Bà Rá.

Tiếp tục thực hiện dự án Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng sóc Bom Bo; di tích quốc gia đặc biệt Cóc Bú Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Tà Thiết). Chủ động nâng cao hiệu quả quản lý nội dung, sản phẩm văn hóa, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn sự xâm nhập của những sản phẩm văn hóa không lành mạnh từ bên ngoài. Di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Tà Thiết) được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt

vào ngày 23/12/2015. Đây được coi là địa chỉ đỏ cách mạng nhằm giới thiệu truyền thống đấu tranh, nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị lịch sử cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ, nhân dân tỉnh Bình Phước nói riêng và nhân dân cả nước nói chung.

** Hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại có nhiều kết quả tích cực*

Hàng năm, ngoài biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân trong tỉnh, Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh còn tổ chức biểu diễn giao lưu với các đoàn nghệ thuật nước bạn Campuchia, Lào, Ấn Độ,... để trao đổi, giao lưu văn hóa, phục vụ các đoàn ngoại giao, thắt chặt tình hữu nghị với các nước bạn. Hoạt động giao lưu kết nghĩa giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh Karatie, Kông Pông Chàm, Tabong Khmum (Vương quốc Campuchia) với nhiều chương trình hợp tác hữu ích, trong đó có chương trình giao lưu nghệ thuật với tần suất từ 2 đến 3 lần/năm.

Phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Hàn Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh trong việc tổ chức xúc tiến giao lưu với các doanh nghiệp Hàn Quốc, kêu gọi từ các doanh nghiệp có tiềm năng đầu tư vào các ngành chủ chốt của tỉnh; hỗ trợ Đoàn chuyên gia thuộc mạng lưới thương mại công bằng Châu Á (Hàn Quốc) tham quan mô hình, quy trình sản xuất hạt điều trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, tỉnh có các chương trình, dự án phát triển văn hóa tiêu biểu như dự án “Khôi phục và truyền dạy dân ca S’tiêng”; dự án “Truyền dạy và phục hồi lễ hội Cầu mưa của người S’tiêng tỉnh Bình Phước”. Hợp tác với một số chuyên gia nước ngoài khảo sát hệ thống di tích khảo cổ Thành đất cổ hình tròn trên địa bàn tỉnh,...

3. Bài học kinh nghiệm

Qua quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng về văn hóa trên địa bàn tỉnh, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở về sự nghiệp phát triển văn hóa, nhất là đối với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đi vào thực chất, tránh qua loa, hình thức; thường xuyên tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để có chỉ đạo sâu sát hơn, hiệu quả hơn.

- Luôn nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, xây dựng nếp sống văn minh, xây dựng khu dân cư, gia đình, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Cán bộ, đảng viên phải là tấm gương cho quần chúng noi theo.

- Chú trọng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, tạo môi trường thuận lợi cho văn hóa phát triển; thực hiện hiệu quả xã hội hóa; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa; tuyên dương và khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân tiêu biểu, có nhiều đóng góp vào sự nghiệp phát triển văn hóa của địa phương cũng như lên án mạnh mẽ những hành vi, thái độ vô văn hóa.

4. Một số giải pháp quyết liệt, đồng bộ, phù hợp với điều kiện mới trong thời gian tới

Tình hình quốc tế được dự báo tiếp tục có những thay đổi lớn, diễn biến phức tạp, khó lường, đưa tới nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong văn hóa, vấn đề quan trọng được đặt ra là xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa *truyền thống* và *hiện đại*, *bảo tồn* và *phát huy*, *giữ gìn* và *phát triển*. Làm sao để đảm bảo duy trì, bảo vệ được các giá trị truyền thống tốt đẹp của văn hóa và con người Việt Nam, đồng thời xác lập, phát triển những giá trị mới đáp ứng công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và yêu cầu phát triển của xã hội đương đại.

Để giải quyết những thách thức đặt ra và tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” tỉnh Bình Phước tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

(1) Bám sát định hướng phát triển con người toàn diện và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Định hướng phát triển giai đoạn 2021-2030 là tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa, xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam là trung tâm, là mục tiêu và động lực phát triển quan trọng theo tinh thần chỉ đạo của Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

(2) Tập trung triển khai thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025”. Chú trọng phát triển văn hóa để trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, con người được đặt vào vị trí trung tâm, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển. Tăng cường giáo dục truyền thống, khơi dậy lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước; giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức, xã hội lành mạnh, không ngừng cải thiện toàn diện đời sống tinh thần cho nhân dân. Ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

(3) Chú trọng, tiếp tục tập trung phổ biến, quán triệt quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW gắn với tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư

trường, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 -2025 và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (các khóa XI, XII, XIII).

(4) Nâng cao chất lượng toàn diện việc xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa thông qua đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, cụ thể hóa kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến văn hóa, nghệ thuật, đảm bảo hài hòa mối quan hệ phát triển kinh tế và phát triển văn hóa. Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa, các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

(5) Duy trì công tác bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử, văn hóa, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp; khuyến khích tổ chức lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số, bảo tồn nghề truyền thống. Kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, kiểm tra thường xuyên nhằm chấn chỉnh kịp thời các hoạt động, dịch vụ văn hóa không lành mạnh, gắn trách nhiệm của cá nhân và tổ chức khi để xảy ra sai phạm. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa. Chỉ đạo các cơ quan quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

(6) Nâng cao văn hóa ứng xử trong Đảng, đề cao tính gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về đạo đức, lối sống. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng và xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Mỗi cán bộ, đảng viên đã có sự chuyển biến trong nhận thức, gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những quy định của địa phương. Bảo đảm hoạt động văn hóa phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng.

(7) Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa; có chế độ đãi ngộ tài năng trong lĩnh vực văn hóa. Đầu tư từ cơ sở vật chất, đến các hoạt động, tổ chức các sự kiện văn hóa phục vụ cộng đồng. Trong đó, quan tâm đầu tư, ưu tiên các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ngân sách của tỉnh đầu tư cho các hoạt động văn hóa. Chú trọng xây dựng các thiết chế sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao cộng đồng; phổ biến những mô hình hay, những kinh nghiệm tốt. Tiếp tục thực hiện công tác xã hội hóa sự nghiệp văn hóa, đẩy mạnh đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, trong đó chú trọng xây dựng các công viên, hoa viên, khu vui chơi, giải trí. Nâng cấp, mở rộng các trung tâm văn hóa - thể dục thể thao tuyến huyện. Quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực làm công tác văn hóa, văn nghệ ở cấp tỉnh, huyện và xã.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [2] Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 30/10/1998 của Tỉnh ủy Bình Phước thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.
- [3] Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 13/11/2014 của Tỉnh ủy Bình Phước thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [4] Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.
- [5] Các chỉ thị của Tỉnh ủy Bình Phước trên lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật (Chỉ thị số 17-CT/TU, Chỉ thị số 22-CT/TU, Chỉ thị số 40-CT/TU).
- [6] Kế hoạch số 52-KH/TU của Tỉnh ủy Bình Phước thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”.
- [7] Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” của tỉnh Bình Phước.
- [8] Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [9] Báo cáo năm của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh về lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC: THỰC TIỄN Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

TỈNH ỦY BÌNH DƯƠNG

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ ra rằng: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau là chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội”¹.

Trong suốt chặng đường lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta luôn thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa, con người trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng ta đã khẳng định: “Gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy nhân tố con người, lấy nhân dân làm trung tâm; phát huy vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển”² và trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Đảng ta cũng xác định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”³.

Sau gần 25 năm tái lập (1/1/1997), tỉnh Bình Dương đã đạt được những thành tựu rất quan trọng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về kinh tế, nhiều đổi thay trong đời sống văn hóa - xã hội. Tuy nhiên, với mục tiêu hướng đến sự phát triển bền vững, việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người ở Bình Dương vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra. Một địa phương muốn phát triển bền vững thì cần phải định hướng và thúc đẩy sự phát triển hài hòa các trụ cột: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; tiến tới một bước phát triển cao hơn, cần phải gắn kết những thành tố của các trụ cột đó lại với nhau.

Qua thực tiễn triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”

1. Hồ Chí Minh: *Văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1997, tr.11.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.99, 115-116.

tỉnh Bình Dương đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, song, vẫn còn những hạn chế nhất định. Việc rút ra bài học kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người sẽ giúp Bình Dương phát triển bền vững trong thời gian tới.

1. Bối cảnh tình hình tác động đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW

Tỉnh Bình Dương có diện tích tự nhiên là 2.694,43km², với dân số trên 2,6 triệu người (trong đó có trên 52% là người ngoài tỉnh), GRDP bình quân đầu người đạt 151 triệu đồng/năm (năm 2020). Bình Dương là địa phương thu hút vốn đầu tư nước ngoài đứng thứ 3 cả nước với hơn 50.000 doanh nghiệp trong và ngoài nước đăng ký hoạt động (trong đó có hơn 5.000 doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài) và hiện có 29 khu công nghiệp với hơn 12.000 người nước ngoài đang sinh sống, làm việc. Tỉnh Bình Dương đã ký kết chương trình hợp tác với 10 địa phương của các nước trên thế giới.

Trong những năm qua, kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Đây là tiền đề quan trọng, cơ bản để tạo nguồn lực đầu tư, phát triển văn hóa - xã hội, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân trong tỉnh, góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, sự gia tăng nhanh chóng về dân số cơ học, quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh ngày càng sâu rộng với số lượng người dân từ các địa phương khác và người nước ngoài đến làm việc, học tập, du lịch ngày càng đông đã tạo ra sự thay đổi tích cực về cảnh quan đô thị, sự phong phú, đa dạng trong đời sống, sinh hoạt, giao lưu văn hóa; bên cạnh đó cũng đặt ra những vấn đề mới về xây dựng nếp sống văn minh đô thị, những vấn đề nảy sinh từ sự khác biệt, thậm chí xung đột về văn hóa giữa các vùng miền, giữa các nền văn hóa. Hơn nữa, sự phát triển nhanh chóng của các loại hình truyền thông hiện đại vừa là cơ hội cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần, nhưng cũng vừa là thách thức bởi những thông tin xấu, độc, tuyên truyền, cổ súy những hành vi "lệch chuẩn", xa rời các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nhất là trong một bộ phận thanh thiếu niên, cùng với đó là những hoạt động chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa của các thế lực thù địch ngày càng gia tăng với nhiều hình thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, nhất là trên không gian mạng.

Trước tình hình đó, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh đã tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 33-NQ/TW sát với tình hình thực tiễn của từng nơi; chủ động, tích cực đấu tranh, phê phán những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, phản bác các khuynh hướng, hành vi sai trái, phản văn hóa,

nhằm bảo vệ và phát triển văn hóa, xây dựng con người trong tình hình mới theo đúng mục tiêu, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Một số thành tựu của tỉnh Bình Dương trong quá trình quán triệt thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW

2.1. Phương thức lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với lĩnh vực văn hóa tiếp tục được đổi mới, bảo đảm văn hóa phát triển đúng định hướng, chủ động, sáng tạo, đa dạng

Để việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW sát với tình hình thực tiễn của địa phương, cấp ủy, chính quyền tỉnh Bình Dương đã ban hành các chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện với các các nhóm nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình cụ thể gắn với trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh¹; ban hành nhiều chính sách nhằm thể chế hóa các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, gắn kết với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp cho sát hợp với tình hình thực tế².

Công tác triển khai Nghị quyết được thực hiện đồng bộ, đi sâu vào từng nhiệm vụ cụ thể trên các mặt nội dung, nên nhận thức và tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, ngành chuyên môn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu trên lĩnh vực văn hóa được nâng cao. Công tác triển khai được thực hiện theo đúng phương châm: vừa bảo đảm tính định hướng về đường lối phát triển văn hóa của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động sáng tạo văn hóa, tham gia xây dựng và phát triển văn hóa. Bên cạnh việc quan tâm dành nguồn lực cho đầu tư, phát triển văn hóa³, tỉnh đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với xây dựng quy hoạch phát triển, quy chế quản lý và chính sách khuyến khích, hỗ trợ

1. Chương trình hành động số 88-CTHĐ/TU ngày 12/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 3257/KH-UBND ngày 21/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “Triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW”; Công văn số 3064-CV/TU ngày 25/8/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc “Triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị”.

2. Năm 2019, Tỉnh ủy đã tổ chức Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và Tổ chức Hội thảo khoa học “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương” (diễn ra ngày 22/11/2019, với sự tham dự của lãnh đạo các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu ở một số tỉnh, thành khu vực Nam Bộ và các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành trên lĩnh vực văn hóa với 89 bài tham luận (trong đó có 33 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ; 46 thạc sĩ tham gia viết tham luận gửi về Hội thảo).

3. Hằng năm, tỉnh Bình Dương bố trí ngân sách cho hoạt động văn hóa với số tiền trên 400 tỷ đồng (năm 2020, bố trí 428,285 tỷ đồng, trong đó có 152,619 tỷ đồng đầu tư các công trình xây dựng cơ bản trên lĩnh vực văn hóa).

cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch trên nguyên tắc bảo đảm tính công khai, minh bạch. Vì vậy, ngày càng có nhiều loại hình tổ chức hoạt động văn hóa ra đời từ mô hình xã hội hóa, đặc biệt, nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư xây dựng các công trình, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao có quy mô lớn, hoạt động thể thao quốc tế¹.

Công tác tổ chức, quản lý hoạt động lễ hội là một điểm sáng nổi bật của tỉnh trong thời gian qua². Trên cơ sở “Quy chế quản lý và tổ chức lễ hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương”, ngành Văn hóa và các địa phương trong tỉnh đã triển khai đồng bộ các giải pháp mang tính hành chính, văn hóa, xã hội. Trong đó, đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, thuyết phục các chức sắc tôn giáo, người đứng đầu cộng đồng cùng với ngành chức năng vận động người dân địa phương, khách hành hương bài trừ các hiện tượng mê tín dị đoan, thương mại hóa để đưa các hoạt động lễ hội đi vào nền nếp, văn minh, lịch sự nhưng vẫn giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc gắn với xây dựng những giá trị nhân văn trong cộng đồng thông qua các hoạt động từ thiện xã hội. Tỉnh cũng đăng cai tổ chức các sự kiện văn hóa mang tầm quốc gia như Festival Đờn ca tài tử quốc gia lần thứ hai - Bình Dương năm 2017; các hoạt động giao lưu hợp tác quốc tế trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể thao, truyền thông, nhất là với các địa phương nước ngoài có ký kết chương trình hợp tác với Bình Dương và các nước trong khối ASEAN, nhiều hoạt động giao lưu văn hóa gắn với ngoại giao chính trị, kinh tế đã được tổ chức thành công như Hội nghị lần thứ 11 của Đại hội đồng WTA, Diễn đàn Hiệp hội Kinh tế Châu Á Horrasis năm 2018 và năm 2019, Triển lãm Ảnh và Phim Phóng sự - Tài liệu trong cộng đồng ASEAN tại tỉnh Bình Dương năm 2018, các chương trình giao lưu văn hóa nghệ thuật với Hàn Quốc, Malaysia, Campuchia, Lào,..., góp phần quảng bá hình ảnh mảnh đất, con người Bình Dương đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

2.2. Việc xây dựng chuẩn mực hành vi về đạo đức, văn hóa được chú trọng và có chuyển biến tích cực; các phong trào xây dựng đời sống văn hóa, văn minh đô thị, nếp sống văn hóa mới ở nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Để việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh được triển khai thông qua các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, tỉnh đã ban hành Quyết định

1. Hiện trên địa bàn tỉnh có 2 nhà hát, 9 đoàn nghệ thuật tạp kỹ, 79 câu lạc bộ đờn ca tài tử, 9 nhà sách có quy mô lớn, 8 cụm rạp chiếu phim; 12 khu du lịch nghỉ dưỡng; 4 sân golf; 1 trường đua đa năng có diện tích hơn 60ha, tổng số vốn đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng, 800 câu lạc bộ thể dục - thể thao; 9 tổ chức hội, liên đoàn cấp tỉnh; các giải thể thao quốc tế: bóng đá, đua xe đạp, golf, bida, tennis, võ thuật.

2. Trên địa bàn tỉnh Bình Dương có rất nhiều lễ hội của các dân tộc Kinh, Hoa, Chăm, Khmer, Sán Chi... Lễ hội Miếu Bà Thiên Hậu (rằm tháng Giêng hằng năm) đã trở thành thương hiệu của Bình Dương về văn hóa lễ hội.

số 22/2016/QĐ-UBND ngày 1/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy chế công nhận các danh hiệu văn hóa, đạt chuẩn văn hóa, đạt chuẩn văn minh đô thị” phù hợp với tình hình thực tế, đặc thù của tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, cơ sở cũng đã xây dựng các quy định về chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và người dân, do đó, kết quả đạt được đáng được ghi nhận với 100% các xã trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, các thiết chế văn hóa ở nông thôn được quan tâm đầu tư đồng bộ, đạt chuẩn, cơ bản đáp ứng yêu cầu sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao của người dân. Tỷ lệ hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa đạt 96,95%; khu phố văn hóa đạt 98,07%; ấp văn hóa đạt 99,27%; 48 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới là 94%; cơ quan, đơn vị, đạt chuẩn văn hóa là 97,47%; doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa là 83,07%; khu nhà trọ văn hóa đạt 93,8%. Các giá trị gia đình truyền thống tốt đẹp được giữ gìn, việc thực hiện “Nếp sống văn minh đô thị”, “Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội” có những chuyển biến tích cực theo hướng tiết kiệm, phù hợp với nếp sống văn minh và truyền thống, phong tục của dân tộc, thực hiện lối sống “mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”, môi trường sống “sáng, xanh, sạch, đẹp” ở cộng đồng dân cư, góp phần tích cực trong việc xây dựng và phát huy lối sống tốt đẹp, tuân thủ pháp luật, tạo sự đồng bộ trong nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần cho nhân dân, phát huy sức mạnh của tập thể trong việc đấu tranh phòng, chống lối sống tiêu cực, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Lối sống văn hóa giàu tính nhân văn của người dân Bình Dương đã được thể hiện rõ nét trong đợt dịch bệnh COVID-19 vừa qua với rất nhiều hoạt động cộng đồng, từ thiện xã hội, tương thân tương ái do các cá nhân, gia đình, hội nhóm cộng đồng thực hiện, đã góp phần san sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, người lao động xa quê hương đang ở trọ, gia đình có người nhiễm bệnh và mất do dịch bệnh..., lan tỏa giá trị truyền thống văn hóa, tình nhân ái, tinh thần đoàn kết trong cộng đồng.

Các cấp, các ngành và doanh nghiệp trong tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động, phong trào văn hóa - văn nghệ hướng về cơ sở, khu vực có đông công nhân, người lao động, tạo thành những đợt sinh hoạt văn hóa có tính định hướng chính trị, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, tiến bộ trong các cộng đồng dân cư¹. Tại một số khu công nghiệp, cùng với việc đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật, các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân lao động cũng được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương, địa phương và xã hội hóa. Tỉnh quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, hệ thống thiết

1. Hằng năm, Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh tổ chức gần 150 buổi biểu diễn phục vụ nhân dân ở các vùng nông thôn, vùng xa và công nhân lao động các khu, cụm công nghiệp cùng 15 - 20 chương trình văn nghệ tổng hợp, 5 - 8 hội thi, hội diễn, liên hoan cấp tỉnh.

chế văn hóa, thể thao đã phát huy được vai trò là nơi sinh hoạt thường xuyên của nhiều câu lạc bộ như: thơ ca, hò vè, đờn ca tài tử, cải lương, bóng đá, bóng bàn, cầu lông... thu hút đông đảo công nhân, người lao động và người dân đến sinh hoạt, vui chơi, tập luyện¹. Đặc biệt, trong triển khai thực hiện các nghị quyết chuyên đề về phát triển đô thị, tỉnh đã gắn kết với việc xây dựng những không gian xanh, không gian sinh hoạt công cộng ngay tại các khu dân cư, vừa để tạo dựng bộ mặt đô thị xanh, vừa góp phần tạo thêm các sân chơi, điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, qua đó, duy trì và thúc đẩy phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng ở các địa phương².

Trong xây dựng phẩm chất đạo đức, văn hóa con người Việt Nam, tỉnh Bình Dương chú trọng việc phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, nhất là đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Từ đó, tạo sự lan tỏa ra cộng đồng, xã hội bởi các phẩm chất đạo đức, văn hóa của người cán bộ, đảng viên được thể hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, giao tiếp với công dân, lối sống sinh hoạt thường ngày. Các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo, định hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người Bình Dương có tinh thần yêu nước, lối sống trung thực, tự trọng, tự chủ, chấp hành pháp luật. Bên cạnh việc tiếp tục kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa và đạo đức truyền thống, những giá trị văn hóa và phẩm chất đạo đức mới trong quan hệ ứng xử, giao tiếp cũng như trách nhiệm với cộng đồng cũng đang dần hình thành, phát triển theo xu hướng tích cực, góp phần định hình hệ giá trị văn hóa, con người Bình Dương trong môi trường sống, lao động công nghiệp, văn minh, hiện đại.

2.3. Văn hóa trong kinh tế, chính trị được quan tâm xây dựng với nhiều mô hình mang lại kết quả thiết thực

Để đẩy mạnh việc xây dựng văn hóa trong lĩnh vực chính trị, các cấp ủy đảng trong tỉnh tập trung xây dựng môi trường văn hóa trong mỗi cơ quan, đơn vị nhằm

1. Hiện nay, cấp tỉnh có các thiết chế văn hóa gồm: sân vận động, trung tâm văn hóa - nghệ thuật, thư viện, bảo tàng, nhà thi đấu thể thao đa năng, trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ, trung tâm văn hóa - thể thao công nhân lao động Bình Dương tại thành phố Thuận An và thị xã Bến Cát. Cấp huyện, xã gồm: 9/9 huyện, thị, thành phố có trung tâm văn hóa - thông tin - thể thao và thư viện 48/91 xã có trung tâm văn hóa, thể thao, 45/91 xã có thư viện, 42 điểm bưu điện văn hóa xã và 1 thư viện tư nhân. Các doanh nghiệp như Công ty: Becamex, Cao su Dầu Tiếng, Cao su Phước Hòa, Cấp thoát nước và Môi trường Bình Dương, Vật liệu và Xây dựng Bình Dương... đã đầu tư nhiều kinh phí xây dựng các trung tâm văn hóa, thể dục, thể thao cộng đồng, nhà thi đấu đa năng, hồ bơi, nhà văn hóa, phòng truyền thống, sân bóng đá, bóng chuyền, nhà hát sân khấu ngoài trời, cụm sân bóng đá...

2. Trên địa bàn các thành phố, thị xã của tỉnh, đã có gần 200 công viên, hoa viên, sân chơi cộng đồng được triển khai xây dựng trên các khu đất trống, khu đất quy hoạch xây dựng công trình nhưng chưa sử dụng.

xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất, đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Công tác triển khai được thực hiện thông qua việc cụ thể hóa những quy định về chuẩn mực đạo đức, văn hóa, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vào trong nội quy, quy chế văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy trình thực hiện công vụ, quy trình nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính... của từng cơ quan, đơn vị, một số mô hình được triển khai rộng rãi như: “Chính quyền thân thiện”, “Công sở thân thiện vì nhân dân phục vụ”, “Bốn xin - bốn luôn”¹.

Với đặc thù là địa phương có nhiều khu, cụm công nghiệp, thu hút nhiều công nhân, người lao động ngoài tỉnh đến sinh sống và làm việc nên công tác chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho đối tượng công nhân lao động theo tinh thần Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 9/1/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất”, được tỉnh tập trung triển khai thực hiện bằng các chương trình, đề án cụ thể trên từng nhóm nhiệm vụ. Tỉnh đã có Chương trình đột phá về phát triển nhà ở xã hội theo hướng đô thị hóa để giải quyết về nhu cầu chỗ ở phù hợp với điều kiện thu nhập, môi trường sống của công nhân². Đồng thời, để tăng cường gắn kết công nhân lao động vào các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Đề án xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp với nhiều chính sách hỗ trợ tổ chức hoạt động chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân³; các tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp cũng đã vận động, phối hợp cùng với chủ doanh nghiệp đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa hoặc bố trí diện tích, không gian để người lao động có thể tham gia sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể thao với trên 500 công trình được đưa vào hoạt động, phục vụ tốt đời sống văn hóa tinh thần, tạo dựng môi trường văn hóa ở nơi làm việc cho người lao động.

Đội ngũ doanh nhân của tỉnh quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế thông qua việc tạo dựng văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, cạnh tranh lành mạnh, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, gắn kết lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái vì sự phát triển bền vững của

1. Quy định về chuẩn mực ứng xử trong quá trình thực thi công vụ của công chức.

2. Tính đến thời điểm hiện nay, đã có trên 2 triệu m² sàn nhà ở xã hội do các doanh nghiệp đầu tư; ngoài ra, có 3 triệu m² sàn nhà trọ cho thuê do các hộ gia đình, cá nhân đầu tư.

3. Đầu tư xây dựng Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ, 2 Trung tâm Văn hóa - Thể thao công nhân lao động Bình Dương tại thành phố Thuận An và thị xã Bến Cát, Nhà hát công nhân tại Khu công nghiệp Mỹ Phước và một số nhà sinh hoạt đa năng tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

doanh nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm của Bình Dương - Việt Nam; nâng cao chế độ phúc lợi cho người lao động, nhà ở xã hội cho công nhân lao động, tham gia ủng hộ các chương trình từ thiện xã hội như: tổ chức các chuyến xe nghĩa tình để đưa đón công nhân lao động về quê đón Tết, các chương trình Tết công nhân lao động khu nhà trọ, các chương trình hỗ trợ công nhân lao động gặp khó khăn, chăm lo công nhân xa quê... Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, làm đảo lộn cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã chủ động san sẻ lợi ích với xã hội, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác phòng, chống dịch, tích cực ủng hộ tài chính, tham gia các chương trình nhân đạo, chăm lo an sinh xã hội..., giữ vai trò trung tâm trong việc triển khai thực hiện mục tiêu thúc đẩy sản xuất, kinh doanh để góp phần bảo đảm an sinh xã hội, cùng chung tay vượt qua dịch bệnh, thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước.

2.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển sự nghiệp văn hóa, con người của Bình Dương

Đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ, cán bộ quản lý văn hóa là yếu tố có ý nghĩa quyết định sự phát triển sự nghiệp văn hóa nói chung, văn học nghệ thuật nói riêng. Nhận thức sâu sắc được điều này, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên lĩnh vực văn hóa nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu lãnh đạo, quản lý về văn hóa, nhất là ở cơ sở; tăng cường các chính sách đãi ngộ, tôn vinh những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, nhất là các loại hình nghệ thuật truyền thống dân tộc hoặc mang tính chất đặc thù. Hàng năm, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị cho hàng trăm lượt cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Đội ngũ văn nghệ sĩ trên địa bàn tỉnh luôn phát huy tinh thần sáng tạo, bám sát thực tiễn sinh động của đời sống xã hội để sáng tác những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, thể hiện đúng trách nhiệm của người nghệ sĩ và vai trò công dân với xã hội¹; số lượng tác phẩm đạt giải thưởng văn học - nghệ thuật cấp tỉnh, khu vực tăng lên đáng kể². Công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ cũng được quan tâm thường xuyên thông qua các chương trình phối hợp liên ngành, các lớp bồi dưỡng, câu lạc bộ, tổ chức được một số chương trình

1. Số lượng hội viên Hội Văn học nghệ thuật năm 2014 là 339 hội viên, năm 2019 là 384 hội viên.

2. Giải thưởng của tỉnh về văn học - nghệ thuật - Huỳnh Văn Nghệ được tổ chức 5 năm/lần. Giải thưởng lần thứ 5 (2016) thu hút trên 230 tác giả trong và ngoài tỉnh tham dự với 3.440 tác phẩm, có 49 tác giả - tác phẩm được trao giải.

giảng dạy, truyền nghề phát sóng trên truyền hình, giáo dục nghệ thuật học đường, đặc biệt là các chương trình giáo dục nghệ thuật truyền thống... góp phần định hướng thẩm mỹ, phát hiện tài năng, tạo nguồn hình thành lớp văn nghệ sĩ kế cận. Nhiều cơ quan, đơn vị đã xây dựng các câu lạc bộ, đội văn nghệ - thể thao với lực lượng nòng cốt có chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ trở thành hạt nhân trong các phong trào tại địa phương, đơn vị.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW trên địa bàn tỉnh cũng còn một số tồn tại, hạn chế như: Sự phát triển của văn hóa chưa tương xứng sự phát triển kinh tế; công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh, nhưng hạ tầng văn hóa - xã hội chưa theo kịp, chưa tạo được sự đồng bộ trong xây dựng môi trường văn hóa đô thị, nâng cao chất lượng sống của người dân. Các chuẩn mực về con người mới, công dân đô thị, nông thôn mới chậm được hình thành và chưa rõ nét, các biểu hiện thiếu văn minh trong giao tiếp, ứng xử có chiều hướng gia tăng, các mối quan hệ trong gia đình, cộng đồng và xã hội có nguy cơ nảy sinh những vấn đề phức tạp. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" chưa đi vào chiều sâu, độ lan tỏa trong khu vực doanh nghiệp còn hạn chế, chưa xây dựng được các mô hình đời sống văn hóa tại các khu nhà ở xã hội. Công tác xã hội hóa trong đầu tư, tổ chức các hoạt động văn hóa chưa tương xứng với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc gắn kết các di tích lịch sử - văn hóa với hoạt động du lịch nhằm phát huy hiệu quả giá trị văn hóa cũng như công tác tuyên truyền, quảng bá về các di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh tuy có chuyển biến, nhưng hiệu quả chưa cao. Công tác triển khai đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh còn chậm, chưa đồng bộ; còn thiếu các thiết chế ở những nơi tập trung nhiều công nhân lao động, trong khi một số thiết chế văn hóa sẵn có lại chưa được khai thác hiệu quả. Các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa chưa mạnh, công nghiệp văn hóa phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế, còn nhỏ lẻ, manh mún.

Những tồn tại, hạn chế trên do một số nguyên nhân khách quan như: Quá trình đô thị hóa và dân số cơ học tăng nhanh nên việc đầu tư hạ tầng, công tác quản lý nhà nước về văn hóa - xã hội chưa theo kịp, nhất là những vấn đề mới, phức tạp nảy sinh trong quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa văn hóa địa phương với văn hóa các vùng miền trong nước và văn hóa nước ngoài¹; một số cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực văn hóa, nhất là đối với công tác xã hội hóa trong đầu tư, tổ chức các hoạt động văn hóa còn bất cập; tác động từ mặt trái của Internet và mạng

1. Bình Dương là địa phương thu hút vốn đầu tư nước ngoài đứng thứ 3 cả nước với hơn 12.000 người nước ngoài đang sinh sống, làm việc trên địa bàn tỉnh nên việc tác động của văn hóa nước ngoài rất rõ nét.

xã hội đến thị hiếu, lối sống, hành vi ứng xử của người dân, nhất là thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, còn có các nguyên nhân chủ quan như: công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền một số nơi chưa tập trung, thiếu đồng bộ, năng động, sáng tạo; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ nên chưa huy động được sự vào cuộc và sức mạnh tổng hợp; công tác tuyên truyền, giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống địa phương, vận động tham gia phong trào xây dựng đời sống văn hóa hiệu quả chưa cao; việc bình xét gia đình văn hóa ở một số nơi chưa đúng thực chất; việc xây dựng tiêu chí văn hóa đối với loại hình khu dân cư đô thị mới, nhà ở xã hội còn lúng túng; nguồn lực đầu tư từ ngân sách cho lĩnh vực văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu; đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn về văn hóa, văn nghệ, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, chế độ đãi ngộ chưa tương xứng; chưa có định hướng cụ thể cũng như các cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích, thúc đẩy ngành công nghiệp văn hóa phát triển; việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa còn mang tính dàn đều, chưa được xem xét đầy đủ, toàn diện về tính hiệu quả, địa điểm, công năng, nhân sự quản lý, đối tượng thụ hưởng... theo những điều kiện đặc thù của tỉnh với mô hình đô thị hiện đại, dân cư tập trung, đa văn hóa, đa vùng miền, công nhân lao động chiếm số đông trong cơ cấu dân cư; việc thúc đẩy thực hiện cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa cũng còn gặp nhiều vướng mắc về cơ chế, thiếu các giải pháp triển khai thực hiện mang tính căn cơ.

4. Bài học kinh nghiệm

Qua quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW và từ tình hình thực tiễn của địa phương, tỉnh Bình Dương đã đúc rút được một số bài học kinh nghiệm, cụ thể là:

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền và sự phối hợp của các ban, ngành, mặt trận, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, thông tin truyền thông, quản lý và phát huy giá trị các di sản văn hóa.

- Hướng dẫn, khuyến khích các tầng lớp nhân dân tham gia sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn học và nghệ thuật truyền thống của dân tộc; tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu, phổ biến các tác phẩm văn học và nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao đến với quần chúng, song hành với việc ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động sáng tác, quảng bá các sản phẩm văn học và nghệ thuật có nội dung tư tưởng ảnh hưởng không tốt đến đời sống xã hội.

- Quan tâm đầu tư nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hóa, văn học và nghệ thuật; đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn học và nghệ thuật từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh công tác xã

hội hóa hoạt động văn hóa, văn học và nghệ thuật; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ công chức, viên chức của ngành Văn hóa.

5. Những vấn đề đặt ra đối với việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong thời gian tới

Từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong thời gian qua. Tỉnh ủy Bình Dương có một số vấn đề đặt ra đối với việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước như sau:

5.1. Cần xác định rõ nội hàm của khái niệm văn hóa trong từng nội dung của Nghị quyết số 33-NQ/TW để làm tiền đề khoa học cho việc xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện của tỉnh cũng như việc xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển văn hóa, con người Việt Nam nói chung và con người Bình Dương nói riêng. Các chương trình, kế hoạch triển khai xây dựng, phát triển văn hóa, con người cần được xác định bằng những tiêu chí, chỉ tiêu mang tính định lượng cụ thể để việc triển khai, dự báo và đánh giá kết quả thực hiện đi vào thực chất, khách quan tránh những nhận định mang tính cảm tính.

5.2. Trong bối cảnh quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng và mạnh mẽ, cần tập trung đầu tư phát triển hạ tầng xã hội để tạo sự đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật, qua đó, nâng cao chất lượng môi trường sống đô thị, xây dựng văn hóa đô thị cho cư dân vùng đô thị. Bởi vì, chất lượng sống của người dân là tiêu chí hàng đầu và cũng là hình ảnh phản ánh rõ nét môi trường sống của chính đô thị đó ở hiện tại và xu hướng phát triển trong tương lai.

5.3. Với đặc điểm người dân từ nơi khác đến sinh sống và làm việc chiếm đa số, cùng với những nét văn hóa được mang đến từ các vùng, miền khác nhau sẽ làm cho bản sắc văn hóa đã được định hình trong suốt chiều dài lịch sử của Bình Dương ngày càng mờ nhạt đi. Vì vậy, cần nghiên cứu, xây dựng hệ giá trị văn hóa - con người Bình Dương trong tổng thể của hệ giá trị Việt Nam theo những đặc điểm riêng vốn có của mảnh đất và con người Bình Dương từ truyền thống đến hiện đại và yêu cầu phát triển trong tương lai. Những giá trị văn hóa - con người Bình Dương hướng đến cần được nhìn nhận, triển khai xây dựng dưới quan điểm: bảo đảm sự thống nhất và bảo vệ đối với những giá trị cốt lõi, tôn trọng sự đa dạng trong cách thể hiện và phát huy những giá trị cốt lõi, tiếp nhận và dung hòa những nét văn hóa mới của cư dân đến từ các vùng miền, trong và ngoài nước.

5.4. Bình Dương là địa phương có tốc độ gia tăng nhanh về dân số cơ học và công nhân lao động chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu dân cư thì việc xây dựng môi trường văn hóa, chăm lo đời sống văn hóa cho công nhân lao động là một vấn đề hết sức quan trọng, nhất là đối với lao động nhập cư - đối tượng tham gia đóng góp rất lớn cho sự phát triển của tỉnh Bình Dương, nhưng gặp nhiều khó khăn,

chịu nhiều rủi ro trong cuộc sống. Sự chăm lo, hỗ trợ về đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân lao động nhập cư chính là lực hút và chất keo tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động nhập cư đối với tỉnh. Do vậy, cần xây dựng “hệ sinh thái” hỗ trợ công nhân lao động theo mô hình hiệp lực giữa các tổ chức trong xã hội với vai trò trung tâm trong thiết lập tổ chức, điều hành, định hướng hoạt động của nhà nước, nhằm tập hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của các mạng lưới định chế liên quan đến công nhân như: tổ chức hội, đoàn thể, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội phi chính thức trong nhân dân, để cùng cung cấp dịch vụ xã hội, tổ chức các mô hình hoạt động thu hút sự tham gia của công nhân để phục vụ lại cho chính người công nhân. Xây dựng các địa điểm hỗ trợ công nhân theo mô hình mở, đa chức năng (giải trí, tiêu dùng, tư vấn pháp lý sinh hoạt kỹ năng...), đa loại hình tổ chức quản lý (từ của nhà nước đến tư nhân cho đến do chính người lao động tự tổ chức) để các hoạt động hỗ trợ này mang tính linh hoạt và xuất phát ngay từ chính việc giải quyết các nhu cầu bức thiết của công nhân. Thay đổi cách tiếp cận công nhân từ các công cụ hành chính sang ứng dụng công nghệ thông tin trong kết nối, cung cấp thông tin, hỗ trợ dịch vụ, tuyên truyền chính trị - xã hội, giáo dục kỹ năng... cho đối tượng này.

5.5. Cần có cách tiếp cận mới, mang tính chủ động và chú trọng đến hiệu quả xã hội trong bảo tồn và phát huy giá trị những loại hình nghệ thuật truyền thống gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Nam Bộ nói chung, Bình Dương nói riêng. Đưa các loại hình nghệ thuật này phát huy giá trị trong đời sống đương đại, tự thân phải trở thành một thành tố đóng góp vào sự phát triển của xã hội, khẳng định giá trị trong đời sống xã hội thông qua sinh hoạt văn hóa cộng đồng và gắn kết với phát triển du lịch, góp phần quảng bá những giá trị văn hóa, lịch sử, phong cách con người Bình Dương.

5.6. Xây dựng văn hóa trong chính trị, kinh tế là mối quan hệ biện chứng và đảm bảo sự cân bằng, hài hòa giữa các trụ cột này là yêu cầu khách quan của sự phát triển bền vững. Nhưng cần làm rõ nội hàm và công tác tổ chức triển khai thực hiện việc xây dựng văn hóa trong chính trị, tránh việc chòng chéo về nội dung công tác này với công tác tổ chức, quản lý xã hội nhìn từ góc độ pháp luật; cũng như việc xây dựng văn hóa trong kinh tế là xây dựng văn hóa trong hoạt động kinh tế, làm cho hoạt động kinh tế chứa đựng và sản sinh nhiều giá trị văn hóa, thể hiện ở việc đưa văn hóa trở thành một nguồn lực quan trọng của kinh tế cũng như việc văn hóa thấm thấu và thể hiện ra trong mỗi hoạt động kinh doanh, lao động - sản xuất trong doanh nghiệp chứ không chỉ là các mô hình và phương thức hoạt động mang tính phong trào. Bình Dương có rất nhiều doanh nghiệp điển hình trong xây dựng thành công các mô hình và quan hệ sản xuất kinh doanh có hiệu quả cả về kinh tế và xã hội, phát triển bền vững bằng những giá trị văn hóa - giá trị con người - giá trị xã hội tích cực; do vậy, cần có những chương trình, hoạt động cụ thể để định hình và phát huy giá

trị thương hiệu “Bình Dương” thành sức mạnh nội sinh, để văn hóa thực sự là một thành tố nảy sinh ngay từ bên trong kinh tế, chính trị và xã hội.

5.7. Tỉnh Bình Dương với nền tảng công nghiệp, đô thị phát triển, cùng nhiều tiềm năng và lợi thế về tự nhiên, nhân lực, văn hóa, lịch sử để phát triển ngành công nghiệp văn hóa, nhưng hiện vẫn chưa có ngành công nghiệp văn hóa theo đúng nghĩa, còn mang tính đơn lẻ, nhỏ lẻ, chưa có các cơ chế, thể chế quản lý, đầu tư thích hợp nên chưa tạo ra giá trị gia tăng để tạo tác động mạnh mẽ cho sự phát triển của địa phương, đây sẽ là một ngành tạo nên sự phát triển đặc trưng của Bình Dương trong tương lai. Do vậy, tỉnh Bình Dương sẽ định hướng phát triển công nghiệp văn hóa thông qua mũi nhọn là phát triển ngành du lịch với những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên cảnh quan - di tích danh thắng và nguồn du khách tại chỗ để vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa phục vụ đời sống tinh thần của cư dân ở địa phương, nhất là người lao động nhập cư.

5.8. Từ sự biến đổi sâu về cơ cấu xã hội với việc người dân nhập cư, công nhân lao động chiếm số đông trong cơ cấu dân cư và những điều kiện đặc thù của loại hình đô thị hiện đại, dân cư tập trung, đa văn hóa, đa vùng miền... Tỉnh sẽ triển khai nghiên cứu chuyên sâu về sự biến đổi cơ cấu xã hội và những yêu cầu về thiết chế văn hóa theo nhu cầu hưởng thụ của từng nhóm dân cư tương ứng để triển khai sắp xếp điều chỉnh, bố trí lại các thiết chế văn hóa hiện có, tránh việc đầu tư xây dựng, tổ chức hoạt động các thiết chế văn hóa mang tính đồng nhất, dàn đều, y khuôn như mọi địa phương khác trong cả nước. Do đó, tỉnh Bình Dương kiến nghị Trung ương có cơ chế khuyến khích các địa phương nghiên cứu xây dựng các mô hình thiết chế văn hóa, hoạt động văn hóa phù hợp với điều kiện đặc thù của loại hình đô thị hiện đại, dân cư tập trung, đa văn hóa, đa vùng miền, công nhân lao động chiếm số đông trong cơ cấu dân cư như tỉnh Bình Dương để nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

5.9. Việc triển khai xã hội hóa hoạt động văn hóa cũng như việc chuyển giao các thiết chế văn hóa cho các thành phần kinh tế tham gia quản lý đang gặp nhiều vướng mắc về cơ chế, thủ tục về tài chính, hành chính, các chính sách hỗ trợ còn thiếu hấp dẫn về hiệu quả kinh tế nên chưa thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư. Cùng với đó, việc thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa thực hiện cơ chế tự chủ cũng còn gặp nhiều vướng mắc, thiếu các giải pháp triển khai thực hiện mang tính căn cơ. Trong thời gian qua, việc thực hiện cơ chế tự chủ về mặt tài chính ở các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương chủ yếu là theo cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ, đây là một cách thức vận dụng linh hoạt. Tuy nhiên, để hoạt động văn hóa đến đúng địa chỉ, đúng đối tượng, nhưng vẫn bảo đảm đúng định hướng thì việc thực hiện cơ chế đặt hàng như hiện nay vẫn chưa phải là giải pháp giải quyết tận gốc vấn đề, vẫn còn tư duy bao cấp hoạt động văn hóa, sản phẩm văn hóa. Cần đưa các đơn vị sự nghiệp công lập trong

lĩnh vực văn hóa hòa vào nhịp sống của xã hội, nắm bắt nhu cầu của công chúng để cung cấp sản phẩm theo mô hình hoạt động của một doanh nghiệp. Do đó, đề nghị các bộ, ngành Trung ương sớm tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế tài chính, đất đai nhằm tạo điều kiện thúc đẩy xã hội hóa, đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng các thiết chế văn hóa một cách hiệu quả.

5.10. Tỉnh Bình Dương sẽ triển khai xây dựng các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh xã hội và văn minh hậu công nghiệp để xây dựng đô thị Bình Dương thành đô thị sinh thái - thông minh, người dân có đời sống vật chất và tinh thần ở mức cao; từ đó, định hình văn hóa, con người Bình Dương trong tương lai. Trong xây dựng con người, tỉnh định hướng các chính sách đột phá trong đầu tư cho giáo dục, nhất là phát triển các cơ sở giáo dục bậc cao để trở thành một đô thị khoa học, với nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự phát triển nhảy vọt trong tương lai. Cùng với đó, tỉnh nghiên cứu một số chính sách phúc lợi về văn hóa riêng, đặc thù của tỉnh và theo từng thành phần trong cơ cấu dân cư để xây dựng thương hiệu Bình Dương trong thời kỳ mới, một Bình Dương không chỉ là điển hình phát triển kinh tế mà còn là điển hình trong phát triển đồng bộ, hài hòa trên các mặt, phát triển mang tính bền vững.

*

* *

Quán triệt và triển khai Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ tới là: *“Quan tâm và chú trọng đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư, ưu tiên giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, nhất là về giáo dục, y tế, việc làm, nhà ở, các thiết chế văn hóa phục vụ cho người dân và công nhân lao động. Song song đó, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển công nghiệp và đô thị”*¹; bên cạnh đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng đã ban hành văn bản chỉ đạo chuyên đề² triển khai Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XII), trong đó yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp tiếp tục quyết tâm thực hiện có hiệu quả, tạo chuyển biến sâu sắc, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, Chương trình số 88-CTr/TU và những vấn đề thực tiễn đặt ra đối với việc xây dựng và phát triển

1. Đảng bộ tỉnh Bình Dương: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI*, tr.201.

2. Công văn số 3064-CV/TU ngày 25/8/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc “Triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị”.

văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Trên cơ sở nghiêm túc nhìn nhận những tồn tại, hạn chế, cũng như những khó khăn, thách thức, những vấn đề mới đặt ra, cùng với quyết tâm chính trị cao, bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương và những kiến nghị Trung ương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách trên lĩnh vực văn hóa, Tỉnh ủy Bình Dương tin tưởng rằng văn hóa sẽ tiếp tục thấm sâu vào tất cả các mặt của đời sống xã hội, đến từng người, từng gia đình, mọi lĩnh vực, các ngành, các cấp; văn hóa sẽ phát triển đồng bộ với nhịp độ tăng trưởng của các thành tố khác để cùng tạo dựng sự phát triển bền vững của đất nước nói chung và của tỉnh Bình Dương nói riêng.

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI LÃNH ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, KẾT LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

Đồng Nai là tỉnh nằm trong khu vực miền Đông Nam Bộ, có diện tích 5.907 km², có vị trí đặc biệt quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước; là cửa ngõ phía đông Thành phố Hồ Chí Minh, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ. Toàn tỉnh có 9 huyện, 2 thành phố trực thuộc tỉnh với trên 3,3 triệu người và 37 thành phần dân tộc cùng sinh sống. Là vùng đất giàu truyền thống văn hóa với lịch sử hơn 320 năm hình thành và phát triển, cùng với sự phát triển kinh tế của cả nước, Đồng Nai là một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, hội nhập, giao lưu, tiếp xúc văn hóa ngày càng mở rộng.

Trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, Biên Hòa - Đồng Nai tự hào là vùng đất cách mạng, là nơi đặt căn cứ địa cách mạng Khu ủy miền Đông Nam Bộ - Chiến khu Đ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là vùng đất có nhiều tấm gương sáng về lòng yêu nước trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong chiến tranh bảo vệ biên giới. Trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế, Đồng Nai có nhiều tập thể, cá nhân anh hùng lao động, người tốt việc tốt, cần cù, sáng tạo, biết làm giàu cho mình và cho cộng đồng. Đồng Nai tự hào là một trong những địa phương sớm nhất trong cả nước hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà khoa học để xây dựng quê hương Đồng Nai ngày càng văn minh, tươi đẹp, nghĩa tình.

Sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên rõ rệt, với rất nhiều thành tựu trên các lĩnh

vực kinh tế - văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, phát triển nhanh và bền vững cùng với sự phát triển của đất nước.

1. Kết quả thực hiện đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

1.1. Về công tác tổng kết thực tiễn triển khai chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa

Những năm vừa qua, cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, bảo đảm tốt vấn đề an sinh xã hội, Đồng Nai luôn quan tâm, đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, văn học, nghệ thuật. Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành nghị quyết chuyên đề đầu tiên về lĩnh vực văn học, nghệ thuật của Đảng, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 82-KH/TU và Chương trình hành động số 78-CTr/TU ngày 29/5/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để triển khai, thực hiện và tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định. Cùng với việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy địa phương đã tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 5/2/2015 của Ban Bí thư và Thông tri số 03-TT/TU ngày 5/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành về việc “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội”.

Công tác tuyên truyền giáo dục trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa cũng như việc xây dựng văn hóa, con người Việt Nam phát triển toàn diện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được quan tâm thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; phương pháp học tập được đổi mới bằng nhiều hình thức khác nhau đã thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trên địa bàn toàn tỉnh với tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc, bảo đảm chất lượng. Tỉnh cũng đã thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; việc tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật luôn được các cấp ủy địa phương, các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội từ tỉnh đến cơ sở tiến hành chặt chẽ, tiết kiệm với tinh thần nghiêm túc, đúng kế hoạch đề ra, như: tổng kết 20 năm thực hiện

Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 23/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Thành lập Ban Chỉ đạo phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; 10 năm thực hiện Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 16/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt chương trình thực hiện phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020”; 5 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2019”.

1.2. Về công tác đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa

Xác định mục tiêu xây dựng văn hóa con người Đồng Nai phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, gắn với truyền thống văn hóa lịch sử hơn 320 năm hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, ngày 11/10/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai đã ban hành Quy định số 08-QĐ/TU về việc thực hiện văn hóa trong Đảng; trong đó, tập trung xây dựng văn hóa trong Đảng về tư tưởng chính trị, về phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, về tổ chức, về đạo đức,... Đối với từng đồng chí đảng viên, việc xây dựng văn hóa trong Đảng là tập trung vào thực hiện chức trách, nhiệm vụ, tính tiên phong, gương mẫu, phong cách ứng xử, giao tiếp, về trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy viên; thực hiện đăng ký cam kết rèn luyện, phấn đấu và làm tiêu chí đánh giá tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hằng năm; ngoài ra, tỉnh còn triển khai Đề tài “Văn hóa ứng xử của cán bộ lãnh đạo, quản lý tỉnh Đồng Nai, thực trạng và giải pháp”, góp phần củng cố và phát huy tốt vai trò của các cấp ủy đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên trong việc xây dựng Đảng về văn hóa.

Hằng năm, vào dịp kỷ niệm Ngày Thơ Việt Nam (ngày rằm tháng Giêng), lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức gặp gỡ giữa lãnh đạo tỉnh với đội ngũ trí thức, nhà khoa học, các văn nghệ sĩ nhân dịp đầu Xuân năm mới để nghe báo cáo về những kết quả đạt được trong sáng tạo, sáng tác và hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật và Hội Văn học nghệ thuật tỉnh; qua đó, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học, kỹ thuật, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh để kịp thời chỉ đạo, động viên, hỗ trợ, tạo điều kiện cho hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Từ năm 2010 đến nay, tỉnh Đồng Nai thường xuyên chú trọng ban hành các văn bản về văn hóa, văn học, nghệ thuật để các đơn vị làm cơ sở triển khai thực hiện như: Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 28/12/2010 về quy chế xét tặng Giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Trịnh Hoài Đức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 về Đề án chế độ đãi ngộ cho diễn viên Đoàn nghệ thuật Cải lương và Đoàn Ca múa nhạc tỉnh Đồng Nai (nay là Nhà hát nghệ thuật Đồng Nai); Kế hoạch

số 397-KH/TU ngày 9/10/2020 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kế hoạch số 8554/KH-UBND ngày 22/7/2021 về truyền bá rộng rãi những giá trị mới của con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tập trung xây dựng con người Đồng Nai phát triển toàn diện; Kế hoạch số 5190/KH-UBND ngày 17/5/2021 về việc triển khai thực hiện Đề án Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 9006/KH-UBND, ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Tổ chức Giải thưởng Văn học, nghệ thuật hằng năm bắt đầu thực hiện từ năm 2021.

1.3. Về công tác đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý trên lĩnh vực văn hóa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Căn cứ Quy định số 284-QĐ/TW ngày 5/2/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo quản lý lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 39-HD/BTGTU ngày 2/3/2012 quy định cụ thể tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật và cán bộ lãnh đạo Liên hiệp hội, Hội Văn học nghệ thuật ở địa phương; để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1355-QĐ/UBT nâng cấp trường Trung học Văn hóa nghệ thuật tỉnh thành trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật; chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xúc tiến xây dựng Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật tỉnh. Mỗi năm, trường đào tạo trên 70 sinh viên với các chuyên ngành khác nhau như: Quản lý Văn hóa Thông tin - Du lịch, Thanh nhạc, Âm nhạc truyền thống, Âm nhạc phương Tây, Diễn viên múa,... Qua đó, đã đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, góp phần quan trọng vào thành tích chung của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai, tiếp tục đưa hoạt động văn học, nghệ thuật của tỉnh ngày càng phát triển, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển tỉnh nhà.

Nhìn chung, tỉnh luôn quan tâm, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, tận tụy, có ý thức tôn trọng pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

1.4. Về công tác bảo tồn các di sản văn hóa, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc, xây dựng con người, phát triển kinh tế, xã hội

Tỉnh đã tập trung xây dựng nếp sống văn minh đô thị, văn hóa nông thôn mới, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, chú trọng chất lượng các mô hình văn hóa; đẩy nhanh tiến độ, đa dạng hóa nguồn đầu tư cho các công trình lịch sử văn hóa, lịch sử truyền thống cách mạng và các khu vui chơi giải trí phục vụ sự nghiệp văn hóa; tỉnh luôn quan tâm đến các dự án trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa và công trình văn hóa tiêu biểu tại các địa phương trong tỉnh, các di tích xếp hạng được bảo tồn khang trang, đáng chú ý như: Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Chiến khu Đ, Khu ủy miền Đông Nam Bộ, Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa binh chống Pháp, Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa U1, mộ Cụ thạch Hàng Gòn,... bằng nguồn vốn của Trung ương và ngân sách tỉnh.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa, tỉnh đã huy động các nguồn lực xã hội đầu tư công sức, tiền của, trí tuệ để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở các địa phương; các dự án, chương trình, đề tài về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh như: Phong tục - tập quán người Hoa ở Biên Hòa; Di sản chữ Hán ở Biên Hòa; Làng bươi Tân Triều; nghề nấu mía đường thủ công truyền thống ở huyện Vĩnh Cửu; nghiên cứu sắc Thần ở Đồng Nai; Di sản chữ Hán, Nôm ở các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch và thành phố Biên Hòa; Di sản văn hóa làng dân tộc Choro xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu; phục hồi và ổn định gốm men xanh đồng trở bông; các lễ cúng của người Hoa ở Đồng Nai; Di sản văn hóa làng dân tộc người Mạ ở Tà Lài; Di sản văn hóa người Mường xã Phú Túc, huyện Định Quán; sưu tầm các bài thuốc dân gian của các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai. Thực hiện tu bổ di tích trọng điểm, các di tích quốc gia như: Thành cổ Biên Hòa, Nhà lao Tân Hiệp, Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Ông,... Đặc biệt, các chương trình bảo tồn, phát huy một số loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của các dân tộc có nguy cơ bị mai một như: Đờn ca tài tử; Di sản văn hóa làng dân tộc Choro; các lễ cúng của người Hoa; Di sản văn hóa làng dân tộc người Mạ ở Tà Lài; Di sản văn hóa phi vật thể làng dân tộc Mạ ở Đồng Nai; Lễ hội Sayangva (mừng lúa mới) của dân tộc Choro; lễ hội Yang Bonom (cúng thần Núi) của dân tộc Mạ đã được tỉnh chỉ đạo thường xuyên quan tâm, kiểm tra và có kế hoạch giữ gìn, bảo tồn và tôn tạo; tỉnh cũng đã làm tốt công tác tuyên truyền, quảng bá các giá trị di sản khác như: sách Thành cổ Biên Hòa, sách Mộ Cụ thạch Hàng Gòn, Những ngôi nhà cổ tiêu biểu ở Đồng Nai, Danh thắng Đồng Nai, phim giới thiệu Di tích Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Nhà lao Tân Hiệp, Thành cổ Biên Hòa,...

Tỉnh cũng đã mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và các thiết chế văn hóa phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Hiện tại, tỉnh có 1 nhà văn hóa thiếu nhi cấp tỉnh; 11 trung tâm văn hóa, thể thao, nhà thiếu nhi cấp huyện; 141/170 xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng;

858/962 ấp, khu phố có nhà văn hóa, khu thể thao và 11 nhà văn hóa dân tộc; 128/133 xã nông thôn mới có nhà văn hóa - học tập cộng đồng và 763/765 nhà văn hóa, khu phố ấp. Các trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng, nhà văn hóa từ huyện đến cơ sở được đầu tư xây dựng mới, khang trang, sạch đẹp, phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ở địa phương.

2. Những nhiệm vụ trọng tâm về văn hóa, văn học và nghệ thuật cần tiếp tục thực hiện trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thời gian tới, trước những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới, khu vực, Đồng Nai tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật, trong đó, tập trung vào những nội dung lớn đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, cụ thể:

2.1. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa

Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, vận động thường xuyên, liên tục bằng nhiều hình thức, cách làm phong phú, đa dạng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa, văn học, nghệ thuật trong sự nghiệp đổi mới và phát triển bền vững; xác định văn hóa là nhân tố quan trọng trong xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong quá trình triển khai thực hiện, tỉnh tiếp tục chú trọng tính đặc thù của văn hóa Đồng Nai, vừa bảo đảm văn hóa, văn học và nghệ thuật Đồng Nai phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa phát huy tính sáng tạo, sáng tác của cá nhân; trong đó, tỉnh chỉ đạo tập trung sáng tác các đề tài khai thác giá trị, văn hóa con người Đồng Nai, phát huy, nâng cao lòng tự hào dân tộc, hình ảnh con người Đồng Nai dưới góc độ văn học, nghệ thuật nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa - lịch sử, những điển hình con người Đồng Nai trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

2.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

Tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, xây dựng chương trình kế hoạch hành động 5 năm, từng năm bám sát Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, đoàn thể để sáng tác các tác phẩm giới thiệu, quảng bá những thành tựu kinh tế - xã hội và lĩnh vực khác của Đồng Nai.

Cải cách bộ máy quản lý nhà nước về văn hóa theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò định hướng, kiến tạo của Nhà nước trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người; xây dựng hệ thống hành chính công hiện đại, từng bước phân cấp, phân quyền, phân rõ trách nhiệm, tạo cơ chế chủ động xử lý kiên quyết các vụ việc vi phạm pháp luật về văn hóa; đấu tranh phản bác kịp thời các quan điểm sai trái về văn hóa; xây dựng các chuẩn mực đạo đức xã hội, các chính sách đầu tư về nguồn lực cho phát triển văn hóa, con người; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, những người làm công tác văn hóa, nghệ thuật.

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước; ưu tiên đầu tư một số cơ sở đào tạo trọng điểm, chất lượng cao và một số ngành công nghiệp văn hóa chủ đạo có lợi thế và đặc thù riêng của tỉnh; thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, tôn vinh các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực văn hóa; đẩy mạnh thực hành dân chủ về văn hóa ở mỗi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa bàn dân cư; tôn trọng vai trò tham gia quản lý, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội đối với xây dựng văn hóa, con người.

2.3. Tập trung xây dựng con người Đồng Nai phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ

Hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Đồng Nai thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người Đồng Nai có thể giới quan khoa học, có nhân cách, lối sống đẹp với các đặc tính cơ bản “yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”; tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh, thiếu niên.

Xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật, tôn trọng đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, “tương thân tương ái”, tôn vinh, nhân rộng các giá trị tốt đẹp, nhân văn; khắc phục kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá tư tưởng duy tâm thần bí, thực hiện mê tín dị đoan, gây mất an ninh trật tự; đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, các hành vi tiêu cực, cơ hội, vi phạm pháp luật, truyền bá tư tưởng sai trái, lối sống thực dụng, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

2.4. Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”

Xây dựng mỗi gia đình thực sự là môi trường hình thành, nuôi dưỡng và phát triển nhân cách văn hóa và giáo dục cho con người; xây dựng môi trường học tập thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng,

phẩm chất, nhân cách và lối sống; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong xây dựng môi trường văn hóa, coi trọng việc xây dựng các chuẩn mực văn hóa ứng xử trong các quan hệ xã hội, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và các sinh hoạt văn hóa khác.

Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; nhân rộng các mô hình văn hóa, nhất là mô hình tự quản; phát huy việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở xây dựng hương ước, quy ước, quy tắc ứng xử văn hóa... ở địa bàn dân cư và nơi học tập, công tác, lao động; khắc phục bệnh thành tích, đưa việc bình xét và công nhận các danh hiệu văn hóa đi vào thực chất; chấn chỉnh, nghiêm cấm việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá tư tưởng duy tâm thần bí, mê tín dị đoan, gây mất an ninh trật tự.

2.5. Tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ những người làm công tác giáo dục, văn nghệ sĩ và cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, lãnh đạo doanh nghiệp và những người có tầm ảnh hưởng quan trọng trong cộng đồng và xã hội. Chủ động phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa”, hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hệ thống chính trị và xã hội.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Cuộc vận động xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam, tôn vinh các doanh nhân tiêu biểu có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đấu tranh, ngăn chặn tình trạng gian lận thương mại; xây dựng kế hoạch chiến lược quảng bá phát triển thương hiệu doanh nghiệp của Đồng Nai trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam nói chung và người Đồng Nai nói riêng.

2.6. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và nhân dân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc đối với sự phát triển bền vững của đất nước cũng như của tỉnh.

Xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng của tỉnh và của từng địa phương. Phát huy tối đa

việc quảng bá, giữ gìn các giá trị của di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa đặc biệt của quốc gia nói riêng để phát triển ngành du lịch phù hợp với điều kiện chung của tỉnh. Coi trọng công tác bảo vệ và phát huy di sản văn hóa vật thể gắn với di sản văn hóa phi vật thể; di sản văn hóa truyền thống, di sản văn hóa cách mạng, kháng chiến gắn với khai thác du lịch theo định hướng phát triển du lịch thành ngành kinh tế đột phá của tỉnh.

Triển khai các chương trình bảo tồn và phát huy một số loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của các dân tộc có nguy cơ bị mai một. Có kế hoạch cụ thể để giữ gìn tiếng nói, chữ viết, trang phục, sinh hoạt văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số và sự trong sáng của tiếng Việt. Định hướng các nguồn lực đầu tư hợp lý, cân đối giữa các loại hình di sản văn hóa. Thực hiện chính sách tôn vinh, đãi ngộ đối với các nghệ sĩ, các nghệ nhân tiêu biểu trong việc trao truyền, phổ biến giá trị di sản văn hóa, nhất là đặc thù của văn hóa Đồng Nai.

2.7. Phát triển văn học, nghệ thuật

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Tạo điều kiện thuận lợi cho văn học, nghệ thuật phát triển mạnh mẽ, đa dạng, hình thành nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng, nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần dân tộc, dân chủ, tiến bộ và nhân văn; phản ánh chân thật, sinh động lịch sử dân tộc và những thành tựu của 35 năm đổi mới đất nước và sự phát triển của Đồng Nai trên con đường hội nhập và phát triển.

Nghiên cứu chính sách đầu tư, hỗ trợ sáng tạo văn học, nghệ thuật. Chú ý tính chất đặc thù của văn học, nghệ thuật, xây dựng đội ngũ cán bộ có tâm, có tầm, có tài, có tính kế thừa, trẻ hóa. Nâng cao tính chuyên nghiệp của văn học, nghệ thuật cùng với phát triển sâu rộng văn học, nghệ thuật quần chúng. Đẩy mạnh nghiên cứu và hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

Đổi mới phương thức hoạt động lãnh đạo, quản lý của hội văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả theo phương châm xã hội hóa, bố trí cán bộ đúng tầm, có khả năng tập hợp đội ngũ văn nghệ sĩ và cán bộ làm công tác văn hóa, văn nghệ, từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống các quan điểm sai trái và các khuynh hướng sáng tác phản tiến bộ, thiếu nhân văn, tha hóa con người trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

2.8. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Tạo nhận thức sâu sắc của toàn xã hội về vị trí, vai trò của ngành công nghiệp văn hóa. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế chính sách có tính đột phá, khuyến khích hoạt động sáng tạo, thu hút đầu tư co

sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và các ngành công nghiệp văn hóa. Từng bước nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp văn hóa ở một số lĩnh vực là thế mạnh của tỉnh.

Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa theo hướng chuyên nghiệp, có tính chuyên sâu cao và đồng bộ. Lựa chọn một số ngành, lĩnh vực văn hóa để tập trung đầu tư có hiệu quả, xác lập thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa Đồng Nai trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế. Trước mắt, tập trung vào một số ngành có lợi thế như: du lịch sinh thái, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh... Khai thác và phát huy những tiềm năng, thế mạnh của văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số đang sinh sống trên đất Đồng Nai; đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng. Huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho văn hóa, tăng cường xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

2.9. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Có kế hoạch mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước, đa dạng hóa các hình thức văn hóa đối ngoại, từng bước đưa các quan hệ hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu. Phối hợp tổ chức, đăng cai các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế phù hợp với điều kiện và khả năng của tỉnh để công chúng được tiếp cận với các nền văn hóa tiên tiến của các nước.

Làm tốt việc quảng bá văn hóa, nghệ thuật giới thiệu vùng đất và con người Đồng Nai đến với bạn bè trong nước, khu vực và thế giới. Chủ động phối hợp tổ chức các Tuần - Ngày văn hóa Đồng Nai với các đơn vị kết nghĩa ở các nước trong khu vực; tham gia tích cực các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế; đa dạng hóa các kênh truyền thông quảng bá hình ảnh Đồng Nai trong mắt bạn bè quốc tế. Tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh, văn hóa Đồng Nai, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế về văn hóa. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức quốc tế đầu tư trí tuệ, nguồn vốn phát triển văn hóa, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Đồng Nai.

3. Một số đề xuất, kiến nghị

Qua kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực văn hóa của tỉnh Đồng Nai trong những năm qua, để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 về lĩnh vực văn hóa, tỉnh Đồng Nai kiến nghị:

(1) Trung ương quan tâm tăng nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa đối với cộng đồng dân cư và các thiết chế văn hóa phục vụ công nhân ở các khu công nghiệp; ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc.

(2) Chính phủ nghiên cứu xây dựng chế độ chính sách tiền lương, phụ cấp, bồi dưỡng cho văn nghệ sĩ, những người làm công tác quản lý, hoạt động văn hóa, văn học và nghệ thuật; điều chỉnh mức thù lao biểu diễn cho nghệ sĩ ở các địa phương một cách phù hợp và xứng đáng, góp phần tạo thêm động lực, tâm huyết để các nghệ sĩ tiếp tục đam mê cống hiến và gắn bó với nghề.

(3) Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lồng ghép chương trình ngoại khóa tìm hiểu và định hướng kỹ năng sống về đạo đức, văn hóa, xã hội cho học sinh, sinh viên; tăng cường dạy kỹ năng, đạo đức của học sinh, sinh viên phù hợp với tình hình công nghệ số hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết số 23 -NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”.
- [2] Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư (khóa X) về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”.
- [3] Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
- [4] Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”.
- [5] Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2013 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ (giai đoạn 2015-2020)”.
- [6] Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW”.
- [7] Kết luận số 213-TB/TW ngày 2/1/2009 của Ban Bí thư về Đề án “Đấu tranh chống quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật”.
- [8] Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.
- [9] Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho thanh niên, thiếu nhi và nhi đồng giai đoạn 2015-2020”.
- [10] Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ; Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.
- [11] Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 16/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt chương trình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020”.

- [12] Quyết định số 235/1999/QĐ-TTg ngày 23/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Thành lập Ban Chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.
- [13] Kế hoạch số 257-KH/TU ngày 31/8/2015 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và Kế hoạch số 397-KH/TU ngày 09/10/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW.
- [14] Thông tri số 03-TT/TU ngày 5/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành về việc “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội”.
- [15] Chương trình hành động số 78-CTr/TU ngày 29/5/2009 của Tỉnh ủy để thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

THỰC TIỄN VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ CỦA ĐẢNG TRONG CÔNG TÁC VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU - NHỮNG KẾT QUẢ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

TỈNH ỦY BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Nghiên cứu, quán triệt, học tập và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng là một trong những phương thức triển khai sự lãnh đạo của Đảng đối với đời sống xã hội. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã sớm xác định: Việc kịp thời đổi mới cách thức triển khai, quán triệt, học tập, truyền tải nội dung các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; nhanh chóng xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, thiết thực, sát thực tiễn; tổ chức đồng bộ việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động là một nhiệm vụ trọng yếu, được thực hiện thường xuyên, liên tục, gắn với hoạt động thường nhật của từng cấp ủy, tổ chức đảng, góp phần đưa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Trên lĩnh vực văn hóa, việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đã trở thành nội dung được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ những ngày đầu thành lập, đặc biệt là từ khi Đảng ban hành Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” để lãnh đạo, thực hiện những chủ trương, định hướng lớn đối với công tác văn hóa trong thời gian qua.

Bà Rịa - Vũng Tàu được biết đến là tỉnh ven biển thuộc Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, phía Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận và phía Nam giáp Biển Đông. Với 8 đơn vị hành chính, bao gồm 2 thành phố, 1 thị xã, 5 huyện nằm trên đất liền và một đơn vị hành chính hải đảo là huyện Côn Đảo. Tổng diện tích tự nhiên

là 1.988 km²; quy mô dân số là 1.167.928 người. Hệ thống tổ chức cơ sở đảng đến nay có 555 tổ chức cơ sở đảng với tổng số 44.018 đảng viên. Bà Rịa - Vũng Tàu có nhiều thuận lợi về vị trí địa lý, thiên nhiên và khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng.

Bên cạnh đó, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có hệ thống di tích lịch sử, văn hóa đa dạng và chịu ảnh hưởng của các nền văn hóa lâu đời gắn với biển với những mức độ khác nhau như: Đông Sơn, Sa Huỳnh, Đồng Nai,... Toàn tỉnh có 49 di tích lịch sử - văn hóa đã được công nhận và xếp hạng, trong đó có 1 di tích được công nhận là di tích cấp quốc gia đặc biệt (nhà tù Côn Đảo); 29 di tích đã được công nhận, xếp hạng cấp quốc gia; 19 di tích được công nhận, xếp hạng cấp tỉnh và một số bảo tàng hoặc bộ sưu tập - trưng bày có giá trị lớn gắn với hệ thống di tích như: Phòng Trưng bày lưu niệm di tích nhà tù Côn Đảo, Bảo tàng Tổng hợp, Bạch Dinh. Nhóm di tích kiến trúc tôn giáo bao gồm các kiến trúc đình, miếu, chùa chiền, nhà thờ..., trong đó có khu Đình thần Thắng Tam, Thích Ca Phật Đài, Niết Bàn Tịnh xá, Bạch Dinh, Trận địa pháo cổ,... là các địa điểm thuận lợi để phát triển thành các điểm lễ hội, văn hóa tâm linh. Nhóm di tích lịch sử cách mạng phản ánh quá trình đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân vùng biển trong hai cuộc kháng chiến như: địa đạo Long Phước, căn cứ Minh Đạm, bến Lộc An với đường Hồ Chí Minh trên biển, địa đạo Kim Long, nghĩa trang Hàng Dương, nhà tù Côn Đảo, nhà lưu niệm anh hùng Võ Thị Sáu,... đều là những địa danh nổi tiếng phục vụ cho công tác giáo dục và loại hình du lịch tham quan, về nguồn. Các lễ hội dân gian mang đậm dấu ấn văn hóa truyền thống của người dân vùng biển đã và đang được duy trì, phát triển thành các lễ hội văn hóa, du lịch, thu hút rất đông du khách về hành hương, tế lễ hằng năm như: Lễ hội Nghinh Ông (Đình thần Thắng Tam, Phước Hải, Phước Tinh), Lễ hội Nghinh Cô (đền Dinh Cô - thị trấn Long Hải), Lễ Trưng Cửu (Tín ngưỡng ông Trần), Lễ hội Sayang va (thần Lúa) và Sayang bri (thần Rừng) của đồng bào Ch'ro, Lễ giỗ Thứ phi Hoàng Phi Yến và Lễ giỗ nữ anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu (Côn Đảo)...

Để làm tốt công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh trong những năm qua, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết như: Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 25/11/1998 của Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu về xây dựng và phát triển văn hóa đến năm 2000 để thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"; Kế hoạch số 88-KH/TU ngày 17/11/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới"; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 1/8/2016 của Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban

Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” ... Trong đó, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị liên quan chủ trì, xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng các lĩnh vực mà chỉ thị, nghị quyết đề cập; biên soạn đề cương giới thiệu nghị quyết, chỉ thị nhằm cung cấp cho báo cáo viên; tổ chức triển khai, quán triệt đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, những người làm công tác văn hóa, nhất là các hội viên Hội Văn học nghệ thuật, các văn nghệ sĩ, phóng viên, lãnh đạo các hội chuyên ngành tại địa phương; qua đó, góp phần nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác văn hóa; xác định rõ vị trí, vai trò và trách nhiệm của các cơ quan, văn nghệ sĩ, phóng viên trong sự nghiệp cách mạng văn hóa của Đảng và nhân dân ta.

- Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngành Văn hóa và Hội Văn học nghệ thuật tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch liên tịch số 31/KH.LT ngày 25/2/2008 về “Đẩy mạnh các hoạt động sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, tạo nguồn giải trí lành mạnh, góp phần đẩy lùi những hoạt động tiêu cực, phản văn hóa trên địa bàn”. Đồng thời, định kỳ tổ chức làm việc giữa Thường trực Tỉnh ủy với hội viên Hội Văn học nghệ thuật tỉnh để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của hội viên, chỉ đạo các cơ quan chức năng tạo điều kiện, hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Hội.

- Tích cực tuyên truyền quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng văn hóa, phát triển con người Việt Nam trong tình hình mới, đồng thời tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đặc biệt là những nét văn hóa, du lịch đặc sắc, di sản văn hóa tiêu biểu, truyền thống lịch sử của tỉnh nhà đến bạn bè trong và ngoài nước; tuyên truyền, biểu dương những tập thể, cá nhân tiên tiến trong xây dựng văn hóa, con người Bà Rịa - Vũng Tàu; phê phán, đẩy lùi cái xấu, lạc hậu ảnh hưởng đến xây dựng nền văn hóa dân tộc nhằm góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của văn hóa, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng, các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội trong việc tự giác, chủ động tham gia các hoạt động xây dựng văn hóa, con người Bà Rịa - Vũng Tàu phát triển toàn diện.

Thực tiễn đã chứng minh, văn hóa là sợi chỉ đỏ, là mạch nguồn lưu giữ những bản sắc truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nhất là trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Để phát huy vai trò của văn hóa trong tình hình mới, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu luôn quan tâm, chỉ đạo, quản lý việc nâng cao hơn nữa việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, tiến hành tổng kết thực tiễn, định kỳ sơ kết, tổng kết để đánh giá những mặt được, chưa được, những khó khăn, vướng mắc để tập trung tháo gỡ, bảo đảm phù hợp với tình hình của địa phương; đẩy mạnh công

tác tuyên truyền, đúc rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp phát triển văn hóa trong từng thời kỳ, phù hợp với tình hình thực tiễn, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những kết quả nổi bật đã đạt được trong thời gian qua:

Hầu hết các cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là cán bộ phụ trách lĩnh vực văn hóa đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện cho hoạt động của đội ngũ văn nghệ sĩ, phóng viên, hội viên các hội chuyên ngành. Trong quá trình triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các cấp ủy đảng đã có sự đổi mới từ tư duy đến hành động, bám sát thực tiễn xã hội; nhận thức được tầm quan trọng của việc đào tạo nguồn nhân lực trong việc phát triển văn hóa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ mới; coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật; chỉ đạo xây dựng quy hoạch cán bộ quản lý ngành theo từng giai đoạn phù hợp; bổ sung, kiện toàn bộ máy để hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Gắn nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương; kết hợp chặt chẽ giữa biểu diễn nghệ thuật với chương trình xúc tiến du lịch, quảng bá nghệ thuật Việt Nam nói chung và nghệ thuật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nói riêng ra thế giới, như: giao lưu văn hóa tại Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Vương quốc Bỉ, Liên bang Nga,...; biểu diễn giao lưu với kiều bào về thăm quê hương; tổ chức khai hội văn hóa du lịch vào dịp đầu xuân; Festival Diều quốc tế; tổ chức các trại điêu khắc đá, đặt tại các công viên ở đất liền và Côn Đảo..., gắn hoạt động văn hóa, nghệ thuật với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Hiện nay, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 82 trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn; các trung tâm được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách địa phương để xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo, qua đó, phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và nhu cầu sinh hoạt, sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần ngày càng cao của nhân dân...

Trong đấu tranh chống quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật, chống các sản phẩm văn hóa độc hại, gây hủy hoại đạo đức xã hội, ngày 3/9/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Chỉ thị số 31-CT/TU về "Tăng cường quản lý, phòng ngừa, phát hiện và xử lý thông tin, tài liệu có nội dung xấu độc trên địa bàn tỉnh"; mới đây nhất, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 28/7/2021 về "Nâng cao chất lượng hoạt động văn học - nghệ thuật của tỉnh trong tình hình mới"; chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động nghiệp vụ nắm bắt tình hình, đối tượng và các hoạt động văn hóa, văn nghệ; đại bộ phận giới văn nghệ sĩ đều nắm vững và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các tác phẩm nghệ thuật đều bảo đảm định hướng chính trị, có giá trị nghệ thuật và phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước.

Nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế được thực hiện gắn với đẩy mạnh phát triển văn hóa - xã hội, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Từ thực tiễn, đã xuất hiện nhiều cách làm hay, nhiều điển hình tiêu biểu, góp phần đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong lĩnh vực văn hóa.

Đáng chú ý là hiệu quả của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng đi vào chiều sâu. Nhiều địa phương đã duy trì tốt phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn, ấp, khu phố văn hóa, dần khắc phục được tính hình thức trong xét tặng danh hiệu. 100% thôn, ấp, khu phố đều có quy ước cộng đồng nên ý thức tự quản trong cộng đồng dân cư ngày càng cao. Văn hóa nông thôn mới được triển khai thực hiện song song với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Việc thực hiện quy định, quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội được triển khai nghiêm túc.

Công tác quản lý lễ hội có nhiều tiến bộ. Các lễ hội được diễn ra trên cơ sở bảo đảm nghi thức trang trọng, góp phần bảo tồn, tôn tạo nhiều giá trị văn hóa dân tộc; môi trường cảnh quan được bảo đảm; kỷ cương, pháp luật được thực hiện nghiêm; tình làng, nghĩa xóm tiếp tục được giữ gìn và phát huy.

Song song với việc tăng cường các hoạt động văn hóa, giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống trong các tầng lớp nhân dân, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đẩy mạnh việc thực hiện đầu tư cho thể dục - thể thao, nâng cao thể chất người Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến nay, số người dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ gần 40%, số gia đình tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ gần 64%. Người dân rèn luyện sức khỏe gia tăng đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong toàn tỉnh.

Đặc biệt, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc cấp tỉnh và các cấp triển khai 12 mục tiêu phát triển con người cả về thể chất lẫn tinh thần; tạo dựng môi trường sống lành mạnh, an toàn, thân thiện; chăm lo nhà ở, nhất là nhà ở cho người nghèo, các gia đình chính sách; nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, tạo không gian văn hóa lành mạnh cho người dân; phát triển các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao trong nhà trường và trên địa bàn dân cư. Văn hóa đọc được quan tâm, phong trào đọc sách được phát động trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là trong thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên, góp phần nâng cao dân trí, phát triển tư duy, khả năng sáng tạo, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, hình thành lối sống lành mạnh trên địa bàn toàn tỉnh.

Các giá trị văn hóa trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng được phát huy. Hoạt động giao lưu văn hóa hằng năm trong các tổ chức tôn giáo được duy trì thường xuyên, góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa đồng bào tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Những việc làm thiết thực hướng về cội nguồn, đền ơn

đáp nghĩa, từ thiện, nhân đạo, giúp đỡ người hoạn nạn, giảm nghèo bền vững, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập,... đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, góp phần phát triển văn hóa - xã hội.

Bên cạnh đó, việc xây dựng văn hóa chính trị, văn hóa kinh tế cũng được tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quan tâm. Tỉnh phát động xây dựng môi trường văn hóa trong doanh nghiệp. Hằng năm thực hiện việc đăng ký, bình xét “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” trên địa bàn tỉnh. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử văn hóa cho đội ngũ quản lý, nhân viên; xây dựng thương hiệu có uy tín để quảng bá đến các thị trường trong nước, khu vực và quốc tế... Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa của tỉnh được quan tâm xây dựng theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, phát huy vai trò của các cơ quan giám sát, thanh tra, kiểm tra để ngăn ngừa và xử lý kịp thời các sai phạm.

Qua 35 năm đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị về văn hóa; xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực, là sức mạnh nội sinh phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội XIII của Đảng xác định: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới”¹.

Có thể nói, hoạt động văn hóa đã và đang là động lực, là tiềm năng phát triển của tỉnh trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Khai thác được giá trị của văn hóa sẽ góp phần vào việc phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu toàn diện trong thời gian tới. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong lĩnh vực văn hóa vẫn còn những hạn chế, rút kinh nghiệm để có giải pháp khắc phục, hướng tới mục tiêu chung xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Để thực hiện tốt hơn nữa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác văn hóa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xin nêu một số bài học kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất, xác định công tác tuyên truyền, học tập nghị quyết, kết luận, chỉ thị về văn hóa là công tác quan trọng đầu tiên, trước hết là để mỗi cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực sự hiểu, nắm bắt được nội dung cốt lõi, cơ bản, yêu cầu đặt ra của vấn đề; từ đó thấm thấu vào tư tưởng, nhận thức, làm chuyển biến hành động của mỗi người.

Thứ hai, xác định công tác văn hóa là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, có tính chất đặc thù (vừa hữu hình, vừa vô hình), do đó phải có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của các cấp ủy đảng, chính quyền, cũng như sự phối hợp giữa các ngành, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cùng sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân vào hoạt động văn hóa, nghệ thuật để văn hóa tạo động

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.145.

lực phát triển. Trong đó, sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền là yếu tố quyết định hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực này.

Thứ ba, công tác cán bộ có ý nghĩa then chốt trong hoạt động văn hóa, việc lựa chọn lãnh đạo, người đứng đầu rất quan trọng, nhất là các chức danh chủ chốt trong các cơ quan làm công tác văn hóa, các hội, chi hội chuyên ngành,... Phẩm chất, năng lực của các hội viên, văn nghệ sĩ cũng hết sức quan trọng. Cần tổ chức thường xuyên các buổi tập huấn, cuộc thi sáng tác, trại sáng tác, thực tế sáng tác để tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ có nhiều tác phẩm chất lượng cao, gắn bó với đời sống, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của đất nước và địa phương. Thường xuyên nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa; rà soát, bổ sung quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu trong lĩnh vực văn hóa.

Thứ tư, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa phải phát huy có hiệu quả, đồng thời thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở trong việc triển khai thực hiện các phong trào. Đưa nội dung các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực văn hóa vào quy ước, hương ước của thôn, ấp, khu phố văn hóa, vào phong trào xây dựng gia đình văn hóa với các phong trào khác, hình thành phong trào thi đua chung của toàn xã hội, để từng thôn, ấp, khu phố, mỗi hộ gia đình, mỗi cá nhân cùng tham gia, tạo nên sức mạnh tập thể để đẩy mạnh thực hiện phát triển văn hóa.

Thứ năm, ưu tiên đầu tư nguồn lực cho việc bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế với phát huy bản sắc văn hóa của địa phương. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa và phát triển con người. Hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết để biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích, đồng thời nhân rộng những mô hình tiêu biểu, những cách làm hay để phổ biến, rút kinh nghiệm,... Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” nhằm huy động sức mạnh của toàn dân trong xây dựng, phát huy và phát triển văn hóa.

Xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được Đảng và nhân dân ta xác định là một trong những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Việt Nam đi từ chủ nghĩa yêu nước, là văn hóa, trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghĩa là văn hóa tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới ngọn cờ của Đảng. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Lấy văn hóa soi đường cho quốc dân đi”¹. Văn hóa có liên lạc với chính trị rất là mật thiết. Phải làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

Đồng thời, văn hóa phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích mình. Với xã hội, văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu cái nhiệm vụ của mình và biết hưởng cái hạnh phúc của mình nên được hưởng.

Lời dạy của Người cho đến nay vẫn là kim chỉ nam trong việc xây dựng và phát triển văn hóa. Phát triển nền văn hóa dân tộc tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và xây dựng con người Việt Nam là nhiệm vụ không chỉ trong một thời gian, một thời kỳ mà là hằng ngày, hằng giờ, từng thời khắc và mãi mãi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, 1998.
- [2] Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.
- [3] Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
- [4] Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu: Báo cáo số 168-BC/TU ngày 23/9/2013 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- [5] Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu: Báo cáo số 291-BC/TU ngày 29/8/2018 về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.
- [6] Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu: Báo cáo số 387-BC/TU ngày 29/5/2019 về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
- [7] Nhị Lê: “Kỳ vọng về Hội nghị Văn hóa toàn quốc”, Báo điện tử *Tổ quốc*, ngày 6/10/2021.
- [8] Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 về phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
- [9] <http://sovhtt.baria-vungtau.gov.vn>.
- [10] http://sovhtt.baria-vungtau.gov.vn/di-tich-lich-su-van-hoa-brvt/-/asset_publisher/content/danh-muc-di-tich-lich-su-van-hoa-va-danh-lam-thang-canh-duoc-xep-hang-tren-dia-ban-tinh-ba-ria-vung-tau.
- [11] <https://thethaovanhoa.vn/van-hoa/mot-van-kien-van-hoa-quan-trong-chua-tim-thay>.

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TÂY NINH

TỈNH ỦY TÂY NINH

Tây Ninh là tỉnh nằm ở miền Đông Nam Bộ, phía đông giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, phía tây và phía bắc giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài 240 km, có 3 cửa khẩu quốc tế (*Mộc Bài, Xa Mát, Tân Nam*); 3 cửa khẩu quốc gia (*Kà Tum, Chàng Riệc, Phước Tân*) và 10 cửa khẩu phụ giao thương với Vương quốc Campuchia.

Nằm ở vị trí tiếp giáp với các địa phương có nền kinh tế phát triển nhanh, năng động như Thành phố Hồ Chí Minh - đầu tàu kinh tế phía nam, Tây Ninh được xem là một tỉnh giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía nam, là cửa ngõ giao thông đường bộ quan trọng với Campuchia và các nước ASEAN; không chỉ là một đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa, dịch vụ, du lịch, thương mại giữa các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông, mà còn ở một vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh. Tây Ninh ngày nay là vùng đất địa linh, giàu tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, nhất là tiềm năng về du lịch với nhiều điểm tham quan, hoạt động lễ hội văn hóa đa dạng như: di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam; di tích lịch sử văn hóa - danh thắng núi Bà Đen (Khu Du lịch quốc gia núi Bà Đen); Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát; hồ Dầu Tiếng; Tòa Thánh Cao Đài; Lễ hội Xuân núi Bà; Lễ hội làng nghề làm bánh tráng phơi sương Trảng Bàng; Lễ hội của đạo Cao Đài... Cùng với đó, văn hóa cũng luôn được quan tâm, chăm lo phát triển, coi văn hóa là một mặt trận quan trọng trên lĩnh vực tư tưởng, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và phát triển của địa phương.

Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, nhất là từ khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con

người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Tỉnh ủy Tây Ninh đã tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, quán triệt, tổ chức thực hiện sớm đưa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng liên quan đến lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật vào cuộc sống; đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ý nghĩa các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh đã góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, xây dựng con người phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, xây dựng ý thức phòng, chống văn hóa ngoại lai không phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam, tạo sự đồng thuận trong xã hội, xem văn hóa là hạt nhân xây dựng đạo đức, lối sống và phát triển toàn diện nhân cách con người.

Những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh luôn coi trọng nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người; trong đó, chú trọng việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Văn hóa đang trở thành nhiệm vụ trung tâm trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ở từng địa phương, Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 18/8/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định: việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Tập trung xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, mà nội dung quan trọng là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (các khóa XI, XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Văn hóa, đạo đức và lối sống lành mạnh được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, đoàn viên, hội viên. Sự gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên là yêu cầu quan trọng để giữ vững, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Trong triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng nói chung và nghị quyết, chỉ thị liên quan đến văn hóa nói riêng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh đã chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp nghiêm túc triển khai thực hiện công tác giáo dục đạo đức, lối sống, thẩm mỹ, ứng xử văn hóa và những nội dung về Đề án Văn hóa công vụ của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, ngành Giáo dục và Đào tạo đã tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên; phối hợp triển khai có hiệu quả các mô hình về xây dựng xã hội học tập, như: Gia đình học tập, Dòng họ học tập, Cộng đồng học tập và Đơn vị học tập. Nhiều hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho thanh, thiếu niên, nâng cao nhận thức, giữ gìn nét đẹp văn hóa truyền

thống của dân tộc, ngăn chặn, bài trừ các sản phẩm độc hại trong văn hóa. Tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có những chuyển biến tích cực, quan trọng. Các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được đề cao, kế thừa, phát triển; đồng thời nhiều giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức mới từng bước được hình thành phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập quốc tế. Tính năng động và tích cực của mỗi người dân, doanh nghiệp ở Tây Ninh được phát huy, sở trường và năng lực sáng tạo cá nhân được khuyến khích. Không khí dân chủ trong xã hội ngày càng được mở rộng và phát triển. Đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây được đề cao; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, hướng về cội nguồn, tưởng nhớ các Anh hùng dân tộc... là những hoạt động văn hóa tốt đẹp thường xuyên được triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, với tinh thần “tương thân, tương ái”, là truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta, đã xuất hiện nhiều tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong từng cộng đồng dân cư có tấm lòng hảo tâm, nghĩa cử cao đẹp, chung tay ủng hộ, đồng hành cùng chính quyền chống đại dịch COVID-19, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm sức khỏe, ổn định cuộc sống cho người dân.

Công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các tầng lớp nhân dân đối với việc giữ gìn, phát huy các giá trị đạo đức, lối sống, cách cư xử tốt đẹp trong gia đình Việt Nam theo phương châm “No ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Qua đó, từng thành viên của mỗi hộ gia đình đã nhận thức rõ hơn việc giữ gìn hạnh phúc và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, góp phần kéo giảm tình trạng bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh.

Cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh thường xuyên chú trọng đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, gương mẫu, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, có ý thức tôn trọng pháp luật, dân chủ. Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành nội quy, quy chế, thực hiện các tiêu chí xây dựng nếp sống văn minh nơi công sở, quy định nghề nghiệp, chuẩn mực đạo đức ở các cơ quan hành chính nhà nước được triển khai nghiêm túc, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong tỉnh.

Các giá trị văn hóa trên địa bàn tỉnh ngày càng thể hiện rõ hơn, đã tác động tích cực đến các lĩnh vực đời sống xã hội, góp phần vào công cuộc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và xây dựng con người, làm động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, nhất là Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh được phát triển và ảnh hưởng tích cực đến đời sống văn hóa, tính đến năm

2020 đã có trên 86,14% số hộ được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa, 98,70% ấp, khu phố được công nhận danh hiệu Ấp, khu phố văn hóa, 95% cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu Đơn vị văn hóa; 36/71 xã được công nhận Xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới, 06/17 phường, thị trấn đạt danh hiệu Phường, thị trấn văn minh đô thị, 368/368 cơ sở Tín ngưỡng - Tôn giáo đạt danh hiệu Cơ sở Tín ngưỡng - Tôn giáo văn minh, 45/71 xã đạt chuẩn nông thôn mới và thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, tỷ lệ người dân thường xuyên tập thể dục, thể thao chiếm 33% dân số của tỉnh.

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể được chú trọng, tính đến tháng 6/2021 toàn tỉnh có 95 di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh được xếp hạng (gồm 1 di tích quốc gia đặc biệt, 26 di tích cấp quốc gia và 68 di tích cấp tỉnh) là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa của dân tộc, là địa chỉ đỏ để giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ, hằng năm các di tích trên địa bàn tỉnh đã đón hàng trăm đoàn, với hàng triệu lượt du khách đến tham quan, nghiên cứu, học tập... Tỉnh hiện có 1 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, đó là nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ; 5 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể của quốc gia (Lễ hội Kỳ yên đình Gia Lộc; nghệ thuật trình diễn dân gian múa trống Chhay-Dăm (của đồng bào dân tộc Khmer); nghề thủ công truyền thống, nghề làm bánh tráng phơi sương Trảng Bàng; Lễ vía bà Linh Sơn Thánh Mẫu - Núi Bà Đen; Lễ hội Quan lớn Trà Vong). Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh trong nhân dân được quan tâm.

Các thiết chế văn hóa được quy hoạch và đầu tư xây dựng, là nơi để tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, sinh hoạt, giáo dục cộng đồng; các trung tâm, nhà văn hóa được hỗ trợ kinh phí, bố trí nhân sự, tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, trang cấp thiết bị, nhạc cụ... duy trì hoạt động thường xuyên. Kết quả, toàn tỉnh có 421 thiết chế (Trung tâm Văn hóa, Nghệ thuật tỉnh; Bảo tàng tỉnh; Thư viện tỉnh; Trung tâm Sinh hoạt thanh thiếu niên tỉnh; 9 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Sinh hoạt thanh thiếu niên huyện Tân Biên; 94 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn; 301 nhà văn hóa ấp, liên ấp và 12 nhà văn hóa dân tộc). Đồng thời, trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Tây Ninh cũng đã đề ra nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết về nâng cao chất lượng, hiệu quả các thiết chế văn hóa ở cơ sở trên địa bàn tỉnh và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các danh hiệu văn hóa trong quý I năm 2022. Hoạt động xã hội hóa về văn hóa từng bước được hình thành và mở rộng, tỉnh đã xây dựng và ban hành nhiều chính sách, góp phần định hướng, tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa theo hướng tiên tiến, đậm

đà bản sắc dân tộc; đến nay đã có trên 200 câu lạc bộ, đội, nhóm sinh hoạt văn hóa trong công đồng dân cư, nổi bật là đờn ca tài tử; nhiều cá nhân đã đầu tư hàng chục tỷ đồng để xây dựng khu vui chơi, giải trí, điếm hát vói nhau, sân tập luyện thể thao, phòng tập thể hình, phòng thu âm nhạc...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, củng cố tổ chức bộ máy của văn hóa, văn học, nghệ thuật được quan tâm, chất lượng nguồn nhân lực từng bước được cải thiện, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ làm công tác văn hóa cấp tỉnh, huyện đã được chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; tập trung nâng cao chất lượng của cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở.

Trên lĩnh vực văn học nghệ thuật, Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp kịp thời định hướng tư tưởng, chính trị cho đội ngũ văn nghệ sĩ trước những vấn đề phức tạp, nhạy cảm; động viên, tổ chức cho văn nghệ sĩ tích cực đấu tranh chống các biểu hiện sai trái, lệch lạc trong văn học, nghệ thuật. Hoạt động sáng tác diễn ra sôi nổi, quyền tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ luôn được bảo đảm. Đội ngũ sáng tạo văn học nghệ thuật của tỉnh đã có những bước phát triển cả về số lượng và chất lượng (có 319 hội viên, trong đó có 48 hội viên các hội chuyên ngành Trung ương). Các hoạt động sáng tác của văn nghệ sĩ luôn bám sát thực tiễn đời sống xã hội, chất lượng các tác phẩm văn học, nghệ thuật ngày càng được nâng cao, nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật có chất lượng tốt hướng vào các đề tài lịch sử, cách mạng và phản ánh sự sôi động, đa chiều, những tấm gương sáng của công cuộc đổi mới, đề tài cho thanh niên, thiếu niên, đồng bào các dân tộc thiểu số được quan tâm; việc phổ biến, quảng bá tác phẩm văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; từng bước đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân. Đặc biệt, hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức gặp gỡ giới văn nghệ sĩ, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những kiến nghị, đề xuất của văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hóa, văn nghệ; chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho Giải thưởng văn học, nghệ thuật Xuân Hồng tỉnh Tây Ninh phát triển, duy trì tốt việc trao giải thưởng năm năm một lần cho đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh.

Hoạt động bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn, phục dựng và lưu giữ di sản văn hóa gắn với khai thác các loại hình du lịch lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch văn hóa, sinh thái... cũng được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện, ngoài việc tổ chức hội thảo quốc tế, kêu gọi các nhà đầu tư từ các vùng miền trong cả nước và nước ngoài, thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư đúng theo quy định của Chính phủ, tỉnh đã mời được các nhà đầu tư chiến lược: Tập đoàn SunGroup đầu tư vào Khu Du lịch quốc gia núi Bà Đen - xây dựng tuyến cáp treo lên đỉnh núi được Guinness World Records công nhận kỷ lục "Nhà ga cáp treo lớn nhất thế giới" cho Ga Bà Đen; Tập đoàn Vingroup đầu tư Trung tâm thương mại - shophouse và khách sạn 5 sao Vincom,... Đồng thời, tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, nội dung công tác xúc tiến du lịch, quảng bá du lịch

thông qua việc liên kết, tổ chức các lễ hội, giải thi đấu thể thao, các sự kiện văn hóa, từ đó đã tạo hiệu ứng rất tốt việc quảng bá, giới thiệu hình ảnh con người, vùng đất Tây Ninh. Trong đó nổi bật, với các lễ hội, giải thể thao như: Lễ hội Kỷ niệm 180 năm Tây Ninh hình thành và phát triển (1836 - 2016); Lễ hội Chiến thắng Tua Hai (26/01/1960); Hội thề rừng Rong - An Tịnh, Trảng Bàng; Lễ hội truyền thống Kim Quang - Hòa Thành; Lễ hội Xuân núi Bà Tây Ninh; Lễ vía bà Linh Sơn Thánh Mẫu - Núi Bà Đen; Lễ hội tôn giáo của Đạo Cao Đài: Lễ vía Đức Chí Tôn, Lễ hội Yến Diêu Trì Cung; Giải bóng chuyền nữ quốc tế cúp VTV9 - Bình Điền Long An; Giải bóng chuyền vô địch Quốc gia PV Gas vòng II, bảng A và Chung kết nữ, xếp hạng nam (năm 2017); tổ chức Ngày Tây Ninh tại Hà Nội (năm 2017, 2019); Lễ hội làng nghề làm bánh tráng phơi sương Trảng Bàng (năm 2016, 2018, 2021),... đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân trong tỉnh và du khách mọi miền đất nước, khách quốc tế đến với Tây Ninh.

Công tác quản lý và tổ chức lễ hội được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo theo quy định của pháp luật, nhiều lễ hội truyền thống cách mạng, lễ hội dân gian, lễ hội tôn giáo được duy trì tổ chức thường xuyên hàng năm (6 lễ hội truyền thống cách mạng, 22 lễ hội dân gian, 9 lễ hội tôn giáo) và có trên 30 lễ hội thuộc các thể loại khác như tín ngưỡng, lễ tế,... với quy mô tổ chức và tính chất khác nhau được diễn ra rải rác trong năm. Đồng thời, tỉnh đã chỉ đạo, tổ chức lễ hội, tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống bảo đảm trang trọng, tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, không phô trương, hình thức, lãng phí; phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.

Tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo các ngành, các cấp xây dựng quy chế phối hợp trong công tác nghiệp vụ, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành trong khối văn hóa, tư tưởng, thông tin, giáo dục, công an, quản lý thị trường... kịp thời tham mưu, ban hành các văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí trên địa bàn tỉnh; thành lập đội kiểm tra liên ngành Văn hóa xã hội các cấp, thường xuyên tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất các hoạt động văn hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa; phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm liên quan đến mua bán, tàng trữ, lưu hành sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội, hoạt động dịch vụ văn hóa có yếu tố độc hại không phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa dân tộc Việt Nam, góp phần kiểm soát, ngăn chặn, bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại trên địa bàn tỉnh, nhất là phối hợp đấu tranh, kiểm soát các sản phẩm văn hóa độc hại tại các khu vực thành thị và các sản phẩm độc hại thâm nhập tỉnh và tán phát qua các cửa khẩu, các xã biên giới.

Chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ động nắm tình hình, phát hiện sớm hoạt động chống phá của các đối tượng để phối hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị; kịp thời nhận diện những phương thức, thủ đoạn mới; phát hiện các trang web, blog, "diễn đàn" thường xuyên đăng tải

những nội dung xấu, thù địch tuyên truyền chống phá, nhằm làm mất uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước, bôi nhọ uy tín, hình ảnh lãnh tụ và phủ nhận vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người với sự nghiệp cách mạng của Việt Nam trên không gian mạng. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn, định hướng lực lượng cộng tác viên dư luận xã hội và tăng cường công tác tuyên truyền các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các cuộc thông tin thời sự, chuyên đề về tất cả các lĩnh vực... giúp cho cán bộ, đảng viên nắm vững các quan điểm của Đảng, nhân dân hiểu rõ các quy định của pháp luật, nhận thức đúng đắn, toàn diện, nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, góp phần ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đến nay, Tây Ninh đã xây dựng được hơn 250 diễn đàn Facebook công khai từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn hơn 25.000 thành viên; trên 800 nhóm Zalo, Mocha35, Fanpage cá nhân có gần 15.000 thành viên; xây dựng mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn với hơn 20 ngàn thành viên. Ngoài ra, thành viên nhóm chuyên gia Ban Chỉ đạo 35-16 tỉnh đã kết nối với một số trang, nhóm Facebook do người dân quản lý có lượng tương tác lớn để đăng tải nội dung tuyên truyền, kịp thời giới thiệu, quảng bá trong mỗi năm với hàng ngàn bài viết và hàng triệu hình ảnh, tư liệu về con người, quê hương Tây Ninh, về gương người tốt, việc tốt... với phương châm “lấy cái đẹp, dẹp cái xấu”.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về văn hóa cũng còn gặp một số khó khăn, hạn chế. Mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế làm xuất hiện tâm lý sùng ngoại, thực dụng và cá nhân cực đoan, phai nhạt giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Công tác tuyên truyền vận động, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng liên quan đến văn hóa, văn học nghệ thuật chưa thường xuyên, liên tục, có nơi còn mang tính rập khuôn, hình thức. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận ở một số cấp ủy chưa thường xuyên. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa ở một số địa phương chưa chặt chẽ, có việc còn lúng túng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho văn hóa chưa được quan tâm đúng mức. Việc xây dựng, phát triển toàn diện con người và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, ở một số mặt kết quả còn hạn chế, chưa vững chắc, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp. Số lượng tác phẩm văn học, nghệ thuật ngày càng nhiều, song ít tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Hệ thống thiết chế văn hóa hiện có tại một số địa phương, cơ sở có nơi thiếu kinh phí, hiệu quả hoạt động chưa cao. Một số di tích lịch sử - văn hóa xuống cấp nhưng chậm được trùng tu, tôn tạo. Việc xét công nhân danh hiệu Gia đình văn hóa, Ấp, khu phố văn hóa có nơi, có lúc chưa đúng thực chất, còn biểu hiện chạy theo chỉ tiêu, thành tích.

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, tập trung tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm về văn hóa trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đề ra là: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí phấn đấu vươn lên phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...”¹; trong thời gian tới, Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là các cơ quan chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về văn hóa, văn học và nghệ thuật² cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong tổ chức thực hiện. Chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận trên lĩnh vực văn hóa cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa trong đổi mới và phát triển bền vững. Đổi mới tư duy lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về phát triển văn hóa, xây dựng con người. Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong lãnh đạo phát triển sự nghiệp văn hóa gắn với giáo dục, đấu tranh, ngăn chặn những suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống³ trong cán bộ, đảng viên; xác định phát triển văn hóa, xây dựng con người phải được chú trọng tương xứng, hài hòa với phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, đổi mới việc giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng trong xã hội; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức thức trong cộng đồng về vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa theo hướng thiết thực, hiệu quả, tôn trọng đối thoại, phản biện xã hội. Tiếp tục nâng cao chất lượng các cuộc vận động trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Nâng cao chất lượng xây dựng gia đình văn hóa; ấp, khu phố văn hóa;

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.54.

2. Nghị quyết số 33-NQ/TW gắn với thực hiện Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 18/8/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 5/10/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”; Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; triển khai kịp thời Nghị quyết của Tỉnh ủy về “Nâng cao chất lượng, hiệu quả các thiết chế văn hóa ở cơ sở trên địa bàn tỉnh và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các danh hiệu văn hóa”...

3. Nghị quyết Trung ương 4 (các khóa XII, XIII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

xã văn hóa nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh đô thị; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa... Phát huy và đề cao sự nêu gương của người lớn trong gia đình và xã hội để thế hệ trẻ học tập và noi theo. Vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; nâng cao ý thức chấp hành luật pháp, bảo vệ môi trường; việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

Ba là, tập trung đổi mới, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy nhanh việc cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. rà soát và bổ sung nội dung cho phù hợp các quy hoạch, đề án, chương trình... về văn hóa đã được ban hành và cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện hàng năm. Đổi mới tư duy quản lý văn hóa dựa trên tư tưởng về quyền văn hóa và tinh thần xây dựng hệ thống hành chính công hiện đại; đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa, các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa. Tập trung chỉ đạo, xây dựng đội kiểm tra liên ngành Văn hóa - xã hội các cấp đủ mạnh, đi vào hoạt động đúng thực chất.

Bốn là, xây dựng hình mẫu người cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, đạo đức công vụ trong sáng, có kỷ luật, gương mẫu, năng động, giỏi chuyên môn, làm việc khoa học, hết lòng phục vụ nhân dân; phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là của người đứng đầu trong thực hiện các chủ trương, phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ quan, đơn vị và nơi cư trú; có thái độ ứng xử chuẩn mực, văn hóa; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Văn hóa công vụ của Thủ tướng Chính phủ.

Năm là, tổ chức đa dạng các loại hình hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiếp tục tổ chức các lễ hội, giải đấu thể thao, các sự kiện văn hóa để quảng bá, giới thiệu về con người, quê hương Tây Ninh, nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, hoạt động thể thao của nhân dân ngày càng cao và quảng bá, giới thiệu về con người, vùng đất du lịch Tây Ninh. Tăng cường công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa theo hướng tập trung đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Ưu tiên đầu tư ngân sách cho xây dựng các thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa, thể thao theo tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh đô thị.

Sáu là, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và các hoạt động an sinh xã hội. Chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống, giáo dục truyền thống cách mạng, lịch sử địa phương và ngăn ngừa tệ nạn xã hội, bạo lực học đường xâm nhập vào nhà trường, để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Bảy là, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa cho các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, đặc biệt là chú trọng năng lực xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn. Từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ văn hóa thông qua quá trình tiêu chuẩn hóa, tuyển chọn và bồi dưỡng cán bộ. Chú ý phát hiện và bồi dưỡng các tài năng trong lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động báo chí, thông tin, truyền thanh, văn học, nghệ thuật, văn hóa tôn giáo và tín ngưỡng tôn giáo phát triển.

Tám là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, vận động quần chúng tích cực tham gia các cuộc vận động; làm tốt chức năng giám sát, phản biện về các hoạt động văn hóa; kịp thời phát hiện, khen thưởng, nhân rộng điển hình các tổ chức, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp cho phát triển văn hóa.

Phát huy những thành tựu đạt được; trên tinh thần đoàn kết, khát vọng vươn lên mạnh mẽ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học, nghệ thuật phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn. Chủ động và thích ứng với sự phát triển của công nghệ thông tin trong việc phát triển văn hóa, xây dựng con người; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động và quản lý hệ thống truyền thông đại chúng, các phương tiện truyền thông mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về văn hóa, văn học, nghệ thuật của nhân dân. Giải quyết hợp lý, hài hòa, bền vững giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa mang đậm nét đặc trưng của văn hóa vùng đất Đông Nam Bộ với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu trở thành những di sản có chất lượng, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển du lịch, góp phần quảng bá hình ảnh Tây Ninh; phấn đấu thu hút khách du lịch đến với Tây Ninh đạt 4 triệu lượt khách/năm, đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hướng đến năm 2030, du lịch Tây Ninh sẽ thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần xây dựng và phát triển quê hương Tây Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI ĐỒNG BỘ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ, LÀM NỀN TẢNG CHO THÀNH PHỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc Trung ương, được xếp loại là đô thị đặc biệt của Việt Nam, giữ vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước, được xem là trung tâm về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, có sức thu hút và lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đảng bộ và nhân dân Thành phố luôn phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, phấn đấu bền bỉ, đoàn kết, năng động, sáng tạo, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

Thực hiện công cuộc “đổi mới” của Đảng; với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, Thành phố Hồ Chí Minh luôn giữ vững vị trí là đầu tàu kinh tế cả nước, đồng thời là nơi tiếp thu và sáng tạo văn học, nghệ thuật có chọn lọc, con người Thành phố luôn năng động mang đặc trưng của văn hóa Việt Nam, nhưng vẫn giữ nét văn hóa riêng của từng cộng đồng người nơi đây. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển với những khó khăn, thách thức của những năm đầu giải phóng, của “đêm trước đổi mới” và mới đây nhất thành phố vừa trải qua đại dịch COVID-19, nhưng Đảng bộ và nhân dân Thành phố luôn nỗ lực vượt qua khó khăn đưa kinh tế - văn hóa - xã hội của Thành phố tiếp tục phát triển.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đặt ra mục tiêu “Đẩy mạnh phát triển văn hóa, tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, xây dựng gia đình hạnh phúc, vì cả nước, cùng cả nước, vì hạnh phúc của nhân dân” và nhiệm vụ trọng tâm là “Phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, làm nền tảng cho Thành phố phát triển bền vững.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là mục tiêu, nền tảng xã hội cho Thành phố phát triển nhanh và bền vững”.

Với nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí của văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, Ban Thường vụ Thành ủy đã tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với xây dựng văn hóa, xây dựng con người, gắn với nhiệm vụ xây dựng Đảng, góp phần xây dựng Thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình. Những thành tựu đạt được cụ thể như sau:

Nâng cao hiệu quả xây dựng và phát triển môi trường văn hóa

Trong nhiều năm qua, Thành phố đã tập trung xây dựng môi trường văn hóa trong từng gia đình, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng xã hội theo các tiêu chí văn minh - sạch đẹp - an toàn, kết hợp với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; cải cách hành chính, loại bỏ những thủ tục gây phiền hà cho nhân dân, xây dựng tác phong công nghiệp, văn minh, lịch sự trong giao tiếp ứng xử, phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời tăng cường thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, lấy hiệu quả phục vụ nhân dân để đánh giá chất lượng cán bộ.

Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được đầu tư, chú trọng, huy động cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đa dạng, phong phú. Ban Thường vụ Thành ủy đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt nhiều kết quả tích cực. Nhiều mô hình mới, cách làm hay được nhân rộng, cổ vũ và huy động các nguồn lực trong nhân dân xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa ở cơ sở, hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no, bình đẳng.

Các thiết chế văn hóa trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở tiếp tục được phát huy. Hệ thống thư viện, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa phát triển khá đồng bộ ở Thành phố và quận, huyện, phường, xã, thị trấn với nhiều loại hình hoạt động, câu lạc bộ, đội, nhóm, các lớp năng khiếu.

Hoạt động văn hóa, lễ hội diễn ra phong phú, đa dạng. Nhiều chương trình nghệ thuật quy mô, chất lượng được đầu tư dàn dựng, vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị, vừa đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của công chúng; nhiều sự kiện văn hóa, lễ hội lớn thu hút sự quan tâm của công chúng trong nước và du khách quốc tế như: Giỗ tổ Hùng Vương, Hội sách Thành phố, Đường hoa - Đường sách Nguyễn Huệ, Hội Hoa xuân Tao Đàn, Lễ hội Nghinh Ông Cần Giò, Lễ hội Nguyên tiêu Quận 5,... góp phần quảng bá, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, có tác dụng định hướng và nâng cao thị hiếu thẩm mỹ cho công chúng.

Xây dựng môi trường văn hóa trong cơ quan, đơn vị

Ban Thường vụ Thành ủy lãnh đạo tập trung xây dựng văn hóa trong tổ chức đảng, trong các cơ quan, đơn vị bằng việc định hướng tuyên truyền, giáo dục, học

tập chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, chú trọng xây dựng nền nếp làm việc khoa học, có kỷ cương và dân chủ.

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để đây trở thành nếp sinh hoạt thường xuyên của tổ chức đảng và đảng viên, tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong toàn Đảng bộ Thành phố theo phương châm “Tích cực học tập, nỗ lực làm theo”. Tuyên truyền, vận động đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và làm theo 6 phẩm chất mà Bác Hồ đã dạy: “Cần - Kiệm - Liêm - Chính, Chí công - Vô tư” gắn với thực hiện nhiệm vụ “nhanh chóng, chuẩn xác, hiệu quả” trong đội ngũ cán bộ, công chức.

Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp quan tâm bồi dưỡng, giáo dục về chủ nghĩa xã hội, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên. Nhiều phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động được tổ chức rộng khắp từ Thành phố đến cơ sở; với sự tham gia tích cực của cán bộ, đảng viên, đã cổ vũ, động viên nhân dân vượt qua khó khăn, thách thức, tạo động lực góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Qua các phong trào, các cuộc vận động đã xuất hiện nhiều gương sáng đảng viên, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, trong mọi tầng lớp, lứa tuổi được tôn vinh, nhân rộng.

Xây dựng môi trường văn hóa trong doanh nghiệp và doanh nhân

Thành phố luôn tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ uy tín, cạnh tranh lành mạnh; tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình dịch vụ văn hóa phát triển, hình thành đơn vị văn hóa, doanh nghiệp văn hóa¹. Xây dựng mối quan hệ gắn kết tốt giữa các đơn vị, doanh nghiệp với địa phương,

1. Công tác vận động và xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa luôn gắn với việc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, dịch vụ; thực hiện nếp sống văn minh, môi trường văn hóa; bảo đảm vệ sinh môi trường, giữ gìn an ninh, trật tự; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Hầu hết các đơn vị đạt chuẩn văn hóa đều thực hiện tốt các nội dung quy định về tiêu chuẩn văn hóa như: giúp nhau phát triển kinh tế, chăm lo người nghèo, đồng bào bị thiên tai, hoạn nạn, giới thiệu giải quyết việc làm; chăm lo các đối tượng chính sách, người cao tuổi, người già neo đơn; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, giám sát việc thực hiện cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, xây dựng chính quyền; thực hiện tốt chương trình mục tiêu “3 giảm”, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong thời kỳ mới”; xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn minh, sạch đẹp, chăm lo sự nghiệp giáo dục, chăm sóc sức khỏe ban đầu...

tạo nguồn lực thực hiện các phong trào như: đền ơn đáp nghĩa; giảm nghèo bền vững; trao tặng nhà tình nghĩa, tình thương; ủng hộ học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học, tham gia hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao tại địa phương.

Bên cạnh đó, tăng cường tuyên truyền về vị trí, vai trò, quyền và nghĩa vụ của doanh nhân theo tinh thần Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/12/2011 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”. Qua đó, nâng cao ý thức và tinh thần dân tộc, động viên các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu, sản phẩm đặc trưng có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Triển khai chương trình kích cầu tiêu dùng, tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm uy tín, chất lượng tiếp cận người tiêu dùng, đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng bán hàng, xây dựng tác phong kinh doanh mới cho thương nhân tại các chợ, góp phần xây dựng chợ văn minh thương nghiệp. Định kỳ gặp gỡ giữa lãnh đạo các sở, ngành với các doanh nghiệp, các hội nghề nghiệp Thành phố để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý và cập nhật thông tin tình hình hoạt động của doanh nghiệp Thành phố.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hội tụ dân cư của nhiều vùng, miền trong cả nước, nơi tiếp nhận, lan tỏa các giá trị văn hóa các dân tộc, làm nên nét độc đáo của văn hóa Thành phố: đa dạng, năng động và giàu sức sống.

Thành phố thường xuyên có kế hoạch bảo tồn và phát huy tốt các giá trị văn hóa trong cộng đồng các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn. Huy động sức mạnh của toàn xã hội trong việc bảo vệ, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; tôn tạo các di tích văn hóa, các danh lam thắng cảnh nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, nét đẹp văn hóa đến với nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế.

Phát huy hiệu quả hoạt động của các cơ quan báo, đài Trung ương trên địa bàn Thành phố và các cơ quan truyền thông của Thành phố nhằm tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; các cơ quan báo chí, truyền thông luôn đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thành phố trong thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thúc đẩy hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế, văn hóa, xã hội của Thành phố.

Phát triển văn hóa gắn với hoàn thiện thị trường văn hóa

Hoạt động xã hội hóa văn hóa phát triển mạnh, bước đầu hình thành thị trường phát hành ấn phẩm văn học, nghệ thuật; hoạt động tổ chức biểu diễn âm nhạc, sân khấu, múa; công nghệ sản xuất băng đĩa nhạc; sản phẩm điện ảnh, kiến trúc, mỹ thuật, nhiếp ảnh, góp phần quảng bá tác phẩm, phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn học, nghệ thuật của công chúng. Phong trào văn nghệ quần chúng, các câu lạc bộ văn học,

nghệ thuật phát triển góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở ngày càng đa dạng, phong phú.

Thành phố luôn đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa bằng cơ chế, chính sách theo điều kiện đặc thù của Thành phố; tăng cường quản lý thực thi các quy định của pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam, mang nét văn hóa đặc trưng của Thành phố; có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa ở lĩnh vực: công nghiệp nghe nhìn như phim ảnh, băng đĩa nhạc, băng đĩa hình; công nghiệp thời trang như sáng tác, tạo mẫu, trình diễn, sản xuất; xây dựng ngành công nghiệp giải trí hiện đại, có tính nghệ thuật cao. Triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu gồm: công tác tuyên truyền; hoàn thiện cơ chế, chính sách; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực; tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ; thu hút và hỗ trợ đầu tư; phát triển thị trường; mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế. Đồng thời, thực hiện các mục tiêu cụ thể của các ngành liên quan¹.

Chủ động hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Thành phố là trung tâm lớn về văn hóa của cả nước và khu vực, đầu mối giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa, với chính sách mở cửa hội nhập đã góp phần thúc đẩy văn hóa phát triển. Với chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước, sự phối hợp giữa văn hóa với ngoại giao, du lịch, thương mại trong các hoạt động văn hóa luôn được Thành phố quan tâm. Việc giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa đã giúp cho nhân dân Thành phố chủ động hội nhập, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa nhân văn, khoa học, tiến bộ của các nước, đồng thời làm tốt nhiệm vụ quảng bá, tuyên truyền giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Việt Nam, của Thành phố với các nước.

Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại; hỗ trợ quảng bá nghệ thuật và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa đa dạng và mang nét đặc trưng của Thành phố ra nước ngoài; các bảo tàng thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động giao lưu, trao đổi học tập về lĩnh vực di sản văn hóa. Các đơn vị nghệ thuật của Thành phố thực hiện tốt công tác đối ngoại, với các chương trình phục vụ đối ngoại trong và ngoài nước được đánh giá cao.

1. *Ngành điện ảnh*: đầu tư nâng cấp hiện đại hóa các rạp chiếu phim do Thành phố quản lý và tạo điều kiện phát triển các rạp chiếu phim tư nhân nhằm thu hút khán giả xem phim theo tỷ lệ đạt được số lượng vé bán trên đầu người tại Thành phố bảo đảm theo chỉ tiêu đã đề ra; *ngành nghệ thuật biểu diễn*: tập trung dàn dựng và biểu diễn các loại hình hát bội, cải lương, kịch nói và các loại hình nghệ thuật đương đại; *ngành quảng cáo*; *ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm*; *ngành du lịch văn hóa* đều đạt được doanh thu chiếm tỷ trọng cao so với cả nước.

Chú trọng xây dựng con người Thành phố phát triển toàn diện

Xây dựng con người Thành phố với tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội đồng thời mang những nét đặc trưng nhân ái, nghĩa tình là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, cơ bản, lâu dài của Đảng bộ và chính quyền Thành phố; trước hết là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự gương mẫu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Ban Thường vụ Thành ủy tập trung chỉ đạo thực hiện cuộc vận động tu dưỡng đạo đức, xây dựng lối sống lành mạnh trong cán bộ, đảng viên gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về “Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau, góp phần phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, cơ bản, lâu dài của Đảng bộ và chính quyền Thành phố.

Những nét mới trong giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức của người dân Thành phố từng bước được hình thành và phát huy, hướng tới văn minh, hiện đại, tác phong công nghiệp, nếp sống đô thị; tinh thần yêu nước, đoàn kết, năng động, sáng tạo, nghĩa tình và ý chí vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu được phát huy mạnh mẽ. Đặc biệt, đức tính nghĩa tình, nhân ái của người dân Thành phố ngày càng thể hiện rõ nét trong tình hình kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn, nhất là qua đợt bùng phát dịch COVID-19 lần thứ tư vừa qua đã tác động tích cực đến đời sống nhân dân, các gia đình chính sách, hộ nghèo, công nhân, sinh viên; các phong trào, giải pháp bảo đảm an sinh xã hội đã được huy động, nhằm phát huy sức mạnh toàn xã hội trong việc chăm lo đời sống của nhân dân, thể hiện tính nhân văn sâu sắc, góp phần bồi đắp lý tưởng, nhân cách sống, phát huy truyền thống tốt đẹp tương thân, tương ái, nghĩa tình của nhân dân Thành phố.

Nâng cao và đa dạng hóa đời sống văn hóa, nghệ thuật

Phương thức lãnh đạo của Thành ủy đối với hoạt động văn học, nghệ thuật của Thành phố có nhiều đổi mới qua việc duy trì gặp gỡ văn nghệ sĩ tiêu biểu hằng năm; thường xuyên quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của văn nghệ sĩ, chỉ đạo định hướng hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật; tổ chức hội nghị chuyên đề về văn hóa, văn học, nghệ thuật; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức văn học, nghệ thuật và lý luận phê bình văn học, nghệ thuật cho đội ngũ văn nghệ sĩ; nâng cao trách nhiệm lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với văn học, nghệ thuật; tạo điều kiện cho các hội chuyên ngành đi thực tế sáng tác; thực hiện cơ chế “đặt hàng” về các đề tài truyền thống cách mạng, đề tài xây dựng và phát triển của Thành phố,...

Thành phố đầu tư mạnh mẽ nhiều mặt cho phát triển văn học, nghệ thuật về đề tài, nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác, sự thể nghiệm nhằm nâng cao chất lượng toàn diện hoạt động văn học, nghệ thuật; xác định đầu tư cho văn học, nghệ thuật là đầu tư cho phát triển của Thành phố¹.

Thành phố luôn quan tâm hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện để các hội văn học, nghệ thuật tổ chức các hoạt động về nguồn kết hợp đi thực tế sáng tác nhằm khuyến khích văn nghệ sĩ bám sát thực tiễn cuộc sống, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Hằng năm tổ chức các chuyến về nguồn² góp phần tiếp sức cho văn nghệ sĩ sáng tác nhiều tác phẩm về đề tài truyền thống cách mạng, về sự đổi mới vươn lên của quê hương, đất nước.

Trong bối cảnh có nhiều loại hình giải trí khác nhau ra đời, cùng với sự phát triển vượt bậc của các phương tiện nghe nhìn, hoạt động sân khấu gặp rất nhiều khó khăn nhưng Thành phố đã có nhiều sự quan tâm, hỗ trợ, củng cố và phát huy giá trị của các loại hình nghệ thuật truyền thống mang nét đặc trưng tiêu biểu của vùng Nam Bộ³, chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật âm nhạc dân tộc tại Thành phố⁴. Tổ chức nhiều sự kiện văn học, nghệ thuật có tính khu vực và quốc tế,

1. Đầu tư sáng tác văn học, nghệ thuật của Thành phố 10 năm qua: năm 2008: 3,5 tỷ đồng; năm 2009: 3,5 tỷ đồng; năm 2010: 3,5 tỷ đồng; năm 2011: 4,2 tỷ đồng; năm 2012: 5,81 tỷ đồng; năm 2013: 5,81 tỷ đồng; năm 2014: 7 tỷ đồng; năm 2015: 8 tỷ đồng; năm 2016: 10 tỷ đồng; năm 2017: 15,86 tỷ đồng; năm 2018: 15,75 tỷ đồng.

2. Đến với quần đảo Trường Sa; dâng hương tưởng niệm tại Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, sông Thạch Hãn - Quảng Trị, Điện Biên Phủ, Cao Bằng, Côn Đảo, Phú Quốc, Củ Chi, Hà Giang...

3. Cụ thể: Hỗ trợ từ ngân sách cho Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang, Nhà hát Nghệ thuật Hát bội trong công tác đào tạo đội ngũ, đầu tư đổi mới một số nhạc cụ, trang thiết bị phục vụ biểu diễn, đầu tư cho sáng tác và dàn dựng các vở diễn. Bên cạnh Giải thưởng Trần Hữu Trang do Hội Sân khấu Thành phố tổ chức được duy trì hơn 24 năm qua (2 năm/lần), các giải “Bông lúa vàng” của Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, “Chuông vàng vọng cổ”, “Ngân mai Chuông vàng” của Đài Truyền hình Thành phố cũng đã góp phần thúc đẩy nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ phát triển rộng khắp. Dự án “Sân khấu học đường” được thực hiện trong thời gian qua tại Thành phố Hồ Chí Minh như một bước thử nghiệm cũng giúp cho các em học sinh có điều kiện tìm hiểu, tiếp xúc và trực tiếp thực hành với bộ môn nghệ thuật sân khấu cải lương, hát bội, là những di sản văn hóa truyền thống mà nhiều thế hệ nghệ sĩ đã dày công sáng tạo, vun đắp. Trong lĩnh vực âm nhạc dân tộc, bên cạnh Nhà hát Ca múa nhạc dân tộc Bông Sen là đơn vị nghệ thuật công lập còn có một số đoàn, nhóm, câu lạc bộ nghệ thuật dân tộc do tư nhân thành lập như: Đoàn Ca múa nhạc dân tộc Phù Sa (của Nghệ sĩ Đình Long), Nhóm Phù Đồng, Ban nhạc dân tộc Ca Dao, “Ngôi nhà Âm nhạc Trúc Mai” (của Nghệ sĩ Ưu tú Tuyết Mai),...

4. Bình quân hằng năm, Thành phố cấp phép công diễn khoảng 850 chương trình biểu diễn sân khấu, ca múa nhạc và trình diễn thời trang, trong đó, trên 350 chương trình mang tính chất thương mại; 250 chương trình có tính nghệ thuật; trên 100 chương trình có yếu tố nước ngoài, trên 80 chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị; còn lại là các chương trình từ thiện hoặc phục vụ nhu cầu tôn giáo của nhân dân. Đồng thời cấp phép phát hành khoảng 210 chương trình băng đĩa nhạc, sân khấu cho gần 50 cơ sở sản xuất và phát hành băng đĩa nhạc thường xuyên; trong đó có khoảng 15-20 chương trình hòa tấu, 30 chương trình sân khấu; các chương trình thiếu nhi ít có ca khúc mới, mức độ đầu tư hạn chế; khoảng 20-25 chương trình nhạc truyền thống cách mạng, 55 chương trình karaoke;....

qua đó góp phần thúc đẩy văn học, nghệ thuật phát triển, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại song song với bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống.

Hoạt động xã hội hóa văn hóa phát triển mạnh. Đặc biệt, hoạt động biểu diễn nghệ thuật - trong đó, nghệ thuật sân khấu kịch nói và ca múa nhạc là những lĩnh vực có bước đột phá mạnh mẽ trong tiến trình xã hội hóa cả về số lượng cũng như về chất lượng, với những mô hình và phương thức hoạt động phong phú, đa dạng, sinh động. Sự phát triển của các hãng phim tư nhân, sân khấu kịch, sân khấu ca múa nhạc, trung tâm băng đĩa, doanh nghiệp phát hành sách,... với khối lượng các sản phẩm đa dạng, phong phú tăng điều kiện chọn lựa cũng như đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần ngày càng cao cho nhân dân.

Xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định phương hướng phát triển văn hóa: “Phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, làm nền tảng cho thành phố phát triển bền vững: xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là mục tiêu, nền tảng xã hội cho Thành phố phát triển nhanh và bền vững. Hình thành không gian văn hóa Hồ Chí Minh ở Thành phố mang tên Bác”. Trên cơ sở đó, Thành phố Hồ Chí Minh đang hướng tới xây dựng một không gian văn hóa Hồ Chí Minh mang đậm những nét đặc trưng gắn với lịch sử, điều kiện kinh tế - văn hóa, tập quán, dân cư,... được hình thành từ chính vùng đất giàu truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, năng động, sáng tạo trong quá trình phát triển, hội nhập của một thành phố 46 năm vinh dự mang tên Bác.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố khóa XI cũng đã thông qua bốn đề án phát triển ngành Văn hóa và thể thao Thành phố: Chiến lược phát triển ngành Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2035; Phát triển ngành thể dục - thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2035; Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030; Tổ chức lễ hội, sự kiện văn hóa và thể thao tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030.

Bên cạnh đó, Thành phố cũng đang xây dựng Đề án phát triển cụm tranh, tượng đài trên địa bàn Thành phố đến năm 2035, Bộ Quy tắc tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong hoạt động lễ hội; đang biên soạn tài liệu tuyên truyền về văn hóa giao tiếp - ứng xử và thực hiện nếp sống văn minh đô thị, Đề án Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố,... Đặc biệt là Bộ tiêu chí xây dựng gia đình hạnh phúc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm góp phần xây dựng, phát triển con người Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh phát triển toàn diện theo hướng chân - thiện - mỹ, hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; đề cao vai trò, trách nhiệm và các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình trong việc nuôi dưỡng, giáo dục, hình thành nhân cách, đạo đức các thành viên trong gia đình.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, còn tồn tại một số hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm sau:

Hạn chế

- Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng và phát triển văn hóa chưa thường xuyên, toàn diện; nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa đúng tâm trước tình hình mới. Tư duy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người chưa tương xứng với tư duy phát triển kinh tế.

- Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đã tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

- Tác động của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và mặt trái của kinh tế thị trường, sự phát triển của công nghệ, internet, mạng xã hội đã ảnh hưởng trực tiếp đến một bộ phận tầng lớp nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên; một số hoạt động văn hóa, văn nghệ có biểu hiện thương mại hóa.

- Những thành tựu đạt được trong lĩnh vực văn hóa chưa ngang tầm với vị trí, vai trò, khả năng và yêu cầu xây dựng, bảo vệ, phát triển Thành phố; đầu tư cho thiết chế văn hóa chưa đúng mức; vai trò quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa chưa theo kịp sự phát triển của xã hội; quy hoạch phát triển đô thị thiếu đồng bộ, phát triển kinh tế - xã hội chưa gắn bó chặt chẽ với văn hóa; nhiều chương trình, dự án còn nặng về lợi ích kinh tế, xem nhẹ yếu tố văn hóa, môi trường.

- Văn học, nghệ thuật chưa phản ánh đúng mức thành tựu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, còn thiếu những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, tham mưu lĩnh vực văn hóa đáp ứng được nhu cầu phát triển văn hóa trong thời kỳ hội nhập còn yếu và thiếu; đầu tư cho văn hóa còn hạn chế.

- Tình hình dịch bệnh COVID-19 còn diễn biến phức tạp trên toàn thế giới và trong nước ảnh hưởng đến đời sống văn hóa và sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức về vai trò, vị trí của văn hóa và nhiệm vụ xây dựng, phát triển văn hóa, con người theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW trong các cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, chưa đồng đều; tư duy lãnh đạo, phát triển văn hóa, xây dựng con người chưa theo kịp những biến đổi nhanh chóng, phức tạp, đa dạng của đời sống văn hóa, nhất là những chuyển động và tác động của mặt trái kinh tế thị trường đối với chiến lược xây dựng con người, phát triển văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về văn hóa còn một số bất cập, lúng túng; chưa đặt văn hóa ngang tầm với kinh tế; việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức về tầm quan

trọng của văn hóa, trách nhiệm xây dựng và phát triển văn hóa, con người chưa thường xuyên, liên tục. Một số quy định trên lĩnh vực văn hóa được áp dụng chung cho cả nước, nhưng Thành phố chưa chủ động cụ thể hóa cho sát hợp với điều kiện đô thị đặc biệt nên gặp khó khăn trong áp dụng thực hiện.

Quản lý nhà nước về văn hóa có lúc, có nơi còn buông lỏng; công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ làm công tác văn hóa còn bất cập, hụt hẫng, chưa có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ văn hóa và tài năng sáng tạo lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

Công tác đấu tranh chống quan điểm sai trái trên lĩnh vực văn học - nghệ thuật còn thụ động, thiếu các giải pháp đồng bộ, toàn diện. Hoạt động lý luận, phê bình văn học - nghệ thuật, công tác đào tạo đội ngũ làm công tác lý luận, phê bình nhất là lực lượng trẻ còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân khách quan

Mặt trái của cơ chế thị trường, toàn cầu hóa ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng, đạo đức, lối sống, trong điều kiện trình độ, năng lực cán bộ và phương thức, phương tiện quản lý chưa theo kịp, lúng túng, bị động trong công tác quản lý, kiểm soát.

Kinh tế - xã hội phát triển nhanh kèm theo những biến đổi phức tạp, tác động nhiều chiều, đặt ra những vấn đề mới trong công tác lý luận, dẫn đến sự lúng túng trong hoạt động của đội ngũ sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật và đội ngũ cán bộ quản lý, tham mưu trên lĩnh vực văn hóa.

Các quy định về chế độ đãi ngộ đối với lao động nghệ thuật đặc thù như nghệ thuật hàn lâm, xiếc, múa,... chưa tương xứng, khó thu hút nhân tài.

Các thế lực thù địch ngày càng quyết liệt chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa bằng nhiều phương thức, thủ đoạn nhằm áp đặt những giá trị phương Tây, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” về tư tưởng, văn hóa.

Bài học kinh nghiệm

Việc quán triệt, vận dụng quan điểm chỉ đạo của Đảng trong lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa gắn liền với thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020; Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thành phố; phát huy tính năng động, sáng tạo và sự đoàn kết, đồng lòng, nghĩa tình của nhân dân Thành phố là bài học quý báu mà Đảng bộ Thành phố luôn đặt lên hàng đầu để xây dựng văn hóa, con người như Nghị quyết số 33-NQ/TW và Chương trình hành động số 45-CTHĐ/TU đã đề ra.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa; chú trọng đề cao vai trò gương mẫu của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; sâu sát, đồng bộ, xác định trọng tâm, trọng điểm, phù hợp trong từng giai đoạn và có những giải pháp cụ thể, quyết liệt chỉ đạo tổ chức thực hiện; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa chính quyền,

các ban, ngành, mặt trận, đoàn thể trong quá trình triển khai, tổ chức các chương trình hành động, các phong trào thi đua yêu nước.

Xác định công tác “xây” là nền tảng bên cạnh việc kiên quyết xử lý đối với các hoạt động tiêu cực, sai trái trong lĩnh vực văn hóa. Lấy xây dựng con người mới, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, tiến bộ, xây dựng văn học - nghệ thuật chân chính, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực xã hội, các loại sản phẩm phi văn hóa và thị hiếu thấp kém. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã xuất hiện ngày càng nhiều những cá nhân, tập thể làm theo tấm gương đạo đức của Bác, tạo sức lan tỏa rộng khắp trong toàn Đảng bộ và nhân dân Thành phố.

Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, phát huy nội lực của nhân dân bằng các phương thức xã hội hóa với nhiệm vụ, công việc cụ thể, có ích, phục vụ nhân dân, dựa vào nhân dân để tiến hành xây dựng khu dân cư, tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh, đời sống văn hóa phát triển, góp phần xây dựng con người mới đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững Thành phố, đất nước.

Các cấp ủy đảng, chính quyền nghiêm túc đánh giá những hạn chế, khuyết điểm về xây dựng văn hóa, con người trong thời gian qua, đề ra giải pháp chấn chỉnh, khắc phục; tăng cường công tác dự báo xã hội, chủ động giải quyết kịp thời những yếu tố bất lợi phát sinh trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo cáo của Ban Thường vụ Thành ủy sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Báo cáo của Ban Thường vụ Thành ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

TẬP TRUNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, TẠO ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ, ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở TỈNH LONG AN

TỈNH ỦY LONG AN

Trong suốt sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của văn hóa. Ngay từ năm 1943, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* - Cương lĩnh văn hóa đầu tiên của Đảng - đã khẳng định vai trò của văn hóa và chỉ rõ mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và chính trị: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa... Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa... Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”¹. Trong bài phát biểu khai mạc tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất tổ chức ngày 24/11/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ nhiệm vụ phải xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam với ba tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng. Người khẳng định vị trí, ảnh hưởng của văn hóa, nghệ thuật trong việc giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng con người Việt Nam yêu nước, độc lập, tự cường, tự chủ. Trong “Thư gửi các họa sĩ nhân dịp Triển lãm hội họa năm 1951”, Người tiếp tục khẳng định: “Văn hóa, nghệ thuật cũng là *một mặt trận*... Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”². Từ giá trị cốt lõi về tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng của nền văn hóa được chỉ rõ trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa, Đảng ta đã kế thừa, vận dụng, tiếp thu và bổ sung, hoàn thiện quan điểm, chủ trương về văn hóa, thể hiện trong các văn kiện của Đảng, nhất là trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr.316.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 7, tr.246.

Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước". Đây là hai nghị quyết tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của Đảng về tầm quan trọng của văn hóa bên cạnh việc phát triển kinh tế và xây dựng đảng. Nhận thức rõ vai trò của văn hóa, trong những năm qua, Đảng bộ tỉnh Long An đã quán triệt, cụ thể hóa và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa, đạt một số kết quả đáng ghi nhận, tạo nền tảng tinh thần xã hội và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội.

1. Tiềm năng, lợi thế, khó khăn, thách thức của tỉnh Long An trong phát triển văn hóa

Long An là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nối liền giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ, là cửa ngõ kết nối giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Tỉnh Long An có đường biên giới dài 132,977 km, giáp với các tỉnh Svay Riêng và Pray Veng (Campuchia); có cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp, cửa khẩu quốc gia Mỹ Quý Tây và cảng quốc tế Long An. Diện tích tự nhiên của tỉnh Long An là 4.494,94 km², dân số khoảng 1,7 triệu người; có 15 đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh (1 thành phố, 1 thị xã và 13 huyện); 28 dân tộc, trong đó có 27 dân tộc thiểu số chiếm khoảng 0,2% dân số; tôn giáo chủ yếu là Phật giáo, Cao đài, Công giáo và Tin lành. Là vùng đất giàu truyền thống lịch sử - văn hóa, tỉnh Long An có đời sống văn hóa khá đa dạng, phong phú với 121 di tích lịch sử - văn hóa (21 di tích cấp quốc gia, 100 di tích cấp tỉnh); 2 bảo vật quốc gia (Tượng Thần Vishnu và Bộ sưu tập hiện vật vàng); trên 200 lễ hội với quy mô và tính chất khác nhau; 5 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia¹; 10 loại hình nghệ thuật truyền thống²; 18 nghề truyền thống³; Giải thưởng Văn học nghệ thuật Nguyễn Thông và nhiều cuộc thi, liên hoan, hội diễn thuộc các loại hình văn hóa - nghệ thuật;... Trong những năm qua, tình hình chính trị - xã hội đất nước cơ bản ổn định; cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật về lĩnh vực văn hóa ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho văn hóa của tỉnh phát triển. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển tốt, kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tạo nhiều cơ hội việc làm cho nhân dân, đời sống văn hóa tinh thần và vật chất của nhân dân từng bước được cải thiện.

1. Tục cúng Việc lễ; Lễ Kỳ Yên ở đình Tân Phước Tây (xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ); Lễ hội vía Bà Ngũ hành (xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc); Lễ làm chay (thị trấn Tâm Vu, huyện Châu Thành); nghề dệt chiếu lác (huyện Cần Đức, huyện Bến Lức, huyện Tân Trụ).

2. Nhạc lễ, đờn ca tài tử, cải lương, hát bội, sru tầm đờn hát dân ca, múa lân, sư rồng, múa bóng rối, trò chơi dân gian, lò võ.

3. Chạm khắc gỗ, đóng ghe, dệt chiếu lác, làm bánh hỏi, làm bún, làm bánh phồng, bánh neo, bánh trắng, nghề mộc, kết chổi dừa, rèn, chằm lá, đan mây tre, se nhang, dệt thảm đay, làm trống, đan đệm bàng, chằm nón lá.

Những yếu tố thuận lợi nêu trên đã thúc đẩy hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật phát triển; hình thành tính năng động, nhạy bén của nhân dân trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập về văn hóa.

Bên cạnh yếu tố thuận lợi, việc xây dựng và phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn do tác động từ tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của thế giới, đất nước và của tỉnh. Trong những năm qua, tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp; kinh tế - xã hội đất nước và tỉnh nhà phát triển có mặt chưa bền vững; các thế lực thù địch tăng cường nhiều hoạt động chống phá trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, đẩy mạnh thông tin sai sự thật, các quan điểm sai trái, xuyên tạc tác động xấu đến tư tưởng, nhận thức và lối sống của nhân dân, nhất là trên không gian mạng; nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; hiện tượng phân hóa trong các tầng lớp nhân dân; sự xâm nhập các sản phẩm văn hóa độc hại, không lành mạnh;... đã trở thành những thách thức không nhỏ đối với công tác xây dựng, phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh.

2. Long An tổ chức triển khai quán triệt, cụ thể hóa, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa

Ngay từ những năm đầu sau ngày đất nước thống nhất, Đảng bộ tỉnh Long An vừa tập trung lãnh đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, vừa chú trọng việc xây dựng đời sống văn hóa. Nhiều văn bản chỉ đạo về văn hóa được ban hành trên cơ sở cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương vào tình hình thực tế địa phương, thể hiện nhận thức đúng đắn của cấp ủy về vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa và sự cấp thiết trong công tác phát triển văn hóa bên cạnh việc phát triển kinh tế¹. Trong những năm tiếp theo, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Long An đã tổ chức triển khai, quán triệt bằng các hình thức phù hợp và cụ thể hóa thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa sát với tình hình thực tế của địa phương, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết số 23-CT/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và

1. Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 8/6/1981 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Long An về tăng cường sự lãnh đạo và quản lý trên mặt trận văn hóa - văn nghệ, kiên quyết quét sạch văn hóa phản động, đồi trụy, ngăn chặn khuynh hướng không lành mạnh, xây dựng nếp sống văn hóa mới, con người xã hội chủ nghĩa; Chỉ thị số 34/CT.81 ngày 20/10/1981 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Long An về việc chỉ đạo cuộc vận động xây dựng nếp sống mới; Công văn số 397-CV/TU ngày 24/2/1998 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Long An về việc thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”; Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 10/9/1998 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Long An về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội....

phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Long An giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Long An tổ chức hội nghị quán triệt cho trí thức, văn nghệ sĩ và hướng dẫn cơ quan báo chí, ban tuyên giáo cấp huyện và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết, kết luận về văn hóa. Thông qua các cuộc họp giao ban các lĩnh vực thuộc công tác tuyên giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Long An đã kịp thời định hướng chính trị, tư tưởng hoạt động văn hóa, văn nghệ và những nội dung cần tập trung tuyên truyền góp phần tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện về xây dựng và phát triển văn hóa. Nhìn chung, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa đều được cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở tổ chức triển khai, quán triệt nghiêm túc, bảo đảm thời gian, yêu cầu đề ra; cụ thể hóa việc thực hiện gắn với tình hình thực tế ở địa phương, ngành, đơn vị; tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ theo quy định.

3. Một số kết quả tích cực trong xây dựng và phát triển văn hóa của tỉnh Long An

- Xây dựng con người phát triển cả về trí tuệ và thể chất, hướng đến các giá trị chân - thiện - mỹ: Hoạt động giáo dục và đào tạo tiếp tục chuyển biến tích cực, mạng lưới trường lớp phát triển rộng khắp, cơ sở vật chất được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên¹. Hoạt động thể thao thành tích cao và phong trào thể dục, thể thao quần chúng không ngừng phát triển². Công tác

1. Tính đến hết nhiệm kỳ 2015-2020, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới của Long An đạt 50,85%; toàn tỉnh có 590 cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông (219 cơ sở giáo dục mầm non; 189 cơ sở giáo dục tiểu học; 139 cơ sở giáo dục trung học cơ sở; có 43 cơ sở giáo dục trung học phổ thông). Năm 2019, toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học đạt chuẩn mức độ 3, thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt chuẩn mức độ 1. Năm 2020, tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi 18-21 có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương đạt 83%. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2020-2021 đạt 99,51%.

2. *Đối với thể thao thành tích cao*, tỉnh Long An đầu tư phát triển 7 môn thể thao thành tích cao cho cả 3 tuyến năng khiếu, trẻ và tuyển (bóng đá, bóng chuyền nam và nữ, điền kinh, bơi lội, bóng bàn, cờ vua và vật). Số vận động viên đạt cấp quốc gia là: kiện tướng là 194 vận động viên, cấp I là 369 vận động viên, đóng góp cho đội tuyển trẻ và đội tuyển quốc gia 159 vận động viên. Giai đoạn 2011-2021: đạt 3.010 huy chương các loại (970 huy chương Vàng, 977 huy chương Bạc và 1.063 huy chương Đồng; năm 2018, thể thao Long An đạt 2 huy chương Vàng tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII; năm 2019 đạt được 1 huy chương Vàng tại SEA Games môn bơi vượt biển, 3 huy chương Vàng bóng chuyền nữ và 1 huy chương Đồng ném lao nam,...). *Đối với thể thao phong trào*, tổ chức các hình thức tập luyện đa dạng: phong trào tập luyện thể dục buổi sáng, chạy bộ, thể dục dưỡng sinh, cầu lông, cờ tướng, võ thuật, bóng đá, bóng bàn, bóng chuyền, các hoạt động thi đấu thể thao được tổ chức trên 20 giải/năm. Toàn tỉnh, số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 33% (tăng 5,9% so với năm 2011), số gia đình thể thao đạt 24,21% (tăng 6,0% so với năm 2011). Tỉnh Long An hiện có 249 câu lạc bộ và chi hội, thu hút hơn 4.500 người tập luyện thường xuyên.

giáo dục thể chất trong trường học được đẩy mạnh gắn với giáo dục tri thức, lý tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, góp phần xây dựng con người phát triển toàn diện về trí tuệ và thể chất¹.

Các cấp ủy tập trung chỉ đạo công tác tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc tác động xấu đến tư tưởng, nhận thức và lối sống của nhân dân, nhất là trên không gian mạng, chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại²; chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa, giáo dục nhân cách, lối sống nhằm xây dựng con người có nhân cách, đạo đức, lối sống tốt đẹp, có tinh thần yêu nước, lòng tự hào về các giá trị lịch sử - văn hóa dân tộc và địa phương.

Đã có một số mô hình tiêu biểu, hoạt động có hiệu quả trong xây dựng cộng đồng đoàn kết, tương thân, tương ái, xây dựng con người mới³ và nhiều mô hình điển hình về sinh hoạt văn hóa, thể dục, thể thao được giới thiệu và nhân rộng⁴. Tinh thần cố kết cộng đồng, tình làng, nghĩa xóm, truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc được giữ gìn và phát huy; những nhân tố mới với những nhận thức, hành động mang tính nhân văn trên các lĩnh vực đời sống xã hội xuất hiện ngày càng nhiều và có sức lan tỏa sâu rộng; từng bước xây dựng và thực hiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam phù hợp với truyền thống của dân tộc và truyền thống Long An “Trung dũng, kiên cường, toàn dân đánh giặc”.

- Xây dựng môi trường văn hóa ngày càng lành mạnh trong chính trị, kinh tế và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng phát triển, đạt được nhiều kết quả thiết thực gắn với cuộc vận động

1. 100% trường học các cấp thực hiện tốt chương trình giáo dục thể chất nội khóa; 100% học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

2. Tỉnh Long An đã thành lập Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh, cấp huyện và các tổ giúp việc, nhóm chuyên gia, xây dựng các lực lượng tham gia đấu tranh phản bác. Ban Chỉ đạo 35 tỉnh Long An đã xây dựng 4 trang, nhóm đăng tải trung bình 500 tin, bài/tháng; trung bình 3.450 lượt tiếp cận; 5.699 số lượng người đăng ký theo dõi thường xuyên. Ở cấp huyện (tương đương) và các tổ chức chính trị - xã hội đã xây dựng 23 trang và 32 nhóm tham gia đấu tranh, phản bác công khai trên mạng Internet. Hằng năm, Ban Chỉ đạo 35 các địa phương, đơn vị và các lực lượng trên địa bàn tỉnh tham gia đấu tranh, đề nghị chặn, xử lý hơn 1.500 bài viết có nội dung tiêu cực; gỡ bỏ 359 tài khoản; xử lý 1.666 tin, bài và tài khoản, trang, phim, ảnh, sách, tư liệu chứa thông tin xấu độc, phản động, xuyên tạc. Ngành văn hóa đẩy mạnh công tác quản lý, kiểm tra các sản phẩm văn hóa độc hại; thông tin, tuyên truyền thông qua nhiều hình thức; phối hợp tổ chức kiểm tra các hoạt động kinh doanh văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, quảng cáo; phối hợp với cơ quan Hải quan, Bộ đội Biên phòng nắm tình hình xuất, nhập văn hóa phẩm qua các cửa khẩu, đường biên giới trong địa bàn tỉnh Long An.

3. Một số mô hình tiêu biểu như: “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền”; “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”; “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; “Xây dựng gia đình nông dân văn hóa, sản xuất giỏi”; “Nông dân sản xuất giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo”; “Người con hiếu thảo, thanh niên tự lập”; “Gia đình hiếu học”; “Dòng họ hiếu học”; “Khuyến học, khuyến tài”;...

4. Câu lạc bộ dưỡng sinh, câu lạc bộ đờn ca tài tử, câu lạc bộ ông - bà - cháu,...

“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, góp phần xây dựng môi trường văn hóa trong từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu dân cư, hộ gia đình, tạo môi trường văn hóa lành mạnh để hình thành nhân cách con người¹. Việc xây dựng xã văn hóa gắn với xây dựng xã nông thôn mới tạo bước chuyển biến tích cực làm thay đổi bộ mặt nông thôn, khơi dậy tinh thần đoàn kết, giúp nhau phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần trong nhân dân, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng nông thôn mới.

Việc cưới, việc tang được tổ chức trang trọng, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc và tập quán của địa phương. Việc tổ chức lễ hội bảo đảm theo quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh của nhân dân, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, nhớ về tổ tiên, cội nguồn, bảo tồn, phát huy được những nét đẹp văn hóa truyền thống và quảng bá đặc trưng văn hóa địa phương.

Các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, xây dựng phong cách, lề lối làm việc khoa học, ứng xử văn hóa trong hệ thống chính trị theo hướng bảo đảm mọi hoạt động lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền đều thể hiện tính văn hóa, mọi chủ trương, chính sách đều nhằm phục vụ nhân dân, tránh tình trạng lợi ích nhóm, không phù hợp tình hình thực tế địa phương. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên được tổ chức thực hiện nghiêm túc, góp phần đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên được nâng lên, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An chú trọng việc xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm có uy tín, chất lượng để đáp ứng thị trường trong và ngoài nước; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; xây dựng các quy tắc ứng xử, phục vụ khách hàng; hình thành đạo đức trong sản xuất, kinh doanh, thể hiện ý thức vươn lên làm giàu chính đáng; phát động phong trào “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, phong trào “Xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”... Các doanh nghiệp có ý thức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh; thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm; tích cực tham gia các hoạt động “uống

1. Tính đến tháng 9/2021, toàn tỉnh có 387.961/397.762 hộ được công nhận gia đình văn hóa, đạt 97,5%; 994/996 ấp, khu phố đạt chuẩn ấp, khu phố văn hóa, đạt 99,79%; 141/188 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa và văn minh đô thị, đạt 75% và 119/188 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt 63,3%; 106/161 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 8 xã nông thôn mới nâng cao, chiếm 7,56% tổng số xã nông thôn mới. Hoàn thành việc xây dựng huyện Cần Đước trở thành huyện điểm điển hình về văn hóa của tỉnh vào năm 2015.

nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”; duy trì phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao..., tạo môi trường để người lao động rèn luyện nhân cách, đạo đức, năng lực sáng tạo, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, lòng tự hào dân tộc, trách nhiệm với bản thân mình, gia đình và xã hội.

- Gắn kết chặt chẽ hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp với hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng, phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, nhất là nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới: Tỉnh Long An quan tâm đầu tư kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi để duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của hai đoàn chuyên nghiệp (Đoàn Nghệ thuật Cải lương Long An và Đoàn Xiếc nhân dân Long An). Hiện nay, hai đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp đã sáp nhập vào Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh Long An, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Long An. Các ngành, các cấp và các địa phương tập trung duy trì và phát triển hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tạo điều kiện để quần chúng tham gia sáng tạo nghệ thuật. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật của các đội, nhóm, câu lạc bộ có bước phát triển¹. Trung tâm Văn hóa nghệ thuật cấp tỉnh và các trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thanh cấp huyện hoạt động có hiệu quả, hằng năm tổ chức hàng trăm buổi biểu diễn ở trong và ngoài tỉnh; tham dự và đạt nhiều giải thưởng cao tại các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc. Phong trào đờn ca tài tử phát triển mạnh ở nhiều địa phương trong tỉnh. Hằng năm, nhân lễ giỗ nghệ nhân, nhạc sư Nguyễn Quang Đại - người có công khai sáng bộ môn đờn ca tài tử và nhạc lễ Nam Bộ, tỉnh Long An đã tổ chức Liên hoan Đờn ca tài tử Nam Bộ với sự tham gia của các câu lạc bộ đờn ca tài tử trong tỉnh và một số tỉnh trong khu vực, góp phần quảng bá, giữ gìn và phát triển nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ (đến nay đã tổ chức lần thứ 25).

- Công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa và phát triển du lịch. Các di tích lịch sử - văn hóa và công trình văn hóa được quản lý theo phân cấp và quy chế quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh. Nhờ đó, trách nhiệm và tính chủ động của các địa phương, các ngành liên quan trong công tác quản lý, khai thác, phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Long An được nâng lên; nguồn kinh phí xây dựng, trùng tu, tôn tạo các di tích được đa dạng hóa (từ Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa của Trung ương, ngân sách của tỉnh, huyện và từ nguồn vốn xã hội hóa). Đến nay, nhiều di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa trở thành nơi giáo dục truyền thống

1. Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh Long An có 15 câu lạc bộ, đội nhóm năng khiếu sở thích tham gia sinh hoạt, bao gồm: Câu lạc bộ lân sư rồng, Câu lạc bộ truyền thống hát bội, Câu lạc bộ thư pháp chữ Việt, Câu lạc bộ khiêu vũ, nhóm múa Phù sa, nhóm kịch Bốn mùa... Hằng năm, các câu lạc bộ biểu diễn phục vụ gần 200 suất diễn.

lịch sử - văn hóa địa phương, thu hút đông đảo khách tham quan, sinh hoạt, học tập, chủ yếu là học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên¹, bước đầu kết nối vào tuyến du lịch của tỉnh Long An. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Long An đã xây dựng đề án xã hội hóa trong quản lý phát triển dịch vụ tham quan, du lịch tại các di tích lịch sử - văn hóa nhằm phát huy hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh. Đối với các di sản văn hóa phi vật thể, tỉnh Long An đã tiến hành nghiên cứu một số di sản tiêu biểu về lễ hội truyền thống và một số di sản văn hóa phi vật thể khác². Tùy theo tính chất của di sản, sản phẩm của quá trình sưu tầm, nghiên cứu được lập hồ sơ và lưu giữ dưới các hình thức chữ viết (báo cáo kết quả nghiên cứu), hình ảnh động (phim tư liệu), hình ảnh tĩnh (ảnh tư liệu), âm thanh (đĩa CD).

- Tổ chức Giải thưởng Văn học nghệ thuật Nguyễn Thông và nhiều hoạt động nghiên cứu, sáng tác, quảng bá, tạo bước chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật thời kỳ mới trên địa bàn tỉnh: Giải thưởng Văn học nghệ thuật Nguyễn Thông là giải thưởng có uy tín về văn học, nghệ thuật của tỉnh và khu vực, ra đời vào năm 2000, xuất phát từ chủ trương đúng đắn của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ghi nhận và tôn vinh những sáng tạo có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật của văn nghệ sĩ trong và ngoài tỉnh sáng tác về quê hương Long An. Giải thưởng Văn học nghệ thuật Nguyễn Thông được xét định kỳ 4 năm/lần, đến nay đã tổ chức 5 lần với 116 tác phẩm, 120 tác giả được trao giải.

Thời gian qua, tỉnh Long An tổ chức nhiều hoạt động sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật về các chủ đề khác như: Cuộc vận động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Cuộc thi Ảnh nghệ thuật Long An quê hương tôi (đến nay đã tổ chức lần thứ 33), Cuộc thi sáng tác tuyên truyền về đề tài xây dựng nông thôn mới tỉnh Long An, Cuộc thi sáng tác ca cổ Đồng bằng sông Cửu Long, Cuộc thi ảnh nghệ thuật Đồng bằng sông Cửu Long, Cuộc thi bút ký văn học Đồng bằng sông Cửu Long;... Riêng về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tỉnh Long An đã tổ chức 8 đợt vận động sáng tác, quảng bá, thu hút 891 tác giả trong và ngoài tỉnh tham gia với 1.673 tác phẩm; trong đó có 296 tác phẩm đoạt giải cấp tỉnh và 9 tác phẩm đoạt giải cấp Trung ương. Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật tỉnh Long An tiếp tục thực hiện quy chế hỗ trợ sáng tác tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật; duy trì tạp chí *Văn nghệ Long An* và trang thông tin điện tử để giới thiệu các tác phẩm và hoạt động văn học, nghệ thuật của tỉnh. Các chi hội

1. Tượng đài Long An “Trung dũng kiên cường, toàn dân đánh giặc”, Khu di tích Vàm Nhứt Tào, Khu lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Khu di tích lịch sử cách mạng tỉnh Long An,...

2. Lễ hội làm chay (huyện Châu Thành), Lễ Kỳ Yên ở đình Tân Phước Tây (huyện Tân Trụ), Lễ hội vía Bà Ngũ hành (huyện Cần Giuộc), Tục cúng Việc lễ, ẩm thực Đồng Tháp Mười, nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ, nghề chạm gỗ Cần Đước, nghề làm trống Bình An, nghề dệt chiếu lác, nghề đan mây tre, nghề đánh bắt thủy sản ở huyện Cần Đước, Cần Giuộc,...

trực thuộc Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật và các chi hội chuyên ngành Trung ương hoạt động trên địa bàn tỉnh Long An đã tổ chức và tham gia nhiều cuộc thi, trại sáng tác, đi thực tế sáng tác ở trong và ngoài tỉnh với nhiều tác phẩm có chất lượng, đạt giải thưởng cấp khu vực và toàn quốc¹; hoàn thành một số công trình có chất lượng về văn học, nghệ thuật². Nhiều câu lạc bộ văn học, nghệ thuật được thành lập và duy trì hoạt động có hiệu quả³.

- Chú trọng các hoạt động quảng bá, giao lưu, nghiên cứu về văn hóa: Nhiều hoạt động tuyên truyền về lịch sử, văn hóa, quảng bá hình ảnh du lịch Long An với bạn bè trong nước và quốc tế được triển khai thực hiện⁴. Một số lễ hội lớn của tỉnh và di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa, điểm du lịch ngày càng thu hút nhân dân trong và ngoài tỉnh tham quan, góp phần xây dựng hình ảnh, quảng bá đặc trưng văn hóa của tỉnh⁵. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đã tạo điều kiện

1. Trong giai đoạn 2008-2018, toàn tỉnh Long An có 82 lượt hội viên với trên 400 giải thưởng cấp khu vực, quốc gia và quốc tế.

2. “Lễ hội truyền thống và lễ hội tiêu biểu ở Long An” (tác giả Nguyễn Tấn Quốc); “Những câu hò trên quê hương Long An”, “1.000 câu hát đưa em” (tác giả Trịnh Hùng); “Tín ngưỡng thờ nữ thần ở Long An” (tác giả Nguyễn Văn Hiếu); “Thử tìm hiểu phương ngữ Nam Bộ” (tác giả Cao Thoại Châu); “Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, chính sử và truyền thuyết dân gian” (tác giả Võ Văn Bửu Thiết);... Riêng năm 2014, Long An có 2 công trình nghiên cứu được Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam trao giải Nhì (không có giải Nhất) dành cho các công trình nghiên cứu văn nghệ dân gian xuất sắc của năm: Công trình “Đờn ca tài tử Nam Bộ” đạt giải Nhì A (nhà nghiên cứu Võ Trường Kỳ); công trình “Trò chơi dân gian Nam Bộ” đạt giải Nhì B (nhà nghiên cứu Phan Văn Phấn).

3. Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, Câu lạc bộ Âm nhạc; Câu lạc bộ Sáng tác văn học trẻ; Câu lạc bộ thơ,...

4. Triển khai các ứng dụng du lịch thông minh như Cổng thông tin và ứng dụng di động du lịch thông minh tỉnh Long An, ứng dụng Long An Tourism, trang facebook Du lịch Long An, Zalo Du lịch Long An...). Đài Phát thanh và Truyền hình Long An, Báo Long An thực hiện chuyên trang, phóng sự quảng bá, xúc tiến du lịch Long An. Tuyên truyền, quảng bá thông qua trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương và qua việc tham gia, tổ chức các sự kiện chính trị - văn hóa và các hoạt động thông tin tuyên truyền khác. Phối hợp một số đài truyền hình Trung ương và địa phương thực hiện các video clip quảng bá du lịch Long An. Phối hợp với Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương thực hiện chuyên đề “Long An phát huy lợi thế, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế và sẵn sàng đón cơ hội mới” và hỗ trợ kênh truyền hình Đài Tiếng nói Việt Nam (VOVTV) ghi hình các làng nghề và điểm đến nổi tiếng của tỉnh để thực hiện chương trình văn hóa, di sản, di tích, danh thắng tiêu biểu của tỉnh;... Tham gia các hội thảo, hội nghị, diễn đàn về quảng bá văn hóa, xúc tiến du lịch: Tham gia Hội thảo trực tuyến các thành viên tổ chức xúc tiến du lịch các thành phố châu Á - Thái Bình Dương (TPO) lần thứ hai tại Hàn Quốc; trưng bày quảng bá sản phẩm tại Trung tâm giới thiệu ẩm thực, đặc sản, du lịch Đồng Tháp và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tại Kiên Giang... Xây dựng bản đồ số tuyến điểm, cơ sở phục vụ du lịch Long An; xây dựng sản phẩm du lịch mới của Cụm giới thiệu tại các sự kiện trong khuôn khổ Hội nghị tổng kết liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long;...

5. Lễ làm chay (huyện Châu Thành), Lễ hội vía Bà Ngũ hành (huyện Cần Giuộc), Lễ Kỳ Yên ở đình Tân Phước Tây (huyện Tân Trụ); Tượng đài Long An “Trung dũng kiên cường toàn dân đánh giặc”, Khu lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Khu di tích Vàm Nhứt Tảo, Khu di tích lịch sử cách mạng tỉnh Long An, Khu du lịch Làng nổi Tân Lập, Điểm du lịch văn hóa thể thao Phước Lộc Thọ, Khu du lịch sinh thái Láng Sen...

thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển, giới thiệu, quảng bá, trao đổi các sản phẩm văn hóa đặc trưng của tỉnh; xây dựng các sản phẩm văn hóa gắn liền với hình ảnh con người và quê hương Long An, góp phần giới thiệu nét văn hóa đặc trưng của Long An với bạn bè trong nước và quốc tế. Ngoài ra, tỉnh còn tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác trên lĩnh vực văn hóa với hai tỉnh Svay Riêng, Prey Veng (Campuchia); tiếp đón nhiều cá nhân và tổ chức nước ngoài đến tham quan, làm việc, nghiên cứu khoa học, khảo cổ tại Bảo tàng tỉnh Long An và một số di tích trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ và đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa: Tỉnh đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án công tác cán bộ của tỉnh Long An giai đoạn 2011-2020 và Đề án đào tạo, bồi dưỡng văn nghệ sĩ; từ đó, đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa và văn nghệ sĩ của tỉnh được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị. Tổ chức bộ máy của ngành Văn hóa được củng cố, kiện toàn, có sự đổi mới về hoạt động. Việc lựa chọn, bố trí cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật của tỉnh, cũng như cán bộ lãnh đạo Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật tỉnh được thực hiện theo Quy định số 284-QĐ/TW ngày 5/2/2010 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật. Đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh ngày càng phát triển về số lượng và khả năng sáng tạo¹.

- Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa: tỉnh luôn quán triệt quan điểm phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, quan tâm đầu tư nhiều nguồn lực vào các hoạt động văn hóa, nhất là xây dựng các thiết chế văn hóa². Hằng năm, tỉnh thực hiện phân bổ ngân sách hợp lý nhằm bảo đảm kinh phí cho các hoạt động văn hóa, nhất là đầu tư xây dựng các công trình văn hóa trọng điểm, các di tích

1. Đến nay, tỉnh Long An có 1 nghệ sĩ nhân dân, 7 nghệ sĩ ưu tú, 10 nghệ nhân ưu tú, 1 nghệ nhân nhân dân và 30 nghệ nhân dân gian. Hiện nay, Hội Liên hiệp Văn học, nghệ thuật tỉnh Long An có 8 chi hội, hội chuyên ngành trực thuộc, ngoài ra còn có 6 chi hội, hội chuyên ngành Trung ương sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Từ 130 hội viên vào năm 1998, đến 30/9/2021, Hội Liên hiệp Văn học, nghệ thuật tỉnh Long An đã có 420 hội viên, trong đó có 160 là đảng viên và 150 hội viên các hội Trung ương.

2. Tỉnh đã đầu tư kinh phí sửa chữa trụ sở Hội Liên hiệp Văn học, nghệ thuật tỉnh và xây dựng nơi trưng bày các tác phẩm văn học, nghệ thuật; xây dựng Trung tâm luyện tập và sinh hoạt của Đoàn Nghệ thuật Cải lương Long An; xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho luyện tập và sinh hoạt của Đoàn Xiếc nhân dân Long An; quy hoạch xây dựng Khu liên hợp Văn hóa, Thể dục - Thể thao tỉnh Long An; Đầu tư dự án thư viện điện tử. Tính đến năm 2019, 93% huyện, thị xã được đầu tư xây dựng mới trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thanh các huyện, thị xã; 72,4% (139/192) xã, phường, thị trấn được ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao và học tập, trong đó có một số trung tâm được cấp huyện đầu tư bằng vốn đối ứng xây dựng các trung tâm với quy mô đạt chuẩn theo quy định, bình quân 2,5 tỷ đồng/trung tâm.

lịch sử - văn hóa¹. Ngoài dự toán chi thường xuyên, tỉnh còn bổ sung kinh phí hoạt động cho các hoạt động văn hóa khi cần thiết. Cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với văn nghệ sĩ được thực hiện theo quy định chung của Trung ương; khen thưởng kịp thời đối với văn nghệ sĩ đạt thành tích cao tại các cuộc thi, liên hoan cấp khu vực và toàn quốc.

4. Văn hóa tạo nền tảng tinh thần thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội tại tỉnh Long An

Những thành tựu trên lĩnh vực văn hóa trong thời gian qua đã tạo nền tảng tinh thần vững chắc cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh. Nổi bật là trong nhiệm kỳ 2015-2020, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ tỉnh Long An đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Các chương trình đột phá, công trình trọng điểm phát huy hiệu quả; kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 9,11%/năm; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch rõ nét theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (cơ cấu kinh tế khu vực I, II, III năm 2020 lần lượt là 15,3% - 52,1% - 32,6%). Đời sống người dân ngày càng cải thiện, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người năm 2020 đạt 77 triệu đồng, gấp hơn 1,5 lần so với năm 2015 (năm 2015 đạt 50,4 triệu đồng/người/năm). Công nghiệp tăng trưởng khá nhanh, đạt được nhiều kết quả tích cực trong thu hút đầu tư. Thương mại - dịch vụ phát triển ổn định. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng toàn diện, ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh liên kết theo chuỗi giá trị. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 12,8%, trong đó năm 2020 đạt trên 18.000 tỷ đồng. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2020 xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố (năm thứ 4 liên tiếp nằm trong top 10 tỉnh, thành trong cả nước); chỉ số cải cách hành chính xếp thứ 7 (năm thứ 3 liên tiếp nằm trong top 10 tỉnh, thành trong cả nước). Trong 9 tháng đầu năm 2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến rất phức tạp, nhiều ca nhiễm lan rộng trong cộng đồng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Nhưng với sự tập trung lãnh đạo, điều hành của hệ thống chính trị, sự đoàn kết, đồng lòng của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Long An tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 được tăng cường với nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ, đến nay tỉnh Long An đã kiểm soát được dịch bệnh, số ca nhiễm hàng ngày giảm mạnh, cuộc sống của người dân từng bước trở lại trạng thái bình thường mới.

1. Riêng trong giai đoạn 2015-2019, tỉnh đã phân bổ vốn cho các công trình văn hóa, du lịch và di tích lịch sử, bia tưởng niệm trên địa bàn tỉnh với tổng vốn là 361,898 tỷ đồng.

Kết cấu hạ tầng văn hóa - xã hội ngày càng hoàn thiện, an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống nhân dân được cải thiện. Công tác quốc phòng - an ninh - nội chính được tăng cường, hoạt động đối ngoại được mở rộng. Phát huy dân chủ, thực hiện tốt công tác dân vận, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên được tập trung lãnh đạo thực hiện, đạt nhiều kết quả quan trọng.

5. Một số tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng và phát triển văn hóa ở tỉnh Long An

Tuy đạt nhiều kết quả tích cực nhưng công tác xây dựng và phát triển văn hóa của tỉnh Long An trong thời gian qua vẫn chưa thật sự tương xứng với lợi thế và tiềm năng phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Chất lượng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở còn một số mặt chưa đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Việc xây dựng môi trường văn hóa trên không gian mạng chưa tạo được bước chuyển biến rõ nét. Việc xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa; hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; xây dựng, quảng bá các sản phẩm văn hóa đặc trưng gắn liền với hình ảnh con người và quê hương Long An còn nhiều hạn chế. Công tác xã hội hóa trên lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Hiệu quả khai thác các thiết chế văn hóa chưa cao, chưa phát huy đầy đủ công năng, gây lãng phí, nhất là ở cơ sở. Công tác bảo tồn di sản văn hóa chưa được quan tâm đúng mức. Kinh phí đầu tư cho công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị di sản văn hóa còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Việc quản lý di tích theo phân cấp ở một số nơi còn buông lỏng, thụ động, trông chờ vào cấp trên. Nhận thức xã hội về giá trị di sản văn hóa chưa sâu sắc và toàn diện nên ý thức bảo vệ di sản chưa cao. Công tác phối hợp của các cấp, các ngành chưa chặt chẽ nên chưa xử lý tốt quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, bảo đảm quyền lợi cho người dân nơi có di sản, triển khai quy hoạch di tích chưa kịp thời. Một số nơi chưa có giải pháp toàn diện để phát huy giá trị di sản văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động sáng tạo, biểu diễn, quảng bá tác phẩm văn hóa, nghệ thuật tuy có phát triển nhưng chưa có nhiều tác phẩm tiêu biểu có giá trị nghệ thuật cao. Công tác lãnh đạo, quản lý trên lĩnh vực hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa còn nhiều hạn chế, bất cập, nên các vi phạm còn diễn ra, gây bức xúc trong xã hội. Cơ sở vật chất trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã còn thiếu, diện tích đất xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, ấp (khu phố) ở nhiều nơi chưa bảo đảm theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Những tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng và phát triển văn hóa của tỉnh Long An thời gian qua bắt nguồn từ cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, cụ thể là:

Nguyên nhân khách quan: Mặt trái của quá trình phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập về văn hóa, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng xã hội, sự xâm nhập các sản phẩm văn hóa độc hại, cũng như các vụ việc tham nhũng, tiêu cực trên cả nước... đã ảnh hưởng đến niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tác động tiêu cực đến việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và xây dựng nhân cách con người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Một số hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh gây lúng túng cho địa phương trong công tác quản lý.

Nguyên nhân chủ quan: Nhận thức về vai trò quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa của cấp ủy, chính quyền một số nơi chưa đầy đủ; chưa thật sự coi trọng việc chỉ đạo về văn hóa; chưa nhận thức sâu sắc, toàn diện về mối quan hệ gắn bó giữa văn hóa và kinh tế. Công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy chưa thường xuyên, kịp thời. Ý thức trách nhiệm của một bộ phận doanh nghiệp và nhân dân trong việc xây dựng môi trường văn hóa chưa cao. Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng với yêu cầu phát triển, nguồn vốn đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa ở cơ sở còn thấp. Kết cấu hạ tầng giao thông chưa đồng bộ với quy mô xây dựng các di tích lịch sử - văn hóa và tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh do chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành với cơ quan quản lý văn hóa nên chưa thu hút nhiều nhà đầu tư vào hoạt động văn hóa, dịch vụ du lịch. Đội ngũ làm công tác văn hóa ở một số địa phương, cơ sở còn thiếu và yếu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác văn hóa, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý các cấp và việc thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng văn nghệ sĩ chưa được quan tâm đúng mức.

6. Một số bài học kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn công tác xây dựng và phát triển văn hóa trong thời gian qua ở tỉnh Long An

- Một là, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền là nhân tố quyết định hiệu quả tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa. Nơi nào cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thì nơi đó đời sống văn hóa khởi sắc, các hoạt động văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các chỉ tiêu phát triển về văn hóa đạt chất lượng cao. Do đó, các cơ quan tham mưu chỉ đạo, quản lý về văn hóa phải chủ động, tích cực tham mưu các cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt công tác này.

- Hai là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ và tăng cường đầu tư các nguồn lực cho văn hóa. Theo đó, phải đặc biệt quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ

cán bộ làm công tác chuyên môn trên lĩnh vực văn hóa và đội ngũ văn nghệ sĩ; đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa và tổ chức các hoạt động văn hóa; đồng thời, phải có cơ chế, chính sách thu hút, khuyến khích các tài năng trên lĩnh vực văn hóa.

- *Ba là*, văn hóa tồn tại trong tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị- xã hội. Vì vậy, phải xây dựng văn hóa toàn diện, đưa văn hóa vào từng hoạt động của đời sống. Gắn kết chặt chẽ việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các phong trào thi đua yêu nước đang được triển khai thực hiện và việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- *Bốn là*, xây dựng con người là quá trình lâu dài và khó khăn, đòi hỏi phải có sự kiên trì, kiên quyết của toàn hệ thống chính trị và tinh thần trách nhiệm, sự đồng thuận, tích cực hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

- *Năm là*, kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong việc xây dựng và phát triển văn hóa. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các nhân tố mới, người tốt, việc tốt để những điều mới mẻ, tốt đẹp và tích cực luôn là nhân tố chủ đạo trong đời sống xã hội.

Văn hóa là lĩnh vực rộng lớn và có tác động sâu rộng đến toàn bộ các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Long An nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định nhiều nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về văn hóa để tạo nền tảng tinh thần vững chắc, phấn đấu thực hiện mục tiêu đến năm 2025 Long An vẫn giữ vững vị trí dẫn đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long và đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển khá trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [3] Báo cáo số 197-BC/TU ngày 29/7/2013 tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- [4] Báo cáo số 239-BC/TU ngày 31/5/2018 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

- [5] Báo cáo số 356-BC/TU ngày 25/6/2019 sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
- [6] Báo cáo số 470-BC/TU ngày 11/6/2020 sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư (khóa X) về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội.
- [7] Báo cáo số 475-BC/TU ngày 22/6/2020 sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 5/2/2015 của Ban Bí thư (khóa XI) về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội.
- [8] Báo cáo số 48-BC/TU ngày 26/5/2021 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 1/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.
- [9] Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An khóa X trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025).
- [10] Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025).

CHĂM LO SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, TẠO SỨC MẠNH NỘI SINH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

TỈNH ỦY TIỀN GIANG

“Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”¹ - tư tưởng, quan điểm này được thể hiện trong bài nói chuyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, tổ chức vào tháng 11/1946. Luận điểm này của Bác đã thể hiện quan điểm cách mạng có tầm vóc và ý nghĩa lớn lao; là một nguyên lý cơ bản, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, các hội nghị Trung ương, quan điểm ấy của Người được Đảng kế thừa, phát huy, đúc kết và nâng lên tầm cao mới.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và có những quyết sách đúng đắn để phát triển văn hóa phù hợp với từng thời kỳ cách mạng. Đặc biệt, Đại hội lần thứ XII của Đảng cũng xác định: “Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần”². Đảng đã ban hành 2 nghị quyết chuyên đề về văn hóa, đó là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Đảng ta đã nhấn mạnh vai trò, vị trí của văn hóa không chỉ phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân mà còn là sức mạnh nội sinh, là động lực góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Theo đó, văn hóa cần phải được chú ý, ưu tiên đi trước, tác động tích cực, thường xuyên đến sự phát triển kinh tế - xã hội; văn hóa cần phải được xem là mục tiêu của mọi sự phát triển. Chính những giá trị lịch sử, văn hóa bản sắc truyền thống được xem là hồn cốt tinh túy của dân tộc, là nền tảng vững chắc để chúng ta tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.17.

Trong bối cảnh đặc biệt như hiện nay, đất nước ta đang chuyển mình, từng ngày, từng giờ để phát triển trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế với biết bao vận hội, thời cơ đan xen, thách thức khó lường thì nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị là phải khơi dậy sức mạnh nội sinh của dân tộc trong thời kỳ đổi mới, để văn hóa tiếp tục “soi đường” giúp chúng ta không chỉ khẳng định dòng chảy văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, mà còn góp phần giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, địa phương. Đó cũng chính là bổn phận, trách nhiệm lịch sử của mỗi người con đất Việt, luôn biết tự hào, bảo vệ và nối tiếp truyền thống cách mạng hào hùng, lưu giữ và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc của dân tộc.

Làm thế nào để phát huy tối đa sức mạnh nội sinh của văn hóa trong thời kỳ đất nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế? Đó là câu hỏi không chỉ dành riêng cho ngành Văn hóa mà còn là vấn đề đặt ra cho cả hệ thống chính trị. Thực tế đã khẳng định rằng, suốt chặng đường dài phát triển, Đảng ta luôn kế tục tư tưởng, quan điểm của Bác, phát huy vai trò “soi đường” của văn hóa, xem văn hóa chính là sức mạnh nội sinh trong từng giai đoạn phát triển của đất nước dù ở thời chiến hay thời bình. Hiện nay, công tác lãnh đạo, thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa đã huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền và vai trò tham mưu của ngành Văn hóa. Trong thời gian qua, Tiền Giang luôn quan tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, quán triệt thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về văn hóa; đặc biệt tập trung thực hiện tốt các nội dung của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII); Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và thực hiện Luật di sản văn hóa năm 2013, nên công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới ở tỉnh đạt được những kết quả quan trọng.

1. Sự quyết tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai Nghị quyết của Đảng về văn hóa

Đây là điều kiện tiên quyết bảo đảm triển khai, thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng về lĩnh vực văn hóa. Xác định “Xây dựng và phát triển văn hóa” là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, thời gian qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang kịp thời triển khai, quán triệt sâu rộng chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh trong nội bộ và nhân dân bằng nhiều hình thức như trực tiếp, trực tuyến, tuyên truyền các chuyên mục, chuyên trang trên kênh báo chí, truyền thông, v.v.. Tỉnh đã cụ thể hóa Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 bằng Chương trình hành động số 57-CTr/TU ngày 22/8/2014 của Tỉnh ủy về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển

bền vững đất nước”; Kế hoạch số 07-KH/UBND ngày 19/1/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về “Thực hiện Chương trình hành động số 57-CTr/TU”. Theo đó, các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh khẩn trương xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch hoạt động, nhất là đẩy mạnh tuyên truyền nghị quyết, chú trọng các giải pháp phối hợp thực hiện, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thể hiện sự quyết tâm mạnh mẽ nhằm cụ thể hóa, đưa nội dung nghị quyết của Đảng trở thành hiện thực trong đời sống xã hội, phục vụ lợi ích của nhân dân và sự phát triển của tỉnh.

Riêng ngành Văn hóa tỉnh thể hiện vai trò nòng cốt, trung tâm trong thực hiện nghị quyết, kế hoạch về lĩnh vực văn hóa, chủ động xây dựng Chương trình hành động số 1162/CTr-SVHTTDL ngày 8/9/2014 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tiền Giang nhằm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Chương trình hành động số 1463/CTr-SVHTTDL ngày 21/12/2016 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tiền Giang nhằm thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ ban hành “Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021, gắn với xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. 100% cán bộ, đảng viên, công nhân viên ngành Văn hóa học tập Nghị quyết, Chương trình hành động của Trung ương, địa phương; nghiên cứu, thảo luận sâu các nội dung, giải pháp và những chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của văn hóa tỉnh nhà, tạo thành một đợt sinh hoạt chính trị rộng khắp toàn ngành Văn hóa và có sự lan tỏa, cộng đồng trách nhiệm với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Những hoạt động, phong trào văn hóa góp phần tạo thành sức mạnh nội sinh

Quan điểm “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho công tác xây dựng và phát triển văn hóa từ trước đến nay của Đảng ta. Những người làm công tác văn hóa lại càng thấm nhuần hơn ai hết quan điểm này. Sự tác động tích cực, vai trò to lớn của văn hóa trong từng phong trào cách mạng của nhân dân và của toàn xã hội là không nhỏ. Văn hóa là sức mạnh nội sinh, góp phần tuyên truyền, giáo dục, định hướng, “soi đường” cho nhận thức và hành động của mỗi con người. Khởi nguồn từ những hoạt động, phong trào văn hóa có giá trị về mặt nhân văn, có tính tổ chức cao, hướng đến “chân, thiện, mỹ” sẽ làm cho con người nhân ái hơn, thương yêu, chia sẻ với nhau hơn. Một minh chứng từ thực tế “đồng lòng chống dịch” COVID-19 của cả nước trong thời gian qua, lời kêu gọi, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng như một lời hịch. Theo đó, toàn hệ thống chính trị và tất cả nhân dân cùng “đồng lòng” như năm xưa “cả nước cùng ra trận”, cùng “xuống đường”, để chống giặc giữ nước. Nói như thế để thấy rõ sự

tác động không nhỏ từ các phong trào mang tính văn hóa, từ các hoạt động thực tiễn của người dân, đó chính là những nội dung, giải pháp cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết, góp phần đưa nghị quyết của Đảng đi vào hiện thực đời sống xã hội.

Xuất phát từ ý nghĩa và yêu cầu thực tiễn đó, từ năm 2010, tỉnh Tiền Giang đã xây dựng 4 đề án cụ thể: “Phát triển văn hóa nông thôn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020”; “Bảo tồn, phát huy nghệ thuật Đờn ca tài tử tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2021-2025”; “Thí điểm nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường trên địa bàn thị xã Gò Công năm 2020”; “Nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Nhà Văn hóa xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2021”. Các đề án này được xem như là sợi chỉ đỏ xuyên suốt của giai đoạn 2010-2020 khi cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh chung tay xây dựng và phát triển văn hóa tinh thần, thể hiện sự quyết tâm hành động để biến nghị quyết của Đảng trở thành hiện thực cuộc sống, nhất là phát huy vai trò “soi đường” của văn hóa, là sức mạnh nội sinh thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển trong thời kỳ mới.

Từ năm 2010, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện 5 đề tài nghiên cứu được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiệm thu như: nghề làm bánh phồng Cái Bè - Tiền Giang; nghệ thuật Xây chầu - Đại bội ở Tiền Giang; các món mắm vùng Gò Công; nghề làm hủ tiếu ở Mỹ Phong (thành phố Mỹ Tho); nghề dệt chiếu Long Định (huyện Châu Thành). Từ năm 2014 đến 2021, tỉnh có 5 nghệ sĩ được xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú; 9 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú.

Công tác phối hợp, đẩy mạnh và nâng cao các hoạt động, phong trào văn hóa, văn nghệ được quan tâm, đầu tư, tạo nên phong trào văn hóa lành mạnh, bổ ích, làm nền tảng tinh thần góp phần đa dạng hóa các loại hình nghệ thuật phục vụ công chúng. Đặc biệt, thông qua việc tổ chức các sự kiện, lễ hội lớn như Lễ hội Làng cổ Đông Hòa Hiệp (vùng phía tây); Lễ hội Trương Định (vùng phía đông); Lễ hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch (vùng trung tâm), Đường hoa Xuân và các hoạt động vui Xuân, đón Tết cổ truyền của dân tộc từ tỉnh đến cơ sở, không chỉ phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, thưởng lãm của nhân dân trong tỉnh và du khách ở trong, ngoài nước mà còn góp phần quảng bá hình ảnh vùng đất và con người Tiền Giang trù phú, nghĩa hiệp, hiếu thuận, đồng thời, góp phần giữ gìn, giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc; bồi đắp lý tưởng, nhân cách sống, góp phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

3. Giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống để khơi dậy sức mạnh nội sinh

Trân trọng quá khứ, nâng niu, giữ gìn những thành quả cách mạng là trách nhiệm của mỗi chúng ta. Để đấu tranh, ngăn chặn những biểu hiện phủ nhận thành quả cách mạng, thiếu tôn trọng lịch sử truyền thống và công lao của thế hệ đi trước, điều quan trọng và vô cùng cần thiết là phải giáo dục nâng cao hiểu biết và lòng tự

hào về quá khứ hào hùng, truyền thống vẻ vang của Đảng, của đất nước cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Đây là công việc phải làm thường xuyên, liên tục, bằng nhiều biện pháp sinh động, phong phú, hiệu quả. Phải làm sao để mọi người dân ý thức sâu sắc rằng, chúng ta không được phép lãng quên mà phải luôn khắc ghi, tưởng nhớ, tri ân các lãnh tụ của Đảng, các anh hùng liệt sĩ, đồng bào, đồng chí đã đổ biết bao xương máu, chiến đấu kiên cường và hy sinh anh dũng, viết nên những trang sử vẻ vang trong sự nghiệp đấu tranh lâu dài và gian khổ giành độc lập, tự do cho nước nhà, mang lại hạnh phúc cho nhân dân.

Tiền Giang luôn quan tâm, chú trọng công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh nhằm giữ gìn, tuyên truyền và giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương, góp phần nâng cao nhận thức, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, đóng góp tích cực cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, quảng bá giá trị di sản văn hóa của Tiền Giang với khách tham quan du lịch trong và ngoài nước. Toàn tỉnh hiện có 182 di tích lịch sử, văn hóa được xếp hạng, trong đó có 160 di tích cấp tỉnh và 22 di tích cấp quốc gia.

Từ năm 2010, xác định công tác giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của địa phương là để góp phần khơi dậy sức mạnh nội sinh, tỉnh đã làm hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích, kết quả là: 81 di tích được xếp hạng; 35 di tích được bảo tồn, trùng tu, tôn tạo, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa cho nhân dân ở trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là đối tượng thanh thiếu niên và học sinh, sinh viên về nguồn, chuyển đi thực tế tìm hiểu truyền thống cách mạng dân tộc, địa phương. Hiệu quả khai thác và phục vụ khách tham quan tăng lên theo từng giai đoạn, cho thấy chất lượng hoạt động của các khu di tích lịch sử, văn hóa của tỉnh ngày càng ổn định và có chiều hướng gia tăng. Giai đoạn 2010-2015 toàn tỉnh có 1.938.507 lượt khách tới tham quan, đến giai đoạn 2015-2020, số lượt khách tới tham quan tăng lên 3.312.435 lượt.

Công tác trùng tu, tôn tạo các khu di tích lịch sử, văn hóa; sưu tầm các hiện vật bảo tàng cũng được chú trọng thực hiện thường xuyên. Rạp hát Thầy Năm Tú và Nhà Bạch Công Tử là 2 di tích văn hóa nổi tiếng một thời của vùng đất lục tỉnh xưa nay đã được trùng tu, khai thác. Từ năm 2015 đến nay, rạp hát Thầy Năm Tú (phường 1, thành phố Mỹ Tho) được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tiền Giang phối hợp với Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Tiền Giang tổ chức hơn 600 chương trình đờn ca tài tử, trích đoạn cải lương miễn phí, thu hút nhiều tài tử và khán giả mộ điệu đến dự xem và tham gia biểu diễn. Một số đài phát thanh - truyền hình trong khu vực đã đến đưa tin, làm phóng sự về hoạt động của rạp hát Thầy Năm Tú sau nhiều năm đóng cửa. Cũng tại rạp hát Thầy Năm Tú, từ năm 2017 đến nay, hằng tháng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức chương trình nghệ thuật "Dạ khúc tri âm" miễn phí để phục vụ công chúng mến mộ cải lương, góp phần bảo tồn loại hình nghệ thuật cải lương Nam Bộ nổi danh một thời.

4. Những vấn đề đặt ra và giải pháp chủ yếu để phát triển văn hóa địa phương thời gian tới

Để tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, thời gian tới tỉnh Tiền Giang tập trung thực hiện một số nội dung, giải pháp sau:

Thứ nhất, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện về xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ mới; đề ra những quyết sách phù hợp để khơi dậy sức mạnh nội sinh và phát huy vai trò “soi đường” của văn hóa, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển.

Thứ hai, nâng cao nhận thức trong nội bộ đảng và nhân dân trong việc chăm lo sự nghiệp văn hóa; xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ mới hiện nay là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội.

Thứ ba, tiếp tục nâng cao năng lực tham mưu của cơ quan chuyên trách và cán bộ làm công tác văn hóa, góp phần triển khai thành công những quan điểm chỉ đạo, nội dung, chương trình hành động thực hiện nghị quyết.

Thứ tư, chú trọng công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, đào tạo lực lượng cán bộ văn hóa đủ chuẩn, đáp ứng ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

Thứ năm, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng và xây dựng mô hình, loại hình mẫu về các hoạt động, phong trào văn hóa, văn nghệ, không chạy theo hình thức, số lượng; tập trung hướng về cơ sở, phục vụ và đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa lành mạnh, bổ ích của nhân dân, nhất là ở vùng nông thôn xa, vùng khó khăn.

Thứ sáu, đầu tư kinh phí thỏa đáng từ ngân sách nhà nước, có nhiều giải pháp khả thi từ nguồn xã hội hóa để bảo tồn, trùng tu, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và hiệu quả hoạt động của các khu di tích lịch sử, văn hóa của tỉnh.

Thứ bảy, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có trên địa bàn tỉnh để phục vụ nhu cầu hoạt động vui chơi, giải trí thiết thực của nhân dân, đặc biệt là ở cơ sở.

Nhìn lại chặng đường đã qua, hướng tới mục tiêu trước mắt của năm 2022 và những năm tiếp theo, với quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, với các giải pháp trên cùng sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của các ban, ngành, đoàn thể trong tham mưu, tổ chức thực hiện, chắc chắn rằng trong thời gian tới, công tác xây dựng, phát triển văn hóa và con người Tiền Giang theo hướng phát triển toàn diện, đạt các giá trị chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học sẽ đạt được nhiều kết quả tích cực. Văn hóa tỉnh Tiền Giang sẽ thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, là sức mạnh nội sinh quan trọng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương bền vững, góp phần hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tiền Giang lần thứ XI đề ra, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

VĨNH LONG NỖ LỰC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

TỈNH ỦY VĨNH LONG

1. Đôi nét về tỉnh Vĩnh Long

Vĩnh Long có diện tích tự nhiên là 1.525,73 km², nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, thuộc trung tâm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, tiếp giáp với 7 tỉnh¹, có 5 quốc lộ đi qua, cách Thành phố Hồ Chí Minh 136 km, với 2 cầu dây văng nổi tiếng là cầu Mỹ Thuận và cầu Cần Thơ, đưa Vĩnh Long trở thành đầu mối giao thông nối liền các tỉnh trong khu vực và các thành phố lớn, thuận lợi cho việc khai thác và phát triển văn hóa của tỉnh, liên kết với các tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Vĩnh Long có 8 đơn vị hành chính cấp huyện với 107 xã, phường, thị trấn và 752 ấp, khóm, khu; dân số trên 1.022.971 người, chủ yếu là 3 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa (trong đó, dân tộc Kinh chiếm 97,38%, dân tộc Khmer chiếm gần 2,1%, còn lại là các dân tộc khác). Toàn tỉnh có gần 80% dân số sống ở nông thôn; có 11 tôn giáo đang hoạt động, trong đó có 5 tôn giáo lớn (Thiên chúa, Tin lành, Phật giáo, Cao đài, Phật giáo Hòa Hảo) với 358 cơ sở tôn giáo, 352 chức sắc, 2.247 chức việc, khoảng 272.318 tín đồ... Những đặc điểm này ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa, con người Vĩnh Long, tạo nên một bức tranh văn hóa đa dạng và phong phú, mang đặc trưng văn hóa đồng bằng sông nước Cửu Long, có sự dung hợp văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc, tôn giáo...

Qua 290 năm hình thành và phát triển, vùng đất Vĩnh Long đã tạo lập vị thế trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của miền Tây Nam Bộ vào thế kỷ XVIII, XIX và đầu thế kỷ XX. Với bề dày văn hóa, lịch sử, truyền thống cách mạng, vùng đất Vĩnh Long đã sinh ra những người con ưu tú, làm rạng danh quê hương, đất nước, như: bác Hai Phạm Hùng, bác Sáu Dân (tức đồng chí Võ Văn Kiệt), Giáo sư - Viện sĩ - Anh hùng Lao động - Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa và rất nhiều nhân vật ưu tú khác. Vĩnh Long cũng được biết đến với nhiều di tích lịch sử văn hóa, trong đó, di tích Văn

1. Gồm các tỉnh: Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ.

Thánh miếu là biểu tượng đặc sắc của vùng đất học Vĩnh Long, được xây dựng khá sớm ở Nam Bộ (vào cuối năm 1866) và là văn miếu duy nhất ở Vĩnh Long còn được gìn giữ khá nguyên vẹn cho đến nay. Lầu thơ Văn Xương tại Văn Thánh miếu là nơi đánh dấu sự khởi nguồn và phát triển văn học nghệ thuật của tỉnh Vĩnh Long. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, bắt đầu từ Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943, hoạt động văn hóa, văn nghệ của Vĩnh Long có bước tiến mới với sự thành lập Hội Văn nghệ giải phóng. Từ đây, đội ngũ hoạt động văn hóa, văn nghệ của tỉnh có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng và quá trình phát triển tỉnh nhà.

Nhận thức rõ văn hóa là lĩnh vực quan trọng, có nội hàm sâu rộng tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội, là nền tảng tinh thần, là mục tiêu và động lực của sự phát triển, Vĩnh Long đã quyết tâm, nỗ lực triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện, đưa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng vào cuộc sống, tạo những bước chuyển biến tích cực và toàn diện trong giai đoạn 2015-2020.

2. Một số kết quả về xây dựng và phát triển văn hóa

Tiếp nối chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa trong các kỳ Đại hội Đảng trước đó và qua gần 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, trong giai đoạn 2015-2020, Vĩnh Long đã đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa được nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Nhận thức sâu sắc các quan điểm, định hướng, nội dung chỉ đạo của các nghị quyết trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long đã tập trung triển khai, quán triệt, đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cụ thể, sát hợp với hoàn cảnh, điều kiện của tỉnh và từng đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện. Qua đó, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Vĩnh Long về vai trò, vị trí của văn hóa đã có bước chuyển biến tích cực và rõ rệt, từ đó có nhiều nỗ lực trong thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Vĩnh Long, đem lại những kết quả khá toàn diện.

Công tác lãnh đạo, quản lý về văn hóa của các cấp ủy, chính quyền khá kịp thời và sâu sát, đúng định hướng chỉ đạo của Đảng và phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của đất nước nói chung và tỉnh Vĩnh Long nói riêng; việc phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ về văn hóa cũng đã đồng bộ và chặt chẽ hơn. Các nhiệm vụ về văn hóa, văn học và nghệ thuật được cụ thể hóa thành các phong trào, các cuộc vận động phù hợp với từng giai đoạn để triển khai thực hiện rộng khắp trên địa bàn. Nhiều giá trị văn hóa, các quy định pháp luật và quy chế, quy tắc ứng xử văn hóa ngày càng thấm sâu vào đời

sống xã hội, góp phần xây dựng đạo đức công vụ, lối sống lành mạnh trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, trong mỗi gia đình và cộng đồng dân cư,...

Phong trào thể dục - thể thao của tỉnh Vĩnh Long phát triển mạnh mẽ, đạt thành tích cao tại các giải thi đấu thể thao khu vực, quốc gia và quốc tế, vị thế ngày càng được nâng cao¹. Trong những năm qua, tỉnh Vĩnh Long cũng đã triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam trên địa bàn tỉnh. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt nhiều kết quả tích cực. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ được tập trung đổi mới khá căn bản và toàn diện. Dân trí ngày càng nâng cao, dân chủ được mở rộng, người dân Vĩnh Long có nhiều cơ hội tiếp cận thông tin và hưởng thụ các giá trị văn hóa tốt đẹp hơn; tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc, tôn giáo, tính chủ động và tích cực xã hội ngày càng được phát huy. Hệ thống thông tin truyền thông của tỉnh cũng có bước phát triển đáng kể. Hoạt động sáng tác, quảng bá văn học nghệ thuật của địa phương được chú trọng. Các thiết chế văn hóa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Đời sống văn hóa có bước phát triển, hướng về cơ sở và vùng đồng bào dân tộc; các phong trào văn nghệ quần chúng ngày càng phong phú, sinh động hơn. Tỉnh cũng chú trọng quan tâm đến công tác xây dựng, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa. Toàn tỉnh Vĩnh Long hiện có 40 loại hình lễ hội, hằng năm diễn ra nhiều lễ hội gắn với các di tích lịch sử. Bên cạnh đó, tỉnh cũng chủ động mở rộng hợp tác văn hóa, đầu tư thương mại, du lịch với các địa phương và doanh nghiệp của các nước như Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Nhật Bản, một số nước châu Âu, ASEAN,... Đặc biệt, nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, những năm qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và củng cố tổ chức bộ máy hoạt động văn hóa ở các cấp, các ngành được cấp ủy, chính quyền quan tâm, triển khai thực hiện. Việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Vĩnh Long được gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các năm 2020, 2021 do tác động của đại dịch COVID-19, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện tiêu biểu của tỉnh đều có phương án dự phòng gắn với phòng, chống dịch bệnh.

Trong nhiệm kỳ qua, lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật của tỉnh Vĩnh Long đã đạt được một số thành quả nổi bật, cũng như những sáng tạo mới như:

Một là, tích cực tham gia các giải thưởng, cuộc thi của Trung ương, khu vực và tổ chức các cuộc thi, giải thưởng cấp tỉnh, đạt nhiều kết quả tích cực.

1. Hiện nay, thể dục - thể thao của tỉnh Vĩnh Long xếp thứ 9 toàn quốc và xếp thứ 2 trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Từ nhiều năm nay, Tỉnh ủy Vĩnh Long luôn quan tâm chỉ đạo hướng ứng tốt các giải thưởng của Trung ương và tổ chức các giải cấp tỉnh. Xuyên suốt và nổi bật nhất là Giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học nghệ thuật và báo chí với chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Trong giai đoạn 2015-2020, toàn tỉnh có tổng số 85 tác phẩm tham gia, xét chọn gửi về Trung ương 43 tác phẩm và đề cử khen thưởng 7 tập thể, 5 cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc quảng bá tác phẩm. Kết quả, có 3 tác phẩm đoạt giải¹, 1 tập thể được biểu dương, khen thưởng và 1 tác phẩm đạt giải B được xuất bản². Đồng thời, Tỉnh ủy Vĩnh Long cũng chọn trao 46 giải thưởng cấp tỉnh cho các tác phẩm, tập thể, cá nhân về chủ đề này.

Đặc biệt, năm 2017, tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức thành công cuộc thi Sáng tác lời mới Bài ca vọng cổ và Nhạc tài tử Nam Bộ, thu hút 1.149 tác phẩm của 229 tác giả của hơn 30 tỉnh, thành trên cả nước tham gia dự thi. Phát huy kết quả đó, năm 2020, tỉnh tổ chức liên tiếp 2 cuộc thi: Sáng tác lời mới bài bản tổ và Bản vọng cổ Đờn ca tài tử Nam Bộ³ và sáng tác ca khúc Vĩnh Long - tình đất, tình người⁴, đã thu hút nhiều nhạc sĩ, tác giả uy tín trong cả nước tham gia dự thi. Với nguồn tác phẩm này, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Long, Trung tâm Văn hóa - nghệ thuật của tỉnh đã sử dụng để đăng tải, phát trên sóng phát thanh, truyền hình và các trang mạng xã hội, nhất là các tác phẩm vọng cổ, đờn ca tài tử, góp phần quảng bá văn học, nghệ thuật của tỉnh, đồng thời bảo tồn, phát triển nghệ thuật Đờn ca tài tử⁵.

Năm 2020, tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức Giải thưởng văn học, nghệ thuật Văn Xương Các tỉnh Vĩnh Long lần thứ I, đây là giải văn học, nghệ thuật quy mô nhất của tỉnh từ trước đến nay, tổ chức định kỳ 5 năm một lần; qua đó, đã trao tặng, truy tặng 19 tác giả có tác phẩm tiêu biểu và cống hiến lớn từ năm 1945 tới nay. Giải thưởng là dấu ấn quan trọng trong việc tôn vinh những cống hiến của văn nghệ sĩ tỉnh Vĩnh Long.

Hàng năm, Vĩnh Long đều tổ chức giải văn học, nghệ thuật các chuyên ngành. Trong giai đoạn 2015-2020, tỉnh đã tổ chức 16 giải chuyên ngành văn học, nhiếp ảnh, sân khấu, âm nhạc, mỹ thuật và múa, thu hút 844 tác giả tham gia với 2.826 tác phẩm, trong đó chọn lọc được 211 tác phẩm để trao giải. Bên cạnh đó, tỉnh Vĩnh Long cũng tạo điều kiện để hội viên các chuyên ngành tham gia tốt các giải thưởng của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, các giải trong nước và quốc tế. Kết quả,

1. Ba tác phẩm đoạt giải, trong đó có 1 giải B, 1 giải C và 1 giải khuyến khích.

2. Tác phẩm “*Những mẫu chuyện Bác Hồ với Vĩnh Long và Vĩnh Long với Bác Hồ*” của tác giả Nguyễn Chiến Thắng (nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy) đạt giải B.

3. Sau 1 tháng phát động, có 111 bài dự thi của 25 tác giả trên khắp cả nước.

4. Có 274 tác phẩm dự thi của 162 tác giả thuộc 34 tỉnh, thành phố trên khắp cả nước.

5. Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại được UNESCO công nhận vào năm 2013.

toàn tỉnh đạt 140 giải của các chuyên ngành văn học, mỹ thuật, nhiếp ảnh, múa và sân khấu trong thời gian qua.

Sự quan tâm của cấp ủy và chính quyền các cấp đã tiếp thêm động lực và niềm tin cho các văn nghệ sĩ quyết tâm hơn trong hoạt động sáng tác, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ của dân tộc, góp phần quan trọng vào thành tựu chung của tỉnh Vĩnh Long.

Hai là, xây dựng, hoàn thiện các thiết chế văn hóa và bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu.

Đến nay, tỉnh Vĩnh Long có 1 trung tâm văn hóa - nghệ thuật, 1 bảo tàng, 1 thư viện, 1 trung tâm hoạt động thanh thiếu niên, 1 nhà văn hóa lao động cấp tỉnh; 8 trung tâm văn hóa - thông tin và thể thao, 9 thư viện, 5 quảng trường, 4 công viên cấp huyện; 7 thư viện, 86 Trung tâm văn hóa - thể thao, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng cấp xã; 58 nhà văn hóa - khu thể thao cụm liên ấp; 272 phòng đọc sách xã, tủ sách cơ sở... Tỉnh Vĩnh Long có 747 di tích. Hằng năm, các thiết chế văn hóa tổ chức trên 900 cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, phục vụ hơn 112.000 lượt người xem/năm; duy trì hoạt động của hơn 468 câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích; tổ chức trên 18.500 buổi sinh hoạt, thu hút hơn 9.300 hội viên tham gia.

Trong 5 năm qua, Vĩnh Long có 19 di tích xếp hạng cấp tỉnh, 1 di tích xếp hạng cấp quốc gia, nâng tổng số di tích được xếp hạng của tỉnh Vĩnh Long hiện nay lên 64 di tích (53 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh, 11 di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia). Xây dựng mới 5 công trình văn hóa; trùng tu, tôn tạo 45 lượt di tích. Tập trung điều tra toàn diện, nghiên cứu sưu tầm, bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa và văn hóa phi vật thể, các loại hình văn nghệ cổ truyền, văn hóa dân gian đặc sắc trên địa bàn tỉnh¹; có 29 làng nghề, nghề truyền thống được công nhận. Đặc biệt, việc triển khai thực hiện Đề án “Bảo vệ và phát huy giá trị nghệ thuật Đờn ca tài tử” của tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2015-2020 đạt nhiều kết quả, trong đó đã đưa nghệ thuật đờn ca tài tử, hát bội vào khai thác du lịch. Đây là điểm đặc sắc, bảo tồn được giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch của Vĩnh Long trong thời gian gần đây.

Ba là, chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động mới để xây dựng con người Vĩnh Long phát triển toàn diện.

Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp các ngành xây dựng kế hoạch liên tịch nhằm tổ chức các hình thức giáo dục cho học sinh, sinh viên theo tinh thần Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho

1. Cụ thể: sưu tầm trên 4.456 hiện vật; 376 hình ảnh.

thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030” và Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 20/5/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc “Tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục đạo đức, lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh thiếu niên”. Bình quân tổ chức 2 - 6 cuộc/năm với các hình thức sinh hoạt truyền thống, nói chuyện chuyên đề nhân kỷ niệm ngày sinh của các vị lãnh tụ, tiền bối cách mạng của đất nước và quê hương Vĩnh Long và các sự kiện lịch sử cách mạng tiêu biểu của tỉnh. Ngoài ra, phối hợp Bảo tàng Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) tổ chức triển lãm với chuyên đề “Côn Đảo xưa và nay”, chiếu phim tư liệu về các đồng chí nguyên Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long là cựu tù Côn Đảo. Sau mỗi hoạt động, đều tổ chức viết cảm nghĩ về chủ đề được nghe và chọn những bài tiêu biểu để trao thưởng, động viên.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy cũng chỉ đạo đẩy mạnh giáo dục văn hóa địa phương, triển khai giảng dạy văn hóa địa phương ở bậc tiểu học từ năm học 2014-2015. Nhiều năm gần đây, các trường duy trì hội thi “Em yêu làn điệu dân ca”, “Sáng tác dân ca, đồng dao trên nền nhạc dân tộc”; hình thành các câu lạc bộ em yêu lịch sử, địa lý, văn học, âm nhạc, mỹ thuật... Chỉ đạo gắn kết với thực tiễn địa phương vào giảng dạy các môn Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tỉnh Vĩnh Long đã hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học về sưu tầm, tìm hiểu văn hóa dân gian, thu hút đông đảo giáo viên và học sinh, sinh viên tham gia cộng tác, biên soạn.

Thời gian qua, các hình thức giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử... đã góp phần tích cực trong việc giáo dục thế hệ trẻ về lòng yêu nước, niềm tự hào và ý thức trân trọng, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, giúp các em ý thức rõ hơn về trách nhiệm và nghĩa vụ xây dựng quê hương, đất nước.

Bốn là, quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, định hướng hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật của tỉnh nâng cao chất lượng, hiệu quả.

Công tác tổ chức, xây dựng bộ máy, đội ngũ cán bộ, định hướng phát triển văn hóa, văn nghệ đều được Tỉnh ủy Vĩnh Long quan tâm chỉ đạo sâu sát, bảo đảm hoạt động đúng quan điểm, đường lối của Đảng, phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hội Văn học - nghệ thuật tỉnh Vĩnh Long hiện có 209 hội viên, trong đó có 46 hội viên Trung ương, khá đông so với các tỉnh trong khu vực. Các tác phẩm văn nghệ ngày càng phong phú, đa dạng, tăng về số lượng và chất lượng. Tính riêng lực lượng sáng tác chuyên nghiệp, mỗi năm có bình quân 45 tác phẩm được hỗ trợ đầu tư. Tạp chí *Văn nghệ Cửu Long* được tăng kỳ phát hành, hiện nay phát hành 12 số/mỗi năm với hơn 6.000 quyển. Hằng năm tổ chức 4 - 6 chuyến đi thực tế sáng tác, 6 - 8 cuộc triển lãm tại các địa phương trong tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh bạn, bình quân 750 tác phẩm/cuộc, tập trung chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng nông thôn mới và bảo vệ chủ quyền biển, đảo,... Tuy Vĩnh Long

là địa phận không có biển, đảo, biên giới quốc gia, nhưng thời gian qua đã tích cực cùng cả nước đẩy mạnh tuyên truyền bảo vệ vùng biển, vùng trời của Tổ quốc.

Tỉnh đã tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về việc Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); đồng thời quan tâm xây dựng nhiều đề án, dự án, kế hoạch quan trọng thúc đẩy văn hóa của tỉnh. Nổi bật như: Đề án xây dựng Bảo tàng Nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Đề án xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù; Đề án đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động bảo tàng gắn với phát triển du lịch, kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030; Đề án phát triển môn bi sắt trong các chùa của đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2020-2025...

Để tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực văn hóa, tỉnh luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành. Trong 5 năm, đã đào tạo chính trị cho 2.941 lượt cán bộ; 4.700 lượt đào tạo chuyên môn từ đại học trở lên; có 23.787 lượt cán bộ, công chức, viên chức qua các khóa bồi dưỡng về quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, kỹ năng chuyên ngành,...

Những thành tựu khá toàn diện và nổi bật, đáng tự hào nêu trên, bắt nguồn từ sự ổn định về chính trị, phát triển của kinh tế, văn hóa - xã hội và giữ vững an ninh quốc phòng, làm chuyển biến căn bản đời sống xã hội, góp phần thực hiện có hiệu quả các quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương, của tỉnh và các cấp, các ngành về phát triển văn hóa. Nhu cầu hưởng thụ các giá trị về văn hóa, văn học, nghệ thuật được nâng lên một tầm cao theo trình độ dân trí. Đây là một tiền đề rất cơ bản cho mọi sự phát triển, tạo nên sức mạnh nội sinh, thúc đẩy cán bộ, đảng viên và nhân dân nỗ lực nhiều hơn trong thực hiện hành động cách mạng, góp phần đặc lực vào sự phát triển bền vững của tỉnh, đưa Vĩnh Long từ một tỉnh thuần nông vươn lên thành tỉnh khá trong khu vực vào năm 2020, nâng cao đời sống của nhân dân cả về vật chất và tinh thần.

Có được thành tựu đó, trước hết là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, định hướng, hỗ trợ, tạo điều kiện của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, của các hội chuyên ngành Trung ương. Bên cạnh đó, là sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, sự nỗ lực, quyết tâm vào cuộc một cách đồng bộ của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và sự đồng tình hưởng ứng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đặc biệt là chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy Vĩnh Long về tổ chức các giải văn học nghệ thuật, văn nghệ sĩ rất phấn khởi tham gia hưởng ứng. Từ đó, hướng sự chú ý của các cấp, các ngành và

nhân dân quan tâm, đầu tư nguồn lực nhiều hơn, ủng hộ tinh thần và điều kiện vật chất cho văn hóa, văn nghệ của Vĩnh Long không ngừng phát triển.

Các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng về văn hóa được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng thuận, gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các phong trào, cuộc vận động ý nghĩa nên có nhiều thuận lợi khi đưa vào cuộc sống. Các ngành, các cấp quán triệt sâu rộng nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Từ đó, các nguồn lực đầu tư cho văn hóa gắn kết đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng nông thôn mới và giải quyết các vấn đề xã hội..., góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long phát triển bền vững.

Ngành văn hóa, văn học và nghệ thuật đã làm tốt vai trò tập hợp, đoàn kết, tạo điều kiện, hỗ trợ, động viên văn nghệ sĩ hoàn thành sứ mệnh cao cả của mình. Sự liên kết ngày càng chặt chẽ hơn giữa các tỉnh, thành trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước đã mở ra nhiều triển vọng và ngày càng có hiệu quả trong sáng tạo, quảng bá các giá trị văn hóa của tỉnh Vĩnh Long, tạo điều kiện cho lực lượng hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ vươn xa hơn, có môi trường sáng tạo rộng hơn. Đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước trưởng thành, nêu cao tinh thần, ý thức trách nhiệm trong lãnh đạo, quản lý và không ngừng tìm tòi, sáng tạo ngày càng nhiều tác phẩm, góp phần vào thành tựu văn hóa, văn nghệ của tỉnh.

Trình độ dân trí, đời sống của nhân dân ngày càng phát triển, ý thức và nhu cầu vui chơi, giải trí, hưởng thụ các giá trị văn hóa ngày càng cao. Các phong tục, tập quán lạc hậu từng bước được xóa bỏ, thay vào đó là thực hiện lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, môi trường văn hóa trong từng gia đình và cộng đồng xã hội, hình thành lối sống văn hóa của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, từng bước chấn chỉnh trật tự, kỷ cương trong các hoạt động văn hóa, kịp thời thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền giáo dục, nhắc nhở, xử lý các hành vi vi phạm... Từ đó, ngăn chặn, bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, tạo điều kiện, khuyến khích, mở rộng các hoạt động văn hóa, văn nghệ theo hướng đổi mới, tiến bộ, phù hợp, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

3. Khó khăn, hạn chế và bài học kinh nghiệm

Bên cạnh kết quả đạt được, việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long còn một số khó khăn, hạn chế, thử thách trong việc đáp ứng những yêu cầu mới, bức thiết nảy sinh trong đời sống xã hội hiện nay.

Một bộ phận nhân dân chưa thật sự quan tâm nhiều đến các vấn đề chính trị - xã hội; đề cao vật chất, lối sống thực dụng, xem nhẹ các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; có hiện tượng coi thường pháp luật. Còn tồn tại các biểu hiện thiếu văn minh trong kinh doanh, giao tiếp ứng xử, bạo lực gia đình, tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống trong cán bộ đảng viên và nhân dân, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp, làm cho quan hệ gia đình, cộng đồng, xã hội nảy sinh nhiều tiêu cực. Ý thức bảo vệ môi trường còn hạn chế. Đời sống văn hóa tinh thần của một bộ phận người dân (công nhân, người lao động có hoàn cảnh khó khăn...) còn thiếu thốn. Việc công nhận danh hiệu văn hóa còn chạy theo thành tích, chưa chú trọng chất lượng và tính bền vững... Trong hai năm 2020 và 2021, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, đời sống văn hóa, văn nghệ trầm lắng, nhiều nhiệm vụ, hoạt động văn hóa, văn nghệ bị trì hoãn, không triển khai được theo kế hoạch đề ra.

Công tác tuyên truyền, triển khai, quán triệt nghị quyết và các chủ trương, chính sách về văn hóa chưa thường xuyên liên tục, thiếu chiều sâu. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, chính quyền trong việc cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng trên lĩnh vực văn hóa còn chậm. Việc giáo dục đạo đức, lối sống, lý tưởng, giáo dục thẩm mỹ, thị hiếu nghệ thuật tuy có chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự phát triển văn hóa, văn nghệ chưa tương xứng với tiềm năng. Đời sống phần lớn văn nghệ sĩ còn khó khăn, kinh phí hoạt động của Hội hạn hẹp, chưa có văn nghệ sĩ thực sự nổi trội so với khu vực và cả nước. Chưa có tác phẩm hay, tác phẩm lớn xứng tầm thời kỳ đổi mới và truyền thống văn hóa, lịch sử của tỉnh Vĩnh Long. Công tác lý luận, phê bình văn học nghệ thuật còn yếu. Việc hỗ trợ, khuyến khích đội ngũ hoạt động văn hóa, nhất là các nghệ nhân và việc hỗ trợ, đào tạo tài năng, chế độ chính sách đối với diễn viên, vận động viên còn thấp. Việc tạo nguồn cán bộ lãnh đạo Hội Văn học nghệ thuật chưa đạt yêu cầu do phần lớn hội viên lớn tuổi (chiếm trên 60%), nguồn lực kế thừa mỏng. Một số loại hình văn nghệ truyền thống đang có nguy cơ mai một do nhiều nguyên nhân (không hợp thời, ít đổi mới nên kém thu hút, không người kế tục...). Một số thiết chế văn hóa ở cơ sở chưa phát huy hết công năng và hiệu quả. Du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, nguồn nhân lực du lịch còn thiếu, việc thu hút đầu tư còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa còn thiếu, nhất là ở cơ sở, phần lớn chưa đáp ứng tốt về chuyên môn, nghiệp vụ...

Sự bùng nổ của Internet, điện thoại thông minh, nhiều sản phẩm văn hóa độc hại, văn hóa ngoại sinh không lành mạnh có điều kiện phát tán, thâm nhập, mặt nào đó ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống văn hóa. Bên cạnh đó, âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa của các thế lực thù địch đã ảnh hưởng đến tư tưởng của một bộ phận nhân dân, làm xói mòn, mờ nhạt bản sắc văn hóa truyền thống, nhất là trong thanh thiếu niên; nhưng công tác đấu tranh, phản bác các luận

điều xuyên tạc, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa còn hạn chế, chưa thực sự sắc bén. Một số cấp ủy đảng và chính quyền chưa thật sự sâu sát và quyết liệt trong triển khai thực hiện và tuyên truyền, vận động nhân dân; thiếu các biện pháp đồng bộ để triển khai thực hiện.

Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng từ Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đến Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đều xem văn hóa, văn nghệ là một trận địa tư tưởng rất quan trọng trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhưng nhiều năm qua vẫn chưa có chính sách, cơ chế phù hợp để biến các quan điểm chỉ đạo của Đảng thành hiện thực nhằm tạo ra bước đột phá trong đời sống văn học, nghệ thuật cả nước nói chung và Vĩnh Long nói riêng. Nguồn lực đầu tư của Nhà nước và các nguồn huy động khác cho hoạt động văn hóa chưa đáp ứng nhu cầu và tiềm năng phát triển, chưa được “đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị” theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW, trong khi đó, việc vận động xã hội hóa gặp nhiều khó khăn. Tuy tỉnh Vĩnh Long ban hành nghị quyết tăng mức chi cho một số hoạt động văn hóa, các hội thi, hội diễn... nhưng cơ chế, chính sách, đãi ngộ văn nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên thể thao theo quy định của Trung ương vẫn còn hạn chế cần được điều chỉnh. Lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật vừa rộng, vừa đa dạng và phức tạp, đòi hỏi việc nghiên cứu, tiếp cận phải có thời gian và chiều sâu, nhưng cán bộ lãnh đạo hoạt động trong lĩnh vực này ở các cấp thiếu ổn định, thường xuyên thay đổi; bên cạnh đó, kinh phí hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở còn hạn chế, đã ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả phong trào, hoạt động văn hóa ở cơ sở...

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa, con người, tỉnh Vĩnh Long đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, quán triệt và nắm vững đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng để làm tiền đề, cơ sở lý luận và mục tiêu phấn đấu trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người Vĩnh Long đáp ứng tốt yêu cầu phát triển xã hội trong giai đoạn mới. Đồng thời, tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền; vai trò tuyên truyền vận động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để thực hiện các nhiệm vụ về văn hóa một cách thường xuyên và đồng bộ - đây là điều kiện cốt lõi cho sự phát triển văn hóa, văn nghệ của tỉnh.

Hai là, huy động sự chung tay góp sức của cả hệ thống chính trị, của mỗi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội; quan tâm chỉ đạo tuyên truyền nâng cao nhận thức, khơi dậy ý thức tự nguyện, tự giác, tinh thần chủ động, sáng tạo, năng lực tự quản của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ đó, tạo sự chuyển biến tích cực

trong tư tưởng và hành vi của mỗi cá nhân, gia đình và cả cộng đồng trong xây dựng đời sống văn hóa. Huy động nguồn lực của toàn xã hội nhằm đẩy mạnh thực hiện và nâng cao chất lượng các phong trào, hoạt động văn hóa. Phát huy tối đa vai trò của các cơ quan truyền thông trong thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, định hướng và giáo dục. Kịp thời sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm; biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích và nhân rộng các mô hình tiêu biểu.

Ba là, phát huy tinh thần đoàn kết, quy tụ lực lượng văn nghệ sĩ, những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa; quan tâm chăm lo phát triển đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ để tạo nên sức mạnh to lớn, cùng vượt qua khó khăn, hoàn thành các mục tiêu phát triển văn hóa. Đẩy mạnh hoạt động liên kết sáng tác, quảng bá tác phẩm từ việc đẩy mạnh các phong trào thi đua, các cuộc thi, giải thưởng của tỉnh. Các hoạt động liên kết, giao lưu, quảng bá tác phẩm, định hướng tuyên truyền, sáng tác... đã tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ có thêm nhiều môi trường sáng tạo, nâng cao khả năng nghề nghiệp, góp phần thúc đẩy văn hóa, văn nghệ của Vĩnh Long phát triển.

4. Định hướng phát triển văn hóa, con người Vĩnh Long trong thời gian tới

Trong tiến trình toàn cầu hóa, đời sống văn hóa của Vĩnh Long cũng như cả nước chịu tác động trên nhiều phương diện. Văn hóa các nước lớn đã lan tỏa, tác động mạnh mẽ đến đời sống của nhân dân, trong đó, việc tiếp thu thiếu chọn lọc các luồng văn hóa ngoại sinh làm ảnh hưởng đến văn hóa dân tộc. Sự phát triển của các loại hình, phương tiện truyền thông, các trào lưu văn hóa mới và mặt trái của nền kinh tế thị trường làm cho nhiều giá trị truyền thống bị biến đổi, kéo theo sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa với nhiều thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn.

Để thực hiện tốt các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng và phát triển văn hóa, con người, tỉnh Vĩnh Long sẽ nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy dân chủ, truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa; huy động mọi nguồn lực và tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm quốc phòng - an ninh. Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa - xã hội ở các khu dân cư, khu công nghiệp. Tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đấu tranh phòng, chống các mặt

tiêu cực, phát huy và nhân rộng các nhân tố tích cực tạo thành phong trào xã hội. Tăng cường quản lý thông tin, báo chí, phát triển văn học nghệ thuật, giáo dục và đào tạo... Đẩy mạnh công tác bảo tồn, khôi phục, phát huy di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các giá trị văn hóa có nguy cơ mai một (trang phục truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết, tri thức bản địa, nghề thủ công truyền thống,... của các dân tộc thiểu số). Kịp thời thực hiện các chính sách đặc thù của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ hoạt động văn hóa, văn nghệ sĩ. Mở rộng xã hội hóa, tăng mức chi hoạt động và đầu tư cho văn hóa tương xứng với mức tăng trưởng kinh tế hằng năm. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức các loại hình văn hóa đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt, hưởng thụ của nhân dân, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh,...

Tinh xác định, yếu tố con người là nguồn lực quan trọng, quy tụ mọi sức mạnh và quyết định sự phát triển. Do đó, thời gian tới sẽ tập trung nhiều hơn vào nhiệm vụ trọng tâm, then chốt là xây dựng con người Vĩnh Long với các chuẩn mực cụ thể, mang đầy đủ các đặc tính tốt đẹp của con người Việt Nam. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” một cách hiệu quả, thiết thực. Phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối làm việc, sinh hoạt của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tự trau dồi, rèn luyện nâng cao phẩm chất, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới. Chú trọng giáo dục sinh viên, học sinh phát triển toàn diện, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, lối sống văn hóa. Phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người; nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hoạt động văn hóa cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, điều hành, quản lý, tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Quyết tâm thực hiện tốt các phương hướng và nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản vừa nêu sẽ thúc đẩy phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Vĩnh Long, góp phần vào sự nghiệp đổi mới và phát triển bền vững đất nước nỗ lực thực hiện “phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu,

thường xuyên”¹ theo quan điểm chỉ đạo Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

5. Một số đề xuất, kiến nghị

5.1. *Kiến nghị Trung ương* sớm xây dựng chính sách cụ thể cho hoạt động văn học, nghệ thuật theo tinh thần các nghị quyết của Đảng về văn hóa, văn nghệ, đặc biệt là Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”. Cần có chính sách và cơ chế cho báo, tạp chí văn nghệ địa phương.

5.2. *Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch* nghiên cứu, tham mưu Quốc hội sớm ban hành nhóm 9 luật đã đưa vào chương trình, dự án, đề án đến năm 2030 gồm: Luật điện ảnh (sửa đổi, bổ sung), Luật sở hữu trí tuệ (sửa đổi, bổ sung), Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật di sản văn hóa (sửa đổi, bổ sung), Luật mỹ thuật, Luật nghệ thuật biểu diễn, Luật tài trợ, hiến tặng; Luật triển lãm,... Trong đó, đề nghị sớm ban hành Luật tài trợ, hiến tặng (dự kiến năm 2026) vì đây là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy mạnh mẽ, minh bạch công tác xã hội hóa hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch. Xem xét sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản dưới luật trên lĩnh vực quản lý mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, quảng cáo, tuyên truyền cổ động trực quan, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa... để bảo đảm môi trường văn hóa lành mạnh;

Tham mưu Bộ Chính trị xây dựng nghị quyết (tiếp nối) về thể dục, thể thao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để thống nhất lãnh đạo công tác phát triển thể dục, thể thao trong tình hình mới;

Tham mưu ban hành cơ chế đặc thù trong tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ các tài năng văn hóa, nghệ thuật. Nâng mức kinh phí chương trình mục tiêu về văn hóa cho địa phương;

Tổ chức hội thảo hoặc đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia về vai trò, vị trí, quy mô đầu tư, tổ chức hoạt động và vấn đề nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm văn hóa - thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao ấp.

*

**

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa đối với phát triển đất nước. Người nói: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.110.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.1, tr.XXV.

Văn hóa là linh hồn của dân tộc, là nguồn lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững đất nước. Tiếp tục quan điểm chỉ đạo đó, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định một trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng của đất nước”¹.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự ủng hộ của nhân dân, phát huy truyền thống văn hóa, lịch sử, cách mạng vẻ vang, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết tâm, phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Vĩnh Long trong giai đoạn mới, góp phần xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.II, tr.330.

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

TỈNH ỦY TRÀ VINH

Trà Vinh là tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích tự nhiên 2.391 km²; dân số trên 1 triệu người, với 3 dân tộc chính là Kinh, Khmer, Hoa, trong đó đồng bào Khmer chiếm khoảng 32%, Hoa chiếm gần 1%. Tỉnh có 9 đơn vị hành chính cấp huyện, với 106 xã, phường, thị trấn, trong đó có 7 xã bãi ngang, 6 xã đảo, 5 xã an toàn khu, 15 xã đặc biệt khó khăn. Toàn tỉnh có 143 chùa Khmer, trên 300 cơ sở thờ tự, trên 50% đồng bào có đạo. Quá trình chung sống của các cộng đồng dân tộc cũng là quá trình giao lưu và hội nhập, tạo nên đời sống văn hóa phong phú, đa dạng.

Qua các thời kỳ cách mạng, văn hóa được xem là nền tảng tinh thần của xã hội nên Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chăm lo phát triển văn hóa, coi văn hóa là một mặt trận quan trọng trên lĩnh vực tư tưởng. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển của đất nước đến năm 2045, theo đó xác định đến năm 2045 đất nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Để thực hiện mục tiêu trên, Đại hội XIII khẳng định: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”¹.

Nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, xuất phát từ điều kiện và tình hình thực tế tại địa phương, thời gian qua, Tỉnh ủy Trà Vinh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa các chủ trương,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.II, tr.324.

đường lối của Đảng về văn hóa¹ để triển khai thực hiện trong toàn tỉnh, đặc biệt là hai nghị quyết chuyên đề quan trọng về văn hóa: Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Đây là các nghị quyết chuyên đề sâu sắc và toàn diện về văn hóa sau Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI và Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai, tổ chức thực hiện; đưa nội dung phát triển văn hóa vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết hằng năm của Tỉnh ủy; cụ thể hóa vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện, qua đó đã đạt nhiều kết quả quan trọng như sau:

- *Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa.* Tỉnh ủy Trà Vinh luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa, văn nghệ; định kỳ chỉ đạo các cấp ủy tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong tình hình mới; quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng đời sống văn hóa ở cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; tập trung đầu tư, hoàn thiện các thiết chế văn hóa phục vụ đời sống nhân dân; tổ chức thăm, chúc mừng, tặng quà, họp mặt đội ngũ phóng viên, biên tập viên, văn nghệ sĩ, trí thức nhân dịp lễ, Tết; đưa Ngày thơ Việt Nam vào kế hoạch tổ chức các ngày lễ lớn trong năm của tỉnh, thu hút đông đảo người dân đến thưởng thức; tổ chức định hướng hoạt động văn hóa, văn nghệ hằng tuần, tháng, quý, năm. Thường trực Tỉnh ủy thường xuyên tổ chức các cuộc họp để nghe lãnh đạo các cơ quan thuộc

1. Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”,...

lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trình bày những khó khăn, vướng mắc, đề xuất kiến nghị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, kịp thời chỉ đạo, định hướng phát triển chung.

- *Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa.* Các cấp chính quyền và ngành chức năng nâng cao vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước về văn hóa; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, giữ gìn, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các chế độ, chính sách đãi ngộ tài năng đối với hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật; đề xuất Trung ương xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú (hiện tỉnh có 9 nghệ sĩ ưu tú; 8 nghệ nhân ưu tú). Quan tâm đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể; đến nay, toàn tỉnh có 1 bảo vật quốc gia, 5 di sản văn hóa phi vật thể và 48 di tích được xếp hạng (16 di tích quốc gia, 32 di tích cấp tỉnh); đồng thời, tỉnh Trà Vinh đã khai thác hiệu quả và phát huy các giá trị của di tích, góp phần giáo dục truyền thống, lòng yêu nước, tự hào dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý vi phạm pháp luật về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

- *Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.* Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và Chỉ thị về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa, ấp văn hóa - nông thôn mới, gia đình văn hóa - nông thôn mới. Cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo quyết liệt xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở gắn với triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Xây dựng, nhân rộng nhiều mô hình phòng, chống bạo lực gia đình, mô hình "Tuyên truyền đạo đức, lối sống trong gia đình" và các câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững. Duy trì và tổ chức tốt các hoạt động của các đoàn thể. Hiện nay, trên toàn tỉnh Trà Vinh có 246.042/275.529 hộ đạt chuẩn Gia đình văn hóa, chiếm 89,3%; 630/756 Ấp, khóm văn hóa, chiếm 83,3%; 74/85 xã đạt chuẩn Văn hóa nông thôn mới, chiếm 87,1%, có 11 xã nông thôn mới nâng cao, 2 xã nông thôn mới kiểu mẫu; 14/21 phường, thị trấn đạt chuẩn Văn minh đô thị, chiếm 66,7%; 1.093/1.141 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 343 mô hình phòng, chống bạo lực gia đình được xây dựng; 106 mô hình "Tuyên truyền đạo đức, lối sống trong gia đình".

Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ ở từng cơ quan, đơn vị với phương châm "sát chức năng, nhiệm vụ; ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện và đánh giá việc thực hiện" theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị. Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị đã xây dựng chuẩn mực đạo đức về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

phong cách Hồ Chí Minh; đa số các cơ quan, đơn vị đều đã ban hành, rà soát bổ sung chuẩn mực đạo đức công vụ.

Các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư, chất lượng và hiệu quả được nâng lên, như: Thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa cộng đồng,... Các địa phương, đơn vị tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động, đưa thông tin về cơ sở, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số... Hằng năm, từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn vận động xã hội hóa, các địa phương đã thực hiện đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp nhà văn hóa cấp xã, ấp. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 8 trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao (nhà văn hóa) cấp huyện; 98/106 nhà văn hóa, thư viện xã, phường, thị trấn và 731/756 nhà văn hóa ấp, khóm, cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi, hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Công tác tuyên truyền, cổ động phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của ngành và địa phương với nhiều nội dung phong phú, đa dạng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ chuyên nghiệp được tổ chức thường xuyên, Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh và Trung tâm Văn hóa tỉnh tổ chức sáng tác, dàn dựng nhiều chương trình, kịch bản, tiết mục, biểu diễn văn nghệ, chiếu phim lưu động; tổ chức triển lãm chuyên đề, hội thi, liên hoan,... góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các cấp, các ngành tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch, hành vi tiêu cực ảnh hưởng xấu đến nền văn hóa; chủ động nắm bắt tình hình, phối hợp tham gia đấu tranh kỹ thuật đối với những bài viết có nội dung xuyên tạc; thông tin chính xác về những vấn đề người dân quan tâm để định hướng dư luận, đấu tranh, phản bác lại luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch; kịp thời xử lý các đối tượng đăng tải thông tin sai sự thật, góp phần ổn định dư luận trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra các hoạt động quản lý, cấp phép phổ biến các sản phẩm văn hóa, hoạt động kinh doanh văn hóa phẩm; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm quy định của pháp luật, góp phần chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, làm băng hoại đạo đức xã hội.

Các hoạt động trên đã tác động tích cực đến việc xây dựng đạo đức, lối sống, trách nhiệm xã hội, xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- *Quan tâm xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế.* Tỉnh ủy Trà Vinh đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng văn hóa trong Đảng, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị ngày càng

trong sạch, vững mạnh. Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức thực hiện có bài bản, quyết liệt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là của người đứng đầu các cấp, các ngành. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII thành 82 biểu hiện nhỏ để đảng viên dễ nhận diện, đánh giá; nêu cao tinh thần trách nhiệm, thẳng thắn, cầu thị đối với việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình trong chi bộ, cơ quan, đơn vị và trước quần chúng nhân dân; quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; chú trọng xây dựng văn hóa trong kinh tế, tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thực hiện đúng pháp luật về kinh doanh, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp;...

- *Chú trọng phát triển văn hóa gắn với phát triển du lịch trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Tỉnh tập trung chỉ đạo phát triển văn hóa gắn với phát triển du lịch văn hóa, trong đó tập trung khai thác và phát triển du lịch cộng đồng, du lịch thuận thiên, khai thác các di tích lịch sử văn hóa có tính giáo dục truyền thống cách mạng của địa phương, giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc, các sản phẩm đặc thù của địa phương: khu du lịch sinh thái Cồn Chim (huyện Châu Thành), Cồn Hồ (huyện Càng Long); khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Biển Ba Động; Khu di tích lịch sử Đền thờ Bác Hồ (xã Long Đức, thành phố Trà Vinh), Khu tưởng niệm nữ Anh hùng Nguyễn Thị Út (xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè), lễ hội Ok Om Bok của đồng bào Khmer, lễ hội Cúng biển Mỹ Long,...

- *Quan tâm công tác xây dựng con người Trà Vinh phát triển toàn diện.* Tỉnh ủy chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, góp phần tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Tỉnh ủy đã cụ thể hóa quan điểm phát triển con người toàn diện trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW là “Xây dựng con người Trà Vinh theo các chuẩn mực giá trị văn hóa, con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, có ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội và với quê hương Trà Vinh”; triển khai nhiều nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện chăm lo xây dựng và phát triển con người, quan tâm đào tạo nguồn nhân lực và đội ngũ trí thức,

từng bước chuẩn hóa cán bộ theo quy định của Trung ương, trong đó chú trọng giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về lòng yêu nước, truyền thống cách mạng, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; ý thức trách nhiệm công dân đối với quê hương, đất nước,...

- *Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa.* Tỉnh quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, bảo tồn các khu di tích lịch sử và các giá trị văn hóa truyền thống phi vật thể. Hằng năm, tỉnh bảo đảm nguồn chi ổn định cho hoạt động văn hóa; huy động sự hỗ trợ của Trung ương, sự đóng góp của doanh nghiệp và nhân dân để đầu tư cơ sở vật chất văn hóa phục vụ nhân dân, khách du lịch.

Một số công trình, di tích trong tỉnh được trùng tu, tôn tạo, thực hiện vai trò là trung tâm sinh hoạt văn hóa, chính trị của tỉnh, phục vụ đời sống tinh thần cho nhân dân, như: Ao Bà Om, di tích Đền thờ Bác Hồ, di tích Miếu Tiên Vương,... Hằng năm, vào dịp kỷ niệm ngày sinh, ngày giỗ Bác Hồ, tuổi trẻ, phụ nữ tỉnh Trà Vinh tổ chức lễ báo công dâng Bác, sinh hoạt, giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Trà Vinh.

- *Chú trọng xây dựng đội ngũ làm công tác văn hóa.* Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phân công, bố trí nguồn nhân lực làm công tác văn hóa luôn được các cấp ủy, chính quyền tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; 100% xã, phường, thị trấn có cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao, đa phần đều qua đào tạo chính quy hoặc được đào tạo lại đạt trình độ từ trung cấp trở lên, trong đó, 1/3 số cán bộ có trình độ đại học, số còn lại đều có trình độ nghiệp vụ từ trung cấp trở lên. Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, văn học và nghệ thuật và đội ngũ văn nghệ sĩ được đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức. Tỉnh quan tâm đầu tư xây dựng Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ thuộc Trường Đại học Trà Vinh thành khoa trọng điểm quốc gia phục vụ đào tạo nguồn nhân lực cho đồng bào Khmer Nam Bộ; thành lập Trung tâm Văn hóa miền Tây thuộc Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ;... Các khoa, bộ môn, trung tâm nghiên cứu sau khi thành lập, đã chú trọng công tác đào tạo đội ngũ giáo viên, từng bước đi vào hoạt động nền nếp, thực hiện tốt chức năng nghiên cứu, bảo tồn và truyền dạy về ngôn ngữ, văn hóa, nghệ thuật cho nhân dân tỉnh Trà Vinh và khu vực Nam Bộ.

Để phục vụ nhiệm vụ phát triển con người, Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo đầu tư xây dựng đồng bộ các lĩnh vực, trong đó có xây dựng hệ thống trường lớp, trung tâm học tập cộng đồng. Hiện toàn tỉnh có 437 trường học, với 6.930 phòng học, 100% phòng học đạt kiên cố và bán kiên cố; 138 trường đạt chuẩn quốc gia; 106 trung tâm học tập cộng đồng... góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trong tỉnh.

Đạt được những kết quả nêu trên chính là nhờ sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự hỗ trợ của các bộ, ban, ngành Trung ương và nhất là sự đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng bộ trong triển khai, tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về phát triển văn hóa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: Ngân sách dành cho đầu tư trên lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật,... còn hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ phát triển. Công tác xã hội hóa hoạt động văn hóa chưa được quan tâm đúng mức. Một số công trình, di tích cấp quốc gia xuống cấp nhưng chậm được hỗ trợ tôn tạo, trùng tu. Chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có mặt còn hạn chế. Cơ sở vật chất, sân chơi, bãi tập phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, hoạt động thể dục, thể thao còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Các mô hình sinh hoạt văn hóa cộng đồng ở một số xã, phường, thị trấn chưa phát huy hiệu quả. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa tuy có nâng lên nhưng có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ,...

Những kết quả và hạn chế nêu trên cho thấy sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh đang đặt ra nhiều vấn đề, đòi hỏi cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh phải nhìn nhận và tìm hướng giải quyết.

Thứ nhất là mối quan hệ giữa mục tiêu phát triển văn hóa và nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI xác định “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, tỉnh Trà Vinh có xuất phát điểm kinh tế thấp, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, do đó việc phân bổ nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa còn rất hạn chế, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển xã hội. Địa phương phải giải quyết mâu thuẫn giữa đòi hỏi rất cao về mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Trà Vinh với sự đầu tư nguồn lực có hạn của tỉnh trong bối cảnh đời sống của người dân còn thấp, thu nhập bình quân đầu người chưa cao.

Thứ hai là vấn đề xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Chúng ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tế cho thấy, các quy luật của kinh tế thị trường đã, đang và sẽ tác động mạnh mẽ, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa của toàn nhân loại chứ không riêng Việt Nam hay các tỉnh, trong đó có tỉnh Trà Vinh. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa đang là vấn đề mang tính cấp bách đối với tất cả chúng ta. Để có thể xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường nhưng vẫn giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ đầy khó khăn, thách thức đối với chúng ta. Điều này đòi hỏi trong quá trình mở rộng, giao lưu, hội

nhập và phát triển đất nước nói chung, tỉnh Trà Vinh nói riêng phải bảo đảm xử lý thỏa đáng, hài hòa mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, địa phương và quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, vừa có thể duy trì, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để phát triển bền vững.

Thứ ba là vấn đề đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong lĩnh vực văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, nhất là cán bộ chủ chốt thực sự am hiểu về văn hóa, có phẩm chất, bản lĩnh, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ”¹. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trên lĩnh vực văn hóa của tỉnh Trà Vinh tuy có nâng lên về số lượng, chất lượng và hiệu quả hoạt động, nhưng đôi lúc vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Số lượng cán bộ lãnh đạo, tham mưu trên lĩnh vực văn hóa dân tộc thiếu số vẫn còn thiếu; nhiều cán bộ còn chậm trong việc tiếp cận khoa học công nghệ, ngoại ngữ và còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ,...

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “*Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước*”².

Trong thời gian tới, để thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết, kết luận,... của Trung ương về văn hóa; đồng thời để khắc phục các hạn chế và giải quyết tốt các vấn đề đang đặt ra đối với sự nghiệp phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy Trà Vinh đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về văn hóa mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết, kết luận,... của Trung ương về văn

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t.II, tr.146-147, 115-116.

hóa đã đề ra. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa trong tình hình mới; quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về văn hóa: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”¹; “Gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”².

Hai là, đẩy mạnh việc cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam thành chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, đạo đức, lối sống... cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ của tỉnh. Thường xuyên củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về văn hóa theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Ba là, tiếp tục phát huy nét đặc trưng tính cách của con người Trà Vinh, xây dựng bản sắc dân tộc, thân thiện, đáng nhớ về con người Trà Vinh theo “các chuẩn mực giá trị văn hóa, con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, có ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội và với quê hương Trà Vinh”³.

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng các địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị có môi trường văn hóa lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người hoàn thiện nhân cách. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nhân rộng các mô hình, điển hình trong thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; xây dựng lối sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, văn hóa công sở; thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương của cán bộ,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.246.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.II, tr.324.

3. Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 19/8/2014 của Tỉnh ủy “Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước””.

đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Đầu tư, khai thác tối đa hiệu quả các thiết chế văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc nhằm phát triển văn hóa, xây dựng con người Trà Vinh vừa mang đặc tính chung, vừa mang bản sắc đặc thù.

Năm là, chú trọng quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa ngang tầm nhiệm vụ. Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa, mức đầu tư của Nhà nước cho các hoạt động văn hóa phải tương ứng với vai trò của nó trong sự phát triển chung của tỉnh, đất nước. Sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư của Nhà nước đi đôi với việc đẩy mạnh công tác xã hội hóa, với những cơ chế, chính sách cụ thể, thiết thực. Quan tâm đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa. Khuyến khích và có cơ chế đầu tư, hỗ trợ cho các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật của các văn nghệ sĩ nhằm tạo ra những tác phẩm, công trình có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

Sáu là, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, giới thiệu, quảng bá hình ảnh và văn hóa Trà Vinh ra thế giới. Có các biện pháp hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của kinh tế thị trường đến sự phát triển của văn hóa, chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, làm băng hoại đạo đức xã hội. Duy trì, phát triển các loại hình văn hóa, bảo tồn, phát huy các di sản và giá trị văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Đặc biệt là thực hiện tốt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra, trong đó có mục tiêu “Gắn tăng trưởng kinh tế với giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, xây dựng con người, nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của nhân dân”.

Với niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh đại đoàn kết của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh, Đảng bộ tỉnh Trà Vinh tin rằng sẽ tiếp tục phát huy tốt các giá trị văn hóa, để văn hóa thật sự là nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI), các chỉ thị, nghị quyết, kết luận... của Trung ương về văn hóa, đặc biệt là thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về văn hóa được nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI AN GIANG - QUÊ HƯƠNG CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG

TỈNH ỦY AN GIANG

Văn hóa Việt Nam là thành quả của hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của các nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc. Giá trị văn hóa Việt Nam đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Đây là những tài sản hết sức quý báu, trở thành nền tảng, hành trang để dân tộc ta tiến bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước. Và đó cũng chính là lý do tại sao chúng ta luôn coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

1. Về tình hình phát huy giá trị văn hóa, con người An Giang trong giai đoạn vừa qua

An Giang là địa phương có bề dày lịch sử, giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, quê hương của Chủ tịch Tôn Đức Thắng - người cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo mẫu mực, người bạn chiến đấu thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người chiến sĩ trung thành của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Là vùng đất bán sơn địa vùng Tây Nam Bộ, là nơi khởi nguồn của nhiều tôn giáo bản địa; với 4 dân tộc Kinh, Hoa, Khmer, Chăm cùng sinh sống, để lại cho An Giang một di sản văn hóa hết sức phong phú, đa dạng, góp phần tạo cho An Giang một diện mạo văn hóa hết sức đặc sắc,

Trải qua tiến trình lịch sử, các dân tộc ở An Giang đã không ngừng sáng tạo những giá trị vật chất và tinh thần, thể hiện sinh động qua hệ thống di sản văn hóa hết sức đa dạng, bao gồm những công trình kiến trúc độc đáo, các di vật được công nhận là bảo vật quốc gia, các loại hình nghệ thuật truyền thống, lễ hội

dân gian,... Đây là những di sản văn hóa đặc trưng, thu hút đông đảo du khách đến với An Giang.

An Giang có 2 di tích quốc gia đặc biệt là Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật Óc Eo - Ba Thê. Mới đây, Di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật Óc Eo - Ba Thê được Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương đề nghị UNESCO đưa vào Danh sách dự kiến lập hồ sơ di sản thế giới. Khu di tích này đang thu hút ngày càng nhiều các nhà nghiên cứu và khảo cổ trên thế giới, tạo điều kiện quảng bá du lịch, văn hóa của tỉnh với các vùng trong cả nước và bạn bè trên thế giới.

Nhìn lại một cách tổng quát trong thời gian qua, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa, hòa cùng dòng chảy văn hóa Việt Nam, các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị của tỉnh An Giang luôn coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh, động lực phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Với nhiệm vụ “Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người An Giang” được triển khai xuyên suốt trong các nhiệm kỳ đại hội, cùng sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển con người toàn diện, đặc biệt là việc vận dụng và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc nói chung, phát huy giá trị văn hóa, con người An Giang “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” vì mục tiêu phát triển của tỉnh nhà và chung sức thực hiện các chính sách an sinh xã hội vì cộng đồng, cùng với việc học tập và noi theo tấm gương đạo đức Bác Tôn về lòng nhân ái, yêu thương con người, thủy chung, khoan dung, nhân hậu đã góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thời gian qua, nhờ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị của tỉnh và ý thức trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người ở tỉnh An Giang có chuyển biến tích cực. Tỉnh An Giang đặc biệt coi trọng xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị mà nội dung quan trọng là tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Mặc dù kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng tỉnh An Giang luôn kết hợp ngân sách Nhà nước với huy động nguồn lực xã hội nhằm triển khai đồng bộ các chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sạt lở, hộ chính sách, hộ khó khăn, hộ nghèo. Giai đoạn 2015-2020, tỉnh An Giang đã vận động Quỹ Vì người nghèo trên 934 tỷ đồng (tăng 367 tỷ đồng so với nhiệm kỳ trước), cất mới 12.150 căn nhà, sửa chữa 2.317 căn nhà đại đoàn kết; thăm hỏi, hỗ trợ khó khăn, hỗ trợ khám, chữa bệnh, học tập, sản xuất cho hơn 1.884.915 lượt hộ nghèo, hộ khó khăn.

Đối mặt với sự hoành hành và diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19, các giá trị văn hóa tốt đẹp của con người An Giang như tinh thần “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách”,... được khơi dậy và phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết, đã đưa đến liều “vắc xin tinh thần” giúp cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh An Giang chung sức, đồng lòng cùng với cả nước vượt qua đại dịch. Đến nay, tỉnh An Giang đã huy động được nhiều nguồn lực xã hội, đóng góp hàng trăm tỷ đồng để thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Trong công tác phòng, chống dịch COVID -19, tỉnh An Giang đã xuất hiện nhiều mô hình, phong trào, nghĩa cử cao đẹp như: “bếp ăn không đồng”, “cửa hàng không đồng”, “chuyến xe không đồng”... và nhiều tập thể, cá nhân đã tự nguyện đóng góp công sức, tài chính, phương tiện cho công tác phòng, chống dịch bệnh, thể hiện tinh thần đoàn kết nhân ái của người dân An Giang nói riêng và của dân tộc ta nói chung, *góp phần tạo nên nét văn hóa riêng cho tỉnh - nét văn hóa về an sinh xã hội vì cộng đồng.*

Trong kế hoạch, chiến lược phát triển của địa phương, tỉnh An Giang tập trung xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển dài hạn các loại hình văn hóa, nghệ thuật như: Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Đề án bảo vệ và phát huy giá trị nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2021; Đề án xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030... nhằm tạo điều kiện phát triển lĩnh vực văn hóa, đưa công tác quản lý văn hóa đi vào nền nếp và ổn định lâu dài.

Bên cạnh đó, lĩnh vực văn học, nghệ thuật cũng được tỉnh coi trọng, nhằm bồi dưỡng, vun đắp các giá trị chân, thiện, mỹ trong nhận thức, tình cảm, tâm hồn của mọi người dân. An Giang có một đội ngũ văn nghệ sĩ nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết trong hoạt động sáng tạo, với nhiều tác phẩm hay, có giá trị nghệ thuật, góp phần cổ vũ, động viên người dân cùng chung tay xây dựng quê hương, đất nước.

Nhiều văn nghệ sĩ An Giang của tỉnh đã tạo dựng được tên tuổi, uy tín trên diễn đàn văn học, nghệ thuật cả nước, đạt được những danh hiệu cao quý của Đảng và Nhà nước, như: nhà văn Nguyễn Quang Sáng, nhạc sĩ Hoàng Hiệp, nhà văn Anh Đức, nhà văn Lê Văn Thảo, nhà thơ Viễn Phương,...

Ngoài ra, tỉnh cũng luôn chú trọng công tác quản lý và tổ chức lễ hội. An Giang hiện có trên 160 lễ hội truyền thống với nhiều loại hình phong phú như: lễ hội văn hóa dân gian, lễ hội các dân tộc, lễ hội tôn giáo, lễ hội lịch sử cách mạng, lễ hội văn hóa du lịch... Mỗi loại hình lễ hội văn hóa đều chứa đựng những giá trị khoa học, lịch sử, văn hóa,... tạo thành nét độc đáo, đặc sắc riêng của mỗi cộng đồng.

Hầu hết các lễ hội được bảo tồn và tổ chức đúng quy định; các nghi thức trong lễ hội diễn ra trang trọng, tiết kiệm, phù hợp với thuần phong mỹ tục địa phương; một số lễ hội văn hóa truyền thống tiêu biểu của tỉnh như: Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam, Lễ hội Kỳ Yên ở đình Thoại Ngọc Hầu, Lễ giỗ Đức Quán cơ Trần Văn Thành, Lễ hội đua bò Bảy Núi,... được tỉnh và các địa phương quan tâm tổ chức chu đáo, quy mô, trang trọng, phần hội diễn ra phong phú, hấp dẫn đã tạo được sức lan tỏa, lôi cuốn, góp phần thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Từ đó, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đưa các hoạt động văn hóa của địa phương ngày càng sinh động, đa dạng, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và quản lý lễ hội, tỉnh An Giang cũng thường xuyên chỉ đạo việc tăng cường công tác lãnh đạo đối với việc tổ chức các lễ hội, các sự kiện lớn trên địa bàn. Qua đó, giúp cho công tác quản lý, tổ chức lễ hội đạt chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, đồng thời tăng cường giáo dục truyền thống, tinh thần đoàn kết, lòng yêu quê hương đất nước, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Với nhiều di sản văn hóa phong phú của các dân tộc Kinh, Khmer, Chăm và Hoa trên địa bàn tỉnh, An Giang luôn chú trọng đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Hằng năm, tỉnh duy trì tổ chức các hoạt động Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch đồng bào các dân tộc, qua đó đẩy mạnh khai thác và phát huy tài nguyên di sản văn hóa vốn có trở thành thế mạnh trong lĩnh vực phát triển du lịch văn hóa tỉnh nhà.

Tỉnh An Giang cũng tích cực đẩy mạnh công tác nghiên cứu, kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích, ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và thế giới, đề nghị công nhận bảo vật quốc gia; công tác tôn vinh nghệ nhân, nghệ sĩ qua các đợt phong tặng danh hiệu,... Tính đến nay, hệ thống di tích lịch sử văn hóa của tỉnh khá phong phú với nhiều loại hình như: danh lam thắng cảnh, lịch sử cách mạng, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ với tổng số 88 di tích được xếp hạng, trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt, 28 di tích quốc gia và 58 di tích cấp tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh An Giang còn sở hữu kho tàng di sản văn hóa phi vật thể hết sức đặc sắc, đa dạng của cộng đồng các dân tộc.

Để bảo vệ và phát huy giá trị những di sản đó, tỉnh đã tăng cường đầu tư kinh phí nhằm kịp thời bảo tồn các giá trị quý của di tích xếp hạng đang bị xuống cấp, xây dựng kế hoạch trùng tu di tích cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn; 2021-2025; tu bổ cấp thiết di tích; đề xuất Trung ương hỗ trợ trùng tu cho các di tích cấp quốc gia từ Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa;

đặc biệt, tỉnh đã hỗ trợ kinh phí trùng tu cho 69 đình làng chưa được xếp hạng trong tỉnh nhằm bảo tồn, gìn giữ các thiết chế văn hóa truyền thống làng xã của địa phương... Công tác này được nhân dân đồng tình ủng hộ và hưởng ứng, đặc biệt bà con tích cực tham gia đóng góp xã hội hóa trong trùng tu tôn tạo các di tích tại địa phương.

Công tác bảo tồn phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số đặc biệt được quan tâm, đầu tư nhằm gìn giữ những di sản văn hóa, nhất là những di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một. Ngành văn hóa đã trang bị nhạc cụ cho các chùa Khmer, các thánh đường Chăm, tổ chức nhiều lớp truyền dạy di sản dân tộc cho các nghệ nhân trẻ, góp phần đào tạo đội ngũ nghệ nhân kế thừa nhằm giữ gìn văn hóa truyền thống, nét đặc trưng của đồng bào dân tộc, cũng là nét đặc sắc của văn hóa An Giang.

Bên cạnh đó, tỉnh An Giang còn chú trọng việc khai thác và phát huy nhân tố con người trong phát triển văn hóa - nguồn lực quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho cán bộ làm công tác văn hóa, nâng cao nhận thức và hiệu quả công tác cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; duy trì và phát triển công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; tăng cường đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, phục vụ quần chúng nhân dân ngày càng tốt hơn. Kết quả từ phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn tỉnh đã tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, khơi dậy tinh thần trách nhiệm, cống hiến của toàn dân, hình thành môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển con người, nhất là thế hệ trẻ.

Để phát huy nguồn lực văn hóa, An Giang còn đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa thông qua nhiều hoạt động như: tổ chức các hoạt động văn hóa đối ngoại, kết hợp tổ chức các sự kiện văn hóa; tham gia các chương trình biểu diễn giao lưu nghệ thuật, hội chợ, triển lãm thương mại, văn hóa - du lịch trong nước và quốc tế; tổ chức các hội thảo, hội nghị về các hoạt động văn hóa khác trên địa bàn tỉnh có sự tham gia của bạn bè quốc tế. Đặc biệt, An Giang đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ ở các địa phương vùng biên giới giáp với nước bạn Campuchia nhằm giữ gìn và phát triển hoạt động văn hóa, nghệ thuật, cải thiện đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc vùng biên giới, tạo mối quan hệ hữu nghị với nước bạn Campuchia, đồng thời giới thiệu, quảng bá bản sắc văn hóa độc đáo của các dân tộc trên địa bàn tỉnh An Giang ra thế giới.

Tận dụng nguồn lực văn hóa dồi dào, An Giang đẩy mạnh khai thác, phát huy có hiệu quả các giá trị di sản văn hóa vốn có. Nhiều di tích danh lam thắng cảnh, kiến trúc nghệ thuật, những nơi ghi lại dấu ấn lịch sử cách mạng của nhân dân An Giang như: đồi Tức Dụp, khu di tích Nhà mồ Ba Chúc, lăng Thoại Ngọc Hầu,

chùa Hang, chùa Tây An, đình Châu Phú, khu di tích Miếu Bà Chúa Xứ,... đều là những điểm du lịch thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh cũng như du khách quốc tế. Tỉnh đã xây dựng các tour du lịch, tổ chức các lễ hội để khách đến tham gia trải nghiệm. Có thể nói, việc khai thác và phát huy các tài nguyên văn hóa đang là xu hướng chung, nếu được khai thác tốt, hiệu quả sẽ góp phần rất lớn trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, giới thiệu quảng bá các giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc ra bên ngoài nhằm thu hút du khách đến địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ổn định, bền vững; vừa giải quyết được việc làm cho người dân địa phương, vừa mang lại nguồn thu cho ngân sách.

Những kết quả đạt được là rất đáng trân trọng, tự hào, đã tạo động lực thúc đẩy kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước; quy mô kinh tế của tỉnh An Giang đứng thứ 5/13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2015-2020 đạt 5,25%/năm; đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 46,8 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến năm 2020 giảm còn 1,93%, thấp hơn mức bình quân chung của cả nước; chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên, một số chỉ số cao hơn mức trung bình của cả nước; diện mạo đô thị, nông thôn ngày càng khang trang hơn, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của đất nước.

Kết quả đạt được có nhiều nguyên nhân, trước hết là vai trò của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp luôn giữ vững vị trí trung tâm đoàn kết, dân chủ, sáng tạo trong lãnh đạo, điều hành. Những chủ trương, chính sách từ tỉnh đến cơ sở luôn hướng đến việc chăm lo lợi ích, cải thiện đời sống nhân dân, tạo sự đồng thuận và khơi dậy khát vọng trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, phục vụ cho sự phát triển của địa phương. Qua đó đã chứng tỏ giá trị mạnh mẽ, cốt lõi trong việc xây dựng văn hóa, xây dựng con người An Giang hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ, đóng góp tích cực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển và điều kiện, khả năng còn nhiều hạn chế của địa phương, nên việc phát huy giá trị văn hóa, khát vọng con người An Giang trong xây dựng và phát triển quê hương Chủ tịch Tôn Đức Thắng ngày càng phần vinh, hạnh phúc chưa đạt được như mong muốn. Nguyên nhân là do nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của văn hóa, văn học, nghệ thuật trong đời sống xã hội chưa sâu sắc; các loại hình nghệ thuật mang bản sắc văn hóa truyền thống tuy được khôi phục nhưng chưa nhiều; chưa có nhiều khu vui chơi, giải trí công cộng để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là nơi vui chơi giải trí cho trẻ em, người cao tuổi; các sản phẩm văn hóa phục vụ cho du lịch, dịch vụ chưa phong phú, đa dạng; chưa gắn sản phẩm văn hóa với sản phẩm du lịch, làng nghề. Do vậy, việc các đặc trưng giá trị văn hóa,

khát vọng con người An Giang chưa được phát huy đúng mức và chưa được quán triệt thường xuyên... đang đặt ra cho tỉnh An Giang bài toán phải tìm được hướng phát triển hài hòa.

2. Một số định hướng và giải pháp trọng tâm nhằm xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người An Giang

2.1. Về quan điểm phát triển

Tỉnh An Giang luôn thống nhất quan điểm phát triển văn hóa của tỉnh phải dựa trên quan điểm, chủ trương, đường lối về văn hóa của Đảng, đồng thời khơi dậy tinh thần và ý chí quyết tâm phát triển quê hương phồn vinh, hạnh phúc; xây dựng lòng yêu nước, yêu quê hương, noi theo tấm gương của Chủ tịch Tôn Đức Thắng - người con ưu tú của An Giang.

Bên cạnh đó, cần phát huy tối đa nhân tố con người, xác định con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng con người An Giang phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại.

Phát triển văn hóa phải bám sát định hướng nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI, đó là: “Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; đảm bảo quốc phòng - an ninh là trọng yếu, thường xuyên”.

2.2. Về mục tiêu phát triển văn hóa

Từ những quan điểm nêu trên, tỉnh An Giang đề ra mục tiêu, định hướng phát triển văn hóa trong thời gian tới, đó là: phát huy giá trị văn hóa, con người An Giang trong xây dựng và phát triển quê hương Chủ tịch Tôn Đức Thắng ngày càng phồn thịnh, hạnh phúc, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

Phát triển hài hòa giữa văn hóa, kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tập trung nguồn lực xây dựng và phát triển văn hóa, con người An Giang theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, gia đình, bảo đảm giữ gìn bản sắc của vùng đất và con người An Giang, từng bước xây dựng văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, gắn với phát triển du lịch; mở rộng hợp tác giao lưu ngoại giao văn hóa, gắn văn hóa với phát triển thể thao, du lịch, với các vùng miền trong nước và với các nước trên thế giới.

Gắn kết chặt chẽ những hoạt động văn hóa, thể thao với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, kinh tế tỉnh An Giang thuộc nhóm đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và đạt mức trung bình cả nước; đến năm 2030 đạt trên mức trung bình cả nước.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp

Với quan điểm và mục tiêu trên, trong thời gian tới, tỉnh An Giang sẽ chủ động triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển văn hóa nêu trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa, coi văn hóa là bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng, là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng và là một trong những trụ cột bảo đảm sự phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội, nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa, con người Việt Nam nói chung, con người An Giang nói riêng đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Hai là, đẩy mạnh việc học tập tấm gương mẫu mực của Chủ tịch Tôn Đức Thắng: nhân ái, thủy chung, khoan dung, nhân hậu; suốt đời cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; khiêm tốn, giản dị; sống khí phách, hiên ngang, chí nghĩa, chí tình. Khơi dậy truyền thống văn hóa của con người An Giang “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm” vì mục tiêu phát triển của tỉnh và chung sức thực hiện các chính sách an sinh xã hội vì cộng đồng. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, đồng thời, khơi dậy tiềm năng đổi mới sáng tạo và khát vọng làm giàu chính đáng của cộng đồng dân cư An Giang.

Ba là, xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội và thực dụng. Xây dựng văn hóa trong doanh nghiệp, doanh nhân cũng như văn hóa, đạo đức trong kinh doanh.

Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả của các loại hình văn hóa, văn nghệ. Có kế hoạch, cơ chế và giải pháp xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật, đồng thời bảo đảm tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học, nghệ thuật; khuyến khích những tìm tòi mới nhằm làm phong phú bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung và bản sắc văn hóa đặc trưng của An Giang nói riêng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các lệch lạc, các biểu hiện chạy theo thị hiếu tầm thường, phản văn hóa. Quan tâm, đầu tư phát triển văn hóa truyền thống của các dân tộc

thiếu số. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật, tập hợp, bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ; khuyến khích tự do sáng tạo, thực thi quyền tác giả.

Bốn là, tăng cường đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở, theo hướng hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị và chuyên môn hóa cán bộ. Duy trì các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có như: Trung tâm Văn hóa, nghệ thuật tỉnh An Giang và Trung tâm Đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh An Giang; 11/11 thiết chế trung tâm văn hóa, thể thao - trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch - trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh cấp huyện/thị xã/thành phố; 93 trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã, phường, thị trấn. Xây dựng nhà hát tỉnh An Giang với diện tích 20.000m², sân vận động tỉnh An Giang với khán đài có sức chứa 20.000 chỗ; cải tạo, nâng cấp, mua sắm thiết bị cho các trung tâm văn hóa - thể thao huyện/thị. Phấn đấu đến năm 2030, 100% xã có thiết chế văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Năm là, nâng cao hình ảnh quê hương và con người An Giang, đẩy mạnh việc giới thiệu, phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa đặc trưng của địa phương. Đồng thời, gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hóa với nhiệm vụ chính trị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, các tổ chức hội, liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật nhằm đẩy mạnh hoạt động sáng tác, quảng bá, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; chú trọng tạo ra những tác phẩm văn học - nghệ thuật có giá trị cao, có vai trò cốt lõi trong việc bồi dưỡng tâm hồn, định hướng phát triển nhân cách của con người An Giang, nhất là trong thế hệ trẻ.

Sáu là, gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đồng thời bảo vệ và giữ gìn các giá trị văn hóa tốt đẹp cho thế hệ sau. Tăng cường giới thiệu hình ảnh về địa phương và con người An Giang.

Du lịch được xác định là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, vì vậy, cùng với việc tăng cường thu hút đầu tư, tỉnh An Giang cũng quan tâm bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch. Nhiều di tích văn hóa, lịch sử, cảnh quan đa dạng, phong phú là điều kiện thuận lợi để An Giang trở thành một trong những trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch của vùng trong tương lai.

Bảy là, quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đầu ngành trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển. Tạo môi trường thuận lợi để cán bộ phát huy năng lực, năng khiếu, sở trường, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới và cống hiến có hiệu quả. Đồng thời, thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, ưu đãi văn nghệ sĩ có quá trình cống hiến, có những tác phẩm có giá trị. Làm tốt việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng,

bố trí cán bộ quản lý văn hóa. Hoàn thiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động văn hóa - nghệ thuật, khuyến khích các văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng sáng tác, quảng bá văn hóa nghệ thuật cùng với đề cao ý thức, trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Quan tâm đến chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ văn hóa ở cơ sở, đặc biệt là lực lượng phụ trách hoạt động ở vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Tám là, tăng cường xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, để văn hóa trở thành tài sản tinh thần, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và người lao động. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư, tài trợ cho hoạt động văn hóa.

Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư, nhất là các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch. Đề cao đạo đức, văn hóa kinh doanh, trách nhiệm xã hội, tinh thần dân tộc của đội ngũ doanh nhân, ý thức tuân thủ pháp luật, có khát vọng vươn lên làm giàu cho mình, cho đất nước, có trách nhiệm với người lao động và cộng đồng xã hội. Quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương thông qua việc triển khai chương trình đào tạo nguồn nhân lực du lịch, chú trọng đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp cho doanh nghiệp, người dân và cộng đồng.

Trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển vùng đất miền biên viễn, An Giang đang chuẩn bị kỷ niệm 190 năm thành lập tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự ủng hộ của nhân dân, phát huy truyền thống yêu nước, giá trị văn hóa, con người An Giang, đoàn kết, khát vọng phát triển, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh An Giang quyết tâm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, tạo động lực mới, khí thế, niềm tin và khát vọng phát triển quê hương của Chủ tịch Tôn Đức Thắng ngày càng phồn vinh, hạnh phúc, góp phần cùng cả nước xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I.
- [3] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.
- [4] Báo cáo số 1958/BC-SVHTTDL ngày 01/9/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang về tổng kết thực hiện Luật Di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang.

- [5] Báo cáo số 266-BC/TU ngày 23/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
- [6] Phương án phát triển ngành Văn hóa, thể thao và du lịch trong quy hoạch tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- [7] Báo cáo số 1798/BC-SVHTTDL ngày 11/8/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/12/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

THÀNH PHỐ CẦN THƠ GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

THÀNH ỦY CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ nằm ở vị trí trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 1.401 km², dân số gần 1,3 triệu người, đơn vị hành chính gồm 5 quận, 4 huyện và 83 xã, phường, thị trấn. Thành phố có vai trò quan trọng về kinh tế - xã hội, giữ vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh của vùng, là cửa ngõ giao thương quan trọng của cả nước và quốc tế. Nhân dân Cần Thơ có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, có nhiều đóng góp to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền thành phố luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển môi trường văn hóa lành mạnh. Các hoạt động văn hóa thành phố có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được bảo tồn và phát huy. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; các phong trào hoạt động văn hóa quần chúng đạt được nhiều kết quả thiết thực. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa tiếp tục được tăng cường, đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ từng bước trưởng thành, phát huy được khả năng sáng tạo, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Các quan điểm, định hướng chỉ đạo về phát triển văn hóa của Đảng và Nhà nước được Đảng bộ thành phố Cần Thơ triển khai, thực hiện cụ thể hóa thành các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch, với các mục tiêu, giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, tạo tiền đề quan trọng để văn hóa thành phố từng bước phát triển và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện trên các mặt như sau:

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, hoàn thiện các thiết chế văn hóa. Qua gần 20 năm triển khai thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; 15 năm triển khai xây dựng người Cần Thơ "Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hào hiệp - Thanh lịch" theo tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX và 10 năm thực hiện Đề án "Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh

đô thị” trên địa bàn thành phố đã góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn và thành thị; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao, an sinh xã hội đảm bảo; quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Công tác kiểm tra, công nhận đối với các danh hiệu văn hóa ngày càng được chú trọng; trong giai đoạn 2015-2020, có trên 90% hộ gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa”; 100% ấp, khu vực được công nhận “Ấp, khu vực văn hóa”; 79,81% “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”; 100% “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

Công tác xây dựng người Cần Thơ “Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hào hiệp - Thanh lịch” đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về đạo đức, lối sống, ý thức thượng tôn pháp luật, tự hào và tôn vinh truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc.

- Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo. Thành phố có 3 bảo tàng công lập, 14 di tích quốc gia và 23 di tích cấp thành phố; 4 loại hình di sản văn hóa phi vật thể gồm: văn hóa Chợ nổi Cái Răng, Lễ hội Kỳ yên đình Bình Thủy, Hò Cần Thơ, Hát ru của người Việt ở Cần Thơ. Công tác xây dựng, trùng tu, tôn tạo các di tích tiếp tục được quan tâm đầu tư, một số công trình nổi bật như: Di tích lịch sử - văn hóa Chiến thắng Ông Hào, Đền thờ Châu Văn Liêm, Khu tưởng niệm cố soạn giả Mộc quán Nguyễn Trọng Quyền, Khu di tích lịch sử Địa điểm thành lập Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng Cờ Đỏ - Chi bộ đầu tiên của Cần Thơ...; nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, di tích lịch sử có giá trị đã phát huy tác dụng trong đời sống xã hội, từng bước gắn kết với phát triển du lịch của thành phố.

- Các hoạt động lễ hội trên địa bàn ngày càng đi vào nền nếp, ổn định, bảo đảm đúng quy định của Đảng và Nhà nước. Trên địa bàn thành phố có 70 lễ hội; đặc biệt, trong những năm gần đây, các lễ hội văn hóa, ngành nghề diễn ra ngày càng đặc sắc, đa dạng như: Chuỗi hoạt động “Sắc xuân miệt vườn”, lễ hội “Bánh dân gian Nam Bộ”, lễ hội trái cây ở Tân Lộc, ngày hội văn hóa Chợ nổi ở Cái Răng, ngày hội hoa đăng ở Ninh Kiều, ngày hội du lịch sinh thái ở Phong Điền... Nội dung hoạt động tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân diễn ra trang trọng, đúng nghi thức, nguồn gốc lịch sử lễ hội, phù hợp với phong tục, tập quán địa phương; chú trọng đổi mới chương trình hoạt động, gắn với hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao, thu hút được nhiều khách tham quan du lịch.

- Nguồn nhân lực phát triển văn hóa từng bước được củng cố; thành phố có 9 hội chuyên ngành, với tổng số hơn 500 hội viên thuộc Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật thành phố. Hệ thống thiết chế văn hóa được cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật với công nghệ tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ văn hóa trong các chương trình biểu diễn nghệ thuật, hoạt động quảng cáo, cổ động trực quan, công tác bảo tồn di sản văn hóa truyền thống.

- Hợp tác quốc tế về văn hóa được đẩy mạnh; hoạt động giao lưu văn hóa với nước ngoài ngày càng được mở rộng; nhiều sự kiện, lễ hội khu vực và quốc tế được tổ chức tại thành phố, góp phần tăng cường quảng bá văn hóa và con người Cần Thơ ra thế giới. Trong 5 năm qua, thành phố Cần Thơ đã tổ chức nhiều chương trình, sự kiện nhằm đẩy mạnh giao lưu văn hóa với các nước như: Nhật Bản, Campuchia, Lào, Australia, Pháp, Ấn Độ, Philippines, Hungary,...; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh, góp phần kết nối, chia sẻ, giao lưu, quảng bá, tuyên truyền văn hóa một cách nhanh chóng, hiệu quả.

- Chủ trương “xã hội hóa” hoạt động văn hóa đạt được nhiều kết quả thiết thực, bước đầu huy động được nhiều nguồn lực xã hội tham gia sự nghiệp phát triển văn hóa, tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, nâng cao dần mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Hệ thống các cơ sở văn hóa ngoài công lập đang có xu hướng phát triển, hiện có 5 rạp chiếu phim, khoảng 100 đơn vị đăng ký chức năng tổ chức biểu diễn và hoạt động có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

Đạt được những thành tựu như trên là nhờ sự quan tâm lãnh đạo sâu sát của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương, cùng với quyết tâm chính trị cao, sự lãnh đạo tập trung, kịp thời của Thành ủy; sự quản lý, điều hành hiệu quả của các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, với mục tiêu xây dựng con người ngày càng phát triển toàn diện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng và phát triển văn hóa trên địa bàn thành phố còn một số hạn chế như sau:

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” một số nơi thiếu bền vững, còn nặng bề nổi, chưa đi vào chiều sâu. Việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy ước văn hóa cộng đồng, văn hóa công sở, công nhận gia đình văn hóa còn mang tính hình thức.

- Một số biểu hiện thiếu văn minh trong kinh doanh, giao tiếp ứng xử, tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống; các tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng, làm cho quan hệ gia đình, cộng đồng, xã hội nảy sinh những tiêu cực...

- Tình trạng bạo hành gia đình, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em... vẫn là những vấn đề nóng trong xã hội hiện nay. Hiện tượng du nhập, truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy, hoạt động thiếu lành mạnh thông qua các cơ sở dịch vụ văn hóa như vũ trường, karaoke, internet công cộng vẫn còn xảy ra.

- Công tác quản lý, bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa từng lúc, từng nơi chưa kịp thời; công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa bước đầu đạt được những kết quả thiết thực nhưng chưa rộng khắp, việc thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển công nghiệp văn hóa còn hạn chế; nguồn nhân lực

làm công tác văn hóa từng lúc, từng nơi còn thiếu và yếu, thường xuyên biến động, nhất là ở cơ sở.

Nguyên nhân hạn chế nêu trên chủ yếu do sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường, quá trình đô thị hóa nhanh, tốc độ phát triển công nghệ thông tin ngày càng cao, tình trạng truyền thông văn hóa qua mạng xã hội ngày càng tăng với nhiều hình thức tinh vi và phức tạp, khó quản lý; quá trình hội nhập văn hóa với nhiều yếu tố văn hóa mới, có mặt tích cực nhưng cũng không ít những tiêu cực, làm ảnh hưởng đến nhận thức và lối sống của người dân, đặc biệt là thanh thiếu niên; kinh phí đầu tư cho xây dựng và phát triển văn hóa, con người còn thấp, dàn trải, chưa tương xứng với đầu tư phát triển kinh tế; một số cơ chế, chính sách và giải pháp chưa thực sự phù hợp, hiệu quả để phát triển văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

Từ thực tiễn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển văn hóa trên địa bàn thành phố thời gian qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm như sau:

- Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người. Xử lý tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa. Chú trọng phát huy vai trò chủ thể, năng lực sáng tạo và sự tham gia tích cực của nhân dân. Quan tâm phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp trong gia đình, cộng đồng dân cư.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa trong đời sống xã hội. Tích cực tuyên truyền, vận động mỗi cá nhân trong cộng đồng tự trau dồi, rèn luyện phẩm chất đạo đức, hướng đến hoàn thiện nhân cách con người, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới. Trước hết, mỗi cán bộ, đảng viên thật sự gương mẫu, là tấm gương cho quần chúng noi theo.

- Xác định việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là sự nghiệp của toàn dân; trong đó, nhân dân là chủ thể trong việc phát triển văn hóa và xây dựng con người. Chính vì vậy, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” vừa là nhiệm vụ, vừa là giải pháp để xây dựng môi trường văn hóa, phát triển đời sống văn hóa tinh thần, thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang phát triển mạnh mẽ, tác động đến mọi mặt trong đời sống xã hội, đã mở ra nhiều cơ hội mới cho quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa, đồng thời, cũng đặt ra nhiều thách thức đối với sự phát triển đất nước nói chung, phát triển văn hóa nói riêng, có khả năng gây ra nguy cơ phai nhạt về bản sắc và truyền thống văn hóa dân tộc. Do đó, việc xây dựng và phát triển văn hóa nước nhà, đặc biệt là con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, phục vụ phát triển bền

vững đất nước trở nên quan trọng và cấp bách hơn bao giờ hết. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc...”¹. Chính vì vậy, để xây dựng, phát triển văn hóa, con người hướng đến chân - thiện - mỹ, có tinh thần nhân văn, có đời sống tâm hồn phong phú, đòi hỏi phải có sự hài hòa trong cách ứng xử văn hóa giữa người với người, giữa người với thiên nhiên, hướng đến xây dựng con người có nhân cách, lối sống đẹp; chú trọng phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; chú ý yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Trên cơ sở quán triệt các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về văn hóa và tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, Ban Thường vụ Thành ủy Cần Thơ đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần tập trung thực hiện trong thời gian tới như sau:

1- Tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, nhất là các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW. Nâng cao vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp và phát huy tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong việc xây dựng, phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2- Tập trung thực hiện thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp thành các nghị quyết, đề án chuyên đề về văn hóa. Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung, phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa; xác định rõ những chiến lược và giải pháp lãnh đạo, quản lý phù hợp với từng đối tượng, lĩnh vực và địa bàn cụ thể. Chú trọng nâng cao chất lượng, nội dung hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, nhất là thiết chế văn hóa cơ sở. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp để phát triển sự nghiệp văn hóa.

3- Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng, đạo đức của Đảng; coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường giáo dục tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng văn hóa công vụ và văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.I, tr.115-116.

4- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư “Về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”. Thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm sự xâm nhập các sản phẩm văn hóa độc hại, các hành vi tiêu cực, cơ hội, vi phạm pháp luật, lối sống thực dụng, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; chấn chỉnh kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá tư tưởng sai trái, thực hành mê tín dị đoan, gây mất an ninh trật tự.

5- Chú trọng xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội; đề cao vai trò, trách nhiệm và các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ thanh thiếu nhi, cùng với nhà trường giáo dục, hình thành nhân cách, đạo đức trong sáng và kỹ năng ứng xử xã hội văn minh, với các đặc tính “yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trọng đạo lý, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo”.

Tăng cường giáo dục, nâng cao ý thức ứng xử và hành vi chuẩn mực văn hóa trong nhà trường, công sở, đời sống, trên môi trường mạng. Xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật, tôn trọng đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Tương thân tương ái”; khẳng định, tôn vinh, nhân rộng các giá trị tốt đẹp, nhân văn.

6- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh. Huy động nguồn lực của các tầng lớp xã hội đầu tư và tổ chức đời sống văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp trong xã hội.

Nâng cao chất lượng các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Chú trọng các phong trào hạt nhân như phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, phong trào thi đua người tốt, việc tốt. Thường xuyên tôn vinh, khen thưởng những điển hình, tiên tiến về tư tưởng, đạo đức, lối sống, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; lấy nhân tố tích cực để đẩy lùi tiêu cực; đồng thời, phê phán, đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, vi phạm những chuẩn mực đạo đức, lối sống.

7- Giữ gìn, bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc. Đổi mới, đa dạng các hoạt động bảo tàng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu của công chúng, từng bước xây dựng và nâng cao thương hiệu của bảo tàng. Phát triển văn hóa đọc, phục vụ kinh tế - xã hội và nhu cầu học tập suốt đời của nhân dân. Tăng cường chuyển đổi phương thức hoạt động trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, chú trọng phát triển thư viện điện tử.

8- Đẩy mạnh các hoạt động văn học, nghệ thuật, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ văn nghệ sĩ; quan tâm đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích việc thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu về văn hóa dân gian, văn hóa các dân tộc thiểu số; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ làm công tác văn học, nghệ thuật, đặc biệt ưu tiên phát triển lực lượng nghiên cứu, lý luận phê bình văn học, nghệ thuật nhằm kịp thời định hướng đúng dư luận, đấu tranh với các luồng văn hóa độc hại làm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

9- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về thị trường văn hóa, công nghiệp văn hóa; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, các sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp cho các ngành công nghiệp văn hóa.

Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong sáng tạo, sản xuất, phổ biến, lưu giữ các sản phẩm văn hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ văn hóa. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và truyền bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước; đa dạng hóa các hình thức đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu.

10- Chú trọng xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa. Quan tâm quy hoạch, đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là cán bộ ở cơ sở. Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; trọng dụng đội ngũ cán bộ văn hóa có tâm, có tầm, có phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín, tâm huyết với nghề, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện các hình thức tôn vinh, đãi ngộ nghệ nhân truyền dạy, quảng bá di sản văn hóa phi vật thể, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

TỔNG KẾT THỰC TIỄN TRONG THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG, CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, KẾT LUẬN CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA TRONG THỜI GIAN QUA

TỈNH ỦY HẬU GIANG

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng qua nhiều nhiệm kỳ đều khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh của cả dân tộc, vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển đất nước; văn hóa có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách con người, bản sắc, cốt cách của dân tộc Việt Nam. Ngày nay, văn hóa còn được coi như một yếu tố có vai trò quyết định sức mạnh và vị thế của đất nước ta, dân tộc ta trên trường quốc tế. Việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam. Chính vì vậy, đường lối văn hóa của Đảng ta không ngừng được bổ sung và phát triển qua các thời kỳ cách mạng. Văn hóa trở thành một trong những trụ cột của phát triển bền vững, là động lực của quá trình phát triển, là nhân tố phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc Việt Nam. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam.

Dưới ngọn cờ của Đảng, nhân dân ta đã kế thừa, phát triển và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, không ngừng sáng tạo những giá trị văn hóa mới, thấm đẫm tinh thần yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước và tiếp thu tinh hoa văn hóa của thế giới, đưa đất nước vững bước trong xu thế phát triển của nhân loại tiến bộ. Đó chính là sức mạnh hiện thực của văn hóa Việt Nam.

Quán triệt và thực hiện đường lối, chủ trương, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, thời gian qua, bằng ý chí và quyết tâm chính trị của cả hệ thống chính trị cũng như sự nỗ lực, tự giác của các tầng lớp nhân dân Hậu Giang, các lĩnh vực văn hóa của tỉnh đã có những chuyển

biến tích cực, nhằm xây dựng nền văn hóa ngang tầm công cuộc xây dựng, phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Hậu Giang.

1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, lĩnh vực văn hóa của tỉnh Hậu Giang

1.1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Hậu Giang được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/1/2004, tỉnh có 8 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 5 huyện, 1 thị xã và 2 thành phố). Diện tích tự nhiên 1.608 km², tỉnh có vị trí địa lý nằm ở trung tâm tiểu vùng tây sông Hậu, có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt, mang nét đặc trưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long; là tỉnh thuần nông thuộc trung tâm lúa gạo của miền Tây Nam Bộ, có kênh Xáng Xà No được xem là con đường lúa gạo của vùng Tây sông Hậu, có thể mạnh về cây lúa và cây ăn quả các loại, nguồn thủy sản phong phú, đa số người dân sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp.

Tỉnh Hậu Giang với quy mô dân số 728.255 người¹, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 8.593 hộ với 23.533 người, chiếm tỷ lệ 3,2% so với dân số toàn tỉnh (dân tộc Khmer chiếm 2,51%; người Hoa chiếm 0,65%; dân tộc khác chiếm 0,03%). Về tôn giáo, có 18 tổ chức, hệ phái tôn giáo; có 155 cơ sở thờ tự tôn giáo, 58 cơ sở tín ngưỡng dân gian với 195.734 tín đồ các tôn giáo, chiếm 25,46% dân số của tỉnh.

Nhân dân các dân tộc trong tỉnh có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, sáng tạo, vượt qua những khó khăn, thách thức để xây dựng quê hương, con người Hậu Giang “đoàn kết, nghĩa tình, thủy chung, năng động”, hòa nhập với tiến trình phát triển của đất nước và hội nhập kinh tế. Hậu Giang luôn mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành trong khu vực, cả trong nước và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hóa nhằm làm phong phú hơn bản sắc văn hóa dân tộc, đặc trưng văn hóa vùng sông nước của nhân dân Hậu Giang.

Đặc điểm về địa lý, truyền thống, dân tộc, tôn giáo là điều kiện thuận lợi để tỉnh Hậu Giang xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; song, mỗi dân tộc, tôn giáo, khu vực trên địa bàn tỉnh đều có những nét văn hóa truyền thống đặc sắc riêng, do vậy việc định hướng xây dựng nền văn hóa trong điều kiện giao thoa văn hóa để cùng phát triển trở thành bản sắc văn hóa lại là một thách thức không nhỏ đối với Hậu Giang.

1.2. Lĩnh vực văn hóa

Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được trong xây dựng và phát triển văn hóa từ tỉnh Cần Thơ (cũ), sau khi thành lập, Đảng bộ tỉnh Hậu Giang tiếp tục triển

1. Theo: Tổng cục Thống kê: *Dân số các tỉnh Việt Nam năm 2018*, truy cập ngày 30/9/2019, dân số Hậu Giang là 776.700 người (BT).

khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” bằng việc điều chỉnh, bổ sung chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII. Nghị quyết ra đời trong bối cảnh Đảng ta chủ động đổi mới tư duy, thoát dần tư duy giáo điều, bao cấp, lãnh đạo toàn dân thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có văn hóa; điều này thể hiện bước chuyển quan trọng về tư duy lý luận, năng lực đúc kết thực tiễn những năm đầu đổi mới. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII có tầm nhìn sâu rộng, chứa đựng nhiều giá trị tư tưởng, nhân văn và khoa học. Các quan điểm nêu trong Nghị quyết thực sự đổi mới, có giá trị chỉ đạo cao trong thực tiễn, được nhân dân đón nhận và đồng tình thực hiện. Nghị quyết đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ nhằm kế thừa, phát triển di sản quý báu của văn hóa dân tộc, tích cực mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; góp phần hình thành hệ giá trị chuẩn mực của văn hóa, con người Việt Nam; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sản phẩm lai căng, độc hại, sự xuống cấp về đạo đức, lối sống.

Với kết quả đạt được sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Đảng bộ tỉnh tiếp tục quán triệt và ban hành Chương trình hành động số 237a-CTr/TU về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI xác định rõ hơn quan điểm khẳng định vấn đề trọng tâm, cốt lõi của xây dựng văn hóa là xây dựng con người. Đây có thể nói là kết quả của quá trình đổi mới tư duy lý luận về văn hóa của Đảng ta, từ đó nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân được nâng lên. Nhiều vấn đề văn hóa được nhìn nhận sâu hơn. Nhiệm vụ xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội được đặt trong mối tương quan với các nhiệm vụ xây dựng kinh tế, xây dựng Đảng. Vai trò của văn hóa ngày càng thể hiện rõ hơn trong đời sống xã hội, trong việc xây dựng con người, sức sống, nhiều giá trị bền vững của văn hóa dân tộc được phát huy trong thời kỳ đổi mới. Văn hóa là một nội dung quan trọng trong hoạt động của cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp, được quan tâm nhiều hơn trong việc thực hiện chủ trương, chính sách, nguồn lực và từng bước có sự gắn kết với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính trị của tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nhận thức về vấn đề xã hội hóa hoạt động văn hóa có bước tiến bộ rõ so với trước. Cán bộ, đảng viên và nhân dân đã coi trọng hơn các giá trị văn hóa truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hóa tiên tiến của thế giới, nhưng vẫn giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Trong 3 nhiệm kỳ liên tục từ năm 2006 đến 2020, các văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh đều đưa nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa vào mục tiêu tổng quát,

với những chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, để triển khai thực hiện. Đặc biệt ngày 9/6/2017, Tỉnh ủy ban hành Công văn số 403-CV/TU về việc “xây dựng quê hương con người Hậu Giang “đoàn kết, nghĩa tình, thủy chung, năng động” và ngày 29/6/2018 ban hành Chỉ thị số 31-CT/TU về “đẩy mạnh giáo dục đạo đức, văn hóa Việt Nam trong các trường học trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”; xây dựng bộ sách lịch sử địa phương đưa vào giảng dạy trong nhà trường; thường xuyên tổ chức các hoạt động giới thiệu văn hóa, nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng, triển lãm, giao lưu trong cộng đồng.

2. Những thành tựu và nguyên nhân đạt được trong quá trình thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa

2.1. Thành tựu

Việc xây dựng con người Việt Nam nói chung, Hậu Giang nói riêng có bước phát triển khá toàn diện. Tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa các văn bản của Trung ương, ban hành các văn bản chỉ đạo, quản lý nhằm tạo điều kiện để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung trí tuệ, công sức xây dựng con người phát triển toàn diện. Các chuẩn mực tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được đưa vào các văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện; đưa vào quy ước ấp, khu vực, vào quy chế, quy định, quy tắc ứng xử của các cơ quan, đơn vị. Các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, thiện nguyện, xây dựng con người... gắn với phong trào thi đua yêu nước được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực. Các tầng lớp nhân dân, gia đình, nhà trường và xã hội quan tâm nhiều hơn đến giáo dục con người toàn diện ngay từ tuổi ấu thơ, ở từng cấp học, bậc học; kết hợp hiệu quả giữa dạy chữ, dạy người, dạy kỹ năng sống, giáo dục nghệ thuật, năng lực cảm thụ thẩm mỹ với rèn luyện thể chất, góp phần nâng cao trí tuệ, cải thiện tầm vóc con người Việt Nam. Tinh thần yêu nước, yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc, tính tích cực xã hội của nhân dân tiếp tục được phát huy.

Dân chủ xã hội từng bước được mở rộng cùng với quá trình hội nhập, giao lưu với các tỉnh, thành trong cả nước và việc tiếp cận các phương tiện truyền thông đã làm cho con người Hậu Giang luôn đổi mới tư duy, năng động, sáng tạo hơn trong lao động sản xuất, trong hoạt động văn hóa nghệ thuật. Các giá trị đạo đức truyền thống được giữ gìn, phát huy và thay đổi theo hướng phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từng bước hình thành nếp sống văn minh, tác phong công nghiệp; tính chuyên nghiệp, hiệu quả; đề cao, tôn trọng con người. Thể lực, tầm vóc con người được cải thiện, ý thức bảo vệ môi trường sống được nâng lên.

Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh đạt được một số kết quả tích cực, nhất là xây dựng văn hóa trong từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trong từng gia đình,

cộng đồng dân cư. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng nếp sống văn hóa và văn hóa ứng xử nơi công cộng bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực; nhiều mô hình được tỉnh xây dựng và phát động như: Tổ nhân dân tự quản kiểu mẫu; liên tuyến dân cư thi đua yêu nước kiểu mẫu; khu văn hóa gia đình, xóm đạo bình yên; cuộc thi “Mô hình có cảnh quan, môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp”; cơ quan có đời sống văn hóa tốt; đến năm 2020, toàn tỉnh có 92,77% gia đình được công nhận gia đình văn hóa, tăng 5,77%; 97,9% ấp, khu vực văn hóa được công nhận, tăng 32,59%; 73% xã, phường, thị trấn văn hóa, tăng 50% so với khi mới thành lập tỉnh vào năm 2004; có 3 đơn vị cấp huyện được công nhận huyện nông thôn mới và hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới (huyện Châu Thành A, thành phố Vị Thanh và thành phố Ngã Bảy). Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ngày càng hiệu quả, thực chất hơn; nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội tiếp tục có chuyển biến tích cực; các lễ hội có xu hướng giảm dần, quy mô lễ hội cũng được thu hẹp, khắc phục dần các hoạt động tiêu cực trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; môi trường văn hóa ở phần lớn các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng dần đi vào nền nếp, trật tự và lành mạnh hơn trước.

Tỉnh tập trung huy động các nguồn lực trong việc xã hội hóa xây dựng đời sống văn hóa, khơi dậy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, nghĩa tình, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, các hoạt động tri ân các gia đình chính sách, các đối tượng yếu thế trong xã hội được toàn xã hội đồng tình hưởng ứng, thực hiện tốt cuộc vận động “cả nước chung tay vì người nghèo - không ai bị bỏ lại phía sau”.

Các thiết chế văn hóa, nhất là ở cơ sở được đầu tư xây dựng nhiều hơn, từng bước phát huy được hiệu quả; toàn tỉnh có 514 nhà văn hóa ấp, khu vực; 60 trung tâm văn hóa xã và 32 nhà văn hóa ở các xã nông thôn mới.

Tỉnh đã đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí, khu di tích, khu du lịch như: Công viên Xà No - gắn với kênh xáng Xà No, Công viên Hòa Bình, Hồ Sen Vị Thanh, Khu liên hợp thể dục, thể thao, Nhà thi đấu đa năng của tỉnh, Thư viện tỉnh, cụm tượng đài chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch, di tích chiến thắng Vàm Cối Sinh, Công viên Chiến thắng, khu du lịch sinh thái vườn tràm Vị Thủy,... để tạo điều kiện cho nhân dân tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các phong trào thể dục, thể thao và hưởng thụ văn hóa của địa phương. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng được quản lý tốt hơn, tạo điều kiện cho người dân tham gia sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các địa phương, giữa các dân tộc, giữa các giai tầng trong xã hội.

Việc xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế được Đảng bộ quan tâm triển khai thực hiện gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tỉnh đã quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm các chỉ thị,

ng nghị quyết, quy định, quy chế, kết luận của Trung ương về xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, góp phần xây dựng văn hóa trong chính trị, như: Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”; Quy định số 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị về “Một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên”; Quy định số 08-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”; Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Văn hóa công vụ” ... Từ đó, việc xây dựng văn hóa trong Đảng, hệ thống chính trị đạt được nhiều kết quả quan trọng: xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gần bó máu thịt với nhân dân; có ý thức chấp hành pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân, việc cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tiếp tục có những chuyển biến tích cực, đặc biệt Trung tâm hành chính công tỉnh Hậu Giang đã được thành lập và đi vào hoạt động hiệu quả. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên trong nội bộ, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đối với văn hóa trong kinh tế, tinh quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm Quyết định số 1846/QĐ-TTg ngày 26/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy ngày 10/11 hằng năm là Ngày Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam và Cuộc vận động xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam trong các doanh nghiệp và toàn xã hội. Từ đó, nhận thức về vai trò xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân từng bước được nâng lên; nhiều doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu có tâm, có tầm, có đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được tôn vinh nhân ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10 hằng năm, qua đó đã khích lệ các doanh nghiệp, doanh nhân tích cực sản xuất, kinh doanh, chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

Việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa được tỉnh chú trọng và đã đạt được những kết quả tích cực. Việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc tiếp tục chuyển biến tích cực, xử lý hài hòa giữa bảo tồn và phát huy

các di sản văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỉnh đã huy động nhiều nguồn lực để giữ gìn, phát huy di sản văn hóa truyền thống như: Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ; phục hồi Chợ nổi Ngã Bảy; lưu giữ tiếng nói và chữ viết, viết liễn, các nét văn hóa như múa bóng, múa lân, lễ hội cúng đình, các nghề thủ công truyền thống làm bánh dân gian; lưu giữ, sử dụng tiếng nói và chữ viết Khmer, múa cà kheo, hát dù kê, lễ cầu an, lễ dâng áo cà sa, nghề làm bánh dân gian và nghề may trang phục truyền thống của dân tộc Khmer; các nét văn hóa đặc trưng của từng tôn giáo đều được giữ gìn và phát huy như lễ cúng rằm, dâng y của đạo Phật, lễ Noel của đạo Công giáo được tổ chức hằng năm và trở thành nét văn hóa độc đáo thu hút nhiều người dân ngoài đạo cùng đến xem; đồng thời bảo tồn và phát huy một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, như hát Aday, hát múa Lâm thôn của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ. Nhận thức ngày càng đúng đắn hơn đối với việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa là góp phần làm cho đời sống văn hóa tinh thần của người dân ngày càng phong phú hơn, xem đây là một trong những nhân tố tích cực để xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc, đóng góp trực tiếp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh. Nhiều di sản văn hóa, di tích văn hóa, lịch sử được công nhận, đến năm 2020, tỉnh có 1 di sản văn hóa được UNESCO công nhận, có 16 di tích được xếp hạng (trong đó có 1 di tích quốc gia đặc biệt, 8 di tích cấp quốc gia, 7 di tích cấp tỉnh; có 1 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia - đó là nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ). Tổ chức sưu tầm, đưa vào bảo tàng lưu giữ 4.400 tài liệu, hiện vật về vùng đất và con người Hậu Giang.

Việc sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật của tỉnh có nhiều cố gắng, tiếp nối dòng tư tưởng chủ đạo chính là truyền thống yêu nước và nhân văn, phản ánh chân thực đời sống của nhân dân, đấu tranh chống cái xấu, ca ngợi vẻ đẹp của con người Hậu Giang, sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh và các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng bộ và những thành tựu của tỉnh sau 17 năm thành lập, góp phần tích cực xây dựng nền tảng tinh thần xã hội. Công tác bồi dưỡng tài năng trẻ được chú trọng, xuất hiện nhiều gương mặt trẻ trên các lĩnh vực nghệ thuật. Đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức văn hóa tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hội Văn học nghệ thuật tỉnh tiếp tục được củng cố kiện toàn, luôn đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, có nhiều giải pháp tích cực trong việc chống nghiệp dư hóa, thương mại hóa, lai căng, mất gốc trong sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Phong trào văn học, nghệ thuật quần chúng bước đầu phát triển theo phương châm xã hội hóa, góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn học nghệ thuật truyền thống của các dân tộc. Nhiều phân hội, câu lạc bộ văn học - nghệ thuật thu hút đông đảo hội viên tham gia, góp phần tạo sân chơi văn hóa - nghệ thuật lành mạnh ở địa phương. Tỉnh đã tổ chức thành công một số sự kiện mang tầm quốc gia và quốc tế về văn hóa, nhận được sự quan tâm của dư luận, góp phần quảng bá văn

học, nghệ thuật như: Festival lúa gạo Việt Nam lần thứ I; Giải bóng chuyền nữ quốc tế cúp VTV - Bình Điền lần thứ VI năm 2012; Giải Marathon quốc tế “Mekong Delta Marathon” tỉnh Hậu Giang các năm 2019 và 2020...

Hậu Giang xác định công tác thông tin đại chúng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, vì vậy hệ thống thông tin đại chúng không ngừng được xây dựng, phát triển và từng bước hiện đại hóa. Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang từng bước được đầu tư, nâng cao chất lượng, nhất là đối với các chuyên mục, chuyên đề về phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Các chuyên mục: nông thôn Hậu Giang, khuyến học - khuyến tài, nghệ thuật tổng hợp, nhiều chương trình phục vụ nhu cầu giải trí và thưởng thức văn hóa, văn học, nghệ thuật từng bước được nâng cao chất lượng, từ thời lượng phát sóng đến nội dung phản ánh. Mạng lưới loa truyền thanh được củng cố từ huyện đến xã, phường, thị trấn, bảo đảm thông tin, tuyên truyền đến nhân dân các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời đáp ứng được nhu cầu thông tin thời sự đến bà con nhân dân, giúp bà con nắm bắt được tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, học hỏi kinh nghiệm sản xuất từ các mô hình đạt hiệu quả, thưởng thức các chuyên mục văn hóa - nghệ thuật có ý nghĩa và mang đậm tính dân tộc.

Việc về phát triển công nghiệp văn hóa bước đầu được đầu tư, nhất là việc đầu tư cho phát triển những sản phẩm văn hóa phục vụ du lịch, dịch vụ. Chất lượng các hoạt động biểu diễn nghệ thuật từng bước được nâng lên, đa dạng về hình thức, nội dung. Sản phẩm thủ công mỹ nghệ ở một số địa phương trong tỉnh được đăng ký thương hiệu và tiếp cận thị trường. Các sản phẩm du lịch, làng nghề, sản phẩm thủ công mỹ nghệ từng bước phát triển.

Hoạt động sáng tác, xuất bản cũng đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nhiều tác phẩm xuất sắc trên các lĩnh vực truyền hình, nhiếp ảnh, âm nhạc, sân khấu của các văn nghệ sĩ trên địa bàn tỉnh đã đạt giải cao tại các cuộc thi, liên hoan trong nước và khu vực, góp phần quảng bá hình ảnh, văn hóa, con người và vùng đất Hậu Giang với cả nước và bạn bè quốc tế.

Việc hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại được tỉnh quan tâm thực hiện. Công tác hội nhập trong hoạt động nghệ thuật cũng được tăng cường. Tỉnh luôn quan tâm, ưu đãi, hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ tỉnh nhà thâm nhập thực tế, sáng tác, biểu diễn, quảng bá tác phẩm và các cuộc thi cấp khu vực và toàn quốc. Kết quả là đã có nhiều tác phẩm nhiếp ảnh của văn, nghệ sĩ tỉnh đạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc và giải danh dự trong các cuộc triển lãm ảnh trong khu vực và quốc tế (riêng năm 2021 có 4 Huy chương Vàng, 1 Huy chương Bạc, 13 Bằng danh dự và 3 tác phẩm được triển lãm trong Triển lãm ảnh quốc tế tổ chức tại Việt Nam), từ đó góp phần tích cực vào việc quảng bá hình ảnh, văn hóa, con người Hậu Giang đến bạn bè quốc tế. Lực lượng văn, nghệ sĩ

sáng tác theo các chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, lịch sử, nông thôn mới, con người, phong cảnh, sinh hoạt, xây dựng và phát triển của các địa phương... Ngoài ra, hằng năm vào dịp Tết Nguyên đán, tỉnh đều tổ chức họp mặt văn, nghệ sĩ, các nhà báo, nhà khoa học, vừa chúc Tết, thăm hỏi, vừa định hướng sáng tác, nhằm phục vụ tốt hơn nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, tạo sự phấn khởi cho giới văn, nghệ sĩ yên tâm phát huy tài năng sáng tác, từ đó đã ra đời một số tác phẩm văn học, nghệ thuật thực sự có giá trị, đáp ứng được sự yêu thích và nhu cầu hưởng thụ của công chúng, để không ngừng góp phần xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh và hạnh phúc.

Ngoài các lĩnh vực nêu trên, tỉnh còn quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ; tăng cường nguồn lực, đầu tư cho lĩnh vực văn hóa... và đã đạt được những kết quả cơ bản, góp phần xây dựng văn hóa và con người Việt Nam. Không khí dân chủ trong xã hội ngày càng tăng lên; tính năng động, tích cực của công dân được phát huy. Nhiều chuẩn mực văn hóa truyền thống tiếp tục được duy trì, củng cố và phát huy; các giá trị văn hóa, đạo đức mới được hình thành và phát triển. Đạo lý, tình thương, lễ phải vẫn là những định hướng giá trị thể hiện sâu sắc tính nhân văn của con người Việt Nam. Ý thức tích cực, tự giác của nhân dân trong các sinh hoạt văn hóa ngày càng tăng, cả xã hội chung tay xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.2. Nguyên nhân của thành tựu

Đạt được những kết quả nêu trên là do Đảng, Nhà nước có những chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật kịp thời, sát tình hình thực tiễn, tạo điều kiện cho địa phương triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả. Ngân sách đầu tư cho lĩnh vực văn hóa được quan tâm, các thiết chế văn hóa từng bước được hoàn thiện. Sự chỉ đạo, quản lý sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền trên lĩnh vực văn hóa, phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ của người dân, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân, giảm thiểu hành vi vi phạm pháp luật về văn hóa.

Các cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp phát triển văn hóa; kịp thời cụ thể hóa những văn bản chỉ đạo của Trung ương, áp dụng sát hợp với tình hình thực tế ở địa phương, tạo động lực mạnh mẽ cho văn hóa phát triển. Đồng thời, vai trò, trách nhiệm của từng ngành cũng được phân định rõ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, không xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau. Trong quá trình thực hiện có xây dựng chương trình, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo cụ thể, có kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực: văn học, nghệ thuật, thể dục - thể thao, nhất là trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Nhân dân trong tỉnh nhận thức khá tốt về vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh hướng tới xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhu cầu hưởng thụ văn hóa, ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh được toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng. Trình độ dân trí, đời sống nhân dân không ngừng phát triển nên ý thức và nhu cầu vui chơi, giải trí, hưởng thụ các giá trị văn hóa, hướng cuộc sống tới các giá trị chân - thiện - mỹ ngày càng cao.

3. Hạn chế và nguyên nhân trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội về văn hóa

3.1. Hạn chế

Một số nơi cấp ủy chưa quan tâm sâu sát đến lĩnh vực văn hóa, nhất là văn hóa đời sống tinh thần của nhân dân, chưa giúp nhân dân hiểu được văn hóa là gì và cần bảo tồn nét bản sắc văn hóa của địa phương như thế nào. Việc hưởng thụ văn hóa giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các bộ phận dân cư, dân tộc vẫn còn khoảng cách, đời sống văn hóa tinh thần ở một số địa phương, nhất là ở một số khu vực nông thôn chậm được cải thiện. Môi trường văn hóa còn có những biểu hiện thiếu lành mạnh, tệ nạn xã hội vẫn còn diễn ra, một số nơi có chiều hướng gia tăng. Chưa có nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao, ca ngợi quê hương, con người Hậu Giang; cơ sở hạ tầng về văn hóa còn khó khăn. Văn hóa học đường, văn hóa gia đình, văn hóa xã hội có những biểu hiện tiêu cực đáng lo ngại. Văn hóa ứng xử còn không ít hành vi “lệch chuẩn”, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống vẫn còn trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; đạo đức kinh doanh, trách nhiệm nghề nghiệp; quy tắc ứng xử, văn minh công cộng, y đức,... vẫn còn nhiều vấn đề đáng quan tâm, và tất cả đều bắt nguồn từ văn hóa. Cán bộ quản lý văn hóa một số nơi còn thiếu, yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nên chưa quản lý tốt các thiết chế văn hóa cơ sở.

Bên cạnh đó, việc xây dựng những cơ chế chính sách về văn hóa vẫn còn hạn chế, chưa có những chính sách đãi ngộ hợp lý với tình hình thực tế, nhất là đối với giới văn, nghệ sĩ, những cán bộ thư viện từ cấp xã, phường, thị trấn đến huyện, tỉnh. Việc đầu tư cho văn hóa vẫn còn thấp, chưa xây dựng được những khu vui chơi giải trí có tính chất quy mô, chỉ mới đầu tư xây dựng những công trình mang tính lịch sử, các khu bảo tàng, di tích lịch sử. Việc tổ chức xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và triển khai phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” hướng vào phong trào thi đua yêu nước, gồm các phong trào: Xây dựng “Gia đình văn hóa”, cơ quan, đơn vị văn hóa, ấp (khu vực), xã (phường, thị trấn) văn hóa, phong trào “Người tốt việc tốt”... một số nơi còn chậm so với tiến độ chung, chưa vận động

được toàn dân tham gia, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp để khơi dậy phong trào lớn mạnh.

3.2. Nguyên nhân của hạn chế

Có những nguyên nhân khách quan như: việc phát triển kinh tế thị trường cùng với nhu cầu hội nhập quốc tế, mở cửa giao lưu hợp tác cũng kèm theo sự du nhập nhiều luồng văn hóa khác nhau, trong đó có những lối sống xa lạ, ích kỷ, chạy theo đồng tiền, đua đòi vật chất, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Bên cạnh đó, các nguyên nhân chủ quan cũng không nhỏ, trong đó các cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ đến lĩnh vực văn hóa, việc cụ thể hóa nghị quyết của Đảng còn chậm, chưa sát thực tiễn; công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm đổi mới, đầu tư cho lĩnh vực văn hóa còn hạn chế; chưa quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Sự phát triển của văn hóa vẫn chưa đồng bộ, chưa tương xứng với sự tăng trưởng kinh tế, chưa thật sự có những đầu tư hợp lý cho phát triển văn hóa so với các lĩnh vực khác.

4. Phương hướng và giải pháp để triển khai có hiệu quả chỉ đạo của các cấp về văn hóa

4.1. Phương hướng

Qua thực tiễn phát triển văn hóa trong thời gian qua, tình đề xuất một số phương hướng như sau:

Một là, cần đặt lên hàng đầu việc bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức, lối sống, lấy việc xây dựng nhân cách con người làm trọng tâm cốt lõi của phát triển văn hóa; chăm lo xây dựng con người một cách toàn diện, thiết thực; kiên quyết đấu tranh chống mọi tiêu cực xã hội làm tha hóa con người.

Hai là, tôn trọng, phát huy tính dân chủ, tích cực, sáng tạo, gắn với trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ của mỗi cá nhân, tập thể, cộng đồng dân cư; tôn trọng pháp luật và thuần phong mỹ tục của dân tộc; khắc phục tình trạng thiếu dân chủ và hạn chế tự do sáng tạo trong văn hóa.

Ba là, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị với phát triển văn hóa; khắc phục tình trạng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt, không quan tâm đến các giá trị văn hóa.

Bốn là, sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp, các ngành là nhân tố quyết định tạo niềm tin trong nhân dân, là tấm gương văn hóa, đạo đức cho xã hội noi theo.

Năm là, coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí có phẩm chất, năng lực, tâm huyết và trách nhiệm.

4.2. Giải pháp

Kết quả đạt được là rất đáng khích lệ, nhưng để theo kịp xu thế phát triển hiện nay, sự vận động phát triển của đất nước, sự tiến bộ đi lên của các tỉnh bạn và sự kỳ vọng của nhân dân tỉnh nhà, Đảng bộ tỉnh sẽ nỗ lực nhiều hơn nữa, quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo những chủ trương, đường lối phát triển văn hóa của Đảng vào thực tiễn cuộc sống, để xây dựng quê hương, con người Hậu Giang “Đoàn kết, nghĩa tình, thủy chung, năng động” và hoàn thành khát vọng xây dựng một đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020- 2025, xác định “Quán triệt và vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Trung ương về văn hóa và kết hợp nền tảng văn hóa truyền thống của Hậu Giang”, do vậy trong thời gian tới tỉnh sẽ tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

Một là, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa trong tình hình mới, tiếp tục quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về văn hóa; coi văn hóa là bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng, là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, một trong những nòng cốt bảo vệ sự phát triển bền vững của đất nước.

Hai là, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế hiện nay; cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa, ban hành các văn bản phù hợp với điều kiện và thực tiễn của địa phương; quan tâm chỉ đạo sâu sát, nhất là các yếu tố có liên quan đến con người. Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa.

Ba là, chính quyền các cấp tiếp tục đầu tư đúng mức cho lĩnh vực văn hóa, tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước và có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên một số nét văn hóa truyền thống cần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Bốn là, đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa và phát triển con người; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa.

Năm là, rà soát cán bộ làm công tác văn hóa từ tỉnh đến cơ sở để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, từng bước kiện toàn, nâng cao chất lượng bộ máy hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa. Tăng cường hiệu quả hoạt động, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từ cấp tỉnh đến cơ sở, trong công tác chỉ đạo thực hiện phát triển văn hóa.

Sáu là, quan tâm đầu tư các thiết chế văn hóa cho nhân dân, duy trì hoạt động hiệu quả của các câu lạc bộ văn hóa, thể dục thể thao; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thiết thực, thu hút đông đảo người dân tham gia.

Bảy là, tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tổ chức các hoạt động văn hóa. Tăng cường kinh phí xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA, HOÀN THIỆN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA TỪ TỈNH ĐẾN CƠ SỞ

TỈNH ỦY SÓC TRĂNG

Sóc Trăng là tỉnh ven biển, thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên là 3.298 km², giáp Biển Đông với 72 km bờ biển; dân số khoảng gần 1,2 triệu người, trong đó dân tộc thiểu số gần 424.834 người, chiếm 35,41% dân số, chủ yếu là dân tộc Khmer (chiếm 30,18% với trên 362.029 người); toàn tỉnh hiện có 8 huyện, 2 thị xã và 1 thành phố, với 109 xã, phường, thị trấn. Tỉnh Sóc Trăng có nhiều dân tộc cùng sinh sống, tạo nên sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc, nét văn hóa phong phú, đặc sắc của vùng đất và con người Sóc Trăng.

Những năm qua, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, các hoạt động văn hóa “hướng về cơ sở”; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh; xây dựng gia đình văn hóa, ấp, khóm văn hóa ngày càng đi vào thực chất; đặc biệt là hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở tiếp tục được quan tâm đầu tư và phát huy hiệu quả trong tổ chức các hoạt động văn hóa phục vụ nhân dân.

Quán triệt nội dung Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Tỉnh ủy Sóc Trăng ban hành Chương trình số 37-CTr/TU ngày 31/7/2014 về “Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 31/12/2014 về việc “Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI và Chương trình hành động của Tỉnh ủy”; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; quan tâm trùng tu, tôn tạo các di tích văn hóa và đầu tư các thiết chế văn hóa, nhất là ở cơ sở; các hoạt động văn hóa của đồng bào dân tộc

được bảo tồn và phát huy, nhất là các lễ hội được tổ chức theo phong tục, tập quán truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong điều kiện ngân sách tỉnh còn khó khăn, nhưng kinh phí đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa luôn được ưu tiên. Nhiều công trình văn hóa, nghệ thuật được quan tâm đầu tư nâng cấp, như: Trung tâm văn hóa, triển lãm Hồ nước ngọt, Quảng trường Bạch Đằng, Công viên 30/4, Tượng đài nhà Nông học Lương Định Của; hệ thống trung tâm văn hóa, thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở; hệ thống thư viện - nhà truyền thống ở cơ sở,... Ngoài ra, tỉnh còn đầu tư sân bóng chuyền, sân bi sắt, dụng cụ thể dục thể thao và các thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em tại các huyện, thị xã, thành phố; đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị âm thanh, thiết bị vui chơi giải trí trẻ em, dụng cụ thể thao hỗ trợ cho các xã; mua sách bổ sung cho Thư viện tỉnh phục vụ bạn đọc, trang bị xe thư viện lưu động; đầu tư thiết bị âm thanh cho Đoàn Nghệ thuật Khmer, sân khấu, xe chuyên dùng phục vụ công tác thông tin lưu động.

Công tác đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa không ngừng được tăng cường, như: xây Nhà làm việc diễn viên cho Đoàn Nghệ thuật Khmer, Tượng đài chiến thắng chi khu Ngã Năm, Nhà lưu niệm cơ sở cách mạng tại xã Mỹ Quới - thị xã Ngã Năm, Thư viện thị xã Ngã Năm; sửa chữa Thư viện tỉnh, Nhà trưng bày văn hóa Khmer, Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao (nay là Trung tâm văn hóa - thể thao), Bảo tàng tỉnh; trùng tu các di tích cấp quốc gia như Đình Hòa Tú, Chùa Mahatup (Chùa Dơi), Miếu Bà Chúa Xứ (Ngã Năm); phục chế Khu bảo tồn di tích cấp quốc gia Căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng.

Tính đến nay, hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở cơ bản được hoàn thiện; đối với cấp tỉnh có Trung tâm văn hóa tỉnh, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm văn hóa - thể thao tỉnh; đối với cấp huyện có Trung tâm văn hóa - thể thao tại 11/11 huyện, thư viện tại 9/11 huyện; đối với cấp xã có nhà văn hóa tại 96/109 xã, phường, thị trấn, trong đó 18 xã có thư viện; 724/775 ấp, khóm có nhà văn hóa ấp. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được thực hiện tốt; huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận, hưởng ứng của đại đa số người dân. Nhờ đó, số hộ gia đình, ấp, khóm đạt chuẩn văn hóa ngày càng tăng. Toàn tỉnh có 295.618/324.143 hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 91,2%; 750/775 ấp, khóm đạt danh hiệu Khu dân cư văn hóa, đạt 96,77%.

Nhìn chung, chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh có bước phát triển, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn; tinh thần tương thân, tương ái trong nhân dân tiếp tục được phát huy; việc xây dựng nếp sống văn hóa trong cộng đồng dân cư được triển khai thực hiện đạt kết quả tích cực. Từ đó, có thể khẳng định rằng các hoạt động văn hóa đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, tạo sự thoải mái về tinh thần, là động lực thúc đẩy học tập, lao động, sản xuất kinh doanh, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đạt được kết quả trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân quan trọng hàng đầu là do các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh đã nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng trong triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; xây dựng kế hoạch cụ thể, thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và định kỳ đánh giá việc thực hiện các chủ trương của Trung ương, của tỉnh về phát triển văn hóa.

Các cấp ủy, chính quyền chú trọng việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các đồng bào dân tộc trên địa bàn; các phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng. Hệ thống tổ chức bộ máy, cán bộ làm văn hóa được củng cố, kiện toàn; đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa theo hướng “chuẩn hóa”, trình độ, năng lực đội ngũ làm công tác văn hóa được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động văn hóa trên địa bàn tỉnh vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: các thiết chế văn hóa còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ, hầu hết chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chưa tương xứng với sự phát triển chung của tỉnh; chưa có nhiều khu vui chơi giải trí công cộng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân, nhất là trẻ em. Việc khai thác, quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa chưa được quan tâm đúng mức.

Công tác bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa chưa được đầu tư đúng mức, nhiều di tích đang bị xuống cấp nghiêm trọng, một số loại hình văn hóa truyền thống có nguy cơ bị mai một nhưng chưa được đầu tư bảo tồn, khôi phục; chưa khai thác, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về văn hóa đặc sắc của 3 dân tộc Kinh - Khmer - Hoa để thu hút khách du lịch.

Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý những sai phạm trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và bài trừ các tệ nạn xã hội chưa thực hiện thường xuyên, ảnh hưởng đến việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa tuy có chuyển biến nhưng không đáng kể. Ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh phát triển còn chậm. Chưa khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh giá trị di sản văn hóa trong việc thu hút du khách, phát triển du lịch của địa phương. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế nêu trên là do: Công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về văn hóa có lúc còn chưa chặt chẽ; việc triển khai thực hiện các văn bản pháp luật và các chính sách về văn hóa có lúc còn chậm, chưa đầy đủ, chưa kết hợp đồng bộ, phù hợp với đặc điểm của địa phương, nên chất lượng, hiệu quả chưa cao. Nguồn lực dành cho ngành Văn hóa, thể thao và du lịch tuy được đầu tư nhưng chưa tương xứng với yêu cầu phát triển hiện nay. Năng lực

một số cán bộ, công chức, viên chức của ngành chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt ở tuyến cơ sở.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Tỉnh ủy Sóc Trăng rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, thực tế cho thấy, nơi nào cấp ủy, nhất là người đứng đầu cấp ủy nhận thức đúng vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của địa phương thì nơi đó phong trào văn hóa sẽ phát triển và đời sống tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao; các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái giữa các dân tộc được phát huy.

Hai là, vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống có ý nghĩa quan trọng trong đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, thói hư tật xấu của cán bộ, đảng viên; xóa bỏ tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, bảo đảm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Ba là, các cấp ủy đảng, chính quyền dành nguồn lực thỏa đáng cho đầu tư phát triển văn hóa; đồng thời quan tâm đầu tư các thiết chế văn hóa ở cơ sở, tạo sân chơi lành mạnh cho thế hệ trẻ, bảo đảm việc xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của địa phương trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà, đặc biệt là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ; quán triệt quan điểm, chủ trương về xây dựng và phát triển văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam được nêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Tỉnh ủy Sóc Trăng đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, coi văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là nguồn lực, động lực nội sinh bảo đảm sự phát triển bền vững. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị - xã hội, phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; chú ý đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp; tài năng, trí tuệ, con người là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ hai, đổi mới phương thức bảo tồn và phát triển văn hóa; thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép giữa các chương trình, dự án về phát triển văn hóa với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; quan tâm đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu trở thành những di sản có chất lượng cao, phục vụ giáo dục truyền thống và thu hút du khách; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa; có cơ chế, chính sách tôn vinh, đãi ngộ các nghệ sĩ, nghệ nhân tiêu biểu. Quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng có đông đồng bào dân tộc, tôn giáo, thu hẹp dần khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

Thứ ba, tập trung xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp với những đặc tính cơ bản, như: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, có lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống lành mạnh, luôn khát vọng vươn lên và cống hiến cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Thứ tư, xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý; chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, dân chủ cơ hội và thực dụng. Coi trọng xây dựng văn hóa từ trong các hoạt động của cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các tổ chức chính trị, đội ngũ những người làm văn hóa và những người có tầm ảnh hưởng quan trọng trong cộng đồng và xã hội đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa.

Thứ năm, phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, bảo tồn các di tích văn hóa; triển khai số hóa thông tin, cơ sở dữ liệu, hình ảnh giới thiệu về di sản văn hóa trên các nền tảng số. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý các sai phạm trên lĩnh vực văn hóa. Quan tâm hơn nữa tới công tác giáo dục cộng đồng, ứng xử văn hóa, văn minh; gắn văn hóa với phát triển du lịch bền vững, bảo vệ, giữ gìn tài nguyên văn hóa cho thế hệ mai sau.

Một số đề xuất, kiến nghị:

(1) Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang duy trì Đoàn Nghệ thuật Khmer, song các cơ chế, chính sách đối với đội ngũ diễn viên của Đoàn còn nhiều hạn chế. Kiến nghị Chính phủ cần có cơ chế, chính sách đặc thù đối với người làm nghệ thuật văn hóa dân tộc; đồng thời có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động văn hóa, góp phần bảo tồn các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc, phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh.

(2) Các cấp, các ngành trong tỉnh đang tập trung triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 2/8/2016 của Tỉnh ủy về “Phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”; trong đó đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; chú trọng việc nâng cao tầm vóc của các sự kiện lễ hội độc đáo của 3 dân tộc Kinh - Khmer - Hoa. Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm xem xét hồ sơ và công nhận Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe ngo của Sóc Trăng là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; đồng thời hỗ trợ xây dựng hồ sơ đề cử UNESCO công nhận Nghệ thuật sân khấu Dù Kê của người Khmer là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

(3) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quan tâm hỗ trợ ngân sách đầu tư xây dựng sân vận động của tỉnh Sóc Trăng để thành phố Sóc Trăng đạt các tiêu chí của đô thị loại II; đồng thời phục vụ tốt các hoạt động văn hóa và thi đấu thể thao, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân trong tỉnh.

Với nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự phát triển của xã hội, trong những năm tới, cùng với sự phát triển của hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, đội ngũ cán bộ văn hóa ngày càng được đào tạo có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng động, sáng tạo chắc chắn sẽ nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, góp phần thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia sinh hoạt văn hóa, làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh.

VĂN HÓA VIỆT NAM SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI: THỰC TIỄN TẠI CÀ MAU

TỈNH ỦY CÀ MAU

Ba mươi lăm năm đổi mới là một chặng đường lịch sử có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của đất nước và dân tộc Việt Nam; khát vọng vì một Việt Nam thịnh vượng, ý chí tự lực, tự cường luôn là sức mạnh nội sinh để nước ta đạt được những thành tựu rất quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo nhiều dấu ấn nổi bật suốt thời gian qua. Nhìn lại chặng đường 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đúng như đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói:... Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ và bền vững. Tuy nhiên, trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, mỗi dân tộc đều có điều kiện và cơ hội để phát triển, nhưng cũng đứng trước những nguy cơ, thách thức mới, đặc biệt là vấn đề bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong môi trường mở rộng giao lưu và hội nhập quốc tế.

Cà Mau là tỉnh cực Nam của Tổ quốc, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có 9 đơn vị hành chính cấp huyện (8 huyện và 1 thành phố), 101 xã, phường, thị trấn, với dân số gần 1,194 triệu người, mật độ dân số 226 người/km². Diện tích tự nhiên khoảng 5.274 km², bằng 13% diện tích của Đồng bằng sông Cửu Long, chiếm 1,58% diện tích cả nước. Địa hình của tỉnh tương đối bằng phẳng, có 3 mặt giáp biển, với chiều dài bờ biển là 254 km. Vùng đất Cà Mau là nơi hội tụ, giao thoa văn hóa của ba dân tộc Kinh - Hoa - Khmer; từ đó, đã hình thành những giá trị văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng với nét tính cách riêng có của con người vùng đất Cà Mau.

Cùng với quá trình phát triển của đất nước, người dân Cà Mau luôn một lòng sắt son với Đảng, khát khao độc lập, tự do và yêu chuộng hòa bình; đời sống văn hóa của người dân Cà Mau cũng bắt đầu trong trào lưu văn hóa chung của cả nước. *Đề cương về văn hóa Việt Nam* - một văn kiện quan trọng của Đảng, do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo năm 1943 - là vũ khí sắc bén của người chiến sĩ cách mạng trên mặt trận văn hóa - tư tưởng, vạch ra phương châm đúng đắn cho nền văn hóa cách mạng phát triển trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc.

Tiếp thu định hướng về văn hóa mới của Đảng, người dân Cà Mau đã hưởng ứng tích cực các phong trào đấu tranh cách mạng: chi bộ Đảng đầu tiên của Cà Mau được thành lập vào tháng 1/1930; sự kiện treo cờ Đảng đầu tiên ở Cà Mau vào ngày 1/5/1930; hay cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai thắng lợi ngày 13/12/1940,... là những sự kiện tiêu biểu cho ý chí kiên cường, bất khuất của con người Cà Mau, là niềm tự hào to lớn của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Cà Mau.

Trong chiến tranh, dù phải chiến đấu gian khổ, chịu nhiều mất mát hy sinh, nhưng lực lượng văn nghệ sĩ Cà Mau vẫn kiên cường bám trụ “một tắc không đi, một ly không rời” bằng tinh thần lạc quan của người cộng sản; những tác phẩm nghệ thuật ra đời đã trở thành nguồn cổ vũ, động viên, khích lệ người dân Cà Mau hăng hái chiến đấu đi đến thắng lợi cuối cùng; Đoàn Văn công giải phóng tỉnh Cà Mau thành lập năm 1960 là minh chứng rõ ràng và thực tế nhất, kịp thời cổ vũ, phục vụ chiến sĩ và nhân dân trên khắp chiến trường Tây Nam Bộ.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, được sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền tỉnh, các hoạt động của ngành Văn hóa ngày càng trở nên thiết thực, góp phần quan trọng vào việc giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng chuẩn mực đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và Nghị quyết số 33-NQ/TW (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành các chương trình hành động để triển khai thực hiện, đồng thời tổ chức các hoạt động tuyên truyền cùng việc xây dựng các đề án phát triển văn hóa, thông tin, văn học nghệ thuật, phát triển thể dục - thể thao,... Mỗi nhiệm vụ ở từng nhóm nội dung đều được xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận và được triển khai đến cơ sở, các tầng lớp nhân dân gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Trong đó, xác định việc xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, nhất là xây dựng về tư tưởng, đạo đức, lối sống (giàu lòng yêu nước, sống có lý tưởng cách mạng, thực hiện tốt trách nhiệm công dân), xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã đi vào đời sống người dân, góp phần làm cho đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân Cà Mau ngày càng phát triển, thực sự đã trở thành phong trào cách mạng rộng lớn, toàn diện trên mọi lĩnh vực; huy động cả hệ thống chính trị, các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện; từ đó, góp phần làm chuyển biến nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp và người dân Cà Mau trong việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần theo hướng văn minh, hiện đại, song vẫn bảo tồn, lưu giữ và phát huy được những nét đẹp trong giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng các dân tộc.

Hiện nay, vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã chi phối không ít đến quá trình phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc nhưng cũng là điều kiện thuận lợi để chúng ta triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và đạt mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tuy nhiên, trong điều kiện hội nhập, sự tác động tiêu cực của cơ chế thị trường phần nào ảnh hưởng đến tư tưởng, đạo đức, lối sống trong xã hội; sự du nhập của những văn hóa phẩm độc hại đang len lỏi, tác động không nhỏ vào đời sống văn hóa tinh thần của xã hội; sự chống phá của các thế lực thù địch bằng “diễn biến hòa bình” để thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đã làm xói mòn những giá trị, những quan hệ văn hóa, đạo đức, lối sống tốt đẹp trong xã hội.

Những năm gần đây, tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội tỉnh Cà Mau có bước phát triển khá bền vững; cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao; phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao không ngừng phát triển; các di tích lịch sử, văn hóa được bảo tồn và phát huy. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, văn hóa luôn là nội dung quan trọng trong công tác chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể.

Việc triển khai Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị triển khai, quán triệt cho cán bộ chủ chốt tỉnh; chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, mặt trận, các đoàn thể tuyên truyền, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân; đồng thời, ban hành Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 15/4/2016 để cụ thể hóa và triển khai thực hiện. Đến năm 2020, Bộ Chính trị (khóa XII) ban hành Kết luận số 76-KL/TW tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và đạt được kết quả khá quan trọng, trong đó:

- Xây dựng và triển khai Quy ước cộng đồng và Quy tắc ứng xử nơi công cộng; xây dựng các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người, tạo môi trường, điều kiện để phát triển nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực, ý thức cá nhân, tuân thủ pháp luật, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc; đề cao tinh thần học tập nâng cao tri thức, trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội; khẳng định và tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng, nhân rộng và phát triển các giá trị cao đẹp, nhân văn.

- Các hoạt động văn học và nghệ thuật có nhiều chuyển biến tích cực, tiếp tục phát huy vai trò của văn học và nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm con người. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra thường xuyên với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phục vụ tốt việc hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân

dân, góp phần xây dựng con người hướng tới giá trị chân - thiện - mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng được tôn trọng và phát huy.

- Ban tuyên giáo các cấp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phản bác các luận điệu sai trái, kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi sự xâm nhập và tác động tiêu cực của các sản phẩm văn hóa độc hại; nâng cao được ý thức cảnh giác, năng lực nhận biết, bài trừ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trước sự xâm nhập, tác động của các sản phẩm văn hóa độc hại; đồng thời, tiếp nhận có chọn lọc giá trị văn hóa của thế giới, làm phong phú thêm giá trị văn hóa của địa phương.

- Xây dựng và hình thành môi trường văn hóa cộng đồng; phát triển và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu trên địa bàn khóm, ấp và khu dân cư. Thường xuyên quan tâm giáo dục truyền thống gia đình, dòng họ, mối quan hệ ứng xử tình làng, nghĩa xóm; ý thức giữ gìn và bảo vệ của công, ý thức chấp hành pháp luật và các quy định của địa phương; thực hiện có hiệu quả nếp sống văn hóa, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội... để nhân rộng điển hình và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp trong cộng đồng.

- Chi đạo thực hiện nghiêm túc việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên và Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh việc học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, phẩm chất đạo đức, lối sống trong đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức. Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức căn cứ vào tiêu chuẩn thường xuyên tu dưỡng đạo đức, lối sống, tận tụy với công việc, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, thật sự là tấm gương sáng, mẫu mực để quần chúng nhân dân noi theo.

- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức phát huy tốt nhất năng lực, sở trường công tác. Chú trọng công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, các tầng lớp nhân dân về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; từ đó, phát huy được trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát triển văn hóa, xây dựng con người ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Phục dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế địa phương. Phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với công tác tuyên truyền, quảng bá tiềm năng du lịch, hoạt động du lịch, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Tổ chức kiểm kê, lập danh mục di sản văn hóa phi vật thể, danh mục di tích trên địa bàn tỉnh; kiểm kê di sản văn hóa truyền thống, điển hình dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách để mở rộng, khuyến khích có hiệu quả công tác xã hội hóa đối với việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa, du lịch, thể dục - thể thao. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống... Hoạt động văn hóa, nghệ thuật ngày càng phát triển rộng khắp; thường xuyên duy trì, tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật quần chúng, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Các chương trình tiêu biểu được tổ chức định kỳ, thu hút sự quan tâm của công chúng như: Liên hoan văn nghệ quần chúng ba dân tộc Kinh - Hoa - Khmer; Hội thi Tiếng hát Phát thanh và Truyền hình; Liên hoan Đờn ca tài tử Nam Bộ; Liên hoan Tiếng hát hẹn hò 9 dòng sông; Hội thi Tiếng hát Hoa Phượng đỏ,... Hoạt động sân khấu chuyên nghiệp của Đoàn cải lương Hương Tràm là một trong số ít đoàn nghệ thuật cải lương ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long được duy trì và được công chúng đón nhận. Các chương trình nghệ thuật của tỉnh tham gia các đợt hội diễn, hội thi do Trung ương, khu vực tổ chức đều đạt kết quả khá cao.

- Chú trọng đa dạng hóa các sản phẩm văn hóa, sản phẩm du lịch từ tiềm năng, lợi thế của địa phương, như: Biển, đảo, rừng, lễ hội, sinh hoạt cộng đồng,... nhằm khai thác, phát huy những tiềm năng của địa phương. Khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm lưu niệm, sản phẩm du lịch đặc trưng, mang dấu ấn địa phương, góp phần giới thiệu những giá trị văn hóa thiêng liêng vùng đất cực Nam của Tổ quốc. Nâng cao ý thức thực thi pháp luật về quyền tác giả, các quyền liên quan đến hoạt động văn hóa, phát thanh - truyền hình, thông tin truyền thông trên địa bàn tỉnh. Phát triển các loại hình du lịch nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh, như: Du lịch biển đảo, khu Dự trữ sinh quyển thế giới; khu Ramsar; Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, Vườn Quốc gia U Minh hạ; du lịch cộng đồng,...

Bên cạnh việc thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, tỉnh Cà Mau đã triển khai thực hiện tốt các giải pháp của Nghị quyết, cụ thể là:

Thứ nhất, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa theo hướng bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng; bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác, đúng mục đích. Khắc phục tình trạng buông lỏng trong lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo. Chú trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước với nội dung quan trọng là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Thứ hai, chính quyền các cấp tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin và truyền thông. Cụ thể hóa, triển khai thực hiện nghiêm túc các quan

điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa phù hợp tình hình thực tế của tỉnh. Thực hiện đồng bộ chính sách kinh tế trong văn hóa và văn hóa trong kinh tế, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh; chính sách văn hóa đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ ba, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nguồn nhân lực làm công tác văn hóa, văn nghệ. Hằng năm, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và cử cán bộ theo học các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ văn hóa; thực hiện rà soát, quy hoạch cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt, là tấm gương tốt trong cộng đồng, xã hội. Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ có đức, có tài trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

Thứ tư, quan tâm đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, trung tâm văn hóa, trụ sở sinh hoạt văn hóa, các thiết chế văn hóa, từng bước đáp ứng yêu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt việc trùng tu, tôn tạo các khu di tích, tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, lịch sử Đảng bộ tỉnh cho thế hệ trẻ.

Công tác đầu tư nghiên cứu lý luận có nhiều chuyển biến tích cực, đa số văn nghệ sĩ nhận thức được định hướng phát triển văn học và nghệ thuật của Đảng và cơ chế, chính sách của Nhà nước về văn hóa và nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật. Các thế hệ văn nghệ sĩ đã cho ra đời những sản phẩm văn hóa, văn học và nghệ thuật đáp ứng yêu cầu của đông đảo nhân dân trong thời kỳ mới; đồng thời, định hướng thẩm mỹ văn học và nghệ thuật trước những biến đổi nhanh chóng, đa dạng, phức tạp trong nền kinh tế thị trường và bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế.

Trong thời gian tới, để văn hóa thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, phát triển toàn diện văn hóa vì mục tiêu con người với nét đẹp văn hóa truyền thống nhân văn, dân chủ, khoa học và hội nhập quốc tế, tỉnh Cà Mau tiếp tục quan tâm thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở quan tâm hơn nữa đến lĩnh vực văn hóa; các cấp, ngành cùng phối hợp và có trách nhiệm chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Nghị quyết số 33-NQ/TW (khóa XI) nhằm tạo sức mạnh đồng bộ trong thực hiện các đề án, dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật, thể dục - thể thao.

2. Đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa theo hướng tạo lập môi trường thuận lợi nhất để thu hút mọi nguồn lực xã hội tham gia hoạt động sáng tác, phổ biến và hưởng thụ văn hóa; phát huy ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm, tự đề kháng, xây dựng cộng đồng tự quản,

chống lại những hành vi phản văn hóa, sản phẩm độc hại, ảnh hưởng tới thuần phong mỹ tục và sự phát triển của đất nước.

3. Phát triển sự nghiệp văn hóa, đáp ứng yêu cầu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, từng gia đình, ở mỗi cộng đồng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp,... Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng và xã hội trong việc xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy hoàn thiện nhân cách con người, tạo sức mạnh nội sinh, ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội.

4. Triển khai thực hiện tốt việc sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cách mạng, đấu tranh chống quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật và sự xâm nhập của các tác phẩm văn hóa độc hại ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Quy hoạch và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở phù hợp với đặc điểm văn hóa địa phương; phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế như: Bảo tàng, Thư viện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện, xã, Nhà văn hóa - khu thể thao ấp, khóm,...

5. Nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển đô thị văn minh. Xây dựng xã, phường, thị trấn, khóm, ấp đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, văn minh, tiến bộ; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội...; củng cố tình làng nghĩa xóm, tạo mối quan hệ hài hòa, thân thiện, nghĩa tình. Xây dựng văn hóa trong kinh tế, xây dựng văn hóa công sở, doanh nghiệp, doanh nhân... bảo đảm các mục tiêu phát triển kinh tế vì con người.

6. Tăng cường đầu tư cho công tác bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa, giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế. Khôi phục, tôn vinh các lễ hội dân gian truyền thống tiêu biểu của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Xây dựng chương trình văn hóa, nghệ thuật định kỳ (sự kiện văn hóa - du lịch) trên cơ sở đặc trưng và nét đẹp văn hóa địa phương nhằm quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh gắn với phát triển du lịch.

7. Quan tâm đào tạo, có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Thực hiện quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực đồng bộ, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, phát hiện tài năng trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; khuyến khích văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tạo; quan tâm, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ trẻ có bản lĩnh chính trị, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó

với quê hương, đi sâu vào thực tiễn cuộc sống để sáng tạo ra những tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật.

Những thành tựu đạt được trên lĩnh vực văn hóa sau 35 năm đổi mới là rất đáng ghi nhận, môi trường văn hóa từng bước được cải thiện trên nền tảng đời sống xã hội được mở rộng, dân trí được nâng lên, quyền con người được tôn trọng, người dân có nhiều cơ hội tiếp cận thông tin và hưởng thụ các giá trị của văn hóa. Đây là kết quả của sự nỗ lực, quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Cà Mau, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; là cơ sở để chúng ta củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa; khẳng định xã hội chủ nghĩa ở nước ta cũng như ở các nước khác trên thế giới là sản phẩm của sự kết hợp giữa cái chung và cái riêng, cái phổ biến và cái đặc thù; đồng thời, phê phán, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, phản động, phủ nhận, xuyên tạc bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI GIỚI THIỆU	5
<i>PHẦN THỨ NHẤT</i>	
THAM LUẬN CỦA CÁC CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, NHÀ NGHIÊN CỨU VÀ THỰC HÀNH VĂN HÓA	7
- VĂN HÓA - CON NGƯỜI NHÂN TỐ BẢO ĐẢM SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM	9
GS.TSKH. Vũ Minh Giang	9
- ĐỘNG LỰC CUỐI CÙNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC VẪN LÀ VĂN HÓA, CON NGƯỜI	20
GS.TS. Trần Văn Bính	20
- TÌM HIỂU ĐỘNG LỰC VÀ SỨC MẠNH NỘI SINH CỦA VĂN HÓA TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY	28
GS.TS. Lê Hồng Lý	28
- VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM SAU HƠN 35 NĂM ĐỔI MỚI	38
GS.TS. Hồ Sĩ Quý	38
- CẢM NHẬN HAY PHÁC THẢO VỀ HỆ GIÁ TRỊ QUỐC GIA	50
GS.TS. Đinh Xuân Dũng	50
- XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ VĂN HÓA CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CỦA ĐẢNG	59
PGS.TS. Phạm Văn Dương	59
- ĐỂ VĂN HÓA THỰC SỰ LÀ NỀN TẢNG TINH THẦN, MỤC TIÊU VÀ ĐỘNG LỰC THỨC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI	70
GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm	70
- MỘT VÀI NHẬN THỨC THÊM VỀ TƯ TƯỞNG “VĂN HÓA SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI” CỦA HỒ CHÍ MINH	80
PGS.TS. Phạm Quang Long	80

- MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHƠI DẬY KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM PHỒN VINH, HẠNH PHÚC; PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA, SỨC MẠNH CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

PGS.TS. Phạm Duy Đức 92
- NHẬN THỨC RÕ QUY LUẬT ĐỂ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN VĂN HÓA, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG TIẾN TRÌNH GIAO LƯU VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

PGS.TS. Phan Trọng Thượng 107
- PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc 117
- CÔNG DÂN SỐ VÀ VĂN HÓA SỐ

GS.TS. Phạm Tất Dong 127
- VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII VÀ VĂN HÓA BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

GS.TS. Nguyễn Chí Bền 136
- ĐỂ VĂN HÓA LÀ ĐỘNG LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu 147
- VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VỚI KHÁT VỌNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

GS.TS. Từ Thị Loan 156
- XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 33-NQ/TW CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 9 (KHÓA XI)

PGS.TS. Huỳnh Văn Tới 168
- VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

PGS.TS. Đinh Thị Vân Chi 177
- ĐẶC ĐIỂM VÀ SỰ PHỨC HỢP CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HIỆN ĐẠI HÓA VÀ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA

PGS.TS. Trần Thị Minh Thi 186
- GIÁ TRỊ VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VỚI SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

PGS.TS. Chu Văn Tuấn 196

-
- PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương 205
 - VĂN HÓA TRONG TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH TẾ: TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 219
 - ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NGHỆ THUẬT VIỆT NAM: MỘT VÀI NHẬN THỨC VÀ CÁCH TIẾP CẬN
PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Thủy 234
 - THỊ TRƯỜNG VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT
Nhà phê bình Phan Cẩm Thượng 248
 - VẤN ĐỀ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐA DẠNG HOẠT ĐỘNG Ở CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA XÃ
PGS.TS. Võ Văn Thắng
TS. Nguyễn Trung Hiếu 255
 - MẤY SUY NGHĨ VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ HOẠT ĐỘNG VÀ SÁNG TẠO VĂN HÓA
GS.TS. Đinh Xuân Dũng 268
 - TƯ TƯỞNG VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI
PGS.TS. Nguyễn Thế Nghĩa
ThS. Trần Thị Châu 273
 - CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ VĂN HÓA, TIẾP THU TINH HOA VĂN HÓA NHÂN LOẠI
PGS.TS. Nguyễn Hữu Thức 285
 - ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TS. Trần Hữu Sơn 296
 - VĂN HÓA LÀ SỨC MẠNH NỘI SINH, ĐỘNG LỰC ĐỂ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM HIỆN NAY
TS. Trương Thị Mai 309

PHẦN THỨ HAI

**THAM LUẬN CỦA CÁC BAN, BỘ, NGÀNH,
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM,
CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, LIÊN HIỆP HỘI,
HỘI, HỌC VIỆN VÀ NHÀ TRƯỜNG** 319

- MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM THÔNG QUA TRIỂN KHAI CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC, CÁC CUỘC VẬN ĐỘNG, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 321
- TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

Nguyễn Văn Hùng 332
- PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA VÀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NGÀY CÀNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN

Hoàng Đăng Quang 341
- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM

TS. Trần Tuấn Anh 352
- XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG VỤ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THEO HƯỚNG CHUYÊN NGHIỆP, HIỆN ĐẠI, LIÊM CHÍNH, PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Phạm Thị Thanh Trà 368
- XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ CỦA VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở VIỆT NAM

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 375
- LÀM TỐT CÔNG TÁC CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ TRẺ EM, TẠO NỀN TẢNG XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội 384
- TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG TRONG XÂY DỰNG VĂN HÓA GIAO THÔNG CHO THANH, THIẾU NIÊN - MỤC TIÊU VÀ ĐỘNG LỰC TRONG BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG TẠI VIỆT NAM

Bộ Giao thông vận tải 392

-
- TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA
Ủy ban Dân tộc 402
 - PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY
Tổng cục Chính trị - Bộ Quốc phòng 413
 - VĂN HÓA LÀ NỀN TẢNG, ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG, CHÍNH QUY, TINH NHUỆ, HIỆN ĐẠI
Trung tướng Trần Quốc Tỏ 425
 - VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 432
 - VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam 444
 - ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM VỚI CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VỀ CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA
Đài Truyền hình Việt Nam 453
 - HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN VÀ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 460
 - HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM VỚI PHONG TRÀO XÂY DỰNG GIA ĐÌNH NÔNG DÂN VĂN HÓA, GÓP PHẦN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
Hội Nông dân Việt Nam 473
 - ĐỂ VĂN HÓA, VĂN NGHỆ “SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI”
PGS.TS. Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân 482
 - MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐOÀN KẾT, TẬP HỢP ĐỘI NGŨ VĂN NGHỆ SĨ CHUNG SỨC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC
PGS.TS. Nguyễn Thế Kỷ 492

- TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG MỚI
Nhạc sĩ Nông Quốc Bình 503
- VĂN HỌC VIỆT NAM VÀ SỰ XÁC LẬP NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA VIỆT
Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều 513
- “ĐOÀN KẾT, DÂN CHỦ, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO”, ĐƯA NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU VIỆT NAM KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN
NSND. Trịnh Thúy Mùi 520
- NGHỆ THUẬT MÚA VIỆT NAM TRONG HÀNH TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM HÔM NAY
Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam 532
- ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU VIỆT NAM
PGS.TS. Trần Trí Trắc 542
- VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CA MÚA NHẠC DÂN GIAN CHĂM
PGS.TS. Nhạc sĩ Phan Quốc Anh 550
- MỸ THUẬT GÓP PHẦN VÀO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC
PGS.TS. Bùi Thị Thanh Mai 561
- XÂY DỰNG NỀN NHIẾP ẢNH VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC, GÓP PHẦN XÚNG ĐÁNG VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC
ThS.NSNA. Trần Thị Thu Đông 571
- KHƠI DẬY TIỀM NĂNG SÁNG TẠO CỦA ĐỘI NGŨ NGHỆ SĨ, NGƯỜI LÀM PHIM, GÓP PHẦN GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN BẢN SẮC VĂN HÓA, VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN TỘC
Hội Điện ảnh Việt Nam 577
- TIẾP TỤC XÂY DỰNG NỀN KIẾN TRÚC VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ BỀN VỮNG TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI
TS.KTS. Phan Đăng Sơn 595
- ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT TẠI THÁI LAN GÓP PHẦN GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA, TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
Nguyễn Ngọc Thìn 610

- PHÁT TRIỂN ÂM NHẠC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM TẠI PHÁP TỪ KHI ĐỔI MỚI TỚI NAY (1986-2021)
GS. Trần Quang Hải 622
- PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM QUA VIỆC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI
Trần Bá Phúc 631
- MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA CỦA KIỀU BÀO Ở NƯỚC NGOÀI CÓ THỂ THỨC ĐẨY TRONG THỜI GIAN TỚI
Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc 639
- VĂN HÓA LÀ NGUỒN LỰC NỘI SINH TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM
Học viện Báo chí và Tuyên truyền 645
- DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19, VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY
PGS.TS. Phạm Lan Oanh 657
- VĂN HÓA HUẾ VỚI VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH DI SẢN THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 54-NQ/TW NGÀY 10/12/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng
Nguyễn Anh Tuấn 667
- ĐẦU TƯ VĂN HÓA VÀ CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA - TIỀM LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC
TS. Lê Thị Ngọc Diệp 680
- BẢN SẮC VĂN HÓA NAM BỘ: VẤN ĐỀ KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG VĂN HÓA CON NGƯỜI VIỆT NAM VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ
PGS.TS. Lâm Nhân 689
- PHẦN THỨ BA*
- THAM LUẬN CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG** 695
- MỘT SỐ KẾT QUẢ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở HÀ GIANG
Tỉnh ủy Hà Giang 697

- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Tỉnh ủy Lai Châu 707
- ĐIỆN BIÊN VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG CON NGƯỜI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Tỉnh ủy Điện Biên 716
- ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC VĂN HÓA DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CAO BẰNG

Tỉnh ủy Cao Bằng 726
- ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, VĂN NGHỆ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Tỉnh ủy Lạng Sơn 738
- XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, TẠO ĐỘNG LỰC HIỆN THỰC HÓA KHÁT VỌNG ĐƯA LÀO CAI TRỞ THÀNH TỈNH PHÁT TRIỂN CỦA CẢ NƯỚC

Tỉnh ủy Lào Cai 745
- MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI SON LA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tỉnh ủy Sơn La 754
- MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI TRONG THỜI GIAN QUA

Tỉnh ủy Yên Bái 764
- BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA: NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG

Tỉnh ủy Tuyên Quang 772
- PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ CẤP QUỐC GIA, TẠO LỢI THỂ THỨC ĐẨY TỈNH BẮC KẠN PHÁT TRIỂN

Tỉnh ủy Bắc Kạn 781
- KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 33-NQ/TW NGÀY 9/6/2014 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

KHÓA XI VỀ “XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC” Ở TỈNH THÁI NGUYÊN	Tỉnh ủy Thái Nguyên	787
- TỈNH HÒA BÌNH VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA	Tỉnh ủy Hòa Bình	801
- BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA VÙNG ĐẤT TỔ, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH PHÚ THỌ	Bùi Minh Châu	810
- XÂY DỰNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI VĨNH PHÚC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRONG TÌNH HÌNH MỚI	Tỉnh ủy Vĩnh Phúc	816
- BẮC GIANG TỔNG KẾT THỰC TIỄN, NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN “CÁC QUAN NIỆM XÃ HỘI HIỆN NAY VỀ CHÂN, THIỀN, MỸ, ĐỨC VÀ TÀI”, GÓP PHẦN THỰC HIỆN HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT SỐ 33-NQ/TW NGÀY 9/6/2014 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XI VỀ “XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC”	Tỉnh ủy Bắc Giang	824
- BẢO TỒN GIÁ TRỊ VĂN HÓA, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG; ĐẦU TƯ, KHAI THÁC NGUỒN LỰC VĂN HÓA; XÂY DỰNG CON NGƯỜI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH: GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	Tỉnh ủy Bắc Ninh	834
- MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA GIÀU BẢN SẮC QUẢNG NINH GẮN VỚI THU HẸP NHANH KHOẢNG CÁCH GIÀU - NGHÈO VÀ CHÊNH LỆCH VÙNG MIỀN TRONG TỈNH	Tỉnh ủy Quảng Ninh	844
- MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TRONG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC VÀ THÀNH PHỐ	Thành ủy Hải Phòng	855

- PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA XỨ ĐÔNG, XÂY DỰNG CON NGƯỜI HẢI DƯƠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN

Phạm Xuân Thăng 865
- TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG HÙNG YÊN TRỞ THÀNH TRUNG TÂM DI SẢN VĂN HÓA ĐẶC SẮC TẠI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ CẢ NƯỚC

Nguyễn Hữu Nghĩa 873
- ĐẢNG BỘ HÀ NỘI QUÁN TRIỆT SÂU SẮC, VẬN DỤNG SÁNG TẠO ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN VĂN HÓA CỦA ĐẢNG

Thành ủy Hà Nội 883
- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI HÀ NAM, KHƠI DẬY TINH THẦN YÊU NƯỚC, Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG, TỰ HÀO DÂN TỘC, TÍNH CỘNG ĐỒNG VÀ KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN

Tỉnh ủy Hà Nam 891
- NAM ĐỊNH ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA LÀNH MẠNH, GÓP PHẦN THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Tỉnh ủy Nam Định 900
- TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC, PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA QUÊ HƯƠNG THÁI BÌNH

Tỉnh ủy Thái Bình 910
- XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI NINH BÌNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TRONG THỜI ĐẠI MỚI

Tỉnh ủy Ninh Bình 920
- XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI TẠO NỀN TẢNG TINH THẦN, SỨC MẠNH NỘI SINH ĐỂ XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA TRỞ THÀNH CỰC TĂNG TRƯỞNG MỚI Ở KHU VỰC PHÍA BẮC CỦA TỔ QUỐC

Tỉnh ủy Thanh Hóa 930
- PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA XỨ NGHỆ, XÂY DỰNG CON NGƯỜI VĂN HÓA, GIA ĐÌNH VĂN HÓA NGHỆ AN, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Tỉnh ủy Nghệ An 942

-
- CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA CÁC KHU DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN GẮN VỚI XÂY DỰNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH HÀ TĨNH
Tỉnh ủy Hà Tĩnh 952
 - ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG BÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI, NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA
Tỉnh ủy Quảng Bình 959
 - BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA, LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG CON NGƯỜI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG TRỊ
Tỉnh ủy Quảng Trị 966
 - GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP
Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế 975
 - XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỒNG BỘ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ, CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG CON NGƯỜI ĐÀ NẴNG VĂN MINH, THÂN THIỆN, LÀM NỀN TẢNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ AN BÌNH, ĐÁNG SỐNG, HÌNH THÀNH CÁC GIÁ TRỊ BẢN SẮC RIÊNG, PHÙ HỢP VỚI TRUYỀN THỐNG, LỊCH SỬ, VĂN HÓA CỦA NGƯỜI ĐÀ NẴNG
Thành ủy Đà Nẵng 980
 - TIẾP TỤC PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA, TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN, XÂY DỰNG QUẢNG NAM THÀNH TỈNH PHÁT TRIỂN KHÁ VÀO NĂM 2030
Tỉnh ủy Quảng Nam 993
 - CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
Tỉnh ủy Bình Định 1004
 - VĂN HÓA - NGUỒN LỰC, ĐỘNG LỰC NỘI SINH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC
Phạm Đại Dương 1012
 - GẮN KẾT CHẶT CHẼ, HÀI HÒA GIỮA XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA
Tỉnh ủy Khánh Hòa 1019

- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG XÂY DỰNG VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI NINH THUẬN, TẠO NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tỉnh ủy Ninh Thuận 1026
- TIẾP TỤC PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở BÌNH THUẬN

Tỉnh ủy Bình Thuận 1032
- XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở GIA LAI

Tỉnh ủy Gia Lai 1043
- KẾT QUẢ VIỆC TRIỂN KHAI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG, CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, KẾT LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA TRONG THỜI GIAN QUA; MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Tỉnh ủy Đắk Lắk 1055
- KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA - ĐẶC TRƯNG SINH THÁI BẢN ĐỊA TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN - HƯỚNG ĐI BẢO TỒN, PHÁT HUY BỀN VỮNG CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

Tỉnh ủy Đắk Nông 1063
- NÂNG CAO VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG VIỆC BẢO TỒN, GIỮ GÌN BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở LÂM ĐỒNG HIỆN NAY

Tỉnh ủy Lâm Đồng 1068
- KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA XI) VỀ “XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Tỉnh ủy Bình Phước 1080
- XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC: THỰC TIỄN Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tỉnh ủy Bình Dương 1089

- TỈNH ỦY ĐỒNG NAI LÃNH ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, KẾT LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Tỉnh ủy Đồng Nai 1104
- THỰC TIỄN VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ CỦA ĐẢNG TRONG CÔNG TÁC VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU - NHỮNG KẾT QUẢ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu 1116
- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TÂY NINH

Tỉnh ủy Tây Ninh 1124
- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI ĐỒNG BỘ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ, LÀM NỀN TẢNG CHO THÀNH PHỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh 1134
- TẬP TRUNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, TẠO ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ, ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở TỈNH LONG AN

Tỉnh ủy Long An 1145
- CHĂM LO SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, TẠO SỨC MẠNH NỘI SINH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Tỉnh ủy Tiền Giang 1160
- VĨNH LONG NỖ LỰC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

Tỉnh ủy Vĩnh Long 1166
- XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

Tỉnh ủy Trà Vinh 1180
- PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, CON NGƯỜI AN GIANG - QUÊ HƯƠNG CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG

Tỉnh ủy An Giang 1190

- THÀNH PHỐ CẦN THƠ GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC
Thành ủy Cần Thơ 1201
- TỔNG KẾT THỰC TIỄN TRONG THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG, CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, KẾT LUẬN CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA TRONG THỜI GIAN QUA
Tỉnh ủy Hậu Giang 1208
- NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA, HOÀN THIÊN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA TỪ TỈNH ĐẾN CƠ SỞ
Tỉnh ủy Sóc Trăng 1221
- VĂN HÓA VIỆT NAM SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI: THỰC TIỄN TẠI CÀ MAU
Tỉnh ủy Cà Mau 1227

KỶ YẾU
HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG



MÃ ĐỊNH DANH
KỶ YẾU

LƯU HÀNH NỘI BỘ